5000

HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

5000
HOÀNH PHI CÂU ĐỐI
HÁN NÔM

NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh
Tel & Fax: (04) 7733041
Email: sach32bt@hn.vnn.vn
Website: www.nhasachdongtay.com.vn

5000
HOÀNH PHI CÂU ĐỐI
HÁN NÔM

漢喃橫批對聯五千副

Chủ biên
TRẦN LÊ SÁNG

Biên soạn
TRẦN LÊ SÁNG — PHẠM ĐỨC DUẬT
PHẠM KỲ NAM — NGÔ VƯƠNG ANH *(thư ký)*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

學而善習才淵博

行不爭豪藝致精

陳黎創

七十歲從心興發
國家重此
名利輕之
百年春衛道存忘心

乙酉年春

桐江范德儒書

棲旭橋邊石筆寫青天此地實長存文獻

玉山寺外玄劍沉綠水其人真好愛和平

河内劍湖

范奇楠作

文章為錦繡

學問是金銀

陳黎創書

壬午年春

祖国壮雄英战绩功成铭青史

江山新喜色富强幸福许春天

桐江范德儁書

西湖景趣歌謠冒煙茫耿濃霜譯本

對天然感作　奇楠書

冬日堪稱笑傲孤松當寒泠

春天可愛清騷瘦梅帶玉霜

文道雙而進
志德并以行

吳王英題

Lời tựa

Năm 2002, bộ sách *3000 hoành phi câu đối Hán Nôm* do chúng tôi biên soạn, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin xuất bản, được đông đảo độc giả, nhất là những độc giả cao tuổi hoan nghênh, góp nhiều ý kiến quý báu và đề nghị bổ sung. Hội đồng biên soạn đã dành nhiều thời gian, sức lực để thực hiện đề nghị ấy. Nay sách đã biên soạn xong, chúng tôi tham cứu lời tựa của bộ *3000 hoành phi câu đối Hán Nôm* và bổ sung thêm một số ý cần thiết để gửi đến bạn đọc những thông tin mới.

Hoành phi 橫披 vốn là bức thư họa 書畫 (tranh chữ), có khi còn gọi là Hoành 橫, là Biển 匾; hoặc gọi là Biển ngạch 匾額. Bài biển 牌匾; dùng để treo phía trên bình phong 屏風 trong phòng sách, hoặc treo ở nhà mát trong vườn hoa... Về sau, Hoành phi được viết là 橫批[1], được dùng rộng rãi hơn.

Ở ta, hoành phi có thư họa, có treo để thờ. Hoành phi thư họa tự viết hoặc xin chữ người khác, để vừa thưởng thức chữ vừa tự nhắc nhở mình về một tín niệm gì đó. Loại hoành phi này thường treo hoặc dán ở phòng khách, phòng sách, phòng ở. Đại thể thường viết là: Tích thụ kim hoa, Xuân hòa cảnh lệ, Xuân phong mặc vận, Xuân thị ngã, Lan thất hương, Thụ đức, Chính tâm v.v... Nhưng trong thực tế, phần lớn các gia đình bút nghiên thường nghèo, nhà chật, không có phòng riêng rộng, vì vậy người ta không chơi hoành phi nữa mà chơi đại tự; chữ treo, dán chỉ một chữ, thường là chữ hòa, chữ tâm, chữ nhẫn, chữ đức v.v... Nhưng hoành phi ở ta chủ yếu là để treo ở những nơi thờ cúng như ở nhà thờ họ; ở đình, chùa, đền, miếu, quán...

Ở nhà thờ họ: Thường họ để trước, sau là chữ *từ đường*, hoặc *tộc từ đường*. Ví dụ:

Nguyễn từ đường 阮祠堂

---

[1] Chữ *phi* 批 này có khi đọc là *phê*: *phê bình* 批評.

Nguyễn tộc từ đường 阮族祠堂

Nếu có sự tích thì thêm hoành phi khác, như:

Quang khuê tảo 光奎藻

Hoành phi ở đình: Thường là tên đình; tiếp đến là:

Thánh cung vạn tuế 聖躬萬歲

Uy mạc trắc 威莫測

Đức nan danh 德難名

Hoành phi ở chùa: Thường là tên chùa; tiếp đến là:

Từ vân biến phú 慈雲遍覆

Hoằng khai phật đạo 弘開佛道

Vạn pháp quy tâm 萬法歸心

Hoành phi ở đền: Thường là tên đền; tiếp đến là:

Thượng đẳng linh từ 上等靈祠

Phối thiên kỳ trạch 配天其澤

Cao sơn cảnh hành 高山景行[1]

Hoành phi ở miếu: Giống hoành phi ở đền; nhưng ở Văn miếu, Võ miếu, Y miếu thì có khác; đặc biệt, ở miếu thờ Mẫu thì thường là:

Khôn nghi tại 坤儀在

Mẫu nghi thiên hạ 母儀天下

Thiên hạ mẫu 天下母

Mai hoa cung quảng 梅花宮廣

Hoành phi thờ Tổ các nghề cũng có nét riêng:

Nam giao học tổ 南郊學祖

Viên nhi thần 圓而神[2]

Viên cơ hoạt pháp 圓機活法

Hoành phi ở quán: Quán ở đây là quán Đạo. Quán Đạo ở ta nay còn một số quán như Bích Câu quán, Chân Vũ quán, Huyền Thiên quán, Đồng Thiên quán, Đế Thích quán v.v... Hoành phi thường thấy là:

---

[1] Hoành phi ở đền Hùng, có nghĩa là: Núi cao đường lớn.

[2] Hoành phi thờ Tổ của thợ tiện ở Thiết Trụ, Bình Minh, Châu Giang.

Thiên thượng xưng thần 天上稱神

Phần Kinh tại hội 芬經在會

Nếu mở rộng khái niệm hoành phi, chúng ta còn có thể lưu ý đến cả những chữ đề ở cổng làng. Chữ đề ở cổng làng thường là:

Như kiến đại tân 如見大賓 (Như gặp khách quý)

Tân chí như quy 賓至如歸 (Khách đến như về nhà)

Lai giả viễn 來者遠 (Vui như đón bạn ở xa đến)

Cổng làng và chữ đề ở cổng làng cũng là một trong những đặc sắc văn hóa dân tộc ta.

v.v...

Nội dung của hoành phi là nghiêm túc, dù hoành phi để ở nhà thờ hay hoành phi để ở nhà riêng cũng vậy. Thế nhưng dần dần, hoành phi cũng trở thành sinh hoạt văn hóa bình thường trong dân gian và cũng có chuyện vui[1].

*

Câu đối còn gọi là Doanh thiếp 楹帖, Doanh liên 楹聯, Đối liên 對聯. Doanh là cột, thiếp là tờ giấy, liên là liên kết; đối là đi đôi, song song, một cặp đối xứng. Nhân dân ta rất thích câu đối, hai chữ Câu đối là chữ của bà con ta. Thời xưa, Câu đối (Đối liên), còn được gọi là liên, là liễn. Liễn là hai tấm giấy, hoặc vóc, lụa dài dùng để viết câu đối, có nẹp trục để cuộn. Vào ngày đầu năm mừng Tết, mừng xuân mừng Đảng; hoặc khi đám cưới, sinh con... đều có câu đối. Vui vì cảnh đẹp, ca ngợi đất nước, dân tộc, dòng họ;

---

1 Chuyện kể rằng, có làng buôn mang lễ vật đến xin cụ Tam nguyên Yên Đổ (Nguyễn Khuyến) bức hoành phi để treo ở đình, cầu buôn bán phát đạt. Cụ lấy bút viết bốn chữ Nhi đại tự, trông giống như bốn cái bừa. Làng buôn không hiểu, xin Cụ viết cho bức khác. Cụ bảo: Chẳng còn chữ nào hay hơn nữa. Làng buôn thắc mắc, sao bức hoành phi lại rặt các chữ Nhi 而. Cụ nói: Làng đi buôn là mong có lãi. Sách Tam tự kinh dạy rằng: "nhất nhi thập, thập nhi bách, bách nhi thiên, thiên nhi vạn", chẳng phải làng mong được "Một rồi mười, mười rồi trăm, trăm rồi nghìn, nghìn rồi vạn" đấy ư!
Lại có chuyện rằng, làng Đặng Xá dựng đình, cho người đến xin cụ Tam bức hoành phi để thờ Thành hoàng. Cụ viết bốn chữ *Quang bị tứ biểu* 光被四表. Bốn chữ này lấy ở thiên *Nghiêu điển*, chương *Ngu thư*, sách *Thượng thư (Kinh Thư)*; có nghĩa là Đức sáng khắp bốn cõi. Nhưng làng này lại là làng làm nghề hàng xáo; bức hoành *Quang bị tứ biểu* hiểu theo nghĩa Nôm lại là Quang dây bị đó đi khắp bốn phương, tức việc dân làng này quang bị đi các nơi mua thóc về làm hàng xáo vậy.

tuyên dương sự học, tuyên dương đạo nghĩa... đều có câu đối. Trong đình, đền, miếu, chùa, quán, lăng tẩm, nhà học, di tích... càng phải có câu đối. Chúc thọ, chúc nhà mới, cơm mới, cửa hàng mới, thờ Tổ ngành nghề, thi đỗ, thi hỏng... cũng có câu đối. Phúng viếng cũng không thiếu được câu đối phúng (văn). Đến giao thiệp, ứng xử, ngoại giao... vẫn rất cần câu đối; v.v... Câu đối phải được kể là một trong những loại hình văn hóa rất phổ biến ở nước ta.

Câu đối hòa hợp một cách sâu sắc nhất, hài hòa nhất giữa văn chương kinh viện với văn học bình dân. Đặc biệt, có lẽ hơi khác với các loại hình văn học khác, câu đối nước ta hình như không phải đi từ truyền miệng đến thành văn, mà ngược lại, chuyển từ thành văn sang truyền miệng. Bỏ qua một giai đoạn rồi lại gia vào một giai đoạn, điều đó là nhờ có sẵn các điều kiện vậy. Nhưng đó là dưới dạng lý luận, còn trong thực tế, các giai đoạn nói trên cứ xen kẽ lẫn nhau. Nhìn chung, câu đối nước ta có loại đầy điển tích kinh điển, có loại vừa vừa, có loại viết như nói. Có không ít những đôi câu đối viết cầu kỳ, song cũng có không ít những đôi viết mộc mạc; có câu viết để treo, để dán; nhưng cũng có câu chỉ đọc, xong thôi. Câu đối có thể là viết để cung kính biếu tặng, có thể viết để cho, thậm chí bắt lấy, bắt nghe. Câu đối có thể xin, nhưng có khi phải mua. Giống như tranh dân gian, câu đối cũng có thể là hàng hóa, bầy bán ở chợ, viết bán theo yêu cầu của khách... Hình thức thật muôn mầu muôn vẻ, xen kẽ trăm mối, khó nói sao hết được văn hóa câu đối muôn hồng nghìn tía trong sinh hoạt của nhân dân ta.

Chúng ta thử điểm một số nét chính về nội dung và nghệ thuật của câu đối nước ta:

Trước hết, nói đến câu đối là phải nói đến câu đối Tết:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ;

Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.

Có là bao! Ba vạn sáu ngàn ngày, được trăm cái Tết;

Ước gì nhỉ! Một năm mười hai tháng, cả bốn mùa Xuân.

Hoặc chữ Hán thì có:

Sổ điểm đào hoa tri văn tuế;

Nhất hương địa bỉnh báo tân xuân.

(Mấy đoá hoa đào hay tết đến;

Một làn bếp bánh báo xuân về)

Đào lý mãn viên tân phú quý;

Xuân huyên lưỡng thụ cựu xuân thơ.

(Con cháu đầy nhà thêm phú quý;

Mẹ cha hai vị vẫn vui tươi)

Đó là kiểu câu đối Tết thời xưa, nay thì tư duy đã đổi mới:

Vẽ bức tranh Xuân: lợn béo gà to ứng ý vợ;

Để câu đối Tết, khoai sai lúa tốt đẹp tình chồng.

Bài hát Kết đoàn, Bác bắt nhịp núi sông cùng hát;

Câu thơ Chúc tết, Người gieo vần đất nước càng thơ.

Rộn rã Xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới;

Mừng vui Tết đến, non sông hoan hỉ buổi canh tân.

Ất Mão xuân liên ca thống nhất;

Bính Dần doanh thiếp khánh canh tân.

(Ất Mão (1975) câu đối tết vui ca tổ quốc thống nhất;

Bính Dần (1986) câu đối chúc mừng đất nước đổi mới)

Hoa mộc Xuân vũ diệm;

Phúc y Đảng ân sinh.

(Hoa tắm mưa Xuân nở;

Phúc nhờ Đảng mà sinh)

v.v...[1]

Tết xưa, tết nay, mầu sắc có hơi khác; câu đối Tết cũng có đổi mới; song cốt lõi vẫn là vui Tết mà viết. Báo chí nước ta, chỉ có dịp Tết mới in câu đối; câu đối với Tết có duyên nợ gắn bó đến như vậy. Thời xưa (và

[1] Phần lớn các câu đối dẫn trong bài này đều có ở phần văn bản.

rồi cả gần đây), cứ mỗi dịp Tết về, các ông đồ (và gần đây thì có cả bà đồ) lại bầy mực tầu giấy bản ra chỗ đông người để viết câu đối phục vụ mọi người. Có người hỏi chúng tôi về việc các ông đồ thời xưa viết câu đối Tết như là việc họ ăn mặc như thế nào, ngồi ở đâu, bút giấy ra sao... Chúng tôi không nói đến chi tiết nhưng có nói việc đọc vài khổ trong bài thơ *Ông đồ* gồm 5 khổ của nhà thơ Vũ Đình Liên làm năm 1937:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bầy mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay

Tết mà thiếu câu đối thì hình như chưa đủ Tết; nhưng cũng vì vậy, có khi nhân dịp Tết người ta dán câu đối để bộc bạch tình cảm của riêng mình, tình cảm đó chủ yếu là tình cảm đối với Tết, nhưng cũng có khi lấy Tết để nói việc khác. Việc nhỏ là vui buồn cá nhân, việc lớn là vui buồn có tầm xã hội, quốc gia... Chính vậy mà nội dung câu đối Tết rất phong phú, điều đó khó dùng lời mà nói hết được, mong bạn đọc xem sách này rồi tự tìm hiểu thêm.

Câu đối nước ta cũng dành nội dung không nhỏ cho việc ngợi ca cảnh sắc đất nước, danh lam thắng tích nơi nơi:

Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ; từ đây tới đó, đất đai ta muôn thuở vẹn toàn;

Cà Mâu bãi rộng, Lạng Sơn rừng dầy; ngoài Bắc trong Nam, non nước cũ ngàn năm thống nhất.

Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản sông Đà, non nước vẫn quay về đất tổ;

Văn minh đương buổi mới, con Hồng cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mộ ông.

Cửa phật mở mang, bia đá ghi tên chùa Bích Động;
Sân trời mát mẻ, chuông vàng nức tiếng cảnh Linh Lâu.
Đỏ đào Nhật Tân, đỏ sóng sông Hồng; xuân đẹp thế, nét xuân Hà Nội;
Xanh nước Hồ Tây, xanh cây Hoàn Kiếm; tốt vui thay, vẻ đẹp Thăng Long.

Câu đối chữ Hán viết về phong cảnh lại càng nhiều:

Trấn Quốc diễm truyền, Nhị nguyệt Nùng vân danh thắng địa;
Yên Hoa hưng đổ, Âu phong Á vũ thái bình thiên.

(Trấn Quốc đẹp truyền, trăng sông Nhị, mây núi Nùng, đất danh thắng;
Yên Hoa hưng vận, gió châu Âu, mưa châu Á, trời thái bình).

Địa ái Nậm Sơn, đài viết linh, chiểu viết linh, Vạn An thắng cảnh;
Đàn danh Niệm Thiện, trắc hồ thử, giáng hồ thử, thiêng cổ linh từ[1].

(Đất quý Nậm Sơn, đài rằng thiêng, ao rằng thiêng, Vạn An cảnh đẹp;
Đàn lừng Niệm Thiện, lên nơi đó, xuống nơi đó, ngàn thuở đền thiêng)

Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí
Lục Đầu vô thủy bất thung thanh

(Ở Vạn Kiếp, có núi ắt đều có khí kiếm;
Nơi Lục Đầu, không sông nào không có tiếng đóng cọc)

Hùng Lĩnh thiên thu tiên chính khí;
Thao Giang nhất trận chấn kỳ công.

(Hùng Lĩnh ngàn thu nêu chính khí;
Thao Giang một trận dấy kỳ công)

v.v...

Ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), hiện còn giữ được gần ba nghìn bản thần tích bằng chữ Hán; tương ứng với số Thần tích ấy là số nơi thờ thần ở các nơi; mà những nơi này mới chỉ

---

[1] Câu đối ở chùa Nậm Sơn, xã Vân Diên, Nam Đàn, Nghệ An. Không có trong bộ sách này.

kể từ Nghệ An trở ra, nếu tính cả nước thì nhiều hơn nhiều. Đó mới chỉ là nơi thờ thần; các chùa, quán, tháp và các di tích khác chưa kể; nếu kể gộp lại thì con số phải rất lớn. Ở những nơi này thường có câu đối, các cơ quan hữu quan hiện đang cố gắng sưu tầm, sau này có dịp, chúng ta có thể được đọc những bộ câu đối dành riêng cho nội dung về phong cảnh, di tích danh thắng.

Ngoài hai nội dung trên, người xưa làm câu đối còn có một yêu cầu không thể thiếu được; đó là việc biểu dương công đức người trước, ca ngợi thành tích người đương thời, khuyến khích điều thiện. Nói chung, đây là loại câu đối có nội dung về phương diện học tập, tu dưỡng. Loại câu đối này có ở khắp các đình, đền, chùa; và đặc biệt ở các nhà thờ họ, ở các văn chỉ, văn miếu các nơi. Chúng tôi chỉ xin dẫn một số câu:

Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;
Hùng triều hộ quốc, đức hóa vạn niên tư[1].
(Đức lớn yên dân, lòng cùng ngàn xưa thịnh;
Hùng triều giúp nước, đức hóa vạn năm thờ)

Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo; chung tu hữu báo;
Thiên tri, địa tri, nhĩ tri, ngã tri; hà vị vô tri[2].
(Thiện báo, ác báo, chậm báo, nhanh báo; đến cùng đều có báo;
Trời biết, đất biết, anh biết, tôi biết; sao bảo không ai biết)

Huynh hữu đệ cung, nãi quân tử tu thân chi bản;
Lễ môn nghĩa lộ, vi đại nhân thiệp thế chi phương.
(Anh hiền em kính, ấy cái gốc tu thân của người quân tử;
Lễ theo nghĩa giữ, đây là phương pháp vào đời của bậc đại nhân)

Phúc địa tâm điền nghi mỹ quả;
Hiền tôn hiếu tử tức danh hoa.
(Đất phúc ruộng tâm nên quả đẹp;
Cháu hiền con thảo được hoa thơm)

---

[1] Câu đối đình Mộ Chu, phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, Phú Thọ.
[2] Các câu đối dẫn có trong sách này, chúng tôi không chú.

Tổ công tông đức thiên niên thịnh;

Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.

(Công tổ đức tông ngàn năm thịnh;

Con hiếu cháu hiền vạn đời lên)

Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập;

Thánh tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng.

(Đạo tựa lối đi, được đường thì vào;

Thánh tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên).

Câu đối có nội dung giáo dục, không ít câu còn muốn vươn lên hình thức châm ngôn, ví dụ:

Bất căng uy ích trọng

Vô tư công tự cao

(Không kiêu uy càng lớn

Vô tư công tự cao)

Tâm thanh hà cụ quỷ

Khí thuận bất tùy tiên

(Lòng sáng sợ gì quỷ

Khí thuận chẳng cần tiên).

v.v...

Nếu chia tỷ mỷ hơn, câu đối có nội dung học tập, tu dưỡng còn có thể xếp theo loại thờ thành hoàng, văn miếu, văn chỉ, Văn Xương Đế, vũ miếu, Vũ Đế, Đức Thánh Trần, điện Mẫu, dược miếu, quán các (chia ra nhiều loại), chùa tháp (cũng chia ra nhiều loại), huệ phúc, cầu tự, thủy thần, tài thần, nhà thờ họ (chia làm nhiều bậc); ngoài ra, từ ngoài vào còn xếp thành môn liên, tiền, trung, hậu v.v...; mỗi nơi lại có nội dung hơi khác.

Cuối cùng chúng tôi muốn nói đến loại câu đối có nội dung chúc mừng, thăm viếng.

Câu đối chúc mừng:

Hơn bảy chục năm qua, có Đảng dẫn đường, dân tộc Việt ngẩng đầu cùng bốn biển;

Ngoài năm lăm thu ấy, Bác Hồ chỉ lối, nước non Hồng rạng mặt với năm châu.

Xưa, câu đối chúc mừng gọi là Khánh hạ liên; cuối lạc khoản thường có hai chữ *Trang hạ*. Nhân dân ta có tập quán là anh em bà con, bạn bè, xóm giềng có việc vui thì đến chúc mừng, trong lễ mừng có câu đối. Có khi mình tự mừng mình. Câu đối mừng có thể tự viết, cũng có thể nhờ người khác viết (gọi là xin câu đối); hoặc ra phố mua.

Mừng ông Tiên chỉ:

Đám công danh có chí thì nên, ơn làng giấy trắng, ơn vua giấy vàng, chiếu trung đình ngất ngưởng ngồi trên; ngôi Tiên chỉ cũng là rất đáng;

Nhờ phúc ấm sống lâu lên lão, anh cả bàn năm, anh hai bàn sáu, dàn tiểu tử xênh xang múa trước, tranh Tam đa ai khéo vẽ nên.

(Nguyễn Khuyến)

Mừng thi đỗ:

Nhị giáp do năng khôi, đề phẩm bất hư danh hạ sĩ;

Nhất bảng tịnh tứ đệ, giang sơn tằng lão nhãn trung nhân[1].

(Đỗ Nhị giáp như đỗ đầu, tiếng đồn hay chữ quả không sai;

Một bảng đều cho đỗ cả, sông núi mắt đã quen lâu rồi)

Khoá lãng đăng long môn, thâm tuyệt chúng lưu cao tuyệt lĩnh;

Khoá hoa đáo quỳnh uyển, hoàng vi thu cúc, bạch vi mai[2].

(Cá chép vượt sóng lên cửa rồng, đương ở chỗ cực sâu vọt lên đỉnh núi;

Xem hoa đến vườn quỳnh, sắc vàng là thu cúc, sắc trắng là hoa mai)

---

[1] Câu đối Vũ Phạm Hàm mừng Nguyễn Thượng Hiền đỗ Hoàng giáp. Ý nói Nguyễn Thượng Hiền được tiếng hay chữ, nhưng thực ra chỉ đáng đỗ thứ hai.

[2] Câu đối Nguyễn Thượng Hiền mừng Vũ Phạm Hàm đỗ Thám hoa. Vũ Phạm Hàm và Nguyễn Thượng Hiền đỗ cùng khoa Nhâm Thìn (1892). Câu này ý nói Vũ Phạm Hàm xuất thân hèn kém, mà nay vượt lên được. Còn việc mình đỗ hạng Thứ thì cũng như các loài hoa; hoa cúc mầu vàng, hoa mai mầu trắng, đều đẹp cả.

Xảo tá thiên công, quyệt tá thiên công, trực tương tân khổ thí tài hoa, cơ cơ phụ bát thập niên tiền thư kiếm trái;

Kỳ đích nhân vật, khoái đích nhân vật, nghĩ bả văn chương hoàn tạo hóa, hảo hảo khan thiên vạn lý ngoại phong vân trình[1].

(Khéo là thợ trời, giả dối thợ trời, cứ đem cay đắng thử tài hoa, thiếu chút phụ nợ kiếm thư ngoài tám mươi tuổi;

Lạ thay cho ông, vui thay cho ông, thích lấy văn chương trả nợ đời, vừa đúng lúc xem đường mây trên ngàn muôn dặm).

Mừng đám cưới:

Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hòa hợp;

Chúc con có bạn, nghĩa đá vàng muôn thuở sắt son.

Chữ Hán:

Hoa đường sơ vịnh Thư Lân cú

Tú các tân biên Bác nghị thư

(Phòng hoa bắt đầu ngâm câu Thư, Lân[2];

Gác gấm soạn mới sách Bác nghị[3])

Tú các đăng minh uyên ương tịnh lập;

Trang đài chúc lệ phỉ thúy đồng thê.

(Gác gấm đèn sáng, đôi uyên ương kề vai;

Trước bàn trang điểm ánh nến đẹp, cặp phỉ thúy sóng đôi)

Dịch viết càn khôn định hĩ;

Thi vân chung cổ lạc chi.

(Kinh Dịch chép rằng: dương âm đã định rồi;

Kinh Thi nói là: chuông trống làm cho vui)

Mừng thọ:

Tính ông hay, hay tửu hay tăm, hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa, dù đã bảy mươi còn khoẻ mạnh;

---

[1] Phan Bội Châu mừng Đoàn Tử Quang, 82 tuổi thi đỗ Cử nhân. Khoa thi ấy (Canh Tý - 1900), Phan Bội Châu đỗ Thủ khoa.

[2] *Thư, Lân*: Tức bài thơ *Quan thư* ở *Chu Nam, Quốc Phong, Kinh Thi*; viết về tình yêu nam nữ; bài *Lân chi chỉ* (còn gọi *Lân chi*) cũng ở *Chu Nam, Quốc Phong, Kinh Thi*; viết về con cháu đông đúc và đều có tài.

[3] *Bác nghị*: Sách của Lã Tổ Khiêm đời Tống, bàn về thơ tình yêu.

Nhà ông có, có bầu có bạn, có ván cơm sôi, có nồi cơm nếp,
mở ra một tiệc thấy linh đình.

(Nguyễn Khuyến)

Chữ Hán:

Hoa giáp phùng xuân, tửu ánh thanh khâm, xuân cộng túy;

Thái sơn chúc thọ, ca truyền Bạch tuyết, thọ tần thiêm.

(Sáu mươi gặp xuân, rượu ánh tuổi xanh, xuân càng say nữa;

Trăm tuổi chúc thọ, hát ca vui vẻ, thọ được nhiều thêm)

Đào hoa kết tử tam thiên tuế;

Xuân thụ phu vinh bát thập xuân.

(Hoa đào ra quả ba nghìn tuổi;

Cây xuân rậm rạp tám mươi xuân)

v.v... Ngoài ra còn có câu đối mừng nhà mới, mừng mở cửa hàng..., ở đây chúng tôi xin không dẫn tiếp, mong các bạn tự xem trong sách này. Chúng tôi chỉ muốn nói thêm rằng, cùng với câu đối chúc mừng còn có câu đối đề vịnh, đề tặng; ví như câu đối của Bà Huyện Thanh Quan vịnh chén uống trà có vẽ cảnh sơn thủy:

In như thảo mộc trời Nam lại;

Đem cả sơn hà đất Bắc sang.

Câu đối Cao Bá Quát vịnh điếu cầy:

Ra tay cầm cán sôi trong nước;

Ngậm khói phun mây sạch bụi trần.

Câu đối vua Lê Thánh Tông tặng hàng nước:

Nếp giầu quen thói kinh cơi, con cháu nương nhờ vì ấm;

Việc nước ra tay chuyển bát, bắc nam đâu đấy lại hàng.

Câu đối ông Nghè Nguyễn Quý Tân tặng Tổng đốc hồi hưu Nguyễn Công Trứ:

Giang sơn tóm lại đôi sân khấu[1];

---

[1] *Đôi sân khấu:* Có người giải thích là chỉ việc Nguyễn Công Trứ khai phá, mở mang hai huyện Kim Sơn, Tiền Hải.

Văn vũ đem ra một khúc cầm[1].

Câu đối khen tác phẩm *Phạm Công Cúc Hoa*:

Trạng nguyên tám tuổi thơm trời Việt;

Sứ sự mười năm khét đất Ngô.

v.v... Trong một số sách chép câu đối xưa, khi phân loại nội dung câu đối chúc mừng, người biên soạn thường chia rất nhỏ. Đại thể thường chia ra là: Chúc tết, Nguyên tiêu, Đề tặng, Tự đề, Vạn thọ, Văn quan thọ, Vũ quan thọ, Phong quân thọ, Tăng thọ, Đạo thọ, Nam thọ, Nữ thọ, Song thọ, Nam Tứ thập thọ, Nam Ngũ thập thọ, Nam lục thập thọ, Nam Thất thập thọ, Nam bát thập thọ, Nam Cửu thập thọ, Nam Bách tuế thọ; Nữ lục thập thọ (cho đến bách tuế thọ); Tân hôn (chia ra từng tháng, từ tháng Giêng đến tháng Chạp); Hạ Tam nguyên, Hạ Bảng nhãn, Hạ Thám hoa, Hạ Hàn lâm, Hạ Tiến sĩ, Hạ Vũ Tiến sĩ, Hạ Văn cử, Hạ Vũ cử, Hạ sinh tử, Hạ sinh tôn, Hạ sinh tằng tôn. Chúc mừng: Nhà mới, Mở cửa hàng: Hàng Sách, Hàng Bút, Hàng Mực, Hàng Giấy, Khắc chữ, Vẽ, Hàng Vàng, Hàng Bạc, Hàng Mũ, Hàng Giầy, Hàng Vải, Thợ may, Hàng Đoạn, Hàng Gấm, Hàng Tơ, Hàng Quạt, Hàng Lọng; Quán rượu, Quán cơm rượu, Quán trọ, Hiệu thuốc, Hiệu cắt tóc; Thầy bói, Thầy tướng, Thầy số; v.v..., còn chia rất nhỏ nữa. Biên soạn câu đối với nội dung chia nhỏ như vậy không phải là việc quá khó, nhưng biên soạn bộ 5000 câu đối Hán Nôm này, chúng tôi quả thực chưa muốn mất công quá nhiều cho việc chia nhỏ như vậy; nhắc đến việc ấy, chúng tôi chỉ muốn nói đến bình diện rất rộng, câu đối rất nhiều ở nội dung chúc mừng.

Câu đối Thăm viếng, xưa gọi là Phúng, chữ Hán gọi là Ai văn, không nhiều bằng câu đối Chúc mừng, nhưng số lượng cũng không phải ít; và đặc biệt, có nhiều câu hay.

Câu đối Nguyễn Khuyến khóc vợ:

Lão cũng đã mừng thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quai cồng, tất tả chân đăm đá chân chiêu, vì lão đỡ đần trong mọi việc;

---

[1] *Một khúc cầm*: Chỉ việc lúc hàn vi, Nguyễn Công Trứ vì quá hâm mộ cô đào Xuân Nga mà đi làm kép.

Bà đi đâu vội bấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đũa chạm tay chén, cùng ai kể lể chuyện trăm năm.

Câu đối chữ Hán Bùi Hữu Nghĩa khóc vợ:

Ngã bần khanh năng trợ, ngã oan khanh năng minh, triều quận giai xưng khanh thị phụ;

Khanh bệnh ngã bất dược, khanh tử ngã bất táng, giang sơn ưng tiếu ngã phi phu.

(Ta nghèo mình giúp đỡ, ta oan mình kêu oan, trong triều ngoài quận đều khen mình thật đáng là vợ;

Mình ốm ta không có thuốc, mình chết ta không về đưa tang, sông núi phải cười ta chẳng xứng là chồng).

Câu đối Đỗ Đình Liêu viếng Đặng Toán:

Phương náo Hoan chi thăng, hồ kỳ hạc quy, quy Thúy Hạc;

Khởi dữ Ninh hữu ước, hưu tương hồng ấn, ấn Lam Hồng.

(Mới nghe tin đồn ông thăng quan vào châu Hoan, sao ông vội cưỡi hạc về, về núi Thúy Sơn, núi Hồi Hạc;

Hay là với tỉnh Ninh Bình có hẹn ước, ông không đem dấu chân chim hồng, chim hạc vào in ở Lam Giang, Hồng Lĩnh).

Câu đối viếng Tống Duy Tân:

Tiểu Bạch bá Tề, sinh Quản Trọng;

Đại Nguyên diệt Tống, tử Thiên Tường.

(Tiểu Bạch làm vua nước Tề, Quản Trọng được sống[1];

Nhà Nguyên diệt nhà Tống, Thiên Tường phải chết[2]).

Câu đối Phan Bội Châu viếng Tôn Trung Sơn:

---

[1] Tiểu Bạch khi lưu vong, mấy lần bị Quản Trọng đuổi giết; khi Tiểu Bạch về làm vua nước Tề tức Tề Hoàn Công, xây dựng nước Tề hùng mạnh, không giết Quản Trọng mà còn với đến giúp.

[2] Thiên Tường tức Văn Thiên Tường, người đời Tống, nhà Nguyên diệt Tống, giết Văn Thiên Tường. Thiên Tường có bài *Chính khí ca* nổi tiếng. Đôi câu đối này do văn thân đương thời viếng liệt sĩ Tống Duy Tân bị giặc Pháp xử tử ngày 3 - 9 - 1892 ở Thanh Hóa.

Chí tại tam dân, đạo tại tam dân, ức Hoành Tân Trí Hoà Đường lưỡng độ ác đàm, trác hữu chân thần di hậu tử;

Ưu dĩ thiên hạ, lạc dĩ thiên hạ, bị đế quốc chủ nghĩa giả đa niên áp bức, thống phân dư lệ khấp tiên sinh[1].

(Chí ở tam dân, đạo ở tam dân, nhớ hai lần nói chuyện ở Trí Hòa Đường Hoành Tân, để lại tinh thần cho người chưa chết;

Lo vì thiên hạ, vui vì thiên hạ, bị nhiều năm áp bức do bọn đế quốc chủ nghĩa, cùng dành nước mắt để khóc tiên sinh).

Một số câu đối viếng bằng chữ Hán như câu đối Văn thân Nghệ Tĩnh viếng Phan Đình Phùng (1895), Phan Bội Châu viếng Nguyễn Thượng Hiền (1925), v.v... đều là những đôi câu đối nổi tiếng. Loại câu đối này có tình cảm lớn lao và sâu dậm, nghệ thuật điêu luyện được đặt trên nền ấy; về điều này, chúng tôi tự cảm thấy quá sức khi muốn nói cho đầy đủ, mong bạn đọc tự thể hội nhiều mặt. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nhắc lại một đôi câu đối chữ Hán ở nội dung viếng; mà theo chúng tôi, có lẽ đây là đôi câu đối chữ Hán thuộc thời kỳ cuối của loại câu đối này. Đó là đôi câu đối Tôn Quang Phiệt viếng Hoàng Văn Hành (Giám Hành), người Hoàng Trù, Nam Đàn, Nghệ An (1942):

Tức tích niên cung kiếm bão hùng tâm, Bồ Lư thất trước, Yên Thế cùng đồ, vãng sử du du, hận bất chích thân phong mã cách;

Thả kim nhật tang thương vô định cục, Ngư Hải trường trì, Sào Nam vĩnh quyết, tiền đồ diểu diểu, đãn tương quỵ lệ trích hồ khâu.

(Nhớ năm xưa cung kiếm mạnh hùng tâm, Bồ Lư thất bại, Yên Thế cùng đường, xem sử mịt mù, giận chẳng bọc thây trong da ngựa;

Và ngày nay bể dâu không định cuộc, Ngư Hải từ trần, Sào Nam tạ thế, đường dài bối rối, này đem nước mắt rưới hang hổ).

Sau thời gian này, câu đối phần nhiều viết bằng chữ Nôm hoặc chữ Quốc ngữ.

---

[1] Tôn Trung Sơn là lãnh tụ Trung Hoa dân quốc, mất năm 1925.

Nói đến nội dung câu đối, còn một phương diện nữa cũng phải nhắc đến; đó là loại câu đối chủ yếu viết cho vui, người xưa gọi là Tạp liên. Ví như những câu:

Gió tựa tường ngang, lưng gió phẳng;

Trăng nhòm cửa sổ, mắt trăng vuông.

Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá, trông về Lập Thạch;

Quan Tứ Kỳ đi xe bốn ngựa, vâng mệnh trời, ra trị Thừa Thiên.

Quân tử cố cùng, quân tử cùng, quân tử cố;

Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm[1].

v.v... Đây là loại câu đối vui, thường gọi là chơi chữ; có lúc bí chữ phải đối liều:

Ra: Thần Nông giáo dân nghệ ngũ cốc[2].

Đối: Thánh sâu gươm quan gừng tam cò

v.v... Đặc biệt, ở câu đối Nôm, việc chơi chữ càng hết sức đặc sắc; đây là nét nổi bật của nghệ thuật câu đối nước ta mà chúng tôi sẽ nói thêm dưới đây.

*

* *

Câu đối ở nước ta có từ bao giờ, điều ấy thật khó biết cụ thể; nhưng dựa vào thể đối trong thơ phú cổ nước ta, có thể nghĩ rằng câu đối ở nước ta có khá sớm, chí ít là có từ thời Tiền Lê, thế kỷ thứ X. Đến đời Trần thì câu đối đã đạt nghệ thuật điêu luyện qua giai thoại đối đáp của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Sau đó có câu đối của bà Nguyễn Thị Bích Châu, bà phi của vua Trần Duệ Tông, qua bộ

---

[1] Chữ Hán đôi câu này có nghĩa: Bậc quân tử bền chí lúc khốn cùng, quân tử càng khốn cùng càng kiên cường; Khổng Minh bắt thả, Khổng Minh thả rồi Khổng Minh lại bắt (Mạnh Hoạch). Nhưng chữ nghĩa ở cả hai vế đều đã bị Nôm hóa, nghĩa cũng khác hẳn đi.

[2] Vế này có nghĩa: Thần Nông dạy dân trồng ngũ cốc. Nhưng vế đối lại đối chan chát bằng Nôm; đọc vế đối chẳng có nghĩa gì, nhưng suy ngẫm vẫn có cái gì đó ý tại ngôn ngoại.

Truyền kỳ tân phả của Đoàn Thị Điểm. Đến đời Lê, câu đối Nôm dấy lên rực rỡ, đặc biệt giai thoại đối Nôm của vua Lê Thánh Tông. Vào cuối đời Lê, câu đối đã được sưu tầm, tìm hiểu qua một số trước tác của Lê Quý Đôn; đến đời Nguyễn, câu đối đạt đỉnh cao, nhất là câu đối Nôm; nổi bật có Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Quý Tân, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, v.v...; trong đó, Nguyễn Khuyến đáng được tôn vinh là vua câu đối, đặc biệt là câu đối Nôm. Có lẽ kể từ bấy giờ, câu đối đã vượt ra khỏi quy phạm mà đi vào dân gian; ca dao có câu:

Người như cây gỗ xoan đào
Em như câu đối dán vào được chăng

Câu đối đã hoà nhập vào sinh hoạt dân gian đến như vậy.

Nói về cách làm câu đối, đại thể chia làm ba loại:

1. Loại tiểu đối, mỗi vế có bốn chữ trở xuống:

Hoa nghênh hỷ khí;
Điểu xướng xuân quang[1].

2. Loại thi đối (đối thơ), mỗi vế có trên bốn chữ; nếu là năm chữ hoặc bẩy chữ thì câu đối giống hai câu thực hoặc hai câu luận (câu 3, 4 và 5, 6) của thơ Đường luật:

Tổ quốc xuân thường tại
Thần châu nguyệt chính viên[2].

Kiếm một cơi trầu thưa với cụ;
Xin đôi câu đối để thờ ông.

3. Loại phú đối (đối phú), đặt câu theo thể Đường phú. Mỗi vế có năm chữ trở lên, chín chữ trở xuống đặt liền, gọi là phép Song quan (Hai cửa); mỗi vế có hai câu dài ngắn cách ra, gọi là phép Cách cú (Cách câu); mỗi vế có ba đoạn trở lên; đoạn giữa ngắn xen vào giữa, gọi là phép Hạc tất (Gối hạc); ví dụ:

---

[1] Tạm dịch: Hoa chào sắc mới; chim ngợi xuân về.

[2] Tạm dịch: Tổ quốc xuân thường có; kinh đô nguyệt đúng tròn.

1. *Tạc dạ xuân phong nhập hộ;*

   Kim triêu hỷ khí doanh môn[1].

2. *Ngói đỏ lợp nghè, lớp trên đè lớp dưới;*

   Đá xanh xây cống, hòn dưới nống hòn trên.

3. *Quan chẳng quan thì dân, chiếu trung đình ngất ngưởng ngồi trên, nào lềnh nào trường, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, củi nước làm sao, một năm mười hai tháng thảnh thơi, cái thủ lợn nhìn thấy đà nhẵn mặt;*

   Già chẳng già thì trẻ, đàn tiểu tử lau nhau đứng dưới, này phú này thơ, này đoạn một, hoành là thế, sổ là thế, bằng trắc là thế, ba vạn sáu ngàn ngày thấm thoắt, con mắt gà deo mãi cũng mòn tai.

Về luật bằng, trắc; loại tiểu đối, chữ cuối vế trên, dưới; bằng, trắc đối nhau; loại thi đối, giống luật thơ; loại phú đối, bằng trắc đối nhau ở chữ cuối đoạn (chữ đậu câu) và chữ cuối vế. Ở phép Cách cú và Hạc tất, chữ cuối vế là bằng thì chữ đậu câu là trắc và ngược lại. Tuy vậy, trong một số đôi câu đối cũng có sự ép vận, đó là loại khổ độc; dọc nghe trục trặc:

Mười mấy khoa còn gì, nhờ trời có phúc có phận;

Năm mươi tuổi thành tài, mừng ông càng dẻo càng dai.

Một đôi câu đối mà chữ cuối cùng vế trên và chữ cuối cùng vế dưới cùng một vần là Thất luật; ví dụ:

Lúa tám gặt chín tháng tám;

Nồi sáu mua năm quan sáu.

Câu đối làm đúng quy cách, chữ cuối vế trên vần trắc; chữ cuối vế dưới vần bằng. Khi treo câu đối, hướng đứng ngoài trông vào chỗ dán câu đối, chữ cuối vế bên tay phải vần trắc, vế kia vần bằng. Nhưng cũng có một số trường hợp, nếu vế trên do người khác ra mà chữ cuối là vần bằng, người buộc phải đối đành phải theo vần ra mà đối; ví dụ:

---

[1] Tạm dịch: Tối qua gió xuân nhập hộ; Sáng nay vui đến cửa nhà.

Ra: Trạng dở hay Trạng nguyên;

Đối: Khách quen hóa khách lạ.

(Chuyện Trạng Lợn)

Ra: Ba sĩ ngồi một kỷ, đội đức đế Nghiêu;

Đối: Một bách xách hai cung, đáng tài phụ bật.

v.v...

Về phép đối, nói chung là bằng, trắc đối nhau; ví dụ: *Kim kinh* đối là *Bảo kệ*; *Chu sa giới* đối là *Biển đại thiên*, v.v...; ngoài ra, về các loại từ như danh từ đối với danh từ, đại từ đối với đại từ, số từ đối với số từ...; ví dụ: *Nhất hoa hiển thụy* đối là *Ngũ diệp lưu phương*, *Cành biếc thiếp trông lên* đối là *Suối vàng chàng thác xuống*, v.v...; các câu lấy trong kinh điển đối nhau, thành ngữ, tục ngữ... đối nhau; ví dụ: *Thiên tích thông minh* đối là *Thánh phù công dụng* (Tam tự kinh); *Xắn váy quai cồng* đối là *Buông quần lá tọa*; *Lắm kẻ yêu hơn nhiều người ghét* đối là *Một câu nhịn là chín câu lành*, v.v... Trong câu đối cũng có câu đã viết là:

Ý thú hoành sinh thành xảo đối

Phương viên thích độ thị giai liên

Nghĩa là:

Ý thú nảy sinh thành đối khéo

Vuông tròn thích hợp được câu hay.

Đó là nói một cách nôm na, còn trong các sách dạy về phép đối xưa, chúng ta thấy chép một số phép đối như sau: 1. Chính đối. 2. Đích danh đối. 3. Đồng loại đối. 4. Dị loại đối. 5. Liên châu đối. 6. Song thanh đối. 7. Điệp vận đối. 8. Song nghĩ đối. 9. Liên cẩm đối. 10. Hồi văn đối. Tuy vậy, đó chỉ là quy cách để đối cho chỉnh, cho giòn, chọi chan chát; còn làm được đôi câu đối cho hay còn phải là cây bút sắc sảo, uyên bác, điêu luyện, có tâm. Người ta kể rằng, Cử nhân Nguyễn Tử Mẫn, người Ninh Bình, làm Tri huyện ở Hiệp Hòa, Bắc Giang; có hai vợ đều mất, nhưng con trai, con gái ông đều đã có con trai. Ông làm đôi câu đối:

Vợ cả vợ hai không vợ cả

Con trai con gái có con trai

Đôi câu đối này được lưu truyền và về sau có dị bản. Lại có chuyện rằng, con trưởng Tiến sĩ Bùi Ân Niên (Bùi Quế) là Bùi Thức, người Châu Cầu, Hà Nam khi sắp đi thi Hương mà đương có tang mẹ; mồng một tháng mười trường Nam thi mà đến ngày mồng năm tháng mười ông mới hết tang. Vậy là không được phép đi thi. Nhưng năm ấy có việc đại sự, triều đình hoãn thi đến ngày mười sáu tháng mười; thế là ông được dự thi. Trước khi đi thi vài ngày lại cưới vợ. Thi Hương năm ấy lấy tám mươi Cử nhân, Bùi Thức đỗ thứ tám mươi, cuối bảng. Nhưng khoa thi ấy (1897), phủ Thống sứ cho đặc cách lấy thêm hai Cử nhân nữa là người của phủ này, bởi vậy ông Bùi được đứng trên hai người, thoát cảnh đội bảng[1]. Lúc ăn mừng, Yên Đổ (Nguyễn Khuyến) có mừng đôi câu đối:

Thánh thượng diệc lân tài, cống viện trì lai tam ngũ nhật;

Khuê trung ưng phá tiếu, lang quân áp đắc kỷ đa nhân.

(Nhà vua ý thương tài, trường thi hoãn lại năm ba bữa[2];

Cô cử cười vỡ bụng, anh chàng đè được những bao người).

Trong câu đối của Yên Đổ, có nhiều câu hay tuyệt vời; ví như đôi câu đối chữ Hán mừng đám cưới:

Oanh dề phượng ngữ nghênh hoa trướng;

Nhạn vũ loan phi phất cẩm bình[3].

Nếu dịch theo chữ Hán, đôi câu đối này có nghĩa là:

Oanh kêu phượng hót chào trướng hoa;

Nhạn múa loan bay lay bình gấm.

Nhưng cái tài của Yên Đổ là đôi câu đối chữ Hán này lại có thể đọc thành Nôm và nội dung vẫn rất chỉ là mừng đám cưới:

Bình gấm phất phơ loan mó nhạn;

Trướng hoa nghiêng ngửa phượng đè oanh.

---

[1] Người xưa đi thi, coi hỏng còn hơn đội bảng.

[2] Năm ba là mười lăm; ý nói kỳ thi hoãn lại 15 ngày.

[3] Đôi câu đối này thấy có trong *Nguyễn Khuyến, tác phẩm*; Nxb Khoa học xã hội; Hà Nội; 1984; tr. 608. Không thấy có ở một số sách khác chép thơ văn Nguyễn Khuyến.

Còn nhiều câu đối khác của Yên Đổ như câu đối mừng cô Tư Hồng, câu đối tặng hàng thịt, câu đối tặng sư móm; câu đối làm giúp vợ thợ nhuộm khóc chồng, vợ thợ rèn khóc chồng, vợ chú Khách không chồng,v.v... đều làm hết sức tài tình.

Đôi câu đối Tú Xương làm tặng cô hàng cau dưới đây cũng là câu hay:

Thiếp vì lòng trắng không thay hạt;

Khách muốn môi son phải mượn mầu.

Đôi câu đối của vua Đồng Khánh làm sau đây cũng nói lên được bối cảnh một thời và được truyền tụng:

Võ tướng tiêu sầu duy hữu tửu;

Văn thần thoái lỗ cánh vô thi.

(Quan võ chỉ biết uống rượu giải buồn;

Quan văn càng không làm nổi thơ lui giặc).

Trên nhiều phương diện, nhiều bối cảnh, nhiều giai tầng khác nhau, câu đối đều có thể tham gia bằng nghệ thuật của mình. Chữ nghĩa câu đối điêu luyện, nội dung miêu tả được nắm bắt một cách tinh nhanh, góc nhìn sắc bén... Tuy vậy, câu đối không phải chỉ giành riêng cho lớp thượng lưu, câu đối cũng rất gần với dân gian. Theo nhiều chuyện kể lại, đặc biệt là chuyện Trạng, việc đối đáp bằng câu đối thường là đối đáp miệng, không viết chữ hoặc không biết viết chữ. Như vậy, câu đối đã trở thành một trong những sinh hoạt văn hóa của nhân dân ta. Câu đối nước ta có đặc sắc riêng; dù là câu đối Hán hay câu đối Nôm; dù là câu rất ngắn hay câu rất dài; qua nội dung và nghệ thuật câu đối, chúng ta có thể tìm hiểu được nhiều vấn đề về lịch sử, văn học, ngôn ngữ... của dân tộc ta.

*

* *

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, tinh hoa di sản văn hóa nước ta đang được tiếp tục phục hồi, với những góc độ khác

nhau, việc tìm hiểu và viết câu đối đang là yêu cầu của đông đảo bà con ta. Câu đối có câu đối chữ Hán, câu đối chữ Nôm và câu đối chữ Quốc ngữ; trong bộ sách *5000 hoành phi, câu đối Hán Nôm* này, chúng tôi chỉ giới thiệu câu đối Hán Nôm. Mục đích là giúp thêm cho người muốn tìm hiểu hoặc viết câu đối cổ, có trong tay một số tư liệu thông dụng để tham khảo; ngoài ra, với học sinh, giáo viên, nhà nghiên cứu, người ham thích câu đối..., bộ sách này cũng có thể là sách đọc thêm lúc cần thiết.

Về hoành phi, chúng tôi chưa gặp ở sách nào có hoành phi bằng chữ Nôm, vì vậy chọn 350 bức viết bằng chữ Hán; việc chép lại, phiên âm, không phải là việc khó; nhưng dịch hoành phi thì rất khó, chúng tôi cố gắng dịch ý, mục đích là giúp bà con biết được nghĩa của bức hoành ấy.

Về câu đối chữ Hán, chúng tôi chọn hơn 4000 câu; ở mỗi câu có phần chữ Hán, phần phiên âm và phần dịch nghĩa. Ở phần chép chữ Hán, trừ trường hợp đặc biệt phải hiệu chỉnh, nói chung tôn trọng nguyên bản; phiên âm thì phiên đúng âm thông dụng. Dịch câu đối lại là việc hết sức khó; chúng tôi chọn phương án là câu nào dịch được như số chữ, âm điệu trong nguyên văn mà không mất nhiều ý thì cố gắng bám sát nguyên văn để dịch; câu nào khó dịch quá thì châm chước số chữ; với câu quá khó dịch thì đành phải dịch xuôi. Dù đã xoay trở đủ cách, nhiều câu dịch xong vẫn băn khoăn, mất ngủ. Dịch câu đối quả là hình phạt, nợ vì duyên; nhưng dịch câu đối (cũng như dịch thơ phú) mà câu nào, chữ nào cũng bỏ mặc thể cách cổ điển, đặc thù của thể loại này thì lại cảm thấy việc mình làm là tắc trách; mà thế, công việc cũng nhạt nhẽo, đối phó... Rồi lại nghĩ; viết đối dị, dịch đối nan... Bởi vậy, nếu bạn đọc xem qua phần chữ Hán, phần phiên âm; đến phần dịch mà mỉm cười, vậy là người dịch cũng coi như đã lập công chuộc tội được phần nào rồi vậy.

Về câu đối chữ Nôm, chúng tôi chọn hơn 400 câu. Câu đối chữ Nôm của ta có không ít, nhưng dạng chơi chữ như giai thoại Cô Điếm - Trạng Quỳnh hoặc như câu đối của Tú Xương, Yên Đổ thì nhiều; còn câu đối Nôm ở đình chùa đền miếu, nhà thờ... lại

hiếm; vì vậy, xem xét nhiều mặt về việc kết hợp một cách tương đối với yêu cầu của bộ sách này, chúng tôi châm chước tuyển với số lượng nói trên. Bởi số lượng câu đối Nôm tuyển không nhiều, vì vậy không chia theo chủ đề một cách tỷ mỷ; nhưng câu đối Nôm không xếp lẫn vào câu đối chữ Hán, mà để riêng hẳn lên trên, tức phần II, ngay sau phần Hoành phi. Câu đối Nôm, tất nhiên không phải dịch mà chỉ có việc chép chữ Nôm và viết lại bằng chữ Quốc ngữ. Khi biên soạn câu đối Nôm, việc khó khăn nhất là ở phần chữ Nôm. Chữ Nôm phổ thông[1], một chữ có thể viết theo hai ba cách; vậy trong một bộ sách, các chữ viết khác nhau lấy từ các nguồn khác nhau có nên chỉnh cho thống nhất không? Sau khi bàn bạc, ý kiến chung là với những chữ viết sai hẳn quy cách thì chỉnh lại, còn nữa nên cố gắng giữ theo nguyên bản. Việc chế bản chữ Nôm để đưa in; hiện nay, đây cũng là việc chúng tôi phải đầu tư nhiều tâm sức; nhưng đây là việc thuộc kỹ thuật chế bản, chúng tôi chỉ muốn nói thêm để bạn đọc thông cảm khi gặp một số chữ không như ý; vả chăng nội dung bộ sách này cũng không phải chủ yếu ở phương diện viết chữ.

Để giúp bạn đọc được thuận lợi hơn, phần câu đối chữ Hán, chúng tôi xếp theo 4 chủ đề; 4 chủ đề đó là: I. Câu đối Tết; II. Câu đối về phong cảnh; III. Câu đối về học tập và tu dưỡng; IV. Câu đối mừng và viếng. Tất nhiên, việc xếp theo bốn chủ đề này vẫn là việc xếp ở bình diện rộng; nếu xếp tỷ mỷ hơn, với chủ đề phong cảnh còn có thể chia làm phong cảnh núi sông, phong cảnh đình chùa đền miếu, phong cảnh thiên nhiên...; với chủ đề về mừng viếng có thể chia làm câu đối mừng, câu đối viếng; với câu đối mừng lại có thể chia làm câu đối mừng đám cưới, câu đối mừng thọ nhật, câu đối mừng nhà mới, câu đối mở cửa hàng...; với câu đối viếng lại có thể chia làm câu đối viếng nam, câu đối viếng nữ, tuổi tác... Nói chung, nếu kỹ tính, các chủ đề mà câu đối bao hàm có thể chia làm nhiều tầng lớp, đến mức rất hẹp. Nói thế để chúng ta càng biết thêm nội dung phong phú, đa dạng, sâu xa... của câu đối. Bởi vậy, việc xếp câu đối theo bốn chủ đề lớn của bộ sách này

[1] Ở đây, chúng tôi muốn phân biệt với chữ Nôm các dân tộc ít người.

chỉ là việc xếp một cách tương đối; mục đích không ngoài gợi ý cho bà con về cách thức, về ý tưởng trong việc học hỏi để làm, để sử dụng câu đối khi cần thiết.

Để giúp bạn đọc có thể tìm được các hoành phi câu đối một cách nhanh chóng, cuối sách có bảng *Sách dẫn*.

Nhóm biên soạn bộ *5000 hoành phi, câu đối Hán Nôm* này có các ông Trần Lê Sáng, Phạm Đức Duật, Phạm Kỳ Nam, Ngô Vương Anh; ông Trần Lê Sáng được nhóm biên soạn ủy nhiệm làm Chủ biên; Ngô Vương Anh làm Thư ký; ông Nguyễn Tất Hòa ở Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin cùng Nhà sách Đông Tây và nhiều bè bạn thân thiết đã hết sức nhiệt tình giúp đỡ. Qua nhiều Xuân thu, nhóm biên soạn đã cố gắng vượt nhiều khó khăn mà có lúc tưởng như không thể vượt qua được, kể cả việc khắc phục hoàn cảnh khó khăn của chính mình, tự vượt lên khả năng mình để làm việc... Nay bộ sách đã được hoàn thành, đóng góp của bộ sách này ra sao, điều đó còn phải chờ ý kiến của người đọc; song điều chúng tôi dám nói, đó là việc chúng tôi đã làm hết sức mình, đã làm với tinh thần chí thành, chí thiện vậy...

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2005

TRẦN LÊ SÁNG

Phần I

HOÀNH PHI



Cơ sở biên soạn

昔 樹 今 花

Tích thụ kim hoa.

Cây xưa hoa nay.

飲 思 源

Ẩm tư nguyên.

Uống nước nhớ nguồn.

光 前 垂 後

Quang tiền thùy hậu.

Làm sáng người trước, để phúc cho người sau.

祖 肇 孫 培

Tổ củng tôn bồi.

Tổ tiên gây dựng, con cháu bồi đắp.

不 哭 神 傷

Bất khốc thần thương.

Không khóc thần thương.

德 及 梓 里

Đức cập tử lý.

Đức tới quê cũ.

良 師 楷 模

Lương sư khải mô.

Thầy hay khuôn mẫu.

遺 訓 在 耳

Di huấn tại nhĩ.

Di huấn bên tai.

雖 死 猶 生

Tuy tử do sinh.

Chết như còn sống.

萬 古 長 青

Vạn cổ trường thanh.

Muôn thuở còn xanh.

名 遠 德 高

Danh viễn đức cao.

Tiếng xa đức cao.

駕 鶴 歸 仙
Giá hạc quy tiên.
Xe hạc về trời.

名 垂 千 古
Danh thùy thiên cổ.
Tên lưu thiên cổ.

清 白 一 世
Thanh bạch nhất thế.
Một đời thanh bạch.

母 儀 千 古
Mẫu nghi thiên cổ.
Mẫu nghi muôn thuở.

品 高 德 厚
Phẩm cao đức hậu.
Phẩm cao đức dày.

百 世 流 芳
Bách thế lưu phương.
Tiếng thơm trăm đời.

痛 仰 岳 尊
Thống ngưỡng nhạc tôn.
Đau nhớ ông nhạc.

桃 李 望 春
Đào lý vọng xuân.
Đào mận mong xuân.

光 明 磊 落
Quang minh lỗi lạc.
Quang minh lỗi lạc.

福 壽 無 量
Phúc thọ vô lượng.
Phúc thọ khôn lường.

雙 壽 無 邊
Song thọ vô biên.
Song thọ vô biên.

福 如 東 海

Phúc như Đông hải.

Phúc như biển Đông.

春 秋 不 老

Xuân thu bất lão.

Năm tháng chẳng già.

萱 草 長 春

Huyên thảo trường xuân.

Cây cỏ mãi xuân.

壽 衍 千 秋

Thọ diễn thiên thu.

Tuổi thọ ngàn năm.

福 海 壽 山

Phúc hải thọ sơn.

Phúc như biển, thọ như núi.

人 壽 年 年

Nhân thọ niên niên.

Người thọ lâu năm.

松 鶴 延 年

Tùng hạc diên niên.

Thọ như tùng hạc.

壽 同 松 柏

Thọ đồng tùng bách.

Thọ cùng tùng bách.

人 心 思 富

Nhân tâm tư phú.

Lòng người muốn giầu.

安 居 樂 業

An cư lạc nghiệp.

An cư lạc nghiệp.

萬 民 同 樂

Vạn dân đồng lạc.

Muôn dân cùng vui.

山 河 壯 麗
Sơn hà tráng lệ.
Non sông tráng lệ.

鳥 語 花 香
Điểu ngữ hoa hương.
Chim hót hoa thơm.

國 泰 民 安
Quốc thái dân an.
Nước thái dân yên.

興 旺 發 達
Hưng vượng phát đạt.
Hưng vượng phát đạt.

國 富 民 強
Quốc phú dân cường.
Nước giầu dân mạnh.

敬 老 愛 幼
Kính lão ái ấu.
Kính già yêu trẻ.

萬 象 更 新
Vạn tượng canh tân.
Muôn vẻ đổi mới.

風 和 日 麗
Phong hoà nhật lệ.
Trời đẹp gió hoà.

歡 度 春 節
Hoan độ xuân tiết.
Mừng đón tiết xuân.

喜 氣 盈 門
Hỷ khí doanh môn.
Khí lành đầy cửa.

萬 世 師 表
Vạn thế sư biểu.
Tiêu biểu cho đạo làm thầy của muôn đời.

道 冠 古 今

Đạo quán cổ kim.

Đạo này đứng đầu xưa nay.

德 參 天 地

Đức tham thiên địa.

Đức này sáng cùng trời đất.

集 大 成

Tập đại thành.

Thầy là bậc tập đại thành.

福 斯 文

Phúc tư văn.

Làm tốt đẹp nền tư văn.

古 今 日 月

Cổ kim nhật nguyệt.

Đạo lý của Khổng Tử vĩnh hằng như ánh sáng của mặt trời mặt trăng xưa nay.

河 海 標 異

Hà hải tiêu dị.

Thầy ra đời đánh dấu sự thay đổi lớn lao như sông biển.

萬 主 象

Vạn chủ tượng.

Tượng vạn chủ.

貝 葉 傳 芳

Bối diệp truyền phương.

Lá bối hương truyền.

和 且 平

Hoà thả bình.

Hoà lại bình.

聯 芳 續 焰

Liên phương tục diệm.

Thơm lâu sáng mãi.

錫 胤 祚

Tích dận tộ.

Cho nối phúc.

湛 露 豐 穰
Trạm lộ phong tương.
Sương nặng được mùa.

眞 靈 位
Chân linh vị.
Đúng ngôi thiêng.

眞 宰 最 靈
Chân tể tối linh.
Đúng quản tối linh.

慈 雲 遍 覆
Từ vân biến phú.
Mây lành che khắp.

根 深 葉 茂
Căn thâm diệp mậu.
Sâu rễ tốt lá.

大 哉 坤 圖
Đại tai khôn hạp.
Lớn thay khôn đóng.
(Triết thuyết cổ: Trời mở vào giờ Tý. Đất khép vào giờ Sửu).

並 山 海
Tịnh sơn hải.
Cùng non biển.

依 正 莊 嚴
Y chính trang nghiêm.
Giữ đúng trang nghiêm.

江 山 有 主
Giang sơn hữu chủ.
Giang sơn có chủ.

明 德 遠
Minh đức viễn.
Đức sáng xa.

佛 法 僧 寶
Phật Pháp Tăng Bảo.
Phật Pháp Tăng Bảo.

來 也 遠
Lai dã viễn.
Đến từ xa.

仁 爲 寶
Nhân vi bảo.
Nhân là quý.

德 惟 馨
Đức duy hinh.
Đức chỉ thơm.

其 間 名 世
Kỳ gian danh thế.
Trong khoảng danh thế.

革 虎 炳 文
Cách hổ bính văn.
Da hổ rực vằn.

馮 家 勳 將
Phùng gia huân tướng.
Tướng công huân họ Phùng.

德 始 發
Đức thủy phát.
Đức mới phát.

河 有 源
Hà hữu nguyên.
Sông có nguồn.

天 聖 降 塵
Thiên thánh giáng trần.
Thiên thánh giáng trần.

五 嶺 花 開
Ngũ lĩnh hoa khai.
Hoa nở Ngũ lĩnh.

用 敷 五 福
Dụng phu ngũ phúc.
Bố thí ngũ phúc.
(Phú quý thọ khang ninh).

洋 乎 如 在

Dương hồ như tại.

Coi như còn đó.

三 界 大 師

Tam giới đại sư.

Đại sư tam giới.

(Dục giới, sắc giới, vô sắc giới).

宛 然 仙 界

Uyển nhiên tiên giới.

Như trên cõi tiên.

佛 化 有 緣

Phật hóa hữu duyên.

Phật hóa có duyên.

洪 福 寺

Hồng phúc tự.

Chùa Hồng phúc.

大 師 在 祀

Đại sư tại tự.

Đại sư ở tế tự.

天 保 九 如

Thiên bảo cửu như.

Trời giữ cửu Như.

(Chúc Chín chữ Như trong Kinh Thi).

天 地 合 德

Thiên địa hợp đức.

Trời đất hợp đức.

普 慈 光 炤

Phổ từ quang chiếu.

Phổ từ sáng chiếu.

祥 光 遠 照

Tường quang viễn chiếu.

Ánh sáng lành chiếu xa.

普 德 慈 光

Phổ đức từ quang.

Đem đức phổ biến, làm sáng lòng từ.

金 蓮 寶 座
Kim liên bảo tòa.
Tòa sen vàng quý.

慈 光 譜 度
Từ quang phổ độ.
Ánh sáng từ phổ độ.

天 龍 獻 瑞
Thiên long hiến thụy.
Rồng hiến điềm lành.

護 明 珠
Hộ minh châu.
Minh châu hộ vệ.

德 合 坤 生
Đức hợp Khôn sinh.
Đức hợp Khôn sinh.

光 於 前
Quang ư tiền.
Sáng ở trước.

垂 於 後
Thùy ư hậu.
Rủ đến sau.

德 其 盛
Đức kỳ thịnh.
Đức ấy thịnh.

威 肅 風 雲
Uy túc phong vân.
Gió mây oai nghiêm.

萬 德 圓 彰
Vạn đức viên chương.
Vạn đức sáng đầy.

三 有 祭 胥
Tam hữu tế tư.
Tế tư tam hữu

陳 朝 顯 聖
Trần triều hiển thánh.
Hiển thánh triều Trần.

四 恩 總 報
Tứ ân tổng báo.
Bốn ân đều báo.

揚 德 建 武
Dương đức kiến vũ.
Nêu đức lập uy vũ.

爲 百 粵 祖
Vi Bách Việt tổ.
Là tổ Bách Việt.

桔 林 植 德
Quất lâm thực đức.
Quất lâm trồng đức.

慈 雲 遍
Từ vân biến.
Mây từ khắp chốn.

顯 其 光
Hiển kỳ quang.
Tỏ rõ ánh sáng.

涵 三 极
Hàm tam cực.
Chứa ba cực.
(Trời, đất, người).

洋 其 上
Dương kỳ thượng.
Mênh mông ở trên.

龍 德 中 正
Long đức trung chính.
Long đức ngay thẳng.

慶 雲 凝 蓋
Khánh vân ngưng cái.
Mây tốt ngưng che.

至 教 眞 如

Chí giáo chân như.

Chí giáo chân như.

仁 慈 廣 大

Nhân từ quảng đại.

Nhân từ quảng đại.

慧 光 照

Tuệ quang chiếu.

Minh mẫn chiếu sáng.

氣 高 星 漢

Khí cao tinh hán.

Khí cao ngân hán.

一 念 即 如 來

Nhất niệm tức Như lai.

Một niềm tin tức Như lai.

超 生 淨 度

Siêu sinh tịnh độ.

Siêu sinh tịnh độ.

上 等 累 嘉 封

Thượng đẳng luỹ gia phong.

Nhiều lần gia phong Thượng đẳng

崇 祠 永 典

Sùng từ vĩnh điển.

Đền tôn nghiêm giữ phép.

玉 祝 太 平

Ngọc chúc thái bình.

Ngọc chúc thái bình.

赫 濯 厥 靈

Hách trạc quyết linh.

Linh thiêng chói lọi.

佛 日 增 輝

Phật nhật tăng huy.

Trời, Phật tăng sáng.

太 極 元 氣

Thái cực nguyên khí.

Nguyên khí thái cực.

神 又 神

Thần hựu thần.

Thần của thần.

望 之 如 雲

Vọng chi như vân.

Ngóng đấy như mây.

聲 振 波 海

Thanh chấn ba hải.

Tiếng dậy biển sóng.

慈 仁 齋 潔

Từ nhân trai khiết.

Nhân từ trinh khiết.

騰 雲 駕 雨

Đằng vân giá vũ.

Đạp mây cưỡi mưa.

萬 古 江 山

Vạn cổ giang sơn.

Non sông muôn thuở.

蓮 座 生 香

Liên toạ sinh hương.

Toà sen sinh hương.

方 便 門

Phương tiện môn.

Cửa phương tiện.

神 格 思

Thần cách tư.

Nghĩ theo phong cách thần.

奉 先 思 孝

Phụng tiên tư hiếu.

Phụng dưỡng trước nghĩ hiếu.

護 法 龍 天
Hộ pháp long thiên.
Long thiên hộ pháp.

美 德 遺 風
Mỹ đức di phong.
Đức tốt nếp còn.

大 慈 大 悲
Đại từ đại bi.
Đại từ đại bi.

慧 光 遠 照
Tuệ quang viễn chiếu.
Trí huệ sáng chiếu xa.

濯 濯 厥 靈
Trạc trạc quyết linh.
Linh thiêng lừng lẫy.

正 統 水
Chính thống thủy.
Sông chính thống.

並 受 其 福
Tịnh thụ kỳ phúc.
Cùng nhận được phúc.

萬 古 英 靈
Vạn cổ anh linh.
Anh linh muôn thuở.

善 慈 心
Thiện từ tâm.
Lòng từ thiện.

神 功 莫 測
Thần công mạc trắc.
Thần công khôn lường.

聖 智 巧 功
Thánh trí xảo công.
Khéo công trí thánh.

赫 濯 聲 靈
Hách trạc thanh linh.
Tiếng thiêng lừng lẫy.

慈 航 普 濟
Từ hàng phổ tế.
Thuyền từ cứu giúp.

痛 失 知 音
Thống thất tri âm.
Đau mất tri âm.

教 誨 銘 心
Giáo hối minh tâm.
Lời dạy ghi lòng.

南 郊 學 祖
Nam giao học tổ.
Học tổ Nam Giao.

趙 越 王 祠
Triệu Việt Vương từ.
Đền vua Triệu Việt Vương.

青 蓮 寺
Thanh Liên tự.
Chùa Thanh Liên.

藏 書 教 子 孫
Tàng thư giáo tử tôn
Giữ sách dạy con cháu

玉 振 金 聲
Ngọc chấn kim thanh
Ngọc dội tiếng vàng

滿 堂 吉 慶
Mãn đường cát khánh
Đầy nhà lành vui

劍 膽 琴 心
Kiếm đảm cầm tâm
Gan kiếm lòng đàn

雲 外 山 河
Vân ngoại sơn hàn
Núi sông ngoài mây

德 厚 流 光
Đức hậu lưu quang
Dày đức sáng dài

青 雲 望 重
Thanh vân vọng trọng
Mây xanh vọng trọng

通 雲 門
Thông vân môn
Cửa mây thông

聽 雨 軒
Thính vũ hiên
Hiên nghe mưa

媚 香 樓
Mỵ hương lâu
Lầu con gái

福 果
Phúc quả
Quả phúc

萬 家 生 佛
Vạn gia sinh Phật
Phật sống của muôn nhà
(Chùa Ô. Quách, Miền Nam)

聖 德 無 疆
Thánh đức vô cương
Đức thánh vô bờ

浪 青 風 恬
Lãng thanh phong điềm
Sóng xanh gió lặng

功 不 禹 下
Công bất Vũ hạ
Công không dưới vua Vũ

閱 是 堂
Duyệt thị đường
Nhà diễn xuất
(Thành Nội, Huế)

主 處 聖 廟
Chúa xứ thánh miếu
Thánh miếu Chúa xứ
(Núi Sam, Châu Đốc, An Giang)

岳 降 精 英
Nhạc giáng tinh anh
Thái sơn giáng tinh anh
(Đền Và - Hà Tây)

生 而 爲 英
Sinh nhi vi anh
Sống là tinh anh
(Đền Và - Hà Tây)

南 天 聖 祖
Nam thiên Thánh Tổ
Thánh Tổ trời Nam
(Đền Và - Hà Tây)

南 越 肇 祖
Nam Việt triệu Tổ
Vị Tổ đầu tiên nước Nam Việt
(Đền Hùng - Phú Thọ)

雄 王 陵
Hùng Vương lăng
Lăng vua Hùng
(Đền Hùng - Phú Thọ)

高 山 景 行
Cao sơn cảnh hành
Núi cao đạo lớn
(Đền Hùng - Phú Thọ)

肇 基 王 跡
Triệu cơ vương tích
Di tích đức vua đầu tiên
(Đền Hùng - Phú Thọ)

厥 初 生 民

Quyết sơ sinh dân[1]

Lấy dân sinh ra đầu tiên

(Đền Hùng - Phú Thọ)

子 孫 保 之

Tử tôn bảo chi

Con cháu giữ lấy

(Đền Hùng - Phú Thọ)

雄 王 祖 廟

Hùng Vương Tổ miếu

Miếu tổ Hùng Vương

(Đền Hùng - Phú Thọ)

山 水 金 玉

Sơn thủy kim ngọc

Vàng ngọc núi sông

(Đền Hùng - Phú Thọ)

山 與 天 齊

Sơn dữ thiên tề

Núi cao bằng trời

(Đền Và - Hà Tây)

與 天 地 之 三

Dữ thiên địa chi tam

Là ba cùng trời đất

萬 古 英 靈

Vạn cổ anh linh

Anh linh muôn thuở

通 必 以 禱

Thông tất dĩ đảo

Cầu đảo tất hanh thông

(Chùa Dương Thanh - Thái Bình)

春 滿 人 間

Xuân mãn nhân gian

Xuân khắp trong dân

---

[1] Lấy nguyên chữ ở câu đầu bài Sinh dân, Đại Nhã, Kinh Thi.

歡 慶 豐 收

Hoan khánh phong thu

Vui chúc được mùa

(Nông dân)

承 風 破 浪

Thừa phong phá lãng

Cưỡi gió lướt sóng

(Tài sông nước)

移 風 易 俗

Di phong dịch tục

Đổi nếp đổi tục

(Văn hóa)

呼 風 喚 雨

Hô phong hoán vũ

Gọi gió gọi mưa

(Khí tượng)

如 見 大 賓

Như kiến đại tân

Như gặp khách quý

(Cổng làng)

女 中 王

Nữ trung vương

Vua trong nữ giới

(Miếu thờ Công chúa Lê Ngọc Hân)

繼 往 開 來

Kế vãng khai lai

Kế thừa xưa, mở ra tương lai

賓 至 如 歸

Tân chí như quy

Khách đến như về nhà

(Cổng làng)

勤 儉 持 家

Cần kiệm trì gia

Cần kiệm giữ nhà

城 鄉 互 助

Thành hương hỗ trợ

Thành phố quê hương giúp nhau

(Cổng làng)

春 催 桃 李

Xuân thôi đào lý

Xuân dục đào mận nở

(Tết)

魚 躍 鳶 飛

Như dược diên phi

Cá nhẩy diều lên

(Dán ở cửa hàng gần hồ lớn)

春 風 醉 我

Xuân phong túy ngã

Gió xuân say ta

任 重 道 遠

Nhậm trọng đạo viễn

Gánh nặng đường xa

(Cổng làng)

登 峰 覽 勝

Đăng phong lãm thắng

Lên đỉnh cao ngắm thắng cảnh

(Cổng làng)

大 地 似 錦

Đại địa tự cẩm

Đất rộng tựa gấm

(Nông trường)

生 意 興 隆

Sinh ý hưng long

Làm ăn thịnh vượng

大 鵬 展 翼

Đại bằng triển dực

Đại bằng tung cánh

(Mừng thi đỗ)

奼 紫 嫣 紅

Xá tử yên hồng

Tía đẹp hồng tươi

(Dán ở ký túc xá nữ)

萬 紫 千 紅

Vạn tử thiên hồng

Muôn tía ngàn hồng

學 海 泛 舟

Học hải phiếm chu

Thuyền bơi trong biển học

萬 眾 一 心

Vạn chúng nhất tâm

Muôn người một lòng

萬 眾 如 一

Vạn chúng như nhất

Muôn người như một

開 原 節 流

Khai nguyên tiết lưu

Mở nguồn, tiết kiệm nước chảy

爲 人 師 表

Vị nhân sư biểu

Bậc thầy của người

英 雄 輩 出

Anh hùng bối xuất

Anh hùng đời đời đều có

潘 平 章 祠

Phan Bình chương từ

Nhà thờ quan Bình chương họ Phan

(Thờ cụ Phan Huy Chú, Quốc Oai, Hà Tây)

兩 國 尚 書

Lưỡng quốc Thượng thư

Thượng thư hai nước

(Thờ cụ Nguyễn Sư Mạnh, Hà Tây)

來 者 善

Lai giả thiện

Người đến thiện chí

(Cổng làng)

來 者 遠

Lai giả viễn

Người đến là bạn ở xa[1]

(Cổng làng)

約 禮 門

Ước Lễ môn

Cổng làng Ước Lễ

(Cổng làng)

冠 冕

Quan miện

Mũ miện

(Cổng làng, chữ để từ trong làng đi ra)

直 行 道

Trực hành đạo

Thực hiện đạo một cách thẳng thắn

(Cổng làng Phùng Xá, Hà Tây)

出 入 亨 通

Xuất nhập hanh thông

Ra vào thông thoáng

(Cổng làng Linh Dương, Hà Tây)

登 高 覽 勝

Đăng cao lãm thắng

Lên cao ngắm cảnh đẹp

(Cổng đình làng Chàng, Thái Bình)

梅 綻 香 風

Mai trản hương phong

Mai nở gió thơm

---

(1) Lấy điển từ thiên Học nhi, sách Luận ngữ: "Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ!"; nghĩa là: Có bạn từ nơi xa đến, chẳng cũng vui sao!

雲 步 橋
Vân bộ kiều
Cầu Vân bộ
(Vân bộ: Đi trên mây)

通 天 街
Thông thiên nhai
Đường Thông trời

鳳 舞 湖
Phượng Vũ hồ
Hồ Phượng Vũ
(Hồ Chim phượng múa)

儼 若 思
Nghiễm nhược tư
Nghiêm trang suy nghĩ.

隨 緣
Tùy duyên
Tùy duyên

美 化 公 祠 門
Mỹ Hóa Công từ môn
Cửa đền Mỹ Hóa Công

舊 春 楊 亭
Cựu Xuân Dương đình
Đình xã Cựu Xuân Dương

祭 必 齋
Tế tất trai
Tế lễ chay tịnh

龍 飛
Long phi
Rồng bay

鳳 舞
Phượng vũ
Phượng múa

陳 聖 祠
Trần thánh từ
Đền đức thánh Trần

延 洪 殿
Diên Hồng điện
Điện Diên Hồng

玉 祖 金 神
Ngọc tổ kim thần
Tổ ngọc thần vàng

護 國 庇 民
Hộ quốc tí dân
Giúp nước cứu dân

瞻 之 在 前
Chiêm chi tại tiền
Ngưỡng mộ như ở trước mặt

如 在 其 上
Như tại kỳ thượng
Thánh như ở trên

浩 氣 長 垂
Hạo khí trường thùy
Anh khí để mãi

威 降 元 寇
Uy hàng Nguyên khấu
Uy hàng giặc Nguyên

親 品 靈 祠
Thân Phẩm linh từ
Đền thiêng Thân Phẩm

功 蓋 南 邦
Công cái Nam bang
Công lao trùm nước Nam

浩 氣 長 存
Hạo khí trường tồn
Anh khí chính đại còn mãi

東 阿 顯 聖
Đông A hiển thánh
Triều Trần hiển thánh

英 聲 如 在

Anh thanh như tại

Tiếng đẹp như còn

弘 濟 蒼 生

Hoằng tế thương sinh

Rộng lòng cứu giúp dân sinh

藤 江 忠 烈

Đằng giang trung liệt

Trung thần tiết liệt sông Bạch Đằng.

藥 嶺 威 靈

Dược lĩnh uy linh

Oai linh núi Dược

瑞 太 王 祠 門

Thụy Thái vương từ môn

Cửa đền Thụy Thái vương

忠 義 威 靈

Trung nghĩa uy linh

Trung nghĩa uy nghiêm thiêng liêng

福 成 寺

Phúc Thành tự

Chùa Phúc Thành

倫 常

Luân thường

Phép tắc chính thường

常 樂 我 淨

Thường lạc ngã tịnh

Luôn vui vẻ thì lòng ta trong sạch

慈 悲

Từ bi

Từ bi

智 慧

Trí tuệ

Trí tuệ

報 佛 恩 德

Báo Phật ân đức

Báo đáp ân đức của Phật

功 圓 果 滿

Công viên quả mãn

Công lao thành quả viên mãn

大 覺 世 尊

Đại giác thế tôn

Đức Phật giác ngộ

富 吉 亭

保 大 戊 寅 年 夏

Phú Cát đình

(Bảo Đại, Mậu Dần niên hạ)

Đình Phú Cát

(Mùa hạ năm Mậu Dần - 1938 - niên hiệu Bảo Đại)

日 月 依 光

保 大 十 三 年 仲 秋

Nhật nguyệt y quang

(Bảo Đại thập tam niên trọng thu)

Mặt trời mặt trăng nhờ theo ánh sáng

(Tháng tám, năm thứ 13, niên hiệu Bảo Đại - 1938)

山 河 並 壽

保 大 十 三 年 仲 秋

Sơn hà tịnh thọ

(Bảo Đại thập tam niên trọng thu)

Núi sông đều thọ

(Tháng tám, năm thứ 13, niên hiệu Bảo Đại - 1938)

嘉 興 王 府

Gia Hưng vương phủ

Vương phủ Gia Hưng

隨 遇 而 安

Tùy ngộ nhi an

Thuận theo cảnh ngộ an vui

養 正 園

Dưỡng chính viên

Vườn nuôi dưỡng chính khí

隆 福 寺

Long Phúc tự

Chùa Long Phúc

念 佛 堂 香 流

Niệm Phật đường hương lưu

Nhà niệm Phật như dòng chẩy thơm hương

慈 悲 喜 捨

Từ bi hỉ xả

Từ bi vui cho

佛 教 香 流

佛 曆 二 千 五 百 八 年 甲 辰 荷 月

Phật giáo hương lưu

(Phật lịch nhị thiên ngũ bách bát niên Giáp Thìn hà nguyệt)

Giáo lý của Phật như dòng chẩy thơm hương

(Tháng Sen năm Giáp Thìn, Phật lịch năm 2508)

功 德 莊 嚴

Công đức trang nghiêm

Công đức nghiêm trang

眞 如 是

Chân như thị

Chân thực như lẽ phải

順 化 寺

Thuận Hóa tự

Chùa Thuận Hóa

清 淨

Thanh tịnh

Trong sạch

莊 嚴

Trang nghiêm

Trang trọng nghiêm túc

日 月 無 心

嗣 定 癸 亥 年 季 冬

Nhật nguyệt vô tâm

(Khải Định, Quý Hợi niên, quí đông)

Ngày tháng vô lo

(Tháng 12, năm Quý Hợi (1923) niên hiệu Khải Định)

正 氣

Chính khí

Chính khí

忠 義 之 則

Trung nghĩa chi tắc

Phép tắc của lòng trung nghĩa

顯 聖 靈

成 泰 丁 未 季 夏 吉 日

Hiển thánh linh

(Thành Thái, Đinh Mùi quí hạ cát nhật)

Hiển hiện sự linh thiêng của bậc thánh

(Ngày lành tháng 6, năm Đinh Mùi, niên hiệu Thành Thái (1907))

乾 坤 正 氣

辛 酉 年 孟 春 吉 日

Càn khôn chính khí

(Tân Dậu niên, mạnh xuân cát nhật)

Chính khí của trời đất

(Ngày lành tháng giêng năm Tân Dậu - 1921)

居 廣 居

Cư quảng cư

Ở nơi đất rộng rãi

題 關 公 祠

嗣 德 庚 戌

Đề Quan Công từ

(Tự Đức, Canh Tuất)

Đề ở đền Quan Công

(Năm Canh Tuất, niên hiệu Tự Đức (1850))

宜 國 公 祠

敕 賜 保 大 孟 夏 吉 日

Nghi Quốc Công từ

(Sắc tứ - Bảo Đại mạnh hạ cát nhật)

Đền thờ Nghi Quốc Công

(Sắc vua ban - ngày lành, tháng tư, niên hiệu Bảo Đại)

建 祥 公 府

Kiến Tường công phủ

Phủ Kiến Tường Công

福 慧 寺

敕 賜 同 慶 丁 亥 九 月 吉 日 告 保 大 十 五 年 冬

Phúc Tuệ tự

(Sắc tứ - Đồng Khánh, Đinh Hợi cửu nguyệt cát nhật cáo. Bảo Đại thập ngũ niên đông)

Chùa Phúc Tuệ

(Sắc vua ban - ngày lành, tháng 9, năm Đinh Hợi niên hiệu Đồng Khánh - 18, mùa đông năm thứ 15, niên hiệu Bảo Đại - 1940)

綏 理 郡 公 祠

保 大 二 年 二 月 吉 日 造

Tuy Lý Quận công từ

(Bảo Đại nhị niên, nhị nguyệt, cát nhật tạo)

Đền thờ Quận công Tuy Lý

(Ngày lành tháng 2, năm thứ 2, niên hiệu Bảo Đại (1927) tạo dựng)

朱 門 祠

Chu Môn từ

Đền Chu Môn

怡 然 堂

Di nhiên đường

Nhà thảnh thơi

(Vườn Ngự uyển, Huế)

永 芳 軒

Vĩnh phương hiên

Hiên đón hương

(Vườn Ngự uyển, Huế)

錦 春 堂

Cẩm xuân đường

Nhà đón xuân

(Vườn Ngự uyển, Huế)

含 春 軒

Hàm xuân hiên

Hiên gửi xuân

(Vườn Ngự uyển, Huế)

滴 翠 山

Trích thúy sơn

Núi Trích thúy

(Vườn Ngự uyển, Huế)

仁 聲 八 表

Nhân thanh bát biểu

Tiếng nhân tám hướng

(Vườn Ngự uyển, Huế)

太 平 樓

Thái bình lâu

Lầu Thái bình

(Vườn Ngự uyển, Huế)

涼 亭 釣 魚

Lương đình điếu ngư

Đình mát câu cá

(Vườn Ngự uyển, Huế)

澄 光 榭

Trừng quang tạ

Nhà mát Trừng quang

(Vườn Ngự uyển, Huế)

正 清 和

Chính thanh hòa

Chính đại trong sáng hòa nhã

中 興 功 臣 祠

Trung hưng công thần từ

Đền thờ công thần Trung hưng

(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

北 南 勳 烈

Bắc Nam huân liệt

Nổi tiếng Bắc Nam

(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

簪 纓 易 世

Trâm anh dịch thế

Đời đời dòng dõi trâm anh

(Từ đường thờ Nguyễn Tú ở xã Phương Để, huyện Trực Ninh, Nam Định)

衣 缽 傳 家

Y bát truyền gia

Nếp nhà nối đời theo đạo Phật

(Từ đường thờ Nguyễn Tú ở xã Phương Để, huyện Trực Ninh, Nam Định)

風 輝 萬 嗣

Phong huy vạn tự

Phong tục, đạo đức tốt được phát huy, muôn đời được tôn thờ

(Đình Chương Dương, huyện Thường Tín, Hà Tây)

商 衡 周 宰

Thương Hành Chu Tể

Đức lớn như quan A Hành nhà Thương, quan Tể Phụ nhà Chu

(Đình Chương Dương, huyện Thường Tín, Hà Tây)

萬 古 江 山

Vạn cổ giang sơn

Núi sông muôn đời bền vững

(Đình Chương Dương, huyện Thường Tín, Hà Tây)

山 河 並 壽

Sơn hà tịnh thọ

Sông núi cùng tồn tại mãi mãi

(Cửa chùa Long Vân, Hà Tây)

南 國 尊 師

Nam quốc tôn sư

Bậc thầy tôn kính nước Nam

(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan)

流 光 殿

Lưu Quang điện

Điện Lưu Quang

(Điện thờ Chu Văn An ở thôn Vĩnh Lộc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

朱 公 祠

Chu Công từ

Đền thờ Chu Công

(Đền thờ Chu Văn An ở thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

南 國 儒 尊

Nam quốc Nho tôn

Bậc Nho tôn nước Nam

(Đền thờ Chu Văn An ở thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

誠 必 應

Thành tất ứng

Lòng thành tất cảm ứng

光 彩 生

保 大 二 十 年 孟 夏 之 月

Quang thái sinh

(Bảo Đại nhị thập niên mạnh hạ chi nguyệt)

Vẻ sáng sinh ra

(Bảo Đại năm thứ 20 tháng đầu mùa hạ)

瑞 氣 臨

Thụy khí lâm

Khí lành tụ lại

坤 德 長 垂

Khôn đức trường thùy

Đức quẻ Khôn rủ mãi

萬 德 圓 彰

Vạn đức viên chương

Vạn đức vẹn tròn rực rỡ

玉 簡 流 芳

Ngọc giản lưu phương

Giản ngọc tuôn thơm

立 於 世 道

Lập ư thế đạo

Đứng vững làm thế đạo

慈 雲 有 彩

Từ vân hữu thái

Mây từ đẹp vẻ

瓊 闕 珠 宮

Quỳnh khuyết châu cung

Cung khuyết châu ngọc

光 千 萬 德

Quang thiên vạn đức

Đức sáng muôn vàn

忠 聲 義 烈

Trung thanh nghĩa liệt

Trung thành, danh tiếng, nghĩa liệt

月 容 光

Nguyệt dung quang

Mặt trăng tỏa sáng

妙 殊 月

Diệu thù nguyệt

Trăng chiếu diệu huyền

西 湖 顯 跡

Tây Hồ hiển tích

Hiển tích Tây Hồ

(Phủ Tây Hồ, Hà Nội)

萬 物 同 春

Vạn vật đồng xuân

Muôn vật đều xuân

追 念 前 仁

啓 定 甲 子 冬

Truy niệm tiền nhân

(Khải Định Giáp Tý đông)

Nhớ mãi người xưa

(Mùa đông năm Khải Định Giáp Tý)

常 樂 我 淨

皇 朝 成 泰

Thường lạc ngã tịnh

(Hoàng triều Thành Thái)

Thường vui vì ta trong sạch

(Triều vua Thành Thái)

默 運 神 機

Mặc vận thần cơ

Lặng lẽ vận hành máy thần

多 聞 第 壹

Đa văn đệ nhất

Đứng đầu là lắng nghe

霑 俱 潔

Chiêm câu khiết

Thấm đậm sự thanh khiết

入 萬 人 家

Nhập vạn nhân gia

Vào tới vạn nhà

具 享 松 壽

Cụ hưởng tùng thọ

Hưởng thọ như cây tùng

聖 德 難 名

Thánh đức nan danh

Đức thánh khó gọi tên

忠 孝 傳 家

Trung hiếu truyền gia

Trung hiếu gia truyền

莫 量 測

Mạc lượng trắc

Không sao lường được

眾 妙 門

Chúng diệu môn

Cửa vào cõi huyền diệu

立 功 不 朽

Lập công bất hủ

Lập công còn mãi

弘 開 教 習

Hoằng khai giáo tập

Mở rộng dạy và học

思 不 忘

Tư bất vong

Nhớ mãi không quên

節 義 成 雙

保 大 丁 丑 夏 旬 番 拜 進

Tiết nghĩa thành song

(Bảo Đại Đinh Sửu hạ Tuần Phiên bái tiến)

Tiết nghĩa thành đôi

(Năm Bảo Đại Đinh Sửu, mùa hạ, Tuần Phiên bái tiến)

萬 古 英 風
Vạn cổ anh phong
Gió lành vạn thuở

萬 福 攸 同
Vạn phúc du đồng
Vạn phúc cùng tới

善 最 樂
Thiện tối lạc
Lòng lành thì rất vui

根 深 源 遠
Căn thâm nguyên viễn
Xa nguồn sâu rễ

配 天 其 澤
啓 定 己 未 秋
Phối thiên kỳ trạch
(Khải Định Kỷ Mùi thu)
Ơn trạch lớn sánh với trời
(Mùa thu năm Khải Định Kỷ Mùi)

本 乎 祖
甲 戌 春
Bản hồ tổ
(Giáp Tuất xuân)
Gốc từ cụ tổ
(Mùa xuân năm Giáp Tuất)

積 善 餘 慶
Tích thiện dư khương
Tích thiện, phúc lộc có thừa

自 天 降 康
Tự thiên giáng khang
Trời giáng an khang

善 同 歸
Thiện đồng quy
Việc thiện cùng quy về đây

忠 義 昭 彰
Trung nghĩa chiêu chương
Lòng trung nghĩa sáng rực

慈 航 普 渡
Từ hàng phổ độ
Bè từ chở khắp

萬 祿 富 強
Vạn lộc phú cường
Giàu mạnh muôn lộc

天 地 合 德
Thiên địa hợp đức
Trời đất hợp đức

德 行 千 古
Đức hạnh thiên cổ
Đức hạnh thiên cổ

致 坤 哉
Trí Khôn tai
Đức mẹ cao vời

恩 光 永 頌
Ân quang vĩnh tụng
Ân quang ca tụng mãi

大 德 敦 化
維 新 壬 子 秋 恭 進
Đại đức đôn hóa
(Duy Tân Nhâm Tý thu cung tiến)
Đức lớn giáo hóa
(Cung tiến mùa thu năm Duy Tân Nhâm Tý)

源 遠 流 長
Nguyên viễn lưu trường
Nguồn xa dòng không cạn

蘭 室 生 香
保 大 壬 午 春
Lan thất sinh hương
(Bảo Đại Nhâm Ngọ xuân)

Nhà lan sinh hương

(Mùa xuân năm Bảo Đại Nhâm Ngọ)

根 深 枝 茂

Căn thâm chi mậu

Rễ sâu cành tốt

配 彼 天

成 泰 癸 卯 冬 文 會 同 拜 進

Phối bỉ thiên

(Thành Thái Quý Mão đông, Văn hội đồng bái tiến)

Phối sánh với trời cao

(Văn hội cùng bái tiến mùa đông năm Thành Thái Quý Mão)

博 施 濟 眾

保 大 丁 卯 冬

Bác thi tế chúng

(Bảo Đại Đinh Mão đông)

Thi ơn rộng rãi, cứu độ muôn loài

(Mùa đông năm Bảo Đại Đinh Mão)

一 刻 千 金

Nhất khắc thiên kim

Một khắc nghìn vàng

萬 象 更 新

Vạn tượng canh tân

Vạn cảnh đổi mới

天 順 人 和

Thiên thuận nhân hòa

Trời thuận người hòa

Phần II

CÂU ĐỐI CHỮ NÔM

句對字喃



Đôi câu đối bằng chữ Nôm ở lăng Vua Hùng,
(Đền Hùng, Phú Thọ)

Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản, sông Đà, non nước vẫn quay về đất Tổ
Văn minh đương buổi mới, con Hồng cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mộ Ông.

教養人才嶺滝闖祿節
占炉民計坦諾萬芷春
Giáo dưỡng nhân tài, non sông muôn lộc Tết;
Chăm lo dân kế, đất nước vạn nhành xuân.

淸禮幅貞春坦諾闖紅千紫
增烜穹景節嶺滝姦色萬年
Lộng lẫy bức tranh xuân, đất nước muôn hồng ngàn tía;
Tưng bừng khung cảnh Tết, non sông trăm sắc vạn màu,

迍輒占炉產出經盈害了儉勤,迍輒節
罕務磊摸餒柚抌生能周到罕務春
Quanh năm chăm sản xuất, kinh doanh, khéo léo, kiệm cần, quanh năm Tết;
Bốn mùa giỏi chăn nuôi, trồng trọt, siêng năng, chu đáo, bốn mùa xuân.

學丐買忮條初共爰踰文明現代
除奸貪摳敝難決待跦落後韃難
Học cái mới, nhớ điều xưa, cùng vươn tới văn minh hiện đại;
Trừ gian tham, xua tệ nạn, quyết đẩy lùi lạc hậu nghèo nàn.

岦驏滝戠准准鞊花虺會籫
民覇諾孟暝暝通牒報信春
Núi rộng, sông dài, chốn chốn cỏ hoa vào hội mới;
Dân giàu, nước mạnh, ngày ngày thông điệp báo tin xuân.

吨沼春術坦諾迍嘲時擠籫
愣愜節錪嶺滝歡喜暝庚新
Rộn rã xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới;
Mừng vui tết đến, non sông hoan hỉ buổi canh tân.

拰義蠔於茂局戰斗空跦沒跐
褪志高虺陣跐長征庄管堆蹎
Mang nghĩa lớn ở đời cuộc chiến đấu không lùi một bước;
Lấy chí cao vào trận, bước trường chinh chẳng quản đôi chân.

重德貴才坦諾愣愜虺會籫
惵文孟武嶺滝鮮創烳肝初
Trọng đức quý tài, đất nước mừng vui vào hội mới;
Đẹp văn mạnh võ, non sông tươi sáng rạng ngàn xưa.

勝跡名藍瞥景強朕坦諾
奇山秀水吶悉決與嶽滝

Thắng tích danh lam, ngắm cảnh càng yêu đất nước;
Kỳ Sơn tú thuỷ, nhủ lòng quyết giữ non sông.

忠貝諾睜獨立自由𠊛捨身爲諾
孝貝民底廕餼幸福強篤力爲民

Trung với nước, giành độc lập tự do đã xả thân vì nước;
Hiếu với dân, để ấm no hạnh phúc càng dốc sức vì dân.

迍節盡用時机准備行妝進跳
憫春越過試喊產床氣勢趁蓮

Đón Tết, tận dụng thời cơ, chuẩn bị hành trang tiến bước;
Mừng Xuân, vượt qua thử thách, sẵn sàng khí thế đi lên.

浦𠬠景節增炷鬣從古潭沱情坦諾
廊糰會春閏喋曲民歌遶搣義圭鄉

Phố vào cảnh Tết tưng bừng, vở tuồng cổ đậm đà tình đất nước;
Làng mở hội Xuân nhộn nhịp, khúc dân ca dào dạt nghĩa quê hương.

𣍐𣐈記忕功恩黨
闖課节悁德博胡

Ngàn năm ghi nhớ công ơn Đảng
Muôn thuở nào quên đức Bác Hồ

功德𣍐𣐈記碑砆
傳統闖蔑怍心肝

Công đức ngàn năm ghi bia đá
Truyền thống muôn đời tạc tâm can

幸福自由留闖課
共和社會凭𣍐𣐈

Hạnh phúc tự do lưu muôn thuở
Cộng hoà xã hội vững ngàn năm

民族趁蓮芻諾增炷會斸
賢才發展闖茄歡喜迍春

Dân tộc đi lên, cả nước tưng bừng hội mới;
Hiền tài phát triển, muôn nhà hoan hỷ đón xuân.

蚌固道固情春闖課順情廊義渃
恊爲仁爲義節紆数和意黨悉民

Sống có đạo, có tình, Xuân muôn thuở thuận tình làng nghĩa nước;
Vui vì nhân vì nghĩa, Tết bền lâu hòa ý Đảng lòng dân.

祖國余岸春史潭印焊勢渃
江山闖萬節花簽熄咯恩亂

Tổ quốc mấy ngàn Xuân, sử đậm in ngời thế Nước;
Giang sơn muôn vạn Tết, hoa thơm toả ngát ơn Người.

文化高學術化高互力批高民智
世紀買千年紀買喝悉撈買思惟

Văn hóa cao, học thuật hóa cao, gắng sức nâng cao dân trí;
Thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, hết lòng đổi mới tư duy.

干部與守正廉奮斗犧牲民幸福乙紆裕花
人民忯勾勤儉悁命勞動渃繁榮罕自院源

Cán bộ giữ chữ chính liêm, phấn đấu hy sinh, dân hạnh phúc ắt bền gốc rễ;
Nhân dân nhớ câu cần kiệm, quên mình lao động, nước phồn vinh là tự ngọn nguồn.

猥招草賢烝德前人淜孝義
翁婆卯墨創悉後世攝人慈

Con cháu thảo hiền, rạng đức tiền nhân dòng hiếu nghĩa;
Ông bà mẫu mực, sáng lòng hậu thế nếp nhân từ.

坦渃厞茄終坦越撑膱核獨立
人民垀朦凭丞南燦爛鴦文明

Đất nước mái nhà chung, đất Việt xanh t... ...ây độc lập;
Nhân dân nền móng vững, trời Nam sán lạn ... ...h.

坦恊驥塘春搽勀稚頑堶幸福
圭鄉愣蔑黜佳才妈担捋將來

Đất vui rộng đường xuân già khoẻ trẻ ngoan xây hạnh phúc;
Quê hương mừng đời mới trai tài gái đảm dựng tương lai.

迍春邻抉滌奸貪與凭紀綱除國難
愣節璊堶紆仁義尊高道理重家風

Đón xuân sang, quét sạch gian tham, giữ vững kỷ cương trừ quốc nạn;
Mừng tết đến, xây bền nhân nghĩa, tôn cao đạo lý trọng gia phong.

咁濁啓沖泣裊圭鄉撑滌糱
嘟才斗力每纏坦喏孟朝恤

Gạn đục khơi trong, khắp nẻo quê hương xanh sạch đẹp;
Đua tài đấu sức mọi miền đất nước mạnh giàu vui.

局蚌暟每高跐器塘瞵裙襖牟糱如貞節
民生輒每可趍泣裊聡時妝悉恤似花春

Cuộc sống ngày mỗi cao, bước ra đường ngắm quần áo mầu đẹp như tranh tết;
Dân sinh năm mỗi khá, đi khắp nẻo nhìn thời trang lòng vui tựa hoa xuân.

萬琰浮沙培歷史
愣春坦喏奄邸張

Vạn dặm phù sa bồi lịch sử
Mừng xuân đất nước đã sang trang.

與傳統文明作胣終情忠貝喏
堶家風清歷記悉終義孝貝民

Giữ truyền thống văn minh, tạc dạ trọn tình trung với nước;
Xây gia phong thanh lịch, ghi lòng trọn nghĩa hiếu với dân.

犧高志強高常穿休育養生唯世局論人情惺廉正勸只後世
亂擬心庄擬吝注修身積德滅內侵除國難守孝忠學習前人

Tuổi cao chí càng cao, thường xuyên thể dục dưỡng sinh, dõi thế cục, luận nhân tình, nết liêm chính khuyên răn hậu thế;
Người nghỉ tâm chẳng nghỉ, chăm chú tu thân tích đức, diệt nội xâm, trừ quốc nạn, chữ hiếu trung học tập tiền nhân.

運喏當蓮多方化多樣化邦交丞自主揚高旗獨立
力民奄劫發展高發揮高內力坦人和造凭勢繁榮

Vận nước đang lên, đa phương hóa, đa dạng hóa bang giao, trời tự chủ giương cao cờ độc lập;
Sức dân đã khoẻ, phát triển cao, phát huy cao nội lực, đất nhân hòa tạo vững thế phồn vinh.

初軒昂蹟鏍鶲銅戰功綏接戰功裞泖赭絩垀獨立
朕凭爹肝鑌腋玉潛力增強潛力抗悉崙繕景圭鄉

Xưa hiên ngang chân sắt vai đồng, chiến công nối tiếp chiến công, lấy máu đỏ thêu nền độc lập;
Nay vững trãi gan vàng dạ ngọc, tiềm lực tăng cường tiềm lực, đem lòng son dệt cảnh quê hương.

咁風波物撋罹移輪崙瑟沒悉忠貝黨
油淸逾嚴痈渡泮技砂鐀終腋孝貝民

Dẫu phong ba vật đổi sao dời, luôn son sắt một lòng trung với Đảng;
Dầu sóng gió non mòn biển cạn, vẫn đá vàng trọn dạ hiếu với dân.

吧辭世紀台迸勝敵禍天災坦諾凭傍過試適
嘲迍千年紀豔矇天時地利全民奮振造時机

Giã từ thế kỷ hai mươi, thắng địch họa, thiên tai, đất nước vững vàng qua thử thách;
Chào đón thiên niên kỷ mới, mong thiên thời địa lợi, toàn dân phấn chấn tạo thời cơ.

英俺和順猥招同心相愛相親堶家庭垀攝
連鄰結團軍民一致全心全意捋社會紀綱

Anh em hòa thuận, con cháu đồng tâm, tương ái tương thân, xây gia đình nền nếp;
Trên dưới kết đoàn, quân dân nhất trí, toàn tâm toàn ý, dựng xã hội kỷ cương.

場高黵站康牀知識糲芒力劫增強村笩罘務恤如節
電創烳塘糲麟文明和入留通發展靿洞迭衄糶似春

Trường cao rộng, trạm khang trang, tri thức mở mang sức khỏe tăng cường, thôn xóm bốn mùa vui như Tết;
Điện sáng bừng, đường mở rộng, văn minh hòa nhập lưu thông phát triển, ruộng đồng quanh năm đẹp tựa Xuân.

椄仁義揝扯調朱衄腩梗膱蘿碧
園情傷堶撘窣底率蓆果虺花萫

Cây nhân nghĩa vun xới đều, cho năm tháng cành tươi lá biếc;
Vườn tình thương xây đắp tốt, để suốt đời quả ngọt hoa thơm.

擙攦惺糶暟初祕仁心裕
捭抹役窣蓆陓重道罘垀

Giữ gìn nết đẹp ngày xưa, lấy nhân làm gốc;
Trau dồi việc tốt đời nay, trọng đạo là nền.

終力稱𥪡墐紂凭繁榮坦渃
順悉麩婚與難鮮傳統家庭
Chung sức trẻ già xây bền vững phồn vinh đất nước;
Thuận lòng chồng vợ, giữ đẹp tươi truyền thống gia đình.

積智積仁柴吠穻吠亂空管辱因沒悉爲猥稚
煽德煽才徒學文學禮庄泥艱苦決志芮業初
Tích trí, tích nhân, thày dạy chữ, dạy người không quản nhọc nhằn, một lòng vì con trẻ;
Rèn đức, rèn tài, trò học văn, học lễ, chẳng nề gian khó, quyết chí nối nghiệp xưa.

鴣固組亂固宗蔑發展空涓垀民族
渃固源椄固檜蚌文明強忸裕種內
Chim có tổ, người có tông, đời phát triển không quên nền dân tộc;
Nước có nguồn, cây có cội, sống văn minh càng nhớ gốc giống nòi.

噢孟平人民緇丕拉渡
決誓共滝岜女渃鰱茄
Gì mạnh bằng nhân dân, vá trời lấp biển
Quyết thề cùng sông núi, nợ nước thù nhà

家庭輒窄婦女𠰁擔當決沒腋妳佳𥪡稚
政府罕點解放輒條件伶仍唑鋼錂瑟崙
Gia đình năm tốt, phụ nữ ba đảm đang, quyết một dạ gái trai già trẻ;
Chính phủ bốn điểm, giải phóng năm điều kiện, rành những lời gang thép sắt son.

忠貝黨孝貝民任務节共完成苦巾节共越戈几鰱
节共打得勝
鐸糰塘婁接北佳英雄嘭熱血妳忠厚輪擔當逞輒
州纏與和平
Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh được thắng;
Trước mở đường, sau tiếp bước, trai anh hùng vang nhiệt huyết, gái trung hậu luôn đảm đang, sánh năm châu gìn giữ hòa bình.

奇渃愣春城市農村紅色曠
全民愜節岗棱垌渡艡牟花
Cả nước mừng xuân, thành thị nông thôn hồng sắc nắng;
Toàn dân vui tết, núi rừng đồng biển thắm mầu hoa.

扼高程度垾功德
關麟機開役奉蜍

Nâng cao trình độ nền công đức;
Mở rộng cơ khai việc phụng thờ.

坦秉雄重義威風祿忠勇凍爰輪劫
垄渃越親情創啐艟德才蜂吠飭春

Đất vua Hùng trọng nghĩa oai phong, thờ trung dũng Gióng vươn mình khoẻ;
Trời nước Việt thân tình sáng suốt, chuộng đức tài rồng dậy sức xuân.

坦渃釦春麟闈乾坤歐亞東西迍伴投資春坦渃
圭鄉撕鮎通源造化電塘場站終牾墡捋鮎圭鄉

Đất nước vào xuân, rộng cửa càn khôn, Âu á Đông Tây
đón bạn đầu tư xuân đất nước;
Quê hương đổi mới, thông nguồn tạo hóa, điện đường trường trạm
chung tay xây dựng mới quê hương.

道義塺鈞沖固祖固先念珍重聡術過去
文明燸鵀爚爲猉爲招跐憑平向細將來

Đạo nghĩa rọi gương trong có tổ có tiên, niềm trân trọng nhìn về quá khứ;
Văn minh soi đuốc sáng, vì con vì cháu, bước vững vàng bước tới tương lai.

欣黜遡春過固黨引唐民族越仰頭拱罘淩
外甋森秋意伯胡指躖渃嬨雄煬楠貝甋州

Hơn bẩy chục xuân qua, có Đảng dẫn đường, dân tộc Việt ngẩng đầu
cùng bốn biển;
Ngoại năm lăm thu ấy, Bác Hồ chỉ lối, nước non Hồng rạng mặt
với năm châu.

撾闈世界同情撿技藝底沫滀公益
撕鮎全民終飭拱施嘟碱芳妥人才

Mở cửa, thế giới đồng tình, góp kỹ nghệ để dồi dào công ích;
Đổi mới, toàn dân chung sức, cùng thi đua nên nẩy nở nhân tài.

嬨滝統一坦渃和平覇仁義惵文明鈞卵哪蹺唒伯
祖國光榮家庭幸福烳良心顎道德孝忠侍援情民

Non sông thống nhất, đất nước hòa bình, giầu nhân nghĩa, đẹp văn
minh, gương mẫu vâng theo lời Bác;
Tổ Quốc quang vinh, gia đình hạnh phúc, sáng lương tâm, tròn đạo
đức, hiếu trung giữ vẹn tình dân.

初襖靡旗桃滅強暴挣嶪滝事業豪雄民偉大
尼蹟銅觧鏍勝侵陵堶獨立功勞偉大黨前鋒

Xưa áo vải cờ đào, diệt cường bạo, dựng non sông, sự nghiệp hào hùng dân vĩ đại;
Nay chân đồng vai sắt, thắng xâm lăng, xây độc lập, công lao vĩ đại Đảng tiền phong.

紀元春每精花調發露撿份建設圭鄉
大會尬乳才德得進身終飭振興坦諾

Kỷ nguyên xuân, mọi tinh hoa đều phát lộ, góp phần kiến thiết quê hương;
Đại hội chín, người tài đức được tiến thân, chung sức chấn hưng đất nước.

祖國增炷會鼿諾跐唐趁觧逞閉方佳調祕
岗滝紆憑垀罟崇文尚武堞拱萬課曲歌春

Tổ quốc tưng bừng hội mới, nước bước đường đi, vai sánh muôn phương giai điệu trẻ;
Núi sông bền vững nền xưa, sùng văn thượng võ, nhịp cùng vạn thuở khúc.ca xuân.

巴迸觧安戢葩亭鞭肹猷包觫罘渡
黜尬犧鱥悉祖國院燤紅煁爃甂州

Ba mươi năm an giấc Ba Đình, trái tim lớn bao quanh bốn biển;
Bẩy chín tuổi nặng lòng Tổ Quốc, ngọn đuốc hồng rực sáng năm châu.

頓春坦諾妥花鰫閨清平摳毒害爲孟覇爰細
愣諾圭鄉撏鼿啓源勤儉滅奸貪扠饒鍬進蓮

Đón xuân đất nước nở hoa, mở cửa thanh bình, xua độc hại, vì mạnh giầu vươn tới;
Mừng nước quê hương đổi mới, khơi nguồn cần kiệm, diệt gian tham, xoá nghèo đói tiến lên.

盃節青平願篤飭堶圭鄉覇憟
覇春鮮櫜動點蘇朱嶪諾錦花

Vui tết thanh bình, nguyện dốc sức xây quê hương giàu đẹp;
Giầu xuân tươi thắm, gắng điểm tô cho non nước gấm hoa.

撋鐒噹垌愾節笞廊溫革命
電燸創鬥頓春鎩祕妝伯胡

Máy nổ vang đồng, vui tết xóm làng ôn cách mạng;
Điện soi sáng ngõ, đón xuân già trẻ nhớ Bác Hồ.

坦矮皇垌撾岭徐砭昆渃皇
核嫩碧祿怯株待乳細樓青
Đất ải trắng đồng, mở luống chờ bơm con nước trắng;
Cây non biếc lộc, khép chồi đợi nhú tí mầm xanh.

屘幅帳春猞膞鶚驫應意婚
題句對節芳趫穭卒惵情鈇
Vẽ bức tranh xuân: lợn béo gà to ưng ý vợ;
Đề câu đối tết: khoai sai lúa tốt đẹp tình chồng.

穭陡年饜垌翈每沔當揕買
花墱色艡圭鄉闖裊頓惻春
Lúa trải mầu xanh, đồng ruộng mọi miền đương đổi mới;
Hoa dâng sắc thắm, quê hương muôn nẻo đón mừng xuân.

爭獨立自由沒繲嶡滝盃統一
蓮主義社會台沔坦渃糲將來
Giành độc lập tự do, một giải non sông vui thống nhất;
Lên chủ nghĩa xã hội, hai miền đất nước đẹp tương lai.

民族英雄合飭勝連台帝國
嶡滝錦紑終鬖墡揨沒基圖
Dân tộc anh hùng, hợp sức thắng liền hai đế quốc;
Non sông gấm vóc, chung tay xây dựng một cơ đồ.

長山岗高長沙島孰自低踾帝坦壿些闖課援全
茄牟堣麟諒山棱骼外北斡南嶡渃覷虧蔑統一
Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ, từ đây tới đó,
đất đai ta muôn thuở vẹn toàn;
Cà Mâu bãi rộng, Lạng Sơn rừng dày, ngoài Bắc trong Nam,
non nước cũ ngàn đời thống nhất.

世界尚和平院鷹軛州燶熱迍
家庭愠幸福花春闖朵呀嗷簽
Thế giới chuộng hòa bình, ngọn đuốc năm châu nồng nhiệt đón;
Gia đình vui hạnh phúc, hoa xuân muôn đóa ngạt ngào thơm.

幸福家庭猥草婚賢孝敬順和坪攝正
榮光社會民信黨惢倫勤廉正朮劉沖

Hạnh phúc gia đình: con thảo, vợ hiền, hiếu kính thuận hoà, nền nếp chính;
Vinh quang xã hội: dân tin, Đảng cậy, kiệm cần liêm chính, tấm gương trong

英恻春魡渚鴣巠洟淩動牌歌海島
婑蝢節祿椄花岗蘿棱飛喈咭邊疆

Anh mừng xuân: cá nước chim trời, sóng biển động bài ca hải đảo;
Em đón tết: lộc cây hoa núi, lá rừng bay tiếng hát biên cương.

節囲影買嘲咍揲咭增炷茄文化
春邈行愝景憟旗跦煓炤楪通信

Tết đến: phim mới, chèo hay, múa hát tưng bừng nhà văn hóa;
Xuân sang: hàng vui, cảnh đẹp, cờ băng rực rỡ cụm thông tin.

蝢節篦靈電創唐通夏倘舖坊立吏紀綱
恻春煓怊花鮮鬥瀝茄盃廊笆旖情團結

Đón tết, lung linh điện sáng, đường thông, hè thoáng,
phố phường lập lại kỷ cương
Mừng xuân, rực rỡ hoa tươi, ngõ sạch, nhà vui,
làng xóm thắm tình đoàn kết.

核德園人准准擠柱轃萬節
昆賢招草茄茄垓捋福闖赯

Cây đức vườn nhân, chốn chốn vun trồng xanh vạn tết.
Con hiền cháu thảo, nhà nhà gây dựng phúc muôn năm.

恻春搋孟深耕能率爰蓮欣計劃
盃節增強管理精神捉細遶指標

Mừng xuân đẩy mạnh thâm canh, năng suất vươn lên hơn kế hoạch;
Vui tết tăng cường quản lý, tinh thần xốc tới vượt chỉ tiêu.

盃節決空底稦搽摡踸
恻春砼心朱穭卒蘵彰

Vui tết, quyết không để mạ già cấy chậm;
Mừng xuân, gắng làm cho lúa tốt bèo nhiêu.

細券產穭轃姊農民施擲恻襼黨
廠陻歌撋趍英工人產出惵悉民

Ruộng khoán sản lúa xanh, chị nông dân thi đua mừng tuổi Đảng;
Xưởng ba ca máy chạy, anh công nhân sản xuất đẹp lòng dân.

啾拔啾心揉踁痟品質
自批自拆慏撕買思惟
Dám nghĩ, dám làm, chống xói mòn phẩm chất;
Tự phê, tự sửa, mừng đổi mới tư duy.

民罵裕裕固卒蘿梗買卒
渃固源源麋沖滝瀝拱沖
Dân là gốc, gốc có tốt lá cành mới tốt;
Nước có nguồn, nguồn mà trong sông lạch cũng trong.

盃節獨立自由闖課妀恩臤指蹺
慏春和平統一沒念信想黨逐唐
Vui tết độc lập tự do, muôn thuở nhớ ơn Người chỉ lối;
Mừng xuân hoà bình thống nhất, một niềm tin tưởng Đảng đưa đường.

坦渃慏春春祕買
家庭頓福福賤婁
Đất nước mừng xuân, xuân trẻ mãi;
Gia đình đón phúc, phúc dài lâu.

柴吠磊徒學懺盃節心蹺唑伯吠
學匋哈行吏卒慏春妀斎役場交
Thầy dạy giỏi, trò học chăm, vui tết làm theo lời Bác dạy;
Học đã hay, hành lại tốt, mừng xuân nhớ trọn việc trường giao.

傳見識引文章向業造才能爲利益轟解哪唑伯
練語言溫道理改革煉意志穻尊師闖課妀功柴
Truyền kiến thức, dẫn văn chương, hướng nghiệp tạo tài năng,
vì lợi ích trăm năm vâng lời Bác;
Luyện ngữ ngôn, ôn đạo lý, cải cách rèn ý chí,
chữ tôn sư muôn thuở nhớ công thầy.

剉余傀奸穊筆拯撥弓捥麴
退包饒道昆船輪憑裡兢帆
Đâm mấy thằng gian, ngòi bút chẳng bẻ cong uốn vẹo;
Chở bao nhiêu đạo, con thuyền luôn vững lái căng buồm.

皤靸踏迎呸帝國
梳鬳揉憑沒基圖
Giày vải đạp nghiêng ba đế quốc;
Gậy song chống vững một cơ đồ.

坦越焊志英雄祖國記功如渡奇
滝蒲蕊名烈士人民作腋似嶽高
Đất Việt ngời chí anh hùng, Tổ Quốc ghi công như biển cả;
Sông Bồ sáng danh liệt sĩ, nhân dân tạc dạ tựa non cao.

恩諾趺蓮革命堶碱垀自主
福茄厚待和平立吏闈榮光
Ơn nước đi lên, cách mạng xây nên nền tự chủ;
Phúc nhà hậu đãi, hoà bình lập lại cửa vinh quang.

罘斢辭諾黼當局撕紙旗寔業皴新民蓑鬢鞠沒挺
江山竭固鼕蹟慸拱奄
赵迸犧身鎩包番險阻志愚公魂精衛疠疸篷姅皓
霤鿱蚕雖捽膊汐群紝
Bốn nghìn năm nước cũ, đương cuộc đổi thay, cờ thực nghiệp, trống tân dân, may mắn sao một gánh giang sơn, rết có nhiều chân, mừng cũng đã;
Sáu mươi tuổi thân già, bao phen hiểm trở, chí Ngu công hồn tinh vệ, đau đớn nhẽ nửa đêm mưa gió, tằm tuy rút ruột vẫn còn vương.
(Câu đối Bạch Thái Bưởi viếng Phan Chu Trinh)

黨霣害無情歿兜女襞些庄余迸辭魂諾吏魂茄鐘
揲皴搭仍約自由罵幸福
嶽滝終亙礦埃乃拱如翁奇外迸戝啫歌連啫哭霤
和鿱順群懞不死意精神
Sấm sét khéo vô tình, trời đâu nỡ giết ta chăng, mấy mươi năm hồn nước lại hồn nhà, chuông gióng trống rung, những ước tự do là hạnh phúc;
Non sông chung gánh nặng, ai thấy cũng như ông cả, ngoài mười dặm tiếng ca liền tiếng khóc, mưa hoà gió thuận còn mong bất tử ấy tính thần.
(Học sinh trường Thuận Hoá viếng Phan Chu Trinh)

嗆餟歿坦庄傷叭志仕鄹悉兵域權民朱嶽諾糲拦眉楠
嘆喂江山群少楠英雄褣埃炉算役諾底彈昆隴仍疠悉
Ngán nỗi trời đất chẳng thương người chí sĩ, hết lòng bênh vực quyền dân cho non nước mở mang mày mặt;
Than ôi! giang sơn còn thiếu mặt anh hùng, lấy ai lo toan việc nước để đàn con luống những đau lòng.
(Đồng bào bái viếng cụ Phan Chu Trinh)

嘛眨戢夢慨嬴滝姊婑碎奄別之兜芾主芾民芾權
渃芾權歟恠固先生才操略
陳濁朮身爲社會神聖罹枚黠群忮固坦固垂固魂
吒固魂媄礦筏恨死胣冰傾

Mơ màng giấc mộng tủi non sông, chị em tôi đã biết chi đâu, nào chủ, nào dân, nào quyền nước nào quyền người, nhờ có tiên sinh tài thao lược;

Trằn trọc tấm thân vì xã hội, thần thánh trước mai sau còn nhớ, có đất, có trời, có hồn cha có hồn mẹ, nặng chia hận tử dạ bâng khuâng.

(Nữ sinh Quảng Nam viếng Phan Chu Trinh)

聖神搖動陂斮秋買固聰暴銀憮鬘匝湄沙怯幅先
知垂媳芳
國家興運哂沒歟共空掙塊嗷哆渃愁吉培疔憑後
輦淒群豬

Thánh thần dao động, trải nghìn thu mới có bây giờ, ngẩn ngơ gió táp mưa sa, khép bức tiên tri trời nỡ thế;

Quốc gia hưng vận, dẫu một người cũng không tránh khỏi, ngao ngán nước sầu cát bụi, đau lòng hậu bối biển còn chờ.

(Học sinh trường Kỹ nghệ viếng Phan Chu Trinh)

迸森辭罹覽具於低剑野蠻呸焚稽頭慷慨余唖垂
坦証明憑鐵石
余兆同胞暟具術渃臺文化丱澄搓處鬘湄沒陣渃
嬴滇渚淡桑滄

Mười lăm năm trước thấy cụ ở đây, kiếm dã man ba thước kề đầu khảng khái mấy lời, trời đất chứng minh lòng thiết thạch;

Mấy triệu đồng bào trông cụ về nước, đài văn hóa nửa chừng xoay xở, gió mưa một trận, nước non chan chứa giọt tang thương.

(Ký lục Võ Liêm Sơn viếng cụ Phan Chu Trinh)

余迸辭船滂邊垂彙熾朮孤忠達爲渃鄴爲民精神
汐浪怙滝岑越
奄彀課摳鐘搿皷滀催魂故國罹合憑黠合飭事業
停付托招猥鴻

Mấy mươi năm góc bể bên trời, vằng vặc tấm cô trung, trên vì nước, dưới vì dân, tinh thần vẫn lắng lo sông núi Việt;

Đã nhiều thuở khua chuông rung trống, sục sôi hồn cố quốc, trước hợp lòng, sau hợp sức, sự nghiệp đành phó thác cháu con Hồng.

(Nữ sĩ Đạm Phương viếng cụ Phan Chu Trinh)

精神誥鄧能空腩辭乙丑鞠疑吏腩𠊛丙寅嘐台滝
陀群淸岦陀群霣翁媚赲兜恩諾汐群悉鐵石
心血蟶埃拱芳亂准南圻戦技吏亂京城化終奇垂
越罵吒坦越罵媄魂皮術妒傷昆坤戮演山河

Tinh thần chết đặng hay không, tháng năm Ất Sửu sao ngờ lại tháng hai Bính Dần, ngán thay sông đà còn sóng, núi đà còn mây, ông nỡ đi đâu, ơn nước vẫn còn lòng thiết thạch;

Tâm huyết sống ai cũng thế, người chốn Nam Kỳ chắc nghĩ lại người kinh thành Huế, chung cả trời Việt là cha, đất Việt là mẹ, hồn vừa về đó, thương con khôn dặm dọi sơn hà.

(Nam sinh Quảng Nam viếng cụ Phan Chu Trinh)

𠊛隻兆同胞亂嶸亂稚亂蹟蹅昧煠拦糶赲兜啄具
具徽忉膊鄴

罩蔚辭祖國尼岦尼滝尼錢棱鉑滂句魂術燾嗨垂
垂固景頭庄

Hai nhăm triệu đồng bào, người già người trẻ, người chân chậm mắt loà, mang thuốc đi đâu, thưa cụ cụ xiết đau ruột lắm;

Bốn nghìn năm Tổ quốc, này núi này sông, này tiền rừng bạc bể, hú hồn về chửa, hỡi trời trời có ngoảnh đầu chăng?

(Nhà thương Huế viếng cụ Phan Chu Trinh)

功恩黨蔚秋吻忮
德博胡闖課空痛

Công ơn Đảng nghìn thu vẫn nhớ;
Đức Bác Hồ muôn thuở không quên.

諾獨立民自由幸福蔚辭坦越
景𠰁圻垀統一和平闖課垂春

Nước độc lập dân tự do hạnh phúc nghìn năm đất Việt;
Cảnh ba kỳ nền thống nhất hoà bình muôn thuở trời xuân.

武略煉雄兵緣水蔚秋記史越
文才謀上將白藤沒陣勝軍元

Vũ lược luyện hùng binh, Lục Thủy nghìn thu ghi sử Việt;
Văn tài mưu thượng tướng, Bạch Đằng một trận thắng quân Nguyên.

陵寢自辭节岦傘滝沱嶽諾扶乖術坦祖
文明當暊買琨鴻招貉種佧群別忮墓翁

Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản, sông Thao, non nước vẫn quay về đất Tổ;
Văn minh đương buổi mới, con Hồng, cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mộ ông.

进 余 科 群 噢 妳 丞 固 福 固 份
辭 进 穢 成 才 惆 翁 強 眇 強 夷

Mười mấy khoa còn gì, nhờ trời có phúc có phận;
Năm mươi tuổi thành tài, mừng ông càng dẻo càng dai.

穡 糝 禾 烇 腩 四
坳 四 撲 輒 貫 赤

Lúa tám, gặt chín tháng tư
Nồi tư, mua năm quan sáu

最 巴 进 怯 翅 乾 坤 嘲 秩 吏 矯 魔 王 迸 鬼 蹦
嶽 曚 沒 拼 杆 造 化 關 循 嚣 朱 少 女 迍 春 術

Tối ba mươi, khép cánh càn khôn, ních chặt lại kẻo ma vương đưa quỷ tới;
Sáng mồng một, lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ đón xuân về.
(Nguyễn Khuyến)

連 官 噼 民 鞠 朱 連 順 噼 和 趙 几 朕 欣 彀 乳 恄
外 廊 韌 𠰁 貴 乎 外 淹 韌 廢 沒 勾 忍 罵 尬 勾 怜

Trên quan dưới dân, sao cho trên thuận dưới hòa, lắm kẻ yêu hơn nhiều người ghét;
Ngoài làng trong họ, quý hồ ngoài êm trong ấm, một câu nhịn là chín câu lành.
(Nguyễn Khuyến)

坦 庄 沛 鈇 抗 改 啞 體 鞠 鄧
丞 麻 鼙 婚 賦 貼 肝 膊 嘆 酸

Đất chẳng phải chồng, đem gửi thịt xương sao đặng;
Trời mà chết vợ, thử xem gan ruột mần răng.

猡 共 想 秦 晋 沒 茄 丕 份 薄 沛 洳 坦 客
芾 固 別 北 南 堆 我 抗 梗 鐀 趙 賭 滝 吳

Trước cũng tưởng Tần Tấn một nhà, vậy phận bạc phải nhờ đất Khách;
Nào có biết Bắc Nam đôi ngả, đem gánh vàng đi đổ sông Ngô.
(Nguyễn Khuyến)

㠭固少之錢拢沒𠰁貫空沛義
邛空辰共薄劍軋𠰁穻噲羅情

Giầu có thiếu chi tiền, đem một vài quan không phải nghĩa;
Sang không thì cũng bạc, kiếm năm ba chữ gọi là tình.

(Nguyễn Khuyến)

閨齋禪娘似渚包數暱拉師吠經偈師煽香熔畑挑
嗯願仍懞師孟跬
塘淨渡車概毓丿祝鐘皷尾拉廚塵尾抉花墱果供
嶽房女底尾諸齡

Cửa trai thiền nương tựa chửa bao lâu, dịp dàng sư dạy, kinh kệ sư rèn, hương thắp đèn khêu, khấn nguyện những mong sư mạnh khoẻ;
Đường tịnh độ xa khơi nên phút chốc. chuông trống vãi khua, chùa chiền vãi quét, hoa dâng quả cúng, sớm khuya nỡ để vãi chơ vơ!

蓮椄固花鄴椄固花翁榮花碎探花書曰重華此之謂也
外墳固杜鄴茄固杜巖悶杜些朱杜詩曰悌杜不其然乎

Trên cây có hoa, dưới cây có hoa, ông vinh hoa, tôi thám hoa, Thư viết: Trùng Hoa thử chi vị dã;
Ngoài sân có đỗ, trong nhà có đỗ, ngươi muốn đỗ, ta cho đỗ, Thi viết: Đỗ Đỗ bất nhiên kỳ hồ!

𠓨卒浅𠹌醜調欣窣𠯿
貴乎順昧擩鄨吏派鄨

Đã chót nhúng tay, xấu đều hơn tốt lỏi;
Quí hồ thuận mắt, thấm lắm lại phai nhiều!

(Vịnh nghề nhuộm)

姑盧姑祿渥
趾蓮趾鄴蜂

Cô lô cô lốc, ốc...
Nhẩy lên nhẩy xuống, ong...

(Trạng Quỳnh vịnh Đồng cô)

半行懈客客忮茄行茄行空忮客
會幣祕歟歟𠰁毓貼貼庄𠰁毓歟

Bán hàng chiều khách, khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ khách;
Họp chợ lấy người, người làm nên của, của chẳng làm nên người.

(Nhà hàng)

妾爲悉鼻空台粒
客閟啾嵛沛撥年
Thiếp vì lòng trắng không thay hạt
Khách muốn môi son phải mượn màu
(Tú Xương vịnh cô hàng cau)

江山緣吏堆塒叩
文武抗嚣沒曲琴
Giang sơn tóm lại đôi sân khấu
Văn vũ đem ra một khúc cầm
(Cụ Nghè Nguyễn Quý Tân tặng cụ Thượng Nguyễn Công Trứ)

鯛揪乾坤固嚣牾買別
嚣飥相將試睌昧麻瞼
Mở khép càn khôn có ra tay mới biết
Ra vào tướng tướng thử liếc mắt mà coi
(Nguyễn Hữu Chỉnh)

蹙揨墻昂皴蹙坂
胰啫閨數昧胰颳
Gió tựa tường ngang lưng gió phẳng
Trăng nhòm cửa sổ mắt trăng vuông

坦悉渡泮蒲添淄
岗慱垄迎拖祕蹇
Đất e biển cạn bù thêm nước
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây

沒巴旬磯鼻祕心愜課羇固蜍之聖瑂
巴迸赻傘鐀辰共盃術黠空禮降神粯
Một và tuần chén trắng lấy làm vui, thuở trước có thờ chi thánh rượu;
Ba mươi sáu tàn vàng thì cũng vậy, về sau không lễ giáng thần cơm.
(Phạm Thái tự vịnh)

翁老庄別之文打虐册貼泆勗糝萬固固空空咖
仉批湯空綏蹋
將士瞼共卒車唉連砲跺持騎罩象昂昂育育妒臥
騎馬啾嚣牾
Ông lão chẳng biết chi, văn đánh ngược, sách xem xuôi, giàu tám vạn, có có không không, dẫu kẻ bắc thang không nối gót;

Tướng sĩ coi cũng tốt, xe ăn liền, pháo nhảy vọt, cưỡi bốn tượng, ngang ngang dọc dọc, đố người kỵ mã dám ra tay.

(Vịnh đánh tổ tôm)

渚 鰷 遼 汀 魽 嗒 魽
垄 曠 熾 熾 歜 絞 歜

Nước trong leo lẻo cá đớp cá
Trời nắng chang chang người trói người

(Cao Bá Quát)

讀 巴 羣 軟 进 卷 經 庄 神 聖 佛 仙 仍 恪 俗
台 糝 萬 斛 司 墨 偈 空 君 臣 父 子 的 器 歜

Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thần thánh phật tiên nhưng khác tục;
Hay tám vạn ngàn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử đếch ra người.

(Nguyễn Công Trứ)

盪 眷 院 椄 椄 眷 盪
腸 弄 堆 渚 渚 弄 腸

Gió quyến ngọn cây, cây quyến gió;
Trăng lồng đáy nước, nước lồng trăng.

拹 牾 貝 試 垄 高 篛
蜀 踠 趟 跕 坦 翹 錢

Giơ tay với thử trời cao thấp;
Xoạc cẳng đo xem đất ngắm dài.

(Hồ Xuân Hương ngã tự vịnh)

扱 古 鏡 器 尋 衳 暷
插 殘 衣 吏 底 哽 唏

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng;
Xếp tàn y lại để dành hơi.

(Nguyễn Gia Thiều vịnh góa phụ)

狀 元 糝 鞾 貧 垄 越
使 事 进 辭 熤 坦 吳

Trạng nguyên tám tuổi thơm trời Việt;
Sứ sự mười năm khét đất Ngô.

(Vịnh sách Phạm Công Cúc Hoa)

得辰搞輸辰趁恄症英雄苦
咬裗課於裗辰曉歜些如落

Được thì vơ, thua thì chạy, ghét chứng anh hùng rơm;
Ăn lấy thuở, ở lấy thì, coi người ta như rác.

(Vịnh đánh bạc)

沒隻柑櫺蹟固帝
巴琖釵鏍跳辰王

Một chiếc cùm lim chân có đế
Ba vòng xích sắt bước thì vương

咥古鵐暁榜空粘垂坦咳文章辭渡
蹺頭鷗術茄噲媱媄嫗唉錢粩蓮垂

Nghển cổ cò, trông bảng không tên, trời đất hỡi, văn chương xuống biển;
Lủi đầu quốc, về nhà gọi vợ, mẹ đĩ ơi, tiền gạo lên trời!

(Vịnh thi hỏng)

印如草木垂南來
拱奇山河坦北邶

In như thảo mộc trời Nam lại,
Đem cả sơn hà đất Bắc sang.

(Bà Huyện Thanh Quan vịnh chén uống trà)

𣍐𣐈扮杆炊斡諾
吟塊噴霆瀝塔塵

Ra tay cầm cán sôi trong nước,
Ngậm khói phun mây sạch bụi trần.

(Cao Bá Quát vịnh điếu cầy)

攝婁悄腿鯨核猥招娘妙爲瞻
役諾𣍐𣐈轉鉢北南兜底來行

Nếp giầu quen thối kình cơi, con cháu nương nhờ vì ấm;
Việc nước ra tay chuyển bát, bắc nam đâu đấy lại hàng.

(Lê Thánh Tông vịnh hàng nước)

固疾秩命救病如救火
叨𣐈哈菜𠙵福如𠙵鼏

Có tật giật mình, cứu bệnh như cứu hoả;
Đứt tay hay thuốc, làm phúc như làm giầu.

丐鵡叙涋坡滝喻吧餓猥麻化寔
褝鳳噤鬼鄰濕冰傾緣姊吏徐底

Cái cò lặn lội bờ sông, rù rì nuôi con mà hóa thực
Cái phượng ngậm ngùi dưới suối, bâng khuâng duyên chị lại từ đây
Tu Xương (tiếng ông hàng xóm có vợ cả mất, vợ sau làm hàng xáo)

纘蹟駙驥查飥樹
律膍桑蓬呂女餅

Trói chân kỳ ký tra vào rọ
Rút ruột tang bồng trả nợ cơm

姊媸衷匪道麸職来泣東西南北罕方歪兜共凌名公子売
歪坦吹瓦沒番尼女插弓劍琴書飥沒梗心朱沒喘丈夫鯨

Chị em ơi! Ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công tử xác;
Trời đất nhé! Gắng một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trượng phu kẻnh.

穿義嚶寅猥稚喝
黏鬍鈇買丐鎩罃

Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết
Râu ria đâm mãi cái già ra
(Cụ đồ tự vịnh)

坦民廚廊風景佛
歎蓆貼世渚嶽仙

Đất dân chùa làng phong cảnh phật
Người đời cửa thế nước non tiên

花菓悉誠墱供佛
烟香恭奉敬家先

Hoa quả lòng thành dâng cúng phật
Đèn hương cung phụng kính gia tiên

空墱春錪之茄侀
固褫歪芾揀閨埃

Không dưng xuân đến chi nhà tớ
Có-lẽ trời nào đóng cửa ai

劍沒核菑啉貝具
吁堆句對底蜍翁

Kiếm một cơi giầu thưa với cụ
Xin đôi câu đối để thờ ông

四時八節庚終始
岸柳堆蒲欲點妝

Tứ thời bát tiết canh chung thủy
Ngạn liễu đôi bồ dục điểm trang

敬誠𠀧𡗶禮
忠孝沒悉蜍

Kính thành hai chữ lễ
Trung hiếu một lòng thờ

品菓供羹迎佛祖
香花誠敬獻天仙

Phẩm quả cúng giàng nghênh phật tổ
Hương hoa thành kính hiến thiên tiên

𣍐稚斯除娘哱佛
旬啉花菓度生靈

Già trẻ gần xa nương bóng phật
Tuần rằm hoa quả độ sinh linh

志切修道閪農福
誠心念佛萬年康

Chí thiết tu đạo muôn đời phúc
Thành tâm niệm phật vạn niên khang

閪麟青湯馭戈徠
塘趂𨑮集客嶅勉

Cửa rộng thênh thang người qua lại
Đường đi thẳng tắp khách ra vào

(1) Câu đối của nhà thơ Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) làm cho ông hàng thịt. Nghe nói chủ Hàn cưới đôi câu đối này lắc bốn mươi lần mới lan thay đổi, bỏ hiểu vì bổ nghĩa điển trang. Nhưng trong đôi câu đối này, về trên có "sát tiết canh", về dưới bổ dục lại có ý Nôm nói về hàng thịt.

坦諾廚廊風景佛
貼蒐亂世諾嶽仙
Đất nước chùa làng phong cảnh phật
Của đời người thế nước non tiên

塘覺悟提攜進化
閨慈悲接引隨緣
Đường giác ngộ đề huề tiến hóa
Cửa từ bi tiếp dẫn tuỳ duyên

強憑強商強歷事
拯扶庄轉庄桑滄
Càng vững càng thương càng lịch sự
Chẳng rung chẳng chuyển chẳng tang thương

生時仰慕慈悲沒悉蜍供佛
謝世西天念德感淪道化神
Sinh thời ngưỡng mộ từ bi, một lòng thờ cúng phật
Tạ thế tây thiên niệm đức, cảm luân đạo hóa thần

陵墓巍峨映玉朝望創買
廟嚴煊炤樊香酒麒紆數
Lăng mộ nguy nga, ánh ngọc triều xưa sáng mãi
Miếu đền rực rỡ, phần hương dấu cũ bền lâu

位正迸方常變現
嵬高萬丈扶威儀
Vị chính mười phương thường biến hiện
Ngôi cao vạn trượng vẫn uy nghi

颺法霑慈潤泣奇人間巴埃
瓢坌景佛愜終窮世界甌州
Gió pháp mưa từ, nhuận khắp cả nhân gian ba cõi
Bầu trời cảnh phật, vui chung cùng thế giới năm châu

閨佛關拯碑砆記牠廚廊社
墐坌沫渓鐘鐀喔啫景圭些
Cửa phật mở mang bia đá ghi tên chùa làng xã
Sân trời mát mẻ chuông vàng nức tiếng cảnh quê ta

夢沒節夢台節夢𠓛節於節
歇包醝暴吏醝最拱醝朱醝

Mồng một tết, mồng hai tết, mồng ba tết, ừ tết
Sáng đã say, trưa lại say, tối cũng say, cho say

固罢包𠓛萬朽舒暝得蘇丐節
約咦洏沒辭迸台腩奇罢務春

Có là bao, ba vạn sáu ngàn ngày được trăm cái tết
Ước gì nhỉ, một năm mười hai tháng cả bốn mùa xuân

𧵑佛𧵑神坦覷細朕記蹈印
尼陵尼廟炤香群買貝嶽撑

Nên phật nên thần, đất cũ tới nay ghi dấu ấn
Này lăng này miếu, lửa hương còn mãi với non xanh

固祖固先固吒固媄恩德劬勞碾洏
羅招羅弼羅淵羅種義情報答穻低

Có tổ có tiên, có cha có mẹ, ân đức cù lao nặng nhỉ
Là cháu là con, là giòng là giống, nghĩa tình báo đáp sao đây

歇墱花念佛彌陀
最供菜誦經懺悔

Sớm dâng hoa niệm phật Di - đà
Tối cúng quả tụng kinh Sám hối

坦諾平安慲德聖
圭鄉盛旺迍功神

Đất nước bình yên mừng đức thánh
Quê hương thịnh vượng đón công thần

暄啫鐘鐀固沛𠓛行埃帝洏
暖蓮閣紫想如垄佛於兜低

Nghe tiếng chuông vàng, có phải họ hàng ai đấy nhỉ
Trông lên gác tía, tưởng như trời phật ở đâu đây

諾碧沒牟印景佛
椄撑罘椯糜嶽仙

Nước biếc một mầu in cảnh phật
Cây xanh bốn mặt đẹp non tiên

佛 固 應 靈 由 誠 心 信 仰
修 鎖 菓 福 崛 憑 志 煉 煬
Phật có ứng linh do thành tâm tín ngưỡng
Tu trồn quả phúc bởi vững chí luyện rèn

波 苦 渡 迷 船 濟 渡
花 靈 嫣 慧 閨 慈 悲
Bể khổ bến mê thuyền tế độ
Hoa linh duốc tuệ cửa từ bi

閨 佛 慈 悲 而 福 得 福
機 叁 報 應 於 齡 退 齡
Cửa phật từ bi làm phúc được phúc
Cơ trời báo ứng ở lành gặp lành

膊 堆 吝 而 禮 念 經 得 逃 餅 盛 旺
餅 罘 季 蓮 廚 禮 佛 求 八 節 平 安
Tháng đôi lần làm lễ niệm kinh, được quanh năm thịnh vượng
Năm bốn quý lên chùa lễ phật, cầu bát tiết bình yên

波 苦 渡 迷 船 濟 渡
花 靈 嫣 慧 閨 慈 悲
Bể khổ bến mê thuyền tế độ
Hoa linh đuốc tuệ cửa từ bi

回 鐘 感 動 尬 進 方 南 無 佛 滿 成 愁 滿 波 苦
念 偽 傳 通 巴 黜 垮 轉 機 叁 扶 國 泰 護 安 民
Hồi chuông cảm động chín mười phương nam vô phật với thành sầu với bể khổ;
Niệm kệ truyền thông ba bẩy cõi chuyển cơ trời phù quốc thái hộ an dân.

鐘 霜 噙 噲 魂 今 古
樓 鼜 耄 術 膵 色 空
Chuông sương kêu gọi hồn kim cổ;
Lầu gió đi về bóng sắc không.

劇 塵 緣 沒 職 鎖 界 定 慧 嶽 修 身 成 佛
爭 世 事 羣 餅 鈾 貪 瞋 癡 黏 芒 業 飭 身
Kịch trần duyên một giấc vàng giới định tuệ sớm tu thân thành phật;
Tranh thế sự trăm năm bạc tham sân si sau mang nghiệp vào thân

閘 空 森 映 經 森 蘚
茄 淨 邊 簷 香 罘 務
Cửa không trăm ánh kinh trăm lá;
Nhà tịnh giờ thơm hương bốn mùa.

本 洞 詩 禮 堆 糝 春 秋 退 客 書 生 覽 悉 欲 易
弟 此 庄 周 迸 解 孔 孟 覽 娘 顏 色 買 沛 疎 星
Vốn dòng thi lễ đôi tám xuân thu gặp khách thư sinh thấy lòng rục rịch:
Đệ thu Trang Chu mười năm Khổng Mạnh thấy nàng nhan sắc mới phải thưa trình.

翠 翹 垮 戈 林 賂 覽 払 金 悉 包 重
仲 水 喘 勉 渚 曠 聰 娘 媚 昧 滔 珠
Thuý Kiều đi qua cầu nhác thấy chàng Kim lòng đã trọng
Trọng Thuỷ nhòm vào nước thoáng nhìn nàng Mị mất rơi châu.

群 婁 群 醞 空 群 渚
賒 森 賒 邂 庄 賒 貫
Bán trầu bán rượu không bán nước
Buôn trăm buôn chục chẳng buôn quan.

砂 撑 堤 貢 坦 斬 攖 地 連
題 赤 立 僕 笠 鄭 提 笠 罹
Đá xanh xây cống hòn dưới nống hòn trên
Ngói đỏ lợp nghè lớp sau đè lớp trước.

屘 麸 吒 如 鴣 離 社
核 鵴 朗 鞘 邊 拯 停
Con mất cha như chim lìa tổ
Cây muốn lặng sao gió chẳng dừng.

德 媄 高 瞰 審 切 跌 瘧 尬 穿
悉 屘 報 答 哈 嘿 學 鞆 巴 春
Đức mẹ cao dày thẩm thiết thờ ngày chín chữ
Lòng con báo đáp ngậm ngùi tấc cỏ ba xuân.

翁 垮 兜 垮 兜 鞘 唁 菓 咽 頒 批 褪 埃 恆 屘 女
吒 哭 鄰 哭 祿 頭 喪 邊 繓 徘 徊 覽 景 哈 嘿 台
Ông đi đâu, đi đâu bánh ngon quả ngọt ban sẻ lấy ai vui vẻ nữa.
Cha khóc lăn khóc lóc đầu tang tóc rối [illegible] ngậm ngùi thay.

婆慍蓮埃佛埃仙姑貝招忸傷坤挈計
茹啫勞空勸空固媄共英怕料仍心鞠

Bà vui lên cõi Phật cõi tiên cô với cháu nhớ thương khôn xiết kể.
Nhà tiếng thế không giàu không có mẹ cùng anh lo liệu những làm sao.

悶喋注共如吒每役娘恰群挈計
嵒接注術景佛忸情傷忸別包鏡

Mừng thầm chú cũng như cha mọi việc nương nhờ còn xiết kể.
Ngán nỗi chú về cảnh phật xót tình thương nhớ biết bao nhiêu.

老漬搽兜迎語爲埃犗邐鉑
春鞠稚買捶運錪勞技桃嫩

Lão chửa già đâu, nghiêng ngửa vì ai nên tóc bạc
Xuân sao trẻ mãi, quay vần đến thế vẫn đào non
(Tú Xương lõm Phó Huyến)

創嶝岗創覓花鐀忸具黃花
柴錪廚柴睠磐砐想悉石磬

Sáng ra núi Sáng thấy hoa vàng nhớ cụ Hoàng Hoa;
Thày đến chùa Thày nhìn khánh đá tưởng lòng Thạch Khánh.

縣三陽固呸昆祇蔣岗砐唵術立石
廊百穀行羣次禿踈边滝泆錪緣河

Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá trông về Lập Thạch;
Làng Bách Cốc hàng trăm thứ thóc, theo ven sông xuôi đến Duyên Hà.

賸廊笑麻揵桃筘趂過堪竹咀嶝戲哈
官府鑝頭白如鶸扮筆鼜鶚曰伶如鵠

Trai làng Nứa vai gánh đòn tre, đi qua khóm trúc thở ra hí hóp;
Quan phủ Vạc đầu bạc như cò, cầm bút lông gà viết nhanh như cắt.

埃公候埃卿相翀塵埃埃駪別埃
勞戰國勞春秋退時勞勞時沛勞

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai
Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.

陡蔚辦文獻坦昇竜曾歸聚人才
接傳統豪花臒河內輪搗拦智慧

Trải nghìn năm văn hiến, đất Thăng Long từng qui tụ nhân tài;
Tiếp truyền thống hào hoa, người Hà Nội luôn mở mang trí tuệ.

貴廉正重才能社會公平逃赧節
除官僚排貪冗全民團結眾務春

Quí liêm chính, trọng tài năng, xã hội công bằng quanh năm tết;
Trừ quan liêu, bài tham nhũng, toàn dân đoàn kết bốn mùa xuân.

森桃日新森洸滝紅春懾世涅春河內
艂渚湖西艂核還劍節愜哈屘蹀昇竜

Đỏ đào Nhật Tân, đỏ sóng sông Hồng, xuân đẹp thế nét xuân Hà Nội;
Xanh nước Hồ Tây, xanh cây hoàn kiếm, tết vui thay vẻ đẹp Thăng Long.

節忮媄鎩頭虺白
春傷昆衹遽群艂

Tết nhớ mẹ già đầu đã bạc;
Xuân thương con trẻ tóc còn xanh.

咧渡湄粁廊露雨
伊醐黨動坦風雷

Lác đác mưa rơi làng Lộ Vũ;
Ỳ ầm sấm động đất Phong Lôi.

賣遫恆學悄唼佈
施杜𠱋官喔啫柴

Mải chơi biếng học quên lời bố;
Thi đỗ làm quan nức tiếng thầy.

杜外朗招兜調逗菓
豆安排柮買妓擔花

Đỗ Ngoại Lãng gieo đâu đều dậu quả;
Đậu An Bài trồng mãi vẫn trổ hoa.

含獟衹兜搗器彭峪
鴣鶴乞膕仍室劾髇

Hàm trâu lấy dâu dẽo ra nhiều thịt;
Chim hạc ít nạc, nhưng rất rắn xương.

施鄉蘿旗颼鱙施會蘿旗颼鱙沒啫榜噪丞欣罕仍
釈𠱋婿著
姑麩堆藷嚶蛹姑慁堆藷嚶蛹罘蹟裙抉坦暢紙台
奶衹麩終

Thì hương lá cờ đuôi nheo, thì hội lá cờ đuôi nheo, một tiếng bảng vang trời, hơn hẳn những người làm rể trước;
Cô lớn đôi giày mõm nhái, cô bé đôi giày mõm nhái, bốn chân quần quét đất, sướng thay hai gái lấy chồng chung.

昆狂蔣竟繩西得翁里噞頭腐褪
姥潭蚌邊官尚覓具貳助股忱嗜

Con chó dựng cạnh thằng Tây, được ông lý cúi đầu mà lạy;
Mụ đầm ngồi bên quan Thượng, thấy cụ nhì cứng cổ thầm khen.

翁議得賞腩低鵠尺西跺潭撈會咬稿慍喻洏
臥南嚇權保護希蒲昭民奴隸僞蔑蚌苦的勤之

Ông Nghị được thưởng mề đay, khi làm xiếc, Tây nhẩy đầm,
mở hội ăn khao vui gớm nhỉ;
Người Nam dưới quyền bảo hộ, vua bù nhìn, dân nô lệ,
kệ đời sống khó đêch cần chi.

搜稅碾洏膝啫褓叔噤昆狂嚕
民圭护本曳者豪吻咧啫猶嘶

Sưu thuế nặng công lưng, tiếng mõ thúc vang, con chó sủa;
Dân quê lo vòn dái, kỳ hào thết lác, tiếng bò kêu.

罘柱罘貶哄哄丐仉掙噺掙炊腐搋別掙擲拱世界
紅頭紅竜捲捲仍埃捲諾捲連耒義低捲澀僂培西

Bốn trụ bốn nghê cười, cười cái kẻ tranh thịt tranh xôi mà chẳng biết tranh đua cùng thế giới;
Hai đầu hai long cuốn, cuốn nhúng ai cuốn nước cuốn mây rồi mai đây cuốn sạch lũ bồi Tây.

姊哀姊沒啫啊停劫浮生官赳迤衡耒他划蚌乘媸買姊
昆唉昆羣辭創嫊劇世閩各昆群嫊妬音忱琵叮媄拱昆

Chị ơi chị! Một tiếng đùng đoàng, kiếp phù sinh quan lớn đã xong rồi, thơ thẩn sống thừa em với chị;
Con hỡi con! Trăm năm sáng tỏ, gương thế phiệt các con còn soi đó, âm thầm chết điếng mẹ cùng con.

Câu đối về vụ Cung Khắc Dản, làm quan ở Thái Nguyên (thời Pháp), bị chết vì lựu đạn của lực lượng cách mạng.

仍想買拱饒哼腳慍丕情故友
乡鬼喊隔別昊懶傷收義通家

Những tưởng mãi cùng nhau, ngày tháng vui vầy tình cố hữu;
Ngờ đâu nên cách biệt, sớm chiều thương nhớ nghĩa thông gia.

學廚富溪咬粗烃
官縣書池旺渚泡
Học trò Phú Khê ăn cơm cháy
Quan huyện Thư Trì uống nước ao.

昆婚偲那貼仔細
翁馱咳登計功夫
Con rể nết na xem tứ tế
Ông chồng cay đắng kể công phu.

夫羅馱婦羅婚爲馱婚沛趙夫
我羅些恠羅眉爲眉些喊化我
Phu là chồng, phụ là vợ, vì chồng vợ phải đi phu;
Ngã là ta, nhĩ là mày, vì mày ta nên hóa ngã.

袹襖甲解掖穻丁戊己庚誇輪哏貴
𠱋妓乾腮扣紇坎選離兌窖吶哏坤
Mặc áo giáp, giải cài chữ đinh, mậu, kỷ, canh, khoe mình rằng quý;
Làm đĩ càn, tái đeo hạt khảm, tốn, ly, đoài, khéo nói rằng khôn.
(Hồ Xuân Hương - Chiêu Hồ)

侍𠰁侯侍蹲視暟侍共悶足空固𠸄
武悋孟武器舞擺雨退霜羽氿奇毬
Thị vào hầu, thị đứng thị trông, thị cũng muốn, thị không có ấy;
Vũ cậy mạnh, vũ ra vũ múa, vũ gặp mưa, vũ ướt cả lông.[1]

些𠵱官侍趙篤塘椰助洪水朱天下悋
碎學廚橘呸曚榜眼功扣趧丕志買甘
Ta nay quan Thị, đi dốc Đường Da, trợ hồng thủy cho thiên hạ cậy;
Tôi học trò Quất, rắp mong Bảng Nhãn, công dèo bòng phỉ chí mới cam.

昆佳文谷蓮渥骿鶸蹲林離嗱卿喀
昆奶鉢場齛行鮖蝠蚱朝蛁吶央央
Con giai Văn Cốc, lên dốc bắn cò, đứng lăm le, cười khanh khách;
Con gái Bát Tràng, bán hàng thịt ếch, ngồi chầu chẫu, nói ương ương.

---

(1) Tương truyền đây là đôi câu đối, đối đáp giữa quan Thị và quan Vũ [illegible] đều dùng nhiều chữ cùng âm Thị, âm Vũ nhưng nghĩa [illegible] nhau.

鷄 羅 鶹 鶹 唉 稽
幼 羅 稚 稚 唉 枢
Kê là gà, gà ăn kê
Ấu là trẻ, trẻ ăn ấu

栖 鶹 稽 押 栖 鱳
魽 易 即 坊 魽 鰶
Chuồng gà kê áp[1] chuồng vịt
Cá diếc tức phường[2] cá mè

鹿 羅 貓 貓 趍 祿 局
魚 羅 魽 魽 済 朕 魚
Lộc là hươu, hươu đi lộc cộc
Ngư là cá, cá lội ngắc ngư

翁 通 狙 榕 核 提 翁 通 空 趍 羅 翁 通 吏
具 秀 趍 戈 閘 貢 具 秀 趾 得 歹 具 秀 才
Ông Thông đến gốc cây Đề, ông Thông không đi là ông Thông lại;
Cụ Tú đi qua cửa Cống, cụ Tú nhảy được ấy cụ Tú tài.

君 子 囷 窮 君 子 窮 君 子 囷
孔 明 拎 縱 孔 明 縱 孔 明 拎
Quân tử cố cùng, quân tử cùng, quân tử cố;
Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm[3].

昆 鴣 多 麻 杜 梗 多 拮 啫 吗 多 多 益 善
丐 魽 郁 吏 鮂 岭 澳 獡 鱘 蓮 郁 郁 乎 文
Con chim đa mà đỗ cành đa, cất tiếng gáy: Đa đa ích thiện;
Cái cá úc lại nằm luống úc, vẩy vây lên: Úc úc hồ văn.

穿 大 羅 芻 嫺 沒 疤 昂 穿 人 羅 臤 渚 覽 臤 鼾 扒 咾 心 侃
穿 皮 羅 肪 添 呸 點 水 穿 波 羅 済 渚 覽 済 芻 麻 我 秲 掉
Chữ đại là cả, bỏ một nét ngang, chữ nhân là người;
chớ thấy người sang bắt quàng làm họ;
Chữ bì là da, thêm ba chấm thủy, chữ ba là sóng;
chớ thấy sóng cả mà ngả tay chèo.

---

[1] Kê, cùng âm cổ chữ Hán là gà; áp còn chữ Hán khác là vịt.
[2] Tức, cùng âm còn có chữ Hán là cá diếc; phường còn chữ Hán khác là cá mè.
[3] Xin xem thêm ở *Lời tựa* đầu sách.

祕吏貝春渃祖罘斮斫歷史
蒔蓮心主權亇台遨兆民生

Trẻ lại với xuân, nước tổ bốn nghìn năm lịch sử;
Đứng lên làm chủ, quyền người hai chục triệu dân sinh.

Mừng xuân - Huỳnh Thúc Kháng

媄坦渃春術家庭姑博英婘扼礹醂悯饒台遨兆
亇空少伴
吒丕朱蚌買和劫陲兵刀渃炤搋稱牾點試黜迸沒
歲吻蠢褝

Mẹ đất nước xuân về, gia đình cô bác anh em, nâng chén rượu mừng nhau hai chục triệu người không thiếu bạn
Cha trời cho sống mãi, hoạ kiếp trải binh đao nước lửa, co ngón tay đếm thử, bảy mươi mốt tuổi vẫn chưa già

Mừng xuân - Huỳnh Thúc Kháng.

褝愜亇些懣冽懣烘燲炤顩腇疔肥怵懣粗唁羹吼
檜齧破槌鏍研扡懣特老姊侯嫩固沒
傑吠學徒對情對趣昨對謅躉泊肪瑁對眉蝗昧鳳
黴胅蛤錐粭打氫對傑褝猥喝祕旄堆

Già ưa người ta chiều, rét chiều hong, nồng chiếu quạt, lưng đau ruột xót, chiều cơm ngon canh ngọt, cối răng vôi, chày sắt nghiến dồn, chiều được lão chị hầu non có một.
Thầy dạy học trò đối, tình đối thú, ngủ đối chơi, tóc bạc da mồi, đối mày ngài mắt phượng, trống bụng cóc, dùi sơn đánh xuống, đối thầy già con hát trẻ vừa đôi.

要饒如包如摔如嗯飣桶如攡猥捶如搓僕羨
如扜行絲
祕低固飄固伴固板餅粖固坲餅糊固牒慲蒸
固粻坊醂

Yêu nhau như bâu như rót như hót vào thúng, như búng con quay, như xoay thợ tiện, như bện hàng tơ.
Lấy đây có bầu có bạn, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp có đệp bánh chưng có lưng hũ rượu.

(Ông Nghè Nguyễn Quý Tân)

筆鏘墨偈魂渃醒咍溝沒院炤紅罘腩丕南氈钟鑑
蹟互移毅英俺絨跐細堆啞珍重頭斮祝節嗆悯春

Bui cun mặc kệ, hồn nước tỉnh hay chưa, một ngọn lửa hồng bốn tháng trời Nam chen giữa gió
Chân cũng đà mềm, anh em nên bước tới, đôi lời trân trọng, đầu năm chúc Tết gọi mừng xuân.

Mừng xuân - Vũ Oanh

欺拙最唱唷君子外摸昭拯覽
昡鯛器唯霍英雄匪井蔣麻曉

Khi khép tối om om, quân tử tò mò nhìn chẳng thấy
Lúc mở ra toác hoác, anh hùng tấp tểnh đứng mà coi.

Hồ Xuân Hương

搜長紇紳金剛呢點呢扣呢小呢僧呢法有直言持誦
萃慈悲鐘濟渡节掘节拮节嚶节拜南無陀佛奉如來

Xâu trang hạt chuỗi kim cương, này đếm, này đeo, này tiểu, này tăng này pháp hữu trực ngôn trì tụng;
Mõ từ bi chuông tế độ, não khua, nào gõ, nào khấn, nào vái Nam mô đà Phật phụng Như lai.

Hồ Xuân Hương

部屹眾奴試麻之杜女麻之节仍欺醅階瓢彈階壁
册箔案件輅茄莞啾賊邋罕務遡龜都味催固之坊楠寔

群固槩些囚拯悖苔拱拯悖朱錪昡咄如鮮呓如蠅
啫如鳰昧如氯挺搏嚴滝沒捷心朱碱役閉嚞仕嗨傳羣斾

Quách thày chúng nó, thì mà chi đỗ nữa mà chi, nào những khi rượu đầy bầu, đàn đầy vách, sách đầy án, bạn đầy nhà, nghêu ngao trăng gió bốn mùa chơi đà đủ vị, thôi có lạ gì phường mặt trắng;
Còn có bọn ta, tu chẳng sợ đầy cũng chẳng sợ, cho đến lúc miệng như tép, mép như tông, tiếng như công, mắt như chớp, xốc vác non sông một gánh làm cho nên việc, bấy giờ sẽ hỏi chuyện trăm năm.

Nghe tin bạn thi đỗ - Lê Đại

固速空爨盧蹦钟丕沒堆欺啓沒堆唑常嗨喋奇廊
奇笳奇親戚阢行動飾擲才群吻嘛乎韌舊界
拯痞時鶻過螺衡晄常迸森歲學迸森穻裹別懿
錪渃錪茄錪翁吒住博膧腮揚昧催停匪井丐虛名

Có mây không gió, lơ lửng giữa trời, một đôi khi nhấn một đôi lời
thường hỏi thăm cả làng, cả xóm, cả thân thích họ hàng,
gắng sức đua tài, còn vẫn mơ hồ trong cựu giới.
Chẳng lợn thì gà, qua loa xong buổi chợ, mười lăm tuổi học mười lăm
chữ, nếu biết nghĩ đến nước đến nhà, đến ông cha, chú bác,
dỏng tai giương mắt, thôi đừng tấp tểnh cái hư danh.
Mừng cháu Thi đỗ - Lê Đại

趏 坦 啱 塘 滲 如 鵬
蝌 裕 椰 靉 沫 盡 髖
Đi đất thịt, đường trơn như mỡ
Ngồi gốc da, gió mát tận xương

婚 奇 婚 𠊎 𠊎 婚 條 罵 婚 奇
官 承 官 少 少 官 鞘 噲 官 承
Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả
Quan thừa quan thiếu, thiếu quan sao gọi quan thừa[1]

聖 祖 唻 聖 尊 器 爛 渃
神 魂 堙 神 性 趏 術 茄
Thánh tổ bảo Thánh tôn ra mở nước
Thần hồn nát Thần tính chạy về nhà

昆 蛤 撩 椄 妄 格 傚 軒 氍 坦 傚 劇 瑌 縩
昆 公 趏 戈 廚 溼 傚 暄 啫 槓 傚 鯨 古 来
Con cóc leo cây vọng cách, nó rơi xuống đất, nó cạch đến già;
Con công đi qua chùa Kênh, nó nghe tiếng cồng, nó kềnh cổ lại.

昆 妈 栜 椳 腸 森 紅 紅 悶 趏 裞 鈇 底 麻 暗 椳
翁 老 行 霢 胯 撐 埋 厩 惕 遡 昆 妈 暢 大 宮 霢
Con gái cầu Cậy, má đỏ hồng hồng, muốn đi lấy chồng, để mà trông cậy;
Ông lão hàng Mây, da xanh mai mái, thích chơi con gái, sướng đại cung mây

春 瑌 唸 拱 花 鞊 別
情 飣 煬 貝 靉 腋 收
Xuân đến nhắn cùng hoa cỏ biết;
Tình riêng giãi với gió trăng thâu.

---

[1] Tương truyền đôi câu đối này của Cử nhân Nguyễn Tử Mẫn, Tri huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang, về sau có dị bản. Xin xem thêm *Lời tựa* ở đầu sách này.

曲咭潯陽迖達滇和軓罕淩
弓彈翠懌赻術扛掃販巴生

Khúc hát Tầm dương gặp gỡ chan hoà người bốn biển;
Cung đàn Thuý dịch đi về dan díu nợ ba sinh.

垈坦拱多情吹伯春公據鋪煙花赻吏買
粉裔更懾忿嗨翁月老拱坊巾襮怯慳之

Trời đất cũng đa tình, xui bác xuân công, cứ phố yên hoa đi lại mãi;
Phấn son càng tủi phận, hỏi ông nguyệt lão, cùng phường khăn yếm ghét ghen chi.

春拱懈軓塒李湄篦曼漠膊
花群待客梗梨鼻點沒巴芃

Xuân cũng chiều người, sân lý mưa lồng man mác bóng;
Hoa còn đợi khách, cành lê trắng điểm một vài bông.

緣販買牢底沒戢咳群撾吻蚛
哏嘲埃妒些巴春謬底損傍花

Duyên nợ mãi sao đây, một giấc hãy còn vơ vẩn bướm;
Hẹn hò ai đó tá, ba xuân chớ để phũ phàng hoa.

妈固鈇如墁固鷗妈空鈇如墫墡空檛
猥固吒如茄固驅猥空吒如螻蝳叫魋

Gái có chồng như rồng có vây, gái không chồng như cối xay không ngõng;
Con có cha như nhà có nóc, con không cha như nòng nọc đứt đuôi.

埃蓮守諒共英工幹仪弛扒車垓淲
啒喂娘蘇朱姊儂挼尼丐鷁湇坡沏

Ai lên thú Lạng cùng anh, công cán ấy dã tràng xe cát bể;
Nhắn nhủ nàng Tô cho chị, nông nỗi này cái cò lội bờ ao.

一士貳農歇粘貔靈一農貳士
遧師鄰娓景胯啫來遧娓鄰師

Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ;
Trên sư dưới vãi, ngoảnh lưng giở lại, trên vãi dưới sư.

蜆逗梗梅爬狂橘
馭術塘櫏趙伶椌

Kiến đậu cành Mơ bò cuống quýt
Ngựa về đường Bưởi chạy lanh chanh

膰 丹 昧 猞 貓 踵 揮
糰 湃 沟 蓮 芊 淊 蓮
Phên đan mắt cáo mèo chuĩ lọt
Nghé lội ao sen ngó nổi lên

預 飢 權 職 底 柳 哎 嘲 鄴 俟 遧 骨 底 礫 牺 骼 禳
援 理 自 由 庸 曰 嫗 杯 黷 吶 瘦 只 勤 拘 客 收 錢
Dựa vào quyền chức để xoay ăn, chiều dưới nịnh trên, cốt để nặng tay đầy túi
Viện lẽ tự do mà viết ẩu, bôi đen nói xấu, chỉ cần câu khách thu tiền.

先 學 禮 後 學 文 亂 亂 唻 饒 吶 穻 忠 穻 孝
坦 固 例 圭 固 退 茄 茄 哄 吠 忄 調 善 調 哈
"Tiên học lễ, hậu học văn" người người bảo nhau nói chữ trung chữ hiếu;
"Đất có lề quê có thói" nhà nhà răn dạy làm điều thiện điều hay.

紆 憑 家 風 茄 幸 福
嚴 明 國 法 諾 昇 平
Bền vững gia phong, nhà hạnh phúc;
Nghiêm minh quốc pháp, nước thăng bình.

惘 黨 赻 进 辭 奇 羴 沔 坦 諾 熷 烳 迍 節
忮 博 鐿 羴 犧 行 兆 鞯 朏 紅 榼 熄 飢 春
Mừng Đảng sáu mươi năm, cả trăm miền đất nước tưng bừng đón tết;
Nhớ Bác tròn trăm tuổi, hàng triệu trái tim hồng rạo rực vào xuân.

保 術 邊 疆 暻 爙 皓 霜 英 戰 仕 決 心 戰 斗
拧 攓 海 島 嚴 飉 瞚 飄 姊 民 軍 謹 密 巡 防
Bảo vệ biên cương, ngày nắng đêm sương, anh chiến sĩ quyết tâm chiến đấu;
Giữ gìn hải đảo, sớm giông chiều bão, chị dân quân cẩn mật tuần phòng.

景 覺 防 奸 人 民 羴 眛 斾 牺 拧 安 內 地
堅 強 搮 賊 戰 士 闖 亂 沒 志 拧 憑 邊 陲
Cảnh giác phòng gian, nhân dân trăm mắt nghìn tay giữ yên nội địa;
Kiên cường chống giặc, chiến sĩ muôn người một chí giữ vững biên thuỳ.

堅 持 擣 買 思 惟 發 輝 精 神 忄 主 憑 跐 進 蓮 堎 事 業
鞏 顧 紀 綱 体 制 動 員 內 力 飾 孟 決 心 奮 斗 捋 基 圖
Kiên trì đổi mới tư duy, phát huy tinh thần làm chủ, vững bước tiến lên xây sự nghiệp;
Củng cố kỷ cương thể chế, động viên nội lực sức mạnh, quyết tâm phấn đấu dựng cơ đồ

𣍐 招 車 緣 情 堆 侶 轟 解 和 合
祝 猉 結 伴 義 砂 鐀 闖 課 鏍 崙

Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hoà hợp;
Chúc con kết bạn, nghĩa đá vàng muôn thuở sắt son.

招 殯 群 祖 宗 咳 群 佴 種 茄 些 生 產 買
曠 湄 芳 庙 陵 汐 芳 嶽 滝 坦 諾 凭 紆 數

Cháu chắt còn, tổ tông hãy còn, nòi giống nhà ta sinh sản mãi;
Nắng mưa thế miếu lăng vẫn thế, non sông đất nước vững bền lâu.

(Đệ tứ thập tứ thế kỷ niên tôn Vũ Đình Khôi bái đề - Đền Hùng, Phú Thọ)

垓 撐 坠 南 諾 罘 斮 解 茄 固 蓆
生 敕 種 卒 招 台 森 兆 具 轟 鎍

Gây dựng trời Nam, nước bốn nghìn năm nhà có nóc;
Sinh sôi giống tốt, cháu hai lăm triệu cụ chưa già.

(Huấn đạo Nguyễn Thiện Kế bái đề – Như trên)

嶽 滝 散 作 芃 淶 諾
身 世 冷 汀 靨 溧 蘞

Non sông tan tác bông rơi nước
Thân thế lênh đênh gió dạt bèo

(Lê Quýnh; Bắc hành tùng ký)

撟 邐 坤 塡 霤 朮 鼿
瞟 頭 慱 負 岦 滝 鄄

Kéo tóc khôn đền mưa móc mới;
Ngoảnh đầu sợ phụ núi sông xưa.

(Như trên)

德 耄 起 天 清 淨
德 耄 天 官 闖 九 廚

Đức vua khởi thiên thanh tịnh
Đức vua thiên quan cửu chùa

(Miếu Lai Triều, Thái Thụy, Thái Bình)

梓 膍 王 三 分 天 下
𣘺 頭 西 四 海 皆 兄

Rút ruột Vương, tam phân thiên hạ
Chặt đầu Tây, tứ hải giai huynh

(Tương truyền về đối là của một người Tây thạo tiếng Việt, nói với vua Duy Tân. Ý nói chữ Vương có bổ giữa thì thành chữ Tam là ba; đất nước chia ba. Vế dưới là của vua [illegible] đối lại, ý nói chữ Tây bỏ hoành đầu thì thành chữ Tứ là bốn, bốn biển đều anh em).

嵒仍几貪皮化利帽翅蚱隊達頭邋迎軮蹲直闈候門
管包得拦丐喈名襖城麟仝郩肌肤痧譪跪痟墀帳府
Ngán những kẻ tham bề hóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên đầu tóc,
nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn;
Quản bao người mang cái nhàm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu,
mỏi gối quỳ mòn sân trướng phủ.

錁中炉炭中炉炤中炉嗯淝哺時黜椎硯
絖於薛墨於薛茉於薛曰磊悔麻杜魁科
Sắt trong lò, than trong lò, lửa trong lò, thổi phì phò thì ra dùi vở;
Giấy ở túi, mực ở túi, bút ở túi, viết lúi húi mà đỗ khôi khoa.
(Tương truyền vế dưới là sự đối đáp của Lê Văn Hưu, danh sĩ đời Trần, với người thợ rèn)

瞷巵迸販嗨鼸霧抓踶踏尚貪黜闈
創夢沒醐醝醉累拹秺趯翁福飥茹
Chiều ba mươi nợ hỏi tít mù, co cẳng đạp thằng bần ra cửa;
Sáng mồng một rượu say túy lúy, giơ tay bồng ông phúc vào nhà.
(Nguyễn Công Trứ)

翁黜北罵枚職京略爵郡公罘渡空茹麻一咶
具術西拱惜韌朝廷外政府沒悉貝諾固台兜
Ông ra Bắc là may, chức Kinh lược, tước Quận công, bốn biển không
nhà mà một nhỉ;
Cụ về Tây cũng tiếc, trong Triều đình, ngoài Chính phủ, một lòng với
nước có hai đâu.
(Thân sĩ Hưng Yên tặng Hoàng Cao Khải ra Bắc năm 1897)

扜哏蜥劫恤蹎姊我婘能仃奄丕
埃礙蛤折鄹傳官赦魔扒別心罼
Nghĩ rằng rết khỏe nhờ chân, chị ngã em nâng đành đã vậy;
Ai ngờ cóc chết hết chuyện, quan tha ma bắt biết làm sao!
(Câu đối nghè Tân làm giúp hai bà thờ chung chồng vừa ra tù thì chết)

熟巵羴赦迸卷經庄神聖佛仙仍恪俗
能糝萬斾罰默偈空君臣父子的罌得
Thuộc ba trăm sáu chục quyển kinh, chẳng thần thánh phật tiên
nhưng khác tục;
Hay tám vạn nghìn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử đếch
ra người.
(Vế đối là của Nguyễn Công Trứ đối lại vế trên của một nhà sư).

義黨情民塘革命嚟凌戰勝
花春會節頂榮光煊炤成功

Nghĩa Đảng tình dân, đường cách mạng lẫy lừng chiến thắng;
Hoa Xuân hội tết, đỉnh vinh quang rực rỡ thành công.

(Câu đối Nôm mỗi chữ có ngang, dọc đều 1 mét, mừng xuân Ất Dậu - 2005 - trình bày ở triển lãm Giảng Võ - Hà Nội)

炤紅日早篦垔坦
劍捽堅江怯鬼神

Lửa hồng Nhật Tảo rung trời đất;
Kiếm tuốt Kiên Giang khiếp quỷ thần.

(Câu đối viếng Nguyễn Trung Trực của Huỳnh Mẫn Đạt)

隊箙翹鶻罌趙复國公吏還公
默祆翅鴿版術耕農客時默客

Đội nón lông gà, ra đi phục quốc, công lại hoàn công;
Mặc áo cánh sẻ, trở về canh nông, khách thời mặc khách.

耨壽山蹲岦壽山山山出英雄豪傑
妬宮月蝌翴宮月月月朋君子丈夫

Trai Thọ Sơn đứng núi Thọ Sơn, sơn sơn xuất anh hùng hào kiệt;
Gái Cung Nguyệt ngồi trong Cung Nguyệt, nguyệt nguyệt bằng quân tử trượng phu.

(Thiều Thốn thời Trần đối Công chúa Ngọc Chiêu)

睞鼓艘砐嚴丐吸
施褚鰩般撐紲鬗

Nhe răng sấu đá ngàm cái cạp
Thè lưỡi thòn bơn vuốt sợi râu

(Câu đối vui về nghề đan ở Hoằng Hóa, Thanh Hóa)

頭獡咖狄爲渃悁躺垔害底心鬨趾.跡徵王罵芳妒
琨鷂招鴻買茹別楎得試貼氣节本淍趙帝駭群低

Đầu voi miệng cọp, vì nước quên mình, trời khéo để làm gương, dấu tích Trưng Vương là thế đó;
Con Lạc cháu Hồng, mấy nhà biết mặt, người thử xem khí tiết, vốn giòng Triệu Đế hãy còn đây.

(Lưu truyền ở Hoằng Hóa, Thanh Hóa)

𠊛 辛 相 當 官 櫼 鎌 捽 鉑 網 簸 蒡 蓎 軍 轎 插 行 台 帡
參 芃 枕 妥
節 元 旦 宴 節 膇 魡 炟 黃 餅 蒸 因 椰 餘 荇 迶 口 沒 醂
𠰁 盞 情 喪

Quyền Tể tướng đương quan, hèo gươm tuốt bạc, võng nón lá sắn, quân kiệu xếp hàng hai, lọng tám bông chũm chọe;
Tết Nguyên đán thực tết, giò cá rán vàng, bánh chưng nhân dừa, dưa hành đưa khẩu một, rượu ba chén tình tang.
(Giai thoại Nguyễn Bá Nhạ đối Hà Duy Phiên)

度 朱 得 世 恒 如 食
招 衳 役 丞 蟤 窖 𠲖
Đo cho người thế hằng như thực;
Chuốc lấy việc trời bởi khéo tay.
(Trường đối tạp sao; VHv. 2010)

奢 吏 衳 之 蒙 者 特
勉 嗔 陽 鑕 貯 朱 髂
Xa lại lấy chi mong giả được;
Miễn xin dương chất trữ cho dầy.
(như trên)

嘹 淊 筆 硯 麻 劍 馬
故 窏 金 紙 拱 桑 蓬
Ngán nỗi bút nghiên mà kiếm mã;
Cớ sao kim chỉ cũng tang bồng.
(Trường văn đối liên; VHv. 226)

姑 蓮 袖 襛 花 蓮 蹲 於 湖 蓮 徐 得 君 子
舅 桂 袖 祆 翅 桂 躔 蓮 宮 桂 閉 姊 妲 娥
Cô Sen mặc yếm hoa sen, đứng ở hồ sen, chờ người quân tử;
Cậu Quế mặc áo cánh quế, trèo lên cung quế, bế chị hằng nga.

固 祖 固 宗 宗 祖 祖 宗 宗 祖 韆
群 嶡 群 渃 渃 嶡 嶡 渃 渃 嶡 茄
Có tổ có tông, tông tổ tổ tông, tông tổ cũ;
Còn non còn nước, nước non non nước, nước non nhà.
(Câu đối truyền miệng ở nhiều địa phương)

天水洞枌源福靡
蘭溪枝熄脈文踈
Thiên Thủy dòng phân, nguồn phúc rộng;
Lan Khê chi tỏa, mạch văn dài.
(Từ đường họ Thạch, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội)

名家綏蔑自暱茄黎跋吏
班頭酸崒本自盛德細尼
Danh gia nối đời, từ thuở nhà Lê trở lại;
Ban đầu xây dựng, vốn từ Thịnh Đức tới nay.
(Từ đường họ Thạch ở Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội)

省青發跡祖先著
阯阮留傳昆招軷
Tỉnh Thanh phát tích tổ tiên trước;
Họ Nguyễn lưu truyền con cháu sau.
(Từ đường họ Nguyễn làng Minh Giám, Kiến Xương, Thái Bình)

明監圭鄉範碑砆
月臨坦祖鑿悉鮢
Minh Giám quê hương ghi bia đá;
Nguyệt Lâm đất tổ tạc lòng son.
(Từ đường họ Nguyễn thôn Nguyệt Lâm, Kiến Xương, Thái Bình)

偎鬼拦丐斗蹲闈魁元
昆木拚核旁睅茄榜眼
Thằng quỉ mang cái đấu đứng cửa khôi nguyên;
Con mộc tựa cây bàng nhòm nhà bảng nhãn.
(Câu đối của Bảng nhãn Phạm Quang Trạch và Hương cống Nguyễn Quỳnh – theo Gia phả họ Phạm ở Đông Ngạc, Hà Nội)

律沒蔑空得調咦仍擬拱拯闋調咦悉自吶悉對影常熘鬻白髮
插龍渃調別觭弩麂寔渚埃別觭奇楠共迍楠知心畫固伴黃泉
Suốt một đời không được điều gì, nhưng nghĩ cũng chẳng hổng điều gì, lòng tự nhủ lòng, đối ảnh thường soi gương bạch phát;
Khắp trong nước đều biết mình cả, mà thực chưa ai biết mình cả, mặt cùng gặp mặt, tri tâm họa có bạn hoàng tuyền.
(Câu đối tự đề của cụ Lê Đại, người nổi tiếng của lớp nhà nho cuối cùng ở Hà Nội)

醞共和花平等憫春獨立
餅自由鼇博愛唉節民權

Rượu cộng hòa, hoa bình đẳng, mừng xuân độc lập;
Bánh tự do, gió bác ái, ăn tết dân quyền.

(Câu đối Bác Hồ viết trong tết độc lập đầu tiên sau Cách mạng tháng 8 – 1945)

爆燈蓮油紅駟帝
騎馭庸齲晉蓮唐

Thắp đèn lên, dầu vương ra đế;
Cưỡi ngựa dong, thẳng tấn lên đường.

(Theo Vũ Kiên, bài Bác Hồ với thú làm câu đối, báo Sức khỏe & Đời sống số Xuân Ất Dậu - 2005).

汫移古花文群色涅
茹六陵底渃汐印形

Giếng đá cổ, hoa văn còn sắc nét;
Nhà lục lăng đáy nước vẫn in hình.

(Đình Cự Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

亭巨正廟𠊛姑鮮買圭鄉文物
廚菩提堰埬屍標高傳統英雄

Đình Cự Chính, miếu Hai Cô, tươi mới quê hương văn vật;
Chùa Bồ Đề, gò Đống Thây, nêu cao truyền thống anh hùng.

(Đình Cự Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

橈椄撱柊椄高恢柊凭
呇渃汝源渃瀝自源瀚

Trồng cây vun gốc, cây cao nhờ gốc vững;
Uống nước nhớ nguồn, nước sạch tự nguồn trong.

(Đình Cự Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

菓福蝉犗廚沒攝
花蓮餈泣伕进方

Quả phúc dựng nên chùa một nếp;
Hoa sen thơm khắp, Phật mười phương.

(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

坦几木文能武磊
俘華京妈擔耨才

Đất kẻ Mọc văn hay võ giỏi;
Người Hoa Kinh gái đảm trai tài.
(Đình Nhân Mục, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

𠊚 𣍐 群 買 啫 𧵑 墜 仉 木
闊 暝 傳 留 清 歷 坦 升 龍

Nghìn năm còn mãi tiếng thơm vùng kẻ Mọc;
Muôn thuở truyền lưu thanh lịch đất Thăng Long.
(Đình Nhân Mục, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

𣇉 心 福 乙 心 緣 香 炤 灸 屬 狼 唪 佛
鼬 報 恩 婁 報 德 逍 遙 暇 腩 得 聒 經

Nhiều làm phúc, ít làm duyên, hương lửa sớm khuya nương bóng Phật;
Trước báo ân, sau báo đức, tiêu dao ngày tháng được nghe kinh.
(Chùa Bà Đá, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

椄 德 猡 棯 狼 闈 慈 悲 懞 濟 渡
垀 仁 砐 搭 仍 求 內 外 躨 超 生

Cây đức trước trồng nương cửa từ bi mong tế độ;
Nền nhân nay đắp, những cầu nội ngoại chóng siêu sinh.
(Chùa Bà Đá, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

綫 引 眾 生 飥 善 惡 鬨 嵩 𠓨 塭 闈
香 𧵑 諸 佛 証 醒 迷 聒 透 朵 回 鐘

Dây dẫn chúng sinh vào, thiện ác mở tung hai lối cửa;
Hương thơm chư Phật chứng, tỉnh mê nghe thấu mấy hồi chuông.
(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

蹲 此 鼙 坦 齡 鴣 亘 恮 蹉 一 竜 都 囝 沛 仉 梅 汚 樂 土
退 當 睊 滝 垢 葛 飄 霺 讓 𣍐 世 界 兜 朋 鬱 佛 准 名 藍

Đứng thử trông đất lành chim đậu, vui vẻ nhất Long Đô,
có phải kẻ Mơ miền Lạc Thổ;
Gặp đương buổi sông lở cát bay, mịt mù trong thế giới,
đâu bằng cửa Phật chốn danh lam.
(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

𣍐 祖 國 外 辭 州 劫 叭 稽 哂
連 天 堂 帶 地 獄 闈 佛 狹 夷

Trong tổ quốc ngoài năm châu kiếp người ghê nhỉ;
Trên thiên đường dưới địa ngục cửa Phật hẹp gì.
(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

諸佛本慈悲紅扨怵台蒐黑暗
眾生罟煩惱黃梅稹共景清修

Chư Phật vốn từ bi hồng kiếp xót thay đời hắc ám;
Chúng sinh chở phiền não Hoàng Mai riêng cùng cảnh thanh tu.

(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

椄鞊滝蘇愶景買
塔廚坦縷吻垀望

Cây cỏ sông Tô mừng cảnh mới;
Tháp chùa đất Lủ vẫn nền xưa.

(Chùa Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

香炤添燶廚縷鬗
廟陵當對景啓愜

Hương lửa thêm nồng chùa Lủ trước;
Miếu lăng đăng đới cảnh khải vui.

(Chùa Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

局溫還當檜桂糙珠給貼心緣噲斛扜顎菓福
准城市拱嬓蓬渃弱鐘廚禮佛箕埃婓景廔伽

Cuộc doanh hoàn đương củi quế gạo châu góp của làm duyên gọi chút vo tròn quả phúc;
Chốn thành thị cũng non bồng nước nhược chuông chùa lễ Phật kìa ai bén cảnh chiền già.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

英婑唋暸粻廡韃坦耄廚廊風景侇
善信唉蹼耏求福貼蒐歞世渃嬓仙

Anh em ơi! ngoảnh mặt mà trông, đất vua chùa làng phong cảnh bụt;
Thiện tín hỡi! rón tay cầu phúc, của đời người thế nước non tiên.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

尬窏劬勞針報孝
斮秋香炤霽慈悲

Chín chữ cù lao chăm báo hiếu;
Nghìn thu hương lửa bóng từ bi.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

嘁玉恤耏攏淍聖丞南碱產固
唼鐀群曲喝蹉仙坦越汐傳筀

Chén ngọc nhờ tay nâng, dòng thánh trời Nam nên sẵn có;
Lời vàng còn khúc hát, dấu tiên đất Việt vẫn truyền ghi.
(Chùa Phụng Thánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

邑泰固天緣珥遣蹈仙趙吏吏
越南饒地勝吹犈淵聖化生生
Ấp Thái có thiên duyên nhẹ khiến gót tiên đi lại lại;
Việt Nam nhiều địa thắng xui nên dòng thánh hóa sinh sinh.
(Chùa Phụng Thánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

曲聖歌吟鋪蔓彈椿噪啫喝
句神唱詠湖西瀾淆呈韻詩
Khúc thánh ca ngâm, Phố Cát đàn xuân vang tiếng hát;
Câu thần xướng vịnh, Hồ Tây lan sóng réo vần thơ.
(Chùa Phụng Thánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

掘滨渃楊枝揲炤毒泣巵斾塖俗
擺隻船般若接眾生蓮尬品臺蓮
Vẩy giọt nước dương chi, dẹp lửa độc khắp ba ngàn cõi tục
Bơi chiếc thuyền bát nhã, tiếp chúng sinh lên chín phẩm đài sen.
(Chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

愴眾生顛倒綱常燄德孝心翳蔑污濁
怵地獄沉淪苦難体悉仁願度塖幽冥
Thương chúng sinh điên đảo cương thường, rạng đức hiếu làm gương đời ô trọc
Xót địa ngục trầm luân khổ nạn, thể lòng nhân nguyện độ cõi u minh.
(Chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

闔慈悲麟斕清湯空垠客紅尘出入
船濟度凭秈擲裡迍迻得善道皈來
Cửa từ bi rộng mở thênh thang, không ngăn khách hồng trần xuất nhập;
Thuyền tế độ vững tay chèo lái, đón đưa người thiện đạo qui lai.
(Chùa Tăng Phúc, quận Cầu Giấy, Hà Nội)

噪聰車馭戈塘俗
斕稲巖滝細闔禪
Vang tai xe ngựa qua đường tục;
Mở mặt non sông tới cửa thiền.
(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

壁包番鬱亞湄歐渚砂凭銅拙鞏楣歪廚鎮北
稍沒趣花蘗熾慧嚴鐘朝雜清湯鬪伏景湖西

Trải bao phen gió Á mưa Âu, trơ đá vững đồng,
chót vót cột trời chùa Trấn Bắc
Riêng một thú hoa đàm đuốc tuệ, sớm chuông chiều trống,
thênh thang cửa Phật cảnh Hồ Tây.

(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

聖蹟崇山府會同勤望拜僊鄉務本圭枷媄買流傳
標表埃禪揀凭風塵擱摀堅貞柱砂蹲共天地數踐

Thánh tích sùng sơn, phủ hội đồng cần vọng bái Tiên Hương Vụ Bản quê nhà, mẹ mãi lưu truyền;
Tiêu biểu cõi thiền, chống vững phong trần xô đẩy, kiên trinh trụ đá, đứng cùng thiên địa lâu dài.

(Chùa Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

准庵禪麟關闔慈產悉濟渡
坭城市少夷客越默飭往來

Chốn am thiền rộng mở cửa từ, sẵn lòng tế độ;
Nơi thành thị thiếu gì khách Việt, mặc sức vãng lai.

(Chùa Vân Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

心香透狪进方佛
福菓修緘沒院廚

Tâm hương thấu đến mười phương Phật;
Phúc quả tu nên một ngọn chùa.

(Chùa Vân Hồ, quân Hai Bà Trưng, Hà Nội)

武略練雄兵綠水斛秋記史越
文才謀上將白藤沒陣勝軍元

Vũ lược luyện hùng binh, Lục Thủy ngàn thu ghi sử Việt;
Văn tài mưu thượng tướng, Bạch Đằng một trận thắng quân Nguyên.

(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

救佴穌牀炭渃固台婆鬮史烳
窮岑滝記鑿得終羣胤笨香簪

Cứu nòi giống lầm than, nước có hai bà gương sử sáng;
Cùng núi sông ghi tạc, người chung trăm họ nén hương thơm.

(Đền Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

二位女英雄諾礙酸喊垾一統
彡秋南國史跡芬群買廟同仁

Hai vị nữ anh hùng, nước cũ gây nên nền nhất thống;
Ngàn thu Nam quốc sử, dấu thơm còn mãi miếu Đồng Nhân.

(Đền Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

善略底福車賢厚糰拦洧已水
否過時泰踦韶光買糰景長春

Thiện lược để phúc xa, hiền hậu mở mang dòng Dĩ thủy;
Bĩ qua thì thái tới, thiều quang mới mở cảnh Trường xuân.

(Câu đối của cụ Ngô Tầm tặng cụ Trường Xuân họ Phạm ở Thái Bình)
(Chữ 水 với chữ 已 là chữ Dòng; "dĩ thủy" ý nói công xây dựng của tổ tiên)

浮生如夢丕卿相公侯噭沒祝
不死罗名妬文章科甲蚌彡秋

Phù sinh như mộng vậy, khánh tướng công hầu vang một chốc;
Bất tử là danh đó, văn chương khoa giáp sống nghìn thu.

(Cử nhân Nguyễn Kỳ Nam và cử nhân Nguyễn Mạnh Nguyên viếng Bằng Phi Nguyễn Doãn Cử, giảng quan Phủ Tôn Nhân ở triều đình Huế, người trực tiếp dạy học cho Ưng Lịch, sau đó là vua Hàm Nghi)

芙留罗油空油空時灺焰
沉默罗沉浪沉浪乙閑心

Phù Lưu là giầu không, giầu không thì tắt lửa;
Trầm mặc là chìm lặng, chìm lặng ắt nhàn tâm.

(Giai thoại về Phạm Tử Hiền, đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu đời Lê Thánh Tông)

學徒廊鉼膊彀鉼彀鋘麻秺耷苔鉼
縣官坦教秺苔槳苔鎌仍頭空睹教

Học trò làng Gang, bụng nhiều gang nhiều thép, mà tay chửa đầy gang;
Huyện quan đất Giáo, tay đầy dáo đầy gươm, nhưng đầu không đủ giáo.

(Giai thoại về học trò làng Gang đối đáp với quan huyện làng Giáo)

粘鼎空啫成污米
銅黮拯鍊抆黃金

Gạo trắng không giã, thành ô mễ;
Đồng đen chẳng luyện vẫn hoàng kim.

(Giai thoại thầy đồ ra cho học trò làng Ô Mễ đối)

君子撙輪搭撰蹭
丈夫感志掀禪啾

Quân tử náu mình rung nhịp gót;
Trượng phu thích chí gẩy đàn môi.

(Giai thoại Nguyễn Khuyến ra, Bùi Viện đối)

𥪡嚥世間只固花梅罢別佪
趫薨天地禍罢昆狂固悇矃

Thơm nức thế gian chỉ có hoa mai là biết tớ;
Thối hoăng thiên địa họa là con chó có ưa người.

(Tri huyện Duyên Hà là Vũ Quí Mão, nhân kỷ niệm ngày sinh, ra vế thách đối. Có người đã đối lại ngay)

咟翁縣沿河...啊!
徒娑嵳歷動...動

Miệng ông huyện Duyên Hà... hà;
Đồ bà già lịch động... động.

(Tri huyện Mão đọc vế ra, rồi bảo anh hầu đối lại)

得价碎鼾輪貼底貼同吝丞貼狂唉欣插吏
喇楨姑鄨洏錢捐錢固魯咄獀別換拱成官

Được giá tôi bán luôn, của để của đồng lần, thừa của chó ăn hơn xếp lại;
Gớm trinh cô lắm nhỉ, tiền quyên tiền có lỗ, dẫu trâu biết xỏ cũng thành quan

(Cụ Nguyễn Văn Đằng, huyện Kiến Xương, Thái Bình viết dán ở cửa hàng bán nông cụ của một tổ chức chính trị bí mật thời Pháp thuộc).

煄怊厓唐西仉徠亂過歌誦生墳官赦吏
噪唆齀村北辿敬迂緩沒悉尊重具齀民

Rực rỡ mé đường tây, kẻ lại người qua ca tụng sinh phần quan lớn lại;
Vang lừng trong thôn Bắc, trên kính dưới rái, một lòng tôn trọng cụ trong dân

(Câu đối "mừng" khánh thành sinh phần một nhà giầu ở Kiến Xương, Thái Bình thời Pháp thuộc)

忠義禲茹迢難外侵欺上海昡橫濱慷慨出洋爐役諾
堅強本性當干危變尼柬京奴光復艱勞活動援情民

Trung nghĩa nếp nhà, gặp nạn ngoại xâm, khi Thượng Hải, lúc Hoành Tân, khảng khái xuất dương lo việc nước;
Kiên cường vốn tính, đương cơn nguy biến, này Đông Kinh, nọ Quang Phục, gian lao hoạt động vẹn tình dân.

(Cụ Khóa Thụ làng Thượng Phúc, huyện Kiến Xương, Thái Bình viếng cụ Nguyễn Quang Đoan – con trai Cả nhà văn thân yêu nước Nguyễn Quang Bích)

哈 寔 罗 哈 到 底 咆 沒 唐 絖 沒 裊
推 替 時 推 拱 得 非 騰 奴 則 騰 箕

Hay thật là hay đáo để! Bảo một đàng quàng một nẻo;
Thôi thế thì thôi cũng được! Phi đằng nọ tắc đằng kia.

(Khi học trò đã làm cho Tây về biếu quà thầy,
Nguyễn Khuyến làm hai vế đối này)

壹 近 市 弍 近 江 此 地 昔 曾 稱 皋 屋
覇 於 廊 鼐 於 諾 恠 垄 尼 庖 抹 鬟 鳰

Nhất cận thị, nhị cận giang, thử địa tích tằng xưng tị ốc;
Giầu ở làng, sang ở nước, nhờ trời nay đã vểnh râu tôm.

(Nhất gần chợ, nhì gần sông, chốn ấy xưa từng xưng nhà mũi)
(Có hai vợ chồng đến xin câu đối, chồng thích chữ Hán, vợ lại thích Nôm,
Nguyễn Khuyến cho hai câu một Hán, một Nôm).

茹 尬 拱 嶢 織 恠 得 婆 哈 藍 哈 心 紩 皸 辣 挂 掁 裨 乖 鉢
必 祚 蹟 昡 打 蹟 招 爲 佪 拖 掙 齁 每 役
婆 趎 兜 踣 買 底 朱 老 豹 斸 豹 王 貝 躉 枸 莖 撦 裙 椤 座
乾 嚼 秺 筏 揕 秺 囀 拱 埃 計 礼 傳 轟 解

Nhà chỉn cũng nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm thắt lưng
bó que, xắn váy quai cồng, tất tả chân đam đá chân chiêu,
vì tổ đỡ đần trong mọi việc;
Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành,
buông quần lá tọa, gật gù tay đũa chạm tay chén,
cùng ai kể lể chuyện trăm năm.

(Nguyễn Khuyến khóc vợ)

昆 招 批 撓 堆 果 福
吒 翁 唆 禮 罘 方 垄

Con cháu nâng niu đôi quả phúc;
Cha ông lừng lẫy bốn phương trời.

(Khi còn là khóa sinh, Nguyễn Khuyến làm tức cảnh một cô gái đánh khăng
và một anh học trò dằng co túm ngực, để cô gái réo cả ông bà ông vải lên)

事 學 拯 沛 遡 創 衱 曝 鍊 剿 膊 昆 熱 窏
餧 柴 兜 固 胖 解 鄹 節 囙 捕 頭 甫 裗 錢

Sự học chẳng phải chơi, sáng cặp tối rèn, mổ bụng con nhét chữ;
Nuôi thầy đâu có bỡn, năm hết tết đến, bổ đầu bố lấy tiền.

(Khi dạy cho con Hoàng Cao Khải, Nguyễn Khuyến dán ở nhà dạy học đôi
câu đối này)

固傘固傘固香案祿耗名買嚫陵匹赦省
节扁节棋节敕封朱具姊婀乎易買啉歟

Có tàn có tán, có hương án thờ vua, danh giá lẫy lừng băm sáu tỉnh;
Nào biển nào cờ, nào sắc phong cho cụ, chị em hồ dễ mấy lăm người.

(Nguyễn Khuyến mừng cô Tư Hồng khao vọng)

斕斒嚄襖鑭鑭機造化筏爪台艋
拗吏穋穋契喫撰陰陽迻摅沒番

Mở ra, toác toạc toàng toang, cơ tạo hóa chia làm hai mảnh;
Khép lại, khìn khìn khít khịt, máy âm dương đưa đẩy một phen.

(Nguyễn Khuyến làm cho một ả làng Phú Đa, huyện Bình Lục lấy cắm Tây, khắc vào trụ cổng làng).

旀買斒役廊襤襖地拎括毾永抱曉澄蓮麵黯
替麂髡頭諾拉版天堷坦峿坤頑時拱剷魋耒

Vừa mới ra việc làng, mặc áo địa, cầm quạt lông,
vênh váo coi chừng lên mặt lắm;
Thế mà chết đầu nước, lấp ván thiên, vùi đất thịt,
khôn ngoan thời cũng đứt đuôi rồi.

(Nguyễn Khuyến làm sau khi tên chánh tổng hống hách say rượu lăn xuống sông chết đuối)

猥喂猥仍懞猥經史鏙硉恩父母媳撚情髇峿
扒咳扒牢倍穻海山交約義夫妻添剷弩脾肝

Con ơi con! Những mong con kinh sử dùi mài,
ơn phụ mẫu nỡ dứt tình xương thịt;
Chàng hỡi chàng! Sao bội chữ hải sơn giao ước,
nghĩa phu thê thêm đứt cả ruột gan.

(Nguyễn khuyến làm cho vợ hàng thịt khóc chồng và con.

愜屧鐖紲紙紝蹎驀斛謷倍拱咬於
疬疸祕猥釦拮膍沒睩曾項替罟衝

Vui vẻ thay! Sợi chỉ vướng chân, trăm năm thề bồi cùng ăn ở;
Đau đớn nhẽ! Con dao cắt ruột, một giờ tưng hửng thế là xong.

(Nguyễn Khuyến làm cho vợ anh hoạn lợn khóc chồng)

梗碧妾暰蓮欺運紫昅干蹎條愧條坤恤甫蠢
滮黃扒髡竄婚媽紅猥齧鼻艡肝艡膍買翁韕

Cành biếc thiếp trông lên, khi vận tía, lúc cơn đen,
điều dại điều khôn nhờ bố đỏ

Suối vàng chàng thác xuống, vợ má hồng, con răng trắng,
tím gan tím ruột với ông xanh.
(Nguyễn Khuyến làm cho vợ thợ nhuộm khóc chồng)

茹闈抵琳炭琨啄愧祕埃鍊笈
基圖停捕椒媱褳中豁几砥澑

Nhà cửa để lầm than, con thơ dại lấy ai rèn cặp;
Cơ đồ đành bỏ bễ, vợ trẻ trung lắm kẻ đe loi.
(Nguyễn Khuyến viếng người thợ rèn cùng làng)

孰諾南嗨喈西拯別西嗨喈槽拯別槽只沒祕明先王之道以道
茹向北渚埃冽時庖冽渚埃幅時庖幅買噲罵先天下之憂而憂

Người nước Nam hỏi tiếng Tây, chẳng biết Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng biết Tàu, chỉ một nhẽ "minh tiên vương chi đạo dĩ đạo";
Nhà hướng Bắc, chưa ai rét, thời đã rét, chưa ai bức thời đã bức, mới gọi là "tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu".
(Nguyễn Khuyến làm cho một ông đồ dán ở nhà dạy học)

節狸箕箕拯祕擂槐拱歲月
春邶妬奴番尼糰緺買江山

Tết đến kia kìa, chẳng nhẽ giơ cùi cùng tuế nguyệt;
Xuân sang đó nọ phen này mở múi với giang sơn.
(Nguyễn Khuyến làm cho anh học trò nghèo cho bưởi ngày tết)

糙鼐諾瀙晚景吏彊添晚芻
垲琳颱塒怙代兜低咳怙朱

Gạo trắng nước trong, mến cảnh lại càng thêm mến cả...
Cát lầm gió bụi, lo đời đâu đấy hãy lo cho...
(Đối đáp của Lê Tư Thành (sau là vua Lê Thánh Tông)
với một cô gái nhan sắc đang vo gạo ở bến sông)

迸腺腇撵迸赻腇招
腩胵冽苔腩台冽鹿

Mười rằm trăng náu, mười sáu trăng treo;
Tháng giêng rét dài, tháng hai rét lộc.
(Câu đối của thầy đồ và Phạm Đình Trọng).

詩和西湖神女噪唆呸氈埃
名傳南史顯仙煁燠汆斢秋

Thơ hoạ Tây hồ thần nữ vang lừng ba bảy cõi;
Danh truyền Nam sử hiển tiên rực rỡ mấy ngàn thu.
(Phủ Tây Hồ, Hà Nội)

咀几鼾 固學 固錂
屠茹鼪 放孺 放深

Miệng kẻ sang có gang.có thép;
Đồ nhà khó vừa nhọ vừa thâm.
(Trạng Quỳnh khi chưa thành danh, đối đáp trước mặt một viên quan)

狢狠唼 敢嘆
狂坤署 哏噞

Lợn cấn ăn cám tốn;
Chó khôn chớ cắn càn.
(Đối đáp của Tú Cát và Nguyễn Quỳnh thuở còn nhỏ)

丕生翁秀吉
坦匿琨蜅凶

Trời sinh ông Tú Cát;
Đất nứt con bọ hung.
(Câu đối của ông Tú Cát và Nguyễn Quỳnh)

鎝天台栓鑽洞桃揀纘吏矯扒劉慣塭齷
闈銜谷掙栓造化糲鐫跐朱翁沛引軍劓

Hang Thiên Thai then khóa động đào,đóng chặt lại kẻo chàng Lưu quen lối cũ;
Cửa Hàm Cốc lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho ông Bái dẫn quân vào.
(Câu đối của một cô dâu và chú rể trước cửa buồng đêm tân hôn)

磊箕疤曩凭呸石
司奴貼輕擋姅同

Lỗi kia đã nặng bằng ba thạch; (ba "thạch" là chữ "lỗi")
Ty nọ xem khinh đáng nửa đồng. (chữ "Ty" bằng nửa chữ "đồng")
(Câu đối của anh học trò đi thi tên là Lỗi với viên quan Thừa ty được cử làm quan sơ khảo)

襖蠢壈坋牀
帕艭雯曳馭

Áo đỏ lấm phân trâu;
Dù xanh che dái ngựa.
(Câu đối của một viên quan võ và một anh hầu)

命媄閉辭闈相
墓吒尬劫茹公

Mệnh mẹ muôn năm cửa tướng;
Mồ cha chín kiếp nhà công.

(Câu đối của một công tử nhà giầu và một người khách lạ)

學徒罕學徒猥邋補輪嗜罕猥學徒
官縣罕官縣俺處件綾讓罕俺官縣

Học trò là học trò con,
tóc bỏ lon xon là con học trò;
Quan huyện là quan huyện thằng,
xử kiện lẳng nhẳng là thằng quan huyện.

(Câu đối của viên quan "huyện thằng" (tức huyện mua) và một cô học trò bé)

巴萬英雄提氍鄂
尬吝天子隊蓮連

Ba vạn anh hùng đè xuống dưới;
Chín lần thiên tử đội lên trên.

(Nguyễn Công Trứ làm theo lời sai bảo của Lê Văn Duyệt)

客噦計之翁咂炆
齋壇节妬堵榻師

Khách khứa kể chi ông núc bếp;
Trai đàn nào đó, vại cà sư.

(Câu đối của một nhà sư và Nguyễn Công Trứ)

吁證明朱南無阿彌陀佛
固監察妬東廚胥命灶君

Xin chứng minh cho Nam vô a di đà Phật;
Có giám sát đó, đông trù tư mệnh táo quân.

(Nguyễn Công Trứ và nhà sư nói trên)

君子惡其文之官詎
聖人不得以用貴俾

Quân tử ố kỳ văn chi quan lớn;
Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quí ngài.

*(Người quân tử ghét cái giọng văn của ông;
Bậc thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng đến sự quyền biến của ngài.)*

(Đối đáp giữa Hà Tôn Quyền và Nguyễn Công Trứ)

先 生 座 席 上 箐 之 咭 咭 之 箐 箐 箐 咭 咭
小 子 入 亭 中 吲 之 啾 啾 之 吲 吲 吲 啾 啾

Tiên sinh tọa tịch thượng, cót chi két, két chi cót, cót cót két két;
Tiểu tử nhập đình trung, thẩn chi thơ, thơ chi thẩn, thẩn thẩn thơ thơ.

(Thầy ngồi trên chõng tre, chõng kêu cót két, két cót, cót cót két két;
Học trò đến đình trung, trông dáng thẩn thơ, thơ thẩn, thẩn thẩn thơ thơ.)
(Thầy Nguyễn Văn Siêu và trò Cao Bá Quát)

覭 車 千 古 尺 迻 黜 空 親 戚 裕 兜 廡 哭 嘆
想 事 百 年 哃 擬 狸 動 肝 腸 犈 沛 傷 撾

Thấy xe thiên cổ xịch đưa ra, không thân thích nhẽ đâu mà khóc mướn;
Tưởng sự bách niên đừng nghĩ đến, động can trường nên phải thương vay.

(Cao Bá Quát viếng đám ma một nhà khá giả không quen biết)

福 德 祖 先 按 棬 自 課 猎
仁 心 猥 招 培 搭 買 術 斲

Phúc đức tổ tiên gieo trồng từ thuở trước;
Nhân tâm con cháu bồi đắp mãi về sau.

(Nhà thờ họ Nguyễn Đình; Gia Hoà, Nam Cường, Nam Trực, Nam Định)

駷 古 庵 學 場 古 庵
妈 河 內 半 行 河 內

Trai Cổ Am học trường Cổ Am;
Gái Hà Nội bán hàng Hà Nội.

(Thầy đồ ra cho học trò Văn Quế ở Hải Dương đối lại)

上 下 巍 磊 稔 治 譜
臻 炉 套 鱹 柳 紅 屯

Thượng Hạ Gôi Trôi Nằm Trị Phổ
Trăn Tro Sáo Vạc Liễu Hồng Đồn.

(Bảy chợ ở Hà Tĩnh (trên) và Nam Đàn, Nghệ An).

勸 善 懲 淫 猥 埃 蜛 腩 罰 曚 糝
救 人 度 世 貼 埃 撾 疶 沒 塡 迸

Khuyến thiện trừng dâm, con ai đẻ tháng tư mồng tám;
Cứu nhân độ thế, của ai vay mất một đền mười.

(Một nhà sư khoe hay chữ bị Hoàng Phan Thái người Nghi Lộc,
Nghệ An viết thêm phần đuôi để châm biếm)

蓋 罵 象 象 罵 猵 猵 僉 闈 蓋
羞 罵 虎 虎 罵 狄 狄 扒 柴 修

Cái là tượng, tượng là voi, voi chầu cửa cái;
Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thầy tu.
(Tiếng cổ chữ "cái" có nghĩa là tượng mảnh)
(Câu đối nhà sư ra, bắt Hoàng Phan Thái đối lại)

五品敕封銜具鉅
彳幹名價貼妥森
Ngũ phẩm sắc phong hàm cụ lớn;
Nghìn năm danh giá của bà to.
(Một ông đốc học mừng cô Tư Hồng ở Hà Nội)

覇𠓛甲狹𠓛單送葬朱安魂魄媄
魰咁頭蓌咁嗎情喪添慛忿禪猥
Giàu làm kép hẹp làm đơn, tống táng cho an hồng phách mẹ;
Cá kể đầu rau kể mớ, tình tang thêm tủi phận đàn con.
(Nguyễn Khuyến làm cho một cô đào khóc mẹ nuôi là bà chủ cũ)

覇固少之錢趙沒巴貫兜沛祕
邇空時拱薄劍箴巴穿噲罵情
Giàu có thiếu chi tiền, đi một vài quan đâu phải lẽ;
Sang không thì cũng bạc, kiếm dăm ba chữ gọi là tình.
(Nguyễn Khuyến mừng đám cưới một nhà giàu có)

官拯官時民諮鍾鼎屹仰塿連芾冷芾長芾槃巴
錢𠓛牢粘𠓛牢揀撿𠓛牢沒幹迸台腩清汰丐首
猪聡柴拖扣楨
榣拯榣時祕彈小子勞饒篝略尼詩尼賦尼段沒
平罵世仄罵世点圍罵世巴萬朽彳瞠審摡猥眛
鯞扣鏡庖病腮
Quan chẳng quan thì dân, chiếu chung đỉnh ngất ngưởng ngồi trên, nào lệnh, nào trưởng, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, đóng góp làm sao, một năm mười hai tháng, thảnh thơi cái thủ lợn nhìn thấy đà nhẵn mặt;
Già chẳng già thời trẻ, đàn tiểu tử lau nhau đứng trước, này thơ, này phú, này đoạn một, bằng là thế, trắc là thế, điểm quyển là thế, ba vạn sáu ngàn ngày, thấm thoát con mắt gà đeo kính đã mòn tai.
(Nguyễn Khuyến làm tức cảnh khi có bạn bè đến thăm).

欺翁蚌翁螅英螅姊翁螅媾碎尼得朽旬添糝袍
昇翁琵翁蒲闈蒲茄翁蒲妥老埃疑沒丿花姦幹

Khi ông sống, ông đẻ anh đẻ chị, ông đẻ vợ tôi, nay được sáu tuần thêm tám lẻ;

Giờ ông chết, ông bỏ cửa bỏ nhà, ông bỏ bà lão, ai ngờ một phút hóa trăm năm.

(Nguyễn Khuyến làm hộ một anh học trò lớn tuổi khóc bố vợ)

摧 群 吶 之 猥 曠 拧 霘 攮 添 熄 餒
庖 朱 舐 偪 甫 括 濃 挹 冷 沛 塡 恩

Thôi còn nói chi con, nắng giữ mưa gìn thêm tức nỗi;

Đã cho vào bậc bố, quạt nồng ấp lạnh phải đền ơn.

(Câu đối của một nhà nho thất thập vẫn đa tình đọc trước các cô đào hát trẻ)

禮 壽 甂 进 愣 媄 喏
鈾 迻 姦 沒 毉 吒 民

Lễ thọ năm mươi mừng mẹ nước;

Bạc đưa trăm một chết cha dân.

(Dịp lễ thọ "Ngũ tuần đại khánh" của mẹ kế vua Khải Định, Từ Đạm ra vế đối. Có người đối lại)

暴 秋 腦 尬 蓮 謝 岗
頭 皴 更 甂 噲 噼 巔

Mùa thu tháng chín lên chơi núi;

Đầu trống canh năm gọi "thủng đồ".

("thủng đồ" tức đổ thùng. Xưa ở thành phố đến giờ ấy người ta đi đổ thùng phân) (Một người khác đối lại câu của Từ Đạm)

囌 喋 蹤 蓮 歪 拱 貤
劍 鏘 撻 竈 坦 群 蘇

Chén giận tung lên, trời cũng nhỏ;

Gươm thù đặt xuống, đất còn to.

(Kép Trà người Duy Tiên, Hà Nam làm sau vụ bị gông cùm. Ông về làng được bạn bè đến thăm hỏi.)

腋 圇 群 固 歜 进 赻
茶 淡 香 潤 諾 次 台

Trăng tròn còn có hôm mười sáu;

Trà đượm hương nhuần nước thứ hai.

(Câu đối mừng đám cưới một me Tây đứng tuổi lấy một viên thông ngôn trẻ nhưng nghèo)

吟 吶 俗 語 鼕 爲 媱
舐 會 文 明 貴 一 潭

Ngẫm câu tục ngữ "sang vì vợ";
Vào hội văn minh quí nhất đầm.
(Cũng đám cưới trên, câu đối thứ hai)

茶縷吧村涯凿钟
會溪糝社秩跐外
Trà Lũ ba thôn Nhai vào giữa;
Hội Khê tám xã Trật ra ngoài
(Hương Trà Lũ có ba thôn thì tổng Phú Nhai lọt vào giữa. Tổng Hội Khê có tám xã thì xã Bình Trật lại tách ra ngoài xa đến chục cây số. Những địa danh trên thuộc Nam Định và Thái Bình cũ)

燈撩堆爝罘方茄
腋煣炤燸閉榡岗
Đèn treo rọi sáng bốn phương nhà;
Trăng tỏ chiếu soi muôn cụm núi.
(Câu đối của một thầy đồ và Trần Cao Vân, người phủ Điện Bàn, Quảng Nam)

行藏蝨孔孟
改化猥乾坤
Hành tàng giống Khổng Mạnh;
Cải hóa con càn khôn.
(Kẻ sĩ phải như Khổng Tử, Mạnh Tử dạy: gặp thời nên ra mà hành động, không gặp thời phải náu mình đi. Làm người muốn xứng đáng là con của càn khôn thì phải cải hóa để ngày càng tiến bộ)
(Câu đối của một ông cử nhân và Trần Cao Vân)

蝵遠渃坤算役渃粹擠枸所以沛路
吟事代麂啀朱代料旺眛踟兜咍妬
Ngồi trên nước khôn toan việc nước, trót buông câu sở đĩ phải lần;
Ngẫm sự đời mà ngán cho đời, liều nhắm mắt tới đâu hay đó.
(Vế trên của Trần Cao Vân thác lời vua Duy Tân để thử Nguyễn Hữu Bài, là viên đại thần. Bài giả vờ thở than đối lại).

沒胣蹺西咊職重咊官灥吏文懦抆罵議乾
買代慢渃固熱情固學識阮文傳買透情民
Một dạ theo Tây, dù chức trọng, dù quan sang,
Lại Văn Mấn vẫn là nghị gật;
Mấy đời yêu nước, có nhiệt tình, có học thức,
Nguyễn Văn Truyền mới thấu tình dân.
(Câu đối của Nguyễn Ngọc Giáp, người làng Phương Ngải, Kiến Xương làm về việc tranh cử nghị viên thời Pháp ở Kiến Xương, Thái Bình)

Khi ông sống, ông đẻ anh đẻ chị, ông đẻ vợ tôi, nay được sáu tuần thêm tám lẻ;

Giờ ông chết, ông bỏ cửa bỏ nhà, ông bỏ bà lão, ai ngờ một phút hóa trăm năm.

(Nguyễn Khuyến làm hộ một anh học trò lớn tuổi khóc bố vợ)

摧 群 吶 之 猥 曬 拧 霤 攦 添 熄 餒
庖 朱 舐 偪 甫 括 濃 挹 冷 沛 塡 恩

Thôi còn nói chi con, nắng giữ mưa gìn thêm tức nỗi;

Đã cho vào bậc bố, quạt nồng ấp lạnh phải đền ơn.

(Câu đối của một nhà nho thất thập vẫn đa tình đọc trước các cô đào hát trẻ)

禮 壽 甂 迸 悯 媄 渃
鈾 迻 羴 沒 莧 吒 民

Lễ thọ năm mươi mừng mẹ nước;

Bạc đưa trăm một chết cha dân.

(Dịp lễ thọ "Ngũ tuần đại khánh" của mẹ kế vua Khải Định, Từ Đạm ra vế đối. Có người đối lại)

暴 秋 腦 尬 蓮 遫 岗
頭 皴 更 甂 噲 噮 巔

Mùa thu tháng chín lên chơi núi;

Đầu trống canh năm gọi "thủng đồ".

("thủng đồ" tức đổ thùng. Xưa ở thành phố đến giờ ấy người ta đi đổ thùng phân) (Một người khác đối lại câu của Từ Đạm)

嚯 喋 蹤 蓮 丞 拱 孛
劍 雔 撻 竈 坦 群 蘇

Chén giận tung lên, trời cũng nhỏ;

Gươm thù đặt xuống, đất còn to.

(Kép Trà người Duy Tiên, Hà Nam làm sau vụ bị gông cùm. Ông về làng được bạn bè đến thăm hỏi.)

腋 斕 群 固 灥 迸 老
茶 淡 香 潤 渃 次 台

Trăng tròn còn có hôm mười sáu;

Trà đượm hương nhuần nước thứ hai.

(Câu đối mừng đám cưới một me Tây đứng tuổi lấy một viên thông ngôn trẻ nhưng nghèo)

吟 呴 俗 語 鬲 爲 媱
舐 會 文 明 貴 一 潭

𢆶 𣍐 文獻 亞東重 道義重 倫常 些 拧泥 禡 些 法 鍾 𣍐 渚
時 買文 明 大法 於 自由 於 浪漫 奴 淫 婆姑 奴 干的 𡎠 廊

Ngàn năm văn hiến á Đông, trọng đạo nghĩa, trọng luân thường,
ta giữ nề nếp ta, phép chung trong nước;
Thời mới văn minh đại Pháp, ưa tự do, ưa lãng mạn,
nó dâm bà cô nó, can đếch đến làng.

沒 倄 巴 笠 邐
巴 具 尨 笠 鼜

Một thằng ba chỏm tóc;
Ba cụ chín chòm râu.

(Câu đối của Kỳ Đồng thuở còn nhỏ)

蹲 钟 廊 中 立
曳 略 府 先 興

Đứng giữa làng Trung Lập;
Dấy trước phủ Tiên Hưng.

(Trung Lập nghĩa là đứng giữa; Tiên Hưng nghĩa là dấy trước)
(Câu đối của Kỳ Đồng)

頭 正 領 雯 台 傘 幹
蹟 奇 童 蹟 沒 隻 履

Đầu Chánh lãnh che hai tán lọng;
Chân Kỳ Đồng dận một chiếc giầy.

(Câu đối trong giai thoại về Kỳ Đồng)

釀 擇 昧 猞 貓 踵 揥
篹 操 悉 魡 鯉 踰 過

Liếp đan mắt cáo mèo chui lọt;
Rổ dóc lòng tôm tép vượt qua.

(Câu truyền miệng trong dân gian)

禗 牡 丹 朱 媄 蠪
抌 附 子 朱 吒 琨

Lấy mẫu đơn cho mẹ đỏ;
Đem phụ tử cho cha con.

(Theo âm, mẫu đơn nghĩa là mẹ đỏ; theo âm phụ tử là cha con)
(Câu đối của Hồ Xuân Hương và một ông khách lạ)

冊論語台𠱋迸篇篇节空固啞孔子
紩金剛固糝部部节空固窏南無

Sách *Luận ngữ* hai mươi thiên, thiên nào không có lời Khổng Tử;
Kinh *Kim cương* có tám bộ, bộ nào không có chữ Nam mô.

(Câu đối của một nhà nho làm, nhưng giải thích sai lầm về việc Lê Quí Đôn thi chỉ đỗ Bảng nhãn).

沒匏卿燶洒泣東關理成敗鼾嚂坦珠江蔚秋淶淚
疆悉氣節悶趙西洋悉憂愛固承民布圻閉睬空鵠

Một bầu máu nóng tưới khắp Đông Quan, lẽ thành bại khó bàn, đất Châu Giang ngàn thu rơi lệ;
Đầy lòng khí tiết muốn đuổi Tây Dương, lòng ưu ái có thừa, dân Bố Kỳ muôn thuở không quên.

(Câu đối của giới Văn thân Thái Bình khóc Phạm Huy Quang, một danh nhân yêu nước chống Pháp, quê làng Phù Lưu, huyện Đông Quan nay là xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, Thái Bình).

權稭衬砂龍靈地
腱槤頭樹紹化天

Quyền rơm vạ đá Long Linh địa;
Đít thớt đầu chày Thiệu Hóa thiên.

(Câu đối của Xiển Bột và Lý trưởng theo Truyện cười Xiển Bột, Nxb. Thanh niên, H., 2000).

眛鼎野啾浸罌嗷自占五行正氣
襟如螻鈇如蟙奇肝題一路福星

Mắt trắng dã, môi thâm sì, dám tự chiếm Ngũ Hành chính khí;
Gặm như sâu, khoét như mọt, cả gan đề Nhất lộ phúc tinh.

(Một viên quan tự đề cao mình mang khí thiêng núi Ngũ Hành và chỉ có một con đường làm phúc cho thiên hạ. Câu đối của viên quan trên, bị Xiển Bột chữa thêm vào).

巴官蚱呈醪
罘狂蒋毀飣

Ba quan ngồi uống rượu;
Bốn chó đứng chịu cơm.

(Câu đối của quan phủ Thọ và Xiển Bột)

官縣石過埂渡石
昆狂黃哎局鼏黃

Quan huyện Thạch qua bến đò Thạch;
Con chó vàng ăn cục cứt vàng.
(Câu đối của quan huyện Thạch và Xiển Bột)

襖 巍 抉 骭 犂
幋 韝 雯 膇 馭

Áo đỏ quét cứt trâu;
Lọng xanh che đít ngựa.
(Câu đối của tri huyện Lê Kim Thằng và Xiển Bột)

檑 七 分 打 膇 媄 學 徒
幋 八 芃 雯 頭 吒 官 奴

Roi thất phân đánh đít mẹ học trò;
Lọng bát bông che đầu cha quan lớn.
(Câu đối của quan huyện và Xiển Bột buổi chợ tết)

斡 箕 春 斡 外 春 斡 尼 春 春 不 再
翁 督 壽 翁 西 壽 翁 縣 壽 壽 無 疆

Năm kia xuân, năm ngoái xuân, năm nay xuân, xuân bất tái;
Ông đốc Thọ, ông Tây Thọ, ông huyện Thọ, Thọ vô cương.
(Câu đối mừng tuổi quan của Xiển Bột)

賧 妈 沒 念 嬨 損 渃
啫 資 闖 睏 琵 如 群

Trai gái một niềm non với nước;
Tiếng thơm muôn thuở thác như còn.
(Câu đối viếng liệt sĩ sau cuộc biểu tình của nông dân Tiền Hải năm 1930)

祖 先 闖 睏 顯 靈 茂 強 侇 椄 紆 裕
猏 招 鄸 皮 進 步 晖 添 攈 蘿 鮮 梗

Tổ tiên muôn thuở hiển linh, đời càng vững cây bền gốc;
Con cháu nhiều bề tiến bộ, ngày thêm thắm lá tươi cành.

先 祖 固 功 穝 核 德
阢 行 鍾 飭 搭 坪 仁

Tiên tổ có công trồng cây đức;
Họ hàng chung sức đắp nền nhân.
(Câu đối ở cổng từ đường họ Phạm thôn Phương Trạch, xã Phương Công, huyện Tiền Hải, Thái Bình)

官侍搭塘金蓬垠洪水朱民得揌
茹儒杜頭榜眼決爭魁時志買甘

Quan thị đắp đường Kim Bồng, ngăn hồng thủy cho dân được cậy;
Nhà nho đỗ đầu Bảng nhãn, quyết tranh khôi thì chí mới cam.

(Giai thoại Vũ Duy Thanh, thời Nguyễn)

茹淀堆巴間沒柴沒姑沒狂奶
學徒軋黜丁姅得姅癘姅獳猿

Nhà dột đôi ba gian, một thầy một cô, một chó cái;
Học trò năm bảy đứa, nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi.

(Giai thoại Cao Bá Quát)

民族弥傳碑刻功恩坤掣計
英雄雖屈對燸史册汐群原

Dân tộc di truyền bia khắc công ơn khôn xiết kể
Anh hùng tuy khuất gương soi sử sách vẫn còn nguyên

冷汀楠渃暊椰鼎
隴朗遧梗踐蔑撐

Lênh đênh mặt nước buổi dừa trắng;
Lủng lẳng trên cành dái mít xanh.

(Nguyễn Khuyến)

喝哈正甲歸仁寔
學啫𠰁官廣義遫

Hát hay chính khép Quy Nhơn thiệt;
Học dở làm quan Quảng Ngãi chơi.

(Giai thoại Đào Tấn)

趾罌墒卿相公侯鐳鬗漱隊
凿韌笠鐳僥之佪胳曳悉緬

Bước ra sân, khanh tướng công hầu, mày râu nhẵn nhụi;
Vào trong rạp, mày tao chi tớ, cặc dái lòng thòng.

(Giai thoại Nguyễn Hiển Dĩnh)

忠罵埃義罵埃巾帶網幍罵埃他底孤臣死別
垂存妬坦群妬社稷山河群妬蒙朱聖上生还

Trung là ai, nghĩa là ai, cân đai võng lọng là ai?
Thà để cô thần tử biệt;
Trời còn đó, đất còn đó, xã tắc sơn hà còn đó!
Mong cho thánh thượng sinh hoàn.

(Trần Cao Vân)

罘𣍐類棍鞊坦坡茹收揲吏立铖牌正氣
陁磊位君臣垀糊祖鬩脞罌鍊禗劑回春
Bốn nghìn loài cây cỏ đất bờ nhà, thu xếp lại, lập nên bài chính khí;
Ba trăm vị quần thần nền nếp tổ, mở mang ra, luyện lấy tễ hồi xuân.
(Nguyễn Thượng Hiền)

天下穀耒群燲炮
人情落勢來盃碰
Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo;
Nhân tình bạc thế lại bôi vôi.
(Tú Xương)

嗳嵅台栜空炮空硤孛拱空麂節
推拱特醂固腩固餅蒸拱固承春
Nực cười thay, nêu không pháo không, vôi bột cũng không; mà Tết;
Thôi cũng được, rượu có nem có, bánh chưng cũng có; thừa Xuân..
(Như trên)

軒昂拂鑿禗灀標塘正覺
唐陛隊丕踏坦振垵涅槃
Hiên ngang phất gió rẽ mây, nêu đường chính giác;
Đường bệ đội trời đạp đất, chấn cõi niết bàn.
(Chùa Quán Sứ)

沒陣滝藤淸鑿奄散魂逆賊
𣍐秋嶡葯媿騩群聚氣英雄
Một trận Sông Đằng, sóng gió đã tan hồn nghịch tặc;
Ngàn thu Non Dược, khói bay còn tụ khí anh hùng.
(Thờ Trần Hưng Đạo ở Dược Sơn, Chí Linh)

丕竈执闖民欺心將欺心耒泣南北東西調奮振
聖器秸救世寔固名寔固位徐罟陵氣數庫埃皮
Trời xuống giúp muôn dân; khi làm tướng, khi làm vua;
khắp nam bắc đông tây, đều phấn chấn;
Thánh ra tay cứu thế; thực có danh, thực có vị;
từ xưa nay khí số, khó ai bì.
(Thờ vua Quang Trung, Chùa Bộc, Hà Nội)

腇秋舕更悽慘蔓漠鴣撐樓玉茹鐀暗浪乙
京春𣍐黛賒潟嗊啊灀泊滝蘆岗傘旰疠盆

Trăng thu năm canh thê thảm; man mác chim xanh, lầu ngọc, nhà vàng; trông lặng ngắt;
Kinh xuân nghìn dặm xa vời; hững hờ mây bạc, sông Lô, núi Tản; ngó đau buồn!

(như trên)

七斬疏群贅鬩史嗜朱從賣國
六經炉燾鬼扁焚招買准名鄉

Thất trảm sớ còn thơm, gương sử thẹn cho tuồng mại quốc;
Lục kinh tro chửa nguội, biển huỳnh treo mãi chốn danh hương.

(Đền thờ Chu Văn An, Thịnh Liệt, Hà Nội)

犹署犹柴爲固學
奴咬奴袹蝶能心

Nên thợ nên thầy vì có học;
No ăn no mặc bởi hay làm.

(Điện Lưu Quang, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, huyện Chí Linh, Hải Dương)

市城呵沛涓洞竈
辝義牢犹糾士風

Thị thành há phải quên đồng ruộng;
Chữ nghĩa sao nên buộc sĩ phong.

(Phạm Dương Am; thế kỷ 19)

嗊趴空度力
抆罘犹喝悉

Bon chen không đủ sức;
Vun bón nên hết lòng.

(như trên)

英俺脾衲沒雄心猥鴿招鴻標義奇
氣節創焊台志士嶽常淜魯吃魂贅

Anh em ruột thịt một hùng tâm, con Lạc cháu Hồng nêu nghĩa cả;
Khí tiết sáng ngời hai chí sĩ, non Thường dòng Lỗ ngát hồn thơm.

(Viếng Phạm Hoàng Khuê, Phạm Hoàng Triết, 1913)

鬣椿迻偈散念俗
魂蚿麻仙吝事蔑

Gió thông đưa kệ tan niềm tục;
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

(Giai thoại vua Lê Thánh Tông và Sư ni ở chùa Bà Đanh, Hà Nội).

蹶 世 共 荣 光 爲 諾 爲 民 碑 砂 鑿
蚌 箕 罵 奴 隸 倕 震 倕 拒 罪 猶 搭

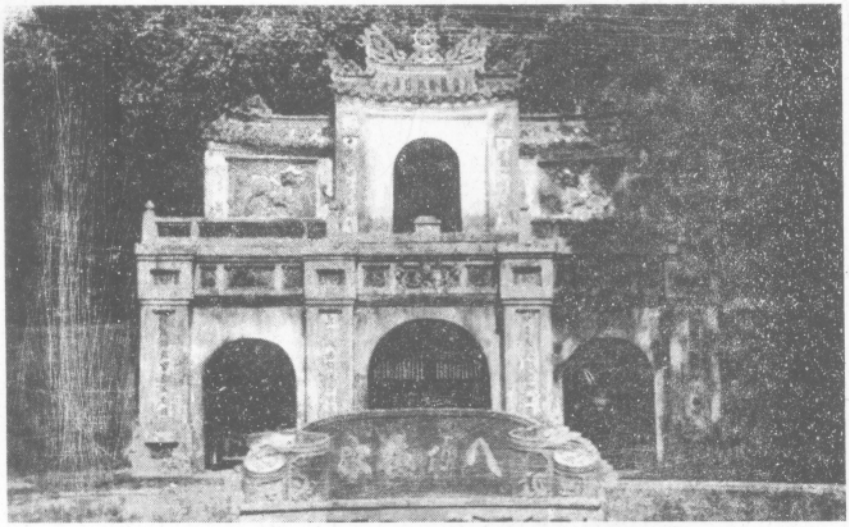
Chết thế cũng vinh quang vì nước vì dân bia đá tạc
Sống kia là nô lệ thằng Chấn thằng Cự tội voi dày.

(Các sĩ phu Nam Đàn, Nghệ An, chửi Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Cảnh Cự bắt vua Duy Tân, được thực dân Pháp cho hàm "tróc chúa nguyên huân".

Phần III

CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

CÂU ĐỐI TẾT



Tam quan chùa Từ Hiếu

(TP. Huế)

Ảnh:Vương Anh

百 花 吐 艷 春 風 暖
萬 象 更 新 國 運 昌

Bách hoa thổ diễm xuân phong noãn;
Vạn tượng canh tân quốc vận xương.
Trăm hoa đua nở hơi xuân ấm;
Muôn vẻ đổi thay vận nước vui.

天 增 歲 月 人 增 壽
春 滿 乾 坤 福 滿 門

Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ;
Xuân mãn càn khôn phúc mãn môn.
Trời thêm năm tháng người thêm thọ;
Xuân khắp đất trời phúc mọi nhà.

田 野 春 光 眞 好
農 家 歲 月 更 新

Điền dã xuân quang chân hảo;
Nông gia tuế nguyệt canh lân.
Đồng ruộng xuân tươi vui thực;
Nhà nông năm tháng mới hơn.

春 來 也 魚 龍 變 化
時 至 矣 桃 李 芳 菲

Xuân lai dã ngư long biến hoá;
Thời chí hĩ đào lý phương phi.
Xuân về nhỉ cá rồng biến hoá;
Thời đến ư đào mận thơm hương.

和 順 一 門 添 百 福
平 安 二 字 值 千 金

Hoà thuận nhất môn thiêm bách phúc;
Bình an nhị tự trị thiên kim.
Hoà thuận một nhà thêm trăm phúc;
Bình an hai chữ giá ngàn vàng.

心 地 光 明 千 丈 霽
家 庭 和 睦 四 時 春

Tâm địa quang minh thiên trượng tễ;
Gia đình hoà mục tứ thời xuân.
Lòng dạ quang minh ngàn trượng quý;
Gia đình hoà thuận bốn mùa xuân.

數 點 桃 花 知 晚 歲
一 香 地 餅 報 新 春
Sổ điểm đào hoa tri vãn tuế;
Nhất hương địa bỉnh báo tân xuân.
Mấy đoá hoa đào hay tết đến;
Một làn bếp bánh báo xuân về.

人 逢 盛 世 精 神 爽
歲 轉 陽 春 气 象 新
Nhân phùng thịnh thế tinh thần sả
Tuế chuyển dương xuân khí tượng t
Tinh thần sảng khoái vui thời thé
Cảnh mới xuân tươi đón giao thừ

獨 立 自 由 貴 眞 貴
勞 動 英 雄 榮 更 榮
Độc lập tự do quý chân quý;
Lao động anh hùng vinh cánh vinh
Độc lập tự do quý thật quý;
Lao động anh hùng vinh càng vinh

昇 平 盛 世 興 歌 溢
幸 福 民 生 得 意 多
Thăng bình thịnh thế hưng ca dật;
Hạnh phúc dân sinh đắc ý đa.
Hoà bình đời thịnh vui khúc hát;
Hạnh phúc nhân dân thoả ý mừng.

鴻 嶺 萬 年 銘 偉 績
藍 江 千 古 涉 恩 波
Hồng Lĩnh vạn niên minh vĩ tích;
Lam Giang thiên cổ thiệp ân ba.
Hồng Lĩnh muôn năm ghi nghiệp lớn;
Lam Giang nghìn thuở thấm ơn xa.

萬 里 江 山 新 景 色
三 圻 骨 肉 喜 團 圓
Vạn lý giang sơn tân cảnh sắc;
Tam kỳ cốt nhục hỉ đoàn viên.
Muôn dặm non sông vừa đổi mới;
Ba kỳ ruột thịt lại chung vui.

自 由 歌 曲 聞 閭 里
獨 立 紅 旗 燦 日 天
Tự do ca khúc văn lư lý;
Độc lập hồng kỳ xán nhật thiên.
Tự do ca hát vang hàng xóm;
Độc lập cờ hồng rực sáng ngời.

救 國 有 丹 心 民 族 最 隆 惟 獨 立
愛 民 堅 夙 志 民 權 無 價 是 自 由
Cứu quốc hữu đan tâm, dân tộc tối long duy độc lập;
Ái dân kiên túc chí, dân quyền vô giá thị tự do.
Cứu quốc có lòng son, dân tộc tối cần là độc lập;
Yêu dân bền chí hướng, dân quyên vô giá ấy tự do.

爲 獨 立 自 由 願 團 結 團 結 大 團 結
謀 富 強 幸 福 必 成 功 成 功 大 成 功
Vị độc lập tự do, nguyện đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết;
Mưu phú cường hạnh phúc, tất thành công thành công đại thành công.
Vì độc lập tự do đã nguyện "Đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết";
Mưu mạnh giầu hạnh phúc tất được "Thành công thành công đại thành công".

明 月 清 風 百 類 魚 禽 皆 國 色
金 枝 玉 葉 四 時 花 草 有 天 香
Minh nguyệt thanh phong bách loại ngư cầm giai quốc sắc;
Kim chi ngọc diệp tứ thời hoa thảo hữu thiên hương.
Gió mát trăng thanh, trăm loại ngư cầm đều quốc sắc;
Cành vàng lá ngọc, bốn mùa hoa thảo có hương trời.

胜 友 如 雲 同 頌 党 恩 深 重
壽 筵 從 簡 不 忘 國 事 興 隆
Thắng hữu như vân đồng tụng đảng ân thâm trọng;
Thọ diên tòng giản bất vong quốc sự hưng long.
Bạn tốt như mây, cùng ca ơn Đảng sâu rộng;
Chiếu thọ theo tuổi, chẳng quên việc nước chấn hưng.

春 風 送 暖 歸 楊 柳
細 雨 飛 紅 上 碧 桃
Xuân phong tống noãn quy dương liễu;
Tế vũ phi hồng thướng bích đào.
Gió xuân đưa ấm cho dương liễu;
Mưa nhẹ thêm hồng đến bích đào.

百 鳥 和 鳴 歌 序 曲
萬 民 歡 愉 慶 丰 年
Bách điểu hoà minh ca tự khúc;
Vạn dân hoan dụ khánh phong niên.
Chim chóc hoà ca cùng khúc nhạc;
Muôn dân vui vẻ đón được mùa.

物 阜 財 丰 民 幸 福
俗 淳 風 正 國 昌 隆
Vật phụ tài phong dân hạnh phúc;
Tục thuần phong chính quốc xương long.
Của cải nhiều lên dân hạnh phúc;
Thuần phong mỹ tục nước phồn vinh.

幸 福 堂 前 無 限 樂
長 春 花 下 有 余 香
Hạnh phúc đường tiền vô hạn lạc;
Trường xuân hoa hạ hữu dư hương.
Hạnh phúc đầy nhà vui khôn xiết;
Xuân tươi hoa nở vẻ thêm hương.

江 山 畫 卷 描 新 樣
桃 李 春 風 改 舊 觀
Giang sơn hoạ quyển miêu tân dạng;
Đào lý xuân phong cải cựu quan.
Non sông bức vẽ tinh thần mới
Đào mận vào xuân nét đổi xưa.

江 山 盛 世 春 風 里
日 月 新 天 畫 景 中
Giang sơn thịnh thế xuân phong lý;
Đào lý tân thiên hoạ cảnh trung.
Non sông thời thịnh xuân về khắp;
Ngày tháng mới nay cảnh đẹp đầy.

千 村 笑 語 千 村 果
一 路 春 風 一 路 花
Thiên thôn tiếu ngữ thiên thôn quả;
Nhất lộ xuân phong nhất lộ hoa.
Nghìn thôn cười nói nghìn thôn quả;
Một lối xuân về một lối hoa.

盛 世 同 歌 歌 盛 世
新 春 共 樂 樂 新 春
Thịnh thế đồng ca ca thịnh thế;
Tân xuân cộng lạc lạc tân xuân.
Đời thịnh cùng ca ca đời thịnh;
Xuân về vui hát hát về xuân.

萬 頃 嘉 禾 盈 瑞 气
千 園 碩 果 笑 春 風
Vạn khoảnh gia hoà doanh thuỵ khí;
Thiên viên thạc quả tiếu xuân phong.
Vạn ruộng trĩu bông đầy khí tốt;
Nghìn vườn sai quả nhộn xuân vui.

春 到 農 家 添 异 彩
風 吹 田 野 吐 清 香
Xuân đáo nông gia thiêm dị thái;
Phong suy điền dã thổ thanh hương.
Xuân đến nhà nông thêm khởi sắc;
Gió bay đồng ruộng nở trong hương.

興 業 須 從 勤 處 得
生 財 總 自 儉 中 來
Hưng nghiệp tu tòng cần xứ đắc;
Sinh tài tổng tự kiệm trung lai.
Dấy nghiệp phải từ cần mẫn được;
Làm giàu đều tự kiệm mà nên.

一 歲 良 辰 千 古 節
百 年 正 朔 萬 家 春
Nhất tuế lương thời thiên cổ tiết;
Bách niên chính sóc vạn gia xuân.
Giờ tốt hàng năm ngàn xưa tết;
Tháng giêng mồng một vạn nhà xuân.

大 樹 新 風 光 祖 国
廣 開 財 路 富 山 鄉
Đại thụ tân phong quang tổ quốc;
Quảng khai tài lộ phú sơn hương.
Tổ quốc vinh quang nhờ gió mới;
Bản làng sung túc bởi làm giầu.

街 頭 燈 影 追 花 影
村 里 梅 香 雜 酒 香
Nhai đầu đăng ảnh truy hoa ảnh;
Thôn lý mai hương tạp tửu hương.
Đèn hoa lồng bóng đầu đường rọi;
Mai rượu hoà hương khắp xóm thơm.

春 風 春 雨 春 光 好
新 歲 新 年 新 事 多
Xuân phong xuân vũ xuân quang hảo;
Tân tuế tân niên tân sự đa.
Gió xuân mưa xuân ánh xuân tốt;
Ngày mới năm mới việc mới nhiều.

鼠 去 牛 來 聞 虎 嘯
民 殷 國 富 看 龍 飛
Thử khứ ngưu lai văn hổ khiếu;
Dân ân quốc phú khán long phi.
Chuột chạy trâu về nghe hổ thét;
Dân yên nước thịnh ngó rồng bay.

馬 粵 已 傳 千 道 喜
羊 奔 又 送 萬 家 春
Mã việt dĩ truyền thiên đạo hỷ;
Dương bôn hựu tống vạn gia xuân.
Nghìn dặm ngựa truyền tin vui khắp;
Muôn nhà dê báo lại xuân về.

辦 事 爲 民 公 仆 志
以 身 作 則 主 人 心
Biện sự vi dân công bộc chí;
Dĩ thân tác tắc chủ nhân tâm.
Chí quyết vì dân làm công bộc;
Tâm nêu gương mẫu đức chủ nhân.

牛 耕 綠 野 千 倉 滿
虎 嘯 青 山 萬 木 春
Ngưu canh lục dã thiên thương mãn;
Hổ khiếu thanh sơn vạn mộc xuân.
Trâu cầy đồng rậm nghìn kho chất;
Hổ thét non xanh vạn cây xuân.

忠 厚 一 生 嫌 善 少
平 安 二 字 值 錢 多

Trung hậu nhất sinh hiềm thiện thiểu;
Bình an nhị tự trị tiền đa.
Trung hậu một đời hiềm thiện ít;
Bình an hai chữ đáng tiền nhiều.

新 春 寄 意 千 門 富
快 馬 加 鞭 萬 里 程

Tân xuân ký ý thiên môn phú;
Khoái mã gia tiên vạn lý trình.
Xuân về đắc ý nghìn nhà phú;
Tuấn mã thêm roi vạn dặm đường.

政 通 世 泰 千 門 曉
國 富 民 強 四 海 春

Chính thông thế thái thiên môn hiểu;
Quốc phú dân cường tứ hải xuân.
Chính thông đời tốt nghìn nhà sáng;
Nước mạnh dân giầu bốn biển xuân.

東 風 化 雨 山 山 翠
政 策 歸 心 處 處 春

Đông phong hoá vũ sơn sơn thuỷ;
Chính sách quy tâm xứ xứ xuân.
Mưa về gió ấm non non biếc;
Dạ đón tin trên xứ xứ xuân.

揮 毫 大 寫 英 雄 譜
展 卷 欣 描 幸 福 圖

Huy hào đại tả anh hùng phả;
Triển quyển hân miêu hạnh phúc đồ.
Bộ phả anh hùng tha hồ viết;
Tập tranh hạnh phúc thoả sức tô.

登 山 望 海 雲 天 遠
建 國 興 邦 歲 月 長

Đăng sơn vọng hải vân thiên viễn;
Kiến quốc hưng bang tuế nguyệt trường.
Lên non ngó biển mây trời rộng;
Dựng nước xây nhà năm tháng dài.

梅 竹 平 安 春 意 滿
春 萱 并 茂 壽 源 長
Mai trúc bình an xuân ý mãn;
Xuân huyên tịnh mậu thọ nguyên trường.
Mai trúc vui xuân đều mãn ý;
Xoan huyên hưởng thọ thoả dài nguồn.

月 滿 一 輪 輝 宇 宙
梅 香 千 里 到 門 庭
Nguyệt mãn nhất luân huy vũ trụ;
Mai hương thiên lý đáo môn đình.
Trăng sáng một vầng soi trời đất;
Mai thơm nghìn dặm đến sân nhà.

社 會 繁 榮 臻 大 治
人 民 安 樂 慶 升 平
Xã hội phồn vinh trăn đại trị;
Nhân dân an lạc khánh thăng bình.
Xã hội phồn vinh vui thịnh vượng;
Nhân dân yên lạc thoả thái bình.

柳 岸 雨 濃 千 樹 綠
桃 園 春 暖 萬 枝 紅
Liễu ngạn vũ nùng thiên thụ lục;
Đào viên xuân noãn vạn chi hồng.
Bờ liễu đượm mưa nghìn cây biếc;
Vườn đào xuân ấm vạn cành hồng.

門 對 青 山 千 里 秀
家 居 旺 地 四 時 春
Môn đối thanh sơn thiên lý tú;
Gia cư vượng địa tứ thời xuân.
Cửa trước non xanh nghìn dặm đẹp;
Nhà trên đất thịnh bốn mùa xuân.

勤 勞 澆 長 生 財 樹
儉 仆 托 來 聚 寶 盆
Cần lao nhiêu trưởng sinh tài thụ;
Kiệm phác thác lai tụ bảo bồn.
Cần lao chăm được cây tài lộc;
Kiệm ước tạo nên chĩnh đựng vàng.

興 邦 有 策 人 民 福
報 國 無 私 赤 子 心

Hưng bang hữu sách nhân dân phúc;
Báo quốc vô tư xích tử tâm.
Non sông vững bước nhân dân phúc;
Tổ quốc vinh quang đồng chí tâm.

功 高 不 泯 忠 貞 志
位 顯 更 堅 公 仆 心

Công đức bất dẫn trung trinh chí;
Vị hiển cánh kiên công bộc tâm.
Trung trinh chí giữ dù công lớn;
Công bộc tâm kiên dẫn hiển vinh.

移 山 不 忘 愚 公 志
興 業 猶 存 赤 子 心

Di sơn bất vong Ngu công chí;
Hưng nghiệp do tồn xích tử tâm.
Dời núi chẳng quên Ngu công chí;
Dấy nghiệp phải bền dân chúng tâm.

長 幼 團 圓 分 歲 畢
送 迎 新 舊 此 宵 中

Trưởng ấu đoàn viên phân tuế tất;
Tống nghênh tân cựu thử tiêu trung.
Già trẻ đoàn viên theo tuổi tác;
Tiễn mừng cũ mới lúc giao thừa.

高 歌 盛 世 詩 千 首
共 祝 民 康 酒 一 杯

Cao ca thịnh thế thi thiên thủ;
Cộng chúc dân khang tửu nhất bôi.
Nghìn bài thơ viết mừng nước thịnh;
Một chén rượu đưa chúc dân khang.

萬 象 更 新 承 眾 志
千 花 競 放 賴 東 風

Vạn tượng canh tân thừa chúng chí;
Thiên hoa cạnh phóng lại đông phong.
Vạn cảnh canh tân nhờ quần chúng;
Nghìn hoa đua nở dựa gió đông.

好 借 廉 風 舒 畫 卷
常 將 正 气 壯 詩 情
Hảo tá liêm phong thư hoạ quyển;
Thường tương chính khí tráng thi tình.
Luôn lấy thanh liêm làm bức hoạ;
Thường đem chính trực để làm thơ.

萬 樹 欣 隨 春 水 綠
百 花 爭 向 艷 陽 紅
Vạn thụ hân tuỳ xuân thủy lục;
Bách hoa tranh hướng diệm dương hồng.
Nước biếc xuân về cây hớn hở;
Trời hồng ấm đến vạn hoa đua.

萬 管 玉 簫 歌 盛 世
千 支 神 筆 贊 新 風
Vạn quản ngọc tiêu ca thịnh thế;
Thiên chi thần bút tán tân phong.
Muôn ống ngọc tiêu ca thịnh thế;
Nghìn cây thần bút ngợi đời nay.

萬 户 管 弦 歌 盛 世
百 般 紅 紫 繡 芳 春
Vạn hộ quản huyền ca thịnh thế;
Bách ban hồng tử tú phương xuân.
Muôn hộ sáo đàn ca thịnh thế;
Trăm mầu hồng tía dệt xuân vui.

萬 眾 一 心 同 獻 策
百 花 齊 放 共 爭 春
Vạn chúng nhất tâm đồng hiến sách;
Bách hoa tề phóng cộng tranh xuân.
Quần chúng một lòng chung hiến kế;
Trăm hoa đua nở góp thêm xuân.

千 秋 歲 月 千 秋 美
萬 里 江 山 萬 里 春
Thiên thu tuế nguyệt thiên thu mỹ;
Vạn lý giang sơn vạn lý xuân.
Nghìn thu năm tháng nghìn thu đẹp;
Vạn dặm non sông vạn dặm xuân.

門 庭 春 暖 生 光 彩
田 畝 年 丰 樂 太 平
Môn đình xuân noãn sinh quang thái;
Điền mẫu niên phong lạc thái bình.
Sân nhà xuân ấm sinh mầu sắc;
Đồng ruộng bội thu được thái bình.

水 流 新 韻 山 流 翠
竹 報 平 安 梅 報 春
Thủy lưu tân vận sơn lưu thúy;
Trúc báo bình an mai báo xuân.
Nước khơi vần mới non khơi biếc;
Trúc báo bình an mai báo xuân.

壯 麗 山 河 多 异 彩
文 明 國 度 遍 高 風
Tráng lệ sơn hà đa dị thái;
Văn minh quốc độ biến cao phong.
Sắc thái non sông bao tráng lệ;
Thời phong đất nước thật văn minh.

清 風 喜 打 歡 心 鼓
綠 水 暢 彈 如 意 琴
Thanh phong hỷ đả hoan tâm cổ;
Lục thủy sướng đàn như ý cầm.
Lòng vui trống gióng nhờ gió mát;
Ý toại đàn hay bởi nước xanh.

江 山 大 好 英 雄 健
天 地 多 情 草 木 春
Giang sơn đại hảo anh hùng kiện;
Thiên địa đa tình thảo mộc xuân.
Non sông vận tốt anh hùng mạnh;
Trời đất tình nhiều cây cỏ xanh.

青 春 有 限 志 無 限
歲 月 無 情 人 有 情
Thanh xuân hữu hạn chí vô hạn;
Tuế nguyệt vô tình nhân hữu tình.
Tuổi xanh có hạn chí vô hạn;
Năm tháng vô tình người có tình.

舉 目 看 花 花 滿 目
出 門 見 喜 喜 盈 門

Cử mục khán hoa hoa mãn mục;
Xuất môn kiến hỷ hỷ doanh môn.
Ngước mắt nhìn hoa hoa đầy mắt;
Ra nhà được hỷ hỷ đầy nhà.

春 到 山 鄉 遍 地 喜
福 臨 農 户 滿 庭 春

Xuân đáo sơn hương biến địa hỷ;
Phúc lâm nông hộ mãn đình xuân.
Xuân đến bản làng nơi nơi tốt;
Phúc vào nông hộ chốn chốn xuân.

春 風 大 雅 能 容 物
秋 水 文 章 不 染 塵

Xuân phong đại nhã năng dung vật;
Thu thuỷ văn chương bất nhiễm trần.
Dung muôn vật, gió xuân thật nhã
Chẳng bụi vương, thu thủy giòng văn.

春 入 春 天 春 不 老
福 臨 福 地 福 無 疆

Xuân nhập xuân thiên xuân bất lão;
Phúc lâm phúc địa phúc vô cương.
Xuân nhập trời xuân xuân bất lão;
Phúc vào đất phúc phúc vô biên.

強 身 健 骨 人 長 壽
盛 世 丰 年 國 太 平

Cường thân kiện cốt nhân trường thọ;
Thịnh thế phong niên quốc thái bình.
Thân cường cốt mạnh người trường thọ;
Thời thịnh mùa nhiều nước thái bình.

人 傑 地 靈 百 業 興 旺
山 歡 水 笑 五 谷 丰 登

Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;
Sơn hoan thủy tiếu ngũ cốc phong đăng.
Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;
Sông vui núi nhộn ngũ cốc bội thu.

倒 海 移 山 豪 情 永 在
改 天 換 地 樂 趣 無 窮

Đảo hải di sơn hào tình vĩnh tại;
Cải thiên hoán địa lạc thú vô cùng.

Lấp biển dời non tinh thần còn mãi;
Đổi trời thay đất hứng thú không cùng.

瑞 繞 重 門 增 百 福
春 回 甲 第 集 千 祥

Thụy nhiễu trùng môn tăng bách phúc;
Xuân hồi giáp đệ tập thiên tường.

Tết đến nhiều nhà thêm trăm phúc
Xuân về đầu cửa được nghìn may.

冬 去 山 川 齊 秀 麗
春 來 桃 李 共 芬 芳

Đông khứ sơn xuyên tề tú lệ.
Xuân lai đào lý cộng phân phương.

Xinh đẹp đồi khe khi đông hết;
Thơm tho đào mận lúc xuân về.

新 春 喜 接 新 時 代
大 眾 歡 呼 大 有 年

Tân xuân hỷ tiếp tân thời đại;
Đại chúng hoa hô đại hữu niên.

Xuân mới đón mừng thời đại mới;
Đại chúng hoan hô đại được mùa.

正 策 英 明 處 處 生 机 勃 勃
春 風 得 意 家 家 喜 气 洋 洋

Chính sách anh minh xứ xứ sinh cơ bột bột;
Xuân phong đắc ý gia gia hỷ khí dương dương.

Chính sách anh minh chốn chốn làm nên lắm lắm;
Gió xuân đúng lúc nhà nhà hớn hở khơi khơi.

政 策 英 明 山 歡 水 笑
人 心 爽 快 物 阜 年 丰

Chính sách anh minh sơn hoan thủy tiếu;
Nhân tâm sảng khoái vật phụ niên phong.

Chính sách anh minh sông cười núi sướng;
Lòng người sảng khoái vật bội năm hên.

爲 人 民 服 務 一 腔 熱 血
替 群 眾 理 財 兩 袖 清 風

Vị nhân dân phục vụ nhất xoang nhiệt huyết;
Thế quần chúng lý tài lưỡng tụ thanh phong.
Phục vụ nhân dân một tấm lòng nhiệt huyết;
Đỡ đần quần chúng hai tay áo thanh phong.

百 業 興 昌 欣 逢 盛 世
萬 民 愉 悅 喜 接 新 年

Bách nghiệp hưng xương hân phùng thịnh thế;
Vạn dân du duyệt hỷ tiếp tân niên.
Bách nghiệp phồn vinh vui mừng thịnh thế;
Muôn dân phấn chấn chào đón tân niên.

冬 去 春 來 千 條 楊 柳 迎 風 綠
民 安 國 泰 萬 里 山 河 映 日 紅

Đông khứ xuân lai thiên điều dương liễu nghênh phong lục;
Dân an quốc thái vạn lý sơn hà ánh nhật hồng.
Đông hết xuân về nghìn nhành dương liễu xanh nhờ gió;
Dân an nước thịnh vạn dặm non sông đỏ ánh dương.

田 野 欣 臨 春 雨 春 風 春 景
農 家 喜 有 新 農 新 谷 新 家

Điền dã hân lâm xuân vũ xuân phong xuân cảnh;
Nông gia hỷ hữu tân nông tân cốc tân gia.
Mưa xuân gió xuân cảnh xuân, đồng điền vui đón;
Áo mới lúa mới nhà mới, nông nghiệp mừng vui.

梅 柳 迎 春 萬 里 東 風 綻 桃 李
椿 萱 含 笑 一 門 气 樂 桑 榆

Mai liễu nghênh xuân vạn lý đông phong trạn đào lý;
Xuân huyên hàm tiếu nhất môn khí lạc tang du.
Mai liễu đón xuân vạn dặm gió đông đùa đào mận;
Xoan huyên ngậm nụ cả nhà vui vẻ với dâu tằm.

國 事 和 平 一 家 團 聚
春 光 浩 蕩 四 境 安 寧

Quốc sự hoà bình nhất gia đoàn tụ;
Xuân quang hạo đãng tứ cảnh an ninh.
Việc nước yên bình cả nhà đoàn tụ;
Ánh xuân lồng lộng bốn cõi thái hoà.

汗 水 潤 喉 歡 唱 丰 收 曲
政 策 指 路 敲 開 致 富 門

Hãn thủy nhuận hầu hoan xướng phong thu khúc;
Chính sách chỉ lộ xao khai trí phú môn.

Mồ hôi nhuận giọng hát lên khúc mùa được;
Chính sách chỉ đường gọi mở hướng làm giầu.

鑼 鼓 喧 天 共 奏 迎 春 妙 曲
風 雷 動 地 同 抒 蹈 海 豪 情

La cổ huyên thiên cộng tâu nghênh xuân diệu khúc;
Phong lôi động địa đồng trữ đạo hải hào tình.

Khúc nhạc chào xuân hợp tấu vang trời chiêng trống;
Tinh thần vượt biển cùng lúc động đất sấm vang.

美 酒 千 杯 共 享 農 歡 樂
山 歌 萬 曲 唱 政 策 英 明

Mỹ tửu thiên bôi cộng hưởng nông hoan lạc;
Sơn ca vạn khúc xướng chính sách anh minh.

Rượu tốt nghìn ly cùng hưởng nhà nông vui vẻ;
Dân ca vạn khúc đồng hát chính sách anh minh.

高 舉 長 山 火 炬 續 寫 創 業 史
發 揚 光 榮 傳 統 高 唱 正 气 歌

Cao cử Trường Sơn hoả cự tục tả sáng nghiệp sử;
Phát dương quang vinh truyền thống cao xướng chính khí ca.

Dương cao bó đuốc Trường Sơn viết tiếp trang sử mới;
Phát huy truyền thống quang vinh hát vang khúc hành ca.

越 馬 揚 鞭 萬 眾 一 心 驅 窮 白
飛 花 點 翠 十 兆 雙 手 織 河 山

Việt mã dương tiên vạn chúng nhất tâm khu cùng bạch;
Phi hoa điểm thuý thập triệu song thủ chức hà sơn.

Tuấn mã thêm roi quần chúng một lòng xua nghèo đói;
Hoa thêu điểm bích chục triệu đôi tay dệt non sông.

水 笑 山 歡 人 勤 春 早 年 年 好
花 香 鳥 語 國 泰 民 安 日 日 新

Thuỷ tiếu sơn hoan nhân cần xuân tảo niên niên hảo;
Hoa hương điểu ngữ quốc thái dân an nhật nhật tân.

Tốt đến năm năm non vui người mẫn mừng xuân sớm;
Ngày ngày đổi mới chim hót hoa thơm đón thái bình.

新 歲 雨 晴 祖 國 千 桃 爭 盛 放
故 園 春 滿 鄉 村 百 鳥 共 歸 來

Tân tuế vũ tình tổ quốc thiên đào tranh thịnh phóng;
Cố viên xuân mãn hương thôn bách điểu cộng quy lai.

Năm mới ngớt mưa tổ quốc nghìn đào tranh nở toả;
Vườn xưa xuân đến quê hương bách điểu rủ nhau về.

擊 筑 且 高 歌 英 雄 气 洽 三 杯 酒
彈 琴 复 長 嘯 壯 士 胸 羅 百 萬 兵

Kích củng thả cao ca anh hùng khí hiệp tam bôi tửu;
Đàn cầm phúc trường khiếu tráng sĩ hung la bách vạn binh.

Gõ gậy lại cao ca anh hùng khí hiệp ba ly rượu;
Gẩy đàn rồi hú lớn tráng sĩ trong lòng bách vạn binh.

移 風 易 俗
除 舊 布 新

Di phong dị tục;
Trừ cựu bố tân.

Dời phong đổi tục;
Trừ cựu tiếp tân.

門 迎 百 福
户 納 千 祥

Môn nghênh bách phúc;
Hộ nạp thiên tường.

Cửa chào bách phúc;
Nhà đón nghìn lành.

春 風 墨 韻
夜 雨 書 聲

Xuân phong mặc vận;
Dạ vũ thư thanh.

Gió xuân làm thơ;
Mưa đêm đọc sách.

祥 光 滿 室
瑞 气 盈 門

Tường quang mãn thất;
Thụy khí doanh môn.

Điềm tốt khắp nhà;
Khí lành đầy cửa.

一 方 和 气
四 面 春 風
Nhất phương hoà khí;
Tứ diện xuân phong.
Một vùng hoà khí;
Bốn phía xuân phong.

花 迎 喜 气
鳥 唱 春 光
Hoa nghênh hỷ khí;
Điểu xướng xuân quang.
Hoa chào điềm tốt;
Chim hót ánh xuân.

天 開 淑 景
人 樂 丰 年
Thiên khai thục cảnh;
Nhân lạc phong niên.
Trời mở cảnh thịnh;
Người vui bội thu.

全 家 福 气
滿 院 春 光
Toàn gia phúc khí;
Mãn viện xuân quang.
Toàn gia hưởng phúc;
Khắp chốn ánh xuân.

春 光 普 照
福 气 長 臨
Xuân quang phổ chiếu;
Phúc khí trường lâm.
Ánh xuân chiếu khắp;
Điềm phúc dài lâu.

新 年 朝 气
古 國 雄 風
Tân niên triêu khí;
Cổ quốc hùng phong.
Năm mới khí mới;
Nước cổ nếp hùng.

十 分 春 色
萬 里 鵬 程
Thập phân xuân sắc;
Vạn lý bằng trình.
Sắc xuân đầy khắp;
Đường đi muôn dặm.

九 州 永 泰
四 季 長 春
Cửu châu vĩnh thái;
Tứ quý trường xuân.
Toàn quốc thái hoà;
Bốn mùa đều xuân.

江 山 如 畫
大 地 皆 春
Giang sơn như hoạ;
Đại địa giai xuân.
Non sông như vẽ;
Khắp chốn đều xuân.

江 山 永 固
廣 宇 同 春
Giang sơn vĩnh cố;
Quảng vũ đồng xuân.
Non sông bền vững;
Trời đất cùng xuân.

日 出 千 山 秀
花 開 萬 里 香
Nhật xuất thiên sơn tú;
Hoa khai vạn lý hương.
Trời rạng nghìn non đẹp;
Hoa nở vạn dặm thơm.

腊 月 初 臨 福
新 年 又 報 祥
Lạp nguyệt sơ lâm phúc;
Tân niên hựu báo tường.
Tháng chạp phúc mới đến;
Đầu năm lại có mừng.

千 峰 月 色
四 海 春 光
Thiên phong nguyệt sắc;
Tứ hải xuân quang.
Nghìn non trăng sáng;
Bốn biển ánh xuân.

春 爲 一 歲 首
梅 占 百 花 魁
Xuân vi nhất tuế thủ;
Mai chiếm bách hoa khôi.
Một năm xuân là nhất;
Trăm hoa mai đến đầu.

紅 旗 映 日
白 米 迎 春
Hồng kỳ ánh nhật;
Bạch mễ nghênh xuân.
Cờ hồng ánh nhật;
Gạo trắng mừng xuân.

河 清 海 晏
人 壽 年 丰
Hà thanh hải yến;
Nhân thọ niên phong.
Sông trong biển lặng;
Người thọ năm vui.

春 降 千 門 福
花 開 萬 户 歡
Xuân giáng thiên môn phúc;
Hoa khai vạn hộ hoan.
Xuân về muôn nhà phúc;
Hoa nở vạn hộ vui.

神 州 騰 异 彩
祖 國 頌 新 章
Thần châu đằng dị thái;
Tổ quốc tụng tân chương.
Muôn sắc hoà sông núi;
Văn mới ngợi nước nhà.

風 調 雨 順
國 泰 民 安
Phong điều vũ thuận;
Quốc thái dân an.
Gió hoà mưa thuận;
Nước thịnh dân vui.

萬 家 騰 笑 語
四 海 慶 新 春
Vạn gia đằng tiếu ngữ;
Tứ hải khánh tân xuân.
Muôn nhà vui cười nói;
Bốn biển chúc xuân về.

陽 光 凝 大 地
春 色 入 人 家
Dương quang ngưng đại địa;
Xuân sắc nhập nhân gia.
Ánh dương đầy khắp chốn;
Xuân sắc đến từng nhà.

燕 語 千 門 曉
鶯 聲 萬 户 春
Yến ngữ thiên môn hiểu;
Oanh thanh vạn hộ xuân.
Yến hót nghìn nhà sáng;
Oanh ca vạn hộ xuân.

春 風 添 畫 意
歲 月 賦 詩 情
Xuân phong thiêm hoạ ý;
Tuế nguyệt phú thi tình.
Gió xuân thêm ý hoạ;
Năm tháng đọng tình thơ.

年 豐 人 益 壽
春 早 福 盈 門
Niên phong nhân ích thọ;
Xuân tảo phúc doanh môn.
Năm vui người thêm thọ;
Xuân sớm phúc đầy nhà.

風 來 花 自 舞
春 入 鳥 能 言
Phong lai hoa tự vũ;
Xuân nhập điểu năng ngôn.
Gió lùa xui hoa múa;
Xuân đến khiến chim ca.

春 暖 群 芳 喜
風 清 百 鳥 鳴
Xuân noãn quần phương hỷ;
Phong thanh bách điểu minh.
Xuân ấm muôn hương toả;
Gió lùa bách điểu ca.

國 家 行 善 政
民 眾 享 康 寧
Quốc gia hành thiện chính;
Dân chúng hưởng khang ninh.
Nước nhà đường lối tốt;
Dân chúng hưởng an ninh.

紅 點 桃 花 嫩
青 描 柳 色 新
Hồng điểm đào hoa nộn;
Thanh miêu liễu sắc tân.
Đào non hoa hồng điểm;
Liễu mới sắc xanh tô.

太 平 眞 富 貴
春 色 大 文 章
Thái bình chân phú quý;
Xuân sắc đại văn chương.
Thái bình là phú quý;
Xuân sắc ấy văn chương.

花 沐 春 雨 艷
福 依 党 恩 生
Hoa mộc xuân vũ diệm;
Phúc y Đảng ân sinh.
Hoa tắm mưa xuân nở;
Phúc nhờ Đảng mà sinh.

花 香 能 醉 蝶
柳 色 欲 迷 鶯
Hoa hương năng túy điệp;
Liễu sắc dục mê oanh.
Hương hoa làm say bướm;
Sắc liễu khiến mê oanh.

錦 繡 山 河 壯
繽 紛 春 色 嬌
Cẩm tú sơn hà tráng;
Tân phân xuân sắc kiều.
Gấm vóc non sông mạnh;
Tươi tắn xuân sắc xinh.

喜 雨 千 山 果
和 風 萬 樹 花
Hỷ vũ thiên sơn quả;
Hoà phong vạn thụ hoa.
Mưa thuận đồi đầy quả;
Gió hoà cây nở hoa.

花 開 春 富 貴
竹 報 歲 吉 祥
Hoa khai xuân phú quý;
Trúc báo tuế cát tường.
Hoa nở cho xuân đẹp;
Trúc báo để năm vui.

萬 紫 千 紅 地
花 團 錦 簇 天
Vạn tử thiên hồng địa;
Hoa đoàn cẩm thốc thiên.
Đất nghìn hồng vạn tía;
Trời hoa nở gấm thêu.

青 山 添 秀 色
碧 海 泛 春 潮
Thanh sơn thiêm tú sắc;
Bích hải phiếm xuân triều.
Núi xanh thêm sắc tú;
Biển biếc nổi triều xuân.

光 風 千 日 暖
麗 景 百 花 妍
Quang phong thiên nhật noãn;
Lệ cảnh bách hoa nghiên.
Gió xuân nghìn ngày ấm;
Cảnh đẹp trăm hoa tươi.

歲 歲 平 安 日
年 年 如 意 春
Tuế tuế bình an nhật;
Niên niên như ý xuân.
Tuế nguyệt bình yên cả;
Năm năm ý xuân vui.

地 暖 花 長 發
林 幽 鳥 任 歌
Địa noãn hoa trường phát;
Lâm u điểu nhậm ca.
Đất ấm hoa đua nở;
Rừng sâu chim thoả ca.

日 月 紅 光 照
乾 坤 喜 气 多
Nhật nguyệt hồng quang chiếu;
Càn khôn hỷ khí đa.
Ngày tháng ánh hồng chiếu;
Trời đất điềm tốt nhiều.

破 除 舊 腐 俗
表 現 新 精 神
Phá trừ cựu hủ tục;
Biểu hiện tân tinh thần.
Hủ tục cũ phải bỏ;
Tinh thần mới cần nêu.

雞 鳴 萬 户 曉
鶴 舞 一 年 春
Kê minh vạn hộ hiểu;
Hạc vũ nhất niên xuân.
Gà gáy muôn nhà sáng;
Hạc múa một năm xuân.

天 地 英 雄 气
風 雲 浩 蕩 春
Thiên địa anh hùng khí;
Phong vân hạo đãng xuân.
Trời đất anh hùng khí;
Gió mây lồng lộng xuân.

雞 聲 催 曉 讀
鳥 語 喚 春 耕
Kê thanh thôi hiểu độc;
Điểu ngữ hoán xuân canh.
Tiếng gà sớm đọc sách;
Chim hót báo vụ xuân.

勤 勞 方 致 富
和 睦 可 生 財
Cần lao phương trí phú;
Hoà mục khả sinh tài.
Chăm làm nên giàu có;
Tử tế được của nhiều.

一 帆 雲 作 伴
千 里 月 相 隨
Nhất phàm vân tác bạn;
Thiên lý nguyệt tương tuỳ.
Mây một thuyền kết bạn;
Trăng nghìn dặm theo cùng.

四 時 花 似 錦
萬 眾 面 皆 春
Tứ thời hoa tự cẩm;
Vạn chúng diện giai xuân.
Bốn mùa hoa tựa gấm;
Vạn người mặt đều xuân.

舊 歲 清 除 舊 弊
新 年 樹 立 新 風
Cựu tuế thanh trừ cựu tệ;
Tân niên thụ lập tân phong.
Năm cũ tệ cũ quét hết;
Năm mới nếp mới dựng lên.

水 秀 山 青 春 艷
月 圓 花 好 谷 香
Thủy tú sơn thanh xuân diệm;
Nguyệt viên hoa hảo cốc hương.
Nước biếc non xanh xuân đượm;
Trăng tròn hoa đẹp gạo thơm.

冬 去 山 青 水 秀
春 來 鳥 語 花 香
Đông khứ sơn thanh thủy tú;
Xuân lai điểu ngữ hoa hương.
Đông hết non xanh nước biếc;
Xuân về chim hót hoa thơm.

新 歲 新 年 新 景
春 風 春 雨 春 花
Tận tuế tân niên tân cảnh;
Xuân phong xuân vũ xuân hoa.
Tuổi mới năm mới cảnh mới;
Mưa xuân gió xuân hoa xuân.

風 展 紅 旗 似 畫
春 來 綠 水 如 煙
Phong triển hồng kỳ tự hoạ;
Xuân lai lục thuỷ như yên.
Gió thổi cờ hồng tựa vẽ;
Xuân về nước biếc như tranh.

萬 壑 松 濤 山 雨 過
千 山 花 色 艷 香 生
Vạn hác tùng đào sơn vũ quá;
Thiên sơn hoa sắc diệm hương sinh.
Vạn lũng thông reo, mưa núi đến;
Ngàn non hoa nở, dậy mùi hương.

百 鳥 齊 鳴 迎 旭 日
千 山 披 翠 舞 春 風
Bách điểu tề minh nghênh húc nhật;
Thiên sơn phi thúy vũ xuân phong.
Trăm loại chim ca chào sáng sớm;
Nghìn non mặc biếc đón xuân về.

十 年 樹 木 千 秋 業
一 望 江 山 萬 里 春
Thập niên thụ mộc, thiên thu nghiệp;
Nhất vọng giang sơn, vạn lý xuân.
Mười năm trồng cây, nghìn năm ổn;
Một nẻo non sông, vạn dặm xuân.

一 片 曉 煙 楊 柳 綠
無 邊 春 色 杏 花 紅
Nhất phiến hiểu yên, dương liễu lục;
Vô biên xuân sắc, hạnh hoa hồng.
Một làn khói sáng, dương liễu biếc;
Vô biên xuân sắc hoa mận hồng.

异 草 奇 花 點 綴 春 色
幽 蘭 雅 菊 美 化 成 鄉
Dị thảo kỳ hoa, điểm xuyết xuân sắc;
U lan nhã cúc, mỹ hóa thành hương.
Cỏ lạ hoa kỳ, tăng thêm xuân đẹp;
Lan thơm cúc nhã, mỹ hóa thành quê.

紅 日 照 園 林 芳 草 年 年 綠
春 風 過 苗 圃 鮮 花 朵 朵 紅
Hồng nhật chiếu viên lâm, phương thảo niên niên lục;
Xuân phong quá miêu phố, tiên hoa đóa đóa hồng.
Trời nắng chiếu rừng trồng, cây đẹp năm năm biếc;
Gió xuân qua vườn ươm, hoa tươi đóa đóa hồng.

竹 林 蔥 郁 千 峰 翠
樹 海 蒼 茫 萬 頃 濤
Trúc lâm thông uất thiên phong thúy;
Thụ hải thương mang vạn khoảnh đào.
Rừng trúc rậm tươi, nghìn đồi biếc;
Núi thẳm xanh rờn, vạn đám rung.

青 山 不 老 景 更 秀
碧 水 長 流 春 欲 嬌
Thanh sơn bất lão, cảnh cánh tú;
Bích thủy trường lưu, xuân dục kiều.
Núi xanh không già, cảnh càng đẹp;
Sông biếc chảy dài, xuân thêm xinh.

春 風 吹 綠 千 山 樹
旭 日 惊 喧 百 鳥 聲
Xuân phong suy lục thiên sơn thụ;
Húc nhật kinh huyên bách điểu thanh.
Gió xuân thổi biếc cây nghìn núi;
Trời sớm gọi về trăm tiếng chim.

春 到 自 然 皆 有 色
時 來 無 地 不 開 花
Xuân đáo tự nhiên giai hữu sắc;
Thời lai vô địa bất khai hoa.
Xuân đến khắp nơi đều thêm sắc;
Mùa về mọi chốn lại nở hoa.

林 翠 天 青 山 河 入 畫
花 香 鳥 語 環 境 宜 人
Lâm thúy thiên thanh, sơn hà nhập họa;
Hoa hương điểu ngữ, hoàn cảnh nghi nhân.
Rừng biếc trời xanh, non sông như vẽ;
Hoa thơm chim hót, người hợp môi trường.

銀 漢 橋 成 牛 女 渡
春 臺 簫 引 鳳 凰 飛
Ngân Hán kiều thành Ngưu Nữ độ;
Xuân đài tiêu dẫn phượng hoàng phi.
Cầu Ngân Hán giúp Ngưu Nữ gặp;
Sáo đài xuân dẫn phượng hoàng bay.

草 綠 山 青 陽 春 有 腳
羊 肥 牛 壯 幸 福 無 邊
Thảo lục sơn thanh, dương xuân hữu cước;
Dương phì ngưu tráng, hạnh phúc vô biên.
Cỏ biếc non xanh, xuân nồng đã đến;
Dê nhiều bò khỏe, hạnh phúc vô cùng.

崢 嶸 歲 月 心 潮 更 比 春 潮 美
錦 繡 城 鄉 富 日 永 隨 麗 日 長
Tranh vanh tuế nguyệt, tâm triều cánh tỷ xuân triều mỹ;
Cẩm tú thành hương, phú nhật vĩnh tùy lệ nhật trường.
Tháng năm vời vợi, tâm triều so với xuân triều đẹp;
Phố làng gấm vóc, phú nhật cùng sánh lệ nhật dài.

萬 木 欣 春 隨 水 綠
百 花 爭 艷 向 陽 紅
Vạn mộc hân xuân tùy thủy lục;
Bách hoa tranh diệm hướng dương hồng.
Vạn cây mừng xuân theo nước biếc;
Trăm hoa đua sắc hướng trời hồng.

山 峰 蒼 翠 吐 春 意
水 下 碧 波 浴 朝 暉
Sơn phong thương thúy thổ xuân ý;
Thủy hạ bích ba dục triều huy.
Đỉnh núi xanh ngời đầy xuân ý;
Lòng sông sóng biếc tắm ánh mai.

明 珠 吐 艷 春 光 滿 室
白 壁 生 輝 喜 氣 盈 門
Minh châu thổ diệm, xuân quang mãn thất;
Bạch bích sinh huy, hỷ khí doanh môn.
Ngọc trong nhả sắc, ánh xuân đến khắp;
Tường trắng phát quang, vui vẻ đầy nhà.

人 歡 馬 叫 升 平 世
燕 語 鶯 歌 錦 繡 春
Nhân hoan mã khiếu, thăng bình thế;
Yến ngữ oanh ca, cẩm tú xuân.
Người vui ngựa hý, cảnh thái bình;
Yến hót oanh ca, xuân gấm vóc.

花 草 從 中 風 光 美
牧 牛 曲 里 春 意 濃
Hoa thảo tùng trung, phong quang mỹ;
Mục ngưu khúc lý, xuân ý nùng.
Nhìn đám cỏ hoa, hay trời đẹp;
Nghe khúc chăn trâu, cảm xuân nồng.

春 天 草 地 滿 眼 綠
喜 看 故 鄉 合 家 歡
Xuân thiên thảo địa mãn nhãn lục;
Hỷ khán cố hương hợp gia hoan.
Mùa xuân cây cỏ xanh ngút mắt;
Vui ngắm quê hương họp từng nhà.

山 青 水 綠 景 色 好
草 茂 花 香 牛 羊 肥
Sơn thanh thủy lục, cảnh sắc hảo;
Thảo mậu hoa hương, ngưu dương phì.
Non xanh nước biếc, cảnh sắc đẹp;
Cỏ tốt hoa thơm, bò dê nhiều.

流 輝 增 瑞 彩 紅 橙 黃 綠 映 春 色
奇 葩 貫 星 球 青 藍 紫 白 放 光 華
Lưu huy tăng thụy thái, hồng chanh hoàng lục, ánh xuân sắc;
Kỳ ba quán tinh cầu, thanh lam tử bạch, phóng quang hoa.
Mầu mè thêm sắc đẹp, hồng chanh vàng lục, sắc xuân rọi;
Hoa lạ trùm tinh cầu, xanh lam tím trắng, tỏa quang hoa.

兩 廂 錦 繡 藏 百 貨
一 店 春 風 暖 萬 家
Lưỡng sương cẩm tú tàng bách hóa;
Nhất điếm xuân phong noãn vạn gia.
Hai hiên gấm vóc gồm bách hóa;
Một quán gió xuân ấm muôn nhà.

雞 唱 鴨 鳴 爭 春 早
水 笑 山 歡 報 喜 多
Kê xướng áp minh tranh xuân tảo;
Thủy tiếu sơn hoan báo hỷ đa
Gà gáy vịt kêu xuân đến sớm;
Sông cười núi gọi báo nhiều vui.

鴨 游 春 池 層 層 波 紋 皆 錦 繡
人 樂 新 年 行 行 專 業 有 文 章
Áp du xuân trì, tầng tầng ba văn giai cẩm tú;
Nhân lạc tân niên, hàng hàng chuyên nghiệp hữu văn chương.
Vịt bơi ao xuân, lớp lớp sóng vờn như gấm vóc;
Người vui năm mới, nghề nghề chuyên nghiệp có đường đi.

花 間 酒 气 春 風 遠
村 里 棋 聲 夜 雨 寒
Hoa gian tửu khí xuân phong viễn;
Thôn lý kỳ thanh dạ vũ hàn.
Trong hoa hơi rượu theo xuân đến;
Đầu xóm hội cờ tiếng mưa đêm.

花 承 朝 霞 千 苞 發
鶯 惑 春 風 百 囀 鳴

Hoa thừa triêu hà thiên bao phát;
Oanh hoặc xuân phong bách chuyển minh.
Hoa đón ráng chiều nghìn nụ nở;
Oanh diễu gió xuân trăm giọng ca.

春 風 送 暖 千 絲 綠
文 壇 生 彩 百 花 香

Xuân phong tống noãn thiên ty lục;
Văn đàn sinh thái bách hoa hương.
Gió xuân đưa ấm nghìn dây biếc;
Đàn văn nhiều sắc trăm hoa thơm.

耀 眼 宏 圖 詩 中 畫
宜 心 春 色 畫 里 詩

Diệu nhãn hồng đồ thi trung họa;
Nghi tâm xuân sắc họa lý thi.
Choáng mắt cơ đồ, thơ trong họa;
Vừa lòng xuân sắc, họa trong thơ.

豐 收 詩 豐 收 畫 詩 畫 豐 收
致 富 歌 致 富 舞 歌 舞 致 富

Phong thu thi, phong thu họa; thi họa phong thu;
Trí phú ca, trí phú vũ; ca vũ trí phú.
Được mùa thơ, được mùa họa; thơ họa được mùa;
Giàu về ca, giàu về vũ; ca vũ đều giàu.

屏 花 著 雨 春 還 麗
水 檻 臨 風 晚 更 佳

Bình hoa trước vũ, xuân hoàn lệ;
Thủy hạm lâm phong, văn cánh giai.
Hoa che mưa ướt, xuân còn đẹp;
Hiên nước gió vào, muộn càng hay.

太 皓 收 深 霜 染 白
漁 家 春 曉 櫓 搖 歌

Thái hạo thu thâm sương nhiễm bạch;
Ngư gia xuân hiểu lỗ dao ca.
Sáng trưng thu muộn sương nhuốm trắng;
Nhà chài xuân sớm hát mái chèo.

春 樹 有 情 迎 過 客
名 山 無 恙 慰 詩 人
Xuân thụ hữu tình nghênh quá khách;
Danh sơn vô dạng ủy thi nhân.
Cây xuân có tình đón khách đến;
Núi lớn không lo nhắc nhà thơ.

滿 院 棠 花 紅 聯 竹 里
一 池 春 水 綠 遍 天 涯
Mãn viện đường hoa, hồng liên trúc lý;
Nhất trì xuân thủy, lục biến thiên nhai.
Đầy sân hải đường, hồng lan xóm trúc;
Một ao nước xuân, xanh tận chân trời.

游 子 春 來 思 竹 里
故 鄉 人 到 問 桃 鄰
Du tử xuân lai tư trúc lý;
Cố hương nhân đáo vấn đào lân.
Xa nhà xuân đến nhớ làng trúc;
Quê cũ người qua hỏi xóm đào.

堤 畔 鶯 花 橋 畔 月
竹 邊 歌 吹 柳 邊 舟
Đê bạn oanh hoa, kiều bạn nguyệt;
Trúc bên ca xúy, liễu biên châu.
Xuân đến bên đê, cầu trăng sáng;
Hát ca bên trúc, liễu thuyền vào.

四 面 有 山 皆 入 畫
一 年 無 日 不 看 花
Tứ diện hữu sơn giai nhập họa;
Nhất niên vô nhật bất khán hoa.
Bốn phía núi non đều như vẽ;
Suốt năm ngày tháng vẫn có hoa.

才 見 早 春 鶯 出 谷
更 逢 晴 日 柳 含 煙
Tài kiến tảo xuân, oanh xuất cốc;
Cánh phùng tình nhật, liễu hàm yên.
Vừa vào xuân sớm, oanh rời núi;
Lại gặp ngày thanh, liễu quẩn mây.

一 片 彩 霞 迎 旭 日
萬 條 金 線 帶 春 煙
Nhất phiến thái hà nghênh húc nhật;
Vạn điều kim tuyến đái xuân yên.
Một mảng ráng màu chào ngày mới;
Muôn giây kim tuyến buộc mây xuân.

詩 怀 澹 處 臨 春 水
文 味 閑 時 數 落 花
Thi hoài đạm xứ, lâm xuân thủy;
Văn vị nhàn thời, sổ lạc hoa.
Thơ khi lòng tĩnh, sông xuân ghé;
Văn lúc thanh nhàn, đếm hoa rơi.

萬 壑 煙 嵐 春 雨 後
千 峰 蒼 翠 夕 陽 中
Vạn hác yên lam, xuân vũ hậu;
Thiên phong thương thúy, tịch dương trung.
Sau mưa xuân, khói lam muôn lũng;
Trong ánh chiều, xanh biếc ngàn non.

綠 水 自 然 成 澗 壑
春 風 無 日 不 山 家
Lục thủy tự nhiên thành giản hác;
Xuân phong vô nhật bất sơn gia.
Nước biếc tự nhiên nên khe lũng;
Gió xuân ngày đến mỗi nhà sàn.

花 塢 紅 雲 春 句 麗
石 潭 收 水 道 心 空
Hoa ổ hồng vân xuân cú lệ;
Thạch đàm thu thủy đạo tâm không.
Mây hồng hoa tụ câu xuân đẹp;
Nước thu đầm đá lòng đạo không.

春 雨 聲 中 鶯 囀 滑
晚 霞 明 處 鶴 飛 來
Xuân vũ thanh trung oanh chuyển hoạt;
Vãn hà minh xứ hạc phi lai.
Trong tiếng mưa xuân oanh cao hót;
Vài tia ráng muộn hạc bay về.

風 聲 滿 徑 竹 鏗 爾
春 气 入 林 花 翳 如
Phong thanh mãn kính trúc kiên nhĩ;
Xuân khí nhập lâm hoa ế như.
Đầy lối gió lùa trúc ken đặc;
Chật rừng xuân đến mờ mịt hoa.

看 遍 好 花 春 睡 足
醉 殘 紅 日 夜 吟 多
Khan biến hảo hoa xuân thụy túc;
Túy tàn hồng nhật dạ ngâm đa.
Xem khắp hoa tươi xuân chán ngủ;
Rượu tàn trời sáng tối ngâm thơ.

皓 月 盈 杯 心 不 夜
春 雲 潤 物 雨 含 情
Hạo nguyệt doanh bôi, tâm bất dạ;
Xuân vân nhuận vật, vũ hàm tình.
Trăng sáng ly đầu, đêm chẳng hết;
Mây xuân cảnh đẹp, tình trong mưa.

春 風 繞 榻 傳 詩 韻
雅 蝶 臨 窗 掬 墨 香
Xuân phong nhiễu tháp truyền thi vận;
Nhã điệp lâm song cúc mặc hương.
Gió xuân thổi sập truyền thi hứng;
Bướm đẹp vào song múc mực thơm.

筆 下 詩 聯 能 蓋 世
胸 中 志 氣 敢 容 天
Bút hạ thi liên năng cái thế;
Hung trung chí khí cảm dung thiên.
Dưới bút thơ văn đều cái thế;
Trong lòng chí khí dám bao trời.

麗 日 和 風 春 淡 蕩
花 香 鳥 語 物 昭 蘇
Lệ nhật hòa phong, xuân đạm đãng;
Hoa hương điểu ngữ, vật chiêu tô.
Trời đẹp gió hòa, xuân đâu đó;
Hoa thơm chim hót, cảnh thêm tươi.

官 場 如 戲 我 如 痴 入 座 且 聽 三 疊 曲
明 月 在 天 燈 在 市 開 樽 共 醉 萬 家 春

Quan trường như hí ngã như si, nhập tọa thả thính tam điệp khúc;
Minh nguyệt tại thiên đăng tại thị, khai tôn cộng túy vạn gia xuân.

Làm quan như kịch lại như mê, hãy đến rạp đây nghe hát đã;
Trăng tỏ trên không chợ thêm đèn, nâng chén rượu say vạn nhà xuân.

酒 常 知 節 狂 言 少
心 不 能 清 亂 夢 多

Tửu thường tri tiết cuồng ngôn thiểu;
Tâm bất năng thanh loạn mộng đa.

Rượu thường bớt chén lời ít quá;
Tâm chẳng lắng trong ác mộng nhiều.

莫 放 春 秋 佳 日 過
最 難 風 雨 故 人 來

Mạc phóng xuân thú giai nhật quá;
Tối nan phong vũ cố nhân lai.

Chớ để xuân thu ngày đẹp vuột;
Khó khi mưa gió bạn thân thăm.

淡 如 秋 水 閒 中 味
和 似 春 風 靜 後 功

Đạm như thu thủy nhàn trung vị;
Hòa tự xuân phong tĩnh hậu công.

Ý vị trong nhàn đạm như thu thủy;
Công lao sau tĩnh hòa tựa xuân phong.

歌 館 樓 臺 聲 細 細
清 明 時 節 雨 紛 紛

Ca quán lâu đài, thanh tế tế;
Thanh minh thời tiết, vũ phân phân.

Nhà hát lầu cao nghe nhạc nhẹ;
Thanh minh thời tiết ngó mưa phùn.

一 曲 陽 春 喚 醒 古 今 夢
兩 班 面 目 演 盡 忠 奸 情

Nhất khúc dương xuân, hoán tỉnh cổ kim mộng;
Lưỡng ban diện mục, diễn tận trung gian tình.

Một khúc đương xuân, gọi dậy hồn kim cổ;
Hai phe mặt mũi, lột hết dạ gian trung.
(Vịnh hát tuồng)

芳草有情好鳥飛來花笑
瑤臺無鎖美人歸去雲封
Phương thảo hữu tình, hảo điểu phi lai hoa tiếu;
Dao đài vô tỏa, mỹ nhân quy khứ vân phong.
Cỏ thơm có tình, chim đẹp bay về hoa nở;
Đài Dao không khóa, mỹ nhân đi khỏi mây che.

鑑權貴收場軍人休得志
看賢良結局志士莫灰心
Giám quyền quý thu trường, quân nhân hưu đắc chí;
Khán hiền lương kết cục, chí sĩ mạc hôi tâm.
Soi số phận quyền sang, binh nhì đừng đắc chí;
Ngó kết cục hiền lương, sĩ phu chớ nguội lòng.

眉頭春色十分濃古樂新編橫壯曲
門外長江千里逝民歌誰唱盡眞情
Mi đầu xuân sắc thập phân nùng, cổ nhạc tân biên hoành tráng khúc;
Môn ngoại trường giang thiên lý thệ, dân ca thùy xướng tận chân tình.
Đầu mày xuân sắc thập phân nồng, nhạc cổ cải biên hoành tráng khúc;
Ngoài cửa sông dài xuôi ngàn dặm, dân ca ai hát dậy tâm tình.

南望飛雲雕梁畫棟
西來爽氣玉宇瓊樓
Nam vọng phi vân, điêu lương họa đống;
Tây lai sảng khí, ngọc vũ quỳnh lâu.
Ngó nam mây lành, cột hoa cửa chạm;
Trông tây khí tốt, hiên ngọc lầu vàng.

氣象藹門庭建築堂皇近水遠山相拱照
文明新棟宇規模橫壯德家仁里滿春光
Khí tượng ế môn đình, kiến trúc đường hoàng, cận thủy viễn sơn, tương củng chiếu;
Văn minh tân đống vũ, quy mô hoành tráng, đức gia nhân lý, mãn xuân quang.

Cây cối rợp nhà sân, kiến trúc đường hoàng, gần sông xa núi, thế che đỡ;
Đời mới lầu ở mới, quy mô hoành tráng, xóm hay làng tốt, đón xuân về.

百年計划大啓鴻圖觀窗外綠水青山无非詩意到
一代文明力修駿德看眼前殤松翠柏墨有畫心來

Bách niên kế hoạch, đại khởi hồng đồ; quan song ngoại lục thủy thanh sơn, vô phi thi ý đáo;
Nhất đại văn minh, lực tu tuấn đức; khán nhãn tiền thương tùng thúy bách, mặc hữu họa tâm lai.
Trăm năm kế hoạch, dấy mạnh cơ đồ, nhìn ngoài cửa nước biếc non xanh, ý thơ tự nhiên đến;
Một thời văn minh, ra sức rèn luyện, xem trước mắt thông rờn bách mượt, hứng họa nổi lên theo.

綺席美含千古色
名花艷列四時春
Kỳ tịch mỹ hàm thiên cổ sắc;
Danh hoa diệm liệt tứ thời xuân.
Chiếu quý đượm màu muôn thuở đẹp;
Hoa thơm hương phất bốn mùa xuân.

一室恍如銀世界
四時渾似玉壺冰
Nhất thất hoảng như ngân thế giới;
Tứ thời hỗn tự ngọc hồ băng.
Cả phòng choáng lộn như kho bạc;
Bốn mùa trong vắt tựa ngọc băng.

寒中送炭家家暖
錦上添花户户春
Hàn trung tống thán gia gia noãn;
Cẩm thượng thiêm hoa hộ hộ xuân.
Rét đến đưa than nhà nhà ấm;
The gấm thêu hoa hộ hộ xuân.

瑞獻雲霞瞻棟宇
輝聯奎壁耀門庭

Thụy hiến vân hà, chiêm đống vũ;
Huy liên khuê bích, diệu môn đình.
Vui báo ráng mây, xem nhà chính;
Sắc liền ngọc bích, tỏ sân thềm.

幢 幢 新 樓 含 瑞 氣
扇 扇 明 窗 納 春 光
Chàng chàng tân lâu hàm thụy khí;
Phiến phiến minh song nạp xuân quang.
Ngôi ngôi lầu mới đưa điềm tốt;
Lớp lớp cửa sơn dọi ánh xuân.

萬 水 千 山 邀 客 賞
千 紅 萬 紫 報 春 回
Vạn thủy thiên sơn, yêu khách thưởng;
Thiên hồng vạn tử, báo xuân hồi.
Muôn nước nghìn non, mời khách ngắm;
Nghìn hồng vạn tía, báo xuân về.

春 風 來 海 上
明 月 在 江 頭
Xuân phong lai hải thượng;
Minh nguyệt tại giang đầu.
Gió xuân đến trên biển;
Trăng sáng chiếu đầu sông.

祥 雲 春 暖 千 家 樂
大 海 波 平 萬 舶 來
Tường vân xuân noãn, thiên gia lạc;
Đại hải ba bình, vạn bách lai.
Mây lành xuân ấm, vui nghìn hộ;
Biển rộng sóng yên, đến vạn thuyền.

香 送 春 風 令 我 醉
粉 添 花 气 襲 人 來
Hương tống xuân phong linh ngã túy;
Phấn thiêm hoa khí tập nhân lai.
Ta say bởi gió xuân hương tỏa;
Người về khi hoa nở phấn gieo.

桃 李 春 風 花 有 韻
芝 蘭 香 氣 玉 無 瑕
Đào lý xuân phong hoa hữu vận;
Chi lan hương khí ngọc vô hà.
Xuân về đào mận hoa đua nở;
Hương tỏa chi lan ngọc hết nhơ.

千 里 春 風 勞 驛 使
三 秋 芳 訊 寄 鄉 人
Thiên lý xuân phong lao dịch sứ;
Tam thu phương tấn ký hương nhân.
Nghìn dặm gió xuân phiền sứ dịch;
Ba thu tin nhắn gửi quê nhà.

嫩 黃 嫩 綠 春 前 綠
淡 白 深 紅 雨 後 花
Nộn hoàng, nộn lục, xuân tiền lục;
Đạm bạch, thâm hồng, vũ hậu hoa.
Chồi vàng, chồi biếc, xuân vừa biếc;
Trắng mờ, hồng thắm, mưa gọi hoa.

桃 情 不 出 春 之 內
菊 興 多 應 秋 其 間
Đào tình bất xuất xuân chi nội;
Cúc hứng đa ưng thu kỳ gian.
Chơi đào cứ phải khi xuân đến;
Thưởng cúc thường nên lúc thu về.

美 麗 春 光 機 中 收 萬 景
新 奇 珍 寶 案 上 到 千 枚
Mỹ lệ xuân quang, cơ trung thu vạn cảnh;
Tân kỳ trân bảo, án thượng liệt thiên mai.
Đẹp đẽ mùa xuân, muôn cảnh ghi trong máy;
Lạ kỳ vật quý, nghìn vật bầy trên bàn.

傳 喜 信 萬 里 如 咫 尺
報 春 風 千 鄉 若 鄰 邦
Truyền hỷ tín, vạn lý như chỉ xích;
Báo xuân phong, thiên hương nhược lân bang.
Đưa tin vui, muôn làng như gang tấc;
Báo xuân về, nghìn xã tưởng kề nhau.

吟 我 無 衣 同 袍 句
留 你 千 香 滿 袖 來
Ngâm ngã vô y đồng bào cú;
Lưu nhĩ thiên hương mãn tụ lai.
Ngâm bài Vô y (Tần phong, Kinh Thi), cùng ta chung áo;
Giữ lấy nghìn hương, ống tay mãi thơm.

當 日 引 風 春 滿 座
昔 曾 卻 暑 夏 生 涼
Đương nhật dẫn phong xuân mãn tọa;
Tích tằng khước thử hạ sinh lương.
Hôm nay gió đến xuân đầy khắp;
Thuở trước xua nồng hạ mát thay.
(Vịnh quạt)

開 廣 廈 設 病 房 下 榻 于 茲 獨 起 死 回 生 之 術
施 刀 圭 攻 藥 石 懸 壺 在 此 素 抱 活 人 濟 世 心
Khai quảng hạ, thiết bệnh phòng, hạ thác vu tư, độc khởi tử hồi sinh chi thuật;
Thi đao khuê, công dược thạch, huyền hồ tại thử, tố bão hoạt nhân tế thế tâm.
Xây nhà chung, mở phòng bệnh, đặt giường nơi đây, cứu người sống lại từ cõi chết;
Khéo tay dao, rành thang trị, hái thuốc chốn kia, ôm lòng luôn giúp khó giúp đời.

大 地 回 春 山 河 壯 麗
陽 光 普 照 玉 宇 澄 清
Đại địa hồi xuân, sơn hà tráng lệ;
Dương quang phổ chiếu, ngọc vũ trừng thanh.
Đất nước vào xuân, núi sông tươi đẹp;
Ánh dương chiếu khắp, nhà ngọc trong xanh.

最 宜 茶 夢 同 圓 海 上 壺 天 容 小 隱
休 得 酒 家 借 問 座 中 春 色 亦 常 留
Tối nghi trà mộng đồng viên, hải thượng hồ thiên dung tiểu ẩn;
Hưu đắc tửu gia tá vấn, tọa trung xuân sắc diệc thường lưu.
Thích nhất uống trà họp bạn, tiểu ẩn mượn bầu trời trên biển;
Vui khi quán rượu thăm nhau, nán ngồi với xuân ấm bên mâm.

清 心 入 世 身 多 潔
和 氣 迎 人 意 自 甜
Thanh tâm nhập thế thân đa khiết;
Hòa khí nghênh nhân ý tự điềm.
Vào đời sáng tỏ tâm trong trắng;
Bạn bè vui vẻ ý ngọt ngào.

畫 不 充 飢 休 爲 名 士
文 而 匿 姓 大 有 畸 人
Họa bất sung cơ, hưu vi danh sĩ;
Văn nhi nặc tính, đại hữu cơ nhân.
Họa không đủ no, không kể danh sĩ;
Văn mà dấu họ, tất có vấn đề.

印 草 書 來 應 有 信
香 花 帖 到 更 宜 春
Ấn thảo thư lai, ưng hữu tín;
Hương hoa thiếp đáo, cánh nghi xuân.
Mấy chữ thư đưa, chắc tin bạn;
Thiếp thơm gửi đến, đúng xuân rồi.

喜 吟 春 色 詩 千 首
暢 飲 芳 香 酒 一 杯
Hỷ ngâm xuân sắc thi thiên thủ;
Sướng ẩm phương hương tửu nhất bôi.
Nghìn bài thơ xuân vui vẻ đọc;
Một chén rượu thơm thỏa với đời.

釀 成 春 夏 秋 冬 酒
醉 倒 東 西 南 北 人
Nhưỡng thành xuân hạ thu đông tửu;
Túy đảo đông tây nam bắc nhân.
Cất nên rượu thu đông xuân hạ;
Say đổ người nam bắc đông tây.

水 綠 山 青 座 中 人 醉
花 明 柳 媚 湖 上 春 長
Thủy lục sơn thanh, tọa trung nhân túy;
Hoa minh liễu mỵ, hồ thượng xuân trường.
Nước biếc non xanh, người say với tiệc;
Hoa tươi liễu rủ, xuân mãi trên hồ.

玉 井 年 新 濁 泉 舟 聚
香 山 春 色 生 涯 日 佳

Ngọc tỉnh niên tân, Trọc tuyền chu tụ;
Hương Sơn xuân sắc, sinh nhai nhật giai.
Giếng ngọc năm mới, suối Đục thuyền tụ;
Hương Sơn xuân sắc, cuộc sống khá lên.

君 且 儘 此 觴 莫 遣 春 光 隨 水 逝
余 亦 能 高 泳 恐 惊 星 斗 落 江 來

Quân thả tận thử thương, mạc khiển xuân quang tùy thủy tạ;
Dư diệc năng cao vịnh, khủng kinh tinh đẩu lạc giang lai.
Bác hãy cạn chén này, chớ để ánh xuân chìm theo nước;
Tôi cũng xin bơi vội, sợ rằng sao sáng rớt ngay sông.

迎 春 正 啓 鵝 山 席
愛 客 偏 浮 鉢 場 杯

Nghênh xuân chính khải Nga Sơn tịch;
Ái khách thiên phù Bát Tràng bôi.
Đón xuân trải rộng chiếu Nga Sơn;
Mến khách rót đầy chén Bát Tràng.

詩 句 亂 隨 春 草 發
酒 腸 俱 逐 夏 郁 寬

Thi cú loạn tùy xuân thảo phát;
Tửu trường câu trục hạ uất khoan
Câu thơ tùy hứng theo xuân thảo;
Chén rượu tiêu sầu uất hạ đầy.

春 風 漫 卷 蘭 花 白
細 雨 能 斟 竹 葉 青

Xuân phong mạn quyển lan hoa bạch;
Tế vũ năng châm trúc diệp thanh.
Gió xuân cuốn nhẹ hoa lan trắng;
Mưa nhỏ rơi vào lá trúc xanh.

春 詩 春 畫 猶 春 面
醉 筆 醉 情 亦 醉 心

Xuân thi xuân họa do xuân diện;
Túy bút túy tình diệc túy tâm.
Thơ xuân tranh xuân, mặt xuân đến;
Bút say tình say lòng cũng say.

會友登樓人壽年豐談盛世
迎春飲酒親朋同業賞佳餚

Hội hữu đăng lâu, nhân thọ niên phong đàm thịnh thế;
Nghênh xuân ẩm tửu, thân bằng đồng nghiệp thưởng giai hào.
Họp bạn lên lầu, người thọ được mùa bàn đời thịnh;
Mừng xuân uống rượu, bạn bè đồng nghiệp hưởng món ngon.

飯熟菜香八方春節
窗明几淨四季新年

Phạn thục thái hương, bát phương xuân tiết;
Song minh kỷ tịnh, tứ quý tân niên.
Cơm nóng thức thơm, tám phương xuân cả;
Cửa sáng ghế sạch, bốn quý tết luôn.

三春曙色迎家客
一片冰心在玉壺

Tam xuân thự sắc nghênh gia khách;
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ.
Ba xuân sáng sớm đón khách quý;
Một tấm lòng thành chứa trong chai.

竹葉杯中春友色
杏花村裡客多情

Trúc diệp bồi trung xuân hữu sắc;
Hạnh hoa thôn lý khách đa tình.
Trong ly lá trúc đầy xuân sắc;
Ngoài xóm hạnh hoa đến khách tình.

鳳凰來儀和聲鳴盛
燕雀作市宣籟嬉春

Phượng hoàng lai nghi, hòa thanh minh thịnh;
Yến tước tác thị, tuyên lại hý xuân.
Phượng hoàng đến chầu, hót ca đời thịnh;
Yến sẻ họp chợ, thổi sáo vui xuân.

几淨窗明春風滿座
飲香菜美雅客如雲

Kỷ tịnh song minh, xuân phong mãn tọa;
Phạn hương thái mỹ, nhã khách như vân.
Ghế sạch phòng sang, gió xuân đầy khắp;
Cơm thơm thức ngọt, khách sộp như mây.

儘 美 山 餚 色 香 清 雅
眞 奇 海 味 歌 舞 新 春

Tận mỹ sơn hào, sắc hương thanh nhã;
Chân kỳ hải vị, ca vũ tân xuân.

Các thức vùng cao, sắc hương thanh nhã;
Đầy món miền biển, ca múa mừng xuân.

景 色 殊 各 里
春 風 總 一 家

Cảnh sắc thù các lý;
Xuân phong tổng nhất gia.

Cảnh sắc tùy xóm khác;
Gió xuân vẫn một nhà.

紅 桃 千 朵 艷
密 雨 一 甌 香

Hồng đào thiên đóa diệm;
Mật vũ nhất âu hương.

Đào hồng nghìn đóa nở;
Mưa nặng một bình hương.

桃 迎 酒 客 客 先 醉
春 見 詩 人 人 更 開

Đào nghênh tửu khách, khách tiên túy;
Xuân kiến thi nhân, nhân cánh khai.

Đào đón khách say, khách say trước;
Xuân gặp nhà thơ, thơ càng hay.

春 山 不 墨 千 年 畫
秋 水 无 弦 萬 古 琴

Xuân sơn bất mặc, thiên niên họa;
Thu thủy vô huyền, vạn cổ cầm.

Núi xuân không vẽ mà là bức tranh ngàn năm;
Sông thu không giây nhưng là chiếc đàn muôn thuở.

异 花 多 是 非 常 品
瑤 草 原 來 別 有 春

Dị hoa đa thị phi thường phẩm;
Dao thảo nguyên lai biệt hữu xuân.

Hoa lạ phần nhiều là của quý;
Cỏ thơm vốn đã có xuân riêng.

富 水 園 林 平 泉 花 木
春 風 桃 李 秋 雨 芭 蕉

Phú thủy viên lâm, bình tuyền hoa mộc;
Xuân phong đào lý, thu vũ ba tiêu.
Vườn rậm sông đầy, hoa cây suối lặng;
Đào mận gió xuân, chuối trong mưa thu.

日 映 箕 裘 長 濟 美
春 來 几 席 自 生 香

Nhật ánh cơ cầu trường tế mỹ;
Xuân lai kỷ tịch tự sinh hương.
Ngày tháng sinh nhai đều tốt đẹp;
Xuân về cuộc sống lại thêm vui.

千 嶺 風 流 今 勝 景
一 川 水 墨 古 傳 香

Thiên lĩnh phong lưu kim thắng cảnh;
Nhất xuyên thủy mặc cổ truyền hương.
Nghìn đỉnh phong lưu nay cảnh đẹp;
Một khe thủy mặc cổ truyền hương.

桃 花 點 爭 芳 千 朵
蒸 餅 開 歡 樂 萬 家

Đào hoa điểm, tranh phương thiên đóa;
Chưng bỉnh khai, hoan lạc vạn gia.
Hoa đào nở, thơm lừng ngàn đóa;
Bánh chưng khui, vui vẻ muôn nhà.

一 湖 碧 水 和 燈 彩
萬 朵 紅 桃 浴 春 風

Nhất hồ, bích thủy hòa đăng thái;
Vạn đóa hồng đào dục xuân phong.
Một hồ nước biếc hòa đèn đẹp;
Muôn đóa đào hồng tắm gió xuân.

一 泓 秋 水 餘 清 氣
滿 室 春 風 散 異 香

Nhất hoằng thu thủy dư thanh khí;
Mãn thất xuân phong tản dị hương.
Một giải sông thu tràn thanh khí;
Đầy nhà gió xuân tỏa dị hương.

一 室 太 和 眞 富 貴
滿 門 春 色 大 榮 華
Nhất thất thái hòa chân phú quý;
Mãn môn xuân sắc đại vinh hoa.
Nhà cửa yên lành là phú quý;
Đầy sân xuân sắc thật vinh hoa.

吉 星 高 照 平 安 宅
福 曜 常 臨 積 善 家
Cát tinh cao chiếu bình yên trạch;
Phúc diệu thường lâm tích thiện gia.
Cửa bình an cát tinh chiếu rọi;
Nhà tích thiện phúc khí hay qua.

和 氣 盈 門 迎 瑞 氣
春 光 滿 眼 映 文 光
Hòa khí doanh môn nghênh thụy khí;
Xuân quang mãn nhãn ánh văn quang.
Khí ấm đầy nhà mừng khí tốt;
Ánh xuân sướng mắt đón ánh văn.

名 山 物 彩 輝 春 海
大 地 江 山 點 霽 雲
Danh sơn vật thái huy xuân hải;
Đại địa giang sơn điểm tễ vân.
Muôn vật núi cao khoe xuân khắp;
Non sông đất rộng nổi mây lành.

堂 上 椿 萱 輝 旭 日
階 前 蘭 桂 長 春 風
Đường thượng xuân huyên huy húc nhật;
Giai tiền lan quế trưởng xuân phong.
Trên có mẹ cha vui cao tuổi;
Dưới thì con cháu được ấm no.

喜 見 玉 梅 辭 舊 腊
還 期 綠 柳 染 新 衣
Hỷ kiến ngọc mai từ cựu lạp;
Hoàn kỳ lục liễu nhiễm tân y.
Vui thấy mầm mai chào tháng chạp;
Lại chờ nhành liễu chuyển màu xanh.

九 天 日 月 開 新 運
萬 國 笙 歌 醉 太 平
Cửu thiên nhật nguyệt khai tân vận;
Vạn quốc sinh ca túy thái bình.
Trời cao nhật nguyệt cho vận mới;
Muôn nước đàn ca nhộn thái bình.

四 海 風 光 隨 處 好
滿 天 雨 露 應 時 新
Tứ hải phong quang tùy xứ hảo;
Mãn thiên vũ lộ ứng thời tân.
Bốn biển phong quan đâu cũng đẹp;
Đầy trời móc ngọt đúng mùa sang.

一 庭 花 影 三 更 月
十 里 松 陰 百 道 泉
Nhất đình hoa ảnh tam canh nguyệt;
Thập lý tùng âm bách đạo tuyền.
Trăng canh ba đầy sân hoa chiếu;
Suối trăm giòng mười dặm bóng tùng.

斗 柄 建 寅 推 歲 首
梅 花 送 腊 占 春 魁
Đẩu bỉnh kiến dần thôi tuế thủ;
Mai hoa tống lạp chiếm xuân khôi.
Chuôi Đẩu trỏ một là năm chuyển;
Hoa mai tiễn chạp ấy đầu xuân.

家 祥 世 衍 無 疆 慶
國 泰 天 開 不 老 春
Gia tường thế diễn vô cương khánh;
Quốc thái thiên khai bất lão xuân.
Nhà vui đời nối vô biên phúc;
Nước thịnh trời cho bất lão xuân.

時 際 三 陽 多 淑 氣
家 敦 一 樂 有 和 風
Thời tế tam dương đa thục khí;
Gia đôn nhất lạc hữu hòa phong.
Thời chuyển tam dương nhiều khí tốt;
Nhà nền nhất hạng có nếp hòa.

斗 柄 東 旋 新 氣 象
奎 光 西 照 煥 文 章

Đẩu bỉnh đông toàn tân khí tượng;
Khuê quang tây chiếu hoán văn chương.
Chuôi Đẩu quay đông mùa khí mới;
Ánh Khuê tây chiếu đổi sắc xuân.

柳 眼 桃 腮 舒 化 日
鶯 歌 燕 語 鬧 春 風

Liễu nhãn đào tai thư hóa nhật;
Oanh ca yến ngữ náo xuân phong.
Liễu nhú đào hồng ngày đổi khác;
Oanh ca yến hót báo xuân về.

藏 書 萬 卷 可 教 子
遺 金 滿 籯 常 住 災

Tàng thư vạn quyển khả giáo tử;
Di kim mãn doanh thường trú tai.
Sách chứa vạn quyển hay dạy con;
Vàng để đầy hòm thường có họa.

天 意 回 春 萬 物 光 輝 資 發 彩
人 心 樂 喜 四 時 和 氣 獲 徵 祥

Thiên ý hồi xuân, vạn vật quang huy tư phát thái;
Nhân tâm lạc thiện, tứ thời hòa khí hoạch trưng tường.
Trời muốn hồi xuân, muôn vật tốt tươi đều đẹp vẻ;
Lòng người vui thiện, bốn mùa hòa khí được điềm lành.

春 從 何 處 來 共 沐 和 風 甘 雨
花 由 此 日 發 欣 看 柳 綠 桃 紅

Xuân tòng hà xứ lai, cộng mộc hòa phong cam vũ;
Hoa do thử nhật phát, hân khan liễu lục đào hồng.
Xuân từ đâu đến đây, cùng tắm gội gió lành mưa ngọt.
Hoa cũng ngày này nở, vui mừng xem liễu biếc đào hồng.

一 氣 轉 春 回 桂 郁 蘭 芬 梅 吐 玉
三 元 昭 物 化 龍 飛 豹 變 鳳 呈 丹

Nhất khí chuyển xuân hồi, quế úc lan phân mai thổ ngọc;
Tam nguyên chiêu vật hóa, long phi, báo biến phượng trình đan.
Xuân về một khí chuyển, quế tốt, lan hương, mai nhả ngọc;
Vật đổi ba tháng đầu, rồng bay, báo biến, phượng khoe màu.

百 年 天 地 迴 元 氣
一 統 山 河 樂 太 平
Bách niên thiên địa hồi nguyên khí;
Nhất thống sơn hà lạc thái bình.
Trăm năm trời đất hồi nguyên khí;
Nhất thống non sông vui thái bình.

萬 象 回 春 新 雨 露
一 天 改 色 燦 雲 霞
Vạn tượng hồi xuân tân vũ lộ,
Nhất thiên cải sắc sán vân hà.
Vạn cảnh xuân về mưa móc mới;
Một trời đổi sắc đẹp mây xuân.

天 賜 與 一 門 吉 慶
春 送 來 兩 字 平 安
Thiên tứ dữ nhất môn cát khanh;
Xuân tống lai lưỡng tự bình an.
Trời ban cho một nhà tốt đẹp;
Xuân đem lại hai chữ bình yên.

曉 日 初 晴 海 宇 雲 霞 呈 秀
春 風 乍 暖 山 頭 梅 李 生 輝
Hiểu nhật sơ tình hải vũ vân hà trình tú;
Xuân phong sạ noãn sơn đầu mai lý sinh huy.
Sáng ra mới nắng, biển cả, ráng mây đẹp đẽ;
Gió xuân tỏa ấm, đỉnh non, đào mận tốt tươi.

桃 李 開 花 萬 里 和 風 生 草 木
山 河 悅 目 一 天 瑞 藹 集 門 庭
Đào lý khai hoa, vạn lý hòa phong sinh thảo mộc;
Sơn hà duyệt mục, nhất thiên thụy ái tập môn đình.
Đào mận nở hoa, muôn dặm gió lành tốt cây cỏ;
Núi sông sướng mắt, một trời mây đẹp phủ sân nhà.

歲 月 人 心 要 改 革
乾 坤 天 意 愛 維 新
Tuế nguyệt nhân tâm yêu cải cách;
Càn khôn thiên ý ái duy tân.
Lòng người năm tháng cần sửa đổi;
Ý trời càn khôn cũng duy tân.

大 塊 文 章 還 假 我
十 分 春 色 總 宜 人

Đại khối văn chương hoàn giả ngã;
Thập phần xuân sắc tổng nghi nhân.
Một khối văn chương đều mượn tớ;
Mười phần xuân sắc thảy ưa người.

錦 繡 花 開 春 富 貴
琅 玕 竹 報 歲 平 安

Cẩm tú hoa khai xuân phú quý;
Lang can trúc báo tuế bình an.
Gấm vóc hoa đua, xuân phú quý;
Vân ngọc trúc báo, năm bình an.

山 川 氣 象 渾 如 畫
人 物 風 光 又 轉 新

Sơn xuyên khí tượng hồn như họa;
Nhân vật phong quang hựu chuyển tân.
Núi sông cảnh tượng nom như vẽ;
Người vật phong quang chuyển sắc xuân.

瓶 梅 蕊 放 春 盈 屋
園 李 春 濃 汁 染 衣

Bình mai nhụy phóng hương doanh ốc;
Viên lý xuân nùng trấp nhiễm y.
Hương đầy nhà bình hoa mai nở;
Nước thấm áo vườn mận đậm xuân.

向 陽 門 第 春 先 到
積 善 家 堂 慶 有 餘

Hướng dương môn đệ xuân tiên đáo;
Tích thiện gia đường khánh hữu xuân.
Cửa hướng mặt trời xuân đến trước;
Nhà chăm tích thiện phúc dư thừa.

十 分 春 色 從 天 迓
三 錫 鴻 恩 指 日 來

Thập phần xuân sắc tòng thiên nhạ;
Tam tích hồng ân chỉ nhật lai.
Mười phần xuân sắc theo trời đất;
Ba đợt ơn to thắng lợi về.

松 竹 梅 歲 寒 三 友
天 大 人 四 海 同 春
Tùng trúc mai tuế hàn tam hữu;
Thiên địa nhân tứ hải đồng xuân.
Tùng trúc mai rét đông ba bạn;
Trời đất người bốn biển cùng xuân.

新 歲 日 晴 街 市 桃 梅 爭 盛 放
故 園 春 滿 鄉 村 禮 會 各 開 張
Tân tuế nhật tình nhai thị đào mai tranh thịnh phóng;
Cố viên xuân mãn hương thôn lễ hội các khai trương.
Năm mới đẹp trời phố phường đào mai đua nở;
Vườn cũ đầy xuân làng xóm lễ hội khai trương.

旭 日 熙 和 幸 福 源 泉 通 四 海
春 風 得 意 光 明 航 道 竟 千 帆
Húc nhật hi hòa, hạnh phúc nguyên tuyền thông tứ hải;
Xuân phong đắc ý, quang minh hàng đạo cánh thiên phàm.
Ngày đẹp hòa vui, phạnh phúc suối nguồn thông bốn biển;
Gió xuân đẹp ý, hân hoan đường thủy rộn ngàn thuyền.

水 色 山 光 陽 春 萬 里
花 開 樹 閏 麗 景 四 方
Thủy sắc sơn quang, dương xuân vạn lý;
Hoa khai thụ nhuận, lệ cảnh tứ phương.
Nước biếc non xanh, đường xuân vạn dặm;
Cây tươi hoa nở, cảnh đẹp bốn phương.

解 悶 何 妨 呼 陸 羽
吟 詩 恰 好 覓 青 蓮
Giải muộn hà phóng hô Lục Vũ;
Ngâm thi kháp hảo mịch thanh liên.
Giải buồn đâu ngại hô Lục Vũ;
Ngâm thơ tốt nhất có sen xanh.

爐 火 烹 來 增 雅 趣
醴 泉 釀 就 醉 春 風
Lô hỏa phanh lai tăng nhã thú;
Lễ tuyền nhưỡng tựu túy xuân phong.
Lò lửa đun lên thêm thú nhã;
Nước nguồn nấu rượu gió xuân say.

蓮 蕊 浮 甌 綠
蘭 芽 泛 水 馨
Liên nhụy phù âu lục;
Lan nha phiếm thủy hinh.
Nhụy sen nổi bình biếc;
Nụ lan trôi dòng thơm.

香 分 花 上 露
水 汲 石 邊 泉
Hương phân hoa thượng lộ;
Thủy cấp thạch biên tuyền.
Sương đọng trên hoa hương ngấm;
Đá bên bờ suối nước tràn.

紅 杏 村 中 酒
蒙 山 頂 上 茶
Hồng Hạnh thôn trung tửu;
Mông Sơn đỉnh thượng trà.
Rượu trong thôn Hồng Hạnh;
Trà trên đỉnh Mông Sơn.

茶 號 無 雙 品
酒 稱 第 一 家
Trà hiệu vô song phẩm;
Tửu xứng đệ nhất gia.
Trà vào loại tuyệt hảo;
Rượu đáng khen nhất đời.

數 盞 精 神 千 倍 爽
三 杯 眉 目 一 時 新
Sổ trản tinh thần thiên bội sảng;
Tam bôi my mục nhất thời tân.
Vài chén, tinh thần tăng gấp bội;
Ba ly, mày mắt nổi tươi ngay.

一 杯 能 破 悶
四 座 有 高 明
Nhất bôi năng phá muộn,
Tứ tọa hữu cao minh.
Một chén giải phiền muộn;
Bốn vị có người hay.

席 上 多 怀 青 眼 酒
樽 中 難 識 白 頭 翁
Tịch thượng đa hoài thanh nhãn tửu;
Tôn trung nan thức bạch đầu ông.
Trên tiệc những mong người mắt biếc;
Chạm ly khó biết kẻ bạc đầu.

座 上 筵 鋪 酒 興 連 杯 詩 亦 醉
窗 前 鶯 轉 花 開 並 朵 月 還 羞
Tòa thượng diên phô, tửu hứng liên bôi thi diệc túy;
Song tiền oanh chuyển, hoa khai tịnh đóa nguyệt hoàn tu.
Tiệc bày trên nhà, rượu uống mềm môi, thơ chếnh choáng;
Oanh hót trước cửa, hoa đua nhau nở, trăng thẹn thùng.

茶 亦 醉 人 何 必 酒
書 能 香 我 不 須 花
Trà diệc túy nhân hà tất tửu;
Thư năng hương ngã bất tu hoa.
Trà cũng say người, đâu chỉ rượu;
Sách làm thơm tớ, chẳng cần hoa.

沽 酒 船 來 江 亦 醉
賣 花 人 去 路 猶 香
Cô tửu thuyền lai giang diệc túy;
Mại hoa nhân khứ lộ do hương.
Thuyền đem rượu đến, sông say khướt;
Người bán hoa qua, ngõ ngát hương.

醉 裏 乾 坤 相 笑 小
壺 中 日 月 獨 漲 長
Túy lý càn khôn tương tiếu tiểu;
Hồ trung nhật nguyệt độc trương trường.
Say túy lúy đất trời cười vẫn nhỏ;
Rượu một bình ngày tháng tự cho dài.

把 盞 澆 胸 神 骨 健
吟 詩 入 醉 夢 琿 香
Bả trản nhiễu hung, thần cốt kiện;
Ngâm thi nhập túy, mộng hồn hương.
Rửa bụng nâng ly, gân cốt mạnh;
Ngâm thơ say ngả, mộng hồn hương.

滿甕香風扶竹葉
一杯春色醉葡萄
Mãn úng hương phong phù trúc diệp;
Nhất bội xuân sắc túy bồ đào.
Đầy vò hương thoảng nổi lá trúc;
Một chén hơi xuân say rượu nho.

飲來佳味分三雅
醉後歌狂驚四筵
Ẩm lai giai vị phân tam nhã;
Túy hậu ca cuồng kinh tứ diên.
Uống vào mùi vị chia ba loại;
Say rồi hát loạn hãi bốn bên.

風送一帘招遠客
價無雙品憶高賢
Phong tống nhất liêm chiêu viễn khách;
Giá vô song phẩm ức cao hiền.
Gió cuốn một rèm mời khách đến;
Phẩm giá không hai nhớ kẻ hiền.

青山不厭千杯酒
白日維消一局棋
Thanh sơn bất yếm thiên bôi tửu;
Bạch nhật duy tiêu nhất cục kỳ.
Núi xanh chẳng ngán ngàn chung rượu;
Ngày trọn vừa xong một cuộc cờ.

月色溶溶青山綠水堪圖畫
風聲習習翠竹蒼松奏管絃
Nguyệt sắc dung dung, thanh sơn lục thủy kham đồ họa;
Phong thanh tập tập, thúy trúc thương tùng tấu quản huyền.
Trăng sáng tròn đầy, nước thắm non xanh tựa tranh vẽ;
Gió thổi lao xao, tùng xanh trúc biếc tấu hòa ca.

獨坐每將書作伴
閉門長與竹爲鄰
Độc tọa mỗi tương thư tác bạn;
Bế môn trường dữ trúc vi lân.
Ngồi mình vẫn lấy sách làm bạn;
Nhà rỗi hay cùng trúc chơi thân.

古 訓 是 式 威 儀 是 力
功 崇 惟 志 業 廣 惟 勤
Cổ huấn thị thức, uy nghi thị lực;
Công sùng duy chí, nghiệp quảng duy cần.
Lời xưa là phép, oai nghiêm là sức;
Công cao do chí, nghiệp lớn do chăm.

學 問 式 後 人 治 國 齊 家 皆 是 道
淵 源 師 前 哲 經 天 緯 地 謂 之 文
Học vấn thức hậu nhân, trị quốc tề gia giai thị đạo;
Uyên nguyên sư tiền triết, kinh thiên vĩ địa vị chi văn.
Học vấn dạy người sau, nước trị, nhà yên đều phải đạo;
Nguồn gốc thầy mở trước, đất ngang, trời dọc gọi là văn.

傘 嶺 山 高 蒼 澤 兩 間 青 眼 客
沱 江 流 遠 青 波 千 古 白 頭 翁
Tản lĩnh sơn cao, thương trạch lưỡng gian thanh nhãn khách;
Đà giang lưu viễn, thanh ba thiên cổ bạch đầu ông.
Dãy Tản núi cao, đầm sâu, hai cảnh như người mắt biếc;
Sông Đà nước trôi, sóng vỗ, ngàn năm tựa khách bạc đầu.

顯 揚 身 事 憑 流 澤
寵 錫 皇 恩 喜 及 泉
Hiển dương thân sự bằng lưu trạch;
Sủng tứ hoàng ân hỉ cập tuyền.
Thân danh lừng lẫy ghi công mãi;
Ơn trên ưu ái suối vàng vui.

經 史 爲 田 尊 杜 孟
龍 崗 立 表 羨 歐 陽
Kinh sử vi điền tôn Đỗ Mạnh;
Long cương lập biểu tiện Âu Dương.
Kinh, sử, ruộng cày, khen Đỗ, Mạnh;
Long Cương dâng biểu, chuộng Âu, Dương.

福 家 舊 德 徵 流 澤
熙 代 殊 恩 在 顯 名
Phúc gia cựu đức trưng lưu trạch;
Hi đại thù ân tại hiển danh.
Phúc nhà, đức cũ lưu truyền lại;
Đời thịnh, ơn xưa nổi tiếng tăm.

家 庭 素 講 風 聲 舊
花 表 恩 頒 雨 露 新
Gia đình tố giảng phong thanh cựu;
Hoa biểu ân ban vũ lộ tân.
Nền nếp cũ trong nhà rèn cặp;
Mưa móc xưa đẹp vẻ ơn ban.

義 碑 松 月 朗
孝 雨 桂 波 流
Nghĩa bi tùng nguyệt lãng;
Hiếu vũ quế ba lưu.
Bia nghĩa tùng trăng chiếu;
Mưa hiếu quế sóng vờn.

清 淨 無 塵 地
慈 悲 不 瞬 天
Thanh tịnh vô trần địa;
Từ bi bất thuấn thiên.
Đất thanh tịnh không bụi;
Trời từ bi chẳng hay.

思 君 夢 朗 屏 山 月
教 孝 恩 覃 桂 海 波
Tư quân mộng lãng bình sơn nguyệt;
Giáo hiếu ân đàm quế hải ba.
Nhớ người mộng đến nơi trăng núi;
Nhắc hiếu, ơn dài quế sóng xô.

百 年 儒 譜 開 門 闊
九 澤 春 膏 暢 海 疆
Bách niên nho phả khai môn phiệt;
Cửu trạch xuân cao sướng hải cương.
Trăm năm nho học rộng mở cửa;
Chín lớp xuân ân biển xa gần.

一 家 鍾 鼎 龍 光 湛
八 秩 簪 釵 鶴 夢 長
Nhất gia chung đỉnh long quang trạm;
Bát trật trâm thoa hạc mộng trường.
Một nhà bổng lộc tươi đẹp vẻ;
Tám chục trâm thoa tuổi thọ dài.

日 月 祥 光 調 玉 燭
江 山 英 氣 擁 雲 帷

Nhật nguyệt tường quang điều ngọc chúc;
Giang sơn anh khí ủng vân duy.
Nhật nguyệt sáng soi tươi đuốc ngọc;
Non sông linh khí bọc màn mây.

五 登 科 甲 書 香 遠
一 舉 才 名 筆 陣 雄

Ngũ đăng khoa giáp thư hương viễn;
Nhất cử tài danh bút trận hùng.
Năm lần thi đỗ sách thơm tỏa;
Một chốc nên danh bút trận hùng.

花 間 春 盎 拋 塵 絆
菊 下 秋 高 舍 靜 齋

Hoa gian xuân áng phao trần bạn;
Cúc hạ thu cao xả tĩnh trai.
Xuân đẹp bên hoa dứt trần lụy;
Thu trên cúc dưới bỏ trai phòng.

好 合 百 年 慈 命 重
諧 和 再 醮 自 天 緣

Hảo hợp bách niên từ mệnh trọng;
Hài hòa tái tiễu tự thiên duyên.
Lời mẹ dạy, trăm năm, tốt đẹp;
Duyên trời xe, thêm bước, hài hòa.

常 有 寬 心 能 益 壽
永 能 布 德 可 延 年

Thường hữu khoan tâm năng ích thọ;
Vĩnh năng bố đức khả diên niên.
Vẫn thường rộng lượng, nên tăng thọ;
Mãi hay ban phúc, được dài lâu.

千 秋 祖 國 旺 元 氣
一 統 江 山 永 太 平

Thiên thu tổ quốc vượng nguyên khí;
Nhất thống giang sơn vĩnh thái bình.
Ngàn năm tổ quốc vượng nguyên khí;
Nhất thống giang sơn mãi thái bình.

無 德 者 亡 知 謳 歌 之 已 去
常 仁 不 讓 信 曆 數 之 有 歸

Vô đức giả vong, tri âu ca chi dĩ khứ;
Đương nhân bất nhượng, tín lịch số chi hữu quy.
Không đức, chẳng còn, biết đã qua thời ca ngợi;
Vì nhân, không nhượng, tin rằng sẽ đến vận trời.

鸚 鵡 能 言 爭 類 鳳
蜘 蛛 雖 巧 不 如 蚕

Anh vũ năng ngôn tranh loại phượng;
Tri thù tuy xảo bất như tàm.
Vẹt hay tập nói khoe giòng phượng;
Nhện dẫu giăng tơ chẳng giống tằm.

升 斗 亦 酬 霑 絕 袪 子 心 寧 拂 忍
文 章 都 麼 蹟 和 丸 母 訓 政 難 追

Thăng đẩu diệc thù triêm, tuyệt khứ tử tâm ninh phất nhẫn;
Văn chương đô trần tích, hòa hoàn mẫu huấn chính nan truy.
Bổng lộc cũng mùi ngon, giữ áo, lòng con đi chẳng nỡ.
Văn chương đều vết bụi, thuốc viên, lời mẹ dạy tìm đâu.

對 鏡 畫 眉 一 點 分 成 兩 點
臨 池 玩 月 隻 輪 轉 作 雙 輪

Đối kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm;
Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.
Soi kính tô mày, một điểm hóa thành hai điểm;
Ra ao ngắm trăng, một vầng lại thấy hai vầng.

一 室 之 中 觀 四 海
千 秋 已 上 驗 平 生

Nhất thất chi trung quan tứ hải;
Thiên thu dĩ thượng nghiệm bình sinh.
Từ một nhà nhìn ra bốn biển;
Xét ngàn năm để nghiệm một thân.

窗 前 綠 樹 分 禪 榻
城 外 青 山 到 酒 杯

Song tiền lục thụ phân thiền tháp;
Thành ngoại thanh sơn đáo tửu bôi.
Rợp giường thiền tán cây trước cửa;
Soi đáy cốc bóng núi ngoài thành.

雲 移 溪 樹 侵 書 幌
風 送 岩 泉 潤 墨 池
Vân di khê thụ xâm thư hoảng;
Phong tống nham tuyền nhuận mặc trì;
Mây đưa cây suối che màn sách;
Gió cuốn dòng khe đến ao nghiên.

放 眼 望 乾 坤 身 行 萬 里 半 天 下
偷 閑 談 風 月 我 生 百 事 常 隨 緣
Phóng nhãn vọng càn khôn, thân hành vạn lý bán thiên hạ;
Thâu nhàn đàm phong nguyệt, ngã sinh bách sự thường tùy duyên.
Đưa mắt ngắm đất trời, tấm thân muôn dặm, nửa thiên hạ;
Lúc rỗi bàn trăng gió, đời người trăm việc, vẫn tùy duyên.

莫 對 青 山 談 世 事
休 將 文 字 占 時 名
Mạc đối thanh sơn đàm thế sự;
Hưu tương văn tự chiếm thời danh.
Đừng trước non xanh bàn thế sự;
Chớ đem chữ nghĩa chiếm thời danh.

未 必 前 賢 皆 可 法
從 來 孺 子 尚 堪 欽
Vị tất tiền hiền giai khả pháp;
Tòng lai nhụ tử thượng kham khâm.
Đâu cứ tiên hiền là khuôn phép;
Nhiều khi con trẻ đáng suy tôn.

皓 日 盈 怀 心 不 夜
春 雲 潤 物 雨 含 情
Hạo nhật doanh hoài tâm bất dạ;
Xuân vân nhuận vật vũ hàm tình.
Trăng sáng mơ màng đêm chẳng ngủ;
Mây xuân đầm ấm mưa đượm tình.

少 喜 詩 書 畫 印 十 年 寒 窗 未 盡 興
老 愛 竹 菊 梅 蘭 半 生 禿 筆 始 傳 神
Thiếu hỉ thi thư họa ấn, thập niên hàn song vị tận hứng;
Lão ái trúc cúc mai lan, bán sinh thốc bút thủy truyền thần.
Thuở nhỏ thích thơ, văn, họa phẩm, song lạnh mười năm chưa hết hứng;
Lúc già yêu cúc, trúc, hoa mai, bút cùn một thuở mới có thần.

美 酒 飲 于 微 醉 後
好 花 看 到 半 開 時
Mỹ tửu ẩm vu vi túy hậu;
Hảo hoa khán đáo bán khai thời.
Ngà say rồi rượu ngon mới uống;
Nở nửa chừng hoa đẹp hãy xem.

誠 意 待 人 終 有 得
平 心 應 事 自 無 爭
Thành ý đãi nhân chung hữu đắc;
Bình tâm ứng sự tự vô tranh.
Thành ý đãi người rồi ắt được;
Bình tâm đối việc sẽ không giành.

酒 常 知 節 狂 言 少
心 不 能 清 亂 夢 多
Tửu thường tri tiết cuồng ngôn thiểu;
Tâm bất năng thanh loạn mộng đa.
Rượu biết kiềm chế ít nói loạn;
Lòng không thanh tịnh lắm mơ cuồng.

偶 然 風 雨 惊 花 落
再 上 樓 臺 待 月 明
Ngẫu nhiên phong vũ kinh hoa lạc;
Tái thượng lâu đài đãi nguyệt minh.
Bỗng nhiên mưa gió e hoa rụng;
Lại tới lầu cao đợi sáng trăng.

水 惟 善 下 能 成 海
山 不 爭 高 自 极 天
Thủy duy thiện hạ năng thành hải;
Sơn bất tranh cao tự cực thiên.
Nước khéo xuống thấp nên thành biển;
Núi chẳng tranh cao sẽ sát trời.

著 書 豈 在 求 名 利
提 筆 總 爲 益 世 人
Trước thư khởi tại cầu danh lợi;
Đề bút tổng vi ích thế nhân.
Viết sách há lại màng danh lợi;
Cầm bút mong có ích cho đời.

當官常念民之苦
凡事求其心所安
Đương quan thường niệm dân chi khổ;
Phàm sự cầu kỳ tâm sở an.
Làm quan phải biết nỗi dân khổ;
Phàm việc nên cần cho tâm yên.

事到盛時須警省
境當逆處要從容
Sự đáo thịnh thời tu cảnh tỉnh;
Cảnh đương nghịch xứ yếu thung dung.
Việc đang lúc thịnh, nên lo trước;
Cảnh vào chỗ khó, hãy ung dung.

成家勿謂當家易
養子應知教子嚴
Thành gia vật vị đương gia dị;
Dưỡng tử ưng tri giáo tử nghiêm.
Nên nhà chớ bảo dựng nhà dễ;
Nuôi con phải biết dạy con nghiêm.

無情未必眞豪杰
有度方爲大丈夫
Vô tình vị tất chân hào kiệt;
Hữu độ phương vi đại trượng phu.
Vô tình chưa hẳn tay hào kiệt;
Độ lượng xem ra mới trượng phu.

讀能明達耕能富
成自謙虛敗自驕
Độc năng minh đạt, canh năng phú;
Thành tự khiêm hư, bại tự kiêu.
Cày hay giàu có, đọc hay sáng;
Thua ở kiêu căng, được ở nhường.

欲除煩惱須無我
各有來由莫妒人
Dục trừ phiền não tu vô ngã;
Các hữu lai do mạc đố nhân.
Muốn trừ phiền não phải vô ngã;
Đều có nguyên do chớ tị người.

千 年 綠 水 藏 靈 劍
萬 代 紅 橋 引 玉 山
Thiên niên lục thủy tàng linh kiếm;
Vạn đại hồng kiều dẫn ngọc sơn.
Ngàn năm nước biếc chứa gươm báu;
Muôn thuở cầu hồng nối ngọc sơn.

昨 夜 和 風 來 滿 户
今 朝 瑞 氣 到 盈 門
Tạc dạ hòa phong lai mãn hộ;
Kim triêu thụy khí đáo doanh môn.
Đêm trước gió lành về ngập hộ;
Sáng nay khí đẹp đến đầy nhà.

舊 歲 清 除 舊 弊
新 年 樹 立 新 風
Cựu tuế thanh trừ cựu tệ;
Tân niên thụ lập tân phong.
Năm cũ diệt trừ tệ nạn cũ;
Năm nay xây dựng tác phong nay.

天 頒 賜 全 家 盛 旺
春 帶 來 各 户 平 安
Thiên ban tứ toàn gia thịnh vượng;
Xuân đới lai các hộ bình an.
Trời ban cho cả nhà thịnh vượng;
Xuân đem lại mọi hộ bình an.

望 遠 能 知 風 浪 小
凌 雲 始 覺 海 波 平
Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu;
Lăng vân thủy giác hải ba bình.
Nhìn xa nên hay gió bão nhỏ;
Lên cao mới biết biển sóng yên.

世 本 無 先 覺 之 驗
人 貴 有 自 知 之 明
Thế bản vô tiên giác chi nghiệm;
Nhân quý hữu tự tri chi minh.
Đời vốn không kinh nghiệm có trước;
Người quý hay tự biết cho rành.

充 海 闊 天 高 之 量
養 先 慢 後 樂 之 心
Sung hải khoát thiên cao chi lượng;
Dưỡng tiên ưu hậu lạc chi tâm.
Độ lượng đầy trời cao biển rộng;
Tấm lòng luôn lo trước vui sau.

鸚 鵡 前 頭 休 多 語
小 人 身 邊 須 愼 行
Anh vũ tiền đầu hưu đa ngữ;
Tiểu nhân thân biên tu thận hành.
Vẹt trước mặt hãy nên ít nói;
Tiểu nhân gần phải biết giữ gìn.

黑 面 將 軍 降 塵 間 千 載 掃 清 賊 寇
雄 威 神 力 扶 持 社 稷 庶 民 長 仰 恩 波
Hắc diện tướng quân trấn giáng trần gian, thiên tải tảo thanh tặc khấu;
Hùng uy thần lực, phò trì xã tắc, thứ dân trường ngưỡng ân ba.
Hắc diện tướng quân, giáng xuống trần gian, ngàn năm quét sạch cường bạo;
Hùng uy thần linh; phò trì đất nước, nhân dân mong mãi ơn ban.
(Đình La Khê)

天 將 神 仙 捍 患 除 災 威 莫 側
聖 師 祖 藝 教 民 立 業 德 難 量
Thiên tướng thần tiên, hãn hoạn trừ tai mạc trắc;
Thánh sư tổ nghệ, giáo dân lập nghiệp đức nan lường.
Thiên tướng thần tiên, cứu nạn trừ tai uy khó tả;
Thánh sư tổ nghệ, dạy dân lập nghiệp đức khôn lường.

先 祖 栽 培 曆 代 流 傳 仁 是 本
子 孫 興 旺 延 年 長 望 德 爲 根
Tiên tổ tài bồi, lịch đại lưu truyền nhân thị bản;
Tử tôn hưng vượng, diên niên trường vọng đức vi căn.
Tiên tổ vun trồng, nối đời truyền lại nhân là gốc;
Cháu con hưng vượng, hàng năm nhớ mãi đức làm nên.

筆 架 研 池 辭 海
詩 花 墨 雨 書 林
Bút giá, nghiên trì, từ hải;
Thi hoa, mặc vũ, thư lâm.
Giá bút, ao nghiên, biển chữ;
Hoa thơ, mưa mực, rừng văn.

瘦 影 當 窗 梅 得 月
涼 雲 滿 地 竹 籠 煙

Sấu ảnh đương song mai đắc nguyệt;
Lương vân mãn địa trúc lung yên.

Bóng nhỏ bên song, mai trăng chiếu;
Mây mờ đầy đất, trúc khói che.

夜 讀 茶 經 能 止 渴
朝 臨 米 帖 可 充 飢

Dạ độc trà kinh năng chỉ khát;
Triêu lâm mễ thiếp khả sung cơ.

Tối đọc trà kinh đỡ cơn khát;
Sáng bên bồ gạo để bụng no.

梅 花 帶 舞 飛 琴 上
柳 葉 和 煙 入 酒 中

Mai hoa đới vũ phi cầm thượng;
Liễu diệp hòa yên nhập tửu trung.

Mai, tuyết, trên đàn bay phấp phới;
Liễu, khói, trong ly hiện chập chờn.

山 色 每 隨 高 士 至
文 心 兼 似 畫 家 來

Sơn sắc mỗi tùy cao sĩ chí;
Văn tâm kiêm tự họa gia lai.

Khách quý đến, núi xanh đổi sắc;
Họa sĩ thăm, lòng gợi ý văn.

棟 宇 巍 峨 制 度 規 模 盛 飾
宮 庭 肅 穆 禮 儀 文 物 鼎 明

Đống vũ nguy nga, chế độ quy mô thịnh sức;
Cung đình túc mục, lễ nghi văn vật đỉnh minh.

Cột mái nguy nga, chế độ quy mô rạng rỡ;
Cung đình nghiêm túc, lễ nghi văn vật quang minh.

南 北 東 西 全 境 旄 倪 安 福 宅
士 農 工 商 四 民 樂 利 仰 神 麻

Nam bắc đông tây toàn cảnh, mao nghê an phúc trạch;
Sĩ nông công thương tứ dân, lạc lợi ngưỡng thần hưu.

Nam bắc đông tây toàn thể trẻ già yên phúc ấm;
Sĩ nông công thương bốn lớp vui chung đội ơn thần.

聖 德 無 彊 捍 患 除 災 四 社 民 康 物 阜
神 功 莫 側 陰 扶 墨 助 千 秋 俗 美 人 淳

Thánh đức vô cương hãn hoạn trừ tai, tứ xã dân thang vật phụ;
Thần công mạc trắc âm phù mặc trợ, thiên thu tục mỹ nhân thuần.

Đức thánh vô biên, cứu nạn trừ tai, bốn xã dân yên vật thịnh;
Công thần khôn tả, âm phù ngầm giúp, tục đẹp người thuần.

神 光 煥 四 鄰 今 古 樓 臺 歸 苑 外
正 立 開 重 屋 蓬 萊 宮 闕 對 南 山

Thần quang hoán tứ lân, kim cổ lâu đài quy uyển ngoại;
Chính vị khai trùng ốc, bồng lai cung khuyết đối nam sơn.

Thần tỏa sáng bốn bên, lầu gác xưa nay về tiên uyển;
Nơi chính dựng lại nhà, bồng lai cung điện sánh non nam.

春 到 周 天 陶 淑 氣
時 來 貫 地 沐 榮 葩

Xuân đáo chu thiên đào thục khí;
Thời lai quán địa mộc vinh ba.

Xuân đến quanh trời tràn khí ấm;
Thời về khắp đất trổ hoa tươi.

(Nhà cụ Nguyễn Bảo Trân, Đông Anh, Hà Nội)

樹 草 逢 春 枝 葉 茂
祖 宗 積 德 子 孫 榮

Thụ thảo phùng xuân chi diệp mậu;
Tổ tông tích đức tử tôn vinh.

Cây cỏ gặp xuân cành lá tốt;
Tổ tông tích đức cháu con vinh.

(Nhà cụ Cao Văn Vinh, Thanh Hà, Hải Dương)

祖 德 永 垂 千 載 盛
家 風 咸 樂 四 時 春

Tổ đức vĩnh thùy thiên tải thịnh;
Gia phong hàm lạc tứ thời xuân.

Đức tổ dài lâu ngàn năm thịnh;
Nếp nhà đầm ấm bốn mùa xuân.

(Cổng từ đường họ Trần ở Kiến Xương, Thái Bình)

百 世 本 枝 承 舊 蔭
千 秋 春 火 壯 新 基

Bách thế bản chi thừa cựu ấm;
Thiên thu hương hỏa tráng tân cơ.

Cành gốc trăm đời lưu phúc cũ;
Khói hương nghìn thuở rạng nền nay.
(Từ đường họ Tạ, Yên Mỹ, Ninh Bình)

家 庭 和 引 春 風 滿
筵 几 光 騰 壽 曜 高

Gia đình hòa dẫn xuân phong mãn;
Diên kỷ quang đằng thọ diệu cao.
Nhà đầm ấm, gió xuân phơi phới;
Tiệc mừng vui, sao thọ ngời ngời.
(Nhà cụ Hà Ngọc Quang, thị xã Tuyên Quang)

延 年 收 厚 福
累 世 享 長 安

Diên niên thu hậu phúc;
Lũy thế hưởng trường an.
Năm lại năm vun trồng phúc hậu;
Đời truyền đời hưởng thụ bình an.
(Nhà thờ họ Lý, Thuận Thành, Bắc Ninh)

庭 森 槐 蔭 招 賢 士
室 引 蘭 香 待 貴 人

Đình sâm hòe ấmchiêu hiền sĩ;
Thất dẫn lan hương đãi quí nhân.
Hòe tỏa rợp sân chiêu hiền sĩ;
Lan thơm ngát sảnh đợi quí nhân.
(Nhà cụ Nhất Bình, Khoái Châu, Hưng Yên)

向 陽 立 宅 春 無 限
積 善 持 家 慶 有 余

Hướng dương lập trạch xuân vô hạn;
Tích thiện trì gia khánh hữu dư.
Cửa hướng ánh dương, xuân vô hạn;
Nhà gom điều thiện, phúc có thừa.
(Nhà cụ Mến Phong, Yên Thành, Nghệ An)

百 階 堂 上 椿 萱 茂
萬 足 門 前 桂 蕙 馨

Bách giai đường thượng, xuân huyên mậu;
Vạn túc môn tiền, quế huệ hinh.
Nhà cao hai cội xuân huyên khỏe;
Sân rộng trăm chồi quế huệ thơm.
(Nhà ông Lê Thế Ân, Yên Thế, Bắc Giang)

庭 前 最 喜 風 和 習
門 內 榮 開 熟 氣 薰
Đình tiền tối hỉ phong hòa tập;
Môn nội vinh khai thục khí huân.
Trước cửa mừng xem hoa lộng gió;
Trong nhà vui hưởng rượu nồng hương.
(Nhà ông Lang Trì, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

時 到 興 隆 福 壽 會
運 逢 發 達 祿 財 生
Thời đáo hưng long phúc thọ hội;
Vận phùng phát đạt lộc tài sinh.
Được thời thịnh đạt gồm thọ phúc;
Gặp vận chấn hưng cả lộc tài.
(Nhà cụ Nhất Điển, Ân Thi, Hưng Yên)

月 移 疏 影 穿 簾 透
風 引 清 香 入 户 來
Nguyệt di sơ ảnh xuyên liêm thấu;
Phong dẫn thanh hương nhập hộ lai.
Trăng chuyển qua rèm soi lọt bóng;
Gió lùa tận gối thoảng đưa hương.
(Nhà cụ Lương An, Lạch Tray, Hải Phòng)

爲 人 和 氣 春 無 限
處 事 公 平 祿 自 然
Vi nhân hòa khí xuân vô hạn;
Xử sự công bằng lộc tự nhiên.
Tính tình hòa nhã, xuân vui vô hạn;
Xử sự công bằng lộc hưởng tự nhiên.
(Nhà ông Nguyễn Đức Thịnh, thị xã Kiến An, Hải Phòng)

秋 至 滿 山 多 秀 色
春 來 無 處 不 花 香
Thu chí mãn sơn đa tú sắc;
Xuân lai vô xứ bất hoa hương.
Thu đến đầy non nhiều sắc đẹp
Xuân về khắp chốn thoảng mùi hoa.
(Nhà cụ Nguyễn Huy Thoa, thị xã Sơn Tây, Hà Tây)

庭 下 敷 榮 森 桂 蕙
堂 中 馥 郁 引 芝 蘭
Đình hạ phu vinh sâm quế huệ;
Đường trung phức úc dẫn chi lan.
Dưới sân rộng xum xuê quế huệ;
Trong nhà cao sực nức chi lan.
(Nhà cụ Hà Ngọc Thuần, thị xã Lào Cai)

裁 竹 庭 前 無 俗 客
浣 花 溪 外 有 清 流
Tài trúc đình tiền vô tục khác;
Hoàn hoa khê ngoại hữu thanh lưu.
Xén trúc trước sân, không khách tục;
Rửa hoa ven suối sẵn dòng trong.
(Nhà cụ Đoàn Cao Thạch, Hưng Nguyên, Nghệ An)

座 上 笑 談 春 起 色
門 中 吟 詠 筆 生 香
Tọa thượng tiếu đàm xuân khởi sắc;
Môn trung ngâm vịnh bút sinh hương.
Trước án nói cười xuân nổi sắc;
Trong nhà ngâm vịnh bút sinh hương.
(Cụ Lang La Khê, Hương Sơn, Hà Tĩnh)

修 竹 芳 蘭 彈 故 調
高 山 流 水 譜 新 腔
Tu trúc phương lan đàn cố điệu;
Cao sơn lưu thủy phổ tân xoang.
Làn điệu cũ, lan hòa trúc gẩy;
Nhịp đàn nay, nước chảy non cao.
(Nhà cụ Thái Văn Long, Nông Cống, Thanh Hóa)

福 隨 天 地 循 環 至
財 共 春 秋 接 續 來
Phúc tùy thiên địa tuần hoàn chí;
Tài cộng xuân thu tiếp tục lai.
Phúc theo trời đất tuần hoàn tới;
Của hướng xuân thu tiếp tục vào.
(Nhà cụ Hoàng Xuân Lan, Thanh Trì, Hà Nội)

桃 李 滿 庭 花 似 錦
芝 蘭 廣 座 客 如 雲
Đào lý mãn đình hoa tự cẩm;
Chi lan quảng tọa khách như vân.
Đào mận xum xuê hoa tựa gấm;
Chi lan tấp nập khách như mây.
(Nhà cụ Nguyễn Văn Chấp, Kiến Xương, Thái Bình)

春 到 客 房 沖 喜 氣
花 開 商 店 馥 香 風
Xuân đáo khách phòng xung hỉ khí;
Hoa khai thương điếm phức hương phong.
Phòng khách xuân sang đầy vẻ đẹp;
Cửa hàng hoa nở nức mùi hương.
(Nhà cụ Đào Xuân Hy, Tiên Lữ, Hưng Yên)

堂 上 客 人 濃 瑞 氣
門 前 花 草 迓 新 香
Đường thượng khách nhân nùng thụy khí;
Môn tiền hoa thảo nhạ tân hương.
Khách bạn đầy nhà nồng khí thịnh;
Cỏ hoa trước cửa ngát mùi hương.
(Nhà cụ Trần Xuân Quý, Mỹ Lộc, Nam Định)

江 湖 笑 我 難 欺 我
歲 月 撩 人 易 使 人
Giang hồ tiếu ngã nan khi ngã;
Tuế nguyệt liêu nhân dị sử nhân.
Giang hồ cười bác khôn lừa bác;
Năm tháng trêu tôi dễ khiến tôi.
(Ông Đoàn Giang Quân, Ý Yên, Nam Định)

香 辛 到 老 方 知 桂
秀 茂 經 秋 始 識 松
Hương tân đáo lão phương tri quế;
Tú mậu kinh thu thủy thức tùng.
Thông tươi tốt qua thu mới biết;
Quế cay nồng lên lão càng cay.
(Hà Doãn Thái, Lý Nhân, Hà Nam)

座 上 笑 談 春 起 色
門 中 吟 詠 筆 生 香

Tọa thượng tiếu đàm xuân khởi sắc;
Môn trung ngâm vịnh bút sinh hương.

Trước án chuyện trò xuân nổi sắc;
Trong nhà ngâm vịnh bút sinh hương.

(Nhà ông Ngô Lan Mai, Thạch Thất, Hà Tây)

人 老 心 未 老
家 窮 志 莫 窮

Nhân lão tâm vị lão;
Gia cùng chí mạc cùng.

Người dẫu lão mà tâm chưa lão;
Nhà khốn cùng nhưng chí chẳng cùng.

(Nhà ông Đào Bình Ẩn, Đức Thọ, Hà Tĩnh)

座 上 客 常 滿
樽 中 酒 不 空

Tọa thượng khách thường mãn;
Tôn trung tửu bất không.

Trên chiếu khách không ngớt;
Trong vò rượu chẳng vơi.

(Nhà cụ Vương Văn Niên, Tĩnh Gia, Thanh Hóa)

桑 蔬 滿 圃 供 閑 趣
蘭 桂 森 庭 獻 壽 章

Tang sơ mãn phố cung nhàn thú;
Lan quế sâm đình hiến thọ chương.

Hưởng thú nhàn rau dưa thanh đạm;
Vui tuổi thọ lan quế xum vầy.

(Nhà cụ Quách Hồ Hải, thị trấn Vĩnh Linh, Quảng Trị)

丹 駕 自 天 來 城 郭 以 前 開 李 帝
一 聲 從 大 振 山 河 依 舊 笑 高 王

Đan giá tự thiên lai, thành quách dĩ tiền khai Lý đế;
Nhất thanh tòng đại chấn, sơn hà y cựu tiếu Cao vương.

Từ trời giáng xuống, thành quách ngàn xưa mở nghiệp nhà Lý;
Sấm vang mặt đất, núi sông như cũ cười diễu Cao Biền.

(Đình Tân Khai, số 44 Hàng Vải, Hà Nội thờ thần Bạch Mã)

舊 邦 文 雅 傳 先 進
古 道 儀 型 易 後 生
Cựu bang văn nhã truyền tiên tiến;
Cổ đạo nghi hình dịch hậu sinh.
Phong văn nước cũ truyền người nước;
Mực thước đạo xưa dẫn kẻ sau.
(Vũ Tông Phan đề ở bái đường Văn chỉ Thọ Xương, một trung tâm văn hóa lớn của Hà Nội, thế kỷ XIX)

南 海 聖 神 西 土 佛
文 林 山 水 太 圍 祠
Nam Hải thánh thần Tây thổ Phật;
Văn Lâm sơn thủy Thái Vi từ.
Thánh thần vùng Nam Hải có đức Phật Tây thổ;
Sông núi đất Văn Lâm tạo dựng đền Thái Vi.
(Điện Thái Vi, động Vũ Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, Ninh Bình)

天 啓 聖 明 黎 前 李 後
地 鍾 神 秀 檜 嶺 梧 江
Thiên khải thánh minh Lê tiền Lý hậu;
Địa chung thần tú Cối lĩnh Ngô giang.
Trời mở thánh minh, Lê tiền Lý hậu;
Đất thần hun đúc, núi Cối sông Ngô.
(Điện Thái Vi, động Vũ Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, Ninh Bình).

成 名 多 在 窮 居 日
得 志 常 因 處 閑 時
Thành danh đa tại cùng cư nhật;
Đắc chí thường nhân xử khốn thời.
Thành danh nếm trải thời gian khổ;
Toại chí từng qua buổi khốn cùng.
(Gia đình ông Nguyễn Công Khanh, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh)

關 河 是 客 情 非 客
聲 氣 同 吾 品 亦 吾
Quan hà thị khách tình phi khách;
Thanh khí đồng ngô phẩm diệc ngô.
Nước non như khách, tình không khách;
Chí hướng cùng ta, tính giống ta.
(Hiên nhà ông Phạm Bào, Thành phố Thái Nguyên)

福 至 平 安 天 澤 降
時 來 祿 利 地 滋 生
Phúc chí bình an thiên trạch giáng;
Thời lai lộc lợi địa tư sinh.
Có phúc bình yên do trời giúp;
Gặp thời lợi lộc bởi đất sinh.
(Nhà ông Vũ Đàn, huyện Văn Chấn, Yên Bái)

根 深 不 怕 風 搖 動
樹 正 無 愁 月 影 斜
Căn thâm bất phạ phong dao động;
Thụ chính vô sầu nguyệt ảnh tà.
Rễ sâu chẳng sợ cành lay động;
Cây thẳng không lo bóng xế tà.
(Nhà ông Nguyễn An, Trực Ninh, Nam Định)

白 首 仍 然 心 自 壯
青 雲 猶 且 志 彌 堅
Bạch thủ nhưng nhiên tâm tự tráng;
Thanh vân do thả chí di kiên.
Đầu bạc nhưng lòng còn tráng kiện;
Mây xanh vẫn tỏ chí kiên cường.
(Nhà cụ Nguyễn Khả Trinh, Lý Nhân, Hà Nam)

筆 樹 有 花 兄 弟 樂
書 田 無 稅 子 孫 耕
Bút thụ hữu hoa huynh đệ lạc;
Thư điền vô thuế tử tôn canh.
Cây bút có hoa, vui hưởng thỏa thuê huynh đệ;
Ruộng thư không thuế, cấy cầy mặc sức tử tôn.
(Nhà cụ Bùi Trọng Kha, Kim Động, Hưng Yên)

四 方 弧 矢 男 兒 債
萬 里 晨 昏 孝 子 身
Tứ phương hồ thỉ nam nhi trái;
Vạn lý thần hôn hiếu tử thân.
Tài cung kiếm bốn phương, ấy là nợ nam nhi;
Đạo thần hôn vạn dặm, phải tròn phận hiếu tử.
(Nhà cụ Phạm Chẩn, Khoái Châu, Hưng Yên)

萬 古 功 成 名 顯 達
千 秋 德 盛 姓 繁 榮

Vạn cổ công thành danh hiển đạt;
Thiên thu đức thịnh tính phồn vinh.

Muôn thuở công thành danh hiển đạt;
Nghìn thu đức sáng họ phồn vinh.

(Từ đường họ Hoàng, Tiên Lữ, Hưng Yên)

義 仁 積 聚 千 年 盛
福 德 栽 培 萬 代 亨

Nghĩa nhân tích tụ thiên niên thịnh;
Phúc đức tài bồi vạn đại hanh.

Chất chứa nghĩa nhân nghìn thuở thịnh;
Trau dồi phúc đức vạn đời vui.

(Từ đường họ Nguyễn, Yên Mô, Ninh Bình)

木 出 千 枝 由 有 本
水 流 萬 派 溯 從 源

Mộc xuất thiên chi do hữu bản;
Thủy lưu vạn phái tố tòng nguyên.

Cây chung nghìn nhánh sinh từ gốc;
Nước chảy muôn dòng phát tại nguồn.

(Từ đường họ Lê, Yên Thành, Nghệ An)

本 根 色 彩 於 花 葉
祖 考 精 神 在 子 孫

Bản căn sắc thái ư hoa diệp;
Tổ khảo tinh thần tại tử tôn.

Sắc thái cội cành hoa lá hiện;
Tinh thần tiên tổ cháu con nêu.

(Từ đường họ Trần, Bố Trạch, Quảng Bình)

萬 古 乾 坤 興 再 造
九 霄 日 月 映 重 光

Vạn cổ càn khôn hưng tái tạo;
Cửu tiêu nhật nguyệt ánh trùng quang.

Muôn thuở đất trời bừng đổi mới;
Chín tầng nhật nguyệt tỏa sáng trong.

(Cổng từ đường họ Đinh, Hoa Lư, Ninh Bình)

一 勤 天 下 無 難 事
百 忍 堂 中 有 太 和

Nhất cần thiên hạ vô nan sự;
Bách nhẫn đường trung hữu thái hòa.

Một chữ "cần", thiên hạ không còn việc khó;
Trăm điều "nhẫn", gia đình luôn có niềm vui.

(Gia đình cụ Nguyễn Đình Thứ, Từ Liêm, Hà Nội)

世 上 皆 貪 珠 玉 美
家 中 都 愛 子 孫 賢

Thế thượng giai tham châu ngọc mỹ;
Gia trung đô ái tử tôn hiền.

Thiên hạ đều tham châu ngọc quí;
Gia đình chỉ chuộng cháu con hiền.

(Gia đình ông Lưu Đức Ân, Hương Sơn, Hà Tĩnh)

無 事 即 仙 哪 有 術
安 心 是 藥 更 何 方

Vô sự tức tiên na hữu thuật;
An tâm thị dược cánh hà phương.

Vô sự là tiên, cần chi mưu thuật;
An tâm ấy thuốc, chẳng chuộng kê đơn.

(Gia đình cụ Nguyễn Khoái, Từ Sơn, Bắc Ninh)

貴 自 辛 勤 方 始 得
榮 從 勞 苦 乃 成 來

Quí tự tân cần phương thủy đắc;
Vinh tòng lao khổ nãi thành lai.

Sang trọng nhờ siêng năng mới có;
Vinh hoa qua khó nhọc mà nên.

(Gia đình ông Vũ Tân Thành, Lập Thạch, Vĩnh Phúc)

積 善 洪 禧 留 永 燦
經 財 厚 祿 發 長 興

Tích thiện hồng hi lưu vĩnh xán;
Kinh tài hậu lộc phát trường hưng.

Tích thiện, mãi lưu truyền phúc lớn;
Kinh tài, luôn phấn phát lộc dầy.

(Nhà cụ Vũ Văn Để, Thuận Thành, Bắc Ninh)

得 地 安 居 收 厚 福
逢 時 生 業 享 豐 財
Đắc địa an cư thu hậu phúc;
Phùng thời sinh nghiệp hưởng phong tài.
Được đất tốt ở yên thu phúc hậu;
Gặp thời nay sinh nghiệp hưởng tài dư.
(Nhà ông Hồ Gia Dương, Sóc Sơn, Hà Nội)

庭 前 最 喜 風 和 習
門 內 榮 開 熟 氣 薰
Đình tiền tối hỉ phong hòa tập;
Môn nội vinh khai thục khí huân.
Trước cửa mừng vui luồng gió ấm;
Trong nhà vinh hạnh nếp sống êm.
(Nhà cụ Lưu Quý Bút, Gia Lâm, Hà Nội)

天 錫 永 齡 纔 引 喬 彭 之 歲 月
地 鍾 旺 氣 嬉 游 歐 亞 的 乾 坤
Thiên tích vĩnh linh, kế dẫn Kiều Bành chi tuế nguyệt;
Địa chung vượng khí, hi du Âu á đích càn khôn.
Trời phú tuổi cao, năm tháng Kiều Bành còn đủng đỉnh;
Đất bồi khí vượng, đường đời Âu Á vẫn thênh thang.
(Lễ mừng thọ cụ Bùi Văn Bảo, Việt kiều ở Canada).

事 大 早 行 必 早 達
子 賢 增 教 便 增 明
Sự đại tảo hành tất tảo đạt;
Tử hiền tăng giáo tiện tăng minh.
Việc lớn sớm làm càng sớm đạt;
Con hiền thêm dạy sẽ thêm thông.
(Nhà cụ Phạm Thành Ân, Lục Ngạn, Bắc Giang)

勤 種 地 早 還 糧 父 老 閑 時 常 課 子
多 讀 書 省 告 壯 鄉 民 無 事 莫 來 城
Cần chủng địa, bảo hoàn lương, phụ lão nhàn thời thường khóa tử,
Đa độc thư, tỉnh cáo trạng, hương dân vô sự mạc lai thành.
Chăm cày ruộng, sớm nộp lương, phụ lão thừa nhàn, thường dạy trẻ;
Siêng học hành, bớt kiện tụng, lương dân vô sự, chẳng vào thành.
(Gia đình cụ Hồ Tăng Bái, Diễn Châu, Nghệ An)

佛 在 心 眞 心 是 佛 積 善 餘 慶
家 有 道 正 道 傳 家 施 仁 常 樂

Phật tại tâm, chân tâm thị Phật, tích thiện dư khương;
Gia hữu đạo, chính đạo truyềngia, thi nhân thường lạc.

Phật ở lòng, lòng thành là Phật, chứa việc thiện dồi dào phúc đức;
Gia có đạo, đạolý truyền gia, làm điều nhân thoải mái tinh thần.

(Chùa Quảng Phúc, Hạ Hòa, Phú Thọ)

怒 中 言 發 速 悔 遲 可 思 可 忍
世 間 財 得 難 失 易 惟 儉 惟 勤

Nộ trung ngôn, phát tốc hối trì, khả tư, khả nhẫn;
Thế gian tài, đắc nan thất dị, duy kiệm, duy cần.

Nói lúc giận, phát ngôn vội vã, hối lại đã chầy, nên phải suy phải nhịn;
Của trên đời, kiếm được khó khăn, mất đi càng dễ, chỉ có kiệm có cần.

(Nhà cụ Hoàng Hữu Thành, Mê Linh, Vĩnh Phúc)

仁 慈 再 出 仁 慈 子
孝 順 還 生 孝 順 兒.

Nhân từ tái xuất nhân từ tử;
Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận nhi.

Nhân từ lại có con nhân từ;
Hiếu thảo lại sinh con hiếu thảo.

(Nhà ông Nam Khánh, Thủy Nguyên, Hải Phòng)

常 籌 國 事 如 家 事
每 体 民 心 似 己 心

Thường trù quốc sự như gia sự;
Mỗi thể dân tâm tự kỷ tâm.

Quốc sự thường lo như gia sự;
Lòng dân phải thấu tựa lòng ta.

(Nhà cụ Thái Sinh Đường, Đồ Sơn, Hải Phòng)

君 親 恩 義 存 天 地
祖 考 精 神 在 子 孫

Quân thân ân nghĩa tồn thiên địa;
Tổ khảo tinh thần tại tử tôn.

Ơn nghĩa quân thân mãi cùng trời đất;
Tinh thần tiên tổ truyền dõi cháu con.

(Từ đường họ Hà, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

木 本 水 源 千 古 念
天 經 地 義 百 年 心

Mộc bản thủy nguyên thiên cổ niệm;
Thiên kinh địa nghĩa bách niên tâm.

Nhớ ghi muôn thuở nước nguồn, cây cội;
Lo lắng trăm năm đất nghĩa, trời kinh.

(Từ đường họ Lưu, Bảo Lạc, Cao Bằng)

英 靈 千 古 在
顯 赫 四 時 新

Anh linh thiên cổ tại;
Hiển hách tứ thời tân.

Anh linh còn nguyên muôn thuở;
Hiển hách đổi mới bốn mùa.

(Đền thờ một vị tướng thời Trần ở Thanh Hà, Hải Dương)

禮 樂 威 儀 敬 如 神 在
謳 歌 鼓 舞 樂 在 人 和

Lễ nhạc uy nghi kính như thần tại;
Âu ca cổ vũ lạc tại nhân hòa.

Lễ nhạc uy nghi, kính tựa thần linh hiển hiện;
Âu ca cổ vũ, vui thay dân chúng thuận hòa.

(Đền thờ đức thánh Trần ở Mỹ Lộc, Nam Định)

八 寶 車 書 通 北 极
萬 年 禮 樂 燦 南 宮

Bát bảo xa thư thông Bắc cực;
Vạn niên lễ nhạc xán Nam cung.

Thông cực Bắc xa thư tám cõi;
Sáng cung Nam lễ nhạc muôn năm.

(Đền thờ đức thánh Trần ở Mỹ Lộc, Nam Định)

五 色 祥 雲 緣 聖 殿
千 秋 恩 霧 覆 民 靈

Ngũ sắc tường vân duyên thánh điện;
Thiên thu ân vụ phú dân linh.

Năm sắc mây lành viền điện thánh;
Nghìn thu mưa móc thấm lòng dân.

(Đền thờ Phạm Ngũ Lão, Mỹ Hào, Hải Dương)

欲 求 保 安 于 後 裔
須 憑 感 格 於 先 靈

Dục cầu bảo an vu hậu duệ;
Tu bằng cảm cách ư tiên linh.

Mong muốn giữ gìn cho con cháu;
Linh thiêng phù hộ ở tổ tiên.

(Từ đường họ Hoàng, Yên Mỹ, Hưng Yên)

族 姓 貴 尊 萬 代 長 存 名 繼 盛
祖 堂 靈 拜 千 年 恒 在 德 流 光

Tộc tính quý tôn, vạn đại trường tồn danh kế thịnh;
Tổ đường linh bái, thiên niên hằng tại đức lưu quang.

Họ hàng tôn quý, chẳng phai mờ công danh muôn thuở;
Tổ miếu thiêng liêng, còn tỏa sáng phúc đức nghìn thu.

(Từ đường họ Phí, Đông Hưng, Thái Bình)

上 不 負 先 祖 貽 流 之 慶
下 足 爲 後 人 瞻 仰 之 標

Thượng bất phụ tiên tổ di lưu chi khánh;
Hạ túc vi hậu nhân chiêm ngưỡng chi tiêu.

Trên chẳng phụ phúc đức tổ tiên truyền lại;
Dưới đủ làm gương sáng con cháu noi theo.

(Từ đường họ Lê, Hoằng Hóa, Thanh Hóa)

鞠 育 恩 深 東 海 大
生 成 義 重 泰 山 高

Cúc dục ân thâm Đông hải đại;
Sinh thành nghĩa trọng Thái sơn cao.

Ơn nuôi dạy biển Đông khôn sánh;
Nghĩa sinh thành non Thái nào bằng.

(Nhà ông Lê Khánh Đạt, Đông Triều, Quảng Ninh)

百 計 不 如 仁 德 善
千 金 莫 若 子 孫 賢

Bách kế bất như nhân đức thiện;
Thiên kim mạc nhược tử tôn hiền.

Trăm chước chẳng bằng nhân đức tốt;
Nghìn vàng khôn sánh cháu con hiền.

(Nhà ông Trần Lê Huệ, Hạ Hòa, Phú Thọ)

才 人 可 作 國 家 事
孝 子 能 安 父 母 心
Tài nhân khả tác quốc gia sự;
Hiếu tử năng an phụ mẫu tâm.
Người tài việc non sông gánh vác;
Con hiếu lòng bố mẹ toại nguyền.
(Nhà ông Nguyễn Thế Xương, Tĩnh Gia, Thanh Hóa)

德 承 先 祖 千 年 盛
福 蔭 兒 孫 百 世 榮
Đức thừa tiên tổ thiên niên thịnh;
Phúc ấm nhi tôn bách thế vinh.
Nghìn năm thịnh, tổ tiên xưa tích đức;
Trăm đời vinh, con cháu được nhờ ơn.
(Từ đường họ Hồ, Quỳnh Lưu, Nghệ An)

有 作 前 修 兼 齒 德
不 忘 後 世 共 尊 親
Hữu tác tiền tu kiêm xỉ đức;
Bất vong hậu thế cộng tôn thân.
Nền thọ đức ông cha đã dựng;
Đạo tôn thân con cháu đừng quên.
(Nhà ông Hà Nhân Ngọc, Hậu Lộc, Thanh Hóa)

愛 國 莫 忘 祖
仁 民 先 睦 親
Ái quốc mạc vong tổ;
Nhân dân tiên mục thân.
Yêu nước đừng quên tiên tổ;
Thương dân phải quý người thân.
(Từ đường họ Lưu, Hồng Gai, Quảng Ninh)

遇 飲 酒 時 須 飲 酒
得 高 歌 處 且 高 歌
Ngộ ẩm tửu thời tu ẩm tửu;
Đắc cao ca xứ thả cao ca.
Đáng nơi chè chén nên chè chén;
Xứng chỗ xướng ca hãy xướng ca.
(Nhà ông Nguyễn Văn Đại, thành phố Yên Bái)

天 光 隱 約 情 無 限
月 影 團 圓 色 倍 妍
Thiên quang ẩn ước tình vô hạn;
Nguyệt ảnh đoàn viên sắc bội nghiên.
Bầu trời man mác tình vô hạn;
Ánh nguyệt mông lung sắc tuyệt trần.
(Nhà ông Đinh Gia Lễ, Yên Thế, Bắc Giang)

算 來 世 事 金 應 躍
說 到 人 情 劍 欲 鳴
Toán lai thế sự kim ưng dược;
Thuyết đáo nhân tình kiếm giục minh.
Tính xem thế sự vàng như múa;
Nói đến nhân tình kiếm muốn kêu.
(Nhà cụ Mai Thanh Liêm, Thường Tín, Hà Tây)

利 名 都 是 夢
富 貴 不 勝 閑
Lợi danh đô thị mộng;
Phú quý bất thăng nhàn.
Danh lợi là ảo mộng;
Giàu sang chẳng bằng nhàn.
(Nhà cụ Lang Hoàn, Bến Đục, Chùa Hương Tích)

涯 邊 挹 石 稱 知 己
苔 里 尋 詩 見 故 人
Nhai biên ấp thạch xưng tri kỷ;
Đài lý tầm thi kiến cố nhân.
Men bờ ôm đá xưng tri kỷ;
Vạch bụi tìm thơ thấy cố nhân.
(Nhà ông Trần Xuân Lộc, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

贏 輸 世 事 繞 棋 局
濃 淡 人 情 付 酒 鍾
Doanh thâu thế sự nhiêu kỳ cục;
Nồng đạm nhân tình phó tửu chung.
Cuộc cờ thua được như thế sự;
Ly rượu nhạt nồng tựa nhân tình.
(Nhà cụ Lưu Bảo Ngọc, Thanh Sơn, Phú Thọ)

平 生 莫 作 皺 眉 事
世 上 應 無 切 齒 人

Bình sinh mạc tác sô mi sự;
Thế thượng ưng vô thiết xỉ nhân.
Ở đời đâu phải thành chau mặt;
Xử thế không cần đến nghiến răng.
(Nhà cụ Hà Quảng, Điện Bàn, Quảng Nam)

庭 栽 棲 鳳 竹
池 養 化 龍 魚

Đình tài thê phượng trúc;
Trì dưỡng hóa long ngư.
Sân trồng trúc phượng đậu;
Ao nuôi cá hóa rồng.
(Hiên nhà thờ họ Nguyễn, An Nhơn, Bình Định)

高 見 福 星 朝 永 燦
樂 觀 祿 曜 照 長 明

Cao kiến phúc tinh triều vĩnh xán;
Lạc quan lộc diệu chiếu trường minh.
Mừng thấy phúc trời soi sáng mãi;
Vui nhìn lộc nước chiếu dài lâu.
(Từ đường họ Quách, Bố Trạch, Quảng Bình)

清 時 清 舍 迎 清 客
歷 酒 歷 杯 接 歷 人

Thanh thời thanh xá nghênh thanh khách;
Lịch tửu lịch bôi tiếp lịch nhân.
Thanh buổi thanh nhà mừng thanh khách;
Lịch ly lịch rượu tiếp lịch nhân.
(Nhà cụ Lang Tài, Cẩm Phả, Quảng Ninh)

有 客 游 觀 時 何 必 拘 拘 風 水 議
同 鄉 歆 慕 處 所 謂 存 存 道 義 門

Hữu khách du quan thì, hà tất câu câu phong thủy nghị;
Đồng hương hâm mộ xứ, sở vị tồn tồn đạo nghĩa môn.
Đông khách tham quan, há phải tìm nơi phong thủy đẹp;
Cả làng hâm mộ, chỉ vì chuộng cửa nghĩa nhân cao.
(Nhà cụ Đinh Gia Ngân, Nông Cống, Thanh Hóa)

建 造 家 風 新 骨 格
保 存 國 教 古 精 華
Kiến tạo gia phong tân cốt cách;
Bảo tồn quốc giáo cổ tinh hoa.
Dựng xây cốt cách gia phong mới;
Giữ gìn tinh hoa quốc giáo xưa.
(Nhà ông Bạch Gia Phong, Bảo Lạc, Cao Bằng)

田 地 勤 耕 觀 大 務
詩 書 廣 讀 喜 高 名
Điền địa cần canh quan đại vụ;
Thi thư quảng độc hỉ cao danh.
Ruộng vườn cần mẫn mùa thu lớn;
Thi văn đọc nhiều đỗ đạt cao.
(Cụ Cao Thanh Trí, thị xã Lạng Sơn)

書 田 菽 粟 皆 眞 味
心 地 芝 蘭 有 異 香
Thư điền thúc túc giai chân vị;
Tâm địa chi lan hữu dị tâm.
Tuyệt trần: lúa gạo thu từ "ruộng sách";
Thú vị: chi lan trỗ tại "vườn tâm".
(Nhà cụ Trần Trúc Khê, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc)

興 來 文 字 三 杯 酒
老 至 生 涯 萬 卷 書
Hứng lai văn tự tam bôi tửu;
Lão chí sinh nhai vạn quyển thư.
Rượu ba chín ngâm nga khi hứng;
Sách vạn pho tiêu khiển tuổi già.
(Nhà ông Trần Tất Thông, Mê Linh, Vĩnh Phúc)

春 節 百 花 春 聚 江 山 含 仰 望
時 來 萬 種 長 成 秀 茂 普 齊 資
Xuân tiết bách hoa xuân tụ giang sơn hàm ngưỡng vọng;
Thời lai vạn chủng trường thành tú mậu phổ tề tư.
Tiết xuân trăm hoa tụ hội núi sông đều ngưỡng vọng;
Đến thời vạn loại trưởng thành tốt tươi cùng tốt tươi.

PHONG CẢNH



Câu đối ở cổng đền Ngọc Sơn (Hà Nội)

Ảnh: Vương Anh (2005)

水 繞 花 還 西 湖 鍾 秀
龍 朝 鳳 舞 北 闕 恩 光
Thủy nhiễu hoa hoàn, Tây Hồ chung tú;
Long triều phượng vũ, Bắc khuyết ân quang.
Nước ấm, hoa ôm, Hồ Tây hun vẻ đẹp;
Rồng chầu, phượng múa, Cửa Bắc đượm ơn soi.

南 水 汪 洋 流 不 盡
北 仇 鄭 重 塊 難 消
Nam thủy uông dương lưu bất tận
Bắc cừu trịnh trọng khối nan tiêu
Sông Nam cuồn cuộn xuôi bất tận
Thù Bắc sâu xa kết khó quên.

德 合 地 生 千 古 美
恩 同 雨 施 萬 家 春
Đức hợp địa sinh thiên cổ mĩ
Ân đồng vũ thí vạn gia xuân
Đức hợp đất sinh nghìn xưa đẹp
Ơn cùng mưa đến vạn nhà xuân

一 念 精 誠 蒙 福 澤
千 秋 俸 祀 沐 恩 波
Nhất niệm tinh thành mông phúc trạch;
Thiên thu phụng tự mộc ân ba.
Thành kính một niềm ơn phúc trạch;
Phụng thờ nghìn thuở gội ân ba.

爲 佛 爲 仙 萬 億 化 身 紫 竹 菩 陀 東 土 鑑
樂 山 樂 水 千 層 紅 紫 青 松 古 柏 鳥 能 言
Vi phật, vi tiên, vạn ức hoá thân, tử trúc bồ đà
Đông Thổ giám;
Nhạo sơn, nhạo thuỷ, thiên tằng hồng tử, thanh tùng cổ bách điểu
năng ngôn.
Là phạt, là tiên, vạn ức hoá thân, trúc tía bồ đà soi
miền Đông Thổ;
Yêu non, yêu nước, ngàn tầng đỏ thắm, tùng xanh bách cổ chim biết
hót vang.

廟 貌 山 容 相 隱 約
天 光 雲 影 共 徘 徊
Miếu mạo sơn dung tương ẩn ước;
Thiên quang vận ảnh cộng bồi hồi.
Dáng miếu, mặt non cùng thấp thoáng;
Trời quang, mây bóng vẩn vơ hồn.

兔 烏 隨 過 往
山 水 自 高 聲
Thố ô tuỳ quá vãng;
Sơn thuỷ tự cao thanh.
Thỏ quạ theo nhau đến;
Non nước vốn cao thanh.

天 根 月 掘 人 來 往
水 色 山 光 相 送 迎
Thiên căn nguyệt quật nhân lai vãng;
Thủy sắc sơn quang tương tống nghênh.
Nền trời trăng mọc người lui tới;
Sắc nước màu non đưa đón nhau.

橋 引 長 虹 棲 島 岸
樓 當 明 月 坐 湖 心
Kiều dẫn trường hồng thê đảo ngạn;
Lâu đương minh nguyệt toạ hồ tâm.
Cầu dẫn cầu vồng đậu bờ đảo;
Lầu đương trăng sáng toạ lòng hồ.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

夜 月 或 過 仙 是 鶴
濠 梁 信 樂 子 非 魚
Dạ nguyệt hoặc qua tiên thị hạc;
Hào lương tín lạc tử phi ngư.
Dưới nguyệt lướt qua tiên hay hạc;
Trên cầu đôi bạn đoán cá vui.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

虎 榜 龍 門 善 根 緣 法
研 臺 筆 塔 大 塊 文 章

Hổ bảng long môn thiện căn duyên pháp;
Nghiên đài bút tháp đại khối văn chương.
Bảng hổ cửa rồng theo duyên người thiện;
Đài nghiên tháp bút trời đất văn chương.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

平 湖 張 日 月
故 殿 小 乾 坤
Bình hồ trương nhật nguyệt;
Cố điện tiểu càn khôn.
Hồ phẳng in nhật nguyệt;
Điện cũ tiểu càn khôn.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

文 光 衝 斗 北
亭 影 落 湖 中
Văn quang xung Đẩu Bắc;
Đình ảnh lạc hồ trung.
Ánh văn xông Bắc đẩu;
Đình bóng lọt lòng hồ.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

劍 有 餘 靈 光 若 水
文 從 大 塊 壽 如 山
Kiếm hữu dư linh quang nhược thuỷ;
Văn tòng đại khối thọ như sơn.
Kiếm có dấu linh quang tựa nước;
Văn theo trời đất thọ tày non.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

道 有 主 張 斗 北 文 明 之 象
人 同 瞻 仰 交 南 禮 樂 之 都
Đạo hữu chủ trương Đẩu Bắc văn minh chi tượng;
Nhân đồng chiêm ngưỡng Giao Nam lễ nhạc chi đô.
Đạo có chủ trương, hình tượng văn minh Bắc Đẩu;
Người cùng chiêm ngưỡng, kinh đô lễ nhạc nước Nam.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

山 名 不 在 高 水 靈 不 在 深 自 有 主 者
天 柱 賴 以 尊 地 維 賴 以 立 維 此 浩 然

Sơn danh bất tại cao, thuỷ linh bất tại thâm, tự hữu chủ giả;
Thiên trụ lại dĩ tôn, địa duy lại dĩ lập, duy thử hạo nhiên.
Danh sơn không tại cao, thuỷ linh không tại sâu, tự thân có chủ;
Thiên trụ nhờ tôn kính, địa duy nhờ được lập, đấy khí hạo nhiên.
(Đền Ngọc Sơn, Hà Nội)

位秉圖書開太運
德留翰墨燦天章
Vị bỉnh đồ thư khai thái vận;
Đức lưu hàn mặc xán thiên chương.
Nắm giữ đồ thư khai thái vận;
Đức lưu bút mực sáng thiên chương.

一心白貫萬光旦
四海良回九夢天
Nhất tâm bạch quán vạn quang đán;
Tứ hải lương hồi cửu mộng thiên.
Một tấm lòng ngay muôn năm sáng;
Ngàn trùng tính thiện mãi trời thương.

日朗星輝筆研文章留勝跡
鸞飛鶴降湖山地秀鬱靈聲
Nhật lãng tinh huy bút nghiên văn chương lưu thắng tích;
Loan phi hạc giáng hồ sơn địa tú uất linh thanh.
Trời sáng sao dầy nghiên bút văn chương lưu thắng tích;
Loan bay hạc giáng núi hồ đất đẹp nổi tiếng linh.

惟聖不知惟神不測
在天成象在地成形
Duy thánh bất tri duy thần bất trắc;
Tại thiên thành tượng tại địa thành hình.
Thánh ta bất tri, thần ta bất trắc;
Trời thì thành tượng, đất lại thành hình.

大忠以行乎大勇
至義乃本於至仁
Đại trung dĩ hành hồ đại dũng;
Chí nghĩa nãi bản ư chí nhân.
Đại trung để làm việc đại dũng;
Chí nghĩa là gốc ở chí nhân.

誰 知 萬 古 重 興 業
半 在 關 河 半 在 仁
Thuỳ tri vạn cổ trùng hưng nghiệp;
Bán tại quan hà bán tại nhân.
Ai hay vạn cổ trùng hưng nghiệp;
Nửa ở địa hình nửa ở người.

爲 國 爲 人 民 文 武 聖 神 留 顯 號
在 上 在 左 右 聰 明 正 直 贊 玄 機
Vị quốc vị nhân dân văn vũ thánh thần lưu hiển hiệu;
Tại thượng tại tả hữu thông minh chính trực tán huyền cơ.
Vì nước, vì nhân dân, văn vũ thánh thần danh hiển hách;
Tại trên, tại tả hữu, thông minh chính trực, máy diệu huyền.

天 上 人 間 同 陟 降
聖 文 神 武 合 聲 靈
Thiên thượng nhân gian đồng trắc giáng;
Thánh văn thần vũ hợp thanh linh.
Trời đất nhân gian cùng thăng giáng;
Thánh văn thần vũ hợp tiếng linh.

天 何 言 哉 顯 道 非 關 我 卜
神 一 者 也 音 德 只 在 中 經
Thiên hà ngôn tai! Hiển đạo phi quan ngã bốc;
Thần nhất giả dã, âm đức chỉ tại trung kinh.
Trời nói gì đâu! Đường tỏ chẳng liên quan đến bói;
Thần linh nhất quán, âm đức còn trong sách "Trung kinh".

鎮 北 古 名 藍 蕩 漾 西 湖 光 慧 日
粵 南 今 勝 跡 芳 從 東 土 振 禪 關
Trấn Bắc cổ danh lam, đãng dạng Tây Hồ quang tuệ nhật;
Việt Nam kim thắng tích, phương tùng Đông Thổ chấn thiền quan.
Trấn Bắc vốn danh lam, lãng đãng Tây Hồ quang tuệ nhật;
Việt Nam nay thắng tích, ngát hương Đông Thổ giữ thiền quan.

鎮 國 艷 傳 洱 月 濃 雲 名 勝 地
安 花 興 睹 歐 風 亞 雨 太 平 天
Trấn quốc diễm truyền, Nhị nguyệt, Nùng vân danh thắng địa;
Yên Hoa hưng đổ, Âu phong Á vũ, thái bình thiên.
Trấn Quốc đẹp truyền, trăng Nhị, mây Nùng danh thắng địa;
Yên Hoa hưng vận, gió Âu, mưu Á, thái bình thiên.

福 等 河 沙 作 福 自 然 得 福
功 垂 萬 世 興 功 便 見 成 功

Phúc đẳng hà sa tác phúc tự nhiên đắc phúc;
Công thuỳ vạn thế hưng công tiện kiến thành công.

Phúc tựa cát sông Hằng, làm phúc tự nhiên được phúc;
Công ghi cùng vạn thế, nổi công liền thấy thành công.

爲 仙 爲 佛 爲 國 王 生 化 三 身 留 異 蹟
有 洞 有 湖 有 天 帝 江 山 一 帶 表 奇 觀

Vi tiên vi phật vi quốc vương sinh hoá tam thân lưu dị tích;
Hữu động hữu hồ hữu thiên đế giang sơn nhất đới biểu kỳ quan.

Là tiên là phật là quốc vương, sinh hoá ba thân lưu tích lạ;
Có động có hồ có thiên đế, giang sơn một dải biểu kỳ quan.

禪 門 開 世 界
梵 宇 小 乾 坤

Thiền môn khai thế giới;
Phạn vũ tiểu càn khôn.

Cửa thiền mở thế giới;
Chùa Phật nhỏ đất trời.

天 地 猶 依 天 地 舊
草 花 今 異 草 花 前

Thiên địa do y thiên địa cựu;
Thảo hoa kim dị thảo hoa tiền.

Trời đất vẫn như trời đất cũ;
Cỏ hoa nay khác cỏ hoa xưa.

艷 麗 桃 園 千 古 色
莊 嚴 佛 像 壹 高 臺

Diễm lệ đào viên thiên cổ sắc;
Trang nghiêm phật tượng nhất cao đài.

Vườn đào diễm lệ ngàn năm sắc;
Tượng phật trang nghiêm một đài cao.

天 保 辰 亨 生 聖 帝
地 靈 運 泰 出 神 仙

Thiên bảo thời hanh sinh thánh đế;
Địa linh vận thái xuất thần tiên.

Trời giúp hanh thông sinh vua thánh;
Đất linh vận mở xuất thần tiên.

鷲嶺花枯傳密法
頂山聖化顯眞王
Thứu Lĩnh hoa khô truyền mật pháp;
Đỉnh sơn thánh hoá hiển chân vương.
Hoa khô Thứu Lĩnh truyền mật pháp;
Thánh hoá Đỉnh sơn hiển chân vương.

頂上花開標勝境
山中佛蹟顯名藍
Đỉnh thượng hoa khai tiêu thắng cảnh;
Sơn trung phật tích hiển danh lam.
Hoa khai đỉnh núi nêu thắng cảnh;
Dấu phật trong non hiện danh lam.

佛渡眾生莫論富貧榮辱客
法門轉化勿談貴賤智愚人
Phật độ chúng sinh mạc luận phú bần vinh nhục khách;
Pháp môn chuyển hoá vật đàm quý tiện trí ngu nhân.
Phật cứu chúng sinh, chớ bàn khách giàu nghèo vinh nhục;
Pháp môn chuyển hoá, đừng nói kẻ ngu trí sang hèn.

暮鼓朝鍾喚醒塵埃名利客
法聲佛號歸回苦海夢迷人
Mộ cổ triêu chung hoán tỉnh trần ai danh lợi khách;
Pháp thanh phật hiệu quy hồi khổ hải mộng mê nhân.
Chuông sớm trống chiều gọi khách lợi danh trần ai tỉnh lại;
Tiếng kinh câu kệ đưa người mê mộng khổ hải quay về.

眞心所得千年盛
正法興傳萬代榮
Chân tâm sở đắc thiên niên thịnh;
Chính pháp hưng truyền vạn đại vinh.
Lòng thành đạt được ngàn năm thịnh;
Phép chính hưng truyền vạn thuở vinh.

國家有永山河固
佛道無窮日月長
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;
Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.
Quốc gia còn mãi non sông vững;
Đạo phật vô cùng nhật nguyệt trường.

青 地 弘 開 傳 佛 道
竺 林 通 達 轉 法 輪

Thanh địa hoằng khai truyền phật đạo;
Trúc lâm thông đạt chuyển pháp luân.

Thanh địa mở mang truyền đạo phật;
Trúc lâm thông đạt chuyển pháp luân.

大 殿 煇 皇 衣 缽 花 開 迎 瑞 日
覺 林 寂 淨 菩 提 樹 長 送 春 風

Đại điện huy hoàng y bát hoa khai nghênh thụy nhật;
Giác lâm tịch tĩnh bồ đề thụ trưởng tống xuân phong.

Điện lớn huy hoàng, y bát hoa khai mừng ngày tốt;
Giác lâm tĩnh mịch, bồ đề cây lớn tiễn gió xuân.

聖 德 妙 靈 通 方 信 古 今 蓬 島
母 儀 神 運 化 長 留 天 地 雪 冰

Thánh đức diệu linh thông, phương tín cổ kim bồng đảo;
Mẫu nghi thần vận hoá, trường lưu thiên địa tuyết băng.

Thánh đức thật linh thông, mới biết xưa nay nơi bồng đảo;
Mẫu nghi thần biến hoá, dài lâu trời đất chốn tuyết băng.

天 本 再 生 綺 花 下 題 詩 神 筆 在
地 仙 參 降 顯 御 前 製 錦 聖 恩 嘉

Thiên Bản tái sinh kỳ, hoa hạ đề thi thần bút tại;
Địa Tiên tam giáng hiển, ngự tiền chế cẩm thánh ân gia.

Đất Thiên Bản tái sinh kỳ diệu, dưới hoa đề thơ thần, bút đó;
Miền Tiên Hương tam giáng hiển linh, trước nhà vua dệt gấm, ơn đây.

參 世 金 身 子 育 群 生 瞻 法 雨
歷 朝 衮 袞 母 儀 千 古 凜 英 風

Tam thế kim thân tử dục quần sinh chiêm pháp vũ;
Lịch triều ba cổn mẫu nghi thiên cổ lẫm anh phong.

Thân vàng ba thế, nuôi dưỡng quần sinh xem pháp vũ;
Áo cổn mấy triều, mẫu nghi thiên cổ nổi anh phong.

生 化 丰 姿 山 若 畫
好 生 心 事 石 猶 銘

Sinh hoá phong tư sơn nhược hoạ;
Hiếu sinh tâm sự thạch do minh.

Sinh hoá phong tư non như vẽ;
Hiếu sinh tâm sự đá còn bia.

天 本 降 生 神 上 等
仙 香 鍾 育 女 中 英
Thiên Bản giáng sinh thần thượng đẳng;
Tiên Hương chung dục nữ trung anh.
Thiên Bản giáng sinh bậc thần thượng đẳng;
Tiên Hương hun đúc bậc nữ anh linh.

普 天 之 下 資 坤 德
化 日 之 中 仰 聖 茲
Phổ thiên chi hạ tư khôn đức;
Hoá nhật chi trung ngưỡng thánh tư.
Khắp dưới gầm trời nương khôn đức;
Giữa ngày mẫu hoá ngưỡng thánh tư.

化 而 生 正 氣 天 上 下
神 猶 在 靈 聲 地 北 南
Hoá nhi sinh chính khí thiên thượng hạ;
Thần do tại linh thanh địa Bắc Nam.
Hoá như sinh chính khí khắp trời trên dưới;
Thần như tại tiếng linh vang cả Bắc Nam.

五 百 餘 年 神 故 化
再 參 轉 世 聖 如 仙
Ngũ bách dư niên thần cố hoá;
Tái tam chuyển thế thánh như tiên.
Ngũ bách năm dư thần đã hoá;
Tái tam lần biến thánh thành tiên.

普 化 工 高 山 萬 丈
濟 生 德 著 月 天 秋
Phổ hoá công cao sơn vạn trượng;
Tế sinh đức trứ nguyệt thiên thu.
Công phổ hoá núi cao muôn trượng;
Đức tế sinh trăng rọi nghìn thu.

十 八 人 神 功 未 泯
五 家 興 邑 德 長 留
Thập bát nhân thần công vị dẫn
Ngũ gia hưng ấp đức trường lưu

Mười tám nhân thần công không mất
Năm nhà dựng ấp đức dài lâu
(Đền Tam xã, Yên Thắng, Ý Yên)

菩薩前身仙聖佛
師尊萬古孝生慈
Bồ Tát tiền thân tiên thánh phật;
Sư tôn vạn cổ hiếu sinh từ.
Tiền thân Bồ Tát thành tiên, thánh, phật;
Muôn thuở tôn sư đức hiếu, nhân, từ.

川毓河鍾正直神明而一
魚沉鶴落妖嬌婉艷無雙
Xuyên dục hà chung, chính trực thần minh nhi nhất;
Ngư trầm hạc lạc, yêu kiều uyển diễm vô song.
Sông nuôi nước luyện, chính trực thần minh bậc nhất;
Cá lặn hạc sa, yêu kiều diễm lệ không hai.

終古此江山日月當門隆棟幹
高勳垂宇宙孝忠單節植根基
Chung cổ thử giang sơn nhật nguyệt đương môn long đống cán;
Cao huân thuỳ vũ trụ hiếu trung đơn tiết thực căn cơ.
Sông núi mãi còn đây, nhật nguyệt sáng soi tài lương đống;
Công cao trùm vũ trụ, hiếu trung tiết tháo dựng căn cơ.

昔人已去此地空餘風雨不關成一古
承相大名宗臣遺像江山有幸共千秋
Tích nhân dĩ khứ thử địa không dư phong vũ bất quan thành nhất cổ;
Thừa tướng đại danh tông thần di tượng giang sơn hữu hạnh cộng thiên thu.
Người xưa đã mất, đất này luống còn lưu, mưa gió chẳng phai thành chuyện cũ;
Thừa tướng đại danh, di tượng bậc tông thần, giang sơn may mắn mãi ngàn thu.

南北四方尊正氣
陳黎歷代贈忠勳
Nam Bắc tứ phương tôn chính khí;
Trần Lê lịch đại tặng trung huân.
Nam Bắc bốn phương tôn chính khí;
Trần Lê lịch đại tặng công huân.

臨 水 登 山 一 路 漸 入 佳 景
尋 源 訪 古 此 中 無 限 風 光
Lâm thuỷ đăng sơn nhất lộ tiệm nhập giai cảnh;
Tầm nguyên phỏng cổ thử trung vô hạn phong quang.
Men nước lần non, một đường dần vào cảnh đẹp;
Tìm nguồn hỏi cổ, trong đây vô hạn phong quang.

立 人 標 表 開 人 徑
度 世 津 梁 覺 世 關
Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;
Độ thế tân lương giác thế quan.
Lập nhân hãy mở đường nhân kính;
Độ thế điều cần biết thế quan.

道 若 路 然 得 其 門 而 入
聖 即 天 也 不 可 階 而 升
Đạo nhược lộ nhiên đắc kỳ môn nhi nhập;
Thánh tức thiên dã bất khả giai nhi thăng.
Đạo như đường ấy được cửa thì nhập;
Thánh tức trời vậy không thể leo mãi lên.

萬 劫 有 山 皆 劍 氣
六 頭 無 水 不 秋 聲
Vạn Kiếp hữu sơn giai hiếm khí;
Lục Đầu vô thuỷ bất thu thanh.
Vạn Kiếp núi non đều khí kiếm;
Lục Đầu sông nước lắng hơi thu.

安 南 壯 氣 山 河 在
平 北 餘 靈 草 木 知
An Nam tráng khí sơn hà tại;
Bình Bắc dư linh thảo mộc tri.
Tráng khí An Nam sông núi đó;
Dư linh bình Bắc cỏ cây hay.

禪 門 廣 大 眞 常 樂
光 景 慈 悲 法 界 觀
Thiền môn quảng đại chân thường lạc;
Quang cảnh từ bi pháp giới quan.
Cửa thiền rộng mở vô cùng lạc;
Quang cảnh từ bi khắp thế quan.

家 君 子 賢 人 出 入
門 英 雄 貴 客 往 來
Gia quân tử hiền nhân xuất nhập;
Môn anh hùng quý khách vãng lai.
Nhà quân tử người hiền lui tới;
Cửa anh hùng khách quý vãng lai.

洪 鍾 驚 大 夢
舊 館 喜 新 成
Hồng chung kinh đại mộng;
Cựu quán hỷ tân thành.
Chuông lớn tan giấc mộng;
Quán xưa mừng tân thành.

春 風 不 怒 千 花 笑
秋 水 無 心 四 海 平
Xuân phong bất nộ thiên hoa tiếu;
Thu thuỷ vô tâm tứ hải bình.
Xuân phong chẳng giận, nghìn hoa mỉm;
Thu thủy vô tâm, bốn bể bằng.

祇 園 始 自 陳 皇 帝
寶 座 依 然 佛 聖 人
Kỳ viên thuỷ tự Trần Hoàng đế
Bảo toạ y nhiên Phật Thánh nhân
Vườn chùa có tự đời Trần đế
Điện phật như xưa thuở Thánh nhân
(Chùa Trùng Khánh, TP. Nam Định)

自 西 來 東 南 北 此 心 同 此 理
從 漢 始 宋 齊 梁 其 道 即 其 心
Tự Tây lai, Đông, Nam, Bắc, thử tâm đồng thử lý;
Tòng Hán thủy, Tống, Tề, Lương, kỳ đạo tức kỳ tâm.
Đến từ Tây, Đông, Nam, Bắc, tâm ấy cùng lẽ ấy;
Đầu kể Hán, Tống, Tề, Lương, đạo này tức tâm này.

生 爲 國 柱 顯 爲 神
福 在 萬 民 功 在 世

Sinh vi quốc trụ, hiển vi thần;
Phúc tại vạn dân, công tại thế.
Sống làm quốc trụ thác làm thần;
Phúc tại muôn dân công tại thế.

國祖降生開貉域
邦君經統肇雄基
Quốc tổ giáng sinh khai Lạc vực;
Bang quân kinh thống triệu Hùng cơ.
Quốc tổ giáng sinh khai nước Lạc;
Nhà vua gây dựng mở nền Hùng.

二帝之間光史冊
萬春以後色山河
Nhị đế chi gian quang sử sách;
Vạn xuân dĩ hậu sắc sơn hà.
Nhị đế trước ngày ngời sử sách;
Vạn xuân sau đó đẹp sơn hà.

生爲將死爲神正氣留行天地並
功在陳名在史英聲赫濯古今聞
Sinh vi tướng tử vi thần chính khí lưu hành thiên địa tịnh;
Công tại Trần danh tại sử anh thanh hách trạc cổ kim văn.
Sinh làm tướng, tử làm thần, chính khí lưu hành ngang trời đất;
Công tại Trần, danh tại sử, tiếng tăm lừng lẫy suốt xưa nay.

功參廣大慈悲佛
德一聰明正直神
Công tham quảng đại từ bi Phật;
Đức nhất thông minh chính trực Thần.
Công ngang trời đất từ bi Phật;
Đức tối thông minh chính trực Thần.

雄王創藉田耕藝
聖賢頒業寶明農
Hùng vương sáng tịch điền canh nghệ;
Thánh hiền ban nghiệp bảo minh nông.
Vua Hùng mở nghề dạy cày cấy;
Thánh hiền ban nghiệp trọng nghề nông.

義 祖 高 懸 天 地 白
忠 肝 廣 對 鬼 神 知
Nghĩa tổ cao huyền thiên địa bạch;
Trung can quảng đối qủy thần tri.
Nghĩa tổ cao siêu trời đất rõ;
Gan trung lẫm liệt quỷ thần hay.

廣 流 正 氣 匡 扶 廟 貌 烹 蒿 彰 聖 德
論 誌 英 聲 自 古 山 河 壯 麗 赫 神 威
Quảng lưu chính khí khuông phù miếu mạo hun cao chương thánh đức;
Luận chí anh thanh tự cổ sơn hà tráng lệ hách thần uy.
Rộng dòng chính khí giữ gìn miếu mạo khói hương tỏ thánh đức;
Ghi chép tiếng vang tự cổ non sông tráng lệ chói thần uy.

流 芳 千 載 地 壘 以 立 天 柱 以 尊
歷 相 三 朝 君 名 有 榮 臣 號 有 顯
Lưu phương thiên tải, địa luỹ dĩ lập, thiên trụ dĩ tôn;
Lịch tướng tam triều quân danh hữu vinh, thần hiệu hữu hiển.
Lũy đặt đã dựng, trụ trời đã tôn, lưu thơm ngàn thuở;
Danh vua được vinh, hiệu tôi được tỏ, trải đã ba triều.

有 開 必 先 功 德 從 來 遠 矣
克 昌 厥 後 子 孫 弗 替 引 之
Hữu khai tất tiên, công đức tòng lai viễn hĩ;
Khắc xương quyết hậu, tử tôn phất thế dẫn chi.
Mở mang đi trước, công đức đến nay còn mãi;
Thịnh vượng đến sau, cháu con tiếp nối chẳng rời.

萬 古 開 長 夜
千 載 印 寒 江
Vạn cổ khai trường dạ;
Thiên tải ấn hàn giang.
Muôn thuở mở đêm dài;
Ngàn năm in sông lạnh.

一 德 現 天 誠 自 化
百 年 顯 聖 品 非 凡
Nhất đức hiện thiên thành tự hoá;
Bách niên hiển thánh phẩm phi phàm.

Một đức hiện trời, thành tự hoá;
Trăm năm hiển thánh, phẩm phi phàm.

南天拾捌世車書初頭第壹聖
西嶽億萬年香火上等最靈神
Nam thiên thập bát thế xa thư, sơ đầu đệ nhất Thánh;
Tây Nhạc ức vạn niên hương hoả, thượng đẳng tối linh Thần.
Trời Nam mười tám đời truyền nối, buổi đầu đệ nhất Thánh;
Tây Nhạc ức vạn năm hương hoả, thượng đẳng tối linh Thần.

高族遺尊萬代長存名繼盛
祖堂靈拜千年馮在德留光
Cao tộc di tôn vạn đại trường tồn danh kế thịnh;
Tổ đường linh bái thiên niên bằng tại đức lưu quang.
Dòng họ tôn vinh, muôn thuở dài lâu danh vẫn thịnh;
Tổ đường cúng bái, ngàn năm nhờ cậy đức còn quang.

祖堂百世香花在
裔族千秋福祿長
Tổ đường bách thế hương hoa tại;
Duệ tộc thiên thu phúc lộc trường.
Tổ đường trăm thuở, hương hoa cúng;
Dòng họ ngàn năm, phúc lộc dài.

祖功宗德萬古精神萃聚
春祀秋嘗億年香火焄蒿
Tổ công tông đức vạn cổ tinh thần tụy tụ;
Xuân tự thu thường ức niên hương hoả huân cao.
Tổ công tông đức, muôn thuở tinh thần hội tụ;
Xuân cúng thu lễ, ức niên hương hoả thơm tho.

片念追思存本族
百年香火憶先功
Phiến niệm truy tư tồn bản tộc;
Bách niên hương hoả ức tiên công.
Tấm lòng tìm hiểu về giòng họ;
Trăm năm hương hoả nhớ công xưa.

出入仰彌高然在
往來瞻起敬誠心

Xuất nhập ngưỡng di cao nhiên tại;
Vãng lai chiêm khởi kính thành tâm.
Ngửa thấy càng cao, ra vào còn đấy;
Người thêm kính trọng, qua lại thành tâm.

天書定份正統肇封都百粵山河之有祖
光岳協靈故宮成萃廟三江襟帶尚朝尊
Thiên thư định phận, chính thống triệu phong đô Bách Việt sơn hà chi hữu tổ
Quang nhạc hiệp linh, cố cung thành tụy miếu tam giang khâm đới thượng triều tôn.
Thiên thư định phận, chính thống mở kinh thành, Bách Việt núi sông đà có chủ;
Núi lớn cùng thiêng, cố cung thành miếu mạo, Tam Giang áo mũ vẫn duy trì.
(Đền Hùng, Phú Thọ)

啓我南邦鴻貉千秋尊帝國
顯丁西土傘瀘一帶壽新祠
Khải ngã Nam bang Hồng Lạc thiên thu tôn đế quốc;
Hiển Đinh Tây Thổ Tản Lô nhất đới thọ tân từ.
Mở nước Nam ta, Hồng Lạc ngàn thu tôn đế hiệu;
Sáng ngời Tây Thổ, Tản Lô một dải thọ tân từ.
(Đền Hùng, Phú Thọ)

萬世豪雄德樹栽培增五福
千年文憲仁基興盛享三多
Vạn thế hào hùng đức thụ tài bồi tăng ngũ phúc;
Thiên niên văn hiến nhân cơ hưng thịnh hưởng tam đa.
Muôn thuở hào hùng, cây đức vun trồng tăng ngũ phúc;
Ngàn năm văn hiến, nền nhân hưng thịnh hưởng tam đa.
(Đền Hùng, Phú Thọ)

德大安民心同千古盛
雄朝護國德化萬年思
Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;
Hùng triều hộ quốc, đức hoá vạn niên tư.
Đức lớn yên dân, đồng tâm ngàn thuở thịnh;
Hùng triều giữ nước, đức hoá vạn năm ơn.
(Đền Hùng, Phú Thọ)

大 地 雄 王 愛 國 民 生 盛 旺
東 向 南 天 和 平 造 立 千 秋

Đại địa Hùng vương ái quốc dân sinh thịnh vượng;
Đông hướng Nam thiên hoà bình tạo lập thiên thu.

Đất lớn vua Hùng, yêu nước sinh dân thịnh vượng;
Đông hướng trời Nam, hoà bình gây dựng ngàn thu.

(Đền Hùng, Phú Thọ)

始 帝 炎 邦 貞 淑 五 南 起 業
生 神 古 地 樓 臺 一 簇 重 新

Thủy đế viêm bang trinh thục ngũ Nam khởi nghiệp;
Sinh thần cổ địa lâu đài nhất thốc trùng tân.

Vua đầu viêm bang, trinh thục ngũ nam dựng nghiệp;
Thần sinh đất cổ, lâu đài một cụm mới xây.

蜀 朝 社 稷 尊 天 柱
香 嶺 山 河 壯 帝 居

Thục triều xã tắc tôn thiên trụ;
Hương lãnh sơn hà tráng đế cư.

Đất nước triều Thục tôn cột trời;
Non sông Hương lĩnh mạnh đất đế.

慈 閫 留 香 作 養 人 才 標 女 烈
故 鄉 遺 跡 勤 勞 王 室 顯 臣 忠

Từ khổn lưu hương tác dưỡng nhân tài tiêu nữ liệt;
Cố hương di tích cần lao vương thất hiển thần trung.

Phòng mẹ thơm hương, nuôi dạy nhân tài nêu liệt nữ;
Làng quê dấu tích, siêng năng việc nước tỏ trung thần.

不 愧 古 人 稱 烈 女
養 成 當 代 一 忠 臣

Bất quý cổ nhân xưng liệt nữ;
Dưỡng thành đương đại nhất trung thần.

Chẳng thẹn người xưa khen liệt nữ;
Nuôi dạy đời nay một trung thần.

聖 德 冠 南 天 默 佑 鄉 民 康 泰
神 威 騰 北 地 匡 扶 社 稷 安 寧

Thánh đức quán Nam thiên mặc hựu hương dân khang thái;
Thần uy đẳng Bắc địa khuông phù xã tắc an ninh.
Thánh đức chủ trời Nam, giúp đỡ dân làng khang thái;
Thần uy trùm đất Bắc, khuông phù đất nước an ninh.

顯 應 默 扶 寧 國 勢
感 通 威 鎮 護 民 鄉
Hiển ứng mặc phù ninh quốc thế;
Cảm thông uy trấn hộ dân hương.
Hiển ứng giúp ngầm bền thế nước;
Cảm thông uy trấn hộ dân làng.

歷 朝 翊 運 千 年 史
越 甸 鐘 靈 萬 古 神
Lịch triều dực vận thiên niên sử;
Việt điện chung linh vạn cổ thần.
Triều triều rạng rỡ ngàn năm sử;
Hồn Việt hun thiêng vạn thuở thần.

雄 嶺 千 秋 標 正 氣
洮 江 一 陣 震 奇 功
Hùng lĩnh thiên thu tiêu chính khí;
Thao giang nhất trận chấn kỳ công.
Núi Hùng ngàn năm nêu chính khí;
Sông Thao một trận nổi kỳ công.

只 有 孤 忠 事 去 而 心 存 故 國
別 成 會 所 民 間 而 肅 若 朝 廷
Chỉ hữu cô trung sự khứ nhi tâm tồn cố quốc;
Biệt thành hội sở dân gian nhi túc nhược triều đình.
Chỉ có cô trung, việc cũ mà lòng còn nhớ nước;
Riêng thành hội sở, dân gian nghiêm túc tựa trong triều.

應 蜀 聘 扶 蜀 危 莫 大 勳 名 標 宇 宙
抗 趙 軍 嗎 趙 使 提 高 義 氣 作 山 河
Ứng Thục sính, phù Thục nguy, mạc đại huân danh tiêu vũ trụ;
Kháng Triệu quân, mạ Triệu sứ, đề cao nghĩa khí tác sơn hà.
Làm rể Thục, cứu nguy Thục, khó sánh tiếng tăm nêu vũ trụ;
Chống quân Triệu, mắng sứ Triệu, đề cao nghĩa khí giữ sơn hà.

千 秋 永 烈 傳 名 將
一 對 洮 河 邑 舊 祠
Thiên thu vĩnh liệt truyền danh tướng;
Nhất đối Thao hà ấp cựu từ.
Ngàn năm rực rỡ lưu danh tướng;
Một ấp Thao hà vẫn điện xưa.

歷 代 褒 封 光 古 廟
邑 民 歌 舞 樂 春 臺
Lịch đại bao phong quang cổ miếu;
Ấp dân ca vũ lạc xuân đài.
Các đời ngợi khen sáng miếu cổ;
Ấp dân ca múa rộn đài xuân.

忠 心 如 白 日
正 氣 壯 山 河
Trung tâm như bạch nhật;
Chính khí tráng sơn hà.
Lòng trung tựa trời sáng;
Khí chính mạnh non sông.

乃 武 乃 文 厥 靈 傳 歷 代
如 日 如 月 多 福 播 群 黎
Nãi vũ nãi văn quyết linh truyền lịch đại;
Như nhật như nguyệt đa phúc bá quần lê.
Gồm vũ gồm văn, tiếng thiêng truyền triều đại;
Tựa nhật tựa nguyệt, phúc ban đến nhân dân.

鍾 毓 何 年 水 秀 山 英 纏 宇 宙
邦 扶 依 昔 民 安 物 阜 拜 神 庥
Chung dục hà niên thuỷ tú sơn anh triền vũ trụ;
Bang phù y tích dân an vật phụ bái thần hưu.
Chung đúc năm nào, nước đẹp non thiêng quanh vũ trụ;
Giữ gìn như cũ, dân yên vật thịnh đội ơn thần.

廟 宇 功 全 上 下 斯 民 蒙 利 樂
高 明 位 列 西 東 觀 者 翕 顒 孚
Miếu vũ công toàn thượng hạ tư dân mông lợi lạc;
Cao minh vị liệt tây đông quan giả hấp ngưng phu.
Miếu vũ nên công, trên dưới, dân đây nhờ lợi lạc;
Cao minh đặt chỗ, tây đông khách đến gợi niềm tin.

淑 慎 閨 儀 南 國 山 河 資 內 治
清 高 廟 貌 方 民 香 火 顯 英 靈

Thục thận khuê nghi Nam quốc sơn hà tư nội trị;
Thanh cao miếu mạo phương dân hương hoả hiển anh linh.

Thận trọng khuê nghi, sông núi nước Nam nhờ nội trị;
Thanh cao miếu mạo, khói hương dân nhớ hiển anh linh.

世 歷 雄 紀 以 來 先 後 彰 靈 盛 跡
廟 祠 珥 江 之 上 春 秋 頂 祝 英 聲

Thế lịch Hùng kỷ dĩ lai tiên hậu chương linh thịnh tích;
Miếu từ Nhĩ giang chi thượng xuân thu đỉnh chúc anh thanh.

Trải bao thế kỷ vua Hùng, sau trước rỡ ràng dấu tích;
Đền miếu trên bờ sông Nhĩ, xuân thu cầu chúc anh linh.

後 先 濯 也 功 於 國
左 右 洋 乎 祀 在 民

Hậu tiên trạc dã công ư quốc;
Tả hữu dương hồ tự tại dân.

Công với nước trước sau rộng lớn;
Thờ do dân, trái phải mênh mông.

開 闔 間 乾 坤 一 區 顯 赫 英 聲 藏 秘 廟
歌 聚 處 春 臺 壽 域 太 平 景 像 屬 清 河

Khai hạp gian, càn khôn trục khu, hiển hách anh thanh tàng bí miếu;
Ca tụ xứ, xuân đài thọ vực, thái bình cảnh tượng thuộc thanh hà.

Nơi đóng mở càn khôn trọng yếu, lừng lẫy tiếng tăm ghi miếu kín;
Chốn hội ca đài xuân thịnh vượng, thái bình cảnh tượng ở sông trong.

爲 將 爲 神 萬 古 靈 聲 傳 越 境
在 民 在 國 千 秋 功 德 引 洮 江

Vi tướng vi thần vạn cổ linh thanh truyền Việt cảnh;
Tại dân tại quốc thiên thu công đức dẫn Thao giang.

Làm tướng làm thần, vạn thuở anh linh truyền đất Việt;
Ở dân ở nước, ngàn năm công đức nhuận dòng Thao.

雄 朝 名 將 同 生 化
傘 嶺 有 神 自 古 今

Hùng triều danh tướng đồng sinh hoá;
Tản lĩnh hữu thần tự cổ kim.

Danh tướng triều Hùng chung sống thác;
Có thần núi Tản tự xưa nay.

山 秀 水 佳 如 畫 高 清 傘 珥
地 靈 人 傑 兼 優 韜 略 孫 吳

Sơn tú thuỷ giai như hoạ cao thanh Tản Nhĩ;
Địa linh nhân kiệt kiêm ưu thao lược Tôn Ngô.

Tản, Nhĩ cao trong, nước biếc non xanh như vẽ;
Tôn, Ngô thao lược, người kiệt đất linh gồm tài.

聖 德 英 靈 扶 國 盛
神 功 赫 濯 助 民 安

Thánh đức anh linh phù quốc thịnh;
Thần công hách trạc trợ dân an.

Đức thánh anh linh, phù nước thịnh;
Công thần hiển hách, giúp dân an.

洮 水 源 深 流 益 遠
東 阿 日 暮 影 猶 長

Thao thuỷ nguyên thâm lưu ích viễn;
Đông a nhật mộ ảnh do trường.

Thao giang nguồn rộng, dòng xa thẳm;
Trần nghiệp về chiều, bóng vẫn dài.

退 敵 助 神 功 南 國 山 河 猶 所 在
安 民 留 聖 德 雄 朝 苗 裔 到 于 今

Thoái địch trợ thần công, Nam quốc sơn hà do sở tại;
An dân lưu thánh đức, Hùng triều miêu duệ đáo vu kim.

Đuổi giặc có công thần, núi sông Nam Việt đây còn mãi;
Yên dân nhờ đức thánh, con cháu vua Hùng đến tận nay.

孝 忠 節 烈 存 今 古
廟 宇 樓 臺 紀 後 來

Hiếu trung tiết liệt tồn kim cổ;
Miếu vũ lâu đài kỷ hậu lai.

Hiếu trung tiết liệt còn kim cổ;
Miếu vũ lâu đài gửi cháu con.

才 兼 文 武 中 興 將
德 合 陰 陽 上 等 神

Tài kiêm văn vũ trung hưng tướng;
Đức hợp âm dương thượng đẳng thần.

Tài kiêm văn võ tướng trung hưng;
Đức hợp âm dương thần thượng đẳng.

繼 祖 傳 宗 光 有 永
聯 燈 續 焰 映 無 遍
Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;
Liên đăng tục diệm ánh vô biên.
Tiếp nối cháu con ngời sáng mãi;
Lâu đài đèn lửa rạng khôn cùng.

廟 宇 千 秋 明 祀 典
香 燈 百 世 事 先 靈
Miếu vũ thiên thu minh tự điển;
Hương đăng bách thế sự tiên linh.
Miếu vũ ngàn năm sáng nghi lễ;
Đèn hương trăm thuở cúng tiên linh.

節 義 匡 扶 宗 國 祚
靈 聲 赫 濯 護 斯 民
Tiết nghĩa khuông phù tông quốc tộ;
Linh thanh hách trạc hộ tư dân.
Tiết nghĩa khuông phù bền phúc nước;
Linh thiêng lừng lẫy giúp cho dân.

忠 孝 一 心 天 地 照
敬 誠 二 字 鬼 神 知
Trung hiếu nhất tâm thiên địa chiếu;
Kính thành nhị tự quỷ thần tri.
Trung hiếu một lòng trời đất tỏ;
Kính thành hai chữ quỷ thần hay.

邦 國 匡 扶 歷 代 靈 聲 垂 宇 宙
方 民 翊 相 千 秋 正 氣 壯 山 河
Bang quốc khuông phù lịch đại linh thanh thuỳ vũ trụ;
Phương dân dực tướng thiên thu chính khí tráng sơn hà.
Trải mấy linh thiêng trùm vũ trụ, khuông phù đất nước;
Ngàn năm chính khí mạnh non sông, giúp đỡ nhân dân.

護 國 庇 民 萬 古 英 靈 傳 勝 地
除 災 捍 患 千 秋 福 惠 蔭 斯 民
Hộ quốc tý dân vạn cổ anh linh truyền thắng địa;
Trừ tai hãn hoạn thiên thu phúc huệ ấm tư dân.
Giúp nước, đỡ dân, muôn thuở anh linh truyền đất đẹp;
Trừ tai, cứu nạn, ngàn năm phúc huệ ấm dân này

允 武 允 文 閱 世 勳 功 垂 竹 帛
乃 神 乃 聖 歷 朝 典 重 壯 方 村

Doãn vũ doãn văn, duyệt thế huân công thuỳ trúc bạch;
Nãi thần nãi thánh lịch triều điển trọng tráng phương thôn.

Đủ võ đủ văn từng trải công lao ghi trúc lụa;
Là thần là thánh các triều trọng vọng mạnh thôn dân.

生 爲 良 將 爲 忠 臣 凜 烈
化 作 尊 神 作 顯 聖 大 王

Sinh vi lương tướng vi trung thần lẫm liệt;
Hoá tác tôn thần tác hiển thánh đại vương.

Sống làm lương tướng, làm trung thần lẫm liệt;
Chết hoá tôn thần, hoá hiển thánh đại vương.

保 國 護 民 昭 聖 德
除 災 降 福 顯 神 功

Bảo quốc hộ dân chiêu thánh đức;
Trừ tai giáng phúc hiển thần công.

Giữ nước giúp dân ngời thánh đức;
Trừ tai giáng phúc tỏ uy thần.

靈 光 重 鎮 山 河 世
寶 應 旁 觀 殿 閣 謨

Linh quang trọng trấn sơn hà thế;
Bảo ứng bàng quan điện các mô.

Linh thiêng trấn giữ non sông cậy;
Đáp ứng chẳng màng, điện các nhờ.

水 底 何 年 留 顯 跡
秋 臺 自 古 仰 餘 威

Thuỷ để hà niên lưu hiển tích;
Thu đài tự cổ ngưỡng dư uy.

Đáy nước năm nào, lưu hiển tích;
Đài thu tự cổ, ngưỡng uy thừa.

陰 扶 越 地 中 興 聖
名 鎮 南 天 上 等 神

Âm phù Việt địa Trung hưng thánh;
Danh trấn Nam thiên Thượng đẳng thần.

Âm phù đất Việt, Trung hưng thánh;
Danh trấn trời Nam, Thượng đẳng thần.

南 海 神 封 天 有 敕
乾 門 波 靜 地 餘 靈
Nam hải thần phong thiên hữu sắc;
Càn môn ba tĩnh địa dư linh.
Biển Nam phong thần, trời có sắc;
Cửa Càn sóng lặng, đất còn thiêng.
(Đền Quất Lâm, Nam Định)

萬 古 功 成 名 顯 達
千 秋 德 盛 姓 繁 榮
Vạn cổ công thành danh hiển đạt;
Thiên thu đức thịnh tính phồn vinh.
Muôn thuở công thành, danh hiển đạt;
Ngàn thu đức thịnh, họ phồn vinh.

亞 雨 歐 風 新 砥 柱
雄 崗 傘 嶺 舊 封 疆
Á vũ Âu phong tân chỉ trụ;
Hùng cương Tản lĩnh cựu phong cương.
Mưa Á gió Âu nền cột mới;
Núi Hùng non Tản cõi bờ xưa.

象 嶺 天 開 標 正 氣
馬 江 地 闢 顯 英 靈
Tượng lĩnh thiên khai tiêu chính khí;
Mã giang địa tịch hiển anh linh.
Trời mở núi Voi nêu chính khí;
Đất bày sông Mã tỏ anh linh.

一 歲 風 波 平 宋 賊
千 秋 香 火 振 南 邦
Nhất tuế phong ba bình Tống tặc;
Thiên thu hương hoả chấn Nam bang.
Sóng gió một năm, bình giặc Tống;
Hương hoả ngàn thu, dậy nước Nam.

劫 嶺 瀘 江 標 正 氣
花 旗 寶 劍 翊 靈 聲

Kiếp lĩnh Lô giang tiêu chính khí;
Hoa kỳ bảo kiếm dực linh thanh.
Núi Kiếp, sông Lô nêu chính khí;
Cờ hoa kiếm báu sáng linh thiêng.

花石鐘靈神將化身平北宋
黃雲秀氣天星降世翊南天
Hoa thạch chung linh thần tướng hoá thân bình Bắc Tống;
Hoàng vân tú khí thiên tinh giáng thế dực Nam thiên.
Hoa đá linh thiêng, thần tướng hoá thân bình Bắc Tống.
Mây vàng khí đẹp, thiên tinh giáng thế giúp trời Nam.

寵綏四辰如在上在左右
濯靈萬古保此土此人民
Sủng tuy tứ thời, như tại thường tại tả hữu;
Trạc linh vạn cổ, bảo thử thổ thử nhân dân.
Nối tiếp bốn mùa, như ở trên, như trái phải;
Linh thiêng muôn thuở, giữ đất này, nhân dân này.

正統南天分宇宙
功平北宋壯山河
Chính thống Nam thiên phân vũ trụ;
Công bình Bắc Tống tráng sơn hà.
Dòng chính trời Nam chia vũ trụ;
Công bình Bắc Tống mạnh non sông.

平虜威聲北敵寒心遽甲
慕珠舊跡南邦勝地退袍
Bình lỗ uy thanh, Bắc địch hàn tâm cự giáp;
Mộ Châu cựu tích Nam bang thắng địa thoái bào.
Dẹp giặc lừng danh, quân Bắc kinh hồn quẳng giáp;
Mộ Châu dấu cũ, trời Nam đất vượng cởi bào.

墓下鐘靈留顯跡
黎朝護國震雄威
Mộ hạ chung linh lưu hiển tích;
Lê triều hộ quốc chấn hùng uy.
Dưới mộ linh thiêng lưu hiển tích;
Triều Lê hộ quốc dậy hùng uy.

福 民 可 拜 三 公 爵
壽 聖 能 呼 萬 歲 聲
Phúc dân khả bái tam công tước;
Thọ thánh năng hô vạn tuế thanh.
Phúc dân đáng bái tước tam công;
Thọ thánh nên hô câu vạn tuế.

德 大 安 民 千 古 在
功 高 護 國 萬 年 長
Đức đại an dân thiên cổ tại;
Công cao hộ quốc vạn niên trường.
Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;
Công cao giữ nước vạn năm dài.

前 土 宅 後 靈 祠 至 今 不 改
孝 於 家 忠 與 國 自 古 猶 傳
Tiền thổ trạch hậu linh từ chí kim bất cải;
Hiếu ư gia trung dữ quốc tự cổ do truyền.
Trước chỗ ở, sau đền thiêng; đến nay chẳng đổi;
Hiếu trong nhà, trung với nước, từ cổ còn truyền.
(Đền Cố Trạch, Nam Định).

秀 氣 一 胞 留 越 史
雄 風 萬 古 懍 神 威
Tú khí nhất bào lưu Việt sử;
Hùng phong vạn cổ lẫm thần uy.
Một bọc khí thiêng lưu sử Việt;
Muôn năm gió mạnh trọng uy thần.

赫 赫 厥 聲 霑 度 澤
洋 洋 在 上 仰 靈 光
Hách hách quyết thanh chiêm độ trạch;
Dương dương tại thượng ngưỡng linh quang.
Lừng lẫy tiếng tăm nhuần ơn trạch;
Thăm thẳm trên cao thấy khí thiêng.

德 博 聖 文 澄 鯨 舞
威 儀 神 武 帖 鯨 吞
Đức bác thánh văn trừng ngạc vũ;
Uy nghi thần võ thiếp kình thôn.

Đức rộng thánh văn trừng múa ngạc;
Uy nghi thần võ diệt quân kình.

砥 柱 高 標 明 日 月
金 甌 永 典 守 山 河
Chỉ trụ cao tiêu minh nhật nguyệt;
Kim âu vĩnh điển thủ sơn hà.
Trụ đá nêu cao sáng nhật nguyệt;
Âu vàng lập phép giữ sơn hà.

一 柱 高 標 芳 山 有 勁 骨
千 秋 永 久 土 玉 生 德 才
Nhất trụ cao tiêu phương sơn hữu kình cốt;
Thiên thu vĩnh cửu thổ ngọc sinh đức tài.
Một cột nêu cao, núi danh có cốt cứng;
Ngàn năm vĩnh cửu, đất ngọc sinh đức tài.

往 以 尊 喝 水 爭 高 徵 廟 宇
銅 可 鑄 浪 湖 不 折 漢 風 雷
Vãng dĩ tôn, Hát thuỷ tranh cao Trưng miếu vũ;
Đồng khả trù, Lãng hồ bất chiết Hán phong lôi.
Sông Hát réo vươn cao, mãi tôn vinh đền miếu hai Bà;
Sóng gió Lãng hồ, chưa bẻ gãy cột đồng Đông Hán.

農 壯 秀 氣 留 顯 跡
丁 朝 護 國 震 雄 威
Nông trang tú khí lưu hiển tích;
Đinh triều hộ quốc chấn hùng uy.
Nông trang khí đẹp lưu danh tiếng;
Triều Đinh giữ nước dậy oai hùng.

百 戰 立 奇 功 懿 親 良 將
千 秋 傳 勝 跡 故 宅 新 祠
Bách chiến lập kỳ công ý thân lương tướng;
Thiên thu truyền thắng tích cố trạch tân từ.
Trăm trận lập kỳ công, Hoàng thân tướng giỏi;;
Ngàn thu truyền cảnh đẹp, Cố Trạch đền nay.
(Đền Cố Trạch, Nam Định).

宋 賊 解 兵 衷 帝 命
李 朝 開 國 顯 神 功
Tống tặc giải binh trung đế mệnh;
Lý triều khai quốc hiển thần công.
Giặc Tống lui quân, vì trời khiến;
Lý triều mở nước, rạng thần công.

一 陣 黑 雲 除 漢 寇
千 秋 香 火 應 洲 區
Nhất trận hắc vân trừ Hán khấu;
Thiên thu hương hoả ứng Châu khu.
Một trận mây đen, trừ giặc Hán;
Ngàn năm hương hoả, ứng trời Nam.

山 勢 地 形 淵 源 引 脈 高 封 後
雄 峰 萬 古 聖 王 乘 龍 駕 御 前
Sơn thế địa hình uyên nguyên dẫn mạch cao phong hậu;
Hùng phong vạn cổ thánh vương thừa long giá ngự tiền.
Cội nguồn dẫn mạch, kín che sau thế núi địa hình;
Thánh chúa cưỡi rồng, ngự giá trước đỉnh Hùng vạn cổ.

樁 陣 餘 風 敲 樹 杪
藥 山 古 月 印 江 心
Thung trận dư phong xao thụ mạo;
Lạc sơn cổ nguyệt ấn giang tâm.
Trận cọc còn vang, cây phất gió;
Vườn thuốc trăng xưa, chiếu lòng sông.

數 千 年 王 佐 始 終 父 子 君 臣 開 極 點
十 五 部 天 分 翼 軫 山 河 日 月 共 長 存
Sổ thiên niên, vương tá thủy chung, phụ tử quân thần khai cực điểm;
Thập ngũ bộ, thiên phân Dực Chẩn, sơn hà nhật nguyệt cộng trường tồn.
Trước sau giúp chúa, mấy ngàn năm, cha con vua tôi tròn giữ đạo;
Dực Chẩn trời phân, mười lăm bộ, núi sông nhật nguyệt vẫn lâu bền.

保 越 山 河 雲 逐 北
扶 陳 廟 社 日 昇 東
Bảo Việt sơn hà vân trục Bắc;
Phù Trần miếu xã nhật thăng Đông.
Giữ Việt non sông, mây đuổi Bắc;
Phù Trần xã tắc, mặt trời Đông.
(Đền Bảo Lộc, Nam Định)

扶 擁 天 生 文 武 將
江 河 地 出 聖 仙 人
Phù Ủng thiên sinh văn vũ tướng;
Giang hà địa xuất thánh tiên nhân.
Trời sinh tướng giỏi, làng Phù ủng;
Đất xuất thánh nhân, chốn sông hồ.
(Chùa Hồng Phúc, Mỹ Lộc, Nam Định)

雲 擁 纛 旗 天 開 運
包 咸 水 馬 地 終 靈
Vân ủng lô kỳ thiên khai vận;
Bao hàm thủy mã địa chung linh.
Mây cuốn cờ lau[1], trời mở vận;
Bao hàm ngựa nước[2], đất linh thiêng.

恩 深 海 河 留 萬 代
德 厚 山 林 刻 千 秋
Ân thâm hải hà lưu vạn đại;
Đức hậu sơn lâm khắc thiên thu.
Sông biển ơn sâu, lưu vạn thuở;
Núi rừng dày đức, khắc ngàn thu.

億 年 赫 奕 英 靈 地
萬 世 衣 冠 禮 樂 天
Ức niên hách dịch anh linh địa;
Vạn thế y quan lễ nhạc thiên.
Ngàn năm chói lọi, đất anh linh;
Muôn thuở y quan, trời lễ nhạc.

赫 濯 西 郊 留 聖 跡
繁 宣 下 邑 遍 神 麻
Hách trạc tây giao lưu thánh tích;
Phồn tuyên hạ ấp biến thần hưu.
Lừng lẫy tây thành, lưu dấu thánh;
Rợp che dưới ấp, khắp ơn thần.

---

[1] Lúc nhỏ, vua Đinh Tiên Hoàng thường dùng cờ lau tập trận.
[2] Lúc nhỏ, vua Đinh Tiên Hoàng lặn xuống vực thấy có con ngựa, vua lấy ngọc trong mồm ngựa.

協 啓 千 秋 新 廟 貌
迴 廊 四 面 舊 江 山
Hiệp khải thiên thu tân miếu mạo.
Hồi lang tứ diện cựu giang sơn;
Cùng dựng ngàn năm đền miếu mới.
Nhà quây bốn mặt núi sông xưa;

基 址 重 新 龍 象 左 排 孚 仰 望
江 山 依 舊 龜 坼 右 列 壯 觀 瞻
Cơ chỉ trùng tân long tượng tả bài phu ngưỡng vọng;
Giang sơn y cựu quy xích hữu liệt tráng quan chiêm.
Nền nhà làm mới, tượng rồng bày trái gây tin tưởng;
Non sông như cũ, mai rùa đặt phải gợi tham quan.

傘 嶺 雄 山 通 國 祭
仙 花 富 石 屹 鄉 祠
Tản lĩnh Hùng sơn thông quốc tế;
Tiên hoa phú hữu ngật hương từ.
Đỉnh Tản non Hùng thông quốc mạch;
Hoa tiên đá chất khắp đền quê.

求 天 地 風 和 雨 順
敬 聖 神 福 厚 恩 留
Cầu thiên địa phong hoà vũ thuận;
Kính thánh thần phúc hậu ân lưu.
Cầu trời đất, gió hoà mưa thuận;
Kính thánh thần, phúc hậu ơn lưu.

赫 濯 瑞 雲 留 聖 跡
繁 宣 富 厚 遍 神 麻
Hách trạc thụy vân lưu thánh tích;
Phồn tuyên phú hậu biến thần hưu.
Mây lành rực rỡ, lưu dấu thánh;
Giàu có sinh sôi, nấp bóng thần.

仰 之 遺 高 進 一 步 升 一 級
瞻 者 起 敬 赫 厥 聲 濯 厥 靈
Ngưỡng chi di cao, tiến nhất bộ, thăng nhất cấp;
Chiêm giả khởi kính, hách quyết thanh, trạc quyết linh.
Kẻ ngước thấy cao, tiến một bước lên một bậc;
Người xem thêm kính, lừng tiếng vang, rậy tiếng thiêng.

神 功 深 莫 測
聖 德 默 扶 持
Thần công thâm mạc trắc;
Thánh đức mặc phù trì.
Thần công khôn lường sâu;
Thánh đức phù trì kín.

聖 德 普 施 千 户 福
雄 瀘 風 雨 有 餘 威
Thánh đức phổ thi thiên hộ phúc;
Hùng Lô phong vũ hữu dư uy.
Thánh đức thi ân, ngàn hộ phúc;
Hùng Lô mưa gió, có thừa uy.

上 等 英 靈 留 跡 古
降 神 顯 聖 柱 千 秋
Thượng đẳng anh linh, lưu tích cổ;
Giáng thần hiển thánh, trụ thiên thu.
Thượng đẳng anh linh lưu dấu cổ;
Giáng thần hiển thánh vững ngàn thu.

溥 海 仰 神 庥
安 瀾 沾 聖 德
Phổ hải ngưỡng thần hưu;
An lan chiêm thánh đức.
Biển rộng nhớ ơn thần;
Sóng yên nhuần đức thánh.

水 德 汪 涵 七 郡 花 村 沾 潤 澤
金 臺 燦 爛 三 河 流 域 沐 恩 光
Thuỷ đức uông hàm, thất quận hoa thôn chiêm nhuận trạch;
Kim đài xán lạn, tam hà lưu vực mộc ân quang.
Đức nước mênh mông, bảy quận thôn hoa nhuần tưới thấm;
Đài vàng xán lạn, ba sông lưu vực đượm ân soi.

遠 溯 德 源 歸 鉅 海
近 來 花 甲 報 連 枝
Viễn tố đức nguyên quy cự hải;
Cận lai hoa giáp báo liên chi.
Xa xưa đức độ dường biển cả;
Đến nay tuổi tác được liên chi.

東 土 青 蓮 開 智 慧
西 天 紅 日 照 光 明
Đông Thổ thanh liên khai trí tuệ;
Tây Thiên hồng nhật chiếu quang minh.
Đông Thổ sen xanh khai trí tuệ;
Tây Thiên hồng nhật chiếu quang minh.

金 蓮 寶 上 彌 陀 佛
紫 竹 林 中 觀 世 音
Kim liên bảo thượng Di Đà Phật;
Tử trúc lâm trung Quán Thế Âm.
Sen vàng trên điện Di Đà Phật;
Trúc tía trong rừng Quán Thế Âm.

色 景 輝 煌 求 德 佛
靈 臺 燦 爛 念 釋 迦
Sắc cảnh huy hoàng cầu đức Phật;
Linh đài xán lạn niệm Thích Ca.
Cảnh sắc huy hoàng cầu đức Phật;
Chùa thiêng xán lạn niệm Thích Ca.

百 拜 宮 靈 三 世 佛
一 心 朝 奉 九 重 仙
Bách bái cung linh Tam Thế Phật;
Nhất tâm triều phụng Cửu Trùng Tiên.
Trăm lạy cung thiêng Tam Thế Phật;
Một lòng thờ phụng Cửu Trùng Tiên.

風 景 有 情 色 色 映 中 天 日 月
乾 坤 不 老 永 永 存 世 上 精 靈
Phong cảnh hữu tình sắc sắc ánh trung thiên nhật nguyệt;
Càn khôn bất lão vĩnh vĩnh tồn thế thượng tinh linh.
Phong cảnh có tình, sắc sắc rạng giữa trời nhật nguyệt;
Càn khôn chẳng lão, mãi mãi còn cõi thế anh linh.

靈 山 萬 古 名 庵 入 凡 出 聖
光 景 日 時 新 色 近 悅 遠 來
Linh sơn vạn cổ danh am nhập phàm xuất thánh;
Quang cảnh nhật thời tân sắc cận duyệt viễn lai.
Linh sơn muôn thuở danh am, vào phàm ra thánh;
Quang cảnh ngày giờ sắc mới, gần chuộng xa ưa.

善 惡 分 明 天 有 眼
吉 凶 報 應 佛 何 心
Thiện ác phân minh thiên hữu nhãn;
Cát hung báo ứng Phật hà tâm.
Thiện ác phân minh, trời có mắt;
Cát hung báo ứng, Phật đâu lòng.

天 應 地 靈 龍 橋 寺
神 扶 佛 度 錦 隊 村
Thiên ứng địa linh Long Kiều tự;
Thần phù phật độ Cẩm Đội thôn.
Chùa Long Kiều trời ứng đất linh;
Thôn Cẩm Đội thần phù phật độ.

日 昭 光 明 金 殿 閣
月 臨 梵 宅 玉 樓 臺
Nhật chiêu quang minh kim điện các;
Nguyệt lâm phạn trạch ngọc lâu đài.
Trời chiếu sáng ngời điện gác vàng;
Trăng soi thiền viện lâu đài ngọc.

梵 宇 擎 天 標 屹 柱
林 圓 特 地 起 層 樓
Phạn vũ kình thiên tiêu ngật trụ;
Lâm viên đặc địa khởi tầng lâu.
Mái phạn chống trời cao ngất cột;
Lâm viên đất tốt dựng tầng lầu.

寸 燭 九 霄 懸 日 月
單 刀 萬 古 壯 山 河
Thốn chúc cửu tiêu huyền nhật ngyệt;
Đan đao vạn cổ tráng sơn hà.
Tấc đuốc chín tầng cùng nhật nguyệt;
Thánh đao muôn thuở mạnh sơn hà.

優 缽 花 開 功 德 住
伍 月 果 結 夏 天 成
Ưu bát hoa khai công đức trú;
Ngũ nguyệt quả kết hạ thiên thành.
Sen xanh hoa nở chứa công đức;
Tháng năm kết quả mùa hạ thành.

日 月 恩 光 炤
江 山 喜 氣 臨
Nhật nguyệt ân quang chiếu;
Giang sơn hỷ khí lâm.
Ngày tháng ân chiếu sáng;
Non sông mừng khí lành.

大 慈 大 悲 救 一 劫 苦 海 眾 生 阿 彌 陀 佛
修 福 修 慧 造 無 量 極 樂 世 界 歡 喜 如 來
Đại từ đại bi, cứu nhất kiếp khổ hải chúng sinh, A Di Đà Phật;
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới, hoan hỷ Như Lai.
Đại từ đại bi, cứu một kiếp chúng sinh bể khổ, A Di Đà Phật;
Tu phúc tu tuệ, tạo vô số thế giới cực lạc, hoan hỷ Như Lai.

大 慈 大 悲 救 一 劫 苦 海 眾 生
修 福 修 慧 造 無 量 極 樂 世 界
Đại từ đại bi, cứu nhất kiếp khổ hải chúng sinh;
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới.
Đại từ đại bi, cứu một kiếp khổ hải chúng sinh;
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới.

福 壽 永 綏 茲 景 福
農 桑 不 改 古 遺 風
Phúc thọ vĩnh tuy tư cảnh phúc;
Nông tang bất cải cổ di phong.
Cảnh phúc nay giàu thọ vẫn còn;
Phong tục cũ nông tang không đổi.

安 坐 眞 言 求 大 覺
誠 心 奉 請 現 如 來
An toạ chân ngôn cầu đại giác;
Thành tâm phụng thỉnh hiện như lai.
Tin tưởng chân ngôn, cầu đại giác;
Thành tâm cầu khẩn, hiện như lai.

挈 指 拈 花 誠 格 瑤 穹 三 界 府
信 心 念 佛 名 標 淨 域 九 蓮 臺
Khiết chỉ niêm hoa thành cách dao khung tam giới phủ;
Tín tâm niệm phật danh tiêu tịnh vực cửu liên đài.
Ngón tay giơ hoa, thực biến vùng trời ba giới phủ;
Tín tâm niệm phật, danh nêu tịnh vực chín đài sen.

平 等 皈 依 登 覺 岸
自 由 信 仰 入 玄 門
Bình đẳng quy y đăng giác ngạn;
Tự do tín ngưỡng nhập huyền môn.
Bình đẳng quy y, đến bến giác;
Tự do tín ngưỡng, vào cửa huyền.

誦 佛 慈 悲 修 積 善
聖 賢 廣 大 福 後 來
Tụng Phật từ bi tu tích thiện;
Thánh hiền quảng đại phúc hậu lai.
Tụng Phật từ bi, nên tích thiện;
Thánh hiền quảng đại, phúc về sau.

福 錫 無 疆 極 衍 皇 疇 五 福
陽 春 有 腳 會 開 泰 宇 三 陽
Phúc tích vô cương, cực diễn hoàng trù ngũ phúc;
Dương xuân hữu cước, hội khai thái vũ tam dương.
Ban phúc khôn cùng, tràn ngập cõi bờ ngũ phúc;
Dương xuân có bước, mở ra thái vũ tam dương.

一 花 現 瑞 週 沙 界
五 葉 流 芳 遍 大 天
Nhất hoa hiện thụy chu sa giới;
Ngũ diệp lưu phương biến đại thiên.
Một hoa lành hiện quanh sa giới;
Năm cánh lưu phương khắp đại thiên.

創 立 勝 景 禪 庵 史 記 千 秋 光 日 月
造 成 蓮 花 石 座 留 傳 萬 古 對 江 山
Sáng lập thắng cảnh thiền am sử ký thiên thu quang nhật nguyệt;
Tạo thành liên hoa thạch toạ lưu truyền vạn cổ đối giang sơn.
Sáng lập cảnh đẹp chùa am, sử chép nghìn thu ngời nhật nguyệt;
Tạo nên toà sen bệ đá, người truyền muôn thuở với non sông.

培 像 貽 形 留 後 世
造 禪 再 立 繼 前 人
Bồi tượng di hình lưu hậu thế;
Tạo thiền tái lập kế tiền nhân.
Đắp tượng vẽ hình, lưu hậu thế;
Tạo thiền tái lập, nối tiền nhân.

天 應 地 靈 壯 嚴 寺
神 扶 佛 度 三 江 村
Thiên ứng địa linh Trang Nghiêm tự;
Thần phù Phật độ Tam Giang thôn.
Chùa Trang Nghiêm, thiên ứng đất linh;
Thôn Tam Giang, thần phù Phật độ.

慈 悲 不 瞬 諸 天 眼
清 淨 無 塵 寸 地 心
Từ bi bất thuấn chư thiên nhãn;
Thanh tịnh vô trần thốn địa tâm.
Từ bi chẳng sót, trời nhiều mắt;
Thanh tịnh không nhơ, đất tấc lòng.

九 陛 夢 中 祥 應 馬
千 秋 靈 跡 地 呈 龜
Cửu bệ mộng trung tường ứng mã;
Thiên thu linh tích địa trình quy.
Chín bệ ngựa ứng, điềm trong mộng;
Ngàn thu rùa hiện, đất dấu thiêng.

雲 寺 英 靈 十 方 仰 望 求 必 應
禪 門 廣 大 諸 佛 扶 持 得 壽 康
Vân tự anh linh, thập phương ngưỡng vọng cầu tất ứng;
Thiền môn quảng đại, chư Phật phù trì đắc thọ khang.
Chùa Vân linh thiêng, mười phương ngưỡng vọng cầu ắt ứng;
Cửa Thiền rộng lớn, chư Phật phù trì được thọ khang.

西 竺 有 經 傳 佛 道
南 天 生 聖 度 民 間
Tây Trúc hữu kinh truyền Phật đạo;
Nam thiên sinh thánh độ dân gian.
Tây Trúc có kinh truyền đạo Phật;
Trời Nam sinh thánh độ nhân gian.

古 寺 最 清 奇 前 溪 後 井
新 庵 增 爽 塏 坐 乙 向 辛
Cổ tự tối thanh kỳ tiền khê hậu tỉnh;
Tân am tăng sảng khải toạ ất hướng tân.

Chùa cổ rất thanh kỳ, trước khe sau giếng;
Am mới thêm sáng sủa, ngồi ất hướng tân.

古跡地靈祥雲應
今來靜放顯寺靈
Cổ tích địa linh tường vân ứng;
Kim lai tĩnh phóng hiển tự linh.
Dấu cổ đất thiêng, mây lành ứng;
Đến nay hiển hiện, rõ chùa thiêng.

福祖如山千萬古
慧眼流來日月香
Phúc tổ như sơn thiên vạn cổ;
Tuệ nhãn lưu lai nhật nguyệt hương.
Phúc tổ như non, ngàn vạn thuở;
Mắt tuệ lan truyền, nhật nguyệt hương.

慶元寺長存不盡
聖人地留仰萬年
Khánh Nguyên tự trườngtồn bất tận;
Thánh nhân địa lưu ngưỡng vạn niên.
Chùa Khánh Nguyên, trường tồn vô tận;
Đất Thánh Nhân, chiêm ngưỡng vạn năm.

三尊儼若西方聖
七寶巍然北地神
Tam tôn nghiễm nhược Tây phương thánh;
Thất bảo nguy nhiên Bắc địa thần.
Tam tôn trang trọng, Tây phương thánh;
Thất bảo nguy nga, Bắc địa thần.

空門舉足權開事相良方
有根皈投理入圓融覺地
Không môn cử túc quyền khai sự tướng lương phương;
Hữu căn quy đầu lý nhập viên dung giác địa.
Cửa không cất bước tạm coi, sự tướng phương hay;
Sẵn có quy căn vào chốn, phong quang đất giác.

天聖盡度諸眾生
德佛慈悲能救苦

Thiên thánh tận độ chư chúng sinh;
Đức Phật từ bi năng cứu khổ.
Thiên thánh độ hết mọi chúng sinh;
Đức phật từ bi hay cứu khổ.

國家有永山河固
天道無邊日月長
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố.
Thiên đạo vô biên nhật nguyệt trường;
Quốc gia bền mãi non sông vững,
Thiên đạo vô biên ngày tháng dài;

出入修行皆正路
往來方便不他枝
Xuất nhập tu hành giai chính lộ;
Văng lai phương tiện bất tha chi.
Ra vào tu đạo đều ngay thẳng;
Qua lại cửa thiền, chẳng đổi tên.

梵宇崇修普濟慈航超苦海
福田增廣永扶寶筏渡迷川
Phạn vũ sùng tu, phổ tế từ hàng siêu khổ hải;
Phúc điền tăng quảng, vĩnh phù bảo phiệt độ mê xuyên.
Mái chùa sửa sang, tế độ thuyền từ qua bể khổ;
Ruộng phúc rộng mở, mãi đưa bè quý vượt sông mê.

心誠歸道中南北
佛德無邊量海河
Tâm thành quy đạo Trung Nam Bắc;
Phật đức vô biên lượng hải hà.
Thành tâm quy đạo Trung, Nam, Bắc.
Đức Phật mênh mông lượng hải hà;

菩提樹長千年蔭
優缽花開四序春
Bồ đề thụ trưởng thiên niên ấm;
Ưu bát hoa khai tứ tự xuân.
Bồ đề đại thụ nghìn năm bóng;
Ưu bát khai hoa bốn vụ xuân.

日 誦 金 經 祈 國 敬
時 宣 玉 偈 祝 民 安
Nhật tụng kim kinh kỳ quốc kính;
Thời tuyên ngọc kệ chúc dân an.
Ngày tụng kinh vàng, cầu nước mạnh;
Giờ tuyên kệ ngọc, chúc dân an.

萬 古 仰 洪 庥 聖 德 昭 如 日 月
億 年 降 祀 典 神 威 永 鎮 乾 坤
Vạn cổ ngưỡng hồng hưu thánh đức chiêu như nhật nguyệt;
Ức niên giáng tự điển uy vĩnh trấn càn khôn.
Muôn thuở cầu chở che, đức thánh sáng như nhật nguyệt;
Ức năm lo tế tự, uy thần vẫn trấn càn khôn.

水 楊 枝 洗 穢 消 災
願 修 行 成 人 得 道
Thuỷ dương chi tẩy uế tiêu tai;
Nguyện tu hành thành nhân đắc đạo.
Nước cành dương tẩy uế tiêu tai;
Nguyện tu hành thành người đắc đạo.

日 照 光 明 金 殿 閣
月 臨 梵 宅 玉 樓 臺
Nhật chiếu quang minh kim điện các;
Nguyệt lâm phạn trạch ngọc lâu đài.
Trời chiếu sáng soi điện gác vàng;
Trăng vào cửa Phật lâu đài ngọc.

瑞 雨 慈 濡 菩 提 樹 果 千 年 茂
慈 風 動 蕩 般 若 開 瑤 萬 世 春
Thụy vũ từ nhu, Bồ Đề thụ quả thiên niên mậu;
Từ phong động đãng, Bát Nhã khai dao vạn thế xuân.
Mưa lành thấm đượm, Bồ Đề cây trái ngàn năm tốt;
Gió từ phơ phất, Bát Nhã hoa ngọc vạn đời xuân.

貼 合 方 民 承 介 福
安 寧 境 土 賴 陰 功
Thiếp hợp phương dân thừa giới phúc;
An ninh cảnh thổ lại âm công.

Thấm khắp chúng dân, nhờ phúc lớn;
An ninh bờ cõi, cậy âm công.

慧日天晶萬種雲花呈般若
法雲地湧兩行寶樹引菩提
Tuệ nhật thiên tinh, vạn chủng vân hoa trình Bát Nhã;
Pháp vân địa dũng, lưỡng hàng bảo thụ dẫn Bồ Đề.
Trời tuệ sáng soi, muôn dặm mây hoa trình Bát Nhã;
Mây pháp nước phun, hai hàng cây quý tới Bồ Đề.

錦繡乾坤歸法界
光華日月照慈航
Cẩm tú càn khôn quy pháp giới;
Quạng hoa nhật nguyệt chiếu từ hàng.
Gấm vóc càn khôn, quy pháp giới;
Sáng tươi nhật nguyệt, chiếu thuyền từ.

景佛前扶善罰惡
心信誠祈保平安
Cảnh phật tiền phù thiện phạt ác;
Tâm tín thành kỳ bảo bình an.
Trước cảnh phật, phù thiện phạt ác;
Thực thành tâm, cầu giúp bình yên.

誦佛慈悲修積善
聖賢廣大福後來
Tụng phật từ bi, tu tích thiện;
Thánh hiền quảng đại, phúc hậu lai.
Tụng phật từ bi nên tích thiện;
Thánh hiền quảng đại phúc về sau.

殿上巍峨來妙相
案前祈禱裁眞經
Điện thượng nguy nga lai diệu tướng;
Án tiền kỳ đảo biểu chân kinh.
Trên điện nguy nga, hiện diệu tướng;
Trước bàn cầu đảo, biểu chân kinh.

佛慈廣大遊世界
聖德寶紅護民間

Phật từ quảng đại du thế giới;
Thánh đức bảo hồng hộ dân gian.
Phật từ quảng đại khắp thế giới;
Thánh đức quý báu giúp dân gian.

玉質降皇宮噴水九龍齊沐浴
金身修雪嶺含花百鳥共朝參

Ngọc chất giáng hoàng cung, phún thủy Cửu long tề mộc dục;
Kim thân tu tuyết lĩnh, hàm hoa bách điểu cộng triều tham.
Chất ngọc xuống hoàng cung, mạch nước chín rồng đều tắm gội;
Mình vàng tu núi tuyết, ngậm hoa chim chóc thẩy về chầu.

法王堪忍界中慶喜多聞無礙辨
教主靈山會上隱光微笑一乘機

Pháp vương kham nhẫn giới trung, khánh hỷ đa văn vô ngại biện;
Giáo chủ Linh sơn hội thượng, ẩn quang vi tiếu nhất thừa cơ.
Pháp vương giữ trọn nhẫn giới, mừng được nghe nhiều không ngại tỏ;
Giáo chủ trên hội Linh sơn, nép mình cười mỉm lại nhân cơ.

代佛宣揚結集場中僧第貳
氣高星漢聰明德化合陰陽

Đại phật nghi dương kết tập trường trung tăng đệ nhị;
Khí cao tinh Hán thông minh đức hoá hợp âm dương.
Hội kết tập chúng tăng lần hai, thay Phật hoằng dương;
Đức thông minh hoá hợp âm dương, khí cao Ngân Hán.

蓮花化生身面見
萬劫逍瑤永不來

Liên hoa hoá sinh thân diện kiến;
Vạn kiếp tiêu dao vĩnh bất lai.
Thân chứng kiến hoa sen sinh hoá;
Mãi không còn vạn kiếp tiêu dao.

眾聖共推尊極樂淨光眞教主
諸佛同讚仰蓮花臺藏大慈尊

Chúng Thánh cộng suy tôn, Cực Lạc tịnh quang chân giáo chủ;
Chư Phật đồng tán ngưỡng, Liên Hoa đài tạng đại từ tôn.
Các Thánh thẩy suy tôn, Cực Lạc sáng trong chân giáo chủ;
Chư Phật đều tin tưởng, Liên Hoa hàm chứa đại từ bi.

菩薩同至皆出現
公主從來列御班
Bồ Tát đồng chí giai xuất hiện;
Công chúa tòng lai liệt ngự ban.
Bồ Tát đến đây đều xuất hiện;
Công chúa xưa nay liệt ngự ban.

解釋前生諸夙債
集群百姓保平安
Giải thích tiền sinh chư túc trái;
Tập quần bách tính bảo bình an.
Cởi bỏ mọi món nợ truyền kiếp;
Giữ gìn cho trăm họ bình an.

先賢玉樓同如福
後來具術聚禪門
Tiên hiền ngọc lâu đồng như phúc;
Hậu lai cụ thuật tụ thiền môn.
Tiên hiền lầu ngọc cùng chung phúc;
Hậu lai mọi cánh tụ cửa thiền.

禪門福慧留神祖
覺岸心座接來生
Thiền môn phúc tuệ lưu thần tổ;
Giác ngạn tâm tòa tiếp lai sinh.
Phúc cửa thiền, sáng lưu thần tổ;
Tâm bến giác, nối tiếp đời sau.

鐘動三圻天有益
雷行四遠地無疆
Chung động tam kỳ thiên hữu ích;
Lôi hành tứ viễn địa vô cương.
Chuông réo ba kỳ, trời có ích;
Sấm rền bốn cõi, đất không biên.

亞東神佛雙靈地
南國乾坤格水歐
Á đông thần phật song linh địa;
Nam quốc càn khôn cách thuỷ âu.

Thần Phật, Á đông hai đất quý;
Càn khôn, Nam quốc đến trời Âu.

功參廣大慈悲佛
德配乾坤正直神
Công tham quảng đại từ bi Phật;
Đức phối càn khôn chính trực thần.
Phật từ bi, công thêm quảng đại;
Thần ngay thẳng, đức sánh càn khôn.

由憐眾苦宣玄教
廣度群生顯法身
Do lân chúng khổ tuyên huyền giáo;
Quảng độ quần sinh hiển pháp thân.
Bởi thương chúng khổ, tuyên huyền giáo;
Cứu vớt sinh linh, hiển pháp thân.

色相輝煌三世佛
慈心濟度十方民
Sắc tướng huy hoàng tam thế phật;
Từ tâm tế độ thập phương dân.
Ba đời Phật, sắc tướng huy hoàng;
Mười phương dân, từ tâm tế độ.

身心非樹菩提非臺明鏡
恩德遍光覆慧遍日慈雲
Thân tâm phi thụ, Bồ đề, phi đài minh kính;
Ân đức biến quang, phú tuệ, biến nhật từ vân.
Thân tâm chẳng phải Bồ đề, chẳng phải đài gương sáng;
Ân đức làm sáng phúc tuệ, làm trời mây từ.

神光普照民寧靜
聖德乘恩物阜康
Thần quang phổ chiếu dân ninh tĩnh;
Thánh đức thừa ân vật phụ khang.
Thần quang chiếu khắp, dân yên tĩnh;
Thánh đức rủ ơn, vật thịnh cường.

優缽花開長茂盛
普度群生脫苦緣

Ưu bát hoa khai trường mậu thịnh;
Phổ độ quần sinh thoát khổ duyên.
Ưu bát nở hoa, tươi tốt mãi;
Phổ độ chúng sinh, khổ duyên qua.

一 眞 空 寂 超 之 界
千 億 化 身 渡 群 生
Nhất chân không tịch siêu chi giới;
Thiên ức hoá thân độ quần sinh.
Một lòng tu đạo siêu tịnh giới;
Ngàn lượt hoá thân độ chúng sinh.

世 界 三 千 光 佛 日
蓮 座 寶 殿 渡 眾 生
Thế giới tam thiên quang Phật nhật;
Liên toà bảo điện độ chúng sinh.
Ba ngàn thế giới, sáng trời phật;
Bảo điện toà sen, độ chúng sinh.

日 月 千 秋 同 山 水
佛 神 萬 古 救 群 生
Nhật nguyệt thiên thu đồng sơn thuỷ;
Phật thần vạn cổ cứu quần sinh.
Nhật nguyệt cùng sông núi ngàn năm;
Thần phật cứu chúng sinh muôn thuở.

佛 法 重 光 三 寶 地
祖 燈 遠 照 十 方 天
Phật pháp trùng quang tam bảo địa;
Tổ đăng viễn chiếu thập phương thiên.
Phật pháp lại ngời đất tam bảo;
Tổ đăng xa chiếu trời thập phương.

佛 即 心 心 即 佛
空 是 色 色 是 空
Phật tức tâm, tâm tức phật;
Không thị sắc, sắc thị không.
Phật tức tâm, tâm tức phật;
Không là có, có là không.

福地高鄉正好回頭能覺者
陀天臨處惟高著眼可霑之

Phúc địa Cao hương chính hảo hồi đầu năng giác giả;
Đà thiên Lâm xứ duy cao trứ nhãn khả triêm chi.

Đất phúc làng Cao, nếu biết quay đầu mới có giác;
Trời đà xứ Lâm, lên cao tỏ mắt khá hay ơn.

念佛一聲消萬罪
誦經之變得因緣

Niệm phật nhất thanh tiêu vạn tội;
Tụng kinh chi biến đắc nhân duyên.

Niệm Phật một lời, tiêu vạn tội;
Tụng kinh thay đổi, được nhân duyên.

禪門不禁無緣客
佛道能容有善人

Thiền môn bất cấm vô duyên khách;
Phật đạo năng dung hữu thiện nhân.

Khách vô duyên cửa Thiền chẳng cấm;
Người thiện tâm đạo Phật càng dung.

感心通陽助風和雨順
求心應陰扶國盛民康

Cảm tâm thông dương trợ phong hoà vũ thuận;
Cầu tâm ứng âm phù quốc thịnh dân khang.

Cảm ắt thông, dương giúp gió hoà mưa thuận;
Cầu tất ứng, âm phù quốc thịnh dân khang.

國界重尊決只爲江山明面日
凡人能忍渡無乎祭祀格神明

Quốc giới trọng tôn quyết chỉ vi giang sơn minh diện nhật;
Phàm nhân năng nhẫn độ vô hồ tế tự cách thần minh.

Quốc giới quý tôn trọng, chỉ vì ngày non sông rạng mặt;
Phàm nhân hay nhẫn nại, đâu gì hơn lo lễ tự thần minh.

特立不驚風雨伯
敬天無畏電雷神

Đặc lập bất kinh phong vũ bá;
Kính thiên vô uý điện lôi thần.

Đứng vững, không kinh thần mưa gió;
Kính trời, chẳng sợ sấm chớp ran.

西竺有經眞見佛
雄山何景敬尊師
Tây Trúc hữu kinh chân kiến phật.
Hùng sơn hà cảnh kính tôn sư;
Tây Trúc có kinh đúng thấy phật.
Hùng sơn đâu cảnh kính tôn sư;

慈悲廣大天人合
盛正虔誠福果圓
Từ bi quảng đại thiên nhân hợp;
Thịnh chính kiền thành phúc quả viên.
Từ bi quảng đại, trời người hợp;
Thịnh chính kính thành, quả phúc tròn.

雪月風雲留本地
聲名大物粹斯民
Tuyết nguyệt phong vân lưu bản địa;
Thanh danh đại vật tuý tư dân.
Đất lưu lại tuyết trăng mây gió;
Dân họp nơi cảnh vật nổi danh.

住足不行孰誇書劍無歸處
得門而入誰式神仙在眼前
Trú túc bất hành, thục khoa thư kiếm vô quy xứ;
Đắc môn nhi nhập, thuỳ thức thần tiên tại nhãn tiền.
Dừng bước không đi, ai bảo sách gươm không chốn dụng;
Được cửa mà vào, nào biết thần tiên trước mắt mình.

中立安排亭左右
高標爭對樹東西
Trung lập an bài đình tả hữu;
Cao tiêu tranh đối thụ đông tây.
Trung lập bày hàng đình tả hữu;
Nêu cao cây mọc khắp đông tây.

癸酉完成由地利
壬申再造自天機

Quý Dậu hoàn thành do địa lợi;
Nhâm Thân tái tạo tự thiên cơ.
Quý Dậu xây xong nhờ địa lợi;
Nhâm Thân dựng lại bởi cơ trời.

禮樂威儀敬如神在
謳歌鼓舞樂在人和
Lễ nhạc uy nghi kính như thần tại;
Âu ca cổ vũ lạc tại nhân hoà.
Lễ nhạc uy nghi, kính như thần tại;
Hát ca cổ vũ, vui ở nhân hoà

朔望香燈上祝九重躬萬壽
歲時誦念下祈百姓度三多
Sóc vọng hương đăng, thượng chúc cửu trùng cung vạn thọ;
Tuế thời tụng niệm, hạ kỳ bách tính độ tam đa.
Sóc vọng đèn hương, trên chúc cửu trùng cung vạn thọ;
Quanh năm tụng niệm, dưới cầu trăm họ được tam đa.

爐中纔熱五分香瑞氣氤氳騰宇宙
案上弘宣三藏教法音演解利人天
Lô trung tài nhiệt ngũ phần hương, thụy khí nhân uân đằng vũ trụ;
Án thượng hoằng tuyên tam tạng giáo, pháp âm diễn giải lợi nhân thiên.
Trong lò mới nóng năm phần hương, khí lành nghi ngút khắp vũ trụ;
Trên án hoằng dương tam tạng giáo, lời pháp nói ra lợi trời người.

信仰自由憑三寶
民安國泰仗僧伽
Tín ngưỡng tự do bằng tam bảo;
Dân an quốc thái trượng tăng già.
Tín ngưỡng tự do nhờ tam bảo;
Dân an quốc thái cậy tăng già.

菩提永結千年果
淨土長開般若花
Bồ đề vĩnh kết thiên niên quả;
Tịnh thổ trường khai bát nhã hoa.
Bồ đề kết mãi ngàn năm quả;
Tịnh thổ nở lâu bát nhã hoa.

南廟好收生旺水
方民普扇泰年風
Nam miếu hảo thu sinh vượng thuỷ;
Phương dân phổ phiến thái niên phong.
Miếu nam khéo thu nước sinh vượng;
Nhân dân quạt phẩy gió thái hoà.

佛跡西傳千古寺
道心善念福河沙
Phật tích tây truyền thiên cổ tự;
Đạo tâm thiện niệm phúc hà sa.
Chùa ngàn năm, dấu phật tây truyền;
Phúc vô lượng, đạo tâm khéo niệm.

日月照臨輝玉闕
海河清宴典金甌
Nhật nguyệt chiếu lâm huy ngọc khuyết;
Hải hà thanh yến điển kim âu.
Nhật nguyệt sáng soi, ngời ngọc khuyết;
Hải hà trong lặng, đẹp âu vàng.

富彊近邑歐潮浪
農圃相沿越俗傳
Phú cường cận ấp Âu trào lãng;
Nông phố tương duyên Việt tục truyền.
Sóng triều Âu, mạnh giàu đã sẵn;
Phong tục Việt, vườn ruộng vẫn quen.

天增歲月人增壽
春滿乾坤福滿堂
Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ.
Xuân mãn càn khôn phúc mãn đường;
Trời tăng năm tháng người tăng thọ.
Xuân đầy trời đất phúc đầy nhà;

一黏之誠百事之吉
三界可通四府可同
Nhất niêm chi thành bách sự chi cát;
Tam giới khả thông tứ phủ khả đồng.

Một tấm lòng thành trăm việc đều tốt;
Ba giới được thông bốn phủ được đồng.

寶鼎靈通香結彩
銀臺昭感燭生花
Bảo đỉnh linh thông hương kết thái;
Ngân đài chiêu cảm chúc sinh hoa.
Đỉnh báu linh thông, hương kết sắc;
Đài ngân thiêng cảm, nến sinh hoa.

祖印重光如慧日
香爐續焰靄祥雲
Tổ ấn trùng quang như tuệ nhật;
Hương lô tục diệm ái tường vân.
Dấu tổ trùng quang, theo ngày sáng;
Lò hương tiếp đượm, báo mây lành.

仰望祠前萬里祥雲呈聖瑞
與和舍共九天甘露洒人家
Ngưỡng vọng từ tiền vạn lý tường vân trình thánh thuỵ;
Dữ Hoà xá cộng cửu thiên cam lộ sái nhân gia.
Ngưỡng vọng đền ngoài, vạn dặm mây lành trình thánh thuỵ;
Cùng chung Hoà xá, chín trùng móc ngọt tưới nhân gia.

視弗見聽弗聞陰扶旺相
感必通求必應民賴安康
Thị phất kiến, thính phất văn, âm phù vượng tướng;
Cảm tất thông, cầu tất ứng, dân lại an khang.
Nhìn chẳng thấy, nghe chẳng cùng, âm phù thịnh vượng;
Cảm tất thông,cầu tất ứng, dân cậy an khang.

入門思念彌佗佛
到景須祥本寺僧
Nhập môn tư niệm Di Đà Phật;
Đáo cảnh tu tường bản tự tăng.
Vào chùa cầu niệm Di Đà Phật;
Đến cảnh nên tường bản tự tăng.

逢迎遠近道遙過
進退連還運道通

Phùng nghênh viễn cận tiêu dao quá;
Tiến thoái liên hoàn vận đạo thông.
Chào mừng dạo cảnh, gần xa đến;
Tiến thoái đường đi, tiếp tục thông.

功惟廣業惟崇國家恩普
兄能師弟能長正教名芳
Công duy quảng, nghiệp duy sùng, quốc gia ân phổ;
Huynh năng sư, đệ năng trưởng, chính giáo danh phương.
Công lao rộng, sự nghiệp cao, nước nhà ân thưởng;
Anh nên thầy, em nên trưởng, giáo dục thơm danh.

佛道弘開萬類群生霑利樂
金臺屹立七重行樹烈芬芳
Phật đạo hoằng khai, vạn loại quần sinh chiêm lợi lạc;
Kim đài ngật lập, thất trùng hàng thụ liệt phân phương.
Phật đạo mở mang, muôn loại quần sinh nhuần lợi lạc;
Kim đài vòi vọi, bảy trùng cây mọc toả hương thơm.

道脈長流玉偈曠傳燈奕葉
禪宗永遠金經應念道興隆
Đạo mạch trường lưu, ngọc kệ khoáng truyền đăng dịch diệp;
Thiền tông vĩnh viễn, kim kinh ưng niệm đạo hưng long.
Mạch đạo trường lưu, ngọc kệ rộng truyền đèn đổi thế;
Tông thiền vĩnh viễn, kim kinh cần niệm đạo hưng long.

東海移居群樂業
乾山對景睦淳風
Đông hải di cư quần lạc nghiệp;
Càn sơn đối cảnh mục thuần phong.
Đông hải di cư, cùng lạc nghiệp;
Càn sơn đối cảnh, đón thuần phong.

福田大結因緣果
舍宇明開智慧花
Phúc điền đại kết nhân duyên quả;
Xá vũ minh khai trí tuệ hoa.
Quả nhân duyên, kết nhờ ruộng phúc;
Hoa trí tuệ, nở bởi nhà hiền.

寶劍奮雄威瓢水九回頑鱷靜
神壇鐘秀氣象山一帶旺龍來
Bảo kiếm phấn hùng uy, Biều thuỷ cửu hồi ngoan ngạc tĩnh;
Thần đàn chung tú khí, Tượng sơn nhất đới vượng long lai.
Kiếm báu dấy uy hùng, Biều thuỷ chín vòng thu sấu dữ;
Đàn thần buông khí tốt, Tượng sơn một giải nạp rồng thiêng.

繼祖傳宗光有永
聯燈續焰映無邊
Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;
Liên đăng tục diệm ánh vô biên.
Kế tổ truyền tông, nền sáng mãi;
Liên đèn tiếp đượm, nếp vô biên.

佛德弘宣憑眾慧
祖功繼接要當人
Phật đức hoằng tuyên bằng chúng tuệ;
Tổ công kế tiếp yếu đương nhân.
Phật đức mở mang, nhờ quần chúng;
Tổ đức thừa kế, dựa người nay.

景是神仙心是佛
金爲世界玉爲臺
Cảnh thị thần tiên tâm thị phật;
Kim vi thế giới ngọc vi đài.
Cảnh ấy thần tiên, tâm ấy phật;
Vàng đây thế giới, ngọc đây đài.

天啓慶隆色相金身常德佛
地儲福址金蓮玉陛自逍遙
Thiên khải khánh long, sắc tướng kim thân thường đức phật;
Địa trừ phúc chỉ, kim liên ngọc bệ tự tiêu dao.
Trời mở vui dồn, sắc tướng kim thân theo đức phật;
Đất cho phúc đến, sen vàng bệ ngọc tự tiêu dao.

禱必靈求必應
赫厥威濯厥靈
Đảo tất linh cầu tất ứng;
Hách quyết uy trạc quyết linh.

Cầu tất linh, xin tất ứng;
Tỏ uy danh, hiển linh thiêng.

德祖光榮香萬古
祠門顯赫壯千秋
Đức tổ quang vinh hương vạn cổ;
Từ môn hiển hách tráng thiên thu.
Đức tổ quang vinh, thơm vạn thuở;
Đền thờ hiển hách, rạng ngàn thu.

寶珠金海通三界
瑞氣祥雲滿九天
Bảo châu kim hải thông tam giới;
Thụy khí tường vân mãn cửu thiên.
Châu báu biển vàng, thông ba giới;
Khí tốt mây lành, khắp chín tầng.

啓澤江涵快睹祥雲慧日
鴻恩普洽群歌壽域春臺
Khải trạch giang hàm, khoái đổ tường vân tuệ nhật;
Hồng ân phổ hiệp, quần ca thọ vực xuân đài.
Đầm mở sông hoà, vui ngắm mây lành trời sáng;
Ơn dầy rộng hợp, cùng ca đất tốt đài xuân.

五福演皇疇會其有極
百祿庚天寶以莫不增
Ngũ phúc diễn hoàng trù hội kỳ hữu cực;
Bách lộc canh thiên bảo, dĩ mạc bất tăng.
Năm phúc đến lớn lao, hội may có lúc;
Trăm lộc đổi của trời, lấy để không tăng.

凜烈威靈作四方主宰
包涵德大挺二氣良能
Lẫm liệt uy linh, tác tứ phương chủ tể;
Bao hàm đức đại, đĩnh nhị khí lương năng.
Lẫm liệt uy linh, nhận bốn phương chủ tể;
Bao hàm đức lớn, gánh hai khí lương năng.

神通法運仙中佛
聖德尊爲帝者師

Thần thông pháp vân tiên trung phật;
Thánh đức tôn vi đế giả sư.
Phật trong tiên, thần thông vận phép;
Thầy ấy vua, tôn bậc thánh hiền.

祝聖壽讚皇圖同日月光輝萬古
祀民安祈物阜並山河壯固千秋
Chúc thánh thọ, tán hoàng đồ, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;
Tự dân an, kỳ vật phụ, tịnh sơn hà tráng cố thiên thu.
Chúc thánh thọ, ngợi sơn hà, cùng nhật nguyệt huy hoàng vạn cổ;
Mong dân an, cầu vật mạnh, với non sông vững mạnh ngàn thu.

花開淨界香成雨
金布祈園福滿田
Hoa khai Tịnh giới hương thành vũ;
Kim bố Kỳ viên phúc mãn điền.
Mưa thơm hoa nở, nơi Tịnh giới;
Ruộng phúc vàng đầy, chốn Kỳ viên.

六智運神通普濟群生百億
三乘開聖教包含世界三千
Lục trí vận thần thông, phổ tế quần sinh bách ức;
Tam thừa khai thánh giáo, bao hàm thế giới tam thiên.
Trăm vạn quần sinh, nhờ Lục trí thần thông phổ độ;
Ba nghìn thế giới, được Tam thừa thánh giáo bao hàm.

梵宇巍峨萬丈毫光懸日月
禪門燦爛千秋香火對乾坤
Phạn vũ nguy nga, vạn trượng hào quang huyền nhật nguyệt;
Thiền môn xán lạn, thiên thu hương hoả đối càn khôn.
Điện Phật nguy nga, vạn trượng hào quang ngang nhật **nguyệt;**
Cửa Thiền xán lạn, ngàn thu hương lửa sánh càn khôn.

靜讀金經明妙理
閒觀花草悟眞空
Tĩnh độc kim kinh minh diệu lý;
Nhàn quan hoa thảo ngộ chân không.
Lặng đọc kinh vàng, minh diệu lý;
Nhàn xem hoa lá, ngộ chân không.

慶 壽 輝 煌 光 慧 日
靈 通 普 照 映 無 邊
Khánh thọ huy hoàng quang tuệ nhật;
Linh thông phổ chiếu ánh vô biên.
Chúc thọ huy hoàng, bừng trời đất;
Thiêng liêng toả khắp, ánh vô biên.

近 悅 遠 來 皈 佛 化
救 民 渡 世 仰 洪 恩
Cận duyệt viễn lai quy Phật hoá;
Cứu dân độ thế ngưỡng hồng ân.
Gần quý xa về, theo Phật đạo;
Cứu dân độ thế, chịu ơn dầy.

望 吉 地 菩 提 陰 覆 三 千 世 界
海 洲 成 寶 所 涵 容 百 萬 人 天
Vọng cát địa Bồ đề, âm phú tam thiên thế giới;
Hải châu thành Bảo sở, hàm dung bách vạn nhân thiên.
Vọng đất tốt Bồ đề, chở che ba nghìn thế giới;
Bãi biển thành Bảo sở, bao dung trăm vạn người đời.

普 照 名 藍 原 自 古
文 和 勝 景 日 重 新
Phổ Chiếu danh lam nguyên tự cổ;
Văn Hoà thắng cảnh nhật trùng tân.
Vốn cổ danh lam, làng Phổ Chiếu;
Sửa sang thắng cảnh, xã Văn Hoà.

臨 濟 播 心 宗 燈 聯 普 照
東 溪 流 乳 海 派 引 文 和
Lâm Tế bá tâm, tông đăng liên Phổ Chiếu;
Đông Khê lưu nhũ, hải phái dẫn Văn Hoà.
Lâm Tế mở lòng, truyền thống liền Phổ Chiếu;
Đông Khê cho lộc, mạch biển dẫn Văn Hoà.

地 結 文 風 興 梵 宇
天 留 和 氣 壯 禪 關
Địa kết văn phong hưng phạn vũ;
Thiên lưu hoà khí tráng thiền quan.

Đất kết văn phong, hưng phật điện;
Trời cho hoà khí, dấy thiền quan.

啓後隆規萬世仰祖先之德
奉先思孝一心昭日月之光

Khải hậu long quy, vạn thế ngưỡng tổ tiên chi đức;
Phụng tiên tư hiếu, nhất tâm chiêu nhật nguyệt chi quang.

Mở hậu bày khuôn, vạn thế học tổ tiên đức độ;
Thờ trên vì hiếu, một lòng theo nhật nguyệt sáng soi.

海帖鯨波生氣慄然如有
民安府宅神功斂卻若無

Hải thiếp kình ba sinh khí lẫm nhiên như hữu;
Dân an phủ trạch thần công liễm khước nhược vô.

Biển động, sinh khí sóng kình lẫm nhiên như có;
Dân yên, thần công nha phủ bỗng tự là không.

法雨注南州翠竹黃花生思色
慈雲布東土長松細草沐洪恩

Pháp vũ chú Nam châu, Thúy trúc hoàng hoa sinh tư sắc;
Từ vân bố Đông Thổ trường tùng tế thảo mộc hồng ân.

Mưa phép tưới Nam châu, trúc biếc hoa vàng tươi sắc đẹp;
Mây lành che Đông Thổ, thông cao cỏ bé đượm ơn dầy.

泰筮義疇喚精祥於茶嶺
河圖奉詔顯靈蹟于龍文

Thái phệ hy trù, hoán tinh tường ư Trà Lĩnh;
Hà đồ phụng chiếu, hiển linh tích vu Long Văn.

Bói tốt quẻ lành, gọi tinh tường nơi Trà Lĩnh;
Trời ban phụng chiếu, tỏ linh tích ở Long Văn.

風光別占陽州景
名蹟猶留莫後碑

Phong quang biệt chiếm Dương Châu cảnh;
Danh tích do lưu Mạc hậu bi.

Dương Châu riêng có phong quang đẹp;
Mạc hậu còn truyền danh tích bia.

後先一也功於國
左右洋乎祀在鄉

Hậu tiên nhất dã, công ư quốc;
Tả hữu dương hồ, tự tại hương.
Trước sau dòng giõi công với nước;
Trái phải huy hoàng tế ở làng.

天 命 聖 生 兌 東 百 結 史 記
地 留 神 蹟 香 火 兆 年 春 長
Thiên mệnh thánh sinh, Đoài Đông bách kết sử ký;
Địa lưu thần tích, hương hoả triệu niên xuân trường.
Trời mệnh thánh sinh, Đoài Đông sử chép trăm việc;
Đất còn thần tích, hương lửa xuân dài triệu năm.

鬼 神 之 爲 德 視 弗 見 聽 弗 聞 承 祀 洋 洋 在 左 右
天 地 有 正 氣 上 爲 星 下 爲 嶽 於 人 一 一 垂 丹 青
Quỷ thần chi vi đức, thị phất kiến, thính phất văn, thừa tự dương dương tại tả hữu;
Thiên địa hữu chính khí, thượng vi tinh,hạ vi nhạc, ư nhân nhất nhất thuỳ đan thanh
Cái đức của quỷ thần, nhìn không thấy, nghe không thông,
hưởng lộc đầy hai phía trái phải;
Chính khí nơi trời đất, trên là sao, dưới là núi,
với người chỉ một lối vàng son.

五 百 年 應 昌 期 生 爲 名 將 死 爲 靈 神 事 業
文 章 至 今 爲 烈
十 二 月 承 新 歷 香 花 燭 酒 禱 祈 衣 冠
禮 樂 自 古 傳 恭
Ngũ bách niên ứng xương kỳ, sinh vi danh tướng tử vi linh thần, sự nghiệp văn chương chí kim vi liệt;
Thập nhị nguyệt thừa tân lịch, hương hoa chúc tửu đảo kỳ, y quan lễ nhạc tự cổ truyền cung.
Năm trăm năm đúng thịnh kỳ, sinh là danh tướng, chết là linh thần,
sự nghiệp văn chương đến nay vẫn nổi;
Mười hai tháng theo lịch mới, hương hoa nến rượu cầu cúng, áo khăn, lễ nhạc tự cổ kính truyền.

祖 德 高 明 思 覆 蔭
孫 承 奉 事 壽 人 和
Tổ đức cao minh tư phú ấm;
Tôn thừa phụng sự thọ nhân hoà.

Phúc ấm nhớ về, đức tổ sáng;
Nhân hoà thờ mãi, việc cháu con.

巍 蕩 神 功 塗 山 並 峙
汪 洋 聖 澤 瓠 水 長 流
Nguy đãng thần công, Đồ Sơn tịnh trĩ;
Uông dương thánh trạch, Biều Thủy trường lưu.
Cao rộng thần công, Đồ Sơn sừng sững;
Mênh mông thánh trạch, Biều Thuỷ dài xuôi.

此 地 此 人 民 仰 荷 神 功 安 厥 宅
在 上 在 左 右 顯 揚 聖 德 迓 鴻 麻
Thử địa thử nhân dân, ngưỡng hà thần công an nhạn trạch;
Tại thượng tại tả hữu, hiển dương thánh đức nhạ hồng hưu.
Đất này, nhân dân này, ơn đức thần cho yên nhà cửa;
Trên ấy, trái phải ấy, được nhờ thánh giúp hưởng an khang.

聖 德 無 私 洋 洋 乎 如 在 其 上
神 功 丕 顯 熙 熙 然 涵 樂 春 臺
Thánh đức vô tư, dương dương hồ như tại kỳ thượng;
Thần công phi hiển, hy hy nhiên hàm lạc xuân đài.
Thánh đức vô tư, bao la khắp như ở trên vậy;
Thần công hiển hiện, vui vui sao tựa rải đài xuân.

古 有 光 衣 冠 傳 世 譜
齋 以 祭 忠 信 要 神 明
Cổ hữu quang, y quan truyền thế phả;
Trai dĩ tế, trung tín yếu thần minh.
Tổ được phong, áo khăn truyền thế phả;
Chay tịnh tế, lòng thành cốt thần soi.

東 阿 世 系 光 青 簡
湯 沐 香 留 溯 錦 堂
Đông A thế hệ quang thanh giản;
Thang mộc hương lưu tố cẩm đường.
Đông A sử chép đều các hệ;
Ơn thấm nhà thờ hãy còn thơm.

自 古 勳 名 傳 采 邑
於 今 世 系 出 東 阿

Tự cổ huân danh truyền thái ấp;
Ư kim thế hệ xuất Đông A.
Thái ấp công lao truyền tự cổ;
Đông A các hệ tiếng thơm nay.

俎豆常陳先祖精神不死
祖譜乃大子孫俊杰以生
Trở đậu thường trần, tiên tổ tinh thần bất tử;
Tổ phả nãi đại, tử tôn tuấn kiệt dĩ sinh.
Cỗ tế thường bầy, tiên tổ tinh thần không mất;
Phả họ thật lớn, cháu con hào kiệt dấy lên.

此地此民復腊歲時同敬愛
在宮在廟烹[鬻]精爽對神明
Thử địa, thử dân, phục lạp tuế thời đồng kính ái;
Tại cung, tại miếu, huân cao tinh sảng đối thần minh.
Đất này, dân này, tết chạp hàng năm cùng kính ái;
Ở cung, ở miếu, lễ phẩm linh ứng với thần thiêng.

事有廢興今是昔
理存往 復舊維新
Sự hữu phế hưng kim thị tích;
Lý tồn vãng phục cựu duy tân.
Việc có cái bỏ đi, có cái mới làm, đời này cũng như đời trước;
Lẽ có cái đi rồi, có cái trở lại, nên cũ rồi lại mới.

歌聚於斯卜祝果成先祖志
烝常有所肇人從祀大夫家
Ca tụ ư tư bốc chúc quả thành tiên tổ chí;
Chưng thường hữu sở, triệu nhân tòng tự đại phu gia.
Ca hát ở đây, họp mặt ở đây, gây dựng được toại lòng tiên tổ;
Thu tế có nơi, đông tế có nơi, phụng thờ nay theo lối đại phu.

一宦白人頭朔塞雪霜經幾度
相逢青我眼香江書劍是何年
Nhất hoạn bạch nhân đầu, Sóc tái tuyết sương kinh kỷ độ;
Tương phùng thanh ngã nhãn, Hương giang thư kiếm thị hà niên.
Quan đến bạc đầu, ải Bắc tuyết sương từng mấy lượt;
Gặp thêm xanh mắt, sông Hương đèn sách nhớ năm nào.

湯 沐 名 鄉 傳 自 古
皐 元 遺 址 奠 千 秋
Thang mộc danh hương truyền tự cổ;
Phụ nguyên di chỉ điện thiên thu.
Tự cổ ơn truyền, làng nổi tiếng;
Ngàn thu đặt móng, dấu còn đây.

福 自 求 之 主 善 爲 師 登 彼 岸
微 而 顯 也 前 因 後 果 悟 于 今
Phúc tự cầu chi, chủ thiện vi sư đăng bỉ ngạn;
Vi nhi hiển dã, tiền nhân hậu quả ngộ vu kim.
Phúc phải đi tìm, chủ thiện là thầy lên cõi phật;
Nhỏ mà lại rõ, trước nhân sau quả hiểu đời nay.

佛 法 長 明 同 日 月 光 輝 萬 古
國 家 永 盛 並 山 河 壯 固 千 秋
Phật pháp trường minh, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;
Quốc gia vĩnh thịnh tịnh sơn hà tráng cố thiên thu.
Phép phật trường minh, cùng nhật nguyệt sáng soi vạn thuở;
Nước nhà vĩnh thịnh, theo non sông vững mạnh ngàn thu.

阿 彌 頓 息 三 途 苦
陀 佛 蠲 除 十 惡 緣
A Di đốn tức tam đồ khổ;
Đà Phật quyên trừ thập ác duyên.
A Di khiến tắt tam đồ khổ;
Đà Phật giải trừ thập ác duyên.

一 心 清 淨 本 無 雙 樂 利 永 垂 萬 古
三 教 莊 嚴 居 第 一 光 明 普 照 十 方
Nhất tâm thanh tịnh bản vô song, lạc lợi vĩnh thuỳ vạn cổ;
Tam giáo trang nghiêm cư đệ nhất, quang minh phổ chiếu thập phương.
Một lòng thanh tịnh vốn vô song, đức độ vĩnh thuỳ vạn thuở;
Ba giáo trang nghiêm hàng đệ nhất, quang minh chiếu khắp mười phương.

若 實 若 虛 竹 影 掃 階 塵 不 動
是 空 是 色 月 穿 海 底 水 無 垠
Nhược thực nhược hư, trúc ảnh tảo giai trần bất động;
Thị không thị sắc, nguyệt xuyên hải để thuỷ vô ngân.

Như thực như hư, bóng trúc quét thềm không động bụi;
Ấy không ấy sắc, trăng soi đáy biển chẳng rung rinh.

和風天啓留其跡
廟水聖田記典功
Hoà phong thiên khải lưu kỳ tích;
Miếu thuỷ thánh điền ký điển công.
Hoà phong trời mở còn lưu dấu;
Miếu thuỷ thánh ban nhớ điển công.

信仰在人心弘揚佛法
自由行正道利樂群生
Tín ngưỡng tại nhân tâm, hoằng dương Phật pháp;
Tự do hành chính đạo, lợi lạc quần sinh.
Tín ngưỡng tại nhân tâm, dương cao Phật pháp;
Tự do hành chính đạo, giúp ích nhân sinh.

暮扣鯨鐘四海波清登覺岸
陽鳴魚鐸五洲風靜悟心經
Mộ khấu kình chung, tứ hải ba thanh đăng giác ngạn;
Dương minh ngư đạc, ngũ châu phong tĩnh ngộ tâm kinh.
Chiều gõ chuông kình, bốn biển sóng yên lên bờ giác;
Sáng khua mõ cá, năm châu gió lặng tỉnh kinh tâm.

德澤度民儀母慈心頒永福
殿臺拜望冬終夏季記前功
Đức trạch độ dân, nghi mẫu từ tâm ban vĩnh phúc;
Điện đài bái vọng, đông chung hạ quý ký tiền công.
Đức trạch giúp dân, thánh mẫu lòng từ ban phúc lộc;
Điện đài vọng bái, đông qua hạ đến nhớ công lao.

寶炤覃恩聖德流芳鴻社邑
彰善彈惡慈門廣大救人間
Bảo chiếu đàm ân, thánh đức lưu phương hồng xã ấp;
Chương thiện đàn ác, từ môn quảng đại cứu nhân gian.
Chiếu báu ơn ban, thánh đức hương thơm đầy xã ấp;
Thiện tỏ ác trừ, cửa thiền rộng lớn cứu nhân gian.

千秋香火招日月
萬古廟堂授乾坤

Thiên thu hương hoả chiêu nhật nguyệt;
Vạn cổ miếu đường thụ càn khôn.
Ngàn thu hương khói vời nhật nguyệt;
Vạn thuở miếu đường đón đất trời.

望遠能知風浪小
凌空始覺海波平
Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu
Lăng không thủy giác hải ba bình
Nhìn xa sẽ thấy gió bão nhỏ
Vươn cao mới hiểu sóng biển bằng

讀能明達耕能富
成自謙虛敗自驕
Độc năng minh đạt, canh năng phú
Thành tự khiêm hủ, bại tự kiêu
Đọc hay sáng ý, cày hay có
Thành tự khiêm cung, bại tự kiêu

事能知足心常愜
人到無求品自高
Sự năng tri túc tâm thường thiệp
Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao
Việc hay biết đủ lòng thanh thản
Người đến không cầu phẩm tự cao

美酒飲于微醉后
好花看到半開時
Mỹ tửu ẩm vu vi tuý hậu
Hảo hoa khán đáo bán khai thời
Rượu ngon nên uống lúc ngà say
Hoa đẹp chờ xem khi chớm nở

偶然風雨惊花落
再上樓台待月明
Ngẫu nhiên phong vũ kinh hoa lạc
Tái thượng lâu đài đãi nguyệt minh
Ngẫu nhiên mưa gió e hoa rụng
Lên lại lầu cao đợi sáng trăng

莫對青山談世事
休將文字占時名
Mạc đối thanh sơn đàm thế sự
Hưu tương văn tự chiếm thời danh
Chớ bàn thế sự trước non xanh
Đừng chiếm thời danh bằng chữ nghĩa

皓月盈懷心不夜
春雲潤物雨含情
Hạo nguyệt doanh hoài tâm bất dạ
Xuân vân nhuận vật vũ hàm tình
Trăng sáng đầy lòng, tâm khó lặng
Mây xuân nhuần vật, đượm tình mưa

自將秋水洗望眼
長借燭光明學心
Tự tương thu thuỷ tẩy vọng nhãn
Trường tá chúc quang minh học tâm
Lấy nước mùa thu rửa mắt mờ
Nhờ cây đuốc sáng tỏ lòng học

取靜于山寄情于水
虛懷若竹清氣若蘭
Thủ tĩnh vu sơn, ký tình vu thuỷ
Hư hoài nhược trúc, thanh khí nhược lan
Giữ lặng ở núi, gửi tình ở nước
Lòng hư như trúc, thanh khí như lan

心澹水木秀
興幽魚鳥閑
Tâm đạm thuỷ mộc tú
Hứng u ngư điểu nhàn
Tâm an, nước cảy đẹp
Hứng nhã, chim cá nhàn

好山一窗足
佳景回時宜
Hảo sơn nhất song túc
Giai cảnh tứ thời nghi

Núi non ngoài song đủ
Cảnh đẹp bốn mùa vui

庭松不改青蔥色
盆菊仍霏清淨香
Đình tùng bất cải thanh thông sắc
Bồn cúc nhưng phi thanh tịnh hương
Tùng trước sân sắc xanh chẳng đổi
Cúc trong bồn hương thoảng vẫn còn

煙景滿前供妙墨
芳州隨處引清游
Yên cảnh mãn tiền cung diệu mặc
Phương châu tuỳ xứ dẫn thanh du
Trước mắt khói lam – cho mực vẽ
Khắp nơi hương tỏa – dẫn đường chơi

晝永花香醺自醉
雨收天色碧于藍
Trú vĩnh hoa hương huân tự tuý
Vũ thu thiên sắc bích vu lam
Ngày vẫn hương hoa ngào ngạt thơm
Mưa nhuộm mây trời xanh đậm sắc

相與明月清風際
只在高山流水間
Tương dữ minh nguyệt thanh phong tế
Chỉ tại cao sơn lưu thuỷ gian
Trăng trong gió mát luôn giao tiếp
Nước biếc non xanh vẫn dạo chơi

麗日和風春淡蕩
花香鳥語物昭蘇
Lệ nhật hoà phong xuân đạm đãng
Hoa hương điểu ngữ vật chiêu tô
Xuân tươi mát, gió lành ngày đẹp
Vật hồi sinh, chim hót hoa hương

庭小有竹春常在
山靜無人水自流

Đình tiểu hữu trúc xuân thường tại
Sơn tĩnh vô nhân thuỷ tự lưu
Sân con có trúc, xuân thường đến
Núi vắng không người, nước cứ trôi

碧村紅花相掩映
竹軒蘭砌共清虛
Bích thụ hồng hoa tương yểm ánh
Trúc hiên lan thế cộng thanh hư
Cây biếc, hoa hồng, chen vẻ sáng
Thềm lan, hiên trúc, góp thanh hư

正喜軒窗無俗韻
更當風物報新秋
Chính hỉ hiên song vô tục vận
Canh đương phong vật báo tân thu
Hiên song mừng thấy không thơ tục
Cảnh vật thay mầu báo thu sang

窗前綠樹分禪榻
城外青山到酒杯
Song tiền lục thụ phân thiền tháp
Thành ngoại thanh sơn đáo tửu bôi
Ngoài song cây biếc thăm giường phật
Non nước bên thành rọi chén cay

柳暗花明好鳥枝頭亦朋友
峰回路轉白雲深處有人家
Liễu ám hoa minh hảo điểu chi đầu diệc bằng hữu
Phong hồi lộ chuyển bạch vân thâm xứ hữu nhân gia
Liễu rủ, hoa tươi, chim đẹp đầu cành là bạn cũ
Đường quanh, gió quẩn, mây trắng non xa vẫn có nhà

雨過琴山潤
風來花木香
Vũ quá cầm sơn nhuận
Phong lai hoa mộc hương
Mưa qua, đàn, núi nhuận
Gió tới, hoa, cây thơm

雲移溪樹侵書幌
風送岩泉潤墨池
Vân di khê thụ xâm thư hoảng
Phong tống nham tuyền nhuận mặc trì
Mây dời cây suối che màn sách
Gió tiễn giòng khe đậm mực nghiên

窗間樹色連山淨
户外嵐光帶水明
Song gian thụ sắc liên sơn tịnh
Hộ ngoại lam quang đới thuỷ minh
Sắc cây liền núi qua song cửa
Đáy nước in mây trước ngõ nhà

丹花綠樹錦繡谷
清瀾白石頗璃江
Đan hoa lục thụ cẩm tú cốc
Thanh lan bạch thạch pha lê giang
Hang gấm vóc, cây xanh hoa đỏ
Sông pha lê, đá trắng nước trong

放眼望乾坤身行萬里半天下
偷閑談風月我生百事常隨緣
Phóng nhãn vọng càn khôn, thân hành vạn lý bán thiên hạ
Thâu nhàn đàm phong nguyệt, ngã sinh bách sự thường tuỳ duyên
Đưa mắt ngắm đất trời, bước chân vạn dặm nửa thiên hạ
Lúc rảnh bàn trăng gió, thân ta trăm việc cũng tuỳ duyên

水能性澹爲吾友
竹解心虛是我師
Thuỷ năng tính aạm vi ngô hữu
Trúc giải tâm hư thị ngã sư
Nước hay thanh đạm, coi là bạn
Trúc vốn lòng hư, đáng bậc thầy

曲水帶雲歸海去
亂花隨雨落岩來
Khúc thuỷ đới vân quy hải khứ
Loạn hoa tuỳ vũ lạc nham lai

Quanh co theo nước, mây về biển
Rơi rụng vì mưa, hoa đến khe

江心有島留明月
世外無人問落花
Giang tâm hữu đảo lưu minh nguyệt
Thế ngoại vô nhân vấn lạc hoa
Lòng sông ghềnh nổi lưu trăng sáng
Cõi thế đâu người hỏi rụng hoa

樓高但任鳥飛過
池小能將月送來
Lâu cao đản nhậm điểu phi quá
Trì tiểu năng tương nguyệt tống lai
Lầu cao còn thấy cánh chim qua
Ao nhỏ vẫn đưa trăng sáng lại

共知心是水
安見我非魚
Cộng tri tâm thị thuỷ
An kiến ngã phi ngư
Tâm vốn như nước, mọi người biết
Tớ không là cá, mấy ai hay

波光先得月
山秀自生雲
Ba quang tiên đắc nguyệt
Sơn tú tự sinh vân
Sóng lặng, trăng sớm hiện
Núi cao, mây tự sinh

雲白山青萬余里
江深竹靜兩三家
Vân bạch sơn thanh vạn dư lý
Giang thâm trúc tĩnh lưỡng tam gia
Mấy trắng non xanh trên vạn dặm
Sông sâu trúc lặng bốn năm nhà

波心似鏡留明月
松韻如箜振午風

Ba tâm tự kính lưu minh nguyệt
Tùng vận như hoàng chấn ngọ phong
Lòng sông gương sáng trăng còn tỏ
Thông reo sáo thổi gió đang về

青山笑我頭已白
泉水照人心自清
Thanh sơn tiếu ngã đầu dĩ bạch
Tuyền thuỷ chiếu nhân tâm tự thanh
Núi biếc cười ta đầu đã bạc
Giòng suối soi mình tâm vốn trong

水如碧玉山如黛
鳳有高梧鶴有松
Thuỷ như bích ngọc sơn như đại
Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng
Nước như ngọc bích, non như vẽ
Phượng có cành ngô, hạc có tùng

有約白雲來喚渡
且邀明月共開樽
Hữu ước bạch vân lai hoán độ
Thả yêu minh nguyệt cộng khai tôn
Mây trắng đưa chân đà ước hẹn
Trăng trong cụng chén đã tin mời

千樹梅光半輪月
萬家煙火一帆風
Thiên thụ mai hoa bán luân nguyệt
Vạn gia yên hỏa nhất phàm phong
Hoa mai ngàn gốc, nửa vầng trăng
Khói lửa muôn nhà, một buồm gió

日月風和雲散聚
黃昏景色映平明
Nhật nguyệt phong hòa vân tán tụ
Hoàng hôn cảnh sắc ánh bình minh
Ngày tháng gió hòa mây tán tụ,
Chiều hôm cảnh sắc ánh bình minh

保 國 護 民 昭 聖 跡
除 災 降 福 顯 神 功
Bảo quốc hộ dân chiêu thánh tích,
Trừ tai giáng phúc hiển thần công
Cứu nước giúp dân soi tích thánh
Trừ tai xuống phúc nổi công thần

枝 咄 敷 榮 培 本 厚
波 流 不 盡 飲 河 思
Chi đốt phu vinh bồi bản hậu,
Ba lưu bất tận ẩm hà tư
Cành nẩy phô tươi bồi gốc hậu,
Sóng xuôi bất tận uống nhớ nguồn

千 秋 西 竺 蓮 臺 慈 悲 廣 大
萬 年 禪 門 受 教 心 誦 眞 經
Thiên thu Tây Trúc liên đài từ bi quảng đại,
Vạn niên Thiền môn thụ giáo tâm tụng chân kinh
Đài sen Tây Trúc ngàn thu từ bi quảng đại,
Lĩnh hội Thiền môn vạn thuở tâm tụng chân kinh

景 佛 前 扶 善 罰 惡
心 信 誠 祈 保 平 安
Cảnh Phật tiền phù thiện phạt ác,
Tâm tín thành kỳ bảo bình an
Trước cảnh Phật, phù thiện phạt ác
Thành tâm tin, cầu phúc bình an

恩 深 河 海 留 萬 代
德 厚 山 林 刻 千 秋
Ân thâm hà hải lưu vạn đại,
Đức hậu sơn lâm khắc thiên thu
Ơn sâu sông biển lưu muôn thuở,
Đức nặng rừng non khắc nghìn thu

仁 慈 博 愛 教 民 善
德 度 公 平 滅 惡 奸
Nhân từ bác ái giáo dân thiện,
Đức độ công bình diệt ác gian
Nhân từ bác ái dạy dân thiện
Đức độ công bằng diệt ác gian

聖 德 威 靈 扶 國 泰
神 祠 壯 麗 護 民 康
Thánh đức uy linh phù quốc thái
Thần từ tráng lệ hộ dân khang
Thánh đức oai linh phù nước thịnh,
Thần từ tráng lệ giúp dân vui

一 家 英 雄 橫 海 北
千 秋 廟 貌 峙 山 東
Nhất gia anh hùng hoành hải bắc,
Thiên thu miếu mạo trĩ sơn đông
Một nhà anh hùng ngang biển bắc,
Nghìn thu miếu mạo thẳng non đông

天 飼 英 才 文 與 武
地 鐘 靈 氣 宅 而 祠
Thiên tứ anh tài văn dữ vũ,
Địa chung linh khí trạch nhi từ
Trời dưỡng anh tài văn với võ
Đất đo linh khí miếu cùng lăng

象 嶺 天 開 煇 正 氣
馬 江 地 闢 顯 英 靈
Tượng lĩnh thiên khai huy chính khí,
Mã giang địa tịch hiển anh linh
Núi Voi trời khai ngời chính khí,
Sông Mã đất mở tỏ anh linh

癸 酉 還 成 由 地 利
壬 申 再 造 自 天 機
Quí dậu hoàn thành do địa lợi,
Nhâm thân tái tạo tự thiên cơ
Quí dậu hoàn thành do lợi đất,
Nhâm thân tái tạo tự máy trời

大 聲 雷 鼓 誰 覺 悟
小 院 發 跡 有 鬼 神
Đại thanh lôi cổ thuỳ giác ngộ,
Tiểu viện phát tích hữu quỷ thần

Tiếng to như sấm ai giác ngộ,
Viện nhỏ phát huy có quỷ thần

功德留傳萬民仰慕
四時八節品果香燈

Công đức lưu truyền vạn dân ngưỡng mộ,
Tứ thời bát tiết phẩm quả hương đăng

Công đức lưu truyền muôn dân ngưỡng mộ,
Bốn mùa tám tiết tiết phẩm quả đèn hương.

鍾山有頂形王字
繼世英雄旺子孫

Chung Sơn hữu đỉnh hình Vương tự,
Kế thế anh hùng vượng tử tôn.

Núi Chung chữ Vương hình trên đỉnh,
Các đời con cháu vượng anh hùng.

(Câu đối vùng Nam Liên, Nam Đàn, Nghệ An)

壹塔直標湖心水
萬花爭艷老龜吟

Nhất tháp trực tiêu hồ tâm thủy,
Vạn hoa tranh diệm lão quy ngâm.

Một tháp giữa hồ nhô trên nước,
Muôn hoa đua sắc lão rùa ngâm.

李朝國師系是酬恩章盛典
南天聖祖詢爲顯赫大興聲

Lý triều quốc sư, hệ thị thù ân chương thịnh điển;
Nam thiên thánh tổ, tuân vi hiển hách đại hưng thanh.

Triều Lý quốc sư, ân đức gắn liền tô sử sách;
Trời Nam thánh tổ, công lao rực rỡ dội thanh danh.

(Chùa Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

勝景名藍啓示人人登覺路
靈山寶寺提斯眾眾入禪門

Thắng cảnh danh lam, khải thị nhân nhân đăng giác lộ;
Linh Sơn bảo tự, đề tư chúng chúng nhập thiền môn.

Thắng cảnh danh lam, mở lối người người lên đường Giác;
Linh Sơn chùa quí, chỉ cho kẻ kẻ đến cửa Thiền.

(Chùa Linh Sơn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

鎮北古名藍蕩皓西湖光慧日
城南今勝跡芳從東土振禪關
Trấn Bắc cổ danh lam, đãng hạo Tây Hồ quang tuệ nhật;
Thành Nam kim thắng tích, phương tung Đông Thổ chấn Thiền môn.
Trấn Bắc cổ danh lam, man mác Tây Hồ trời tuệ sáng;
Thành Nam nay thắng tích, ngạt ngào Đông Thổ cửa Thiền lay.
(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

山水朝回顯應聖通可壯
柏松依舊風謠歌笑相如
Sơn thủy triều hồi, hiển ứng thánh thông khả tráng;
Bách tùng y cựu, phong dao ca tiếu tương như.
Sông núi chầu vào, hiển ứng linh thông tráng lệ;
Bách tùng như cũ, gió reo cười hát vang xa.
(Đình Cự Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

入禪宜起慈悲念
到景當生數善心
Nhập Thiền nghi khởi từ bi niệm;
Đáo cảnh đương sinh sổ thiện tâm.
Vào chùa nên khởi niệm từ bi;
Đến cảnh hãy sinh lòng hướng thiện.
(Chùa Nền, quận Cầu Giấy, Hà Nội)

名藍自古帝王州別成淨境
大地于今神仙府新麗奇蹤
Danh lam tự cổ, đế vương châu, biệt thành tịnh cảnh;
Đại địa vu kim, thần tiên phủ, tân lệ kỳ tung.
Danh lam từ cổ, chốn đế kinh biệt thành thanh cảnh;
Thắng địa đến nay, nơi tiên giới tô đẹp dấu linh.
(Quán Bích Câu, quận Đống Đa, Hà Nội)

李朝封贈高明聖
國敕加頒上等神
Lý triều phong tặng cao minh thánh;
Quốc sắc gia ban thượng đẳng thần.
Thánh cao minh Lý triều phong tặng;
Thượng đẳng thần quốc sắc gia ban.
(Đình làng Hồ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

天 向 西 天 雲 水 多 山 海 外
地 傳 靈 地 炬 花 名 勝 古 今

Thiên hướng Tây thiên, vân thủy đa sơn hải ngoại;
Địa truyền linh địa, cự hoa danh thắng cổ kim.

Trời hướng Tây thiên, mây nước núi non hải ngoại
Đất truyền linh địa, nến hoa danh thắng cổ kim.

(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

屹 立 崇 祠 脈 引 水 潮 山 拱
長 存 正 氣 匡 扶 國 富 民 豐

Ngật lập sùng từ, mạch dẫn thủy triều sơn củng;
Trường tồn chính khí, khuông phù quốc phú dân phong.

Cao dựng đền đài, mạch dẫn thủy triều ôm núi;
Dài lâu chính khí, phù cho giàu nước mạnh dân.

(Chùa Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

大 地 鍾 靈 肇 啓 文 明 時 運
花 堂 瑞 藹 弘 開 富 佑 門 庭

Đại địa chung linh, triệu khải văn minh thời vận;
Hoa đường thụy ái, hoằng khai phú hựu môn đình.

Đất rộng đúc khí thiêng, tạo dựng văn minh thời vận;
Chùa linh sinh điềm tốt, hoằng khai phú quí môn đình.

(Chùa Vạn Niên, quận Tây Hồ, Hà Nội)

龍 虎 逢 迎 四 面 花 環 水 繞
龍 蛇 形 勢 億 年 人 傑 地 靈

Long hổ phùng nghinh, tứ diện hoa hoàn thủy nhiễu;
Long xà hình thế, ức niên nhân kiệt địa linh.

Rồng hổ gặp mừng, bốn mặt hoa vây nước lượn;
Long xà địa thế, vạn năm người giỏi đất linh.

(Phủ Tây Hồ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

水 繞 花 環 西 湖 鍾 秀
龍 朝 鳳 舞 北 闕 恩 光

Thủy nhiễu hoa hoàn Tây Hồ chung tú;
Long triều phượng vũ Bắc khuyết ân quang.

Nước lượn hoa vòng, Tây Hồ chung đúc;
Rồng chầu phượng múa, Bắc khuyết ngời ân.

(Đền Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội)

慶瑞一峰高玉佩筑鯨傳勝跡
釣台雙廟峙靈金耀斗護神光

Khánh thụy nhất phong cao, ngọc bội trúc kình truyền thắng tích;
Điếu đài song miếu trĩ, linh kim diệu đẩu hộ thần quang.

Khánh thụy một cung cao, ngọc bội trúc kình truyền thắng tích;
Đền đài hai miếu dựng, kiếm thiêng sao chiếu hộ thần quang.

(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

木鐸聲回敲夢客
金鍾喚起覺迷人

Mộc đạc thanh hồi xao mộng khách;
Kim chung hoán khởi giác mê nhân.

Mõ gỗ âm vang xua khách mộng;
Chuông vàng gọi tỉnh giấc người mê.

(Chùa Hương)

菩樹結祥雲遍覆三千世界
楊枝垂法雨滂濡萬億生靈

Bồ thụ kết tường vân, biến phú tam thiên thế giới;
Dương chi thùy pháp vũ, bàng chiêm vạn ức sinh linh.

Bồ thụ kết mây lành, che khắp ba nghìn thế giới;
Cành dương rơi mưa phép, tưới đều muôn vạn sinh linh.

(Chùa Đức Viên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

水光花環梢勝景
文理玉結創名藍

Thủy quang hoa hoàn tiêu thắng cảnh;
Văn lý ngọc kết sáng danh lam.

Nước sáng hoa vòng nên thắng cảnh;
Văn hay ngọc kết tạo danh lam.

(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

此城郭此江山百戰風塵餘尺地
爲日星爲河岳十年心事共青天

Thử thành quách, thử giang sơn, bách chiến phong trần dư xích địa;
Vi nhật tinh, vi hà nhạc, thập niên tâm sự cộng thanh thiên.

Đây thành quách, đây giang sơn, trăm trận phong trần thừa thước đất;
Nào tháng ngày, nào non nước, mười năm tâm sự với trời xanh.

(Đền Trung Liệt gò Đống Đa, quận Đống Đa, Hà Nội)

一 水 粘 天 餘 勝 地
半 山 擁 后 獨 高 台
Nhất thủy niêm thiên dư thắng địa;
Bán sơn ủng hậu độc cao đài.
Nước vít trời cao thừa thắng địa;
Núi ôm đất thấp biệt cao đài.
(Đền Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội)

桃 李 名 門 多 蔭 庇
芙 蓉 深 水 最 風 流
Đào lý danh môn đa ấm tí;
Phù dung thâm thủy tối phong lưu.
Đào mận cửa sang nhiều bóng rợp;
Phù dung nước thẳm thực phong lưu.
(Chùa Thương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

梵 宇 巍 峨 懸 日 月
禪 門 燦 爛 對 乾 坤
Phạn vũ nguy nga huyền nhật nguyệt;
Thiền môn xán lạn đối càn khôn.
Cảnh Phật nguy nga treo nhật nguyệt;
Cửa Thiền xán lạn đối càn khôn.
(Chùa Bồ Đề, quận Ba Đình, Hà Nội)

竹 密 不 妨 流 水 過
山 高 豈 破 約 雲 飛
Trúc mật bất phương lưu thủy quá;
Sơn cao khởi phá ước vân phi.
Trúc kín khôn ngăn dòng nước chảy;
Núi cao há chắn áng mây bay.
(Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội)

雲 本 無 心 隨 客 觀
月 如 有 意 逐 辰 聽
Vân bản vô tâm tùy khách quán;
Nguyệt như hữu ý trục thần thinh.
Mây vốn vô tâm theo duyên phúc;
Trăng như có ý đuổi bình minh.
(Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội)

山 水 有 情 人 如 氣
桃 園 起 色 笑 冬 風
Sơn thủy hữu tình nhân như khí;
Đào viên khởi sắc tiếu đông phong.
Sông núi có tình người biết khí;
Vườn đào khoe sắc cợt gió đông.
(Chùa Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

楊 柳 甘 露 悲 愿 重
明 珠 錫 杖 誓 心 弘
Dương liễu cam lồ bi nguyện trọng;
Minh châu tích trượng thệ tâm hoằng.
Dương liễu điểm lành từ bi trọng;
Ngọc châu tích trượng rộng lòng tu.
(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

水 秀 山 青 鐘 旺 氣
雲 騰 雨 化 凜 神 威
Thủy tú sơn thanh chung vượng khí;
Vân đằng vũ hóa lẫm thần uy.
Nước biếc non xanh sinh vượng khí;
Mây xông mưa trút lắng oai thần.
(Đền Sét, quận Đống Đa, Hà Nội)

黃 金 色 相 莊 嚴 東 土 抬 頭 瞻 慧 日
白 王 毫 光 照 耀 西 方 垂 手 引 迷 途
Hoàng kim sắc tướng trang nghiêm, Đông Thổ đài đầu chiêm tuệ nhật;
Bạch vương hào quang chiếu diệu, Tây Phương thùy thủ dẫn mê đồ.
Hoàng kim sắc tướng trang nghiêm, Đông Thổ ngẩng đầu xem tuệ nhật;
Bạch vương hào quang rực rỡ, Tây Phương tay chỉ dẫn đường mê.
(Chùa Liên Phái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

眾 聖 共 推 尊 極 樂 淨 邦 眞 教 主
三 寶 同 讚 仰 蓮 花 臺 藏 大 慈 尊
Chúng thánh cộng suy tôn, cực lạc tịnh bang, chân giáo chủ;
Tam bảo đồng tán ngưỡng, liên hoa đài tạng, đại từ tôn.
Các thánh được suy tôn, cực lạc tịnh bang, đây giáo chủ;
Tam bảo cùng ca ngợi, liên hoa đài tạng, bậc từ tôn.
(Chùa Liên Phái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

慧 眼 大 圓 明 窮 盡 壹 承 拜 四 智
行 門 眞 究 竟 高 超 十 聖 証 三 賢

Tuệ nhãn đại viên minh, cùng tận nhất thừa bái tứ trí;
Hành môn chân cứu cánh, cao siêu thập thánh chứng tam hiền.

Mắt tuệ thật sáng tròn, thấu tận nhất thừa cùng tứ trí;
Cửa tu là cứu cánh, cao siêu thập thánh chứng tam hiền.

(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

色 相 高 超 法 雨 慈 風 觀 自 在
空 門 最 廣 祥 雲 慧 日 現 如 來

Sắc tướng cao siêu, pháp vũ từ phong quan tự tại;
Không môn tối quảng, tường vân tuệ nhật hiện như lai.

Sắc tướng thật cao siêu, mưa pháp gió từ xem tự có;
Cửa chùa hằng mở rộng, mây lành trời rọi hiện Như Lai.

(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

象 德 莊 嚴 光 麗 色
五 香 分 馥 起 祥 雲

Tượng đức trang nghiêm quang lệ sắc;
Ngũ hương phân phức khởi tường vân.

Tượng Phật trang nghiêm ngời tỏa sắc;
Hương thơm tinh khiết quyện mây lành.

(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

寶 相 巍 峨 百 萬 人 天 咸 稽 首
金 容 浩 蕩 三 千 世 界 共 皈 依

Bảo tướng nguy nga, bách vạn nhân thiên hàm khể thủ;
Kim dung hạo đãng, tam thiên thế giới cộng qui y.

Tướng quí trên cao, trăm vạn dân đều kính lạy;
Dung nhan tỏa rạng, ba ngàn thế giới thuần theo.

(Chùa Hà, quận Cầu Giấy, Hà Nội)

眞 佛 本 靈 光 法 駕 隨 臨 皆 樂 界
仙 人 曾 阜 慶 嘉 名 肇 錫 自 皇 恩

Chân Phật bản linh quang, pháp giá tùy lâm giai lạc giới;
Tiên nhân tăng phụ khánh, gia danh triệu tích tự hoàng ân.

Đức Phật vốn linh thiêng, đạo lý đến đâu đều cõi lạc;
Người tiên từng giúp phúc, sắc phong ban xuống đội ơn vua.

(Chùa Chân Tiên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

法 雨 均 瞻 包 括 三 千 世 界
慈 風 普 遍 掃 清 八 萬 塵 勞

Pháp vũ quân chiêm bao quát tam thiên thế giới;
Từ phong phổ biến, tảo thanh bát vạn trần lao.

Mưa phép thấm đều trùm lên ba ngàn thế giới;
Gió từ thổi khắp, quét sạch tám vạn bụi trần.

(Chùa Phúc Khánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

弘 誓 無 邊 保 護 僧 藍 稱 主 宰
多 聞 弟 一 總 持 法 藏 利 群 生

Hoằng thệ vô biên, bảo hộ tăng lam xưng chủ tể;
Đa văn đệ nhất, tổng trì pháp tạng lợi quần sinh.

Thề lớn vô biên, chở che tăng lam xưng chủ tể;
Nghe nhiều bậc nhất, giúp đỡ pháp tạng lợi chúng sinh.

(Chùa Phúc Khánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

暮 鼓 晨 鍾 警 醒 愛 何 名 利 客
經 聲 佛 號 喚 回 善 海 蕩 迷 津

Mộ cổ thần chung, cảnh tỉnh ái hà danh lợi khách;
Kinh thanh Phật hiệu, hoán hồi thiện hải đãng mê tân.

Chiều trống sáng chuông, cảnh tỉnh kẻ theo đường danh lợi;
Tiếng kinh hiệu Phật, thiện căn gọi khách đắm mê tân.

(Chùa Cầu Đông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

法 輪 似 地 東 西 轉
佛 道 逢 源 左 右 通

Pháp luân tự địa đông tây chuyển;
Phật đạo phùng nguyên tả hữu thông.

Guồng phép tựa đông tây chuyển vận;
Phật đạo dường tả hữu quán thông.

(Chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

福 慧 莊 嚴 普 度 群 生 聞 覺 路
慈 悲 喜 捨 能 行 利 勿 脫 迷 津

Phúc tuệ trang nghiêm, phổ độ quần sinh văn giác lộ;
Từ bi hỉ xả, năng hành lợi vật thoát mê tân.

Phúc tuệ trang nghiêm, cứu giúp chúng sinh - đường giác ngộ;
Từ bi hỉ xả, luôn làm điều thiện - thoát mê tân.

(Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội)

佛 道 通 宇 宙
法 輪 轉 西 東
Phật đạo thông vũ trụ;
Pháp luân chuyển Tây Đông.
Đạo Phật xuyên thông vũ trụ;
Phép màu chuyển vận Tây Đông.
(Chùa Một Cột, quận Ba Đình, Hà Nội)

佛 道 慈 悲 你 你 皈 覺 路
菩 提 勝 景 人 人 沐 洪 麻
Phật đạo từ bi nhĩ nhĩ qui giác lộ;
Bồ đề thắng cảnh nhân nhân mộc hồng hưu.
Đạo Phật từ bi kẻ kẻ qui đường giác ngộ;
Bồ Đề thắng cảnh người người tắm gội ơn lành.
(Chùa Bồ Đề, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

禪 門 廣 大 眞 常 樂
光 景 慈 悲 法 界 觀
Thiền môn quảng đại chân thường lạc;
Quang cảnh từ bi pháp giới quan.
Cửa chùa rộng lớn vui thường tại;
Quang cảnh từ bi pháp giới trông.
(Chùa Kim Sơn, quận Ba Đình, Hà Nội)

彩 顯 禪 門 浸 演 眾 生 超 法 界
臺 開 覺 路 慈 帆 救 苦 渡 迷 津
Thái hiển thiền môn, tẩm diễn chúng sinh siêu pháp giới;
Đài khai giác lộ, từ phàm cứu khổ độ mê tân.
Rực rỡ cửa thiền, diễn giảng chúng sinh siêu pháp giới;
Đài khai đường giác, thuyền từ cứu khổ độ mê tân.
(Chùa Kim Sơn, quận Ba Đình, Hà Nội)

覺 路 弘 開 超 苦 海
慈 航 濟 渡 越 迷 津
Giác lộ hoằng khai siêu khổ hải;
Từ hàng tế độ việt mê tân.
Đường giác mở to qua biển khổ;
Thuyền từ chở khắp vượt sông mê.
(Chùa Diệu Nam, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

福 等 河 沙 依 福 自 無 得 福
功 重 萬 世 興 功 使 見 成 功

Phúc đẳng hà sa, y phúc tự vô đắc phúc;
Công trùng vạn thế, hưng công sử kiến thành công.

Phúc tựa bể sông, ỷ phúc sao cầu được phúc;
Công dày vạn thế, hưng công thì ắt thành công.

(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

斗 祿 待 存 娛 白 髮
英 才 安 育 長 青 莪

Đẩu lộc đãi tồn ngu bạch phát;
Anh tài an dục trưởng thanh nga.

Lương đấu hãy còn vui tóc bạc;
Anh tài nuôi dưỡng nẩy chồi xanh.

(Chùa Hương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

東 西 南 北 中 恩 流 有 眾
水 火 木 金 土 慶 衍 無 疆

Đông Tây Nam Bắc Trung, ân lưu hữu chúng;
Thủy hỏa mộc kim thổ, khánh diễn vô cương.

Đông Tây Nam Bắc Trung, ơn ban cực rộng;
Thủy hỏa mộc kim thổ, phúc lớn không cùng.

(Chùa Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

香 留 德 樹 花 生 色
雪 瑩 靈 山 石 放 光

Hương lưu đức thụ hoa sinh sắc;
Tuyết oánh linh sơn thạch phóng quang.

Cây đức hương thơm hoa sắc thắm;
Núi thiêng tuyết ánh đá sinh quang.

(Chùa Hương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

駕 雨 騰 雲 影 聖 德
除 妖 焊 患 凜 神 威

Giá vũ đằng vân ảnh thánh đức;
Trừ yêu hãn hoạn lẫm thần uy.

Đi gió về mây ngời đức thánh;
Trừ tà diệt hoạn lẫm thần uy.

(Chùa Hộ Quốc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

四 字 洪 名 無 施 否 效
一 圖 和 氣 所 在 生 輝
Tứ tự hồng danh vô thi phủ hiệu;
Nhất đoàn hòa khí sở tại sinh huy.
Bốn chữ danh thơm thi hành hiệu quả;
Một nhà hòa khí khắp chốn sáng ngời.
(Chùa Hộ Quốc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

聖 德 威 靈 除 北 寇
神 功 莫 測 振 南 邦
Thánh đức uy linh trừ Bắc khấu;
Thần công mạc trắc chấn Nam bang.
Đức thánh oai linh trừ giặc Bắc;
Công thần khôn xiết dậy trời Nam.
(Chùa Hương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

撤 像 焚 經 唐 韓 愈 一 人 而 已
修 持 奉 佛 丁 先 皇 二 年 以 來
Triệt tượng phần kinh, Đường Hàn Dũ nhất nhân nhi dĩ;
Tu trì phụng Phật, Đinh Tiên Hoàng nhị niên dĩ lai.
Phá tượng đốt kinh, Đường Hàn Dũ chỉ một thôi vậy;
Sửa chùa thờ Phật, Đinh Tiên Hoàng nhị niên lại nay.
(Chùa Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

淨 土 不 來 俗 人 陶 今 醉 多 謝 公 心 雜
易 地 亦 同 宗 教 釋 伽 中 國 周 孔 西 方
Tịnh độ bất lai tục nhân, Đào kim túy đa,
Tạ công tâm tạp;
Dịch địa diệc đồng tôn giáo, Thích Ca Trung Quốc,
Chu Khổng Tây phương.
Đào Tiềm hay say rượu, Tạ Uẩn lại phức tâm,
miền Tịnh Độ chẳng dung tục khách;
Trung Quốc có Thích ca, Tây Phương truyền Chu Khổng,
dẫu khác vùng tôn giáo vẫn đồng.
(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

經 史 岳 互 田 祖 肇 尊 培 播 引 百 年 照 大 昱
棟 樑 光 韋 器 炫 嵩 春 祀 精 誠 寸 念 廣 中 寧

Kinh sử nhạc hỗ điền tổ triệu, tôn bồi bá dẫn, bách niên chiêu đại dục;
Đống lương quang vĩ khí huyền tung, xuân tự tinh thành, thốn niệm quảng trung ninh.

Kinh sử vững bền nguồn tổ dựng, đắp bồi gieo đến trăm năm vững dương tỏa;
Đống lương chói sáng đỉnh non cao, xuân tế tinh thành tấc dạ vững niềm yên.

(Chùa Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

道作人師現在施權開善化
紹降佛種當來興顯遠傳燈

Đạo tác nhân sư, hiện tại thi quyền khai thiện hóa;
Thiệu giáng Phật chủng, đương lai hưng hiển viễn truyền đăng.

Đạo lý làm thầy, dẫn dụ quyền hành khai thiện hóa;
Nối đời Phật tử, sau này hưng hiển mãi truyền đăng.

(Chùa Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

神女月宮生顯跡艷傳雲葛
母儀天下則揚威配鶴峰高

Thần nữ nguyệt cung sinh hiển tích, diễm truyền Vân Cát;
Mẫu nghi thiên hạ tắc dương uy, phối hạc phong cao.

Thần nữ cung trăng sinh hiển tích, dáng đẹp truyền nơi Vân Cát;
Mẫu nghi thiên hạ thật uy linh, sánh cùng chim hạc non cao.

(Chùa Vũ Thạch, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

西母雲參天上駕
南山神降女中英

Tây Mẫu vân tham thiên thượng giá;
Nam Sơn thần giáng nữ trung anh.

Mây Tây Mẫu theo xe thượng giới;
Thần Nam Sơn giáng nữ trung anh.

(Chùa Cổ Lương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

母德含弘顯應艷傳千古聖
神功陟降英靈熙護四方民

Mẫu đức hàm hoằng, hiển ứng diễm truyền thiên cổ thánh;
Thần công trắc giáng, anh linh hi hộ tứ phương dân.

Đức mẫu rộng ân, hiển ứng tốt lành, thánh truyền thiên cổ;
Công thần uy trọng, anh linh tỏ rõ, dân hưởng tứ phương.

(Chùa Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội)

三 十 八 年 光 順 洪 德 神 御 位
五 旬 零 六 明 君 愛 國 帝 歸 仙
Tam thập bát niên Quang Thuận, Hồng Đức thần ngự vị;
Ngũ tuần linh lục minh quân ái quốc đế qui tiên.
Ba mươi tám năm, Quang Thuận, Hồng Đức, vua tại vị;
Năm mươi sáu tuổi, minh quân, ái quốc, ngài qui tiên.
(Chùa Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội)

瀛 寰 中 教 日 吾 道 最 光 萬 雨 舟 車 同 起 場
全 境 內 文 祠 此 地 爲 首 千 秋 芹 藻 尚 留 芳
Doanh hoàn trung giáo nhật, ngô đạo tối quang, vạn vũ chu xa đồng khởi dịch;
Toàn cảnh nội văn từ, thử địa vi thủ, thiên thu cần tảo thượng lưu phương.
Thiên hạ thường ngày giáo hóa, đạo ta sáng nhất, vạn nẻo thuyền xe cùng khởi;
Miếu văn toàn cảnh nơi đây, khuôn đất hàng đầu, ngàn năm cần tảo lưu hương.
(Văn Miếu, Hà Nội)

四 海 名 人 題 寺 古
一 山 風 物 媚 神 深
Tứ hải danh nhân đề tự cổ;
Nhất sơn phong vật mị thần thâm.
Bốn biển danh nhân đề chùa cổ;
Một đồi phong vật luyến thần tâm.
(Chùa Từ Đàm)

天 何 言 哉 顯 道 非 關 我 卜
神 壹 者 也 陰 鷺 只 在 忠 經
Thiên hà ngôn tai, hiển đạo phi quan ngã bốc;
Thần nhất giả dã, âm chất chỉ tại trung kinh.
Trời nói gì đâu, đạo hiển nào do ta bói;
Thần duy có một, âm chất chỉ ở trung kinh.
(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

東 西 南 北 由 斯 道
公 卿 夫 士 出 此 途
Đông Tây Nam Bắc do tư đạo;
Công khanh phu sĩ xuất thử đồ.

Đông Tây Nam Bắc do đây tới;
Công khanh phu sĩ tự đó ra.
(Văn Miếu, Hà Nội)

車書共道今天下
科甲聯題古學宮
Xa thư cộng đạo, kim thiên hạ;
Khoa giáp liên đề, cổ học cung.
Xe sách chung đường trong thiên hạ;
Giáp khoa liền nối nếp học xưa.
(Văn Miếu, Hà Nội)

大國不易教不變俗且尊崇之亦信斯文原有用
吾儒要通經要識時無拘固也尚恩聖訓永相敦
Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, thả tôn sùng chi,
diệc tín tư văn, nguyên hữu dụng;
Ngô nho yếu thông kinh, yếu thức thời, vô câu cố dã,
thượng ân thánh huấn, vĩnh tương đôn.
Nước lớn giáo dục chẳng thay, phong tục chẳng đổi, lại tôn sùng,
tư văn ấy còn tác dụng;
Nhà nho điển kinh phải vững, thời cuộc phải tường, không cố chấp,
ơn thánh truyền mãi dài lâu.
(Văn Miếu, Hà Nội)

綱常棟幹存天地
道德宮墻自古今
Cương thường đống cán tồn thiên địa;
Đạo đức cung tường tự cổ kim.
Cương thường rường cột trong trời đất;
Đạo đức học đường tự trước nay.
(Văn Miếu, Hà Nội)

士夫報答謂何哉朝庭選就之恩國家崇尚之意
世道維持視此耳禮樂衣冠所翠聲名文物所都
Sĩ phu báo đáp vị hà tai, triều đình tuyển tựu chi ân,
quốc gia sùng thượng chi ý;
Thế đạo duy trì thị thử nhĩ, lễ nhạc y quan sở thúy,
thanh danh văn vật sở đô.

Nói sĩ phu báo đáp là sao, nhờ ơn tuyển chọn của triều đình,
nhờ ý quốc gia được sủng ái;
Gọi thế đạo duy trì là thế, cho lễ nhạc y quan đều tốt,
cho tiếng thơm văn vật đều hay.
(Văn Miếu, Hà Nội)

數 仞 高 堅 戴 得 許 多 道 院
萬 古 瞻 仰 依 然 一 大 宮 墻

Số nhận cao kiên, tải đắc hứa đa đạo viện;
Vạn cổ chiêm ngưỡng, y nhiên nhất đại cung tường.
Mấy thước tường cao, chở được bao nhiêu đạo viện.
Vạn năm chiêm ngưỡng, vẫn nguyên một nếp học đường.
(Văn Miếu, Hà Nội)

竇 桂 王 槐 國 家 楨 干
唐 科 宋 榜 士 子 梯 階

Đậu quế, Vương hòe, quốc gia trinh cán;
Đường khoa, Tống bảng, sĩ tử thê giai.
Họ Đậu, họ Vương, quốc gia trụ cột;
Tống Đường khoa bảng, thang bậc học trò.
(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

人 睦 武 功 平 外 賊
官 人 文 址 產 科 名

Nhân Mục võ công bình ngoại tặc;
Quan Nhân văn chỉ sản khoa danh.
Trừ giặc ngoại xâm - võ công Nhân Mục;
Khoa danh nổi tiếng - văn chỉ Quan Nhân.
(Văn chỉ làng Quan Nhân, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

科 甲 中 來 名 不 朽
宮 墻 外 望 道 彌 尊

Khoa giáp trung lai danh bất hủ;
Cung tường ngoại vọng đạo di tôn.
Khoa giáp đến nay danh chẳng hủ;
Học đường chiêm ngưỡng đạo càng cao.
(Văn Miếu, Hà Nội)

金 身 現 處 暗 而 明
鼓 法 轉 音 迷 則 悟

Kim thân hiện xứ, ám nhi minh;
Cổ pháp chuyển âm, mê tắc ngộ.
Thân vàng biểu hiện mờ mà sáng;
Tiếng trống âm truyền tỉnh chẳng mê.
(Chùa Kim Cổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

金 鼓 名 藍 色 相 輝 煌 千 古 寺
同 官 勝 跡 慈 悲 普 度 十 方 民

Kim Cổ danh lam, sắc tướng huy hoàng thiên cổ tự;
Đồng Quan thắng tích, từ bi phổ độ thập phương dân.
Kim Cổ danh lam, cảnh sắc huy hoàng lưu thiên cổ;
Đồng Quan thắng tích, từ bi quảng đại khắp thập phương.
(Chùa Kim Cổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

地 萃 其 靈 江 山 長 在 此
道 形 於 器 鍾 鼓 云 乎 哉

Địa túy kỳ linh, giang sơn trường tại thử;
Đạo hình ư khí, chung cổ vân hồ tai.
Đất tụ khí thiêng, non sông còn mãi đó;
Thế hình nổi hiện, chuông trống vẫn vang thay.
(Quán Trấn Vũ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

北 嶽 降 神 凝 正 氣
南 天 顯 聖 濯 餘 靈

Bắc nhạc giáng thần ngưng chính khí;
Nam thiên hiển thánh trạc dư linh.
Núi Bắc giáng thần, ngưng chính khí;
Trời Nam hiển thánh, nổi uy linh.
(Quán Trấn Vũ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

顯 跡 留 今 古
英 靈 暨 朔 南

Hiển tích lưu kim cổ;
Anh linh ký sóc nam.
Xưa nay lưu hiển tích;
Nam bắc thấy anh linh.
(Quán Trấn Vũ, quận Tây Hồ, Hà Nội)

玉 帝 登 臨 所
露 臺 望 祝 班

Ngọc đế đăng lâm sở;
Lộ đài vọng chúc ban.
Chốn này Ngọc Hoàng ngự;
Ban chúc vọng Đài Sương.
(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

雲霄承露榮山海
殿館聲名顯古今
Vân tiêu thừa lộ vinh sơn hải;
Điện quán thanh danh hiển cổ kim.
Vân tiêu vời vợi tươi sơn hải;
Điện quán tiếng vang rõ cổ kim.
(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

出入蓬來宮跡存間世
往來仙景容閑在寰塵
Xuất nhập bồng lai, cung tích tồn gian thế;
Vãng lai tiên cảnh, dung nhàn tại hoàn trần.
Xuất nhập Bồng Lai, dấu cung cấm vẫn còn trên gian thế;
Tới lui tiên cảnh, vẻ dung nhàn lưu mãi chốn trần hoàn.
(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

超出塵寰來一路
平開洞口到三關
Siêu xuất trần hoàn lai nhất lộ;
Bình nhàn động khẩu đáo tam quan.
Vượt khỏi trần hoàn đường có một;
Thanh nhàn động khẩu cửa lại ba.
(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

鶴樓一去室餘此地江山
花哀再回峙立中天棟宇
Hạc lâu nhất khứ, thất dư thử địa giang sơn;
Hoa ai tái hồi, trĩ lập trung thiên đống vũ.
Lầu hạc một lần bay, môn thất trống trơ non sông đó;
Thương hoa còn để lại, đống lương sừng sững đất trời đây.
(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

四府靈聲保國護民天下母
九重陟降騰雲駕雨地中仙

Tứ phủ linh thanh, bảo quốc hộ dân, thiên hạ mẫu;
Cửu trùng trắc giáng, đằng vân giá vũ, địa trung tiên.
Tứ phủ tiếng thiêng, giúp nước phò dân, ơn thánh mẫu;
Cửu trùng lên xuống, mây bay mưa tới, phúc thần tiên.
(Đền Mẫu Sùng Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội)

應 不 偶 生 天 本 別 傳 天 下 母
飄 乎 獨 立 聖 功 正 作 聖 中 仙

Ứng bất ngẫu sinh, thiên bản biệt truyền thiên hạ mẫu;
Phiêu hồ độc lập, thánh công chính tác thánh trung tiên.
Ứng hiện chẳng hai lần, trời vốn truyền riêng trời của mẹ;
Gió về không một chỗ, thánh công ngay thẳng thánh trong tiên.
(Chùa Vũ Thạch, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

風 範 凜 然 天 下 母
精 神 宛 是 女 中 仙

Phong phạm lẫm nhiên thiên hạ mẫu;
Tinh thần uyển thị nữ trung tiên.
Khuôn mẫu trang nghiêm bậc mẹ thiên hạ;
Tinh thần uyển chuyển trang nữ thần tiên.
(Chùa Chân Tiên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

自 是 女 中 仙 一 點 精 靈 懸 日 月
洵 稱 天 下 母 曆 朝 褒 贈 永 春 秋

Tự thị nữ trung tiên, nhất điểm tinh linh huyền nhật nguyệt;
Tuân xưng thiên hạ mẫu, lịch triều bao tặng vĩnh xuân thu.
Quả bậc nữ thầntiên, một điểm tinh linh sáng vầng nhật nguyệt;
Xứng danh trang thánh mẫu, các triều phong tặng tiếp mãi xuân thu.
(Chùa Chân Tiên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

神 以 福 吾 民 但 願 重 整 一 道 旗 翊 聖 朝 討 賊
女 獨 稱 仙 母 相 傳 直 指 一 鞭 鐵 爲 家 鄉 驅 瘟

Thần dĩ phúc ngô dân, đãn nguyện trùng chỉnh, nhất đạo kỳ dực thánh triều thảo tặc;
Nữ độc xưng tiên mẫu, tương truyền trực chỉ, nhất tiên thiết vi gia hương khu ôn.
Thần ban phúc dân ta, chí nguyện sửa sang, giương cờ thánh triều diệt giặc;
Nữ xứng danh tiên mẫu tương truyền chỉ thẳng, quất roi trừ bệnh cứu dân.
(Chùa Thần Tiên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

崇 山 顯 侗 輔 國 威 名 傳 青 史
濃 嶺 降 楫 庇 民 功 德 播 皇 都
Sùng Sơn hiển đồng, phụ quốc, uy danh truyền thanh sử;
Nùng Lĩnh giáng cốt, tí dân, công đức bá hoàng đô.
Sùng Sơn hiển thánh, giúp nước, uy danh truyền sách sử;
Nùng Lĩnh giáng thân, cứu dân, công đức dậy kinh đô.
(Đình Cổ Lương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

上 界 神 而 仙 靈 氣 地 連 崇 葛 外
大 名 生 不 死 形 徽 史 在 趙 徽 間
Thượng giới thần nhi tiên, linh khí địa liên Sùng Cát ngoại;
Đại danh sinh bất tử, hình huy sử tại Triệu Trưng gian.
Thượng giới thần mà tiên, linh khí đất liền ngoài Sùng Cát;
Đại danh sinh bất tử, sáng ngời sử sách bậc Triệu Trưng.
(Đình Cổ Lương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

古 跡 神 威 功 紀 武 寧 嚴 翼 甲 兵 三 萬 象
嘉 名 徵 聖 瑞 靈 諸 蘇 水 升 平 街 巷 千 期
Cổ tích thần uy, công kỷ vũ ninh nghiêm, dực giáp binh tam vạn tượng;
Gia danh trưng thánh, thụy linh trừ Tô thủy, thăng bình nhai hạng thiên kỳ.
Thần uy dấu cũ, ghi công võ lược oai nghiêm, giúp đỡ giáp binh ba vạn;
Thánh đức ngời danh, để lại sông Tô điềm tốt, yên bình phố ngõ nghìn năm.
(Đình Thanh Hà, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

正 直 聰 明 得 一 靈 而 助 化
申 重 保 佑 治 百 海 以 庇 民
Chính trực thông minh, đắc nhất linh nhi trợ hóa;
Thân trùng bảo hựu, trị bách hải dĩ tí dân.
Chính trực thông minh, bậc nhất linh thiêng trợ hóa;
Bền lâu bảo trợ, trị trăm biển cả giúp dân.
(Đình Thanh Hà, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

阜 物 康 民 參 昊 德
除 災 桿 患 助 神 功
Phụ vật khang dân tham hạo đức;
Trừ tai cản hoạn trợ thần công.
Vật thịnh dân yên ngang trời phúc đức;
Tai trừ họa cản tựa thánh công lao.
(Đình Thanh Hà, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

聖 德 巍 然 高 北 斗
神 功 赫 耳 振 南 天
Thánh đức nguy nhiên cao Bắc đẩu;
Thần công hách nhĩ chấn Nam thiên.
Đức thánh lộng cao Bắc đẩu;
Công thần ngời chấn trời Nam.
(Đình Vũ Thạch, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

上 帝 委 神 權 枕 帶 山 河 歸 托 握
下 民 澹 德 澤 震 凌 風 雨 仰 恬 幪
Thượng đế ủy thần quyền, chẩm đới sơn hà, qui thác ác;
Hạ dân chiêm đức trạch, chấn lăng phong vũ ngưỡng bình mông.
Thượng đế ủy thần quyền, gối giải sơn hà nơi tay nắm;
Hạ dân nhuần đức trạch, mống đông mưa gió, ngóng màn dăng.
(Đình Vũ Thạch, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

聖 德 英 靈 垂 宇 宙
神 功 顯 赫 度 民 生
Thánh đức anh linh thùy vũ trụ;
Thần công hiển hách độ dân sinh.
Đức thánh anh linh trùm vũ trụ;
Công thần hiển hách giúp chúng sinh.
(Đình Khương Trung, quận Đống Đa, Hà Nội)

傘 員 聖 扶 雄 興 國 高 山 標 萬 紀
中 寺 神 烈 史 帳 文 美 理 炫 千 秋
Tản Viên thánh phù hùng hưng quốc cao sơn tiêu vạn kỷ;
Trung Tự thần liệt sử trướng văn mỹ lý huyền thiên thu.
Thánh Tản Viên trợ phù hưng quốc non cao nêu vạn kỷ;
Thần Trung Tự thắp sáng sử văn lý đẹp chói ngàn thu.
(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

奕 世 勇 文 宣 聖 德
漂 朝 奪 武 現 神 威
Dịch thế dũng văn tuyên thánh đức;
Phiêu triều đoạt vũ hiện thần uy.
Văn dũng truyền đời nêu thánh đức;
Võ vang triều nội hiện thần uy.
(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

德 大 安 民 千 古 盛
功 高 護 國 萬 年 長
Đức đại an dân thiên cổ thịnh;
Công cao hộ quốc vạn niên trường.
Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;
Công cao giúp nước vạn năm trường.
(Đình Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội)

[illegible] 山 珥 水 其 間 猶 多 旺 氣
亞 雨 歐 風 此 會 別 有 神 權
Nùng sơn Nhị thủy kỳ gian, do đa vượng khí;
Á vũ Âu phong thử hội, biệt hữu thần quyền.
Vẫn đó núi Nùng sông Nhị còn nhiều vượng khí;
Hội này gió Á mưa Âu riêng có thần quyền.
(Đền thờ Trần Hưng Đạo ở 30 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội)

接 貉 開 丁 冠 冕 稱 王 三 載 史
驅 蘇 抗 馬 山 河 還 我 萬 年 芳
Tiếp Lạc khai Đinh, quan miện xưng vương tam tải sử;
Khu Tô kháng Mã, sơn hà hoàn ngã vạn niên phương.
Tiếp Lạc, khai Đinh áo mũ xưng vương ba thu sử;
Đuổi Tô, chống Mã, giang sơn giành lại vạn xuân thơm.
(Đền H[illegible] Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

巍 巍 功 德 炳 南 天 如 今 猶 在
凜 凜 威 風 轟 北 地 曆 古 如 今
Nguy nguy công đức bính Nam thiên như kim do tại;
Lẫm lẫm uy phong oanh Bắc địa lịch cổ như kim.
Vời cao công đức, sáng rực trời Nam, đến nay còn mãi;
Lẫm liệt oai phong, vang lừng đất Bắc, từ cổ chí kim.
(Đền Hai Bà Trưng, Hà Nội)

要 渺 宜 修 簪 髮 雙 麾 大 仇 敵
精 靈 未 泯 冠 裳 重 整 舊 江 山
Yêu diệu nghi tu, trâm phát song ao đại cừu địch;
Tinh linh vị dẫn, quan thường trùng chỉnh cựu giang sơn.
Nhan sắc tuyệt trần, trâm tóc hai lần đánh tan quân giặc mạnh;
Hồn thiêng bất diệt, mũ xiêm mấy lượt dựng lại nước non xưa.
(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

象劍成功一統六十五城南國山河截然獨立
珥濃對峙屹今數千餘載將門姊妹凜若生存

Tượng kiếm thành công, nhất thống lục thập ngũ thành
Nam quốc sơn hà tiệt nhiên độc lập;
Nhị Nùng đối trĩ, ngật kim sổ thiên dư tải,
tướng môn tỉ muội lẫm nhược sinh tồn.

Cưỡi voi vung kiếm nên công, thống nhất sáu mươi nhăm thành,
sông núi nước Nam hiển nhiên độc lập;
Sông Nhị núi Nùng đối sánh, đến nay hai nghìn năm lẻ,
chị em cửa tướng khí phách còn nguyên.

(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

駕雨騰雲影聖德
除妖捍患凜神威

Giá vũ đằng vân ảnh thánh đức;
Trừ yêu hãn hoạn lẫm thần uy.

Hình đức thánh đi mây về vũ;
Dậy oai thần diệt nạn trừ yêu.

(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

聖德威靈除北寇
神功莫測振南邦

Thánh đức uy linh trừ Bắc khấu;
Thần công mạc trắc chấn Nam bang.

Trừ giặc Bắc - oai linh đức thánh;
Dậy trời Nam - xiết kể công thần.

(Chùa Hương Tuyết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

李朝國師系是酬恩彰盛典
南天聖祖詢爲顯赫大興聲

Lý triều quốc sư, hệ thị thù ân, chương thịnh điển;
Nam thiên thánh tổ, tuân vi hiển hách, đại hưng thanh.

Sử sách sáng ngời, ân đức gắn liền quốc sư triều Lý;
Linh thanh vang dội, công lao mưu sĩ thánh tổ trời Nam.

(Chùa Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

祝聖翌讚皇圖同日月光輝萬古
保民安祈物盛並山河壯麗千秋

Chúc thánh dực, tán hoàng viên, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;
Bảo dân an, kỳ vật thịnh, tịnh sơn hà tráng lệ thiên thu.
Chúc thánh đức, tụng vua hiền, cùng nhật nguyệt sáng ngời vạn cổ;
Giúp dân yên, cầu vật thịnh, với sơn hà tráng lệ nghìn thu.
(Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội)

拾 方 遠 外 同 群 聚
修 造 鄉 村 萬 世 傳
Thập phương viễn ngoại đồng quần tụ;
Tu tạo hương thôn vạn thế truyền.
Xa ngoại mười phương cùng quần tụ;
Xóm làng xây dựng vạn đời truyền.
(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

衛 國 滅 侵 忠 勇 千 秋 明 日 鏡
護 民 立 業 智 仁 萬 古 海 河 恩
Vệ quốc diệt xâm, trung dũng thiên thu minh nhật kính;
Hộ dân lập nghiệp, trí nhân vạn cổ hải hà ân.
Giữ nước diệt xâm lăng, trung dũng ngàn năm treo gương sáng;
Giúp dân lập cơ nghiệp, trí nhân muôn thuở biển sông ân.
(Đền Voi Phục, quận Ba Đình, Hà Nội)

百 世 英 靈 扶 社 稷
億 年 香 火 護 同 民
Bách thế anh linh phù xã tắc;
Ức niên hương hỏa hộ đồng dân.
Linh hiển trăm đời phò xã tắc;
Khói hương ngàn thuở giúp dân lành.
(Chùa Hộ Quốc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

此 地 成 家 石 可 轉 心 安 可 轉
自 天 甲 福 寧 厥 居 相 奠 厥 居
Thử địa thành gia, thạch khả chuyển, tâm an khả chuyển;
Tự thiên giáp phúc, ninh quyết cư, tương điện quyết cư.
Đây đất thành nhà, đá dẫu chuyển lòng sao thể chuyển;
Từ trời ban phúc, đã yên cư giữ vững yên cư.
(Chùa Hưng Ký, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

宇 宙 不 風 塵 北 南 兩 國
綱 常 而 勇 敢 姊 妹 一 門

Vũ trụ bất phong trần Bắc Nam lưỡng quốc;
Cương thường nhi dũng cảm tỉ muội nhất môn.

Vũ trụ chẳng phong trần, Bắc Nam hai nước;
Cương thường nên dũng cảm, em chị một nhà.

(Đền Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

德 大 安 民 千 古 盛
功 高 護 國 萬 年 長

Đức đại an dân thiên cổ thịnh;
Công cao hộ quốc vạn niên trường.

Đức lớn yên dân, ngàn thuở thịnh;
Công cao giúp nước, vạn năm trường.

(Đình Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội)

慧 日 光 臨 普 照 三 千 世 界
慈 雲 變 覆 洞 開 不 二 法 門

Tuệ nhật quang lâm, phổ chiếu tam thiên thế giới;
Từ vân biến phú, động khai bất nhị pháp môn.

Trí tuệ tựa ánh mặt trời, chiếu khắp ba nghìn thế giới;
Lòng từ như mây che chở, động khai chỉ một pháp môn.

(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

爲 國 爲 人 民 文 武 聖 神 留 顯 號
在 上 在 左 右 聰 明 正 直 贊 玄 機

Vị quốc vị nhân dân, văn vũ thánh thần lưu hiển hiệu;
Tại thượng, tại tả hữu, thông minh chính trực tán huyền cơ.

Vì nước, vì nhân dân, văn võ thánh thần lưu danh sáng;
Ngự trên, ngự phải trái, thông minh chính trực tiếng diệu huyền.

(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

會 主 興 功 百 世 舉 横 觀 慶
施 財 集 福 十 方 大 作 証 明

Hội chủ hưng công, bách thế cử hoành quan khánh;
Thi tài tập phúc, thập phương đại tác chứng minh.

Hội chủ hưng công, bách thế nêu cao niềm ngưỡng mộ;
Thi tài tập phúc, mười phương tạo tác để chứng minh.

(Chùa Trấn Quốc, quận Tây Hồ, Hà Nội)

兩 柱 高 標 魚 水 前 臨 三 級 浪
雙 臺 屹 立 蛇 風 後 繞 萬 重 山

Lưỡng trụ cao tiêu, ngư thủy tiền lâm tam cấp lãng;
Song đài ngật lập, xà phong hậu nhiễu vạn trùng sơn.

Hai cột dựng cao, trước ngư thủy dâng ba đợt sóng;
Hai đài đứng vững, sau xà phong vây vạn núi cao.

(Chùa Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

庭 前 翠 竹 凌 霜 動
窗 外 黃 梅 點 雪 濃

Đình tiền thúy trúc lăng sương động;
Song ngoại hoàng mai điểm tuyết nùng.

Trước sân sương đọng trên trúc biếc;
Ngoài sổ tuyết rơi cạnh mai vàng.

(Chùa Bút Tháp, quận Ba Đình, Hà Nội)

古 黎 朝 光 順 八 年 命 興 功 作
今 保 大 乙 亥 三 月 重 造 告 成

Cổ Lê triều Quang Thuận bát niên mệnh hưng công tác;
Kim Bảo Đại Ất hợi tam nguyệt trùng tạo cáo thành.

Xưa Lê triều Quang Thuận bát niên hưng công dựng;
Nay Bảo Đại tháng ba Ất hợi tu sửa hoàn thành.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

歷 劫 爲 明 君 爲 良 將 爲 孝 子 爲 導 師 運
用 眞 如 結 無 量 善 緣 庄 嚴 福 海
現 世 棄 珍 寶 棄 妻 孥 棄 國 城 棄 王 位 圓
成 大 覺 說 恆 沙 妙 法 拔 濟 迷 流

Lịch kiếp vi minh quân, vi lương tướng, vi hiếu tử, vi đạo sư vận dụng chân như, kết vô lượng thiện duyên, trang nghiêm phúc hải;
Hiện thế khí trân bảo, khí thê noa, khí quốc thành, khí vương vị, viên thành đại giác, thuyết hằng sa diệu pháp, bạt tế mê lưu.

Kiếp xưa, làm minh quân, làm lương tướng, làm con hiếu, làm thầy dạy, vận dụng lẽ chân như, kết vô lượng, duyên thiện trang nghiêm biển phúc;
Đời nay, bỏ của báu, bỏ vợ con, bỏ thành trì, bỏ ngôi vua, vẹn tròn điều đại giác, thuyết hằng sa, phép huyền cứu độ dòng mê.

(Chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

天 地 山 川 育 秀 鍾 英 普 正 氣
神 仙 佛 聖 除 災 降 福 凜 靈 聲

Thiên địa sơn xuyên, dục tú chung anh, phổ chính khí;
Thần tiên phật thánh, trừ tai giáng phúc, lẫm linh thanh.

Trời đất núi sông, hun đúc tinh hoa, tràn chính khí;
Thần tiên phật thánh, trừ tai ban phúc, nổi tiếng linh.

(Chùa Pháp Hoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

萬 里 祥 雲 敷 草 木
一 天 和 氣 滿 樓 臺

Vạn lý tường vân phu thảo mộc;
Nhất thiên hòa khí mãn lâu đài.

Muôn dặm mây lành phủ thảo mộc;
Một trời khí ấm tỏa lâu đài.

(Chùa Linh Thông, Vân Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

雲 漂 一 路 留 仙 境
水 碧 護 池 洗 鶴 華

Vân phiêu nhất lộ lưu tiên cảnh;
Thủy bích hộ trì tẩy hạc hoa.

Mây nổi một đường lưu tiên cảnh;
Nước biếc ao trong rửa hạc hoa.

(Bích Câu đạo quán, quận Đống Đa, Hà Nội)

吼 聲 天 地 動
觸 睦 鬼 邪 驚

Hống thanh, thiên địa động;
Xúc mục quỉ tà kinh.

Thét lên trời đất chuyển;
Đảo mắt quỉ ma kinh.

(Đền Khánh Thụy, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

英 靈 勝 北 地
赫 濯 振 南 天

Anh linh thắng Bắc địa;
Hách trạc chấn Nam thiên.

Anh linh hơn đất Bắc;
Rực rỡ chấn trời Nam.

(Đền Khánh Thụy, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

光 大 基 自 此 始
前 後 業 所 共 和
Quang đại cơ tự thử thủy;
Tiền hậu nghiệp sở cộng hòa.
Cơ đồ rực rỡ từ đây mở;
Sự nghiệp trước sau chốn cộng hòa.
(Chùa Quang Hoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

蓮 臺 仰 望 慈 雲
鍾 閣 清 高 慧 日
Liên đài ngưỡng vọng từ vân;
Chung các thanh cao tuệ nhật.
Mây lành đài sen ngưỡng vọng;
Ngày sáng chuông gác thanh cao.
(Chùa Đông Môn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

虎 榜 龍 門 善 仁 緣 法
硯 臺 筆 塔 大 塊 文 章
Hổ bảng long môn thiện nhân duyên pháp;
Nghiên đài bút tháp đại khôi văn chương.
Duyên pháp thiện nhân cửa rồng bảng hổ;
Văn chương trời đất tháp bút đài nghiên.
(Đền Ngọc Sơn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

日 照 月 臨 玉 壺 燦 爛
山 纏 水 繞 緯 萬 奇 觀
Nhật chiếu nguyệt lâm ngọc hồ xán lạn;
Sơn triền thủy nhiễu vĩ vạn kỳ quan.
Trời chiếu, trăng soi, Ngọc Hồ xán lạn;
Núi quanh, nước uốn, hóa vạn kỳ quan.
(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

聖 蹟 化 身 三 世 留 青 史
英 聲 濟 翼 四 海 鎮 皇 都
Thánh tích hóa thân, tam thế lưu thanh sử;
Anh thanh tế dực, tứ hải trấn hoàng đô.
Dấu thánh hóa thân, tam thế truyền lưu thanh sử;
Tiếng thơm trợ giúp, tứ hải trấn định hoàng đô.

左 右 表 奇 觀 同 登 覺 岸
古 今 標 勝 景 共 入 玄 門

Tả hữu biểu kỳ quan, đồng đăng giác ngạn;
Cổ kim tiêu thắng cảnh, cộng nhập huyền môn.

Tả hữu nổi kỳ quan, cùng lên bờ giác;
Cổ kim truyền thắng cảnh, thẩy nhập cửa huyền.

(Chùa Phổ Linh, quận Tây Hồ, Hà Nội)

開 必 光 本 固 根 深 憑 昔 樹
裕 於 後 枝 榮 葉 茂 發 於 花

Khai tất tiên, bản cố căn nguyên bằng tích thụ;
Dụ ư hậu, chi vinh diệp mậu phát ư hoa.

Thuở trước mở ra, cây xưa nhờ rễ sâu gốc vững;
Ngày sau thịnh đạt, hoa thắm do lá tốt cành tươi.

(Chùa Liên Phái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

僧 到 佛 來 光 被 萬 家 千 古 燭
地 靈 天 寶 花 開 十 丈 四 時 蓮

Tăng đáo Phật lai, quang bị vạn gia, thiên cổ chúc;
Địa linh thiên bảo, hoa khai thập trượng tứ thời liên.

Sư đến Phật qua, đuốc sáng muôn nhà soi nghìn thuở;
Đất thiêng trời báu, sen thơm mười trượng nở bốn mùa.

(Chùa Quang Hoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

客 到 禪 關 每 念 彌 陀 塵 慮 靜
人 歸 淨 院 持 心 般 若 夢 魂 清

Khách đáo Thiền quan, mỗi niệm Di Đà trần lự tĩnh;
Nhân qui Tịnh viện, trì tâm Bát Nhã mộng hồn thanh.

Khách đến cửa chùa, miệng niệm Di Đà, nghĩ suy tĩnh lặng;
Người về Tịnh viện, lòng tin Bát Nhã, hồn mộng sạch trong.

(Chùa Quang Hoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

妙 法 無 言 一 片 婆 心 神 廣 運
玄 機 莫 測 四 方 赤 子 共 霑 恩

Diệu pháp vô ngôn nhất phiến bà tâm thần quảng vận;
Huyền cơ mạc trắc tứ phương xích tử cộng chiêm ân.

Diệu pháp không lời, một tấm lòng son hồn rộng mở;
Huyền cơ khó biết, bốn phương con đỏ được ơn nhiều.

(Đại Hùng bảo điện, chùa Hương)

南同珠玉萬景樓臺色耀祥雲
東土貉龍都棟宇重新臨慧日

Nam Đồng châu ngọc, vạn cảnh lâu đài sắc, diệu tường vân;
Đông Thổ Lạc Long, đô đống vũ trùng tân, lâm tuệ nhật.

Nam Đồng đất thiêng châu ngọc, vạn cảnh lâu đài mây lành sắc đẹp;
Đông Thổ đế kinh Lạc Long, thấy đều rường cột, trời sáng bừng soi.

(Chùa Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội)

逝水者如斯文武衣冠王侯第宅
高山長仰止三關間奧數仞宮墻

Thệ thủy giả như tư, văn vũ y quan, vương hầu đệ trạch;
Cao sơn trường ngưỡng chỉ, tam quan gian áo, sổ nhận cung tường.

Nước chẩy vẫn như thường, văn võ y quan vương hầu phủ đệ;
Núi cao trông mãi thế, tam quan sâu thẳm mấy nhận học đường.

(Văn Miếu, Hà Nội)

天庭陟降三奇雲葛仙鄉留祀典
南越預名四不古梁勝地起崇祠

Thiên đình trắc giáng tam kỳ, Vân Cát tiên hương lưu tự điển;
Nam Việt dự danh tứ bất, Cổ Lương thắng địa khởi sùng từ.

Trải ba lần thăng giáng chốn thiên đình, Vân Cát tiên hương ghi lịch sử;
Được dự bậc tứ bất tử nước Nam, Cổ Lương thắng địa dựng đền cao.

(Đình Cổ Lương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

金木水火有功則祀之在上在左右
富壽康寧欽福以錫厥此土此人民

Kim mộc thủy hỏa hữu công, tắc tự chi tại thượng, tại tả hữu;
Phú thọ khang ninh liễm phúc, dĩ tích quyết thử thổ, thử nhân dân.

Bậc có công sánh kim mộc thủy hỏa, được thờ ở trên, bên trái bên phải;
Trời gom phúc ban phú thọ khang ninh cho vùng đất này, cho chúng dân này.

(Đình Tân Khai, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

八葉初銅鼓山言歷代褒封留玉牒
千載後珠盤海誓壹心念孝奉金章

Bát diệp sơ, Đồng Cổ sơn ngôn, lịch đại bao phong, lưu ngọc điệp;
Thiên tải hậu, Châu Bàn hải thệ nhất tâm niệm hiếu, phụng kim chương.

Tám đời xưa, Đồng Cổ truyền ngôi, trải các triều bao phong, lưu ngọc điệp;
Ngàn năm sau, Châu Bàn thề biển, nguyện một lòng trung hiếu, phụng kim chương.

(Chùa Đồng Cổ, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

佛法僧四果福祿壽財化無過禪中佐
天地人和靈應千花高壹寶鼎眞如生

Phật pháp tăng, tứ quả phúc lộc thọ, tài hóa vô biên, thiền trung tá;
Thiên địa nhân, hòa linh ứng thiên hoa, cao đài bảo đỉnh, chân như sinh.

Phật pháp tăng, tứ quả phúc lộc thọ, tài hóa biến vô cùng,
cửa thiền giúp sức;
Thiên địa nhân, hòa linh ứng ngàn hoa, đài cao chung đỉnh báu,
chân thực như sinh.

(Chùa Linh Ứng, quận Đống Đa, Hà Nội)

在陳晚緑文儒官太保計誅赤綏逆臣
入黎初以節烈秩大王廟祀黃梅故墅

Tại Trần văn, diêu văn nho quan, thái bảo kế tru, xích tuy nghịch thần;
Nhập Lê sơ, dĩ tiết liệt trật, đại vương miếu tự, Hoàng Mai cổ thự.

Tại Trần mạt, nho quan tài sĩ, Thái bảo quyền mưu, trừ loài bạo nghịch;
Sang Lê sơ, tiết liệt sắc phong, Đại vương thờ miếu, dinh cũ Hoàng Mai.

(Đình Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

玉井水之清酒淨慶罍寶鑑光開光世界
壹心天共白消除孽瘴金身顧現度群生

Ngọc tỉnh thủy chi thanh, tửu tịnh khánh hiêu, bảo giám hoằng khai quang thế giới
Hồ tâm thiên cộng bạch, tiêu trừ nghiệt chướng, kim thân cố hiện, độ quần sinh.

Giếng ngọc nước trong xanh, rượu mạnh chúc mừng, gương báu soi chung quanh thế giới;
Hồ tâm trời thanh bạch, tiêu trừ nghiệt chướng, thân vàng ngoảnh hiện cứu chúng sinh.

(Chùa Ngọc Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội)

龍過城外別此霸王基一朵蓮生長化廣
庚戌年來重開功德水千秋派引繼花傳

Long Biên thành ngoại, biệt thử bá vương cơ, nhất đóa liên sinh trường hóa quảng;
Canh tuất niên lai, trùng khai công đức thủy, thiên thu phái dẫn kế hoa truyền.

Long Biên thành ngoại, lập vương bá cơ đồ, một đóa tươi sen sinh hóa khắp;
Canh tuất lại nay, mở nguồn sâu công đức, nghìn thu dẫn độ nối hoa truyền.

(Chùa Liên Phái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

登門眺望龍肚鍾靈特地樓臺近挹西湖月
歷大稱傳帝都四鎮敦天華表遙對武當山
Đăng môn diêu vọng Long Đỗ, chung linh đặc địa, lâu đài cận ấp Tây Hồ nguyệt
Lịch đại xứng truyền đế đô, tứ trấn kính thiên, hoa biểu dao đối Vũ Đương sơn.
Lên cửa trông xa Long Đỗ, chung linh đất quí, lâu đài ôm bóng Tây Hồ nguyệt
Truyền đời danh xứng đế đô, tứ trấn trời cao, cột trụ giao đối Vũ Đương sơn.
(Đền Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội)

立杖九霄天而天不能高六智神通天佛祖
覆婆千里地而地無可廣百般爰化地神仙
Lập trượng cửu tiêu thiên, nhi thiên bất năng cao lục trí, thần thông thiên Phật tổ
Phúc bà thiên lý địa, nhi địa vô khả quảng bách ban, biến hóa địa thần tiên
Cây trượng lập chín tầng trời, trời không cao bằng lục trí, thần thông trời Phật tổ
Phật bà che nghìn dặm đất, đất không rộng bằng trăm loài, biến hóa đất thần tiên
(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

三身具足巍巍生斷涅盤城應三世隨緣濟世
四智圓明隱隱常居華藏界憫四生示現度生
Tam thân cụ túc, nguy nguy sinh đoán Niết Bàn thành, ứng tam thế, tùy duyên tế thế;
Tứ trí viên minh, ẩn ẩn thường cư hoa tạng giới, mẫn tứ sinh, thị hiện độ sinh.
Ba thân đầy đủ, nguy nga sinh đoán thành Niết Bàn, ứng tam thế theo duyên cứu thế;
Bốn trí sáng tròn, huyền ảo thường tại kinh Hoa nghiêm, thương tứ sinh hiện rõ độ sinh.
(Chùa Nga My, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

本是大悲心曠觀苦海惱城濟渡群生登覺岸
廣開方便法普泛慈航寶筏提攜四眾出迷津

Bản thị đại bi, tâm khoáng quan khổ hải não thành,
tế độ quần sinh đăng giác ngạn;
Quảng khai phương tiện, pháp phổ phiếm từ hàng bảo phiệt,
đề huề tứ chúng xuất mê tân.
Vốn đại bi thương, lòng hiểu thấu não phiền khổ hải,
cứu giúp chúng sinh lên bờ giác;
Mở đường phương tiện, phép mênh mông bè báu chở ân,
dắt dìu người nạn thoát.
(Chùa Phúc Khánh, quận Đống Đa, Hà Nội)

扶斯世道消磨安得救難慈航渡一切眾
生超沉苦海
但願至尊布施姑試點金妙術爲萬千種
類鑄自由身
Phù tư thế đạo tiêu ma, an đắc cứu nạn từ hàng, độ nhất thiết
chúng sinh, siêu trầm khổ hải;
Đãn nguyện chí tôn bố thí, cô thí điểm kim diệu thuật, vị vạn thiên
chủng loại chú tự do thân.
Giúp đời thế đạo tiêu ma, sao cho thuyền từ cứu nạn hết thẩy
chúng sinh vượt trầm luân bể khổ;
Những mong chí tôn bố thí, nguyện đem diệu thuật điểm tô
vì muôn ngàn loài giống đúc tượng tự do.
(Chùa Hộ Quốc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội)

土信美哉其間有羅城有蘇水有事業文章
自古以來推望邑
德其盛矣使人爲孝子爲忠臣爲慈祥測恒
無知莫慢托神權
Thổ tín mỹ tai, kỳ văn hữu La Thành, hữu Tô Thủy, hữu sự nghiệp
văn chương, tự cổ dĩ lai thôi vọng ấp;
Đức kỳ thịnh hỹ, sử nhân vi hiếu tử, vi trung thần, vi từ tường
trắc đát, vô tri mạc mạn thác thần quyền.
Đất tín đẹp thay, nơi đây có La Thành, có Tô Thủy,
có sự nghiệp văn chương, xưa nay là ấp chưa từng thấy;
Đức này thịnh vậy, khiến người là con hiếu, là tôi trung, là người
trên thương người dưới, không biết chớ mạn thác thần quyền.
(Đình Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

眞 壯 哉 峰 州 寶 劍 振 天 聲 曰 都 曰 邑 肇 此
邦 基 千 古 奇 功 歸 粉 黛
尤 異 者 希 嶺 雲 車 飛 帝 所 稱 聖 稱 神 巍 然
廟 貌 億 年 遺 像 入 丹 青

Chân tráng tai, Phong Châu bảo kiếm chấn thiên thanh, viết đô, viết ấp triệu thử bang cơ, thiên cổ kỳ công qui phấn đại;
Vưu dị giả, Hi Lĩnh vân xa phi đế sở, xưng thánh, xưng thần nguy nhiên miếu mạo, ức niên di tượng nhập đan thanh.

Hùng tráng thay! Kiếm báu Phong Châu, chấn động trời, gọi là đô, gọi là ấp, mở nền bang quốc, công lạ nghìn năm trang liệt nữ;
Kỳ lạ thật! Xe mây Hi Lĩnh lượn nơi vua, xưng là thánh, xưng là thần, dựng xây miếu mạo, truyền lưu vạn thuở tượng đan thanh.

千 秋 懷 抱 三 杯 酒
萬 里 雲 山 一 水 樓

Thiên thu hoài bão tam bôi tửu;
Vạn lý vân sơn nhất thuỷ lâu.

Ba chén rượu ngàn năm tơ tưởng;
Một thuỷ lầu muôn dặm trời mây.

曾 經 滄 海 難 爲 水
欲 上 高 樓 且 泊 舟

Tằng kinh thương hải nan vi thuỷ;
Dục thướng cao lâu thả bạc chu.

Từng qua biển lớn e làn nước;
Muôn thượng lầu cao hãy đậu thuyền.

色 即 是 空 空 即 是 色
詩 中 有 畫 畫 中 有 詩

Sắc tức thị không, không tức thị sắc;
Thi trung hữu hoạ, hoạ trung hữu thi.

Sắc tức là không, không tức là sắc;
Thơ có trong hoạ, hoạ có trong thơ.

漁 舍 曉 煙 消 長 嘯 一 聲 千 地 闊
野 航 初 日 起 乍 傳 逸 響 海 山 青

Ngư xá hiểu yên tiêu, trường khiếu nhất thanh thiên địa khoát;
Dã hàng sơ nhật khởi, sạ truyền dật hưởng hải sơn thanh.

Nhà chài sớm khói lam, một tiếng kêu vang trời đất rộng;
Đò quê sáng rời bến, mái chèo khua động biển non xanh.

橋 引 長 虹 柄 島 岸
樓 當 明 月 坐 湖 心
Kiều dẫn trường hồng thê đảo ngạn;
Lâu đương minh nguyệt toạ hồ tâm.
Cầu bắc cầu vồng qua bến đảo;
Lầu treo trăng sáng nổi trên hồ.

臨 水 登 山 一 路 漸 入 佳 景
尋 源 訪 古 此 中 無 限 風 光
Lâm thuỷ đăng sơn, nhất lộ tiệm nhập giai cảnh;
Tầm nguyên phỏng cổ, thử trung vô hạn phong quang.
Tới nước lên non, đường ấy dần vào cảnh đẹp;
Tìm người hỏi cội, nơi đây lắm vẻ phong quang.

山 名 不 在 高 水 靈 不 在 深 自 有 主 者
天 柱 賴 以 尊 地 維 賴 以 立 惟 此 浩 然
Sơn danh bất tại cao, thuỷ linh bất tại thâm, tự hữu chủ giả;
Thiên trụ lại dĩ tôn, địa duy lại dĩ lập, duy thử hạo nhiên.
Núi xanh chẳng vì cao, nước thiêng chẳng vì sâu, đều vì có chủ;
Trời dựng nhờ được tôn, đất liền nhờ được đứng, chính là tự nhiên.

忠 厚 一 生 嫌 善 少
平 安 二 字 值 錢 多
Trung hậu nhất sinh hiềm thiện thiểu;
Bình an nhị tự trị tiền đa.
Trung hậu một đời hiềm thiện ít;
Bình an hai chữ giá tiền cao.

此 間 干 淨 土 聞 鐘 磬 響 結 香 火 緣 任 世 變 滄 桑
依 舊 住 南 天 佛 國
幾 許 往 來 人 得 歡 喜 門 除 煩 惱 障 是 運 回 金 碧
又 新 開 西 竺 道 場
Thử gian can tĩnh thổ, văn chung khánh hưởng, kết hương hoả duyên, nhậm thế biến thương tang, y cựu trú Nam Thiên Phật Quốc;
Kỷ hứa vãng lai nhân, đắc hoan hỉ môn, trừ phiền não chướng, thị vận hồi kim bích, hựu tân khai Tây Trúc đạo trường.
Nơi đây đất yên tĩnh, nghe tiếng chuông khánh, kết hương hoả duyên, mặc kệ đời dâu bể, vẫn chốn cũ trời Nam nước Phật;
Chừng hứa kẻ vãng lai, được chốn vui mừng, trừ phiền não chướng, nhờ vận may vàng ngọc, mới mở ra Tây trúc đạo tràng.

綠水波瀾勝景西湖洗盡人間煩惱事
荷香清淡名藍鎮國覺來世路罔迷心

Lục thuỷ ba lan, thắng cảnh Tây Hồ, tẩy tận nhân gian phiền não sự;
Hà hương thanh đạm, danh lam Trấn Quốc, giác lai thế lộ võng mê tâm.

Nước biếc gợn lăn tăn, thắng cảnh Tây Hồ, chuyện phiền não nhân gian rửa sạch
Hương sen đưa thoang thoảng, danh lam Trấn Quốc lòng loạn mê cõi thế tỉnh ra.

萬樹合參天佇看坊表一新長使名山留勝跡
八方齊向治際此干戈永靖當要善政慰蒼生

Vạn thụ hợp tham thiên, trữ khan phường biểu nhất tân, trường sử danh sơn lưu thắng tích;
Bát phương tề hướng trị, tế thử can qua vĩnh tĩnh, đương yêu thiện chính uý thương sinh.

Muôn cây họp ngất trời, đứng xem rạng rỡ một vùng, mãi để danh sơn lưu thắng tích;
Tám phương đều bình trị, đến lúc binh đao vắng lặng, còn mong thiện chính giúp dân đen.

時出雲煙鋪下界
夜來鐘磬徹諸天

Thời xuất vân yên phô hạ giới;
Dạ lai chung khánh triệt chư thiên.

Đúng lúc khói mây giăng hạ giới;
Vào đêm chuông khánh thấu chư thiên.

蓮座擁祥雲具大神通忽見千般手眼
檀林.詩法雨是眞佛力總由一念慈悲

Liên toạ ủng tường vân, cụ đại thần thông hốt kiến thiên ban thủ nhãn;
Đàn lâm thi pháp vũ, thị chân phật lực, tổng do nhất niệm từ bi.

Mây lành phủ toà sen, mạnh vậy thần thông, bỗng hiện đủ ngàn tay mắt;
Nước Pháp tưới đàn tràng, đúng là phật lực, đều do một niệm từ bi.

春水船如天上坐
秋山人在畫中行

Xuân thuỷ thuyền như thiên thượng toạ;
Thu sơn nhân tại hoạ trung hành.

Non thu người ngỡ đi trong hoạ;
Nước xuân thuyền tưởng dạo lưng trời.

石級有塵清風掃
洞天無鎖白雲封
Thạch cấp hữu trần thanh phong tảo;
Động thiên vô toả bạch vân phong.
Gió mát quét bụi vương thềm đá;
Mây trắng trùm cửa ngõ động trời.

慈悲中降一點甘露結成聰明子
感應處灑三千淨水生就智慧花
Từ bi trung, giáng nhất điểm cam lộ, kết thành thông minh tử;
Cảm ứng xứ, sái tam thiên tịnh thuỷ, sinh tựu trí tuệ hoa.
Một giọt cam lộ rơi chốn từ bi, kết thông minh quả;
Ba ngàn tịnh thuỷ tưới nơi cảm ứng, sinh trí tuệ hoa.

浩氣滿乾坤久矣古今至聖
精忠貫日月偉哉宇宙大雄
Hạo khí mãn càn khôn, cửu hĩ cổ kim chí thánh;
Tinh trung quán nhật nguyệt, vĩ tai vũ trụ đại hùng.
Khí hạo nhiên đầy rãy càn khôn, trường cửu vậy cổ kim chí thánh;
Lòng tinh trung quán thông nhật nguyệt, vĩ đại thay vũ trụ đại hùng.

舉步艱危要把腳跟立穩
置身霄漢更宜心境放平
Cử bộ gian nguy, yêu bả cước cân lập ổn;
Trí thân tiêu hán, cánh nghi tâm cảnh phóng bình.
Cất bước gian nguy, gân cốt xem chừng cần phải ổn;
Gửi thân mây nước, lòng dạ nên chăng giữ cân bằng.

作孝作忠今古聖神常在
允文允武山川風氣全開
Tác hiếu tác trung, kim cổ thánh thần thường tại;
Doãn văn doãn vũ, sơn xuyên phong khí toàn khai.
Làm hiếu làm trung, thần thánh xưa nay vẫn thế;
Đủ văn đủ vũ, khí phong sông núi tràn đầy.

勝地自西來竺杖回春特開天載梵境
佛法傳東土慈雲垂蔭廣被萬劫群生
Thắng địa tự tây lai, trúc trượng hồi xuân, đặc khai thiên tải Phạn cảnh;
Phật pháp truyền đông thổ, từ vân thuỳ ấm, quảng bị vạn kiếp quần sinh.

Thắng địa tự Tây qua, gậy Trúc xuân về, riêng mở ngàn năm cảnh Phạn;
Phật pháp truyền Đông lại, mây từ ấm phủ, che chở vạn kiếp chúng sinh.

大道無私玄機妙悟傳燈錄
先緣有份勝地同登選佛場

Đại đạo vô tư, huyền cơ diệu ngộ truyền đăng lục;
Tiên duyên hữu phận, thắng địa đồng đăng tuyển phật trường.

Đạo lớn chẳng riêng ai, máy huyền vĩ ngộ sự diệu kỳ ghi trong sách sử;
Kiếp duyên đều có phận, nơi thắng địa cùng nhau lên tới chọn lối Phật trường.

一池荷葉衣無盡
數樹松花食有餘

Nhất trì hà diệp y vô tận;
Sổ thụ tùng hoa thực hữu dư.

Một hồ lá sen, mặc không thiếu;
Vài gốc hoa tùng, ăn có thừa.

慢樂最關懷問流水行雲何時慰我爲霖願
俯仰自成趣看鳶飛魚躍隨處引人悟道心

Ưu lạc tối quan hoài, vấn lưu thuỷ hành vân, hà thời uý ngã vi lâm nguyện;
Phủ ngưỡng tự thành thú, khán diên phi ngư dược, tuỳ xứ dẫn nhân ngộ đạo tâm

Buồn vui rất để tâm, hỏi nước chảy mây trôi, nào lúc làm mưa an ủi tớ;
Ngửa cúi đã thành thú, xem diều bay cá nhảy, tuỳ nơi ngộ đạo dẫn đưa người.

學海浩無邊前賢締造千秋業
文章高有道後秀啓承萬古春

Học hải hạo vô biên, tiền hiền đề tạo thiên thu nghiệp;
Văn chương cao hữu đạo, hậu tú khải thừa vạn cổ xuân.

Biển học rộng không bờ, kẻ hiền trước dựng ngàn năm nghiệp;
Văn chương cao có đạo, người giỏi sau nối vạn đời xuân.

先天引出後天難明至德
無極演成太極通達生靈

Tiên thiên dẫn xuất hậu thiên nan minh chí đức;
Vô cực diễn thành thái cực thông đạt sinh linh.

Tiên thiên dẫn tới hậu thiên, đức cùng khó tỏ;
Vô cực biến thành thái cực, quần sinh truyền thông.

青山有約常圍護
玄鶴無心任去來
Thanh sơn hữu ước thường vi hộ;
Huyền hạc vô tâm nhiệm khứ lai.
Non xanh có hẹn thường vây bọc;
Hạc huyền vô ý vẫn đi về.

勝地喜頻臨野鶴仙猿應識我
良時莫錯過清風明月正宜人
Thắng địa hỷ tần lâm, dã hạc tiên viên ưng thức ngã;
Lương thời mạc thác quá, thanh phong minh nguyệt chính nghi nhân.
Đất đẹp năng đến thăm, hạc nội, vươn tiên hẳn biết tớ;
Giờ lành đừng bỏ quá, gió thanh, trăng sáng vốn ưa người.

寬著肚及須忍辱
放開眉眼且從容
Khoan trước đỗ bì tu nhẫn nhục;
Phóng khai my nhãn thả thong dong.
Bụng có đầy hơi nên nhẫn nhục;
Mắt nên to mở, hãy ung dung.

人間萬惡滿臉笑
天下慢愁一袋裝
Nhân gian vạn ác mãn kiểm tiếu;
Thiên hạ ưu sầu nhất đại trang.
Vạn ác nhân gian cười tủm tỉm;
Buồn lo thiên hạ một túi chung.

晴山入座來清氣
夕照浮空耀彩霞
Tình sơn nhập toạ lai thanh khí;
Tịch chiếu phù không diệu thái hà.
Hửng non nhập toạ vời thanh khí;
Bừng chiếu không gian rạng vẻ chiều.

佳節正中秋酌酒吟詩取不盡山間明月
高明將滿坐懷瑜握瑾最難得席上奇珍

Giai tiết chính trung thu, chước tửu ngâm thi, thủ bất tận sơn gian minh nguyệt
Cao minh tương mãn toạ, hoài du ác cẩn, tối nan đắc tịch thượng kỳ trân.
Giai tiết đúng trung thu, rượu rót, thơ ngâm, chẳng thu hết non cao trăng sáng;
Cao minh ngồi đủ mặt, ngọc cầm, báu nắm, khó lấy sao tiệc đủ kỳ trân.

秋報務存誠酌水獻花承設敢當賽寶會
夜游休秉燭吟風弄月往來恍在廣寒宮

Thu báo vụ tồn thành, chước thuỷ hiến hoa, thừa thiết cảm đương trại bảo hội;
Dạ du hưu bỉnh chúc,ngâ phong lộng nguyệt,vãng lai hoảng tại Quảng Hàn cung
Thu báo đã xong mùa, rót rượu, hiến hoa nhân dịp đứng ra làm lễ hội;
Chơi đêm đừng thắp đuốc, đùa trăng, giỡn gió qua lại xem như chốn Quảng Hàn

到處是春光鑿井耕田黎庶皆霑新雨露
登堂無俗氣吟詩酌酒閑情猶憶舊煙波

Đáo xứ thị xuân quang, tạc tỉnh canh điền, lê thứ giai triêm tân vũ lộ;
Đăng đường vô tục khí, ngâm thi chước tửu, nhàn tình do ức cựu yên ba.
Ánh xuân chiếu khắp nơi, đào giếng, cày đồng, dân chúng thấm nhuần mưa móc mới;
Khí tục chẳng vào nhà, ngâm thơ, rót rượu ngồi nhàn nhớ lại khói sóng xưa.

欣逢素月流清露
愁見秋陽映夕嵐

Hân phùng tố nguyệt lưu thanh lộ;
Sầu kiến thu dương ánh tịch lam.
Mừng trông trăng sáng, sương buông đọng;
Buồn thấy chiều thu, khói toả lan.

聞弦歌之聲近者悅遠者來勞而無怨
見羽毛之美視思明聽思聰樂以忘憂

Văn huyền ca chi thanh, cận giả duyệt, viễn giả lai, lao nhi vô oán;
Kiến vũ mao chi mỹ, thị tư minh, thính tư thông, lạc dĩ vong ưu.
Nghe tiếng huyền ca, kẻ gần ưa, người xa tới, mệt mà không oán;
Thấy màu lông đẹp, mắt xem tinh, tai nghe thính, mừng đến quên lo.

暮鼓寂時林愈靜
晨鍾響處山更幽
Mộ cổ tịch thời, lâm dũ tĩnh;
Thần chung hưởng xứ, sơn cánh u.
Trống chiều lúc lặng, rừng thêm tĩnh;
Chuông sáng âm vang, núi cũng u.

青嶂有情留客住
白雲無事伴僧閑
Thanh chướng hữu tình lưu khách trú;
Bạch vân vô sự bạn tăng nhàn.
Ngọn núi có tình lưu khách trọ;
Ngàn mây rỗi việc bạn sư chơi.

水秀山青到此白雲能醉客
鳥啼花放須知綠竹亦參禪
Thuỷ tú sơn thanh, đáo thử bạch vân năng túy khách;
Điểu đề hoa phóng, tu tri lục trúc diệc tham thiền.
Nước biếc non xanh, đấy nơi mây trắng say lòng khách;
Chim kêu hoa nở, chốn này trúc biếc cũng tham thiền.

夜靜鐘聲徹
樓高月影圓
Dạ tĩnh chung thanh triệt;
Lâu cao nguyệt ảnh viên.
Đêm tĩnh tiếng chuông càng rõ;
Lầu cao bóng nguyệt thêm tròn.

雲移山欲動
水漾石疑浮
Vân di sơn dục động;
Thuỷ dạng thạch nghi phú.
Mây trôi, núi như động;
Nước dợn, đá dập dờn.

滄 海 靜 時 無 俗 氣
白 雲 深 處 有 神 仙
Thương hải tĩnh thời vô tục khí;
Bạch vân thâm xứ hữu thần tiên.
Lúc tĩnh biển xanh không khí tục;
Vùng sâu mây trắng có thần tiên.

天 空 雲 影 濕
水 碧 石 痕 清
Thiên không vân ảnh thấp;
Thuỷ bích thạch ngân thanh.
Trời xanh bóng mây ẩm;
Nước biếc ngấn đá trong.

天 光 雲 影 超 碧 落
月 朗 風 清 脱 俗 塵
Thiên quang vân ảnh siêu bích lạc;
Nguyệt lãng phong thanh thoát tục trần.
Trời quang mây biếc trôi từng đám;
Gió mát trăng thanh sạch bụi trần.

世 務 繁 多 得 閑 時 是 領 之 清 風 明 月
人 生 如 夢 到 醒 後 須 聽 此 暮 鼓 晨 鐘
Thế vụ phồn đa, đắc nhàn thời thị lãnh chi thanh phong minh nguyệt;
Nhân sinh như mộng, đáo tỉnh hậu tu thính thử mộ cổ thần chung.
Cõi thế lắm phiền hà, hãy lãnh đủ gió mát, trăng thanh khi được rảnh;
Đời người là mộng ảo, nên lắng nghe chuông sớm, trống chiều lúc tỉnh ra.

峰 影 遙 看 雲 蓋 結
松 聲 靜 聽 海 潮 生
Phong ảnh dao khan vân cái kết;
Tùng thanh tĩnh thính hải triều sinh.
Bóng núi xa nhìn mây phủ kín;
Thông reo vẳng tiếng nước triều dâng.

雨 散 雲 收 到 此 一 時 忘 卻
山 青 水 綠 還 他 實 相 儼 然
Vũ tán vân thu đáo thử nhất thời vong khước;
Sơn thanh thuỷ lục, hoàn tha thực tướng nghiễm nhiên.

Mưa tạnh mây tan, đến nơi ấy liền quên trở gót;
Non xanh nước biếc, trở lại đây dáng vẻ thực trang nghiêm.

宛 然 霸 上 風 情 柳 眼 青 青 常 送 客
疑 是 武 陵 仙 境 桃 花 片 片 欲 迎 人

Uyển nhiên bá thượng phong tình, liễu nhãn thanh thanh thường tống khách;
Nghi thị vũ lăng tiên cảnh đào hoa phiến phiến dục nghinh dân.

Chẳng thua Bá Thượng phong tình, mắt liễu xanh xanh thường tiễn khách;
Những ngỡ Vũ Lăng tiên cảnh, hoa đào đoá đoá tiếp nghênh người.

畫 棟 倚 雲 端 時 有 清 風 時 有 月
長 橋 收 野 趣 半 看 流 水 半 看 山

Hoạ đống ỷ vân đoan, thời hữu thanh phong, thời hữu nguyệt;
Trường kiều thu dã thú, bán khan lưu thuỷ, bán khan sơn.

Cột vẽ tựa trời mây, lúc có trăng trong, lúc gió mát;
Cây cầu đón cảnh thú, nửa nhìn nước chảy, nửa nhìn non.

遠 水 平 沙 有 客 泛 舟 桃 葉 渡
斜 風 細 雨 何 人 攜 榼 杏 花 村

Viễn thuỷ bình sa, hữu khách phiếm chu đào diệp độ;
Tà phong tế vũ, hà nhân huề khải hạnh hoa thôn.

Nước xa nổi bãi cát, khách ai đẩy qua đò Đào Diệp;
Trời chiều cơn mưa nhỏ, người nào đây xách rượu Hạnh Hoa.

明 月 三 更 映 綠 水
朝 陽 一 色 染 紅 雲

Minh nguyệt tam canh ánh lục thuỷ;
Triều dương nhất sắc nhiễm hồng vân.

Trăng sáng canh ba ngời nước biếc;
Trời chiều một sắc nhuốm mây hồng.

心 如 竹 全 空 是 非 何 處 著 足
意 與 山 俱 靖 憂 喜 無 從 上 眉

Tâm như trúc toàn không, thị phi hà xứ trước túc;
Ý dữ sơn câu tĩnh, ưu hỉ vô tòng thượng my.

Lòng như trúc rỗng không, phải trái chỗ đâu mà bám;
Ý với núi đều tĩnh, buồn vui không đọng trên mi.

雲 過 樹 頭 拖 綠 去
客 從 山 外 踏 青 來
Vân quá thụ đầu đà lục khứ;
Khách tòng sơn ngoại đạp thanh lai.
Mây quá ngọn cây lôi biếc chạy;
Khách từ ngoài núi dẫn xanh về.

山 色 石 色 草 色 相 點 乎 春 色
風 聲 樹 聲 水 聲 更 妙 于 歌 聲
Sơn sắc, thạch sắc, thảo sắc tương điểm hồ xuân sắc;
Phong thanh, thụ thanh, thuỷ thanh, cánh diệu vu ca thanh.
Sắc núi, sắc đá, sắc cỏ cùng điểm tô xuân sắc;
Tiếng gió, tiếng cây, tiếng nước nghe hay hơn tiếng ca.

綠 野 人 來 談 稼 穡
青 雲 客 至 論 琴 書
Lục dã nhân lai đàm giá sắc;
Thanh vân khách chí luận cầm thi.
Người nhà quê ra, chuyện cày cấy;
Khách thanh nhã đến, bàn nhạc thơ.

害 人 命 謀 人 財 奸 盜 邪 淫 任 你 燒 香 也 無 益
孝 于 親 忠 于 國 廉 明 清 正 見 神 不 拜 有 何 方
Hại nhân mạnh, mưu nhân tài, gian đạo tà dâm nhiễm
nhĩ thiêu hương dã vô ích;
Hiếu vu thân, trung vu quốc, liên minh thanh chính kiến
thần bất bái hữu hà phương
Hại mạng người, chiếm của người, trộm cướp tà dâm;
dù có thắp hương cũng vô ích
Hiếu với thân, trung với nước, liêm minh ngay thẳng,
thấy thần không vái cũng không sao.

花 鳥 多 情 有 高 人 自 然 不 俗
林 泉 可 愛 雖 片 石 亦 是 爭 奇
Hoa điểu đa tình, hữu cao nhân tự nhiên bất tục;
Lâm tuyền khả ái, tuy phiến thạch diệc thị tranh kỳ.
Hoa, chim thú đa tình, có cao nhân tự nhiên không tục;
Rừng, suối khe hấp dẫn, dầu phiến đá đáng xem là kỳ.

歌管樓台聲細細
閑雲潭影日悠悠
Ca quản lâu đài thanh tế tế;
Nhàn vân đàm ảnh nhật du du.
Tiếng ca hát lâu đài non nỉ;
Bóng mây trời đầm nước xa xôi.

門前兩個知心一個清風一個月
户外十分美是五分春色五分山
Môn tiền lưỡng cá tri tâm, nhất cá thanh phong, nhất cá nguyệt;
Hộ ngoại thập phần mỹ cảnh, ngũ phần xuân sắc, ngũ phần sơn.
Hai kẻ biết lòng ngoài cửa, một là gió mát, một trăng thanh;
Mười phần cảnh đẹp trước nhà, năm phần xuân sắc, năm phần núi,

心靜坐禪林忘利忘名忘歲月
身閑游象外愛山愛水愛雲煙
Tâm tĩnh toạ thiền lâm, vong lợi, vong danh, vong tuế nguyệt;
Thân nhàn du tượng ngoại, ái thuỷ, ái vân yên.
Lòng tĩnh chốn rừng thiền, quên lợi, quên danh, quên năm tháng;
Thân nhàn nơi ngoài cõi, mến non, mến nước mến khói mây.

三頃寒潭七尺水
一彎新月滿樓風
Tam khoảnh hàn đầm, thất xích thuỷ;
Nhất loan tân nguyệt, mãn lâu phong.
Ba khoảnh đầm sâu, nước bảy thước;
Một vùng trăng mới, gió đầy lầu.

到此地將書畫琴棋俱演出來趣甚趣甚
登斯樓把酒色財氣都忘卻了仙乎仙乎
Đáo thử địa, tương thư hoạ cầm kỳ câu diễn xuất lai thú thậm! thú thậm!
Đăng tư lâu, bả tửu sắc tài khí đô vong khước liễu, tiên hồ! tiên hồ!
Đến chốn ấy, bày ra đủ cầm kỳ thi hoạ, khoái thật, khoái thật;
Lên lầu này, quên hết cả tửu sắc khí tài, tiên chăng, tiện chăng.

巍峨振起文明筆
安國堅培翰墨風
Nguy nga chấn khởi văn minh bút;
An quốc kiên bồi hàn mặc phong.

Bút văn minh chấn hưng lộng lẫy;
Gió mực nghiên bồi đắp nước nhà.

書有未觀皆可讀
事經已過不須提
Thư hữu vị quan giai khả độc;
Sự kinh dĩ quá bất tu đề.
Sách chửa nhìn qua đều đọc được;
Việc đã trải rồi nhắc ích gì.

欲解昔賢何所樂
但觀今我此時心
Dục giải tích hiền hà sở lạc;
Đãn quan kim ngã thử thời tâm.
Muốn biết người xưa vui chi vậy;
Hãy ngẫm mình nay bụng muốn gì.

遨游碧海笛三弄
瀟灑人間酒一壺
Ngao du bích hải địch tam lộng;
Tiêu sái nhân gian tửu nhất hồ.
Ngao du biển biếc ba bài sáo;
Phiêu bạt trần gian rượu một bầu.

愛客襟懷春滿座
照人肝膽月盈庭
Ái khách khâm hoài xuân mãn toạ;
Chiếu nhân can đảm nguyệt doanh đình.
Mến khách thật lòng xuân khắp mặt;
Soi người can đảm nguyệt đầy sân.

衢越國當宋開寶
華閭都是漢長安
Cồ Việt quốc đương Tống Khai Bảo;
Hoa Lư đô thị Hán Trường An.
Nước Cồ Việt ngang Tống Khai Bảo;
Đô Hoa Lư là Hán Tràng An.

我南帝統第一紀
長安廟貌萬年秋

Ngã Nam đế thống đệ nhất kỷ;
Trường An miếu mạo vạn niên thu.
Đế thống trời nam kỷ thứ nhất;
Miếu mạo Tràng An nước Vạn Xuân.

神武貼四鄰盛宋強占此日
精靈存千古龍江馬蹟之間

Thần vũ thiếp tứ lân, thịnh Tống cường Chiêm thử nhật;
Tinh linh tồn thiên cổ, long giang, mã trục chi gian.
Thần vũ toả bốn phương, mạnh Tống cường Chiêm ngày đó;
Tinh linh còn muôn thuở, sông rồng, dấu ngựa chốn đây.

瑞雲甘雨天麻仰
鑿井耕田帝力之

Thuỵ vân cam vũ thiên hưu ngưỡng;
Tạc tỉnh canh điền đế lực chi.
Mây lành, mưa ngọt trời giáng xuống;
Giếng đào, ruộng cấy đế giúp cho.

世宗始造茅茨館
福泰重開瓦石軒

Thế Tông thuỷ tạo mao từ quán;
Phúc Thái trùng khai ngoã thạch hiên.
Quán tranh tre Thế Tôn dựng trước,
Hiên gạch đá Phúc Thái mở sau.
(Tiên hương, Phủ Giầy)

仙佛聖神雲洞清高六祇地
亭台樓閣隊花香馥一菩天

Tiên Phật thánh thần vân động thanh cao lục kỳ địa;
Đình đài lâu các Đội hoa hương phức nhất bồ thiên.
Tiên Phật thánh thần vận động thanh cao sáu thần đất;
Đình đài lầu các Đội hoa thơm ngát một bầu trời.
(Vân cát, Phủ Giầy)

天本地靈留聖跡
月榆始活做仙源

Thiên bản địa linh lưu thánh tích;
Nguyệt du thuỷ hoạt tố tiên nguyên.

Thiên bản, đất thiêng lưu dấu thánh;
Nguyệt du, nước chảy tạo nguồn tiên.

生 化 風 姿 山 若 畫
好 生 心 事 石 猶 銘

Sinh hóa phong tư sơn nhược hoạ;
Hiếu sinh tâm sự thạch do minh.

Phong tư lắm vẻ, non như hoạ;
Tâm sự yêu đời, đá vẫn ghi.

不 死 精 靈 山 河 並 壽
如 生 氣 魄 天 地 長 存

Bất tử tinh linh sơn hà tịnh thọ;
Như sinh khí phách thiên địa trường tồn.

Thọ với núi sông anh linh bất tử;
Dài cùng trời đất khí phách vẫn còn.

妙 法 輝 彰 彰 北 郡
雲 帆 普 濟 濟 南 方

Diệu pháp huy chương, chương bắc quận;
Vân phàm phổ tế, tế nam phương.

Phép diệu sáng ngời, ngời quận bắc;
Buồm mây tế độ, độ phương nam.

慈 愛 一 心 人 孺 慕
孝 貞 千 古 女 英 風

Từ ái nhất tâm nhân nhụ mộ;
Hiếu trinh thiên cổ nữ anh phong.

Một lòng từ ái, người hâm mộ;
Ngàn thuở hiếu trinh, gái anh phong.

仙 跡 何 年 香 本 室
文 章 萬 代 嫵 留 根

Tiên tích hà niên hương bản thất;
Văn chương vạn đại vũ lưu căn.

Dấu tiên năm nào hương phảng phất;
Văn chương muôn thuở đẹp còn vương.

(Đền Khải thánh, Phủ Giầy)

故宅相傳三啓聖
慈恩遍及萬生靈
Cố trạch tương truyền tam khải thánh;
Từ ân biến cập vạn sinh linh.
Nhà cũ tương truyền ba vị thánh;
Ơn từ phổ cập vạn dân lành.

皇黎國派本本源源明德其來遠矣
雲葛鄉民孫孫子子繼世勿替民之
Hoàng Lê quốc phái, bản bản nguyên nguyên minh đức kỳ lai viễn hĩ;
Vân Cát hương dân, tôn tôn tử tử kế thế vật thế dân chi.
Quốc phái Hoàng Lê, gốc gốc nguồn nguồn đức sáng từ xa dẫn đến;
Hương dân Vân Cát, con con cháu cháu nối đời chẳng đổi dân đi.

廟宇巍峨垂萬古
祖宗功德記千秋
Miếu vũ nguy nga thuỳ vạn cổ;
Tổ tông công đức ký thiên thu.
Miếu vũ nguy nga còn vạn thuở;
Tổ tộng công đức nhớ ngàn thu.

藏山寶匣神仙傳
壘石新祠父母邦
Tàng sơn bản hạp thần tiên truyện;
Luỹ thạch tân từ phụ mẫu bang.
Núi lưu tráp quý truyện tiên thánh;
Đá xếp đền xưa đất mẫu xưa.

地脈鍾英傳異跡
天然佳境有奇觀
Địa mạch chung anh truyền dị tích;
Thiên nhiên giai cảnh hữu kỳ quan.
Mạch đất linh thiêng truyền dấu lạ;
Thiên nhiên cảnh đẹp có kỳ quan.

魚案雀屏氣鍾風水
金枝玉葉系出神明
Ngư án tước bình khí chung phong thuỷ;
Kim chi ngọc diệp hệ xuất thần minh.

Án cá, sẻ bình, khí sinh phong thuỷ;
Cành vàng, lá ngọc, thường hiện thần minh.

陳舍范家天啓聖
雲鄉黎氏地生神
Trần xá Phạm gia Thiên Khải thánh;
Vân hương Lê thị địa sinh thần.
Nhà Trần, Phạm tộc, trời khai thánh;
Làng Vân, Lê tộc, đất sinh thần.
(Động Thuỷ Tiên)

雲雨是洪恩南國生靈皆潤澤
江山鍾秀氣仙鄉景色默清高
Vân vũ thị hồng ân, Nam quốc sinh linh giai nhuận trạch;
Giang sơn chung tú khí, tiên hương cảnh sắc mặc thanh cao.
Mưa móc ơn to, nước Việt nhân dân nhờ ân trạch;
Núi sông chung đúc, tiên hương cảnh sắc đượm thanh cao.

願者眞誠王官多降福
求之必應神德最威靈
Nguyện giả chân thành, vương quan đa giáng phúc;
Cầu chi tất ứng, thần đức tối uy linh.
Người nguyện chân thành, vương quan nhiều phúc giáng;
Kẻ cầu ắt ứng, thần đức rất uy linh.
(Quan điện)

逆水來朝萬世人民歸拜望
岐山鍾秀千秋祠宇播英靈
Nghịch thuỷ lai triều, vạn thế nhân dân quy bái vọng;
Kỳ sơn chung tú, thiên thu từ vũ bá anh linh.
Nghịch Thủy đến chầu, dân chúng muôn đời về bái vọng;
Kỳ Sơn chung đúc, đình miếu ngàn thu rạng vẻ linh.

興王偉略留千古
濟世封功記萬春
Hưng vương vỹ lược lưu thiên cổ;
Tế thế phong công ký Vạn Xuân.
Hưng vương, mưu lược lưu thiên cổ;
Cứu thế, công lao chép Vạn xuân.
(Điện Lý Nam Đế)

國號萬春跡在龍編名在史
志安天下生爲南帝死爲神
Quốc hiệu Vạn Xuân, tích tại Long Biên danh tại sử;
Chí an thiên hạ, sinh vi Nam đế tử vi thần.
Quốc hiệu Vạn Xuân, dấu ở Long Biên, tên ở sử;
Chí an thiên hạ, sống làm Nam đế, thác làm thần.

勝跡肇仙鄉而聖而神而佛
聖靈光越殿惟慈惟孝惟貞
Thắng tích triệu Tiên Hương, nhi thánh, nhi thần, nhi Phật;
Thánh linh quang Việt điện, duy từ, duy hiếu, duy trinh.
Thắng cảnh dựng Tiên hương, là thánh, là thần, là phật;
Anh linh ngời Việt điện, đủ từ, đủ hiếu, đủ trinh.
(Chùa Tiên Linh)

前後交環山水抱
高低相影塔伽開
Tiền hậu giao hoàn sơn thuỷ bão;
Cao đê tương ảnh, tháp già khai.
Sau, trước quanh co, non nước bọc;
Thấp, cao cùng sánh, tháp chùa xây.
(Chùa Phi Lai)

江蟠老將論兵地
雲擁先皇桌錫山
Giang bàn lão tướng luận binh địa;
Vân ủng tiên hoàng trác tích sơn.
Sông lượn, tướng già bàn binh địa;
Mây che, vua trước dựng Tích sơn.
(Núi Phổ Lại)

蓋世英雄今古少
在人功德地天長
Cái thế anh hùng kim cổ thiểu;
Tại nhân công đức địa thiên trường.
Anh hùng cái thế xưa nay hiếm,
Công đức nhân gian trời đất dài.
(Trịnh Minh Vương tặng Phạm Đình Trọng)

羈旅重綱常故國桑滄餘一髮
熙朝降節義新祠燈火炤孤舟

Ky lữ trọng cương thường, cố quốc tang thương dư nhất phát;
Hi triều giáng tiết nghĩa, tân từ đăng hoả chiếu cô chu.

Tha hương trọng cương thường, nước cũ bể dâu còn sót mảnh;
Triều đình cho tiết nghĩa, đền nay hương lửa dọi thuyền cô.

(Đền Trưởng Phái Hầu)

科宦相傳雄嶺億年存正脈
宛源有敘古江一派沐餘波

Khoa hoạn tương truyền, Hùng lĩnh ức niên tồn chính mạch;
Uyên nguyên hữu tự, cổ giang nhất mạch mộc dư ba.

Khoa hoạn vẫn truyền, Hùng lĩnh muôn năm còn mạch chính;
Cội nguồn tự có, sông xưa một mạch gợn sóng thừa.

當日叩舷甘入宋
何人奪槊取擒胡

Đương nhật khấu huyền cam nhập Tống;
Hà nhân đoạt sóc thủ cầm Hồ.

Gõ mạn thuyền ngày ấy cam nhập Tống;
Cướp giáo giặc ai đây quyết bắt Hồ.

賊壘未平柑欲碎
功尊不朽鼎猶沉

Tặc luỹ vị bình, cam dục toái;
Công tôn bất hủ, đỉnh do trầm.

Luỹ giặc chưa san, cam muốn nát;
Công lao bất hủ, đỉnh còn chìm.

百部笙歌調大樂
千官劍佩擁祥光

Bách bộ sinh ca điều đại nhạc;
Thiên quan kiếm bội ủng tường quang.

Trăm bộ đàn ca hoà nhạc lớn;
Ngàn quan đeo kiếm hộ mây lành.

南岳香鍾名世出
東阿運際治朝興

Nam nhạc hương chung danh thế xuất;
Đông A vận tế trị triều hưng.

Nam nhạc tụ hương, danh thế hiện;
Nhà Trần vận đến thịnh triều lên.

昭陵松柏今何處
蜀國山河自故宮
Chiêu lăng tùng bách kim hà xứ;
Thục quốc sơn hà tự cố cung.
Tùng bách Chiêu lăng đâu chốn cũ;
Nước Thục non sông vẫn cung xưa.

風會正初開何庸龜爪雞精王跡至今存信史
山河更幾度剩有螺城玉井地靈終古表崇祠
Phong hội chính sơ khai, hà dung quy trảo, kê tinh, vương tích chí kim tồn tín sử;
Sơn hà canh kỷ độ, thặng hữu Loa thành ngọc tỉnh, địa linh chung cổ biểu sùng từ.
Vận hội chính mới lên, cần chi đến vuốt rùa, tinh gà, dấu vua nay còn ghi tín sử;
Non sông đổi mấy lần, cậy vẫn có Loa thành, giếng ngọc, đất thiêng xưa đã hoá đền đài.

千載上是耶非誰能辨之龜爪弩機傳外史
五倫中父與夫果孰親也蚌胎井水獨深情
Thiên tải thượng, thị da phi, thuỳ năng biện chi, quy trảo nỗ cơ truyền ngoại sử;
Ngũ luân trung, phụ dã phu, quả thục thân dã, bạng thai, tỉnh thuỷ độc thâm tình.
Trước ngàn năm, phải trái mấy người phân nỏ máy, vuốt rùa, câu chuyện kể;
Trong ngũ luân, chồng cha ai kẻ thân, ngọc trai, giếng nước mối tình sâu.
(My Châu)

疊嶺一峰高不記何年飛鐵馬
崇祠千古壯相傳此地解戎衣
Điệp lĩnh nhất phong cao, bất ký hà niên phi thiết mã;
Sùng từ thiên cổ tráng, tương truyền thử địa giải nhung y.
Núi dãy một tầng cao, chẳng nhớ năm nào phi ngựa sắt;
Đền thiêng muôn thuở vững, chuyện rằng đất ấy cởi bào nhung.
(Đổng Thiên Vương)

溫 恭 朝 夕 傳 家 寶
享 祀 春 秋 繼 世 傳
Ôn cung triêu tịch truyền gia bảo;
Hưởng tự xuân thu kế thế truyền.
Của báu truyền gia, ôn cung hôm sớm;
Nối đời gìn giữ, thờ cúng xuân thu.

昔 樹 前 池 留 世 業
先 疇 舊 德 襲 遺 芳
Tích thụ tiền trì, lưu thế nghiệp;
Tiên trù cựu đức tập di phương.
Ao trước cây xưa truyền sự nghiệp;
Đức cũ tiên trù, để hương thơm.

七 斬 疏 成 心 自 赤
萬 言 書 在 汗 猶 青
Thất trảm sớ thành tâm tự xích;
Vạn ngôn thư tại hãn do thanh.
Sớ thất trảm lòng thành vẫn đỏ;
Sách vạn ngôn trang sử còn xanh.
(Chu Văn An, Lê Cảnh Tuân)

日 散 寒 霜 眾 鳥 喜 風 歡 逆 浪
銀 光 水 底 群 魚 戲 月 弄 隨 波
Nhật tán hàn sương, chúng điểu hỉ phong hoan nghịch lãng;
Ngân quang thuỷ để, quần ngư hí nguyệt lộng tuỳ ba.
Sớm tan sương lạnh, bày chim giỡn gió ngược chiều sóng;
Sáng ngời đáy nước, đàn cá đùa trăng quẫy theo làn.
(Hồ Tây)

湖 中 間 日 月
城 下 小 乾 坤
Hồ trung nhàn nhật nguyệt;
Thành hạ tiểu càn khôn.
Trong hồ nhàn nhật nguyệt;
Dưới thành nhỏ càn khôn.

辛 苦 文 章 遺 鐵 硯
錫 磨 家 世 紹 清 箱

Tân khổ văn chương di thiết nghiễn;
Tích ma gia thế, thiệu thanh sương.
Cay đắng văn chương, nghiên sắt để;
Dùi mài gia thế, tráp trơn còn.

庭對爭魁士農工商陳四策
義方表講父子兄第自一家

Đình đối tranh khôi, sĩ nông công thương trần tứ sách;
Nghĩa phương biểu giảng, phụ tử huynh đệ tự nhất gia.
Đình đối tranh đầu, sỹ nông công thương bày bốn sách;
Nghĩa phương giảng giải, cha con anh em cùng một nhà.

仙宛一枝花雨露栽培非裸爾
天池萬里路鯤鵬變化豈仍然

Tiên uyển nhất chi hoa, vũ lộ tài bồi phi loã nhĩ;
Thiên trì vạn lý lộ, côn bằng biến hoá khởi nhưng nhiên.
Vườn tiên một cành hoa, mưa móc thấm nhuần đâu có hại;
Ao trời muôn dặm trước, côn bằng biến hoá há như xưa.

江左風流十載辭林知子白
龍門清價一番宦步起吾青

Giang tả phong lưu, thập tải từ lâm tri tử bạch;
Long môn thanh giá, nhất phiên hoạn bộ khởi ngô thanh.
Giang tả phong lưu, mười năm rưng từ biết anh bạch;
Long môn thanh giá, một phen hoạn lộ rõ mình thanh.

青山不語花含笑
流水無聲鳥作歌

Thanh sơn bất ngữ, hoa hàm tiếu;
Lưu thuỷ vô thanh, điểu tác ca.
Non xanh chẳng nói, hoa cười mỉm;
Nước chảy không lời, chim hót ca.

麟趾昔偷評相府
鳳毛今果見王廷

Lân chỉ tích thâu bình tướng phủ;
Phượng mao kim quả kiến vương đình.
Dấu lân xưa trộm bàn phủ tướng;
Lông phượng nay quả thấy sân vua.

文 鏖 筆 陣 三 庭 對
才 子 高 標 翰 墨 場
Văn ngao bút trận tam đình đối;
Tài tử cao tiêu hàn mặc trường.
Văn đua, bút trận, ba đình đối;
Tài tử, cao nêu, bút mực trường.

小 隱 於 林 大 隱 市
上 醫 於 國 次 醫 人
Tiểu ẩn ư lâm, đại ẩn thị;
Thượng y ư quốc, thứ y nhân.
Ẩn, nhỏ ở rừng, lớn ở chợ;
Y, trên cứu nước, dưới cứu người.

鴉 海 素 稱 醫 國 手
鳶 山 初 試 壽 人 丹
Nha hải tố xưng y quốc thủ;
Diên sơn sơ thí thọ nhân đan.
Biển Quạ đáng khen thầy cứu nước;
Núi Diều vừa thử thuốc thọ người.

一 德 傳 家 思 衍 慶
千 金 卜 宅 爲 來 鄰
Nhất đức truyền gia tư diễn khánh;
Thiên kim bốc trạch vị lai lân.
Một đức truyền gia, mong phúc ấm;
Ngàn vàng bói ở, chọn nhà bên.

擇 居 仁 里 和 爲 貴
善 與 人 同 德 有 鄰
Trạch cư nhân lý, hoà vi quý;
Thiện dữ nhân đồng, đức hữu lân.
Chọn đến làng nhân, hoà vốn quý;
Khéo cùng người ở, đức kề bên.

梅 放 南 枝 和 妙 劑
菊 栽 翠 嶺 達 新 春
Mai phóng nam chi hoà diệu tễ;
Cúc tài thuý lĩnh đạt tân xuân.

Mai nở cành nam làm thuốc tốt;
Cúc trồng núi biếc lắm hương thơm.

黃門桃李多珍味
吾縣文章別有才
Hoàng môn đào lý đa trân vị;
Ngô huyện văn chương biệt hữu tài.
Đào mận Hoàng môn nhiều vị quý;
Văn chương Ngô huyện lắm tài năng.

雨露新香濃杏圃
參苓妙手振蔦城
Vũ lộ tân hương nùng hạnh phố;
Sâm linh diệu thủ chấn diên thành.
Mưa móc hương xuân nồng vườn hạnh;
Sâm linh tay giỏi nổi thành diều.

江山到處風雲護
香橘逢春雨露調
Giang sơn đáo xứ phong vân hộ;
Hương quất phùng xuân vũ lộ điều.
Núi sông đến đó gió mây bọc;
Hương quất vào xuân mưa móc đều.

橘井舊傳仙子藥
桃門新試相公籠
Quất tỉnh cựu truyền tiên tử dược;
Đào môn tân thí tướng công lung.
Giếng quất cũ truyền thuốc tiên tử;
Cửa đào mới thử phép tướng công.

陽春臨到嵬山地
雨露多濃翠菊香
Dương xuân lâm đáo ngôi sơn địa;
Vũ lộ đa nùng thúy cúc hương.
Dương xuân đã đến núi cao ngất;
Mưa móc thêm nồng cúc nức hương.

琉璃光射珠潭月
般若香浮玉井蓮

Lưu ly quang sạ châu đàm nguyệt;
Bát nhã hương phù ngọc tỉnh liên.
Trăng đầm châu lưu ly toả sáng;
Sen giếng ngọc bát nhã đưa hương.

安得瑤臺遍天下
不令地獄在人間
An đắc dao đài biến thiên hạ;
Bất linh địa ngục tại nhân gian.
Mong có non tiên khắp thiên hạ;
Để không địa ngục dưới trần gian.

月湧池光臨杖履
風篩竹影上欄杆
Nguyệt dũng trì quang lân trượng lý;
Phong sư trúc ảnh thượng lan can.
Trăng tuôn sáng đất, rõ gậy dép;
Gió sàng ảnh trúc, vượt lan can.

不爲相且爲醫遠志雅懷秋嶺菊
能有緣還有遇當歸初茂故園松
Bất vi tướng thả vi y, viễn chí nhã hoài thu lĩnh cúc;
Năng hữu duyên hoàn hữu ngộ, đương quy sơ mậu cố viên tùng.
Chẳng làm tướng làm thầy lang, viễn chí nhớ hoài đỉnh thu cúc;
Nếu có duyên ắt có gặp, đương quy mới tốt chốn vườn tùng.

梓里雲連松色茂
楓庭雨潤菊香飄
Tử lý vân liên tùng sắc mậu;
Phong đình vũ nhuận cúc hương phiêu.
Mây trùm dặm tử, thông tươi sắc;
Nước ướt đình phong, cúc toả hương.

傳世詩書家澤遠
榮身葩衮國恩長
Truyền thế thi thư gia trạch viễn;
Vinh thân ba cổn quốc ân trường.
Đời nối thi thư, nhà ấm mãi;
Thân vinh mũ áo, nước ơn dài.

桂 海 波 平 餘 劍 氣
槐 庭 雨 露 帶 沈 香
Quế hải ba bình dư kiếm khí;
Hoè đình vũ lộ đới trầm hương.
Bể quế sóng yên, thừa kiếm khí;
Sân hoè mưa gội thoảng trầm hương.

昔 人 所 難 有 爲 之 前 有 爲 之 後
君 子 之 道 所 述 乎 子 所 述 乎 臣
Tích nhân sở nan, hữu vi chi tiền, hữu vi chi hậu;
Quân tử chi đạo, sơ thuật hồ tử, sơ thuật hồ thần.
Chỗ khó người xưa, có làm lúc trước, có làm lúc sau;
Theo đạo quân tử, để dạy cho con, để dạy cho tôi.

義 教 芳 傳 燕 嶺 桂
恩 綸 喜 動 狄 門 桃
Nghĩa giáo phương truyền Yên lĩnh quế;
Ân luân hỉ động địch môn đào.
Dạy nghĩa truyền thơm quế Yên Lĩnh;
Tơ ân lay động đào Địch Môn.

露 湛 槐 庭 蘭 桂 馥
風 高 松 徑 葛 蘿 榮
Lộ trạm hòe đình lan quế phức;
Phong cao tùng kính cát la vinh.
Sương xuống sân hoè thơm lan quế;
Gió nâng tùng dãy tốt sắn bìm.

門 槐 愁 戀 春 風 日
堂 檜 敷 榮 湛 露 天
Môn hoè sầu luyến xuân phong nhật;
Đường cối phu vinh trạm lộ thiên.
Nhà thông tươi tốt, sương trời lạnh;
Cửa hoè vương vấn, gió ngày xuân.

進 士 祖 黃 甲 孫 科 目 相 傳 家 四 世
渭 川 前 安 堵 後 文 章 自 立 國 三 元
Tiến sĩ tổ, Hoàng giáp tôn, khoa mục tương truyền gia tứ thế;
Vị Xuyên tiền, Yên Đổ hậu, văn chương tự lập quốc tam nguyên.

Ông Tiến sỹ, cháu Hoàng giáp, khoa bảng truyền gia đã bốn đời;
Trước Vị Xuyên, sau Yên Đổ, văn chương ở nước đủ tam nguyên.

學 教 初 未 兼 射 教
武 科 今 有 繼 文 科
Học giáo sơ, vị kiêm sạ giáo;
Vũ khoa kim, hữu kế văn khoa.
Mới học chữ, nên chưa học bắn;
Nay khoa võ, sẽ tiếp khoa văn.

傍 東 都 得 旺 氣 之 餘 引 翼 千 年 成 後 域
考 北 史 見 懸 名 所 自 週 迴 二 水 裕 文 瀾
Bàng Đông đô đắc vượng khí chi dư, dẫn dực thiên niên thành hậu vực;
Khảo Bắc sử kiến huyền danh sở tự, chu hồi nhị thuỷ dụ văn lan.
Gần Đông Đô thừa hưởng vượng khí, ngàn năm dẫn dụ thành đất thuộc;
Xét Bắc sử biết chốn lừng danh, đôi dòng quang quẩn mở đường văn.

文 之 所 萃 慈 廉 水
道 以 爲 依 富 美 墻
Văn chi sở tuỵ Từ Liêm thuỷ;
Đạo dĩ vi y Phú Mỹ tường.
Đạo chỗ tựa nương, tường Phú Mỹ;
Văn nơi tụ hội, nước Từ Liêm.

地 鍾 英 秀 來 濃 傘
科 出 名 魁 自 李 陳
Địa chung anh tú lai Nùng Tản;
Khoa xuất danh khôi tự Lý Trần.
Đất đúc anh tài, núi Nùng, Tản;
Khoa mở lừng danh, đời Lý, Trần.

地 稱 文 獻 其 來 遠
天 啓 一 壇 又 日 新
Địa xưng văn hiến kỳ lai viễn;
Thiên khải nhất đàn hựu nhật tân.
Đất xưng văn hiến, từ xa đến;
Trời mở một đàn, lại mới thêm.

寵 渥 九 天 來 彩 鳳
靈 鍾 萬 歲 獻 春 秋

Sủng ốc cửu thiên lai thái phượng;
Linh chung vạn tuế hiến xuân thu.
Sủng ái chín trời đưa phượng đẹp;
Chuông thiêng muôn thuở dóng hàng năm.

千 秋 偉 氣 難 爲 象
一 帶 長 江 不 限 天
Thiên thu vĩ khí nan vi tượng;
Nhất đới trường giang bất hạn thiên.
Ngàn thu khí lớn khôn làm vẻ;
Một dải sông dài chẳng ngán trời.
(Sông Bạch Hạc)

英 聲 肇 古 傳 三 帶
封 典 於 今 溯 永 徽
Anh thanh Triệu cổ truyền tam đái;
Phong điển ư kim tố vĩnh trưng.
Từ xưa danh tiếng truyền ba dải;
Đến nay phong điển vẫn còn hay.

西 蜀 山 河 銘 偉 跡
南 天 日 月 著 神 光
Tây Thục sơn hà minh vĩ tích;
Nam thiên nhật nguyệt trứ thần quang.
Núi sông Tây Thục ghi kỳ tích;
Trời trăng Nam Việt rạng thần quang.

德 在 斯 民 功 在 國
笙 爲 良 將 死 爲 神
Đức tại tư dân, công tại quốc;
Sinh vi lương tướng, tử vi thần.
Đức với dân này, công với nước;
Sống làm tướng giỏi, thác làm thần.

在 其 上 在 其 左 右
保 我 民 保 我 子 孫
Tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu;
Bảo ngã dân, bảo ngã tử tôn.
Ngồi trên ấy, ngồi trái phải ấy;
Giúp dân ta, giúp con cháu ta.

聖 神 母 子 天 笙 德
左 右 瀟 瀘 地 毓 英
Thánh thần mẫu tử thiên sinh đức;
Tả hữu Tiêu, Lư địa dục anh.
Mẹ con, thần thánh, trời sinh đức;
Trái phải, Tiêu, Lư, đất anh tài.

歷 朝 封 表 西 關 鎮
肇 古 焄 蒿 上 等 祠
Lịch triều phong biểu Tây quan trấn;
Triệu cổ huân cao thượng đẳng thần.
Các triều phong tặng Tây quan trấn;
Từ xưa hương khói Thượng đẳng thần.

德 其 盛 乎 正 直 聰 明 而 一
神 之 著 也 高 厚 悠 久 與 參
Đức kỳ thịnh hồ, chính trực thông minh nhi nhất;
Thần chi trứ dã, cao hậu du cửu dữ tham.
Đức mới thịnh sao, ngay thẳng thông minh một dạ;
Thần sao tỏ vậy, lâu dài trời đất sánh vai.

雄 心 激 勵 冰 清 裡
英 氣 峰 高 山 色 中
Hùng tâm khích lệ băng thanh lý;
Anh khí phong cao sơn sắc trung.
Hùng tâm khích lệ, dạ băng tuyết;
Anh linh vòi vọi, sắc non xanh.

厥 聲 厥 靈 山 峙 川 流 今 昔
以 祚 以 報 魚 冰 豺 祭 春 秋
Quyết thanh quyết linh, sơn trĩ xuyên lưu kim tích;
Dĩ tộ dĩ báo, Ngư băng sài tế xuân thu.
Còn tiếng còn thiêng, núi dựng sông trôi nay trước;
Lấy phúc lấy báo, cá băng, sói cúng xuân thu.

此 地 江 山 留 勝 蹟
其 林 草 沐 別 春 風
Thử địa giang sơn lưu thắng tích;
Kỳ lâm thảo mộc biệt xuân phong.

Đất ấy núi sông lưu thắng tích;
Vườn này cây cỏ lựa chiều xuân.

草樹一方無潤莫
江山此地有微黎
Thảo thụ nhất phương vô nhuận Mạc;
Giang sơn thử địa hữu vi Lê.
Cây cỏ một phương không giúp Mạc;
Núi sông đất ấy có hèn Lê.

義氣擁長江潤莫不污濡水
霸心盟白石微黎上有武城
Nghĩa khí ủng trường giang, nhuận Mạc bất ô Nhu thuỷ;
Bá tâm minh bạch thạch, vi Lê thượng hữu Vũ thành.
Nghĩa khí ôm sông dài, nhuận Mạc chẳng dơ Nhu Thuỷ;
Bá tâm hẹn đá trắng, hèn Lê còn có Vũ Thành.

德與天參正直聰明而一
神維岳降變通廣大無方
Đức dữ thiên tham, chính trực thông minh nhi nhất;
Thần duy nhạc giáng, biến thông quảng đại vô phương.
Đức sánh với trời, ngay thẳng thông minh chỉ một;
Thần xuống từ núi, thần thông quảng đại không phương.

靜鎮無疆天柱地維今古
至誠可格澗毛潢水春秋
Tĩnh trấn vô cương, thiên trụ địa duy kim cổ;
Chí thành khả cách, giản mao hoàng thuỷ xuân thu.
Tĩnh trấn không cùng, trụ trời, võng đất xưa nay thế;
Chí thành khá đối, lau khe, nước vũng tháng năm còn.

功於天下太平日
道在兵書未出先
Công ư thiên hạ thái bình nhật;
Đạo tại binh thư vị xuất tiên.
Có thời bình, công trong thiên hạ;
Không ra trước, đạo ở binh thư.

兄及弟式相好矣
子若孫弗替引之

Huynh cập đệ thức tương hảo hĩ;
Tử nhược tôn phất thế dẫn chi.
Đạo anh em phải hay cư xử;
Tình cha con không thể đổi thay.

禮 於 營 室 須 先 廟
義 在 傳 家 不 後 親
Lễ ư doanh thất, tu tiên miếu;
Nghĩa tại truyền gia, bất hậu thân.
Lễ nơi doanh thất, nên miếu trước;
Nghĩa để truyền gia, chẳng thân sau.

千 流 前 引 源 源 水
一 派 增 培 大 大 基
Thiên lưu tiền dẫn, nguyên nguyên thuỷ;
Nhất phái tăng bồi, đại đại cơ.
Ngàn dòng dẫn trước, nguồn nguồn nước;
Một nhánh bồi thêm, rộng rộng nền.

券 書 流 慶 名 家 及
冰 玉 銘 心 世 閥 傳
Khoán thư lưu khánh danh gia cập;
Băng ngọc minh tâm thế phiệt truyền.
Sắc phong còn mãi nhà nổi tiếng;
Băng ngọc lòng ghi, cửa lắm quan.

千 古 詩 書 千 古 券
萬 年 科 榜 萬 年 盟
Thiên cổ thi thư, thiên cổ khoán;
Vạn niên khoa bảng, vạn niên minh.
Ngàn thuở thi thư, ngàn thuở hẹn;
Vạn năm khoa bảng, vạn năm thề.

播 獲 千 年 憑 世 澤
箕 裘 奕 葉 引 家 聲
Bá hộ thiên niên bằng thế trạch;
Cơ cừu dịch diệp dẫn gia thanh.
Che chở ngàn năm, nhờ phúc ấm;
Thói quen lớn nhỏ, ở con nhà.

木 本 水 源 千 古 蔭
風 蘋 雅 葦 百 年 心
Mộc bản thuỷ nguyên, thiên cổ ấm;
Phong tần Nhã vĩ, bách niên tâm.
Cây có gốc, nước có nguồn, ngàn thuở;
Rau tần ở Phong lau sậy ở Nhã lòng gửi gắm trăm năm.

肯 構 肯 堂 承 世 德
斯 歌 斯 聚 振 家 聲
Khẳng cấu khẳng đường thừa thế đức;
Tư ca tư tụ chấn gia thanh.
Gây dựng cơ ngơi, nhờ đất tổ;
Sum vầy hát xướng, nổi danh nhà.

地 天 交 適 亨 通 會
雨 露 濡 含 怵 惕 心
Địa thiên giao thích hanh thông hội;
Vũ lộ nhu hàm truật thích tâm.
Đất trời hoà hợp, hanh thông hội;
Mưa móc được nhiều, nơm nớp lo.

百 年 堂 構 存 先 志
奕 世 箕 裘 拓 小 宗
Bách niên đuổng cấu tồn tiên chí;
Dịch thế cơ cừu thác tiểu tôn.
Nhà dựng trăm năm, theo chí tổ;
Gương noi đời đẹp, cậy đàn con.

室 法 田 蓄 貽 厥 子
風 蘋 雅 葦 祀 其 先
Thất pháp điền tri di quyết tử;
Phong tần nhã vĩ tự kỳ tiên.
Phép nhà, ruộng vỡ, để cho con;
Tần Phong, lau Nhã, thờ tổ tiên.

飛 鳥 墻 頭 風 習 習
織 機 窗 外 日 遲 遲
Phi điểu tường đầu phong tập tập.
Chức cơ song ngoại nhật trì trì;

Chim lượn đầu tường, gió lất phất.
Dệt cửi ngoài song, ngày trôi chậm;

兒 笑 童 吟 春 召 我
雞 晨 牛 吼 景 宜 人

Nhi tiếu đồng ngâm xuân triệu ngả;
Kê thần ngưu hống cảnh nghi nhân.

Con cười, trẻ hát, xuân vời tớ;
Gà kêu, trâu rống, cảnh hợp người .

一 堂 祖 考 精 神 會
萬 代 仍 雲 福 慶 長

Nhất đường tổ khảo tinh thần hội;
Vạn đại nhưng vân phúc khánh trường.

Một cửa cha ông, tinh thần vững;
Muôn đời che chở, phúc thêm dài.

洞 洞 重 門 如 我 有
熙 熙 萬 景 與 人 同

Đỗng đỗng trùng môn như ngã hữu;
Hi hi vạn cảnh dữ nhân đồng.

Rỡ ràng cửa lớp mình ta có;
Sáng tươi muôn cảnh với người chung.

清 白 家 庭 非 改 舊
聚 歌 笙 管 且 恢 新

Thanh bạch gia đình phi cải cựu;
Tụ ca sinh quản thả khôi tân.

Gia đình thanh bạch, cũ không đổi;
Chung vui đàn sáo, mới nào hơn.

義 址 仁 基 培 世 德
家 傳 人 誦 引 書 香

Nghĩa chỉ nhân cơ bồi thế đức;
Gia truyền nhân tụng dẫn thư hương.

Gốc nhân, nền nghĩa, vun đời đức;
Người khen, nhà nối, chuộng thi thư.

一 派 源 流 長 且 遠
億 年 香 火 久 由 馨

Nhất phái nguyên lưu trường thả viễn;
Ức niên hương hoả cửu do hinh.
Một nhánh dòng chảy dài xa thẳm;
Muôn năm hương khói, mãi còn thơm.

桂 子 蘭 孫 家 有 慶
桃 門 李 户 室 生 香
Quế tử lan tôn, gia hữu khánh;
Đào môn, lý hộ, thất sinh hương.
Con quế, cháu lan, nhà ấy phúc;
Cửa đào, ngõ mận, giòng này hay.

天 休 永 裕 詩 書 室
官 祿 長 筵 福 慶 家
Thiên hưu vĩnh dụ thi thư thất;
Quan lộc trường diên phúc khánh gia.
Trời che mãi mãi, nhà hay học;
Quan lộc dài lâu, cửa phúc bền.

仁 厚 傳 家 斯 潤 屋
詩 書 教 子 是 良 田
Nhân hậu, truyền gia tư nhuận ốc;
Thi thư giáo tử thị lương điền.
Nhân hậu gia truyền, nhà có phúc;
Sách vở cho con, ruộng tốt màu.

德 盛 益 徵 天 地 厚
門 高 預 卜 子 孫 興
Đức thịnh ích trưng, thiên địa hậu;
Môn cao dự bốc, tử tôn hưng.
Đức tốt cao nêu, trời đất hậu;
Cửa cao dự đoán, cháu con hưng.

積 善 餘 慶 前 師 訓
大 道 生 財 述 聖 言
Tích thiện dư khương tiền sư huấn;
Đại đạo sinh tài thuật thánh ngôn.
Lành chứa thừa vui, lời thầy dạy;
Đạo lớn của sinh, ý thánh ban.

堂 上 簫 篪 鏗 雅 韻
家 中 琴 瑟 播 和 聲

Đường thượng tiêu trì khanh nhã vận;
Gia trung cầm sắt bá hoà thanh.
Cửa trên tiêu sáo vang âm nhã;
Nhà trong đàn địch rộn thanh hoà.

積 善 貽 孫 先 有 啓
克 家 有 子 後 其 興

Tích thiện di tôn tiên hữu khải;
Khắc gia hữu tử hậu kỳ hưng.
Chứa lành cho cháu, nên làm trước;
Nhà khá nhờ con, ắt cậy sau.

萱 庭 問 煖 年 滋 長
桂 萼 逢 春 日 益 榮

Huyên đình vấn noãn niên tư trưởng;
Quế ngạc phùng xuân nhật ích vinh.
Sân huyên lo ấm, dần cao tuổi;
Đài quế vào xuân, ngày một tươi.

十 里 風 聲 鴻 漸 陸
百 年 積 善 燕 貽 謀

Thập lý phong thanh hồng tiệm lục;
Bách niên tích thiện yến di mưu.
Mười dặm tiếng vang, hồng hạ cánh;
Trăm năm lành chứa, yến bày mưu.

三 陽 開 泰 春 無 限
五 福 臨 門 慶 有 餘

Tam dương khai thái xuân vô hạn;
Ngũ phúc lâm môn khánh hữu dư.
Tam dương khai thái, xuân không hạn;
Ngũ phúc lâm môn, khánh có thừa.

爲 人 善 樂 春 無 限
作 事 清 平 祿 自 然

Vi nhân thiện lạc, xuân vô hạn;
Tác sự thanh bình, lộc tự nhiên.

Người hay vui vẻ, xuân không hạn;
Việc làm êm thuận, lộc tự nhiên.

忠 孝 一 心 天 地 白
敬 誠 二 字 鬼 神 知
Trung hiếu nhất tâm thiên địa bạch;
Kính thành nhị tự, quỷ thần tri.
Trung hiếu một lòng, trời đất rõ;
Kính thành hai chữ, quỷ thần hay.

靜 聽 讀 書 知 古 道
閒 觀 花 草 見 天 心
Tĩnh thính độc thủ tri cổ đạo;
Nhàn quan hoa thảo kiến thiên tâm.
Lắng nghe đọc sách biết đạo cũ;
Nhàn xem hoa cỏ thấu lòng trời.

公 名 發 達 皆 由 地
福 祿 興 隆 賴 自 天
Công danh phát đạt giai do địa;
Phúc lộc hưng long lại tự thiên.
Công danh nảy nở đều do đất;
Phúc lộc dồi dào cậy ở trời.

天 下 不 窮 惟 義 理
世 間 無 價 是 文 章
Thiên hạ bất cùng duy nghĩa lý;
Thế gian vô giá thị văn chương.
Thiên hạ không cùng, duy nghĩa lý;
Thế gian vô giá, ấy văn chương.

風 流 人 物 東 西 晉
臺 閣 文 章 大 小 蘇
Phong lưu nhân vật Đông Tây Tấn;
Văn chương đài các Đại, Tiểu, Tô.
Nhân vật phong lưu Đông Tây Tấn
Văn chương đài các Đại Tiểu Tô.

道 學 已 然 通 上 下
進 身 又 況 在 文 章

Đạo học dĩ nhiên thông thượng hạ;
Tiến thân hựu huống tại văn chương.
Học đạo ắt tinh thông trên dưới;
Tiến thân há cậy ở văn chương.

歲 有 四 時 春 在 首
人 兼 五 福 壽 爲 先
Tuế hữu tứ thời, xuân tại thủ;
Nhân kiêm ngũ phúc, thọ vi tiên.
Năm có bốn mùa, xuân đến trước;
Người kiêm năm phúc, thọ làm đầu.

有 終 德 澤 非 年 紀
經 始 規 模 不 日 成
Hữu chung đức trạch phi niên kỷ;
Kinh thuỷ quy mô bất nhật thành.
Ân đức sau, đâu kể năm tháng;
Quy mô trước, chẳng phải một ngày.

古 往 今 來 千 歲 節
天 經 地 義 百 年 心
Cổ vãng kim lai thiên tuế tiết;
Thiên kinh địa nghĩa bách niên tâm.
Xưa đi, nay đến, nhịp ngàn thuở;
Đạo trời nghĩa đất, trải trăm năm.

滿 屋 詩 書 家 有 慶
盈 庭 槐 桂 室 生 香
Mãn ốc thi thư gia hữu khánh;
Doanh đình hoè quế thất sinh hương.
Phòng chật thi thư, nhà có phúc;
Sần đầy hoè quế, cửa sinh hương.

仁 基 義 址 千 年 盛
春 祀 秋 嘗 萬 古 香
Nhân cơ, nghĩa chỉ, thiên niên thịnh;
Xuân tự thu thường vạn cổ hương.
Nền cơ đất nghĩa, ngàn năm thịnh;
Xuân tế thu cầu, muôn thuở hương.

萬 里 雲 程 初 發 軔
九 霄 雨 露 喜 猶 多
Vạn lý vân trình sơ phát nhẫn;
Cửu tiêu vũ lộ hỉ do đa.
Vạn dặm đường mây vừa chuyển bánh;
Chín trùng mưa móc vẫn nhiều vui.

時 至 於 春 懷 永 感
禮 從 其 朔 表 微 誠
Thời chí ư xuân hoài vĩnh cảm;
Lễ tòng kỳ sóc biểu vi thành.
Thời đến mùa xuân, mong thịnh mãi;
Lễ theo ngày sóc, chút thành tâm.

一 家 禮 樂 從 先 肇
五 部 詩 書 裕 後 昆
Nhất gia lễ nhạc tòng tiên bối;
Ngũ bộ thi thư dụ hậu côn.
Một nhà lễ nhạc, theo người trước;
Năm bộ thi thư, dạy lớp sau.

洗 耳 飽 聞 褒 貶 說
潛 心 醉 玩 古 今 書
Tẩy nhĩ bão văn bao biếm thuyết;
Tiềm tâm tuý ngoạn cổ kim thư.
Rửa tai nghe đủ lời khen, trách;
Lặng lòng say đọc sách xưa, nay.

傳 家 永 衍 培 仁 脈
隆 棟 重 新 積 善 堂
Truyền gia vĩnh diễn bồi nhân mạch;
Long đống trùng tân tích thiện đường.
Bồi đắp mạch nhân, nhà tiếp nối;
Dựng xây nhà thiện, cột trùng tu.

有 開 必 先 培 世 德
克 昌 厥 後 振 家 聲
Hữu khai tất tiên bồi thế đức;
Khắc xương quyết hậu chấn gia thanh.

Mở mang, ắt trước vun đời đức;
Hưng thịnh, rồi sau nổi tiếng nhà.

瑞有豐年新景色
興過佳酒適情濃
Thuỵ hữu phong niên tân cảnh sắc;
Hứng qua giai tửu thích tình nùng.
Mừng được mùa màng, cảnh sắc mới;
Hứng nhờ rượu ngọt, tình thêm nồng.

不作風波於世上
自無冰炭到胸中
Bất tác phong ba ư thế thượng;
Tự vô băng thán đáo hung trung.
Sóng gió đừng gieo trên cõi thế;
Băng than đâu có để trong lòng.

夜四知揚言名自古
日三省曾學得其眞
Dạ tứ tri dương ngôn danh tự cổ;
Nhật tam tỉnh tằng học đắc kỳ chân.
Đêm nghĩ bốn lần, lời nói ra từ cổ;
Ngày suy ba bận, điều học được là chân.

有志竟成成土成家成制度
無求難得得財得祿得長生
Hữu chí cánh thành, thành thổ, thành gia, thành chế độ;
Vô cầu nan đắc, đắc tài đắc lộc, đắc trường sinh.
Có chí thì nên, nên đất, nên nhà, nên chế độ;
Không cầu chẳng được, được tài, được lộc, được trường sinh.

琴棋詩酒供閒興
謙讓崇誠自福來
Cầm kỳ thi tửu cung nhàn hứng;
Khiêm nhượng sùng thành tự phúc lai.
Đàn, cờ, thơ, rượu, khi nhàn hứng;
Khiêm, nhượng, kính, thành, tự phúc về.

桃李花開君子户
芝蘭香馥丈夫庭

Đào lý hoa khai quân tử hộ;
Chi lan hương phức trượng phu đình.
Nhà quân tử nở hoa đào mận;
Sân trượng phu hương ngát chi lan.

士 好 讀 書 天 不 負
學 能 立 志 業 丕 弘
Sĩ hiếu độc thư thiên bất phụ;
Học năng lập chí nghiệp phi hoằng.
Trò chăm đọc sách, trời không phụ;
Học hay lập chí, nghiệp càng cao.

新 歲 喜 添 人 名 一
芳 筵 光 啓 日 凡 三
Tân tuế hỉ thiêm nhân danh nhất;
Phương diên quang khải nhật phàm tam.
Mừng năm mới thêm người, là một;
Mở tiệc vui ngày tốt, gồm ba.

明 媚 乾 坤 無 限 樂
愉 怡 歲 月 有 餘 情
Minh mị càn khôn vô hạn lạc;
Du di tuế nguyệt hữu dư tình.
Sáng đẹp đất trời, mừng vô hạn;
Vui tươi năm tháng, tình có thừa.

灼 灼 桃 花 初 誌 喜
昭 昭 麟 趾 早 呈 祥
Chước chước đào hoa sơ chí hỉ;
Chiêu chiêu lân chỉ tảo trình tường.
Rực rỡ đào hoa, vừa báo hỉ;
Rõ rệt dấu lân, gợi điềm lành.

鼓 琴 鼓 瑟 相 唱 和
宜 家 宜 室 樂 賡 酬
Cổ cầm cổ sắt tương xướng hoạ;
Nghi gia nghi thất lạc canh thù.
Cùng xướng hoạ, đàn cầm, đàn sắt;
Vui thù tạc, nên cửa, nên nhà.

結 髮 常 銘 冰 雪 操
同 心 永 記 海 山 盟
Kết phát thường minh băng tuyết tháo;
Đồng tâm vĩnh ký hải sơn minh.
Kết tóc hay ghi lời băng tuyết;
Cùng lòng mãi nhớ thề biển non.

負 笈 同 遊 金 石 約
宜 家 樂 鼓 瑟 琴 聲
Phụ kiệp đồng du kim thạch ước;
Nghi ghi lạc cổ sắt cầm thanh.
Nâng tráp trao nhau lời vàng đá;
Nên đôi hoà hợp tiếng tơ đàn.

往 者 過 而 來 者 續
闔 之 窮 斯 闢 之 通
Vãng giả quá nhi lai giả tục;
Hạp chi cùng tư tịch chi thông.
Kẻ này qua có người đến tiếp;
Đóng khi cùng mà mở khi thông.

一 簇 門 庭 舊
百 年 福 祉 新
Nhất thốc môn đình cựu;
Bách niên phúc chỉ tân.
Nhà cửa cũ bày ra một loạt;
Phúc lộc mới thu vào trăm năm.

前 庭 濃 瑞 氣
門 外 迓 春 風
Đình tiền nùng thuỵ khí;
Môn ngoại nhạ xuân phong.
Khí lành đậm sân trước;
Gió xuân về cửa ngoài.

自 樹 兒 孫 福
其 見 造 化 心
Tự thụ nhi tôn phúc;
Kỳ kiến tạo hoá tâm.

Trồng phúc cho con cháu;
Thấy lòng của đất trời.

功 則 祀 之 香 火 一 方 原 有 主
德 其 盛 矣 江 山 此 地 莫 非 民
Công tắc tự chi hương hoả nhất phương nguyên hữu chủ;
Đức kỳ thịnh hĩ, giang sơn thử địa mạc phi dân.
Có công được thờ, hương khói mỗi phương đều có chủ;
Để đức mà thịnh, núi sông đất ấy vẫn là dân.

洋 洋 乎 如 在 其 上
蕩 蕩 乎 難 得 而 名
Dương dương hồ như tại kỳ thượng;
Đãng đãng hồ nan đắc nhi danh.
Ở trên đầu, bởi cao vòi vọi;
Khó đặt tên, vì rộng mênh mông.

天 其 佑 之 洋 洋 乎 如 在
德 其 盛 矣 高 高 乎 難 名
Thiên kỳ hựu chi, dương dương hồ như tại;
Đức kỳ thịnh hĩ, cao cao hồ nan danh.
Trời phù hộ hân hoan như có mặt;
Đức cao dày vời vợi khó nêu tên.

如 在 其 上 如 在 其 左 右
可 對 於 天 可 對 於 鬼 神
Như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu;
Khả đối ư thiên, khả đối ư quỷ thần.
Như ở trên cao, như bên tả, hữu;
Khá đối với trời, khá với quỷ thần.

在 其 上 在 其 左 右
保 我 民 保 我 子 孫
Tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu;
Bảo ngã dân bảo ngã tử tôn.
Ở trên đầu, ở bên tả hữu;
Giúp dân ta, giúp con cháu ta.

羽 毛 車 馬 公 開 見
瞻 視 衣 冠 係 正 尊

Vũ mao xa mã công khai hiện;
Chiêm thị y quan hệ chính tôn.
Xe ngựa cờ quạt, đều đã thấy;
Áo mũ ưa nhìn, đáng để khen.

民 偕 與 故 能 樂 也
效 雖 小 有 可 觀 焉

Dân giai dữ, cố năng lạc dã;
Hiệu tuy tiểu hữu khả quan yên.
Dân chúng cùng, nên hay vui vậy;
Hiệu quả nhỏ, có thể nhận ra.

春 來 景 樂 人 添 壽
日 到 年 新 物 更 豐

Xuân lai cảnh lạc nhân thiêm thọ;
Nhật đáo niên tân vật cánh phong.
Xuân về cảnh đẹp, người thêm thọ;
Ngày sang năm mới, vật càng nhiều.

故 郡 地 靈 都 以 德
昔 人 岳 降 將 而 神

Cố quận địa linh đô dĩ đức;
Tích nhân nhạc giáng tướng nhi thần.
Quận cũ đất thiêng, đều cậy đức;
Người xưa trời giáng, tướng mà thần.

儉 勤 矩 穫 貽 孫 子
慈 孝 風 聲 樹 井 疆

Kiệm cần củ hoạch di tôn tử;
Từ hiếu phong thanh thụ tỉnh cương.
Kiệm cần ngăn nắp dành con cháu;
Từ hiếu tiếng vang tạo kỷ cương.

知 第 子 者 莫 若 師 可 虔 也
樂 妻 孥 以 宜 爾 室 其 順 乎

Tri đệ tử giả mạc nhược sư khả kiền dã;
Lạc thê hoa dĩ nghi nhĩ thất kỳ thuận hồ.
Biết học trò không ai bằng thầy, đáng kính vậy;
Vui vợ con để yên nhà mình, chẳng thuận sao.

聖 代 於 民 領 牧 重
公 門 有 子 李 桃 榮
Thánh đại ư dân lãnh mục trọng;
Công môn hữu tử lý đào vinh.
Đời thánh chăn dân, công việc nặng;
Cửa công con cháu, mận đào tươi.

世 積 書 以 來 有 此 一 舉
母 依 門 而 望 於 今 七 旬
Thế tích thư dĩ lai hữu thử nhất cử;
Mẫu ỷ môn nhi vọng ư kim thất tuần.
Nhà từ chứa sách đến giờ, mới một người đỗ;
Mẹ hằng tựa cửa trông ngóng, nay bảy mươi rồi.

禮 節 人 心 鄉 欽 重
詩 歌 神 惠 歲 功 成
Lễ tiết nhân tâm hương khâm trọng;
Thi ca thần huệ tuế công thành.
Tế lễ xóm thôn người vẫn trọng;
Thơ ca thành đạt đội ơn thần.

茂 蔚 終 天 依 鞠 育
藻 蘋 隨 地 寓 春 秋
Mậu uất chung thiên y cúc dục;
Tảo tần tuỳ địa ngụ xuân thu.
Tươi tốt quanh năm, nhờ chăm sóc;
Siêng năng tuỳ đất, phải theo mùa.

師 門 學 識 推 高 第
邑 里 風 聲 自 故 家
Sư môn học thức suy cao đệ;
Ấp lý phong thanh tự cố gia.
Học thức trường thầy vào bậc nhất;
Tiếng vang làng xóm tự ngày xưa.

先 開 國 甲 科 宰 輔
後 傳 家 理 學 醫 科
Tiên khai quốc giáp khoa tể phụ;
Hậu truyền gia lý học y khoa.

Trước mở nước, chính khoa, tể phụ;
Sau truyền nhà, lý học, y khoa.
(Từ đường Trạng Nguyên Nguyễn Trực)

晉 福 葉 龜 成 宅 相
豐 謀 貽 燕 篤 家 慶

Tấn phúc diệp quy thành Trạch tướng;
Phong mưu di yến đốc gia khương.
Phúc lớn mai rùa nên cửa tướng;
Mưu cao nhờ gốc được nhà vui.

手 植 三 槐 家 蔭 茂
心 銘 四 字 國 恩 長

Thủ thực tam hoè gia ấm mậu;
Tâm minh tứ tự Quốc ân trường.
Ba cây hoè trồng, nhà thêm râm mát;
Bốn chữ để bụng, nước chịu ơn dài.
(Án sát Huỳnh Mẫn Đạt gia từ)

國 寵 家 光 皆 世 澤
天 經 地 義 在 人 心

Quốc sủng gia quang giai thế trạch;
Thiên kinh địa nghĩa tại nhân tâm.
Nước quý, nhà sang, nhờ phúc ấm;
Kính trời, nghĩa đất, ở lòng người.

冰 雪 湛 如 清 白 譜
李 桃 濃 矣 肅 雝 庭

Băng tuyết trạm như, thanh bạch phả;
Lý đào nùng hĩ, túc ung đình.
Trong như băng tuyết, nhà thanh bạch;
Tốt sao đào mận, sân trang nghiêm.

周 南 風 化 歸 仁 厚
大 學 心 傳 止 孝 慈

Chu Nam phong hoá quy nhân hậu;
Đại học tâm truyền chỉ hiếu từ.
Phong hóa Chu nam, chủ nhân hậu;
Tâm truyền Đại học, chỉ hiếu từ.

有 開 必 先 瑞 鳳 祥 麟 子 姓
不 顯 亦 世 高 車 駟 馬 門 閭

Hữu khai tất tiên, thuỵ phượng tường lân tử tính;
Bất hiển diệc thế, cao xa tứ mã môn lư.

Mở lối ắt đứng trước, con cái phượng lành, lân phúc;
Chưa sang cũng ở đời, cửa nhà ngựa tứ, xe cao.

爽 氣 西 來 雲 霧 掃 開 天 地 恨
流 水 東 去 波 濤 洗 盡 世 間 愁

Sảng khí tây lai, vân vụ tảo khai thiên địa hận;
Lưu thuỷ đông khứ, ba đào tẩy tận thế gian sầu.

Khí sáng phía tây về, quét sạch hận mây mù trời đất;
Nước chảy từ đông đến, rửa mối sầu sóng gió thế gian.

古 寺 無 燈 明 月 照
山 門 不 鎖 白 雲 封

Cổ tự vô đăng minh nguyệt chiếu;
Sơn môn bất toả bạch vân phong.

Chùa cổ không đèn, trăng sáng chiếu;
Cửa non chẳng khóa, trắng mây che.

道 若 江 河 隨 地 盡 成 洙 泗
聖 如 日 月 普 天 猶 是 春 秋

Đạo nhược giang hà, tuỳ địa tận thành Thù Tứ;
Thánh như nhật nguyệt, phổ thiên do thị Xuân Thu.

Đạo tựa sông ngòi, tuỳ đất đều thành Thù Tứ;
Thánh như nhật nguyệt, khắp trời đâu chẳng Xuân Thu.

窗 含 野 色 通 書 幌
山 帶 泉 聲 入 酒 杯

Song hàm dã sắc thông thư hoảng;
Sơn đới tuyền thanh nhập tửu bôi.

Đồng quê sát cửa thông phòng sách;
Tiếng suối ngoài đồi dội ly bia.

春 祀 秋 嘗 遵 萬 古 聖 賢 禮 樂
左 昭 右 穆 序 一 家 世 代 源 流

Xuân tự thu thường tuân vạn cổ thánh hiền lễ nhạc;
Tả chiêu hữu mục, tự nhất gia thế đại nguyên lưu.

Xuân cúng, thu cầu, tuân muôn thuở thánh hiền lễ nhạc;
Phải nêu, trái hợp, theo một nhà đời nối cội nguồn.

昨 夜 水 鳴 渠
曉 來 風 襲 月
Tạc dạ thuỷ minh cừ;
Hiểu lai phong tập nguyệt.
Đêm trước nước réo ngoài đập;
Sáng ra gió đón đùa trăng.

經 懺 能 超 升 未 必 閻 王 怕 和 尚
紙 錢 可 贖 罪 定 是 菩 薩 亦 貪 官
Kinh sám, năng siêu thăng, vị tất Diêm Vương phạ Hoà thượng;
Chỉ tiền khả mãi tội, định thị Bồ Tát diệc tham quan.
Siêu nhờ kinh sám hối, vị tất Diêm Vương sợ Hoà thượng;
Tội chuộc bằng giấy tiền, hẳn là Bồ Tát cũng quan tham.

雲 在 山 頭 行 到 山 頭 雲 又 遠
月 浮 水 面 拔 開 水 面 月 仍 深
Vân tại sơn đầu, hành đáo sơn đầu vân hựu viễn;
Nguyệt phù thuỷ diện, bạt khai thuỷ diện, nguyệt nhưng thâm.
Mây ở đầu non, leo đến đầu non mây xa tít;
Trăng nổi mặt nước, khoả trên mặt nước, trăng càng sâu.

斜 月 低 于 樹
遠 山 高 過 天
Tà nguyệt đê vu thụ;
Viễn sơn cao quá thiên.
Ngọn cây cao hơn trăng xế;
Trời xanh thấp hơn núi xa.

簾 外 淡 煙 無 墨 畫
林 間 疏 雨 有 詩 聲
Liêm ngoại đạm yên vô mặc hoạ;
Lâm gian sơ vũ hữu thi thanh.
Khói mỏng ngoài rèm tranh không mực;
Mưa nhỏ trong rừng có tiếng thơ.

代 夢 誰 先 覺 覺 者 佛 也
諸 天 我 獨 尊 尊 者 心 乎

Đại mộng thuỳ tiên giác, giác giả Phật dã;
Chư thiên ngã độc tôn, tôn giả tâm hồ.
Mộng lớn ai giác trước, người giác là Phật;
Khắp trời mình ta tôn, kẻ tôn ấy tâm.

千 秋 事 業 書 中 史
萬 國 風 雲 座 上 觀
Thiên thu sự nghiệp thư trung sử;
Vạn quốc phong vân toạ thượng quan.
Sự nghiệp ngàn năm ghi ở sử;
Gió mây vạn nước đứng cao nhìn.

晨 鐘 暮 鼓 喚 醒 塵 中 名 利 客
經 聲 佛 號 救 回 苦 海 夢 迷 人
Thần chung mộ cổ hoán tỉnh trần trung danh lợi khách;
Kinh thanh, Phật hiệu cứu hồi khổ hải mộng mê nhân.
Chuông sớm trống chiều, trần ai gọi tỉnh khách danh lợi;
Tụng kinh niệm phật, bể khổ cứu vớt kẻ si mê.

山 翠 萬 重 當 檻 出
水 光 千 理 抱 城 來
Sơn thuỷ vạn trùng đương hạm xuất;
Thuỷ quang thiên lý bão thành lai.
Hé mở giậu - muôn trùng núi biếc;
Bao bọc thành - ngàn dặm nước trong.

能 招 過 客 飲 文 字
卻 對 眞 山 看 畫 圖
Năng chiêu quá khách ẩm văn tự;
Khước đối chân sơn khán hoạ đồ.
Hay mời khách đến uống văn tự;
Đến trước non xanh ngắm hoạ đồ.

最 養 百 花 惟 曉 露
能 生 萬 物 是 春 風
Tối dưỡng bách hoa duy hiểu lộ;
Năng sinh vạn vật thị xuân phong.
Trăm hoa khéo bón nhờ mưa nắng;
Muôn vật sinh sôi cậy gió xuân.

俯 視 驚 濤 駭 浪 勿 忘 過 去
緬 懷 偉 績 豐 功 珍 惜 未 來

Phủ thị kinh đào hãi lãng, vật vong quá khứ;
Miễn hoài vĩ tích phong công, trân tích vị lai.

Cúi nhìn thời cuộc đổi thay, chớ quên quá khứ;
Nhớ tới công lao to lớn, nghĩ đến tương lai.

城 郭 當 前 煙 火 萬 家 憂 樂 共
江 天 在 望 乾 坤 一 氣 古 今 浮

Thành quách đương tiền, yên hoả vạn gia ưu lạc cộng;
Giang thiên tại vọng, càn khôn nhất khí cổ kim phù.

Thành quách còn đây, khói lửa muôn nhà chung sướng khổ;
Non sông đang đợi, đất trời một khí vẫn xưa nay.

風 景 未 殊 野 寺 尋 碑 存 古 跡
滄 桑 經 屢 易 蓮 台 補 桂 嗣 先 榮

Phong cảnh vị toàn thù, dã tự tầm bi, tồn cổ tích;
Thương tang kinh lũ dịch, liên đài bổ quế tự tiên vinh.

Phong cách đôi chưa tròn, chùa nội tìm bia còn dấu cũ;
Bể dâu đà mấy bận, đài sen thêm quế ngát thêm hương.

馬 足 車 塵 世 路 不 知 何 處 盡
岩 花 澗 月 禪 心 應 是 此 中 生

Mã túc xa trần, thế lộ bất tri hà xứ tận;
Nham hoa giản nguyệt, thiền tâm ưng thị thử trung sinh.

Vó ngựa bụi xe, đường đời chẳng biết nơi cùng tận;
Trăng khe hoa núi, lòng thiền từ đó nảy sinh ra.

臨 水 觀 山 水 抱 青 山 山 抱 水
推 窗 望 月 窗 含 明 月 月 含 窗

Lâm thuỷ quan sơn, thuỷ bão thanh sơn, sơn bão thuỷ;
Thôi song vọng nguyệt, song hàm minh nguyệt nguyệt hàm song.

Gặp nước nhìn non, nước bọc non xanh, non bọc nước;
Mở song ngắm trăng, song ôm trăng sáng, trăng ôm song.

身 在 高 樓 須 放 眼
腹 如 大 海 好 撐 船

Thân tại cao lâu tu phóng nhãn;
Phúc như đại hải hảo xanh thuyền.

Thân ở lầu cao nên thả mắt;
Bụng như biển lớn khéo chèo thuyền.

天寶物華萬丈高樓迎日起
地靈人杰八方俊秀應時來
Thiên bảo vật hoa vạn trượng cao lâu nghênh nhật khởi;
Địa linh nhân kiệt bát phương tuấn tú ứng thời lai.
Của trời- vật quý, muôn trượng lầu cao đón ngày rạng;
Đất thiêng-người kiệt, tám phương anh tuấn đúng thời về.

野外原來煙水趣
城中自有竹樓風
Dã ngoại nguyên lai yên thuỷ thú;
Thành trung tự hữu trúc lâu phong.
Thú mây nước, vốn ngoài đồng nội
Gió lầu trúc, vẫn có trong thành.

花雨松風月色
茶煙琴韻書聲
Hoa vũ tùng phong nguyệt sắc;
Trà yên, cầm vận thư thanh.
Mưa hoa, gió tùng, vẻ nguyệt;
Khói trà, đàn điệu, giọng văn.

冷香滿徑穿花去
幽韻宜人步月來
Lãnh hương mãn kính xuyên hoa khí;
U vận nghi nhân bộ nguyệt lai.
Hương lạnh thấu hoa, đường thơm ngát;
Điệu êm đưa nguyệt đến bên người.

紅綠杯中激來天外千秋月
縱橫紙上原是人間一局棋
Hồng lục bôi trung, khích lai thiên ngoại thiên thu nguyệt;
Tung hoành chỉ thượng, nguyên thị nhân gian nhất cục kỳ.
Hồng xanh chén mời, ngoài trời ngàn trăng thu chiếu sáng;
Dọc ngang trên giấy, nhân gian một cuộc cờ mua vui.

知足怡情不問茶涼茶熱
涵虛養性無妨味苦味甘

Tri túc di tình bất vấn trà lương trà thục;
Hàn hư dưỡng tính vô phương vị khổ vị cam.
Biết đủ vui lòng, chẳng quản trà loãng, trà đặc;
Nhuận vừa nuôi tính, không nề vị đắng, vị ngon.

或舞或歌曲韻詩情來筆底
宜晴宜雨山光雲影入潭中
Hoặc vũ hoặc ca, khúc vận thi tình lai bút để;
Nghi tình nghi vũ, sơn quang vân ảnh nhập đàm trung.
Hoặc múa, hoặc ca, khúc điệu thơ tình lên ngọn bút;
Làm mưa, làm nắng, núi quang mây bóng đọng đầm sâu.

蕉竹繞清池雲影天光堪入畫
山林藏古剎曇花擎火總關情
Tiêu trúc nhiễu thanh trì, vân ảnh thiên quang kham nhập hoạ;
Sơn lâm tàng cổ sát, đàm hoa kình hoả tổng quan tình.
Tiêu trúc bện ao trong, mây ánh trời quang vào bức vẽ;
Núi rừng che chùa cổ, hoa đàm lửa loé khéo gây tình.

一潭月影搖花影
四面山光接水光
Nhất đàm nguyệt ảnh dao hoa ảnh;
Tứ diện sơn quang tiếp thuỷ quang.
Một đầm nguyệt ảnh lay hoa ảnh;
Bốn mặt non xanh tiếp nước xanh.

清濁雙潭堪警世
廉貪二字啓來人
Thanh trọc song đàm kham cảnh thế;
Liêm tham nhị tự khải lai nhân.
Đời thức tỉnh đôi dòng trong đục;
Người rạch ròi hai chữ liêm tham.

光借清風明借月
動觀流水靜觀山
Quang tá thanh phong, minh tá nguyệt;
Động quan lưu thuỷ, tĩnh quan sơn.
Quang nâng gió mát, minh nâng nguyệt;
Động xem nước chảy, tĩnh xem non.

Thân ở lầu cao nên thả mắt;
Bụng như biển lớn khéo chèo thuyền.

天寶物華萬丈高樓迎日起
地靈人杰八方俊秀為時來
Thiên bảo vật hoa vạn trượng cao lâu nghênh nhật khởi;
Địa linh nhân kiệt bát phương tuấn tú vọng thời lai.
Của trời- vật quý, muôn trượng lầu cao đón ngày rạng;
Đất thiêng-người kiệt, tám phương anh tuấn đúng thời về.

野外原來煙水趣
城中自有竹樓風
Dã ngoại nguyên lai yên thuỷ thú;
Thành trung tự hữu trúc lâu phong.
Thú mây nước, vốn ngoài đồng nội;
Gió lầu trúc, vẫn có trong thành.

花雨松風月色
茶煙琴韻書聲
Hoa vũ tùng phong nguyệt sắc;
Trà yên, cầm vận thư thanh.
Mưa hoa, gió tùng, vẻ nguyệt;
Khói trà, đàn điệu, giọng văn.

冷香滿徑穿花去
幽韻宜人步月來
Lãnh hương mãn kính xuyên hoa khí;
U vận nghi nhân bộ nguyệt lai.
Hương lạnh thấu hoa, đường thơm ngát;
Điệu êm đưa nguyệt đến bên người.

紅綠杯中激來天外千秋月
縱橫紙上原是人間一局棋
Hồng lục bôi trung, khích lai thiên ngoại thiên thu nguyệt;
Tung hoành chỉ thượng, nguyên thị nhân gian nhất cục kỳ.
Hồng xanh chén mời, ngoài trời ngàn trăng thu chiếu sáng;
Dọc ngang trên giấy, nhân gian một cuộc cờ mua vui.

知足怡情不問茶涼茶熱
涵虛養性無妨味苦味甘

處 世 莫 若 積 德
傳 家 還 是 讀 書
Xử thế mạc nhược tích đức;
Truyền gia hoàn thị độc thư.
Xử thế gì bằng tích đức;
Truyền gia nên đọc sách chăm.

春 意 起 來 濃 墻 角 梅 花 新 歲 月
書 卷 何 處 是 案 頭 經 史 舊 乾 坤
Xuân ý khởi lai nùng, tường giác mai hoa tân tuế nguyệt;
Thư quyển hà xứ thị, án đầu kinh sử cựu càn khôn.
Xuân ý vị đậm đà, hoa mai đầu tường, năm tháng mới;
Sách chất chứa đâu đó, sử kinh trên án, đất trời xưa.

居 安 宅 行 正 路 心 地 蕩 平 舒 泰
稽 聖 經 訂 賢 傳 事 業 正 大 高 明
Cư an trạch, hành chính lộ, tâm địa đãng bình thư thái;
Kê Thánh kinh, đính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.
Ở nhà yên, đi đường chính, tâm địa thản nhiên thư thái;
Xem kinh thánh, sửa truyện hay, sự nghiệp chính đại quang minh.

父 母 遐 齡 白 髮 堂 中 榮 暮 景
兒 孫 滿 眼 彩 衣 階 下 舞 春 風
Phụ mẫu hà linh, bạch phát đường trung vinh mộ cảnh;
Nhi tôn mãn nhãn, thái y giai hạ, vũ xuân phong.
Cha mẹ tuổi già, tóc bạc nhà trong, chiều vui cảnh;
Cháu con vui mắt, áo hoa thềm dưới, múa mừng xuân.

德 須 積 百 年 全 靠 前 人 培 樹 木
書 不 負 三 代 永 教 後 裔 惜 光 陰
Đức tu tích bách niên, toàn khảo tiền nhân bồi thụ mộc;
Thư bất phụ tam đại, vĩnh giao hậu duệ tích quang âm.
Đức phải tích trăm năm, cậy nhờ lớp trước vun cây cối;
Sách không phụ ba đời, rèn cặp người sau quý thời gian.

得 意 客 來 情 不 厭
如 心 人 到 話 相 投
Đắc ý khách lai tình bất yếm;
Như tâm nhân đáo thoại tương đầu.

Khách thăm vừa ý, tình không ngán;
Người đến vui lòng, chuyện hợp nhau.

琴書千古意
花木四時春
Cầm thư thiên cổ ý;
Hoa mộc tứ thời xuân.
Sách đàn ý ngàn thuở;
Hoa cỏ xuân bốn mùa.

兄友弟恭 乃君子修身之本
禮門義路爲大人涉世之方
Huynh hữu đệ cung nãi quân tử tu thân chi bản;
Lễ môn nghĩa lộ, vi đại nhân thiệp thế chi phương.
Anh hoà em kính, người quân tử sửa mình làm gốc;
Cửa lễ đường nghĩa, bậc đại nhân xử thế làm phương.

樂趣無窮柴門外青山綠水
幽懷有曠竹籬下白菊黃花
Lạc thú vô cùng, sài môn ngoại thanh sơn lục thuỷ;
U hoài hữu khoáng trúc li hạ bạch cúc hoàng hoa.
Lạc thú vô cùng, ngoài rào cửa non xanh nước biếc;
U hoài có rộng, dưới rặng tre cúc trắng hoa vàng.

半窗月落梅無影
三徑風來竹有聲
Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;
Tam kính phong lai trúc hữu thanh.
Trăng xế nửa song, mai mất bóng;
Gió vờn ba luống, trúc ra thanh.

月移梅影橫窗瘦
風送蘭香入座清
Nguyệt di mai ảnh hoành song sấu;
Phong tống lan hương nhập toạ thanh.
Trăng rời mai ảnh, ngang song hẹp;
Gió thổi hương lan, đến chốn thanh.

好月當樓端近水
清言對客總如蘭

Hảo nguyệt đương lâu đoan cận thuỷ;
Thanh ngôn đối khách tổng như lan.
Trăng đẹp trên lầu gần bến nước;
Lời hay với khách giống như lan.

虛閣清幽都春夏秋冬景氣
小亭瀟洒樂 琴棋書畫襟懷

Hư các thanh u, đô xuân hạ thu đông cảnh khí;
Tiểu đình tiêu sái, lạc cầm kỳ thư hoạ khâm hoài.
Gác vắng thanh u, đều xuân hạ thu đông cảnh khí;
Đình nhỏ phóng khoáng, vui đàn cờ thơ hoạ lòng mong.

修竹滿庭浮翠色
芳芝逸徑映春暉

Tu trúc mãn đình phù thuý sắc;
Phương chi nhiễu kính ánh xuân huy.
Trúc trổ đầy sân khoe sắc biếc;
Lan thơm khắp lối ánh xuân tươi.

春來深院梅花發
秋滿閒庭桂樹新

Xuân lai thâm viện mai hoa phát;
Thu mãn nhàn đình quế thụ tân.
Xuân về viện thẳm, mai đua nở;
Thu tràn đình vắng, quế tinh khôi

少年雙足健登梯仰作凌雲賦
野老一身閒依檻迎來入袖風

Thiếu niên song túc kiện, đăng thê ngưỡng tác lăng vân phú;
Dã lão nhất thân nhàn, ỷ hạm nghinh lai nhập tụ phong.
Trẻ trung đôi chân vững, phú vượt mây, leo thang ngửa mặt viết;
Già lão một thân nhàn, gió vào lòng, tựa hiên chờ đón về.

放眼湖山無邊景色
立身天地萬種情懷

Phóng nhãn hồ sơn vô biên cảnh sắc;
Lập thân thiên địa, vạn chủng tình hoài.
Đưa mắt ngắm hồ núi, mênh mông cảnh sắc;
Lập thân trong trời đất, muôn mối tình hoài.

賞素月迎朝 霞君子 襟懷坦蕩蕩
抱春城擁湖水美人情態意綿綿
Thưởng tố nguyệt, nghinh triêu hà, quân tử khâm hoài thản đãng đãng;
Bão xuân thành, ủng hồ thuỷ, mỹ nhân tình thái ý miên miên.
Thưởng tố nga, đón ráng chiều, quân tử trong lòng phóng khoáng;
Ôm thành xuân, lội hồ nước, mỹ nhân tình ý miên man.

是色是空悟入華嚴參宇宙
即三即佛睜開慧眼看人間
Thị sắc thị không, ngộ nhập Hoa nghiêm tham vũ trụ;
Tức tâm, tức phật, tranh khai Tuệ nhãn khán nhân gian,
Là sắc, là không, ngộ nhập Hoa nghiêm hoà vũ trụ;
Tức tâm, tức phật, mở to Tuệ nhãn ngắm nhân gian.

地券今傳三卯榜
名科上慰兩親堂
Địa khoán kim truyền tam mão bảng;
Danh khoa thượng uý lưỡng thân đường.
Đất hẹn nay truyền ba kỳ bảng;
Khoa danh trên muốn hai thân vui.

昔日同遊膠漆誼
今年有喜瑟琴聲
Tích nhật đồng du giao tất nghị;
Kim niên hữu hỉ sắt cầm thanh.
Ngày trước keo sơn tình hữu nghị;
Đến nay cầm, sắt thú hoà thanh.

公門前托榮桃李
壽席初開醉菊松
Công môn tiền thác vinh đào lý;
Thọ tịch sơ khai tuý cúc tùng.
Trước muốn cửa công đào mận tốt;
Sơ bày tiệc thọ cúc tùng say.

作合自天緣宜家宜室
翱翔當勵志弋鳩弋鳧
Tác hợp tự thiên duyên, nghi gia nghi thất;
Cao tường đương lệ chí dặc cưu dặc phù.

Mối lái tự duyên trời, nên nhà nên cửa;
Bay lượn để rèn chí, bắt vịt bắt le.

能慰聖善心此日似登龍 虎 榜
無負桑蓬志一身 經 到鳳凰池

Năng uý thánh thiện tâm, thử nhật tự đăng long hổ bảng;
Vô phụ tang bồng chí, nhất thân kinh đáo phượng hoàng trì.
Hay giữ tâm thánh thiện, ngày ấy tên nêu bảng rồng hổ;
Không phụ chí tang bồng, một thân từng đến ao phượng hoàng.

世家素理三場出
國政初觀十里豪

Thế gia tố lý tam trường xuất;
Quốc chính sơ quan thập lý hào.
Gia thế ba trường từng đã trải;
Quốc chính mười thôn cũng thấy hào.

龍興記績華閭石
虎視餘威布海風

Long hưng ký tích Hoa lư thạch;
Hổ thị dư uy Bố hải phong.
Đá Hoa Lư rồng lên ghi dấu tích;
Gió Bố Hải hổ ngắm vẫn oai linh.

可對此心天日白
獨存正氣海波紅

Khả đối thử tâm thiên nhật bạch;
Độc tồn chính khí hải ba hồng.
Lòng này trước trời cao bày tỏ;
Chính khí còn sóng biển rực hồng.

勳名題美東阿日
靈爽烹鬻古 廟雲

Huân danh đề mỹ Đông A nhật;
Linh sảng huân cao cổ miếu vân.
Trời Đông A danh lừng ghi chữ đẹp;
Mây miếu xưa linh ứng khói hương bay.

討賊何年蜀郡猶存臨誓日
行封當日義山合作勒功碑

Thảo tặc hà niên, Thục quận do tồn lâm thệ nhật;
Hành phong đương nhật, Nghĩa sơn hợp tác lặc công bi.
Đánh giặc năm nào, quận Thục nhớ khi hò hẹn;
Tặng phong ngày ấy, núi Nghĩa còn bia ghi công.

佐李生前致主雄心未滿
扶黎日後平戎勝績猶傳

Tá Lý sinh tiền, trí chủ hùng tâm vị mãn;
Phù Lê nhật hậu, bình nhung thắng tích do truyền.
Sống từng thờ Lý, phò chúa hùng tâm còn chưa thoả;
Sau đã giúp Lê, diệt thù thắng tích vẫn còn đây.
(Miếu Yên Sở)

桃李在門君子樹
芝蘭入室善人居

Đào lý tại môn quân tử thụ;
Chi lan nhập thất thiện nhân cư.
Cây đào mận trồng cửa quân tử;
Hương chi lan vào nhà người lành.

聲名洋溢尊親共
德化周流漸暨同

Thanh danh dương dật, tôn thân cộng;
Đức hóa chu lưu, tiệm ký đồng.
Lẫy lừng danh tiếng, người thân dự;
Rộng đường ân huệ, tạm hưởng cùng.

月明莫假無塵鏡
山壽何須不老丹

Nguyệt minh mạc giả vô trần kính;
Sơn thọ hà tu bất lão đan.
Trăng sáng chẳng cần gương sạch bụi;
Núi thọ mong gì thuốc chẳng già.

國家教養人才要得眞儒之用
君子講明義 理深術至導之歸

Quốc gia giáo dưỡng nhân tài, yếu đắc chân nho chi dụng;
Quân tử giảng minh nghĩa lý, thâm thuật chí đạo chi quy.
Quốc gia đào tạo nhân tài, những kẻ chân nho cần đến;
Quân tử giảng giải nghĩa lý, mong người tìm đạo mà về.

明月照雲樓影影裝成文子樣
和風敲錦樹聲聲雅奏角宮音
Minh nguyệt chiếu vân lâu, ảnh ảnh trang thành văn tử dạng;
Hoà phong xao cẩm thụ, thanh thanh nhã tấu giốc cung âm.
Trăng sáng chiếu lầu mây, ảnh bóng hiện ra văn vẻ;
Gió mát vờn cây đẹp, tiếng như gợi nhớ hoà âm.

爽朗一湖名勝地
英靈萬古福神祠
Sảng lãng nhất hồ danh thắng địa;
Anh linh vạn cổ phúc thần từ.
Đất danh thắng một hồ sáng láng;
Chùa phúc thần muôn thuở linh thiêng.

燭搖紅彩儀金鳳
香吐青煙遠玉龍
Chúc dao hồng thái nghi kim phượng;
Hương thổ thanh yên viễn ngọc long.
Vẻ hồng đuốc sáng tươi kim phượng;
Khói xanh hương toả mờ ngọc long.

水遠長江鍾秀氣
月臨古井現神光
Thuỷ viễn trường giang chung tú khí;
Nguyệt lâm cổ tỉnh hiện thần quang.
Nước xa sông dài sinh khí tốt;
Trăng soi giếng cổ hiện thần quang.

日照月臨千秋名勝地
山清水秀一邑禮和風
Nhật chiếu nguyệt lâm thiên thu danh thắng địa;
Sơn thanh thuỷ tú nhất ấp lễ hoà phong.
Trời chiếu trăng soi, đất ấy ngàn năm danh tiếng;
Non xanh, nước biếc, gió này một ấp thuận hoà.

三春淑氣盈門室
萬里祥光燭斗文
Tam xuân thục khí doanh môn thất;
Vạn lý tường quang chúc đẩu văn.

Ba xuân khí tốt đầy nhà cửa;
Muôn dặm mây lành sáng lối văn.

家祥世衍無疆慶
國泰天開不老春
Gia tường thế diễn vô cương khánh;
Quốc thái thiên khai bất lão xuân.
Nhà phúc nối đời mừng vô hạn;
Nước yên trời mở xuân chẳng già.

時際三陽多淑氣
家敦一樂有和風
Thời tế Tam dương đa thục khí;
Gia đôn nhất lạc hữu hoà phong.
Thời lúc Tam dương nhiều khí tốt;
Nhà khi vui đến có hòa phong.

四海風光隨處好
滿天雨露應時新
Tứ hải phong quang tuỳ xứ hảo;
Mãn thiên vũ lộ ứng thời tân.
Bốn bể phong quang nhiều chỗ đẹp;
Đầy trời mưa móc đúng mùa xuân.

和氣盈門迎瑞氣
春光滿眼映文光
Hoà khí doanh môn nghinh thuỵ khí;
Xuân quang mãn nhãn ánh văn quang.
Hoà khí đầy nhà đón khí lành;
Xuân quang vui mắt ánh văn quang.

堂上椿萱輝旭日
階前蘭桂長春風
Đường thượng xuân huyên huy húc nhật;
Giai tiền lan quế trưởng xuân phong.
Nhà trên nắng sớm xuân huyên tốt;
Thềm dưới gió xuân quế lan tươi.

日泓秋水餘清氣
滿室春風散異香

Nhật hoằng thu thuỷ dư thanh khí;
Mãn thất xuân phong tán dị hương.
Một khoảng hồ thu lắm khí trong;
Đầy nhà gió xuân toả hương lạ.

門庭春暖生光彩
田畝年豐樂太平
Môn đình xuân noãn sinh quang thái;
Điền mẫu niên phong lạc thái bình.
Nhà cửa ấm xuân thêm vẻ sáng;
Ruộng vườn tươi tốt hưởng thái bình.

一室太和眞富貴
滿門春色大榮華
Nhất thất thái hoà chân phú quý;
Mãn môn xuân sắc đại vinh hoa.
Thực giàu sang, một nhà hoà thuận;
Cực vinh hoa, đầy cửa sắc xuân.

幾點梅花迎淑氣
數聲鳥語鬧春光
Kỷ điểm mai hoa nghinh thục khí;
Sổ thanh điểu ngữ náo xuân quang.
Vài cánh mai hoa đón nhuận khí;
Dăm tiếng chim kêu rộn sắc xuân.

四時和氣春常在
一室安居慶有餘
Tứ thời hoà khí xuân thường tại;
Nhất thất an cư khánh hữu dư.
Bốn mùa hoà khí xuân thường đến;
Một cửa yên vui phúc có thừa.

天地間詩書最貴
家庭內孝友爲先
Thiên địa gian thi thư tối quý;
Gia đình nội hiếu hữu vi tiên.
Giữa trời đất thi thư quý nhất;
Trong gia đình hiếu đễ đứng đầu.

春發其花秋結其實
業精於勤行成於思
Xuân phát kỳ hoa thu kết kỳ thực;
Nghiệp tinh ư cần hành thành ư tư.
Xuân hoa đua nở, thu cho trái;
Nghề giỏi cần chăm, làm phải suy.

禮以制行樂以和德
儉則足用勤則有功
Lễ dĩ chế hành, lạc dĩ hoà đức;
Kiệm tắc túc dụng, cần tắc hữu công.
Lễ để giữ hành, nhạc để hoà đức;
Kiệm thời đầy đủ, cần thì có công.

客至豈空談四壁圖書聊當酒
春來無別事一廉風月欲催詩
Khách chí khởi không đàm, tứ bích đồ thư liêu đáng tửu;
Xuân lai vô biệt sự, nhất liêm phong nguyệt dục thôi thi.
Khách đến há chuyện suông, bốn vách sách tranh cần có rượu;
Xuân về không việc khác, một vườn trăng gió giục làm thơ.

銀燈輝映千街月
玉炬光搖萬户春
Ngân đăng huy ánh thiên nhai nguyệt;
Ngọc cự quang dao vạn hộ xuân.
Trăng đèn bạc, rạng soi ngàn ngõ;
Xuân đuốc to, toả sáng muôn nhà.

月到半輪天亦醉
花開元夜地皆春
Nguyệt đáo bán luân thiên diệc tuý;
Hoa khai nguyên dạ địa giai xuân.
Trăng đến nửa vành, trời túy lúy;
Hoa nở đêm đầu, đất đều xuân.

淑氣和風充棟宇
芝蘭玉樹滿庭階
Thục khí hoà phong sung đống vũ;
Chi lan ngọc thụ mãn đình giai.

Khí đẹp, gió hoà tràn trên mái;
Lan thơm, cây ngọc khắp thềm sân.

勤與儉治家上策
忍而和處世良規
Cần dữ kiệm trị gia thượng sách;
Nhẫn nhi hoà xử thế lương quy.
Cần kiệm dạy nhà, là thượng sách;
Nhẫn hoà xử thế, ấy cách hay.

忠厚傳家興且吉
公平處世熾而昌
Trung hậu truyền gia hưng thả cát;
Công bình xử thế sí nhi xương.
Nhà noi trung hậu, vượng lại tốt;
Xử thế công bằng, sáng mà hay.

碧桃紅杏乾坤景
暖日和風宇宙春
Bích đào hồng hạnh càn khôn cảnh;
Noãn nhật hoà phong vũ trụ xuân.
Đào thắm, mơ hồng, càn khôn cảnh;
Gió hoà, ngày ấm, vũ trụ xuân.

傳家萬事皆宜忍
教子千方不外勤
Truyền gia vạn sự giai nghi nhẫn;
Giáo tử thiên phương bất ngoại cần.
Truyền nhà muôn việc đều nên nhẫn;
Dạy con ngàn phép chẳng ngoài cần.

待 人寬三分是福
處世讓一步爲高
Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;
Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.
Đãi người rộng ba phần là phúc;
Xử thế nhường một bước mới cao.

瑞氣生來惟孝悌
家聲振起是詩書

Thuỵ khí sinh lai duy hiếu đễ;
Gia thanh chấn khởi thị thi thư.
Khí lành sinh sôi nhờ hiếu đễ;
Tiếng nhà lừng lẫy bởi thi thư.

富養眾民樂四時和風甘雨
資生萬物賜八方歲稔年豐
Phú dưỡng chúng dân, lạc tứ thời hoà phong cam vũ;
Tư sinh vạn vật, tứ bát phương tuế nẫm niên phong.
Chăm sóc chúng dân, vui bốn mùa gió lành mưa ngọt;
Riêng sinh muôn vật, cho tám phương mùa được lúa nhiều.

寶鼎浮煙香結彩
銀臺報喜燭生花
Bảo đỉnh phù yên hương kết thái;
Ngân đài báo hỉ chúc sinh hoa.
Đỉnh quý thơm hương khói toả đẹp;
Đài bạc tin mừng đuốc nở hoa.

一方清泰蒙神佑
兩字康寧叩聖扶
Nhất phương thanh thái mông thần hựu;
Lưỡng tự khang ninh khấu thánh phù.
Một phương an thái ơn thần giúp;
Hai chữ khang ninh khấn thánh phù.

五色祥雲緣聖殿
千秋恩霧覆民家
Ngũ sắc tường vân duyên thánh điện;
Thiên thu ân vụ phúc dân gia.
Năm sắc mây lành vờn điện thánh;
Ngàn năm ơn đức giúp nhà dân.

殿宇輝煌燭彩燈花千載盛
神功浩蕩安民錫福萬家春
Điện vũ huy hoàng chúc thái đăng hoa thiên tải thịnh;
Thần công hạo đãng con dân tích phúc vạn gia xuân.
Mái điện huy hoàng, đuốc sáng, đèn hoa, ngàn thuở thịnh;
Công thần rộng khắp, dân yên, ban phúc, vạn nhà xuân.

千古仰神麻德曜常昭日月
萬年隆血食威嚴永鎮乾坤
Thiên cổ ngưỡng thần hưu, đức diệu thường chiêu nhật nguyệt;
Vạn niên long huyết thực, uy nghiêm vĩnh trấn càn khôn.
Ngàn thuở đội ơn thần, đức sáng tỏ cùng nhật nguyệt;
Vạn năm dâng lễ vật, uy nghiêm mãi trấn càn khôn.

殿宇輝煌人傑地靈千古跡
神功浩蕩民安物阜萬家春
Điện vũ huy hoàng nhân kiệt địa linh thiên cổ tích;
Thần công hạo đãng dân an vật phụ vạn gia xuân.
Mái điện huy hoàng, người giỏi, đất thiêng ngàn dấu cổ;
Công thần rộng khắp, dân yên, vật thịnh vạn nhà xuân.

萬古丹心盟日月
千秋義氣壯山河
Vạn cổ đan tâm minh nhật nguyệt;
Thiên thu nghĩa khí tráng sơn hà.
Muôn thuở lòng son thề nhật nguyệt;
Ngàn năm nghĩa khí mạnh sơn hà.

詩酒太豪情此地江山曾作主
風霜掩俗骨故園松菊爲誰當
Thi tửu thái hào tình, thử địa giang sơn tằng tác chủ;
Phong sương yểm tục cốt, cố viên tùng cúc vị thuỳ đương.
Thơ rượu gợi hào tình, đất ấy non sông từng có chủ;
Gió sương che tục cốt, vườn xưa tùng cúc để ai trông.

造化亦何心於斯人斯遇
僚友所深感在此夕此朝
Tạo hóa diệc hà tâm, ư tư nhân tư ngộ;
Liêu hữu sở thâm cảm tại thử tịch thử triêu.
Tạo hóa nỡ lòng nào, há để người này cảnh ấy;
Bạn bè nên thông cảm, ở trong đêm ấy ngày này.

菊徑休翁愁夏日
蘭階孝子泣春暉
Cúc kính hưu ông sầu hạ nhật;
Lan giai hiếu tử khấp xuân huy.

Lối cúc người về buồn tháng hạ;
Thềm lan con hiếu khóc tàn xuân.

杖屨百年天整八
晨昏六子地逢三
Trượng lũ bách niên thiên chỉnh bát;
Thần hôn lục tử địa phùng tam.
Trăm năm chống gậy trời sửa tám;
Sáu con hầu hạ đất lôi ba.
(Phan Bội Châu thay người khác viết)

一旦忽非常使我公姑長望叔
九源如有遇爲言母子倍恩情
Nhất đán hốt phi thường, sử ngã công cô trường vọng thúc;
Cửu nguyên như hữu ngộ, vị ngôn mẫu tử bội ân tình.
Bỗng chốc hoá vô thường, khiến cháu với cô buồn nhớ chú;
Suối vàng như có gặp, vì mẹ con nhắc chuyện ân tình.
(Vợ goá khóc em trai chồng)

先生存而兄存簪笏百年鳴世外
先生沒而兄沒晨昏一念到冥中
Tiên sinh tồn nhi huynh tồn, trâm hốt bách niên minh thế ngoại;
Tiên sinh một nhi huynh một, thần hôn nhất niệm đáo minh trung.
Khi thầy còn mà anh còn, trâm hốt trăm năm ngoài cuộc thế;
Lúc thầy mất mà anh mất, sớm hôm một nỗi chốn u minh.
(Khóc con thầy học)

京闕舊遊瓊宛花間同我賞
文章殘局玉樓天外送君歸
Kinh khuyết cựu du quỳnh uyển hoa gian đồng ngã thưởng;
Văn chương tàn cục, ngọc lâu thiên ngoại tống quân quy.
Kinh khuyết gặp nhau, cùng tôi thưởng vườn quỳnh hoa nở;
Văn chương hồi cuối, tiễn ông đi lầu ngọc cảnh tiên.
(Nguyễn Thượng Hiền viếng Thám Hoa Vũ Phạm Hàm)

千古靈魂歸象郡
百年殘骨喪龍州
Thiên cổ linh hồn quy Tượng quận;
Bách niên tàn cốt táng Long châu.

Ngàn thuở hồn thiêng về Tượng quận;
Trăm năm thể phách gửi Long châu.
(Nguyễn Thượng Hiền khóc bố vợ Tôn Thất Thuyết)

悟空諸念寂
對佛一燈寒
Ngộ không chư niệm tịch;
Đối Phật nhất đăng hàn.
Ngộ chữ không, mọi niệm đều vắng;
Trước đức phật, một ngọn đèn cô.

藥之弗效禱之弗靈母命謂何哉塵體悠悠寒雨怯
生無以養死無以祭子心良苦矣愁情戀戀白雲飛
Dược chi phất hiệu, đảo chi phất linh, mẫu mạnh vị hà tai,
trần thể du du hàn vũ khiếp;
Sinh vô dĩ dưỡng, tử vô dĩ tế, tử tâm lương khổ hĩ,
sầu tình luyến luyến bạch vân phi.
Thuốc còn chưa nghiệm, cầu còn chưa linh, mệnh mẹ tính sao đây,
thân trần tục ghê thay cơn gió lạnh;
Sống không thể nuôi, chết không thể tế, lòng con đau đớn lắm,
nỗi u buồn đành gửi đám mây bay.
(Khóc mẹ)

七十七春秋若果脱離成果福
三大天世界慈花容見化蓮花
Thất thập thất xuân thu, nhược quả thoát ly thành phúc quả;
Tam đại thiên thế giới, từ hoa dung kiến hóa liên hoa.
Bảy mươi bảy tuổi trời, quả được chia ly thành quả phúc;
Ba đại thiên thế giới, hoa từ dung mạo hóa hoa sen.

慈德仰蒙山海重
孝心深愧路塵輕
Từ đức ngưỡng mông sơn hải trọng;
Hiếu tâm thâm quý lộ trần khinh.
Công ơn mẹ nặng sánh tày non biển;
Lòng hiếu con thẹn nhẹ tựa bụi trần.

以如此江山豈無文章鳴世之才爲人邑望
非不能甲乙所在造物生賢之意猶異日留

Dĩ như thử giang sơn, khởi vô văn chương minh thế chi tài, vi nhân ấp vọng;
Phi bất năng giáp ất, sở tại tạo vật sinh hiền chi ý, do dị nhật lưu.
Non sông đến nỗi này, há chẳng có tài văn chương kêu gọi đáp ứng người mong đợi;
Nếp tẻ ra sao chẳng biết, cũng chỉ bởi ý tạo hoá sinh hiền dành lại để ngày sau.
(Khóc nghĩa sĩ văn thân)

人生百歲爲期半未半憐卿薄命
天賜三元及第奇之奇重朕傷心

Nhân sinh bách tuế vi kỳ, bán vị bán lân khanh bạc mệnh;
Thiên tứ tam nguyên cập đệ, kỳ chi kỳ trọng trẫm thương tâm.
Đời người trăm năm một hẹn, chưa trọn nửa sao khanh mệnh bạc;
Trời cho tam nguyên đã đậu, lạ làm sao nặng trẫm thương tâm.
(Hoàng đế Dực Tôn khóc Tam Nguyên Trần Bích San)

福林寶訓芳猶在
鐘鐵遺音念不忘

Phúc lâm bảo huấn phương do tại;
Chung thiết di âm niệm bất vong.
Lời răn rừng phúc, thơm còn đấy;
Chuông đóng dư âm, nhớ khó nguôi.

德澤長留風物在
蓮臺仰望水雲迷

Đức trạch trường lưu phong vật tại;
Bồng đài ngưỡng vọng thuỷ vân mê.
Cảnh vật còn đây ơn đức nhỏ;
Nước mây mờ mịt cảnh tiên mong.

眷愛多年蒙厚德
超生今日仰慈容

Quyến ái đa niên mông hậu đức;
Siêu sinh kim nhật ngưỡng từ dung.
Ưu ái nhiều năm dày ơn đức;
Siêu thoát hôm nay nhớ vẻ từ.

信道雲來佛教眞言欽奉
老松雨化蓮臺淨土榮歸

Tín đạo vân lai, phật giáo chân ngôn khâm phụng;
Lảo tùng vũ hóa, Liên đài tịnh thổ vinh quy.
Đức tín theo mây đến, vâng nghe lời truyền Phật giáo;
Tùng già hóa mưa bay, vui về đất tịnh đài sen.

樹結菩提報滿娑婆歸佛戒
修完福果神遊淨土接人寰

Thụ kết bồ đề, báo mãn sa bà quy phật giới;
Tu hoàn phúc quả, thần du tịnh thổ, tiếp nhân hoàn.
Kết cây bồ đề, khắp cõi sa bà quy cõi Phật;
Tu thành quả phúc, chơi miền tịnh thổ tiếp người trần.

波寒泰水驚殘夏
霜鎖冰庭感隔秋

Ba hàn thái thuỷ, kinh tàn hạ;
Sương toả băng đình cảm cách thu.
Nước to, sóng lạnh, kinh tàn hạ;
Sân băng, sương toả, nhắc qua thu.

遇有升沉皆若夢
交於生死孰無情

Ngộ hữu thăng trầm giai nhược mộng;
Giao ư sinh tử thục vô tình.
Gặp cảnh thăng trầm coi tựa mộng;
Vào nơi sống chết khó vô tình.

北雪南梅成往事
江風山月啻間人

Bắc tuyết, nam mai thành vãng sự;
Giang phong sơn nguyệt sắc nhàn nhân.
Câu chuyện cũ Nam mai, Bắc tuyết;
Người nhàn ưa trăng núi, gió sông.

寂寞琴臺孤月照
悽惶蘭徑 曉風吹

Tịch mịch cầm đài cô nguyệt chiếu;
Thê hoàng lan kính hiểu phong suy.
Lầu đàn vắng vẻ trăng cô chiếu;
Lan khóm đìu hiu gió sớm qua.

林茂鳥歸燕雀多年承美處
芝焚蕙慘藤蘿終古戀喬枝

Lâm mậu điểu quy, yến tước đa niên thừa mỹ xứ;
Chi phần huệ thảm, đằng la chung cổ luyến kiều chi.

Rừng rậm chim về, yến sẻ vẫn thường tìm chỗ tốt;
Chi sầu huệ thảm, sắn bìm muôn thuở thích cành cao.

無窮塵累平生厭
不朽科名 久遠看

Vô cùng trần luỵ bình sinh yếm;
Bất hủ khoa danh cửu viễn khan.

Trần luỵ vô cùng đời vốn ngán;
Khoa danh còn mãi đứng xa nhìn.

當今海噎未清情係子臣忍此丹心孤一老
莫見太峰有約誰無兄弟欲相正氣覓雙魂

Đương kim hải ế vị thanh, tình hệ tử thần, nhẫn thử đan tâm cô nhất lão;
Mạc kiến thái phong hữu ước thuỳ vô huynh đệ dục tương chính khí mịch song hồn

Ngày nay biển mờ chưa tỏ, tình thuộc tôi con, nén tấm lòng son, riêng một lão;
Chớ thấy non cao đã hẹn, ai chẳng anh em, muốn đem chính khí kiếm hai hồn.

月鏡幾時圓目送歸鴻思故國
家鄉何處是心隨飛燕逐征帆

Nguyệt kính kỷ thời viên, mục tống quy hồng tư cố quốc;
Gia hương hà xứ thị, tâm tuỳ phi yến trục chinh phàm.

Vành trăng mấy bận tròn, mắt tiễn chim hồng nhớ nước cũ;
Quê nhà nơi đâu nhỉ, lòng theo chim yến dõi buồm xa.

科宦方懸雙侍望
孝忠徒抱一生心

Khoa hoạn phương huyền song thị vọng;
Hiếu trung đồ bão nhất sinh tâm.

Khoa hoạn nêu cao còn đứng ngóng;
Hiếu trung để dạ một lòng mong.

春旦授花聯正欲薰香書壽算
夏雲迷泰嶺不堪和淚寫哀詩
Xuân đán thụ hoa liên, chính dục huân hương thư thọ toán;
Hạ vân mê thái lĩnh, bất kham hoà lệ tả ai thi.
Sáng xuân viết đối hoa, những muốn thắp hương cầu chúc thọ;
Mây hè mờ non Thái, khôn ngăn nhỏ lệ viết thơ buồn.

憐君才器佔時名忽如行客
笑我慵疏招物論猶作閒人
Lân quân tài khí chiếm thời danh, hốt như hành khách;
Tiếu ngã dung sơ chiêu vật luận, do tác nhàn nhân.
Thương ông tài trí hơn người, bỗng chốc hoá ra hành khách;
Cười ta học hành kém bạn, đành làm một kẻ chơi nhàn.

花甲八旬餘邇挹芝蘭歆雅度
杏村十里外遙瞻壽曜憶芳微
Hoa giáp bát tuần dư, nhĩ ấp chi lan hâm nhã độ;
Hạnh thôn thập lý ngoại, dao chiêm thọ diệu ức phương vi.
Tuổi tác ngoại tám mươi, gần với chi lan thêm nhã nhặn;
Hạnh thôn ngoài mười dặm, xa trông ánh thọ luống thương thầm.

耐久與相於從容酒菊茶蓮無限江風池草夢
歸來重訪舊嘆息南河北海空餘春樹墓雲情
Nại cửu dữ tương ư thung dung tửu cúc trà liên vô hạn giang phong trì thảo mộng
Quy lai trùng phỏng cựu thán tức nam hà bắc hải không dư xuân thụ mộ vân tình
Gần gụi nhiều năm khi trà sen rượu cúc thong dong sông gió cỏ ao từng lắm mộng
Về hưu thăm hỏi lúc biển bắc sông nam thao thức cây xuân bên mộ lấy đâu tình

著眼應消千古恨
放懷莫負片時閒
Trước nhãn ưng tiêu thiên cổ hận;
Phóng hoài mạc phụ phiến thời nhàn.
Nhắm mắt quên đi ngàn thuở hận;
Mở lòng chớ phụ một lúc nhàn.

有志難申空枉百年昭物議
雖功不就亦將一死報君恩

Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị;
Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Chí lớn khôn bày, uổng phí trăm năm lo việc nước;
Công danh đã ngán, đành đem một chết báo ơn vua.

(Phan Bội Châu khóc Nguyễn Hữu Huân)

未捷身先長使英雄淚滿
並遊顏厚肯交夫子生還

Vị tiệp thân tiên, trường sử anh hùng lệ mãn;
Tinh du nhan hậu khẳng giao phu tử sinh hoàn.

Chưa thắng giặc đã hy sinh, mãi để anh hùng còn rơi lệ;
Dày mặt kẻ quen biết, để cho phu tử sống về.

(Tam nguyên Yên Đổ khóc Tiến sĩ Vũ Hữu Lợi)

一繫故園心衣線手中常憶
重遮千里目煙波江上不勝

Nhất hệ cố viên tâm, y tuyến thủ trung thường ức;
Trùng già thiên lý mục, yên ba giang thượng bất thăng.

Lòng lưu luyến vườn xưa, sợi chỉ trong tay thường vẫn nhớ;
Mặt khuất che ngàn dặm, trên sông khói sóng gợi thêm buồn.

(Nhà chài khóc mẹ)

視之如子然廿載冰庭多托愛
胡然而天也十行閨淚倍含悽

Thị chi như tử nhiên, trấp tải băng đình đa thác ái;
Hồ nhiên nhi thiên dã, thập hàng khuê lệ bội hàm thê.

Vẫn coi như con, hai chục năm qua nhiều ưu ái;
Bỗng chốc về trời, mười hàng lệ nhỏ lắm tình thương.

(Mẹ vợ khóc con rể)

古希遜七人方望
鄉約初成筆未乾

Cổ hi tốn thất nhân phương vọng;
Hương ước sơ thành bút vị can.

Tuổi hiếm kém bảy, người mong ước;
Hương ước vừa xong, bút chửa khô.

桂五枝芳十里品評相勉勉
蓮湖花福雙堂色笑共怡怡

Quế ngũ chi phương, thập lý phẩm bình tương miễn miễn;
Liên hồ hoa phúc, song đường sắc tiếu cộng di di.

Quế năm cành thơm, mười dặm ngợi khen nên cố gắng;
Hồ sen hoa phúc, hai thân thoả chí cũng vui cười.

黃泉覿面如相問
白髮盈頭限想 他

Hoàng tuyền cấu diện như tương vấn;
Bạch phát doanh đầu hạn tưởng tha.

Suối vàng gặp mặt nên thăm hỏi;
Tóc trắng trên đầu vẫn nhớ thương.

生爲貉將死爲神歷代衰葩長仰文郎千古國
昔是軍營今是廟異然香火默扶戚里二村民

Sinh vi Lạc tướng tử vi thần lịch đại cổn ba trường ngưỡng
Văn lang thiên cổ quốc
Tích thị quân doanh, kim thị miếu, dị nhiên hương hoả, mặc phù
Thích lý nhị thôn dân.

Sống làm Lạc tướng, thác làm thần, mũ áo nhiều đời, còn mãi nước Văn Lang muôn thuở;
Trước là quân doanh, nay là miếu, sớm hôm hương khói, âm phù Thích lý chúng dân thôn.

禮樂威儀敬如神在
謳歌鼓舞樂在人和

Lễ nhạc uy nghi, kính như thần tại;
Âu ca cổ vũ, lạc tại nhân hoà.

Lễ nhạc oai nghiêm, tôn kính như thần còn ở;
Ngợi ca cổ vũ, sướng vui khi người cùng hoà.

五色祥雲緣聖殿
千秋恩霧覆民靈

Ngũ sắc tường vân duyên thánh điện;
Thiên thu ân vụ phú dân linh.

Năm sắc mây lành vờn thánh điện;
Ngàn năm ơn đức giúp dân thiêng.

萬古焄蒿歆節烈
一方主宰仰英靈
Vạn cổ huân khao hâm tiết liệt;
Nhất phương chủ tể ngưỡng anh linh.
Muôn thuở khói hương nhờ tiết liệt;
Một phương làm chủ nhớ anh linh.

普濟生靈周苦阨
隨時變化現眞身
Phổ tế sinh linh chu khổ ách;
Tuỳ thời biến hoá hiện chân thân.
Cứu giúp sinh linh qua biển khổ;
Tuỳ thời biến hoá hiện chân thần.

座上蓮花占盡西湖三月景
瓶中楊柳分來南海一枝春
Toà thượng liên hoa, chiêm tận Tây Hồ tam nguyệt cảnh;
Bình trung dương liễu, phân lai Nam Hải nhất chi xuân.
Toà ngự hoa sen, chiếm hết Tây Hồ ba tháng hạ;
Mành treo dương liễu, lấy từ Nam Hải một nhành xuân.

法力頌無邊海宴河清齊獻瑞
波濤揚不起風平浪靜慶安瀾
Pháp lực tụng vô biên, hải yến hà thanh tế hiến thuỵ;
Ba đào dương bất khởi, phong bình lãng tĩnh khánh an lan.
Khen pháp lực vô biên, biển tĩnh sông trong, điềm dâng hiến;
Sóng đào không nổi dậy, gió êm giếng lặng vui bình yên.

慈航昭普渡
甘露洒馨香
Từ hàng chiêu phổ độ;
Cam lộ sái hinh hương.
Thuyền từ luôn tế độ;
Cam lộ rưới hương thơm.

護法能昭神勇力
降魔惟現宰官身
Hộ pháp năng chiêu dũng lực;
Hàng ma duy hiện tể quan thân.

Hộ pháp biểu dương mạnh thần lực;
Hàng ma thể hiện tể quan thân.

芙蓉花面春風暖
楊柳枝頭日露香
Phù dung hoa diện xuân phong noãn;
Dương liễu chi đầu nhật lộ hương.
Hoa phù dung gió xuân ấm mát;
Cây dương liễu sương mai đầy cành.

偏洒慈雲仙露降
高懸寶鏡慧珠圓
Thiên sái từ vân tiên lộ giáng;
Cao huyền bảo kính tuệ châu viên.
Sương tiên giáng mây từ riêng tưới;
Ngọc tuệ tròn kính báu còn vương.

德合坤貞萬古崇山留勝跡
名騰巽順千秋珥水播洪恩
Đức hợp khôn trinh, vạn cổ sùng sơn lưu thắng tích;
Danh đằng tốn thuận, thiên thu Nhĩ thuỷ bá hồng ân.
Đức hợp khôn trinh, muôn thuở non Sùng lưu thắng tích;
Danh thu tốn thuận, ngàn thu nước Nhị rộng hồng ân.

和平錫民後一方保護明神德
睦化率家先歷代封褒望聖恩
Hoà bình tích dân hậu, nhất phương bảo hộ minh thần đức;
Mục hóa suất gia tiên, lịch đại phong bao vọng thánh ân.
Hoà bình cho dân đến, che chở một phương đức thần tỏ;
Thân thích từ nhà làm, phong tặng nhiều đời ơn thánh ban.

蓋世勳名存國史
累朝敕贈顯靈祠
Cái thế huân danh tồn quốc sử;
Luỹ triều sắc tặng hiển linh từ.
Trùm đời danh tiếng lưu sử nước;
Trải triều sắc tặng tỏ đền thiêng.

英山蘇水廟宇崢嶸祠上等
聖靈明德威嚴顯赫盛民扶

Anh sơn tô thuỷ, miếu vũ tranh vanh từ thượng đẳng;
Thánh linh minh đức, uy nghiêm hiển hách thịnh dân phù.
Non đẹp nước Tô, miếu mạo nên cao đền loại nhất;
Thánh thiêng đức sáng, oai nghiêm hiển hách thịnh phù dân.

穆 穆 當 天 主 宰 千 年 留 勝 跡
洋 洋 在 上 烹 萬 萬 古 對 神 庵

Mục mục đương thiên, chủ tể thiên niên lưu thắng tích;
Dương dương tại thượng, huân khao vạn cổ đối thần am.
Hoà mục sách trời, chúa tể ngàn năm lưu thắng tích;
Thoả ý từ trên, khói hương muôn thuở trước am thần.

日 誦 金 經 祈 國 泰
時 宣 實 偈 祝 民 安

Nhật tụng kim kinh kỳ quốc thái;
Thời tuyên bảo kệ chúc dân an.
Ngày tụng kinh vàng cầu quốc thái;
Hay ngâm kệ báu chúc dân an.

入 般 若 門 開 般 若 場 求 現 在 同 圓 般 若
發 菩 提 心 學 菩 提 道 願 將 來 共 證 菩 提

Nhập Bát nhã môn, khai bát nhã trường, cầu hiện tại đồng viên bát nhã;
Phát bồ đề tâm, học bồ đề đạo, nguyện tương lai cộng chứng bồ đề.
Vào cửa bát nhã, mở trường bát nhã, cầu hiện tại tròn cùng bát nhã;
Phát tâm bồ đề, học đạo bồ đề, mong tương lai chứng nghiệm bồ đề.

臨 岸 出 清 香 不 死 精 神 遺 正 法
曹 溪 流 白 水 有 生 氣 象 闡 家 風

Lâm ngạn xuất thanh hương, bất tử tinh thần di chính pháp;
Tào khê lưu bạch thuỷ, hữu sinh khí tượng xiển gia phong.
Đến bờ giác đốt hương, bất tử tinh thần nơi chính pháp;
Dòng Tào khê nước chảy, nảy sinh khí tượng vẻ con nhà.

一 葦 西 來 袈 裟 著 帶 煙 沉 冷
九 蓮 神 化 衣 缽 還 留 雨 露 香

Nhất vĩ tây lai, cà sa trước đới yên trầm lãnh;
Cửu liên thần hoá, y bát hoàn lưu vũ lộ hương.
Một nhánh lau từ tây, cà sa đã khói hương nhuốm lạnh;
Chín đài sen thần hóa, y bát còn mưa móc đượm hương.

六 智 神 通 徵 般 若
千 秋 色 相 儼 如 來
Lục trí thần thông trưng bát nhã;
Thiên thu sắc tướng nghiễn như lai.
Sáu giới thần thông cầu bát nhã;
Ngàn năm sắc tướng kính như lai.

非 色 非 空 眞 妙 相
不 生 不 滅 大 慈 尊
Phi sắc phi không chân diệu tướng;
Bất sinh bất diệt đại từ tôn.
Chẳng sắc chẳng không đúng diệu tướng;
Không sinh không diệt thực dòng từ.

天 誰 寶 蓋 祥 光 照
地 出 金 蓮 瑞 氣 生
Thiên thuỳ bảo cái tường quang chiếu;
Địa xuất kim liên thuỵ khí sinh.
Trời che lọng báu mây lành chiếu;
Đất mọc sen vàng khí tốt sinh.

願 佛 慈 恩 霑 此 地
惟 天 寶 福 賜 於 民
Nguyện phật từ ân chiêm thử địa;
Duy thiên bảo phúc tứ ư dân.
Mong phật từ ân thấm đất ấy;
Cầu trời phúc báu tới dân này.

破 賊 但 嫌 三 歲 晚
騰 雲 猶 恨 九 天 低
Phá tặc đản hiềm tam tuế vãn;
Đằng vân do hận cửu thiên đê.
Lên ba phá giặc e còn muộn;
Vượt chín tầng mây hận chửa cao.
(Phù Đổng Thiên Vương từ)

雨 來 山 頂 聞 機 軸
月 炤 湖 心 現 鏡 臺
Vũ lai sơn đính văn cơ trục;
Nguyệt chiếu hồ tâm hiện kính đài.

Mưa đến đỉnh non nghe tiếng máy;
Trăng chiếu lòng hồ hiện đài gương.
(Đền Tam thần)

一們甲榜郁家聲洪順初年正進士
萬古綱常扶世教光紹末造大忠臣

Nhất môn giáp bảng úc gia thanh, Hồng Thuận sơ niên chánh Tiến sĩ;
Vạn cổ cương thường phù thế giáo, Quang Thiệu mạt tạo đại trung thần.

Một nhà khoa bảng kể lừng danh, năm đầu Hồng Thuận chánh Tiến sĩ;
Muôn thuở cương thường nâng nghiệp học cuối đời Quang Thiệu đại trung thần
(Đền Tiết Nghĩa)

八歲已狀元名芳越地
十年行使事聲振吳間

Bát tuế dĩ Trạng nguyên, danh phương Việt địa;
Thập niên hành Sứ sự, thanh chấn Ngô gian.

Tám tuổi đỗ Trạng nguyên, thơm danh nước Việt;
Mười năm đi việc Sứ, nổi tiếng đất Ngô.

雲宿莊王何代址
樹吹陳子一風庵

Vân túc Trang Vương hà đại chỉ;
Thụ suy Trần tử nhất phong am.

Xe mây đâu chốn Trang Vương nghỉ;
Trận gió rung cây Trần tử am.
(Am Trang Vương)

知其不可而遂歸 從赤松遊之智
生於莫土而試士欲公山往之心

Tri kỳ bất khả nhĩ toại quy, tòng Xích Tùng du chi trí;
Sinh ư Mạc thổ nhi thí sĩ, dục công sơn vãng chi tâm.

Biết là không thể bèn về, tiếp bước Xích Tùng ở trí;
Sinh ở đất Mạc thi đỗ, đành học Công Tôn ở tâm.
(Đền Trình Quốc Công)

翠竹黃花安外景
白雲明月現全眞

Thuý trúc hoàng h oa an ngoại cảnh;
Bạch vân minh nguyệt hiện toàn chân.
Trúc biếc, cúc vàng, cảnh yên tĩnh;
Mây trắng, trăng thanh, hiện rõ ràng.

榮生一室雙奇女
愧死當時幾丈夫
Vinh sinh nhất thất song kỳ nữ;
Quý tử đương thời kỷ trượng phu.
Khá khen một cửa hai kỳ nữ;
Đáng thẹn đương thời mấy trượng phu.

祝聖壽贊皇恩同日月光輝萬古
庶民安祈物阜並山河壯固千秋
Chúc thánh thọ, tán hoàng ân, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;
Tý dân an, kỳ vật phụ, tịnh sơn hà tráng cố thiên thu.
Chúc thánh thọ, ngợi hoàng ân, cùng nhật nguyệt sáng ngời muôn thuở;
Giúp dân yên, cầu vật thịnh, với non sông bền vững ngàn thu.
(Chùa Liên Hoa)

曾是前朝遊預地
依然舊處風光時
Tằng thị tiền triều du dự địa;
Y nhiên cựu xứ phong quang thời.
Triều trước, từng là nơi dạo mát;
Chốn xưa, vẫn thế cảnh phong quang.

設立四十七 村民各新安業
追恩非止一寨邑長留芳名
Thiết lập tứ thập thất thôn dân, các tân an nghiệp;
Truy ân phi chỉ nhất trại ấp, trường lưu phương danh.
Thiết lập bốn mươi bảy thôn dân, an cư lạc nghiệp;
Truy ơn chẳng chỉ một trại ấp, còn mãi tiếng thơm.
(Đền Lưu Phương)

擒妖虎於舟中一網勝百萬師戈甲
翼眞龍于水上片時延十八子孫姚
Cầm yêu hổ ư chu trung, nhất võng thắng bách vạn sư qua giáp;
Dực châu long vu thuỷ thượng, phiến thời diên thập bát tử tôn diêu.

Bắt yêu hổ ở trong thuyền, một lưới hơn trăm vạn quân giáp mác;
Nâng cánh rồng trên mặt nước, thoáng thôi mà mười tám cháu con vinh.
(Đền Mục Thận)

野花啼鳥沉迷客
石蔓羅煙纏絡人
Dã hoa đề điểu trầm mê khách;
Thạch mạn la yên khiển quyển nhân.
Hoa nội, chim kêu mê mẩn khách;
Cây leo, khói toả, vấn vương người.
(Chùa An Dã)

超類鐘靈李代九重昭母則
同天留跡故宮千載述神麻
Siêu loại chung linh, Lý đại cửu trùng chiêu mẫu tắc;
Đồng thiên lưu tích, cố cung thiên tải nhạ thần hưu.
Siêu - loại chuông thiêng, sáng phép mẹ chín trùng triều Lý;
Đồng - thiên dấu tích, đội ơn thần ngàn thuở cung xưa.
(Đình An Thái)

黎派地鍾靈雲傘奇徵僊顯跡
李朝天作合坤簾懿範母儀尊
Lê phái địa chung linh, vân tản kỳ trưng tiên hiển tích;
Lý triều thiên tác hợp khôn liêm ý phạm mẫu nghi tôn.
Đất nhà Lê chung đúc, mây tán còn ghi tiên hiển hiện;
Trời triều Lý chắp mối, rèm khôn lưu dáng mẹ uy nghi.

忽見靈臺勞夢寐
遙看勝地思綿蠻
Hốt kiến linh đài lao mộng mị;
Dao khan thắng địa tứ miên man.
Chợt thấy đài thiêng, hồn mộng mị;
Xa nhìn cảnh đẹp, ý miên man.
(Chùa Hàm Long, Đông Sơn)

節鉞權隆朝宿將
藩垣責重國元臣
Tiết việt quyền long, triều túc tướng;
Phiên viên trách trọng, quốc nguyên thần.

Tiết việt quyền cao triều tướng trực;
Giậu phên gánh nặng, nước - quan đầu.
(Miếu Hàm Giang)

懸寶鏡于空堂森嚴萬象
燦心燈于淨地妙証無爲
Huyền bảo kính vu không đường, sâm nghiêm vạn tượng;
Sán tâm đăng vu tịch địa, diệu chứng vô vi.
Gương báu treo nhà vắng, thâm nghiêm muôn vẻ;
Đèn tâm sáng đất tĩnh, chứng tỏ vô vi.
(Chùa Hoằng Phúc)

不記何年雲蓋覆
相傳此地寶爐 浮
Bất ký hà niên vân cái phú;
Tương truyền thử địa bảo lư phù.
Chẳng nhớ năm nào rợp mây lọng;
Tương truyền đất ấy nổi lò thiêng.
(Đình Châu Hội)

斷蛟勇冠群倫李朝千萬年而後
躍馬恩留厥邑龍城十三寨俱傳
Đoạn giao dũng quán quần luân, Lý triều thiên vạn niên nhi hậu;
Dược mã ân lưu quyết ấp, Long thành thập tam trại câu truyền.
Chém giao, phô sức mạnh tuyệt luân, ngàn vạn năm sau triều Lý nhớ;
Ruổi ngựa, để ơn lưu mọi ấp, mười ba thôn trại Long thành truyền.
(Đình Lệ Mật)

保國振神威北地 嶽山留勝跡
安民憑聖澤南天寶殿沐深恩
Bảo quốc chấn thần uy, Bắc địa nhạc sơn lưu thắng tích;
An dân bằng thánh trạch, Nam thiên bảo điện mộc thâm ân.
Giữ nước chấn oai thần, đất Bắc núi cao lưu thắng tích;
Yên dân nhờ đức thánh, trời Nam điện báu thấm ơn sâu.

一路香山垂萬歲
三門古洞永千秋
Nhất lộ hương sơn thuỳ vạn tuế;
Tam môn cổ động vĩnh thiên thu.

Hương sơn một lối còn muôn thuở;
Động xưa ba cửa mãi ngàn thu.

岳降神靈五福元霄鍾秀氣
地生人傑萬年境土保純民

Nhạc giáng thần linh, ngũ phúc nguyên tiêu chung tú khí;
Địa sinh nhân kiệt, vạn niên cảnh thổ bảo thuần dân.
Núi cao giáng thần thiêng, ngũ phúc rằm xuân vun khí đẹp;
Đất lành sinh người kiệt, muôn năm mảnh đất hộ dân thuần.

嶽山靈跡生爲將化爲神億年奉祀
燕水長流外有祠內有寺千古尊嚴

Nhạc sơn linh tích, sinh vi tướng, hoá vi thần, ức niên phụng tự;
Yến thuỷ trường lưu, ngoại hữu từ, nội hữu tự, thiên cổ tôn nghiêm.
Đỉnh núi dấu thiêng, sinh làm tướng, hoá làm thần, muôn năm thờ cúng;
Suối yến chảy mãi, ngoài có đền, trong có chùa, ngàn thuở tôn nghiêm.

世普別條分德樹遠憑先代蔭
宗堂隨地建紫亭延望故山雲

Thế phổ biệt điều phân, đức thụ viễn bằng tiên đại ấm;
Tôn đường tuỳ địa kiến, tử đình diên vọng cố sơn vân.
Gia phả phải phân chia, công đức ơn nhờ đời trước ấm;
Từ đường tuỳ đất dựng, đẹp đình tưởng nhớ núi mây xưa.

祖德宗功千載澤
子承孫繼萬年春

Tổ đức tôn công thiên tải trạch;
Tử thừa tôn kế vạn niên xuân.
Công đức tổ tiên ngàn thuở phúc;
Cháu con nối dõi vạn năm xuân.

忠厚相傳昔樹今花憑世澤
箕裘充紹前光後裕顯家聲

Trung hậu tương truyền, tích thụ kim hoa bằng thế trạch;
Cơ cừu sung thiệu, tiền quang hậu dụ hiển gia thanh.
Trung hậu còn truyền, cây cổ hoa nay nhờ phúc tổ;
Nghiệp nhà nối dõi, phúc sau sáng trước rạng danh nhà.

木本水源承世澤
秋霜春露憶先靈

Mộc bản thuỷ nguyên thừa thế trạch;
Thu sương xuân lộ ức tiên linh.
Cây gốc nước nguồn nhờ phúc trạch;
Thu sương xuân móc nhớ người xưa.

堂醍鼎俎酬先烈
孝子仁人竭至誠
Đường đề đỉnh trở thù tiên liệt;
Hiếu tử nhân nhân kiệt chí thành.
Từ đường đỉnh vạc cúng tiên tổ;
Con hiếu người nhân hết dạ thanh.

縹緲 香煙酬祖德
輝煌燭彩報宗功
Phiêu diểu hương yên thù tổ đức;
Huy hoàng chúc thái báo tôn công.
Nghi ngút khói hương nhớ đức tổ;
Huy hoàng đuốc nến báo ơn tông.

忠孝傳家恭治箕裘紹統緒
歲時報本蒸嘗俎豆薦馨香
Trung hiếu truyền gia, cung trị có cừu thiệu thống tự;
Tuế thời báo bản, chưng thường trở đậu tiến hinh hương.
Trung hiếu còn truyền, nối nghiệp cha ông theo một mối;
Tháng năm nhớ gốc, cúng tế lễ tiết vẫn dâng hương.

子姓蕃昌憑世澤
春秋祭祀寓辰思
Tử tính phồn xương bằng thế trạch;
Xuân thu tế tự ngụ thời tư.
Con cháu đông vui nhà phúc lớn;
Tháng năm cúng tế nhớ ơn xưa.

世閥相承開後鳳
堂祊儼在溯前龍
Thế phiệt tương thừa khai hậu phượng;
Đường banh nghiễm tại tố tiền long.
Quyền quí mãi đời sau sinh phượng;
Trang nghiêm như tế trước sân rồng.

福人福地栽培厚
文子文孫播引長
Phúc nhân, phúc địa, tài bồi hậu;
Văn tử, văn tôn, bá dẫn trường.
Người phúc đất phúc nên đầy đặn;
Cháu hay con giỏi sẽ lâu dài.

祖功宗德家爲廟
子孝臣忠國有編
Tổ công tôn đức gia vi miếu;
Tử hiếu thần trung quốc hữu biên.
Tổ tông công đức nhà là miếu;
Tôi cơn trung hiếu nước còn ghi.

吳家文派彪炳在前朝 溯自先封公肇基之始
羅渚科編箕裘裕來葉艷傳雙進士聯榜于今
Ngô gia văn phái, lưu bính tại tiền triều, tố tự tiên Phong Công, triệu cơ chi thuỷ
La chử khoa biên, cơ cừu dụ lai diệp, diễm truyền song Tiến sĩ, liên bảng vu kim
Văn phái họ Ngô, rực rỡ triều xưa, từ lúc Phong Công, dựng đầu cơ nghiệp;
Khoa bảng vùng La, noi theo nghiệp trước, nhờ hai Tiến sĩ, nối bảng đời sau.

已飽見險難貞心猶白
能儼存詩筆傑 思如新
Dĩ bão kiến hiểm nan trinh tâm do bạch;
Năng nghiễm tồn thi bút, kiệt tứ như tân.
Đã gặp lắm hiểm nguy, lòng trinh còn tỏ;
Luôn ngó ngàng thơ bút, tứ mới vẫn hay.

芳番石喝光祠屋
澤引溪流溯古江
Phương phiên thạch kệ quang từ ốc;
Trạch dẫn khê lưu tố cổ giang.
Kệ đá đưa thơm vào đền sáng;
Dòng khe dẫn đức đến sông xưa.

爲故黎遺播臣忠義千秋傳國史
開西溪文獻地蒸嘗永世仰宗功
Vi cố Lê bô bá thần, trung nghĩa thiên thu truyền quốc sử;
Khai tây Khê văn hiến địa, chưng thường vĩnh thế ngưỡng tôn công.
Là tôi Lê cũ bôn đào, trung nghĩa ngàn năm truyền sử nước;
Mở La Khê tây văn hóa, xuân thu cúng vái nhớ công xưa.

金册贈封千古錄
玉筵臨照萬年光
Kim sách tặng phong thiên cổ lục;
Ngọc diên lâm chiếu vạn niên quang.
Sách vàng phong tặng lưu ngàn thuở;
Chiếu ngọc phơi bày sáng vạn năm.

朝夕隨時勤洒掃
往來逐日樂賓朋
Triêu tịch tuỳ thời cần sái tảo;
Vãng lai trục nhật lạc tân bằng.
Hôm sớm tuỳ thời chăm rưới quét;
Qua lại thường xuyên đón bạn bè.

地近街坊宜嚴出入
門當啓閉莫忽晨昏
Địa cận nhai phường nghi nghiêm xuất nhập;
Môn đương khải bế mạc hốt thần hôn.
Nhà gần phố xá, ra vào nên cẩn thận;
Cửa hay đóng mở hôm sớm chớ vội vàng.

前門欲大須存後
後户從寬在積深
Tiền môn dục đại tu tồn hậu;
Hậu hộ tòng khoan tại tích thâm.
Cửa trước mở to, nên có hậu;
Nhà sau nới rộng, chứa cần nhiều.

光前已啓家聲久
裕後還留世澤長
Quang tiền dĩ khải gia thanh cửu;
Dụ hậu hoàn lưu thế trạch trường.

Trước sáng, để tiếng nhà còn mãi;
Sau khoan, dành đức trạch dài lâu.

積德前程應遠大
存仁後地自寬宏
Tích đức tiền trình ưng viễn đại;
Tồn nhân hậu địa tự khoan hoằng.
Tích đức bước đầu cần rộng lớn;
Giữ nhân đất tiếp sẽ khoan dung.

鴻鳴天上恩綸普
燕喜堂前福祿深
Hồng minh thiên thượng ân luân phổ;
Yến hỉ đường tiền phúc lộc thâm.
Hồng kêu trời cao nhiều ơn đến;
Yến nhộn đầu nhà được phúc sâu.

傳家萬事皆宜忍
教子千方莫若勤
Truyền gia vạn sự giai nghi nhẫn;
Giáo tử thiên phương mạc nhược cần.
Nối nhà muôn việc đều nên nhẫn;
Dạy con ngàn phép chẳng bằng cần.

立身須孝悌爲本
治家以勤儉爲先
Lập thân tu hiếu đễ vi bản;
Trị gia dĩ cần kiệm vi tiên.
Lập thân lấy hiếu đễ làm gốc;
Trị nhà nên cần kiệm làm đầu.

亭前綠滿餘芳草
窗外春深瑣碧桃
Đình tiền lục mãn dư phương thảo;
Song ngoại xuân thâm toả bích đảo.
Trước đình rậm cỏ thơm xanh mướt;
Ngoài song phô đào thắm sắc xuân.

半窗月落梅無影
三徑風來月有聲

Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;
Tam kính phong lai nguyệt hữu thanh.
Trăng xế nửa song mai giấu bóng;
Gió vờn ba luống nguyệt dư âm.

沿階花木著奇觀一亭春色
近水樓臺多幻景滿院清風
Duyên giai hoa mộc trứ kỳ quan, nhất đình xuân sắc;
Cận thuỷ lâu đài đa ảo cảnh, mãn viện khanh phong.
Bên thềm rực rỡ cỏ hoa, một đình xuân sắc;
Gần sông thấp thoáng lâu đài, đầy viện gió thanh.

近水樓臺先得月
嚮陽花木早逢春
Cận thuỷ lâu đài tiên đắc nguyệt;
Hướng dương hoa mộc tảo phùng xuân.
Trăng trước đến lâu đài gần nước;
Xuân sớm về hoa cỏ hướng dương.

花浮水面添文趣
月印波心悟化機
Hoa phù thuỷ diện thiêm văn thú;
Nguyệt ấn ba tâm ngộ hóa cơ.
Hoa trôi mặt nước, văn thêm hứng;
Trăng dọi lòng sông, ngộ ý trời.

池邊柳繞迴環路
水面魚游自在行
Trì biên liễu nhiễu hồi hoàn lộ;
Thuỷ diện ngư du tự tại hành.
Bên hồ liễu rũ, quanh co lối;
Mặt nước cá đàn thong dong bơi.

喬第喜遷賓氣象
高門不改舊家風
Kiều đệ hỉ thiên tân khí tượng;
Cao môn bất cải cựu gia phong.
Nhà rộng mừng thấy không khí mới;
Cửa cao không đổi gia phong xưa.

卜居德鄰人傑地靈瞻瑞氣
宅遷仁里蘭芳桂馥出奇英
Bốc cư đức lân, nhân kiệt địa linh chiêm thuỵ khí;
Trạch thiên nhân lý, lan phương quế phức xuất kỳ anh.
Chọn ở gần đức, người giỏi đất thiêng nhờ khí tốt;
Rời đến làng nhân, lan thơm quế ngát hiện anh tài.

早卜天香生桂子
喜看國瑞發蘭英
Tảo bốc thiên hương sinh quế tử;
Hỉ khan quốc thuỵ phát lan anh.
Sớm bói hương trời, sinh con quế;
Mừng xem đẹp nước, nở lan thơm.

琴瑟和鳴榮晝錦
芝蘭香藹兆麟祥
Cầm sắt hoà minh vinh trú cẩm;
Chi lan hương ái triệu lân tường.
Sắt cầm hoà tấu, ngày rạng gấm;
Chi lan hương ngát, báo điềm lân.

菱花光映紗窗曉
竹葉香浮繡户春
Lăng hoa quang ánh sa song hiểu;
Trúc diệp hương phù tú hộ xuân.
Hoa lăng sớm chiếu lên rèm cửa;
Lá trúc hương xuân đến tận nhà.

上苑梅開春九十
高堂桃熟歲三千
Thượng uyển mai khai xuân cửu thập;
Cao đường đào thục tuế tam thiên.
Vườn thượng uyển mai mừng xuân chín chục;
Nhà tổ tiên đào chín tuổi ba ngàn.

喜見紅梅多結子
笑看綠竹又生孫
Hỷ kiến hồng mai đa kết tử;
Tiếu khan lục trúc hựu sinh tôn.

Mừng thấy mai hồng đậu lắm quả;
Cười xem trúc biếc lại ra măng.

琅玕竹報千年綠
富貴花開錦繡春
Lang can trúc báo thiên niên lục;
Phú quý hoa khai cẩm tú xuân.
Trúc vân ngọc quý, ngàn năm biếc;
Hoa nở giàu sang, gấm vóc xuân.

紫荊花下兄宜弟
彩服堂前子悅親
Tử kinh hoa hạ huynh nghi đệ;
Thái phục đường tiền tử duyệt thân.
Dưới hoa Tử Kinh, anh em hoà thuận;
Áo đẹp thềm nhà, cha mẹ vui lòng.

積善堂前無限樂
長春花下有餘香
Tích thiện đường tiền vô hạn lạc;
Trường xuân hoa hạ hữu dư hương.
Vui vô hạn, trong nhà tích thiện;
Hương có thừa, hoa nở mùa xuân.

知命知非成化景
言慈言孝樂天倫
Tri mạnh tri phi thành hóa cảnh;
Ngôn từ ngôn hiếu lạc thiên luân.
Biết mệnh biết sai nên thuận cảnh;
Lời từ lời hiếu hợp thiên luân.

耳正順時猶點額
鄉當杖處盡稱觴
Nhĩ chính thuận thời do điểm ngạch;
Hương đương trượng xứ tận xưng thương.
Tai nghe đã thuận còn lo học;
Chống gậy ở làng chúc sống lâu.

鄉內恩須欣柱杖
家中慶祝快稱年

Hương nội ân ban hân trụ trượng;
Gia trung khánh chúc khoái hy niên.
Giữa làng ơn ban, vui gậy chống;
Trong nhà mừng chúc, tuổi trời cho.

客隨柏葉樽前酒
人向桃花洞裏來
Khách tuỳ bách diệp tôn tiền tửu;
Nhân hướng đào hoa động lý lai.
Khách theo tuổi tác say trong tiệc;
Người ngắm hoa đào từ động về.

萱草庭前稱上壽
梅花園上占先春
Huyên thảo đình tiền xưng thượng thọ;
Mai hoa viên thượng chiếm tiên xuân.
Trước cửa huyên thơm mừng thượng thọ;
Trong vườn mai nở đứng đầu xuân.

瑤池喜進千年果
海屋欣添百歲長
Dao trì hỉ tiến thiên niên quả;
Hải ốc hân thiêm bách tuế trường.
Quả ngàn năm dao trì mừng hiến thọ;
Vui trăm tuổi trên biển dựng thêm nhà.

春放萬花晴獻壽
雲呈五彩曉開樽
Xuân phóng vạn hoa tình hiến thọ;
Vân trình ngũ thái hiểu khai tôn.
Muôn hoa xuân nở vui mừng thọ;
Năm sắc đường mây sớm tiệc bày.

壽算與山齊南極一星朝北斗
福源如海大祥雲五色近蓬萊
Thọ toán dữ sơn tề, Nam cực nhất tinh triều Bắc đẩu;
Phúc nguyên như hải đại, tường vân ngũ sắc cận Bồng lai.
Thọ sánh tày non, Nam cực một sao triều Bắc đẩu;
Phúc lớn như biển, mây lành năm sắc sát Bồng lai.

其然乎逸客高人詩且讀田且耕怡養在塵野青城而外
安得有仙風道骨月爲朋花爲友性晴於奇山秀水之間

Kỳ nhiên hồ, dật khách cao nhân, thi thả độc điền thả canh, di dưỡng tại trần dã thanh thành nhi ngoại;
An đắc hữu tiên phong đạo cốt, nguyệt vi bằng, hoa vĩ hữu tính tình ư kỳ sơn tú thuỷ chi gian.

Thật vậy sao, ẩn khách, cao nhân, đọc thơ, cày ruộng, di dưỡng chốn ngoại thành đồng ruộng;
Giá mà được, tiên phong, đạo cốt, trăng thân, hoa bạn, an nhàn nơi nước biếc non xanh.

千古詩書千古券
萬年科榜萬年盟

Thiên cổ thi thư thiên cổ khoán;
Vạn niên khoa bảng vạn niên minh.

Ngàn thuở thi thư ngàn thuở hẹn;
Vạn năm khoa bảng vạn năm thề.

千古英雄留厚德
百年豪傑享勳名

Thiên cổ anh hùng lưu hậu đức;
Bách niên hào kiệt hưởng huân danh.

Ngàn thuở anh hùng lưu đức hậu;
Trăm năm hào kiệt để danh thơm.

一勤天下無難事
百忍家中有太和

Nhất cần thiên hạ vô nan sự;
Bách nhẫn gia trung hữu thái hoà.

Một cần thiên hạ không việc khó;
Trăm nhẫn trong nhà có thuận hoà.

異書可愛如新月
佳士相逢勝好花

Dị thư khả ái như tân nguyệt;
Giai sĩ tương phùng thắng hảo hoa.

Sách lạ đáng yêu như trăng mới;
Người tài được gặp tựa hoa tươi.

早欲爲梅晚爲菊
動相如水靜如山
Tảo dục vi mai, văn vi cúc;
Động tương như thuỷ, tĩnh như sơn.
Sáng muốn làm mai, chiều làm cúc;
Động thì như nước, tĩnh như non.

碧雲芳草供詩料
黃菊青山稱宦情
Bích vân phương thảo cung thi liệu;
Hoàng cúc thanh sơn xứng hoạn tình.
Mây biếc, cỏ thơm, nguồn thi hứng;
Cúc vàng, non xanh, hợp tình quan.

爲人莫道成人易
守業方知創業難
Vi nhân mạc đạo thành nhân dị;
Thủ nghiệp phương tri sáng nghiệp nan.
Làm người, chớ bảo nên người là dễ;
Nối nghiệp, rồi hay mở nghiệp gian nan.

桃李欣承新雨露
箕裘丕振舊家聲
Đào lý hân thừa tân vũ lộ;
Cơ cừu phỉ chấn cựu gia thanh.
Mưa móc mới mận đào tươi tốt;
Tiếng tăm xưa sự nghiệp chấn hưng.

文魁武烈四季名鄉
龍拱龜朝千秋靈地
Văn khôi vũ liệt tứ quý danh hương;
Long củng quy triều thiên thu linh địa.
Văn hay, võ giỏi, bốn mùa làng nổi tiếng;
Rồng cuộn, rùa quỳ, ngàn năm đất linh thiêng.

爽郎一壺天日照月明星燦爛
英靈千古廟山回水聚樹參差

Sảng láng nhất hồ thiên, nhật chiếu nguyệt minh tinh sán lạn;
Anh linh thiên cổ miếu, sơn hồi thuỷ tụ thụ sâm si.
Sáng sủa mặt hồ, trời chiếu trăng soi, sao hôm rực rỡ;
Linh thiêng miếu cổ, non bao, nước tụ cây cối um tùm.

天地無私爲善自然獲福
聖賢有教修身可以齊家
Thiên địa vô tư, vi thiện tự nhiên hoạch phúc;
Thánh hiền hữu giáo, tu thân khả dĩ tề gia.
Trời đất vô tư, làm thiện tự nhiên được phúc;
Thánh hiền có dạy, sửa mình có thể trị nhà.

文以道接以禮一團和氣
近者悅遠者來四海春風
Văn dĩ đạo, tiếp dĩ lễ nhất đoàn hoà khí;
Cận giả duyệt, viễn giả lai, tứ hải xuân phong.
Văn lấy đạo, tiếp lấy lễ, một bầu hoà khí;
Gần thì vui, xa thì đến, bốn bể gió xuân.

利如曉日騰雲起
財似春潮帶雨來
Lợi như hiểu nhật đằng vân khởi;
Tài tự xuân trào đới vũ lai.
Lợi như ngày nắng cưỡi mây dậy;
Của tựa triều xuân đón nước về.

生意興隆通四海
財源茂盛達三江
Sinh ý hưng long thông tứ hải;
Tài nguyên mậu thịnh đạt tam giang.
Buôn bán sinh sôi thông bốn biển;
Tài nguyên dư dật khắp ba sông.

妙算無移方取利
運籌有道定生財
Diệu toán vô di phương thủ lợi;
Vận trù hữu đạo định sinh tài.
Tính toán không sai mới có lợi;
Vận trù phải phép ắt sinh tài.

經營暫試經綸手
喻利常存喻義心
Kinh doanh tạm thí kinh luân thủ;
Du lợi thường tồn dụ nghĩa tâm.
Kinh doanh thử ra tay sắp đặt;
Kiếm lợi nên còn chút nghĩa tâm.

生意如春前茂草
財源似雨後鮮花
Sinh ý như xuân tiền mậu thảo;
Tài nguyên tự vũ hậu tiên hoa.
Buôn bán như gặp xuân cỏ mọc;
Tài nguyên tựa sau mưa hoa tươi.

人運喜同天運發
財源正與利源通
Nhân vận hỉ đồng thiên vận phát;
Tài nguyên chính dữ lợi nguyên thông.
Mừng vận người cùng vận trời phát;
Đúng nguồn của với nguồn lợi thông.

營利廣增千倍利
獲財遠近四方財
Doanh lợi quảng tăng thiên bội lợi;
Hoạch tài viễn cận tứ phương tài.
Doanh lợi tăng cao, lợi ngàn nơi đến;
Thu của xa gần, của bốn phương về.

生意如春意
財源似水源
Sinh ý như xuân ý;
Tài nguyên tự thuỷ nguyên.
Buôn bán như xuân ý;
Tài nguyên tựa nước nguồn.

湖海交遊憑道義
往來貿易有經綸
Hồ hải giao du bằng đạo nghĩa;
Vãng lai mâu dịch hữu kinh luân.

Hồ hải giao du theo đạo nghĩa;
Qua lại buôn bán phải tài năng.

主客契投憑有義
公平交易總無私

Chủ khách khế đầu bằng hữu nghĩa;
Công bình giao dịch tổng vô tư.
Chủ khách giao lưu cần có nghĩa;
Công bằng trao đổi phải vô tư.

心有良田百世耕之不盡
善爲至寶一生用也猶餘

Tâm hữu lương điền, bách thế canh chi bất tận;
Thiện vi chí bảo nhất sinh dụng dã do dư.
Tâm như ruộng tốt, trăm năm thu hoạch kho vô tận;
Thiện là vật báu, suốt đời sử dụng, vẫn còn dư.

道本先天用妙陰陽醫是易
功高良相傳來部陣藥爲兵

Đạo bản tiên thiên, dụng diệu âm dương y thị Dịch;
Công cao lương tướng, truyền lai bộ trận dược vi binh.
Đạo vốn tiên thiên, khéo dùng âm dương, y gốc Dịch;
Công cao tướng giỏi, vào nơi trận đức, thuốc là quân.

文廟臨前儒醫並重
神祠在望華越聯盟

Văn miếu lâm tiền, nho y tịnh trọng;
Thần từ tại vọng, Hoa Việt liên minh.
Đến trước văn miếu nho y đều trọng;
Trông lên đền thần Hoa Việt cùng chung.

藥可通神先後聖
仁能及物古今師

Dược khả thông thần tiên hậu thánh;
Nhân năng cập vật cổ kim sư.
Thuốc thông với trước thần, sau thánh;
Nhân trùm lên vật cổ, thầy nay.

醫國有名存古錄
同人致敬表心丹

Y quốc hữu danh tồn cổ lục;
Đồng nhân trí kính biểu tâm đan.
Thầy cả nước, tiếng tăm để lại;
Với người trung, thể hiện lòng son.

丹桂有根獨長詩書門第
黃金不種偏生勤儉人家

Đan quế hữu căn, độc trưởng thi thư môn đệ;
Hoàng kim bất chủng, thiên sinh cần kiệm nhân gia.
Đan quế có gốc, chỉ lớn ở cửa đèn sách;
Hoàng kim không trồng, hay sinh trong nhà kiệm cần.

紹祖宗一脈眞傳克勤克儉
教子孫兩行正路惟讀惟耕

Thiệu tổ tông nhất mạch chân truyền, khai cần khắc kiệm;
Giáo tử tôn lưỡng hành chính lộ, duy độc duy canh.
Nối nghiệp cha ông, chân truyền một lối, phải cần phải kiệm;
Dạy dỗ con cháu, lộ chính hai đường, chỉ đọc chỉ cày.

讀古人書留意天經地緯
爲後世法無忘祖德宗功

Độc cổ nhân thư, lưu ý thiên kinh địa vỹ;
Vi hậu thế pháp, vô vong tổ đức tôn công.
Đọc sách người trước, nên nhớ đất ngang trời dọc;
Làm phép đời sau, không quên tổ đức tông công.

萬象回春累代表冠承兩路
六經淑世一家機抒織文章

Vạn tượng hồi xuân, luỹ đại y quan thừa vũ lộ;
Lục kinh thục thế, nhất gia cơ trữ chức văn chương.
Muôn cảnh hồi xuân, nhiều đời mũ áo ơn mưa móc;
Sáu kinh đời thịnh, một nhà canh cửi dệt văn chương.

霽月和風一家仁德乾坤厚
碧桃丹桂萬卷詩書雨露新

Tễ nguyệt hoà phong, nhất gia nhân đức càn khôn hậu;
Bích đào đan quế, vạn quyển thi thư vũ lộ tân.
Trăng thanh gió mát, một nhà nhân đức đất trời tỏ;
Quế son đào biếc, muôn quyển thi thư mưa móc xuân.

庭前最喜風和習
門內榮開樹氣勳
Đình tiền tối hỉ phong hoà tập;
Môn nội vinh khai thụ khí huân.
Trước sân mừng quá gió lành đến;
Trong cửa vui sao cây ngát hương.

姜辛到老方知性
秀茂紅秋始識松
Khương tân đáo lão phương tri tính;
Tú mậu hồng thu thuỷ thức tùng.
Gừng cay đến già càng rõ tính;
Vẻ đẹp sang thu mới biết tùng.

植樹造林青山不老
修河築壩綠始長流
Thực thụ tạo lâm thanh sơn bất lão;
Tu hà trúc bá lục thuỷ trường lưu.
Trồng cây gây rừng, non xanh trẻ mãi;
Khơi sông đắp đập nước biếc lâu dài.

一誠本自心香達
三炷能通上界高
Nhất thành bản tự tâm hương đạt;
Tam chủ năng thông thượng giới cao.
Một lòng thành kính tâm hương đạt;
Ba nén dâng lên thượng giới cao.
(Vịnh hương)

秋草能肥馬
春溪可飲牛
Thu thảo năng phì mã;
Xuân khê khả ẩm ngưu.
Cỏ thu nuôi ngựa béo;
Khe xuân dưỡng trâu nhiều.

豬雞牛羊六畜旺
魚蝦菱藕一池新
Chư kê ngưu dương lục súc vượng;
Ngư hà lăng ngẫu nhất trì tân.

Lợn gà trâu dê lục súc vượng;
Tôm cá muống cần một ao đầy.

庭前雞啄樹下牛息
池邊鴨戲水底魚游
Đình tiền kê trác, thụ há ngưu tức;
Trì biên áp hý, thuỷ để ngư du.
Ngoài sân gà ăn, dưới cây bò nghỉ;
Bên ao vịt đùa, trong nước cá bơi.

藕白黎皇橘紅茶綠
鱸鮮鯉嫩鴨壯雞肥
Ngẫu bạch lê hoàng, quất hồng trà lục;
Lư tiên lý nộn, áp tráng kê phì.
Ngó trắng lê vàng, quất hồng trà lục;
Mè tươi chép lớn, gà béo vịt to.

高山仰止疑無路
曲徑通幽別有天
Cao sơn ngưỡng chỉ nghi vô lộ;
Khúc kính thông u biệt hữu thiên.
Núi cao tiến đứng như cùng lối;
Đường nhỏ thông ùn có trời riêng.

到門有路皆環水
是屋開窗便見山
Đáo môn hữu lộ giai hoàn thủy;
Thị ốc khai song tiện kiến sơn.
Đến cửa có đường đều sông bọc;
Nhà đây mở sổ thấy núi quanh.

寺古僧閑雲作伴
山深世遠月爲朋
Tự cổ tăng nhàn vân tác bạn;
Sơn thâm thế viễn nguyệt vi bằng.
Chùa cổ sư nhàn mây làm bạn;
Núi sâu người vắng trăng đến chơi.

良有遠來異書新得
好花半放美酒微醺

Lương hữu viễn lai, dị thư tân đắc;
Hảo hoa bán phóng, mỹ tửu vi huân.
Bạn hiền xa đến, sách lạ mới được;
Hoa hiếm chúm chím, rượu ngon ngà ngà.

治國興邦紅旗似火
豐衣足食百貨如山
Trị quốc hưng bang, hồng kỳ tự hoả;
Phong y túc thực, bách hoá như sơn.
Giúp nước giúp dân, cờ hồng tựa lửa;
Ăn no mặc ấm, hàng hóa như non.

掃來竹葉烹茶葉
劈碎松根煮菜根
Tảo lai trúc diệp phanh trà diệp;
Phách toái tùng căn chử thái căn.
Quyét về lá trúc đun trà lá;
Chẻ nhỏ gốc tùng luộc gốc rau

雨過林霏清石氣
秋將山翠入詩心
Vũ quá lâm phi thanh thạch khí;
Thu tương sơn thuý nhập thi tâm.
Mưa tạnh rừng sâu hơi đá sạch;
Thu về non biếc ý thơ hay.

多情明月邀君共
無主荷花到處開
Đa tình minh nguyệt yêu quàn cộng;
Vô chủ hà hoa đáo xứ khai.
Đa tình trăng rọi mời người đến;
Không chủ hoa sen nở khắp nơi.

翠竹黃花皆佛性
白雲流水是禪心
Thuý trúc hoàng hoa giai phật tính;
Bạch vân lưu thuỷ thị thiền tâm.
Trúc biếc hoa vàng đều tính phật;
Mây trắng nước trôi ấy tâm thiền.

白練自天來飛瀑重開千里霧
暗灘從地出潛龍再展萬年途

Bạch luyện tự thiên lai, phi bộc trùng khai thiên lý vụ;
Ám than tòng địa xuất, tiềm long tái triển vạn niên đồ.

Lụa trắng tự trời buông, thác bốc lại tuôn mù ngàn dặm;
Bãi ngầm từ đất mọc, rồng nằm nay mở lối muôn năm.

四面山深藏古剎
一攀竹徑見松林

Tứ diện sơn thâm tàng cổ sát;
Nhất phan trúc kính kiến tùng lâm.

Bốn mặt núi sâu đầy chùa cổ;
Leo lên lối trúc thấy rừng thông.

煙雲澹蕩搖空碧
村落參差倚夕陽

Yên vân đạm đãng dao không bích;
Thôn lạc sâm si ỷ tịch dương.

Khói mây lãng đãng trên không chuyển;
Thôn xóm nhấp nhô lẫn bóng chiều.

一潭月影參花影
四面山光接水光

Nhất đàm nguyệt ảnh tham hoa ảnh;
Tứ diện sơn quang tiếp thuỷ quang.

Một hồ bóng hoa xen bóng nguyệt;
Bốn bề sắc nước lẫn sắc non.

山青水秀皆成畫
鳥語花香自是詩

Sơn thanh thuỷ tú giai thành hoạ;
Điểu ngữ hoa hương tự thị thi.

Non xanh nước biếc thành tranh vẽ;
Chim hót hoa thơm tự nên thơ.

萬逸雲山圖畫里
一樓花月笑談中

Vạn dật vân sơn đồ hoạ lý;
Nhất lâu hoa nguyệt tiếu đàm trung.

Vạn đợt núi mây vào bức vẽ;
Một lầu hoa nguyệt thoả nói cười.

塔影栖深從樹隱
鍾聲飛下一江秋
Tháp ảnh thê thâm tùng thụ ẩn;
Chung thanh phi hạ nhất giang thu.
Bóng tháp trong sâu rừng thấp thoáng;
Tiếng chuông vẳng đến tận sông thu.

一江綠水成仙景
百仞高峰鎮邊疆
Nhất giang lục thuỷ thành tiên cảnh;
Bách nhẫn cao phong trấn biên cương.
Một giòng sông biếc nên tiên cảnh;
Trăm nhẫn núi cao giữ biên cương.

開籠放鳥橫江去
掃地焚香待客來
Khai lung phóng điểu hoành giang khứ;
Tảo địa phần hương đãi khách lai.
Mở lồng thả chim qua sông hết;
Quyét nhà thắp hương đón khách qua.

瓶添澗水盛將月
袖掛松梢惹得雲
Bình thiêm giản thuỷ thịnh tương nguyệt;
Tụ quải tùng sao nhã đắc vân.
Bình thêm nước suối đầy trăng đó;
Tay phất ngọn thông với được mây.

山靜水流開畫景
鳶飛魚躍悟天機
Sơn tĩnh thuỷ lưu khai hoạ cảnh;
Diên phi ngư dược ngộ thiên cơ.
Non vắng nước trôi vui cảnh đẹp;
Chim bay cá nhảy biết cơ trời.

襟帶有情繞郭河聲從地出
煙雲如畫隔窗山色自天來

Khâm đới hữu tình, nhiễu quách hà thanh tòng địa xuất;
Yên vân như hoạ, cách song sơn sắc tự thiên lai.
Khăn áo có tình, bọc thành tiếng sông từ đất dậy;
Khói mây tựa vẽ, cách song sắc núi tận trời về.

盛 世 開 懷 遠 足 神 山 尋 野 趣
明 時 寄 慨 放 眸 聖 址 得 幽 情

Thịnh thế khai hoài, viễn túc thần sơn tầm dã thú;
Minh thời ký khái, phóng mâu thánh chỉ đắc u tình.
Đời thịnh mở lòng, bước tới non thần tìm lạc thú;
Thời minh gửi ý, phóng nhìn đất thánh thoả tâm tình.

對 雲 絶 頂 猶 爲 麓
求 道 安 心 即 是 宮

Đối vận tuyệt đỉnh do vi lộc;
Cầu đạo an tâm tức thị cung.
Mây che đỉnh núi còn là núi;
Cầu đạo yên lòng tức thị cung.

雲 樹 吞 餘 晴 剎 頂
石 泉 流 出 晚 鍾 聲

Vân thụ thôn dư, tình sát đỉnh;
Thạch tuyền lưu xuất vãn chung thanh.
Cây cao nuốt ánh chiều đỉnh núi;
Suối rừng buông tiếng nhạc hoàng hôn.

氣 吸 岳 雲 留 石 壁
光 淘 潮 月 出 松 林

Khí hấp nhạc vân lưu thạch bích;
Quang đào triều nguyệt xuất tùng lâm.
Mây lưu vách đá nhờ khí núi;
Trăng ló rừng thông bỏ sóng triều.

到 此 想 窮 千 里 目
誰 知 才 上 一 層 樓

Đáo thử tưởng cùng thiên lý mục;
Thuỳ tri tài thướng nhất tầng lâu.
Lên đây tưởng đã nhìn nghìn dặm;
Ai hay mới chỉ một tầng lầu.

我 輩 復 登 臨 目 極 塗 山 千 里 之 外
奇 文 共 欣 賞 人 在 水 天 一 色 之 中

Ngã bối phục đăng lâm, mục cực đồ sơn thiên lý chi ngoại;
Kỳ văn cộng hân thưởng, nhân tại thuỷ thiên nhất sắc chi trung.

Thế hệ này lại lên, mắt ngó đồ sơn ngoài nghìn dặm;
Văn hay chung thưởng thức, người trong trời biển chỉ một mầu.

十 月 偏 如 春 氣 暖
三 秋 雅 愛 夜 光 寒

Thập nguyệt thiên như xuân khí noãn;
Tam thu nhã ái dạ quang hàn.

Tháng mười mà như xuân ấm áp;
Mùa thu vẫn quý cái lạnh đêm.

地 到 無 邊 天 作 界
山 登 絶 頂 我 爲 峰

Địa đáo vô biên thiên tác giới;
Sơn đăng tuyệt đỉnh ngã vi phong.

Địa giới là trời khi đất rộng;
Ta là đỉnh núi lúc lên cao.

花 間 舉 步 尋 芳 意
海 岸 聽 濤 激 壯 懷

Hoa gian cử bộ tầm phương ý;
Hải ngạn thính đào khích tráng hoài.

Trong hoa cất bước, dấy ý tìm hoa;
Bờ biển nghe sóng, gợi lên tráng chí.

千 朵 蓮 花 三 尺 水
一 彎 新 月 半 亭 風

Thiên đoá liên hoa tam xích thuỷ;
Nhất loan tân nguyệt bán đình phong.

Ba thước nước hoa sen ngàn đoá;
Gió nửa đình trăng mới một vầng.

有 約 白 雲 來 喚 渡
且 邀 明 月 共 開 樽

Hữu ước bạch vân lai hoán độ;
Thả yêu minh nguyệt công khai tôn.

Đã hạn bạch vân cùng qua bến;
Lại mời minh nguyệt đến nâng ly.

詩意豈因今古異
山光長在有無中
Thi ý khởi nhân kim cổ dị;
Sơn quang trường tại hữu vô trung.
ý thơ đâu khác vì kim cổ;
Sắc núi được dài bởi có không.

盈手水光寒不濕
入簾花氣夢難忘
Doanh thủ thuỷ quang hàn bất thấp;
Nhập liêm hoa khí mộng nan vong.
Đầy tay ánh nước khô mà lạnh;
Lọt rèm hoa thoảng khó quên mơ.

夜月橋邊留畫舫
春風陌上引香車
Dạ nguyệt kiều biên lưu hoạ phỏng;
Xuân phong mạch thượng dẫn hương xa.
Trăng sáng bên cầu neo thuyền vẽ;
Gió xuân lối nhỏ dẫn xe thơm.

塔聳危岩紅日近
佛眠古洞白雲埋
Tháp tủng nguy nham, hồng nhật cận;
Phật miên cổ động, bạch vân mai.
Tháp dựng lèn cao trời chạm được;
Phật nằm động cổ mây trắng che.

峰巒低枕席
星斗列軒窗
Phong loan đê chẩm tịch;
Tinh đẩu liệt hiên song.
Núi non bên giường ngủ;
Trăng sao xếp ngoài song.

秋水經秋平似鏡
白蓮破曉白如霜

Thu thuỷ kinh thu bình tự kính;
Bạch liên phá hiểu bạch như sương.
Sông thu vào thu bằng tựa kính;
Sen trắng tinh mơ trắng như sương.

雲白山青百餘里
江深竹靜兩三家
Vân bạch sơn thanh bách dư lý;
Giang thâm trúc tĩnh lưỡng tam gia.
Mây trắng non xanh hơn trăm dặm;
Núi sâu tre vắng vài ba nhà.

到處自開詩世界
無人不拜老神仙
Đáo xứ tự khai thi thế giới;
Vô nhân bất bái lão thần tiên.
Khắp chốn mở mang bầy thi cảnh;
Mọi người đều gọi giỏi thần tiên.

魚戲碧潭追海月
客來華榭挹荷風
Ngư hí bích đàm truy hải nguyệt;
Khách lai hoa tạ ấp hà phong.
Cá đùa đầm biếc trong trăng lộng;
Khách vào lầu đẹp với gió sen.

殿前無燈憑月照
山門不鎖待雲封
Điện tiền vô đăng bằng nguyệt chiếu;
Sơn môn bất toả đãi vân phong.
Trước đền không đèn, nhờ trăng chiếu;
Ngoài núi chẳng khóa, đợi mây che.

樹色溪光成淨賞
花香鳥語絶塵緣
Thụ sắc khê quang thành tịnh thưởng;
Hoa hương điểu ngữ tuyệt trần duyên.
Sắc cây ánh suối nên thanh tịnh;
Hoa thơm chim hót kết duyên trần.

青山笑我頭已白
泉水照人心自清
Thanh sơn tiếu ngã đầu dĩ bạch;
Tuyền thuỷ chiếu nhân tâm tự thanh.
Non xanh cười tó đầu đã bạc;
Nước suối soi người lòng được trong.

曲水帶雲歸海去
亂花隨雨落岩來
Khúc thuỷ đới vân quy hải khứ;
Loạn hoa tuỳ vũ lạc nham lai.
Sông lượn đeo mây xuôi theo biển;
Hoa phơi mưa tạnh lạc về lèn.

雨過琴山潤
風來花木香
Vũ quá Cầm sơn nhuận;
Phong lai hoa tự hương.
Mưa qua núi Cầm sáng;
Gió đến thơm mùi hoa.

青松蟠户外
白鶴舞庭前
Thanh tùng bàn hộ ngoại;
Bạch hạc vũ đình tiền.
Tùng xanh quây tận cửa;
Hạc trắng múa ngoài sân.

雲卷千峰色
泉和萬籟聲
Vân quyển thiên phong sắc;
Tuyền hoạ vạn lại thanh.
Mây cuộn nghìn ngọn núi;
Suối đáp vạn tiếng trời.

雲移溪樹侵書幌
風送岩泉潤墨池
Vân di, khê thụ xâm thư hoảng;
Phong tống nham tuyền nhuận mặc trì.

Cây khe chiếu bóng lên phòng sách;
Suối rừng theo gió khiến ướt nghiên.

窗 間 樹 色 連 山 淨
户 外 嵐 光 帶 水 明
Song gian thụ sắc liên sơn tịnh
Hộ ngoại lam quang đới thuỷ minh.
Bên song cây cối liền non vắng;
Ngoài cửa ánh chiều đượm nước trong.

水 中 樓 臺 浮 青 島
天 上 笙 歌 繞 碧 城
Thuỷ trung lâu đài phù thanh đảo;
Thiên thượng sinh ca nhiễu bích thành.
Nổi đảo xanh lâu đài trong nước;
Vang thành biếc đàn hát vang trời.

自 造 林 泉 多 蘊 藉
依 然 書 史 得 周 旋
Tự tạo lâm tuyền đa uẩn tạ;
Y nhiên thư sử đắc chu toàn.
Suối rừng nhân tạo mà u nhã;
Thư sử y nhiên vẫn chu toàn.

臺 榭 參 差 金 碧 裡
煙 霞 舒 卷 畫 圖 中
Đài tạ sâm si kim bích lý;
Yên hà thư quyển hoạ đồ trung.
Lâu đài nhấp nhô trong vàng ngọc;
Ráng mây bay cuộn giữa bức tranh.

天 外 是 銀 河 煙 波 宛 轉
雲 中 開 翠 幄 香 雨 霏 微
Thiên ngoại thi Ngân hà, yên ba uyển chuyển;
Vân trung khai thuý ốc hương vũ phi vi.
Ngoài trời là mây sóng Ngân hà uyển chuyển;
Trong mây mở mưa thơm màn biếc lờ mờ.

柳 暗 花 明 好 鳥 枝 頭 亦 朋 友
峰 回 路 轉 白 雲 深 處 有 人 家

Liễu ám hoa minh, hảo điểu chi đầu diệc bằng hữu;
Phong hồi lộ chuyển, bạch vân thậm xứ hữu nhân gia.
Liễu mờ hoa sáng, chim ở đầu cành cũng là bằng hữu;
Gió quay đường chuyển, mây nơi vùng thẳm có nhà dân.

境自遠塵皆入詠
物含妙理總堪尋
Cảnh tự viễn trần giai nhập vịnh;
Vật hàm diệu lý tổng kham tầm.
Nơi tự tránh nhơ đều vịnh được;
Cảnh hàm diệu lý vốn dễ tìm.

碧樹紅花相掩映
竹軒蘭砌共清虛
Bích thụ hồng hoa tương yểm ánh;
Trúc hiên lan thế cộng thanh hư.
Cây biếc hoa hồng cùng che đỡ;
Hiên trúc thềm lan gộp thanh hư.

跨鶴酒仙應入座
騎驢詩客或題橋
Khoả hạc tửu tiên ưng nhập toạ;
Kỵ lư thi khách hoặc đề kiều.
Hạc đến, tiên ông vào cuộc rượu;
Lừa qua, thi khách viết lên cầu.

庭松不改青蔥色
盆菊仍霏清淨香
Đình tùng bất cải thanh thông sắc;
Bồn cúc nhưng phi thanh tịnh hương.
Mầu xanh chẳng đổi tùng sân đó,
Hương nhẹ còn bay cúc chậu kia.

煙景滿前供妙墨
芳洲隨處引清游
Yên cảnh mãn tiền cung diệu mặc;
Phương châu tuỳ xứ dẫn thanh du.
Khói toả khắp nơi là mực vẽ;
Bãi thơm từng chốn dẫn giòng trong.

煙囪林標高聳藍天抒壯志
油田海底縱橫大地唱歡歌
Yên thông lâm tiêu, cao tủng lam thiên, trữ tráng chí;
Du điền hải để, tung hoành đại địa, xướng hoan ca.
Cột khói như rừng, cao chạm trời xanh, đầy tráng chí;
Giếng dầu dưới biển, ngang dọc khắp chốn, vui hát ca.

眼前燈火笙歌直到收場猶絢爛
背後湖光山色偶然退步亦清涼
Nhãn tiền đăng hoả sinh ca, trực đáo thu trường do huyên lạn;
Bối hậu hồ quang sơn sắc, ngẫu nhiên thoái bộ diệc thanh lương.
Trước mắt đèn đóm đàn ca, đến mãi kết cục còn sáng khắp;
Sau lưng ánh hồ sắc núi, ngẫu nhiên lui bước vẫn mát lừng.

喜上高樓娛遠目
恭 聽老友道新詩
Hỷ thướng cao lâu ngu viễn mục;
Cung thính lão hữu đạo tân thi.
Thích ở lầu cao nhìn vui mắt;
Lắng nghe bạn cũ nói về thơ.

欣有眼明交益友
苦無心暇讀奇書
Hân hữu nhãn minh giao ích hữu;
Khổ vô tâm hạ độc kỳ thư.
Mừng được sáng mắt chơi bạn tốt;
Buồn không rỗi việc đọc sách hay.

庭小有竹春常在
山靜無人水自流
Đình tiểu hữu trúc, xuân trường tại;
Sơn tĩnh vô nhân, thuỷ tự lưu.
Sân nhỏ có trúc, xuân vẫn đến;
Non vắng không người, nước tự xuôi.

蛟斷長江事往億年存地誌
魚依玉井春來三月拂西風
Giao đoạn trường giang, sự vãng ức niên tồn địa chí;
Ngư y ngọc tỉnh, xuân lai tam nguyệt phất tây phong.

Chém giao long ở sông dài, việc đã ức năm còn chép đó;
Cá vào tiếng ngọc, tháng ba xuân đến gió tây về.
(Đinh Lệ Mật)

几回舞遍霓裳桃花扇底風猶軟
一曲歌殘玉樹楊柳樓頭月未低

Kỷ hồi vũ biến Nghê thường, đào hoa phiến để phong do nhuyễn;
Nhất khúc ca tàn Ngọc thụ, dương liễu lâu đầu nguyệt vi đê.
Múa mấy diệu vũ Nghê thường, đào hoa quạt gấp hương còn toả;
Ca một khúc làn Ngọc thụ, dương liễu lầu kia nguyệt chưa tàn.

山水協清音龍會入風鳳調九奏
宮商諧法曲象德流韻燕樂養和

Sơn thuỷ hiệp thanh âm, long hội nhập phong, phượng điều cửu tấu;
Cung thương hài pháp khúc, tượng đức lưu vận, yến lạc dưỡng hoà.
Non nước hợp âm trong, rồng sẽ nhập gió, phượng điều chín khúc;
Cung thương theo khúc phép, tượng đức theo vần, yến vui dưỡng hoà.

文重九華推上品
名揚千里著仁風

Văn trọng Cửu hoa, thôi thượng phẩm;
Danh dương thiên lý, trứ nhân phong.
Văn quý Cửu hoa (phú Cửu hoa, Nguỵ), khen của tốt;
Danh nêu nghìn dặm, tỏ gió nhân.

映沼斜流波影皺
當窗橫織雨絲長

Ánh chiểu tà lưu ba ảnh sộ;
Đương song hoành chức vũ ti trường.
Sóng hồ nghiêng hắt lăn tăn bóng;
Mưa dệt ngang song sợi sợi dài.

珠光搖月白
竹影透風清

Châu quang dao nguyệt bạch
Trúc ảnh thấu phong thanh
Ánh châu rung trăng sáng
Bóng trúc lọt gốc lành

賊到螺城隨滅沒
殿無龜弩愈威靈

Tặc đáo Loa Thành tùy diệt một;
Điện vô quy nổ dũ uy linh.
Giặc đến Loa Thành tìm diệt sạch;
Đền không nỏ cổ vẫn uy linh
(Câu đối của Tôn Thất Thuyết ở Cổ Loa, Hà Nội);

斷蛟勇冠群倫李朝千萬年而厚
躍馬恩留厥邑龍城十三寨由傳

Đoạn giao dũng quán quần luân, Lý triều thiên vạn niên nhi hậu;
Dược mã ân lưu quyết ấp, Long thành thập tam trại do truyền.
Chém giao long anh dũng hơn người, nghìn vạn năm Lý triều vẫn mạnh;
Tung vó ngựa ơn lưu ấp ấy, mười ba trại Long thành còn truyền.
(Đinh Lệ Mật)

載酒海邀新月色
臨流快聽隔蘆歌

Tải tửu mỗi yêu tân nguyệt sắc;
Lâm lưu khoái thính cách lô ca.
Mang rượu mỗi khi mời trăng đẹp;
Bên sông thích nhất hát cách bờ.

長空雲破山推月
大海波平水接天

Trường không vân phá sơn thôi nguyệt;
Đại hải ba bình thuỷ tiếp thiên.
Không trung mây tản non đẩy nguyệt;
Biển rộng sóng yên nước tiếp trời.

珠玉騰輝玻璃煥彩
天中皓月海上明星

Châu ngọc đằng huy, pha lê hoán thái;
Thiên trung hạo nguyệt, hải thượng minh tinh.
Châu ngọc phát mầu, pha lê toả sắc;
Trời cao trăng sáng, biển rộng sao ngời.

三春不少閒遊客
一歲無多大節場

Tam xuân bất thiểu nhàn du khách;
Nhất tuế vô đa đại tiết trường.

Vào xuân chẳng thiếu người nhàn nhã;
Tết đến không nhiều vở kịch hay.

不教暴日盈頭射
自有仁風拂面來
Bất giao bộc nhật doanh đầu xạ;
Tự hữu nhân phong phất diện lai.
Không để nắng to nhằm đầu chiếu;
Tự có gió nhân mát mặt đây.
(Đề quạt)

月門含笑迎賓客
池水濺花破霞雲
Nguyệt môn hàm tiếu nghênh tân khách;
Trì thuỷ tiên hoa phá hà vân.
Cửa nguyệt mỉm cười mừng khách quý;
Nước hồ phun cảnh toả mờ mây.

夕陽桂棹尋詩客
春水蘭舟載酒人
Tịch dương quế trạo tầm thi khách;
Xuân thuỷ lan chu tải tửu nhân.
Chiều buông mái quế tìm thi sĩ;
Nước lộng thuyền lan chở khách say.

澄波影里天雲動
夾岸花間蝶鳥飛
Trừng ba ảnh lý, thiên vân động;
Giáp ngạn hoa gian, điệp điểu phi.
Sóng lặng bóng lay, trời mây động;
Bờ yên hoa nở, bướm chim bay.

破浪乘風送君萬里
浮家泛宅涉彼千方
Phá lãng thừa phong, tống quân vạn lý;
Phù gia phiếm trạch, thiệp bỉ thiên phương.
Gối sóng cưỡi gió, tiễn bạn muôn dặm;
Nhà thuyền phòng nổi, vượt bốn nghìn phương;

依然水枕風船重向煙波尋舊夢
何必淡妝濃抹一空色相見天眞

Y nhiên thuỷ chẩm phong thuyền, trùng hướng yên ba tầm cựu mộng;
Hà tất đạm trang nồng mạt, nhất không sắc tướng kiến thiên chân.
Như xưa gối nước thuyền trôi lại hướng sóng mù tìm mộng cũ;
Hà tất thoa son đánh phấn, cứ để không mà được tự nhiên.

清泉爲腹潔玉爲懷遍體不沾陳腐氣
海味以藏山肴以奉金箱盡是美珍饈

Thanh tuyền vi phúc, khiết ngọc vi hoài, biến thể bất chiêm trần hủ khí;
Hải vị dĩ tàng, sơn hào dĩ phụng, kim sương tận thị mỹ trân tu.
Bụng là suối trong, tâm là ngọc trắng, khắp người chẳng quyện chút bụi nhơ.
Giữ gìn hải vị, kính biếu sơn hào, hòm vàng đều là thức cao cấp.
(Vịnh tủ lạnh)

烏面紅心胸懷一團火
粉身碎骨志在萬家春

Ô diện hồng tâm, hung hoài nhất đoàn hoả;
Phấn thân toái cốt, chí tại vạn gia xuân.
Mặt đen tâm đỏ, đầy lòng bốc lửa rực;
Thân tan xương nát, chí giúp vạn nhà xuân.
(Vịnh than tổ ong)

萬里遠牽鄉國夢
一書長系故人情

Vạn lý viễn, khiên hương quốc mộng;
Nhất thư trường, hệ cố nhân tình.
Muôn dặm xa, mơ về cố quốc;
Một thư dài, nhớ mãi tình xưa.

旅行盡可隨身帶
便利何妨用手提

Lữ hành tận khả tuỳ thân đới;
Tiện lợi hà phương dụng thủ đề.
Lữ hành mang theo người đều được;
Tiện dùng xách trên tay chẳng sao.
(Vịnh Va-li da)

有質無文毛將焉附
致知格物皮則其存

Hữu chất vô văn, mao tương yên phụ;
Trí tri cách vật, bì tắc kỳ tồn.
Có chất lượng không mầu mè, lông còn là phụ;
Biết đến nơi hiểu đến chốn, da tất phải còn.
(Vịnh Va-li da)

鼎新革故方生色
伐髓洗毛大有功
Đỉnh tân cách cố, phương sinh sắc;
Phạt tuỷ tẩy mao, đại hữu công.
Dấy mới bỏ cũ, ấy hướng chính;
Róc tuỷ cạo lông, đó là công.
(Vịnh Va-li da)

萬般風味藏珍櫃
一片冰心在玉壺
Vạn ban phong vị, tàng trân quỹ;
Nhất phiến băng tâm, tại ngọc hồ.
Muôn lần phong vị nơi hòm quý;
Một tấm lòng trong ở ngọc bình.
(Vịnh tủ lạnh)

物品改良原非皮相
精神尚武在於革新
Vật phẩm cải lương, nguyên phi bì tướng;
Tinh thần thượng võ, tại ư cách tân.
Đổi mới hàng hoá, bao bì là phụ;
Tinh thần chuộng võ, chính ở cách tân.

潤及輕舟水波不入
光生朽木風雨難浸
Nhuận cập khinh châu, thuỷ ba bất nhập;
Quang sinh hủ mục, phong vũ nan xâm.
Sơn kín thuyền nhẹ, ngăn che sóng nước;
Làm tươi gỗ mục, mưa gió khó vào.
(Vịnh cửa hàng sơn)

五彩雲霞資利用
三江錦色煥光華

Ngũ thái vân hà, tư lợi dụng;
Tam giang cẩm sắc, hoán quang hoa.
Mây ráng năm mầu, giúp dùng tốt;
Gấm thêu ba sông, toả sáng ngời.
(Vịnh cửa hàng sơn)

淡 妝 濃 抹 調 新 色
頑 綠 痴 紅 發 古 香
Đạm trang nồng mạt, điều tân sắc;
Ngoan lục si hồng, phát cổ hương.
Thoa nhẹ trát nhiều, điều sắc mới;
Xanh tươi hồng ngát, phát hương xưa.

歡 送 親 朋 巾 翻 蛺 蝶
情 聯 姊 妹 印 出 鴛 鴦
Hoan tống thân bằng, cân phiên giáp điệp;
Tình liên tỷ muội, ấn xuất uyên ương.
Vui tiễn bạn bè, khăn thêu bướm đẹp;
Tình quen em chị, in dấu uyên ương.
(Vịnh xưởng khăn mặt)

大 小 縱 橫 各 隨 使 用
山 川 人 物 益 顯 光 華
Đại tiểu tung hoành, các tuỳ sử dụng;
Sơn xuyên nhân vật, ích hiển quang hoa.
To nhỏ tung hoành, tuỳ người sử dụng;
Núi sông nhân vật, được rõ sắc mầu.
(Vịnh xưởng làm kính)

珠 玉 騰 輝 琉 璃 煥 彩
天 中 皓 月 海 上 明 星
Châu ngọc đằng huy, lưu ly hoán thái;
Thiên trung hạo nguyệt, bích hải minh tinh.
Châu ngọc trưng mầu, lưu ly rạng vẻ;
Trời cao trăng sáng, biển biếc sao ngời.
(Vịnh cửa hàng thuỷ tinh)

豹 變 其 文 虎 炳 其 質
千 狐 之 腋 五 羊 之 皮

Báo biến kỳ văn, hổ bính kỳ chất;
Thiên hồ chi dịch, ngũ dương chi bì.
Báo đổi vằn đốm, hổ tỏ chất đẹp;
Nghìn cáo để lông, năm dê để da.
(Vịnh cửa hàng da)

暑去寒來此廂有暖
裘輕葛細表里造宜
Thử khứ hàn lai, thử sương hữu noãn;
Cừu khinh cát tế, biểu lý thích nghi.
Nóng qua lạnh đến, hòm này ấm áp;
Áo nhẹ chỉ tinh, trong ngoài vừa ý.
(Vịnh cửa hàng da)

皓月無光得此偏明明赫赫
夜行以燭同君共雨雨風風
Hạo nguyệt vô quang, đắc thử thiên minh minh hách hách;
Dạ hành dĩ chúc, đồng quân cộng vũ vũ phong phong.
Trăng sáng không tới, nhưng đây cứ sáng sáng sủa sủa;
Đêm đi không đuốc, vẫn cùng bác gió gió mưa mưa.
(Vịnh bãi than)

巧使神機獻妙手
劈開鬼谷出烏金
Xảo sử thần cơ, hiến diệu thủ;
Phách khai quỷ cốc, xuất ô kim.
Khéo khiến máy thần, hiến tay giỏi;
Mở mang hang quỷ, lấy vàng đen.
(Vịnh Công ty than)

祖國富饒油海礦山推西北
江山秀麗水鄉澤國遍東南
Tổ quốc phú nhiêu, du hải khoáng san thôi tây bắc;
Giang sơn tú lệ, thuỷ hương trạch quốc biến đông nam.
Tổ quốc giầu thêm, biển dầu núi quặng khắp tây bắc;
Non sông tươi đẹp, làng no nước mạnh suốt đông nam.
(Vịnh Công ty dầu khí)

千百座鋼爐要使神州除舊貌
億萬雙鐵肩敢教大地換新顏

Thiên bách toạ cương lô, yếu sử thần châu trừ cựu mạo;
Ức vạn song thiết khiên, cảm giao đại địa hoán tân nhan.
Hàng vạn chiếc lò gang, phải khiến nước nhà thay diện mạo;
Hàng triệu đôi vai thép, dám xoay toàn quốc đổi dung nhan.
(Vịnh Công ty gang thép)

文在茲乎經緯兩間垂不朽
德其盛矣顯微一理享于誠

Văn tại tư hồ, kinh vĩ lưỡng gian thuỳ bất hủ;
Đức kỳ thịnh hĩ, hiển vi nhất lý hưởng vu thành.
Vẻ đẹp đây rồi, ở giữa dọc ngang mãi không mất;
Đức độ thịnh vậy, có khoảng rõ mờ nhận được nhiều.
[Văn để dài lâu, ngang dọc 2 gian truyền bất hủ;
Đức còn thịnh mãi, hiển vi 1 lý hưởng tâm thành.]
(Câu đối ở miếu thờ thân mẫu Phạm Tu, Thịnh Liệt, Hà Nội)

書草情田聖德汪涵家世大
筆花寶誥神威顯應國慈尊

Thư thảo tình điền, thánh đức uông hàm gia thế đại;
Bút hoa bảo cáo, thần uy hiển ứng quốc từ tôn.
Sách thảo nghĩ sâu, thánh đức bao dung gia thế lớn;
Bút hoa lời báu, thần uy hiển ứng quốc từ tôn.
(Câu đối ở miếu thờ thân mẫu Phạm Tu, Thịnh Liệt, Hà Nội)

勇氣蘇江聖德英靈傳李史
雄心荔國神威顯應昭南天

Dũng khí Tô Giang, thánh đức anh linh truyền Lý sử;
Hùng tâm Lệ Quốc, thần uy hiển ứng chiếu Nam thiên.
Tô Giang khí dũng, anh linh đức thánh truyền sử Lý;
Nước Lệ tâm hùng, hiển ứng uy thần chiếu trời Nam.
(Miếu Vực, Thịnh Liệt, Hà Nội)

上老老則民興孝
故親親而天下平

Thượng lão lão tắc dân hưng hiếu;
Cố thân thân nhi thiên hạ bình.
Trên đã kính già tất dân đều tốt;
Xưa yêu cha mẹ thì nước yên bình.
Hội lão thọ bái tiến, Bảo Đại, Bính Tý (1936)
(Đình ngoài thờ Phạm Tu, Thịnh Liệt, Hà Nội)

聖地盡鍾清秀氣
方民全仗烈光休
Thánh địa tận chung thanh tú khí;
Phương dân toàn trượng liệt quang lưu.
Đất thánh đều vui khí đẹp thanh;
Dân đây toàn dựa phúc sáng liệt.
(Đình ngoài thờ Phạm Tu, Thịnh Liệt, Hà Nội)

靈鳥來時橫海鯨波千島靜
慈雲過處兼天鰱浪一蓬平
Linh điểu lai thời, hoành hải kình ba thiên đảo tĩnh;
Từ vân quá xứ, kiêm thiên ngạc lãng nhất bồng bình.
Thời chim thiêng đến, ngang biển sóng kình nghìn đảo tĩnh;
Chỗ mây lành qua, đầy trời sóng dữ một đảo bình.
(Chùa Bà, Thịnh Liệt, Hà Nội)

英風遠屆江天外
坤德長垂澤國中
Anh phong viễn giới giang thiên ngoại;
Khôn đức trường thuỳ trạch quốc trung.
Anh linh như dòng sông dài tận ngoài trời;
Đức khôn (nữ) như đầm nước còn mãi trong nước.
(Miếu Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc, An Giang)

聖德配天海國慈航普濟
母儀稱后桑榆俎豆重光
Thánh đức phối thiên hải quốc từ hàng phổ tế;
Mẫu nghi xưng hậu tang du trở đậu trùng quang.
Đức độ của thánh phối với trời, thuyền từ ở quốc gia rộng lớn đi cứu vớt khắp nơi;
Uy nghi của thánh mẫu sánh với hoàng hậu, tế lễ khắp nơi thôn dã ánh sáng nhiều tầng.
(Miếu Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc, An Giang)

黛嶺威嚴同荷坤貞之彩
朱江節映均蒙普度之恩
Hậu lĩnh uy nghiêm đồng hạ khôn trinh chi thái;
Chu giang tiết ánh quân mông phổ độ chi ân.
Uy nghiêm Hậu lĩnh đều nhận được vẻ khôn trinh;
Toả sáng Chu giang đều chịu ơn phổ độ.
(Miếu Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc, An Giang)

鴻領巍峨千古廟
藍江煥耀一蕃神
Hồng Lĩnh nguy nga thiên cổ miếu;
Lam Giang hoán diệu nhất phiên thần.
Đền cổ dựng nguy nga nơi Hồng Lĩnh;
Thần xa thiêng lấp loáng chốn Lam Giang.

三光揚耀天生德
兩大鍾英岳降神
Tam quang dương diệu thiên sinh đức;
Lưỡng đại chung anh nhạc giáng thần.
Tam quang lồng lộng trời sinh đức;
Lượng đại đúc hun núi có thần.

擎天仰立文明界
得地高標武廟間
Kình thiên ngưỡng lập văn minh giới;
Đắc địa cao tiêu Vũ miếu gian.
Chống trời với văn minh độc lập;
Được đất cùng Vũ miếu nêu cao.

喝江古三路之分勝地奇觀花表千年留鴻貉
南天七二祠之一流雄靈跡褒封歷代影龍仙
Hát giang cổ tam lộ chi phân, thắng địa, kỳ quan, hoa biểu thiên niên lưu Hồng Lạc.
Nam thiên thất nhị từ chi nhất, lưu hùng, linh tích, bao phong lịch đại ảnh Long Tiên.
Cảnh là ba nhánh xưa sông Hát, đất đẹp kỳ quan, cột biểu ngàn năm lưu Hồng Lạc
Đền là bảy hai đền cũ trời Nam, hào hùng linh tích, phong khen tiếp nối ánh Rồng Tiên.
(Đình Do Lộ)

月照桂宮天不夜
雲開蓮座地無塵
Nguyệt chiếu quế cung thiên bất dạ;
Vân khai liên tọa địa vô trần.
Trăng soi cung quế, trời không có đêm;
Mây che toà sen, đất không có bụi.
(Chùa Phổ Linh - Thái Bình)

太水千秋瞻仰佛
普靈萬世度持民
Thái Thuỷ thiên thu chiêm ngưỡng Phật;
Phổ Linh vạn thế độ trì dân.
Dân Thái Thủy nghìn năm nay chiêm ngưỡng Phật;
Chùa Phổ Linh muôn đời qua độ trì cho dân.
(Chùa Phổ Linh - Thái Bình)

修家修市修禪佛
正言正業正茲維
Tu gia tu thị tu Thiền Phật;
Chính ngôn chính nghiệp chính tư duy.
Tu nhà tu chợ tu Thiền Phật;
Chính lời chính nghiệp chính nghĩ suy.
(Chùa Phổ Linh - Thái Bình)

聖德最靈保存國粹
佛慈廣大濟度民生
Thánh đức tối linh, bảo tồn quốc tuý;
Phật từ quảng đại, tế độ dân sinh.
Đức Thánh rất linh, giữ gìn quốc tuý;
Lòng Phật quảng đại, giúp đỡ dân sinh.
(Chùa An Tiêm - Thái Bình)

龍符輝門增鼎盛
匡扶禪宇永昌隆
Long phù Huy môn tăng đĩnh thịnh;
Khuông phù Thiền vũ vĩnh xương long.
Bùa rồng cửa Huy thêm tiến thịnh;
Giúp cho thềm Phật mãi phồn hưng.
(Chùa An Tiêm - Thái Bình)

敬直義方所以立也
仁祝禮矩自有桌然
Kính trực nghĩa phương sở dĩ lập dã;
Nhân chúc lễ củ tự hữu trác nhiên.
Kính, thẳng, nghĩa, thoáng, cứ vậy đứng được;
Nhân, thực, lễ, nết, tất tự vững vàng.
(Từ đường họ Phạm - Thái Bình)

西北龍來四故祖
東南水繞到前堂
Tây Bắc long lai hồi cố tổ;
Đông Nam thuỷ nhiễu đáo tiền đường.
Cố Tổ về kìa rồng Tây Bắc;
Nhà thờ trước nọ nước Đông Nam.
(Từ đường họ Phạm-Thái Bình)

龍水鯉魚親拜向
虎山錫鳥遠回頭
Long thuỷ Lý ngư thân bái hướng;
Hổ sơn tích điểu viễn hồi đầu.
Cá chép tự đến lạy ở Long thuỷ;
Chim tích từ xa quay đầu tại Hổ sơn.
(Chùa Phúc Linh- Thái Bình)

遺跡陳名傳自古
留來安所顯于今
Di tích Trần Danh truyền tự cổ;
Lưu lai Yên Sở hiển vu kim.
Tự cổ Trần Danh truyền di tích;
Ngày nay Yên Sở tỏ lâu dài.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

問來已事須爲史
細訒如圖欲命詩
Vấn lai dĩ sự tu vi sử;
Tế nhận như đồ dục mệnh thi.
Hỏi ra việc cũ nên là sử;
Nghĩ kỹ cảnh nay phải có thơ.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

登是南邦天地併功關帝宅
眷維西土江山閱世想皇風
Đăng thị Nam bang thiên địa tính công quan đế trạch;
Quyến duy Tây thổ giang sơn duyệt thế tưởng hoàng phong.
Trời đất cõi Nam đây thực vốn công nhà vua cả;
Núi sông tây giới nghĩ duy kế thế đức tiên hoàng.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

鴻貉餘圖根本重
瀘滔襟襼廟堂尊
Hồng[1] Lạc dư đồ căn bản trọng;
Lô Thao[2] khâm đới miếu đường tôn.
Bản đồ Hồng Lạc nguồn rất trọng;
Đai áo Lô Thao chốn nghiêm tôn.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

鴻貉故基存累嶂層巒群水合
帝王靈氣在號風怒雨一峰高
Hồng Lạc cố cơ tồn, luỹ chướng tầng loan quần thuỷ hợp;
Đế Vương linh khí tại, hào phong nộ vũ nhất phong cao.
Nền cũ Hồng Lạc còn, đồi che bến chở sông nước họp;
Khí thiêng vua chúa tại, mưa gào gió thét một non cao.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

焄蒿萬古同天大
香火億年仰聖明
Huân cao vạn cổ đồng thiên đại;
Hương hoả ức niên ngưỡng thánh minh.
Phụng thờ muôn thuở ngang trời rộng;
Hương lửa ngàn năm ngưỡng thánh minh.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

葱葱蔥蔥中有陵焉寢焉龍父仙母之精靈啓佑後人罔缺
古古今今見此山也水也聖祖神尊之創造於戲前王不忘
太子少保總督致仕楊琳 拜題
Thông thông uất uất, trung hữu lăng yên tẩm yên, long phụ tiên mẫu chi tinh linh, khải hựu hậu nhân võng khuyết;
Cổ cổ kim kim, kiến thử sơn dã thuỷ dã, thánh tổ thần tông chi sáng tạo, ô hô tiền vương bất vong.
(Thái tử Thiếu bảo Tổng đốc trí sĩ Dương Lâm bái đề)

---

[1] Chữ Hồng thường được viết là 雄 (Hùng)
[2] Chữ Thao thường được viết là 洮 (sông Thao)

Xanh xanh rậm rậm, trong có này lăng này tẩm, giòng giống thiêng cha rồng mẹ tiên, phù hộ người sau không thiếu;
Cổ cổ nay nay, thấy đó kìa non kìa nước, sáng tạo nhờ thần tông thánh tổ, vui thay vua xưa vẫn còn.
(Thái tử Thiếu bảo Tổng đốc trí sĩ Dương Lâm lạy đề - Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây).

四千年鴻貉山河相傳祖國
二十兆仙龍苗裔共仰英靈
翰林編修武明珠拜題

Tứ thiên niên Hồng Lạc sơn hà, tương truyền tổ quốc;
Nhị thập triệu Tiên Long miếu duệ, cộng ngưỡng anh linh.
(Hàn lâm biên tu Vũ Minh Châu bái đề)
Bốn nghìn năm non nước Lạc Hồng, giữ bền đất tổ;
Hai mươi triệu cháu con Tiên Rồng, chung hưởng anh linh.
(Hàn lâm biên tu Vũ Minh Châu vái đề - Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

四千餘年國歷幾桑滄全幅此山河肇祖前功來世遠
二十五兆民誰非苗裔故都望陵廟興朝旺氣凜如生
北圻經略陳祥拜題

Tứ thiên dư niên quốc lịch kỷ tang thương, toàn bức thử sơn hà, triệu tổ tiền công lai thế viễn;
Nhị thập ngũ triệu dân thuỳ phi miếu duệ, cố đô vọng lăng miếu, hưng triều vượng khí lẫm như sinh.
(Bắc Kỳ Kinh lược Trần Gia Tường bái đề)
Hơn bốn nghìn năm đất nước mấy tang thương, toàn cõi non sông này, ấy công tổ tiên xưa để lại;
Hai mươi lăm triệu dân ai chẳng cháu chắt, đô xưa trông lăng miếu, vương triều khí thịnh vẫn như xưa.
(Kinh lược Bắc Kỳ Trần Gia Tường vái đề - Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

西亨于天傘島洮瀘合作一天宇宙
南祖其國丁黎李陳長留億載輿圖

Tây hanh vu thiên, Tản Đảo Thao Lô hợp tác nhất thiên vũ trụ;
Nam tổ kỳ quốc, Đinh Lê Lý Trần trường lưu ức tải dư đồ.
Tây thông với trời, Tản Đảo Thao Lô hợp làm trời riêng một cõi;
Nam tổ cùng nước, Đinh Lê Lý Trần để lại đất vững ngàn năm.
(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

登斯山俯瞰郊原十有五部版章歷史上鴻圖猶鑿
訪故事肅瞻遺廟二千與年陳跡彩雲間鶴表自依

臨滔知府阮廷準拜題

Đăng tư sơn phủ hám giao nguyên, thập hữu ngũ bộ bản chương, lịch sử thượng hồng đồ do tạc;
Phỏng cố sự túc chiêm, di miếu nhị thiên dư niên trần tích, thái vân gian hạc biểu tự y.

(Lâm Thao Tri phủ Nguyễn Đình Chuẩn bái đề)

Lên núi này cúi ngắm đồi gò, mười lăm bộ vạch phân, trong lịch sử dư đồ còn tạc
Hỏi việc cũ nghĩ suy hơn hai nghìn năm dấu cũ chốn mây lành bia đá vẫn nguyên

(Tri phủ Lâm Thao Nguyễn Đình Chuẩn vái đề - Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

裔裔皇皇配天其澤帝而祖
葱葱 蔚蔚得地之靈山亦雄

Duệ duệ hoàng hoàng, phối thiên kỳ trạch, đế nhi Tổ;
Thông thông uất uất, đắc địa chi linh, sơn diệc Hùng.

Lớn lớn đời đời, được ơn trời giúp, vua là Tổ;
Xanh xanh rậm rậm, được linh đất cho, núi ấy Hùng.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

維祖國精神一十八傳根本地
考故都名勝幾千百載帝王陵

Duy Tổ quốc tinh thần, nhất thập bát truyền căn bản địa;
Khảo Cố đô danh thắng, kỷ thiên bách tải đế vương lăng.

Với tinh thần Tổ quốc, mười tám đời truyền đất căn bản;
Tìm danh thắng Cố đô, mấy nghìn năm lẻ lăng đế vương.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

拓水開基四顧山河歸版籍
登高望遠群峰羅列似兒孫

Thác thuỷ khai cơ, tứ cố sơn hà quy bản tịch;
Đăng cao vọng viễn, quần phong la liệt tự nhi tôn.

Mở lối xây nền, bốn mặt non sông về một mối;
Lên cao ngó khắp, núi đồi la liệt tựa cháu con.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

登者係遐思萬古江山締造始
佳哉猶旺氣千秋城郭蔥蔥間

Đăng giả hệ hà tư, vạn cổ giang sơn đề tạo thuỷ;
Giai tai do vượng khí, thiên thu thành quách uất thông gian.

Lên cao nghĩ thực xa, tạo dựng non sông đầu muôn thuở;
Đẹp thay đời vẫn vượng, rừng xanh thành quách giữa ngàn thu.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

帝封作邦最好中間風水
民今受賜蓋自上古聖神

Đế phong tác bang, tối hảo trung gian phong thuỷ;
Dân kim thụ tứ, cái tự thượng cổ thánh thần.

Vua phong thanh bang, tốt nhất trung gian địa mạch;
Dân nay được hưởng, sớm từ thượng cổ thánh thần.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

皇家演出龍仙派
帝國端門姊妹花

Hoàng gia diễn xuất long tiên phái;
Đế quốc đoan môn tỷ muội hoa.

Rồng tiên giòng giõi nơi nhà chúa;
Chị em hệ chính của nước vua.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

雄朝陵寢皇都在
南國神仙帝女尊

Hùng triều lăng tẩm hoàng đô tại;
Nam quốc thần tiên đế nữ tôn.

Lăng tẩm Triều Hùng đô vua cũ;
Thần tiên Nam Việt nữ chúa giòng.

(Đền thờ cụ Trần Danh Tiêu - Hà Tây)

安養庵桌錫依此道以傳法雨祥雲隨自在
慈孝自開山得其門而入佛恩國澤共圓融

An Dưỡng am trác tích, y thử đạo dĩ truyền, pháp vũ tường vân tuỳ tự tại;
Từ Hiếu tự khai sơn, đắc kỳ môn nhi nhập, Phật ân quốc trạch cộng viên dung.

Dựng am An Dưỡng làm nơi ở, dựa vào đó để mà truyền đạo, mưa pháp mây lành tự tại với nhân duyên;
Xây chùa Từ Hiếu nhờ mở núi, được nơi đó để vào cửa Phật, ơn nước ơn Phật đều trọn vẹn cả hai.
(Câu đối chùa Từ Hiếu)

道心堅石學海深源亞雨鷗風不動掌上禪宗手
御嶺悲雲香江逝水淄衣素服永懷西邊月影南

Đạo tâm kiên thạch, học hải thâm nguyên, Á vũ Âu phong bất động chưởng thượng Thiền tông thủ;
Ngự lãnh bi vân, Hương Giang thệ thuỷ, truy y tố phục vĩnh hoài tây biên nguyệt ảnh nam.
Tâm đạo vững như đá, bể học như nguồn sâu, mưa Á gió Âu không thể chuyển được tấm lòng bậc kỳ tài trong Thiền giới;
Núi Ngự mây buồn giăng, Hương Giang nước chảy mãi, muôn đời con cháu nhớ mãi vầng trăng sáng trời Nam.

三寶莊嚴淨戒智證空門慧日
十方濟渡迷津巨花若海慈航

Tam bảo trang nghiêm, tịnh giới trí chứng không môn tuệ nhật;
Thập phương tế độ, mê tân cự hoa nhã hải từ hàng.
Tam bảo trang nghiêm, tịnh giới chứng ngộ, cửa không tuệ nhật chiếu vào;
Mười phương tế độ, bến mê sáng tỏ, biển trí thuyền từ vượt qua.
(Câu đối ở chùa Phước Điền)

竹月印禪心野色天光參妙相
林風宜覺道溪聲松韻和圓音

Trúc nguyệt ấn thiền tâm, dã sắc thiên quang tham diệu tướng;
Lâm phong nghi giác đạo, khê thanh tùng vận hoà viên âm.
Trúc nguyệt in tâm thiền, sắc trời đồng nội tham diệu tướng;
Gió rừng hợp đạo giác, tùng reo suối chảy hoà viên âm.
(Câu đối chùa Trúc Lâm)

古寺出雲山有意人來敲石磬
禪居臨水畔忘機龍到聽金經

Cổ tự xuất vân sơn, hữu ý nhân lai xao thạch khánh;
Thiền cư lâm thuỷ bạn, vong cơ long đáo thính kim kinh.
Cổ tự ló vân sơn, người hữu ý đến khua khánh đá;
Chốn thiền soi bến nước, rồng quên lo men tới nghe kinh.
(Câu đối chùa Báo Quốc)

禪心明淨三界普慈悲從香國中來振旦經聲傳佛法
梵舍莊嚴十方歸濟渡溯景興而後天台山色益神京

Thiền tâm minh tịnh, tam giới phổ từ bi, tòng Hương Quốc trung lai Chấn Đán kinh thanh truyền Phật pháp;
Phạm xá trang nghiêm, thập phương qui tế độ, tố Cảnh Hưng nhi hậu Thiên Thai sơn sắc áng thần kinh.

Thiền tâm lặng sáng, ba cõi trải từ bi, từ ấn Độ tới Trung Hoa tiếng kinh truyền phép Phật;
Phạm xá trang nghiêm, mười phương được cứu vớt, từ Cảnh Hưng đến Thiên Thai sắc núi trùm kinh đế.

(Câu đối chùa Thiền Tông)

前前無始 後後無終金性本來如是
生生不增滅滅不滅眞如萬古常新

Tiền tiền vô thuỷ, hậu hậu vô chung, kim tính bản lai như thị;
Sinh sinh bất tăng,diệt diệt bất giảm, chân như vạn cổ thường tân.

Trước trước chẳng bắt đầu, sau sau chẳng kết thúc. Tính Phật vốn xuất phát từ đây
Sinh sinh chớ tăng, diệt diệt chớ giảm. Chân như vạn cổ vẫn như thường.

(Câu đối chùa Tây Thiên)

法雨弘施萬木昆蟲沾利益
身雲遍滿虛空世界放光明

Pháp vũ hoằng thi, vạn mộc côn trùng triêm lợi ích;
Thân vân biến mãn, hư không thế giới phóng quang minh.

Mưa phép thấm đều, vạn mộc côn trùng đều hưởng lợi;
Phật thân biến hoá, hư không thế giới sáng muôn màu.

(Câu đối chùa Linh Mụ)

開發菩提心而化通萬類
弘施方便力以覺悟群生

Khai phát bồ đề tâm nhi hoá thông vạn loại;
Hoằng thi phương tiện lực dĩ giác ngộ quần sinh.

Mở tâm bồ đề, để hóa thông vạn loại;
Bày muôn ngàn phép để giác ngộ chúng sinh.

(Câu đối chùa Linh Mụ)

巽水長波涉換支絃無盡水
乾山高聲眼光遊戲萬重山

Tốn thuỷ trường ba, thiệp hoán chi huyền vô tận thuỷ;
Kiền sơn cao thanh, nhãn quang du hý vạn trùng san.

Sóng nước toả lan như dây đàn rung vô tận;
Âm thanh vượt núi khiến mắt sáng phóng nghìn trùng.

(Câu đối ở chùa Trúc Lâm)

滿地花香開佛國
半天鍾磬入祇園

Mãn địa hoa hương khai Phật quốc;
Bán thiên chung khánh nhập Kỳ viên.

Mở nước Phật hương hoa tràn đất;
Vào vườn Thiền chuông khánh lưng trời.

(Câu đối chùa Bà La Mật)

香江其北御嶺其南千萬世慈風傳寺古
景興以前永盛以後數百年梵宇壯于今

Hương Giang kỳ bắc, Ngự lãnh kỳ nam, thiên vạn thế từ phong truyền tự cổ;
Cảnh Hưng dĩ tiền, Vinh Thịnh dĩ hậu, sổ bách niên phạm vũ tráng vu kim.

Hương Giang phía Bắc, Núi Ngự phía Nam, ngàn vạn đời gió từ bi lồng cổ tự;
Cảnh Hưng thời trước Vĩnh Thịnh về sau mấy trăm năm phạm vũ vẫn còn tráng lệ

(Câu đối chùa Báo Quốc)

救苦揚聲陽柳枝頭灑甘露而十方蒙潤
化身隨類芙蕖而上放慈光而群品瞻依

Cứu khổ tầm thanh, dương liễu chi đầu, sái cam lồ nhi thập phương mông nhuận
Hoá thân tuỳ loại, phù cừ diện thượng, phóng từ quang nhi quần phẩm chiêm y

Tầm thanh cứu khổ, rưới cam lồ lên cành dương liễu, khiến mười phương được thấm ơn sâu;
Tuỳ loại hóa thân, phóng từ quang trên mặt phù cừ, để mọi nơi được cúng chiêmg ngưỡng.

(Câu đối ở chùa Đông Thuyền)

色 即 是 空 空 即 是 色 須 信 性 中 無 罣 礙
佛 不 離 心 心 不 離 佛 誰 三 身 外 有 菩 提

Sắc tức thị không, không tức thị sắc, tu tín tính Trung vô quái ngại;
Phật bất ly tâm, tâm bất ly Phật, thuỳ tam thân ngoại hữu bồ đề.

Sắc tức là không, không tức là sắc, trong tín tính tu không trở ngại;
Phật không lìa tâm, tâm không lìa Phật, ngoài tam thân ai cũng có bồ đề.

(Câu đối chùa Báo Quốc)

般 若 智 眞 空 萬 法 即 心 即 佛
菩 提 心 妙 有 一 切 是 色 是 空

Bát nhã trí chân không vạn pháp tức tâm tức Phật;
Bồ đề tâm diệu hữu nhất thiết thị sắc thị không.

Bát Nhã hiểu chân không, muôn pháp tức tâm tức Phật;
Bồ đề tâm diệu hữu, nhất thiết là sắc là không.

(Câu đối ở chùa Thành Nội Huế)

四 面 光 凝 扃 托 日 臨 千 歲 樹
九 天 風 定 蘭 庭 香 滿 百 枝 花

Tứ diện quang ngưng quynh thác nhật lâm thiên tuế thụ;
Cửu thiên phong định lan đình hương mãn bách chi hoa.

Bốn phía rạng ngời, ngoài cửa mặt trời mọc bên cây thiên tuế;
Chín tầng gió lặng, sân lan thơm phức trăm hoa đua sắc hương.

長 樂 揚 麻 十 二 樓 臺 新 體 勢
蘭 階 集 客 奇 花 妙 草 暢 和 風

Trường lạc dương hưu thập nhị lâu đài tân thể thế;
Lan giai tập khách kỳ hoa diệu thảo sướng hoà phong.

Vui bất tuyệt trong chốn mười hai lâu đài xây kiểu mới;
Thềm lan tụ hội, hoa thơm cỏ lạ hoà đón gió xuân.

沉 潛 百 八 鍾 難 辨
梵 意 玄 微 世 莫 通

Trầm tiềm bách bát chung nan biện;
Phạn ý huyền vi, thế mạc thông.

Trăm lẻ tám tiếng chuông sao phân biệt được;
Đạo Phật huyền vi, cõi tục thấu được chăng.

陽 輝 環 宇 被
照 普 世 人 情

Dương huy hoàn vũ bị;
Chiếu phổ thế nhân tình.
Toàn cầu ánh dương sáng;
Chiếu đã khắp nhân gian.

未出地時先有節
到凌雲處也無心
Vị xuất địa thời tiên hữu tiết;
Đáo lăng vân xứ dã vô tâm.
Khí tiết rồi khi chưa lên khỏi đất;
Cao tận mây lòng vẫn thẳng ngay.

幾經霜雪操
不改歲寒心
Kỷ kinh sương tuyết tháo;
Bất cải tuế hàn tâm.
Trải qua bao sương tuyết;
Lòng vẫn chẳng đổi thay.

幷意還幷偶
相約莫相逢
Tịnh ý hoàn tịnh ngẫu;
Tương ước mạc tương phùng.
Có hẹn như tình cờ;
Y hẹn chẳng gặp ư?

四面獻奇觀風景別開宇宙
億年鍾旺氣江山長護廚私
Tứ diện hiến kỳ quan phong cảnh biệt khai vũ trụ;
Ức niên chung vượng khí giang sơn trường hộ trù tư.
Bốn phía đều là kỳ quan, phong cảnh mở riêng trong trời đất;
Muôn năm đúc hun khí lành, núi sông muôn thuở chở che.

列宿分龍影
方池寫鳳文
Liệt túc phân long ảnh;
Phương trì tả phượng văn.
Sao trời bày rồng cuốn;
Ao vuông vẽ phượng bay.

宇宙太和天玉白衣裳此會
京師首善地聲名文物所都

Vũ trụ thái hoà thiên, ngọc bạch y thường thử hội;
Kinh sư thủ thiện địa, thanh danh văn vật sở đô.

Trời vũ trụ thái hoà, lúc áo xiêm đua chen như ngày hội;
Kinh sư đất tốt lành, vang danh chốn văn vật bốn phương.

槃溝幾許新荷放
憑檻香聞滿座生

Ngự câu kỷ hứa tân hà phóng;
Bằng hạm hương văn mãn toạ sinh.

Dưới ngòi ngự vài bông sen nở sớm;
Trên hiên nhà tràn ngập mùi hương.

色是空空是色空空色色
佛即心心即佛佛佛心心

Sắc thị không, không thị sắc, không không, sắc sắc;
Phật tức tâm, tâm tức Phật, Phật Phật tâm tâm.

Sắc là không, không là sắc, đâu không đâu sắc;
Phật tức tâm, tâm tức Phật, Phật chính là tâm.

三才體制日新日日新已顯我一生誠敬望願
千家基業萬歲萬萬歲則助而仰望修齊治平

Tam tài thể chế nhật tân nhật nhật tân dĩ hiển ngã nhất sinh kính vọng nguyện
Thiên gia cơ nghiệp vạn tuế vạn vạn tuế tắc trợ nhi ngưỡng vọng tu tề trị bình.

Dùng (cách thức tam cung để biểu thị cho) Tam Tài để thể chế mỗi ngày mỗi mới, cũng là để biểu thị sự thành kính ngưỡng vọng của ta;
Cơ nghiệp của hoàng gia bền vững muôn đời, hẳn sẽ giúp cho ta làm được sự nghiệp tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ.

大人譽日協明中天照萬國
至聖囲心若鏡在拓動八荒

Đại nhân dự nhật hiệp minh trung thiên chiếu vạn quốc;
Chí thánh khốn tâm nhược kính tại thác động bát hoang.

Đại nhân và mặt trời cùng nhau toả sáng cả bầu trời, chiếu soi vạn nước;
Bậc Thánh giữ lòng sáng như gương, để chiếu sáng mọi chỗ gần xa.

基砥規模憑舊跡
廟堂再造更修新
Cơ chỉ quy mô bằng cựu tích;
Miếu đường tái tạo cánh tu tân.
Cơ nghiệp mới quy mô trên nền di chỉ cũ;
Miếu đường xây dựng lại càng trở nên khang trang.

水照山朝增景色
風和日麗最榮光
Thuỷ chiếu sơn triều tăng cảnh sắc;
Phong hoà nhật lệ tối vinh quang.
Nước soi, núi chầu, cảnh sắc thêm đẹp đẽ;
Gió ôn hoà, mặt trời diễm lệ, ánh sáng thêm rực rỡ.

五德居尊位
行俠事天心
Ngũ đức cư tôn vị;
Hành hiệp sự thiên tâm.
Năm đức nơi chí tôn;
Hành hiệp hợp lòng trời.

天以五行爲世用
帝修六府厚人生
Thiên dĩ ngũ hành vi thế dụng;
Đế tu lục phủ hậu nhân sinh.
Trời lấy Ngũ hành (kim - mộc - thuỷ - hoả - thổ)
để ứng vào việc đời;
Vua tu theo Lục phủ (Thượng thiên, thượng ngàn, thuỷ cung...)
để giúp cho muôn dân.

五月值天中夏聲遺悠王母福
六旬稱聖壽春輝報答子臣心
Ngũ nguyệt trực thiên trung, hạ thanh di du vương mẫu phúc;
Lục tuần xưng thánh thọ, xuân huy báo đáp tử thần tâm.
Tháng Năm giữa trời, gió hạ vui vầy ơn vương mẫu;
Sáu mươi lễ thánh thọ, nắng xuân báo đáp lòng tôi con.

淨土結祥雲支那和尚妙跡自古
光天長化日孝武皇帝賜扁如今

Tịnh địa kết tường vân Chi na hòa thượng diệu tích tự cổ;
Quang thiên trường hóa nhật Hiếu võ hoàng đế tứ biển như kim.
Đất yên kết mây lành, hòa thượng Trung Hoa để tích sáng tự cổ;
Trời quang phong hóa cũ, Hiếu võ hoàng đế ban biển hãy còn đây.

妙啼被群生多稱碩德
淨光含萬象好繼宗風
Diệu Đế bị quần sinh đa xưng thạc đức;
Tịnh Quang hàm vạn tượng hảo kế tông phong.
Chùa Diệu Đế để chúng sinh kế thừa đức lớn;
Chốn Tịnh Quang chứa vạn tượng nối tông phong.

蓮起爐 中妙啼常年開法侶
花繡錦上淨光此日振慈風
Liên khởi lư trung Diệu Đế thường niên khai pháp lữ;
Hoa tú cẩm thượng Tịnh Quang thử nhật chấn từ phong.
Trong lò sen nở, chùa Diệu Đế thường năm mở lớp tăng chúng;
Trên gấm hoa thêu, chốn Tịnh Quang đây ngày dấy gió từ bi.

一等仁中神孝子
大學道明德 親民
Nhất đẳng nhân trung thần hiếu tử;
Đại học đạo minh đức tân dân.
Bậc cao quý nhất là tôi trung con hiếu;
Đạo lớn nhất ấy là minh đức tân dân.

風敲桃院琴聲逸
月印蘭臺鶴蒜高
Phong xao đào viện cầm thanh dật;
Nguyệt ấn lan đài hạc toán cao.
Gió thổi vườn đào, tiếng đàn khoan nhặt;
Trăng soi gác sách, tuổi hạc muôn cao.

明月清風天別造
高山秀水地靈奇
Minh nguyệt thanh phong thiên biệt tạo;
Cao sơn tú thuỷ địa linh kỳ.
Gió mát trăng thanh trời riêng tạo;
Núi cao sông đẹp đất linh thiêng.

顯赫門前江水旺來風光舊
巍峨祠上山龍培抱景色新
Hiển hách môn tiền, giang thuỷ vượng lai phong quang cựu;
Nguy nga từ thượng sơn long bồi bão cảnh sắc tân.
Cửa trước thênh thang sông rộng tuôn trào phong cảnh cũ;
Ngôi đền chót vót, núi rồng ôm ấp cảnh tươi thêm.

前江引水生奇妙
後路行程客往來
Tiền giang dẫn thuỷ sinh kỳ diệu;
Hậu lộ hành trình khách vãng lai.
Sông phía trước dẫn nước sinh vẻ đẹp kỳ diệu;
Đường phía sau dành cho khách đi đường lai qua.

安子高峰紅日月
竹林山上昭十方
弟子德供進一九九二
Yên Tử cao phong hồng nhật nguyệt;
Trúc Lâm sơn thượng chiếu thập phương.
Đỉnh cao Yên Tử đỏ vầng nhật nguyệt;
Trên non rừng trúc soi chiếu mười phương.
(Đệ tử Đức cung tiến nhất cửu cửu nhị (Đệ tử Đức cung tiến năm 1992)

草樂何水何山于載會
欣歡此人此地四民康
Thảo lạc, hà thuỷ hà sơn vu tải hội;
Hân hoan, thử nhân thử địa tứ dân khang.
Sướng vui bởi sông nào núi nào cũng đều mở hội;
Hân hoan do người ấy, đất ấy, thảy được an khang.

陰陽鍾毓精靈在
山水清於閩澤均
Âm dương chung dục tinh linh tại;
Sơn thuỷ thanh ư khải trạch quân.
Âm dương chung đúc tinh linh còn mãi;
Sông núi lưu tàng đức trạch lớn lao.

德澤巍峨山有色
英威浩蕩水無波

Đức trạch nguy nga sơn hữu sắc;
Anh uy hạo đãng thuỷ vô ba.
Núi có sắc màu, vòi vọi đức trạch;
Sông không sóng mà cuồn cuộn anh uy.

地結名藍豁達軒窗吞宇宙
天繞勝景巍峨臺閣接雲煙

Địa kết danh lam, khoát đạt hiên song thôn vũ trụ;
Thiên nhiễu thắng cảnh, nguy nga đài các tiếp vân yên.
Đất kết danh lam thoáng đãng hiên song nuốt vũ trụ;
Trời vây cảnh đẹp, nguy nga đài các đón khói mây.

一樹梅花一樹玉
半床明月半床經

Nhất thụ mai hoa nhất thụ ngọc;
Bán sàng minh nguyệt bán sàng kinh.
Một cây hoa mai là một cây ngọc;
Nửa giường trăng giọi, nửa giường sách kinh.

日映木橋長水美
夕來几樹自生香

Nhật ánh mộc kiều trường thuỷ mỹ;
Tịch lai kỷ thụ tự sinh hương.
Ban ngày rợp bóng cây cao, có dòng sông đẹp;
Đêm về mấy toà cổ thụ, toả ngát hương thơm.

天上果有詩百粵山河今即古
江邊皆可廟一門兄弟將而神

本社同慶辛亥歲同供進

Thiên thượng quả hữu thi Bách Việt sơn hà kim tức cổ;
Giang biên giai khả miếu nhất môn huynh đệ tướng nhi thần.
Trên trời quả có thơ ngâm, non sông Bách Việt trước nay vẫn như thế;
Bờ sông đều có miếu, anh em một nhà, là tướng lại là thần.
(Bản xã Đồng Khánh Tân Hợi tuế đồng cung tiến (Người trong xã cùng nhau cung tiến năm Đồng Khánh Tân Hợi))

鍾磬洗塵心千古往來增點綴
戰功留佛境億億年傳訟可軒昂

本社民恭 進

Chung khánh tẩy trần tâm thiên cổ vãng lai tăng điểm xuyết;
Chiến công lưu Phật cảnh ức niên truyền tụng khả hiên ngang.
Chuông khánh tẩy lòng trần, năm tháng trôi qua càng đẹp đẽ;
Chiến công lưu cửa Phật, muôn đời truyền tụng rất hiên ngang.
(Bản xã dân cung tiến (Dân bản xã cung tiến))

千百億化身接悟道迷緣以滿
四十九說法開權顯實聖中王

Thiên hách ức hoá thân tiếp ngộ đạo mê duyên dĩ mãn;
Tứ thập cửu thuyết pháp khai quyền hiển thực thánh trung vương.
Phật hóa thân thành ra muôn vạn, đón kẻ ngộ đạo thoát khỏi bến mê, đã thoả mãn muôn loài ước nguyện;
Bốn mươi chín năm thuyết pháp, mở quyền hành hiện ra thực tại, trong bậc thánh là hàng đế vương.

慈念濟人千手護持超淨景
澄心現世大法光明達早春

Từ niệm tế nhân thiên thủ hộ trì siêu tĩnh cảnh;
Trừng tâm hiện thế đại pháp quang minh đạt tảo xuân.
Từ niệm cứu người, nghìn tay hộ trì cảnh siêu tĩnh;
Lòng trong hiện thế, đại pháp quang minh khắp chốn xuân.

埃排勝跡傳之久
赫濯靈聲取也多

Ai bài thắng tích truyền chi cửu;
Hách trạc linh thanh thủ dã đa.
Cảnh đẹp phô bày truyền từ trước;
Tiếng thiêng lừng lẫy tỏ đã nhiều.

楊柳枝頭甘露色
蓮花座上泰和香

Dương liễu chi đầu cam lộ sắc;
Liên hoa toà thượng thái hoà hương.
Đầu nhành dương liễu giọt cam lồ toả sắc;
Trên toà hoa sen cảnh thái hoà đưa hương.

江廣源長波不盡
林深葉茂樹皆春

Giang quảng nguyên trường ba bất tận;
Lâm thâm diệp mậu thụ giai xuân.

Sông rộng nguồn dài, sóng bất tận;
Rừng sâu lá rậm, cây đều tươi.

馬蹄堪使風輕月
虎帳休嫌雪瘦顏
Mã đề kham sử phong khinh nguyệt;
Hổ trướng hưu hiềm tuyết sấu nhan.
Vó ngựa gió bay mờ bóng nguyệt;
Trướng hùm tuyết phủ ngại chi gầy.

泰保人民和氣春風自在
寧扶閫境曹南斗北同公
Thái bảo nhân dân hoà khí xuân phong tự tại;
Ninh phù hạp cảnh Tào Nam Đẩu Bắc đồng công.
Yên ổn nhân dân, hoà khí xuân phong vốn có;
Vỗ yên toàn cõi, Nam Tào Bắc Đẩu công minh.

明年會例增感念
春旦行春普應求
Minh niên hội lệ tăng cảm niệm;
Xuân đán hành hương phổ ứng cầu.
Năm sau hội lệ hơn năm trước;
Xuân sớm hành hương cầu nguyện đông.

到此匪尋常花堂王相妙閣金聲自覺十分仙境
居之河久遇駢沛頭凡德江明月重無半點塵心
Đáo thử phỉ tầm thường, hoa đường vương tướng, diệu các kim thanh, tự giác thập phân tiên cảnh;
Cư chi hà cửu ngộ, biền bái đầu phàm. Đức giang minh nguyệt, trùng vô bán điểm trần tâm.
Đến đây chẳng phải tầm thường, hoa đường vương tướng, gác đẹp chuông vàng, tự biết mười phần tiên cảnh;
Ở lâu sao chẳng gặp, biền bái đầu phàm, Đức giang minh nguyệt, lại không nửa mảy trần tâm.

福海無邊寶筏慈航資濟渡
靈山長仰黃花翠竹遍輝光
Phúc hải vô biên, bảo phiệt từ hàng tư tế độ;
Linh sơn, trường ngưỡng, hoàng hoa thuý trúc biến huy quang.

Bể phúc vô biên, bè báu thuyền từ chuyên cứu độ;
Núi thiêng mãi ngắm, hoa vàng trúc biếc toả hào quang.

草樹逢春花似錦
樓臺近水月重輪
Thảo thụ phùng xuân hoa tự cẩm;
Lâu đài cận thuỷ nguyệt trùng luân.
Cây cỏ gặp xuân hoa tựa gấm;
Lâu đài gần nước, trăng nhân đôi.

秋水長天橫古渡
寒江明月對平臺
Thu thuỷ trường thiên hoành cổ độ;
Hàn giang minh nguyệt đối bình đài.
Nước thu lẫn mây trời chặn ngang bến đò cũ;
Sông lạnh soi trăng sáng lộn ngược bóng đài cao.

鸞開淨舍頭間地
鳳吐明庭軫念天
Loan khai tịnh xá đầu nhàn địa;
Phượng thổ minh đình chẩn niệm thiên.
Loan mở tịnh xá trên đầu mảnh đất vắng;
Phượng nhả sân phong, trăn trở niệm kinh trời.

水月光函簾外影
夜鍾喚夢醒中人
Thuỷ nguyệt quang hàm liêm ngoại ảnh;
Dạ chung hoán mộng tỉnh trung nhân.
Trăng nước gương lồng ảnh ngoài rèm cửa;
Chuông đêm thức tỉnh người trong giấc mơ.

諸客遊觀何必尋之風水處
全民仰慕謂於好也義仁門
Chư khách du quan hà tất tầm chi phong thuỷ xứ;
Toàn dân ngưỡng mộ vị ư hảo dã nghĩa nhân môn.
Chư khách chơi xem hà tất phải tìm tòi phong thuỷ;
Toàn dân ngưỡng mộ cốt tìm đạo tốt nghĩa và nhân.

一簾水影如明鏡
四面山光似翠屏

Nhất liêm thuỷ ảnh như minh kính;
Tứ diện sơn quang tự thuý bình.
Một dèm bóng nước như tấm gương sáng;
Bốn mặt non quang tựa bình phong xanh.

春夏秋冬財進至
東西南北客自來
Xuân hạ thu đông tài tiến chí;
Đông tây nam bắc khách tự lai.
Xuân hạ thu đông của tiền đưa tới;
Đông tây nam bắc khách tự đến thăm.

地賴以尊凜凜威風勁節
雨能不屈堂堂鐵石丹心
Địa lại dĩ tôn lẫm lẫm uy phong kính tiết;
Vũ năng bất khuất đường đường thiết thạch đan tâm.
Đất nhờ đó mà tôn nghiêm, lẫm liệt oai phong tiết tháo cứng cỏi;
Gió mưa cũng không khuất phục, đường đường sắt đá tỏ tấm lòng son.

玉液澄清憑引汲
金波盈滿任烹調
Ngọc dịch trừng thanh bằng dẫn cấp;
Kim ba doanh mãn nhậm phanh điều.
Nước ngọc sạch trong, có đủ nơi cung nơi cấp;
Sóng vàng đầy rẫy, tha hồ đem uống đem pha.

捌月同遊塵世遠
消風引得白雲歸
Bát nguyệt đồng du trần thế viễn;
Tiêu phong dẫn đắc bạch vân quy.
Tháng tám cùng chơi xa trần thế;
Gió thu dẫn mây trắng bay về.

國土山川盟帶厲
家鄉日月煥星旗
Quốc thổ sơn xuyên minh đới lệ;
Gia hương nhật nguyệt hoán tinh kỳ.
Thề giữ vững non sông đất nước;
Để quê hương rực rỡ cờ sao.

一泓秋水餘清氣
滿地春風散異香
Nhất hoằng thu thuỷ dư thanh khí;
Mãn địa xuân phong tán dị hương.
Nước thu một vũng thừa hơi mát;
Gió xuân đầy đất toả hương lành.

一江紅日高低路
兩岸清風遠近圖
Nhất giang hồng nhật cao đê lộ;
Lưỡng ngạn thanh phong viễn cận đồ.
Đường cao thấp ven sông che mặt trời mới mọc;
Gió thổi mát đôi bờ như tranh vẽ gần xa.

花雨無聲春散去
松煙有影月篩來
Hoa vù vô thanh xuân tản khứ;
Tùng yên hữu ảnh nguyệt sư lai.
Mưa hoa không tiếng, mùa xuân tan mất;
Khói toả thân tùng bóng trúc gió lay.

月光如水禪心潔
花氣隨風道骨清
Nguyệt quang như thuỷ thiền tâm khiết;
Hoa khí tuỳ phong đạo cốt thanh.
Ánh trăng như nước, lòng thiền tinh khiết;
Mùi hoa theo gió, đạo cốt sáng trong.

四面翠屏山色秀
一江碧玉水光清
Tứ diện thuý bình sơn sắc tú;
Nhất giang bích ngọc thuỷ quang thanh.
Bốn mặt bình phong màu núi đẹp;
Một dòng sông ngọc nước trong veo.

船行樓破影
魚躍水生紋
Thuyền hành lâu phá ảnh;
Ngư dược thuỷ sinh văn.

Thuyền đi, ảnh lầu cao nhoà xoá;
Cá quẫy, mặt nước gợn lăn tăn.

檻外清波魚戲水
庭中雅座客吟詩
Hạm ngoại thanh ba ngư hý thuỷ;
Đình trung nhã toạ khách ngâm thi.
Ngoài hiên gợn sóng cá giỡn nước;
Trong lầu nhàn tản khách ngâm thơ.

靜院閑庭境中有眞趣
奇花異草眼前即自然
Tĩnh viện nhàn đình, cảnh trung hữu chân thú;
Kỳ hoa dị thảo, nhãn tiền tức tự nhiên.
Viện tĩnh đình nhàn, phong cảnh xiết bao kỳ thú;
Hoa thơm cỏ lạ, ngắm nhìn mới thấy tự nhiên.

小坐何妨顧回面青山話百年野史
良辰莫負沽一壺美酒賞萬樹櫻花
Tiểu toạ hà phỏng, cố hồi diện thanh sơn, thoại bách niên dã sử;
Lương thời mạc phụ, cô nhất hồ mỹ tửu, thưởng vạn thụ anh hoa.
Nghỉ chút có sao đâu, ngoái bốn phía non xanh, nhắc truyện trăm năm dã sử;
Thời lành chớ để phụ, mua một bình rượu quý, ngắm trông vạn gốc anh đào.

樓上觀魚悠然自得
梅邊聽鳥樂以忘憂
Lâu thượng quan ngư du nhiên tự đắc;
Mai biên thính điểu lạc dĩ vong ưu.
Lầu cao đứng xem cá, trong lòng thoải mái;
Bên mai nghe chim hót, vui vẻ quên lo.

繞檻發幽思垂竿鉤譽非賢士
臨淵生艷羨結網求魚是達人
Nhiễu hạm phát u tư, thuỳ can câu dự phi hiền sĩ;
Lâm uyên sinh diễm tiện, kết võng cầu ngư thị đạt nhân.
Quanh hiên bụng nghĩ thầm, buông cần câu tiếng, đâu hiền sĩ;
Đến vực lòng vui vẻ, cá vây giăng lưới, ấy người hay.

花逢酒客容先醉
柳向詩人眼倍情
Hoa phùng tửu khách dung tiên tuý;
Liễu hướng thi nhân, nhãn bội tình.
Hoa bên khách rượu, mặt trước đỏ;
Liễu cạnh nhà thơ, mắt gợi tình.

蝶戀香花翻粉翅
風扶翠柳作輕吟
Điệp luyến hương hoa phiên phấn xí;
Phong phù thuý liễu tác khinh ngâm.
Bướm luyến hoa hương, phơ phất cánh;
Gió nâng liễu biếc rì rào ngâm.

大海滄茫風景這邊獨好
彩雲爛漫江山如此多嬌
Đại hải thương mang, phong cảnh giá biên độc hảo;
Thái vân lãn mạn, giang sơn như thử đa kiều.
Biển rộng bao la, phong cảnh bên này cực đẹp;
Ánh mây rực rỡ, non sông như thế tuyệt vời.

萬頃波光疑是鏡
一痕月色宛如弓
Vạn khoảnh ba quang nghi thị kính;
Nhất ngân nguyệt sắc uyển như cung.
Muôn dặm sóng long lanh nhìn tựa kính;
Một vầng trăng ánh bạc uốn như cung.

萬頃煙波幾曾吞興亡成敗
百年身世又來看滄海桑田
Vạn khoảnh yên ba, kỷ tằng thôn hưng vong thành bại;
Bách niên thân thế, hựu lai khan thương hải tang điền.
Vạn khoảnh khói sóng, từng đã trải hưng vong thành bại;
Trăm năm thân thế, lại được nhìn bãi bể nương dâu.

波涵畫閣魚歡浪
日照瓊樓燕啄泥
Ba hàm họa các ngư hoan lãng;
Nhật chiếu quỳnh lâu yến trác nê.

Nước soi gác vẽ, cá giỡn sóng;
Trời chiều lầu quỳnh, yến tha bùn.

最養百花惟曉露
能生萬物是春風
Tối dưỡng bách hoa duy hiểu lộ;
Năng sinh vạn vật thị xuân phong.
Tưới tắm trăm hoa, chỉ sương sớm;
Nảy sinh muôn vật, ấy gió xuân.

舉步上高樓把酒品茶浩蕩乾坤在安定
開杯向大海閱今款古飛流歲月頌清平
Cử bộ thượng cao lâu, bả tửu phẩm trà, hạo đãng càn khôn tại an định;
Khai bôi hướng đại hải, duyệt kim khản cổ, phi lưu tuế nguyệt tụng thanh bình.
Cất bước lên lầu cao, rượu quý trà ngon, rộng lớn càn khôn ở yên định;
Nâng ly hướng biển rộng ưa kim chuộng cổ kẻo Jài năm tháng ngợi thanh bình

發思古之幽情居常得意
懷創新之壯志業必興隆
Phát tư cổ chi u tình, cư thường đắc ý;
Hoài sáng tân chi tráng chí, nghiệp tất hưng long.
Gợi nhớ u tình thời trước, ở hay thoải mái;
Hằng mong chí mạnh làm nên, nghiệp muốn sẽ thành.

抱月懷風覽勝跡名樓我原過客
移宮換徵彈高山流水誰是知音
Bão nguyệt hoài phong, lãm thắng tích danh lâu, ngã nguyên quá khách;
Di cung hoán trưng, đàn cao sơn lưu thuỷ, thuỳ thị tri âm.
Trăng gió mơ màng, với chỗ đẹp lầu cao ta là quá khách;
Cung bậc đổi khác, hỏi non cao nước chảy ai kẻ tri âm.

到此俗慮全消領略四時風月好
使我吟懷欲放登臨一嘯海天空
Đáo thử tục lự toàn tiêu, lãnh lược tứ thời phong nguyệt hảo;
Sử ngã ngâm hoài dục phóng, đăng lâm nhất khiếu hải thiên không.

Đến đây lo nghĩ tiêu tan, lãnh đủ bốn mùa trăng gió đẹp;
Làm ta muốn ngâm cho thoả, hú lên một tiếng biển trời không.

步步小心謹防前頭路窄
層層著眼須知後面山高
Bộ bộ tiểu tâm, cẩn phòng tiền đầu lộ trách;
Tằng tằng trước nhãn, tu tri hậu diện sơn cao.
Giữ gìn từng bước, đề phòng trước mặt đường hẹp;
Để mắt khi leo, phải biết sau lưng núi cao.

有景有情君休忙坐坐又走
好山好水我只想看看再來
Hữu cảnh, hữu tình, quân hưu mang, toạ toạ hựu tẩu;
Hảo sơn, hảo thuỷ, ngã chỉ tưởng, khán khán tái lai.
Có cảnh có tình, ông đừng ngại, nghỉ chút rồi đi;
Đẹp non đẹp nước, tôi chỉ mong, có ngày xem lại.

欲上高峰到此地何防小憩
回看下界登斯樓竟已升仙
Dục thượng cao phong, đáo thử địa hà phòng tiểu khệ;
Hồi khan hạ giới, đăng tư lâu cánh dĩ thăng tiên.
Muốn leo đỉnh cao, đã đến đây lo gì phải nghỉ;
Cúi nhìn thế giới, đến lầu này cảnh tựa lên tiên.

花好月圓昔日曾共覩
志同道合今霄慶合歡
Hoa hảo nguyệt viên, tích nhật tằng cộng nghiễn;
Chí đồng đạo hợp, kim tiêu khánh hợp hoan.
Hoa đẹp trăng tròn, ngày trước đã cùng ngắm cảnh;
Chí đồng đạo hợp, đêm nay mừng được chung vui.

江上漁歌白鷗對舞
舟中春暖紫燕雙飛
Giang thượng ngư ca, bạch âu đối vũ;
Chu trung xuân noãn, tử yến song phi.
Thuyền chài hát trên sông, âu trắng sánh múa;
Xuân ấm đến trong thuyền, yến biếc cùng bay.

此去夫家長協作
莫忘母氏久劬勤

Thử khứ phu gia trường hiệp tác;
Mạc vọng mẫu thị cửu cù cần.
Từ nay nhà chồng mãi chung sống;
Chớ quên lòng mẹ chữ cù lao.

交杯勿墜青雲志
蜜月應存立業心
Giao bôi vật truỵ thanh vân chí;
Mật nguyệt ưng tồn lập nghiệp tâm.
Sau rượu cưới chí thanh vân chớ nhụt;
Tuần trăng mật lòng lập nghiệp nên còn.

同德同心家道盛
相親相愛情誼長
Đồng đức, đồng tâm, gia đạo thịnh;
Tương thân, tương ái, tình nghị trường.
Đồng đức, đồng tâm, đạo nhà thịnh;
Tương thân tương ái, tình nghĩa dài.

花從靜處香能久
愛到純時品自高
Hoa tòng tĩnh xứ, hương năng cửu;
Ái đáo thuần thời, phẩm tự cao.
Hoa nơi thanh tịnh, hương bền giữ;
Yêu đến chân thành, phẩm tự cao.

翠浪映碧空鶯歌燕舞
白雲繞青壑柳綠桃紅
Thuý lãng ánh bích không, oanh ca yến vũ;
Bạch vân nhiễu thanh hác, liễu lục đào hồng.
Sóng biếc ánh trời xanh, oanh ca yến múa;
Mây trắng trùm vực thẳm, liễu thắm đào hồng.

富國興邦人歡財旺
移風易俗地美天新
Phú quốc hùng bang, nhân hoan, tài vượng;
Di phong dịch tục, địa mỹ thiên tân.
Nước nhà mạnh giầu, người vui, của lắm;
Phong tục thay đổi, đất đẹp, trời quang.

魚戀水水闊憑魚躍
鳥愛天天高任鳥飛
Ngư luyến thuỷ, thuỷ khoát bằng ngư dược;
Điểu ái thiên, thiên cao nhậm điểu phi.
Cá luyến nước, nước rộng chỗ cá nhảy;
Chim yêu trời, trời cao thoả chim bay.

富裕花開香萬里
豐收酒溢醉千家
Phú dụ hoa khai, hương vạn lý;
Phong thu tửu dật, tuý thiên gia.
Giàu có nở hoa, hương vạn dặm;
Được mùa thừa rượu, say ngàn nhà.

雄心開創千秋業
少手繪成永世圖
Hùng tâm khai sáng thiên thu nghiệp;
Diệu thủ hội thành vĩnh thế đồ.
Lòng hùng, sự nghiệp ngàn năm khai sáng;
Tay giỏi họa [illegible]ồ muôn thuở tạo nền.

山青水秀風光好
人壽年豐喜慶多
Sơn thanh thuỷ tú, phong quang hảo;
Nhân thọ niên phong, hỉ khách đa.
Non xanh nước biếc phong quang lắm;
Người thọ mùa vui lễ hội nhiều.

影雲開泰日
瑞雨兆豐年
Ảnh vân khai thái nhật;
Thuỵ vũ triệu phong niên.
Mây cảnh mở ngày hanh thái;
Mưa lành báo năm được mùa.

月移梅影橫窗瘦
風送蘭香入座清
Nguyệt di mai ảnh hoành song sấu;
Phong tống lan hương nhập tọa thanh.

Trăng chuyển bóng mai gây vắt ngang cửa sổ;
Gió đưa hương lan trong mát vào chỗ ngồi.

鎮地平安增百福
安民喜慶集千祥
Trấn địa bình an tăng bách phuc;
An dân hỷ khách tập thiên tường.
Đất giữ bình an, tăng thêm trăm phúc;
Dân yên vui vẻ, đọng lại nghìn lành.

千歲光陰慈蔭茂
九天雨露國恩榮
Thiên tuế quang âm từ ấm mậu;
Cửu thiên vũ lộ quốc ân vinh.
Nghìn năm ngày tháng, bóng từ bi che rợp;
Chín tầng trời mưa móc, nước ban ân vẻ vang.

英風遠界江天外
坤德長垂澤國中
Anh phong viễn giới giang thiên ngoại;
Khôn đức trường thuỳ trạch quốc trung.
Ngọn gió lành cách xa, từ con sông ngoài trời thổi tới;
Đức độ đấng mẫu nghi rủ mãi, ban ân trạch trong dân.

靈光威水畔
瑞氣繞村圍
Linh quang uy thuỷ bạn;
Thuỵ khí nhiễu thôn vi.
Ánh sáng thiêng soi bến nước;
Khí lành vây quấn quanh thôn.

山陌土城名勝地
春臺壽域太平春
Sơn mạch thổ thành danh thắng địa;
Xuân đài thọ vực thái bình xuân.
Mạch núi thành đất nên danh thắng địa;
Đài xuân vực thọ hưởng thái bình xuân.

蓮潭橋影留人步
竹暑花園顧世思

Liên đàm kiều ảnh lưu nhân bộ;
Trúc thử hoa viên cố thế tư.
Bóng Cầu đầm sen, chân người in dấu;
Vườn hoa khóm trúc nhìn đời suy tư.
(Đồng hương cung tiến (Toàn thôn cung tiến))

天尊地立綱常柱
氣正流形道義根
Thiên tôn địa lập cương thường trụ;
Khí chính lưu hình đạo nghĩa căn.
Trời cao đất dựng cương thường vững;
Chính khí lưu hành đạo nghĩa sâu.

古造今修傳萬代
上行下效有一心
Cổ tạo kim tu truyền vạn đại;
Thượng hành hạ hiệu hữu nhất tâm.
Xưa tạo dựng, nay trùng tu truyền vạn thuở;
Trên thực hành, dưới làm theo, phải một lòng.

山深寺古人非俗
水遠花裏境亦仙
Sơn thâm tự cổ nhân phi tục;
Thuỷ viễn hoa hoàn cảnh diệc tiên.
Núi sâu chùa cổ người không tục;
Sông chảy hoa tươi cảnh cõi tiên.

景靜樓清千色媚
地靈草翠四辰春
Cảnh tĩnh lâu thanh thiên sắc mỵ;
Địa linh thảo thuý tứ thời xuân.
Cảnh tĩnh lầu thanh muôn vẻ đẹp;
Đất thiêng cỏ biếc bốn mùa xuân.

天上英靈傳影響
春臺共樂鎮英靈
Thiên thượng anh linh truyền ảnh hưởng;
Xuân đài cộng lạc trấn anh linh.
Sự anh linh từ trên trời truyền về hình bóng và tiếng nói;
Vui chung ở đài xuân, giữ gìn sự anh tuấn linh thiêng.

寄宿空門觀自在
厚培福址享天然
Ký túc không môn quan tự tại;
Hậu bồi phúc chỉ hưởng thiên nhiên.
Ngủ nhờ ở cửa không, xem cảnh tự tại;
Đắp đầy nền phúc, hưởng thú vui thiên nhiên.

直入無爲芝景秀
廣開方羨淡蒲圓
Trực nhập vô vi chi cảnh tú;
Quảng khai phương tiện đạm bồ viên.
Vào thẳng chốn vô vi thanh tú;
Mở đường phương tiện cảnh điền viên.

靈聲永揭山河鏡
浩氣長扶草樹春
Linh thanh vĩnh yết sơn hà kính;
Hạo khí trường phù thảo thụ xuân.
Tiếng thiêng cao vọi gương non nước;
Hạo khí mãi phù cây cỏ xuân.

皎皎金波咸玉盞
霏霏白露散瓊漿
Kiểu kiểu kim ba hàm ngọc trản;
Phi phi bạch lộ tán quỳnh tương.
Lấp lánh sóng vàng đầy chén ngọc;
Lay phay móc trắng thấm say lòng.

一水前開明善地
眾星環抱萃珍基
Nhất thuỷ tiền khai minh thiện địa;
Chúng tinh hoàn bão tuỵ trân cơ.
Một dòng nước phía trước, mở thế đất minh đường hiếu thiện;
Các ngôi sao vây quanh, tạo nền móng tập hợp khí lành.

閑趣是仙不必蓬萊海島
心誠即佛何須西竺天台
Nhàn thú thị tiên bất tất bồng lai hải đảo
Tâm thành tức phật hà tu tây trúc thiên thai

Thú nhàn là tiên, chẳng cứ bồng lai hải đảo
Lòng thành tức Phật, đâu cần Tây trúc thiên thai
(Chùa Láng, Hà Nội)

雲 葛 秀 鐘 世 出 女 中 堯 舜
義 興 顯 應 名 留 天 下 聖 神

Vân Cát tú chung thế xuất nữ trung Nghiêu Thuấn
Nghĩa hưng hiển ứng danh lưu thiên hạ thánh thần
Vân cát lạ kỳ, gái trần thế nẩy nòi Nghiêu Thuấn
Nghĩa hưng hiển ứng, danh thiên hạ vào bậc Thánh hiền

法 妙 三 乘 忍 草 靈 花 普 秀
神 通 六 智 心 香 意 葉 長 垂

Pháp diệu tam thừa nhẫn thảo linh hoa phổ tú
Thần thông lục trí tâm hương ý diệp trường thùy
Diệu pháp tam thừa, cỏ nhẫn hoa linh đều rực rỡ
Thần thông lục trí, hương tâm, là ý thẩy lâu dài
(Chùa Láng, Hà Nội)

寺 古 輝 煌 嚴 聖 像
佛 前 施 舍 渡 群 生

Tự cổ huy hoàng nghiêm thánh tượng
Phật tiền thí xá độ quần sinh
Chùa cổ huy hoàng nghiêm vẻ thánh
Phật bày thí xả cứu quần sinh

五 戒 眞 傳 啓 迪 後 人 深 似 海
一 誠 齋 襏 翹 瞻 北 斗 重 如 山

Ngũ giới chân truyền khải địch hậu nhân thâm tự hải
Nhất thành trai bát kiều chiêm Bắc đẩu trọng như sơn
Truyền răn năm điều, ơn dẫu người sau sâu tựa biển
Trai bát một niệm, ngửa trông Bắc đẩu nặng tầy non
(Chùa Láng, Hà Nội)

帝 居 南 國 山 河 十 子 芬 芳 垂 弗 替
佛 祖 西 天 道 教 萬 年 瞻 仰 永 無 窮

Đế cư Nam quốc sơn hà thập tử phân phương thùy phất thế
Phật tổ Tây thiên đạo giáo vạn niên chiêm ngưỡng vĩnh vô cùng
Đất trời Nam Việt vua Lý ở lâu dài, rạng ngời không đổi khác
Phật tổ trời tây, ức vạn năm đạo giáo chiêm ngưỡng đến vô cùng.
(Chùa Láng, Hà Nội)

柴 山 宛 擲 石 痕 先 天 地 化 生 之 理
蘇 水 逆 流 杖 跡 奪 鬼 神 玄 妙 之 機

Sài sơn uyển trịch thạch ngấn tiên thiên địa hóa sinh chi lý
Tô thủy nghịch lưu trượng tích đoạt quỷ thần huyền diệu chi cơ

Ngấn đá non Sài để lại, vượt nghĩa lý hóa sinh trời đất,
Dấu trượng dòng Tô trôi ngược, cướp cơ mưu huyền diệu quỷ thần

(Chùa Láng, Hà Nội)

秀 之 毓 英 之 鍾 神 聖 得 之 生 翼 軫 山 河
靈 跡 至 今 存 異 史
雲 可 滕 水 可 履 眞 經 如 可 授 貉 鴻 宇 宙
雄 風 於 是 播 全 球

Tú chi mẫn anh chi chung thần thánh đắc chi sinh
Dực Chẩn sơn hà linh tích chí kim tồn dị sử
Vân khả đằng thủy khả phúc chân kinh như khả thụ
Lạc Hồng vũ trụ hùng phong tư thị bá toàn cầu

Dục tú ấy, chung anh này, thần thánh được mà sinh,
dấu thiêng cương giới non sông đến nay còn di sử
Mây khả cưỡi, nước khả vượt, chân kinh nhẽ được trao,
đất nước Lạc Hồng hùng phong tỏ toàn cầu

(Chùa Láng, Hà Nội)

快 樂 鄉 村 均 享 遐 齡 之 慶
優 遊 商 賈 久 涵 聖 域 之 心

Khoái lạc hương thôn quân hưởng hà linh chi khánh
Ưu du thương giá cửu hàm thánh vực chi tâm

Cùng chung hưởng phúc cao niên, xóm thôn vui hưởng
Mãi được nương nhờ cõi thánh, buôn bán ung dung

(Chùa Láng, Hà Nội)

棟 宇 巍 巍 顯 應 長 昭 神 妙 等
門 扃 蕩 蕩 仰 瞻 如 見 佛 眞 經

Đống vũ nguy nguy hiển ứng trường chiêu thần diệu đẳng
Môn quynh đãng đãng ngưỡng chiêm như kiến Phật chân kinh

Cột mái nguy nga, hiển ứng mãi nêu nơi thần diệu
Cửa vào rộng rãi, ngửa xem như thấy đức phật kinh

(Chùa Láng, Hà Nội)

柴 山 聖 化 帝 胄 前 身 貉 越 千 秋 存 顯 蹟
天 寺 靈 光 禪 門 勝 景 龍 城 萬 古 此 名 藍

Sài sơn thánh hóa đế vị tiền thân Lạc Việt thiên thu tồn hiển tích
Thiên tự linh quang thiền môn thắng cảnh long thành vạn cổ thử danh lam

Non Sài thánh hóa, tiền thân nói đế, Lạc Việt ngàn năm đầy hiển tích
Chùa thiêng Linh quang, thắng cảnh cửa thiền, Long Thành muôn thuở dấy danh lam

(Chùa Láng, Hà Nội)

三 藐 本 空 虛 色 相 只 惟 開 俗 眼
六 如 非 寔 有 馨 香 押 以 覺 塵 心

Tam miễu bản không hư sắc tương chỉ duy khai tục nhãn
Lục như phi thực hữu hinh hương áp dĩ giác trần tâm

Tam miễu vốn không hư, sắc tướng chỉ nhằm mở mắt tục
Lục như đâu có thực, khói hương dùng để giác lòng trần

(Chùa Láng, Hà Nội)

學 道 西 天 柴 嶺 千 秋 傳 佛 蹟
安 民 南 地 李 朝 再 世 現 王 身

Học đạo Tây thiên Sài lĩnh thiên thu truyền phật tích
An dân Nam địa Lý triều tái thế hiện vương thân

Học đạo trời tây, Sài lĩnh ngàn năm truyền dấu Phật
Yên dân Nam Việt, Lý triều tái thế hiện thân Vua

(Chùa Láng, Hà Nội)

西 方 活 佛 丹 青 玉 殿 儼 州 三 天 帝
柴 峒 神 機 妙 應 蓮 花 顯 十 八 聖 王

Tây phương hoạt Phật đan thanh ngọc điện nghiêm châu tam thiên đế
Sài đồng thần cơ diệu ứng liên hoa hiển thập bát thánh vương

Phật sống Tây phương, điện ngọc vàng son sùng kinh ba ba điên đế,
Thần cơ Sài động, đài sen linh ứng hiện ra mười tám Thánh vương

(Chùa Láng, Hà Nội)

夢 覺 此 間 閬 苑 蘇 江 今 古 寺
清 高 道 像 柴 山 濃 嶺 化 生 身

Mộng giác thử gian lãng uyển Tô giang kim cổ tự
Thanh cao đạo tượng Sài sơn Nùng lĩnh hoá sinh thân

Vườn đẹp sông Tô chùa ấy xưa nay nơi mộng quá
Núi Sài, Nùng lĩnh thân này sinh hóa tượng thanh cao

(Chùa Láng, Hà Nội)

生 花 何 年 仙 是 帝
英 靈 此 地 聖 而 神
Sinh hóa hà niên tiên thị Phật
Anh linh thử địa thánh nhi thần
Sinh hóa năm nào tiến ấy đế
Anh linh đất ấy Thánh mà thần
(Chùa Láng, Hà Nội)

八 葉 基 圖 空 浩 劫
一 庵 松 竹 獨 千 秋
Bát diệp cơ đồ không hạo khước
Nhất am tùng trúc độc thiên thu
Tám cánh cơ đồ không kiếp nạn
Một am tùng trúc trụ ngàn năm
(Chùa Láng, Hà Nội)

覺 岸 登 有 三 貫 塵 世 是 仙 是 佛
神 苑 鐫 無 二 超 人 寰 而 帝 而 天
Giác ngạn đăng hữu tam quan trần thế thị tiên thị Phật
Thần uyển lục vô nhị siêu nhân hoàn nhi đế nhi thiên
Vườn thần sách chép không hai, vượt nhân hoàn mà đề mà thiêu
Bến giác là lên có ba, thông trần thế là tiên là phật
(Chùa Láng, Hà Nội)

柴 嶺 響 傳 今 古 獨
蘇 江 派 引 水 天 長
Sài lĩnh hưởng truyền kim cổ độc
Tô giang phái dẫn thủy thiên trường
Dãy Sài tiếng truyền xưa nay một
Sông Tô mạch dẫn nước trời lâu

遺 容 萬 紀 聲 靈 瞻 者 敬
古 峒 千 秋 傳 記 仰 彌 高
Di dung vạn kỷ thanh linh chiêm giả kính
Cổ động thiên thu truyền kí ngưỡng di cao
Muôn thuở vẻ lưu, tiếng thiêng nhìn kính trọng
Ngàn năm động cũ, truyện chép ngửa cao vời.

鴛 鷺 列 朝 班 憂 愛 此 心 同 來 輔
河 山 隆 國 卷 恩 榮 與 世 永 承 休

Uyên lộ liệt triều ban ưu ái thử tâm đồng lai phụ
Hà sơn long quốc quyển ân vinh hoán thế vĩnh thừa hưu

Quan lại trải các triều ưu ái tâm này cùng đến giúp
Núi sông gom quốc thạnh nhiễu đời mãi nối công

青 山 不 默 千 秋 畫
流 水 無 絃 萬 古 琴

Thanh sơn bất mặc thiên thu họa
Lưu thủy vô huyền vạn cổ cầm

Núi xanh chẳng lấp nghìn thu họa
Nước chảy không dây vạn cổ cầm

古 寺 出 雲 山 有 意 人 來 敲 石 磬
禪 居 臨 水 畔 忘 機 龍 到 聽 金 經

Cổ tự xuất vân sơn hữu ý nhân lai xao thạch khánh
Thiền cư lâm thủy bạn vong cơ long đáo thính kim kinh

Chùa cổ giữa núi mây, người có ý đến lay khánh đá
Thiền ở bên khe suối, rồng quên tâm tới nghe kinh vàng

四 海 名 人 題 寺 古
一 山 風 物 媚 禪 深

Tứ hải danh nhân đề tự cổ
Nhất sơn phong vật mị thiền thâm

Danh nhân bốn biển ghi chùa cổ
Gió mây một núi đẹp thiền sâu

圓 滿 善 緣 聽 鐘 響 而 寶 珠 覺 悟
永 留 勝 跡 睹 碑 文 而 金 壁 增 輝

Viên mãn thiện duyên thính chung hưởng nhi thực thù giác ngộ
Vĩnh lưu thắng tích đổ bi văn nhi kim bích tăng huy

Duyên lành đầy đủ nghe tiếng chuông mà nhìn ra ngọc báu
Thắng tích mãi truyền, nhìn văn bia để thêm sáng tường vàng

萬 化 瑤 源 普 四 大 而 咸 歸 善 念
七 層 寶 塔 對 兩 兩 間 而 敷 錫 福 緣

Vạn hóa dao nguyên phổ tứ đại nhi hàm quy thiện niệm
Thất tầng bảo tháp đối vũ lưỡng gia nhi phu tích phúc duyên

Nguồn đẹp vạn loài khắp bốn châu thì quy về niệm thiện
Tháp báu bảy tầng giữa hai gian để phô bày phước duyên

片舟迷霧舉棹擊驚濤聲斷九天長唱
無生無我
喬木嶒巖拂雲窺皓月影浮空野誰知
即妄即眞

Phiến chu mê vụ cử trác kích kinh đào thanh đoạn cửu
thiên trường xướng vô sinh vô ngã
Kiều mộc tằng nham phất vân khuy hạo nguyệt ảnh phù không
dã thùy tri tức vọng tức chân

Thuyền nhỏ sương mờ, chống gậy khua chèo, tiếng sóng dứt chín trời, xướng mãi vô sanh vô ngã
Cây cao bên vực, vén mây nhìn rõ, ánh trăng giữa không trung, ai biết là giả là chân

翠竹黃花群霑法雨
長松細草普蔭慈風

Thúy trúc hoàng hoa quần triêm pháp vũ
Trường tùng tế thảo phổ ấm từ phong

Trúc biếc hoa vàng đượm nhuần mưa pháp
Tùng già cỏ mượt thấm gió từ bi

郁郁黃花無非般若
青青翠竹盡是眞如

Úc úc hoàng hoa vô phi bát nhã
Thanh thanh thúy trúc tận thị chân như

Hòa vàng rậm rà hết thảy đều bát nhã
Tre xanh tươi tốt tất cả là chân như

明月一壺清章曉
高風滿徑碧雲深

Minh nguyệt nhất hồ thanh chương hiểu
Cao phong mãn kính bích vân thâm

Trăng sáng một vầng trời xanh đẹp
Gió cao đầy lối ngợp mây xanh

HỌC TẬP
TỰ DƯỠNG



Câu đối ở tứ trụ Văn Miếu
(Hà Nội)
Ảnh: Vương Anh

義秉中天萬古綱常昭武烈
德輝南極千秋翰墨煥文光
Nghĩa bỉnh trung thiên vạn cổ cương thường chiêu vũ liệt;
Đức huy Nam cực thiên thu hàn mặc hoán văn quang.
Nghĩa vững trung thiên[1] muôn thuở cương thường soi gương võ;
Đức ngời Nam cực[2] nghìn thu hàn mặc sáng nền văn.

舉念時明明白白毋期了自己
到頭處是是非非曾放過誰人
Cử niệm thời, minh minh bạch bạch, vô kỳ liễu tự kỷ;
Đáo đầu xứ, thị thị phi phi, tằng phóng quá thuỳ nhân.
Nhớ lại khi xưa, tự mình minh minh bạch bạch, chẳng hề dối trá;
Khởi đầu nơi đến, ai người thị thị phi phi, từng mắc lỗi lầm.

善報惡報遲報速報終須有報
天知地知你知我知何謂無知
Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo, chung tu hữu báo;
Thiên tri, địa tri, nhĩ tri, ngã tri, hà vị vô tri.
Báo thiện, báo ác, báo chậm, báo nhanh, cuối cùng đều báo;
Tường thiên, tường địa, tường anh, tường tôi, không vật chẳng tường.

何必問吉凶或是或非你心本來明白
無庸少趨避爲善爲惡神明自有顯靈
Hà tất vấn cát hung, hoặc thị, hoặc phi, nhĩ tâm bản lai minh bạch;
Vô dung thiểu xu tỵ, vi thiện, vi ác, thần minh tự hữu hiển linh.
Sao phải hỏi việc lành, việc dữ, hoặc đúng hoặc sai, lòng anh đà minh bạch;
Không cần sao chạy đến, lẩn đi, làm thiện làm ác, thần minh đã sáng soi.

福照人間財大有
神遍宇宙利同人
Phúc chiếu nhân gian tài đại hữu;
Thần biến vũ trụ lợi đồng nhân.
Phúc chiếu nhân gian, tiền của càng lắm;
Thần khắp vũ trụ, lợi ích mọi người.

開人間之利路
掌天下之財源

---

[1] *Trung thiên:* Giữa trời.
[2] *Nam cực:* Ở phía Nam trái đất, cũng là tên một vì sao ở miền Nam cực.

Khai nhân gian chi lợi lộ;
Chưởng thiên hạ chi tài nguyên.
Đường lợi nhân gian công khai thác;
Tài nguyên thiên hạ đức nắm quyền.

四 方 通 大 道
千 里 報 佳 音
Tứ phương thông đại đạo;
Thiên lý báo giai âm.
Bốn phương thông đạo lớn;
Nghìn dặm báo tin vui.

惟 農 貽 景 福
以 德 裕 民 財
Duy nông di cảnh phúc;
Dĩ đức dụ dân tài.
Hạnh phúc có bởi chuộng nông;
Tiền tài dư do sùng đức.

沐 恩 財 晉 發
賴 德 利 豐 亨
Mộc ân tài tấn phát;
Lại đức lợi phong hanh.
Đội ơn tiền tài tấn phát;
Nhờ dức lợi ích phong hanh[1]

神 恩 敷 福 祉
天 庫 拱 財 源
Thần ân phu phúc chỉ;
Thiên khố củng tài nguyên.
Ơn thần phô phúc đức;
Kho trời chứa tài nguyên.

户 內 土 旺 人 從 旺
堂 中 神 安 宅 自 安
Hộ nội thổ vượng nhân tòng vượng;
Đường trung thần an trạch tự an.
Trong cửa thổ vượng, con người cũng vượng;
Giữa nhà thần an, đất ở tự an.

---

(1) *Phong hanh:* Được mùa, thuận lợi.

門 興 不 用 華 封 祝
土 旺 何 須 天 保 吟
Môn hưng bất dụng hoa phong chúc;
Thổ vượng hà tu thiên bảo ngâm.
Cửa hưng chẳng phải hoa phong chúc[1];
Đất vượng sao cần thiên bảo ngâm[2].

土 豐 恒 大 有
神 澤 益 家 人
Thổ phong hằng đại hữu;
Thần trạch ích gia nhân.
Đất lành hằng của lắm;
Thần ân lợi người thân.

地 興 和 爲 貴
土 旺 居 之 安
Địa hưng hoà vi quý;
Thổ vượng cư chi an.
Địa hưng hoà làm quý;
Thổ vượng ở được an.

神 錫 恩 波 流 第 宅
人 逢 瑞 氣 發 祥 光
Thần tích ân ba lưu đệ trạch;
Nhân phùng thụy khí phát tường quang.
Âm đức thần cho lưu đệ trạch[3];
Khí lành người gặp phát tường quang[4].

祀 先 祖 如 在 其 上
佑 後 人 煥 乎 維 新
Tự tiên tổ như tại kỳ thượng;
Hựu hậu nhân hoán hồ duy tân.
Thờ tiên tổ như kính tại thượng;
Giúp hậu nhân sáng bởi duy tân.

---

[1] *Hoa phong chúc:* Lời chúc tốt đẹp.
[2] *Thiên bảo ngâm:* Khúc ngâm quý như trời.
[3] *Đệ trạch:* Nhà ở của các quan xưa.
[4] *Tường quang:* Điềm tốt lành, sáng sủa.

金 爐 香 靄 添 春 色
銀 燭 花 開 映 歲 華
Kim lô hương ái thiêm xuân sắc;
Ngân chúc hoa khai ánh tuế hoa.
Lư vàng hương ngát thêm hương sắc;
Đuốc bạc hoa xoè ánh tuế hoa[1].

和 平 神 聽 宜 家 室
昌 熾 宗 功 蔭 子 孫
Hoà bình thần thính nghi gia thất;
Xương xí tông công ấm tử tôn.
An bình thần liệu nền gia thất;
Sáng rực tông huân ấm tử tôn.

香 馥 錦 堂 凝 瑞 氣
燭 明 金 屋 吐 祥 光
Hương phức cẩm đường ngưng thụy khí;
Chúc minh kim ốc thổ tường quang.
Hương ngát cẩm đường ngưng khí tốt;
Đuốc ngời kim ốc toả điềm lành.

瑞 氣 與 爐 煙 共 靄
祥 光 和 燈 影 交 輝
Thụy khí dữ lô yên cộng ái;
Tường quang hoà đăng ảnh giao huy.
Khí tốt với khói hương hoà nhã;
Điềm lành cùng đèn nến giao huy.

百 代 孝 思 深 仰 止
萬 年 支 派 衍 長 流
Bách đại hiếu tư thâm ngưỡng chỉ;
Vạn niên chi phái diễn trường lưu.
Bách thế hiếu tư hằng ngưỡng mộ;
Vạn niên chi phái diễn trường lưu.

煙 生 香 裡 祥 雲 合
花 發 庭 前 瑞 氣 明
Yên sinh hương lý tường vân hợp;
Hoa phát đình tiền thụy khí minh.

---

(1) ***Tuế hoa***: Năm đẹp tốt.

Sinh khói trong hương mây lành hợp;
Phát hoa trước sảnh khí tốt phô.

明 燈 彩 映 祥 煙 靄
寶 鼎 香 浮 瑞 氣 融
Minh đăng thái ánh tường yên ái;
Bảo đỉnh hương phù thuỵ khí dung.
Đèn sáng ánh mầu điểm khói nhã;
Đỉnh trầm hương quyện khí lành bay.

香 煙 高 篆 祥 和 氣
燈 焰 常 流 積 厚 光
Hương yên cao triện tường hoà khí;
Đăng diệm thường lưu tích hậu quang.
Khói hương cao quyện điềm hoà khí;
Đèn nến hằng lưu vẻ hậu quang.

明 德 馨 香 來 格 享
聲 靈 赫 濯 睹 規 模
Minh đức hinh hương lai cách hưởng;
Thanh linh hách trạc đổ quy mô.
Đức sáng hương thơm trưng cách hưởng;
Tiếng linh vượt trội nếp quy mô.

水 木 本 源 思 祖 德
乾 坤 久 大 頌 宗 功
Thuỷ mộc bản nguyên tư tổ đức;
Càn khôn cửu đại tụng tông công.
Cây gốc nước nguồn ơn tổ đức;
Đất bền trời rộng ngợi tông công.

舉 目 思 祖 宗 功 德
存 心 爲 孝 子 賢 孫
Cử mục tư tổ tông công đức;
Tồn tâm vi hiếu tử hiền tôn.
Ngước mắt nhớ tổ tông công đức;
Ghi lòng làm hiếu tử hiền tôn.

燈 焰 光 輝 呈 瑞 色
香 煙 盤 結 繞 祥 雲

Đăng diệm quang huy trình thuỵ sắc;
Hương yên bàn kết nhiễu tường vân.
Đèn nến huy hoàng phô sắc quý;
Khói hương bàn kết quyện mây lành.

寶 鼎 香 煙 騰 紫 氣
銀 臺 燭 影 耀 紅 光

Bảo đỉnh hương yên đằng tử khí;
Ngân đài chúc ảnh diệu hồng quang.
Đỉnh quý khói hương bay khí tía;
Đài ngân ảnh nến vút tia hồng.

富 貴 花 開 金 盞 碧
平 安 字 篆 玉 爐 紅

Phú quý hoa khai kim trản bích;
Bình an tự triện ngọc lô hồng.
Phú quý nở hoa nâng chén biếc;
Bình an khắc chữ rực lô hồng.

香 呈 寶 鼎 時 招 福
燈 結 珠 花 日 進 財

Hương trình bảo đỉnh thời chiêu phúc;
Đăng kết châu hoa nhật tiến tài.
Hương phô đỉnh quý thời chiêu phúc;
Đèn kết hoa châu buổi tiến tài.

金 爐 永 駐 千 年 篆
玉 盞 長 開 四 季 花

Kim lô vĩnh trú thiên niên triện;
Ngọc trản trường khai tứ quý hoa.
Lò vàng lưu mãi ngàn năm tạc;
Chén ngọc mở dài bốn quý hoa.

福 田 宗 祖 種
心 地 子 孫 耕

Phúc điền tông tổ chủng;
Tâm địa tử tôn canh.
Tông tổ gieo trồng nền điền phúc;
Cháu con canh tác nếp viên tâm.

駿 烈 追 先 代
鴻 庥 啓 後 人

Tuấn liệt truy tiên đại;
Hồng hưu khải hậu nhân.
Ngựa tốt khôn truy công tiên tổ;
Chim hồng đặng giúp phúc hậu nhân.

人心若路直行好
世事如棋寬著高
Nhân tâm nhược lộ trực hành hảo;
Thế sự như kì khoan trước cao.
Lòng người tựa lộ thẳng là tốt;
Việc thế như cờ nhàn ấy cao.

天地間勤儉最貴
家庭中教愛爲先
Thiên địa gian cần kiệm tối quý;
Gia đình trung giáo ái vi tiên.
Giữa đất trời, cần kiệm quý nhất;
Trong gia đình dạy mến là đầu.

世事滄桑心事定
腦中海岳夢中飛
Thế sự thương tang tâm sự định;
Não trung hải nhạc mộng trung phi.
Thế sự đổi thay tâm sự vững;
Trong lòng chắc chắn trong mơ bay.
(Lương Khải Siêu)

時御天風跨鸞鳳
或入碧海擊鯨魚
Thời ngự thiên phong khỏa loan phượng;
Hoặc nhập bích hải kích kình ngư.
Khi cưỡi gió trời đua loan phượng;
Hoặc nhập bích hải chế kình ngư.

偶然風雨惊花落
再上樓臺待月明
Ngẫu nhiên phong vũ kinh hoa lạc;
Tái thượng lâu đài đãi nguyệt minh.
Ngẫu nhiên mưa gió kinh hoa rụng;
Lại đến lầu cao đợi trăng lên.
(Lâm Tắc Từ)

祥 雲 浮 紫 閣
瑞 氣 繞 朱 門
Tường vân phù tử các
Thụy khí nhiễu chu môn
Mây lành nổi trên gác tía
Khí tốt tỏa quanh cửa son

孝 敬 通 宗 祖
禎 祥 集 子 孫
Hiếu kinh thông tông tổ
Trinh tường tập tử tôn
Hiếu kinh thấu lên tông tổ
Điềm lành họp lại tử tôn

石 徑 有 塵 風 自 掃
禪 閂 無 鎖 月 常 來
Thạch kính hữu trần phong tự tảo
Thiền môn vô tỏa nguyệt thường lai
Lối đá bụi vương, gió tự quét;
Cửa thiền không khóa trăng thường soi

鍾 帶 潮 音 騰 佛 座
月 同 僧 眼 照 天 心
Chung đới triều âm đằng Phật tọa
Nguyệt đồng tăng nhãn chiếu thiên tâm
Chuông gió triều âm vương bệ Phật
Nguyệt cùng tăng nhãn chiếu lòng trời

山 鳥 有 情 尊 佛 偈
林 花 無 語 解 禪 機
Sơn điểu hữu tình tôn Phật kệ
Lâm hoa vô ngữ giải thiền cơ
Chim núi có tình tôn kệ Phật (Bài kệ về đức Phật)
Hoa rừng không ngữ giải cơ thiền (Lay động nơi cửa Phật)

禪 室 從 來 雲 外 賞
香 臺 豈 是 世 中 情
Thiền thất tòng lai vân ngoại thưởng;
Hương đài khải thị thế trung tình.
Thiền thất xưa nay vân ngoại thưởng;
Hương đài há phải thế trung tình.

白 雲 歸 洞 口
明 月 照 禪 心
Bạch vân quy động khẩu;
Minh nguyệt chiếu thiền tâm.
Mây trắng về cửa động;
Trăng thanh chiếu lòng thiền.

雁 塔 風 霜 古
禪 房 花 木 深
Nhạn tháp phong sương cổ;
Thiền phòng hoa mộc thâm.
Nhạn tháp vẫn như xưa sương gió;
Phòng thiền sâu thẳm ẩn mộc hoa.

靜 聞 魚 讀 月
笑 對 鳥 談 天
Tĩnh văn ngư độc nguyệt;
Tiếu đối điểu đàm thiên.
Lặng nghe cá độc nguyệt;
Cười ngắm chim đàm thiên.

眼 前 色 相 皆 成 幻
曲 裡 歌 聲 不 厭 新
Nhãn tiền sắc tướng giai thành ảo;
Khúc lý ca thanh bất yếm tân.
Nhãn tiền sắc tướng đều thành ảo;
Trong khúc ca thanh chẳng yếm tân (Không chán cái mới).

還 將 舊 事 從 新 演
聊 借 今 人 當 古 觀
Hoàn tương cựu sự tòng tân diễn;
Liêu tá kim nhân đương cổ quan.
Lại đem việc cũ làm tân diễn (Trò diễn mới);
Hãy mượn người nay đọ cổ quan (Nhìn nhận người xưa).

九 天 韶 樂 飄 寒 月
一 曲 清 簫 凌 紫 煙
Cửu thiên thiều nhạc phiêu hàn nguyệt;
Nhất khúc thanh tiêu lăng tử yên.
Chín tầng thiều nhạc đưa trăng lạnh;
Một khúc thanh tiêu vượt khói mây.

一 聲 唱 盡 秋 江 月
萬 舞 齊 開 玉 樹 花
Nhất thanh xướng tận thu giang nguyệt;
Vạn vũ tề khai ngọc thụ hoa.
Một câu xướng tận sông thu nguyệt;
Muôn điệu đều tan ngọc thụ hoa.

世 事 渾 如 戲
人 情 莫 認 眞
Thế sự hồn như hý;
Nhân tình mạc nhận chân.
Sự thế đục như tuồng du hý;
Tình người chẳng nhận được thực chân.

就 此 一 人 身 做 盡 許 多 富 貴 貧 賤 都 是
電 光 石 火
任 他 三 疊 曲 唱 來 無 限 悲 歡 離 合 莫 非
海 市 蜃 樓
Tựu thử, nhất nhân thân, tố tận hứa đa phú quý bần tiện,
đô thị điện quang thạch hoả;
Nhậm tha tam điệp khúc, xướng lai vô hạn bi hoan ly hợp,
mạc phi hải thị thận lâu.
Cứ một nhân thân này, gắng sức rất nhiều cho phú quý nghèo hèn,
đều là chớp lòe xác pháo;
Mặc ba điệp khúc ấy, hát mãi không thôi bởi buồn vui ly hợp,
tránh đâu lầu cát chợ trời.

或 笑 或 啼 眞 面 目
爲 歌 爲 舞 改 聲 容
Hoặc tiếu hoặc đề chân diện mục;
Vi ca vi vũ cải thanh dung.
Hoặc khóc hoặc cười rõ ràng diện mục;
Khi ca khi múa thay đổi thanh dung.

百 世 衣 冠 長 濟 美
千 年 山 水 永 朝 宗
Bách thế y quan trường tế mỹ;
Thiên niên sơn thuỷ vĩnh triều tông.
Áo mũ trăm đời bền mỹ cảnh;
Nước non nghìn thuở vững tông đường.

宗 祖 千 秋 長 祀 典
兒 孫 萬 古 紹 書 香
Tông tổ thiên thu trường tự điển;
Nhi tôn vạn cổ thiệu thư hương.
Tông tổ nghìn thu dài tự điển (Phép tắc thờ cúng);
Cháu con vạn thuở nối thư hương (Nề nếp con cháu nhà có học).

嚴 若 思 孝 孫 有 慶
祭 如 在 明 德 惟 馨
Nghiêm nhược tư hiếu tôn hữu khánh;
Tế như tại minh đức duy hinh.
Nghiêm cẩn truy tư cháu hiền mừng phúc;
Cúng thờ như tại đức sáng ngát hương.

萬 古 斯 文 存 正 脈
千 秋 心 法 啓 宗 傳
Vạn cổ tư văn tồn chính mạch;
Thiên thu tâm pháp khải tông truyền.
Muôn thuở tư văn[1] lưu chính mạch;
Nghìn thu tâm pháp[2] mở tông truyền (Truyền thống của tổ tông).

百 代 孝 慈 高 仰 止
萬 年 支 派 永 流 通
Bách đại hiếu từ cao ngưỡng chỉ;
Vạn niên chi phái vĩnh lưu thông.
Trăm đời từ hiếu cao ngưỡng vọng;
Muôn thuở phái chi mãi lưu truyền.

盈 門 吉 慶 家 聲 遠
滿 室 榮 華 世 澤 長
Doanh môn cát khánh gia thanh viễn;
Mãn thất vinh hoa thế trạch trường.
Phúc đức đầy nhà gia thanh còn mãi;
Vinh hoa ngập cửa thế trạch dài lâu.

堂 寢 宏 開 昭 祖 德
簪 纓 繼 美 壯 家 聲

---

(1) *Tư văn:* Lễ nhạc, chế độ của thánh nhân xưa truyền lại.
(2) *Tâm pháp:* Các phương pháp tâm đắc của thầy trò truyền cho nhau.

Đường tẩm hoằng khai chiêu tổ đức;
Trâm anh kế mỹ tráng gia thanh.
Đường tẩm hoằng khai ngời tổ đức;
Trâm anh kế mỹ đẹp gia thanh.

玉 樹 芳 蘭 承 俎 豆
金 蟬 紫 誥 答 蒸 嘗

Ngọc thụ phương lan thừa trở đậu;
Kim thiền tử cáo đáp chưng thường.
Cây ngọc hương lan thừa trở đậu[1];
Ve vàng lời quý đáp chưng thường[2].

俎 豆 衣 冠 宗 功 衍 慶
詩 書 禮 樂 世 澤 流 徽

Trở đậu y quan tông công diễn khánh;
Thi thư lễ nhạc thế trạch lưu huy.
Lễ vật y quan, công đức tổ tông còn dài phúc;
Thi thư lễ nhạc ân tình thế trạch mãi đẹp danh.

禮 樂 繩 其 祖 武
詩 書 貽 厥 孫 謀

Lễ nhạc thằng kỳ tổ vũ;
Thi thư di quyết tôn mưu.
Uy vũ tổ tông truyền lễ nhạc;
Quyền mưu con cháu nối thi thư.

且 喜 先 人 傳 舊 業
還 期 後 裔 煥 新 猷

Thả hỷ tiên nhân truyền cựu nghiệp;
Hoàn kỳ hậu duệ hoán tân du.
Vừa vui người trước truyền nghiệp cũ;
Lại ngóng kẻ sau nối chí nay.

門 楣 增 彩 源 流 遠
堂 構 重 輝 俎 豆 新

Môn my tăng thái nguyên lưu viễn;
Đường cấu trùng huy trở đậu tân.
Gia thế tươi thêm nguồn chảy cũ;
Từ đường sáng lại lễ nghi nay.

---

[1] *Trở đậu:* Đồ cúng tế.
[2] *Chưng thường:* Nấu, mếm để điều canh.

富潤琴書成五色
貴連蘭玉映三台
Phú nhuận cầm thư thành ngũ sắc;
Quý liên lan ngọc ánh tam thai.
Giầu thắm cầm thư thành ngũ sắc[1]
Sang liền lan ngọc ánh tam thai[2].

江山聚秀歸新宅
奎壁聯輝映畫堂
Giang sơn tụ tú quy tân trạch;
Khuê bích liên huy ánh hoạ đường.
Giang sơn tụ khí về tân trạch[3];
Khuê bích liên màu ánh hoạ đường.

甲第鼎新容駟馬
華堂鍾秀起文人
Giáp đệ đỉnh tân dung tứ mã;
Hoa đường chung tú khởi văn nhân.
Khoa giáp cách tân dung tứ mã;
Hoa đường chung đúc khởi văn nhân.

堂開麗日金鶯轉
簾捲春風玉燕來
Đường khai lệ nhật kim oanh chuyển;
Liêm quyển xuân phong ngọc yến lai.
Ngày vui nhà mở oanh vàng chuyển;
Gió thoảng rèm lay yến ngọc về.

閣上金龍騰紫氣
堂前彩鳳映丹霞
Các thượng kim long đằng tử khí;
Đường tiền thái phượng ánh đan hà.
Rồng vàng trên gác vươn sắc tía;
Phượng ngọc trước nhà ánh ráng hồng.

堂構宏開綿世德
規模丕振啓人文

---

[1] *Ngũ sắc:* Năm màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.
[2] *Tam thai:* Như "tam công" là ba chức quan: Thái sư, Thái phó. Thái bảo.
[3] *Tân trạch:* Khu đất ở mới.

Đường cấu hoằng khai miên thế đức;
Quy mô phi chấn khải nhân văn.
Đường thất lớn lao dài thế đức;
Quy mô phấn phát mở nhân văn.

地 脈 靈 鍾 開 駿 業
人 文 蔚 起 展 鴻 才
Địa mạch linh chung khai tuấn nghiệp;
Nhân văn uất khởi triển hồng tài.
Địa mạch kết tinh khai nghiệp lớn;
Văn nhân khởi phát dấy tài cao.

瑤 陛 蘭 桂 書 香 遠
錦 座 椿 萱 世 澤 長
Dao bệ lan quế thư hương viễn;
Cẩm toà xuân huyên thế trạch trường.
Lan quế thềm dao thư hương tiếp;
Xuân huyên toà gấm thế trạch dài.

華 堂 晝 永 書 香 藹
喬 木 春 深 守 澤 多
Hoa đường hoạ vĩnh thư hương ái;
Kiều mộc xuân thâm thủ trạch đa.
Nhà lan đỉnh vững thư hương nhã;
Cây cả xuân tươi phúc trạch nhiều.

玉 樹 琪 花 香 作 錦
水 光 山 色 翠 連 雲
Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm;
Thuỷ quang sơn sắc thuý liên vân.
Cây ngọc hoa vàng hương làm gấm;
Nước trong núi biếc sắc liền mây.

日 月 光 華 臨 畫 棟
山 河 環 繞 映 樓 臺
Nhật nguyệt quang hoa lâm hoạ đống;
Sơn hà hoàn nhiễu ánh lâu đài.
Nhật nguyệt bừng tươi soi cột vẽ;
Sơn hà vây bọc ánh lâu đài.

今 朝 喜 卜 親 仁 里
異 日 重 開 書 錦 堂

Kim triêu hỉ bốc thân nhân lý;
Dị nhật trùng khai thư cẩm đường.
Sáng nay mừng gặp người thân nơi xóm tốt;
Ngày khác lại xem sách quý chốn cẩm đường.

高 大 門 閭 美 輪 美 奐
綿 延 世 澤 丕 顯 丕 承
Cao đại môn lư mỹ luân mỹ hoán;
Miên diên thế trạch phi hiển phi thừa.
Cao lớn môn lư đẹp tươi hoán cải;
Lâu dài gia thế rực rỡ kế thừa.

開 百 世 鴻 圖 龍 蟠 虎 踞
啓 千 秋 大 廈 鳳 起 蛟 騰
Khai bách thế hồng đồ long bàn hổ cứ;
Khải thiên thu đại hạ phượng khởi giao đằng.
Khai bách thế hồng đồ hổ ngồi rồng cuộn;
Mở thiên thu đại hạ giao rượt phượng bay.

虎 踞 龍 蟠 已 得 山 川 勝 聚
蘭 馨 桂 馥 將 舒 宇 宙 英 華
Hổ cứ long bàn dĩ đắc sơn xuyên thắng tụ;
Lan hinh quế phức tương thư vũ trụ anh hoa.
Rồng cuộn hổ ngồi đã được núi sông hội tụ;
Quế thơm lan ngát sẽ làm vũ trụ tươi hoa.

燕 翼 詒 謀 水 繞 山 環 新 第 宅
鴻 規 創 立 父 慈 子 孝 舊 家 聲
Yến dực di mưu thuỷ nhiễu sơn hoàn tân đệ trạch;
Hồng quy sáng lập phụ từ tử hiếu cựu gia thanh.
Yến đẹp nếp nhà, nước lượn núi vòng, tân đệ trạch;
Hồng so gươm sáng, cha hiền con hiếu, cựu thế gia.

書 錦 輝 煌 畫 棟 連 雲 迎 瑞 氣
春 暉 香 靄 華 堂 映 日 繞 祥 雲
Thư cẩm huy hoàng, hoạ đống liên vân, nghinh thụy khí;
Xuân huy hương ái, hoa đường ánh nhật, nhiễu tường vân.
Thư gấm huy hoàng, cơ nghiệp liền mây nghênh khí tốt;
Xuân tươi hương nhã, từ đường chiếu sáng quyện mây lành.

漫 道 新 居 仍 舊 址
聊 期 後 裔 振 前 徽
Mạn đạo tân cư nhưng cựu chỉ;
Liêu kỳ hậu duệ chấn tiền huy.
Nền cũ gia tân tràn đạo lý;
Sáng ngời hậu duệ hẹn niên kỳ.

萬 卷 古 今 消 永 日
一 窗 昏 曉 送 流 年
Vạn quyển cổ kim tiêu vĩnh nhật;
Nhất song hôn hiểu tống lưu niên.
Vạn quyển xưa nay ngày mải đọc;
Một song mờ tỏ tiễn năm qua.

書 從 疑 處 翻 成 悟
文 到 窮 時 自 有 神
Thư tòng nghi xứ phiên thành ngộ;
Văn đáo cùng thời tự hữu thần.
Sách có biết ngờ rồi sẽ hiểu;
Văn đến lúc cùng mới có thần.

天 然 文 吐 春 雲 潤
悟 后 心 如 秋 月 高
Thiên nhiên văn thổ xuân vân nhuận;
Ngộ hậu tâm như thu nguyệt cao.
Thiên nhiên văn đượm mây xuân đậm;
Giác ngộ lòng như trăng thu cao.

師 友 肯 臨 容 膝 地
儿 孫 莫 負 等 身 書
Sư hữu khẳng lâm dung tất địa;
Nhi tôn mạc phụ đẳng thân thư.
Thầy bạn những mong hầu dưới gối;
Cháu con chớ phụ sách ngày thơ.

書 到 用 時 方 恨 少
事 非 經 過 不 知 難
Thư đáo dụng thời phương hận thiểu;
Sự phi kinh quá bất tri nan.
Sách đến lúc dùng hiềm ít đọc;
Việc chưa từng trải khó không hay.

術 業 宜 從 勤 學 起
韶 華 不 爲 少 年 留
Thuật nghiệp nghi tòng cần học khởi;
Thiều hoa bất vị thiếu niên lưu.
Sự nghiệp bắt đầu từ gắng học;
Tuổi xanh đi mất có chờ ai.

黑 發 不 知 勤 學 早
白 頭 方 悔 讀 書 遲
Hắc phát bất tri cần học tảo;
Bạch đầu phương hối độc thư trì.
Tóc xanh chẳng biết chăm học sớm;
Bạc đầu mới hối sách buông trôi.

書 山 有 路 勤 爲 徑
學 海 無 涯 苦 作 舟
Thư sơn hữu lộ cần vi kính;
Học hải vô nhai khổ tác chu.
Núi sách có đường, chăm dọn lối;
Biển học không bờ, gắng làm thuyền.

堂 構 重 光 長 積 慶
奐 輪 繼 美 遠 鍾 靈
Đường cấu trùng quang trường tích khánh;
Hoán luân kế mỹ viễn chung linh.
Sửa chữa sáng thêm nơi tích phúc;
Đổi thay đẹp mãi chốn chung linh[1].

山 水 朝 宗 依 舊 日
門 堂 集 瑞 靄 新 居
Sơn thuỷ triều tông y cựu nhật;
Môn đường tập thụy ái tân cư.
Non nước triều tông y ngày trước;
Cửa nhà tập phúc nhã tân cư.

書 棟 倚 雲 光 舊 業
華 堂 映 日 耀 新 居
Thư đống ỷ vân quang cựu nghiệp;
Hoa đường ánh nhật diệu tân cư.

---

[1] ***Chốn chung linh***: Nơi thờ cúng linh thiêng.

Nhà sách dựa mây quang cựu nghiệp;
Từ đường chiếu sáng diệu tân cư.

舊 裔 雲 仍 垂 燕 翼
新 居 奕 葉 壯 鴻 圖

Cựu duệ vân nhưng thuỳ yến dực;
Tân cư dịch diệp tráng hồng đồ.

Hậu duệ phúc mây trùm yến dực[1];
Tân cư đời đổi sáng hồng đồ[2].

樑 棟 維 新 家 聲 丕 振
奐 輪 依 舊 世 澤 流 芳

Lương đống duy tân gia thanh phi chấn;
Hoán luân y cựu thế trạch lưu phương.

Rường cột duy tân gia thanh hưng chấn;
Đổi thay y cựu thế trạch lưu hương.

鶯 遷 華 屋 安 仁 里
燕 賀 新 居 洽 德 鄰

Oanh thiên hoa ốc an nhân lý;
Yến hạ tân cư hiệp đức lân.

Oanh dời nhà đẹp yên làng tốt;
Yến chúc tân gia xóm giềng hay.

滿 座 珠 璣 光 舊 署
幾 車 書 藉 重 新 遷

Mãn toạ châu cơ quang cựu thự;
Kỷ xa thư tạ trọng tân thiên.

Một nếp ngọc đường ngời cảnh cũ;
Mấy xe sách vở trọng dời thay.

日 映 陛 前 森 玉 樹
鶯 遷 堂 上 茁 蘭 芽

Nhật ánh bệ tiền sâm ngọc thụ;
Oanh thiên đường thượng truật lan nha.

Nắng ánh trước thềm rừng cây ngọc;
Oanh dời trên mái nẩy mầm lan.

---

[1] *Yến dực:* Cánh chim yến. Ý nói nơi có phúc đức.
[2] *Hồng đồ:* Kế hoạch lớn lao.

龍 門 舊 列 金 章 貴
鶯 谷 新 遷 喬 木 高
Long môn cựu liệt kim chương quý;
Oanh cốc tân thiên kiều mộc cao.
Long môn lệ cũ văn chương quý;
Oanh cốc đổi thay kiều mộc cao.

魚 耀 龍 門 三 汲 浪
鶯 遷 花 報 一 枝 春
Ngư diệu long môn tam cấp lãng;
Oanh thiên hoa báo nhất chi xuân.
Cá vượt cửa rồng ba lần sóng;
Oanh dời hoa báo một cành xuân.

夏 屋 新 遷 鶯 出 谷
春 臺 彩 煥 鳳 棲 梧
Hạ ốc tân thiên oanh xuất cốc;
Xuân đài thái hoán phượng thê ngô.
Hạ ốc đổi dời oanh khởi tổ;
Xuân đài đẹp vẻ phượng cành ngô.

勝 地 卜 新 居 此 日 華 堂 來 燕 賀
遷 喬 仍 舊 里 他 年 泮 水 應 蛟 騰
Thắng địa bốc tân cư, thử nhật hoa đường lai yến hạ;
Thiên kiều nhưng cựu lý, tha niên phán thủy ứng giao đằng.
Thắng địa chọn tân cư, ngày nọ hoa đường khoe yến chúc[1];
Thiên kiều nguyên cựu lý, năm kia ao nước ứng giao đằng[2].

筆 動 惊 寒 月
琴 鳴 送 夕 陽
Bút động kinh hàn nguyệt;
Cầm minh tống tịch dương.
Động bút kinh trăng lạnh;
Gảy đàn tiễn chiều tà.

修 業 勤 爲 貴
行 文 意 必 高

---

[1] *Yến chúc:* Chim yến chúc tụng.
[2] *Giao đằng:* Giao long nhẩy vọt lên. Ý nói thời thái bình thịnh trị.

Tu nghiệp cần vi quý;
Hành văn ý tất cao.
Tu nghiệp chăm là quý;
Hành văn ý phải cao.

墨落蛇爭舞
詩成鳥放歌
Mặc lạc xà tranh vũ;
Thi thành điểu phóng ca.
Mực rớt rắn tranh múa;
Thơ thành chim hót ca.

讀書必提要
處事在通情
Độc thư tất đề yếu;
Xử sự tại thông tình.
Đọc sách nắm thiết yếu;
Xử sự phải thông tình.

學貫天人際
名爭日月光
Học quán thiên nhân tế;
Danh tranh nhật nguyệt quang.
Học phân rõ trời người;
Tên sáng cùng nhật nguyệt.

著書惊日短
舞墨伴星稀
Trước thư kinh nhật đoản;
Vũ mặc bạn tinh hy.
Viết sách sợ ngày ngắn;
Múa bút bạn sao khuya.

筆存金石气
墨有屋漏痕
Bút tồn kim thạch khí;
Mặc hữu ốc lậu ngân.
But còn hơi vàng đá;
Mực có vết nước dột.

破壁群龍舞
臨池玉鳳飛

Phá bích quần long vũ;
Lâm trì ngọc phượng phi.
Phá vách bầy rồng múa;
Đến ao ngọc phượng bay.

靜 聞 魚 讀 月
笑 對 鳥 談 天
Tĩnh văn ngư độc nguyệt;
Tiếu đối điểu đàm thiên.
Tĩnh nghe cá đọc trăng;
Cười trước chim chuyện vãn

槐 門 舊 蔭 豐 根 本
芝 誥 新 恩 貴 壤 泉
Hòe môn cựu ấm phong căn bản;
Chi cáo tân ân bí nhưỡng tuyền.
Sân hòe bóng cũ nhờ gốc vững;
Sắc điệp ân nay thắm cam tuyền.

安 貧 忘 歲 月
救 拙 賴 詩 書
An bần vong tuế nguyệt;
Cứu chuyết lại thi thư.
Yên nghèo quên năm tháng;
Chữa vụng nhờ học hành.

杜 門 閑 客 散
開 卷 古 人 來
Đỗ môn nhàn khách tán;
Khai quyển cổ nhân lai.
Đóng cửa khách rỗi ít;
Mở sách người xưa về.

看 劍 豪 生 膽
讀 書 香 到 心
Khán kiếm hào sinh đảm;
Độc thư hương đáo tâm.
Ngắm kiếm sinh can đảm;
Đọc sách hương vào lòng.

吟 哦 出 新 意
坦 率 見 眞 情
Ngân nga xuất tân ý;
Thản suất kiến chân tình.
Ngâm nga nảy ý mới;
Thản nhiên thấy chân tình.

星 稀 長 練 劍
夜 半 每 觀 書
Tinh hy trường luyện kiếm;
Dạ bán mỗi quan thư.
Sao thưa mê luyện kiếm;
Đêm khuya mở sách xem.

筆 端 通 造 化
意 表 出 雲 霞
Bút đoan thông tạo hoá;
Ý biểu xuất vân hà.
Ngọn bút thông tạo hoá;
Ý tứ vượt ráng mây.

翰 墨 惊 天 地
詩 書 通 古 今
Hàn mặc kinh thiên địa;
Thi thư thông cổ kim.
Bút mực kinh trời đất;
Sách vở thông xưa nay.

潤 豪 看 鳳 舞
和 墨 化 龍 飛
Nhuận hào khán phượng vũ;
Hoà mặc hoá long phi.
Bút hoạt như phượng múa;
Mực trơn hoá rồng bay.

有 書 堆 滿 案
惟 德 自 成 鄰
Hữu thư đôi mãn án;
Duy đức tự thành lân.
Có sách chất đầy án;
Duy đức là xóm giềng.

落 筆 撼 山 岳
成 詩 凌 碧 霄
Lạc bút hám sơn nhạc;
Thành thi lăng bích tiêu.
Xuống bút động núi cao;
Thơ thành lấn mây biếc.

詩 從 肺 腑 出
心 與 水 月 清
Thi tòng phế phủ xuất;
Tâm dữ thuỷ nguyệt thanh.
Thơ từ gan ruột ra;
Lòng với trăng nước sáng.

山 光 清 眼 界
書 味 潤 心 田
Sơn quang thanh nhãn giới;
Thư vị nhuận tâm điền.
Núi quang tầm mắt rộng;
Mùi sách nhuận trong lòng.

忠 厚 傳 家 久
詩 書 繼 世 長
Trung hậu truyền gia cửu;
Thi thư kế thế trường.
Trung hậu nhà truyền mãi;
Thi thư đời nối đời.

立 德 齊 今 古
藏 書 教 子 孫
Lập đức tề kim cổ;
Tàng thư giáo tử tôn.
Lập đức đều xưa nay;
Giữ sách dạy con cháu.

慧 眼 游 書 海
平 心 論 古 人
Tuệ nhãn du thư hải;
Bình tâm luận cổ nhân.
Mắt tuệ dạo biển sách;
Bình tâm bàn người xưa.

苦讀千年史
笑吟万家詩
Khổ độc thiên niên sử;
Tiếu ngâm vạn gia thi.
Khổ đọc sử ngàn năm;
Cười ngâm thơ vạn nhà.

詩思偏宜夜
衰鬢更耐秋
Thi tứ thiên nghi dạ;
Suy mấn cánh nại thu.
Tứ thơ thường về tối;
Tóc bạc đổi thu bền.

終身爭一息
每事學三思
Chung thân tranh nhất tức;
Mỗi sự học tam tư.
Trọn đời giành từng phút;
Việc học nghĩ ba lần.

詩無入俗句
胸有濟世心
Thi vô nhập tục cú;
Hung hữu tế thế tâm.
Thơ không dùng câu tục;
Bụng có nghĩ giúp đời.

無言先立意
未嘯已生風
Vô ngôn tiên lập ý;
Vị khiếu dĩ sinh phong.
Chưa nói ý trước lập;
Chưa gọi gió đã sinh.

略翻書數則
便不愧三餐
Lược phiên thư sổ tắc;
Tiện bất quý tam xan.
Lược xem sách vài lần;
Không thẹn ăn ba bữa.

飽 覽 古 今 事
淺 識 南 北 情
Bão lãm cổ kim sự;
Thiển thức nam bắc tình.
Xem nhiều việc xưa nay;
Biết ít chuyện nam bắc.

水 墨 開 奇 境
絲 桐 發 妙 香
Thuỷ mặc khai kỳ cảnh;
Ty đồng phát diệu hương.
Thuỷ mặc vẽ cảnh lạ;
Tơ đồng toả hương thơm.

胸 中 藏 宇 宙
筆 下 走 風 雷
Hung trung tàng vũ trụ;
Bút hạ tẩu phong lôi.
Trong bụng chứa vũ trụ;
Hạ bút nổi phong lôi.

雲 山 起 翰 墨
星 斗 煥 文 章
Vân sơn khởi hàn mặc;
Tinh đẩu hoán văn chương.
Non mây gợi bút mực;
Sao đẩu rạng văn chương.

夜 眠 人 靜 后
早 起 鳥 啼 先
Dạ miên nhân tĩnh hậu;
Tảo khởi điểu đề tiên.
Tối ngủ sau người tĩnh;
Sớm dậy trước chim kêu.

醉 歌 田 舍 酒
笑 讀 古 人 書
Túy ca điền xá tửu;
Tiếu độc cổ nhân thư.
Rượu thôn dã say ca;
Sách người xưa cười đọc.

筆 墨 增 情 趣
風 雪 煉 精 神
Bút mặc tăng tình thú;
Phong tuyết luyện tinh thần.
Bút mực tăng hứng thú;
Gió tuyết luyện tinh thần.

夜 靜 磨 殘 月
吟 余 墜 落 花
Dạ tĩnh ma tàn nguyệt;
Ngâm dư truỵ lạc hoa.
Đêm tĩnh mài tàn nguyệt;
Ngâm xong rơi rụng hoa.

雨 過 琴 書 潤
風 來 翰 墨 香
Vũ quá cầm thư nhuận;
Phong lai hàn mặc hương.
Mưa tạnh sách đàn nhuần;
Gió về thơm bút mực.

吟 竹 詩 含 翠
畫 梅 筆 帶 香
Ngâm trúc thi hàm thuý;
Hoạ mai bút đới hương.
Ngâm thơ trúc ngậm biếc;
Bút vẽ mai có hương.

文 章 千 古 事
風 雨 十 年 人
Văn chương thiên cổ sự;
Phong vũ thập niên nhân.
Chuyện ngàn đời văn chương;
Người mười năm mưa gió.

典 故 探 奧 旨
詩 書 挹 余 波
Điển cố thám áo chỉ;
Thi thư ấp dư ba.
Điển tích ý sâu xa;
Thi thư làn sóng gợn.

放 眼 窮 天 地
挑 燈 挹 古 今
Phóng nhãn cùng thiên địa;
Khiêu đăng ấp cổ kim.
Đưa mắt khắp trời đất;
Khêu đèn nhớ cổ kim.

拙 光 勤 問 古
敲 竹 苦 吟 詩
Chuyết quang cần vấn cổ;
Xao trúc khổ ngâm thi.
Chưa rõ cần hỏi cổ;
Lay trúc gắng ngâm thơ.

苦 心 追 妙 句
禿 筆 寫 新 詩
Khổ tâm truy diệu cú;
Thốc bút tả tân thi.
Nhọc lòng tìm câu hay;
Cùn bút viết thơ mới.

詩 聲 惊 曉 月
劍 气 逐 寒 風
Thi thanh kinh hiểu nguyệt;
Kiếm khí trục hàn phong.
Tiếng thơ kinh trăng sớm;
Khí kiếm đuổi gió lạnh.

開 卷 群 言 雅
擇 豪 六 气 清
Khai quyển quần ngôn nhã;
Trạch hào lục khí thanh.
Mở quyển mọi lời nhã;
Chọn hào sáu khí thanh.

裁 詩 痴 作 骨
剎 紙 苦 爲 刀
Tài thi si tác cốt;
Sát chỉ khổ vi đao.

Sửa thơ dại là cốt;
Cắt giấy khổ là dao.

暇 拈 碑 帖 寫
長 起 讀 書 聲
Hạ niêm bi thiếp tả;
Trường khởi độc thư thanh.
Rỗi đem thiếp ra viết;
Tiếng đọc sách hầu quen.

長 養 浩 然 气
靜 觀 無 字 書
Trường dưỡng hạo nhiên khí;
Tĩnh quan vô tự thư.
Bền nuôi khí hạo nhiên;
Lặng xem sách không chữ.

以 教 人 者 教 己
在 勞 力 上 勞 心
Dĩ giáo nhân giả giáo kỷ;
Tại lao lực thượng lao tâm.
Lấy điều dạy người dạy mình;
Ở trên lao lực lao tâm.

未 能 一 日 寡 過
恨 不 十 年 讀 書
Vị năng nhất nhật quả quá;
Hận bất thập niên độc thư.
Chưa thể một ngày ít lỗi;
Hận chẳng mười năm sách đèn.

求 學 將 爲 致 用
讀 書 貴 在 虛 心
Cầu học tương vi trí dụng;
Độc thư quý tại hư tâm.
Cầu học cần cho thực dụng;
Đọc sách quý ở hư tâm.

雅 言 詩 書 執 禮
益 友 直 諒 多 聞
Nhã ngôn thi thư chấp lễ;
Ích hữu trực lượng đa văn.

Lời nhã thi thư giữ lễ;
Bạn hay thẳng thắn nhiều nghe.

讀書心存遠志
實踐悟出眞知
Độc thư tâm tồn viễn chí;
Thực tiễn ngộ xuất chân trí.
Đọc sách lòng gửi chí xa;
Thực tiễn nhận ra thấy đúng.

墨海千帆競發
書林万卉爭芳
Mặc hải thiên phàm cạnh phát;
Thư lâm vạn hủy tranh phương.
Bể học ngàn buồm tranh gió;
Rừng sách vạn nhụy đua hương.

風彩三秋明月
文章万里長江
Phong thái tam thu minh nguyệt;
Văn chương vạn lý trường giang.
Phong thái ba thu trăng sáng;
Văn chương vạn dặm sông dài.

挾風雲于翰墨
羅經緯在心胸
Hiệp phong vân vu hàn mặc;
La kinh vĩ tại tâm hung.
Đưa mây gió vào bút mực;
Sắp ngang dọc ở trong lòng.

竹雨松風琴韻
茶煙梧月書聲
Trúc vũ tùng phong cầm vận;
Trà yên ngô nguyệt thư thanh.
Mưa trúc, gió tùng, điệu đàn;
Khói trà, trăng ngô, tiếng sách.

養心莫善寡欲
至樂無如讀書
Dưỡng tâm mạc thiện quả dục;
Chí lạc vô như độc thư.

Dưỡng tâm gì hơn ít dục;
Tận vui đâu bằng đọc sách.

鳥 欲 高 飛 先 振 翅
人 求 上 進 早 讀 書
Điểu dục cao phi tiên chấn sí;
Nhân cầu thượng tiến tảo độc thư.
Chim muốn bay cao trước vỗ cánh;
Người cầu tiến bộ chăm sách đèn.

讀 書 常 戒 自 欺 處
勤 者 不 可 有 閑 時
Độc thư thường giới tự khi xứ;
Cần giả bất khả hữu nhàn thời.
Đọc sách thường răn tự xem thường;
Người chăm không có lúc nhàn rỗi.

能 勤 德 業 惟 良 友
有 益 身 心 在 讀 書
Năng cần đức nghiệp duy lương hữu;
Hữu ích thân tâm tại độc thư.
Hay chăm nghiệp đức chỉ bạn hiền;
Giúp ích thân tâm là đọc sách.

書 法 未 心 全 師 古
文 章 重 在 能 通 今
Thư pháp vị tất toàn sư cổ;
Văn chương trọng tại năng thông kim.
Thư pháp chẳng nên toàn nệ cổ;
Văn chương trọng ở hiểu đời nay.

黃 卷 催 吾 朝 起 早
青 燈 伴 我 夜 眠 遲
Hoàng quyển thôi ngô triêu khởi tảo;
Thanh đăng bạn ngã dạ miên trì.
Sách vàng giục ta mau sớm dậy;
Đèn xanh làm bạn lúc đêm khuya.

書 窗 夜 深 光 射 斗
墨 池 春 暖 筆 生 花
Thư song dạ thâm quang xạ đẩu;
Mặc trì xuân noãn bút sinh hoa.

Song thư đêm lặng ngời sao đẩu;
Nghiên mực trời xuân bút nở hoa.

書 到 精 絶 方 弄 險
詩 窮 蹇 滯 更 吟 豪

Thư đáo tinh tuyệt phương lộng hiểm;
Thi cùng kiển trệ cánh ngâm hào.
Sách đến tuyệt tình là lộng hiểm;
Thơ sâu tâm sự mới ngâm hào.

吟 成 佳 句 花 皆 舞
談 到 奇 書 興 欲 狂

Ngâm thành giai cú hoa giai vũ;
Đàm đáo kỳ thư hứng dục cuồng.
Ngâm câu tuyệt diệu hoa đều múa;
Bàn đến kỳ thư hứng muốn cuồng.

肝 膽 照 人 如 雪 色
書 篇 擲 地 作 金 聲

Can đảm chiếu nhân như tuyết sắc;
Thư thiên trịch địa tác kim thanh.
Can đảm chiếu người như sắc tuyết;
Sách rơi xuống đất nảy thanh vàng.

得 山 水 樂 在 怀 抱
于 古 今 文 觀 异 同

Đắc sơn thuỷ lạc tại hoài bão;
Vu cổ kim văn quan dị đồng.
Hoài bão nước non mừng được chốn;
Riêng chung kim cổ ở lời văn.

几 上 江 湖 書 一 卷
窗 前 燈 火 夜 三 更

Kỷ thượng giang hồ thư nhất quyển;
Song tiền đăng hoả dạ tam canh.
Mấy chuyến giang hồ sách một quyển;
Trước song đèn thắp đủ ba canh.

帘 外 五 更 風 雨 冷
案 頭 三 尺 筆 墨 濃

Liêm ngoại ngũ canh phong vũ lãnh;
Án đầu tam xích bút mặc nùng.

Năm canh ngoài cửa gió mưa lạnh;
Ba thước bàn cao bút mực nồng.

春庭草色和煙暖
午夜書聲帶月寒
Xuân đình thảo sắc hoà yên noãn;
Ngọ dạ thư thanh đới nguyệt hàn.
Sắc cỏ sân xuân hoà hơi ấm;
Tiếng ngâm đêm vắng lạnh vừng trăng.

千般月色硯遍過
無限風光筆下生
Thiên ban nguyệt sắc nghiên biên quá;
Vô hạn phong quang bút hạ sinh.
Ánh trăng lắm vẻ soi nghiên mực;
Phong quang vô hạn bút khơi nguồn.

衣襟半染煙霞气
詩卷長留天地間
Y khâm bán nhiễm yên hà khí;
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.
Áo manh vẫn lượm hơi mây khói;
Thơ quyển còn lưu chốn thế gian.

燈火夜深書有味
墨花晨湛字生光
Đăng hoả dạ thâm thư hữu vị;
Mặc hoa thần trạm tự sinh quang.
Đêm vắng đèn chong sách vẫn thơm;
Sớm mai mực tốt chữ tươi nét.

窗含春色墨生艷
筆吐豪情詩出新
Song hàm xuân sắc mặc sinh diệm;
Bút thổ hào tình thi xuất tân.
Xuân về song cửa thêm tươi mực;
Hứng trào lên bút mới vần thơ.

著書不向時流說
得句難爲俗者知
Trước thư bất hướng thời lưu thuyết;
Đắc cú nan vi tục giả tri.

Sách viết chẳng theo thời uốn giọng;
Câu hay khó để kẻ tục hay.

無 盡 波 濤 歸 學 海
長 春 花 木 在 詞 林

Vô tận ba đào quy học hải;
Trường xuân hoa mộc tại từ lâm.

Về biển học biết bao sóng gió;
Ở rừng từ xuân mãi cỏ hoa.

雄 詞 脫 手 堅 如 鑄
秀 語 生 花 欲 飛

Hùng từ thoát thủ kiên như chú;
Tú ngữ sinh hoa xán dục phi.

Lời hùng khỏi bút cứng như đúc;
Câu hay hoa nở hương muốn bay.

舊 業 尚 存 三 徑 草
小 窗 獨 對 半 床 書

Cựu nghiệp thượng tồn tam kính thảo;
Tiểu song độc đối bán sàng thư.

Nghiệp cũ còn đây ba luống cỏ;
Bên song đứng trước nửa giường thơ.

未 須 百 事 必 如 意
且 喜 六 時 長 見 書

Vị tu bách sự tất như ý;
Thả hỷ lục thời trường kiến thư.

Chưa mong trăm việc đều như ý;
Những mừng sáu khắc sách hay xem.

花 香 獨 愛 蜜 蜂 采
書 徑 還 留 勤 者 行

Hoa hương độc ái mật phong thái;
Thư kính hoàn lưu cần giả hành.

Hoa hương chỉ quý con ong mật;
Lối sách dành cho kẻ học chăm.

舊 學 商 量 加 邃 密
新 知 培 養 轉 深 沉

Cựu học thương lượng gia thuý mật;
Tân tri bồi dưỡng chuyển thâm trầm.
Học cũ xem ra đều sâu kín;
Mới hay bồi dưỡng sẽ thâm trầm.

意 趣 橫 生 成 巧 對
方 圓 合 度 是 佳 聯
Ý thú hoành sinh thành xảo đối;
Phương viên hợp độ thị giai liên.
Ý thú nảy sinh thành đối khéo;
Vuông tròn thích hợp được liên hay.

功 精 筆 健 出 佳 作
意 興 力 勤 生 妙 篇
Công tinh bút kiện xuất giai tác;
Ý hứng lực cần sinh diệu thiên.
Công tinh, bút khoẻ, tác phẩm tốt;
Ý hứng, sức chăm, sách mới hay.

平 生 慣 若 千 秋 气
兩 手 勤 澆 萬 木 春
Bình sinh quán nhược thiên thu khí;
Lưỡng thủ cần nhiêu vạn mộc xuân.
Bình sinh tiếp thụ ngàn năm khí;
Đôi tay chăm tưới vạn cây xanh.

竹 里 書 聲 來 隔 院
松 間 棋 韻 靜 虛 窗
Trúc lý thư thanh lai cách viện;
Tùng gian kỳ vận tĩnh hư song.
Ngõ trúc, tiếng ngâm, từ viện cạnh;
Vườn tùng, cờ mải, vắng song ngoài.

學 海 無 涯 須 縱 艇
駒 光 過 隙 不 留 蹤
Học hải vô nhai tu túng đĩnh;
Câu quang quá khích bất lưu tung.
Biển học không bờ thuyền nên lỏng;
Bóng câu qua cửa dấu không còn.

學 問 多 自 虛 心 得
風 物 長 宜 放 眼 量
Học vấn đa tự hư tâm đắc;
Phong vật trường nghi phóng nhãn lương.
Học vấn thường do lo lắng được;
Phong vật nên hay rộng mắt xem.

才 如 湖 海 文 方 偉
腹 有 詩 書 气 自 華
Tài như hồ hải văn phương vĩ;
Phúc hữu thi thư khí tự hoa.
Tài như sông biển văn chương lớn;
Bụng chứa văn chương khí vũ cao.

任 事 者 必 以 實 學
謹 言 人 每 有 奇 文
Nhậm sự giả tất dĩ thực học;
Cẩn ngôn nhân mỗi hữu kỳ văn.
Kẻ nhận việc phải giàu thực học;
Người cẩn ngôn đều có kỳ văn.

藤 根 揉 就 充 書 架
蕉 葉 斜 分 作 硯 田
Đằng căn nhu tựu sung thư giá;
Tiêu diệp tà phân tác nghiễn điền.
Rễ đằng mềm mại đưa lên giá;
Lá chuối chia nghiêng chụm ruộng nghiên.

博 學 深 思 增 智 慧
更 新 除 舊 見 精 神
Bác học thâm tư tăng trí tuệ;
Canh tân trừ cựu kiến tinh thần.
Học rộng nghĩ sâu tăng trí tuệ;
Mới thay cũ bỏ dựng tinh thần.

紙 上 讀 來 終 覺 淺
心 中 悟 出 始 知 深
Chỉ thượng độc lai chung giác thiển;
Tâm trung ngộ xuất thuỷ tri thâm.

Trang sách đọc xong hay biết cạn;
Trong lòng chợt hiểu mới hay sâu.

庸 行 虛 己 長 尋 竹
篤 志 呑 書 苦 伴 燈
Dung hành hư kỷ trường tầm trúc;
Đốc chí thôn thư khổ bạn đăng.
Vụng làm, ruột rỗng, lo tìm trúc;
Quyết chí, nhồi văn, bạn với đèn.

名 花 照 眼 春 光 滿
奇 句 天 開 妙 論 高
Danh hoa chiếu nhãn xuân quang mãn;
Kỳ cú thiên khai diệu luận cao.
Ngắm bông hoa đẹp xuân tươi vẻ;
Câu lạ trời ban nghị luận cao.

風 月 一 庭 爲 良 友
詩 書 半 榻 是 嚴 師
Phong nguyệt nhất đình vi lương hữu;
Thi thư bán tháp thị nghiêm sư.
Trăng gió một sân là bạn tốt;
Thi thư nửa bục đấy thầy nghiêm.

法 取 蘭 亭 存 气 韻
書 隨 時 代 見 精 神
Pháp thủ Lan đình tồn khí vận;
Thư tuỳ thời đại kiến tinh thần.
Pháp chọn lan đình còn khí vận;
Thư theo thời đại rõ tinh thần.

洗 硯 春 波 臨 晉 帖
焚 香 夜 雨 和 陶 詩
Tẩy nghiễn xuân ba lâm Tấn thiếp;
Phần hương dạ vũ hoạ Đào thi.
Rửa mực sóng xuân vương thiếp Tấn;
Thắp hương mưa tối hoạ thơ Đào.

追 摹 古 人 得 雅 趣
奇 生 新 意 逸 高 情

Truy mộ cổ nhân đắc nhã thúc;
Kỳ sinh tân ý dật cao tình.
Mô phỏng người xưa theo thú nhã;
May ra tâm ý có tình cao.

窗 臨 水 曲 琴 書 潤
人 讀 花 間 字 句 香
Song lâm thủy khúc cầm thư nhuận;
Nhân độc hoa gian tự cú hương.
Song bên dòng nước thơ đàn đậm;
Nhàn đọc bên hoa câu chữ thơm.

無 窮 詩 思 窗 前 草
不 了 功 夫 架 上 書
Vô cùng thi tứ song tiền thảo;
Bất liễu công phu giá thượng thư.
Tứ thơ vô hạn bên song cỏ;
Công sức chẳng bù giá sách đầy.

畫 本 紛 披 來 野 意
文 辭 古 怪 亦 天 眞
Hoạ bản phân phi lai dã ý;
Văn từ cổ quái diệc thiên chân.
Bản vẽ rối ren thì ý thoáng;
Lời văn cổ quái được tự nhiên.

愛 敬 古 梅 如 秀 士
發 揮 春 色 有 新 詩
Ái kính cổ mai như tú sỹ;
Phát huy xuân sắc hữu tân thi.
Yêu gốc mai già như tú sỹ;
Nâng cao xuân sắc mới đề thơ.

悅 心 不 厭 無 名 畫
養 性 唯 收 有 用 書
Duyệt tâm bất yếm vô danh hoạ;
Dưỡng tính duy thu hữu dụng thư.
Bức vẽ dở không gây khó chịu;
Tìm sách hay xem để thoả lòng.

小 苑 詩 風 籠 翠 墨
怡 亭 筆 興 拜 青 藤
Tiểu uyển thi phong lung thuý mặc;
Di đình bút hứng bái thanh đằng.
Gi lạnh qua vườn đông mực viết;
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.

無 數 雲 山 供 點 筆
且 將 墨 竹 換 新 詩
Vô số vân sơn cung điểm bút;
Thả tương mặc trúc hoán tân thi.
Mây núi có nhiều cho bút tả;
Trúc biếc dành riêng đổi mới thơ.

文 泉 如 流 水 出 峽
心 鏡 似 皓 月 當 空
Văn tuyền như lưu thủy xuất hiệp;
Tâm kính tự hạo nguyệt đương không.
Mạch văn như nguồn suối tuôn trào;
Lòng sáng tựa trăng trong lơ lửng.

風 月 一 天 詩 酒 料
文 章 千 古 性 靈 花
Phong nguyệt nhất thiên thi tửu liệu;
Văn chương thiên cổ tính linh hoa.
Trăng gió một trời thơ rượu sẵn;
Văn chương muôn thuở vốn hồn hoa.

心 觸 清 机 親 翰 墨
目 游 潤 景 足 精 神
Tâm xúc thanh cơ thân hàn mặc;
Mục du nhuận cảnh túc tinh thần.
Lòng gặp cơ may thân bút mực;
Mắt vui cảnh đẹp sáng tinh thần.

京 圻 破 壁 歌 天 順
學 海 行 舟 賴 眼 新
Kinh kỳ phá bích ca thiên thuận;
Học hải hành chu lại nhãn tân.

Kinh thành phá vách ca trời thuận;
Biển học thuyền chơi mắt mới ra.

立 志 不 隨 流 俗 轉
留 心 學 到 古 人 難
Lập chí bất tuỳ lưu tục chuyển;
Lưu tâm học đáo cổ nhân nan.
Thói quen thay đổi, chí không rời;
Người xưa chưa hiểu, học được biết.

立 志 須 知 三 古 盛
爲 書 自 起 一 家 言
Lập chí tu tri tam cổ thịnh;
Vi thư tự khởi nhất gia ngôn.
Lập chí nên hay tam cổ[1] thịnh;
Sách làm phải biết nhất gia ngôn[2].

無 窮 歲 月 忙 中 樂
有 味 詩 書 苦 后 甜
Vô cùng tuế nguyệt mang trung lạc;
Hữu vị thi thư khổ hậu điềm.
Năm tháng vô cùng, vui có việc;
Thi thư có vị, đắng rồi cam.

詩 篇 樂 處 風 雲 動
筆 力 停 時 造 化 閑
Thi thiên lạc xứ phong vân động;
Bút lực đình thời tạo hoá nhàn.
Vần thơ rơi xuống gió mây nổi;
Ngọn bút khi dừng tạo hoá nhàn.

友 如 作 畫 須 求 淡
文 似 看 山 不 喜 平
Hữu như tác hoạ tu cầu đạm;
Văn tự khan sơn bất hỷ bình.
Bạn như tranh vẽ nên giản dị;
Văn tựa non cao chẳng chuộng bằng.

---

[1] *Tam cổ:* Ba triều Hạ, Thương, Chu thời cổ Trung Quốc.
[2] *Nhất gia ngôn:* Lời một nhà, ý nói lập ngôn.

直諒喜來三徑月
縱橫富有百城書
Trực lượng hỷ lai tam kính nguyệt;
Tung hoành phú hữu bách thành thư.
Thẳng thắn vui cùng ba lối nguyệt;
Tung hoành giàu có sách trăm thành.

隨時盡衆古今事
盡日放怀天地間
Tuỳ thời tận lục cổ kim sự;
Tận nhật phóng hoài thiên địa gian.
Tuỳ thời chép hết việc xưa nay;
Hết ngày rong chơi trong trời đất.

貧舍不嫌居陋巷
著書獨喜在名山
Bần xá bất hiềm cư lậu hạng;
Trước thư độc hỷ tại danh sơn.
Nhà khó hiềm chi ở xóm nghèo;
Viết sách riêng mừng nơi núi đẹp.

古人學問無遺力
少壯功夫老始成
Cổ nhân học vấn vô di lực;
Thiếu tráng công phu lão thuỷ thành.
Người xưa học hỏi không còn sức;
Trai trẻ dày công già mới thành.

書味最長宜細索
硯田勤种勿拋荒
Thư vị tối trường nghi tế sách;
Nghiễn điền cần chủng vật phao hoang.
Vị sách rất dài nên sáng tỏ;
Ruộng nghiên cần cấy chớ bỏ hoang.

刻意爲文宜善變
平情應物不須雕
Khắc ý vi văn nghi thiện biến;
Bình tình ứng vật bất tu điêu.

Khắc ý làm văn, nên khéo đổi;
Đem tình ứng vật, chạm không cần.

寶劍鋒從磨礪出
梅花香自苦寒來
Bảo kiếm phong tòng ma lệ xuất;
Mai hoa hương tự khổ hàn lai.
Bảo kiếm nhờ mài nên mới sắc;
Hoa mai chịu rét toả mùi thơm.

文能換骨無余法
學到尋源自不疑
Văn năng hoán cốt vô dư pháp;
Học đáo tầm nguyên tự bất nghi.
Văn thay xương cốt không thừa phép;
Học đến cội nguồn tự hết ngờ.

久病始知求藥誤
衰年方悔讀書遲
Cửu bệnh thuỷ tri cầu dược ngộ;
Suy niên phương hối độc thư trì.
Bệnh lâu mới biết nhầm thuốc chữa;
Tuổi già thấy hối muộn thi thư.

書似青山皆亂疊
燈如紅豆最相思
Thư tự thanh sơn giai loạn điệp;
Đăng như hồng đậu tối tương tư.
Sách tựa non xanh chồng chất đỉnh;
Đèn như đậu đỏ lắm tương tư.

不仁果報方行善
豈爲功名始讀書
Bất nhân quả báo phương hành thiện;
Khởi vị công danh thuỷ độc thư.
Bất nhân quả báo rồi làm thiện;
Há vị công danh mới học hành.

敢爲天下大難事
願讀人間未見書

Cảm vi thiên hạ đại nan sự;
Nguyện độc nhân gian vị kiến thư.
Dám làm việc khó lớn thiên hạ;
Mong đọc sách chưa thấy trong đời.

筆 老 詩 新 疑 有 物
水 清 石 瘦 亦 能 奇
Bút lão thi tân nghi hữu vật;
Thủy thanh thạch sấu diệc năng kỳ.
Bút già thơ mới e sinh chuyện;
Nước trong mòn đá cũng kỳ thay.

古 木 自 繞 龍 虎 气
文 章 欲 振 鳳 鸞 聲
Cổ mộc tự nhiễu long hổ khí;
Văn chương dục chấn phượng loan thanh.
Cây cổ như vờn long hổ khí;
Văn chương muốn dấy phượng loan thanh.

倦 眼 苦 追 窮 瀚 海
柔 毫 磅 礴 寫 長 天
Quyển nhãn khổ truy cùng hãn hải;
Nhu hào bàng bạc tả trường thiên.
Giương mắt cố theo cùng sa mạc;
Bút lông man mác tả trời xanh.

勤 能 補 拙 才 偏 敏
廉 不 沽 名 品 益 高
Cần năng bổ chuyết tài thiên mẫn;
Liêm bất cô danh phẩm ích cao.
Chăm hay bù vụng tài hay nhậy;
Liêm chẳng mua danh phẩm ấy cao.

平 生 獨 以 文 字 樂
此 日 倏 然 水 竹 居
Bình sinh độc dĩ văn tự lạc;
Thử nhật thốc nhiên thủy trúc cư.
Bình sinh chỉ lấy văn vui thú;
Ngày ấy nào hay thủy trúc gần.

雖 云 智 慧 生 靈 府
更 須 功 夫 在 筆 端
Tuy vân trí tuệ sinh linh phủ;
Cánh tu công phu tại bút đoan.
Dẫu rằng trí tuệ do trời giúp;
Vẫn phải siêng năng việc học hành.

事 要 研 求 皆 學 問
言 堪 持 贈 即 文 章
Sự yếu nghiên cầu giai học vấn;
Ngôn kham trì tặng tức văn chương.
Việc cần nghiên cứu, là học hỏi;
Lời nói tặng người, ấy văn chương.

讀 書 身 健 即 爲 福
种 樹 花 開 亦 是 緣
Độc thư thân kiện tức vi phúc;
Chủng thụ hoa khai diệc thị duyên.
Đọc sách mạnh người, âu cũng phúc;
Trồng cây hoa nở, ấy là duyên.

求 賢 急 似 渴 思 飲
治 學 猶 如 蝶 戀 花
Cầu hiền cấp tự khát tư ẩm;
Trị học do như điệp luyến hoa.
Cầu hiền gấp tựa khát muốn uống;
Lo học coi như bướm luyến hoa.

精 神 到 處 文 章 老
學 問 深 時 意 气 平
Tinh thần đáo xứ văn chương lão;
Học vấn thâm thời ý khí bình.
Tinh thần đến độ, văn già dặn;
Học vấn khi sâu, ý khí bình.

立 品 宜 思 眞 俊 杰
讀 書 須 下 苦 功 夫
Lập phẩm nghi tư chân tuấn kiệt;
Độc thư tu hạ khổ công phu.

Lập chí biết suy là tuấn kiệt;
Học hành nên gắng hết công phu.

只 有 觀 書 堪 遣 慮
應 須 守 道 勿 羞 貧
Chỉ hữu quan thư kham khiển lự;
Ưng tu thủ đạo vật tu bần.
Bởi chăm đọc sách, nên hay nghĩ;
Phải nên giữ đạo, chớ thẹn nghèo.

好 書 不 厭 看 還 讀
益 友 何 妨 去 復 來
Hảo thư bất yếm khan hoàn độc;
Ích hữu hà phương khứ phục lai.
Sách hay không chán xem và đọc;
Bạn tốt lo gì đến với đi.

時 日 莫 教 平 白 過
師 業 當 從 遠 奧 承
Thời nhật mạc giao bình bạch quá;
Sư nghiệp đương tòng viễn áo thừa.
Thời gian chớ để trôi hờ hững;
Sự nghiệp sao cho tiếp nối dài.

好 學 滌 思 能 知 其 意
反 本 修 古 不 忘 其 初
Hiếu học địch tư năng tri kỳ ý;
Phản bản tu cổ bất phong kỳ sơ.
Chịu học chịu nghĩ nắm được ý nghĩa;
Nhớ gốc nhớ nguồn không quên ban đầu.

爲 善 讀 書 得 安 樂 法
澆 花 种 竹 生 歡 喜 心
Vi thiện độc thư đắc an lạc pháp;
Kiêu hoa chủng trúc sinh hoan hỷ tâm.
Làm thiện đọc sách sẽ được yên vui;
Tưới hoa trồng trúc trong lòng hoan hỷ.

登 黃 鶴 樓 讀 赤 壁 賦
磨 青 鐵 硯 歌 白 雲 詩

Đăng Hoàng Hạc lâu độc Xích Bích phú;
Ma thanh thiết nghiễn ca Bạch Vân thi.
Lên lầu Hoàng Hạc đọc phú Xích Bích;
Mài nghiên đồng xanh ca thơ Bạch Vân.

山 水 幽 深 襟 怀 妙 遠
讀 書 夙 好 心 气 和 平
Sơn thuỷ u thâm khâm hoài diệu viễn;
Độc thư túc hảo tâm khí hoà bình.
Non nước u thâm lòng vương xa thẳm;
Đọc sách nghiêm túc tâm được yên bình.

破 千 重 關 心 懷 天 下
讀 萬 卷 書 志 在 四 方
Phá thiên trùng quan tâm hoài thiên hạ;
Độc vạn quyển thư chí tại tứ phương.
Phá ngàn trùng quan, nghĩ về thiên hạ;
Đọc vạn quyển sách, chí ở bốn phương.

性 道 在 文 章 深 造 自 得
廉 平 稱 治 俗 遺 愛 無 窮
Tính đạo tại văn chương thâm tạo tự đắc;
Liêm bình xưng trị tục di ái vô cùng.
Tính hiện ở văn chương, sâu sắc mới được;
Liêm bình là phép trị, yêu mến vô cùng.

几 百 年 舊 家 無 非 積 德
第 一 等 好 事 還 是 讀 書
Kỷ bách niên cựu gia vô phi tích đức;
Đệ nhất đẳng hảo sự hoàn thị độc thư.
Thế gia mấy trăm năm, không ngoài tích đức;
Việc tốt loại số một, vẫn là đọc sách.

學 如 逆 水 行 舟 不 進 則 退
心 似 平 原 走 馬 易 放 難 收
Học như nghịch thuỷ hành chu bất tiến tắc thoái;
Tâm tự bình nguyên tẩu mã dị phóng nan thu.
Học như chèo thuyền nước ngược, không tiến là lùi;
Lòng tựa ngựa chạy thảo nguyên, dễ thả khó bắt.

開 卷 有 益 知 識 就 是 力 量
自 強 不 息 光 陰 貴 于 黃 金
Khai quyển hữu ích tri thức tựu thị lực lượng;
Tự cường bất tức quang âm quý vu hoàng kim.
Đọc sách có ích, tri thức chính là sức mạnh;
Tự cường chẳng nghỉ, thời gian quý tựa hoàng kim.

積 玉 積 金 不 如 讀 書 教 子
寬 田 寬 地 莫 若 寬 量 待 人
Tích ngọc tích kim bất như độc thư giáo tử;
Khoan điền khoan địa mạc nhược khoan lượng đãi nhân.
Tích ngọc tích vàng chẳng bằng đọc sách dạy con;
Rộng ruộng rộng ao không bằng rộng bụng với người.

與 善 人 交 如 入 芝 蘭 之 室
從 良 師 學 幸 登 桃 李 之 門
Dữ thiện nhân giao như nhập chi lan chi thất;
Tòng lương sư học hạnh đăng đào lý chi môn.
Chơi với người tốt, như vào nhà có tình thân thiết;
Theo học thầy hay, tựa may vào cửa nhiều bậc cao khoa.

學 貴 有 恒 切 莫 半 途 而 廢
才 須 積 累 休 忘 一 簣 之 功
Học quý hữu hằng thiết mạc bán đồ nhi phế;
Tài tu tích luỹ hưu vong nhất quý chi công.
Học quý thường xuyên, chớ có giữa đường lại bỏ;
Tài cần tích luỹ, đừng quên từng chút công lao.

讀 萬 卷 書 還 須 行 萬 里 路
享 百 年 壽 何 如 作 百 世 師
Độc vạn quyển thư hoàn tu hành vạn lý lộ;
Hưởng bách niên thọ hà như tác bách thế sư.
Đọc sách vạn quyển, vẫn phải đi đường vạn dặm;
Hưởng thọ trăm năm, sao bằng làm thầy trăm đời.

丈 夫 當 死 中 圖 生 禍 中 求 福
古 人 有 困 而 修 德 窮 而 著 書
Trượng phu đương tử trung đồ sinh hoạ trung cầu phúc;
Cổ nhân hữu khốn nhi tu đức cùng nhi trước thư.
Trượng phu trong chỗ chết tìm sống, cầu phúc trong hoạ;
Cổ nhân gặp khốn mà tu đức, viết sách lúc cùng.

春 亦 多 情 鳥 向 枝 頭 推 筆 意
人 皆 得 意 梅 從 窗 外 放 詩 懷

Xuân diệc đa tình điểu hướng chi đầu thôi bút ý;
Nhân giai đắc ý mai tòng song ngoại phóng thi hoài.

Xuân cũng đa tình, chim hướng đầu cành giục ý bút;
Người mà đắc ý, mai ngoài cửa sổ thả hồn thơ.

讀 古 人 書 須 處 地 設 身 一 想
論 天 下 事 要 揆 情 度 理 三 思

Độc cổ nhân thư tu xử địa thiết thân nhất tưởng;
Luận thiên hạ sự yêu quỹ tình đô lý tam tư.

Đọc sách người xưa, chỗ cư xử tự mình phải nghĩ;
Bàn việc thiên hạ, nơi xét tình ngẫm ngợi ba lần.

咬 定 几 句 有 用 書 可 以 充 飢
養 成 數 竿 新 生 竹 直 似 儿 孫

Giảo định kỷ cú hữu dụng thư khả dĩ sung cơ;
Dưỡng thành sổ can tân sinh trúc trực tự nhi tôn.

Chọn được vài câu sách dùng được, có thể no lòng;
Vun xới mấy hàng trúc mới mọc, cũng như cháu con.

天 下 奇 觀 看 盡 不 如 書 卷 好
世 間 滋 味 嘗 來 無 過 菜 根 香

Thiên hạ kỳ quan khan tận bất như thư quyển hảo;
Thế gian tư vị thường lai vô quá thái căn hương.

Xem đủ kỳ quan thiên hạ, chẳng bằng đọc sách hay;
Từng nếm vị lạ thế gian, chẳng qua hương rau cỏ.

何 物 動 人 二 月 杏 花 八 月 桂
有 誰 催 我 三 更 燈 火 五 更 雞

Hà vật động nhân nhị nguyệt hạnh hoa bát nguyệt quế;
Hữu thuỳ thôi ngã tam canh đăng hoả ngũ canh kê.

Vật gì nhắc mình, tháng hai mơ nở tháng tám quế;
Ai đó giục ta, canh ba đèn thắp canh năm gà.

貴 有 恒 何 必 三 更 眠 五 更 起
最 無 益 莫 過 一 日 暴 十 日 寒

Quý hữu hằng hà tất tam canh miên ngũ canh khởi;
Tối vô ích mạc quá nhất nhật bạo thập nhật hàn.

Cũng quý đấy, việc gì canh ba nằm canh năm dậy;
Thật vô ích, chẳng qua một ngày nóng mười ngày lạnh.

長 觀 皓 月
靜 讀 天 書
Trường quan hạo nguyệt;
Tĩnh độc thiên thư.
Ngắm nhìn trăng sáng;
Lặng đọc sách trời.

三 思 方 舉 步
百 折 不 回 頭
Tam tư phương cử bộ;
Bách chiết bất hồi đầu.
Ba lần nghĩ mới bước;
Trăm lần gãy chẳng ngoái.

有 容 德 乃 大
無 私 心 自 安
Hữu dung đức nãi đại;
Vô tư tâm tự an.
Khoan dung đức sẽ lớn;
Vô tư lòng tự yên.

高 懷 見 物 理
和 气 得 天 眞
Cao hoài kiến vật lý;
Hoà khí đắc thiên chân.
Nghĩ cao thấy lý vật;
Ôn hoà được tính trời.

气 平 更 事 久
心 曠 得 春 多
Khí bình cánh sự cửu;
Tâm khoáng đắc xuân đa.
Khí bình làm việc lâu;
Lòng thoáng thấy vui nhiều.

清 思 抱 明 月
高 懷 對 古 松
Thanh tư bão minh nguyệt;
Cao hoài đối cổ tùng.

Lòng trong trùm trăng sáng;
Nghĩ cao sánh tùng già.

寧 靜 而 致 遠
澹 泊 以 清 心
Ninh tĩnh nhi trí viễn;
Đạm bạc dĩ thanh tâm.
Nên tĩnh mà nghĩ xa;
Đạm bạc để thanh tâm.

讓 人 非 我 弱
得 志 莫 离 群
Nhượng nhân phi ngã nhược;
Đắc chí mạc ly quần.
Nhường người ta không yếu;
Đắc chí chớ bỏ bầy.

高 懷 同 霽 月
雅 量 洽 春 風
Cao hoài đồng tệ nguyệt;
Nhã lượng hiệp xuân phong.
Mong được vui cùng trăng;
Tao nhã tựa gió xuân.

有 志 肝 膽 壯
無 私 天 地 寬
Hữu chí can đảm tráng;
Vô tư thiên địa khoan.
Có chí giàu can đảm;
Vô tư rộng đất trời.

慷 慨 丈 夫 心
鐵 石 豪 杰 心
Khảng khái trượng phu chí;
Thiết thạch hào kiệt tâm.
Khảng khái chí trượng phu;
Sắt đá tâm hào kiệt.

疾 風 知 勁 草
烈 火 見 眞 金

Tật phong tri kính thảo;
Liệt hoả kiến chân kim.
Gió dữ biết cỏ cứng;
Lửa cao hay vàng thật.

名利淡如水
事業重于山
Danh lợi đạm như thuỷ;
Sự nghiệp trọng vu sơn.
Danh lợi nhạt như nước;
Sự nghiệp nặng tựa non.

虛心效竹節
人品似蘭馨
Hư tâm hiệu trúc tiết;
Nhân phẩm tự lan hinh.
Lòng rỗng như tiết trúc;
Nhân phẩm tựa lan thơm.

攀山將勵志
瞰海能忘憂
Phan sơn tương lệ chí;
Hám hải năng vong ưu.
Vịn núi khích lệ chí;
Ngó biển hay quên lo.

性天期活潑
心地尚光明
Tính thiên kỳ hoạt bát;
Tâm địa thượng quang minh.
Tính trời ưa hoạt bát;
Lòng đất chuộng quang minh.

竹因虛受益
松以靜延年
Trúc nhân hư thụ ích;
Tùng dĩ tĩnh diên niên.
Trúc nhờ rỗng có ích;
Tùng lấy tĩnh sống lâu.

心寬忘地窄
野曠覺天低

Tâm khoan vong địa trách;
Dã khoáng giác thiên đê.
Lòng khoan quên hẹp đất;
Đất rộng biết thấp trời.

絶苟且之友
懷檢點之心
Tuyệt cẩu thả chi hữu;
Hoài kiểm điểm chi tâm.
Bạn cẩu thả, tuyệt giao;
Tự xét mình, luôn nhớ.

路遙知馬力
事久見人心
Lộ dao tri mã lực;
Sự cửu kiến nhân tâm.
Đường dài hay sức ngựa;
Việc lâu biết lòng người.

立意求清遠
平心對愚賢
Lập ý cầu thanh viễn;
Bình tâm đối mông hiền.
Lập ý cần sâu sắc;
Bình tâm trước ngu hiền.

清机發妙理
高步超常倫
Thanh cơ phát diệu lý;
Cao bộ siêu thường luân.
Thời cơ sinh diệu lý;
Cao bước vượt thói thường.

白眼觀天下
丹心報國家
Bạch nhãn quan thiên hạ;
Đan tâm báo quốc gia.
Mắt trắng nhìn thiên hạ;
Lòng son báo nước nhà.

不 矜 威 益 重
無 私 功 自 高
Bất căng uy ích trọng;
Vô tư công tự cao.
Không kiêu uy càng lớn;
Vô tư công tự cao.

閱 歷 知 書 味
艱 難 識 世 情
Duyệt lịch tri thư vị;
Gian nan thức thế tình.
Từng trải biết vị sách;
Gian nan biết tình đời.

生 當 作 人 杰
死 亦 爲 鬼 雄
Sinh đương tác nhân kiệt;
Tử diệc vi quỷ hùng.
Sống làm người hào kiệt;
Chết cũng là quỷ hùng.

平 心 嘗 世 味
含 笑 看 人 生
Bình tâm thưởng thế vị;
Hàm tiếu khán nhân sinh.
Bình tâm nếm thế vị;
Cười mỉm xem nhân sinh.

風 從 天 幕 出
雨 過 地 清 新
Phong tòng thiên mạc xuất;
Vũ quá địa thanh tân.
Gió đi trời thêm cao;
Mưa qua đất tươi mới.

有 心 作 奉 獻
無 意 寫 雄 篇
Hữu tâm tác phụng hiến;
Vô ý tả hùng thiên.
Có lòng làm dâng hiến;
Vô ý viết thiên hùng.

今 日 追 先 烈
未 來 屬 后 昆
Kim nhật truy tiên liệt;
Vị lai thuộc hậu côn.
Ngày nay nhớ tiên liệt;
Tương lai thuộc cháu con.

胸 懷 千 里 志
腳 踏 萬 重 山
Hung hoài thiên lý chí;
Cước đạp vạn trùng san.
Lòng mang chí ngàn dặm;
Chân đạp vạn trùng non.

心 懸 明 鏡 里
眼 放 碧 天 中
Tâm huyền minh kính lý;
Nhãn phóng bích thiên trung.
Tâm gương sáng treo cao;
Mắt trời xanh bao quát.

心 清 何 懼 鬼
气 順 不 隨 仙
Tâm thanh hà cụ quỷ;
Khí thuận bất tùy tiên.
Tâm sáng sợ gì quỷ;
Khí thuận chẳng cần tiên.

勁 舞 春 心 健
長 歌 濁 气 清
Kình vũ xuân tâm kiện;
Trường ca trọc khí thanh.
Múa khỏe lòng xuân mạnh;
Trường ca trọc khí thanh.

寄 意 詩 書 外
行 舟 世 事 間
Ký ý thi thư ngoại;
Hành chu thế sự gian.

Gửi ý ngoài thi thư;
Cưỡi thuyền xem thế sự.

以讀書爲樂
求靜修至賢
Dĩ độc thư vi lạc;
Cầu tĩnh tu chí hiền.
Lấy đọc sách làm vui;
Cầu tĩnh sửa đến tốt.

靜思明事理
誠朴貫人生
Tĩnh tư minh sự lý;
Thành phác quán nhân sinh.
Lặng suy rõ sự việc;
Chất phác thấu nhân sinh.

留心千古事
放眼九天雲
Lưu tâm thiên cổ sự;
Phóng nhãn cửu thiên vân.
Lưu tâm việc muôn thuở;
Đưa mắt chín tầng mây.

長河歌浩蕩
滄海傲襟懷
Trường hà ca hạo đãng;
Thương hải ngạo khâm hoài.
Sông dài ca rộng lớn;
Biển xanh ngạo trong lòng.

曠野長驅馬
高山每放歌
Khoáng dã trường khu mã;
Cao sơn mỗi phóng ca.
Đồng rộng lo ruổi ngựa;
Núi cao thoả hát ca.

笑眼迎嘉客
高心讀史書

Tiếu nhãn nghênh gia khách;
Cao tâm độc sử thư.
Mắt cười đón khách quý;
Lòng cao đọc sử thư.

秋 清 天 遠 大
水 靜 月 分 明
Thu thanh thiên viễn đại;
Thuỷ tĩnh nguyệt phân minh.
Trời thu xanh cao rộng;
Nước lặng trăng sáng ngời.

長 思 三 老 意
自 起 一 家 言
Trường tư tam lão ý;
Tự khởi nhất gia ngôn.
Mải nghĩ tam lão[1] ý;
Nên ở nhất gia ngôn[2].

望 日 气 浩 蕩
省 身 心 坦 然
Vọng nhật khí hạo đãng;
Tỉnh thân tâm thản nhiên.
Ngày rằm trời quang đãng;
Sửa mình lòng thản nhiên.

烹 茶 邀 上 客
种 竹 挹 高 風
Phanh trà yêu thượng khách;
Chủng trúc ấp cao phong.
Pha trà mời khách quý;
Trồng trúc giữ nếp cao.

懷 中 盈 日 月
眼 底 是 乾 坤
Hoài trung doanh nhật nguyệt;
Nhãn để thị càn khôn.

---

[1] *Tam lão:* Thượng thọ, trung thọ, hạ thọ.
[2] *Nhất gia ngôn:* Lời một nhà, ý nói nêu được thuyết riêng.

Trong lòng đầy nhật nguyệt;
Đáy mắt đủ càn khôn.

魂 牽 墨 苑 追 神 韻
道 系 柴 門 逐 俗 聲
Hồn khiên mặc uyển truy thần vận;
Đạo hệ sài môn trục tục thanh.
Vườn mực dẫn hồn đua vần lạ;
Cửa sài đưa đạo đuổi lời thô.

書 香 臥 榻 甘 詩 夢
雪 煮 清 茶 洗 俗 腸
Thư hương ngọa tháp cam thi mộng;
Tuyết chử thanh trà tẩy tục trường.
Hương sách giường nằm thơ mộng đẹp;
Tuyết nấu trà thơm rửa ruột thô.

聊 借 墨 耕 怡 倦 眼
且 將 文 浪 賦 新 詩
Liêu tá mặc canh di quyện nhãn;
Thả tương văn lãng phú tân thi.
Nhàn mượn bút nghiên thư mắt mỏi;
Lại đem văn tự viết tân thi.

几 個 清 詞 聯 妙 語
一 杯 白 水 伴 奇 書
Kỷ cá thanh từ liên diệu ngữ;
Nhất bôi bạch thuỷ bạn kỳ thư.
Vài từ thanh nhã nên câu đối;
Một chung nước trắng bạn sách kỳ.

曉 月 閑 移 三 尺 劍
孤 燈 苦 對 五 更 書
Hiểu nguyệt nhàn di tam xích kiếm;
Cô đăng khổ đối ngũ canh thư.
Trăng sáng đeo chơi kiếm ba thước;
Đèn khuya mỏi đọc sách năm canh.

文 思 苦 撓 兩 鬢 雪
筆 意 欣 盈 三 月 花

Văn tư khổ nhiễu lưỡng mấn tuyết;
Bút ý hân doanh tam nguyệt hoa.
Nghĩ văn mỏi mệt hai mai bạc;
Ý bút tràn vui ba tháng hoa.

讀 世 高 天 知 學 問
析 疑 靜 夜 啓 玄 机
Độc thế cao thiên tri học vấn;
Tích nghi tĩnh dạ khải huyền cơ.
Đọc đến trời cao biết sự học;
Giải ngờ đêm vắng mở huyền cơ.

長 追 墨 趣 气 脱 俗
細 品 書 香 人 自 明
Trường truy mặc thú khí thoát tục;
Tế phẩm thư hương nhân tự minh.
Theo đòi bút mực chừng thoát tục;
Phẩm đẹp thư hương rạng vẻ người.

夢 眈 詩 句 久 侵 曉
神 步 史 苑 長 未 歸
Mộng đam thi cú cửu xâm hiểu;
Thần bộ sử uyển trường vị quy.
Say mộng thơ ca lâu chẳng dậy;
Bước thần vườn sử mãi chưa về.

三 年 靜 室 追 今 古
一 句 新 詩 喜 地 天
Tam niên tĩnh thất truy kim cổ;
Nhất cú tân thi hỷ địa thiên.
Ba năm nhà vắng đọc xưa nay;
Một câu thơ mới mừng trời đất.

長 眈 學 海 追 弘 碩
乍 啓 重 瞳 識 細 微
Trường đam học hải truy hoằng thạc;
Sạ khải trùng đồng thức tế vi.
Lâu say biển học tìm sâu rộng;
Bỗng mở đôi tròng thấy tóc tơ.

勤與學暑寒不易
謹而信小大由之
Cần dữ học thử hàn bất dịch;
Cẩn nhi tín tiểu đại do chi.
Cần với học ấm lạnh không đổi;
Cẩn mà tin to nhỏ đều xong.

奇書細品多滋味
益友切磋少謬然
Kỳ thư tế phẩm đa tư vị;
Ích hữu thiết tha thiểu mậu nhiên.
Sách hay phẩm quý nhiều mùi vị;
Bạn tốt nghĩ sâu ít lỗi lầm.

考古酌今審時度勢
通中法外舍短取長
Khảo cổ chước kim thẩm thời độ thế;
Thông trung pháp ngoại sả đoản thủ trường.
Khảo cổ lựa kim, xét thời xem thế;
Thông trong học ngoài, bỏ ngắn lấy dài.

博采眾長獨辟蹊徑
陶鑄千古自成一家
Bác thái chúng trường độc tỵ khê kính;
Đào chú thiên cổ tự thành nhất gia.
Chọn rộng tài người, nhớ tránh đường hẻm;
Hun đúc ngàn năm, sẽ thành một nhà.

墨海遨游情激硯岸
書山跋步志聳毫峰
Mặc hải ngao du tình kích nghiễn ngạn;
Thư sơn bạt bộ chí tủng hào phong.
Ngao du biển mực tình gửi bến nghiên;
Vượt qua non sách chí dựng cao vút.

賢者不虛生于宇宙
學人常會通乎古今
Hiền giả bất hư sinh vu vũ trụ;
Học nhân thường hội thông hồ cổ kim.
Hiền giả chẳng sống thừa trong trời đất;
Người học thường thông suốt cả xưa nay.

讀 聖 賢 書 行 仁 義 事
立 修 養 志 存 忠 孝 心
Độc thánh hiền thư hành nhân nghĩa sự;
Lập tu dưỡng chí tồn trung hiếu tâm.
Đọc sách thánh hiền, làm việc nhân nghĩa;
Lập chí tu dưỡng, giữ lòng hiếu trung.

居 近 識 遠 處 今 知 古
研 經 嘗 理 敷 文 奏 懷
Cư cận thức viễn xử kim tri cổ;
Nghiên kinh thưởng lý phu văn tấu hoài.
ở gần biết xa, làm nay hiểu xưa;
Nghiền kinh nắm lý, phô văn tỏ lòng.

學 問 無 窮 曾 三 □C 四
光 明 有 限 禹 寸 陶 分
Học vấn vô cùng Tăng tam Nhan tứ;
Quang minh hữu hạn Vũ thốn Đào phân.
Học vấn không cùng, Tăng ba, Nhan bốn[1];
Quang minh có hạn, Vũ tấc, Đào phân[2].

欲 立 根 基 無 如 爲 善
能 光 門 第 只 有 讀 書
Dục lập căn cơ vô như vi thiện;
Năng quang môn đệ chỉ hữu độc thư.
Muốn xây nền tảng không gì bằng thiện;
Rạng danh môn đệ sách đọc nên chăm.

益 智 有 珠 比 德 于 玉
學 古 爲 鏡 平 理 若 衡
Ích trí hữu châu tỷ đức vu ngọc;
Học cổ vi kính bình lý nhược hành.
ích trí có châu, so đức với ngọc;
Lấy xưa làm gương, xét lý như cân.

閉 户 自 精 開 卷 有 益
垂 露 在 手 清 風 入 懷

---

[1] Tăng Sâm và Nhan Uyên.
[2] Đại Vũ và Đào Đường

Bế hộ tự tinh khai quyển hữu ích;
Thùy lộ tại thủ thanh phong nhập hoài.
Đóng cửa tự học, đọc sách có ích;
Sương đọng trên tay, gió mát vào lòng.

業 精 于 勤 勤 而 能 奮
行 成 于 思 思 則 必 學
Nghiệp tinh vu cần cần nhi năng phấn;
Hành thành vu tư tư tắc tất học.
Nghề tinh ở chăm, chăm hay phấn đấu;
Việc thành ở nghĩ, nghĩ ắt phải học.

聽 琴 明 事 理
望 岳 見 崎 嶇
Thính cầm minh sự lý;
Vọng nhạc kiến kỳ khu.
Nghe đàn biết sự việc;
Ngó núi rõ gian truân.

樓 高 先 得 月
室 靜 好 觀 書
Lâu cao tiên đắc nguyệt;
Thất tĩnh hảo quan thư.
Lầu cao, trăng ngắm trước;
Nhà tĩnh, sách đọc hay.

長 歌 抒 浩 气
奮 筆 吐 豪 情
Trường ca trữ hạo khí;
Phấn bút thổ hào tình.
Hát lâu dồn hạo khí;
Bút gắng nhả hào tình.

愼 交 游 勤 耕 讀
篤 根 本 去 浮 華
Thận giao du cần canh độc;
Đốc căn bản khứ phù hoa.
Giao du cẩn thận chăm cày đọc;
Gốc rễ vun trồng bỏ thói chơi.

靜 坐 當 思 己 過
閑 談 莫 論 人 非

Tĩnh toạ đương tư kỷ quá;
Nhàn đàm mạc luận nhân phi.
Ngồi vắng nên nghĩ lỗi mình;
Chuyện suông chớ bàn người trái.

安得盡如人意
但求無愧我心
An đắc tận như nhân ý;
Đản cầu vô quý ngã tâm.
Đâu dễ làm vừa ý người;
Chỉ cần không thẹn lòng ta.

彈劍行歌五岳
讀書養气三巴
Đàn kiếm hành ca ngũ nhạc;
Độc thư dưỡng khí tam ba.
Đàn kiếm rong ca ngũ nhạc[1];
Đọc sách nuôi khí tam ba[2].

獨坐只因天可對
野行常有月相隨
Độc toạ chỉ nhân thiên khả đối;
Dã hành thường hữu nguyệt tương tuỳ.
Ngồi đọc chỉ mong trời đối mặt;
Chơi rông thường có ánh trăng theo.

聞思修道登眞境
信願行門入淨堂
Văn tư tu đạo đăng chân cảnh;
Tín nguyện hành môn nhập tịnh đường.
Suy tư tu đạo lên chân cảnh;
Tin nguyện cửa vào đến tịnh đường.

隱於富貴清塵俗
樂是慈悲勸善人
Ẩn ư phú quý thanh trần tục;
Lạc thị từ bi khuyến thiện nhân.

---

[1] *Ngũ nhạc:* Năm ngọn núi lớn, Trung Quốc: Đông Nhạc Thái Sơn, Tây nhạc Hoa Sơn, Nam nhạc Hành Sơn, Bắc nhạc Hằng Sơn và Trung Nhạc Tung Sơn.
[2] *Tam ba:* Ba vùng: Ba Quận, Ba Đông, Ba Tây.

Ẩn ở giàu sang thanh trần tục;
Vui với từ bi khuyến thiện nhân.

間中檢點平生事
靜夜思量日所爲
Nhàn trung kiểm điểm bình sinh sự;
Tĩnh dạ tư lường nhật sở vi.
Việc đời nghĩ lại khi nhàn hạ;
Ngày bận đêm về lại suy tư.

有赫臨戎四千載鴻圖留勝跡
無疆錫福一方民赤子沐恩波
Hữu hách lâm nhung, tứ thiên tải hồng đồ lưu thắng tích;
Vô cương tích phúc, nhất phương dân xích tử mộc ân ba.
Hiển hách chiến công, bốn năm bản đồ ghi dấu thắng;
Vô tư ban phúc, một phương trời dân chúng tắm ơn nhiều.

普仗能仁德
同承慶喜恩
Phổ trượng năng nhân đức;
Đồng thừa khánh hỷ ân.
Giúp đỡ là nhân đức;
Kế thừa được ơn vui.

一花現瑞週沙界
五葉流芳遍大天
Nhất hoa hiện thụy chu sa giới;
Ngũ diệp lưu phương biến đại thiên.
Một hoa hiện tốt vòng sa giới;
Năm lá hương đưa khắp đại thiên.

祖是皇勳業猶然垂越史
族將大枝條長此拙茶山
Tổ thị hoàng, hân nghiệp do nhiên thuỳ Việt sử;
Tộc tương đại, chi điều trường thử chuyết Trà sơn.
Tổ lớn thay, sự nghiệp vẫn còn lưu sử Việt;
Họ to thật, bao cành vươn khắp toả non Trà.

無疆惟休奕葉雲仍憑后蔭
不顯亦世千秋陵廟凜英聲

Vô cương duy hưu, dịch diệp vân nhưng bằng hậu ấm;
Bất hiển diệc thế, thiên thu lăng miếu lẫm anh thanh.
Không đâu không tốt, thế thế mây lành che bóng lớn;
Chẳng gì chẳng lành, đời đời lăng miếu dấy danh thơm.

戈 甲 軫 殷 仇 鐵 馬 齊 名 驚 北 寇
山 河 恢 越 甸 金 甌 定 宇 壯 南 郊
Qua giáp chẩn Ân cừu, thiết mã tề danh kinh Bắc khấu;
Sơn hà khôi Việt điện, kim âu định vũ tráng Nam giao.
Khí giới nhuốm thù Ân, ngựa sắt vang danh kinh giặc Bắc;
Non sông về điện Việt, âu vàng ổn định mạnh giao Nam.

九 品 蓮 花 垂 接 引
七 重 寶 樹 放 光 明
Cửu phẩm liên hoa thuỳ tiếp dẫn;
Thất trùng bảo thụ phóng quang minh.
Chín phẩm hoa sen luôn nối tiếp;
Bảy trùng cây báu toả quang minh.

崇 恩 遍 覆 菩 提 地
慶 祝 流 芳 般 若 門
Sùng ân biến phú Bồ đề địa;
Khánh chúc lưu phương Bát nhã môn.
Đất Bồ đề được ơn đầy khắp;
Cửa Bát nhã mừng chúc thơm nhiều.

不 動 眞 如 相
無 移 自 在 身
Bất động chân như tướng;
Vô di tự tại thân.
Chẳng động tướng chân như;
Không dời thân tự tại.

積 累 祖 功 千 古 仰
炳 彪 將 業 歷 朝 封
Tích luỹ tổ công thiên cổ ngưỡng;
Bính bưu tướng nghiệp lịch triều phong.
Ngàn thuở tổ công cần gìn giữ;
Các triều nghiệp tướng vẫn sáng soi.

卓 偉 凜 鳴 勳 前 朝 名 將
昆 皇 隆 贈 典 上 等 福 神

Trác vĩ lẫm minh huân, tiền triều danh tướng;
Côn hoàng long tặng điển, thượng đẳng phúc thần.

Sự nghiệp tướng công huân, vang danh triều trước;
Huy hoàng thần sắc tặng, thượng đẳng thời nay.

生 爲 將 化 爲 神 歷 代 褒 封 名 不 朽
光 於 前 垂 於 後 千 秋 憑 藉 福 長 留

Sinh vi tướng, hoá vi thần, lịch đại bao phong danh bất hủ;
Quang ư tiền, thuỳ ư hậu, thiên thu bằng tạ phúc trường lưu.

Sống là tướng, chết thành thần, trải mấy triều tên vang bất hủ;
Trước vẻ vang, sau hưởng lộc, ngàn thu để phúc được dài lâu.

不 有 西 來 船 安 知 寶 筏 慈 航 爲 萬 家 佛
了 得 南 無 偈 方 識 祈 園 鷲 嶺 是 三 界 神

Bất hữu Tây lai thuyền, an tri Bảo phiệt Từ hàng vi vạn gia Phật;
Liễu đắc nam mô kệ, phương thức Kỳ viên Thứu lĩnh thị tam giới Thần.

Chẳng có thuyền Tây đến, đâu hay Bảo phiệt Từ hàng là vạn nhà Phật;
Hiểu được kệ Nam mô, mới biết Kỳ viên Thứu lĩnh ấy ba giới Thần.

啓 教 仗 慈 光 結 集 靈 文 三 寶 藏
永 承 憑 聖 德 弘 施 妙 手 一 楊 枝

Khải giáo trượng từ quang, kết tập linh văn tam bảo tạng;
Vĩnh thừa bằng thánh đức, hoằng thi diệu thủ nhất dương chi.

Giáo hoá dựa lòng từ, kết tập văn thiêng ba bảo tạng;
Kế thừa theo đức thánh, từng vung tay khéo một cành dương.

空 中 佛 眼 無 私 照
座 上 金 身 不 染 塵

Không trung Phật nhãn vô tư chiếu;
Toạ thượng kim thân bất nhiễm trần.

Tầng không mắt Phật không riêng chiếu;
Trên tòa thân kim chẳng bụi trần.

歷 朝 敕 贈 陳 王 顯
萬 古 靈 聲 國 史 傳

Lịch triều sắc tặng Trần vương hiển;
Vạn cổ linh thanh quốc sử truyền.

Trần vương hiển các triều sắc tặng;
Sử nước truyền vạn thuở anh linh.

國史書名心對乾坤完孝義
海波顯蹟水流晝夜效靈聲

Quốc sử thư danh, tâm đối càn khôn hoàn hiếu nghĩa;
Hải ba hiển tích, thuỷ lưu trú dạ hiệu linh thanh.
Sử nước chép tên, lòng đối đất trời tròn hiếu nghĩa;
Hải triều hiển tích, ngày đêm nước chảy tỏ anh linh.

自天星降塵一本鴻龐後裔
爲生民立業三座鄰邑遺臨

Tự thiên tinh giáng trần, nhất bản Hồng Bàng hậu duệ;
Vi sinh dân lập nghiệp, tam toà lân ấp di lâm.
Tự sao trời giáng trần, một gốc Hồng Bàng hậu duệ;
Vì dân sinh lập nghiệp, ba toà thôn xóm phụng thờ.

崇祠巍業存千古
寶命輝煌永萬年

Sùng từ nguy nghiệp tồn thiên cổ;
Bảo mệnh huy hoàng vĩnh vạn niên.
Đền thờ nghiệp lớn còn nghìn thuở;
Mệnh quý huy hoàng mãi vạn năm.

北地奉迎始於漢帝
南天崇尚盛自陳朝

Bắc địa phụng nghênh thuỷ ư Hán đế;
Nam thiên sùng thượng thịnh tự Trần triều.
Đất Bắc đón thờ kể từ vua Hán;
Trời Nam sùng chuộng thịnh ở triều Trần.

慈心普施十方春臺壽域
慧眼通知三界寒谷隆座

Từ tâm phổ thí thập phương xuân đài thọ vực;
Tuệ nhãn thông tri tam giới hàn cốc long toà.
Lòng từ ban rộng mười phương đài xuân đất thọ;
Mắt tuệ biết thông ba giới non lạnh toà xây.

玉色降皇宮九龍噴水
金身修雪嶺百鳥獻花

Ngọc sắc giáng hoàng cung, cửu long phún thủy;
Kim thân tu tuyết lĩnh, bách điểu hiến hoa.
Sắc ngọc giáng cung vua, chín rồng phun nước;
Thân vàng tu núi tuyết, chim chóc dâng hoa.

明 鏡 臺 高 紅 塵 不 染
寶 池 澤 潤 清 水 無 遍
Minh kính đài cao hồng trần bất nhiễm;
Bảo trì trạch nhuận thanh thủy vô biên.
Gương sáng nơi lầu cao đâu lấm bụi;
Ao trong chỗ nước thoáng chẳng vương nhơ.

驥 足 自 堪 馳 世 路
猿 心 無 處 入 禪 門
Ký túc tự kham trì thế lộ;
Viên tâm vô xứ nhập thiền môn.
Vó tuấn mã đường đời chẳng nệ;
Lòng vượn kia cửa Phật vô duyên.

教 友 往 來 弘 誓 願
佛 堂 修 念 道 爲 師
Giáo hữu vãng lai hoằng thệ nguyện;
Phật đường tu niệm đạo vi sư.
Giáo hữu vào ra tùng thệ nguyện;
Phật đường tu niệm đạo là thầy.

九 品 蓮 臺 金 相 端 嚴 垂 接 引
七 靈 寶 樹 玉 毫 閃 爍 放 光 明
Cửu phẩm liên đài, kim tướng đoan nghiêm thuỳ tiếp dẫn;
Thất linh bảo thụ, ngọc hào thiểm thước phóng quang minh.
Cửu phẩm đài sen kim tướng đoan nghiêm buông tiếp dẫn;
Thất linh cây báu ngọc hào sáng toả phóng quang minh.

燭 暗 導 迷 天 上 日
開 權 顯 實 聖 中 王
Chúc ám đạo mê thiên thượng nhật;
Khai quyền hiển thực thánh trung vương.
Soi tối chỉ mê mặt trời đó;
Mở quyền hiển thực thánh vương đây.

越 國 英 雄 興 道 將
藤 江 大 破 寇 元 兵

Việt quốc anh hùng Hưng Đạo tướng;
Đằng giang đại phá khấu Nguyên binh.
Anh hùng nước Việt Trần Hưng Đạo;
Đại phá giặc Nguyên giải Bạch Đằng.

聖德匡扶金本富
神功濟度貴鄉豐，

Thánh đức khuông phù Kim Bản phú;
Thần công tế độ Quý Hương phong.
Kim Bản giầu lên nhờ thánh giúp;
Quý Hương được khá bởi thần cho.

天固縱之鐘梅水毓龍岡出之爲宇宙撐扶兩朝勳烈
神之吊矣扇楊春沛高雨貫然使山川精彩萬禓聲靈

Thiên cố túng chi, Chung Mai thủy dục Long cương xuất chi vi vũ trụ, xanh phù lưỡng triều huân liệt;
Thần chi điếu hĩ, Phiến Dương xuân bái cao vũ, bí nhiên sử sơn xuyên tinh thái vạn tự thanh linh.
Trời đã cho rồi, Chung Mai nước dưỡng đồi rồng xuất hiện,
vì trời đất giúp hai triều lập công lớn;
Thần cũng thương vậy, Phiến Dương xuân tưới mưa lớn lại về,
khiến non sông tươi vạn sắc thiêng liêng.

堂樹深培葩繼發
天潢派衍水流長

Đường thụ thâm bồi ba kế phát;
Thiên hoàng phái diễn thủy lưu trường.
Cây tổ trồng sâu hoa tiếp nở;
Giòng đời chia chảy nước trường lưu.

厚基系衍初生枿
善宅枝延昔樹花

Hậu cơ hệ diễn sơ sinh điệt;
Thiện trạch chi diên tích thụ hoa.
Vững nền cây tiếp vừa sinh nhánh;
Nhà thiện cành đẹp lại nở hoa.

庶 系 繁 昌 憑 厚 蔭
歷 傳 豪 佑 貴 前 功
Thứ hệ phồn xương bằng hậu ấm;
Lịch truyền hào hựu bí tiền công.
Các hệ phồn vinh nhờ phúc ấm;
Nhiều đời cố gắng tỏ công xưa.

名 山 擬 尋 見 聞 錄
寰 海 猶 多 格 致 書
Danh sơn nghĩ tầm kiến văn lục;
Hoàn hải do đa cách trí thư.
Chép nghe thấy núi non dễ kiếm;
Viết điều hay trời biển còn nhiều.

有 植 斯 深 木 蔭 裁 餘 宜 得 實
惟 悠 故 遠 河 流 分 處 即 爲 源
Hữu thực tư thâm, mộc ấm tài dư nghi đắc thực;
Duy du cố viễn, hà lưu phân xử tức vi nguyên.
Có gốc sâu dầy, cây lớn cành nhiều nên được quả;
Suy tư cội cũ, sông dài chia nhánh vẫn là nguồn.

脈 引 山 腰 磻 石 象
案 浮 水 面 峙 雙 魚
Mạch dẫn sơn yêu bàn thạch tượng;
Án phù thuỷ diện trĩ song ngư.
Tượng đá vòng chia bên sườn núi;
Song ngư nổi rõ trước nước sông.

蓮 賦 扇 銘 遠 懷 祖 德
前 池 昔 樹 長 引 清 芬
Liên phú phiến minh viễn hoài tổ đức;
Tiền trì tích thụ trường dẫn thanh phân.
Cảm đức tổ làm thơ sen viết quạt;
Hương thơm bay nhớ cây cũ ao xưa.

落 花 輕 著 地
流 水 入 清 弦
Lạc hoa khinh trước địa;
Lưu thuỷ nhập thanh huyền.
Hoa rơi nhẹ trên đất;
Nước chảy tiếng đàn trong.

觀 竹 梅 以 養 性
聽 松 濤 而 壯 懷
Quan trúc mai dĩ dưỡng tính;
Thính tùng đào nhi tráng hoài.
Nhìn trúc mai để dưỡng tính;
Nghe tùng sóng mà tráng hoài (làm lớn hoài bão của mình).

多 栽 翠 竹 搖 清 影
獨 上 高 樓 看 遠 天
Đa tài thuý trúc dao thanh ảnh;
Độc thượng cao lâu khán viễn thiên.
Thuý trúc trồng nhiều lay bóng mát;
Lầu cao đứng ngắm thấy trời xa.

天 地 入 胸 誠 言 醒 世
文 章 有 道 哲 理 驚 人
Thiên địa nhập hung thành ngôn tỉnh thế;
Văn chương hữu đạo triết lý kinh nhân.
Trời đất vào tim thành ngôn tỉnh thế;
Văn chương có đạo triết lý kinh nhân.

梅 花 香 馥 琴 心 古
文 筆 縱 橫 鶴 步 閑
Mai hoa hương phức cầm tâm cổ;
Văn bút tung hoành hạc bộ nhàn.
Mai hoa hương ngát đàn tâm cổ;
Văn bút tung hoành bước hạc nhàn.

懷 若 竹 虛 臨 曲 水
氣 同 蘭 靜 在 春 風
Hoài nhược trúc hư lâm khúc thuỷ;
Khí đồng lan tĩnh tại xuân phong.
Lòng tựa trúc kia bên sông lượn;
Khí như lan nọ ở gió xuân

刪 繁 就 簡 三 秋 樹
領 異 標 新 二 月 花
San phồn tựu giản tam thu thụ;
Lĩnh dị tiêu tân nhị nguyệt hoa.

Bỏ phồn đến giản tam thu mộc;
Nhận lạ nêu tân nhị nguyệt hoa.

百 年 人 物 存 公 論
四 海 虛 名 只 憾 顏

Bách niên nhân vật tồn công luận;
Tứ hải hư danh chỉ hãn nhan.

Nổi tiếng trăm năm còn công luận;
Hư danh bốn biển chỉ nhọc lòng.

春 風 大 雅 能 容 物
秋 水 文 章 不 染 塵

Xuân phong đại nhã năng dung vật;
Thu thuỷ văn chương bất nhiễm trần.

Xuân phong đại nhã bao dung vật;
Thu thuỷ văn chương chẳng nhiễm trần.

舉 賢 任 能 興 國 計
拋 窮 致 富 利 民 生

Cử hiền nhậm năng hưng quốc kế;
Phao cùng trí phú lợi dân sinh.

Bổ nhiệm hiền năng hưng quốc kế;
Xóa nghèo, giàu có lợi dân sinh.

水 能 性 澹 爲 吾 友
竹 解 心 虛 是 我 師

Thuỷ năng tính đạm vi ngô hữu;
Trúc giải tâm hư thị ngã sư.

Nước luôn tính đạm làm bạn hữu;
Trúc giải tâm không xứng bậc thày.

胸 有 智 珠 終 日 潤
心 如 寶 鑒 一 身 明

Hung hữu trí châu chung nhật nhuận;
Tâm như bảo giám nhất thân minh.

Ngực có hạt châu chung nhật thấm;
Lòng như gương báu một thân minh.

有 關 家 國 書 常 讀
無 益 身 心 事 莫 爲

Hữu quan gia quốc thư thường độc;
Vô ích thân tâm sự mạc vi.

Nhà, nước biết lo sách thường đọc;
Thân, tâm vô cảm việc chẳng làm.

室 有 芝 蘭 氣 味 別
胸 無 城 府 天 地 寬
Thất hữu chi lan khí vị biệt;
Hung vô thành phủ thiên địa khoan.
Nhà có chi lan khí vị lạ;
Người không thành phủ trời đất khoan.

每 臨 大 事 有 靜 氣
不 信 今 時 無 古 賢
Mỗi lâm đại sự hữu tĩnh khí;
Bất tín kim thời vô cổ hiền.
Mỗi khi đại sự có tĩnh khí;
Đâu biết ngày nay không cổ hiền.

胸 中 存 事 業
筆 底 鼓 風 濤
Hung trung tồn sự nghiệp;
Bút để cổ phong đào.
Trong lòng còn sự nghiệp;
Nhấc bút dấy sóng gió.

開 圖 草 裡 驚 蛇 亂
下 筆 階 前 掃 葉 忙
Khai đồ thảo lý kinh xà loạn;
Hạ bút giai tiền tảo diệp mang.
Mở đường trong cỏ kinh loài rắn;
Hạ bút trước thềm quét lá đầy.

立 身 只 覺 乾 坤 小
放 眼 始 知 宇 宙 寬
Lập thân chỉ giác càn khôn tiểu;
Phóng nhãn thuỷ tri vũ trụ khoan.
Lập thân chỉ thấy càn khôn nhỏ;
Phóng mắt mới hay vũ trụ khoan (rộng lớn).

山 高 自 有 人 行 路
海 闊 不 乏 破 浪 舟
Sơn cao tự hữu nhân hành lộ;
Hải khoát bất phạp phá lãng chu.

Non cao tự có người leo tới;
Bể rộng lo gì kẻ vượt khơi.

書 山 有 路 勤 爲 徑
學 海 無 涯 苦 作 舟

Thư sơn hữu lộ cần vi kính;
Học hải vô nhai khổ tác châu.

Núi sách có đường, chuyên cần đi tắt;
Bể học vô bến, phải khổ làm thuyền.

雅 琴 飛 白 雪
高 論 橫 青 雲

Nhã cầm phi bạch tuyết;
Cao luận hoành thanh vân.

Đàn hay bay tuyết trắng;
Cao luận sánh mây xanh.

瘦 影 當 窗 梅 得 月
涼 雲 滿 地 竹 籠 煙

Sấu ảnh đương song mai đắc nguyệt;
Lương vân mãn địa trúc lung yên.

Bóng mảnh bên song mai sánh nguyệt;
Mây lành phủ đất trúc lồng yên.

政 以 德 成 一 人 有 喜
福 從 天 降 萬 壽 無 彊

Chính dĩ đức thành nhất nhân hữu hỷ;
Phúc tòng thiên giáng vạn thọ vô cương.

Chính trị lấy đức thành người người vui vẻ;
Phúc lành theo trời giáng vạn thọ vô cương.

芳 草 有 情 皆 礙 馬
好 雲 無 處 不 遮 樓

Phương thảo hữu tình giai ngại mã;
Hảo vân vô xứ bất già lâu.

Cỏ thơm có tình khiến ngựa đứng;
Mây lành không xứ chẳng che lầu.

筆 架 硯 池 辭 海
詩 花 墨 雨 書 林

Bút giá nghiên trì từ hải;
Thi hoa mặc vũ thư lâm.

Bút giá nghiên ao lời tựa bể;
Thơ hoa mực vũ sách như rừng.

入室詩書多少事
開軒山邑有無中
Nhập thất thi thư đa thiểu sự;
Khai hiên sơn ấp hữu vô trung.
Vào cửa thi thư bao nhiêu việc;
Mở hiên ấp núi hữu vô trung.

木本水源憑原蔭
星移物換幾因由
Mộc bản thủy nguyên bằng nguyên ấm;
Tinh di vật hoán kỷ nhân do.
Cây gốc nước nguồn bao phúc ấm;
Sao dời vật đổi mấy nguyên do.

窗含春色墨生艷
筆吐眞情詩出新
Song hàm xuân sắc mặc sinh diễm;
Bút thổ chân tình thi xuất tân.
Song ngậm sắc xuân sinh hoa mực;
Bút phô tình thực xuất tân thi.

貞如翠竹明于雪
靜似蒼松矯若龍
Trinh như thuý trúc minh vu tuyết;
Tĩnh tự thương tùng kiểu nhược long.
Trinh như trúc biếc minh về tuyết;
Tĩnh tựa tùng xanh uốn giống rồng.

琴言清若水
詩夢暖於春
Cầm ngôn thanh nhược thuỷ;
Thi mộng noãn ư xuân.
Tiếng cầm trong giống nước;
Thơ mộng ấm như xuân.

無私無畏千秋正氣
至大至剛萬古長春

Vô tư vô uý thiên thu chính khí;
Chí đại chí cương vạn cổ trường xuân.
Không riêng không sợ nghìn thu chính khí;
Chí đại chí cương muôn thuở trường xuân.

虹 雨 隨 心 翻 作 浪
青 山 著 意 化 爲 橋
Hồng vũ tuỳ tâm phiên tác lãng;
Thanh sơn trước ý hoá vi kiều.
Mưa ráng tuỳ lòng mà dậy sóng;
Non xanh nẩy ý hoá thành cầu.

楊 柳 不 隨 春 色 老
勁 松 唯 有 歲 寒 知
Dương liễu bất tuỳ xuân sắc lão;
Kình tùng duy hữu tuế hàn tri.
Dương liễu chẳng theo xuân già lão;
Kình tùng chỉ có rét biết thôi.

青 山 不 墨 千 秋 畫
流 水 無 弦 萬 古 詩
Thanh sơn bất mặc thiên thu hoạ;
Lưu thuỷ vô huyền vạn cổ thi.
Non xanh không mực nghìn thu hoạ;
Nước chẩy không đàn muôn thuở thi.

議 論 不 隨 流 俗 變
襟 懷 聊 與 水 雲 閒
Nghị luận bất tuỳ lưu tục biến;
Khâm hoài liêu dữ thuỷ vân gian.
Nghị luận chẳng theo dòng tục biến;
Tấm lòng cùng với nước mây còn.

晨 窗 几 靜 安 平 日
草 屋 風 清 自 在 年
Thần song kỷ tĩnh an bình nhật;
Thảo ốc phong thanh tự tại niên.
Song mai án tĩnh yên bình vậy;
Nhà cỏ gió thanh mãn nguyện rồi.

與有肝膽人共事
從無字句處讀書
Dữ hữu can đảm nhân cộng sự;
Tòng vô tự cú xứ độc thư.
Cùng kẻ can trường mà cộng sự;
Đến nơi ít chữ để đọc thư.

世間有水皆歸海
天下無山不是雲
Thế gian hữu thuỷ giai quy hải;
Thiên hạ vô sơn bất thị vân.
Sông khắp thế gian đều về biển;
Núi trong thiên hạ đọng ấy mưa.

春風來時宜會良友
秋月明處常思故鄉
Xuân phong lai thời nghi hội lương hữu;
Thu nguyệt minh xứ thường tư cố hương.
Lúc gió xuân về họp cùng bạn tốt;
Nơi trăng thu sáng thường nhớ quê hương.

天賦清高絕流俗
老垂著作貽子孫
Thiên phú thanh cao tuyệt lưu tục;
Lão thuỳ trước tác di tử tôn.
Trời phú thanh cao, biệt trần tục;
Già lưu trước tác, di tử tôn.

頤養人生陶情翰墨
溫清品性得趣竹蘭
Di dưỡng nhân sinh đào tình hàn mặc;
Ôn thanh phẩm tính đắc thú trúc lan.
Nuôi dưỡng nhân sinh thoả tình bút mực;
Ấm trong phẩm tính hưởng thú trúc lan.

常居名山得遠志
偶撫貞松探茯苓
Thường cư danh sơn đắc viễn chí;
Ngẫu phủ trinh tùng thám phục linh.

Thường cư danh sơn gặp viễn chí;
Ngẫu vỗ tùng già được phục linh.

小 隱 樓 頭 容 世 變
高 懷 籬 外 飽 霜 開

Tiểu ẩn lâu đầu dung thế biến;
Cao hoài ly ngoại bão sương khai.

Ẩn náu trên lầu dung thế biến;
Vọng hoài ngoài dậu ngập sương dăng.

萬 物 靜 觀 皆 自 得
四 時 佳 興 與 人 同

Vạn vật tĩnh quan giai tự đắc;
Tứ thời giai hứng dữ nhân đồng.

Muôn vật lặng nhìn đều thích cả;
Bốn mùa hứng thú với người cùng.

世 間 清 品 至 蘭 極
賢 者 虛 懷 與 竹 同

Thế gian thanh phẩm chí lan cực;
Hiền giả hư hoài dữ trúc đồng.

Thế gian phẩm hạnh lan tột bậc;
Hiền giả vọng hoài trúc tương đồng.

風 雨 多 經 人 不 老
關 山 初 度 路 猶 長

Phong vũ đa kinh nhân bất lão;
Quan sơn sơ độ lộ do trường.

Mưa gió trải nhiều người bất lão;
Quan sơn vừa vượt lộ còn dài.

祖 功 宗 德 培 之 遠
子 孝 孫 慈 繼 也 長

Tổ công tông đức bồi chi viễn;
Tử hiếu tôn từ kế dã trường.

Tổ công tông đức còn thơm dấu;
Cháu thảo con hiền sáng mãi gương.

紙 上 得 來 終 覺 淺
心 中 悟 出 始 知 深

Chỉ thượng đắc lai chung giác thiển;
Tâm trung ngộ xuất thủy tri thâm.

Trên giấy bày dòng chung cục thiển;
Trong lòng ngộ xuất mới biết sâu.

事 能 知 足 心 常 愜
人 到 無 求 品 自 高
Sự năng tri túc tâm thường khiếp;
Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.
Việc luôn biết đủ tâm thường thoả;
Người chẳng mưu cầu phẩm hạnh cao.

品 若 梅 花 香 在 骨
人 如 秋 水 玉 爲 神
Phẩm nhược mai hoa hương tại cốt;
Nhân như thu thuỷ ngọc vi thần.
Phẩm hạnh giống mai hoa thơm cốt cách;
Con người như thu thuỷ quý tinh thần.

雲 鶴 有 奇 翼
海 鷗 無 世 情
Vân hạc hữu kỳ dực;
Hải âu vô thế tình.
Vân hạc bay về điểm hẳn lạ;
Hải âu lướt cánh thế tình không.

水 清 魚 讀 月
山 靜 鳥 談 天
Thuỷ thanh ngư độc nguyệt;
Sơn tĩnh điểu đàm thiên.
Nước trong cá đọc nguyệt;
Non tĩnh điểu đàm kinh.

鳳 翥 王 開 大 昌 筆 陣
龍 翔 四 海 以 書 會 友
Phượng chử vương khai đại xương bút trận;
Long tường tứ hải dĩ thư hội hữu.
Phượng liệng vương khai vẻ vang bút trận;
Rồng bay bốn biển hội họp bạn bè.

道 通 天 地 有 形 外
思 入 風 雲 變 幻 中
Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại;
Tư nhập phong vân biến ảo trung.

Đạo thông trời đất hữu hình ngoại;
Ý nhập gió mây biến ảo trung.

道心澹泊對流水
字體變化如浮雲

Đạo tâm đạm bạc đối lưu thuỷ;
Tự thể biến hoá như phù vân.

Đạo tâm bình tĩnh trước dòng chảy;
Tự thể đổi thay tựa mây vần.

酒香留客住
詩好帶風吟

Tửu hương lưu khách trú;
Thi hảo đới phong ngâm.

Rượu quý lưu khách trú;
Thơ hay sính ca ngâm.

浮生榮辱公能忘
老味鹹酸我亦諳

Phù sinh vinh nhục công năng vong;
Lão vị hàm toan ngã diệc am.

Cuộc đời vinh nhục ông đừng nhớ;
Già nếm mặn cay tôi đã từng.

大器量天空海闊
眞聰明岳岈淵渟

Đại khí lượng thiên không hải khoát;
Chân thông minh nhạc áo uyên đình.

Đại độ lượng như trời cao biển rộng;
Cực thông minh tựa núi lớn vực sâu.

不敢妄爲些許事
只因多讀數行書

Bất cảm vọng vi ta hứa sự;
Chỉ nhân đa độc sổ hàng thư.

Không dám làm xằng, ít hẹn việc;
Chỉ do ham đọc, mấy hàng thư.

眼中淪海小
衣上白雲多

Nhãn trung luân hải tiểu;
Y thượng bạch vân đa.

Trong mắt sóng biển nhỏ;
Trên khăn mây trắng nhiều.

春舊花不落
風靜月常明
Xuân cựu hoa bất lạc;
Phong tĩnh nguyệt thường minh.
Xuân cũ hoa không rụng;
Gió yên nguyệt thường trong.

大漠孤煙直
長河落日圓
Đại mạc cô yên trực;
Trường hà lạc nhật viên.
Sa mạc lớn làm trơ cột khói đứng;
Đại giang dài lơ lửng mặt trời tròn.

畫意詩情景無盡
春風秋月趣常殊
Hoạ ý thi tình cảnh vô tận;
Xuân phong thu nguyệt thú thường thù.
Ý tranh tình thơ cảnh vô tận;
Gió xuân thu nguyệt thú lạ thường.

美酒飲於微醉後
好花看到半開時
Mỹ tửu ẩm ư vi tuý hậu;
Hảo hoa khán đáo bán khai thì.
Rượu ngon uống sau lúc đã hơi say;
Hoa đẹp xem khi vừa hé nở.

心無俗慮精神爽
室有清淡智慧開
Tâm vô tục lự tinh thần sảng;
Thất hữu thanh đạm trí tuệ khai.
Lòng không suy nghĩ tinh thần sảng;
Nhà có thanh cao trí tuệ sinh.

勤儉別懸心上鏡
孝慈深印腦中筋

Cần kiệm biệt huyền tâm thượng kính;
Hiếu từ thâm ẩn não trung cân.
Cần kiệm nếu cao gương sáng láng;
Hiếu từ sâu nặng lõi bền lâu.
(Nhà thờ họ Đặng, Nam Đàn)

大國不易教不遍俗且尊崇之亦信斯文原有用
吾儒要通經要識時無拘固也尚思聖訓永相敦

Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, thả tôn sùng chi,
diệc tín tư văn nguyên hữu dụng;
Ngô nho yếu thông kinh, yếu thức thời, vô câu cố dã,
thượng tư thánh huấn vĩnh tương đôn.
Nước lớn nguyên giáo hoá, nguyên phong tục, vẫn tin cẩn,
lại tôn sùng văn hoá này đắc dụng;
Nhà Nho phải thông kinh, phải thức thời, không câu nệ,
chuộng tư thánh,đạo xưa dạy dài lâu.

士夫報答謂何哉朝廷選就之思國家崇尚之意
世道維持視此耳禮樂衣冠所萃聲名文物所都

Sĩ phu báo đáp vị hà tai! Triều đình tuyển tựu chi ân,
quốc gia sùng thượng chi ý;
Thế đạo duy trì thị thử nhĩ! Lễ nhạc y quan sở tuy,
thanh danh văn vật sở đô.
Sĩ phu báo đáp những gì thay! Ơn tuyển chọn của triều đình,
dụng ý quốc gia sùng chuộng;
Thế đạo duy trì nhờ đây vậy! Lễ nhạc y quan họp lại,
xứng nơi văn vật thanh danh.

奎星天朗人文闡
碧水春深道脈長

Khuê tinh thiên lãng nhân văn xiển;
Bích thuỷ xuân thâm đạo mạch trường.
Sao khuê, trời sáng, nhân văn tỏ;
Nước biếc, xuân sâu, đạo mạch dài.

熙朝粉飾隆文治
傑閣眞藏集大觀

Hy triều phấn sức long văn trị;
Kiệt các chân tàng tập đại quan.
Triều thịnh điểm tô văn trị thịnh;
Gác cao tàng giữ đại quan thành.

車 書 共 道 今 天 下
科 甲 聯 題 古 學 宮
Xa thư cộng đạo kim thiên hạ;
Khoa giáp liên đề cổ học cung.
Xa thư một mối thiên hạ tại;
Khoa giáp liên đề nhà học xưa.

科 甲 中 來 名 不 朽
宮 墻 望 外 道 彌 尊
Khoa giáp trúng lai danh bất hủ;
Cung tường vọng ngoại đạo di tôn.
Khoa giáp trúng rồi, tên không nát;
Học đường vọng ngoại, đạo càng cao.

立 人 標 表 開 人 徑
度 世 津 梁 覺 世 關
Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;
Độ thế tân lương giác thế quan.
Cốt yếu lập nhân khai đường tắt;
Giúp đời phương cách biết đường đi.

慶 瑞 一 峰 高 玉 佩 築 鯨 傳 勝 跡
釣 臺 雙 廟 峙 靈 金 耀 斗 護 神 光
Khánh Thuỵ nhất phong cao, ngọc bội trúc kình truyền thắng tích;
Điếu đài song miếu trĩ, linh kim diệu đấu hộ thần quang.
Khánh Thuỵ một ngọn cao, ngọc bội dựng xây truyền thắng tích;
Điếu đài đôi miếu lập, rùa vàng soi rọi hộ thần quang.

故 殿 湖 山 留 旺 氣
新 祠 香 火 接 餘 靈
Cố điện hồ sơn lưu vượng khí;
Tân từ hương hoả tiếp dư linh.
Hồ núi đô xưa lưu vượng khí;
Tân từ hương hoả tiếp dấu thiêng.

人 間 文 學 無 權 全 憑 陰 德
天 上 主 可 有 眼 單 有 心 田
Nhân gian văn học vô quyền, toàn bằng âm đức;
Thiên thượng chủ khả hữu nhãn, đan hữu tâm điền.

Sự học nhân gian chẳng quyền hành, dựa vào âm đức;
Trên cao công trời còn có mắt, nhìn rõ tâm điền.

論 事 常 存 忠 厚 心 勿 大 分 黑 白
爲 文 不 作 輕 薄 語 徒 自 逞 雌 黃

Luận sự thường tồn trung hậu tâm, vật đại phân hắc bạch;
Vi văn bất tác khinh bạc ngữ, đồ tự sính thư hoàng.

Bàn luận việc giữ lòng trung hậu, chớ phân chia đen trắng;
Làm văn đừng ngụ ý bạc khinh, tự chuốc lấy chê bai.

紫 氣 光 回 天 咫 尺
紅 塵 望 隔 水 東 南

Tử khí quang hồi thiên chỉ xích;
Hồng trần vọng cách thuỷ đông nam.

Khí tía rọi về trời gang tấc;
Bụi hồng cách nẻo nước về đông.

不 厭 湖 上 月
宛 在 水 中 央

Bất yếm hồ thượng nguyệt;
Uyển tại thuỷ trung ương.

Chẳng chán trăng trên hồ;
Vẫn như giữa làn nước.

靈 湖 弱 水 隨 緣 渡
塵 境 仙 洲 有 路 通

Linh Hồ, Nhược thuỷ tuỳ duyên độ;
Lộ cảnh, tiên châu hữu lộ thông.

Linh Hồ, Nhược thuỷ theo duyên tới;
Trần cảnh, cõi tiên có đường thông.

綠 青 依 舊 色
黃 白 拜 新 年

Lục thanh y cựu sắc;
Hoàng bạch bái tân niên.

Biếc xanh vẫn như cũ;
Vàng trắng bái tân niên.

一 塵 無 染 色
四 序 皆 常 春

Nhất trần vô nhiễm sắc;
Tứ tự giai thường xuân.
Bụi trần không một hạt;
Hết thẩy xuân bốn mùa.

九天日月開新運
萬國笙歌醉太平
Cửu thiên nhật nguyệt khai tân vận;
Vạn quốc sênh ca tuý thái bình.
Nhật nguyệt chín tầng khai vận mới.
Vạn quốc sênh ca tuý thái bình.

五色雲中開曉日
萬年枝上動春風
Ngũ sắc vân trung khai hiểu nhật;
Vạn niên chi thượng động xuân phong.
Năm sắc trong mây khai ngày hửng;
Muôn năm trên cành chuyển gió xuân.

四海風光隨處好
滿天雨露應時新
Tứ hải phong quang tuỳ xứ hảo;
Mãn thiên vũ lộ ứng thời tân.
Bốn bể phong quang nơi nơi tốt;
Đầy trời mưa móc ứng thời tân.

一庭花影三更月
十里松陰百道泉
Nhất đình hoa ảnh tam canh nguyệt;
Thập lý tùng âm bách đạo tuyền.
Mười dặm bóng tùng trăm nẻo suối;
Một sân hoa ảnh nửa đêm trăng.

和氣盈門迎瑞氣
春光滿眼映文光
Hoà khí doanh môn nghênh thụy khí;
Xuân quang mãn nhãn ánh văn quang.
Hoà khí đầy nhà mừng thuỵ khí;
Xuân quang ngợp mắt ánh văn quang.

堂 上 椿 萱 輝 旭 日
階 前 蘭 桂 長 春 風
Đường thượng xuân huyên huy húc nhật;
Giai tiền lan quế trưởng xuân phong.
Trên nhà cha mẹ vui rạng rỡ;
Dưới thềm con cháu hưởng gió xuân.

鶯 聲 田 暖 鳴 金 谷
麟 趾 風 和 步 玉 堂
Oanh thanh điền noãn minh kim cốc;
Lân chỉ phong hoà bộ ngọc đường.
Nhà ngọc gió hoà lân in dấu;
Hang vàng nắng ấm tiếng oanh ca.

一 泓 秋 水 餘 清 氣
滿 室 春 風 散 異 香
Nhất hoằng thu thủy dư thanh khí;
Mãn thất xuân phong tản dị hương,.
Một hồ thu thuỷ thừa thanh khí;
Đầy thất xuân phong tỏa dị hương.

門 庭 春 暖 生 光 彩
田 畝 年 豐 樂 太 平
Môn đình xuân noãn sinh quang khí;
Điền mẫu niên phong lạc thái bình.
Cửa nhà xuân ấm sinh vẻ đẹp;
Vườn ruộng được mùa hưởng thái bình.

椿 萱 日 月 風 光 好
蘭 桂 春 秋 景 色 多
Xuân huyên nhật nguyệt phong quang hảo;
Lan quế xuân thu cảnh sắc đa.
Xuân huyên ngày tháng phong quang đẹp;
Lan quế xuân thu cảnh sắc tươi.

千 里 風 雲 培 玉 樹
十 分 雨 露 發 金 花
Thiên lý phong vân bồi ngọc thụ;
Thập phân vũ lộ phát kim hoa.
Gió mây nghìn dặm bồi cây ngọc;
Mưa móc mười phần nẩy đóa vàng.

日暖華堂來紫燕
春來玉樹發青枝
Nhật noãn hoa đường lai tử yến;
Xuân lai ngọc thụ phát thanh chi.
Ngày ấm nhà hoa về yến quý.
Xuân về cây ngọc nẩy cành xanh.

幾點梅花迎淑氣
數聲鳥語鬧春光
Kỷ điểm mai hoa nghênh thục khí;
Sổ thanh điểu ngữ náo xuân quang.
Mấy chấm hoa mai nghênh khí tốt;
Vài lời chim hót náo xuân vui.

平安竹長千年碧
富貴花開一品紅
Bình an trúc trưởng thiên niên bích;
Phú quý hoa khai nhất phẩm hồng.
Bình an trúc lớn nghìn năm biếc;
Phú quý nở hoa một đoá hồng.

堂開曉日光中好
人坐春風分外清
Đường khai hiểu nhật quang trung hảo;
Nhân toạ xuân phong phân ngoại thanh.
Nắng mai cửa mở phong quang đẹp;
Đón gió người ngồi mát mẻ thay.

四時和氣春常在
一室安居慶有餘
Tứ thời hoà khí xuân thường tại.
Nhất thất an cư khánh hữu dư.
Quanh năm hoà khí xuân còn mãi;
Gia cảnh an cư đẹp có thừa.

風發龍門春浪暖
日陰雁塔曉雲開
Phong phát long môn xuân lãng noãn;
Nhật âm nhạn tháp hiểu vân khai.

Gió thổi long môn làn xuân ấm;
Nắng soi nhạn tháp áng mây trôi.

欲 培 福 地 耕 心 地
且 种 書 田 作 稻 田
Dục bồi phúc địa canh tâm địa;
Thả chủng thư điền tác đạo điền.
Muốn bồi phúc địa phải canh tâm địa;
Muốn cấy thư điền phải tác đạo[1] điền.

詩 書 滿 座 風 雲 氣
孝 友 一 堂 富 貴 春
Thi thư mãn toạ phong vân khí;
Hiếu hữu nhất đường phú quý xuân.
Thi thư đầy sảnh phong vân khí ;
Hiếu hữu một nhà phú quý xuân.

春 來 也 魚 龍 變 化
時 至 矣 桃 李 芳 菲
Xuân lai dã, ngư long biến hoá;
Thời chí hỹ, đào lý phương phi.
Xuân về đấy, cá rồng biến hoá
Thời đến rồi, đào mận đơm hoa.

階 下 芝 蘭 迎 旭 日
庭 前 桃 李 藹 春 風
Giai hạ chi lan nghênh húc nhật;
Đình tiền đào lý ái xuân phong.
Dưới bậc chi lan nghênh nắng sớm;
Trước xuân đào lý đón xuân sang.

春 發 其 華 秋 結 其 實
業 精 於 勤 行 成 於 思
Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;
Nghiệp tinh ư động, hành thành ư tư.
Xuân phát về vẻ, thu hết về thực;
Nghiệp tinh ở cần, hành tinh ở tư.

禮 以 制 行 樂 以 和 德
儉 則 足 用 勤 則 有 功

Lễ dĩ chế hành, nhạc dĩ hoà đức;
Kiệm tắc túc dụng, cần tắc hữu công.
Lễ để chế hành, nhạc để hoà đức;
Kiệm thì dùng đủ, cần thì có công.

蘭桂聯芳一种天香浮錦砌
椿萱並秀十分春色麗華堂

Lan quế liên phương , nhất chủng thiên hương phù cẩm thế;
Xuân huyên tịnh tú, thập phân xuân sắc lệ hoa đường.
Lan quế thơm hoa, một thể thêm hương phô thềm gấm;
Xuân huyên tươi tốt, mười phần xuân sắc đẹp nhà hoa.

春日麗華堂郁郁椿萱榮玉葉
瑞香浮錦砌森森蘭桂萬金葩

Xuân nhật lệ hoa đường úc úc xuân huyên vinh ngọc diệp;
Thuỵ hương phù cẩm thế sâm sâm lan quế vạn kim ba.
Xuân nhật đẹp hoa đường, rực rỡ xuân huyên tươi lá ngọc;
Hương lành phô thềm gấm, xum xuê lan quế đẹp bông vàng.

不是慈孝友恭更有何事可樂
只此文章道義便云到處皆春

Bất thị từ hiếu hữu cung, cánh hữu hà sự khả lạc;
Chỉ thử văn chương đạo nghiã, tiện vân đáo xứ giai xuân;
Chưa thật từ hiếu hữu cung, cũng thấy vui tươi mọi việc;
Chỉ là văn chương đạo nghĩa, liền mừng khắp chốn đều xuân

春色壯華居雲氣飛來開書錦
桂陰森玉樹天香時動映華堂

Xuân sắc tráng hoa cư, vân khí phi lai khai thư cẩm;
Quế âm sâm ngọc thụ, thiên hương thời động ánh hoa đường.
Xuân sắc đẹp hoa cư, vận khí bay về tươi sách gấm;
Quế âm lồng ngọc thụ, thiên hương lay động ánh hoa đường.

客至豈空談四壁圖書聯當酒
春來無別事一簾風月欲催詩

Khách chí khởi không đàm, tứ bích đồ thư liên đương tửu;
Xuân lai vô biệt sự, nhất liêm phong nguyệt dục thôi thi.
Khách đến há chuyện suông, bốn vách đồ thư mời nhau rượu;
Xuân về vô sự khác, một rèm phong nguyệt muốn đề thơ.

萬 丈 青 雲 才 子 路
一 輪 皓 月 眾 家 燈
Vạn trượng thanh vân tài tử lộ;
Nhất luân hạo nguyệt chúng gia đăng.
Muôn trượng mây xanh, đường tài tử;
Một vầng trăng sáng, nến mọi nhà.

溶 溶 夜 月 燈 連 市
藹 藹 春 光 花 滿 城
Dung dung dạ nguyệt đăng liên thị;
Ái ái xuân quang hoa mãn thành.
Lung linh đêm nguyệt đèn liền thị;
Tao nhã ánh xuân hoa khắp thành.

銀 登 輝 映 千 街 月
玉 炬 光 搖 萬 户 春
Ngân đăng huy ánh thiên nhai nguyệt;
Ngọc cự quang dao vạn hộ xuân.
Đèn bạc sáng bừng nghìn lối nguyệt;
Đuốc vàng soi khắp vạn hộ xuân.

平 安 竹 報 全 家 慶
富 貴 花 開 滿 堂 春
Bình an trúc báo toàn gia khánh;
Phú quý hoa khai mãn đường xuân.
Trúc báo bình an toàn gia thịnh;
Hoa khai phú quý khắp nhà xuân.

碧 水 環 門 龍 起 舞
丹 山 繞 室 鳳 飛 鳴
Bích thuỷ hoàn môn long khởi vũ;
Đan sơn nhiễu thất phượng phi minh.
Sông biếc bao quanh như rồng múa;
Núi son uốn lượn tựa phượng bay.

靜 向 庭 中 看 鶴 舞
閒 從 户 外 聽 鶯 歌
Tĩnh hướng đình trung khan hạc vũ;
Nhàn tòng hộ ngoại thính oanh ca.
Trong sân tĩnh lặng xem hạc múa;
Ngoài cổng thanh nhàn lắng oanh ca.

勤 與 儉 治 家 上 策
和 而 忍 處 世 良 規
Cần dữ kiệm trị gia thượng sách;
Hoà nhi nhẫn xử thế lương quy.
Cần kiệm trị gia là sách tốt;
Nhẫn hoà xử thế ấy phép hay.

忠 厚 傳 家 安 且 吉
公 平 處 世 熾 而 昌
Trung hậu truyền gia an thả cát;
Công bằng xử thế xí nhi xương.
Trung hậu truyền gia an lại tốt;
Công bằng xử thế đẹp mà hay.

碧 桃 紅 杏 乾 坤 景
暖 日 和 風 宇 宙 春
Bích đào hồng hạnh càn khôn cảnh;
Noãn nhật hoà phong vũ trụ xuân.
Hạnh hồng đào biếc càn khôn cảnh;
Ngày ấm gió hoà vũ trụ xuân.

傳 家 萬 事 皆 宜 忍
教 子 千 方 不 外 勤
Truyền gia vạn sự giai nghi nhẫn.
Giáo tử thiên phương bất ngoại cần.
Muôn việc truyền gia cần lấy nhẫn;
Nghìn phương dạy trẻ chẳng ngoài "cần".

座 擁 書 城 謀 素 志
門 迎 鴈 塔 望 題 名
Toạ ủng thư thành mưu tố chí;
Môn nghênh nhạn tháp vọng đề danh.
Nhà giúp thành thư mưu chí hướng;
Môn nghênh nhạn tháp vọng danh đề.

待 人 寬 三 分 是 福
處 世 讓 一 步 爲 高
Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;
Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.

Đãi người rộng ba phần là phúc;
Xử thế nhường một bước mới cao.

瑞 氣 生 來 唯 孝 悌
家 聲 振 起 是 詩 書
Thuỵ khí sinh lai duy hiếu đễ;
Gia thanh chấn khởi thị thi thư.
Khí tốt sinh ra duy hiếu đễ;
Gia thanh hưng chấn ấy thi thư.

光 借 清 風 明 借 月
動 觀 流 水 靜 觀 山
Quang tá thanh phong minh tá nguyệt;
Động quan lưu thuỷ tĩnh quan sơn.
Quang mượn thanh phong minh mượn nguyệt;
Động nhìn nước chảy tĩnh nhìn non.

同 心 兄 弟 眞 師 友
得 意 文 章 祇 性 情
Đồng tâm huynh đệ chân sư hữu;
Đắc ý văn chương chỉ tính tình.
Huynh đệ đồng tâm như sư hữu;
Văn chương đắc ý thỏa tính tình.

處 世 莫 如 積 德
傳 家 還 是 讀 書
Xử thế mạc như tích đức;
Truyền gia hoàn thị độc thư.
Xử thế chẳng gì bằng tích đức;
Truyền gia duy nhất đúng độc thư.

靜 以 修 身 儉 以 養 德
入 則 篤 行 出 則 友 賢
Tĩnh dĩ tu thân, kiệm dĩ dưỡng đức;
Nhập tắc đốc hành, xuất tắc hữu hiền.
Tĩnh để tu thân, kiệm để dưỡng đức;
Nhập thì quyết làm, xuất thì giúp bạn.

金 石 其 心 芝 蘭 其 室
仁 義 爲 友 道 德 爲 師

Kim thạch kỳ tâm, chi lan kỳ thất;
Nhân nghĩa vi hữu, đạo đức vi sư.
Vàng đá là tâm, chi lan là thất;
Nhân nghĩa làm bạn, đạo đức làm thầy.

慈孝友恭一堂吉慶
詩書禮樂滿室榮華
Từ hiếu hữu cung nhất đường cát khánh;
Thi thư lễ nhạc mãn thất vinh hoa.
Từ hiếu hữu cung, một nhà tốt phúc;
Thi thư lễ nhạc, đầy cửa vinh hoa.

春發其華秋結其實
行先乎孝藝裕乎文
Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;
Hành tiên hồ hiếu, nghệ dụ hồ văn.
Xuân phát về hoa, thu kết về thực;
Hành đầu ở hiếu, tài nghệ ở văn.

是訓是行纂乃祖考
有典有則貽厥子孫
Thị huấn thị hành toản nãi tổ khảo;
Hữu điển hữu tắc di quyết tử tôn.
Việc huấn việc hành, tổ tiên hợp lại;
Có phép có tắc con cháu kế thừa.

積慶仰前徽世德相承所愛箕裘繼美
發祥看後裔家修勿替還其蘭桂騰芳
Tích khánh ngưỡng tiền huy, thế đức tương thừa, sở ái cơ cầu kế mỹ;
Phát tường khán hậu duệ, gia tu vật thế, hoàn kỳ lan quế đằng phương.
Tích đức ngưỡng tiền nhân, đạo đức kế thừa, kính ái dõi truyền tục mỹ;
Phát tường xem hậu duệ, nếp nhà chớ bỏ, quế lan tiếp nối thơm hương.

滿架圖書都市當行孝弟
盈庭草木莫非祇種芝蘭
Mãn giá đồ thư đô thị đương hành hiếu đễ;
Doanh đình thảo mộc mạc phi chi chủng chi lan.
Đầy giá đồ thư đều là thực hành hiếu đễ;
Một sân thảo mộc gì hơn loài quý chi lan.

柳 綠 桃 紅 四 面 雲 山 舒 錦 繡
蘭 芳 桂 馥 滿 庭 花 木 獻 文 章
Liễu lục đào hồng tứ diện vân sơn thư cẩm tú;
Lan phương quế phức mãn đình hoa mộc hiến văn chương.
Liễu thắm đào hồng, bốn mặt núi mây giăng gấm dệt;
Lan thơ quế ngát, đầy sân hoa mộc hiến văn chương.

無 事 樂 琴 棋 上 斷 春 風 林 下 趣
有 舒 遺 子 弟 還 期 秋 月 桂 中 攀
Vô sự lạc cầm kỳ thượng đoạn xuân phong lâm hạ thú;
Hữu thư di tử đệ hoàn kỳ thu nguyệt quế trung phan.
Nhàn tản thú cầm kỳ, hứng lấy gió xuân ùa dưới lá;
Rỗi việc truyền con trẻ, hẹn kỳ thu nguyệt vịn quế cành.

積 德 勝 遺 金 處 世 當 遵 司 馬 訓
惟 善 以 爲 寶 持 身 宜 省 楚 書 言
Tích đức thắng dị kim xử thế đương tuân Tư mã huấn;
Duy thiện dĩ vi bảo trì thân nghi tỉnh Sở thư ngôn.
Tích đức thắng kim ngân, xử thế hãy theo lời Tư mã[1];
Duy thiện là của quý, tu thân nên tỉnh giọng Sở thư[2].

龍 之 騰 鳳 之 舞 大 丈 夫 這 般 氣 象
風 之 光 月 之 霽 士 君 子 何 等 襟 懷
Long chi đằng, phượng chi vũ, đại trượng phu giá ban khí tượng;
Phong chi quang, nguyệt chi tế, sĩ quân tử hà đẳng khâm hoài.
Gió thoảng trăng trong, thật rõ mộng hoài người sĩ quân tử;
Rồng bay phượng múa, ấy là khí tượng bậc đại trượng phu.

居 安 宅 行 正 路 心 地 蕩 平 舒 泰
稽 聖 經 訂 賢 傳 事 業 正 大 高 明
Cư an trạch, hành chính lộ, tâm địa đãng bình thư thái;
Kê thánh kinh, đính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.
An cư gia trạch, làm theo chính lộ, tâm chí yên bình thư thái,;
Khảo cứu thánh kinh, đính chính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.

念 先 人 立 身 教 家 不 外 綱 常 大 節
囑 後 裔 繼 志 述 事 毋 忘 忠 孝 初 心

---

[1] Tư Mã Quang là sử gia đời nhà Tống, Trung Quốc. Ông có sách *Gia huấn* nổi tiếng.
[2] Sách vở nước Sở có những điều không phù hợp với quan điểm của tác giả.

Niệm tiên nhân lập thân giáo gia, bất ngoại cương thường đại tiết;
Chúc hậu duệ kế chí thuật sự, vô vong trung hiếu sơ tâm.
Nhớ tiền nhân lập thân giáo gia, chẳng ngoại cương thường đạo lớn;
Dặn hậu duệ kế chí thuật sự, đừng quên trung hiếu việc đầu.

室有餘香謝草鄭蘭竇桂樹
家無別況唐詩晉字漢文章
Thất hữu dư hương, Tạ thảo, Trịnh lan, Đậu quế thụ
Gia vô biệt huống, Đường thi, Tấn tự, Hán Văn chương.
Nhà ở có thừa hương thơm, ngát Tạ thảo, Trịnh lan, Đậu quế[1];
Gia đường không gì khác, ngời danh Đường thi, Tấn tự, Hán văn[2].

父母遐齡白髮堂中榮暮景
兒孫滿眼彩衣階下舞春風
Phụ mẫu hà linh, bạch phát đường trung vinh mộ cảnh;
Nhi tôn mãn nhãn, thái y giai hạ vũ xuân phong.
Cha mẹ tuổi cao, bạch phát trung đường[3] vui kế bóng;
Cháu con tươi trẻ, thái y giai hạ[4] múa mừng xuân.

書有未曾經我讀
事無不可對人言
Thư hữu vị tằng kinh ngã độc;
Sự vô bất khả đối nhân ngôn.
Sách có thể ta chưa từng đọc;
Việc tất cùng kẻ khác đối ngôn.

四時淑氣融萱草
六月薰風動竹林
Tứ thời thục khí dung huyên thảo;
Lục nguyệt huân phong động trúc lâm.
Bốn mùa thục khí[5] ngời huyên thảo;
Tháng sáu huân phong[6] động trúc lâm.

---

[1] Tạ Linh Vận đời Nam Bắc triều, Trịnh Huyền người đời Đông Hán, Đậu Yên Sơn đời Chu ở Trung Quốc là những người văn học giỏi và dạy bảo con cái thành đạt.
[2] Thơ đời Đường, chữ thời Tấn, văn chương đời Hán đều nổi tiếng.
[3] Bạch phát trung đường: cha mẹ già tóc bạc ở trong nhà.
[4] *Thái y giai hạ:* Con cháu mặc áo đẹp ở dưới thềm.
[5] *Thục khí*: Không khí ôn hoà.
[6] *Huân phong*: Gió nam.

北 海 樂 交 天 下 士
東 山 笑 讀 古 人 書

Bắc hải lạc giao thiên hạ sĩ;
Đông sơn tiếu độc cổ nhân thư.

Sĩ thiên hạ giao lưu nơi biển Bắc;
Sách cổ nhân vui đọc chốn non Đông.

清 言 如 晉 人 足 矣
濁 酒 以 漢 書 下 之

Thanh ngôn như Tấn nhân túc hỹ;
Trọc tửu dĩ Hán thư hạ chi.

Nói lí luận suông, như người nước Tấn là quá đủ;
Rượu chè vô độ, xem sách đời Hán là rất xuàng.

風 生 草 際 笙 蕭 韻
雨 過 庭 前 蘭 蕙 香

Phong sinh thảo tế sênh tiêu vận;
Vũ quá đình tiền lan huệ hương.

Gió qua cỏ rậm sinh tiêu sáo;
Mưa đến trên nhà ngát huệ lan.

伊 周 事 業 閒 中 會
孔 孟 文 章 靜 裏 尋

Y Chu sự nghiệp nhàn trung hội.
Khổng Mạnh văn chương tĩnh lý tầm.

Văn chương tĩnh lý tìm Khổng Mạnh[1]
Sự nghiệp nhàn quan khảo Y Chu[2].

紫 燕 庭 中 宜 好 語
黃 鸝 户 外 報 佳 音

Tử yến đình trung nghi hảo ngữ;
Hoàng ly hộ ngoại báo giai âm.

Yến tía giữa sân vang tiếng hót;
Ly vàng ngoài cửa báo âm hay.

---

[1] *Khổng tử, Mạnh tử*: hai nhà Nho nổi tiếng ở Trung Quốc cổ đại.

[2] *Y Doãn:* một khai quốc công thần đời nhà Thương ở Trung Quốc. Chu Công: người đời nhà Chu ở Trung Quốc có công định chế độ lễ nhạc và nghi thức: quan, hôn, tang, tế thời xưa.

得 意 客 來 倩 不 厭
如 心 人 到 語 相 投
Đắc ý khách lai thiến bất yếm;
Như tâm nhân đáo ngữ tương đầu.
Khách thăm đắc ý vui không chán;
Người đến như lòng chuyện hợp nhau.

兄 友 弟 恭 乃 君 子 修 身 之 本
禮 門 義 路 爲 大 人 涉 世 之 方
Huynh hữu đệ cung nãi quân tử tu thân chi bản;
Lễ môn nghĩa lộ vi đại nhân thiệp thế chi phương.
Huynh hữu đệ cung[1] ấy là gốc tu thân trang quân tử;
Lễ môn nghĩa lộ[2] ấy là phương tiện thiệp thế bậc đại nhân.

雲 路 鵬 程 九 萬 里
雪 窗 熒 火 十 餘 年
Vân lộ bằng trình cửu vạn lý;
Tuyết song huỳnh hoả thập dư niên.
Chín vạn dặm chim bằng nơi vân lộ[3];
Hơn mười năm lửa đóm chốn tuyết sơn[4].

青 雲 路 遠 留 心 步
丹 桂 根 深 著 意 栽
Thanh vân lộ viễn lưu tâm bộ;
Đan quế căn thâm trước ý tài.
Đường thẳng thanh vân lưu tâm bước;
Gốc sâu đan quế chú mục trồng.

一 簾 花 影 雲 垂 地
半 夜 書 聲 月 在 天
Nhất liêm hoa ảnh vân thuỳ địa;
Bán dạ thư thanh nguyệt tại thiên.
Một bức bóng hoa mây rủ đất;
Nửa đêm tiếng đọc sách, trăng trên trời.

其 人 如 碧 梧 翠 竹
此 志 在 流 水 高 山

---

[1] *Huynh hữu đệ cung*: Anh thì giúp đỡ, em thì cung kính.
[2] *Lễ môn nghĩa lộ*: Lấy lễ làm cửa, láy nghĩa làm đường.
[3] *Vân lộ*: Đường mây, chỉ con đường học hành dỗ đạt.
[4] *Tuyết song*: Nơi song cửa có tuyết. ý nói học hành chăm chỉ.

Kỳ nhân như bích ngô thúy trúc;
Thử chí tại lưu thuỷ cao sơn.
Nhân cách như ngô xanh trúc thắm;
Chí hướng tại nước chẩy non cao.

一 庭 花 發 成 知 己
萬 卷 書 開 見 古 人
Nhất đình hoa phát thành tri kỷ;
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.
Một sân hoa nở thành tri kỷ;
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.

一 樹 梅 花 一 樹 玉
半 床 明 月 半 床 書
Nhất thụ mai hoa nhất thụ ngọc;
Bán sàng minh nguyệt bán sàng thư.
Một khóm hoa mai một khóm ngọc;
Nửa giường trăng sáng nửa giường thư.

學 海 無 涯 勤 是 岸
登 雲 有 路 志 爲 高
Học hải vô nhai cần thị ngạn;
Đăng vân hữu lộ chí vi cao.
Học bể vô bờ cần là bến;
Lên mây có nẻo chí phải cao.

萬 丈 文 星 光 户 外
一 聲 鳥 語 鬧 花 前
Vạn trượng văn tinh quang hộ ngoại;
Nhất thanh điểu ngữ náo hoa tiền.
Muôn trượng ánh sao soi ngoài cổng;
Một thanh chim hót náo trước thềm.

文 筆 插 天 雲 作 篆
詞 瀾 浴 日 劍 成 龍
Văn bút tháp thiên vân tác triện;
Từ lan dục nhật kiếm thành long.
Văn bút viết thanh thiên, mây chữ triện;
Từ lan[1] tô hồng nhật, kiếm thành rồng.

---

[1] *Từ lan*: Văn từ như sóng nước.

滿 室 芝 蘭 滋 雨 露
一 園 桃 李 召 風 雲
Mãn thất chi lan tư vũ lộ;
Nhất viên đào lý triệu phong vân.
Đầy thất chi lan tươi mưa móc;
Một vườn đào mận gọi gió mây.

日 月 兩 輪 天 地 眼
詩 書 萬 卷 聖 賢 心
Nhật nguyệt lưỡng luân thiên địa nhãn;
Thi thư vạn quyển thánh hiền tâm.
Nhật nguyệt đôi vầng thiên địa nhãn;
Thi thư vạn quyển thánh hiền tâm.

滿 院 花 香 呈 翰 墨
三 春 鳥 語 話 文 章
Mãn viện hoa hương trình hàn mặc;
Tam xuân điểu ngữ thoại văn chương.
Đầy viện hoa thơm tình bút mực;
Ba xuân chim hót nói văn chương.

萬 里 風 雲 橫 筆 陣
九 天 奎 壁 入 文 章
Vạn lý phong vân hoành bút trận;
Cửu thiên khuê bích nhập văn chương.
Vạn dặm gió mây vung bút trận;
Chín tầng khuê bích nhập rừng văn.

一 軒 風 月 雖 然 靜
萬 卷 詩 書 莫 放 閒
Nhất hiên phong nguyệt tuy nhiên tĩnh;
Vạn quyển thi thư mạc phóng nhàn.
Một hiên trăng gió dầu yên tĩnh.
Vạn quyển thi thư chẳng lúc nhàn.

研 沼 風 生 排 墨 浪
筆 毫 花 放 染 彤 雲
Nghiên chiểu phong sinh bài mặc lãng;
Bút hào hoa phóng nhiễm đồng vân.

Ao nghiên sinh gió xô sóng mực;
Ngọn bút phát hoa nhuộm hồng mây.

窗 外 青山 舒 錦 繡
詹 前 好 鳥 話 文 章
Song ngoại thanh sơn thư cẩm tú;
Thiêm tiền hảo điểu thoại văn chương.
Ngoài cửa non xanh như gấm dệt;
Trước thềm chim hót vẻ văn chương.

曙 色 横 窗 春 日 麗
雞 聲 入 耳 夜 燈 青
Thử sắc hoành song xuân nhật lệ;
Kê thanh nhập nhĩ dạ đăng thanh.
Sắc nắng ngang song ngày xuân đẹp;
Tiếng gà lọt nhĩ ngọn đèn xanh.

十 載 雲 窗 稽 古 典
一 朝 虎 榜 奪 科 名
Thập tải vân song kê cổ điển;
Nhất triêu hổ bảng đoạt khoa danh.
Mười năm đèn sách khảo điển cố;
Một sáng bảng đề đoạt khoa danh.

士 子 攻 書 十 載 寒 窗 燈 火 苦
儒 生 及 弟 一 朝 魁 榜 姓 名 香
Sĩ tử công thư thập tải hàn song đăng hoả khổ;
Nho sinh cập đệ nhất triêu khôi bảng tính danh hương.
Sĩ tử chuyên cần, song lạnh mười năm công đèn lửa;
Nho sinh trúng tuyển, khôi khoa một sớm họ tên thơm.

有 志 竟 成 雲 程 那 怕 路 頭 遠
無 書 不 讀 理 窟 方 知 海 漾 深
Hữu chí cánh thành vân trình na phạ lộ đầu viễn;
Vô thư bất độc lý quật phương tri hải dạng thâm.
Có chí sẽ thành công, thang mây đâu sợ đường xa lắc;
Không sách gì không đọc, suy kĩ mới hay biển học sâu.

著 意 栽 培 燈 火 結 成 丹 桂
留 心 涵 養 研 池 飛 起 蒼 龍

Trước ý tài bồi đăng hoả kết thành đan quế;
Lưu tâm hàm dưỡng nghiên trì phi khởi thương long.
Chú ý đắp bồi, đèn lửa kết thành đan quế;
Lưu tâm nuôi dưỡng, ao nghiên khởi động rồng bay.

風 生 碧 澗 魚 龍 躍
月 照 青 山 松 柏 香
Phong sinh bích giản ngư long dược;
Nguyệt chiếu thanh sơn tùng bách hương.
Gió sinh khe biếc cá rồng nhảy;
Trăng chiếu non xanh tùng bách thơm.

山 色 滿 窗 書 滿 架
雲 根 爲 壁 竹 爲 門
Sơn sắc mãn song thư mãn giá;
Vân căn vi bích trúc vi môn.
Sắc núi đầy song sách đầy giá;
Chân mây làm sách trúc làm môn.

千 載 圖 書 山 色 裏
四 時 歌 曲 鳥 聲 中
Thiên tải đồ thư sơn sắc lý;
Tứ thời ca khúc điểu thanh trung.
Ngàn năm sách vở trong sắc núi;
Bốn mùa chim hót rộn tiếng ca.

惟 靜 不 嫌 茅 屋 小
心 清 自 覺 茶 根 香
Duy tĩnh bất hiềm mao ốc tiểu;
Tâm thanh tự giác trà căn hương.
Tính tĩnh chẳng hiềm nhà tranh nhỏ;
Tâm thanh tự biết gốc trà thơm.

半 窗 月 落 梅 無 影
三 徑 風 來 竹 有 聲
Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;
Tam kính phong lai trúc hữu thanh.
Nửa song trăng lặn mai không bóng;
Ba lối gió về trúc có thanh.

栽 花 準 擬 爲 詩 客
看 竹 何 須 問 古 人

Tài hoa chuẩn nghĩ vi thi khách;
Khán trúc hà tu vấn cổ nhân.
Tỉa hoa cẩn thận là thi khách;
Xem trúc đâu cần hỏi cổ nhân.

點 點 水 中 星 看 破 一 天 河 洛
層 層 架 上 史 擁 來 萬 古 經 綸

Điểm điểm thuỷ trung, tinh khán phá nhất thiên Hà, Lạc[1];
Tầng tầng giá thượng, sử ủng lai vạn cổ kinh luân.
Điểm điểm nước soi, tinh tú phá một trời Hà, Lạc;
Tầng tầng giá xếp, sử pho lưu vạn cổ kinh luân.

村 徑 遶 山 松 葉 暗
柴 門 臨 水 稻 花 香

Thôn kính nhiêu sơn tùng diệp ám;
Sài môn lâm thuỷ đạo hoa hương.
Đường thôn vòng núi thông che kín;
Cửa sài mép nước lúa ngát hương.

農 圃 有 書 教 子 且 經 喪 扼
榮 華 無 夢 潛 身 獨 守 筌 蒿

Nông phố hữu thư, giáo tử thả kinh tang ách;
Vinh hoa vô mộng, tiềm thân độc thủ thuyên khao.
Nghề nông có sách, dạy con cháu phòng khi thất bát;
Đừng mộng vinh hoa, ẩn thân mình riêng giữ cỏ thơm.

樓 高 遠 送 千 峰 翠
閣 峻 長 生 六 月 涼

Lâu cao viễn tống thiên phong thuý;
Các tuấn trường sinh lục nguyệt lương.
Lầu cao xa tiễn nghìn núi thẳm;
Gác lớn trường sinh tháng sáu lương[2].

好 月 當 樓 端 近 水
清 言 對 客 總 如 蘭

---

[1] *Hà, Lạc*: Hà đồ, Lạc thư là cơ sở của người xưa vạch ra bát quái trong sách Kinh dịch.
[2] *Lương*: Mát mẻ.

Hảo nguyệt đương lâu đoan cận thuỷ;
Thanh ngôn đối khách tổng như lan.
Tháng tốt ở lầu vui gần nước;
Lời hay tiếp khách thảy như lan.

先 祖 芳 名 留 國 史
子 孫 績 學 繼 家 風
Tiên tổ phương danh lưu quốc sử;
Tử tôn tích học kế gia phong.
Tiên tổ danh thơm ghi sử nước;
Cháu con học giỏi nối gương nhà.

四 時 花 月 寒 喧 裡
一 片 湖 山 錦 繡 中
Từ thời hoa nguyệt hàn huyên lý;
Nhất phiến hồ sơn cẩm tú trung.
Bốn mùa trò chuyện cùng hoa nguyệt;
Toàn cảnh gấm thêu giữa núi hồ.

虛 閣 清 幽 睹 春 夏 秋 冬 景 氣
小 亭 瀟 洒 樂 琴 棋 詩 畫 襟 懷
Hư các thanh u đổ xuân hạ thu đông cảnh khí;
Tiểu đình tiêu sái lạc cầm kỳ thi họa khâm hoài.
Các vắng thanh u nhìn xuân hạ thu đông cảnh tượng;
Tiểu đình tiêu sái, vui cầm kỳ thi họa đam mê.

翠 竹 蒼 梧 六 月 秋 聲 來 枕 簟
奇 花 異 卉 四 時 春 氣 藹 瓊 臺
Thúy trúc thương ngô lục nguyệt thu thanh lai chẩm đạn;
Kỳ hoa dị hủy tứ thời xuân khí ái quỳnh đài.
Ngô xanh trúc thắm, lục nguyệt tiếng thu về gối giỏ;
Thảo lạ hoa kỳ, tứ thời xuân khí nhã đài quỳnh.

半 窗 月 落 梅 花 影
三 徑 風 來 竹 管 聲
Bán song nguyệt lạc mai hoa ảnh;
Tam kính phong lai trúc quản thanh.
Nửa song trăng xế hoa mai bóng;
Ba luống[1] gió về sáo trúc thanh.

---

[1] *Ba luống*: Xưa nhà nho thường trồng ba luống cúc trước nhà làm cảnh.

修 竹 滿 庭 浮 翠 色
芳 枝 逸 徑 映 春 暉
Tu trúc mãn đìnhphù thúy sắc;
Phương chi nhiễu kính ánh xuân huy.
Trúc sửa, một sân tôn sắc thắm;
Cành thơm quanh lối ánh mầu xuân.

花 園 紅 杏 酣 春 色
樹 逸 蒼 松 送 午 陰
Hoa vi hồng hạnh cam xuân sắc;
Thu nhiễu thương tùng tống ngọ âm.
Hoa vây hạnh đỏ mê xuân sắc;
Cây quấn tùng xanh tiễn bóng trưa.

梅 雪 松 風 清 几 席
竹 窗 書 幌 共 煙 波
Mai tuyết tùng phong thanh kỷ tịch;
Trúc song thư hoảng cộng yên ba.
Gió tuyết tùng mai sạch kỷ chiếu;
Màn song thư trúc cộng khói mây.

春 來 深 院 梅 花 發
秋 滿 閑 庭 桂 樹 新
Xuân lai thâm viện mai hoa phát;
Thu mãn nhàn đình quế thụ tân.
Xuân về viện thẳm mai hoa nở;
Thu mãn sân nhàn sắc quế tân.

月 色 溶 溶 青 山 綠 水 堪 圖 畫
風 聲 習 習 翠 竹 蒼 松 奏 管 絃
Nguyệt sắc dung dung thanh sơn lục thủy kham đồ hoạ;
Phong thanh tập tập thúy trúc thương tùng tấu quản huyền.
Ánh nguyệt toả lan nước biếc non xanh như nét vẽ;
Tiếng phong vi vút tùng xanh trúc thắm tựa sáo đàn.

松 影 入 溪 流 照 見 許 多 魚 躍 樹
雲 光 隨 日 動 看 來 無 數 燕 飛 波
Tùng ảnh nhập khê lưu chiếu kiến hứa đa ngư dược thụ;
Vân quang tuỳ nhật động khán lai vô số yến phi ba.
Bóng tùng in suối chẩy soi rõ bao nhiêu cây, cá nhẩy;
Mây sáng đuổi mặt trời, ngắm nhìn vô số sóng, yến bay.

賞 山 水 聲 音 祇 許 漁 樵 問 話
尋 田 園 樂 趣 聊 爲 農 圃 生 涯

Thưởng sơn thuỷ thanh âm chi hứa ngư tiều vấn thoại;
Tầm điền viên lạc thú liêu vi nông phố sinh nhai.

Thưởng thức thanh âm sơn thủy, vui vẻ cho ngư tiều hỏi chuyện;
Tìm về lạc thú điền viên, hãy làm người nông phố sinh nhai.

萬 卷 藏 書 宜 子 弟
十 年 種 樹 長 風 雲

Vạn quyển tàng thư nghi tử đệ;
Thập niên chủng thụ trưởng phong vân.

Vạn quyển tàng thư là tử đệ;
Mười năm gây giống lớn gió mây.

卷 裡 有 詩 皆 錦 繡
人 間 無 價 是 文 章

Quyển lý hữu thi giai cẩm tú;
Nhân gian vô giá thị văn chương.

Trong quyển có thơ là gấm vóc
Nhân gian vô giá, ấy văn chương.

玉 堂 聲 價 推 先 哲
金 鑒 家 風 見 後 賢

Ngọc đường thanh giá suy tiên triết;
Kim giám gia phong kiến hậu hiền.

Nhà ngọc tiếng tăm suy hiền triết;
Gương vàng phong tục biết hậu hiền.

天 邊 鶴 和 聲 傳 野
家 際 龍 江 德 在 淵

Thiên biên hạc họa thanh truyền dã;
Gia tế long giang đức tại uyên.

Bên trời tiếng hạc thanh vang nội;
Nhà sát sông rồng đức ở sâu.

才 花 五 色 光 明 錦
襟 度 重 宵 舒 卷 雲

Tài hoa ngũ sắc quang minh cẩm;
Khâm độ trùng tiêu thư quyển vân.

Tài hoa năm sắc quang minh gấm;
Hoài bão cao vời mở quyển mây.

道 德 光 掌 溫 潤 玉
文 章 和 氣 吉 祥 花
Đạo đức quang hoa ôn nhuận ngọc;
Văn chương hòa khí cát tường hoa.
Đạo đức sáng tươi ôn nhuận ngọc;
Văn chương hoà khí tốt lành hoa.

雲 衢 有 志 終 釀 首
翰 苑 金 臺 待 紀 功
Vân cù hữu chí chung nhượng thủ;
Hàn uyển kim đài đãi kỷ công.
Đường mây có chí tròn danh vọng;
Đài ngọc rừng nho đợi chép công.

水 影 澄 清 觀 萬 相
月 華 圓 滿 見 諸 天
Thủy ảnh trừng thanh quan vạn tướng;
Nguyệt hoa viên mãn kiến chư thiên.
Bóng nước trong xanh xem muôn trạng;
Trăng tròn vành vạnh thấy khắp trời.

晴 窗 滴 露 花 搖 席
午 夜 揮 毫 月 滿 帷
Tinh song đích lộ hoa giao chiếu;
Ngọ dạ huy hào nguyệt mãn duy.
Song sớm đọng sương hoa lay chiếu;
Nửa đêm hươ bút nguyệt đầy màn.

四 壁 圖 書 常 對 酒
一 簾 花 雨 欲 催 詩
Tứ bích đồ thư thường đối tửu;
Nhất liêm hoa vũ giục thôi thi.
Bốn vách đồ thư thường đối ẩm;
Một rèm hoa vũ muốn đề thơ.

玉 振 金 聲 臺 閣 度
和 風 光 雨 聖 賢 心

Ngọc chấn kim thanh đài các độ;
Hoà phong quang vũ thánh hiền tâm.
Lay ngọc tiếng vàng đài các độ[1];
Gió hoà mưa tạnh thánh hiền tâm.

家 傳 好 有 情 多 適
座 擁 琴 書 樂 有 餘
Gia truyền hảo tình đa thích;
Tọa ủng cầm thư lạc hữu dư.
Gia truyền hiếu thảo tình thân thiết;
Nhà trọng cầm thư vui có thừa.

不 事 詩 書 難 脫 俗
能 全 孝 友 亦 流 芳
Bất sự thi thư nan thoát tục;
Năng toàn hiếu hữu diệc lưu phương.
Không trọng thi thư sao thoát tục;
Biết toàn hiếu hữu cùng lưu phương[2]

半 生 事 業 青 燈 共
十 載 憂 勞 白 髮 知
Bán sinh sự nghiệp thanh đăng cộng;
Thập tải ưu lao bạch phát tri.
Nửa đời sự nghiệp đèn xanh thắp;
Thập tải chăm lo tóc trắng thay.

學 兼 人 己 須 防 假
德 判 盈 虛 只 戒 貪
Học kiêm nhân kỷ tu phòng giả;
Đức phán doanh hư chỉ giới tham.
Học gồm mình, bạn nên phòng giả;
Đức sẻ đầy vơi phải tránh tham.

眼 前 色 相 皆 成 幻
靜 裏 乾 坤 不 計 年
Nhãn tiền sắc tướng giai thành ảo;
Tĩnh lý càn khôn bất kế niên.

---

[1] *Đài các độ*: Phong độ nơi đài các.
[2] *Lưu phương*: Truyền lại tiếng thơm cho đời sau.

Nhãn tiền sắc tướng đều thành ảo;
Trong khoảng đất trời chẳng tính năm.

海日磻桃開法界
曇雲駕鶴擁諸天
Hải nhật bàn đào khai pháp giới;
Đàm vân giá hạc ủng chư thiên.
Hải nhật đầu tiên khai pháp giới;
Mây dầy cưỡi hạc ủng chư thiên.

禪門自有長生訣
佛教猶傳不老經
Thiền môn tự hữu trường sinh quyết;
Phật giáo do truyền bất lão kinh.
Cửa thiền tự có trường sinh phép;
Đạo phật còn truyền bất lão kinh.

百道泉光飛實地
一輪明月入霞觴
Bách đạo tuyền quang phi thực địa;
Nhất luân minh nguyệt nhập hà thương.
Trăm đạo suối trong bay cõi thực;
Một vầng trăng sáng nhập chén hà[1].

法界新登花甲子
禪堂長作老神仙
Pháp giới tân đăng hoa giáp tý;
Thiền đường trường tác lão thần tiên.
Pháp giới lại đăng hoa tuổi tác;
Nhà thiền còn tác lão thần tiên[2].

神聖啓炎邦至今地不改藉民不改聚
烹蒿奉清廟是謂木之有本水之有源
Thần thánh khải Viêm Bang, chí kim địa bất cải tịch, dân bất cải tụ;
Huân cao phụng thanh miếu, thị vị mộc chi hữu bản, thuỷ chi hữu nguyên.
Thần thánh mở Viêm Bang, đến nay đất không đổi tịch, dân không đổi tụ;
Hương khói thờ thanh miếu, như thế gọi cây có gốc, gọi nước có nguồn.
(Đền Hùng, Phú Thọ)

---

[1] *Hà:* Ráng mây. Ý nói nơi huyền ảo.
[2] *Lão thần tiên*: Ý nói tuổi thọ.

過故國盼瀘洮依然碧浪紅濤襟帶雙流迴白鶴
登新亭拜陵寢猶是神州赤縣山河四面控朱鳶

-河東總督黃仲敎拜題-

Quá cố quốc, phán Lô, Thao, y nhiên bích lãng hồng đào,
khâm đới song lưu hồi Bạch Hạc;
Đăng tân đình, bái lăng tẩm, do thị thần châu xích huyện,
sơn hà tứ diện khống Chu Diên.

- Hà Đông Tổng đốc Hoàng Trọng Phu bái đề-

Qua cố quốc, ngắm Lô, Thao, sóng biếc cuộn hồng,
hai dòng ôm ấp chầu về Bạch Hạc;
Lên đình này, vái lăng tẩm, thần châu xích huyện,
bốn mặt sơn hà khống chế Chu Diên.

- Hà Đông Tổng đốc Hoàng Trọng Phu bái đề-

此地此山南國紀
吾王吾土北辰尊

Thử địa thử sơn Nam quốc kỷ;
Ngô vương ngô thổ Bắc thần tôn.

Đất đó, núi này, nước Nam cương kỷ;
Vua ta, bản thổ, cung Bắc suy tôn.

貧居中市無人問
富在山林有客尋

Bần cư trung thị vô nhân vấn;
Phú tại sơn lâm hữu khách tầm.

Bần cư giữa chợ không người hỏi;
Phú tại rừng non có khách tìm.

錢財如糞土
義重似天金

Tiền tài như phấn thổ;
Nghĩa trọng tự thiên kim.

Tiền tài như bùn đất;
Nghĩa nặng tựa nghìn vàng.

功在前朝名在史
生爲良將死爲神

Công tại tiền triều danh tại sử;
Sinh vi lương tướng tử vi thần.

Công tại triều xưa danh tại sử;
Sinh làm lương tướng tử làm thần.

過 如 秋 草 芟 難 盡
學 似 春 冰 積 不 高
Quá như thu thảo sam nan tận.
Học tự xuân băng tích bất cao.
Nhiều như cỏ thu cắt không hết.
Học tựa băng xuân chất khó cao.

煉 成 鋒 鍔 眞 關 學
歷 盡 艱 難 始 算 才
Luyện thành phong ngạc chân quan học.
Lịch tận gian nan thủy toán tài.
Luyện thành sắt nhọn nhờ chân học.
Trải khắp gian nan mới thực tài.

斗 酒 縱 觀 廿 一 史
爐 香 靜 對 十 三 經
Đẩu tửu túng quan chấp nhất sử.
Lô hương tĩnh đối thập tam kinh.
Rượu đấu, đọc chơi hai mốt sử
Lò hương, đêm ngẫm mười ba kinh

板 凳 要 坐 十 年 冷
文 章 不 寫 一 句 空
Bản đẳng yêu tọa thập niên lãnh.
Văn chương bất tả nhất cú không.
Chiếc ghế vắng người, mười năm lạnh.
Văn chương lười viết, một câu không.

成 家 勿 謂 當 家 易
養 子 應 知 教 子 嚴
Thành gia vật vị đương gia dị;
Dưỡng tử ưng tri giáo tử nghiêm.
Nên nhà chớ nghĩ trông nhà dễ.
Dạy con cần biết dạy cho nghiêm.

刪 繁 就 簡 三 秋 樹
領 導 梢 新 二 月 花

Sán phồn tựu giản tam thu thụ.
Lãnh đạo sao tân nhị nguyệt hoa.
Cắt thừa xén gọn cây ba năm;
Dẫn đường tạo mới hoa hai tháng.

藜 火 光 聯 書 案 月
筆 花 香 泛 墨 池 雲
Lê hỏa quang liên thư án nguyệt.
Bút hoa hương phiếm mặc trì vân.
Án nguyệt nhờ đuốc lê thắp sáng.
Nghiên mực với bút hoa hương bay.

文 章 眞 處 性 情 見
談 笑 深 時 風 雨 來
Văn chương chân xứ tính tình kiến.
Đàm tiếu thâm thời phong vũ lai.
Tính tình thể hiện ở văn chương.
Xô xát hay do lâu đàm tiếu.

家 少 樓 臺 無 地 起
案 余 燈 火 有 天 知
Gia thiểu lâu đài vô địa khởi.
Án dư đăng hỏa hữu thiên tri.
Nhà ít lầu cao không đất dựng.
Án thừa đèn thắp có trời hay.

是 何 意 態 雄 且 杰
不 露 文 章 世 已 惊
Thị hà ý thái hùng thả kiệt.
Bất lộ văn chương thế dĩ kinh.
Tình ý chi đây hùng lại kiệt.
Văn chương chưa tỏ đủ đời kinh.

花 香 滿 坐 客 對 酒
燈 影 隔 帘 人 讀 書
Hoa hương mãn tọa khách đối tửu.
Đăng ảnh cách liêm nhân độc thư.
Hương hoa khắp chốn, khách mời rượu.
Đèn sáng rèm bên, người đọc thư.

開 卷 神 游 千 載 上
垂 帘 心 在 萬 山 中
Khai quyển thần du thiên tải thượng.
Thùy liêm tâm tại vạn sơn trung.
Mở sách gặp người ngàn năm trước.
Buông rèm lòng ở vạn trùng non.

噓 吸 入 窗 通 香 藹
回 環 萬 象 出 文 章
Hư hấp nhập song thông hương ái.
Hồi hoàn vạn tượng xuất văn chương.
Hít thở vào song thoáng hương ngát.
Quanh co muôn vẻ lối văn chương.

文 如 秋 水 塵 埃 淨
詩 似 春 雲 態 度 妍
Văn như thu thuỷ trần ai tĩnh.
Thi tự xuân vân thái độ nghiên.
Văn nước mùa thu không vẩn bụi.
Thơ tựa mây xuân có vẻ xinh.

胸 中 錦 繡 三 都 賦
筆 底 煙 霞 五 岳 雲
Hung trung cẩm tú tam đô[1] phú.
Bút để yên hà ngũ nhạc[2] vân.
Rực rỡ phú tam đô trong bụng.
Khói mây núi ngũ nhạc bút đề.

春 似 秋 嘗 遵 萬 古 聖 賢 禮 樂
左 昭 右 穆 序 一 家 世 代 源 流
Xuân tự thu thường tuân vạn cổ thánh hiền lễ nhạc;
Tả chiêu hữu mục tự nhất gia thế đại nguyên lưu.
Cúng tế xuân thu, tuân theo muôn thuở thánh hiền lễ nhạc;
Phụng thờ tả hữu, thứ tự một nhà thế đại nguyên lưu.

念 先 人 立 身 教 家 不 外 綱 常 大 節
囑 後 裔 繼 志 述 事 無 忘 忠 孝 初 心

---

[1] *Tam đô:* Ba kinh đô thời cổ đại Trung Quốc.
[2] *Ngũ nhạc:* Năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc.

Niệm tiên nhân lập thân, giáo gia bất ngoại cương thường đại tiết;
Chúc hậu duệ kế chí, thuật sự vô vong trung hiếu sơ tâm.

Nhớ tiên tổ lập thân, dạy bảo chẳng ngoài cương thường đại tiết[1];
Cậy cháu con kế nghiệp, truyền nhau đừng quên trung hiếu sơ tâm.

鸚 鵡 前 頭 休 多 語
小 人 身 邊 須 慎 行
Anh vũ tiền đầu hưu đa ngữ;
Tiểu nhân thân biên tu thận hành.

Ở với vẹt chớ nên nói bậy;
Gần tiểu nhân chú ý việc làm.

欲 除 煩 惱 須 無 我
各 有 來 由 莫 妒 人
Dục trừ phiền não tu vô ngã;
Các hữu lai do mạc đố nhân.

Tự xem mình giúp trừ phiền não;
Đừng trách người khi khó đến ta.

事 不 躬 行 終 是 幻
書 能 活 用 可 通 神
Sự bất cung hành chung thị ảo;
Thư năng hoạt dụng khả thông thần.

Việc chẳng quyết làm thành ảo cả;
Sách đem áp dụng thảy đều hay

祖 有 德 宗 有 功 惟 烈 惟 光 永 保 衣 冠 聯 後 裔
左 爲 昭 右 爲 穆 以 享 以 祀 長 承 俎 豆 振 前 徽
Tổ hữu đức tông hữu công, duy liệt duy quang vĩnh bảo y quan liên hậu duệ;
Tả vi chiêu hữu vi mục, dĩ hưởng dĩ tự trường thừa trở đậu chấn tiền huy.

Tổ có đức, tông có công, quang liệt vĩnh hằng y quan truyền hậu duệ;
Trái thì chiêu, phải thì mục, phụng tự trường kế lễ vật chấn tiền huy.

穆 穆 皇 皇 大 聖 人 宗 廟 之 美 百 官 之 富
鏘 鏘 濟 濟 惟 君 子 能 由 是 路 出 入 是 門

---

[1] *Đại tiết*: Khí tiết lớn.

Mục mục hoàng hoàng đại thánh nhân tông miếu chi mỹ,
bách quan chi phú;
Thương thương tế tế duy quân tử năng do thị lộ
xuất nhập thị môn.
Cung kính đẹp tươi thay, bậc thánh nhân làm cho trăm quan giầu tông miếu đẹp;
Đàng hoàng thuận lợi vậy, trang quân tử biết chọn con đường thẳng lối vào ngay.

千 秋 翰 墨 文 光 燦
萬 古 旌 旗 武 烈 昭

Thiên thu hàn mặc văn quang xán;
Vạn cổ tinh kỳ vũ liệt chiêu.
Ngàn năm hàn mặc văn tỏa sáng;
Muôn thuở tinh kỳ võ bừng soi.

義 氣 秉 綱 常 千 秋 武 烈 昭 雲 漢
德 星 輝 翰 墨 萬 古 文 章 燦 斗 牛

Nghĩa khí bỉnh cương thường, thiên thu vũ liệt chiêu Vân Hán;
Đức tinh huy hàn mặc vạn cổ văn chương xán Đẩu Ngưu.
Nghĩa khí giữ cương thường, ngàn năm võ liệt soi Vân Hán;
Đức tinh[1] ngời hàn mặc, muôn thuở văn chương sáng Đẩu Ngưu.

學 知 不 足
業 精 于 勤

Học tri bất túc.
Nghiệp tinh vu cần.
Học biết chưa đủ.
Nghề giỏi ở chăm.

杯 浮 梅 蕊
詩 凝 雪 花

Bôi phù mai nhụy.
Thi ngưng tuyết hoa.
Chén nổi nhụy mai.
Thơ đọng hoa tuyết.

惟 道 習 虛
好 學 爲 福

---

[1] *Đức tinh*: Tên sao Cơ, sao Thiên Đức, cũng chỉ người có đạo đức.

Duy đạo tập hư.
Hiếu học vi phúc.
Theo đạo lòng rỗng.
Chăm học là phúc.

尋 窮 天 下
看 盡 人 間
Tầm cùng thiên hạ
Khán tận nhân gian.
Tìm khắp thiên hạ.
Xem hết nhân gian.

勤 能 補 拙
學 可 醫 愚
Cần năng bổ chuyết.
Học khả y ngu.
Chăm hay bù vụng
Học chữa được ngu.

學 知 不 足
事 留 有 余
Học tri bất túc.
Sự lưu hữu dư.
Học biết chưa đủ.
Việc còn có thừa.

文 心 花 引 動
詩 思 鳥 啼 來
Văn tâm hoa dẫn động.
Thi tứ điểu đề lai.
Văn tâm hoa khêu gợi.
Thi tứ chim đề ra.

燃 燈 苦 讀
洗 耳 恭 聽
Nhiên đăng khổ độc.
Tẩy nhĩ cung thính.
Thắp đèn gắng đọc.
Rửa tai lắng nghe.

四 体 不 勤 五 穀 不 分 孰 爲 夫 子
小 疑 必 問 大 事 必 聞 才 算 學 生

Tứ thể bất cần ngũ cốc bất phân thục vi phu tử.
Tiểu nghi tất vấn đại sự tất văn tài toán học sinh.

Chân tay không động, năm giống không phân, ai là thầy dạy.
Ngờ nhỏ lắng hỏi, việc lớn lắng nghe, đúng đấy học trò.

光 照 日 月
氣 壯 山 河

Quang chiếu nhật nguyệt.
Khí tráng sơn hà.

Sáng chiếu nhật nguyệt.
Khí mạnh sơn hà.

知 足 常 樂
無 欺 自 安

Tri túc thường lạc.
Vô khi tự an.

Biết đủ thường vui.
Không nhờn tự yên.

君 子 無 逸
民 生 在 勤

Quân tử vô dật.
Dân sinh tại cần.

Quân tử không rỗi.
Dân sinh phải chăm.

一 襟 和 氣
萬 斗 寬 胸

Nhất khâm hoà khí.
Vạn đẩu khoan hung.

Một vạt hoà khí.
Muôn đấu lòng khoan.

抱 素 懷 朴
安 性 約 身

Bão tố hoài phác.
An tính ước thân.

Giữ lòng chất phác.
Yên tĩnh giữ mình.

寧 爲 玉 碎
不 作 瓦 全
Ninh vi ngọc toái
Bất tác ngoã toàn.
Thà là ngọc nát.
Không làm ngói lành

聞 過 則 喜
疾 惡 如 仇
Văn quá tắc hỷ.
Tật ác như cừu.
Nghe lỗi thời mừng.
Ghét xấu như thù.

業 無 貴 賤
品 有 尊 卑
Tịnh vô quý tiện.
Phẩm hữu tôn ty.
Nghề không sang hèn.
Phẩm chất có bậc.

不 攻 人 短
莫 恃 己 長
Bất công nhân đoản.
Mạc thị kỷ trường.
Sở đoản người chớ chê.
Sở trường mình đừng cậy.

失 意 休 餒
得 勢 莫 狂
Thất ý hưu nỗi.
Đắc thế mạc cuồng.
Trái ý đừng nản.
Đắc thế chớ cuồng.

當 仁 不 讓
見 義 勇 爲
Đương nhân bất nhượng.
Kiến nghĩa dũng vi.
Gánh nhân không nhượng.
Thấy nghĩa mạnh làm.

雲 山 風 度
松 百 精 神
Vân sơn phong độ.
Tùng bách tinh thần.
Phong độ mây núi.
Tinh thần tùng bách.

勤 能 補 拙
儉 以 養 廉
Cần năng bổ chuyết.
Kiệm dĩ dưỡng liêm.
Chăm hay sửa vụng.
Kiệm để giúp liêm.

貧 賤 難 移
威 武 不 屈
Bần tiện nan di.
Uy vũ bất khuất.
Nghèo hèn khó rời.
Uy lực không khuất.

境 由 心 造
事 在 人 爲
Cảnh do tâm tạo.
Sự tại nhân vi.
Cảnh do tâm tạo.
Việc bởi người làm.

寬 宏 大 量
遠 囑 高 瞻
Khoan hoằng đại lượng.
Viễn chúc cao chiêm.
Khoan dung đại lượng.
Trông rộng nhìn xa.

事 理 通 達
心 氣 和 平
Sự lý thông đạt.
Tâm khí hoà bình.
Lẽ việc thông suốt.
Tâm khí hoà bình.

甜 以 思 苦
樂 不 忘 慢
Điềm dĩ tư khổ.
Lạc bất vong ưu.
Ngọt hãy nhớ đắng.
Vui không quên lo.

胸 懷 大 志
檢 點 自 身
Hung hoài đại chí.
Kiểm điểm tự thân.
Bụng có chí lớn.
Kiểm điểm bản thân.

酒 當 少 飲
事 要 多 知
Tửu đương thiểu ẩm.
Sự yếu đa tri.
Rượu nên uống ít.
Việc cần biết nhiều.

求 通 民 情
愿 聞 己 過
Cầu thông dân tình.
Nguyện văn kỷ quá.
Mong biết tình dân.
Muốn nghe lỗi mình.

臨 事 勿 躁
待 人 宜 誠
Lâm sự vật táo.
Đãi nhân nghi thành.
Gặp việc chớ nóng.
Đãi người nên thành.

君 子 結 心 交
智 人 山 水 樂
Quân tử kết tâm giao.
Trí nhân sơn thuỷ lạc.

Người quân tử kết thân bằng cái tâm
Bậc trí nhân vui với non nước.

福 地 心 田 宜 美 果
賢 孫 孝 子 即 名 花

Phúc địa tâm điền nghi mỹ quả.
Hiền tôn hiếu tử tức danh hoa.

Cây phúc rộng tâm nên quả đẹp.
Cháu hiền con thảo tức hoa thơm.

口 呼 天 地 動
足 舉 鬼 神 驚

Khẩu hô thiên địa động.
Túc cử quỷ thần kinh.

Miệng hô trời đất chuyển.
Cất bước quỷ thần kinh.

楊 柳 枝 頭 甘 露 洒
蓮 花 座 上 慧 風 生

Dương liễu chi đầu cam lộ sái.
Liên hoa toà thượng tuệ phong sinh.

Cam lộ vẩy đầu cành dương liễu.
Gió tuệ sinh trên bệ đài sen.

一 人 作 福 千 人 賴
獨 木 開 花 萬 木 青

Nhất nhân tác phúc thiên nhân lại.
Độc mộc khai hoa vạn mộc thanh.

Một người làm phúc nghìn người hưởng.
Cây độc ra hoa vạn cây xanh.

養 成 大 拙 方 爲 巧
學 到 如 愚 總 是 賢

Dưỡng thành đại chuyết phương vi xảo.
Học đáo như ngu tổng thị hiền.

Giữ cho cực vụng mới là khéo.
Học đến như ngu thực đúng hiền.

眞 讀 書 人 天 下 少
不 如 意 事 古 來 多

Chân độc thư nhân thiên hạ thiểu.
Bất như ý sự cổ lai đa.
Người ham đọc sách thế gian ít.
Việc không như ý tự xưa nhiều.

喬 木 好 音 多 住 聽 鶯 遷 金 谷 曉
上 林 春 色 早 還 看 花 報 玉 堂 開

Kiều mộc hảo âm đa, trú thính oanh thiên kim cốc hiểu;
Thượng lâm xuân sắc tảo, hoàn khan hoa báo ngọc đường khai.
Cây lớn nhiều âm hay, đứng lặng oanh dời kim cốc sáng;
Trên rừng sớm xuân sắc,về nhìn hoa báo ngọc đường khai.

新 火 煙 分 新 瑞 氣
舊 年 春 早 舊 家 風

Tân hỏa yên phân tân thụy khí;
Cực niên xuân tảo cựu gia phong.
Tân hỏa khói chia tan khí tốt;
Cựu niên xuân sớm cựu gia phong.

尼 山 木 鐸 群 蒙 啓
夫 子 宮 墻 數 仞 臨

Ni sơn mộc đạc quần mông khải
Phu tư cung tường sổ nhận lâm
Bậc danh sư Ni Sơn biết bao công khai mở,
Nơi bái vọng phu tử đến mấy nhận tôn cao.

泗 水 聞 章 昭 萬 古
尼 山 道 範 耀 千 秋

Tứ thuỷ văn chương chiêu vạn cổ;
Ni Sơn đạo phạm diệu thiên thu.
Văn chương sông Tứ ngời vạn cổ;
Khuôn mẫu Ni Sơn sáng nghìn thu.

積 受 金 花 天 積 德
閑 饑 義 指 地 鍾 靈

Tích thụ kim hoa thiên tích đức;
Nhàn cơ nghĩa chỉ địa chung linh.
Góp nhặt kim hoa trời tích đức.
Đói nghèo nghĩa cử đất linh thiêng.

祖 宗 從 德 千 年 盛
子 孝 孫 賢 萬 代 昌
Tổ tông tòng đức thiên niên thịnh;
Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.
Công đức tổ tông nghìn năm thịnh;
Cháu thảo con hiền muôn đời vinh.

山 之 秀 水 之 清 地 勢 巍 峨 源 自 古
田 可 耕 書 可 讀 族 堂 懍 烈 到 于 今
Sơn chi tú, thuỷ chi thanh, địa thế nguy nga nguyên tự cổ;
Điền khả canh, thư khả độc, tộc đường lẫm liệt đáo vu kim.
Non xanh nước biếc, địa thế nguy nga nguyên có từ trước;
Ruộng chăm canh, sách chăm đọc, tộc đường lẫm liệt đến nay.

祠 堂 振 則 綱 常 柱
地 脈 留 傳 福 善 門
Từ đường chấn tắc cương thường trụ;
Địa mạch lưu truyền phúc thiện môn.
Từ đường thâm nghiêm thì đạo cương thường bền vững;
Mạch đất tốt điều phúc thiện lưu truyền trong nhà.

香 火 不 忘 先 祖 德
墓 墳 能 對 水 山 長
Hương hỏa bất vong tiên tổ đức;
Mộ phần năng đối thuỷ sơn trường.
Khói hương không quên đức tổ tiên;
Mồ mả trường tồn với núi sông.

壁 間 有 耳 言 當 謹
心 上 無 頭 念 要 中
Bích gian hữu nhĩ ngôn đương cẩn;
Tâm thượng vô đầu niệm yếu trung.
Bức vách có tai lời cẩn trọng;
Trong lòng đang rối tránh sự sai nghiêng.

忠 孝 兩 全 能 訓 禮
香 煙 三 燭 自 從 心
Trung hiếu lưỡng toàn năng huấn lễ;
Hương yên tam chúc tự tòng tâm.
Trung hiếu vẹn toàn năng răn mình;
Khói hương ba nén tự lòng ta.

幼 不 求 於 學
老 則 悔 終 年
Ấu bất cầu ư học
Lão tắc hối chung niên.
Lúc trẻ không để tâm học tập
Về già sẽ hối hận suốt đời.

莫 疑 進 路 無 知 己
須 就 桃 源 問 主 人
Mạc nghi tiến lộ vô tri kỷ;
Tu tựu đào nguyên vấn chủ nhân.
Chớ nghĩ đường đời không tri kỷ;
Muốn đến Đào nguyên hỏi chủ nhân.

桃 李 春 觀 粧 點 長 春 景 色
芝 蘭 善 室 藏 培 今 古 青 書
Đào lý xuân quan trang điểm trường xuân cảnh sắc;
Chi lan thiện thất tàng bồi kim cổ thanh thư.
Xuân sang đào lý tô vẽ thêm cảnh sắc mới;
Nhà mới chi lan giữ thêm vào sử sách xưa.

馬 按 朝 前 水 秀 山 青 先 勝 跡
金 星 衰 後 龍 盤 虎 踞 滿 餘 聲
Mã án triêu tiền, thuỷ tú sơn thanh, tiên thắng tích;
Kim tinh suy hậu, long bàn hổ triết, mãn dư thanh.
Trước có nước biếc non xanh Mã án chầu cảnh thắng tích;
Sau là rồng cuộn hổ phục Kim tinh chiếu mãi còn vang.

入 室 挽 香 蘭 桂 味
盈 堂 樂 會 晉 神 人
Nhập thất vãn hương lan quế vị;
Doanh đường lạc hội tấn thần nhân.
Vào nhà phảng phất hương lan quế;
Vui hội đầy nhà đón thần nhân.

日 月 爭 光 花 香 色
山 河 對 面 景 自 然
Nhật nguyệt tranh quang hoa xuân sắc
Sơn hà đối diện cảnh tự nhiên.

Nhật nguyệt sáng soi hoa thêm sắc
Núi sông đối diện cảnh tự nhiên

接 客 往 來 日 夜 門 中 不 閉
迎 人 出 入 暮 朝 年 月 常 開

Tiếp khách vãng lai, nhật dạ môn trung bất bế
Nghinh nhân xuất nhập, mộ triêu niên nguyệt thường khai

Tiếp khách qua lại ngày đêm, trong nhà không ngớt
Đón người ra vào sớm chiều, năm tháng thường vui.

高 獨 貴 尊 萬 代 長 存 名 繼 盛
祖 堂 靈 拜 千 年 憑 在 德 留 光

Cao độc quý tôn, vạn đại trường tồn danh kế thịnh
Tổ đường linh bái, thiên niên bằng tại đức lưu quang.

Đấng quý tôn muôn đời tiếng thơm lưu truyền mãi mãi
Nhà tổ chăm hương khói nghìn năm đức độ luôn toả sáng.

祖 堂 百 世 香 花 在
裔 族 千 秋 福 祿 長

Tổ đường bách thế hương hoa tại
Duệ tộc thiên thu phúc lộc trường

Nhà tổ trăm đời hương khói không ngớt
Con cháu nghìn năm phúc lộc dài

閑 世 平 期 禮 户 義 門 當 進 化
神 仙 有 露 祥 風 瑞 氣 有 登 臨

Nhàn thế bình kỳ, lễ hộ nghĩa môn đương tiến hoá
Thần tiên hữu lộ, tường phong thụy khí hữu đăng lâm

Thời thế yên bình, cửa lễ nghĩa đương nhiên tiến hoá
Thần tiên xuất hiện, phong khí tốt lành hướng lên trông.

妙 相 慄 如 生 第 一 天 仙 多 顯 應
眞 身 魂 不 死 無 雙 神 女 最 英 靈

Diệu tướng lẫm như sinh, đệ nhất thiên tiên đa hiển ứng
Chân thân hồn bất tử, vô song thần nữ tối anh linh

Diệu tướng tựa như sống thứ nhất tiên trời luôn hiển ứng
Chân thân hồn bất tử không hai nữ thần rất linh thiêng.

鸞 駕 顯 微 莫 測 所 求 必 應
雲 車 升 降 無 停 有 感 必 通

Loan giá hiển vi mạc trắc, sở cầu tất ứng
Vân xa thăng giáng vô đình, hữu cảm tất thông
Xe loan xuất hiện chẳng lường điều cầu sẽ được
Đài mây lơ lửng không dừng có cảm tất thông.

廟宇增修千秋如在
馨祠起造萬代常新
Miếu vũ tăng tu, thiên thu như tại
Hinh từ khởi tạo, vạn đại thường tân
Hiên miếu chăm tu sửa, nghìn năm vẫn còn nguyên vẹn
Đền thiêng khởi tạo, mới mãi muôn đời.

窈窕容儀天下母
英靈變化女忠仙
Yểu điệu dung nghi thiên hạ mẫu
Anh linh biến hoá nữ trung tiên
Dáng điệu dịu dàng xứng mẹ của thiên hạ
Biến hoá linh thiêng đáng bậc nữ tiên.

爲英爲靈千秋正氣
此民此地萬古福神
Vi anh vi linh, thiên thu chính khí
Thử dân thử địa, vạn cổ phúc thần
Anh linh tinh diệu nghìn năm chính khí
Dân này đất này muôn thuở phúc thần.

禮樂百年修廟典
青平一曲訟神功
Lễ nhạc bách niên tu miếu điển
Thanh bình nhất khúc tụng thần công.
Lễ nhạc trăm năm tôn điển miếu
Thanh bình một thuở tụng công thần.

十全群眾閑閑望
五福當歸日日新
Thập toàn quần chúng nhàn nhàn vọng
Ngũ phúc đương quy nhật nhật tân
Thập toàn quần chúng thong thả ngóng
Ngũ phúc đương quy ngày ngày đổi mới.

萬 古 英 靈 揚 聖 德
一 方 蔭 住 仰 神 功
Vạn cổ anh linh dương thánh đức
Nhất phương ấm trú ngưỡng thần công.
Muôn thuở anh linh dương đức thánh
Một phương ân trạch ngưỡng công thần.

孝 慈 門 户 留 輿 地
文 武 衣 冠 祖 肇 基
Hiếu từ môn hộ lưu dư địa
Văn vũ y quan tổ triệu cơ
Nếp nhà từ hiếu lưu muôn thuở
Khăn áo vũ văn tiếp nền xưa.

芳 名 常 在 留 青 史
功 德 長 存 記 石 碑
Phương danh thường tại lưu thanh sử
Công đức trường tồn kí thạch bi
Tiếng thơm còn mãi lưu thanh sử
Công đức dài lâu khắc tại bia.

市 發 見 有 威 可 畏
及 時 來 禮 物 不 遺
Thị phát kiến hữu uy khả uý
Cấp thời lai lễ vật bất di
Thị phát thấy có uy đáng sợ
Tức thời nay vật thể không dời.

廟 貌 莊 嚴 千 古 在
同 民 奉 祀 百 年 香
Miếu mạo trang nghiêm thiên cổ tại
Đồng dân phụng tự bách niên hương
Miếu mạo trang nghiêm nghìn năm vẫn còn đó
Muôn người thời phụng mãi còn thơm.

民 到 于 今 載 德
聖 自 遠 古 之 靈
Dân đáo vu kim tải đức
Thánh tự viễn cổ chi linh.
Người dân đến nay vẫn trọng đức
Đức thánh từ xưa muôn thuở linh thiêng.

繼 龍 君 而 丁 李 陳 黎 杖 笠 靈 聲 已 古
通 家 君 之 東 西 南 北 宮 庭 香 火 如 初

Kế Long quân nhi Đinh, Lý, Trần, Lê, trượng lạp linh thanh dĩ cổ
Thông gia quân chi đông, tây, nam, bắc, cung đình hương hoả như sơ

Kế Long quân, họ Đinh, Lý, Trần, Lê, nối dòng linh thanh thuở trước
Đến vua nay, bốn phương đông, tây, nam, bắc, cung đình hương khói như xưa

配 含 遇 奇 緣 東 土 降 生 三 顯 聖
聲 斯 成 大 道 南 邦 不 死 四 靈 神

Phối hàm ngộ kỳ duyên, Đông Thổ giáng sinh tam hiển thánh
Thanh tư thành đại đạo, Nam Bang bất tử tứ linh thần

Đông Thổ duyên kỳ ngộ, cùng giáng sinh ba bậc hiển thánh
Nam Bang đạo đại thành, nổi tiếng bốn vị linh thần bất tử

南 天 四 位 名 高 巍 巍 照 日 月
越 地 百 靈 威 勝 懍 懍 滿 高 山

Nam thiên tứ vị, danh cao nguy nguy chiếu nhật nguyệt
Việt địa bách linh, uy thắng lẫm lẫm mãn cao sơn.

Bốn vị trời Nam, danh cao vời vợi sáng cùng nhật nguyệt
Bách linh đất Việt, uy danh lẫm liệt khắp non cao.

一 夜 風 雷 三 同 化
億 年 香 火 四 靈 通

Nhất dạ phong lôi, tam đồng hoá
Ức niên hương hoả, tứ linh thông.

Một đêm sấm chớp, ba Thánh cùng hoá
Nghìn năm hương khói, bốn cõi linh thiêng.

樓 前 嫵 媚 龍 翔 化
檻 外 康 莊 鳳 奏 歌

Lâu tiền vũ mị long tường hóa
Hạm ngoại khang trang phượng tấu ca.

Trước lầu tươi đẹp rồng bay lượn
Ngoài hiên khang trang phượng tấu ca.

巍 峨 殿 宇 千 千 士
赫 奕 威 靈 萬 萬 兵

Nguy nga điện vũ thiên thiên sĩ
Hách dịch uy linh vạn vạn binh.

Nguy nga điện vũ ngàn ngàn sĩ
Chói lọi uy linh vạn vạn binh.

國色傾城天下有
英靈神女世間無
Quốc sắc khuynh thành thiên hạ hữu
Anh linh thần nữ thế gian vô.
Sắc nước nghiêng thành thiên hạ có
Anh linh thần nữ thế gian không.

昔丁卯歲奎星聚
今慶春王化日長
Tích Đinh Mão tuế Khuê tinh tụ
Kim khánh xuân vương hoá nhật trường.
Xưa năm Đinh Mão sao Khuê tụ chiếu
Nay cảnh thái bình mặt trời chiếu dài lâu.

敵掃萬兵名已古
澤成一夜昔猶今
Địch tảo vạn binh danh dĩ cổ
Trạch thành Nhất Dạ tích do kim.
Quét giặc vạn binh, danh muộn thuở
Đầm thành Nhất Dạ dấu còn đây.

造化亦無權制金鼎靈丹傳不死
神仙安在可接石斗廟貌懍如生
Tạo hoá diệc vô quyền chế, kim đỉnh linh đan truyền bất tử
Thần tiên an tại khả tiếp, thạch đầu miếu mạo lẫm như sinh
Tạo hoá cũng chẳng quyền hành, đỉnh vàng linh đan truyền bất tử
Thần tiên đâu tiếp được, thạch đầu miếu mạo vẫn còn đây.

三十六洞亭萬古聲寧天素月
七十二鄉社一壺風景世瀛蓬
Tam thập lục động, đình, vạn cổ thanh ninh thiên tố nguyệt
Thất thập nhị hương xã, nhất hồ phong cảnh thế doanh bồng.
Ba mươi sáu động đình, muôn thuở thanh ninh trời rạng rỡ
Bảy mươi hai làng xã, một vùng phong cảnh cõi doanh bồng.

靈跡照垂千古壯
神床顯相六民康

Linh tích chiếu thuỳ thiên cổ tráng
Thần sàng hiển tướng lục dân khang.
Dấu thiêng rủ chiếu nghìn thuở tráng lệ
Ban thờ thần tỏ rõ sáu dân khang ninh.

軒后鼎成鰥子府
湘妃琴托寡倉梧
Hiên hậu đỉnh thành quan Tử phủ
Tương phi cầm thác quả Thương Ngô.
Hiên hậu đỉnh thành mà Tử phủ không con
Tương phi đàn xong thì Thương Ngô goá bụa.

昔夜風雷神顯跡
今春雨露聖流恩
Tích dạ phong lôi Thần hiển tích
Kim xuân vũ lộ Thánh lưu ân.
Sấm gió đêm xưa, dấu thần tỏ rõ
Mưa móc xuân này, ơn thánh còn lưu.

靈跡照垂千古籙
神床顯聖累朝褒
Linh tích, chiếu thuỳ thiên cổ lục
Thần sàng, hiển thánh luỹ triều bao.
Tích linh để lại, nghìn năm còn chép
Ban Thần hiển thánh, nhiều triều ngợi khen.

爽豈一壺新棟宇
清光萬古舊宮庭
Sảng khải nhất hồ tân Đống vũ
Thanh quang vạn cổ cựu Cung đình.
Sảng khoái một lầu Đống vũ mới
Thanh quang muôn thuở Cung đình xưa.

過者化極其大英靈獨不觀一夜澤自然州留顯跡
得而入觀其中富美何必曰三神山太清洞有珠宮
Quá giả hoá, cực kỳ đại anh linh, độc bất quan Nhất Dạ trạch,
Tự Nhiên châu, lưu hiển tích.
Đắc nhi nhập, quan kỳ trung phú mỹ, hà tất viết Tam Thần sơn,
Thái Thanh động, hữu Chu cung.

Qua chơi hoá phép, anh linh diệu kì, không nhận ra đầm Nhất Dạ,
bãi Tự nhiên còn lưu hiển tích.
Được lúc mà vào, xem sự giàu đẹp trong đó,
việc gì phải nói động Thái Thanh, núi Tam Thần có cung Châu.

趙 越 王 清 夜 一 壇 貴 將 無 謀 沉 桂 海
阮 行 遣 黑 墨 半 枕 眞 人 有 露 出 藍 山

Triệu Việt Vương, thanh dạ nhất đàn, Bí tướng vô mưu trầm Quế Hải
Nguyễn Hành Khiển, hắc mặc bán chẩm,
Chân nhân hữu lộ xuất Lam Sơn.

Triệu Việt Vương, đêm trăng lập đàn, vì Bí tướng vô mưu chìm Quế Hải
Nguyễn Hành Khiển, đêm không ngủ,
được Chân nhân mách lối dấy Lam Sơn.

顯 化 妙 神 威 日 麗 瓊 臺 千 古 壯
陰 扶 姿 聖 德 春 輝 化 縣 四 民 康

Hiển hoá diệu thần uy, nhật lệ Quỳnh đài thiên cổ tráng
Âm phù tư thánh đức, xuân huy Hoa huyện tứ dân khang.

Hiển hoá diệu kỳ, thần uy nhật lệ, Quỳnh đài nghìn năm tráng lệ
Âm phù sẵn có, thánh đức sáng ngời, Hoa huyên muôn dân khang.

笠 印 自 古 樓 臺 物 産 天 寶
香 火 現 今 廟 宇 人 傑 地 靈

Lạp ấn tự cổ lâu đài, vật hoa thiên bảo
Hương hoả hiện kim miếu vũ, nhân kiệt địa linh.

Từ xưa lạp ấn xuất hiện vật hoa thiên bảo chốn lâu đài
Hiện nay hương hoả địa linh nhân kiệt nơi miếu vũ.

再 造 一 壺 新 棟 宇
重 修 萬 古 舊 宮 庭

Tái tạo nhất hồ tân đống vũ
Trùng tu vạn cổ cựu Cung đình

Tái tạo một chùm Đống vũ đổi
Trùng tu muôn thuở Cung đình xưa.

歐 亞 敷 天 傳 四 異
樓 臺 特 地 屹 三 宮

Âu Á phu thiên truyền tứ dị
Lâu đài đặc địa ngật tam cung.

Âu, Á khắp nơi truyền bốn sự lạ
Lâu đài được đất cao vút ba cung.

東 土 降 生 遺 仙 景
南 邦 妙 化 顯 聖 宮
Đông Thổ giáng sinh tao tiên cảnh
Nam Bang diệu hoá hiển thánh cung.
Đông Thổ giáng sinh chơi tiên cảnh
Nam Bang diệu hoá tỏ thánh cung.

萬 古 鴻 飛 昭 偉 跡
九 天 龍 爪 顯 神 功
Vạn cổ hồng phi chiêu vĩ tích
Cửu thiên long trảo hiển thần công
Muôn thuở hồng bay lưu dấu lớn
Chín trời rồng lượn để thần công.

巍 巍 廟 貌 關 郊 野
細 細 濤 聲 引 管 弦
Nguy nguy miếu mạo quan giao dã;
Tế tế đào thanh dẫn quản huyền.
Miếu mạo nguy nga nơi đồng ruộng;
Tiếng sóng rì rào tựa sáo đàn.

同 坤 道 含 弘 母 儀 天 下
休 天 心 遍 覆 子 育 蒼 生
Đồng khôn đạo hàm hoằng, mẫu nghi thiên hạ;
Hưu thiên tâm biến phú, tử dục thương sinh.
Cùng đạo Khôn khoan độ, xứng mẫu nghi thiên hạ;
Vui lòng Thiên che khắp, muôn dân được trời nuôi.

日 麗 祇 園 貝 葉 金 鍾 和 道 響
煙 凝 寶 蓋 溪 流 蓮 座 都 慈 香
Nhật lệ chi viên, bối diệp kim chung hoà đạo hưởng.
Yên ngưng bảo cái, khê lưu liên toạ đô từ hương;
Mặt trời chiếu khắp vườn thiền, lá quý, chuông vàng đều hưởng đạo.
Sương khói bao trùm Tam Bảo, dòng suối, toà sen đều toả hương lành;

龍 德 正 中 厥 施 斯 普
神 功 墨 將 惟 休 無 疆
Long đức chính trung quyết thi tư phổ;
Thần công mặc tướng duy hưu vô cương.

Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

不 滅 不 生 貝 葉 寶 花 空 是 色
無 邊 無 量 善 人 福 果 滿 而 圓

Bất diệt bất sinh, bối diệp bảo hoa không thị sắc;
Vô biên vô lượng, thiện nhân phúc quả mãn nhi viên.

Không mất không sinh, kinh Bối diệp, kinh Bảo hoa không là có;
Không giới hạn không cùng, theo việc thiện thì phúc quả tràn đầy.

三 寶 放 玉 毫 而 遍 照
萬 靈 鑒 法 界 以 莊 嚴

Tam bảo phóng ngọc hào nhi biến chiếu;
Vạn linh giám pháp giới dĩ trang nghiêm.

Tam Bảo toả ánh ngọc sáng chiếu khắp mọi nơi;
Vạn linh khắc ghi pháp giới tỏ rõ sự trang nghiêm.

四 生 十 類 皆 瞻 仰
三 途 六 道 免 沉 淪

Tứ sinh thập loại giai chiêm ngưỡng;
Tam đồ lục đạo miễn trầm luân.

Tứ sinh, mười loại đều chiêm ngưỡng;
Tam đồ, sáu đạo thoát cảnh trầm luân.

慧 日 慈 心 持 經 偈
明 月 清 風 伴 禪 門

Tuệ nhật từ tâm trì kinh kệ;
Minh nguyệt thanh phong bạn thiền môn.

Trời sáng lòng từ bi nắm giữ kinh kệ;
Trăng thanh gió mát làm bạn với cửa thiền.

萬 古 綱 常 惟 正 道
百 年 事 業 繫 斯 文

Vạn cổ cương thường duy chính đạo;
Bách niên sự nghiệp hệ tư văn.

Đạo cương thường muôn thuở vẫn là đạo chính;
Sự nghiệp trăm năm gắn chặt với tư văn.

道 德 文 章 參 兩 代
高 堅 前 後 卓 三 綱

Đạo đức văn chương tham lưỡng đại;
Cao kiên tiền hậu trác tam cương.
Đạo đức văn chương được coi là hai đạo lớn nhất;
Bền vững trước hay sau chỉ có ở đạo tam cương.

春回文物聲名地
日朗衣冠禮樂天
Xuân hồi văn vật thanh danh địa;
Nhật lãng y quan lễ nhạc thiên.
Xuân về đất văn vật thêm nổi tiếng;
Ngày sáng trời áo mũ đầy lễ nhạc.

人三綱正九疇敘
天四時行百物生
Nhân Tam cương chính, Cửu trù tự;
Thiên tứ thời hành, bách vật sinh.
Người giữ ngay đạo Tam Cương, Cửu trù được đặt ra;
Trời bốn mùa xoay vần, trăm vật sinh sôi nẩy nở.

至聖至誠純不已
配天配地久無疆
Chí thánh chí thành thuần bất dĩ;
Phối thiên phối địa cửu vô cương.
Bậc chí thánh, lòng thành thực lưu truyền mãi mãi;
Cùng với trời, cùng với đất bền vững dài lâu.

化日光天三代下
春風和氣兩間中
Hoá nhật quang thiên Tam đại hạ;
Xuân phong hoà khí lưỡng gian trung.
Trời quang mây tạnh thời Tam đại;
Xuân phong hoà khí giữa hai bên.

日月光華天復旦
海河清晏世如春
Nhật nguyệt quang hoa thiên phục đán;
Hải hà thanh yến thế như xuân.
Tháng ngày vui tươi trời bừng sáng;
Biển hồ phẳng lặng đời như xuân.

地 靈 人 傑 神 胎 福
化 美 風 淳 里 有 仁
Địa linh nhân kiệt thần di phúc;
Hoá mỹ phong thần lý hữu nhân.
Địa linh nhân kiệt thần để phúc;
Thuần phong mỹ tục làng có nhân.

星 出 雲 興 開 舜 旦
山 呼 風 祝 慶 堯 天
Tinh xuất vân hưng khai Thuấn đán;
Sơn hô phong chúc khánh Nghiêu thiên.
Sao hiện, mây mừng mở đất Thuấn;
Núi hô, gió chúc đẹp trời Nghiêu.

出 途 藏 市 遵 王 道
擊 壤 歌 衢 頌 帝 王
Xuất đồ tàng nhị tuân Vương đạo;
Kích nhưỡng ca cù tụng Đế vương.
Ra đường, vào chợ tôn Vương đạo;
Cầy cấy vang ca tụng Đế vương.

蘭 亭 佳 氣 徵 神 瑞
金 渚 文 波 識 聖 恩
Lan đình giai khí trưng Thần thụy;
Kim chử văn ba thức thánh ân.
Khí nhã Lan Đình điềm thần giáng;
Sáng văn Kim Chử huệ thánh cho.

翼 軫 山 河 高 正 氣
貉 鴻 宇 宙 懍 靈 聲
Dực Chẩn sơn hà cao chính khí;
Lạc Hùng vũ trụ lẫm linh thanh.
Sao Dực sao Chẩn, non sông cao chính khí;
Tổ tiên Lạc Hùng, trời đất dấy linh thanh.

威 鎮 鶴 江 寒 蜀 寇
靈 歸 龍 府 福 柴 庄
Uy trấn Hạc giang, hàn Thục khấu;
Linh quy Long phủ, phúc Sài trang.
Uy trấn giữ ở sông Hạc, giặc Thục khiếp sợ;
Linh ứng quy về Long phủ, thôn Sài đầy phúc.

名將爲福神鶴渚牛江顯跡
雙生而兩化龍樓蛟室鍾英

Danh tướng vi phúc thần, Hạc chử Ngưu giang hiển tích;
Song sinh nhi lưỡng hoá, Long lâu Giao thất chung anh.

Danh tướng làm phúc thần, bãi Hạc sông Ngưu hiển tích;
Sinh đôi mà cùng hoá, lầu Long nhà Giao linh thiêng.

鶴江一陣西無蜀
龍府雙歸水有神

Hạc giang nhất trận, tây vô Thục;
Long phủ song quy, thủy hữu Thần.

Sông hạc một trận, phía tây không bóng Thục;
Phủ Long cùng về, dòng sông có linh Thần.

立德立功不朽
配天配地無疆

Lập đức lập công bất hủ;
Phối thiên phối địa vô cương.

Lập đức lập công danh bất hủ;
Sánh trời sánh đất rộng vô cùng.

望遠能知風浪小
凌空始覺海波平

Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu
Lăng không thủy giác hải ba bình.

Nhìn xã mới biết phong lãng nhỏ;
Cao vút thì hay sóng bể bằng.

聖護神扶柴邑圓成新景色
民康族密市庄英氣舊江山

Thánh hộ thần phù, Sài ấp viên thành tân cảnh sắc;
Dân khang tộc mật, thị trang anh khí cựu giang sơn.

Thánh che thần giúp, ấp Sài thành cảnh sắc mới;
Dân yên tộc nhiều, trang thị khí linh sông núi xưa.

破蜀勳高牛渚北
扶雄名重鶴江南

Phá Thục huân cao Ngưu chử Bắc;
Phù Hùng danh trọng Hạc giang Nam.

Phá giặc Thục, công lao lớn như bãi Ngưu vùng Bắc;
Giúp vua Hùng, danh trọng tựa sông Hạc phía Nam.

日 月 往 來 談 法 語
晨 昏 出 入 看 經 文
Nhật nguyệt vãng lai đàm pháp ngữ;
Thần hôn xuất nhập khán kinh văn.
Tháng ngày qua lại bàn Phật pháp;
Sớm tối ra vào đọc kinh văn.

入 門 口 念 彌 陀 佛
到 處 心 持 參 禮 經
Nhập môn khẩu niệm Di đà phật;
Đáo xứ tâm trì tham Lễ Kinh.
Vào thiền miệng niệm Di đà phật;
Khắp chốn tâm bền đọc Kinh lễ.

月 影 依 稀 魚 躍 影
風 聲 彷 彿 馬 斯 聲
Nguyệt ảnh y hy ngư dược ảnh;
Phong thanh phảng phất mã tư thanh.
Ánh trăng lờ mờ bóng cá quẫy;
Tiếng gió phảng phất như tiếng ngựa hí.

地 下 迷 津 開 覺 路
人 間 苦 海 渡 慈 航
Địa hạ mê tân khai giác lộ;
Nhân gian khổ hải độ từ hàng.
Bến mê dưới đất mở đường giác ngộ;
Biển khổ nhân gian vượt bến từ bi.

功 德 留 傳 千 古 念
石 碑 記 鑒 億 年 香
Công đức lưu truyền thiên cổ niệm;
Thạch bi ký giám ức niên hương.
Công đức lưu truyền nghìn năm nhớ;
Bia đá khắc ghi muôn thuở thơm.

東 土 億 年 崇 佛 法
南 越 千 秋 奉 如 來
Đông Thổ ức niên sùng Phật Pháp;
Nam Việt thiên thu phụng Như Lai.

Đông Thổ muôn đời tôn sùng Phật Pháp;
Nam Việt nghìn năm thờ phụng Như Lai.

國家有永山河固
佛道無窮日月長
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;
Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.
Quốc gia vững chãi, sông núi trường tồn;
Đạo Phật vô cùng, ngày tháng dài lâu.

偈德通傳三界地
鍾聲透徹九重天
Kệ đức thông truyền tam giới địa;
Chung thanh thấu triệt cửu trùng thiên.
Đức kệ truyền thông cõi tam giới;
Tiếng chuông thấu đến chốn cửu trùng.

慧日龍中天一朵曇花呈瑞氣
慈雲覆大地四時法雨潤群生
Tuệ nhật lệ trung thiên, nhất đoá đàm hoa trình thuỵ khí;
Từ vân phú đại địa, tứ thời pháp vũ nhuận quần sinh.
Trời xanh quang đãng không trung, một đoá mây thiền đưa khí tốt;
Mây lành toả khắp mặt đất, bốn mùa mưa pháp giúp quần sinh.

龍德普施一切浮生歸深渡
神功莫測萬般沙界總權行
Long đức phổ thi, nhất thiết phù sinh quy tế độ;
Thần công mạc trắc, vạn ban sa giới tổng quyền hành.
Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

貝葉經成佛教興隆資大德
蓮花瑞現人群普深仰慈恩
Bối diệp kinh thành, Phật giáo hưng long tư đại đức;
Liên hoa thụy hiện, nhân quần phổ tế ngưỡng từ ân.
Kinh bối diệp thành làm cho hưng thịnh phật giáo nhờ đức lớn;
Đài Liên hoa xuất hiện, cứu khắp nhân gian ngưỡng ơn lành.

寶相巍巍百萬天人含敬仰
金身蕩蕩三千世界盡歸依

Bảo tướng nguy nguy, bách vạn thiên nhân hàm kính ngưỡng;
Kim thân đăng đăng, tam thiên thế giới tận quy y.
Bảo tướng vời vợi, trăm vạn người đều ngưỡng mộ;
Thân vàng rộng khắp, ba nghìn thế giới theo về.

福 生 禮 義 家 堂 盛
祿 進 榮 花 富 貴 春

Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh
Lộc tiến vinh hoa phú quý xuân.
Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh
Lộc nẩy vinh hoa phú quý xuân.

霹 靂 傳 聲 庇 民 果 葉 深 霄 夢
大 蛇 顯 跡 護 國 終 留 舊 世 勳

Tích lịch truyền thanh, tí dân quả diệp thâm tiêu mộng;
Đại xà hiển tích, hộ quốc chung lưu cựu thế huân.
Sấm sét truyền vang, mộng canh thâu giúp dân no ấm;
Rắn lớn hiển tích, sáng đời trước trợ nước dài lâu.

大 孝 大 忠 德 重 留 傳 萬 古
至 情 至 義 道 高 感 化 千 秋

Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;
Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá thiên thu.
Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;
Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá nghìn năm.

南 邦 第 一 洞 石 壁 擎 天
珥 水 自 然 洲 樓 臺 特 地

Nam bang Đệ nhất động, thạch bích kình thiên
Nhị thuỷ Tự nhiên châu, lâu đài đặc địa.
Động Đệ nhất ở Nam Bang, thạch bích ngất trời
Bãi Tự nhiên bên dòng Nhị, lâu đài được đất.

花 還 水 繞 陸 地 蓬 瀛
風 清 月 白 壺 天 宇 宙

Hoa hoàn thủy nhiễu lục địa Bồng Doanh
Phong thanh nguyệt bạch hồ thiên vũ trụ.
Hoa thơm nước lượn cõi Bồng Doanh
Gió mát trăng thanh trời vũ trụ.

慢 幬 夜 澤 皆 存 跡
廟 宇 樓 臺 有 古 終

Mạn Trù, Dạ Trạch giai tồn tích
Miếu Vũ, Lâu Đài hữu cổ chung.
Mạn Trù, Dạ Trạch nay còn đó
Miếu Vũ, Lâu Đài vẫn xưa nay.

龍 爪 兜 乖 扶 光 復
杖 笠 靈 聲 立 瀛 蓬
Trượng lạp linh thanh lập Doanh Bồng.
Long trảo đâu quai phù Quang Phục
Vuốt Rồng trao lại phù Quang Phục
Trượng lạp linh thanh lập Doanh Bồng

一 簇 樓 臺 春 色 媚
九 天 霓 舞 樂 聲 高
Nhất thốc lâu đài xuân sắc mị
Cửu thiên nghê vũ nhạc thanh cao
Một chốn lâu đài xuân sắc đẹp
Chín cõi múa ca nhạc thanh cao.

廟 萃 五 王 神 陟 降
朝 經 百 代 帝 嘉 封
Miếu tụy ngũ vương thần trắc giáng;
Triều kinh bách đại đế gia phong.
Miếu rợp năm vua, Thần thăng giáng;
Triều trải trăm đời, Vua gia phong.

道 若 路 然 得 其 門 而 入
聖 即 天 地 不 可 階 而 升
Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập
Thánh tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng
Đạo tựa lối đi, được đường hướng thì vào;
Thánh tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên.

逝 水 有 如 斯 文 武 衣 冠 王 侯 第 宅
高 山 長 仰 止 三 關 闔 奧 數 仞 宮 墻
Thệ thuỷ hữu như tư, văn vũ y quan, vương hầu đệ trạch
Cao sơn trường ngưỡng chỉ, Tam quan khổn áo, sổ nhẫn cung tường
Nước chẩy cũng như vậy, áo mũ các quan, lầu phòng vua chúa;
Non cao trông vời vợi, uy nghiêm ba cửa, nhà học mấy tầm.

知 識 海 洋 勤 是 岸
科 學 高 峰 志 爲 棲
Tri thức hải dương cần thị ngạn;
Khoa học cao phong chí vi thê.
Chăm chỉ là bờ biển tri thức;
Chí khí làm thang đỉnh các ngành.

宏 觀 在 宇 微 觀 在 握
虛 心 而 學 實 心 而 行
Hùng quan tại vũ, vi quan tại ác;
Hư tâm nhi học, thực tâm nhi hành.
Tầm rộng vũ trụ, tầm nhỏ tay nắm;
Khiêm tốn để học, thực tâm để làm.

且 喜 人 心 常 孝 古
漫 云 器 物 唯 求 新
Thả hỉ nhân tâm thường hiếu cổ;
Mạn vân khí vật duy cầu tân.
Hãy vui lòng người thường hiếu cổ;
Lạm bàn vật dụng lại cầu tân.

焰 吐 金 蓮 光 搖 霞 影
花 開 銀 粟 彩 泓 雲 衢
Diệm thổ kim liên, quang dao hà ảnh;
Hoa khai ngân túc, thái thế vân cù.
Tỏa sáng sen vàng, lung linh bóng ráng;
Hoa nở hạt bạc, lấp loáng mây trời.

牛 壯 土 中 生 白 玉
人 勤 地 內 產 黃 金
Ngưu tráng thổ trung sinh bạch ngọc;
Nhân cần địa nội sản hoàng kim.
Trâu khỏe trong đất sinh ngọc trắng;
Người chăm ngoài ruộng mọc vàng mười.

學 海 闊 千 里 絕 無 缺 志 人 敢 渡
書 山 高 萬 仞 唯 有 勤 奮 者 能 攀
Học hải khoát thiên lý, tuyệt vô khuyết chí nhân cảm độ;
Thư sơn cao vạn nhẫn, duy hữu cần phấn giả năng phan.
Biển học rộng ngàn dặm, chẳng phải để người không chí vượt;
Núi sách cao vạn nhẫn, chỉ để ai chăm chỉ vươn lên.

愛書讀書書中自有大世界
壘階登階階上即是新高峰
Ái thư độc thư, thư trung tự hữu đại thế giới;
Lũy giai đăng giai, giai thượng tức thị tân cao phong.
Quý sách đọc sách, trong sách tự có thế giới lớn;
Đắp cồn lên cồn, trên cồn chính là chỗ ngọn cao.

湖海交游憑道義
市場貿易具經綸
Hồ hải giao du bằng đạo nghĩa;
Thị trường mậu dịch cụ kinh luân.
Rộng rãi giao du cần đạo nghĩa;
Thị trường trao đổi sẵn điều cần.

大聚能人同治國
勇攀學術爲興家
Đại tụ năng nhân đồng trị quốc;
Dũng phan học thuật vị hưng gia.
Tập hợp nhân tài cùng giúp nước;
Xông vào học thuật để xây nhà.

水能性澹爲吾友
竹解心虛是我師
Thủy năng tính đạm vi ngô hữu;
Trúc giải tâm hư thị ngã sư.
Nước tính thanh đạm là bằng hữu;
Trúc lòng thông thoáng ấy thầy ta.

老不白頭因水土
冬猶赤腳爲師高
Lão bất bạch đầu nhân thủy thổ;
Đông do xích cước vị sư cao.
Già chẳng trắng đầu vì thủy thổ;
Suốt đông chân đất bởi thầy cao.

意靜不隨流水轉
心閑還笑白雲飛
Ý tĩnh bất tùy, lưu thủy chuyển;
Tâm nhàn hoàn tiếu bạch vân phi.

Ý tĩnh không theo nước chảy chuyển;
Lòng nhàn cười cả mây trắng bay.

雅 怀 深 得 花 中 趣
妙 慮 時 聞 筆 里 香
Nhã hoài thâm đắc hoa trung thú;
Diệu lự thời văn bút lý hương.
Lòng nhã sâu tìm trồng hoa thú;
Nghĩ nhiều nghe được bút viết luôn.

攻 千 重 關 心 怀 天 下
讀 萬 卷 書 志 在 四 方
Công thiên trùng quan, tâm hoài thiên hạ;
Độc vạn quyển thư, chí tại tứ phương.
Thông nghìn cửa khó, lòng vì thiên hạ;
Đọc vạn cuốn sách, chí ở bốn phương.

海 納 百 川 有 容 乃 大
山 連 千 嶺 無 際 自 高
Hải nạp bách xuyên, hữu dung nãi đại;
Sơn liên thiên lĩnh, vô tế tự cao.
Biển nhận trăm sông, bao dung nên lớn;
Núi liền nghìn ngọn, vô tư mà cao.

千 樹 奇 花 多 圃 药
一 庄 修 竹 半 床 書
Thiên thụ kỳ hoa đa phố dược;
Nhất trang tu trúc bán sàng thư.
Ngàn cây hoa lạ nhiều vườn thuốc;
Một trại trúc xinh nửa giường văn.

遵 道 而 行 但 到 半 山 須 努 力
會 心 不 遠 欲 登 絕 頂 莫 辭 勞
Tôn đạo nhi hành, đản đáo bán sơn tu nỗ lực;
Hội tâm bất viễn, dục đăng tuyệt đỉnh mạc từ lao.
Theo đường mà đi, nhưng đến giữa non cần nỗ lực;
Hiểu được không khó, muốn lên tuyệt đỉnh chớ chây lười.

自 知 性 僻 難 諧 俗
且 喜 身 閑 不 屬 人
Tự tri tính tịch nan hài tục;
Thả hỉ thân nhàn bất thuộc nhân.

Tự biết khó tính khó hòa tục;
Nhưng mừng thân nhàn chẳng thuộc ai.

一 時 酒 渴 思 呑 海
几 度 詩 狂 欲 上 天
Nhất thời tửu khát tư thôn hải;
Kỷ độ thi cuồng dục thượng thiên.
Nhất thời khát rượu toan nuốt biển;
Mấy đợt cuồng thơ muốn lên trời.

行 而 不 舍 若 驥 千 里
納 無 所 窮 如 海 百 川
Hành nhi bất xả, nhược ký thiên lý;
Nạp vô sở cùng, như hải bách xuyên.
Đi không hề nghỉ, như tuấn mã nghìn dặm;
Nhận vào chẳng cùng, tựa biển chứa trăm sông.

讀 書 要 能 自 出 見 解
處 世 無 過 善 体 人 情
Độc thư yếu năng tự xuất kiến giải;
Xử thế vô quá thiện thể nhân tình.
Việc chính của đọc sách là tự có lý giải;
Chỗ khéo về xử thế là thể tất nhân tình.

處 世 無 奇 唯 忠 唯 恕
治 家 有 道 克 儉 克 勤
Xử thế vô kỳ, duy trung duy thứ;
Trị gia hữu đạo, khắc kiệm khắc cần.
Xử thế không kỳ, chỉ trung chỉ thứ;
Việc nhà có đạo, ấy kiệm ấy cần.

事 宜 終 始 毋 務 多 業
任 有 大 小 唯 其 所 能
Sự nghi chung thủy, vô vụ đa nghiệp;
Nhậm hữu đại tiểu, duy kỳ sở năng.
Việc nên thông thạo, đừng ham nhiều nghề;
Chức có nhỏ to, cốt theo năng lực.

清 以 自 修 誠 以 自 勉
敬 而 不 怠 滿 而 不 盈

Thanh dĩ tự tu, thành dĩ tự miễn;
Kính nhi bất đãi, mãn nhi bất doanh.
Trong sạch tự tu, thành thật tự cố;
Kính cẩn không xa, đầy đặn chẳng tràn.

靜 以 養 性 儉 以 樹 德
入 則 篤 行 出 則 友 賢
Tĩnh dĩ dưỡng tính, kiệm dĩ thụ đức;
Nhập tắc đốc hạnh, xuất tắc hữu hiền.
Tĩnh để dưỡng tính, kiệm để trồng đức;
Nhập thì có hạnh, xuất thì bạn hiền.

取 靜 于 山 寄 情 于 水
虛 怀 若 竹 清 氣 若 蘭
Thủ tĩnh vu sơn, ký tình vu thủy;
Hư hoài nhược trúc, thanh khí nhược lan.
Lấy tĩnh ở non, gửi tình ở nước;
Lòng như trúc thoáng, khí tựa lan trong.

虛 能 引 和 靜 能 生 悟
仰 以 察 古 俯 以 觀 今
Hư năng dẫn hòa, tĩnh năng sinh ngộ;
Ngưỡng dĩ sát cổ, phủ dĩ quan kim.
Thoáng thì được hòa, tĩnh thì giác ngộ;
Ngược lên tìm cổ, xuôi xuống xem nay.

心 神 欲 靜 骨 氣 欲 動
腳 跟 宜 定 胸 怀 宜 開
Tâm thần dục tĩnh, cốt khí dục động;
Cước căn nghi định, hung hoài nghi khai.
Tinh thần phải tĩnh, khí cốt phải động;
Bước chân cần chắc, lòng dạ nên buông.

翎 柔 未 作 凌 霄 鳥
性 笨 甘 爲 拓 地 牛
Linh nhu vị tác lăng tiêu điểu;
Tính bân cam vị thác địa ngưu.
Cánh mềm chẳng thể là chim bay vút;
Tính chậm đành làm trâu vỡ hoang.

偶 得 佳 句 放 聲 笑
欣 見 古 人 擊 地 歌

Ngẫu đắc giai cú, phóng thanh tiếu;
Hân kiến cổ nhân, kích địa ca.
Làm được câu hay cười hết cỡ;
Vui gặp bạn thân hát vang trời.

靜觀世界求一是
誠對蒼生不二心
Tĩnh quan thế giới, cầu nhất thị;
Thành đối thương sinh bất nhị tâm.
Lặng xem thế giới, theo một đích;
Thành với trời xanh, chẳng hai lòng.

面目總非眞借己証人由他做作
事情多不假居今鑒古要你思量
Diện mục tổng phi chân, tá kỷ chứng nhân, do tha tố tác;
Sự tình đa bất giả, cư kim giám cổ, yếu nhĩ tư lường.
Mặt mũi vẫn phi thực, mượn ta nói người, tùy nghi múa mép;
Sự tình thường chẳng giả, lấy nay bàn xưa, ta phải suy tư.
(Vịnh hát chèo)

喜挹清風除濁氣
常師翠竹問虛心
Hỷ ấp thanh phong trừ trọc khí;
Thường sư thúy trúc vấn hư tâm.
Vui giữ gió trong trừ khí bẩn;
Thường theo trúc biếc học tâm khiêm.

自將秋水洗望眼
常借燭光明學心
Tự tương thu thuỷ tẩy vọng nhãn;
Thường tá chúc quang minh học tâm.
Tự đem nước thu rửa sáng mắt;
Thường mượn ánh nến tỏ học tâm.

心有尺規行不亂
意存忠厚氣堪平
Tâm hữu xích quy hành bất loạn;
Ý tồn trung hậu khí kham bình.
Tâm luôn quy củ làm không loạn;
Ý giữ hậu trung khí được bình.

一 人 知 己 平 生 足
兩 袖 清 風 百 世 安
Nhất nhân tri kỷ, bình sinh túc;
Lưỡng tụ thanh phong, bách thế an.
Một bạn tâm giao, đời thế đủ;
Hai tay gió mát, sống vậy yên.

新 詩 捧 與 知 音 賞
美 酒 待 邀 貴 客 斟
Tân thi bổng dữ tri âm thưởng;
Mỹ tửu đãi yêu quý khách châm.
Thơ hay dành để tri âm thưởng;
Rượu quý chờ mời bạn nhậu thăm.

心 閑 細 嚼 聯 風 味
眼 倦 聊 觀 菊 愁 姿
Tâm nhàn tế tước liên phong vị;
Nhãn quện liêu quan cúc sầu tư.
Lòng nhàn nhấm nháp hồn câu đối;
Mắt mệt lười xem ý cúc buồn.

煎 茶 淨 地 迎 嘉 客
拍 手 開 怀 放 浩 歌
Tiễn trà tĩnh địa nghênh gia khách;
Phách thủ khai hoài phóng hạo ca;
Pha trà rũ chiếu chờ khách quý;
Vỗ án lòng vui xúm hát ca.

种 數 竿 竹 能 卻 俗
讀 半 卷 書 可 養 心
Chủng sổ can trúc năng khước tục;
Đọc bán quyển thư khả dưỡng tâm.
Trồng vài khóm trúc hay thoát tục;
Đọc dăm trang sách dưỡng được tâm.

木 秀 青 山 難 折 去
鷹 飛 白 日 易 知 還
Mộc tú thanh sơn nan chiết khứ;
Ưng phi bạch nhật dị tri hoàn.
Cây lớn non xanh chặt được khó;
Ưng bay ngày sáng dễ quay về.

鐵 骨 英 姿 甘 負 重
高 山 步 履 不 知 難
Thiết cốt anh tư cam phụ trọng;
Cao sơn bộ lý bất tri nan.
Xương sắt anh hùng vui gánh nặng;
Non cao bước tiếp chẳng thấy nhàm.

行 舟 每 喜 風 高 處
養 氣 常 參 水 靜 時
Hành châu mỗi hỷ phong cao xứ;
Dưỡng khí thường tham thủy tĩnh thời.
Đi thuyền thích nhất nơi gió lớn;
Dưỡng khí thường vui lúc nước yên.

回 思 往 事 難 全 是
靜 看 來 今 好 自 爲
Hồi tư vãng sự nan toàn thị;
Tĩnh khán lai kim hảo tự vi.
Suy tư việc cũ không toàn đúng;
Lặng nghĩ như nay cố sức hay.

莫 對 青 山 談 世 事
休 將 文 字 占 時 名
Mạc đối thanh sơn đàm thế sự;
Hưu tương văn tự chiếm thời danh.
Chớ với non xanh bàn thế sự;
Đừng đem chữ nghĩa chiếm thời danh.

勵 學 須 識 得 頭 腦
修 身 要 立 定 腳 跟
Lệ học tu thức đắc đầu não;
Tu thân yếu lập định cước căn.
Gắng học phải biết dùng đầu óc;
Sửa mình cần đứng vững đôi chân.

每 臨 大 事 有 靜 氣
不 信 今 時 無 古 賢
Mỗi lâm đại sự hữu tĩnh khí;
Bất tín kim thời vô cổ hiền.

Khi làm việc lớn lòng bình tĩnh;
Không tin ngày nay thiếu bậc hiền.

世 事 滄 桑 心 事 定
心 中 海 岳 夢 中 飛

Thế sự thương tang tâm sự định;
Hung trung hải nhạc mộng trung phi.

Việc đời biến đổi việc ta định;
Trong lòng cao rộng trong mơ bay.

若 能 杯 水 如 名 淡
應 信 村 茶 比 酒 香

Nhược năng bôi thủy như danh đạm;
Ưng tín thôn trà tỷ tửu hương.

Nếu danh cũng nhạt như nước lã;
Ắt chè quê ấy sánh rượu thơm.

莫 坏 良 心 極 惡 巨 奸 轉 眼 終 歸 慘 景
學 習 好 樣 忠 臣 孝 子 到 頭 畢 竟 團 圓

Mạc hoại lương tâm, cực ác cự gian chuyển nhãn chung quy thảm cảnh;
Học tập hảo dạng, trung thần hiếu tử đáo đầu tất cảnh đoàn viên.

Chớ để lòng tà, cực ác đại gian, chớp mắt vẫn là thảm cảnh;
Học tập cái tốt, tôi trung con hiếu, đến cùng tất được đoàn viên.

世 事 何 常 驀 地 間 萬 國 千 戈 千 年 人 物
人 生 行 樂 且 娛 此 几 聲 簫 鼓 滿 眼 風 花

Thế sự hà thường, mạch địa gian vạn quốc can qua, thiên niên nhân vật;
Nhân sinh hành lạc, thư ngu thử kỷ thanh tiêu cổ, mãn nhãn phong hoa.

Việc đời đâu thường, khoảnh khắc qua vạn nước chiến tranh,
nhân vật nổi tiếng;
Sống nên vui vẻ, thư nhàn cùng mấy tiếng trống tiêu,
khắp chốn hoa thơm.

水 惟 善 下 能 成 海
山 不 爭 高 自 極 天

Thủy duy thiên hạ năng thành hải;
Sơn bất tranh cao tự cực thiên.

Sông nhường dưới thiện nên thành biển;
Núi chẳng tranh cao tự chạm trời.

六 禮 未 成 頃 刻 動 房 花 燭
五 經 不 讀 霎 時 金 榜 題 名

Lục lễ vị thành, khoảnh khắc động phòng hoa chúc;
Ngũ kinh bất độc, sáp thời kim bảng đề danh.

Sáu lễ chưa xong, vội vã đi vào phòng ngủ;
Năm kinh chẳng học, qua loa tên có bảng vàng.

(Vịnh đám cưới chèo)

乾 坤 大 戲 場 請 君 更 看 戲 中 戲
俯 仰 皆 身 鑒 對 影 休 疑 身 外 身

Càn khôn đại hí trường, thỉnh quân cánh khán hí trung hí;
Phủ ngưỡng giai thân giám, đối ảnh hưu nghi thân ngoại thân.

Đời người là sân khấu lớn, mong bạn hãy xem kịch trong kịch;
Cúi ngẩng đều tự soi gương, nhìn bóng đừng ngờ ta ngoài ta.

善 惡 本 報 施 莫 道 竟 無 前 世 事
名 利 勿 爭 競 須 知 總 有 下 場 時

Thiện ác bản báo thi, mạc đạo cảnh vô tiền thế sự;
Danh lợi vật tranh cạnh, tu tri tổng hữu hạ trường thời.

Thiện ác vốn có báo, chớ nói đều không có việc trước;
Danh lợi đừng cạnh tranh, nên biết vẫn đến lúc hạ màn.

弄 假 傳 眞 尤 非 揚 清 激 濁
移 宮 換 廌 都 是 教 愚 化 賢

Lộng giả truyền chân, vô phi dương thanh khích trọc;
Di cung hoán vũ, đô thị giáo ngu hóa hiền.

Diễu giả khen chân, đúng thực nêu lành phá ác;
Rời cung đổi gác, đều theo đổi ngu thành hiền.

米 盡 錢 無 難 作 樂
詩 興 禮 立 易 成 才

Mễ tận tiền vô nan tác nhạc;
Thi hưng lễ lập dị thành tài.

Gạo hết tiền không khôn tác nhạc;
Thi hưng lễ lập dễ thành tài.

(Công dư tiệp ký, Giai thoại)

海 陽 今 日 難 寒 士
京 北 他 時 即 憲 司

Hải Dương kim nhật nan hàn sĩ;
Kinh Bắc tha thời tức hiển ty.
Hôm nay là kẻ hàn sĩ Hải Dương;
Ngày sau là quan hiển ty Kinh Bắc.
(Công dư tiệp ký, Giai thoại)

大 丈 夫 勉 大 丈 夫 志
兒 女 子 非 兒 女 子 情
Đại trượng phu miễn đại trượng phu chí;
Nhi nữ tử phi nhi nữ tử tình.
Đại trượng phu gắng đại trượng phu chí;
Cô gái trẻ không ôm nhi nữ tình.
(Giai thoại Nguyễn Trãi, Thị Lộ; Công dư tiệp ký; Bổ di)

高 潔 誰 爲 天 下 士
安 閑 我 是 地 中 仙
Cao khiết thùy vi thiên hạ sĩ;
An nhàn ngã thị địa trung tiên.
Cao khiết, ai kẻ sĩ thiên hạ;
An nhàn, ta là tiên trong đời.
(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

老 犬 洛 毛 猶 向 庭 前 吠 月
小 蝸 短 頸 謾 居 井 底 觀 天
Lão khuyển lạc mao, do hướng đình tiền phệ nguyệt;
Tiểu oa đoản cảnh, mạn cư tỉnh để quan thiên.
Chó già rụng lông, thấy trăng sáng ngoài sân vẫn sủa;
Ếch con ngắn cổ, ngồi nghênh ngang đáy giếng nhìn trời.
(Giai thoại Thám hoa Nguyễn Đăng Cảo)

學 博 才 奢 預 入 四 門 之 選
父 耕 子 耨 期 收 百 畝 之 功
Học bác tài xa, dự nhập tứ môn chi tuyển;
Phụ canh tử nậu, kỳ thu bách mẫu chi công.
Học rộng tài cao, đạt cả bốn kỳ thi cử;
Cha cầy con cuốc, thu về trăm mẫu công lao.
(Giai thoại Bảng nhãn Hà Tông Huân)

禮 不 聞 往 教 佯 開 設 教 之 場
士 有 辰 爲 貧 聊 作 救 貧 之 計

Lễ bất văn vãng giáo, dương khai thiết giáo chi trường;
Sĩ hữu thời vi bần, liêu tác cứu bần chi kế.
Kinh Lễ không chép việc đi dạy, giả mở trường dạy;
Kẻ sĩ có lúc nghèo, vẫn nghĩ được kế cứu nghèo.
(Giai thoại Bảng nhãn Hà Tông Huân)

雨無鉗鎖能留客
色不波濤易溺人
Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách;
Sắc bất ba đào dị nịch nhân.
Mưa không có khóa mà lưu khách;
Sắc chẳng sóng to dễ chìm người.
(Giai thoại Trạng nguyên Nguyễn Giản Thanh)

洛水神龜單應兆天數九地數九九九八十一數
數數混成三大道道合元始天尊一成有感
岐山鳴鳳兩呈祥雄聲六雌聲六六六三十六聲
聲聲響澈九重天天生嘉靖皇帝萬壽無疆
Lạc thủy thần quy đơn ứng triệu: thiên số cửu, địa số cửu, cửu cửu bát thập nhất số, số số hỗn thành tam đại đạo; đạo hợp nguyên thủy thiên tôn, nhất thành hữu cảm;
Kỳ sơn minh phượng lưỡng trình tường: hùng thanh lục, thư thanh lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh thanh hưởng triệt cửu trùng thiên; thiên sinh Gia Tĩnh hoàng đế, vạn thọ vô cương.
Nơi sông Lạc rùa thần đưa điềm lạ: Số trời 9, số đất 9, 9 lần 9 là tám mốt, các số tạo thành ba đạo lớn (thiên đạo, địa đạo, nhân đạo); đạo hợp nguyên thủy thiên tôn, một chữ thành là nhất;
Chốn núi Kỳ phượng gáy báo điều lành: Trống 6 tiếng, mái 6 tiếng, 6 lần 6 là 36 tiếng, các tiếng vang thấu đến chín tầng trời; trời sinh hoàng đế Gia Tĩnh, thọ mãi không cùng.
(Giai thoại đi sứ)

丈夫志氣相期勿以小嫌价意
帝王施爲氣象必有大過於人
Trượng phu chí khí tương kỳ, vật dĩ tiểu hiềm giới ý;
Đế vương thi vi khí tượng, tất hữu đại quá ư nhân.
Trượng phu chí khí dài lâu, chớ lấy hiềm nhỏ để ý;
Vua chúa làm việc to lớn, tất có lỗi lớn với người.
(Giai thoại Trạng nguyên Phạm Duy Ai)

魑 魅 魍 魎 四 小 鬼
琴 瑟 琵 琶 八 大 王
Ly my vọng lượng, tứ tiểu quỷ;
Cầm sắt tỳ bà, bát đại vương.
Ly, my, vọng, lượng; bốn quỷ nhỏ;
Cầm, sắt, tỳ, bà; tám vương lớn.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

鴃 在 墻 頭 談 魯 論 知 之 爲 知 之 不 知 爲 不 知 是 知
蝸 居 井 底 讀 鄒 書 樂 與 少 樂 樂 樂 與 衆 樂 樂 孰 樂
Quých tại tường đầu đàm Lỗ luận, tri chi vi tri chi,
bất tri vi bất tri, thị tri;
Oa cư tỉnh để độc Trâu thư, nhạc dữ thiểu lạc nhạc,
nhạc dữ chúng lạc nhạc, thục lạc.
Chim sẻ đầu tường bàn *Luận ngữ*: biết thì bảo là biết,
không biết bảo không biết, ấy là biết;
Con ếch ngồi đáy giếng đọc *Mạnh tử*: Nhạc cùng ít vui nhạc,
nhạc cùng nhiều vui nhạc, ai vui hơn.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

觸 我 騎 馬 東 夷 之 人 也 西 夷 之 人 也
遏 予 乘 驢 南 方 之 強 歟 北 方 之 強 歟
Xúc ngã kỵ mã, Đông di chi nhân dã, Tây di chi nhân dã?
Át dư thừa lư, Nam phương chi cường dư, Bắc phương chi cường dư?
Xô ngựa ta cưỡi, người di phía Đông hả, hay người di phía Tây vậy?
Ngáng lừa ta đi, người mạnh phương Nam ư, hay người mạnh phương Bắc?
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

杞 已 木 杯 不 木 如 何 以 杞 爲 杯
僧 曾 人 佛 弗 人 云 胡 以 僧 事 佛
Kỷ dĩ mộc, bôi bất mộc, như hà dĩ kỷ vi bôi?
Tăng tằng nhân, phật phất nhân, vân hồ dĩ tăng sự phật?
Kỷ là dĩ và mộc, bôi là bất mộc, sao lấy gỗ kỷ làm bôi?
Tăng là tằng và nhân, phật là phất nhân, sao bắt thầy tăng thờ phật?
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

安 去 女 以 豕 爲 家
囚 出 人 入 王 成 國
An khứ nữ dĩ thỉ vi gia;
Tù xuất nhân nhập vương thành quốc.

Chữ an bỏ chữ nữ, thay bằng chữ thỉ là chữ gia;
Chữ tù lấy chữ nhân, cho vào chữ vương thành chữ quốc.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

日 火 雲 煙 白 晝 燒 殘 玉 兔
月 弓 星 彈 黃 昏 射 落 金 烏

Nhật hỏa vân yên, bạch trú thiêu tàn ngọc thỏ;
Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô.

Mặt trời là lửa, mây là khói; ban ngày thiêu tan thỏ ngọc (mặt trăng);
Trăng là cung, sao là đạn; tối đến bắn rụng quạ vàng (mặt trời).
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

食 無 求 飽 居 無 求 安 君 子 志
招 兒 不 來 揮 兒 不 去 社 稷 臣

Thực vô cầu bão, cư vô cầu an, quân tử chí;
Chiêu nhi bất lai, huy nhi bất khứ, xã tắc thần.

Ăn không cầu no, ở không cầu toàn, chí khí quân tử;
Gọi chẳng chịu đến, đuổi chẳng chịu đi, thần khí xã tắc.

庭 前 有 蔗 皆 著 紫 衣
地 下 生 蓮 同 張 青 蓋

Đình tiền hữu giá, giai trước tử y;
Địa hạ sinh liên, đồng trương thanh cái.
(Giai thoại đối đáp của Vũ Công Đạo)

Trước sân có mía, đầu mặc áo tía;
Dưới đất sinh sen, cùng giương lọng xanh.

昨 朝 風 雨 家 家 頹 坏 舊 垣 墻
今 日 乾 坤 處 處 發 榮 新 草 木

Tạc triêu phong vũ, gia gia đồi hoại cựu viên tường;
Kim nhật càn khôn, xứ xứ phát vinh tân thảo mộc.

Sáng qua mưa gió, tường cũ nhà nhà đều đổ hết;
Hôm nay đất trời, cây non chốn chốn thảy tốt tươi.
(Giai thoại đối đáp của Lê Thúc Hiển)

縣 官 青 丐 見 無 禮 而 欲 攻
進 士 金 兜 爲 有 鬚 而 得 免

Huyện quan Thanh Miện, kiến vô lễ nhi dục công;
Tiến sĩ Kim Đâu, vi hữu tu nhi đắc miễn.

Huyện quan Thanh Miện, thấy vô lễ nên định đánh;
Tiến sĩ Kim Đâu, nhờ có râu mà được tha.
(Giai thoại đối đáp của Trương Phu Thuyết)

過關遲關關閉願過客過關
出對易對對難請先生先對
Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan;
Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối.
Tới cửa quan chậm, cửa quan đóng, mong quý khách qua cửa khác;
Ra câu đối dễ, đối lại khó, xin tiên sinh đối trước cho.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

歡呼歌舞人同樂
豐阜安寧福未綏
Hoan hô ca vũ, nhân đồng lạc;
Phong phụ an ninh, phúc vị tuy.
Hoan hô ca vũ, người vui vẻ;
Mùa được bình yên, phúc còn dài.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

鳳閣蕩漾風永集箕疇五福
龍筵薰瑞氣重賡天保九如
Phượng các đãng dạng phong vĩnh tập, cơ trù ngũ phúc;
Long diên huân thụy khí trùng canh, thiên bảo cửu như.
Gác phượng thênh thang lùa gió đến, vui mừng năm phúc;
Chiếu rồng thơm phức khí đổi thay, trời giáng chín lành.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

聖武布昭白玉階前趨虎拜
神威凜烈黃金殿下仰龍飛
Thánh vũ bố chiêu, bạch ngọc giai tiền, xu hổ bái;
Thần uy lẫm liệt, hoàng kim điện hạ, ngưỡng long phi.
Sức thánh ban nghiêm, ngọc trắng xây thềm, kìa hổ lạy;
Uy thần lẫm liệt, vàng mười dựng điện, nọ rồng bay.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

頂甲一門天下有
福神三葉世間無
Đỉnh giáp nhất môn, thiên hạ hữu;
Phúc thần tam diệp, thế gian vô.

Một nhà nhiều người đỗ cao, thiên hạ vẫn có;
Ba đời được phong phúc thần, trong đời thường không.
(Ca ngợi Nguyễn Quý Đức, Từ Liêm, Hà Nội)

千 年 不 易 奇 名 勝
萬 大 長 存 特 地 靈
Thiên niên bất dịch, Kỳ danh thắng;
Vạn đại trường tồn, Đặc địa linh.
Ngàn năm không đổi, Kỳ (Kiệt) danh thắng;
Vạn đại vẫn còn, Đặc đất thiêng.
(Ca ngợi Chu Văn An, Từ Liêm, Hà Nội)

前 神 靈 應 護 國 名 傳 千 秋 在
後 佛 慈 悲 救 世 德 靈 萬 年 存
Tiền thần linh ứng, hộ quốc danh truyền thiên thu tại;
Hậu phật từ bi, cứu thế đức linh vạn niên tồn.
Trước thần linh ứng, giúp nước tên truyền nghìn thu đó;
Sau phật từ bi, cứu thế đức thiêng vạn năm còn.
(Ca ngợi Nguyễn Quý Đức, Từ Liêm, Hà Nội)

神 威 凜 凜 三 神 廟
聖 德 巍 巍 萬 古 祠
Thần uy lẫm lẫm Tam thần miếu;
Thánh đức nguy nguy Vạn cổ từ.
(Xích tử Nguyễn Minh Thân cung tiến)
Uy thần lẫm liệt Tam thần miếu;
Đức thánh uy nghi Vạn cổ từ.
(Dân thường Nguyễn Minh Thân cung tiến. Đền thờ Chu Văn An)

上 殿 顯 神 功 嚴 恭 顯 應
靈 祠 揚 聖 德 輔 相 才 威
Thượng điện hiển thần công, nghiêm cung hiển ứng;
Linh từ dương thánh đức, phụ tướng tài uy.
Trên điện tỏ công thần, trang nghiêm hiển ứng;
Đền thiêng nêu đức thánh, giúp tướng tài uy.
(Đền thờ Chu Văn An)

南 國 儒 尊 萬 世 眞 師 惟 有 一
地 球 德 重 億 年 正 氣 實 無 雙
Nam quốc nho tôn, vạn thế chân sư duy hữu nhất;
Địa cầu đức trọng, ức niên chính khí thực vô song.

Bậc nho Nam Việt, thầy học muôn đời chỉ có một;
Đức dậy toàn cầu, chính khí ngàn năm thực không hai.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

理學流芳傳日月
水德靈長潤古今
Lý học lưu phương, truyền nhật nguyệt;
Thủy đức linh trường nhuận cổ kim.
Đạo học tiếng thơm truyền năm tháng;
Đức nhân còn mãi với xưa nay.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

名振先朝功扶國
跡留後世保安民
Danh chấn tiên triều công phù quốc;
Tích lưu hậu thế bảo an dân.
Tên lừng triều trước công phò nước;
Tích để đời sau đức giúp dân.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

聖德高深名垂留青史
神功顯赫地重配蒼天
Thánh đức cao thâm, danh thùy lưu thanh sử;
Thần công hiển hách, địa trọng phối thương thiên.
Đức thánh cao sâu, tên còn cùng sử sách;
Công thần rộng lớn, đất phối với trời xanh.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

昔人謂所傳何事也
古來唯不忘者存焉
Tích nhân vị sở truyền hà sự dã;
Cổ lai duy bất vong giả tồn yên.
Cổ nhân nói cái đáng truyền, là việc gì vậy;
Xưa nay người chẳng ai quên, ắt phải còn lâu.
(Tiến sĩ Khúc Giang Ngô Thế Vinh; Phượng Sơn từ chí lược)

氣節凜乎烈日秋霜
道學儼如泰山北斗
Khí tiết lẫm hồ liệt nhật thu sương;
Đạo học nghiễm như Thái Sơn Bắc Đẩu.

Khí tiết lẫm liệt như trời chói, sương thu;
Đạo học cao vời tựa Thái Sơn, Bắc Đẩu.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

奐 宮 書 圖 勳 高 在
蘇 歷 文 源 浸 潤 長

Huỳnh Cung thư phố huân cao tại;
Tô Lịch văn nguyên tẩm nhuận trường.
Thư viện Huỳnh Cung, khói hương còn mãi;
Nguồn văn Tô Lịch, thấm thía dài lâu.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

墨 硯 起 祥 雲 一 筆 力 迴 天 自 順
朱 庭 流 化 雨 天 廚 望 浹 地 繁 枯

Mặc nghiễn khởi tường vân, nhất bút lực hồi thiên tự thuận;
Chu đình lưu hóa vũ, thiên trù vọng thiếp địa phồn khô.
Nghiên mực nổi mây lành, ngọn bút ra công trời cũng thuận;
Sân son trôi mưa móc, đồng điền mong nước được tắm no.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

東 阿 宇 宙 成 今 跡
南 國 師 儒 似 斗 山

Đông A vũ trụ thành kim tích;
Nam quốc sư nho tự Đẩu Sơn.
Trời đất Đông A nay còn đó;
Nam quốc sư nho tựa Đẩu, Sơn.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

南 天 理 學 高 山 在
樵 隱 清 風 古 壁 餘

Nam thiên lý học cao sơn tại;
Tiều Ẩn thanh phong cổ bích dư.
Trời Nam lý học non cao giữ;
Tiều ẩn thanh phong vách cổ còn.
(Tri phủ Bình Giang Trương Đình Hội; Phượng Sơn từ chí lược)

林 泉 巨 逸 儒 師 造 物 原 爲 斯 道 繼
祠 廟 重 光 石 誌 秉 彝 自 是 此 心 同

Lâm tuyền cự dật nho sư, tạo vật nguyên vi tư đạo kế;
Từ miếu trùng quang thạch chí, bỉnh di tự thị thử tâm đồng.

Suối rừng nơi ẩn bậc thầy nho, tạo vật vẫn theo đường đó;
Đền miếu sửa sang bia đá, sự nghiệp còn mong được đồng tâm.
(Huấn đạo Thanh Hà Lê Quang Cảnh; Phượng Sơn từ chí lược)

一 疏 歸 休 仕 至 九 熟 之 間 忠 旨 道
四 書 説 約 格 致 誠 正 之 學 素 其 傳

Nhất sớ quy hưu, sĩ chí cửu thục chi gian trung chỉ đạo;
Tứ thư thuyết ước, cách trí thành chính chi học tố kỳ truyền.

Một sớ về hưu, giữa cái sĩ chí cửu thục trung đứng đầu;
Bốn sách bàn gọn, sở học cách trí thành chính thật đáng truyền.
(Giáo thụ Nam Sách Bùi Quốc Trung; Phượng Sơn từ chí lược)

陳 晚 此 何 時 欲 詠 大 非 賢 者 樂
鳳 山 存 隱 處 自 遙 長 仰 哲 人 風

Trần văn thử hà thời, dục vịnh đại phi hiền giả lạc;
Phượng Sơn tồn ẩn xứ, tự dao trường ngưỡng triết nhân phong.

Cuối Trần ấy thời gì, học tập phải chăng cái vui của bậc hiền giả;
Núi Phượng còn nơi ẩn, tiêu dao ngưỡng mộ phong thái vị triết nhân)
(Giáo thụ Nam Sách Bùi Quốc Trung; Phượng Sơn từ chí lược)

對 鏡 畫 眉 一 點 翻 成 兩 點
臨 池 玩 月 隻 輪 轉 作 雙 輪

Đối kính họa my, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm;
Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

Soi gương vẽ mày, một điểm (cũng là tên người) hóa thành hai điểm;
Tới hồ ngắm trăng, một vầng (luân, cũng là tên người) chuyển thành hai vầng
(Giai thoại Đoàn Thị Điểm)

兄 來 堂 上 尋 雙 月
妹 向 窗 前 捉 半 風

Huynh lai đường thượng tầm song nguyệt;
Muội hướng song tiền tróc bán phong.

Anh vào nhà tìm hai trăng (song nguyệt là chữ bằng, tức bạn);
Em ra cửa sổ bắt nửa gió (bán phong là chữ sắt, tức con rận).
(Giai thoại Đoàn Thị Điểm)

談 論 古 今 心 腹 友
追 隨 左 右 股 肱 臣

Đàm luận cổ kim, tâm phúc hữu;
Truy tùy tả hữu, cổ quăng thần.

Bàn luận xưa nay, bạn tâm phúc;
Theo liền phải trái, tôi chân tay.
(Tương truyền của bà Đoàn Thị Điểm làm)

文 如 超 适 無 前 漢
詩 到 從 綏 失 盛 唐
Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán;
Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường.
Văn như Siêu, Quát không Tiền Hán;
Thơ đến Tùng, Tuy mất Thịnh Đường
(Tương truyền vua Tự Đức làm)

酒 非 元 浪 難 長 醉
詩 不 青 蓮 敢 朗 吟
Tửu phi Nguyên Lãng nan trường túy;
Thi bất Thanh Liên cảm lãng ngâm.
Rượu không Nguyên Lãng (Lưu Linh) khó say mãi;
Thơ vắng Thanh Liên (Lý Bạch) ngâm chẳng vang.
(Nguyễn Văn Siêu)

白 蛇 當 道 季 拔 劍 而 斬 之
黃 龍 附 舟 羽 仰 天 而 嘆 曰
Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiếm nhi trảm chi;
Hoàng Long phụ chu, Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết.
Rắn trắng cản đường, Lưu Bang tuốt kiếm mà chém nó;
Rồng vàng phò thuyền, Hạng Vũ trông trời mà than rằng.
(Tương truyền vế ra là của ông Đoàn Doãn Luân, vế đối là của bà Đoàn Thị Điểm. Ông Luân, bà Điểm là anh em ruột)

朝 有 勳 名 半 屬 河 汾 舊 學
斗 南 風 教 齊 欽 岳 麓 餘 徽
Triều hữu huân danh, bán thuộc Hà Phần cựu học;
Đẩu nam phong giáo, tề khâm Nhạc Lộc dư huy.
Danh giá trong triều, nửa thuộc Hà Phần cựu học;
Nếp dạy trường nam, đều nhờ Nhạc Lộc dư huy.

嘉 定 生 前 身 貧 節 不 敗 處 士 千 秋 燦 節
竹 津 葬 後 骨 枯 名 不 朽 良 師 萬 載 留 名
Gia Định sinh tiền, thân bần tiết bất bại, xử sĩ thiên thu xán tiết;
Trúc Tân táng hậu, cốt khô danh bất hủ, lương sư vạn tải lưu danh.

Lúc sống Gia Định, thân nghèo tiết không hỏng, xử sĩ ngàn thu tiết sáng;
Chết táng Bến Tre, xương khô danh không nát, lương sư muôn thuở còn danh.

保盛有緣藏忠骨
和興無分厝烈尸
Bảo Thịnh hữu duyên tàng trung cốt;
Hòa Hưng vô phận thố liệt thi.
Bảo Thịnh có duyên giữ được cốt;
Hòa Hưng không phận táng thi hài.

道自古今無曲徑
天多蓬華產高人
Đạo tự cổ kim vô khúc kính;
Thiên đa bồng tất sản cao nhân.
Đạo học xưa nay không lối tắt;
Trời nhiều cùng khổ sinh người tài.
(Nguyễn Văn Siêu đề ở nhà học)

此是春花秋實事業
幷非東途西抹文章
Thử thị xuân hoa thu thực sự nghiệp;
Tính phi đông đồ tây mạt văn chương.
Đúng thực sự nghiệp xuân hoa thu quả;
Đâu như văn vẻ trộm đông móc tây.

追求學問非皮相
尚武精神在革新
Truy cầu học vấn phi bì tướng;
Thượng võ tinh thần tại cách tân.
Theo đòi học vấn, mầu mè hỏng;
Chuộng võ tinh thần, ở cách tân.

秋水爲神寒衣作骨
春風識面明月前身
Thu thủy vi thần, hàn y tác cốt;
Xuân phong thức diện, minh nguyệt tiền thân.
Sông thu tinh thần, đông hàn xương cốt;
Gió xuân biết mặt, trăng thanh ấy thân.

生 前 教 訓 得 人 無 子 而 有 子
沒 後 聲 名 在 世 雖 亡 也 不 亡
Sinh tiễn giáo huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử;
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong dã bất vong.
Khi sống dạy dỗ nên người, không con mà vẫn có;
Mất rồi danh tiếng để đời, dẫu mất vẫn là còn.
(Câu đối ở miếu thờ Võ Trường Toản, Huế)

如 此 精 工 唯 有 虛 心 成 絕 技
几 經 編 作 方 知 勁 節 有 奇 才
Như thử tinh công, duy hữu hư tâm thành tuyệt kỹ;
Kỷ kinh biên tác, phương tri kình tiết hữu kỳ tài.
Ra sức đến thế, chỉ có khiêm nhường thành nghề giỏi;
Việc thử nhiều lần, dần hiểu cứng cỏi tất có tài.

莫 笑 雕 龍 君 子 之 器
可 知 刻 鵠 巧 匠 所 營
Mạc tiếu điêu long, quân tử chi khí;
Khả tri khắc hộc, xảo tượng sở doanh.
Chớ nhạo chạm rồng, ấy là tài quân tử;
Nên hay khắc hộc, đó chính khéo thợ tài.

勁 節 制 成 能 耐 久
虛 心 容 受 是 師 資
Kình tiết chế thành, năng nại cửu;
Hư tâm dung thụ, thị sư tư.
Tiết cứng làm nên, đồ ấy tốt;
Khiêm nhường nhận được, lời thầy nhiều.

竹 室 紙 窗 素 多 雅 趣
虛 心 直 節 确 是 奇 才
Trúc thất chỉ song, tố đa nhã thú;
Hư tâm trực tiết, xác thị kỳ tài.
Cửa giấy nhà tre, thường nhiều nhã thú;
Lòng khiêm tính cứng, ấy chính kỳ tài.

莫 將 不 器 論 君 子
能 解 虛 心 是 我 師
Mạc tương bất khí, luận quân tử;
Năng giải hư tâm, thị ngã sư.

Chớ đem bất tài, bàn quân tử;
Thể lượng khiêm nhường, ấy thầy ta.

厚 薄 短 長 量 材 使 用
參 差 重 疊 積 貨 充 盈

Hậu bạc đoản trường, lượng tài sử dụng;
Sâm si trùng điệp, tích hóa sung doanh.

Dầy mỏng ngắn dài, tùy gỗ sử dụng;
Đắn đo trùng lặp, trữ hàng thành nhiều.

建 設 所 需 有 材 中 選
民 生 是 賴 適 用 爲 佳

Kiến thiết sở nhu, hữu tài trung tuyển;
Dân sinh thị lại, thích dụng vi giai.

Xây dựng yêu cầu, vật tư lựa tuyển;
Dân sinh nhờ cậy, thích dụng là hay.

大 器 完 成 乃 廟 廊 楨 干
奇 材 貢 獻 作 國 家 棟 梁

Đại khí hoàn thành, nãi miếu lang trinh cán;
Kỳ tài cống hiến, tác quốc gia đống lương.

Vật thờ hoàn thành, ấy nền móng đền miếu;
Gỗ tốt hiến lên, đó rường cột nước nhà.

植 樹 造 林 有 山 皆 綠 化
選 材 用 料 無 處 不 精 心

Thực thụ tạo lâm, hữu sơn giai lục hóa;
Tuyển tài dụng liệu, vô xứ bất tinh tâm.

Cây cối tạo rừng, có núi đều lục hóa;
Tuyển nguyên dùng liệu, chẳng thể không lưu tâm.

曲 尺 能 成 方 圓 器
直 線 調 出 棟 梁 材

Khúc xích năng thành phương viên khí;
Trực tuyến điều xuất đống lương tài.

Thước cong làm nên đồ tròn dụng;
Dây thẳng tìm ra rường cột tài.

良 藥 良 醫 世 治 幸 福
利 人 利 己 天 錫 家 祥

Lương dược lương y, thế trị hạnh phúc;
Lợi nhân lợi kỷ, thiên tích gia tường.
Thầy giỏi thuốc hay, suốt đời hạnh phúc;
Lợi mình lợi người, trời cho cát tường.

益壽延年人稱回春手
健民富國醫有蓋世功
Ích thọ diên niên, nhân xưng hồi xuân thủ;
Kiện dân phú quốc, y hữu cái thế công.
Thêm thọ thêm già, người khen tay thuốc giỏi;
Dân khỏe nước giàu, thầy có công trùm đời.

精工爲世賞
美玉在人成
Tinh công vi thế thưởng;
Mỹ ngọc tại nhân thành.
Công khéo được đời thích;
Ngọc đẹp bởi người tài.

善事先利器
人巧奪天工
Thiện sự tiên lợi khí;
Nhân xảo đoạt thiên công.
Làm giỏi dụng cụ tốt;
Người khéo trời cũng thua.

選擇人才支天下
振興事業賴人民
Tuyển trạch nhân tài chi thiên hạ;
Chấn hưng sự nghiệp lại nhân dân.
Lựa chọn người tài giúp thiên hạ;
Dấy lên việc lớn dựa con người.

救死扶傷如春風拂面
除病祛災似慧靜顯神
Cứu tử phù thương, như xuân phong phất diện;
Trừ bệnh khư tai, tự Tuệ Tĩnh hiển thần.
Cứu chết phò thương, như gió xuân đến kịp;
Trừ bệnh xua tai, tựa Tuệ Tĩnh hiện về.

壽 世 壽 人 杏 林 春 滿
爲 醫 爲 藥 桔 井 泉 香
Thọ thế thọ nhân, hạnh lâm xuân mãn;
Vi y vi dược, cát tỉnh tuyền hương.
Người thọ đời vui, rừng mận xuân khắp;
Làm thuốc làm y, cát cánh hương đầy.

英 雄 兒 女 闖 萬 險
浩 蕩 東 風 鼓 千 帆
Anh hùng nhi nữ, sấm vạn hiểm;
Hạo đãng đông phong, cổ thiên phàm.
Trai gái anh hùng xông vạn hiểm;
Gió đông lồng lộng đẩy nghìn buồm.

禮 讓 三 先 爲 人 爲 己
平 安 一 世 利 子 利 孫
Lễ nhượng tam tiên, vị nhân vị kỷ;
Bình yên nhất thế, lợi tử lợi tôn.
Lễ nhượng ba lần, vì người vì ta;
Bình yên suốt đời, lợi con lợi cháu.

經 商 未 可 人 無 信
行 遠 何 妨 道 不 同
Kinh thương vị khả nhân vô tín;
Hành viễn hà phương đạo bất đồng.
Nghề buôn bất tín người ta kỵ;
Tiếp bước không đồng đạo chẳng sao.

道 德 五 千 言 闡 術 道 家 原 理 談 玄 爲 要
內 經 十 八 卷 奠 定 中 醫 基 礎 論 氣 領 先
Đạo đức ngũ thiên ngôn, xiển thuật Đạo gia nguyên lý, đàm huyền vi yếu;
Nội kinh thập bát quyển, điện định Trung y cơ sở, luận khí lĩnh tiên.
Đạo đức kinh (Lão tử) năm nghìn chữ, giải thích nguyên lý Đạo gia, bàn "huyền" làm chính;
Sách Nội kinh (Hoàng Đế Nội kinh) mười tám quyển, xác lập cơ sở Trung y, luận "khí" là đầu.

妙 藥 掃 開 千 里 霧
神 針 點 散 一 天 雲

Diệu dược tảo khai thiên lý vụ;
Thần châm điểm tán nhất thiên vân.
Thuốc tốt, mở lối mù nghìn dặm;
Châm tài, xua hết mây đầy trời.

玉 嵌 金 鑲 補 縫 有 術
月 圓 花 好 殘 缺 無 虞

Ngọc khảm kim tương, bổ phùng hữu thuật;
Nguyệt viên hoa hảo, tàn khuyết vô ngu.
Khảm ngọc dát vàng, vá may có cách;
Trăng tròn hoa nở, tàn khuyết không lo.

壽 世 良 方 祛 邪 扶 正
回 春 妙 術 固 本 清 源

Thọ thế lương phương, khư tà phù chính;
Hồi xuân diệu thuật, cố bản thanh nguyên.
Người thọ nhờ thuốc, xua tà phò chính;
Trẻ lại có phương, gốc ở nguồn trong.

身 入 寶 山 名 高 北 斗
卦 占 麗 澤 美 重 南 金

Thân nhập bảo sơn, danh cao Bắc Đẩu;
Quái chiêm lệ trạch, mỹ trọng Nam Kim.
Thân vào núi báu, tên cao Bắc Đẩu;
Quẻ được đầm lệ, đẹp tựa Sao Kim.

寶 盒 從 中 多 藏 翡 翠
金 釵 隊 里 深 護 鴛 鴦

Bảo hạp tòng trung, đa tàng phỉ thúy;
Kim thoa đội lý, thâm hộ uyên ương.
Trao bao hộp quý, chất chứa ngọc ngà;
Trong nhiều thoa vàng, giúp kín lứa đôi.

若 金 在 熔 剛 柔 相 濟
治 絲 不 紊 條 理 分 明

Nhược kim tại dung, cương nhu tương tế;
Trị ti bất vẫn, điều lý phân minh.
Như vàng đang nung, cứng mềm tương trợ;
Gỡ tơ không rối, các mối phân minh.

心 如 爐 火 映 紅 千 家 萬 户
語 似 春 風 吹 暖 四 面 八 方
Tâm như lô hỏa, ánh hồng thiên gia vạn hộ;
Ngữ tự xuân phong, súy noãn tứ diện bát phương.
Tâm như lò lửa, chiếu hồng ngàn nhà vạn hộ;
Lời tựa gió xuân, thổi ấm bốn phía tám phương.

鋼 花 耀 雲 彩 給 山 河 織 錦
鐵 水 騰 火 龍 爲 祖 國 爭 春
Cương hoa diệu vân thái, cấp sơn hà chức cẩm;
Thiết thủy đằng hỏa long, vi tổ quốc tranh xuân.
Hoa gang tỏa mây đẹp, dệt gấm cho tổ quốc;
Nước thép bay rồng lửa, tạo xuân khắp non sông.

投 入 革 命 熔 爐 鑄 成 鋼 筋 鐵 骨
參 加 科 學 實 驗 煉 出 赤 膽 紅 心
Đầu nhập cách mạng dung lư, chú thành cương cân thiết cốt;
Tham gia khoa học thực nghiệm, luyện xuất xích đảm hồng tâm.
Đi vào lò lửa cách mạng, đúc thành gân gang xương thép;
Tham gia thực nghiệm khoa học, luyện nên gan đỏ tim hồng.

向 自 然 索 取 寶 貴 財 富
爲 人 類 開 拓 幸 福 源 泉
Hướng tự nhiên, sách thủ bảo quý tài phú;
Vị nhân loại, khai thác hạnh phúc nguyên tuyền.
Vào tự nhiên, tìm kiếm kho tàng quý báu;
Vì nhân loại, khai thác nguồn gốc giàu sang.

青 春 如 火 鑄 造 火 紅 世 界
花 年 似 錦 織 成 錦 繡 江 山
Thanh xuân như hỏa, chú tạo hỏa hồng thế giới;
Hoa niên tự cẩm, chức thành cẩm tú giang sơn.
Tuổi xuân như lửa, đúc được thế giới rực hồng;
Trung niên như gấm, dệt nên giang sơn gấm vóc.

要 將 鐵 杵 磨 成 日
好 把 金 針 度 人 時
Yếu tương thiết chử ma thành nhật;
Hảo bả kim châm độ nhân thì.
Sẽ đến ngày thành công mài sắt;
Chờ có khi nên được kim vàng.

志 在 切 神 爭 冒 險
心 操 熱 血 暖 眾 人
Chí tại công thần tranh mạo hiểm;
Tâm thao nhiệt huyết noãn chúng nhân.
Chí muốn công đầu tranh mạo hiểm;
Tim đầy nhiệt huyết ấm nhân dân.

生 鐵 純 鋼 憑 鍛 煉
千 錘 萬 擊 自 堅 貞
Sinh thiết thuần cương bằng đoàn luyện;
Thiên thùy vạn kích tự kiên trinh.
Sắt xịn gang thuần mặc rèn luyện;
Ngàn chùy vạn búa tự kiên trinh.

金 瀑 涌 金 蓮 金 光 放 彩
火 龍 吐 火 艷 火 樹 飛 花
Kim bộc dũng kim liên, kim quang phóng thái;
Hỏa long thổ hỏa diệm, hỏa thụ phi hoa.
Suối vàng tràn sen vàng, ánh vàng tỏa sắc;
Rồng lửa nhả rừng lửa, cây lửa bay hoa.

勁 節 思 君 子
虛 心 應 世 人
Kình tiết tư quân tử;
Hư tâm ứng thế nhân.
Tiết cứng như quân tử;
Lòng rộng sống với đời.

同 君 子 居 高 情 雲 上
與 名 士 坐 生 氣 風 從
Đồng quân tử cư, cao tình vân thượng;
Dữ danh sĩ tọa, sinh khí phong tòng.
Ở cùng quân tử, tình sinh cao thượng;
Ngồi với danh sĩ, khí cũng thêm tươi.

明 月 入 懷 團 圓 可 抱
仁 風 在 握 拔 拂 無 私
Minh nguyệt nhập hoài, đoàn viên khả bão;
Nhân phong tại ác, phi phất vô tư.

Trăng sáng vào lòng, đoàn tụ vui vẻ;
Gió nhân trong tay, phe phẩy không hiềm.

秋 水 爲 神 寒 霜 作 骨
春 風 識 面 明 月 前 身
Thu thủy vi thần, hàn sương tác cốt;
Xuân phong thức diện, minh nguyệt tiền thân.
Nước thu là tinh thần, sương giá là cốt cách;
Gió xuân là bộ mặt, trăng sáng là tiểu sử.

細 玩 關 閩 濂 洛 理 學
熟 讀 韓 柳 歐 蘇 文 章
Tế ngoạn Quan Mân Liêm Lạc lý học;
Thục độc Hàn Liễu Âu Tô văn chương.
Lý học chơi ngon Quan, Mân, Liêm, Lạc;
Văn chương đọc thuộc Hàn, Liễu, Âu, Tô.

好 消 息 凡 時 來 春 月 桃 花 秋 月 桂
實 工 夫 何 處 下 三 更 燈 火 五 更 雞
Hảo tiêu tức kỷ thời lai, xuân nguyệt đào hoa thu nguyệt quế;
Thực công phu hà xứ hạ, tam canh đăng hỏa ngũ canh kê.
Tin lành bao giờ mới đến, tháng xuân hoa đào tháng thu quế;
Công phu luôn luôn ra sức, canh ba còn học canh năm dậy.

求 學 心 一 朱 文 貞 終 日 靜 坐
覓 道 古 訓 阮 亨 甫 整 夜 讀 書
Cầu học nhất tâm, Chu Văn Trinh chung nhật tĩnh tọa;
Mịnh đạo cổ huấn, Nguyễn Hanh Phủ chỉnh dạ độc thư.
Học sự quyết tâm, Chu Văn An suốt ngày suy ngẫm;
Tìm điều huấn cổ, Nguyễn Bỉnh Khiêm cả đêm đọc sách.

獨 坐 每 將 書 作 伴
閉 門 長 與 竹 爲 鄰
Độc tọa mỗi tương thư tác bạn;
Bế môn trường dữ trúc vi lân.
Một mình lấy sách vui bầu bạn;
Khép cửa cùng trúc chỗ láng giềng.

林 間 掃 石 安 棋 局
松 下 看 雲 讀 道 書
Lâm gian tảo thạch an kỳ cục;
Tùng hạ khán vân độc đạo thư.

Trong rừng quét sỏi bầy cờ tướng;
Dưới thông xem mây đọc sách đạo.

半 榻 圖 書 松 竹 徑
一 梨 煙 雨 杏 花 村

Bán thạp đồ thư tùng trúc kính;
Nhất lê yên vũ hạnh hoa thôn.

Nửa giường đầy sách bên thông trúc;
Một gậy dầm mưa rượu hạnh hoa.

已 向 山 林 違 世 事
不 妨 詩 酒 作 生 涯

Dĩ hướng sơn lâm vi thế sự;
Bất phương thi tửu tác sinh nhai.

Đã đến núi rừng tránh thế sự;
Chỉ còn thơ rượu lấy làm vui.

悄 磨 歲 月 書 千 卷
嘯 傲 乾 坤 酒 一 壺

Tiêu ma tuế nguyệt thư thiên quyển;
Khiếu ngạo càn khôn tửu nhất hồ.

Quên đi năm tháng sách nghìn quyển;
Gọi đậy đất trời rượu một vò.

詩 書 伴 我 閑 中 地
風 月 宜 人 醉 後 天

Thi thư bạn ngã nhàn trung địa;
Phong nguyệt nghi nhân túy hậu thiên.

Khi nhàn nhã thơ văn là bạn;
Lúc say rồi trăng gió ấy tình.

須 存 渾 厚 爲 人 地
當 致 寬 容 作 我 基

Tu tồn hồn hậu vi nhân địa;
Đương trí khoan dung tác ngã cơ.

Để đất cho người bằng nhân hậu;
Xây nền mình lại phải khoan dung.

催 耕 聽 鳥 知 時 敘
占 候 無 書 識 稔 年

Thôi canh thính điểu tri thời tự;
Chiêm hậu vô thư thức nậm niên.
Làm ruộng nghe chim biết thời vụ;
Trông trời không sách tỏ được mùa.

溪 邊 翠 竹 新 詩 料
門 外 青 山 古 畫 屏
Khê biên thúy trúc tân thi liệu;
Môn ngoại thanh sơn cổ họa bình.
Bên khe trúc biếc là thi liệu;
Ngoài cửa non xanh ấy trướng hoa.

對 君 子 之 清 風 賞 古 人 之 明 月
傲 墳 索 之 長 圖 步 先 哲 之 高 衢
Đối quân tử chi thanh phong, thưởng cổ nhân chi minh nguyệt;
Ngạo phần sách chi trường phố,bộ tiên triết cho cao cù.
Sánh thanh cao của người quân tử, ngắm trăng sáng của người xưa;
Khinh tha ma dài đầy mồ mả, bước đường cao của hiền triết.

自 古 聖 賢 做 工 夫 豈 止 數 行 書 著 力
從 今 宇 宙 皆 吾 事 莫 將 第 一 等 讓 人
Tự cổ thánh hiền tố công phu, khởi chỉ sổ hàng thư trước lực;
Tòng kim vũ trụ giai ngô sự, mạc tương đệ nhất đẳng nhượng nhân.
Từ xưa thánh hiền ra sức, đâu chỉ ở mấy giòng sách;
Ngày nay ta làm mọi việc, chớ nhường hạng nhất cho người.

從 來 歲 月 易 催 人 對 黃 卷 青 燈 當 惜 寸 陰 尺 璧
勿 謂 文 章 無 得 力 到 龍 樓 鳳 閣 方 知 一 字 千 金
Tòng lai tuế nguyệt dị thôi nhân, đối hoàng quyển thanh đăng,
đương tích thốn âm xích bích;
Vật vị văn chương vô đắc lực, đáo long lâu phượng các,
phương tri nhất tự thiên kim.
Xưa nay năm tháng khiến người già, trước sách vở dưới đèn,
phải tiếc mỗi khắc là một thước ngọc;
Chớ nói văn chương vô tích sự, đến lầu rồng gác phượng,
mới biết một chữ đáng nghìn vàng.

性 靜 不 嫌 茅 屋 小
心 清 自 覺 菜 根 香
Tính tĩnh bất hiềm mao ốc tiểu;
Tâm thanh tự giác thái căn hương.

Tính tĩnh chẳng hiềm nhà tranh nhỏ;
Tâm thanh tự thích rễ rau thơm.

樂趣無窮柴門外青山綠水
幽怀有曠竹籬下白菊黃花
Lạc thú vô cùng, sài môn ngoại thanh sơn lục thủy;
U hoài hữu khoáng, trúc ly hạ bạch cúc hoàng hoa.
Vui thú vô cùng, ngoài liếp cửa có non xanh nước biếc;
Lòng buồn man mác, dưới rào tre ngắm cúc trắng hoa vàng.

鋤月種奇花風度顯何等瀟洒
焚香修古譜精神凝一項優游
Trợ nguyệt chủng kỳ hoa, phong độ hiển hà đẳng tiêu sái;
Phần hương tu cổ phả, tinh thần ngưng nhất hạng ưu du.
Cày trăng trồng hoa lạ, phong độ tỏ vô vàn thanh thản;
Đốt hương sửa phả cổ, tinh thần ngưng hạng nhất lo đời.

秋飲黃花酒
冬吟白雪詩
Thu ẩm hoàng hoa tửu;
Đông ngâm bạch tuyết thi.
Thu uống rượu hoàng hoa;
Đông ngâm thơ bạch tuyết.

空帷大慈悲此性不生不滅
捨了我法化上天無色無聲
Không duy đại từ bi, thử tính bất sinh bất diệt;
Xá liễu ngã pháp hóa, thượng thiên vô sắc vô thanh.
Để trống đại từ bi, tính này bất sinh bất diệt;
Bỏ không đây pháp hóa, trời cao vô sắc vô thanh.
(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

登祖堂其思惟乎世局轉風波越鳥南枝常紀念
憶故郡甚遙遠矣江山起雲霧海鷗北塞合同群
Đăng tổ đường, kỳ tư duy hồ thế cục chuyển phong ba,
việt điểu nam chi thường kỷ niệm;
Ức cố quận, thậm dao viễn hĩ giang sơn khởi vân vụ,
hải âu bắc tái hợp đồng quần.

Lên nhà tổ, ta suy tư về thế cục chuyển sóng gió,
chim việt cành nam bao kỷ niệm;
Nhớ quê xưa, thật xa quá bởi non sông dấy mây mù,
hải âu biển bắc phải hợp quần.
(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

永 壽 其 傳 名 葉 流 芳 天 德 江 風 香 水 引
嚴 光 弗 替 大 家 接 武 竹 林 古 樹 覺 花 開

Vĩnh Thọ kỳ truyền, danh diệp lưu phương, Thiên Đức giang phong, hương thủy dẫn,
Nghiêm Quang phất thế, đại gia tiếp vũ, Trúc Lâm cổ thụ, giác hoa khai.

Vĩnh Thọ được truyền, danh tiếng còn thơm, gió sông Thiên Đức, hương thủy dẫn;
Nghiêm Quang không đổi, đại gia tiếp bước, cây cổ Trúc Lâm, giác hoa khai.
(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

談 笑 非 他 帝 典 王 謨 周 禮 樂
品 評 何 事 唐 詩 晉 帖 漢 文 章

Đàm tiếu phi tha, Đế điển Vương mô Chu lễ nhạc;
Phẩm bình hà sự, Đường thi Tấn thiếp Hán văn chương.

Cười nói không ngoài, điển Đế mô Vương, Chu thì lễ nhạc;
Luận bàn chỉ thích, thơ Đường thiếp Tấn, Hán có văn xuôi.

爲 學 如 掘 井 九 仞 無 泉 難 造 就
求 知 貴 有 恒 一 心 致 志 可 成 功

Vi học như quật tỉnh, cửu nhận vô tuyền nan tạo tựu;
Cầu tri quý hữu hằng, nhất tâm trí chí khả thành công.

Việc học như đào giếng, chín nhận vẫn khô là khó đấy;
Tìm tòi quý kiến trì, một lòng quyết chí tất thành công.

博 觀 六 經 四 書 百 家 諸 子
能 讀 三 墳 五 典 八 索 九 丘

Bác quan Lục kinh, Tứ thư, Bách gia, Chư tử;
Năng độc Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu.

Xem rộng Lục kinh, Tứ thư, Bách gia, Chư tử;
Hay đọc Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu.

萬 口 流 傳 新 教 育
千 秋 根 底 大 文 章

Vạn khẩu lưu truyền tân giáo dục;
Thiên thu căn để đại văn chương.
Muôn người truyền dạy giáo dục mới;
Ngàn năm gốc rễ vẫn nền xưa.

知古今名勝
學內外名人
Tri cổ kim danh thắng;
Học nội ngoại danh nhân.
Rành xưa nay cảnh đẹp;
Học trong ngoài người hay.

求知識學海探寶累亦喜
追科學書山尋珍苦也甜
Cầu tri thức, học hải thám bảo, lụy diệc hỷ;
Truy khoa học, thư sơn tầm trân, khổ dã điềm.
Muốn hiểu biết, mò báu biển học, mệt cũng thỏa;
Theo khoa học, tìm trân núi sách, khổ vẫn cam.

鳳非凡鳥
仙乃山人
Phượng phi phàm điểu;
Tiên nãi sơn nhân.
Phượng không phải chim phàm;
Tiên lại là người núi.

勤學有餘
怠者不足
Cần học hữu dư;
Đãi giả bất túc
Chăm học được giàu;
Lười biếng thì nghèo.

音樂幷陳和其心以養其志
妍媸齊獻取其是而戒其非
Âm nhạc tịnh trần, hòa kỳ tâm dĩ dưỡng kỳ chí;
Nghiên xuy tề hiến, thủ kỳ thị nhi giới kỳ phi.
Âm nhạc bầy cùng lúc, hòa tâm để dưỡng chí;
Đẹp xấu đều đưa ra, lấy cái đúng mà răn cái sai.
(Câu đối ở Duyệt thị đường trong thành Nội, Huế)

池 邊 水 滴 呼 軍 令
樹 上 風 吹 罵 賊 聲
Trì biên thủy trích hô quân lệnh;
Thụ thượng phong suy mạ tặc thanh.
Bên ao nước giọt hô quân lệnh;
Cây cối gió đưa chửi giặc *thanh*.
(Câu đối viếng Vương Thúc Mậu (Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An) của Dương Công San - 1895)

身 困 十 年 懷 素 節
命 隨 一 髮 表 丹 心
Thân khốn thập niên hoài tố tiết;
Mệnh tùy nhất phát biểu đan tâm.
Ôm tiết trắng mười năm chịu khổ;
Tỏ lòng son sợi tóc đeo tai.
(Lê Quýnh; Bắc hành tùng ký)

師 傅 功 名 奇 際 遇
公 候 孫 子 蔚 香 馨
Sư phó công danh kỳ tế ngộ;
Công hầu tôn tử uất hương hinh.
Tế ngộ lạ công danh Sư phó;
Hương thơm lừng con cháu Công hầu.
(Nhà thờ cụ Nghè Lý, Hà Nội)

開 五 鋪 新 基 天 運 喜 同 人 運 發
掌 一 家 舊 套 財 源 與 利 源 通
Khai ngũ phố tân cơ thiên vận hỷ đồng nhân vận phát;
Chưởng nhất gia cựu sáo tài nguyên dữ lợi nguyên thông.
Mở văn phòng tạo dựng nghiệp mới, vận người gặp thiên thời tiền phát;
Chắc tay giữ kỷ cương nền nếp, lòng người cùng tài lộc hanh thông.
(Lê Quốc Việt, báo Kinh tế nông thôn; số Xuân Ất Dậu, 2005, tr.1)

天 錫 通 明 弘 化 育
聖 扶 功 用 達 才 能
Thiên tích thông minh Hoằng Hóa dục;
Thánh phù công dụng Đạt Tài năng.
Trời phú thông minh giúp Hoằng Hóa phát triển;
Thánh phò thực lực khiến Đạt Tài làm nên.
(Vương Duy Trinh đề Văn chỉ làng Đạt Tài)

天 上 精 英 萬 仞 青 山 顯 聖
女 中 豪 杰 千 秋 白 象 傳 神

Thiên thượng tinh anh, vạn nhẫn thanh sơn hiển thánh;
Nữ trung hào kiệt, thiên thu bạch tượng truyền thần.

Tinh anh trên trời, vạn nhẫn non xanh hiển thánh;
Anh hùng nữ giới, nghìn thu voi trắng truyền thần.

(Lưu truyền ở Thanh Hóa)

夜 澤 相 扶 龍 爪 永 留 南 史 越
西 河 鎮 旅 頭 矛 直 破 北 梁 兵

Dạ Trạch tương phù long trảo vĩnh lưu Nam Việt sử;
Tây Hà trấn lữ đầu mâu trực phá Bắc Lương binh.

Dạ Trạch giúp phù, móng rồng còn lưu sử Nam Việt;
Tây Hà hạ trại, mâu kia phá hết giặc Bắc Lương

(Sự tích Triệu Quang Phục)

生 不 虛 生 生 作 魁 科 生 不 負
死 而 無 死 死 於 國 事 死 爲 生

Sinh bất hư sinh, sinh tác khôi khoa, sinh bất phụ;
Tử nhi vô tử, tử ư quốc sự, tử vi sinh.

Sống chẳng sống thừa, sống được đầu khoa, sống thật đáng;
Chết mà không chết, chết vì đất nước, chết là vinh.

(Câu đối của chí sĩ Lê Trí Trực làm trước khi bị giặc Pháp chém, Thanh Hóa)

狀 元 祖 榜 眼 孫 梁 族 名 騰 兩 國
都 督 前 尚 書 後 國 朝 位 列 三 公

Trạng nguyên tổ, Bảng nhãn tôn, Lương tộc danh đằng lưỡng quốc;
Đô đốc tiền, Thượng thư hậu, quốc triều vị liệt tam công.

Ông Trạng nguyên, cháu Bảng nhãn; họ Lương tiếng lừng hai nước
Trước Đô đốc, sau Thượng thư, nước nhà tước xếp Tam công.

(Nhà thờ họ Lương, Vụ Bản, Nam Định)

佐 國 堅 貞 眞 相 國
護 民 靈 顯 是 福 神

Tá quốc kiên trinh chân Tướng quốc;
Hộ dân linh hiển thị phúc thần.

Giúp nước kiên trinh chân Tướng quốc;
Hộ dân linh hiển đúng phúc thần.

(Câu đối đền Nguyễn Đăng, Thanh Hóa)

藍 山 袍 馬 遺 傳 跡
玉 嶺 衣 冠 帶 遠 鄉
Lam Sơn bào mã di truyền tích;
Ngọc Lĩnh y quan đới viễn hương.
Bào mã Lam Sơn còn truyền tích;
Mũ áo Ngọc Lĩnh dẫn quê xa.
(Nhà thờ họ Lê ở Hoằng Hải)

東 阿 已 古 山 河 異
南 殿 留 名 廟 宇 長
Đông A dĩ cổ sơn hà dị;
Nam điện lưu danh miếu vũ trường.
Đông A đã cổ non sông đổi;
Nam điện tên còn miếu mạo còn.
(Nghè Đoan Vĩ, Thanh Hóa)

四 十 四 載 宣 勞 事 經 六 部
七 十 七 年 享 壽 仕 歷 三 朝
Tứ thập tứ tải tuyên lao, sự kinh lục bộ;
Thất thập thất niên hưởng thọ, sĩ lịch tam triều.
Bốn mươi bốn năm ra sức, việc qua sáu bộ;
Bảy mươi bảy xuân hưởng thọ, quan trải ba triều.
(Miếu thờ Bùi Khắc Nhất ở Hoằng Lộc)

在 天 爲 瑞 雨
本 地 化 靈 芝
Tại thiên vi thụy vũ;
Bản địa hóa linh chi.
Trên trời là mưa ngọt;
Dưới đất hóa thuốc hay.
(Lăng Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

梅 郡 榮 封 揚 杖 烈
桃 源 遺 曲 表 丹 心
Mai quận vinh phong dương trượng liệt;
Đào nguyên di khúc biểu đan tâm.
Tước phong Mai quận công oanh liệt;
Còn khúc Đào nguyên tỏ lòng son.
(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

北 京 鐵 石 辭 封 表
南 國 其 常 俸 日 功
Bắc Kinh thiết thạch từ phong biểu;
Nam quốc kỳ thường phủng nhật công.
Kiên quyết chối từ Bắc Kinh biểu;
Ngày ngày vui nhận Nam Việt công.
(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

弘 道 講 唐 開 理 學
使 化 詩 集 在 人 間
Hoằng Đạo giảng đường khai lý học;
Sứ Hoa thi tập tại nhân gian.
Hoằng Đạo giảng đường mở lý học;
Sứ Hoa thi tập sống với đời.
(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

春 霄 風 月 月 引 花 色 風 引 花 香 香 生 色 色 生
香 香 香 色 色 滿 春 霄 相 思 客 與 相 思 客
夏 日 琴 詩 琴 寓 我 情 詩 寓 我 性 性 援 情
情 援 性 性 性 情 情 經 夏 日 知 音 人 識 知 音 人
Xuân tiêu phong nguyệt, nguyệt dẫn hoa sắc, phong dẫn hoa hương;
hương sinh sắc, sắc sinh hương; hương hương sắc sắc, mãn xuân tiêu;
tương tư khách dữ tương tư khác;
Hạ nhật cầm thi, cầm ngụ ngã tình, thi ngụ ngã tính; tính viện tình
tình viện tính; tính tính tình tình, kinh hạ nhật;
tri âm nhân thức tri âm nhân.
Trăng gió đêm xuân, trăng kéo sắc hoa, gió dẫn hương hoa; hương
sinh sắc, sắc sinh hương; hương hương sắc sắc, đầy đêm xuân;
người mong nhớ vui với người mong nhớ;
Thơ đàn ngày hạ, đàn gửi tình ta, thơ gửi tính ta; tính giúp tình, tình
giúp tính; tính tính tình tình, qua ngày hạ;
người hiểu ta biết được người hiểu ta.
(Giai thoại Phùng Khắc Khoan đi sứ)

三 木 森 庭 坐 著 好 兮 女 子
重 山 出 路 走 來 使 者 吏 人
Tam mộc sâm đình, tọa trước hảo hề nữ tử;
Trùng sơn xuất lộ, tẩu lai sứ giả lại nhân.

Ba cây che sân, ngồi đó là cô gái tốt;
Hai núi mở đường, đến đây ấy sứ lại nhân[1].
(Giai thoại Trạng Bùng đi sứ về gặp Chúa Liễu ở biên giới)

山 人 憑 一 几 莫 非 仙 女 臨 凡
文 子 帶 長 巾 必 是 學 生 侍 帳

Sơn nhân bằng nhất kỷ, mạc phi tiên nữ lâm phàm;
Văn tử đới trường cân, tất thị học sinh thị trướng.
Người núi ngồi một ghế, phải chăng tiên nữ xuống phàm;
Chàng văn chít khăn dài, đích thị học sinh giữ trướng[2].

講 信 修 睦 謂 大 同 萬 國 衣 裳 之 會
體 國 京 野 爲 民 極 四 方 視 聽 維 新

Giảng tín tu mục vị đại, đồng vạn quốc y thường chi hội;
Thể quốc kinh dã vi dân, cực tứ phương thị thính duy tân.
Lấy hòa mục lâu dài làm lớn, cùng các nước vào hội thái hòa;
Coi kinh quê toàn quốc là dân, khắp bốn phương nghe thấy duy tân.
(Bảo tồn, Huế)

白 藤 護 戰 功 良 將 威 名 驚 北 地
海 東 留 靈 跡 英 雄 心 事 對 南 天

Bạch Đằng hộ chiến công, lương tướng uy danh kinh Bắc địa;
Hải Đông lưu linh tích, anh hùng tâm sự đối Nam thiên.
Hộ chiến trận Bạch Đằng, tướng giỏi uy danh kinh đất Bắc;
Linh tích còn Đông Hải, anh hùng tâm sự gửi trời Nam.
(Đền thờ Trần Quốc Tảng; Cửa Ông)

自 古 成 名 文 址 道
今 時 學 位 鼎 高 瘡

Tự cổ thành danh văn chỉ đạo;
Kim thời học vị đỉnh cao sang.
Từ cổ thành danh nhờ đường văn chỉ;
Thời nay học vị là đỉnh cao sang.

香 泉 恆 大 有
玉 液 蓋 家 人

---

[1] Ba chữ mộc là chữ sâm, chữ nữ và chữ tử là chữ hảo; hai chữ sơn là chữ xuất, chữ nhân và chữ lại là chữ sứ.

[2] (Sơn nhân là chữ Tiên; dưới chữ Bằng có chữ Kỷ; chữ Nhất và chữ Kỷ là chữ Phàm. Vế đối: Chữ Văn và chữ Tử là chữ Học; dưới chữ Đới là chữ Cân; chữ Trường và chữ Cân là chữ Trướng. Đây là giai thoại Trạng Bùng và Chúa Liễu).

Hương tuyền hằng đại hữu;
Ngọc dịch cái gia nhân.
Mạch thơm tuôn bất tận;
Nước ngọc tưới muôn nhà.

借 問 何 人 不 飲 水
未 知 誰 個 是 思 源
Tá vấn hà nhân bất ẩm thủy;
Vị tri thùy cá thị tư nguyên.
Thử hỏi ai là người không uống nước;
Chưa biết cá nhân nào nhớ nguồn.

父 母 養 生 德 重 恩 深 祈 解 脫
君 師 治 教 功 高 力 大 願 超 昇
Phụ mẫu dưỡng sinh, đức trọng ân thâm kỳ giải thoát;
Quân sư trị giáo, công cao lực đại nguyện siêu thăng.
Cha mẹ dưỡng sinh, nghĩa nặng ơn sâu cầu giải thoát.
Vua nuôi, thày dạy công cao sức cả, muốn siêu thăng.

常 將 不 盡 還 天 地
別 有 無 窮 待 古 人
Thường tương bất tận hoàn thiên địa;
Biệt hữu vô cùng đãi cổ nhân.
Thường đem cái vô cùng trả trời đất;
Riêng có kho bất tận đãi cổ nhân.

愛 國 一 心 忠 志 勇
重 宗 積 德 孝 義 仁
Ái quốc nhất tâm trung chí dũng;
Trọng tông tích đức hiếu nghĩa nhân.
Ái quốc một lòng: Trung, chí dũng;
Trọng tông tích đức: Hiếu, nghĩa, nhân.

人 道 五 常 皆 五 性
民 風 相 保 可 相 規
Nhân đạo ngũ thường giai ngũ tính;
Dân phong tương bảo khả tương quy.
Đạo người ngũ thường là ngũ tính;
Tục dân bảo hộ giữ gìn nhau.

有 德 人 皆 敬
施 恩 世 必 尊
Hữu đức nhân giai kính;
Thi ân thế tất tôn.
Có đức dân đều kính;
Thi ân đời ắt sùng.

待 人 寬 三 分 是 福
處 世 讓 一 步 爲 高
Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;
Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.
Đãi người rộng ba phần là làm phúc;
Xử thế nhường một bước ấy thanh cao.

禮 有 獻 牲 大 爲 貴 小 爲 貴
祭 洗 則 受 福 家 之 肥 族 之 肥
Lễ hữu hiến sinh, đại vi quý tiểuvi quý;
Tế tắc thụ phúc, gia chi phì tộc chi phì.
Lễ có việc hiến sinh, lớn cũng quý, nhỏ cũng quý;
Tế thì được hưởng phúc, ích cho họ, ích cho nhà.

建 造 基 培 新 制 度
重 修 保 養 舊 規 模
Kiến tạo cơ bồi tân chế độ;
Trùng tu bảo dưỡng cựu quy mô.
Kiến tạo bồi đắp quy mô mới;
Trùng tu bảo dưỡng nền móng xưa.

佛 道 親 客 廉 正 客
禪 門 遠 避 暴 姦 人
Phật đạo thân khách liêm chính khách;
Thiền môn viễn tỵ bạo gian nhân.
Đạo Phật thân với khách toàn là khách liêm chính;
Cửa thiền xa lánh bọn người bạo ngược gian tham.

丹 青 莫 測 靈 臺 狀
正 直 元 因 造 化 功
Đan thanh mạc trắc linh đài trạng;
Chính trực nguyên nhân tạo hóa công.

Bút sơn khó tả linh đài thực;
Chính trực làm đầu tạo hóa công.

君 可 以 心 對 人 爲 善
佛 常 以 法 處 世 爲 平
Quân khả dĩ tâm đối nhân vi thiện;
Phật thường dĩ pháp xử thế vi bình.
Vua hay dùng tâm đức đối nhân làm thiện;
Phật thường lấy pháp xử thế công bằng.

濁 遇 清 流 能 濯 性
生 於 人 世 乃 知 心
Trọc ngộ thanh lưu năng trạc tính;
Sinh ư nhân thế nãi tri tâm.
Đục gặp dòng trong nên gột rửa tính cách;
Người ta sống ở đời phải hiểu lòng nhau.

佛 本 慈 悲 不 怒 而 威 不 言 而 信
人 能 善 念 有 求 必 應 有 禱 必 通
Phật bản từ bi, bất nộ nhi uy, bất ngôn nhi tín;
Nhân năng thiện niệm, hữu cầu tất ứng, hữu đảo tất thông.
Phật vốn từ bi, không giận mà oai, không nói mà tín;
Người hay nghĩ tốt, hễ cầu là ứng, hễ đảo là thông.

隱 居 求 其 德
行 義 達 其 道
Ẩn cư cầu kỳ đức;
Hành nghĩa đạt kỳ đạo.
Ẩn cư để tỏ đức;
Làm việc nghĩa để đạt đạo mình.

詩 禮 微 風 徵 壽 世
軒 岐 實 業 願 傳 家
Thi lễ vi phong trưng thọ thế;
Hiên Kỳ thực nghiệp nguyện truyền gia.
Phong thái sách đèn nối đời bền vững;
Nghiệp y cứu thế mong muốn truyền gia.

接 物 以 謙 和 情 孚 老 少
待 人 推 平 恕 澤 溥 鄉 鄰

Tiếp vật dĩ khiêm hòa tình phu lão thiếu;
Đãi nhân suy bình thứ trạch phổ hương lân.
Tiếp đãi mọi người bằng đức khiêm hòa, được lòng già trẻ;
Xử thế đối nhân công bằng và nhân hậu, ơn khắp xóm làng.

明 已 矣 信 已 矣 斷 已 矣
學 知 之 勉 知 之 困 知 之
Minh dĩ hỹ, tín dĩ hỹ, đoán dĩ hỹ;
Học tri chi, miễn tri chi, khốn tri chi.
Rõ rồi đấy, đáng tin đấy, khẳng định rõ ràng rồi đấy;
Học mới biết, gắng mới biết, khổ công mới biết mọi điều.

興 邦 濟 世 皆 勤 學
國 盛 民 安 智 慧 通
Hưng bang tế thế giai cần học;
Quốc thịnh dân an trí tuệ thông.
Hưng bang cứu đời đều nhờ chăm học;
Nước thịnh dân yên trí tuệ phải thông.

文 字 如 珠 玉
姓 名 似 河 沙
Văn tự như châu ngọc;
Tính danh tự hà sa.
Văn tự quý như châu ngọc;
Tên tuổi rẻ tựa cát sông.

敬 心 百 世 不 易
尊 仰 萬 古 如 斯
Kính tâm bách thế bất dịch;
Tôn ngưỡng vạn cổ như tư.
Lòng cung kính trăm đời không đổi;
Chí vươn theo vạn cổ chẳng thay.

美 俗 維 新 村 鄉 興 振
煙 香 依 舊 福 澤 留 芳
Mỹ tục duy tân thôn hương hưng chấn;
Yên hương y cựu phúc trạch lưu phương.
Tục hay đổi mới, thôn làng hưng thịnh phấn chấn;
Khói hương như cũ, phúc trạch lưu đọng thơm hương.

尊 祖 敬 宗 倫 理 第 一 義
美 哉 奐 輪 於 斯 聚 族 鄉
Tôn tổ kính tông luân lý đệ nhất nghĩa;
Mỹ tai hoán luân ư tư tụ tộc hương.
Tôn kính tổ tông là ý nghĩa lớn nhất của luân lý;
Đẹp đẽ rực rỡ thay: nơi đây làng họ sum họp nhau.

施 報 恩 情 人 我 共
往 來 禮 教 古 今 同
Thi báo ân tình nhân ngã cộng;
Vãng lai lễ giáo cổ kim đồng.
Có ân tình thì báo đáp, ai ai cũng vậy;
Phải qua lại theo lễ giáo, xưa nay như nhau.

既 勤 垣 墉 惟 其 塗 妥
詒 謀 燕 德 澤 萬 斯 年
Ký cần viên dung duy kỳ đồ tư;
Di mưu yến đức trạch vạn tư niên.
Đã chăm xây dựng lại khéo tô vẽ;
Thu vén che chở để ơn muôn đời.

桃 筆 花 盤 開 智 腦
金 鐘 木 鐸 喚 迷 魂
Đào bút hoa bàn khai trí não;
Kim chung mộc đạc hoán mê hồn.
Bút thắm mâm hoa mở mang trí não;
Chuông vàng mõ gỗ đánh thức hồn mê.

學 得 最 珍 天 上 策
書 留 不 盡 後 人 才
Học đắc tối trân thiên thượng sách;
Thư lưu bất tận hậu nhân tài.
Học được thì sách ở trên trời là cái quý nhất;
Sách lưu lại thì nhân tài đời sau bất tận sinh ra.

雄 國 基 光 標 柱 石
直 方 以 視 正 中 觀
Hùng quốc cơ quang tiêu trụ thạch;
Trực phương dĩ thị chính trung quan.

Nền nước vững mạnh sáng rõ nêu cao nơi cột đá;
Thói thẳng ngay biểu hiện ở sự sắp xếp chính chung.

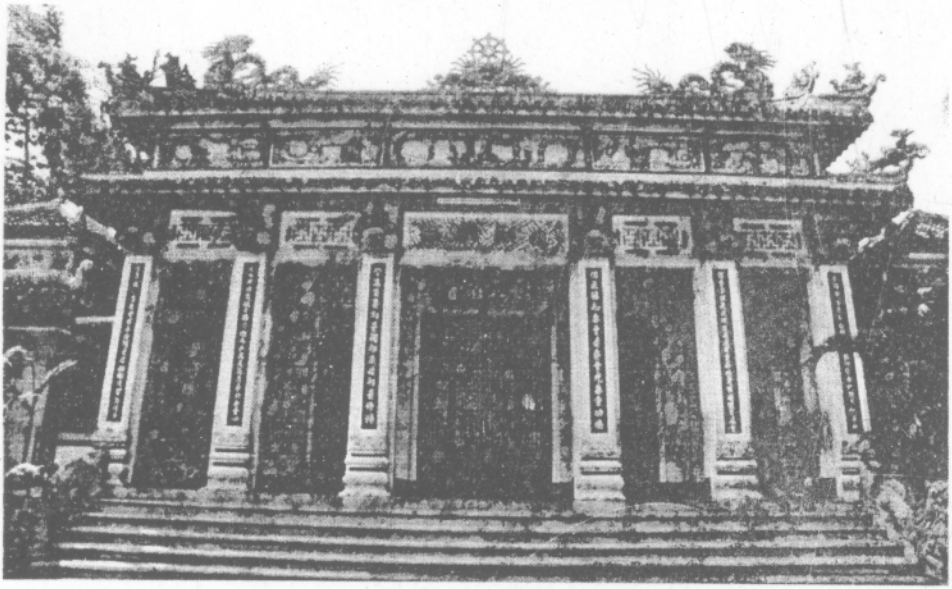
師門澤薄淵源在
德樹根深雨露濃
Sư môn trạch bạc uyên nguyên tại;
Đức thụ căn thâm vũ lộ nồng.
(Thành Thái niên xuân; Lỗ Trai Mai Đình xã môn sinh đồng bái)
Học vấn cửa nhà thầy uyên bác;
Cây đức rễ sâu mưa thấm nhiều.
(Mùa xuân năm Thành Thái; Các môn sinh xã Lỗ Trai và Mai Đình cùng dâng)

道涵一理
化妙萬緣
Đạo hàm nhất lý;
Hóa diệu vạn duyên.
Đạo gồm một lẽ;
Dạy có muôn phương.

月巢鴈作千年夢
雪屋人迷一色工
Nguyệt sào nhạn tác thiên niên mộng;
Tuyết ốc nhân mê nhất sắc công.
Tổ trăng nhạn làm ngàn năm mộng;
Nhà tuyết người thích một thợ hay.

蓮發池中永劫淤泥無染獨
花開水上長時清氣有餘香
Liên phát trì trung vĩnh kiếp ứ nê vô nhiễm độc;
Hoa khai thủy thượng trường thời thanh khí hữu dư hương.
Sen sống trong hồ suốt kiếp bùn nhơ không dính được;
Hoa nở trong nước lâu dài khí mát vẫn còn thơm.

CHÚC MỪNG
VIẾNG THĂM



Câu đối ở chùa Từ Đàm
(TP. Huế)

保身保物保財產
利己利人利國家
Bảo thân bảo vật bảo tài sản.
Lợi kỷ lợi nhân lợi quốc gia.
Giữ thân giữ vật giữ tài sản.
Lợi mình lợi người lợi nước nhà.

大禍之時未受苦
防災而後更知甜
Đại hoạ chi thời vị thụ khổ.
Phòng tai nhi hậu cánh tri điềm.
Phải thời đại hoạ chưa từng khổ.
Sau lúc phòng tai mới thấy hay.

無由祈禱神難佑
有靠保安定勝天
Vô do kỳ đảo thần nan hựu.
Hữu kháo bảo an định thắng thiên.
Khấn cầu không cớ, thần khôn giúp.
Bảo an đã cậy người thắng trời.

千家保險千家樂
萬户平安萬户歡
Thiên gia bảo hiểm thiên gia lạc.
Vạn hộ bình an vạn hộ hoan.
Ngàn nhà bảo hiểm ngàn nhà sướng.
Vạn hộ bình yên vạn hộ vui.

勤儉千家多富有
防災萬户報平安
Cần kiệm thiên gia đa phú hữu.
Phòng tai vạn hộ báo bình an.
Cần kiệm nghìn nhà lắm giầu có.
Phòng tai muôn hộ báo bình an.

勤勞門第春來早
保險人家富自多
Cần lao môn đệ xuân lai tảo.
Bảo hiểm nhân gia phú tự đa.
Siêng năng con cháu, xuân về sớm.
Bảo hiểm nhà nhà, phúc sẽ nhiều.

平 安 無 事 多 宜 國
一 旦 有 災 可 保 安
Bình an vô sự đa nghi quốc.
Nhất đán hữu tai khả bảo an
Bình an vô sự, nước nên lo.
Tai hoạ sảy ra nhà sẽ ổn.

順 境 防 災 需 保 險
居 安 無 事 要 思 危
Thuận cảnh phòng tại nhu bảo hiểm.
Cư an vô sự yếu tư nguy.
Theo cảnh phòng tai, cần bảo hiểm.
Ở yên vô sự, nhớ khi nguy.

鳥 入 吉 林 多 富 瑞
人 臻 壽 域 賴 安 全
Điểu nhập cát lâm đa phúc thuỵ.
Nhân trăn thọ vực lại an toàn.
Chim thấy đất lành bay đến đậu.
Người giữ an toàn tuổi thọ cao.

不 可 臨 崖 才 勒 馬
莫 教 賊 走 始 關 門
Bất khả lâm nhai tài lặc mã.
Mạc giao tặc tẩu thuỷ quan môn.
Không thể sát vực mới dừng ngựa
Chớ nên giặc rút mới đóng thành.

奉 勸 日 前 休 惜 費
管 教 事 後 保 無 災
Phụng khuyến nhật tiền hưu tích phí.
Quản giáo sự hậu bảo vô tai.
Xin sớm khen ai đừng tiếc của.
Để sau việc sảy tránh tai ương.

寧 以 千 金 于 保 險
豈 可 一 日 不 防 災
Ninh dĩ thiên kim vu bảo hiểm.
Khởi khả nhất nhật bất phòng tai.
Thà lấy ngàn vàng gửi bảo hiểm.
Chớ nên một buổi chẳng phòng tai.

花 少 許 前 君 莫 惜
得 多 助 處 自 無 慢

Hoa thiểu hứa tiền quân mạc tích.
Đắc đa trợ xứ tự vô ưu.

Bỏ ít tiền mua trước, xin chớ tiếc.
Được nhiều nơi giúp, tự không lo.

自 古 無 先 知 誰 能 免 禍
而 金 有 保 險 我 可 救 災

Tự cổ vô tiên tri thuỳ năng miễn hoạ.
Nhi kim hữu bảo hiểm ngã khả cứu tai.

Tự coỏ chẳng tên tri, ai hay khỏi hoạ.
Ngày nay có bảo hiểm ta được cứu tai.

蟻 穴 潰 堤 土 漸 防 微 宜 趁 早
沉 痾 致 命 訪 賢 療 疾 莫 延 遲

Nghĩ huyệt hội đê đỗ tiệm phòng vi nghi sấn tảo.
Trầm kha chí mệnh phỏng hiền liệu tật mạc diên trì.

Tổ kiến vỡ đê, bịt kín lỗ rò, nên kịp sớm.
Ốm đau gần chết, tìm thầy chữa bệnh chớ lần khân.

謹 慎 行 船 莫 到 危 時 才 補 漏
運 籌 生 計 安 能 渴 甚 始 掘 井

Cẩn thận hành thuyền mạc đáo nguy thời tài bổ lậu.
Vận trù sinh kế an năng khát thậm thuỷ quật tỉnh.

Lái thuyền cẩn thận, chớ để lúc nguy, rò mới vá.
Mưu sinh tính toán, sao hay nước cạn giếng lo đào.

國 泰 民 安 太 行 春 早 頌 長 治
鶯 歌 燕 舞 皇 水 情 濃 慶 泰 平

Quốc thái dân an Thái Hàng xuân tảo tụng trường trị.
Oanh ca yến vũ Hoàng Thuỷ tình nùng khánh thái bình.

Quốc thái dân an, Thái Hàng xuân sớm ca đời trị.
Oanh ca yến múa, Hoàng Thuỷ tình sâu chúc thái bình.

國 運 興 隆 千 家 萬 户 頌 安 順
勁 風 駭 蕩 三 山 五 岳 唱 康 寧

Quốc vận hưng long, thiên gia vạn hộ tụng an thuận.
Kình phong hãi đãng tam sơn ngũ nhạc xướng khang ninh

Vận nước đang lên, ngàn nhà vạn hộ khen an thuận.
Sóng to gió lớn, ba non năm núi hát khang ninh.

安 全 第 一 八 方 舒 心 八 處 穩
康 健 當 先 一 路 順 風 一 身 輕
An toàn đệ nhất bát phương thư tâm bát xứ ổn.
Khang kiện đương tiên nhất lộ thuận phong nhất thân khinh.
An toàn trên hết, tám hướng an tâm, tám chỗ ổn.
Sức khoẻ hàng đầu, một đường xuôi gió một thân khinh.

取 于 民 用 于 民 心 系 萬 民 慢 樂
功 在 國 利 在 國 事 關 一 國 長 安
Thủ vu dân dụng vu dân tâm hệ vạn dân ưu lạc.
Công tại quốc lợi tại quốc sự quan nhất quốc trường an.
Lấy cho dân, dùng cho dân, quan hệ vạn dân sướng khổ.
Công ở nước, lợi ở nước, liên quan cả nước bình yên.

保 而 無 患 九 州 泰
化 險 爲 夷 百 姓 安
Bảo nhi vô hoạn cửu châu thái.
Hóa hiểm vi di bách tính an.
Gửi để không lo chin châu ổn.
Hóa khó thành dễ trăm họ yên.

玉 屑 凝 成 淡 不 厭
銀 泥 厚 積 淨 無 塵
Ngọc tiết ngưng thành đạm bất yếm.
Ngân nê hậu tích tịnh vô trần.
Ngọc vụn ngưng thành nhạt chẳng ngán.
Bạc bùn lắng đọng sạch không dơ.

瓦 岳 澄 來 銀 有 影
金 刀 割 處 玉 無 瑕
Ngoã nhạc trừng lai ngân hữu ảnh.
Kim đao cát xứ ngọc vô hà.
Bình gốm lắng trong ngời ánh bạc.
Dao vàng chỗ cắt ngọc không tì.

君 子 淡 交 禪 參 玉 版
民 間 眞 味 品 重 香 廚
Quân tử đạm giao thiền tham ngọc bản.
Dân gian chân vị phẩm trọng hương trù.

Quân tử thanh đạm, thiền chuộng bản ngọc
Dân gian hợp vị, phẩm quý hương thanh.

明 月 堪 持 贈
仁 風 待 奉 揚
Minh nguyệt kham trì tặng.
Nhân phong đãi phụng dương.
Trăng sáng đem ra tặng.
Gió nhân đợi được nêu.

妙 盾 人 風 剪
新 栽 對 月 圓
Diệu thuẫn nhân phong tiễn.
Tân tài đối nguyệt viên.
Khéo giúp khi vắng gió.
Mới may tựa trăng tròn.

清 風 生 掌 握
爽 氣 滿 胸 圓
Thanh phong sinh chưởng ác.
Sảng khí mãn hung viên.
Gió mát nắm uy quyền.
Sảng khoái đầy trong bụng.

影 動 半 輪 月
香 生 一 握 風
Ảnh động bán luân nguyệt.
Hương sinh nhất ác phong.
Phe phẩy nửa vành trăng.
Hương sinh một trận gió.

不 教 烈 日 當 頭 晒
自 有 仁 風 拂 面 來
Bất giao liệt nhật đương đầu sái.
Tự hữu nhân phong phất diện lai.
Chớ nên ngày nắng dãi phơi đầu.
Sẵn có gió xuân phe phẩy mặt.

舉 處 隨 時 消 酷 暑
動 來 常 伴 有 清 涼
Cử xứ tuỳ thời tiêu khốc thử.
Động lai thường bạn hữu thành lương.

Giương lên có thể trừ cơn nắng.
Cử động thường cho trận gió lành.

紫 雲 張 日 艷
繡 羽 帶 風 飄
Tử vân trương nhật diệm.
Tú vũ đái phong phiêu,.
Mây tía che ngày nắng.
Lông đẹp cuộn gió bay.

千 顆 碎 珠 寒 帶 雪
半 身 柔 翠 冷 披 煙
Thiên khoả toái châu hàn đới tuyết.
Bán thân nhu thuý lãnh phi yên.
Trời tuyết lạnh hàng ngàn ngọc vụn.
Hơi lạnh bay thấy ấm nửa người.

任 是 滂 沱 至 大 道
偏 能 坦 蕩 到 光 天
Nhậm thị bàng đà chí đại đạo.
Thiên năng thản đãng đáo quang thiên.
Gặp mưa tầm tã trên đường lớn.
Vẫn hay bình thản đợi trời quang.

往 來 宛 似 祥 雲 覆
出 入 何 嫌 細 雨 淋
Vãng lai uyển tự tường vân phú.
Xuất nhập hà hiềm tế vũ lâm.
Ung dung khép mở mây lành phủ.
Há ngại ra vào mưa bụi bay.

鐵 骨 根 根 撐 苦 雨
絹 花 朵 朵 蔽 驕 陽
Thiết cốt căn căn xanh khổ vũ.
Quyên hoa đoá đoá tế kiêu dương.
Cốt sắt từng nan đỡ khổ mưa.
Lụa hoa mỗi mảnh che trời nắng.

虛 心 原 具 沖 風 力
瘦 骨 由 懷 向 日 心
Hư tâm nguyên cụ xung phong lực.
Sấu cốt do hoài hướng nhật tâm

Bụng rỗng vẫn thừa hơi căng gió.
Xương mai còn nhớ hướng lên trời.

不 愁 夕 陽 去
還 有 夜 珠 來
Bất sầu tịch dương khứ.
Hoàn hữu dạ châu minh.
Chẳng lo nắng chiều tắt.
Sẵn có dạ minh châu,.

閃 影 同 天 笑
流 光 奪 月 輝
Thiểm ảnh đồng thiên tiếu.
Lưu quang đoạt nguyệt huy.
Lấp lánh cười với trời.
Vẻ sáng, mờ vầng nguyệt.

光 輝 九 天 能 奪 月
輝 煌 一 室 勝 懸 珠
Quang huy cửu thiên năng đoạt nguyệt.
Huy hoàng nhất thất thắng huyền châu.
Sáng láng chín tầng trăng cũng kém
Huy hoàng một cửa ngọc còn thua.

百 尺 高 懸 如 皎 月
一 燈 遠 照 若 明 星
Bách xích cao huyền như giảo nguyệt.
Nhất đăng viễn chiếu nhược minh tinh.
Trăm thước treo cao tựa ánh trăng.
Một ngọn chiếu xa như sao sáng.

丰 富 文 化 生 活
有 益 身 心 健 康
Phong phú văn hoá sinh hoạt.
Hữu ích thân tâm kiện khang.
Dồi dào sinh hoạt văn hoá.
Giúp cho khoẻ khoắn tinh thần.

書 畫 詩 歌 頌 大 治
吹 拉 彈 唱 慶 升 平
Thư hoạ thi ca tụng đại trị.
Suy lạp đàn xướng khánh thăng bình.

Thư hoạ thi ca mừng đại trị.
Sáo đàn hát xướng chúc thanh bình.

金谷園中羅錦繡
玉樓天半起生歌
Kim cốc viên trung la cẩm tú.
Ngọc lâu thiên bán khởi sinh ca.
Hang vàng khắp vườn bầy gấm vóc.
Lầu ngọc lưng trời rộn hát ca.

畫印詩書娛遠志
琴棋簫笛養精神
Họa ấn thi thư ngộ viễn chí.
Cầm kỳ tiêu địch dưỡng tinh thần.
Hội hoạ văn thơ vui chí hướng.
Đàn cờ tiêu sáo dưỡng tinh thần.

說唱彈拉度周末
書删影視偕公余
Thuyết xướng đàn lạp độ chu mạt.
Thư san ảnh thị giai công dư.
Nghe hát chơi đàn, tuần ngày cuối.
Xem phim đọc sách, lúc giờ dư.

今人能爲古人曲
聽者當知彈者情
Kim nhân năng vị cổ nhân khúc.
Thính giả đương tri đàn giả tình.
Người nay khúc soạn vì người xưa.
Khách nghe đàn thấu tình kẻ dạo.

天然圖畫
一曲陽春
Thiên nhiên dồ hoạ.
Nhất khúc dương xuân.
Bức vẽ thiên nhiên.
Dương xuân một khúc.

古今眞樂府
天地大梨園
Cổ kim chân lạc phủ.
Thiên địa đại lê viên.

Nhạc phủ đúng xưa nay.
Sân khấu lớn giữa trời.

傳 神 眞 寶 鏡
寫 意 大 文 章
Truyền thần chân bảo kính.
Tả ý đại văn chương.
Lột được đúng thần người.
Tả hết ý văn chương.

明 月 臨 歌 扇
新 花 艷 舞 衣
Minh nguyệt lâm ca phiến.
Tân hoa diệm vũ y.
Trăng sáng chiếu sàn diễn.
Hoa tươi đẹp vũ y.

清 歌 凝 白 雪
妙 舞 散 紅 霞
Thanh ca ngưng bạch tuyết
Diệu vũ tán hồng hà.
Ca tụng ngưng tuyết trắng.
Múa đẹp tản ráng hồng.

玉 樓 天 半 笙 歌 起
蓬 島 仙 班 笑 話 和
Ngọc lâu thiên bán sinh ca khởi.
Bồng đảo tiên ban tiếu thoại hoà.
Lầu ngọc lưng trời đàn sáo rộn.
Bồng đảo bày tiên cất tiếng ca.

借 虛 事 指 點 實 事
托 古 人 提 醒 今 人
Tích hư sự chỉ điểm thực sự.
Thác cổ nhân đề tỉnh kim nhân.
Đem chuyện bịa rạch ròi chuyện thực.
Mượn người xưa thức tỉnh người nay.

怒 罵 笑 啼 皆 學 問
悲 歡 歸 去 盡 人 情
Nộ mạ tiếu đề giai học vấn.
Bi hoan quy khứ tận nhân tình.

Mắng giận khóc cười, đều phải học.
Buồn vui đi lại thực tình người.

假 笑 啼 中 眞 面 目
新 歌 舞 里 舊 衣 冠

Giả tiếu đề trung chân diện mục.
Tân ca vũ lý cựu y quan.

Trong cười khóc giả, thực diện mạo.
Chốn ca múa mới, cũ xiêm y.

欲 知 世 上 觀 臺 上
不 識 今 人 看 古 人

Dục tri thế thượng quan đài thượng.
Bất thức kim nhân khán cổ nhân.

Việc đời muốn biết xem sân khấu.
Người nay không hiểu ngắm người xưa.

有 聲 畫 譜 描 人 物
無 字 文 章 寫 古 人

Hữu thanh hoạ phổ miêu nhân vật.
Vô tự văn chương tả cổ nhân.

Hoạ phổ có lời vẽ nhân vật.
Văn chương không chữ tả xưa nay.

能 令 公 喜 能 令 公 怒
歌 也 有 懷 哭 也 有 思

Năng linh công hỷ năng linh công nộ.
Ca dã hữu hoài khốc dã hữu tư.

Hay khiến ông mừng, hay khiến ông giận.
Hát vậy có tâm, khóc vậy có tình.

不 大 地 方 可 國 可 家 可 天 下
平 常 人 物 爲 將 爲 相 爲 名 神

Bất đại địa phương khả quốc khả gia khả thiên hạ.
Bình thường nhân vật vi tương vi tướng vi danh thần.

Mảnh sân không rộng, đấy nước, đấy nhà, đấy thiên hạ.
Nhân vật bình thường, là quan là tướng , là danh thần.

天 風 鳴 爽 籟
韻 語 滌 塵 襟

Thiên phong minh sảng lại.
Vận ngữ địch trần khâm.
Gió trời thổi ống sáo.
Vần điệu gột bụi trần.

與 客 笑 言 風 月 事
盡 人 評 說 古 今 情
Dữ khách tiếu ngôn phong nguyệt sự.
Tận nhân bình thuyết cổ kim tình.
Cùng khách nói cười chuyện trăng gió.
Với người bình luận tình xưa nay.

拍 案 驚 奇 牽 魂 魄
章 回 說 岳 辨 忠 姦
Phách án kinh kì khiên hồn phách.
Chương hồi thuyết nhạc biện trung gian.
Vỗ án ghê thay dẫn hồn phách.
Chương hồi thuyết lý biện ngay gian.

眞 眞 假 假 調 情 理
假 假 眞 眞 勸 世 人
Chân chân giả giả điều tình lý.
Giả giả chân chân khuyến thế nhân.
Chân chân giả giả cũng tình lý.
Giả giả chân chân khuyên thế gian.

啓 只 陽 春 欣 白 雪
更 多 下 里 樂 巴 人
Khởi chỉ dương xuân hân bạch tuyết.
Cánh đa hạ lý lạc ba nhân.
Đâu chỉ dương xuân ưa bạch tuyết (hai khúc nhạc cổ)
Còn nhiều hạ lý chuộng ba nhân (hai khúc hát cổ)

說 古 談 今 神 情 畢 肖
鳴 箏 弄 策 風 月 無 邊
Thuyết cổ đàm kim thần tình tất tiếu.
Minh tranh lộng sách phong nguyệt vô biên.
Nói xưa bàn nay thần trí tiêu tan.
Gảy đàn dỡn thẻ gió trăng vô hạn.

把 古 往 今 來 重 新 說 起
將 悲 歡 離 合 再 敘 從 頭

Bả cổ vãng kim lai, trùng tân thuyết khởi.
Tương bi hoan ly hợp, tái tự tòng đầu
Lượm chuyện cũ việc nay, đề ra thuyết mới.
Đem vui buồn tan hợp, kể lại từ đầu.

三 寸 舌 談 古 論 今 活 靈 活 現
一 尺 木 表 忠 伐 逆 越 說 越 奇
Tam thốn thiệt đàm cổ luận kim hoạt linh hoạt hiện.
Nhất xích mộc biểu trung phạt nghịch việt thuyết việt kỳ.
Ba tấc lưỡi bàn xưa, luận nay, thoắt ẩn thoắt hiện.
Một cây gậy tỏ trung, đánh giặc, càng nói càng kỳ.

從 容 施 葯
厚 朴 行 醫
Thung dung thi dược
Hậu phác hành y.
Thung dung[1] cắt thuốc.
Hậu phác[2] hành y.

岐 黃 事 業
菩 薩 心 腸
Kỳ hoàng sự nghiệp.
Bồ tát tâm trường.
Sự nghiệp kỳ, hoàng[3].
Tấm lòng bồ tát.

尋 氣 如 尋 病
逐 愁 便 逐 災
Tầm khí như tầm bệnh.
Trục sầu tiện trục tai.
Tìm khí như tìm bệnh.
Đuổi sầu sẽ đuổi tai.

但 愿 人 皆 健
何 妨 我 獨 貧
Đản nguyện nhân giai kiện.
Hà phương ngã độc bần.
Chỉ muốn mọi người khoẻ.
Sao hỏi riêng ta nghèo.

---

(1), (2) Tên hai vị thuốc

(3) Kỳ Bá và Hoàng đế là hai vị tổ của đông y dược Trung Quốc.

苦 心 求 妙 述
圣 手 去 沉 疴
Khổ tâm cầu diệu thuật.
Thánh thủ khử trầm kha.
Khổ tâm cầu thuật giỏi.
Tay thánh dứt bệnh lâu

讀 史 常 懷 經 世 略
檢 方 更 著 活 人 書
Độc sử thường hoài kinh thế lược.
Kiểm phương cánh trước hoạt nhân thư.
Đọc sử những mong thông xử thế.
Tìm phương nhằm soạn sách cứu người.

我 以 公 余 詢 疾 苦
君 將 仁 述 去 瘡 痍
Ngã dĩ công dư tuần tật khổ.
Quân tương nhân thuật khử sang di.
Ta lấy lúc nhàn thăm bệnh tật.
Ông đem nhân thuật chữa thương đau.

妙 药 銀 針 除 病 痛
丹 心 聖 手 保 安 康
Diệu dược ngân trâm trừ bệnh thống.
Đan tâm thánh thủ bảo an khang.
Thuốc hay, trâm bạc, trừ đau bệnh.
Lòng son, tay thánh, giữ an khang.

濟 世 風 清 醫 國 手
通 方 愿 是 讀 書 人
Tế thế phong thành y quốc thủ.
Thông phương nguyện thị độc thư nhân.
Chữa bệnh nổi danh thầy cả nước.
Phương hay nhờ ở sách xem nhiều.

暢 通 渠 道
廣 辟 財 源
Sướng thông cừ đạo.
Quảng tịch tài nguyên.
Khơi thông mương máng.
Mở rộng tài nguyên.

爲 四 方 顧 客
立 三 尺 柜 臺
Vị tứ phương cố khách.
Lập tam xích cự đài.
Vì khách hàng bốn phương.
Dựng quầy cao ba thước.

城 招 天 下 客
香 引 洞 中 仙
Thành chiêu thiên hạ khách.
Hương dẫn động trung tiên.
Vui đón khách thiên hạ.
Hương đưa người động tiên.

多 想 生 財 道
廣 開 致 富 門
Đa tưởng sinh tài đạo.
Quảng khai trí phú môn.
Nghiền ngẫm đường sinh lợi.
Mở rộng cửa làm giàu.

喜 集 八 方 化
笑 迎 四 海 賓
Hỷ tập bát phương hoá.
Tiếu nghinh tứ hải tân.
Gom hành hoá tám phương.
Đón khách hàng bốn biển.

爲 人 民 服 務
開 企 業 財 源
Vị nhân dân phục vụ
Khai xí nghiệp tài nguyên.
Vị nhân dân phục vụ.
Mở tài nguyên xí nghiệp.

通 八 方 信 息
聚 四 海 資 財
Thông bát phương tín tức.
Tụ tứ hải tư tài.
Thông tin tức tám phương.
Lượm tiền của bốn biển.

物 美 昌 銷 路
價 廉 稱 客 心
Vật mỹ xương tiêu lộ.
Giá liêm xứng khách tâm.
Hàng đẹp dễ tiêu thụ.
Giá rẻ khách vừa lòng.

琳 良 滿 目 貨
買 賣 稱 心 門
Lâm lương mãn mục hoá.
Mãi mại xứng tâm môn.
Hàng rực rỡ ngợp mắt.
Giá mua bán vừa lòng.

通 商 重 信 義
和 眾 得 安 康
Thông thương trọng tín nghĩa.
Hoà chúng đắc an khang.
Buôn bán trọng tín nghĩa.
Hoà nhã được an khang.

昌 期 開 景 遠
泰 象 啓 陽 春
Xương kỳ khai cảnh viễn.
Thái tượng khải dương xuân.
Thời thịnh mở viễn cảnh.
Tượng thái chỉ đầu xuân.

吉 星 欣 在 店
祥 靄 喜 盈 門
Cát tinh hân tại điếm.
Tường ái hỷ doanh môn
Sao tốt vui ở điếm.
Mây lành mừng đầy nhà.

貨 物 任 挑 選
經 商 通 有 無
Hoá vật nhậm khiêu tuyển.
Kinh thương thông hữu vô.
Hàng hóa qua chọn lựa.
Kinh doanh biết có không.

貨 好 門 如 市
心 公 客 自 來
Hoá hảo môn như thị.
Tâm công khách tự lai.
Hàng tốt cửa như chợ.
Công tâm khách khỏi mời.

生 意 興 隆 通 四 海
財 源 茂 盛 達 三 江
Sinh ý hưng long thông tứ hải.
Tài nguyên mậu thịnh đạt tam giang.
Buôn bán hưng vượng thông bốn biển.
Tài nguyên phồn thịnh nối ba sông.

財 如 曉 日 騰 雲 起
利 自 春 潮 帶 雨 來
Tài như hiểu nhật đằng vân khởi.
Lợi tự xuân trào đới vũ lai.
Tiền như ngày đẹp cưỡi mây bay.
Lợi tựa triều xuân đem nước tới.

門 迎 曉 日 財 源 廣
户 納 春 風 吉 慶 多
Môn nghinh hiểu nhật tài nguyên quảng.
Hộ nạp xuân phong cát khánh đa.
Cửa chào ngày sớm tài nguyên lắm.
Nhà đón gió xuân cát khánh nhiều.

名 碑 譽 滿 三 江 水
好 貨 能 招 四 海 賓
Danh bi dự mãn tam giang thuỷ.
Hảo hoá năng chiêu tứ hải tân.
Danh bia tiếng ngập nước ba sông.
Hàng tốt hay thu khách bốn biển.

事 與 人 便 人 稱 便
貨 招 客 來 客 自 來
Sự dữ nhân tiện nhân xưng tiện.
Hoá chiêu khách lai khách tự lai.
Việc cho người tiện người khen tiện.
Hàng kéo khách về khách tự về.

東 無 西 有 通 無 有
我 需 你 求 供 需 求
Đông vô tây hữu thông vô hữu.
Ngã nhu nhĩ cầu cung nhu cầu.
Đông không tây có thông không có.
Tôi cung anh cầu cùng cung cầu.

文 明 經 商 生 意 好
禮 貌 待 客 光 顧 多
Văn minh kinh thương sinh ý hảo.
Lễ mạo đãi khách quang cố đa.
Kinh doanh văn minh buôn bán tốt.
Nhã nhặn với khách chiếu cố đông.

國 增 財 富 店 增 貨
柜 滿 春 風 客 滿 門
Quốc tăng tài phú điếm tăng hoá.
Cự mãn xuân phong khách mãn môn.
Nước tăng giàu có quán tăng hàng.
Quầy đầy gió xuân khách đầy cửa.

門 市 笑 迎 遠 近 客
柜 臺 喜 納 城 鄉 人
Môn thị tiếu nghinh viễn cận khách.
Cự đài hỷ nạp thành hương nhân.
Cổng chợ vui đón khách xa gần.
Sạp hàng mừng thấy người quê tỉnh.

三 尺 柜 臺 傳 暖 意
一 張 笑 臉 帶 春 風
Tam xích cự đài truyền noãn ý.
Nhất trương tiếu kiểm đới xuân phong.
Ba thước sạp hàng truyền ý tốt.
Một nụ cười tươi chứa gió xuân.

互 濟 有 無 需 貿 易
廣 交 朋 友 促 供 銷
Hỗ tế hữu vô nhu mậu dịch;
Quảng giao bằng hữu xúc cung tiêu.
Cùng chở có không cần mậu dịch.
Rộng chơi bầu bạn đẩy cung tiêu.

門 市 不 缺 應 時 貨
營 業 常 存 周 到 心
Môn thị bất khuyết ưng thời hoá.
Doanh nghiệp thường tồn chu đáo tâm.
Cửa chợ không thiếu hàng hợp thời.
Doanh nghiệp có thừa lòng chu đáo.

服 務 人 民 多 供 應
支 援 建 設 積 資 金
Phục vụ nhân dân đa cung ứng.
Chi viện kiến thiết tích tư kim.
Phục vụ nhân dân cung ứng lắm.
Góp công xây dựng vốn cần nhiều.

東 購 西 銷 調 多 補 少
南 裝 北 運 以 有 易 無
Đông cấu tây tiêu điều đa bổ thiểu.
Nam trang bắc vận dĩ hữu dịch vô.
Tây bán đông mua, thiếu thừa điều chỉnh.
Nam cần bắc chuyển, lấy có thay không.

一 點 公 心 平 似 水
十 分 生 意 穩 如 山
Nhất điểm công tâm bình tự thuỷ.
Thập phần sinh ý ổn như sơn.
Một điểm công tâm ổn như nước.
Mười phần buôn bán vững như non.

貨 物 齊 全 選 挑 不 厭
價 錢 公 道 老 少 無 欺
Hoá vật tề toàn tuyển khiêu bất yếm.
Giá tiền công đạo lão thiếu vô khi.
Hàng hoá tốt đều, chọn lựa không ngán.
Giá tiền giữ chung, già trẻ chẳng khinh.

交 流 會 上 花 如 錦
生 意 行 中 客 滿 門
Giao lưu hội thượng hoa như cẩm.
Sinh ý hàng trung khách mãn môn.
Trong hội giao lưu hoa tựa gấm.
Ở nơi buôn bán khách đầy nhà.

靈 活 經 營 財 源 茂 盛
薄 利 多 銷 生 意 興 隆
Linh hoạt kinh doanh tài nguyên mậu thịnh.
Bạc lợi đa tiêu sinh ý hưng long.
Kinh doanh linh hoạt, phồn thịnh tài nguyên.
Lãi ít bán nhiều, chấn hưng buôn bán.

經 商 信 義 堅 如 鐵
謀 利 毫 厘 薄 似 雲
Kinh thương tín nghĩa kiên như thiết.
Mưu lợi hào ly bạc tự vân.
Kinh doanh tín nghĩa cứng như thép.
Mưu lợi hào ly mỏng tựa mây.

禮 謙 宜 貿 無 論 東 南 西 北
應 時 便 民 當 分 春 夏 秋 冬
Lễ khiêm nghi mậu vô luận đông nam tây bắc.
Ứng thời tiện dân đương phân xuân hạ thu đông.
Lễ nghi đúng mực chẳng kể đông nam tây bắc.
Đúng thời tiện dân phải phân xuân hạ thu đông.

喜 待 東 西 南 北 客
樂 談 姐 妹 弟 兄 情
Hỷ đãi đông tây nam bắc khách.
Lạc đàm thư muội đệ huynh tình.
Mừng đón khách đông tây nam bắc.
Vui ôn tình anh em chị em.

以 天 下 爲 己 任 丹 心 似 火
把 顧 客 當 親 人 笑 臉 如 春
Dĩ thiên hạ vi kỷ nhiệm đan tâm tự hoả.
Bả cố khách đương thân nhân tiếu kiểm như xuân.
Lấy thiên hạ làm việc mình lòng son tựa lửa.
Coi khách hàng như người thân cười tươi như xuân.

五 洲 信 息 靈 通 風 馳 電 掣
四 海 財 源 發 達 雨 聚 雲 蒸
Ngũ châu tín tức linh thông phong trì điện xiết.
Tứ hải tài nguyên phát đạt vũ tụ vân chưng.
Tình thông tin tức năm châu, gió lay chớp giật.
Thu thập tài nguyên bốn biển, mây tụ mưa vần.

進 店 來 人 人 滿 意
出 門 去 個 個 稱 心
Tiến điếm lai nhân nhân mãn ý.
Xuất môn khứ cá cá xứng tâm.
Vào nhà hàng, người người xứng ý.
Ra khỏi cửa, kẻ kẻ vui lòng.

眼 觀 六 路 分 析 市 場 變 化
耳 聽 八 方 弄 清 群 眾 需 求
Nhãn quan lục lộ phân tích thị trường biến hoá.
Nhĩ thính bát phương lộng thanh quần chúng nhu cầu.
Mắt nhìn sáu ngả, phân tích thị trường biến diễn.
Tai nghe tám hướng, nhận ra quần chúng nhu cầu.

百 問 不 煩 百 拿 不 厭
笑 容 常 展 笑 口 常 開
Bách vấn bất phiền bách nã bất yếm.
Tiếu dung thường triển tiếu khẩu thường khai.
Trăm hỏi chẳng phiền, trăm đòi chẳng ngán.
Nét mặt thường tươi, nụ cười thường nở.

語 似 春 風 吹 暖 四 方 八 面
心 如 爐 火 映 紅 萬 户 千 家
Ngữ tự xuân phong suy noãn tứ phương bát diện.
Tâm như lô hoả ánh hồng vạn hộ thiên gia.
Lời tựa gió xuân, thổi ấm bốn phương tám hướng.
Lòng như bếp lửa, soi hồng muôn hộ nghìn nhà.

春 滿 柜 臺 五 光 四 色
貨 盈 櫥 架 萬 紫 千 紅
Xuân mãn cự đài ngũ quang thập sắc.
Hoá doanh trù hạ vạn tử thiên hồng.
Sạp hàng đầy xuân năm màu mười sắc.
Hàng bầy chật giá muôn tía nghìn hồng.

細 語 笑 顏 待 客 最 需 重 禮 貌
耐 心 誠 意 經 商 貴 在 講 文 明
Tế ngữ tiếu nhan đãi khách tối nhu trọng lễ mạo;
Nại tâm thành ý kinh thương quý tại giảng văn minh.
Cười nói nhẹ nhàng, tiếp khách rất cần coi trọng lễ.
Ý tình nhẫn nại, kinh doanh quý ở có văn minh.

文 明 經 商 丹 心 似 火 三 冬 暖
禮 貌 待 客 笑 臉 如 春 一 店 香
Văn minh kinh thương đan tâm tự hoả tam đông noãn.
Lễ mạo đãi khách tiếu kiểm như xuân nhất điếm hương.
Kinh doanh văn minh, lòng son tựa lửa ấm ba đông.
Lễ phép đón mời, vẻ mặt như xuân thơm một cửa.

經 營 有 述 不 在 店 堂 大 與 小
貿 易 無 欺 全 憑 貨 物 美 與 眞
Kinh doanh hữu thuật bất tại điếm đường đại dữ tiểu.
Mậu dịch vô khi toàn bằng hoá vật mỹ dữ chân.
Kinh doanh có thuật, cửa hàng đâu ở nhỏ hay to.
Mậu dịch không lừa, hàng hoá phải là thật và đẹp.

貨 有 急 時 需 有 略 自 然 無 限
誠 爲 聚 財 本 積 少 可 以 成 多
Hoá hữu cấp thời nhu hữu lược tự nhiên vô hạn.
Thành vi tụ tài bản tích thiểu khả dĩ thành đa.
Hàng phải kịp thời trù tính trước tự nhiên vô hạn.
Của cần tích luỹ vốn từ nhỏ có thể thành lớn.

曉 日 騰 雲 財 源 拾 似 泉 中 水
春 風 送 雨 生 意 如 同 錦 上 花
Hiểu nhật đằng vân tài nguyên thập tự tuyền trung thuỷ.
Xuân phong tống vũ sinh ý như đồng cẩm thượng hoa.
Sáng sớm cưỡi mây, tài nguyên tựa suối nguồn nước chảy.
Gió xuân mưa tiễn, buôn bán như gấm dệt hoa thêu.

物 美 價 廉 顧 客 如 雲 爭 購 買
貨 眞 質 好 來 賓 似 雨 喜 分 銷
Vật mỹ giá liêm cố khách như vân tranh cấu mãi.
Hoá chân chất hảo lai tân tự vũ hỷ phân tiêu.
Của đẹp giá hời, tranh mua khách đến tựa mây dồn.
Hàng thật chất tốt, muốn sắm người đi như nước chảy.

線 腦 計 頭 小 商 品 百 挑 不 厭
布 匹 家 電 大 路 貨 一 色 俱 全
Tuyến não châm đầu tiểu thương phẩm bách khiêu bất yếm.
Bố sất gia điện đại lộ hoá nhất sắc câu toàn.
Chỉ buộc kim cài mặt hàng vặt, trăm chọn không ngán.
Vải vóc đồ điện, vật dụng to, một vẻ vẹn toàn.

四 壁 騰 輝 星 羅 棋 布
八 面 生 春 霞 蔚 雲 蒸
Tứ bích đằng huy tinh la kỳ bố.
Bát diện sinh xuân hà uất vân chưng.
Bốn vách rực rỡ, hàng bày la liệt.
Tám mặt tươi vui, ráng mây huy hoàng.

服 務 人 民 南 北 貨 任 君 挑 選
支 援 生 產 城 鄉 情 由 我 溝 通
Phục vụ nhân dân nam bắc hoá nhiệm quân khiêu tuyển.
Chi viện sinh sản thành hương tình do ngã câu thông.
Hàng nam bắc phục vụ nhân dân, xin ông lựa chọn.
Giúp phố làng chi viện sản xuất, việc tôi điều hành.

有 道 經 營 貨 略 五 湖 四 海
周 全 服 務 心 懷 萬 户 千 家
Hữu đạo kinh doanh hoá lược ngũ hồ tứ hải.
Chu toàn phục vụ tâm hoài vạn hộ thiên gia.
Kinh doanh có đạo, hàng đến tận năm hồ bốn biển.
Phục vụ chu toàn, lòng nghĩ về vạn hộ muôn nhà.

貨 好 譽 千 家 不愧 誠 中 取 利
樓 高 盈 百 尺 長 從 微 處 便 民
Hoá hảo dự thiên gia bất quý thành trung thủ lợi.
Lâu cao doanh bách xích trường tòng vi xứ tiện dân.
Hàng tốt nghìn nhà khen, chẳng thẹn phố phường kiếm lợi.
Lầu cao trên trăm thước, vẫn đi ngõ hẹp dân nghèo.

百 貨 商 店 店 里 百 貨 如 意 店
一 顆 紅 心 心 中 一 顆 爲 民 心
Bách hoá thương điếm, điếm lý bách hoá, như ý điếm.
Nhất khoả hồng tâm, tâm trung nhất khoả, vị dân tâm.
Bách hoá thương hiệu, hiệu đủ bách hoá, đẹp lòng hiệu
Một tấm thịnh tình, tình dù một tấm, vì dân tình.

精 美 齊 全 銷 春 夏 秋 冬 之 貨
熱 情 周 到 迎 東 西 南 北 之 人
Tinh mỹ tề toàn tiêu xuân hạ thu đông chi hoá.
Nhiệt tình chu đáo nghinh đông tây nam bắc chi nhân.
Tinh xảo giống nhau, hàng bán thu đông xuân hạ.
Nhiệt tình chu đáo, đón người nam bắc đông tây.

雲 錦 天 仙 織
霓 裳 巧 婦 裁
Vân cẩm thiên tiên chức.
Nghê thường xảo phụ tài.
Mây gấm tiên trời dệt.
Xiêm áo vợ khéo may.

紫 白 紅 黃 皆 悅 目
麻 棉 毛 葛 總 人 時
Tử bạch hồng hoàng giai duyệt mục.
Ma miên mao cát tổng nhân thời.
Tía trắng hồng vàng đều đẹp mắt.
Gai đay tơ vải cũng theo thời.

雲 霞 分 五 色
錦 繡 聚 千 絲
Vân hà phân ngũ sắc.
Cẩm tú tụ thiên ty.
Ráng mây chia năm sắc.
Gấm dệt họp ngàn tơ.

風 吐 絲 綸 成 五 色
龍 蟠 錦 繡 燦 千 花
Phong thổ ty luân thành ngũ sắc.
Long bàn cẩm tú xán thiên hoa.
Gió nhả dây tơ thành ngũ sắc.
Rồng vờn gấm dệt rạng ngàn hoa.

機 逐 回 文 巧
花 依 錦 字 明
Cơ trục hồi văn xảo.
Hoa y cẩm tự minh.
Khéo may kiểu hồi văn.
Hoa tươi nhờ chữ gấm.

萬 國 山 川 藏 彩 線
四 時 花 鳥 貯 金 針
Vạn quốc sơn xuyên tàng thái tuyến.
Tứ thời hoa điểu trữ kim châm.
Chỉ màu chứa núi sông muôn nước.
Kim khâu gom hoa điểu bốn mùa.

冷 暖 隨 人 意
纏 綿 動 客 心
Lãnh noãn tuỳ nhân ý.
Triền miên động khách tâm.
Ấm lạnh tuỳ ý người.
Uyển chuyển động lòng khách.

美 富 文 章 雲 蒸 霞 蔚
經 綸 事 業 錦 簇 花 團
Mỹ phú văn chương vân chưng hà uý.
Kinh luân sự nghiệp cẩm thốc hoa đoàn.
Văn chương phong phú đẹp tựa ráng mây.
Sự nghiệp kinh luân tươi như hoa gấm.

欲 知 世 上 經 綸 美
試 看 機 頭 組 織 工
Dục tri thế thượng kinh luân mỹ.
Thí khán cơ đầu tổ chức công.
Muốn biết trên đời may mặc đẹp
Thử xem máy móc khéo gia công.

掌 握 千 絲 織 就 中 天 美 錦
胸 羅 萬 象 繡 成 上 宛 奇 葩
Chưởng ác thiên ty chức tựu trung thiên mỹ cẩm.
Hung la vạn tượng tú thành thượng uyển kỳ ba.
Nắm giữ ngàn tơ, dệt được giữa trời gấm đẹp.
Bụng giàn muôn vẻ, thêu nên thượng uyển kỳ hoa.

尺 量 神 韻
剪 得 風 流
Xích lượng thần vận.
Tiễn đắc phong lưu.
Thước đo khéo léo.
Lưỡi kéo phong lưu.

金 針 堪 度 世
玉 尺 待 量 才
Kim châm kham độ thế.
Ngọc xích đãi lượng tài.
Kim vàng để giúp đời.
Thước ngọc chờ người giỏi.

金 針 鳳 舞
玉 尺 龍 飛
Kim châm phượng vũ
Ngọc xích long phi.
Kim vàng phượng múa.
Thước ngọc rồng bay.

花 隨 玉 指 添 春 色
聲 引 秋 絲 逐 曉 風
Hoa tuỳ ngọc chỉ thiêm xuân sắc.
Thanh dẫn thu ty trục hiểu phong.
Hoa nhờ tay ngọc thêm xuân sắc.
Thanh dẫn tơ thu đuổi gió mai.

寒 衣 熨 出 春 風 暖
彩 線 添 成 瑞 氣 多
Hàn y uất xuất xuân phong noãn.
Thái tuyến thiêm thành thuỵ khí đa.
Áo rét là xong gió xuân ấm.
Chỉ đẹp khâu rồi lắm khí lành.

一 寸 布 一 寸 絲 物 盡 其 用
不 論 男 不 論 女 量 體 裁 衣
Nhất thốn bố nhất thốn ty vật tận kỳ dụng.
Bất luận nam bất luận nữ lượng thể tài y.
Một tấc vải một tấc tơ vật nào việc ấy.
Không kể nam không kể nữ may áo theo người.

金 剪 裁 成 丹 鳳 舞
銀 針 引 出 彩 鸞 飛
Kim tiễn tài thành đan phượng vũ.
Ngân châm dẫn xuất thái loan phi.
Như phượng múa kéo vàng khéo cắt.
Tựa loan bay kim bạc tài khâu.

萬 線 千 針 化 作 美 中 旋 律
一 刀 一 剪 裁 出 身 上 春 秋
Vạn tuyến thiên châm hoa tác mỹ trung toàn luật.
Nhất đao nhất tiễn tài xuất thân thượng xuân thu.
Muôn sợi ngàn kim, chế tác sản phẩm hoàn mỹ.
Một dao một kéo may thành y phục xuân thu.

銀 針 度 處 功 夫 密
鐵 剪 裁 來 體 制 新
Ngân châm độ xứ công phu mật.
Thiết tiễn tài lai thể chế tân.
Kim bạc đã dành nhiều công sức.
Kéo sắt đưa ra lắm cách tân.

剪 風 裁 龍 激 情 蕩 漾 三 江 水
飛 針 走 線 巧 藝 溫 馨 萬 户 心
Tiễn phong tài long khích tình đãng dạng tam giang thuỷ.
Phi châm tẩu tuyến xảo nghệ ôn hinh vạn hộ tâm.
Thêu cắt rồng mây, khơi tình gợi ý miền sông nước.
Chỉ kim bay lượn, khéo tay hay vẻ thoả lòng người.

男 添 庄 重 女 增 俏
夏 透 風 涼 冬 御 寒
Nam thiêm trang trọng nữ tăng tiếu.
Hạ thấu phong lương đông ngự hàn.
Nam thêm trang trọng nữ thời xinh.
Hạ cho thoáng mát đông không rét.

獨 運 匠 心 花 樣 般 般 人 滿 意
巧 施 妙 手 新 衣 件 件 客 稱 心
Độc vận tượng tâm, hoa dạng ban ban nhân mãn ý.
Xảo thi diệu thủ, tân y kiện kiện khách xứng tâm.
Mình thợ tìm tòi, vẻ hoa khiến bao người đẹp ý.
Khéo tay hết mực, áo mới làm cho khách vừa lòng.

針 腳 密 精 縫 巧 做
技 藝 高 折 舊 翻 新
Châm cước mật tinh phùng xảo tố.
Kỹ nghệ cao sách cựu phiên tân.
Tay kim giỏi khâu hay may đẹp.
Công nghệ cao cũ bỏ mới thay.

剪 制 千 匹 布
針 縫 萬 種 衣
Tiễn chế thiên sất bố.
Châm phùng vạn chủng y.
Cắt may ngàn tấm vải.
Kim khâu vạn áo quần.

輕 黃 淡 綠 齊 生 色
紗 紫 嫣 紅 總 入 時

Khinh hoàng đạm lục tề sinh sắc.
Sa tử yên hồng tổng nhập thời.
Vàng phai xanh nhạt đều khoe sắc.
Tía đẹp hồng tươi thảy hợp thời.

愿 將 天 上 雲 霞 色
化 作 人 間 錦 繡 裳

Nguyện tương thiên thượng vân hà sắc.
Hoá tác nhân gian cẩm tú thường.
Muốn đem màu sắc mây thiên giới.
Làm ra gấm vóc áo nhân giam.

成 衣 久 享 精 工 譽
西 服 遠 傳 巧 技 名

Thành y cửu hưởng tinh công dự.
Tây phục viễn truyền xảo kỹ danh.
Kiểu nội nức khen tay thợ khéo.
Hàng âu nổi tiếng kỹ thuật cao.

時 裝 任 我 精 心 制
美 服 請 君 合 意 挑

Thời trang nhậm ngã tinh tâm chế.
Mỹ phục thỉnh quân hợp ý khiêu.
Thời trang hãy để tôi tinh chế.
Kiểu đẹp xin nhường ông chọn thay.

人 受 凍 寒 非 我 愿
世 皆 溫 暖 是 吾 心

Nhân thụ đống hàn phi ngã nguyện.
Thế giai ôn noãn thị ngô tâm.
Người đời rét mướt đâu mình muốn.
Thế gian ấm áp hợp lòng ta.

雲 錦 托 出 一 輪 月
時 裝 擁 來 萬 朵 花

Vân cẩm thác xuất nhất luân nguyệt.
Thời trang ủng lai vạn đoá hoa.
Mây gấm một vành trăng lấp ló.
Thời trang muôn đoá hoa ganh đua.

剪 綠 裁 紅 妝 麗 色
挑 花 繡 蕊 美 儀 容
Tiễn lục tài hồng trang lệ sắc.
Khiêu hoa tú nhuỵ mỹ nghi dung.
Cắt lục may hồng tô vẻ đẹp.
Khâu hoa thêu nhuỵ điểm dung nhan.

肥 瘦 短 長 皆 有 度
細 精 表 里 是 其 能
Phì sấu đoản trường giai hữu độ.
Tế tinh biểu lý thị kỳ năng.
Gầy béo ngắn dài đều có mức.
Trong ngoài tinh tế ở tài năng.

來 料 加 工 隨 時 方 便
行 針 走 線 到 處 均 勻
Lai liệu gia công tuỳ thời phương tiện.
Hành châm tẩu tuyến đáo xứ quân câu.
Vật liệu gia công tuỳ thời cắt đặt.
Đường kim mũi chỉ mọi chỗ phải đều.

有 冠 眞 秀 氣
此 帽 最 宜 人
Hữu quan chân tú khí.
Thử mạo tối nghi nhân.
Có khăn khí tượng đẹp.
Đội mũ ra dáng người.

對 鏡 掠 鬢 宜 麗 盾
簪 花 抹 額 助 新 裝
Đối kính lược mấn nghi lệ thuẫn.
Trâm hoa mạt ngạch trợ tân trang.
Soi gương chải tóc mong làm đẹp.
Cài hoa vuốt trán tự tân trang.

脫 幘 無 心 惊 露 頂
請 纓 有 路 喜 彈 冠
Thoát trách vô tâm kinh lộ đỉnh.
Thỉnh anh hữu lộ hỷ đàn quan.
Bỏ khăn vô ý sợ hở đầu.
Xin dải có lời mừng được mũ.

步 月 凌 雲 去
登 堂 入 室 來
Bộ nguyệt lăng vân khứ.
Đăng đường nhập thất lai.
Trăng bước, dẫm mây - đi.
Lên nhà, vào cửa - đến.

看 去 澤 然 忘 白 雪
步 來 還 得 映 青 雲
Khán khứ trạch nhiên vong bạch tuyết.
Bộ lai hoàn đắc ánh thanh vân.
Bước ra thoải mái quên trời tuyết.
Dạo về là lúc rạng mây xanh.

橋 邊 墜 去 留 侯 取
天 畔 飛 來 葉 令 歸
Kiều biên truỵ khứ lưu hầu thủ.
Thiên bạn phi lai diệp lệnh quy.
Bên cầu rơi xuống đành đợi nhặt.
Trên trời bay lại lá khiến về.

前 程 遠 大 腳 根 須 站 穩
工 作 浩 繁 步 驟 要 分 清
Tiền trình viễn đại cước căn tu trạm ổn.
Công tác hạo phồn bộ sậu yếu phân thanh.
Dặm thẳng đường xa bàn chân cần giữ ổn.
Tần phiền công tác các bước phải phân minh.

底 硬 絮 柔 力 敵 千 鈞 何 懼 踩
山 高 路 遠 步 隨 萬 里 敢 辭 勞
Để ngạnh bang nhu lực địch thiên quân hà cụ thái.
Sơn cao lộ viễn bộ tuỳ vạn lý cảm từ lao.
Đế cứng chân mềm sức chịu ngàn cân không ngại giẫm.
Non cao đường thẳm bước chân muôn dặm dám từ nan.

尺 碼 自 家 尋 大 小 深 淺 須 合 意
式 樣 由 君 選 婦 孺 老 壯 各 隨 心
Xích mã tự gia tầm đại tiểu thâm thiển tu hợp ý.
Thức dạng do quân tuyển phụ nhụ lão tráng các tuỳ tâm.
Kích cỡ chọn tùy người, to nhỏ sâu nông cần hợp ý.
Kiểu dáng lựa do khách, trẻ già trai gái hãy tuỳ tâm.

雪 花 資 潤 澤
香 水 溢 芬 芬
Tuyết hoa tư nhuận trạch.
Hương thuỷ dật phân phân.
Bông tuyết vẻ tươi sáng.
Nước hoa hương ngát thơm.

濃 淡 隨 人 著
芬 芬 入 座 馨
Nùng đạm tuỳ nhân trước.
Phân phân nhập toạ hinh.
Nhạt nồng tuỳ người chọn.
Hương ngát vào nhà thơm.

蝶 粉 香 迷 白
燕 脂 色 潤 紅
Điệp phấn hương mê bạch.
Yến chi sắc nhuận hồng.
Phấn hương bướm mờ trắng.
Son sắc én tươi hồng.

晶 瓶 香 滴 黃 金 露
粉 靨 膏 途 白 玉 霜
Tinh bình hương trích hoàng kim lộ.
Phấn diệp cao đồ bạch ngọc sương.
Bình pha lê chứa rượu hoàng kim.
Cao phấn bướm đồ sương bạch ngọc.

蝶 繞 蜂 圍 渾 欲 醉
花 香 粉 氣 不 分 明
Điệp nhiễu phong vi hồn dục tuý.
Hoa hương phấn khí bất phân minh.
Bướm lượn ong vây rày nghiêng ngả.
Hương hoa hơi phấn khó phân minh.

香 送 春 風 令 我 醉
粉 添 花 氣 襲 人 來
Hương tống xuân phong linh ngã tuý.
Phấn thiêm hoa khí tập nhân lai.
Hương xuân quyện gió khiến mình say.
Vẻ hoa giồi phấn cho người chuộng.

百 美 圖 中 最 宜 熏 染
眾 香 國 里 別 具 姿 容
Bách mỹ đồ trung tối nghi huân nhiễm.
Chúng hương quốc lý biệt cụ tư dung.
Vẻ đẹp như tranh vẫn cần xức hương.
Nước hoa nội hoá đủ để trang điểm.

蝶 粉 迷 香 翩 翩 入 夢
燕 脂 潤 色 躍 躍 欲 仙
Điệp phấn mê hương phiên phiên nhập mộng.
Yên chi nhuận sắc dược dược dục tiên.
Phấn bướm mê hương mơ màng cõi mộng.
Son yến nhuận sắc háo hức thành tiên.

粉 琢 紅 妝 丰 肌 生 色
香 飄 綠 野 麗 盾 增 芬
Phấn trác hồng trang phong cơ sinh sắc.
Hương phiêu lục dã lệ thuẫn tăng phân.
Phấn điểm son tô làn da tươi mát.
Hương bay đồng nội vẻ đẹp càng tăng.

膚 滑 脂 凝 水 流 香 膩
光 分 月 白 色 映 妝 紅
Phu hoạt chi ngưng thuỷ lưu hương nhị.
Quang phân nguyệt bạch sắc ánh trang hồng.
Da thịt mịn màng thơm hương nước đọng.
Trăng sáng vằng vạc rực rỡ ánh hồng.

隨 時 而 動
不 叩 自 鳴
Tuỳ thời nhi động.
Bất khấu tự minh.
Theo giờ mà chuyển.
Chẳng gõ cũng kêu.

二 十 四 時 憑 我 報
萬 千 百 事 任 君 行
Nhị thập tứ thời bằng ngã báo.
Vạn thiên bách sự nhậm quân hành.
Hai mươi bốn giờ theo tớ báo.
Trăm ngàn vạn việc hãy tuỳ ông.

萬 千 星 斗 心 胸 里
十 二 時 辰 手 脘 間
Vạn thiên hung đẩu tâm hung lý.
Thập nhị thời thần thủ uyển gian.
Ngàn vạn sao trong lòng bắc đẩu.
Mười hai giờ kim chỉ thời gian.

能 于 細 處 求 精 确
慣 与 時 間 較 恒 長
Năng vu tế xứ cầu tinh xác.
Quán dữ thời gian giảo đoản trường.
Cầu chính xác ở nơi tinh tế.
So ngắn dài đối với thời gian.

千 秋 偉 業 千 秋 福
一 寸 光 陰 一 寸 金
Thiên thu vĩ nghiệp thiên thu phúc.
Nhất thốn quang âm nhất thốn kim.
Ngàn năm nghiệp lớn ngàn năm phúc.
Một tấc thời gian một tấc vàng.

儲 蓄 有 利 利 國 利 己 利 社 會
存 款 方 便 便 你 便 他 便 人 民
Trữ súc hữu lợi lợi quốc lợi kỷ lợi xã hội.
Tồn khoản phương tiện tiện nhĩ tiện tha tiện nhân dân.
Để dành có lợi, lợi nước, lợi mình , lợi xã hội.
Gửi tiền có ích, ích mình, ích người, ích nhân dân.

鼓 勵 儲 蓄 活 期 定 期 各 自 便
歡 迎 户 主 存 款 取 款 常 往 來
Cổ lệ trữ súc hoạt kỳ định kỳ các tự tiện.
Hoan nghinh hộ chủ tồn khoản thủ khoản thường văng lai.
Khuyến khích gửi tiền, dài hạn, ngắn hạn, xin tuy tiện.
Hoan nghênh chủ hộ, khoản dư, khoản rút, vẫn ra vào.

錢 是 勞 動 所 得 切 莫 揮 霍 浪 費
儉 乃 持 家 之 本 還 要 細 水 長 流
Tiền thị lao động sở đắc thiết mạc huy hoắc lãng phí.
Kiệm nãi trì gia chi bản hoàn yêu tế thuỷ trường lưu.
Tiền do lao động mà ra, chớ có tiêu xài lãng phí.
Kiệm để giữ nhà là gốc, nên hay dòng nhỏ chảy lâu.

年 年 月 月 動 動 儉 儉 積 積 撒 撒 家 家 富 富 裕 裕
去 去 來 來 取 取 存 存 角 角 元 元 户 户 歡 歡 欣 欣

Niên niên nguyệt nguyệt cần cần kiệm kiệm tích tích tán tán gia gia phú phú dụ dụ.
Khứ khứ lai lai thủ thủ tồn tồn giác giác nguyên nguyên hộ hộ hoan hoan hân hân.

Năm năm tháng tháng, cần cần, kiệm kiệm, tích tích, tán tán, nhà nhà, giàu giàu, có có.
Đi đi, lại lại, rút rút, tồn tồn, hào hào, đồng đồng, hộ hộ, vui vui, vẻ vẻ.

就 我 生 春 色
爲 君 飾 美 容

Tựu ngã sinh xuân sắc.
Vị quân sức mỹ dung.

Đến tôi tươi xuân sắc.
Vì ngài đẹp mặt mày.

手 中 試 巧 技
頭 上 呈 技 能

Thủ trung thí xảo kỹ.
Đầu thượng trình kỹ năng.

Trong tay phô kỹ xảo.
Trên đầu diễn tài năng.

但 教 身 入 座
免 使 發 沖 冠

Đãn giao thân nhập toạ.
Miễn xử phát xung quan.

Đã bảo ngồi vào ghế.
Xin đừng để bực mình.

館 内 皆 春 色
人 來 盡 美 容

Quán nội giai xuân sắc.
Nhân lai tận mỹ dung.

Trong quán đều sắc xuân
Người đến rạng mặt mày.

逢 人 皆 体 面
遇 我 盡 升 冠

Phùng nhân giai thể diện.
Ngộ ngã tận thăng quan.
Đón người đều tươi mặt.
Gặp tớ cất mũ ngay.

進 去 烏 頭 學 子
出 來 白 面 書 生
Tiến khứ ô đầu học tử.
Xuất lai bạch diện thư sinh.
Bước vào đầu đen học việc.
Đi ra mặt trắng thư sinh.

到 來 盡 是 彈 冠 客
此 去 應 無 搔 首 人
Đáo lai tận thị đàn quan khách.
Thử khứ ưng vô tao thủ nhân.
Lúc vào đều thấy khách phủi mũ.
Khi ra không có kẻ gãi đầu.

不 教 白 髮 催 人 老
便 使 春 風 滿 面 生
Bất giao bạch phát thôi nhân lão.
Tiện sử xuân phong mãn diện sinh.
Chớ gieo tóc trắng lên đầu lão.
Hãy thổi hơi xuân để mặt tươi.

雲 鬢 理 就 通 身 俏
花 發 妝 成 滿 面 春
Vân mấn lý tựu thông thân tiếu.
Hoa phát trang thành mãn diện xuân.
Tóc mai gọn ghẽ trông càng đẹp.
Sang sửa làm cho vẻ mặt xuân.

手 中 巧 藝 翻 雲 浪
頭 上 精 工 綻 霧 花
Thủ trung xảo nghệ phiên vân lãng.
Đầu thượng tinh công điện vụ hoa.
Rõ khéo bàn tay gây sóng lượn.
Tuyệt vời mái tóc nở mây hoa.

士 行 端 宜 新 耳 目
人 情 元 貴 美 須 眉

Sỹ hành đoan nghi tân nhĩ mục.
Nhân tình nguyên quý mỹ tu my.
Khách chuộng đoan trang mới tai mắt.
Nhân tình vốn thích đẹp mày râu.

創人間頭等事業
理世上不平東西
Sáng nhân gian đầu đẳng sự nghiệp.
Lý thế thượng bất bình đông tây.
Dựng sự nghiệp đè đầu nhân thế.
Sửa đông tây những chỗ bất bình.

壓花卷浪隨人意
齊額披眉任客挑
Áp hoa quyển lãng tuỳ nhân ý
Tề ngạch phi my nhiệm khách khiêu.
Tươi hoa lượn sóng, tuỳ người muốn.
Bằng trán cong my, ý khách chiều.

善心不欲世人老
巧手能教顏面新
Thiện tâm bất dục thế nhân lão.
Xảo thủ năng giáo nhan diện tân.
Tốt bụng chẳng mong ai đấy lão.
Khéo tay hay khiến mặt người tươi.

燙發推頭除舊貌
吹風修面換新容
Thang phát suy đầu trừ cựu mạo.
Suy phong tu diện hoán tân dung.
Uốn tóc gội đầu thay vẻ cũ.
Sấy khô cạo mặt mới dung nhan.

磨礪以須工夫純熟
及鋒而試手段精良
Ma lệ dĩ tu công phu thuần thục.
Cập phong nhi thí thủ đoạn tinh lương.
Mài giũa đã xong công phu thành thạo.
Sắc nhọn đem dùng tay nghề tinh thông.

細理烏絲容光增几許
巧梳青鬢春色麗無邊

Tế lý ô ty dung quang tằng kỷ hứa.
Xảo sơ thanh mấn xuân sắc lệ vô biên.
Kẽ tóc chân tơ dung nhan tăng vẻ đẹp.
Tóc mai chải khéo xuân sắc thắm vô cùng.

椅 隨 人 轉 容 新 兼 貌 美
鏡 對 目 張 笑 逐 幷 顏 開

Ỷ tuỳ nhân chuyển dung tân kiêm mạo mỹ.
Kính đối mục trương tiếu trục tịnh nhan khai.
Ghế liệu xoay người dáng mới vẻ thêm đẹp.
Gương treo trước mặt cười tươi mặt sáng ngời.

幽 香 襲 人 人 不 由 以 進 店
春 風 吹 我 我 又 年 輕 出 門

U hương tập nhân nhân bất do dĩ tiến điếm.
Xuân phong suy ngã ngã hựu niên khinh xuất môn.
Hương thầm quyến rũ, mọi người thoải mái vào hiệu.
Gió xuân mát rượi, mình ta trẻ lại bước ra.

順 理 成 章 堆 雲 卷 霧 皆 如 意
得 心 應 手 截 短 流 長 悉 合 時

Thuận lý thành chương đôi vân quyển vụ giai như ý.
Đắc tâm ứng thủ tiệt đoản lưu trường tất hợp thời.
Thuận nhẽ mới hay, sương cuộn mây dồn đều xứng ý.
Vừa lòng thêm hứng, để dài cắt ngắn vẫn theo thời.

艾 早 三 年 蓄
功 堪 百 病 除

Ngải tảo tam niên súc.
Công kham bách bệnh trừ.
Ngải ba năm lo trữ.
Trị trăm bệnh đều hay.

所 言 皆 葯 石
立 意 盡 慈 悲

Sở ngôn giai dược thạch.
Lập ý tận từ bi.
Lời nói đều phương thuốc.
Lập ý thảy từ bi.

人 期 勿 葯 有 喜
我 自 立 心 不 欺

Nhân kỳ vật dược hữu hỷ.
Ngã tự lập tâm bất khi.
Mừng thấy cả đời không thuốc.
Chớ nhờn thấy được yên thân.

但 愿 世 間 人 益 健
不 愁 架 上 葯 生 塵

Đãn nguyện thế gian nhân ích kiện.
Bất sầu giá thượng dược sinh trần.
Những muốn thế gian người mạnh sức.
Lo chi trên giá thuốc bụi trùm.

世 間 本 乏 長 生 術
海 外 何 求 不 老 丹

Thế gian bản phạp trường sinh thuật.
Hải ngoại hà cầu bất lão đan.
Thế gian vốn thiếu thuật trường sinh.
Ngoài biển cần gì đan bất lão.

雖 無 劉 阮 逢 仙 術
只 效 岐 黃 濟 世 心

Tuy vô Lưu, Nguyễn phùng tiên thuật.
Chỉ hiệu Kỳ, Hoàng tế thế tâm.
Không theo Lưu, Nguyễn gặp người tiên.
Bắt chước Kỳ, Hoàng lo cứu thế.

深 明 佐 使 君 臣 禮
遠 萃 東 西 南 北 材

Thâm minh tá sử quân thần lễ.
Viễn tuỵ đông tây nam bắc tài.
Hiểu sâu phép ứng dụng vua tôi.
Nổi tiếng tài đông tây nam bắc.

欲 向 市 中 求 妙 葯
須 知 海 內 有 奇 方

Dục hướng thị trung cầu diệu dược.
Tu tri hải nội hữu kỳ phương.
Hướng tới bên ngoài cầu thuốc tốt.
Nên hay trong nước có phương hay.

花 放 杏 林 滋 氣 雪
葯 生 蘭 室 補 肢 身

Hoa phóng hạnh lâm từ khí huyết.
Dược sinh lan thất bổ chi thân.
Rừng hạnh nở hoa tươi khí huyết.
Vườn lan trồng thuốc bổ chi thân.

普濟有仁心願諸君平康無事
太和養氣福應知我醫藥有方
Phổ tế hữu nhân tâm nguyện chư quân bình khang vô sự.
Thái hoà dưỡng khí phúc ưng tri ngã y dược hữu phương.
Chữa chạy có lòng nhân, những muốn mọi người bình an vô sự.
Hoà nhã chăm nuôi khí phúc nên hay ta nay y dược có phương.

到此且歇足
客至便爲家
Đáo thử thả yết túc.
Khách chí tiện vi gia.
Đến đây hãy nghỉ chân.
Khách coi như nhà mình.

莫言身是寄
能使客如歸
Mạc ngôn thân thị ký.
Năng sử khách như quy.
Đừng nói mình ở gửi.
Hay khiến khách như về.

相逢本萍水
小住勝親朋
Tương phùng bản bình thuỷ.
Tiểu trú thắng thân bằng.
Gặp nhau như bèo nước.
Cùng trọ hơn bạn thân.

東西南北客
兄弟姐妹情
Đông tây nam bắc khách.
Huynh đệ thư muội tình.
Khách đông tây nam bắc.
Tình anh em chị em.

進門都是客
到店即爲家

Tiến môn đô thị khách.
Đáo điếm tức vi gia.
Vào cửa đều là khách.
Đến quán tức là nhà.

共對一登影
相逢萬里人
Cộng đối nhất đăng ảnh.
Tương phùng vạn lý nhân.
Đèn một ngọn chung nhau.
Người muôn dặm gặp gỡ.

八方客願住
四貴店如春
Bát phương khách nguyện trú.
Tứ quý điếm như xuân.
Tám phương khách muốn trọ.
Bốn mùa quán như xuân.

接待八方旅客
歡迎四海親人
Tiếp đãi bát phương lữ khách.
Hoan nghinh tứ hải thân nhân.
Tiếp đón lữ khách tám phương.
Hoan nghênh người thân bốn biển.

鄉夢不隨春夜永
客思千向雨聲多
Hương mộng bất tuỳ xuân dạ vĩnh.
Khách tư thiên hướng vũ thanh đa.
Đêm xuân đâu mãi cùng mộng đẹp.
Mưa nhiều khiến khách lắm suy tư.

煙外暮鍾催倦鳥
林間殘照促歸人
Yên ngoại mộ chung thôi quyện điểu.
Lâm gian tàn chiếu xúc quy nhân.
Chuông chùa, khói toả, xua chim mỏi.
Bóng xế, rừng sâu, giục khách về.

萍 水 相 逢 如 老 友
停 車 暫 住 似 歸 家
Bình thuỷ tương phùng như lão hữu.
Đình xa tạm trú tự quy gia.
Bèo nước gặp nhau, như bạn cũ.
Dừng xe trọ tạm, tựa về nhà.

銀 星 未 出 先 投 宿
曉 日 方 明 赶 路 程
Ngân tinh vị xuất tiên đầu túc.
Hiểu nhật phương minh hãn lộ trình.
Sao hôm sắp mọc, nên tìm trọ.
Sớm mai rạng sáng, hãy lên đường.

棲 曲 有 雲 皆 獻 瑞
房 幽 無 地 不 生 香
Sạn khúc hữu vân giai hiến thuỵ.
Phòng u vô địa bất sinh hương.
Quanh nhà mây phủ đều tươi vẻ.
Phòng vắng nơi nào cũng có hương.

迎 來 春 夏 秋 冬 客
温 暖 東 西 南 北 人
Nghinh lai xuân hạ thu đông khách.
Ôn noãn đông tây nam bắc nhân.
Hoan nghênh khách thu đông xuân hạ.
Ấm áp người nam bắc tây đông.

日 將 夕 矣 君 宜 住
雞 既 鳴 之 我 不 留
Nhật tương tịch hỹ quân nghi trú.
Kê ký minh chi ngã bất lưu.
Trời đã xế chiều xin giữ khách.
Gà đang gáy sáng dám lưu người.

幽 齋 特 下 高 人 榻
古 道 頻 來 長 者 車
U trai đặc hạ cao nhân tháp.
Cổ đạo tần lai trưởng giả xa.
Phòng vắng giường riêng dành khách quý.
Lối xưa xe ngựa rộn người sang.

鴻 鴈 遠 去 皆 人 大 地 春 暖
旅 客 常 來 只 爲 小 店 情 深
Hồng nhạn viễn khứ giai nhân đại địa xuân noãn.
Lữ khách thường lai chỉ vị tiểu điếm tình thâm.
Hồng nhạn bay xa, cũng bởi nơi kia xuân ấm.
Lữ khách tìm đến, là do quán nhỏ tình sâu.

春 夏 秋 冬 一 歲 川 流 不 息
東 西 南 北 四 方 賓 至 如 歸
Xuân hạ thu đông nhất tuế xuyên lưu bất tức.
Đông tây nam bắc tứ phương tân chí như quy.
Một năm xuân hạ thu đông, thời gian chẳng nghỉ.
Bốn phương đông tây nam bắc, khách đến như về.

隨 來 隨 吃 如 流 水
有 飯 有 湯 供 客 人
Tuỳ lai tuỳ ngật như lưu thuỷ.
Hữu phạn hữu thang cung khách nhân.
Tuỳ lại, tuỳ chén, như nước chảy.
Có cơm, có canh cho khách ăn.

飯 熱 菜 香 春 滿 店
窗 明 几 淨 客 如 雲
Phạn nhiệt thái hương xuân mãn điếm.
Song minh kỷ tĩnh khách như vân.
Cơm nóng rau thơm xuân chật quán.
Nhà quang ghế sạch khách như mây.

甘 旨 爲 惊 雲 外 客
流 霞 香 染 月 中 泉
Cam chỉ vị kinh vân ngoại khách.
Lưu hà hương nhiễm nguyệt trung tuyền.
Vị ngon ngọt khách ngoài kinh ngạc.
Rượu thơm lừng trăng nước đượm hương.

喜 迎 故 客 品 佳 饌
長 送 春 風 開 笑 顏
Hỷ nghinh cố khách phẩm giai soạn.
Trương tống xuân phong khai tiếu nhan.
Chào mừng quý khách món ngon tuyệt.
Tiễn đưa gió mát vẻ cười tươi.

無 人 不 道 佳 看 美
有 客 常 來 滿 座 春
Vô nhân bất đạo giai khan mỹ.
Hữu khách thường lai mãn toạ xuân.
Chẳng ai không nói hay khen đẹp.
Có khách thường thăm mọi chốn xuân.

五 味 烹 調 香 萬 里
三 鮮 蒸 炙 樂 千 家
Ngũ vị phanh điều hương vạn lý.
Tam tiên chưng chá lạc thiên gia.
Năm vị nấu xào hương vạn dặm.
Ba tươi chưng rán thích ngàn nhà.

有 名 店 店 有 名 名 揚 四 海
迎 客 樓 樓 迎 客 客 滿 一 堂
Hữu danh điếm điếm hữu danh danh dương tứ hải.
Nghinh khách lâu lâu nghinh khách khách mãn nhất đường.
Nổi tiếng quán, quán nổi tiếng, tiếng vang bốn biển.
Đón khách lầu, lầu đón khách, khách đầy một nhà.

烹 調 膞 食 物 美 價 廉 味 道 好
精 做 菜 看 花 樣 齊 全 營 養 高
Phanh điều chiên thực vật mỹ giá liêm vị đạo hảo.
Tinh tố thái khan hoa dạng tề toàn doanh dưỡng cao.
Nấu bữa ăn, món ăn ngon, giá rẻ, ăn ngon miệng.
Làm rau tươi, xem vẻ đẹp, chu toàn, dinh dưỡng cao.

今 飪 古 烹 拈 來 五 味 調 奇 味
中 肴 西 饌 匯 集 一 家 創 名 家
Kim nhẫm cổ phanh niêm lai ngũ vị điều kỳ vị.
Trung hào tây soạn hối tập nhất gia sáng danh gia.
Nấu xưa, nấu nay, vẫn từ năm vị thành kỳ vị.
Cơm Âu, cơm Á, chung đúc một nhà nổi danh gia.

緬 可 充 飢 請 坐 下 品 嘗 兩 碗
酒 能 解 泛 快 進 來 喝 上 几 杯
Miến khả sung cơ thỉnh toạ hạ phẩm thưởng lưỡng uyển.
Tửu năng giải phiếm khoái tiến lai hát thượng kỷ bôi.
Mỳ giúp đỡ đói, xin mời ngồi, xơi tạm vài lưng.
Rượu hay gợi chuyện, hãy rót nhanh, uống chơi mấy chén.

座 上 客 常 滿
杯 中 酒 不 空
Toạ thượng khách thường mãn.
Bôi trung tửu bất không.
Khách thường đến ngồi đầy.
Rượu trong chén chẳng vơi.

店 好 天 家 頌
罍 開 十 里 香
Điếm hảo thiên gia tụng.
Đàm khai thập lý hương.
Quán tốt nghìn nhà khen.
Vò mở mười dặm ngát.

舉 杯 邀 月 飲
拍 手 踏 春 風
Cử bôi yêu nguyệt ẩm.
Phách thủ đạp xuân phong.
Nâng chén mời trăng uống.
Vỗ tay đón gió xuân.

一 樓 風 月 當 酣 飲
萬 里 雲 天 醒 醉 眸
Nhất lâu phong nguyệt đương cam ẩm.
Vạn lý vân thiên tỉnh tuý mâu.
Một lầu trăng gió mềm môi uống.
Muôn dặm trời mây tỉnh mắt say.

勸 君 更 盡 一 杯 酒
与 你 同 銷 萬 古 愁
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu.
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.
Mời ông uống cạn một ly rượu.
Cùng bạn quên đi muôn thuở sầu.

劉 伶 借 問 誰 家 好
李 白 還 言 此 處 佳
Lưu Linh tá vấn thuỳ gia hảo.
Lý Bạch hoàn ngôn thử xứ giai,
Lưu Linh ướm hỏi rượu đâu tốt.
Lý Bạch liền khoe chỗ này ngon.

水 如 碧 玉 山 如 黛
酒 滿 金 樽 月 滿 樓
Thuỷ như bích ngọc sơn như đại.
Tửu mãn kim tôn nguyệt mãn lâu.
Nước như ngọc bích, núi như vẽ.
Rượu đầy chén vàng, trăng đầy lầu.

一 榻 暗 香 熏 醉 夢
千 峰 秀 色 送 余 杯
Nhất tháp ám hương huân tuý mộng.
Thiên phong tú sắc tống dư bôi.
Rượu ngon một hũ, hương say mộng.
Cảnh đẹp ngàn non, cạn chén mời.

山 徑 摘 花 舂 釀 酒
竹 窗 留 月 夜 煎 茶
Sơn kính trích hoa xuân nhưỡng tửu.
Trúc song lưu nguyệt dạ tiên trà.
Lên núi hoa xuân hái ủ rượu.
Ngoài song trăng chiếu tiệc trà khuya.

座 上 月 明 對 美 酒
籬 邊 人 醉 詠 黃 花
Toạ thượng nguyệt minh đối mỹ tửu.
Ly biên nhân tuý vịnh hoàng hoa.
Rượu ngon trước mặt, trăng ngời sáng.
Thơ cúc bên rào, ai say ngâm.

沽 酒 客 來 風 亦 醉
賣 花 人 去 路 還 香
Cô tửu khách lai phong diệc tuý.
Mại hoa nhân khứ lộ hoàn hương.
Rượu mua khách đến làm say gió.
Hoa bán, người đi đường thoảng hương.

香 分 花 上 路
水 汲 石 中 泉
Hương phân hoa thượng lộ.
Thuỷ hấp thạch trung tuyền.
Hoa sương đọng toả hương.
Đá suối nguồn ngấm nước.

煮 沸 三 江 水
同 飲 五 岳 茶
Chử phí tam giang thuỷ.
Đồng ẩm ngũ nhạc trà.
Đun sôi nước tam giang.
Cùng uống trà ngũ nhạc.

佳 肴 無 肉 可
清 談 離 我 難
Giai hào vô nhục khả.
Thanh đàm ly ngã nan.
Thức ngon thiếu thịt - được.
Bàn suông vắng tớ – không.

金 雞 未 唱 水 先 沸
旭 日 東 升 茶 溢 香
Kim kê vị xướng thuỷ tiên phí.
Húc nhật đông thăng trà dật hương.
Gà chưa kịp gáy, hãy đun nước.
Sáng mới hừng đông, ngát hương trà.

茶 亦 醉 人 何 必 酒
書 能 香 我 不 須 花
Trà diệc tuý nhân hà tất tửu.
Thư năng hương ngã bất tu hoa.
Trà cũng say người, đâu cứ rượu.
Sách thơm lây tớ, chẳng cần hoa.

身 健 都 緣 餐 肉 少
請 清 只 爲 飲 茶 多
Thân kiện đô duyên san nhục thiểu.
Thi thanh chỉ vị ẩm trà đa.
Người khỏe cùng nhờ ăn ít thịt.
Thơ hay chỉ tại uống nhiều trà

熏 心 只 覺 濃 于 酒
人 口 方 知 氣 勝 蘭
Huân tâm chỉ giác nùng vu tửu.
Nhập khẩu phương tri khí thắng lan.
Trong bụng chỉ ngất ngây về rượu.
Uống vào hay ngào ngạt hơn lan.

爲愛清香頻入座
欣同知己細談心
Vị ái thanh hương tần nhập toạ.
Hân đồng tri kỷ tế đàm tâm.
Vì chuộng hương thanh hay đến chỗ.
Thích cùng tri kỷ chuyện riêng tư.

幽借山巔雲霧盾
香憑崖畔蕙蘭魂
U tá sơn điên vân vụ thuẫn.
Hương bằng nhai bạn huệ lan hồn.
Mây khói đầu non u tịch lắm.
Huệ lan khe nước đượm hương nhiều.

翠葉煙騰冰碗碧
綠茅光照玉甌青
Thuý diệp yên đằng băng uyển bích.
Lục mao quang chiếu ngọc âu thanh.
Lá biếc, khói lan, băng bát biếc.
Nhà tranh ánh chiếu, ngọc âu xanh.

松濤烹雪醒詩夢
竹院浮香起雅思
Tùng đào phanh tuyết tỉnh thi mộng.
Trúc viện phù hương khởi nhã tư.
Tùng reo, tuyết chảy, tỉnh hồn thơ.
Trúc viện, hương bay, nâng tứ nhã.

刻刻催人思警省
聲聲勸你惜光陰
Khắc khắc thôi nhân tư cảnh tỉnh.
Thanh thanh khuyến nhĩ tích quang âm.
Tích tắc giục người nên sớm tỉnh.
Loong coong khuyên bạn tiếc thời gian.

非從朝暮觀時刻
要識光陰似箭梭
Phi tòng triêu mộ quan thời khắc.
Yêu thức quang âm tự tiễn thoa.
Đâu chỉ sớm hôm xem giờ giấc.
Nên biết thời gian tựa thoi đưa.

歸 三 百 六 旬 于 掌 握
羅 二 十 八 宿 在 心 胸
Quy tam bách lục tuần vu chưởng ác.
La nhị thập bát tú đại tâm hung.
Ba trăm sáu mươi ngày lo quản lý.
Hai mươi tám vì sao giữ trong tâm.

喜 事 業 興 隆 于 民 得 利
看 秒 分 准 确 爲 國 惜 時
Hỷ sự nghiệp hưng long vu dân đắc lợi.
Khán miểu phân chuẩn xác vị quốc tích thời.
Mừng sự nghiệp vẻ vang cho dân được lợi.
Xem phút giây chuẩn xác vì nước tiếc giờ.

鍾 點 長 敲 當 厚 愛 那 年 年 月 月
表 針 不 懈 應 珍 惜 這 秒 秒 分 分
Chung điểm trường xao đương hậu ái na niên niên nguyệt nguyệt.
Biểu châm bất giải ứng trân tích giá miểu miểu phân phân.
Chuông điểm giờ lâu, nên ưu ái năm năm tháng tháng ấy.
Kim quay không mỏi, phải xót sa phút phút giây giây này.

懸 將 小 日 月
照 徹 大 乾 坤
Huyền tương tiểu nhật nguyệt.
Chiếu triệt để càn khôn.
Đeo như nhật nguyệt nhỏ.
Soi hết vũ trụ lớn.

胸 中 存 灼 見
眼 底 辨 秋 毫
Hung trung tồn chước kiến.
Nhãn để biện thu hào.
Trong lòng nhiều mưu chước.
Đáy mắt rõ tóc tơ.

如 用 之 皆 能 明 也
苟 合 矣 不 亦 樂 乎
Như dụng chi giai đăng minh dã.
Cẩu hợp hỹ bất diệc lạc hồ.
Nếu đeo vào, đều thấy sáng rõ.
May hợp số, chẳng cũng vui sao.

遠 求 海 內 珍 藏 本
快 讀 人 間 未 見 書
Viễn cầu hải nội trân tàng bản.
Khoái độc nhân gian vị kiến thư.
Xa cần bản trong nước lưu giữ.
Ưa đọc sách nhân gian chưa xem.

藏 古 今 學 術 瑰 寶
聚 中 外 文 化 精 華
Tàng cổ kim học thuật khôi bảo.
Tụ trung ngoại văn hoá tinh hoa.
Chứa học thuật quý giá kim cổ.
Tụ tinh hoa văn hóa trong ngoài.

奇 探 二 酉 搜 羅 富
賦 就 三 都 聲 價 高
Kỳ thám nhị dậu sưu la phú.
Phú tựu tam đô thanh giá cao.
Đến thăm nhị dậu[1] tìm nơi có.
Phú tới tam đô[2] giá mới cao.

古 人 都 向 書 中 見
男 子 當 爲 天 下 奇
Cổ nhân đô hướng thư trung kiến.
Nam tử đương vi thiên hạ kỳ.
Cổ nhân đều tìm kiến thức trong sách.
Nam tử nên làm việc lạ thiên hạ.

翰 墨 圖 書 皆 成 風 采
往 來 談 笑 盡 是 鴻 儒
Hàn mặc đồ thư giai thành phong thái.
Vãng lai đàm tiếu tận thị hồng nho.
Văn chương ghi chép, thảy đều tươi vẻ.
Qua lại cười chê, những bậc túc nho.

錦 繡 成 文 原 非 我 有
琳 瑯 滿 目 惟 待 人 求

---

[1] *Nhị dậu*: Hai ngọn núi biểu tượng văn hoá.
[2] *Tam đô*: Ba kinh đô biểu tượng văn hoá.

Cẩm tú thành văn nguyên phi ngã hữu.
Lâm lang mãn mục duy đãi nhân cầu.
Gấm vóc lời văn, ta vốn không có.
Lung linh ngợp mắt, người cần vẫn chờ.

大塊文章百城富有
名山事業千古長留
Đại khối văn chương, bách thành phú hữu.
Danh sơn sự nghiệp, thiên cổ trường lưu.
Khối lớn văn chương, trăm thành xứng giá.
Non danh sự nghiệp, ngàn thuở còn lưu.

聚典籍精華嘉惇後進
匯中西學術樂授新人
Tụ điển tịch tinh hoa gia truyền hậu tiến.
Hối trung tây học thuật, lạc thụ tân nhân.
Thu sách vở tinh hoa, để lại đời sau.
Hợp Á, Âu học thuật, vui trao kẻ mới.

信貸無私爲建設
資金周轉利民生
Tín đại vô tư vị kiến thiết.
Tư kim chu chuyển lợi dân sinh.
Tín dụng vô tư vì kiến thiết.
Tiền vàng chu chuyển, lợi dân sinh.

儲蓄爲盈能聚寶
勤勞如樹可搖錢
Trữ súc vi doanh năng tụ bảo.
Cần lao như thụ khả dao tiền.
Tích góp hàng ngày hay tụ quý.
Siêng năng hôm sớm có thêm tiền.

集少成多節約爲本
化零爲整儲蓄當先
Tập thiểu thành đa tiết ước vi bản.
Hoá linh vi chỉnh trữ súc đương tiên.
Góp ít thành nhiều, tiết kiệm là gốc.
Hoá không thành có, tích luỹ làm đầu.

儲蓄愛國國富民富
勤儉持家家康人康

Trữ súc ái quốc, quốc phú dân phú.
Cần kiệm trì gia, gia khang dân khang.
Gửi tiền yêu nước, nước giàu dân giàu.
Cần kiệm giữ nhà, nhà mạnh người mạnh.

海 上 鯤 鵬 三 萬 里
人 間 甲 子 幾 千 秋

Hải thượng côn bằng tam vạn lý.
Nhân gian giáp tý kỷ thiên thu.
Trên biển côn bằng[1] ba vạn dặm.
Nhân gian tuổi tác mấy nghìn thu.

雲 迷 古 洞 還 丹 室
日 俸 南 山 入 壽 杯

Vân mê cổ động hoàn đan thất.
Nhật bổng Nam sơn nhập thọ bôi.
Vân mê[2] cổ động về đan thất[3];
Nhật bổng sơn Nam[4] nhập chén mừng.

大 椿 翠 浥 千 秋 露
叢 桂 香 飄 萬 里 風

Đại xuân thuý ấp thiên thu lộ;
Tùng quế hương phiêu vạn lý phong.
Cây xuân thắm mượt thiên thu lộ;
Lùm quế hương bay vạn lý phong.

桃 花 已 發 三 千 浪
玉 樹 長 含 萬 里 風

Đào hoa dĩ phát tam thiên lãng;
Ngọc thụ trường hàm vạn lý phong.
Đào hoa đã nở tam thiên lãng[5];
Cây ngọc trường hàm vạn lý phong.

知 命 知 非 成 化 境
言 慈 言 孝 樂 天 倫

---

[1] *Côn, bằng:* Hai loại cá, chim to lớn.
[2] *Vân mê:* Mây bay không định hướng.
[3] *Đan thất:* Nơi luyện thuốc tiên.
[4] *Nhật bổng Nam sơn:* Bưng mặt trời ở núi Nam Sơn.
[5] *Lãng:* Sóng.

Tri mệnh tri phi thành hoá cảnh;
Ngôn từ ngôn hiếu lạc thiên luân.
Biết mệnh biết phi thành thuận cảnh;
Nói từ nói hiếu hợp lẽ trời.

學到知非宏門壽域
年齊大衍共晉霞觴

Học đáo tri phi hoằng môn thọ vực;
Niên tề đại diễn cộng tấn hà thương.
Học đến biết không là đến lĩnh vực lớn;
Tuổi bằng trời đất là vào cùng cực lạc.

頌祝遐齡椿作紀
筵開壽宴海爲樽

Tụng chúc hà linh xuân tác kỷ;
Diên khai thọ yến hải vi tôn.
Chúc tụng tuổi cao xuân vừa tròn kỷ;
Chiếu mừng yến thọ bể tựa chén mời.

耆壽極星占上壽
仲春花甲衍長春

Kỳ thọ cực tinh chiêm thượng thọ;
Trọng xuân hoa giáp diễn trường xuân.
Sáu mươi thọ, nhìn sao xem thượng thọ;
Tháng trọng xuân, tuổi tác hướng trường xuân.

杯傾北海辰初度
頌獻南山甲再週

Bôi khuynh Bắc hải thần sơ độ;
Tụng hiến Nam sơn giáp tái chu.
Bắc hải chén nghiêng thời sơ độ
Nam sơn chúc tụng lại chu kỳ.

敬獻滿觴瞻北斗
還從花甲祝南山

Kính hiến mãn thương chiêm Bắc đẩu;
Hoàn tòng hoa giáp chúc Nam sơn.
Kính hiến chén mừng nhìn Bắc đẩu;
Mong hoàn hoa giáp chúc Nam sơn.

祝遐齡三千歲月
游化日六十春秋

Chúc hà linh tam thiên tuế nguyệt;
Du hoá nhật lục thập xuân thu.
Chúc tuổi thọ ba nghìn năm tháng;
Đã trôi đi sáu chục xuân thu.

花甲逢春酒映青襟春共醉
太山祝壽歌傳白雪壽頻添
Hoa giáp phùng xuân tửu ánh thanh khâm xuân cộng tuý;
Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết thọ tần thiêm.
Hoa giáp[1] mừng xuân rượu ánh thanh khâm[2] xuân say chén;
Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết[3] thọ mấy lần.

從心已紹尼山脈
杖國還徵渭水車
Tòng tâm dĩ thiệu Ni Sơn mạch;
Trượng quốc hoàn trưng Vị Thuỷ xa.
Tâm tuỳ đã nối Ni Sơn mạch;
Quốc lão nhàn về Vị Thuỷ xa.

三千朱履隨南極
七十霞觴進北堂
Tam thiên chu lý tuỳ Nam cực;
Thất thập hà thương tiến Bắc đường.
Ba nghìn giày đỏ theo Nam cực;
Bảy chục chén hà đến Bắc đường.

事業從心共推元老
曾孫繞膝咸祝地山
Sự nghiệp tòng tâm cộng thôi nguyên lão;
Tằng tôn nhiễu tất hàm chúc địa tiên.
Sự nghiệp tuỳ lòng đẩy đà nguyên lão;
Tằng tôn quanh gối hàm chúc cảnh tiên.

八千歲爲春自今伊始
七十杖於國從古稱稀
Bát thiên tuế vi xuân tự kim y thuỷ;
Thất thập trượng ư quốc tòng cổ xưng hy.

---

[1] *Hoa giáp:* Tuổi tròn 60.
[2] *Thanh khâm:* Ngày xưa học sinh trường công của Trung Quốc mặc áo sắc xanh.
[3] *Bạch tuyết:* Tên một khúc ca do Đường Cao Tông (Trung Quốc) chế ra.

Tám nghìn năm làm xuân, từ đây khởi thuỷ;
Bẩy chục tuổi với nước, tự cổ hiếm hoi.

海屋籌添古來稀者今來盛
蓂筵慶衍福有五兮祝有三

Hải ốc trù thiêm cổ lai hy giả, kim lai thịnh;
Hoa diên khánh diễn phúc hữu ngũ hề, chúc hữu tam
Tuổi thọ thêm cao[1] xưa kia hiếm mà nay lại thịnh;
Chiếu mừng càng đẹp, phúc có năm[2] xin chúc được ba.

碩德流徽咸仰南山占上壽
嘉賓有寵適從杖國著芳名

Thạc đức lưu huy hàm ngưỡng Nam sơn chiếm thượng thọ;
Gia tân hữu sủng thích tòng trượng quốc trứ phương danh.
Đức lớn phát huy, hàm ngưỡng non Nam chúc thượng thọ;
Khách mừng yêu mến, bước theo quốc trượng nổi danh thơm.

德重如山高仰泰山永壽
名尊在國長留杖國行仙

Đức trọng như sơn cao ngưỡng Thái sơn vĩnh thọ;
Danh tôn tại quốc trường lưu trượng quốc hành tiên.
Đức nặng như sơn, ngưỡng vọng thái sơn trường thọ;
Danh tôn tại quốc, dài lâu trượng quốc thành tiên.

四大宴春臺小作陽春添紀算
七旬欽國策初從杖國誦岡陵

Tứ đại yến xuân đài tiểu tác dương xuân thiêm kỷ toán;
Thất tuần khâm quốc sách sơ tòng trượng quốc tụng cương lăng.
Tứ đại mừng yến xuân đài, việc nhỏ ngày xuân thêm kỷ toán[3];
Thất tuần khâm quốc sách, bước theo trượng quốc tụng cương lăng[4].

杖朝步履儀容古
釣渭絲綸日月長

Trượng triều bộ lý nghi dung cổ;
Điếu Vị ti luân nhật nguyệt trường.
Đi dép vào triều nghi dung cổ;
Buông câu sông Vị nhật nguyệt trường.

---

[1] *Tuổi thọ thêm cao (hải ốc trù thiêm):* Thành ngữ chúc thọ nhau thời xưa.
[2] *Phúc có năm (ngũ phúc):* Năm thứ hạnh phúc: Phú quí, thọ, khang, ninh.
[3] *Kỷ toán:* Ghi đếm. Ý nói được thêm tuổi tác.
[4] *Cương lăng:* Gò đất cứng rắn. Ý nói tuổi tác cứng cỏi.

桃 花 結 子 三 千 歲
椿 樹 數 榮 八 十 春
Đào hoa kết tử tam thiên tuế;
Xuân thụ phu vinh bát thập xuân.
Hoa đào kết quả tam thiên tuế;
Cây cối phô tươi bát thập xuân.

八 仙 會 裏 增 南 極
九 老 圖 中 祝 北 辰
Bát tiên hội lý tăng Nam cực;
Cửu lão đồ trung chúc Bắc thần.
Tám tiên trong hoạ tăng Nam cực;
Chín cụ giữa tranh chúc Bắc thần.

五 福 正 儀 開 壽 域
百 齡 誰 不 進 霞 觴
Ngũ phúc chính nghi khai thọ vực;
Bách linh thuỳ bất tiến hà thương.
Ngũ phúc chính ngay khai cõi thọ;
Bách linh[1] ai chẳng đến chén mừng.

齒 德 兼 優 八 秩 添 籌 盈 海 屋
萁 裘 濟 美 一 堂 獻 綵 舞 斑 衣
Xỉ đức kiêm ưu bát trật thiêm trù doanh hải ốc;
Cơ cừu tế mỹ nhất đường hiến thái vũ ban y.
Thọ đức đều hay tám trật thêm trù đầy hải ốc[2];
Cơ cừu[3] càng đẹp một nhà hiến lụa múa ban y[4].

南 極 桑 弧 懸 九 一
東 方 桃 實 獻 三 千
Nam cực tang hồ huyền cửu nhất;
Đông phương đào thực hiến tam thiên.
Nam cực cung tên treo cửu[5] nhất.
Đông phương đào quả hiến tam thiên.

---

(1) *Bách linh*: Trăm tuổi.
(2) *Hải ốc:* Xem chú thích "Hải ốc thiêm trù" ở trên.
(3) *Cơ cầu*: Con cháu nối được nghiệp cha ông.
(4) *Ban y*: Áo sắc lốm đốm như áo trẻ con. Lão Lai mặc làm cho cha mẹ vui.
(5) *Cửu nhất*: 91 tuổi.

菊 酒 香 浮 延 九 袞
松 筠 秀 色 歷 三 秋
Cúc tửu hương phù diên cửu cổn;
Tùng quân tú sắc lịch tam thu.
Rượu cúc xông hương tràn cửu cổn;
Tùng quân sắc đẹp trải ba thu.

天 子 珍 從 兼 好 德
尚 書 口 授 更 邀 榮
Thiên tử trân tòng kiêm hiếu đức;
Thượng thư khẩu thụ cánh yêu vinh.
Thiên tử quí theo gồm đức tốt;
Thượng thư vâng nhận lại yêu vinh.

談 笑 眼 中 無 故 舊
往 來 膝 下 有 曾 玄
Đàm tiếu nhãn trung vô cố cựu;
Vãng lai tất hạ hữu tằng huyền.
Đàm tiếu trong mi không cố cựu;
Vãng lai dưới gối có tằng huyền.

桃 熟 三 千 樽 開 北 海
春 光 九 十 詩 頌 南 山
Đào thục tam thiên tôn khai Bắc hải;
Xuân quang cửu thập thi tụng Nam sơn.
Đào chín ba nghìn chén mừng bể Bắc.
Xuân quang chín chục thơ tụng non Nam.

邱 壑 足 煙 霞 九 十 年 來 謂 逸 老
廟 堂 多 雨 露 八 千 歲 後 又 生 春
Khưu hác túc yên hà cửu thập niên lai vị dật lão;
Miếu đường đa vũ lộ bát thiên tuế hậu hựu sinh xuân.
Gò rãnh đủ yên hà, chín chục niên nay xưng nhàn lão.
Miếu đường nhiều vũ lộ, tám nghìn tuổi sau lại sinh xuân.

九 十 嘉 賓 海 屋 籌 添 延 鶴 算
三 春 令 旦 瑤 池 瑞 蟠 獻 碭 桃
Cửu thập gia tân hải ốc trù thiêm diên hạc toán;
Tam xuân lệnh đán dao trì thuỵ ái hiến bàn đào.

Chín chục, khách mừng, hải ốc trù thiêm[1] dài tuổi hạc;
Ba xuân, ngày đẹp, dao trì thuỵ ái[2] hiến đào tiên.

壽躋期頤青海外
光增甲第紫徽前

Thọ tê kỳ di thanh hải ngoại;
Quang tăng giáp đệ tử huy tiền.

Tuổi thọ vượt niên kỳ xanh rờn biển cả;
Hiển vinh tăng giáp đệ rạng rỡ gia môn.

瑤池桃熟三千歲
海屋籌添一百春

Dao trì đào thục tam thiên tuế;
Hải ốc trù thiêm nhất bách xuân.

Dao trì đào chín, ba nghìn tuổi;
Hải ốc thêm trù, một trăm xuân.

春樹敷榮一百春秋歌上壽
磻桃獻瑞三千珠履慶高年

Xuân thụ phu vinh nhất bách xuân thu ca thượng thọ;
Bàn đào hiến thuỵ tam thiên châu lý khánh cao niên.

Cây cối khoe tươi, nhất bách xuân thu ca thượng thọ;
Đào tiên dâng hiến, ba nghìn dày ngọc chúc cao niên.

五經兼通有此材宜有此遇
九重嘉悅詢其父又及其翁

Ngũ kinh kiêm thông, hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;
Cửu trùng gia duyệt, tuân kỳ phụ hựu cập kỳ ông.

Thông suốt năm kinh, có tài ấy thì đạt danh ấy;
Đẹp ý nhà vua, đã tin cha thì ắt tin ông.

神農本草香千里
岐伯醫風播五洲

Thần nông bản thảo hương thiên lý.
Kỳ Bá y phong bá ngũ châu.

Bản thảo Thần Nông hương vạn dặm.
Y phong Kỳ Bá nổi năm châu.

---

[1] *Hải ốc trù thiêm*: Xem chú thích ở trên.

[2] *Dao trì*: Ao ngọc, nơi bà Tây Vương mẫu ở. Thuỵ ái: Đẹp đẽ hoà nhã.

壽 世 良 方 祛 邪 扶 正
回 春 妙 述 固 本 清 源
Thọ thế lương phương khư tà phù chính.
Hồi xuân diệu thuật cố bản thanh nguyên.
Tuổi thọ, phương hay, đuổi tà, phù chính.
Hồi xuân, thuật giỏi, vững gốc, trong nguồn.

握 五 寸 刀 柄 開 腸 割 腹 除 痼 疾
用 十 分 熱 忱 披 肝 瀝 膽 作 良 醫
Ác ngũ thốn đao bính khai trường cát phúc trừ cổ tật.
Dụng thập phần nhiệt thầm phi can lịch đảm tác lương y.
Cầm chuôi dao năm tấc, mổ bụng, cắt ruột trừ bệnh ác.
Với nhiệt tình mười phần, mổ gan, rửa ruột xứng lương y.

少 飲 几 杯 甘 露 酒 何 愁 幸 福 不 在
多 投 若 干 保 險 金 豈 畏 災 情 橫 飛
Thiểu ẩm kỷ bôi cam lộ tửu hà sầu hạnh phúc bất tại.
Đa đầu nhược can bảo hiểm kim khởi uy tai tình hoành phi.
Rượu ngon uống ít vài chén, lo chi hạnh phúc không còn.
Tiền bảo hiểm góp ít nhiều, há sợ tai ương chắn lối.

何 須 蚤 里 尋 營 養
只 此 盤 中 有 文 章
Hà tu đạm lý tầm doanh dưỡng.
Chỉ thử bàn trung hữu văn chương.
Dinh dưỡng phải đâu chỉ là trứng.
Văn chương vẫn có ở trên bàn.

味 超 玉 液 瓊 漿 外
巧 在 然 萁 煮 豆 中
Vị siêu ngọc dịch quỳnh tương ngoại.
Xảo tại nhiên cơ chử đậu trung.
Vị ngọt hơn quỳnh tương ngọc dịch.
Khéo trong khi nấu đậu nhóm lò.

家 財 雖 萬 貫 一 旦 遭 災 貧 如 洗
保 險 僅 數 元 十 分 安 全 穩 如 山
Gia tài tuy vạn quan nhất đán tao tai bần như tẩy.
Bảo hiểm cẩn số nguyên thập phần an toàn ổn như sơn.
Gia tài dẫu vạn quan, một sớm gặp tai, sạch như nước.
Bảo hiểm góp vài đồng, mười phần an toàn, vững tựa non.

年 年 防 月 月 防 一 日 不 防 一 日 悔
人 人 保 歲 歲 保 四 時 常 保 四 時 安

Niên niên phòng nguyệt nguyệt phòng nhất nhật bất phòng nhất nhật hối.

Nhân nhân bảo tuế tuế bảo tứ thời thường bảo tứ thời an.

Năm năm phòng, tháng tháng phòng, một ngày quên phòng, một ngày hối.

Người người bảo, năm năm bảo, bốn mùa thường bảo, bốn mùa yên.

吃 粗 菜 淡 飯 安 步 當 車 無 災 即 福
享 山 珍 海 味 養 尊 處 優 有 禍 難 防

Ngật thô trà đạm phạn an bộ đương xa vô tai tức phúc;

Hưởng sơn trân hải vị dưỡng tôn xứ ưu hữu hoạ nan phòng.

Chỉ trà thô cơm đạm, hết bộ đến xe, không tai là phúc.

Ưa sơn hào hải vị, ăn ngon ở đẹp, có hoạ khó ngừa.

館 內 人 來 自 南 北 東 西 各 抒 己 見 交 留 信 息
座 上 客 無 分 農 工 商 學 自 得 其 樂 閑 暇 清 心

Quán nội nhân lai tự nam bắc đông tây các trữ kỷ kiến giao lưu tin tức.

Toạ thượng khách vô phân nông công thương học tự đắc kỳ lạc nhàn hạ thanh tâm.

Trong quán, người đến từ nam bắc đông tây, đem điều thấy giao lưu tin tức.

Ngồi đây, khách không phân nông công thương học, tự làm vui nhàn hạ thanh tâm.

保 險 逢 凶 能 化 吉
公 司 解 難 又 排 憂

Bảo hiểm phùng hung năng hoá cát.

Công ty giải nạn hựu bài ưu.

Bảo hiểm gặp hung hay hoá cát.

Công ty giải hạn lại bày hay.

春 風 喜 引 吉 祥 鳥
細 雨 潤 紅 幸 福 花

Xuân phong hỷ dẫn cát tường điểu.

Tế vũ nhuận hồng hạnh phúc hoa.

Gió mát dẫn đường chim báo hỷ.

Mưa nhỏ thêm hồng hoa gặp may.

瓦 壺 水 沸 邀 清 客
茗 碗 香 騰 遣 睡 魔

Ngõa hồ thuỷ phí yêu thanh khách.
Minh uyển hương đằng khiển thuỵ ma.
Bình gốm nước sôi mời khách nhã.
Trà quý hương bay hết ngủ trưa.

寰宇慶升平集四海英賢談心場所
天涯若比鄰共一堂茶水聚首因緣

Hoàn vũ khánh thăng bình tập tứ hải anh hiền đàm tâm trường sở.
Thiên nhai nhược tỷ lân cộng nhất đường trà thuỷ tụ thủ nhân duyên.
Mừng thế giới thái bình, họp bốn biển anh tài, nỗi lòng bày tỏ.
Với người xa như biết, chung một chỗ uống trà, âu cũng nhân duyên.

處處通途何去何從居兩間分清邪正
頭頭是道誰賓誰主吃一碗各自東西

Xứ xứ thông đồ hà khứ hà tòng cư lưỡng gian phân thanh tà chính.
Đầu đầu thị đạo thuỷ tân thuỳ chủ ngật nhất uyển các tự đông tây.
Khắp chốn đường thông, đi đâu về đâu, giữa hai ngả nên phân hay dở.
Rõ ràng đâu đấy, ai khách ai chủ, một miếng ăn phải rõ đúng sai.

清潔舒適浴洗方便請君未晚先頭宿
服務周到報時准确無須雞鳴早看天

Thanh khiết thư thích dục tẩy phương tiện thỉnh quân vị văn tiên đầu túc.
Phục vụ chu đáo báo thời chuẩn xác vô tu kê minh tảo khán thiên.
Sạch sẽ thoải mái, tắm rửa thuận tiện, xin mời khách đến khi chưa tối.
Phục vụ chu đáo, báo giờ chuẩn xác, không cần gà gáy sớm hôm sau.

領略家鄉風味
溫馨故里人情

Lãnh lược gia hương phong vị.
Ôn hinh cố lý nhân tình.
Nắm được phong vị quê hương.
Hâm nóng tình người chốn cũ.

水陸兼呈皆上味
賓朋盡興共加餐

Thuỷ lục kiên trình giai thượng vị.
Tân bằng tận hứng cộng gia san.
Sơn hào hải vị, món ăn tuyệt.
Bạn bè cao hứng, bữa cơm ngon.

綜新舊舒刊莫謂古文無今文有
統中西學術請看近者買遠者郵

Tổng tân cựu thư san, mạc vị cổ văn vô, kim văn hữu.
Thống trung tây học thuật, thỉnh khan cận giả mãi viễn giả bưu.

Tổng duyệt sách mới cũ, chớ bảo cổ văn không, kim văn có.
Thống học thuật Trung, Tây, xin hãy nhớ gần thì mua, xa thì gửi.

廣通財路
巧管資金

Quảng thông tài lộ.
Xảo quản tư kim.

Rộng thông tiền của,
Khéo quản vốn còn.

社會交流憑匝制
財源命脈系金融

Xã hội giao lưu bằng táp chế.
Tài nguyên mạnh mạch hệ kim dung.

Xã hội giao lưu nhờ phép tắc.
Tài nguyên huyết mạch cậy cây vàng.

求知識學海探寶累亦矣
追科學書山尋珍苦也甜

Cầu tri thức học hải thám bảo luỵ diệc hỷ.
Truy khoa học thư sơn tầm trân khổ dã điềm.

Cầu biển học tri thức, kiếm ngọc, mệt cũng vui.
Thăm núi sách khoa học, tìm châu, đắng mà ngọt.

文海放舟健儿要敢頂風上
書山探寶志士哪能空手回

Văn hải phóng chu kiện nhi yêu cảm đỉnh phong thượng.
Thư sơn thám bảo chí sỹ na năng không thủ hồi.

Biển văn vượt thuyền, người mạnh dám cưỡi lên đầu gió.
Núi sách tìm ngọc, chí sỹ đâu trở về tay không.

不戲不怠古今傳家皆由學時起
宜勤宜勉中外碩士都從苦中來

Bất hý bất đãi cổ kim truyền gia giai do học thời khởi.
Nghi cần nghi miễn trung ngoại thạc sỹ đô tòng khổ trung lai.

Chẳng cợt, chẳng lười, xưa nay truyền đời đều do học mà nên.
Nên chăm, nên gắng, trong ngoài rộng học cũng phải khổ mới được.

□2 眼 明 分 眞 善 美 君 不 論 中 人 西 人 任 你 挑 選
寶 光 細 驗 假 高 低 鏡 當 分 遠 視 近 視 隨 你 需 求
Tuệ nhãn minh phân chân thiện mỹ quân bất luận trung nhân
tây nhân nhậm nhĩ khiêu tuyển.
Bảo quang tế nghiệm giả cao đê kính đương phân viễn thị
cận thị tuỳ nhĩ nhu cầu.
Mắt tuệ soi qua, đúng tốt đẹp, khách chẳng kể người âu kẻ á,
chọn lựa xin mời.
Điện quang nghiệm rõ,mượn cao thấp kính chia ra viễn thị cận thị,
yêu cầu tuỳ ý.

湊 六 經 芳 潤
儲 二 酉 精 華
Thấu lục kinh phương nhuận.
Trữ nhị Dậu tinh hoa.
Thấm hương nhuận Lục kinh.
Trữ nhị Dậu tinh hoa (Hai ngọn núi có tên Dậu Sơn)

藏 古 今 學 術
聚 天 地 精 華
Tàng cổ kim học thuật.
Tụ thiên địa tinh hoa.
Chứa học thuật xưa nay.
Tụ tinh hoa trời đất.

察 及 秋 毫 如 燭 照
看 來 老 眼 不 昏 花
Sát cập thu hào như chúc chiếu.
Khán lai lão nhãn bất hôn hoa.
Xét rõ tơ hào như có đuốc.
Xem ra mắt lão chẳng hề hoa.

邀 來 日 月 懸 隆 准
攬 得 河 山 入 玉 眸
Yêu lai nhật nguyệt huyền long chuẩn.
Giảo đắc hà sơn nhập ngọc mâu.
Sống mũi nếu treo vầng nhật nguyệt.
Con ngươi thu được cả sơn hà.

電 腦 驗 光 測 眼 間 就 可 知 君 底 細
精 工 配 鏡 顧 盼 後 便 應 信 我 名 聲

Điện não nghiệm quang trắc nhãn gian tựu khả tri quân để tế;
Tình công phối kính cố phán hậu tiện ứng tín ngã danh thanh.
Nghiệm điện não quang đo khoảng cách, đủ biết mắt ông còn tốt.
Khéo gia công kính ngắm người đeo càng tin danh tiếng hiệu ta.

燕剪飛來敢夸手藝
鴛針度處別出心裁
Yến tiễn phi lai cảm khoa thủ nghệ.
Uyên châm độ xứ biệt xuất tâm tài.
Lưỡi kéo én bay dám khoe tay khéo.
Đường kim uyên lượn dốc hết lòng may.

人要衣裝經紅妝素裹便丰神奕奕
体需服飾能寬適窄宜即風度翩翩
Nhân yếu y trang kinh hồng trang tố lý tiện phong thần dịch dịch.
Thể nhu phục sức năng khoan thích trách nghi tức phong độ phiên phiên.
Ngoài hồng trong trắng, vẻ tươi hơn hớn, nhờ đến y trang.
Thích chật ưa thoáng, có dáng đàng hoàng,cậy hàng phục sức.

嘉名稱博士
大禮重高冠
Gia danh xứng bác sĩ.
Đại lễ trọng cao quan.
Tài giỏi xứng bác sĩ.
Lễ lớn trọng mũ cao.

交以道接以禮笑盈盈迎四海來賓門庭若市
近者悅遠者來喜滋滋待八方顧客商店如家
Giao dĩ đạo tiếp dĩ lễ tiếu doanh doanh nghinh tứ hải lai tân môn đình nhược thị.
Cận giả duyệt viễn giả lai hỉ tư tư đãi bát phương cố khách thương điếm như gia.
Giao lấy đạo tiếp lấy lễ tủm tỉm cười đón khách bốn phương trước nhà như chợ.
Gần người vui xa người lại vẻ vui tươi tiếp người tám hướng cửa hiệu như nhà.

薄利多消顧客盈門生意活
竭成服務春風滿面熱情高
Bạc lợi đa tiêu cố khách doanh môn sinh ý hoạt.
Kiệt thành phục vụ xuân phong mãn diện nhiệt tình cao.

Lãi ít bán nhiều, khách đến chật nhà, buôn bán thoáng.
Hết lòng phục vụ, gió xuân mát mặt, nhiệt tình cao.

錦 繡 兩 廂 藏 百 貨
春 風 一 店 暖 千 家
Cẩm tú lưỡng sương tàng bách hoá.
Xuân phong nhất điếm noãn thiên gia.
Hai chái đẹp, hàng bày trăm thứ.
Một trời xuân, gió ấm ngàn nhà.

萬 民 便 利
百 貨 流 通
Vạn dân tiên lợi.
Bách hoá lưu thông.
Tiện lợi muôn nhà.
Lưu thông bách hoa.

公 平 有 德
和 氣 致 祥
Công bình hữu đức.
Hoà khí trí tường.
Có đức công bằng.
Rành mạch hoà nhã.

財 源 若 海
顧 客 盈 門
Tài nguyên nhược hải.
Cố khách doanh môn.
Tài nguyên như biển.
Khách hàng đầy nhà.

禮 貌 待 客
文 明 經 商
Lễ mạo đãi khách.
Văn minh kinh thương.
Với khách lễ phép.
Kinh doanh văn minh.

大 名 鼎 鼎 上 等 功 夫 海 角 天 涯 享 盛 譽
美 貌 堂 堂 發 端 技 巧 廳 間 室 外 拂 春 風

Đại danh đỉnh đỉnh thượng đẳng công phu hải giác thiên nhai hưởng thịnh dự.
Mỹ mạo đường đường phát đoan kỹ xảo sảnh gian thất ngoại phất xuân phong.
Tiếng tăm lừng lẫy, tuyệt đỉnh công phu, góc biển chân trời người xưng tụng.
Dung mạo đàng hoàng, tay nghề cực khéo, trong nhà ngoài sảnh gió xuân đưa.

操毫末技藝不教斯人憔悴古今中外离不得
習頂上功夫能使其面嶄新南女老幼盡開顏
Thao hào mạt kỹ nghệ bất giao tư nhân tiều tuỵ cổ kim trung ngoại ly bất đắc.
Tập đỉnh thượng công phu năng sử kỳ diện tiệm tân nam nữ lão ấu tận khai nhan
Nắm kỹ thuật tinh vi, chẳng để cho người tiều tuỵ, trong, ngoài, kim, cổ chẳng khi rời.
Tập công phu tuyệt đỉnh, hay làm gương mặt tinh tươm, trai, gái, trẻ, già đều rạng vẻ.

擇里仁爲美
安居德有鄰
Trạch lý nhân vi mỹ.
An cư đức hữu lân.
Chọn chỗ nhân làm tốt.
Sống bên đức mới yên.

遷宅吉祥日
安居大有年
Thiên trạch cát tường nhật.
An cư đại hữu niên.
Ngày tốt lành dọn nhà.
Năm được mùa yên chốn.

棟起祥雲連北斗
堂開瑞氣煥春光
Đống khởi tường vân liên bắc đẩu.
Đường khai thụy khí hoán xuân quang.
Dựng cột mây lành vờn bắc đẩu.
Trình nhà khí tốt rực xuân quang.

仁 風 春 日 煦
德 澤 福 星 明
Nhân phong xuân nhật húc.
Đức trạch phúc tinh minh.
Tục nhân ấm trời xuân.
Ơn đức sáng sao phúc.

居 之 安 山 明 水 秀
人 之 和 地 久 天 長
Cư chi an sơn minh thuỷ tú.
Nhân chi hoà địa cửu thiên trường.
Ở lấy yên, nước non tươi đẹp.
Người được hoà, trời đất dài lâu.

鶯 遷 金 谷 曉
花 報 玉 堂 春
Oanh thiên kim cốc hiểu.
Hoa báo ngọc đường xuân.
Oanh hang vàng rời sớm.
Hoa viện ngọc tin xuân.

金 梁 燦 燦 光 輝 日
玉 柱 巍 巍 力 擎 天
Kim lương xán xán quang huy nhật.
Ngọc trụ nguy nguy lực kình thiên.
Xà vàng xán lạn chói vầng nhật.
Trụ ngọc nguy nga sức chống trời.

家 種 吉 祥 草
宅 開 幸 福 門
Gia chủng cát tường thảo.
Trạch khai hạnh phúc môn.
Vườn trồng giống cỏ lành.
Nhà mở cửa hạnh phúc.

鳴 花 炮 聲 聲 道 喜
起 大 梁 步 步 登 高
Minh hoa pháo thanh thanh đạo hỷ.
Khởi đại lương bộ bộ đăng cao.
Đốt pháo hoa vang vang khắp chốn.
Dựng cây xà bước bước lên cao.

朝 臨 新 氣 象
拱 照 大 文 章
Triêu lâm tân khí tượng.
Củng chiếu đại văn chương.
Chiêu tập khí tượng mới.
Soi rọi khắp văn chương.

花 開 富 貴 人 開 眼
日 上 中 天 屋 上 梁
Hoa khai phú quý nhân khai nhãn.
Nhật thượng trung thiên ốc thượng lương.
Hoa nở giầu sang người nở tài.
Trời lên bóng đứng nhà lên nóc.

玉 堂 映 曙 色
珠 樹 發 秋 香
Ngọc đường ánh thự sắc.
Châu thụ phát thu hương.
Nhà ngọc ngời sắc sớm.
Cây châu ngát hương thu.

紅 日 洒 輝 臨 吉 宅
春 風 送 暖 入 花 堂
Hồng nhật sái huy lâm cát trạch.
Xuân phong tống noãn nhập hoa đường.
Trời hồng rải sáng trên đất tốt.
Gió xuân đưa ấm đến nhà hoa.

重 陽 及 宅 第
金 菊 鑲 花 堂
Trùng dương cập trạch đệ.
Kim cúc nhưỡng hoa đường.
Trùng dương xây chỗ mới.
Cúc vàng gắn nhà hoa.

新 廈 落 成 增 秀 氣
花 門 安 樂 進 財 源
Tân hạ lạc thành tăng tú khí.
Hoa môn an lạc tiến tài nguyên.
Nhà mới xây xong tăng vẻ đẹp.
Cửa hoa vui nở góp thêm giàu.

江 山 聚 秀 歸 新 宇
日 月 交 輝 映 錦 堂

Giang sơn tụ tú quy tân vũ.
Nhật nguyệt giao huy ánh cẩm đường.
Giang sơn góp đẹp cho nơi mới.
Nhật nguyệt đan xen rạng vẻ nhà.

向 陽 庭 院 風 光 好
勤 儉 人 家 幸 福 多

Hướng dương đình viện phong quang hảo.
Cần kiệm nhân gia hạnh phúc đa.
Hướng dương nhà cửa phong quang lắm.
Cần kiệm mọi người hạnh phúc hơn.

春 風 化 雨 艷 桃 李
瑞 藹 盈 屋 旺 子 孫

Xuân phong hoá vũ diệm đào lý.
Thụy ái doanh ốc vượng tử tôn.
Gió xuân mưa bụi tươi đào mận.
Nhà tụ mây lành vượng cháu con.

一 片 彩 霞 迎 旭 日
滿 門 春 訊 慶 新 居

Nhất phiến thái hà nghinh húc nhật.
Mãn môn xuân tấn khánh tân cư.
Một áng mây mai chào rạng sáng.
Đầy cửa tin xuân chúc mới nhà.

新 屋 造 就 千 般 喜
滿 室 和 睦 百 事 香

Tân ốc tạo tựu thiên ban hỷ.
Mãn thất hoà mục bách sự hương.
Chỗ mới xây xong vui mọi nỗi.
Đầy nhà hoà thuận tốt trăm điều.

三 陽 日 照 平 安 宅
五 福 星 臨 吉 慶 門

Tam dương nhật chiếu bình an trạch.
Ngũ phúc tinh lâm cát khánh môn.
Tam dương trời chiếu nhà yên ổn.
Ngũ phúc sao soi cửa tốt lành.

宏 圖 大 展 興 隆 宅
泰 運 長 臨 富 裕 家
Hoằng đồ đại triển hưng long trạch.
Thái vận trường lâm phú dụ gia.
Kế hoạch mở ra nhà cửa lớn.
Vận may đến mãi đất giàu to.

門 迎 春 夏 秋 冬 福
户 納 東 西 南 北 祥
Môn nghinh xuân hạ thu đông phúc.
Hộ nạp đông tây nam bắc tường.
Cửa đón phúc, thu đông xuân hạ.
Nhà thâu lành, nam bắc đông tây.

鶯 過 重 門 留 好 語
花 開 勝 地 吐 其 香
Oanh quá trùng môn lưu hảo ngữ.
Hoa khai thắng địa thổ kỳ hương.
Oanh qua cửa lớp còn lưu tiếng.
Hoa nở đất lành vẫn ngát hương.

祥 雲 環 繞 新 門 第
紅 日 光 臨 喜 人 家
Tường vân hoàn nhiễu tân môn đệ.
Hồng nhật quang lâm hỷ nhân gia.
Cổng mới dựng, mây lành quấn quýt.
Nhà vui mừng, trời đỏ dõi soi.

花 春 入 室 春 風 藹
瑞 氣 盈 門 淑 景 新
Hoa xuân nhập thất xuân phong ái.
Thuỵ khí doanh môn thục cảnh tân.
Hương hoa theo gió xuân vào cửa.
Hơi lành ưa cảnh mới đầy nhà.

擇 居 仁 里 和 爲 貴
善 与 人 同 德 有 鄰
Trạch cư nhân lý hoà vi quý.
Thiện dữ nhân đồng đức hữu lân.
Chọn ở chỗ nhân hoà mới quý.
Hoà hợp cùng người đức dễ thân.

家 居 光 天 化 日 下
人 在 細 雨 和 風 中
Gia cư quang thiên hoá nhật hạ.
Nhân tại tế vũ hoà phong trung.
Nhà xây chỗ trời mây quang đãng.
Người ở nơi mưa gió thuận hoà.

庭 前 月 色 清 如 許
户 外 嵐 光 翠 欲 流
Đình tiền nguyệt sắc thanh như hứa.
Hộ ngoại lam quang thuý dục lưu.
Trước sân ánh trăng trong hò hẹn.
Ngoài ngõ non mây biếc muốn trôi.

日 照 新 居 添 錦 繡
花 栽 院 圃 吐 芬 芳
Nhật chiếu tân cư thiêm cẩm tú.
Hoa tài viện phố thổ phân phương.
Nắng soi nhà mới thêm vui mắt.
Hoa nở vườn bao vẫn toả hương.

華 堂 喜 對 山 河 秀
福 宅 欣 迎 日 月 輝
Hoa đường hỷ đối sơn hà tú.
Phúc trạch hân nghinh nhật nguyệt huy.
Nhà hoa mừng ngắm non sông đẹp.
Đất phúc hoan nghênh nhật nguyệt ngời.

家 居 綠 水 青 山 畔
人 在 春 風 和 氣 中
Gia cư lục thuỷ thanh sơn bạn.
Nhân tại xuân phong hoà khí trung.
Nhà kề bên nước biếc non xanh.
Người ở giữa gió xuân khí mát.

地 久 天 長 門 有 喜
年 豐 人 壽 福 無 邊
Địa cửu thiên trường môn hữu hỷ.
Niên phong nhân thọ phúc vô biên.
Cửa có tin vui trời đất vững.
Năm may người thọ phúc vô biên.

地 無 寒 舍 春 常 在
居 有 芳 鄰 德 不 孤
Địa vô hàn xá xuân thường tại.
Cư hữu phương lân đức bất cô.
Đất không nhà khó xuân lui tới.
Ở cạnh người hay đức dập dìu.

旭 日 東 升 臨 大 廈
青 山 含 翠 映 華 堂
Húc nhật đông thăng lâm đại hạ.
Thanh sơn hàm thuý ánh hoa đường.
Trời sáng ánh dương vào cửa lớn.
Non xanh ngậm biếc rạng nhà hoa.

春 風 楊 柳 鳴 金 屋
晴 雪 梅 花 照 玉 堂
Xuân phong dương liễu minh kim ốc.
Tình tuyết mai hoa chiếu ngọc đường.
Gió xuân cợt liễu reo trên nóc.
Tuyết trắng đùa mai chiếu trước nhà.

玉 樹 奇 花 香 作 錦
水 光 山 色 翠 連 雲
Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm.
Thủy quang sơn sắc thuý liên vân.
Cây hoa vẻ ngọc tươi như gấm.
Non nước màu xanh biếc tựa mây.

高 堂 映 日 開 丹 桂
新 室 藏 春 醉 碧 桃
Cao đường ánh nhật khai đan quế.
Tân thất tàng xuân tuý bích đào.
Trời đẹp nhà cao đan quế nở.
Xuân đầy chỗ mới bích đào say.

堂 凝 瑞 氣 雲 追 月
棟 染 谷 香 秋 勝 春
Đường ngưng thuỵ khí vân truy nguyệt.
Đống nhiễm cốc hương thu thắng xuân.
Nhà đọng hơi lành mây giỡn nguyệt.
Cột vương hương núi thu hơn xuân.

新 院 新 防 新 氣 象
好 山 好 水 好 風 光
Tân viện tân phòng tân khí tượng.
Hảo sơn hảo thuỷ hảo phong quang.
Mới viện mới phòng mới cảnh tượng.
Đẹp sông đẹp núi đẹp phong quang.

歲 寒 三 有 添 新 色
和 氣 滿 堂 聚 德 光
Tuế hàn tam hữu thiêm tân sắc.
Hoà khí mãn đường tụ đức quang.
Bộ ba (tùng, trúc, mai) quen lạnh đông càng đẹp.
Một nhà hoà thuận đức thêm tươi.

玉 宇 前 青 山 似 畫
花 堂 後 碧 樹 成 林
Ngọc vũ tiền thanh sơn tự hoạ.
Hoa đường hậu bích thụ thành lâm.
Ngắm trước cửa núi xanh như vẽ.
Nhìn sau nhà cây biếc thành rừng.

淑 氣 和 風 光 棟 宇
銀 花 玉 樹 染 門 庭
Thục khí hoà phong quang đống vũ.
Ngân hoa ngọc thụ nhiễm môn đình.
Khí lành, gió mát quang nhà cửa.
Cây ngọc, hoa ngân rợp trước sân.

美 酒 盈 樽 嘉 客 醉
清 風 繞 宅 瑞 雲 生
Mỹ tửu doanh tôn gia khách tuý.
Thanh phong nhiễu trạch thuỵ vân sinh.
Rượu ngon đầy chén say lòng khách.
Gió mát quang nhà đẹp bóng mây.

山 環 水 抱 風 光 美
柳 暗 花 明 景 色 新
Sơn hoàn thuỷ bão phong quang mỹ.
Liễu ám hoa minh cảnh sắc tân.
Nước non vây bọc phong quang lắm.
Hoa liễu khoe màu cảnh sắc tươi.

瑞 雪 迎 春 居 大 廈
東 風 送 暖 進 樓 臺
Thuỵ tuyết nghinh xuân cư đại hạ.
Đông phong tống noãn tiến lâu đài.
Tuyết mới đón xuân về dưới mái.
Gió đông đưa ấm đến lầu cao.

朴 素 大 方 新 宅 第
勤 勞 節 儉 好 人 家
Phác tố đại phương tân trạch đệ.
Cần lao tiết kiệm hảo nhân gia.
Mộc mạc dễ ưa nhà cửa mới.
Siêng năng tiết kiệm đẹp con người.

水 如 碧 玉 山 如 黛
鳳 有 高 梧 鶴 有 松
Thủy như bích ngọc sơn như đại.
Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng.
Nước như ngọc bích, non như kẻ (vẽ).
Phượng có cành ngô, hạc có tùng.

畢 堂 建 就 六 親 力
玉 宇 落 成 百 匠 功
Hoa đường kiến tựu lục thân lực.
Ngọc vũ lạc thành bách tượng công.
Nhà đẹp sáu thân[1] đều góp sức.
Mái ngọc trăm tay thợ góp công.

合 天 時 祥 雲 連 畫 棟
得 地 利 峻 嶺 對 新 庭
Hợp thiên thời tường vân liên hoạ đống.
Đắc địa lợi tuấn lãnh đối tân đình.
Hợp thiên thời mây lành như bức hoạ.
Được địa lợi núi đẹp đứng trước nhà.

東 令 如 春 江 山 吐 秀
生 財 有 道 棟 宇 增 輝
Đông lệnh như xuân giang sơn thổ tú.
Sinh tài hữu đạo đống vũ tăng huy.

(1) *Sáu thân:* gồm cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

Đông đẹp như xuân, núi sông lấm vẻ.
Làm giàu có cách, nhà cửa thêm quang.

喬 遷 喜 天 地 人 共 喜
新 居 榮 福 祿 壽 全 榮

Kiều thiên hỷ thiên địa nhân cộng hỷ.
Tân cư vinh phúc lộc thọ toàn vinh.
Thăng tiến mừng, trời cùng mừng.
Nhà mới vui, phúc lộc đất người thọ đều vui.

竹 風 留 客 飲
松 月 伴 賓 茶

Trúc phong lưu khách ẩm.
Tùng nguyệt bạn tân trà.
Gió trúc lưu bạn rượu.
Trăng tùng đón khách trà.

鳥 鳴 千 户 竹
書 枕 一 床 風

Điểu minh thiên hộ trúc.
Thư chẩm nhất sàng phong.
Chim ca, trúc ngàn khóm.
Sách gối, gió một giường.

爲 愛 鳥 聲 多 種 樹
欲 留 花 氣 不 垂 帘

Vị ái điểu thanh đa chủng thụ.
Dục lưu hoa khí bất thuỳ liêm.
Bởi yêu chim hót cây trồng lắm.
Vì luyến hương hoa chẳng rủ rèm.

架 上 詩 書 無 暇 日
階 前 草 木 總 長 春

Giá thượng thi thư vô hạ nhật.
Giai tiền thảo mộc tổng trường xuân.
Sách hay đầy giá không khi rỗi.
Thềm trước nhiều cây có sẵn xuân.

梅 召 春 光 蘭 遣 夏
菊 呈 秋 色 竹 凌 冬

Mai triệu xuân quang lan khiển hạ.
Cúc trình thu sắc trúc lăng đông.
Mai gọi xuân về, lan khiến hạ.
Cúc tin thu tới, trúc nhờn đông.

自喜軒窗無俗韻
亦知草木有眞香
Tự hỷ hiên song vô tục vận.
Diệc tri thảo mộc hữu chân hương.
Mừng thấy hiên song không tiếng tục.
Vẫn hay cây cỏ có hương thầm.

庭前瑞發花成錦
門外春來鳥唱歌
Đình tiền thụy phát hoa thành cẩm.
Môn ngoại xuân lai điểu xướng ca.
Sân trước khí lành hoa gấm dệt.
Cổng ngoài xuân đến tiếng chim ca.

房中雅奏同心曲
室內應無交滴聲
Phòng trung nhã tấu đồng tâm khúc.
Thất nội ứng vô giao trích thanh.
Trong phòng nên sẵn nhạc đồng tâm.
Chỗ ở chớ lắm lời châm chọc.

好山入座清如洗
嘉樹當窗翠欲流
Hảo sơn nhập toạ thanh như tẩy.
Gia thụ đương song thuý dục lưu.
Núi đẹp ngồi thiền lòng rửa sạch.
Cây xanh bên cửa biếc như trôi.

傾壺待客花開後
出竹吟詩月上時
Khuynh hồ đãi khách hoa khai hậu.
Xuất trúc ngâm thi nguyệt thượng thời.
Nghiêng bầu đãi khách sau hoa nở.
Cạnh trúc ngâm thơ lúc mọc trăng.

野樹穿花月在澗
清風拂座竹環門

Dã thụ xuyên hoa nguyệt tại giản.
Thanh phong phất toạ trúc hoàn môn.
Trăng khe thấp thoáng hoa sườn núi.
Trúc ngõ la đà gió mát lay.

得好友來如對月
有佳書讀勝看花
Đắc hảo hữu lai như đối nguyệt.
Hữu giai thư độc thắng khan hoa.
Bạn tốt đến nhà như trước nguyệt.
Sách hay đang đọc biếng thăm hoa.

數竿修竹三間屋
一席清風萬壑雲
Sổ can tu trúc tam gian ốc.
Nhất tịch thanh phong vạn hác vân.
Ba gian nhà, dăm hàng trúc biếc.
Vạn đám mây một chiếu gió thanh.

明月清風開浪韻
高山流水有知音
Minh nguyệt thanh phong khai lãng vận.
Cao sơn lưu thủy hữu tri âm.
Gió mát trăng thanh vần điệu đẹp.
Non cao nước chảy bạn bè thân.

居心中正明如鏡
接物寬和藹似春
Cư tâm trung chính minh như kính.
Tiếp vật khoan hoà ái tự xuân.
Sáng tựa gương trong lòng thẳng thắn.
Tươi như xuân đẹp vẻ khoan hoà.

愛客襟懷春滿座
照人肝膽月盈庭
Ái khách khâm hoài xuân mãn toạ.
Chiếu nhân can đảm nguyệt doanh đình.
Quý khách thấy lòng xuân mọi chỗ.
Soi người gan mật nguyệt đầy sân.

獨坐每將書作伴
閉門常与竹爲鄰

Độc toạ mỗi tương thư tác bạn.
Bế môn thường dữ trúc vi lân.
Mình ngồi sách vở quen làm bạn.
Đóng cửa xóm giềng trúc vẫn thân.

一 庭 花 發 來 知 己
半 卷 書 開 見 古 人
Nhất đình hoa phát lai tri kỷ.
Bán quyển thư khai kiến cổ nhân
Một sân hoa nở chờ tri kỷ.
Nửa quyển dành xem thấy cổ nhân.

窗 前 草 色 侵 吟 席
帘 外 花 香 入 瑞 軒
Song tiền thảo sắc xâm ngâm tịch.
Liêm ngoại họa hương nhập thuỵ hiên.
Sắc cỏ bên song vào chiếu đọc.
Hương hoa rèm trước ngát hương nằm.

詩 情 畫 意 皆 良 友
鳥 語 花 香 最 可 人
Thi tình hoạ ý giai lương hữu.
Điểu ngữ hoa hương tối khả nhân.
Tình thơ ý hoạ đây người tốt.
Chim hót hoa hương đấy kẻ hay.

樹 影 橫 窗 知 月 上
花 香 入 夢 覺 春 來
Thụ ảnh hoành song tri nguyệt thượng.
Hoa hương nhập mộng giác xuân lai.
Bóng cây xuyên cửa biết trăng lên.
Hương hoa vào mộng hay xuân đến.

愛 容 常 開 新 釀 酒
呼 童 時 展 舊 藏 書
Ái dung thường khai tân nhưỡng tửu.
Hô đồng thời triển cựu tàng thư.
Ủ được nồi men tươi tỉnh mặt.
Phơi dăm pho sách lại hò con.

月 浸 一 帘 花 影 瘦
風 搖 半 榻 竹 陰 涼

Nguyệt tẩm nhất liêm hoa ảnh sấu.
Phong dao bán tháp trúc âm lương.
Ánh trăng rèm ngập khiến hoa gầy.
Giường ngủ gió lay nên trúc mát.

門對好山惟種竹
園通活水可澆蔬
Môn đối hảo sơn duy chủng trúc.
Viên thông hoạt thuỷ khả kiêu sơ.
Cửa trước núi cao nên cắm trước.
Vườn thông dòng chảy nhớ trồng rau.

深院塵稀書韻雅
明窗風靜墨花香
Thâm viện trần hy thư vận nhã.
Minh song phong tĩnh mặc hoa hương.
Nhà vắng bụi trần vần điệu nhã.
Gió yên song sáng mực hương đưa.

家有藏書墨庄香遠
門無俗客竹徑風清
Gia hữu tàng thư mặc trang hương viễn.
Môn vô tục khách trúc kính phong thanh.
Nhà có chứa sách hương mực bay xa.
Cổng không khách tục lối trúc gió mát.

午枕聽儿吟好句
晚窗留客弄殘棋
Ngọ chẩm thính nhi ngâm hảo cú.
Vãn song lưu khách lộng tàn kỳ.
Trưa nằm nghe trẻ, ngâm câu đẹp.
Song muộn người lưu, dở cuộc cờ.

好花四時明月千古
遠峰一角奇書半床
Hảo hoa tứ thời minh nguyệt thiên cổ.
Viễn phong nhất giác kỳ thư bán sàng.
Bốn mùa hoa đẹp, trăng sáng muôn đời.
Gió xa chợt tỉnh, sách lạ nửa giường.

高 敞 軒 窗 迎 海 月
預 栽 花 木 待 春 風
Cao thưởng hiên song nghinh hải nguyệt.
Dự tài hoa mộc đãi xuân phong.
Hiên song thoáng mát chờ trăng biển.
Hoa cỏ vun trồng đợi gió xuân.

良 友 遠 來 弄 書 新 得
好 花 半 放 美 酒 爲 醺
Lương hữu viễn lai dị thư tân đắc.
Hảo hoa bán phóng mỹ tửu vi huân.
Sách lạ mới hay, mừng bạn đến thăm.
Rượu ngon hơi say, đợi xem hoa nở.

室 外 獨 留 滋 卉 地
年 來 幸 得 養 花 天
Thất ngoại độc lưu tư huỷ địa.
Niên lai hạnh đắc dưỡng hoa thiên.
Mảnh đất trước nhà trồng cây đẹp.
Sang năm may được tưới hoa tươi.

竹 影 橫 窗 花 香 入 室
春 光 交 夢 秋 月 沁 心
Trúc ảnh hoành song hoa hương nhập thất.
Xuân quang giao mộng thu nguyệt tấm tâm.
Bóng trúc qua song, hương hoa vào cửa.
Ánh xuân đưa mộng, thu nguyệt ngấm lòng.

舊 書 細 讀 猶 多 味
佳 客 能 來 不 費 招
Cựu thư tế độc do đa vị.
Giai khách năng lai bất phí chiêu.
Sách xưa đọc kỹ còn nhiều vị.
Khách quý năng thăm chớ ngại mời.

白 鳥 多 情 留 人 小 住
青 山 無 語 与 我 神 交
Bạch điểu đa tình lưu nhân tiểu trú.
Thanh sơn vô ngữ dữ ngã thần giao.
Cò trắng có tình được người thoáng ngắm.
Núi xanh không tiếng cũng hiểu ngầm ta.

花 徑 不 曾 緣 客 掃
蓬 門 今 始 爲 君 開
Hoa kính bất tằng duyên khách tảo.
Bồng môn kim thuỷ vị quân khai.
Lối hoa chưa kén duyên người quét.
Non bồng nay đã mở ngài coi.

桂 花 開 時 香 雲 成 海
明 月 高 處 廣 寒 有 居
Quế hoa khai thời hương vân thành hải.
Minh nguyệt cao xứ quảng hàn hữu cư.
Một biển hương mây, mùa hoa quế nở.
Đầu non cung quảng, bóng trăng treo cao.

秋 菊 開 三 徑
琴 書 萃 一 堂
Thu cúc khai tam kính.
Cầm thư tuỵ nhất đường.
Cúc thu trồng ba luống.
Đàn sách gắng một nhà.

花 心 起 墨 彙
春 色 散 毫 端
Hoa tâm khởi mặc vựng.
Xuân sắc tán hào đoan.
Nở hoa lúc mài mực.
Sắc xuân trên nét vương.

意 飄 雲 物 外
詩 入 畫 圖 中
Ý phiêu vân vật ngại.
Thi nhập hoạ đồ trung.
Ý bay ngoài sự vật.
Thơ vào trong hoạ đồ.

聲 言 宣 至 理
古 意 發 高 文
Thanh ngôn tuyên chí lý.
Cổ ý phát cao văn.
Bàn suông nói cạn lẽ.
Ý cổ nẩy văn hay.

筆 酣 詩 意 厚
墨 舞 友 情 深
Bút cam thi ý hậu.
Mặc vũ hữu tình thâm.
Bút say thơ ý hậu.
Mực múa bạn tình thân.

墨 醉 花 香 動
文 成 劍 氣 豪
Mặc tuý hoa hương động.
Văn thành kiếm khí hào.
Mực say hương hoa động.
Văn xong khí kiếm hào.

推 窗 觀 日 月
揮 筆 起 雲 煙
Suy song quan nhật nguyệt.
Huy bút khởi vân yên.
Mở song xem nhật nguyệt.
Múa bút tả khói mây.

水 石 窮 幽 賞
文 章 識 大 家
Thuỷ thạch cùng u thưởng.
Văn chương thức đại gia.
Khe suối cùng thưởng ngoạn.
Văn chương biết tài hoa.

春 風 寄 瀟 洒
大 雅 含 宰 容
Xuân phong ký tiêu sái.
Đại nhã hàm hoa dung.
Gió xuân vốn phóng khoáng.
Đức lớn sẵn khoan dung.

欲 知 天 地 事
須 讀 古 今 書
Dục tri thiên địa sự.
Tu độc cổ kim thư.
Muốn biết chuyện trời đất.
Nên đọc sách xưa nay.

退 筆 如 山 未 足 惜
讀 書 萬 卷 始 通 神
Thoái bút như sơn vị túc tích.
Độc thư vạn quyển thuỷ thông thần.
Bút cao như núi còn không tiếc.
Sách đọc muôn pho mới thấy thông.

杯 沾 華 露 留 佳 客
案 接 雲 山 檢 异 書
Bôi triêm hoa lộ lưu giai khách.
Án tiếp vân sơn kiểm dị thư.
Chén thấm sương hoa lưu khách quý.
Án liền mây núi kiểm sách hay.

遙 看 北 斗 挂 南 岳
常 撞 大 呂 應 黃 鍾
Dao khoan bắc đẩu quải nam nhạc.
Thường chàng đại lữ ứng hoàng chung.
Xa trông Bắc đẩu trên Nam nhạc.
Thường ca Đại lữ tấu Hoàng chung.

片 紙 能 見 天 下 意
一 毫 可 畫 古 今 情
Phiến chỉ năng kiến thiên hạ lý.
Nhất hào khả hoạ cổ kim tình.
Mánh tờ hay thấy ý thiên hạ.
Một nét vẽ nên tình cổ kim.

名 畫 要 如 詩 句 讀
古 琴 兼 作 水 聲 聽
Danh hoạ yêu như thi cú độc.
Cổ cầm kiêm tác thuỷ thanh thính.
Bức vẽ đẹp như bài thơ hay.
Tiếng đàn xưa như dòng suối chảy.

書 到 精 絶 方 弄 險
詩 窮 蹇 滯 更 吟 豪
Thư đáo tinh tuyệt phương lộng hiểm.
Thi cùng kiển trệ cánh ngâm hào.
Sách đến tột vời thường hiểu khó.
Thơ càng ngưng đọng mới ngâm hay.

雨 惊 詩 夢 來 蕉 葉
風 載 書 聲 出 藕 花
Vũ kinh thi mộng lai tiêu diệp.
Phong đới thư thanh xuất ngẫu hoa.
Thánh thót tàu tiêu tỉnh mộng thơ.
Phơ phất sen đưa lời đọc sách.

風 月 有 情 常 似 舊
丹 青 妙 處 不 堪 傳
Phong nguyệt hữu tình thường tự cựu.
Đan thanh diệu xứ bất kham truyền.
Trăng gió có tình nên vốn biết.
Sắc màu chốn đẹp khó hay ghi.

山 川 佳 色 澄 懸 鏡
松 竹 清 陰 靜 讀 書
Sơn xuyên giai sắc trừng huyền kính.
Tùng trúc thanh âm tĩnh độc thư.
Trăng treo vẻ đẹp ngời sông núi.
Sách đọc thầm nghe vẳng trúc thông.

衣 襟 半 染 煙 霞 氣
詩 卷 長 留 天 地 間
Y khâm bán nhiễm yên hà khí.
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.
Vạt áo nửa phần sương khói nhuộm.
Quyển thơ đành gửi đất trời lưu.

花 木 清 香 庭 院 翠
琴 書 雅 趣 館 堂 幽
Hoa mộc thanh hương đình viện thuý.
Cầm thư nhã thú quán đường u.
Hoa lá thơm hương, sân viện biếc.
Sách đàn thú nhã, quán thanh u.

文 姿 筆 態 雲 山 里
畫 意 詩 情 煙 樹 中
Văn tư bút thái vân sơn lý.
Hoạ ý thi tình yên thụ trung.

Thần thái bút văn mây với núi.
Ý tình thi họa khói cùng cây.

春庭草色和煙暖
午夜書聲帶月寒
Xuân đình thảo sắc hoà yên noãn.
Ngọ dạ thư thanh đới nguyệt hàn.
Sắc cỏ sân xuân làn khói ấm.
Đêm về đọc sách lạnh trăng khuya.

名花照眼春光滿
奇句天開妙論高
Danh hoa chiếu nhãn xuân quang mãn.
Kỳ cú thiên khai diệu luận cao.
Hoa thơm mắt ngó xuân đầy sáng.
Thơ lạ trời xui ý mới cao.

吟成不覺野花語
睡起忽聞山鳥鳴
Ngâm thành bất giác dã hoa ngữ.
Thụy khởi hốt văn sơn điểu minh.
Ngâm lên mới biết hoa đồng nói.
Tỉnh dậy vừa hay chim núi kêu.

文成蕉葉書猶綠
吟到梅花字亦香
Văn thành tiêu diệp thư do lục.
Ngâm đáo mai hoa tự diệc hương.
Văn ghi trên lá xanh còn đượm.
Thơ nói về mai, chữ cũng thơm.

春雲曉室琴書潤
嘉樹當軒几席清
Xuân vân nhiễu thất cầm thư nhuận.
Gia thụ đương hiên kỷ tịch thanh.
Nhà phủ mây xuân đàn sách nhuận.
Hiên trùm cây tốt chốn ngôi thanh.

閑裁蕉葉題唐句
細嚼梅花讀漢書

Nhàn tài tiêu diệp đề Đường cú.
Tế tước mai hoa độc Hán thư.
Nhàn thu lá rụng, chép thơ Đường.
Nghiền ngẫm hoa mai, đọc sách Hán.

雲淡雨香詩世界
水流花放畫根源
Vân đạm vũ hương thi thế giới.
Thuỷ lưu hoa phóng hoạ căn nguyên.
Mưa hương, mây nhạc, thơ thế giới.
Nước chảy, hoa trôi, hoạ cội nguồn.

萬卷詩書如好友
一樽談笑伴高人
Vạn quyển thi thư như hảo hữu.
Nhất tôn đàm tiếu bạn cao nhân.
Vạn quyển thi thư như bạn tốt.
Một trướng đàm tiếu bạn người cao.

花間酌酒邀明月
石上題詩掃綠苔
Hoa gian chước tửu yêu minh nguyệt.
Thạch thượng đề thi tảo lục đài.
Chuốc rượu bên hoa mời trăng sáng.
Đề thơ đầu núi quét rêu xanh.

文名遠播如長夢
書法精求得永和
Văn danh viễn bá như trường mộng.
Thư pháp tinh cầu đắc vĩnh hòa.
Văn tài nổi tiếng hay dài mộng.
Thư pháp cầu tinh hãy vững tay.

石壁挂藤通篆意
桐陰滴露挹琴聲
Thạch bích quải đằng thông triện ý.
Đồng âm trích lộ ấp cầm thanh.
Vách đá dây leo truyền ý chữ.
Bóng đồng[1] sương giọt dẫn đàn thanh.

---

[1] Cây ngô đồng.

琴 窗 古 韻 長 生 趣
藝 苑 溫 馨 足 慰 情
Cầm song cổ vận trường sinh thú.
Nghệ uyển ôn hinh túc uỷ tình.
Thú trường sinh điệu cổ song đàn.
Tình an ủi vườn thơm nghệ thuật.

千 館 文 毫 爭 色 彩
萬 家 詩 墨 兢 風 流
Thiên quán văn hào tranh sắc thái.
Vạn gia thi mặc cạnh phong lưu.
Ngàn quán văn chương đua sắc thái.
Vạn nhà thơ mực đấu phong lưu.

眞 抒 情 意 多 文 采
苦 練 筆 功 達 自 然
Chân trữ tình ý đa văn thái.
Khổ luyện bút công đạt tự nhiên.
Diễn đạt ý tình nhiều văn vẻ.
Luyện rèn nét bút đạt tự nhiên.

盛 世 書 風 多 浩 氣
晚 年 池 墨 大 精 神
Thịnh thế thư phong đa hạo khí.
Văn niên trì mặc đại tinh thần.
Tuổi trẻ văn phong giàu hạo khí.
Khi già nét bút mạnh tinh thần.

重 帘 不 卷 留 香 久
古 硯 微 凹 聚 墨 多
Trọng liêm bất quyển lưu hương cửu.
Cổ nghiễn vị ao tụ mặc đa.
Rèm nặng giữ hương nên chẳng cuốn.
Nghiên xưa đọng mực bởi lòng sâu.

喜 我 詞 章 無 俗 韻
愛 人 畫 品 友 清 操
Hỷ ngã từ chương vô tục vận.
Ái nhân hoạ phẩm hữu thanh thao.
Mừng tớ văn chương không vẻ tục.
Yêu người hoạ phẩm có màu thanh.

竹 露 松 風 蕉 葉 雨
茶 煙 琴 韻 讀 書 聲
Trúc lộ tùng phong tiêu diệp vũ.
Trà yên cầm vận độc thư thanh.
Sương trúc gió tùng mưa tàu chuối.
Khói trà tiếng nhạc giọng bình văn.

詩 書 千 載 經 綸 事
松 竹 四 時 瀟 洒 心
Thi thư thiên tải kinh luân sự.
Tùng trúc tứ thời tiêu sái tâm.
Thi thư ngàn thuở việc kinh luân.
Tùng trúc bốn mùa lòng thư thái.

對 韻 求 工 藏 國 醉
聯 詩 術 志 顯 民 風
Đối vận cầu công tàng quốc tuý.
Liên thi thuật chí hiển dân phong.
Vần đối khéo tìm mang quốc tuý.
Thi liên thuật chí hiển dân phong.

清 新 雋 永 詩 書 氣
朴 素 天 眞 寒 墨 情
Thanh tân tuyển vĩnh thi thư khí.
Phác tố thiên chân hàn mặc tình.
Thanh tân ý vị khí thi thư.
Chất phác tính trời tình bút mực.

閑 處 攜 書 花 下 讀
興 來 得 句 竹 間 吟
Nhàn xứ huề thư hoa hạ độc.
Hứng lai đắc cú trúc gian ngâm.
Đọc sách dưới hoa ngồi lúc rỗi.
Ngâm thơ bên trúc hứng khi về.

閑 拈 古 帖 臨 池 寫
靜 捧 奇 書 就 月 觀
Nhàn niêm cổ thiếp lâm tri tả.
Tĩnh bổng kỳ thư tựu nguyệt quan.
Nhàn mang thiếp cũ bên ao viết.
Tĩnh đem sách lạ dưới trăng xem.

運 筆 不 靈 看 燕 舞
行 文 無 字 賞 花 開
Vận bút bất linh khan yến vũ.
Hành văn vô tự thưởng hoa khai.
Ngó thấy ngòi khô, ngắm yến bay.
Trông chừng văn bí, xem hoa nở.

人 居 百 尺 松 蘿 上
詩 在 千 層 花 雨 中
Nhân cư bách xích tùng la thượng.
Thi tại thiên tầng hoa vũ trung.
Người nằm trên ngọn tùng trăm thước.
Thơ ở dưới mưa hoa ngàn tầng.

墨 池 煙 譹 花 間 露
茗 鼎 香 浮 竹 外 雲
Mặc trì yên ái hoa gian lộ.
Minh đỉnh hương phù trúc ngoại vân.
Ao mực khói trùm sương đọng hoa.
Chén trà hương toả mây mờ trúc.

鳥 向 枝 頭 催 筆 韻
梅 從 花 外 度 書 聲
Điểu hướng chi đầu thôi bút vận.
Mai tòng hoa ngoại độ thư thanh.
Chim hướng đầu cành giục vần bút.
Mai đến cùng hoa đưa tiếng thơ.

小 苑 詩 風 籠 翠 墨
怡 亭 筆 興 拜 青 藤
Tiểu uyển thi phong lung thuý mặc.
Di đình bút hứng bái thanh đằng.
Vườn nhỏ gió thơ trùm mực biếc.
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.

雅 言 不 在 詩 文 外
琴 德 原 超 絲 竹 間
Nhã ngôn bất tại thi văn ngoại.
Cầm đức nguyên siêu ty trúc gian.
Thơ văn vẫn sẵn lời tao nhã.
Tơ trúc nằm trong đức ngón đàn.

丹 青 落 紙 化 春 色
彩 墨 從 心 題 妙 詩
Đan thanh lạc chỉ hoá xuân sắc.
Thái mặc tòng tâm đề diệu thi.
Sắc màu trên giấy cảnh đầy xuân.
Nét mực theo lòng thơ đến tuyệt.

細 雨 暗 滋 書 策 草
春 風 首 報 墨 家 香
Tế vũ ám tư thư sách thảo.
Xuân phong thủ báo mặc gia hương.
Mưa nhỏ thấm dần trang giấy viết.
Gió xuân báo trước mực nhà thơm.

客 去 茶 甘 流 舌 本
睡 余 書 味 在 胸 中
Khách khứ trà cam lưu thiệt bản.
Thuỵ dư thư vị tại hung trung.
Khách về cuống lưỡi dư trà ngọt.
Muộn dậy trong lòng có vị thơ.

華 堂 入 雲 江 山 添 一 景
大 廈 落 成 農 户 樂 三 春
Hoa đường nhập vân giang sơn thiêm nhất cảnh.
Đại hạ lạc thành nông hộ lạc tam xuân.
Nhà đẹp mây trùm non nước góp thêm một cảnh.
Mái to mới lợp, nhà nông vui đến ba xuân.

吉 日 遷 居 萬 事 如 意
良 辰 安 宅 百 年 遂 心
Cát nhật thiên cư vạn sự như ý.
Lương thời an trạch bách niên toại tâm.
Ngày tốt dọn nhà muôn việc đẹp ý.
Giờ lành yên chỗ trăm năm vừa lòng.

笑 語 聲 聲 共 慶 喬 遷 喜
腊 梅 朵 朵 同 妝 進 取 樓
Tiếu ngữ thanh thanh cộng khánh kiều thiên hỷ.
Lạp mai đoá đoá đồng trang tiến thủ lâu.
Oang oang cười nói, chúc mừng tin tốt vinh thăng.
Đoá đóa mai vàng, tô đẹp lầu cao tiến thủ.

一 輪 明 月
四 壁 清 風
Nhất luân minh nguyệt.
Tứ bích thanh phong.
Một vành trăng trong.
Bốn bề gió mát.

詩 寫 梅 畢 月
茶 煎 谷 雨 香
Thi tả mai hoa nguyệt.
Trà tiên cốc vũ hương.
Thơ hoa mai dưới nguyệt.
Trà nước suối thơm hương.

閑 搜 妙 句 書 紅 葉
忽 得 新 詩 寄 白 雲
Nhàn sưu diệu cú thư hồng diệp.
Hốt đắc tân thi ký bạch vân.
Lá hồng rỗi lượm ghi câu đẹp.
Mây trắng tin dùm mới có thơ.

來 看 絶 妙 畫
共 賞 無 聲 詩
Lai khán tuyệt diệu họa.
Cộng thưởng vô thanh thi.
Đến xem họa tuyệt đẹp.
Cùng thưởng thơ vô thanh.

書 山 覓 玉
學 海 泛 舟
Thư sơn mịch bảo.
Học hải phiếm chu.
Núi sách tìm ngọc.
Biển học dạo thuyền.

讀 書 眞 腹 樂
賞 畫 悅 心 神
Độc thư chân phúc lạc.
Thưởng hoạ duyệt tâm thần.
Đọc sách thực vui bụng.
Ngắm hoạ sướng tâm thần.

書 畫 益 壽
金 石 延 年
Thư hoạ ích thọ.
Kim thạch diên niên.
Thư hoạ tăng thọ.
Vàng đá thêm năm.

雅 琴 飛 白 雪
高 論 橫 青 雲
Nhã cầm phi bạch tuyết.
Cao luận hoành thanh vân.
Đàn nhã bay tuyết trắng.
Lời hay chắn mây xanh.

書 存 金 石 氣
室 有 蕙 蘭 香
Thư tồn kim thạch khí.
Thất hữu huệ lan hương.
Sách bền khí vàng đá.
Nhà có hương huệ lan.

學 語 春 鶯 轉
書 窗 秋 鴈 斜
Học ngữ xuân oanh chuyển.
Thư song thu nhạn tà.
Oanh xuân chuyển giọng học.
Nhạn thu sà thư song.

几 淨 雲 生 硯
窗 明 月 映 書
Kỷ tĩnh vân sinh nghiễn.
Song minh nguyệt ánh thư.
Ghế tĩnh mây trong nghiên.
Song sáng trăng soi sách.

詩 情 畫 意
琴 韻 書 聲
Thi tình hoạ ý.
Cầm vận thư thanh.
Tình thơ ý hoạ.
Đàn vận sách tiếng.

圖 書 聚 所 好
竹 柏 得 其 眞
Đồ thư tụ sở hảo.
Trúc bách đắc kỳ chân.
Đồ thư tụ chỗ tốt.
Trúc bách được là ngay.

松 風 煮 茗
竹 雨 談 詩
Tùng phong chử minh.
Trúc vũ đàm thi.
Gió tùng trà pha.
Mưa trúc thơ luận.

琴 書 多 古 意
水 石 澹 幽 居
Cầm thư đa cổ ý.
Thuỷ thạch đạm u cư.
Sách đàn nhiều ý cổ.
Suối đá dợn hang u.

書 林 漫 步
學 海 遨 游
Thư lâm mạn bộ.
Học hải ngao du.
Rừng sách đi dạo.
Biển học ngao du.

爽 目 詩 書 畫
悅 神 梅 竹 蘭
Sảng mục thi thư hoạ.
Duyệt thần mai trúc lan.
Sáng mắt thi thư hoạ.
An thần mai trúc lan.

書 畫 怡 且 樂
金 石 壽 而 康
Thư hoạ di thả lạc.
Kim thạch thọ nhĩ khang.
Thư hoạ nhã mà vui.
Vàng đá thọ lại khoẻ.

博 通 上 下
雅 集 古 今
Bác thông thượng hạ.
Nhã tập cổ kim.
Rộng thông trên dưới.
Khéo học xưa nay.

高 窗 妙 挹 千 川 月
小 屋 長 看 四 季 春
Cao song diệu ấp thiên xuyên nguyệt.
Tiểu ốc trường khan tứ quý xuân.
Ngàn ánh trăng ôm cửa sổ cao.
Bốn mùa xuân ngắm ngôi nhà nhỏ.

博 覽 群 書 見 多 識 廣
兼 采 百 家 目 明 耳 聰
Bác lãm quần thư kiến đa thức quảng.
Kiêm thái bách gia mục minh nhĩ thông.
Mọi sách đọc qua, kiến thức sâu rộng.
Trăm nhà kiêm đủ, tai mắt thông minh.

筆 永 健
藝 常 青
Bút vĩnh kiện.
Nghệ thường thanh.
Bút luôn mạnh.
Vẻ thường tươi.

筆 甜 墨 暢
心 曠 神 怡
Bút cam mặc sướng.
Tâm khoáng thần di.
Bút mực say sưa.
Tâm hồn phóng khoáng.

喜 有 和 風 駐
欣 無 俗 客 來
Hỷ hữu hoà phong trú.
Hân vô tục khách lai.
Mừng có gió mát tới.
Vui không khách tục thăm.

風 雲 三 尺 劍
花 鳥 一 床 書
Phong vân tam xích kiếm.
Hoa điểu nhất sàng thư.
Gió mây kiếm ba thước.
Chim hoa sách một giường.

伴 我 書 千 卷
可 人 花 一 帘
Bạn ngã thư thiên quyển.
Khả nhân hoa nhất liêm.
Bạn ta sách ngàn cuốn.
Người tốt hoa một rèm.

室 雅 何 須 大
花 香 不 在 多
Thất nhã hà tu đại.
Hoa hương bất tại đa.
Nhà nhã cần gì lớn.
Hoa thơm chẳng ở nhiều.

墨 研 清 露 月
琴 響 碧 天 秋
Mặc nghiên thanh lộ nguyệt.
Cầm hưởng bích thiên thu.
Mực mài sương nguyệt trong.
Tiếng đàn trời thu biếc.

逢 人 覽 妙 句
留 客 聽 清 泉
Phùng nhân lãm diệu cú.
Lưu khách thính thanh tuyền.
Gặp người xem câu tuyệt.
Giữ khách tiếng suối trong.

桂 香 清 院 落
梅 影 小 窗 紗
Quế hương thanh viện lạc.
Mai ảnh tiểu song sa.
Hương quế lọt nhà thanh.
Ảnh mai qua rèm nhỏ.

風 清 楊 柳 夢
月 淡 海 棠 陰
Phong thanh dương liễu mộng.
Nguyệt đạm hải đường âm.
Gió mát mộng dương liễu.
Trăng nhạt đậm hải đường.

香 開 梅 映 月
爽 挹 竹 明 秋
Hương khai mai ánh nguyệt.
Sảng ấp trúc minh thu.
Hương thanh, mai ánh nguyệt.
Khí nhã trúc vời thu.

窗 開 千 里 月
硯 洗 一 溪 雲
Song khai thiên lý nguyệt.
Nghiễn tẩy nhất khê vân.
Song đầy trăng vạn dặm.
Nghiên rửa mây một khe.

貴 客 常 盈 座
樽 中 酒 不 空
Quý khách thường doanh toạ.
Tôn trung tửu bất không.
Khách quý thường đông đảo.
Chén rượu chẳng hề vơi.

客 來 花 欲 笑
人 与 月 同 清
Khách lai hoa giục tiếu.
Nhân dữ nguyệt đồng thanh.
Chúm chiếm hoa chào khách.
Thủ thỉ người với trăng.

竹 深 留 客 處
荷 淨 納 良 時
Trúc thâm lưu khách xứ.
Hà tịnh nạp lương thời.
Trúc dày nơi khách lưu.
Sen sạch hứng gió mát.

花 明 生 喜 氣
客 雅 起 香 風
Hoa minh sinh hỷ khí.
Khách nhã khởi hương phong.
Hoa tươi sinh khí đẹp.
Khách nhã toả mùi hương.

梅 香 入 夢
竹 影 橫 窗
Mai hương nhập mộng.
Trúc ảnh hoành song.
Hương mai vào mộng.
Ảnh trúc ngang song.

椅 欄 吟 夜 月
卷 帘 挹 春 風
Ỷ lan ngâm dạ nguyệt.
Quyển liêm ấp xuân phong.
Tựa lan ngâm trăng tối.
Cuộn rèm đón gió xuân.

春 怡 眼 底
月 在 堂 前
Xuân di nhãn để.
Nguyệt tại đường tiền.
Xuân trong đáy mắt.
Trăng ở trước nhà.

月 影 窗 前 靜
琴 聲 雨 後 清
Nguyệt ảnh song tiền tĩnh.
Cầm thanh vũ hậu thanh.
Trước song ánh trăng lặytng.
Sau mưa tiếng đàn trong.

四 時 佳 景
滿 座 高 明
Tứ thời giai cảnh.
Mãn toạ cao minh.
Bốn mùa cảnh đẹp.
Lắm khách cao minh.

斗 室 乾 坤 大
寸 心 天 地 寬
Đẩu thất càn khôn đại.
Thốn tâm thiên địa khoan.
Nhà nhỏ vũ trụ to.
Tấc lòng trời đất rộng.

相 見 亦 無 事
不 來 忽 億 君
Tương kiến diệc vô sự.
Bất lai hốt ức quân.
Gặp mặt biết vô sự.
Xa nhau thấy nhớ người.

溪 聲 來 枕 上
山 翠 落 樽 前
Khê thanh lai chẩm thượng.
Sơn thuý lạc tôn tiền.
Bên gối vẳng tiếng suối.
Đáy cốc hiện non xanh.

瑞 藹 佳 地
福 蘊 新 居
Thuỵ ái giai địa.
Phúc uẩn tân cư.
Đất tốt mây lành.
Nhà mới chứa phúc.

祥 雲 籠 吉 地
嘉 樹 拂 新 軒
Tường vân lung cát địa.
Gia thụ phất tân hiên.
Mây lành phủ đất lành.
Cây đẹp che hiên đẹp.

門 庭 多 福
日 月 重 光
Môn đình đa phúc.
Nhật nguyệt trùng quang.
Cửa nhà lắm phúc.
Nhật nguyệt lại quang.

祥 光 浮 紫 閣
喜 氣 繞 朱 軒
Tường quang phù tử các.
Hỷ khí nhiễu chu hiên.
Mây lành vờn gác tía.
Khí tốt phủ hiên son.

日 麗 新 居 暖
風 和 甲 第 安
Nhật lệ tân cư noãn.
Phong hoà giáp đệ an.
Đẹp trời ấm chỗ mới.
Lặng gió yên cửa nhà.

上 梁 喜 鵲 叫
豎 柱 彩 霞 飛
Thượng lương hỷ thước khiếu.
Thụ trụ thái hà phi.
Khách kêu chúc cất xà.
Ráng bay mừng dựng cột.

明 月 一 輪 滿
德 門 四 處 和
Minh nguyệt nhất luân mãn.
Đức môn tứ xứ hoà.
Trăng sáng một vành đầy.
Cửa đức bốn xứ thuận.

祥 光 臨 福 地
喜 氣 滿 新 居
Tường quang lâm phúc địa.
Hỷ khí mãn tân cư.
Mây lành đến đất phúc.
Khí tốt đầy nhà mới.

豎 千 年 柱
架 萬 代 梁
Thụ thiên niên trụ.
Giá vạn đại lương.
Dựng cột ngàn năm.
Gác xà muôn thuở.

吉 星 高 照
福 地 呈 祥
Cát tinh cao chiếu.
Phúc địa trình tường.
Sao tốt chiếu cao.
Đất phúc điềm lành.

山 環 水 繞
人 傑 地 靈
Sơn hoàn thuỷ nhiễu.
Nhân kiệt địa linh.
Núi quanh nước cuộn.
Người kiệt đất linh.

奠 定 千 秋 業
撐 起 萬 載 梁
Điện định thiên thu nghiệp.
Xanh khởi vạn tải lương.
Định sự nghiệp ngàn thu.
Dựng cây xà muôn thuở.

婺 星 西 隕 恩 無 既
泰 水 東 流 淚 与 同
Vụ tinh tây vẫn ân vô ký.
Thái thuỷ đông lưu lệ dữ đồng.
Vụ tinh tây rụng ơn còn để.
Dòng thái đông về lệ chảy chung.

滿 苑 禾 苗 傷 化 雨
一 門 桃 李 哭 春 風
Mãn uyển hoà miêu thương hoá vũ.
Nhất môn đào lý khốc xuân phong.
Đầy đồng lúa mạ thương mưa xuống.
Một cổng mận đào khóc gió xuân.

欲 見 嚴 容 何 處 覓
唯 思 良 訓 弗 能 文
Dục kiến nghiêm dung hà xứ mịch.
Duy tư lương huấn phất năng văn.
Vẻ nghiêm muốn thấy tìm đâu gặp.
Lời dậy hằng mong chẳng được nghe.

眉 間 爽 氣 無 緣 見
座 右 聲 言 不 再 聞
Mi gian sảng khí vô duyên kiến.
Toạ hữu thanh ngôn bất tái văn.
Cận kề hào khí không duyên gặp.
Ngồi cạnh lời hay chẳng lại nghe.

宮 娥 此 日 先 題 詠
丹 桂 他 年 任 取 攜
Cung nga thử nhật tiên đề vịnh.
Đan quế tha niên nhiệm thủ huề.
Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.
Đan quế năm sau sẽ vịn tay.

莫 把 寒 宮 攀 桂 手
漫 題 彩 筆 畫 娥 眉
Mạc bả hàn cung phan quế thủ.
Mạn đề thái bút hoạ nga my.
Đâu chỉ cung hàn tay vịn quế.
Tạm đem bút tốt vẽ mày ngài.

好 把 蟾 宮 攀 桂 手
輕 拈 兔 穎 畫 娥 眉
Hảo bả thiềm cung phan quế thủ.
Khinh niêm thỏ dĩnh họa nga my.
Đã khéo cung thiềm tay vịn quế.
Còn đem bút thỏ vẽ mày ngài.

彩 麗 燭 花 開 好 夜
香 飄 桂 苑 發 來 秋
Thái lệ chúc hoa khai hảo dạ.
Hương phiêu quế uyển phát lai thu.
Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng.
Hương bay vườn quế báo thu sang.

構 邊 紅 葉 漂 秋 水
月 里 素 娥 映 彩 霞
Cấu biên hồng diệp tiêu thu thuỷ.
Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.
Lá đỏ trôi theo nước thu trong.
Hằng nga rạng dưới trăng mây đẹp.

桐 枝 漸 長 翔 丹 鳳
桂 蕊 新 開 集 紫 鸞

Đồng chi tiệm trưởng tường đan phượng.
Quế nhuỵ tân khai tập tử loan.

Cành ngô mới lớn phượng bay lượn.
Nhuỵ quế xoè ra loan xúm quanh.

丹 桂 香 含 飄 秀 閣
碧 雲 光 吐 映 粧 紅

Đan quế hương hàm phiêu tú các.
Bích vân quang thổ ánh trang hồng.

Quế đỏ hương bay vào gác đẹp.
Mây xanh sáng tỏ ánh hồng trang.

秋 深 喜 作 蟾 宮 客
夜 靜 欣 逢 月 裡 人

Thu thâm hỷ tác thiềm cung khách.
Dạ tĩnh hân phùng nguyệt lý nhân.

Thu muộn mừng làm khách cung thiềm.
Đêm vắng vui gặp người dưới nguyệt.

玉 種 藍 田 歡 偕 鳳 侶
香 飄 丹 桂 夢 葉 螽 斯

Ngọc chủng lam điền hoan giai phượng lữ.
Hương phiêu đan quế mộng diệp chung tư.

Ngọc rắc lam điền vui bầy với phượng.
Hương bay đan quế mộng lá chung tư.

搖 琴 一 曲 雙 聲 奏
月 殿 三 秋 五 桂 香

Dao cầm nhất khúc song thanh tấu.
Nguyệt điện tam thu ngũ quế hương.

Dạo đàn một khúc đôi làn giọng.
Trăng điện ba thu, năm quế hương.

桂 子 秋 香 欣 行 奠 鴈
杏 林 春 暖 定 夢 惟 熊

Quế tử thu hương hân hành điện nhạn.
Hạnh lâm xuân noãn định mộng duy hùng.

Cây quế hương thu vui làm lễ nhạn.
Rừng hạnh ấm xuân chỉ muốn mộng hùng.

眉 間 爽 氣 無 緣 見
座 右 聲 言 不 再 聞
Mi gian sảng khí vô duyên kiến.
Toạ hữu thanh ngôn bất tái văn.
Cận kề hào khí không duyên gặp.
Ngồi cạnh lời hay chẳng lại nghe.

宮 娥 此 日 先 題 詠
丹 桂 他 年 任 取 攜
Cung nga thử nhật tiên đề vịnh.
Đan quế tha niên nhiệm thủ huề.
Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.
Đan quế năm sau sẽ vịn tay.

莫 把 寒 宮 攀 桂 手
漫 題 彩 筆 畫 娥 眉
Mạc bả hàn cung phan quế thủ.
Mạn đề thái bút hoạ nga my.
Đâu chỉ cung hàn tay vịn quế.
Tạm đem bút tốt vẽ mày ngài.

好 把 蟾 宮 攀 桂 手
輕 拈 兔 穎 畫 娥 眉
Hảo bả thiềm cung phan quế thủ.
Khinh niêm thỏ dĩnh họa nga my.
Đã khéo cung thiềm tay vịn quế.
Còn đem bút thỏ vẽ mày ngài.

彩 麗 燭 花 開 好 夜
香 飄 桂 苑 發 來 秋
Thái lệ chúc hoa khai hảo dạ.
Hương phiêu quế uyển phát lai thu.
Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng.
Hương bay vườn quế báo thu sang.

構 邊 紅 葉 漂 秋 水
月 里 素 娥 映 彩 霞
Cấu biên hồng diệp tiêu thu thuỷ.
Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.
Lá đỏ trôi theo nước thu trong.
Hằng nga rạng dưới trăng mây đẹp.

紫鸞幷集三秋桂
丹鳳雙棲八月桐
Tử loan tịnh tập tam thu quế.
Đan phượng song thê bát nguyệt đồng.
Loan tía vây quanh, quế ba năm.
Phượng đỏ đậu đôi, đồng tháng tám.

嫦娥月裡到人間丹桂香風飄秀幙
秦女樓中來鳳侶紫蕭雅調引文鸞
Thường nga nguyệt lý đáo nhân gian đan quế hương phong phiêu tú mạc.
Tần nữ lâu trung lai phượng lữ tử tiêu nhã điệu dẫn văn loan.
Hằng nga cung quảng xuống nhân gian, hương lan quế gió lay rèm đẹp.
Tần nữ trên lầu tìm bạn phượng, giọng tử tiêu dẫn dắt loan xinh.

此日茱萸爭燦爛
他年蘭桂茁芬芳
Thử nhật thù du tranh xán lạn.
Tha niên lan quế truật phân phương.
Ngày ấy thù du tranh xán lạn.
Năm sau lan quế mạnh đưa hương.

金綴蘸花簪借色
玉飄叢桂佩留香
Kim xuyết ly hoa trâm tá sắc.
Ngọc phiêu tùng quế bội lưu hương.
Cúc dậu hoa vàng tôn vẻ đẹp.
Quế tùng gió ngọc toả hương thơm.

金菊瑞呈金屋女
玉蘭香透玉樓人
Kim cúc thuỵ trình kim ốc nữ.
Ngọc lan hương thấu ngọc lâu nhân.
Cúc vàng mừng trình gác nhà vàng.
Lan ngọc hương thơm người lầu ngọc.

鬘酒流馨浮菊酒
燭花煥彩共蘭花
Cẩn tửu lưu hinh phù cúc tửu.
Chúc hoa hoán thái cộng lan hoa.
Rượu cẩn lưu hương thơm rượu cúc.
Hoa đuốc sáng ngời cạnh hoa lan.

露 浥 玉 蘭 凝 繡 閣
風 飄 金 菊 映 新 粧
Lộ ấp ngọc lan ngưng tú các.
Phong phiêu kim cúc ánh tân trang.
Sương đọng ngọc lan, ngưng gác đẹp.
Gió lay kim cúc, rạng tân trang.

午 夜 芳 蘭 輝 彩 夢
三 秋 叢 菊 映 新 粧
Ngọ dạ phương lan huy thái mộng.
Tam thu tùng cúc ánh tân trang.
Nửa đêm lan thơm toả mộng đẹp.
Ba thu tùng cúc rạng màu xanh.

此 日 黃 花 方 吐 艷
來 年 丹 桂 正 飄 香
Thử nhật hoàng hoa phương thổ diệm.
Lai niên đan quế chính phiêu hương.
Ngày ấy cúc vàng đang đẹp vẻ.
Năm sau quế đỏ mới đưa hương.

鴛 幃 正 飲 黃 花 酒
鳳 閣 初 描 綠 柳 眉
Uyên vi chính ẩm hoàng hoa tửu.
Phượng các sơ miêu lục liễu my.
Màn uyên đang uống rượu hoàng hoa.
Gác phượng mới tô mày lá liễu.

登 高 賦 就 于 歸 句
對 鏡 裁 成 博 議 篇
Đăng cao phú tựu vu quy cú.
Đối kính tài thành bác nghị thiên.
Lên cao nên có vu quy cú.
Soi kính soạn thành bác nghị thiên.

新 婚 菊 酒 三 秋 燕
好 夜 燭 花 滿 室 香
Tân hôn cúc tửu tam thu yến.
Hảo dạ chúc hoa mãn thất hương.
Ba thu yến tân hôn rượu cúc.
Một nhà hương đêm đẹp đuốc hoa.

好 合 句 中 聯 好 友
登 高 節 後 占 登 科
Hảo hợp cú trung liên hảo hữu.
Đăng cao tiết hậu chiếm đăng khoa.
Trong câu hảo hợp còn hảo hữu.
Sau tiết đăng cao chiếm đăng khoa.

秋 季 金 花 舒 燦 爛
韻 餘 錦 瑟 葉 諧 和
Thu quý kim hoa thư xán lạn.
Vận dư cẩm sắt diệp hài hoà.
Thu muộn hoa vàng tươi xán lạn.
Vận thừa tiếng sắt đẹp hài hoà.

雞 鳴 驚 起 三 秋 夜
熊 夢 祥 開 九 月 天
Kê minh cảnh khởi tam thu dạ.
Hùng mộng tường khai cửu nguyệt thiên.
Suốt ba thu tiếng gà giục dậy.
Ngày tháng chín mộng hùng điềm lành.

玉 種 藍 田 熊 入 夢
詩 題 紅 葉 筆 生 花
Ngọc chủng lam điền hùng nhập mộng.
Thi đề hồng diệp bút sinh hoa.
Ngọc rải lam điền hùng vào mộng.
Thơ đề lá thắm bút sinh hoa.

畫 眉 好 借 題 糕 筆
合 巹 欣 傾 賞 菊 杯
Họa mi hảo tá đề cao bút.
Hợp cẩn hân khuynh thưởng cúc bôi.
Nâng tay bút giúp tô mày đẹp.
Thưởng chén rượu mừng hợp cẩn vui.

此 日 菊 花 斟 巹 酒
今 宵 燭 影 映 粧 臺
Thử nhật cúc hoa châm cẩn tửu.
Kim tiêu chúc ảnh ánh trang đài.
Ngày ấy rượu cẩn thơm mùi cúc.
Đêm nay trang đài rạng đuốc hoa.

步 月 月 娥 香 繡 閣
生 花 花 燭 映 粧 臺
Bộ nguyệt nguyệt nga hương tú các.
Sinh hoa hoa chúc ánh trang đài.
Dưới nguyệt, nguyệt nga thơm gác đẹp.
Nở hoa, hoa đuốc rạng trang đài.

蘭 室 書 香 成 好 友
菊 花 酒 味 慶 齊 眉
Lan thất thư hương thành hảo hữu.
Cúc hoa tửu vị khánh tề my.
Nhà lan hương sách nên bạn tốt.
Rượu cúc mùi thơm chúc lứa đôi.

點 額 新 梅 香 繡 閣
回 陽 麗 日 暖 粧 臺
Điểm ngạch tân mai hương tú các.
Hồi dương lệ nhật noãn trang đài.
Chớm nở vườn mai thơm gác đẹp.
Hồi dương ngày tốt ấm trang đài.

梅 花 賦 就 爲 元 唱
柳 絮 吟 成 作 畫 章
Mai hoa phú tựu vi nguyên xướng.
Liễu nhự ngâm thành tác họa chương.
Hoa mai đáng tôn là lĩnh xướng.
Bông liễu ngâm lên có thể hoà.

繡 閣 夜 蘭 熊 入 夢
嶺 梅 春 早 鳳 和 鳴
Tú các dạ lan hùng nhập mộng.
Lĩnh mai xuân tảo phượng hoà minh.
Gác đẹp lan đêm hùng gửi mộng.
Mai non xuân sớm phượng hoà kêu.

小 春 雪 映 藍 田 壁
高 燭 花 迎 太 乙 藁
Tiểu xuân tuyết ánh lam điền bích.
Cao chúc hoa nghinh thái ất lê.
Xuân tiểu tuyết rạng ngọc lam điền.
Giơ đuốc hoa đón lê thái ất.

蕭 吹 鳳 閣 三 星 夜
花 笑 鸞 箋 十 月 春
Tiêu suy phượng các tam tinh dạ.
Hoa tiếu loan tiên thập nguyệt xuân.
Ba sao sáng tiếng tiêu gác phượng.
Mười tháng qua hoa giễu văn loan.

繡 幙 已 傳 梅 信 早
粧 臺 由 帶 菊 花 香
Tú mạc dĩ truyền mai tín tảo.
Trang đài do đới cúc hoa hương.
Rèm đẹp đã truyền tin mai sớm.
Trang đài còn giữ hương cúc vàng.

繡 閣 燈 光 輝 彩 筆
陽 春 月 色 映 新 粧
Tú các đăng quang huy thái bút.
Dương xuân nguyệt sắc ánh tân trang.
Gác tía đèn treo ngời ánh bút.
Dương xuân nguyệt sắc rạng tân trang.

燭 花 獻 瑞 春 非 小
蘭 砌 生 香 福 自 歸
Chúc hoa hiến thuỵ xuân phi tiểu.
Lan thế sinh hương phúc tự quy.
Điềm lành hoa đuốc xuân không nhỏ.
Hương toả thềm lan phúc tự về.

高 燭 祥 花 輝 繡 閣
小 春 瑞 雪 映 藍 田
Cao chúc tường hoa huy tú các.
Tiểu xuân thụy tuyết ánh lam điền.
Hoa đẹp đuốc cao ngời tú cao.
Tuyết lành xuân chút rạng lam điền.

今 日 嶺 梅 金 鳳 友
他 年 繡 閣 玉 麟 祥
Kim nhật lĩnh mai kim phượng hữu.
Tha niên tú các ngọc lân tường.
Mai núi phượng vàng nay kết bạn.
Lầu xinh lân ngọc sẽ đưa lành.

繡閣少陽梅點額
莊臺良月葉題詩
Tú các thiếu dương mai điểm ngạch.
Trang đài lương nguyệt diệp đề thi.
Gác đẹp tháng mười mai chớm nở.
Trang đài trăng đẹp lá đề thơ.

幸逢陽月親鴻案
預卜丹山振鳳毛
Hạnh phùng dương nguyệt thân hồng án.
Dự bốc đan sơn chấn phượng mao.
Gần án hồng may gặp dương nguyệt.
Xoè cánh phượng dự đoán đan sơn.

愛日舒情園橘裝成錦繡
和風布煖嶺梅噴出芬芳
Ái nhật thư tình viên quất trang thành cẩm tú.
Hoà phong bố úc lĩnh mai phún xuất phân phương.
Ngày xưa thong thả, vườn quất sửa sang đẹp đẽ.
Gió nay ấm áp, mai non hương toả thơm lừng.

灰飛葭管聲諧鳳
雪擁藍田兆夢熊
Khôi phi hà quản tranh hài phượng.
Tuyết ủng lam điền triệu mộng hùng.
Tro bay sáo đỏ thanh hoà phượng.
Tuyết ngập lam điền mộng thấy hùng.

百歲良緣諧子月
一篇佳句占陽春
Bách tuế lương duyên hài tý nguyệt.
Nhất thiên giai cú chiếm dương xuân.
Trăm tuổi duyên lành hoà tháng tý.
Một thiên câu đẹp cả mùa xuân.

官梅初放新粧麗
瑞雪凝成繡閣輝
Quan mai sơ phóng tân trang lệ.
Thụy tuyết ngưng thành tú các huy.
Mai quan mới nở vẻ tươi xinh.
Tuyết lành ngưng đọng gác rực rỡ.

玉 管 聲 中 吹 桂 客
一 陽 月 裏 降 嫦 娥
Ngọc quản thanh trung suy quế khách
Nhất dương nguyệt lý giáng thường nga.
Sáo ngọc véo von chào khách quế.
Dương sinh trăng tỏ hiện hằng nga.

吹 蕭 臺 上 梅 賡 調
合 巹 樽 前 雪 映 杯
Suy tiêu đài thượng mai canh điệu.
Hợp cẩn tôn tiền tuyết ánh bôi.
Tiêu thổi trên đài mai đổi vẻ.
Giao duyên bày tiệc tuyết ngời ly.

玉 梅 嬌 映 青 鸞 舞
白 雪 光 浮 紫 燕 飛
Ngọc mai kiều ánh thanh loan vũ.
Bạch tuyết quang phù tử yến phi.
Ngọc mai rạng chiếu thanh loan múa.
Bạch tuyết ngời soi tử yến bay.

雪 映 鏡 幃 人 是 玉
詩 敲 金 屋 字 生 珠
Tuyết ánh kính vi nhân thị ngọc.
Thi xao kim ốc tự sinh châu.
Tuyết ánh gương soi ngời vẻ ngọc.
Thơ chép nhà vàng chữ tựa châu.

六 出 飛 聯 雙 璧 合
五 紋 添 繡 一 陽 生
Lục xuất phi liên song bích hợp.
Ngũ văn thiêm tú nhất dương sinh.
Sáu cạnh kết liên, đôi ngọc hợp.
Năm màu rực rỡ, dương sinh.

初 復 得 緣 吟 白 雪
新 粧 振 彩 映 藍 田
Sơ phục đắc duyên ngâm bạch tuyết.
Tân trang chấn thái ánh lam điền.
Sơ phục gặp duyên ngâm bạch tuyết.
Tân trang đẹp vẻ rạng lam điền.

大 雪 映 奩 輝 雪 案
早 梅 比 質 整 梅 粧
Đại tuyết ánh liêm huy tuyết án.
Tảo mai tỷ chất chỉnh mai trang.
Tuyết lớn ánh rèm soi án tuyết.
Mai sớm xem ra đẹp lũng mai.

詠 雪 簾 前 比 玉 人
吹 蕭 台 上 客 凌 雲
Vịnh tuyết liêm tiền tỷ ngọc nhân.
Suy tiêu đài thượng khách lăng vân.
Trước rèm vịnh tuyết sánh người ngọc.
Trên đài thổi sáo khách vườn mây.

官 梅 初 放 青 鸞 舞
瑞 雲 飄 來 紫 燕 排
Quan mai sơ phóng thanh loan vũ.
Thuỵ vân phiêu lai tử yến bài.
Mai quan mới nở, thanh loan múa.
Mây lành bay lại, tử yến bầy.

雪 案 三 欣 紅 得 案
燭 花 環 映 筆 生 花
Tuyết án tam hân hồng đắc án.
Chúc hoa hoàn ánh bút sinh hoa.
Tuyết án hân hoan hồng đậu án.
Đuốc hoa chiếu sáng bút sinh hoa.

新 詠 雪 飛 逢 復 月
古 稱 竹 立 慶 他 年
Tân vịnh tuyết phi phùng phục nguyệt.
Cổ xưng trúc lập khánh tha niên.
Mới vịnh tuyết bay đà tháng một.
Xưa khen trúc đứng chúc năm sau.

初 復 友 雞 窗 苑 諧 鳳 偶
新 粧 聯 雪 案 爲 助 雲 程
Sơ phục hữu kê song, uyển hài phượng ngẫu.
Tân trang liên tuyết án, vi trợ vân trình.
Sơ phục bạn song gà, thuận theo cùng phượng.
Tân trang liền án tuyết, nâng bước đường mây.

律轉一陽嶺上梅花舒玉白
杯傳二姓洞中桃片甸朱紅
Luật chuyển nhất dương lĩnh thượng mai hoa thư ngọc bạch.
Bôi truyền nhị tính động trung đào phiến điện chu hồng.
Năm tới nhất dương, đồi núi mai hoa phô ngọc bạch.
Chén mời hai họ, hoa đào trong động rực khoe hồng.

鬯酒熏顏逢臘月
梅花點額兆春魁
Cẩn tửu huân nhan phùng lạp nguyệt.
Mai hoa điểm ngạch triệu xuân khôi.
Rượu cẩn má hồng mừng tháng chạp.
Hoa mai chớm điểm báo đầu xuân.

評花賦就梅粧額
詠絮詩成雪滿階
Bình hoa phú tựu mai trang ngạch.
Vịnh nhự thi thành tuyết mãn giai.
Bình hoa phú gợi thung mai nở.
Vịnh nhị thơ thành tuyết đầy thềm.

雪滿鴛幃裁博議
梅開鳳閣誦周南
Tuyết mãn uyên vi tài bác nghị.
Mai khai phượng các tụng chu nam.
Tuyết phủ màn uyên thêm Bác nghị.
Mai phô gác phượng tụng Chu nam.

良緣喜遇和鳴日
佳偶欣諧大呂時
Lương duyên hỷ ngộ hoà minh nhật.
Giai ngẫu hân hài đại lã thời.
Ngày sáng sủa mừng được hòa duyên.
Thời đại lã vui nên giai ngẫu.

園中梅蕊偷春色
砌下蘭芽吐異香
Viên trung mai nhuỵ thâu xuân sắc.
Thế hạ lan nha thổ dị hương.
Trong vườn mai nhuỵ phô xuân sắc.
Dưới hiên lan nhú đã thơm hương.

及 第 花 簪 司 馬 帽
探 春 梅 點 壽 陽 粧
Cập đệ hoa trâm tư mã mạo.
Thám xuân mai điểm thọ dương trang.
Trâm hoa cập đệ mũ tư mã.
Mai điểm thăm xuân trang thọ dương.

冬 日 雞 窗 欣 結 伴
春 霄 熊 夢 待 占 祥
Đông nhật kê song hân kết bạn.
Xuân tiêu hùng mộng đãi chiêm tường.
Ngày đông song gà mừng kết bạn.
Đêm xuân mộng hùng đợi điềm lành.

粧 櫬 碧 梅 逢 臘 月
瑞 符 藍 玉 映 春 暉
Trang sấn bích mai phùng lạp nguyệt.
Thuỵ phù lam ngọc ánh xuân huy.
Mai biếc điểm trang khoe tháng chạp.
Ngọc Lan tươi vẻ rạng ngời xuân.

四 字 既 成 成 燕 好
三 陽 將 肇 肇 熊 占
Tứ tự ký thành thành yến hảo.
Tam dương tương triệu triệu hùng chiêm.
Bốn quý qua rồi nên yến thích.
Tam dương sắp tới báo hùng vui.

逢 臘 梅 粧 春 獨 早
種 階 玉 樹 瑞 春 多
Phùng lạp mai trang xuân độc tảo.
Chủng giai ngọc thụ thuỵ xuân đa.
Tháng chạp thung mai xuân đến sớm.
Thềm gieo cây ngọc lắm xuân lành.

臘 盡 雞 窗 添 一 友
春 來 熊 夢 入 三 更
Lạp tận kê song thiêm nhất hữu.
Xuân lai hùng mộng nhập tam canh.
Năm hết song gà thêm một bạn.
Xuân về hùng mộng suốt ba canh.

歲晚花容梅點額
秋來馥氣桂當階
Tuế vãn hoa dung mai điểm ngạch.
Thu lai phức khí quế đương giai.
Năm hết vẻ hoa, mai chớm nở.
Thu về hương toả, quế đương thì.

雪映玉人來好友
梅呈金屋點春魁
Tuyết ánh ngọc nhân lai hảo hữu.
Mai trình kim ốc điểm xuân khôi.
Tuyết soi người ngọc bạn tốt lại.
Mai nở nhà vàng điểm bảng xuân.

畫眉不是風流淺
吟絮無非雪意濃
Hoạ my bất thị phong lưu thiển.
Ngâm nhự vô phi tuyết ý nùng.
Vẽ mày chẳng phải cạn phong lưu.
Ngâm nhị đâu vì nồng ý tuyết.

結緣五百年孔雀屏中魁首選
臘逢十二月桃源洞裏占先春
Kết duyên ngũ bách niên khổng tước bình trung khôi thủ tuyển.
Lạp phùng thập nhị nguyệt đào nguyên động lý chiếm tiên xuân.
Duyên kết năm trăm năm, khổng tước trong màn, chọn số một.
Lễ vào tháng mười hai, đào nguyên động ấy, chiếm xuân đầu.

桐木逢春雙引鳳
桂宮待月早生花
Đồng mộc phùng xuân song dẫn phượng.
Quế cung đắc nguyệt tảo sinh hoa.
Ngô đồng gặp xuân dẫn đôi phượng.
Cung quế trăng soi sớm nở hoa.

花璪樓排雙斝酒
紫荊樹宿兩鴛鴦
Hoa tảo lâu bài song cẩn tửu.
Tử kinh thụ túc lưỡng uyên ương.
Lầu hoa tảo bày hai tiệc rượu.
Cây tử kinh trú đôi uyên ương.

宴爾新婚如兄如弟
之子于歸宜家宜室
Yến nhĩ tân hôn như huynh như đệ.
Chi tử vu quy nghi gia nghi thất.
Tiệc chàng tân hôn, ra anh, ra em.
Này nàng vu quy, nên nhà, nên cửa.

庭階兩兩邀鸞舞
繡幙雙雙擬燕投
Đình giai lưỡng lưỡng yêu loan vũ.
Tú mạc song song nghĩ yến đầu.
Bậc thềm cặp cặp mời loan múa.
Rèm đẹp từng đôi đón yến về.

美奐輪祥開奕葉
佳兒婦慶衍齊眉
Mỹ hoán luân tường khai dịch diệp.
Giai nhi phụ khánh diễn tề my.
Vẻ đẹp điềm lành, đời thay mới;
Vợ của con giỏi, nâng ngang mày.

悲歌動地
哀樂惊天
Bi ca động địa.
Ai nhạc kinh thiên.
Ca buồn rậy đất.
Nhạc thương động trời.

素心懸夜月
高義薄秋雲
Tố tâm huyền dạ nguyệt.
Cao nghĩa phổ thu vân.
Lòng trong treo vầng nguyệt.
Cao nghĩa khắp mây thu.

一生行好事
千古紀芳名
Nhất sinh hành hảo sự.
Thiên cổ kỷ phương danh.
Một đời làm việc tốt.
Ngàn năm sử tiếng thơm.

壽 終 德 望 在
身 去 笑 容 存
Thọ chung đức vọng tại.
Thân khứ tiếu dung tồn.
Thọ hết đức ở lại.
Người đi vẻ tươi còn.

一 生 樹 美 德
半 世 有 嘉 風
Nhất sinh thụ mỹ đức.
Bán thế hữu gia phong.
Một đời trồng đức tốt.
Nửa cõi có gia phong.

痛 心 傷 永 逝
揮 淚 憶 深 情
Thống tâm thương vĩnh thệ.
Huy lệ ức thâm tình.
Đau lòng thương kẻ khuất.
Gạt lệ nhớ tình thâm.

丹 心 昭 日 月
剛 正 泣 河 山
Đan tâm chiêu nhật nguyệt.
Cương chính khấp hà sơn.
Lòng son rạng nhật nguyệt.
Cương trực khóc sơn hà.

哭 靈 心 欲 碎
彈 淚 眼 將 枯
Khốc linh tâm dục toái.
Đàn lệ nhãn tương khô.
Khóc linh lòng muốn vỡ.
Giòng lệ mắt hầu khô.

直 道 至 今 由 在
清 名 終 古 長 留
Trực đạo chí kim do tại.
Thanh danh chung cổ trường lưu.
Đường thẳng đến nay còn đó.
Thanh danh mãi sẽ còn lưu.

一 世 辛 勤 勞 動
終 生 淳 朴 爲 人
Nhất thế tân cần lao động.
Chung sinh thuần phác vi nhân.
Một đời chuyên cần lao động.
Cuộc sống chân thật làm người

事 業 已 歸 前 輩 衆
典 型 留 作 後 人 模
Sự nghiệp dĩ qui tiên bối lục.
Điển hình lưu tác hậu nhân mô.
Sự nghiệp đã ghi trong sử sách.
Điển hình lưu để kẻ sau noi.

悲 音 難 挽 流 雲 住
哭 調 相 隨 野 鶴 飛
Bi âm nan vãn lưu vân trú.
Khốc điệu tương tuỳ dã hạc phi.
Âm buồn khó giữ mây trôi lại.
Điệu thảm đành theo cánh hạc bay.

山 哀 水 哭 悲 長 睡
骨 動 心 摧 作 永 离
Sơn ai thuỷ khốc bi trường thụy.
Cốt động tâm tồi tác vĩnh ly.
Giấc ngủ dài, non thương nước khóc.
Buồn biệt ly, xương nhức, lòng đau.

桃 花 流 水 杳 然 去
明 月 清 風 何 處 游
Đào hoa lưu thuỷ diểu nhiên khứ.
Minh nguyệt thanh phong hà xứ du.
Hoa đào nước cuốn trôi đi mãi.
Gió mát trăng trong, biết dạo đâu.

一 世 精 神 歸 石 表
滿 堂 血 淚 入 雲 天
Nhất thế tinh thần quy thạch biểu.
Mãn đường huyết lệ nhập vân thiên.
Cuộc sống tinh thần vào bia đá.
Đầy nhà lệ máu gửi trời mây.

已 剩 丰 功 垂 史 策
由 存 大 節 譽 人 民

Dĩ thặng phong công thuỳ sử sách.
Do tồn đại tiết dự nhân dân.

Đã thừa công trạng ghi trong sử.
Hãy còn khí tiết gửi nhân dân.

終 生 儉 朴 留 模 範
一 世 勤 勞 傳 好 風

Chung sinh kiệm phác lưu mô phạm.
Nhất thế cần lao truyền hảo phong.

Làm khuôn phép một đời chất phúc.
Lưu tác phong cuộc sống cần lao.

空 梁 月 冷 人 千 古
花 苑 魂 歸 鶴 一 聲

Không lương nguyệt lãnh nhân thiên cổ.
Hoa uyển hồn quy hạc nhất thanh.

Xà không, trăng lạnh, người thiên cổ.
Vườn đẹp, hồn đâu, hạc tiếng kêu.

雲 深 竹 徑 樽 猶 在
雪 壓 芝 田 夢 不 回

Vân thâm trúc kính tôn do tại.
Tuyết áp chi điền mộng bất hồi.

Mây che lối trúc, chén còn đó.
Tuyết tán, vườn chi, mộng chẳng về.

想 見 音 容 空 有 淚
欲 聞 教 訓 杳 無 聲

Tưởng kiến âm dung không hữu lệ.
Dục văn giáo huấn diểu vô thanh.

Tưởng thấy âm dung mà ứa lệ.
Muốn nghe lời dạy, tiếng đâu còn.

魂 歸 天 上 風 雲 慘
名 在 人 間 草 木 香

Hồn quy thiên thượng phong vân thảm.
Danh tại nhân gian thảo mộc hương.

Hồn về thượng giới gió mây thảm.
Tên ở nhân gian cây cỏ thơm.

良 操 美 德 千 秋 在
亮 節 高 風 萬 古 存
Lương thao mỹ đức thiên thu tại.
Lượng tiết cao phong vạn cổ tồn.
Khéo thay đức tốt ngàn năm ở.
Tiết sạch vẻ cao muôn thuở còn.

慈 惠 常 留 眾 口 頌
典 型 堪 作 後 人 師
Từ huệ thường lưu chúng khẩu tụng.
Điển hình kham tác hậu nhân sư.
Từ huệ vẫn còn lưu cửa miệng.
Điển hình đủ để dạy người sau.

三 徑 寒 松 含 露 泣
半 窗 殘 竹 帶 風 號
Tam kính hàn tùng hàm lộ khấp.
Bán song tàn trúc đới phong hào.
Ba hàng tùng rét ngậm sương khóc.
Nửa song trúc cỗi gió đương gào.

愼 終 不 忘 先 人 志
追 遠 常 懷 一 片 心
Thận chung bất vong tiên nhân chí.
Truy viễn thường hoài nhất phiến tâm.
Chí người trước chớ quên khi khuất.
Một tấm lòng tưởng nhớ nghĩ xa.

不 成 門 户 愧 爲 子
難 報 春 暉 欲 斷 腸
Bất thành môn hộ quý vi tử.
Nan báo xuân huy dục đoạn trường.
Chẳng nên người tốt, làm con thẹn.
Khó báo ba xuân, muốn đoạn trường.

音 容 苑 在 靈 車 駕
子 女 堂 前 血 淚 拋
Âm dung uyển tại linh xa giá.
Tử nữ đường tiền huyết lệ phao.
Âm dung lẫn quất trên linh giá.
Con cháu trước nhà lệ máu tuôn.

壯 懷 猶 在 風 雲 上
詩 卷 長 留 天 地 間
Tráng hoài do tại phong vân thượng.
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.
Lúc mạnh chí còn trên mây gió.
Quyển thơ để lại chốn trần gian.

情 深 風 木 終 天 慟
例 點 寒 梅 觸 景 思
Tình thâm phong mộc chung thiên đỗng.
Lệ điểm hàn mai xúc cảnh tư.
Trọn đời xót, tình sâu cha mẹ.
Cảnh gợi sầu, lệ nhỏ lạnh mai

人 間 未 遂 青 雲 志
天 上 先 成 白 玉 樓
Nhân gian vị toại thanh vân chí.
Thiên thượng tiên thành bạch ngọc lâu.
Trần gian chưa thoả chí thanh vân.
Thượng giới trước xây lầu Bạch ngọc.

千 里 吊 君 惟 有 例
十 年 知 己 不 因 文
Thiên lý điếu quân duy hữu lệ.
Thập niên tri kỷ bất nhân văn.
Ngàn dặm viếng ông duy có lệ.
Mười năm làm bạn chẳng nhờ văn.

盛 德 合 應 傳 後 世
遺 形 從 此 望 前 賢
Thịnh đức hợp ưng truyền hậu thế.
Di hình tòng thử vọng tiền hiền.
Thịnh đức vẫn còn truyền hậu thế.
Hình còn từ đấy ngóng người xưa.

白 骨 未 歸 三 尺 土
忠 魂 已 上 九 重 天
Bạch cốt vị quy tam xích thổ.
Trung hồn dĩ thượng cửu trùng thiên.
Xương trắng chưa về ba thước đất.
Hồn trung đã ở chín tầng trời.

美 德 堪 稱 吾 輩 典 范
遺 訓 長 昭 後 世 子 孫

Mỹ đức kham xưng ngô bối điển phạm.
Di huấn trường chiêu hậu thế tử tôn.

Đức tốt xứng bậc tiền bối mô phạm.
Di huấn rạng soi con cháu đời sau.

勤 勞 美 德 愿 儿 孫 永 繼
簡 朴 家 風 望 後 代 長 傳

Cần lao mỹ đức nguyện nhi tôn vĩnh kế.
Giản phác gia phong vọng hậu đại trường truyền.

Đức tốt siêng năng, mong con cháu tiếp nối.
Gia phong giản dị, muốn đời sau mãi truyền.

生 前 忠 節 似 松 凌 霜 雪
身 後 高 風 如 水 照 青 天

Sinh tiền trung tiết tự tùng lăng sương tuyết.
Thân hậu cao phong như thuỷ chiếu thanh thiên.

Khi còn, khí tiết tựa tùng khinh sương tuyết.
Lúc mất, vẻ cao như nước chiếu trời xanh.

頻 年 善 訓 常 聆 何 以 報 也
一 旦 訃 音 忽 志 能 不 悲 乎

Tần niên thiện huấn thường linh, hà dĩ báo dã.
Nhất đán phó âm hốt chí, năng bất bi hồ.

Hàng năm lời dạy thường nghe, khôn hay báo đáp.
Một sớm tin buồn bỗng nhận, khó nén đau thương.

煙 雨 淒 迷 萬 里 紅 花 洒 血 例
音 容 寂 寞 千 條 流 水 放 悲 聲

Yên vũ thê mê, vạn lý hồng hoa sái huyết lệ.
Âm dung tịch mịch, thiên điều lưu thuỷ phóng bi thanh.

Mưa gió buồn thay, muôn dặm hoa hồng tràn lệ máu.
Tăm hơi vắng lặng, ngàn dòng nước chảy cất lời thương.

敦 厚 可 風 實 爲 前 輩 表 率
和 謙 共 仰 堪 作 後 人 典 型

Đôn hậu khả phong, thực vi tiền bối biểu xuất.
Hoà khiêm cộng ngưỡng, kham tác hậu nhân điển hình.

Đôn hậu nêu gương, thực đáng tôn vinh trong kẻ trước.
Hoà khiêm đủ vẻ, mà hay mẫu mực với người sau.

音 容 苑 在 勤 奮 一 生 傳 佳 話
神 魂 离 去 芳 名 百 世 著 清 風

Âm dung uyển tại, cần phấn nhất sinh truyền giai thoại.
Thần hồn ly khứ, phương danh bách thế trứ thanh phong.

Dung mạo như còn, sức gắng một đời nên truyện thú.
Thần hồn đi mất, danh thơm trăm thuở gió lan truyền.

天 若 有 情 應 壽 百 年 于 俊 傑
人 誰 不 死 獨 將 千 古 讓 英 雄

Thiên nhược hữu tình, ưng thọ bách niên vu tuấn kiệt.
Nhân thuỳ bất tử, độc tương thiên cổ nhượng anh hùng.

Trời nếu có tình, hẳn để trăm năm dành tuấn kiệt.
Người ai không chết, riêng nêu muôn thuở tiếng anh hùng.

大 雅 雲 亡 綠 水 青 山 敘 遺 志
老 成 凋 謝 落 花 啼 鳥 總 傷 情

Đại nhã vân vong, lục thuỷ thanh sơn tự di chí.
Lão thành điêu tạ, lạc hoa đề điểu tổng thương tình.

Hiền giả đi đâu, nước biếc non xanh còn để chí.
Lão thành đến cõi, chim kêu hoa rụng thấy thương tình.

規 律 難 違 自 古 誰 能 千 年 壽
高 風 永 繼 而 今 人 仰 一 世 功

Quy luật nan vi, tự cổ thuỳ năng thiên niên thọ.
Cao phong vĩnh kế, nhi kim nhân ngưỡng nhất thế công.

Quy luật tránh đâu, tự cổ ai đây ngàn tuổi thọ.
Vẻ cao còn mãi, mà nay người trọng một đời công.

明 月 不 長 圓 過 了 中 秋 終 是 缺
高 風 最 可 仰 如 何 一 別 難 再 逢

Minh nguyệt bất trường viên, quá liễu trung thu chung thị khuyết.
Cao phong tối khả ngưỡng, như hà nhất biệt nan tái phùng.

Trăng sáng chẳng tròn lâu, qua tết trung thu rồi cũng khuyết.
Vẻ cao nên ngưỡng mộ, đã khi xa cách khỏi mong tìm.

天 不 留 耆 舊
人 皆 惜 老 成

Thiên bất lưu kỳ cựu
Nhân giai tích lão thành.

Trời chẳng lưu kẻ cũ.
Người đều tiếc ông già.

流 水 夕 陽 千 古 恨
暮 雲 春 樹 一 天 愁

Lưu thuỷ tịch dương thiên cổ hận.
Mộ vân xuân thụ nhất thiên sầu.

Nước chảy nắng chiều muôn thuở hận.
Mây hôm cây trẻ một trời sầu.

天 不 遺 一 老
人 已 足 千 秋

Thiên bất di nhất lão.
Nhân dĩ túc thiên thu.

Trời không lưu một cụ.
Người đã đủ ngàn thu.

平 生 風 義 兼 師 友
來 世 因 緣 結 弟 兄

Bình sinh phong nghĩa kiêm sư hữu.
Lai thế nhân duyên kết đệ huynh.

Bình sinh tình nghĩa kiêm thầy bạn.
Đời sau duyên nợ kết anh em.

何 知 一 夢 飛 蝴 蝶
竟 使 千 秋 泣 杜 鵑

Hà tri nhất mộng phi hồ - điệp.
Cánh sử thiên thu khấp đỗ quyên.

Hoá bướm lượn lờ trong giấc mộng.
Khiến quyên gào khóc đã ngàn năm.

四 壁 蕭 然 悲 夜 月
三 更 冷 落 憫 春 暉

Tứ bích tiêu nhiên, bi dạ nguyệt.
Tam canh lãnh lạc, mẫn xuân huy.

Bốn vách quạnh hiu, vầng trăng thảm.
Ba canh lạnh lẽo, ánh xuân buồn.

老 淚 無 多 哭 知 己
蒼 天 何 遽 喪 斯 人

Lão lệ vô đa khốc tri kỷ.
Thương thiên hà cứ táng tư nhân.

Lệ già đâu nhiều khóc tri kỷ.
Trời xanh sao nỡ chôn người này.

鶴駕難回終隔雲山家萬里
猿腸易斷那堪風雨月三更

Hạc giá nan hồi, chung cách vân sơn gia vạn lý.
Viên trường dị đoạn, na kham phong vũ nguyệt tam canh.

Xe hạc khôn về, cách biệt non mây, nhà vạn dặm.
Ruột hầu dễ đứt, chịu sao mưa gió, nguyệt ba canh.

跨鶴孤山三十載梅花一夢
騎鯨采石五百年明月重圓

Khoá hạc cô sơn, tam thập tải mai hoa nhất mộng.
Kỵ kình thái thạch, ngũ bách niên minh nguyệt trùng viên.

Ba chục xuân gót hạc núi cô, hoa mai giấc mộng.
Năm trăm năm cưỡi kình lượm đá, trăng sáng lại tròn.

時事傷心風號鶴唳人何處
哀情慘目月落烏啼霜滿天

Thời sự thương tâm phong hào hạc lệ nhân hà xứ.
Ai tình thảm mục, nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên.

Câu chuyện đau lòng, hạc khóc gió gào đâu thấy kẻ.
Cảnh tình buồn mắt, quạ kêu trăng lặn cảnh mờ sương.

慈顏已逝
風木与悲

Từ nhan dĩ thệ.
Phong mộc dữ bi.

Dáng hiền khuất nẻo.
Nghĩ mẹ buồn thương.

雨泣黃花應有恨
風淒翠竹更堪悲

Vũ khấp hoàng hoa ưng hữu hận.
Phong thê thuý trúc cánh kham bi.

Mưa khóc cúc vàng nên có hận.
Gió lay trúc biếc lại càng thương.

女星沉寶婺
仙駕返瑤池

Nữ tinh trầm bảo vụ.
Tiên giá phản Dao trì.

Bảo vụ mờ sao nữ.
Dao trì đón khách tiên.

魂 返 九 天 悲 夜 月
芳 流 百 代 憶 春 風
Hồn phản cửu thiên bi dạ nguyệt.
Phương lưu bách đại ức xuân phong.
Hồn lại chín tầng trăng tối thảm.
Danh lưu trăm thuở gió xuân buồn.

名 梢 彤 史 笵
望 斷 白 雲 香
Danh tiêu đồng sử phạm.
Vọng đoạn bạch vân hương.
Danh nêu trang đồng sử.
Vọng dứt hương bạch vân.

梅 吐 玉 容 含 孝 意
柳 拖 金 色 動 哀 情
Mai thổ ngọc dung hàm hiếu ý.
Liễu đà kim sắc động ai tình.
Vẻ ngọc mai phô hàm ý hiếu.
Sắc vàng liễu rủ động tình thương.

西 池 駕 已 歸 王 母
南 國 輝 空 仰 婺 星
Tây trì giá dĩ quy vương mẫu.
Nam quốc huy không ngưỡng vụ tinh.
Xe tây trì đã theo Vương mẫu.
Ánh trời nam hướng tới Vụ tinh.

掃 榻 飛 煙 惊 化 鶴
卷 帘 留 月 覓 歸 魂
Tảo tháp phi yên kinh hoá hạc.
Quyển liêm lưu nguyệt mịch quy hồn.
Quét giường tung bụi, kinh thành hạc.
Rèm vén lưu trăng muốn gọi hồn.

寶 婺 光 沉 天 上 宿
蓮 花 香 現 佛 前 身
Bảo vụ quang trầm thiên thượng tú.
Liên hoa hương hiện phật tiền thân.
Chòm Bảo vụ mờ sao thượng giới.
Hương hoa sen hiện phật tiền thân.

身似芳蘭從此逝
心如皓月几時回
Thân tự phương lan tòng thử thệ.
Tâm như hạo nguyệt kỷ thời hồi.
Thân tựa lan thơm không trở lại.
Tâm như trăng sáng đến khi nào.

懿德難忘流痛例
慈恩未報魏愁腸
Ý đức nan vong lưu thống lệ.
Từ ân vị báo nhiễu sầu trường.
Đức tốt khó quên tuôn lệ xót.
Ơn từ chưa báo rối sầu cơn.

細語柔言情苑在
淒風苦雨恨偏腸
Tế ngữ nhu ngôn tình uyển tại.
Thê phong khổ vũ hận thiên đường.
Nói nhẹ lời mềm tình ở lại.
Gió buồn mưa khổ hận chưa thôi.

英靈昭日月
肝膽映山河
Anh linh chiêu nhật nguyệt.
Can đảm ánh sơn hà.
Anh linh sáng nhật nguyệt.
Can đảm rạng sơn hà.

江河大地存忠骨
哀例悲歌悼傑靈
Giang hà đại địa tồn trung cốt.
Ai lệ bi ca điệu kiệt linh.
Sông ngòi lai láng xương ai giữ.
Dòng lệ buồn đau tuấn kiệt thương.

正氣留千古
丹心照萬年
Chính khí lưu thiên cổ.
Đan tâm chiếu vạn niên.
Chính khí lưu muôn thuở.
Lòng son chiếu vạn năm.

未 酬 壯 志 身 先 死
留 取 丹 心 照 汗 青
Vị thù tráng chí thân tiên tử.
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.
Chưa xong chí lớn thân đến nợ.
Gửi lại lòng son rạng sử xanh.

鐵 肩 擔 道 義
熱 血 荐 軒 轅
Thiết kiên đảm đạo nghĩa.
Nhiệt huyết tiến Hiên Viên.
Vai sắt gánh đạo nghĩa.
Máu nóng dâng Hiên Viên.

英 靈 已 作 蓬 萊 客
德 范 猶 薰 故 里 人
Anh linh dĩ tác bồng lai khách.
Đức phạm do huân cố lý nhân.
Hồn thiêng đã xứng khách non tiên.
Khuôn đức thơm lây người chốn cũ.

憂 國 身 先 殉
游 仙 夢 不 回
Ưu quốc thân tiên tuẫn.
Du tiên mộng bất hồi.
Vì nước sớm quên thân.
Cõi tiên mộng chẳng về.

青 山 綠 水 長 留 生 前 浩 氣
翠 柏 蒼 松 堪 慰 逝 後 英 靈
Thanh sơn lục thuỷ trường lưu sinh tiền hạo khí.
Thuý bách thương tùng kham uý thệ hậu anh linh.
Nước chảy non xanh còn mãi, khi sống đầy hào khí.
Tùng xanh bách biếc tươi rờn, lúc mất để anh linh.

雄 風 赫 赫 千 秋 頌
偉 績 昭 昭 萬 代 傳
Hùng phong hách hách thiên thu tụng.
Vĩ tích chiêu chiêu vạn đại truyền.
Hùng khí lẫy lừng, ngàn năm ca tụng.
Công lao hiển hách, muôn thuở lưu truyền.

忠 骨 雖 滅 浩 氣 存 千 秋 萬 代
遺 言 永 銘 贊 歌 傳 六 合 八 荒

Trung cốt tuy diệt hạo khí tồn thiên thu vạn đại.
Di ngôn vĩnh minh tán ca truyền lục hợp bát hoang.

Nắm xương dù nát, khí phách toả ngàn thu muôn thuở.
Lời dặn còn ghi, tiếng ca vang tám hướng sáu phương.

深 恩 未 報 慚 爲 子
隱 感 難 消 忝 作 人

Thâm ân vị báo tàm vi tử.
Ẩn cảm nan tiêu thiểm tác nhân.

Ơn sâu chưa báo thẹn làm con.
Mặc cảm khó tan đâu xứng kẻ.

倚 門 人 去 三 更 月
泣 杖 儿 悲 五 夜 寒

Ỷ môn nhân khứ tam canh nguyệt.
Khấp trượng nhi bi ngũ dạ hàn.

Vắng người nương cửa trăng khuya quạnh.
Thương con chống gậy rét đêm nhiều.

多 感 佳 賓 來 祭 奠
深 悲 嚴 父 去 難 留

Đa cảm giai tân lai tế điện.
Thâm bi nghiêm phụ khứ nan lưu.

Khách thân đến viếng, nhiều thương cảm.
Cha không ở lại, nặng buồn đau.

思 親 腊 盡 情 無 盡
望 父 春 歸 人 未 歸

Tư thân lạp tận tình vô tận.
Vọng phụ xuân quy nhân vị quy.

Nhớ người tháng tận tình không tận.
Mong cho xuân về người chửa về.

心 因 父 逝 心 流 血
月 見 吾 悲 月 失 輝

Tâm nhân phụ thệ tâm lưu huyết.
Nguyệt kiến ngô bi nguyệt thất huy.

Lòng thấy cha đi, lòng ứa máu.
Trăng coi ta khóc, ánh trăng mờ.

只見三秋多苦雨
誰知九月別嚴親
Chỉ kiến tam thu đa khổ vũ.
Thuỳ tri cửu nguyệt biệt nghiêm thân.
Ba năm chỉ thấy mưa tầm tã.
Chín tháng ai hay bố bặt tin.

無露庭前重見母
有時夢里一呼儿
Vô lộ đình tiền trùng kiến mẫu.
Hữu thời mộng lý nhất hô nhi.
Gặp lại mẹ, trước nhà không lối.
Tiếng hô con, trong mộng có lần.

春近人歡花發早
歲更我哭母長辭
Xuân cận nhân hoan hoa phát tảo.
Tuế canh ngã khốc mẫu trường từ.
Xuân đến người vui hoa nở sớm.
Năm thay ta khóc mẹ lời sâu.

世上痛無救母药
靈前哭煞斷腸人
Thế thượng thống vô cứu mẫu dược.
Linh tiền khốc sát đoạn trường nhân.
Thuốc mẹ khôn tìm trên cõi thế.
Lòng con muốn đứt trước linh sàng.

怎忍心撇下儿女匆匆离去
如有覺夢中母親每每歸來
Chẩm nhẫn tâm phách hạ nhi nữ thông thông li khứ.
Như hữu giác mông trung mẫu thân mỗi mỗi quy lai.
Nỡ bỏ cháu con ở lại, mà vội vã ra đi.
Mong gặp mẹ hiền trong mộng, xin người hãy hiện về.

終天唯有思親例
寸草痛無益母靈
Chung thiên duy hữu tư thân lệ.
Thốn thảo thống vô ích mẫu linh.
Trọn đời dành lệ khóc người thân.
Tấc cỏ đau lòng khôn giúp mẹ.

音 容 莫 睹 傷 心 難 禁 千 行 例
親 恩 未 報 哀 痛 不 覺 九 回 腸

Âm dung mạc đổ thương tâm nan cấm thiên hàng lệ.
Thân ân vị báo ai thống bất giác cửu hồi trường.

Gương mặt khó tìm, thương nhớ khôn ngăn dòng lệ nhỏ.
Ơn người chưa báo, khóc than luống những ruột tơ vò.

婺 星 頓 失 天 光 黯
美 德 猶 存 家 景 長

Vụ tinh đốn thất thiên quang ám.
Mỹ đức do tồn gia cảnh trường.

Vụ tinh bỗng rụng, trời u ám.
Đức tốt còn đây, nhà vững bền.

涼 月 窩 淒 清 環 砌 秋 聲 聽 倍 慘
慈 雲 歸 縹 緲 空 庭 落 月 恨 何 如

Lương nguyệt tả thê thanh hoàn thế thu thanh thính bội thảm.
Từ vân quy phiếu miểu không đình lạc nguyệt hận hà như.

Lạnh lẽo ánh trăng trong, khắp chốn tiếng thu càng thảm thiết.
Xa thẳm áng mây từ, sân lặng trăng tà hận xiết bao.

半 子 無 倚 何 所 賴
東 床 有 例 几 時 干

Bán tử vô y hà sở lại.
Đông sàng hữu lệ kỷ thời can.

Nửa con (con rể) không cậy đâu mà dựa.
Giường đông có khóc biết khi khô.

峰 頂 大 人 嗟 已 矣
膝 前 半 子 痛 何 如

Phong đỉnh đại nhân ta dĩ hĩ.
Tất tiền bán tử thống hà như.

Người lớn đỉnh non (bố vợ), thôi đã khuất.
Nửa con (chàng rể) trước gối, xót làm sao.

泰 岳 無 雲 滋 玉 潤
東 床 有 例 滴 冰 清

Thái nhạc vô vân tư ngọc nhuận.
Đông sàng hữu lệ trích băng thanh.

Thái nhạc (bố vợ) không mây cho ngọc nhuận.
Giường đông (con rể) giọt lệ tựa băng trong.

大 雅 雲 亡 梁 木 斷
老 成 凋 謝 泰 山 頹

Đại nhã vân vong lương mộc đoạn.
Lão thành điêu tạ Thái sơn đổi.
Kẻ lớn ra đi xà gỗ gãy.
Người già héo rụng thái sơn suy.

去 年 病 入 黃 泉 路
今 夜 惊 頹 泰 岳 峰

Khứ niên bệnh nhập hoàng tuyền lộ.
Kim dạ kinh đổi thái nhạc phong.
Bệnh cũ suối vàng đưa dẫn lối.
Đêm nay thái nhạc sụp mà kinh.

德 范 堪 欽 惟 冀 泰 山 常 蔭 蔽
鶴 齡 方 祝 孰 期 冰 鑒 頓 捐 塵

Đức phạm kham khâm duy ký Thái sơn thường ấm tế.
Hạc linh phương chúc thục kỳ băng giám đốn quyên trần.
đức vọng tôn sùng, những tưởng Thái sơn là chỗ dựa.
Tuổi hạc cầu chúc, nào hay gương ngọc lánh trần ai.

自 入 婿 鄉 蒙 厚 愛
何 堪 甥 貫 杳 慈 雲

Tự nhập tế hương mông hậu ái.
Hà kham sanh quán diểu từ vân.
Làng rể ngày thăm đưa đón hậu.
Quê dì nay đã vắng mây từ.

憶 半 子 昔 日 承 龍 東 床 有 幸
痛 岳 母 今 朝 駕 鶴 北 堂 無 依

Ức bán tử tích nhật thừa long đông sàng hữu hạnh.
Thống nhạc mẫu kim triêu giá hạc bắc đường vô y.
May được giường đông, ngày trước cưỡi rồng lòng vẫn nhớ.
Đâu còn nhà bắc, nay đưa xe hạc nặng tình thương.

凄 涼 甥 貫 慈 雲 黯
縹 緲 仙 鄉 夜 月 寒

Thê lương sanh quán từ vân ám.
Phiếu miểu tiên hương dạ nguyệt hàn.
Mây từ u ám trùm quê ngoại.
Trăng khuya lạnh lẽo chiếu làng tiên.

蓮 蕊 生 香 有 子 心 中 無 限 苦
萱 花 遽 謝 出 入 意 外 不 勝 悲

Liên nhuỵ sinh hương hữu tử tâm trung vô hạn khổ.
Huyên hoa cự tạ xuất nhập ý ngoại bất thăng bi.

Sen nhuỵ toả hương, con thấy trong lòng vô hạn khổ.
Hoa huyên đài héo, người đi ngoài ý xiết bao buồn.

全 校 同 教 傷 益 友
滿 庭 桃 李 哭 涼 師

Toàn hiệu đồng giao thương ích hữu.
Mãn đình đào lý khốc lương sư.

Cùng dạy cả trường thương bạn tốt.
Đầy sân đào mận khóc thầy hay.

筑 室 未 能 如 子 貢
心 哀 聊 以 學 檀 弓

Trúc thất vị năng như Tử Cống.
Tâm ai liêu dĩ học Đàn cung.

Lều mộ chưa hay bằng Tử Cống.
Lòng thương riêng đã học Đàn cung.

培 養 李 桃 曾 盡 瘁
光 輝 竹 帛 永 流 芳

Bồi dưỡng lý đào tằng tận tuỵ.
Quang huy trúc bạch vĩnh lưu phương.

Vun đắp mận đào bao tận tuỵ.
Điểm tô trúc bạch mãi còn thơm.

桃 李 悼 良 師 從 今 不 復 聞 教 誨
教 工 傷 益 友 憶 昔 徒 嗟 失 音 容

Đào lý điệu lương sư tòng kim bất phục văn giáo hối.
Giáo công thương ích hữu ức tích đồ ta thất âm dung.

Đào mận tiếc thầy hay, nay chẳng được nghe lời dạy bảo.
Thày cô thương bạn tốt, nhớ chăng đường vắng bóng người xưa.

淑 女 成 佳 婦
奇 男 已 丈 夫

Thục nữ thành giai phụ.
Kỳ nam dĩ trượng phu.

Gái đảm thành vợ hiền.
Trai tài nên người lớn.

百 年 琴 瑟 好
千 載 鳳 麟 祥
Bách niên cầm sắt hảo.
Thiên tải phượng lân tường.
Trăm năm vui cầm sắt.
Ngàn thuở đẹp phượng lân.

新 粧 梅 點 額
吉 夢 燕 投 懷
Tân trang mai điểm ngạch.
Cát mộng yến đầu hoài.
Áo mới mai chớm nở.
Mộng lành yến vào lòng.

吹 簫 堪 引 鳳
攀 桂 喜 乘 龍
Suy tiêu kham dẫn phượng.
Phan quế hỷ thừa long.
Thổi tiêu hay dẫn phượng.
Vin quế mừng cưỡi rồng.

本 爲 攀 桂 客
暫 作 探 花 郎
Bản vi phan quế khách.
Tiệm tác thám hoa lang.
Vốn là khách vin quế.
Tạm làm chàng thám hoa.

芝 蘭 千 載 茂
琴 瑟 百 年 和
Chi lan thiên tải mậu.
Cầm sắt bách niên hoà.
Chi lan ngàn thuở tốt.
Cầm sắt trăm năm hoà.

健 筆 春 山 試
雄 文 繡 閣 裁
Kiện bút xuân sơn thí.
Hùng văn tú các tài.
Bút cứng vẽ non xuân.
Văn hùng tả gác đẹp.

花燭生光彩
瓊筵燕喜冠
Hoa chúc sinh quang thái.
Quỳnh diên yến hỷ quan.
Đuốc hoa sinh vẻ sáng.
Tiệc quỳnh uống rượu vui.

户映三星繡幙錦屏春色滿
門迎百輛花堂銀燭夜光浮
Hộ ánh tam tinh tú mạc cẩm bình xuân sắc mãn.
Môn nghinh bách lượng hoa đường ngân chúc dạ quang phù.
Nhà ba sao chiếu, rèm thêu màn gấm đầy xuân sắc.
Cửa trăm xe đón, nhà hoa đuốc bạc sáng trời đêm.

南國賦桃夭允矣宜家宜室
大人占吉夢成哉維熊維羆
Nam quốc phú Đào yêu doãn hỹ, nghi gia nghi thất.
Đại nhân chiêm cát mộng thành tai, duy hùng duy bi.
Trời nam se duyên đẹp, được đấy, nên nhà nên cửa.
Kẻ cả đoán mộng lành, thành vậy, kết hùng kết bi.

男女正婚姻時開五倫之第一
陰陽和天地位欲萬物已無窮
Nam nữ chính hôn nhân thời, khai ngũ luân chi đệ nhất.
Âm dương hoà thiên địa vị, dục vạn vật dĩ vô cùng.
Nam nữ định hôn nhân, lúc mở ngũ luân coi bậc nhất.
Âm dương hoà trời đất, sinh nuôi vạn vật đến vô cùng.

金結同心百歲鳳鸞良匹偶
彩繩繫足千秋琴瑟永和諧
Kim kết đồng tâm bách tuế phượng loan lương sất ngẫu.
Thái thằng hệ túc thiên thu cầm sắt vĩnh hoà hài.
Giải vàng đồng tâm, trăm tuổi phượng loan lành đôi lứa.
Dây đỏ buộc chân, ngàn năm cầm sắt vẫn giao hoà.

友以瑟友以琴梅花香度桃花暖
麟之趾麟之定仙人信付玉人來
Hữu dĩ sắt hữu dĩ cầm mai hoa hương độ đào hoa noãn.
Lân chi chỉ lân chi định tiên nhân tín phó ngọc nhân lai.
Bạn đàn sắt, bạn đàn cầm, hoa mai hương đặm, hoa đào ấm.
Lân để dấu, lân để ý, người tiên tin gửi, người ngọc về.

蟾影浮光皓月交明花燭
龍纏應律祥雲直通星橋
Thiềm ảnh phù quang hạo nguyệt dao minh hoa chúc.
Long triền ứng luật tường vân trực bức tinh kiều.
Bóng thiềm sáng tỏ, ánh trăng xen lẫn đuốc sáng.
Rồng lên ứng luật, mây lành trùm lấy cầu ngân.

畫眉終愛蓮花品
伴讀重修博議書
Hoạ mi chung ái liên hoa phẩm.
Bạn độc trùng tu Bác nghị thư.
Vẽ mày thấy chuộng phẩm hoa sen.
Bạn đọc hai lần Bác nghị thư.

不惜鸞膠千里續
自應鳳偶百年諧
Bất tích loan giao thiên lý tục.
Tự ưng phượng ngẫu bách niên hài.
Chẳng tiếc keo loan ngàn dặm nối.
Bỗng thành đôi phượng trăm năm duyên.

鳳凰于飛亦集爰止
琴瑟在御其新孔嘉
Phượng hoàng vu phi diệc tập viên chỉ.
Cầm sắt tại ngự kỳ tân khổng gia.
Phượng hoàng đang bay cũng tìm đến đậu.
Cầm sắt cùng hoà điệu mới càng vui.

彩筆新添描夜月
桃源舊路駕輕車
Thái bút tân thiêm miêu dạ nguyệt.
Đào nguyên cựu lộ giá khinh xa.
Bút hay thêm mới tả trăng sáng.
Nguồn đào đường cũ, cưỡi xe êm.

家鄉阻隔雲千里
玉女團圓月一輪
Gia hương trở cách vân thiên lý.
Ngọc nữ đoàn viên vầy nguyệt nhất luân.
Quê nhà cách trở mây ngàn dặm.
Ngọc nữ xum vầy nguyệt một vành.

千 里 人 緣 絲 繫 足
百 年 風 月 客 爲 家
Thiên lý nhân duyên ty hệ túc.
Bách niên phong nguyệt khách vi gia.
Ngàn dặm nhân duyên chân buộc chỉ.
Trăm năm trăng gió khách là nhà.

湖 海 襟 期 眞 浩 蕩
鳳 凰 羽 翼 相 鮮 新
Hồ hải khâm kỳ chân hạo đãng.
Phượng hoàng vũ dực tướng tiên tân.
Hồ hải ước mong trời rộng lớn.
Phượng hoàng lông cánh vẻ thêm xinh.

鵲 橋 直 上 龍 門 客
鳳 閣 初 騰 翰 苑 人
Thước kiều trực thượng long môn khách.
Phượng các sơ đằng hàn uyển nhân.
Khách long môn đến thẳng cầu ô.
Người rộng học vừa lên gác phượng.

關 雎 賦 就 回 文 錦
麟 趾 賡 成 戒 旦 雞
Quan thư phú tựu hồi văn cẩm.
Lân chỉ canh thành giới đán kê.
Phú Quan thư tựa gấm hồi văn.
Dấu Lân chỉ thành răn gà gáy.

梅 綻 粧 臺 花 解 語
文 隨 繡 閣 筆 生 香
Mai điện trang đài hoa giải ngữ.
Văn tuỳ tú các bút sinh hương.
Mai điểm trang đài, hoa giải ngữ.
Văn theo gác đẹp, bút sinh hương.

詩 禮 庭 前 由 舊 訓
瑟 琴 堂 上 聽 新 聲
Thi lễ đình tiền do cựu huấn.
Cầm sắt đường thượng thính tân thanh.
Trước sân thi lễ lời xưa dạy.
Trong nhà cầm sắt mới thanh âm.

舍 章 玉 質 吟 嬌 雪
博 議 風 裁 學 畫 眉

Xá chương ngọc chất ngâm kiều tuyết.
Bác nghị phong tài học hoạ my.
Ngâm tuyết đẹp nhà phô vẻ ngọc.
Học vẽ mày bàn chuyện phong lưu.

凌 雲 奇 氣 知 才 子
映 雪 新 粧 識 玉 人

Lăng vân kỳ khí tri tài tử.
Ánh tuyết tân trang thức ngọc nhân.
Vượt mây khí lạ biết tay tài.
Tuyết ánh tân trang hay người ngọc.

漫 將 江 筆 爲 張 筆
好 向 雞 鳴 聽 鹿 鳴

Mạn tương Giang bút vi Trương bút.
Hảo hướng Kê minh thính Lộc minh.
Đùa đem Giang bút làm Trương bút.
Khéo hướng Kê minh nghe Lộc minh.

碧 紗 待 月 人 如 玉
紅 袖 添 香 夜 讀 書

Bích sa đãi nguyệt nhân như ngọc.
Hồng tụ thiêm hương dạ độc thư.
Lụa biếc dưới trăng người tựa ngọc.
Áo hồng giồi hương sách đọc đêm.

棨 火 雞 聲 雨 不 夜
筆 花 燭 影 共 聯 輝

Lê hoả kê thanh vũ bất dạ.
Bút hoa chúc ảnh cộng liên huy.
Lửa lê gà gáy đêm đâu quản.
Bút hoa ánh đuốc sáng ngời chung.

筆 花 暫 向 燈 花 燦
御 酒 還 從 卺 酒 香

Bút hoa tiệm hướng đăng hoa xán.
Ngự tửu hoàn tòng cẩn tửu hương.
Hoa bút dần hướng hoa đèn rạng.
Rượu ngự đành theo rượu cẩn thơm.

跨 鳳 原 爲 攀 桂 客
探 花 暫 作 畫 眉 人
Khoá phượng nguyên vi phan quế khách.
Thám hoa tiệm tác họa my nhân.
Cưỡi phượng vốn là khách vin quế.
Thám hoa tạm làm người vẽ mày.

待 畫 柳 眉 描 筆 意
須 燃 花 燭 映 文 光
Đãi hoạ liễu my miêu bút ý.
Tu nhiên hoa chúc ánh văn quang.
Đợi tô mày liễu qua ý bút.
Cần giương hoa đuốc sáng lời văn.

博 議 新 書 文 吐 錦
畫 眉 彩 筆 玉 生 香
Bác nghị tân thư văn thổ cẩm.
Hoạ mi thái bút ngọc sinh hương.
Bác nghị sách hay văn tựa gấm.
Vẽ mày nét đẹp ngọc sinh hương.

玉 人 早 向 書 中 得
金 榜 還 從 筆 下 來
Ngọc nhân tảo hướng thư trung đắc.
Kim bảng hoàn tòng bút hạ lai.
Người ngọc tìm trong sách mà được.
Bảng vàng nhờ có bút nên công.

先 向 洞 房 裁 博 議
好 從 清 夜 問 常 娥
Tiên hướng động phòng tài Bác nghị.
Hảo tòng thanh dạ vấn Thường nga.
Trước hướng động phòng khoe Bác nghị.
Khéo lần đêm vắng hỏi Hằng nga.

彩 筆 輕 描 寒 夜 月
新 粧 光 照 錦 紋 花
Thái bút khinh miêu hàn dạ nguyệt.
Tân trang quang chiếu cẩm văn hoa.
Bút hay nhàn tả đêm trăng lạnh.
Tân trang sáng tỏ ánh hoa văn.

秋 水 近 流 琴 韻 好
江 風 遠 送 筆 生 香
Thu thuỷ cận lưu cầm vận hảo.
Giang phong viễn tống bút sinh hương.
Giòng thu chảy cạnh tiếng đàn hay.
Gió cuốn xa đưa hương bút toả.

既 聯 詩 句 傳 嬌 語
還 向 文 章 聽 好 音
Ký liên thi cú truyền kiều ngữ.
Hoàn hướng văn chương thính hảo âm.
Thơ viết liền câu ngôn ngữ đẹp.
Văn chương đều hướng âm thanh hay.

已 擬 鳳 池 輝 翰 苑
先 登 月 窟 伴 嫦 娥
Dĩ nghĩ phượng trì huy hàn uyển.
Tiên đăng nguyệt quật bạn Thường nga.
Đã bày ao phượng bên vườn lạnh.
Còn bạn thềm trăng với Tố Nga.

摧 粧 句 配 河 洲 錦
伴 讀 燈 挑 博 議 書
Thôi trang cú phối Hà châu cẩm.
Bạn độc đăng khiêu Bác nghị thư.
Vẻ đẹp lời hòa gấm Hà châu.
Bạn đọc đèn khêu xem sách Bác nghị.

粧 摧 香 閣 珠 璣 燦
筆 寫 春 山 錦 繡 新
Trang thôi hương các châu cơ xán.
Bút tả xuân sơn cẩm tú tân.
Áo thơm hương gác châu ngọc rạng.
Bút tả non xuân gấm vóc tươi.

墨 酒 天 橋 紅 作 句
粧 摧 月 殿 錦 成 詩
Mặc tửu thiên kiều hồng tác cú.
Trang thôi nguyệt điện cẩm thành thi.
Rượu mực cầu ngân say viết chữ.
Áo hồng điện nguyệt gấm thành thơ.

紅 樓 蓮 步 摧 雲 步
春 夜 燭 花 映 筆 花
Hồng lâu liên bộ thôi vân bộ.
Xuân dạ chúc hoa ánh bút hoa.
Lầu hồng bước sen giục bước mây.
Đêm xuân hoa đuốc sáng hoa bút.

得 句 不 勞 窗 外 客
攀 花 且 問 月 中 人
Đắc cú bất lao song ngoại khách.
Phan hoa thả vấn nguyệt trung nhân.
Câu hay chẳng phiền khách ngoài cửa.
Vin hoa ướm hỏi người trong trăng.

雪 麗 河 洲 吟 雪 句
雲 連 濟 水 映 雲 程
Tuyết lệ Hà châu ngâm tuyết cú.
Vân liên Tế thuỷ ánh vân trình.
Tuyết đẹp Hà châu ngâm thơ tuyết,
Mây liền Tế thủy tỏ đường mây.

諧 偶 百 年 期 桂 實
于 歸 正 月 詠 桃 夭
Hài ngẫu bách niên kỳ quế thực.
Vu quy chính nguyệt vịnh Đào yêu.
Đôi lứa trăm năm kì bẻ quế;
Vu quy chính nguyệt vịnh Đào yêu.

繡 幕 香 濃 人 似 玉
春 霄 夢 暖 筆 生 花
Tú mạc hương nùng nhân tự ngọc.
Xuân tiêu mộng noãn bút sinh hoa.
Rèm thêu hương đậm người như ngọc.
Đêm xuân mộng ấm bút sinh hoa.

雪 案 夜 深 聯 好 友
梅 莊 日 暖 議 新 書
Tuyết án dạ thâm liên hảo hữu.
Mai trang nhật noãn nghị tân thư.
Án tuyết đêm khuya vui bạn tốt.
Thung mai ngày ấm luận sách hay.

雖 合 西 河 逢 泰 運
梅 開 南 嶺 煥 新 粧
Thư hợp Tây hà phùng thái vận.
Mai khai Nam lĩnh hoán tân trang.
Bến Tây xum họp gặp thái vận.
Non Nam mai nở rạng tân trang.

擁 髻 銀 燈 含 宿 膩
窺 簾 碧 月 照 春 容
Ủng kế ngân đăng hàm tú nhị.
Khuy liêm bích nguyệt chiếu xuân dung.
Đèn soi tóc búi vẻ tế nhị.
Trăng chiếu song nhòm rạng vẻ xuân.

時 值 泰 交 欣 合 巹
人 從 寅 統 喜 牽 絲
Thời trị thái giao hân hợp cẩn.
Nhân tòng dần thống hỷ khiên ty.
Giờ lúc giao hoà vui hợp cẩn.
Người theo truyền thống mừng dắt dây.

歲 月 水 和 賦 宜 家 室
乾 坤 相 配 夢 葉 熊 羆
Tuế nguyệt thuỷ hoà phú nghi gia thất.
Càn khôn tương phối mộng diệp hùng bi.
Năm tháng thuận hoà dựng nên gia thất.
Đất trời phối hợp mộng thấy hùng bi.

銀 燭 光 浮 元 夜 月
玉 簫 吹 徹 洞 房 春
Ngân chúc quang phù nguyên dạ nguyệt.
Ngọc tiêu suy triệt động phòng xuân.
Đuốc rực sáng, mờ trăng đầu tháng.
Tiêu ngọc vui, thêm xuân động phòng.

時 值 泰 交 祥 開 瓜 瓞
月 逢 歲 首 夢 入 芝 蘭
Thời trị thái giao tường khai qua điệt.
Nguyệt phùng tuế thủ mộng nhập chi lan.
Đúng lúc giao hoà tỏ tường lòng dạ.
Trăng chiếu đầu năm mộng chốn hương hoa.

花 朝 日 暖 青 鸞 舞
柳 絮 風 和 紫 燕 飛
Hoa triêu nhật noãn thanh loan vũ.
Liễu nhự phong hòa tử yến phi.
Sớm hoa ngày ấm loan xanh múa.
Liễu bông gió thuận én tía bay.

度 花 朝 適 逢 花 燭
憑 月 老 試 步 月 宮
Độ hoa triêu thích phùng hoa chúc.
Bằng nguyệt lão thí bộ nguyệt cung.
Độ hoa sớm đúng giờ hoa đuốc.
Nguyệt lão se sánh bước cung trăng.

花 月 新 粧 宜 學 柳
雲 窗 好 友 早 栽 蘭
Hoa nguyệt tân trang nghi học liễu.
Vân song hảo hữu tảo tài lan.
Trăng hoa vẻ mới nên tìm liễu.
Song mây bạn tốt sớm trồng lan.

蕭 吹 夜 色 三 更 韻
粧 點 春 容 二 月 花
Tiêu suy dạ sắc tam canh vận.
Trang điểm xuân dung nhị nguyệt hoa.
Tiếng tiêu thủ thỉ canh ba vận.
Vẻ xuân tô điểm tháng hai hoa.

汗 濕 紅 粧 花 帶 露
雲 堆 綠 鬢 柳 拖 煙
Hãn thấp hồng trang hoa đới lộ.
Vân đôi lục mấn liễu đà yên.
Hoa nặng sương đêm áo đẫm nước.
Liễu tuôn khói sớm tóc vờn mây.

花 朝 春 色 光 花 燭
柳 絮 奇 姿 畫 柳 眉
Hoa triêu xuân sắc quang hoa chúc.
Liễu nhự kỳ tư hoạ liễu my.
Hoa sớm sắc xuân rạng đuốc hoa.
Liễu trông vẻ lạ tô mày liễu.

已 見 衣 將 柳 汁 染
行 看 鏡 以 菱 花 懸
Dĩ kiến y tương liễu trấp nhiễm.
Hành khan kính dĩ lăng hoa huyền.
Đã thấy áo hoa cùng liễu ướt.
Còn xem trong kính có lăng hoa.

階 下 花 開 花 映 燭
堂 中 燕 至 燕 投 懷
Giai hạ hoa khai hoa ánh chúc.
Đường trung yến chí yến đầu hoài.
Dưới thềm hoa nở hoa ngời đuốc.
Trong nhà yến đến yến đang mong.

芙 蓉 新 艷 凌 花 燭
玉 鏡 初 明 照 藍 田
Phù dung tân diễm lăng hoa chúc.
Ngọc-kính sơ minh chiếu lam điền.
Phù dung mới nở khinh hoa chúc.
Kính ngọc vừa soi chiếu lam điền.

應 花 朝 如 新 作 合
居 繡 閣 好 友 言 歡
Ứng hoa triêu như tân tác hợp.
Cư tú các hảo hữu ngôn hoan.
Với hoa sớm như vừa tác hợp.
Ở gác đẹp bạn bè đều vui.

月 應 花 朝 燭 花 獻 彩
時 逢 燕 至 玉 燕 終 祥
Nguyệt ứng hoa triêu chúc hoa hiến thái.
Thời phùng yến chí ngọc yến chung tường.
Trăng soi hoa sớm, rực rỡ đuốc hoa.
Gặp lúc yến về, điềm lành yến ngọc.

陽 春 瑞 靄 飛 鸚 鵡
太 呂 律 和 引 鳳 凰
Dương xuân thuỵ ái phi anh vũ.
Thái lữ luật hoà dẫn phượng hoàng.
Mây trùm Dương xuân anh vũ bay.
Luật thec Thái lữ phượng hoàng lại.

綠 柳 栘 陰 春 帳 暖
夭 桃 吐 艷 斝 杯 紅
Lục liễu di âm xuân trướng noãn.
Yêu đào thổ diễm cẩn bôi hồng.
Liễu xanh rợp bóng trướng xuân ấm.
Đào tơ tươi đẹp rượu cẩn hồng.

鳳 曲 迎 風 吟 柳 綠
桃 花 趁 雨 醉 春 紅
Phượng khúc nghinh phong ngâm liễu lục.
Đào hoa sấn vũ tuý xuân hồng.
Ngâm liễu biếc khúc phượng đón gió.
Say xuân hồng hoa đào gặp mưa.

百 世 緣 和 諧 鳳 侶
三 春 日 永 賦 雞 鳴
Bách thế duyên hoà hài phượng lữ.
Tam xuân nhật vĩnh phú kê minh.
Trăm năm duyên hài hoà phượng hót.
Ba xuân ngày vẫn làm phú gà gáy.

柳 色 映 眉 粧 鏡 曉
桃 花 照 面 洞 房 春
Liễu sắc ánh mi trang kính hiểu.
Đào hoa chiếu diện động phòng xuân.
Sắc liễu tươi mày soi kính đẹp.
Đào hoa rạng mặt động phòng xuân.

紅 雨 花 村 鴛 並 倚
翠 煙 柳 驛 鳳 和 鳴
Hồng vũ hoa thôn uyên tịnh ỷ.
Thuý yên liễu dịch phượng hoà minh.
Mưa nhợt xóm hoa uyên phải ẩn.
Khói xanh trạm liễu phượng đều kêu.

日 暖 鴛 鴦 依 錦 水
風 和 海 燕 繞 珠 簾
Nhật noãn uyên ương y cẩm thuỷ.
Phong hoà hải yến nhiễu châu liêm.
Ngày ấm uyên ương xuôi nước biếc.
Gió hoà hải yến lượn rèm châu.

樂奏黃鍾諧鳳侶
詩題紅葉詠桃花
Nhạc tấu hoàng chung hài phượng lữ.
Thi đề hồng diệp vịnh đào hoa.
Nhạc tấu hoàng chung vui phượng bạn.
Thơ đề lá đỏ vịnh đào hoa.

鶯語和偕春風帳暖
桃花絢爛壺酒杯浮
Oanh ngữ hoà giai xuân phong trướng noãn.
Đào hoa huyến lạn cẩn tửu bôi phù.
Trướng ấm gió xuân tiếng oanh thỏ thẻ.
Rượu cẩn đầy chén hoa đào xinh tươi.

碧沼芰荷開並帝
繡幃鸞鳳結同心
Bích chiểu kỳ hà khai tịnh đế.
Tú vi loan phượng kết đồng tâm.
Ao biếc súng sen chung rễ nở.
Màn thêu loan phượng kết đồng tâm.

蓮花影入水晶鏡
竹葉香浮鸚鵡杯
Liên hoa ảnh nhập thuỷ tinh kính.
Trúc diệp hương phù anh vũ bôi.
Gương thuỷ tinh thấy ảnh hoa sen.
Chén anh vũ toả hương lá trúc.

池上綠荷揮彩筆
天邊朗月偃新眉
Trì thượng lục hà huy thái bút.
Thiên biên lãng nguyệt yển tân my.
Sen biếc trên ao thêm hứng bút.
Bên trời trăng sáng đọng hàng mi.

琴瑟哺和剛四月
熊羆入夢喜三更
Cầm sắt bổ hoà cương tứ nguyệt.
Hùng bi nhập mộng hỷ tam canh.
Mới tháng tư cầm sắt hài hoà.
Mừng ba canh hùng bi vào mộng.

探 花 幸 際 時 初 夏
夢 燕 欣 逢 麥 至 秋
Thám hoa hạnh tế thời sơ hạ.
Mộng yến hân phùng mạch chí thu.
Thăm hoa may gặp thời sơ hạ.
Mộng yến vừa hay mạch đến thu.

筆 挾 薰 風 眉 彩 畫
蘭 培 錦 砌 夢 投 香
Bút hiệp huân phong my thái hoạ.
Lan bồi cẩm thế mộng đầu hương.
Bút nhờ gió ấm tô mày đẹp.
Lan tốt bên thềm mộng toả hương.

梅 雨 雲 週 聯 好 友
榴 花 依 始 映 新 粧
Mai vũ vân chu liên hảo hữu.
Lựu hoa y thuỷ ánh tân trang.
Bên bạn tốt mưa mai mây cuốn.
Đẹp tân trang hoa lựu giống xưa.

書 帶 草 從 窗 外 綠
芙 蓉 花 向 座 中 紅
Thư đới thảo tòng song ngoại lục.
Phù dung hoa hướng toạ trung hồng.
Sách mang cỏ đến ngoài song biếc.
Phù dung hoa hướng khách khoe hồng.

春 色 映 瑤 臺 一 曲 紫 蕭 飛 彩 鳳
蕙 風 清 寶 瑟 數 行 錦 字 篆 青 虯
Xuân ánh dao đài nhất khúc tử tiêu phi thái phượng.
Huệ phong thanh bảo sắt sổ hàng cẩm tự triện thanh cù.
Xuân sắc chiếu dao đài, một khúc tiêu hay bay phượng đẹp.
Gió thơm trong tiếng sắt, vài hàng chữ gấm nét rồng xanh.

燭 花 喜 並 榴 花 艷
葡 酒 欣 連 螯 酒 斟
Chúc hoa hỷ tịnh lựu hoa diệm.
Bồ tửu hân liên cẩn tửu châm.
Hoa đuốc kề bên hoa lựu đẹp.
Rượu nho cùng với rượu cẩn mời.

葡 酒 流 馨 連 巹 酒
燭 花 絢 彩 映 榴 花
Bồ tửu lưu hinh liên cẩn tửu.
Chúc hoa huyền thái ánh lựu hoa.
Rượu nho cùng rượu cẩn thơm ngát.
Hoa đuốc bên hoa lựu rực màu.

菡 萏 枝 連 諧 繡 幙
鴛 鴦 翼 比 媚 瓌 臺
Hạm đạm chi liên hài tú mạc.
Uyên ương dực tỵ mỵ tương đài.
Hoa sen chung rễ hợp rèm thêu.
Uyên ương chắp cánh nổi đài đẹp.

巹 酒 香 浮 葡 酒 綠
榴 花 艷 映 燭 花 紅
Cẩn tửu hương phù bồ tửu lục.
Lựu hoa diễm ánh chúc hoa hồng.
Rượu nho thơm giúp hương rượu cẩn.
Hoa lựu đẹp nhờ đuốc hoa hồng.

杯 斟 暑 日 飛 鸚 鵡
曲 奏 薰 風 引 鳳 凰
Bôi châm thử nhật phi anh vũ.
Khúc tấu huân phong dẫn phượng hoàng.
Rượu mời ngày ấm, chén anh vũ.
Khúc tấu nồm nam, điệu phượng hoàng.

樂 奏 函 鍾 諧 鳳 侶
詩 歌 南 國 葉 螽 斯
Nhạc tấu hàm chung hài Phượng lữ.
Thi ca nam quốc diệp Chung tư.
Nhạc tấu hàm chung hòa phượng lữ.
Thơ ca nam quốc vận Chung tư.

酷 暑 銷 金 金 屋 見
荷 花 吐 玉 玉 人 來
Khốc thử tiêu kim kim ốc hiện.
Hà hoa thổ ngọc ngọc nhân lai.
Nắng gắt tiêu vàng, nhà vàng hiện.
Hoa sen nhả ngọc, người ngọc về.

燭映繡幃揮彩筆
杯交署日畫新眉
Chúc ánh tú vi huy thái bút.
Bôi giao thử nhật hoạ tân my.
Ánh đuốc rèm thêu rạng vẻ bút.
Chén trao ngày nóng vẽ tươi mày.

燭映繡幃金鳳麗
杯交署日玉蘭新
Chúc ánh tú vi kim phượng lệ.
Bôi giao thử nhật ngọc lan tân.
Ánh đuốc rèm thêu, kim phượng đẹp.
Chén trao ngày nóng, ngọc lan tươi.

鵲橋初駕雙星渡
熊夢新徵百子祥
Thước kiều sơ giá song tinh độ.
Hùng mộng tân trưng bách tử tường.
Cầu ô vừa bắc, hai sao vượt.
Mộng hùng mới hiện, lắm con hay.

鵲橋月皎人如玉
牛渚星輝酒似蘭
Thước kiều nguyệt giảo nhân như ngọc.
Ngưu chử tinh huy tửu tự lan.
Cầu thước ngời trăng người tựa ngọc.
Bến trâu sao sáng rượu như lan.

紅葉新生春帳暖
銀河初渡夜香深
Hồng diệp tân sinh xuân trướng noãn.
Ngân hà sơ độ dạ hương thâm.
Lá thắm mới sinh, trướng xuân ấm.
Ngân hà vừa vượt, hương đêm nồng.

鵲橋巧渡雙星會
鳳卜和諧百世昌
Thước kiều xảo độ song tinh hội.
Phượng bốc hoà hài bách thế xương.
Cầu ô khéo vượt hai sao hội.
Bói phượng hài hòa trăm thuở yên.

前 夕 鵲 橋 占 好 兆
今 霄 月 殿 會 仙 娥
Tiền tịch thước kiều chiêm hảo triệu.
Kim tiêu nguyệt điện hội tiên nga.
Đêm trước cầu ô đoán điềm tốt.
Tối nay điện nguyệt hội tiên nga.

玉 宇 澄 清 輝 玉 鏡
金 風 瞻 蕩 佛 金 粧
Ngọc vũ trừng thanh huy ngọc kính.
Kim phong chiêm đãng phất kim trang.
Hiên ngọc lắng trong ngời kính ngọc.
Gió vàng thấp thoáng bóng xiêm vàng.

金 屋 人 間 詩 聯 二 美
銀 河 天 上 夜 渡 雙 星
Kim ốc nhân gian thi liên nhị mỹ.
Ngân hà thiên thượng dạ độ song tinh.
Nhà vàng nhân gian thơ hay đối đẹp.
Ngân hà thượng giới đêm vượt hai sao.

緣 符 月 老 當 瓜 月
喜 對 花 容 映 繡 花
Duyên phù nguyệt lão đương qua nguyệt.
Hỷ đối hoa dung ánh tú hoa.
Duyên nhờ nguyệt lão, dưa đang vụ.
Mừng thấy dung nhan, ánh sắc hoa.

天 錫 佳 期 玉 宇 喜 看 金 雀 舞
人 諧 盛 事 畫 堂 欣 聽 彩 鸞 鳴
Thiên tích giai kỳ ngọc vũ hỷ khan kim tước vũ.
Nhân hài thịnh sự hoạ đường hân thính thái loan minh.
Trời định giai kỳ, hiên ngọc mừng xem sẻ vàng múa.
Người vui việc tốt, nhà hoa vui nghe loan hót hay.

秋 深 喜 爲 攀 桂 客
夜 靜 新 作 畫 眉 人
Thu thâm hỷ vi phan quế khách.
Dạ tĩnh hân tác họa my nhân.
Thu muộn mừng làm khách vin quế.
Đêm vắng vui là kẻ vẽ mày.

丹 桂 香 飄 金 屋 瑞
紅 粧 彩 映 玉 堂 鮮
Đan quế hương phiêu kim ốc thuỵ.
Hồng trang thái ánh ngọc đường tiên.
Đan quế hương bay kim ốc đẹp.
Hồng trang óng ánh, ngọc đường tươi.

盛 世 長 青 樹
百 年 不 老 松
Thịnh thế trường thanh thụ.
Bách niên bất lão tùng.
Đời thịnh cây xanh mãi.
Trăm năm tùng chẳng già.

壽 同 山 巒 老
福 共 海 天 長
Thọ đồng sơn loan lão.
Phúc cộng hải thiên trường.
Thọ lâu cùng núi bọc.
Phúc dài với biển trời.

如 梅 花 挺 秀
似 松 樹 長 青
Như mai hoa đĩnh tú.
Tự tùng thụ trường thanh.
Như hoa mai đẹp trội.
Giống cây tùng xanh lâu.

八 旬 酬 盛 世
一 世 煥 清 輝
Bát tuần thù thịnh thế.
Nhất thế hoán thanh huy.
Tám chục vui đời thịnh.
Một đời rực sáng trong.

乃 武 乃 文 乃 壽
如 梅 如 竹 如 松
Nãi vũ nãi văn nãi thọ.
Như mai như trúc như tùng.
Là vũ, là văn, là thọ.
Như mai, như trúc, như tùng.

福 如 東 海 長 流 水
壽 比 南 山 不 老 松
Phúc như đông hải trường lưu thuỷ.
Thọ tỷ nam sơn bất lão tùng.
Phúc tựa biển đông, dòng chảy mãi.
Thọ ví non nam, tùng không già.

周 天 行 健 人 常 健
秋 日 登 高 壽 更 高
Chu thiên hành kiện nhân thường kiện.
Thu nhật đăng cao thọ cánh cao.
Vòng trời đi khoẻ, người thường khoẻ.
Ngày thu lên cao, thọ càng cao.

足 食 丰 衣 晚 景 好
勤 耕 苦 犢 老 來 紅
Túc thực phong y vãn cảnh hảo.
Cần canh khổ độc lão lai hồng.
Đủ ăn, đủ mặc già xuân chán.
Chăm cày, chăm nuôi lão còn tươi.

年 高 喜 看 花 千 樹
人 壽 笑 斟 酒 一 杯
Niên cao hỷ khán hoa thiên thụ.
Nhân thọ tiếu châm tửu nhất bôi.
Tuổi cao mừng ngắm hoa ngàn khóm.
Người thọ cười vui rượu một chung.

光 明 心 地 恒 增 壽
爽 朗 精 神 自 健 康
Quang minh tâm địa hằng tăng thọ.
Sảng lãng tinh thần tự kiện khang.
Tâm địa quang minh tăng tuổi thọ.
Tinh thần sáng láng thấy an khang.

老 當 益 壯 雄 心 未 已
晚 節 堅 貞 斗 志 彌 堅
Lão đương ích tráng hùng tâm vị dĩ.
Vãn tiết kiên trinh đẩu chí di kiên.
Già còn mạnh sức, hùng tâm chưa hết.
Tiết mạnh kiên trinh, chí mạnh càng bền.

柏翠松蒼含歌五福
椿榮萱茂同祝百齡

Bách thuý tùng thương hàm ca ngũ phúc.
Xuân vinh huyên mậu đồng chúc bách linh.

Bách biếc, tùng xanh ngợi ca năm phúc.
Xuân tươi, huyên rậm, cùng chúc trăm tròn.

青松增壽年年壽
丹桂飄香户户香

Thanh tùng tăng thọ niên niên thọ.
Đan quế phiêu hương hộ hộ hương.

Tùng xanh tăng thọ, năm thêm thọ.
Quế đỏ hương bay, khắp chốn hương.

歲序更新添壽考
江山竟秀顯英才

Tuế tự canh tân thiêm thọ khảo.
Giang sơn cạnh tú hiển anh tài.

Năm dần đổi mới, tăng tuổi thọ.
Núi sông đua đẹp, rõ anh tài.

報國不愁生白髮
讀書哪肯負蒼生

Báo quốc bất sầu sinh bạch phát.
Độc thư na khẳng phụ thương sinh.

Báo nước chẳng buồn khi tóc bạc.
Học chăm đừng phụ lúc đầu xanh.

白髮朱顏宜登上壽
丰衣足食樂享高齡

Bạch phát chu nhan nghi đăng thượng thọ.
Phong y túc thực lạc hưởng cao linh.

Tóc bạc da mồi, cần lên thượng thọ.
Đủ ăn đủ mặc, vui hưởng tuổi cao.

棠棣齊開千載好
椿萱幷茂萬年長

Đường lệ tề khai thiên tải hảo.
Xuân huyên tịnh mậu vạn niên trường.

Đường, lệ nở hoa ngàn thuở đẹp.
Xuân, huyên tươi tốt, vạn năm dài.

勤 儉 起 家 由 內 助
康 強 到 老 有 余 閑

Cần kiệm khởi gia do nội trở.
Khang cường đáo lão hữu dư nhàn.

Cần kiệm dựng nhà nhờ nội trợ.
Khang cường vào lão được an nhàn.

鳳 凰 枝 上 花 如 錦
松 菊 堂 中 人 幷 年

Phượng hoàng chi thượng hoa như cẩm.
Tùng cúc đường trung nhân tịnh niên.

Trên cành hoa gấm phượng hoàng đậu.
Trong nhà người thọ cúc tùng xanh.

年 享 高 齡 椿 萱 幷 茂
時 逢 盛 世 蘭 桂 齊 芳

Niên hưởng cao linh xuân huyên tịnh mậu.
Thời phùng thịnh thế lan quế tề phương.

Trời cho tuổi thọ, xuân huyên đều tốt.
Gặp thời thịnh trị, lan quế cùng thơm.

磻 桃 捧 日 三 千 歲
古 柏 參 天 四 十 圍

Bàn đào bổng nhật tam thiên tuế.
Cổ bách tham thiên tứ thập vi.

Bàn đào ngày hội, ba ngàn năm.
Bách cổ ngất trời, bốn chục ôm.

寶 婺 星 輝 歌 四 秩
磻 桃 獻 瑞 祝 千 秋

Bảo vụ tinh huy ca tứ trật.
Bàn đào hiến thuỵ chúc thiên thu.

Chòm bảo vụ hát mừng bốn chục.
Hội bàn đào hiến quả ngàn năm.

五 十 花 筵 開 北 海
三 千 朱 履 慶 南 山

Ngũ thập hoa diên khai Bắc hải.
Tam thiên chu lý khánh Nam Sơn.

Năm chục tuổi tiệc mừng thông Bắc hải.
Ba ngàn năm giày đỏ chúc Nam Sơn.

海屋籌添春半百
瓊池桃熟歲三千
Hải ốc trù thiêm xuân bán bách.
Quỳnh trì đào thục tuế tam thiên.
Nửa thế kỷ xuân thêm nhà biển.
Ba ngàn năm đào chín ao Quỳnh.

婺宿騰輝百齡半度
天星煥彩五福駢臻
Vụ tú đằng huy bách linh bán độ.
Thiên tinh hoán thái ngũ phúc biền trăn.
Chòm Vụ sáng ngời, trăm tròn có nửa.
Trời sao rạng vẻ, năm phúc bày hàng.

甲子重新新甲子
春秋几度度春秋
Giáp tý trùng tân tân giáp tý.
Xuân thu kỷ độ độ xuân thu.
Giáp tý vừa qua, qua giáp tý.
Xuân thu mấy độ, độ xuân thu.

一家歡樂慶長壽
六秩安康醉太平
Nhất gia hoan lạc khánh trường thọ.
Lục trật an khang tuý thái bình.
Một nhà vui vẻ chúc trường thọ.
Sáu chục an khang say thái bình.

群鳥長歌歌耳順
眾芳同喜喜壽增
Quần điểu trường ca, ca nhĩ thuận.
Chúng phương đồng hỉ, hỉ thọ tăng.
Chim bầy đồng ca, ca tai thuận (70 tuổi).
Mọi hoa đều chúc, chúc thọ tăng.

花甲初周茂如松柏
長庚朗曜慶溢桂蘭
Hoa giáp sơ chu mậu như tùng bách.
Trường canh lãng diệu khánh dật quế lan.
Hoa giáp vòng đầu, tốt như tùng bách.
Lâu dài rực rỡ, tươi đẹp quế lan.

前 壽 五 旬 又 迎 花 甲
待 延 十 歲 再 祝 古 稀

Tiền thọ ngũ tuần hựu nghinh hoa giáp.
Đãi diên thập tuế tái chúc cổ hi.
Đã thọ năm tuần lại thêm hoa giáp.
Đợi tròn chục nữa, sẻ chúc cổ hi.

三 千 歲 月 春 常 在
七 十 丰 神 古 所 稀

Tam thiên tuế nguyệt xuân thường tại.
Thất thập phong thần cổ sở hi.
Ba ngàn năm tháng xuân thường trú.
Bảy chục còn tươi cổ vốn hi.

休 辭 客 路 三 千 遠
須 念 人 生 七 十 稀

Hưu từ khách lộ tam thiên viễn.
Tu niệm nhân sinh thất thập hi.
Đừng ngại đường khách ba ngàn xa.
Nên biết trên đời bảy chục hiếm.

此 日 萱 庭 登 七 秩
他 年 閬 苑 祝 耆 頤

Thử nhật huyên đình đăng thất trật.
Tha niên lãng uyển chúc kỳ di.
Ngày ấy nhà huyên nên bảy chục.
Năm khác vườn tiên chúc lên trăm.

月 滿 桂 花 延 七 里
庭 留 萱 草 茂 千 秋

Nguyệt mãn quế hoa diên thất lý.
Đình lưu huyên thảo mậu thiên thu.
Hoa quế trăng rằm hương bảy dặm.
Cỏ huyên sân trước tốt ngàn năm.

金 桂 生 輝 老 益 健
萱 堂 長 壽 慶 稀 年

Kim quế sinh huy lão ích kiện.
Huyên đường trường thọ khánh hy niên.
Quế vàng rực rỡ già thêm mạnh.
Nhà huyên trường thọ, chúc bảy mươi.

年過七旬稱健婦
籌添三十享耆頤

Niên quá thất tuần xưng kiện phụ.
Trù thiêm tam thập hưởng kỳ di.
Tuổi ngoại bảy tuần khen cụ khỏe.
Còn thêm ba chục hưởng lên trăm.

渭水一竿閑試釣
武凌千樹笑行舟

Vị thuỷ nhất can nhàn thí điếu.
Vũ lăng thiên thụ tiếu hành chu.
Bên giòng sông Vị thả câu chơi.
Rừng rậm Vũ lăng cười thuyền dạo.

八旬且獻瑤池瑞
几代同瞻寶婺輝

Bát tuần thả hiến Dao trì thuỵ.
Kỷ đại đồng chiêm Bảo vụ huy.
Chốn Dao trì tám mươi hiến thuỵ.
Chòm Bảo vụ mấy thuở cùng xem.

八秩康強春不老
四時健旺福無窮

Bát trật khang cường xuân bất lão.
Tứ thời kiện vượng phúc vô cùng.
Tám chục chưa già xuân vẫn mạnh.
Bốn mùa khỏe sức phúc vô cùng.

九秩曾留千載壽
十年再進百齡觴

Cửu trật tằng lưu thiên tải thọ.
Thập niên tái tiến bách linh thương.
Chín chục hãy còn ngàn tuổi thọ.
Mười năm lại chúc chén trăm năm.

九十春光堂前活佛
三千甲子山上靈春

Cửu thập xuân quang đường tiền hoạt Phật.
Tam thiên giáp tý sơn thượng linh xuân.
Chín chục mùa xuân, trong nhà Phật sống.
Ba ngàn giáp tý, trên núi xuân thiêng..

天 邊 將 滿 一 輪 月
世 上 還 鍾 百 歲 人
Thiên biên tương mãn nhất luân nguyệt.
Thế thượng hoàn chung bách tuế nhân.
Chân trời rực rỡ một vành nguyệt.
Dưới đất chuông mừng người chẵn trăm.

古 稀 已 是 尋 常 事
上 壽 尤 多 百 歲 人
Cổ hy dĩ thị tầm thường sự.
Thượng thọ vưu đa bách tuế nhân.
Đã nhàm câu nói: xưa nay hiếm.
Trăm tuổi ngày nay đã lắm người.

家 中 早 釀 千 年 酒
盛 世 長 歌 百 □□ 人
Gia trung tảo nhưỡng thiên niên tửu.
Thịnh thế trường ca bách tuế nhân.
Trong nhà sớm ủ rượu ngàn năm.
Đời thịnh luôn khen người trăm tuổi.

月 謯 桂 花 延 七 秩
庭 留 萱 草 茂 千 秋
Nguyệt ế quế hoa diên thất trật.
Đình lưu huyên thảo mậu thiên thu.
Hoa quế trăng soi mừng bảy chục.
Cỏ huyên sân mọc rậm ngàn thu.

萱 榮 北 地 年 稀 少
婺 煥 南 天 日 正 長
Huyên vinh bắc địa niên hy thiểu.
Vụ hoán nam thiên nhật chính trường.
Cỏ huyên đất bắc năm chừng ngắn.
Sao vụ trời nam ngày vẫn dài.

碧 漢 婺 星 輝 七 秩
青 陽 萱 草 茂 千 秋
Bích hán vụ tinh huy thất trật.
Thanh dương huyên thảo mậu thiên thu.
Sao vụ sông ngân sáng bảy chục.
Cỏ huyên trời rạng rậm ngàn thu.

酒 釀 屠 蘇 觴 七 秩
桃 開 度 朔 祝 三 千
Tửu nhưỡng đồ tô thương thất trật.
Đào khai độ sóc chúc tam thiên.
Rượu ngọt bày ra mừng bảy chục.
Hoa đào chớm nở chúc ba ngàn.

誥 貢 五 花 堂 聯 四 代
觴 稱 九 月 福 衍 三 多
Cáo bí ngũ hoa đường liên tứ đại.
Thương xưng cửu nguyệt phúc diễn tam đa.
Rực rỡ năm màu nhà liền tứ đại.
Rượu mừng tháng chín phúc đủ tam đa.

菊 酒 慶 稀 齡 三 子 喜 賡 三 祝
萱 花 施 錦 悅 九 秋 頻 誦 九 如
Cúc tửu khánh hy linh tam tử hỷ canh tam chúc.
Huyên hoa thi cẩm thuế cửu thu tần tụng cửu như.
Tuổi hiếm xưa nay rượu cúc ba con mừng ba chén.
Khăn thêu rực rỡ hoa huyên chín tháng chúc chín như.

壽 慶 八 旬 光 錦 悅
時 逢 五 月 醉 磻 桃
Thọ khánh bát tuần quang cẩm thuế.
Thời phùng ngũ nguyệt tuý bàn đào.
Thọ chúc tám mươi khăn rực rỡ.
Năm qua năm tháng rượu bàn đào.

四 代 斑 衣 榮 耋 壽
八 旬 寶 婺 慶 遐 齡
Tứ đại ban y vinh điệt thọ.
Bát tuần bảo vụ khánh hà linh.
Bốn đời áo đỏ mừng thêm thọ.
Tám chục vụ tinh chúc tuổi cao.

婺 星 獻 輝 增 秋 色
萱 草 敷 榮 慶 耋 年
Vụ tinh hiến huy tăng thu sắc.
Huyên thảo phu vinh khánh điệt niên.
Sao vụ sáng ngời đẹp vẻ thu.
Cỏ huyên thắm sắc mừng cao tuổi.

萱 草 耋 齡 添 秀 色
梨 園 慶 壽 播 輝 音
Huyên thảo điệt linh thiêm tú sắc.
Lê viên khách thọ bá huy âm.
Cỏ huyên năm tháng thêm tươi đẹp.
Vườn lê chúc thọ rộn âm thanh.

秋 夜 婺 星 輝 曲 正
耋 年 萱 草 慶 遐 齡
Thu dạ vụ tinh huy khúc chính.
Điệt niên huyên thảo khánh hà linh.
Sao Vụ đêm thu ngời vẻ sáng.
Cỏ huyên năm tháng chúc lâu dài.

八 旬 且 獻 瑤 池 瑞
四 代 同 瞻 寶 婺 輝
Bát tuần thả hiến Dao trì thuỵ.
Tứ đại đồng chiêm Bảo vụ huy.
Dao trì hiến điềm lành tám chục.
Bảo vụ cùng soi tỏ bốn đời.

萱 草 敷 榮 壽 延 八 秩
婺 星 煥 彩 慶 衍 千 秋
Huyên thảo phu vinh thọ diên bát trật.
Vụ tinh hoán thái khánh diễn thiên thu.
Cỏ huyên tươi tốt, tiệc thọ tám mươi.
Sao Vụ sáng ngời chúc mừng ngàn tuổi.

八 秩 舉 筵 欣 舞 彩
千 年 寶 婺 喜 生 輝
Bát trật hoa diên hân vũ thái.
Thiên niên Bảo vụ hỷ sinh huy.
Tám chục tiệc hoa mừng múa đẹp.
Ngàn năm Bảo vụ rạng niềm vui.

紫 鸞 對 舞 菱 花 鏡
海 燕 雙 飛 玳 瑁 樑
Tử loan đối vũ lăng hoa kính
Hải yến song phi đại mạo lương.
Kính lăng hoa tử loan múa cặp
Xà đối mồi hải yến đậu đôi.

洞 房 鏡 裡 誇 雙 美
孔 雀 屏 中 詠 二 南
Động phòng kính lý khoa song mỹ
Khổng tước bình trung vịnh nhị nam.
Động phòng gương sáng khoe song mỹ
Khổng tước trong rèm vịnh nhị nam.

仙 容 藍 田 欣 種 玉
月 娥 金 屋 警 鳴 雞
Tiên dung lam điền hân chủng ngọc
Nguyệt nga kim ốc cảnh minh kê.
Chốn lam điền tiên dung gieo ngọc
Nơi nhà vàng nguyệt nga nhắc gà.

繡 閣 鴛 鴦 山 海 固
洞 房 琴 瑟 地 天 長
Tú các uyên ương sơn hải cố
Động phòng cầm sắt địa thiên trường.
Bền non biển uyên ương gác đẹp
Vững đất trời cầm sắt động phòng.

周 召 國 風 曾 訓 子
謝 王 佳 偶 自 宜 家
Chu Thiệu Quốc phong tằng huấn tử
Tạ Vương giai ngẫu tự nghi gia.
Chu, Thiệu từ Quốc phong dạy dỗ
Vương, Tạ đôi giai ngẫu thành gia.

曲 禮 三 千 隆 漢 膺
國 風 十 五 首 關 雎
Khúc lễ tam thiên long Mạc nhạn
Quốc phong thập ngũ thủ Quan thư.
Ba ngàn Khúc lễ hơn Mạc nhạn
Mười lăm Quốc phong đầu Quan thư.

雪 映 秋 臺 蘭 葉 夢
梅 輝 繡 閣 帽 簪 花
Tuyết ánh thu đài lan diệp mộng
Mai huy tú các mạo trâm hoa.
Mây rực đài cao mộng lan diệp
Mai bừng gác đẹp vẻ trâm hoa.

人 間 錦 繡 繞 金 屋
天 上 笙 歌 送 玉 麟
Nhân gian cẩm tú nhiễu kim ốc
Thiên thượng sinh ca tống ngọc lân.
Gấm vóc nhân gian quây nhà vàng
Sinh ca thượng giới tiễn lân ngọc.

韻 流 湘 水 三 千 峽
夢 繞 巫 山 十 二 峰
Vận lưu Tương thủy tam thiên hiệp
Mộng nhiễu Vu sơn thập nhị phong.
Ba ngàn khe dòng Tương luôn chảy
Mười hai ngọn Vu sơn mộng quanh.

青 燈 夜 雨 滋 文 藻
藍 田 春 色 上 羅 衣
Thanh đăng dạ vũ tư văn tảo
Lam điền xuân sắc thượng la y.
Mưa tối đèn xanh tươi cảnh vật
Xuân sắc lam điền đẹp áo hoa.

一 曲 陽 春 歌 繡 閣
滿 簾 明 月 照 紅 粧
Nhất khúc dương xuân ca tú các
Mãn liêm minh nguyệt chiếu hồng trang.
Một khúc dương xuân ca gác đẹp
Đầy rèm trăng sáng chiếu hồng trang.

彩 筆 喜 題 紅 葉 句
華 堂 欣 訟 采 蘋 詩
Thái bút hỉ đề hồng diệp cú
Hoa đường hân tụng thái tần thi.
Bút giỏi đề thơ trên lá thắm
Nhà hoa ngâm vịnh khúc thái tần.

春 山 淡 試 淩 雲 筆
紅 袖 新 翻 博 議 書
Xuân sơn đạm thí lăng vân bút
Hồng tụ tân phiên Bác nghị thư.
Non xuân tạm trổ bút tài cao
Tay hồng mở xem sách Bác nghị.

繡閣雲凝金鳳舞
錦池春暖玉龍飛
Tú các vân ngưng kim phượng vũ
Cẩm trì xuân noãn ngọc long phi.
Mây ngưng gác đẹp phượng vàng múa
Xuân ấm hồ xinh rồng ngọc bay.

百尺絲羅欣有托
千年琴瑟永和鳴
Bách xích ty la hân hữu thác
Thiên niên cầm sắt vĩnh hòa minh.
Trăm thước lụa tơ vui uỷ thác
Ngàn năm cầm sắt vẫn giao hòa.

鸞鳳和鳴昌百世
麒麟瑞葉慶千齡
Loan phượng hòa minh xương bách thế
Kỳ lân thụy diệp khánh thiên linh.
Loan phượng hót chung mừng trăm thuở
Kỳ lân điềm tốt chúc ngàn năm.

詩禮庭前歌窈窕
鴛鴦筆下展經綸
Thi lễ đình tiền ca yểu điệu
Uyên ương bút hạ triển kinh luân.
Sân thi lễ lời ca yểu điệu
Bút uyên ương gợi mở kinh luân.

華堂翠幙春風至
繡閣金屏曙色開
Hoa đường thúy mạc xuân phong chí
Tú các kim bình thự sắc khai.
Gió xuân đến nhà vàng rèm biếc
Rạng sáng soi gác tía màn vàng.

錦堂喜見雙星聚
繡閣欣覘百子圖
Cẩm đường hỉ kiến song tinh tụ
Tú các hân siêm bách tử đồ.
Nhà đẹp mừng hai sao tụ hội
Gác hoa vui trăm trẻ tranh treo.

一 色 杏 花 春 十 里
兩 行 燭 影 耀 三 更
Nhất sắc hạnh hoa hương thập lý
Lưỡng hàng chúc ảnh diệu tam canh.
Một sắc hạnh hoa hương chục dặm
Hai hàng đuốc thắp sáng ba canh.

燭 花 彩 映 芙 蓉 閣
巹 酒 香 浮 琥 珀 杯
Chúc hoa thái ánh phù dung các
Cẩn tửu hương phù hổ phách bôi.
Đuốc hoa rực rỡ gác phù dung
Rượu cẩn nổi hương ly hổ phách.

月 下 彩 娥 來 跨 鳳
雲 間 仙 客 近 乘 龍
Nguyệt hạ thái nga lai khóa phượng
Vân gian tiên khách cận thừa long.
Người đẹp dưới trăng vui với phượng
Tiên khách đường mây thoả cưỡi rồng.

彩 燭 雙 輝 歡 合 巹
清 歌 一 曲 詠 宜 家
Thái chúc song huy hoan hợp cẩn
Thanh ca nhất khúc vịnh nghi gia.
Vui hợp cẩn hai lần đuốc sáng
Vịnh nghi gia một khúc ca thanh.

纔 結 同 心 山 海 固
樹 成 連 理 地 天 長
Lũ kết đồng tâm sơn hải cố
Thụ thành liên lý địa thiên trường.
Kết mối đồng tâm non biển chặt
Cây thành liền rễ đất trời lâu.

瓊 樓 月 皎 人 如 玉
繡 閣 花 香 酒 似 蘭
Quỳnh lâu nguyệt giảo nhân như ngọc
Tú các hoa hương tửu tự lan.
Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc
Gác đẹp hương hoa rượu ngát hương.

庭 鵲 聲 中 呈 白 璧
紅 雲 深 處 遇 藍 橋
Đình thước thanh trung trình bạch bích
Hồng vận thâm xứ ngộ lam kiều.
Tiếng thước trong sân trình ngọc trắng
Mây hồng xứ vắng gặp cầu lam.

月 映 珠 簾 欣 奩 合
夢 成 繡 閣 兆 麟 祥
Nguyệt ánh châu liêm hân cẩn hợp
Mộng thành tú các triệu lân tường.
Trăng sáng rèm châu vui hợp cẩn
Mộng nơi gác đẹp triệu lân lành.

春 風 綠 柳 飛 鸚 鵡
夜 雨 青 燈 引 鳳 凰
Xuân phong lục liễu phi anh vũ
Dạ vũ thanh đăng dẫn phượng hoàng.
Gió xuân liễu biếc đón anh vũ
Mưa tối đèn xanh dắt phượng hoàng.

賦 宜 家 室 春 風 早
夢 葉 熊 羆 世 澤 長
Phú nghi gia thất xuân phong tảo
Mộng diệp hùng bi thế trạch trường.
Phú nên gia thất gió xuân sớm
Mộng hợp hùng bi phúc trạch dài.

胭 肢 香 滿 芙 蓉 帳
花 燭 光 呈 錦 繡 幃
Yên chi hương mãn phù dung trướng
Hoa chúc quang trình cẩm tú vi.
Hương yên chi tỏa trướng phù dung
Rạng đuốc hoa soi nơi màn gấm.

春 風 柳 絮 雙 飛 燕
夜 雨 青 燈 萬 卷 書
Xuân phong liễu nhự song phi yến
Dạ vũ thanh đăng vạn quyển thư.
Gió xuân bông liễu bay đôi yến
Mưa tối đèn xanh vạn quyển hay.

紅 葉 流 溝 來 好 句
黃 花 滿 徑 襯 新 粧
Hồng diệp lưu câu lai hảo cú
Hoàng hoa mãn kính sấn tân trang.
Lá đỏ theo dòng gửi câu đẹp
Hoa vàng đầy lối vướng tân trang.

月 照 碧 洞 雙 鳳 彩
風 流 楊 柳 偶 鶯 鳴
Nguyệt chiếu bích động song phượng thái
Phong lưu dương liễu ngẫu oanh minh.
Động biếc trăng soi ngời cặp phượng
Liễu xanh gió thổi hót đôi oanh.

天 飛 鳳 卜 春 屏 暖
乃 夢 熊 占 晝 錦 長
Thiên phi phượng bốc xuân bình noãn
Nãi mộng hùng chiêm trú cẩm trường.
Màn xuân ấm ngàn lần bói phượng
Đêm huyền sâu trong mộng đoán hùng.

錦 瑟 聲 中 鸞 對 語
玉 梅 花 際 鳳 雙 飛
Cẩm sắt thanh trung loan đối ngữ
Ngọc mai hoa tế phượng song phi.
Đàn sắt tiếng trong loan đổi giọng
Hoa mai vẻ ngọc phượng đôi bay.

華 堂 彩 結 觀 鸞 舞
繡 閣 絲 連 看 鳳 飛
Hoa đường thái kết quan loan vũ
Tú các ty liên khán phượng phi.
Nhà hoa lụa tết xem loan múa
Gác đẹp tơ đan ngắm phượng bay.

杯 交 玉 液 飛 鸚 鵡
樂 奏 瓊 簫 引 鳳 凰
Bôi giao ngọc dịch phi anh vũ
Nhạc tấu quỳnh tiêu dẫn phượng hoàng.
Chén mời nước ngọc bay anh vũ
Nhạc tấu tiêu quỳnh dẫn phượng hoàng.

珊瑚窗裡乾坤大
珮瑁筵前日月長
San hô song lý càn khôn đại
Đại mạo diên tiền nhật nguyệt trường.
Trước cửa san hô trời đất lớn
Trên yến đồi mồi tháng ngày dài.

繡閣燈明鴛鴦並立
粧臺燭麗翡翠同棲
Tú các đăng minh uyên ương tịnh lập
Trang đài chúc lệ phỉ thúy đồng thê.
Đèn soi gác đẹp uyên ương bên nhau
Đuốc chiếu trang đài phỉ thúy cùng đậu.

易曰乾坤定矣
詩云鍾鼓樂之
Dịch viết: càn khôn định hĩ
Thi vân: chung cổ lạc chi.
Dịch nói: càn khôn định vậy
Thi rằng: chiêng trống vui thay.

不惑但從今日始
知天猶得十年來
Bất hoặc đản tòng kim nhật thủy
Tri thiên do đắc thập niên lai.
Kể từ nay xem như bất hoặc (bốn mươi tuổi)
Mười năm nữa hẳn sẽ tri thiên (năm mươi tuổi).

正氣高凌銅柱北
精英長引喝江南
Chính khí cao lăng đồng trụ Bắc
Tinh anh trường dẫn Hát Giang Nam.
Chính khí cao vời đồng trụ Bắc
Tinh anh còn mãi Hát Giang Nam.

飄香推桂子喜圖橋得路萬里九霄應比翼
舉案羨蘭孫快繡閣崔莊一堂三代慶齊眉
Phiêu hương suy quế tử hỉ viên kiều đắc lộ vạn lí cửu tiêu ưng tỵ dực
Cử án tiễn lan tôn khoái tú các thôi trang nhất đường tam đại khánh tề my.

Hương bay giục con quế, mừng đường quan nhẹ bước,muôn dặm chín tầng cùng sát cánh.
Tiệc đặt mừng cháu lan, sướng gác cao áo đẹp, ba đời một cửa chúc ngang mày.

萱草含芳千歲艷
菊花香動五株新
Huyên thảo hàm phương thiên tuế diệm
Cúc hoa hương động ngũ chu tân.
Cỏ huyên thơm ngát ngàn năm tươi
Hoa cúc hương bay năm gốc mới.

恭儉溫良宜家受福
仁愛篤厚获壽保年
Cung kiệm ôn lương nghi gia thụ phúc
Nhân ái đốc hậu địch thọ bảo niên.
Cung kiệm ôn hoà nên nhà được phúc
Nhân ái trung hậu tuổi thọ bình yên.

九旬慶衍千秋喜見萱花沾玉露
四代稱觴七月欣觀寶樹藹金風
Cửu tuần khánh diễn thiên thu hỉ kiến huyên hoa chiêm ngọc lộ.
Tứ đại xưng thương thất nguyệt hân quan bảo thụ ái kim phong.
Chín mươi chúc thọ ngàn năm mừng thấy hoa huyên đầm sương ngọc
Bốn đời thành đạt, tháng bảy vui xem cây quý ngợp gió thu.

桃熟瑤池三千歲月
籌添海屋一百春秋
Đào thục Dao Trì tam thiên tuế nguyệt
Trù thiêm hải ốc nhất bách xuân thu.
Ba ngàn năm tháng, đào chín dao trì
Trăm năm tuổi tác, dựng thêm nhà biển.

樂奏雲璈歌百歲
德輝彤史祝千秋
Nhạc tấu vân ngao ca bách tuế
Đức huy đồng sử chúc thiên thu.
Nhạc tấu vân ngao, mừng trăm tuổi
Đức ghi đồng sử, chúc ngàn năm.

細柳營中親淑女
夭桃華裏指軍符

Tế liễu doanh trung thân thục nữ
Yêu đào hoa lý chỉ quân phù.
Chốn doanh liễu gần kề thục nữ
Vẻ đào tơ nay chỉ quân phù.

玉 質 金 粧 承 將 略
輕 裘 緩 帶 教 佳 人

Ngọc chất kim trang thừa tướng lược
Khinh cừu hoãn đới giáo giai nhân.
Vàng ngọc y trang, theo tướng lược
Áo cừu đai nhẹ, dặn giai nhân.

多 少 人 痛 悼 斯 人 難 再 得
千 百 世 最 傷 此 世 不 重 來

Đa thiểu nhân thống điệu tư nhân nan tái đắc
Thiên bách thế tối thương thử thế bất trùng lai.
Bao nhiêu người thương tiếc - người này khó lại có
Trăm ngàn thuở xót xa - đời ấy chẳng hai lần.

少 者 亡 老 者 存 數 誠 難 測
天 之 涯 地 之 角 情 不 可 終

Thiếu giả vong, lão giả tồn số thành nan trắc
Thiên chi nhai, địa chi giác tình bất khả chung.
Trẻ chết, già còn, sống chết số trời khôn biết
Chân trời, góc biển, mất còn tình nghĩa khó quên.

同 心 最 相 親 憶 白 發 青 燈 昨 夜 尚 陪 連 夜 話
名 山 期 共 往 嘆 天 目 雁 蕩 此 身 无 复 並 肩 游

Đồng tâm tối tương thân ức bạch phát thanh đăng tạc
dạ thượng bồi liên dạ thoại
Danh sơn kỳ cộng vãng thán thiên mục nhạn đãng thử
thân vô phục tịnh kiên du.
Một bụng thân nhau, nhớ khi tóc bạc đèn xanh,
năm trước vẫn còn đêm chuyện vãn.
Non cao ước hẹn, đáng tiếc lưng trời cánh nhạn,
thân này đâu được sánh vai chơi.

此 老 竟 蕭 條 幸 有 高 文 垂 宇 宙
平 生 怀 大 志 廣 栽 桃 李 在 人 間

Thử lão cánh tiêu điều hạnh hữu cao văn thùy vũ trụ
Bình sinh hoài đại chí quảng tài đào lý tại nhân gian.

Già cả thấy quạnh hiu, may có sách hay trùm vũ trụ
Một đời ôm chí lớn, rộng gieo đạo lý ở nhân gian.

夢 筆 賢 嗣 添 一 友
培 蘭 瑞 應 慰 雙 親

Mộng bút hiền tự thiêm nhất hữu
Bồi lan thụy ứng úy song thân.

Mộng bút con theo thêm một bạn
Vun lan điềm tốt thỏa hai thân.

塞 夜 燭 花 開 好 夜
少 年 卺 酒 慶 延 年

Tái dạ chúc hoa khai hảo dạ
Thiếu niên cẩn tửu khánh diên niên.

Đêm tối đuốc hoa thành đêm sáng
Tuổi trẻ vui duyên chúc tuổi già.

快 睹 加 冠 尊 醮 命
旋 聘 繩 武 振 家 聲

Khoái đổ gia quan tôn tiếu mạnh
Toàn chiêu [illegible] vũ chấn gia thanh.

Mừng nên người lớn được ban rượu
Noi theo tiên tổ rạng danh nhà.

端 月 良 男 諧 鳳 友
來 春 天 始 躍 龍 孫

Đoan nguyệt lương nam hài phượng hữu
Lai xuân thiên thủy dược long tôn.

Tiết đoan ngọ con trai dựng vợ
Xuân sang năm sẽ có cháu trai.

吉 葉 三 秋 由 命 醮
祥 占 四 代 疊 分 甘

Cát diệp tam thu do mạnh tiếu
Tường chiêm tứ đại điệp phân cam.

Mừng đã ba đời còn rượu chúc
Vui xem tứ đại họ càng đông.

風 送 芹 香 翻 藝 苑
月 移 桂 影 藹 琴 房

Phong tống cần hương phiên nghệ uyển
Nguyệt di quế ảnh ái cầm phòng
Gió thổi hương cần đến vườn đẹp
Trăng rời bóng quế rợp cung đàn.

天 河 汲 水 勻 宮 粉
月 窟 簪 花 染 御 香
Thiên hà cấp thủy câu cung phấn
Nguyệt quật trâm hoa nhiễm ngự hương.
Thiên hà dẫn nước cho cung phấn
Hang nguyệt hoa trâm đượm ngự hương.

墨 浪 擬 從 桃 浪 煖
筆 花 早 向 燭 花 開
Mặc lãng nghĩ tòng đào lãng noãn
Bút hoa tảo hướng chúc hoa khai.
Sóng mực chừng theo ấm sóng đào
Bút hoa sớm hướng vui hoa đuốc.

芹 香 初 秀 桃 源 洞
桂 影 長 隨 月 窟 人
Cần hương sơ tú đào nguyên động
Quế ảnh trường tùy nguyệt quật nhân.
Hương cần mới tỏ động đào nguyên
Bóng quế dõi theo người dưới nguyệt

方 向 廣 宮 拾 藻 彩
隨 從 月 窟 採 天 香
Phương hướng quảng cung thập tảo thái
Tùy tòng nguyệt quật thám thiên hương.
Hướng tới quảng cung lượm rau quý
Dõi theo hang nguyệt kiếm hương trời.

竹 影 仍 偕 身 影 在
墨 花 盡 帶 麗 花 飛
Trúc ảnh nhưng giai thân ảnh tại
Mặc hoa tận đới lệ hoa phi.
Ảnh trúc vẫn là thân ảnh đấy
Mực hoa đem hết lệ hoa bay.

好 夢 渺 難 尋 白 雪 陽 春 絶 調 竟 成 廣 陵 散
知 音 能 有 几 高 山 流 水 傷 心 永 斷 伯 牙 琴

Hảo mộng miểu nan tầm bạch tuyết dương xuân tuyệt điệu cánh thành Quảng lăng tán.
Tri âm năng hữu kỷ cao sơn lưu thủy thương tâm vĩnh đoạn Bá Nha cầm.
Mộng đẹp khó tìm, nhờ Bạch Tuyết dương xuân mà khúc hát Quảng lăng được soạn.
Tri âm mấy kẻ, tưởng cao sơn lưu thủy nên cây đàn Bá Nha đập tan.

教育深恩終身感戴
浩然正氣萬古長存
Giáo dục thâm ân chung thân cảm đái
Hạo nhiên chính khí vạn cổ trường tồn.
Dạy dỗ ơn sâu, trọn đời tưởng nhớ
Hạo nhiên chính khí, muôn thuở vẫn còn.

瑞藹堂中來燕賀
祥臨膝下慶鸞鳴
Thụy ái đường trung lai yến hạ
Tường lâm tất hạ khánh loan minh.
Nhà phủ mây lành yến đến mừng
Bên gối niềm vui loan lại chúc.

美奐美輪賀來燕雀
宜家宜室夢占熊羆
Mỹ hoán mỹ luân hạ lai yến tước
Nghi gia nghi thất mộng chiếm hùng bi.
Đẹp vẻ, đẹp thay, yến tước lại mừng
Nên nhà, nên cửa, hùng bi gặp mộng.

金屋輝煌饒五彩
玉簫嘹喨澈三霄
Kim ốc huy hoàng nhiêu ngũ thái
Ngọc tiêu liệu lượng triệt tam tiêu.
Rực rỡ nhà vàng đầy năm vẻ
Nỉ non tiêu ngọc suốt ba đêm.

鳳閣鸞幃並耀輝題葉題名共羨休聲疊疊
鹿鳴麟趾同賡詠宜家宜國爭誇喜事重重
Phượng các loan vi tịnh diệu huy đề diệp đề danh
cộng tiễn hưu thanh điệp điệp.
Lộc minh Lân chỉ đồng canh vịnh nghi gia nghi quốc
tranh khoa hỉ sự trùng trùng.

Gác phượng màn loan đều rực rỡ, nêu tên nêu tuổi cùng cất tiếng vui rộn rã
Lộc minh, Lân chỉ cùng ca hát, nên nhà nên cửa, tranh khoe việc hỷ râm ran.

家學有淵源看桂子望重橋門知藝苑目關世德
花鈿多錦繡喜蘭孫莊崔梅韻信香奩亦載文章

Gia học hữu uyên nguyên khán quế tử vọng trọng kiều môn tri nghệ uyển mục quan thế đức
Hoa điện đa cẩm tú hỷ lan tôn trang thôi mai vận tín hương liêm diệc tải văn chương.

Nếp nhà học có nguồn, thấy con quế cửa cao vọng trọng, biết vườn đẹp trồng cây đức tốt
Hoa cài như gấm thêu, mừng cháu lan vẻ đẹp sắc mai, tin điểm trang cũng có văn chương.

聚樂事於一堂題名合卺壁水藍橋雙煥彩
流芳徽於天載經國宜家青雲紅葉並增輝

Tụ lạc sự ư nhất đường đề danh hợp cẩn bích thủy lam kiều song hoán thái
Lưu phương trưng ư thiên tải kinh quốc nghi gia thanh vân hồng diệp tịnh tăng huy.

Họp chuyện cũ ở một nhà, vinh quy nạp thái, nước biếc cầu lam hai vẻ đẹp
Lưu tiếng thơm cho muôn thuở, giúp nước nên nhà, mây xanh lá thắm thảy huy hoàng.

年週花甲榮瑤島
庭長芝蘭映玉堂

Niên chu hoa giáp vinh dao đảo
Đình trưởng chi lan ánh ngọc đường.

Tuổi tròn hoa giáp thơm danh tiếng
Sân mọc chi lan rạng cửa nhà.

堂粲長庚徵上壽
名登仕籍試鴻才

Đường xán trường canh trưng thượng thọ
Danh đăng sĩ tịch thí hồng tài.

Nhà rạng tuổi cao lên thượng thọ
Tên nêu bảng sĩ thử tài năng.

堂 北 萱 花 榮 晝 錦
階 前 桂 子 噴 天 香
Đường bắc huyên hoa vinh trú cẩm
Giai tiền quế tử phún thiên hương.
Nhà bắc hoa huyên tươi vẻ gấm
Trước thềm cây quế tỏa hương trời.

嶺 上 梅 花 報 喜 信
庭 前 椿 樹 户 芳 齡
Lĩnh thượng mai hoa báo hỉ tín
Đình tiền xuân thụ hộ phương linh.
Hoa mai đầu núi báo tin vui
Cây xuân sân trước nâng cao tuổi.

愿 慈 母 千 年 不 老
祝 松 柏 萬 載 長 青
Nguyện từ mẫu thiên niên bất lão
Chúc tùng bách vạn tải trường thanh.
Mong mẹ hiền ngàn năm vẫn trẻ
Chúc tùng bách muôn thuở còn xanh.

今 日 正 逢 萱 草 壽
前 身 合 是 杏 花 仙
Kim nhật chính phùng huyên thảo thọ
Tiền thân hợp thị hạnh hoa tiên.
Hôm nay đúng gặp ngày sinh mẹ
Kiếp trước hẳn là hạnh hoa tiên.

白 頭 偕 老
同 心 永 結
Bạch đầu giai lão
Đồng tâm vĩnh kết
Đầu bạc cùng già
Đồng tâm kết mãi.

鴛 鴦 比 翼
夫 婦 同 心
Uyên ương tị dực
Phu phụ đồng tâm.
Uyên ương liền cánh
Chồng vợ đồng lòng.

同 心 生 產 好
合 意 感 情 深
Đồng tâm sinh sản hảo
Hợp ý cảm tình thâm.
Đồng tâm làm ăn tốt
Hợp ý cảm tình sâu.

才 高 鸚 鵡 賦
春 入 鳳 凰 樓
Tài cao Anh vũ phú
Xuân nhập Phượng hoàng lâu
Tài cao phú Anh vũ
Xuân vào lầu Phượng hoàng.

藍 田 曾 种 玉
紅 葉 自 題 詩
Lam điền tằng chủng ngọc
Hồng diệp tự đề thi.
Lam điền từng trồng ngọc
Lá thắm tự đề thơ.

攝 成 雙 壁 影
締 結 百 年 歡
Nhiếp thành song bích ảnh
Đế kết bách niên hoan.
Chụp thành bức ảnh đôi
Thắt giây mừng trăm tuổi.

鳳 凰 鳴 瑞 世
琴 瑟 譜 新 聲
Phượng hoàng minh thụy thế
Cầm sắt phổ tân thanh.
Phượng hoàng kêu đời thịnh
Cầm sắt phổ tân thanh.

喜 見 紅 梅 放
樂 迎 淑 女 來
Hỉ kiến hồng mai phóng
Lạc nghinh thục nữ lai.
Mừng thấy mai hồng nở
Vui đón thục nữ về.

四 季 花 常 好
百 年 月 永 圓
Tứ quí hoa thường hảo
Bách niên nguyệt vĩnh viên.
Bốn mùa hoa đều nở
Trăm năm trăng vẫn tròn.

良 日 良 時 良 偶
佳 男 佳 女 佳 緣
Lương nhật lương thời lương ngẫu
Giai nam giai nữ giai duyên.
Ngày tốt, giờ tốt, tốt đôi
Trai đẹp, gái đẹp, đẹp duyên.

檻 外 · 紅 梅 競 放
檐 前 紫 燕 雙 飛
Hạm ngoại hồng mai cạnh phóng
Thiềm tiền tử yến song phi.
Ngoài hiên mai hồng đua nở
Trước thềm tử yến sánh bay.

佳 偶 百 年 好 合
知 音 千 里 相 逢
Giai ngẫu bach niên hảo hợp
Tri âm thiên lí tương phùng.
Đôi đẹp trăm năm hòa hợp
Tri âm ngàn dặm, gặp nhau.

一 門 喜 慶 三 春 暖
兩 姓 欣 成 百 世 緣
Nhất môn hỉ khánh tam xuân noãn
Lưỡng tính hân thành bách thế duyên.
Một cửa đón mừng ba xuân ấm
Hai họ vui chúc trăm năm duyên.

一 朝 喜 結 千 年 侶
百 歲 不 移 半 寸 心
Nhất thiên hỉ kết thiên niên lữ
Bách tuế bất di bán thốn tâm.
Một sớm mừng kết bạn ngàn năm
Trăm tuổi không thay lòng nửa tấc.

二 姓 聯 婚 成 大 禮
百 年 偕 老 樂 長 春
Nhị tính liên hôn thành đại lễ
Bách niên giai lão lạc trường xuân.
Hai họ thông gia thành lễ lớn
Trăm năm lên lão kéo dài xuân.

萬 里 云 天 爭 比 翼
百 年 事 業 結 同 心
Vạn lý vân thiên tranh tỵ dực
Bách niên sự nghiệp kết đồng tâm.
Vạn dặm mây trời tranh sát cánh
Trăm năm sự nghiệp kết đồng tâm.

云 漢 橋 成 牛 女 渡
春 台 簫 引 鳳 凰 飛
Vân hán kiều thành Ngưu, Nữ độ
Xuân đài tiêu dẫn Phượng, Hoàng phi.
Xây cầu Vân hán mừng Ngưu, Nữ
Tiếng sáo đài Xuân dẫn Phượng, Hoàng.

書 聲 喜 有 琴 聲 伴
翰 墨 新 添 黛 墨 香
Thư thanh hỉ hữu cầm thanh bạn
Hàn mặc tân thiêm đại mặc hương.
Tiếng sách có tiếng đàn làm bạn
Mực bút thêm hương mực vẽ mày.

瓊 樓 月 皓 人 如 玉
秀 閣 花 香 酒 似 蘭
Quỳnh lâu nguyệt hạo nhân như ngọc
Tú các hoa hương tửu tự lan.
Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc
Gác đẹp hoa hương rượu tựa lan

碧 海 云 生 龍 對 舞
丹 山 日 出 鳳 雙 飛
Bích hải vân sinh long đối vũ
Đan sơn nhật xuất Phượng song phi.
Biển biếc mây trùm Rồng múa cặp
Núi non trời ló Phượng bay đôi.

女 慧 男 才 原 是 對
你 恩 我 愛 總 相 聊
Nữ tuệ nam tài nguyên thị đối
Nhĩ ân ngã ái tổng tương liên.
Gái giỏi trai tài nom thật đối
Em ân anh ái có tương liên.

詩 題 紅 葉 同 心 句
酒 飲 黃 花 合 巹 杯
Thi đề hồng diệp đồng tâm cú
Tửu ẩm hoàng hoa hợp cẩn bôi.
Đề thơ lá thắm giải đồng tâm
Uống rượu cúc vàng ly hợp cẩn.

互 敬 互 幫 創 大 業
相 親 相 愛 樹 新 風
Hỗ kính, hỗ bang sáng đại nghiệp
Tương thân tương ái thụ tân phong.
Cùng kính, cùng giúp, xây nghiệp lớn
Tương thân, tương ái dựng tân phong.

堂 前 奏 笛 迎 賓 客
户 外 吹 笙 引 鳳 凰
Đường tiền tấu địch nghinh tân khách
Hộ ngoại xuy sinh dẫn Phượng Hoàng
Trước nhà tấu sáo đón tân khách
Ngoài ngõ hòa tiêu dẫn Phượng Hoàng.

鳳 求 凰 百 年 樂 事
男 嫁 女 一 代 新 風
Phượng cầu Hoàng bách niên lạc sự
Nam giá nữ nhất đại tân phong.
Trăm năm vui việc Phượng cầu Hoàng
Một đời đổi mới nam cưới nữ.

紅 葉 題 詩 傳 厚 意
赤 繩 系 足 結 良 緣
Hồng diệp đề thi truyền hậu ý
Xích thằng hệ túc kết lương duyên.
Lá thắm đề thơ truyền ý kín
Chỉ hồng chân buộc kết duyên lành.

花 燭 交 心 互 勉 志
英 才 攜 手 共 圖 強
Hoa chúc giao tâm hỗ miễn chí
Anh tài huề thủ cộng đồ cường.
Đuốc hoa lòng kết nên rèn chí
Tài giỏi tay trao quyết đến giàu.

破 舊 俗 婚 事 簡 辦
樹 新 風 致 富 爭 先
Phá cựu tục hôn sự giản biện
Thụ tân phong trí phú tranh tiên.
Bỏ tục xưa, cưới xin đơn giản
Nêu gương mới, lầm giầu là đầu.

柳 暗 花 明 春 正 半
珠 聯 碧 合 影 成 雙
Liễu ám hoa minh xuân chính bán
Châu liên bích hợp ảnh thành song.
Liễu rậm hoa tươi, xuân mới nửa
Châu liền thành chuỗi, ảnh thành đôi.

宜 國 宜 家 新 婦 女
能 文 能 武 好 男 儿
Nghi quốc nghi gia tân phụ nữ
Năng văn năng vũ hảo nam nhi
Thuận nước, thuận nhà, phụ nữ mới
Hay văn, hay vũ, nam nhi tài.

婚 締 自 由 移 舊 俗
禮 行 平 等 樹 新 風
Hôn đế tự do, di cựu tục
Lễ hành bình đẳng thụ tân phong.
Hôn nhân tự do, bỏ tục xưa
Giao tiếp bình đẳng, nêu gương mới.

勤 勞 手 足 患 慢 少
恩 愛 夫 妻 歡 樂 多
Cần lao thủ túc hoạn ưu thiểu
Ân ái phu thê hoan lạc đa
Lao động chân tay, lo lắng ít
Ái ân chồng vợ, sướng vui nhiều.

百 年 恩 愛 雙 心 結
千 里 姻 緣 一 線 牽
Bách niên ân ái song tâm kết
Thiên lý nhân duyên nhất tuyến khiên.
Trăm năm ân ái, hai lòng buộc
Ngàn dặm nhân duyên, một sợi ràng.

愛 貌 愛 才 尤 愛 志
知 人 知 面 更 知 心
Ái mạo ái tài vưu ái chí
Tri nhân tri diện cánh tri tâm.
Yêu vẻ, yêu tài, càng yêu chí
Biết người, biết mặt, lại biết lòng.

作 婦 須 知 勤 儉 好
治 家 應 教 子 孫 賢
Tác phụ tu tri cần kiệm hảo
Trị gia ưng giáo tử tôn hiền.
Làm vợ nên hay cần kiệm giỏi
Trị nhà phải dạy cháu con hiền.

詩 詠 河 洲 鳩 喜 集
經 傳 桂 里 鳳 和 鳴
Thi vịnh hà châu cưu hỉ tập
Kinh truyền quế lý phượng hoà minh.
Thơ vịnh bãi sông cưu đến họp
Kinh truyền rừng quế phượng cùng kêu.

相 親 相 愛 青 春 永
同 德 同 心 幸 福 長
Tương thân tương ái thanh xuân vĩnh
Đồng đức đồng tâm hạnh phúc trường
Tương thân, tương ái, thanh xuân mãi
Đồng đức, đồng tâm, hạnh phúc dài.

容 貌 心 齡 雙 俊 秀
才 華 事 業 兩 風 流
Dung mạo tâm linh song tuấn tú
Tài hoa sự nghiệp lưỡng phong lưu
Dung mạo, tâm hồn, đôi tuấn tú
Tài hoa, sự nghiệp, cặp phong lưu.

互 敬 互 愛 互 相 學 習
同 德 同 心 同 建 家 庭
Hỗ kính hỗ ái hỗ tương học tập
Đồng đức đồng tâm đồng kiến gia đình.
Lẫn kính, lẫn yêu, lẫn giúp học tập
Cùng đức, cùng lòng, cùng xây gia đình.

同 心 同 德 美 滿 夫 婦
克 儉 克 勤 幸 福 鴛 鴦
Đồng tâm đồng đức mỹ mãn phu phụ
Khắc kiệm khắc cần hạnh phúc uyên ương.
Cùng lòng, cùng đức, vợ chồng mỹ mãn
Biết cần, biết kiệm hạnh phúc uyên ương.

恩 愛 夫 妻 情 似 青 山 不 老
幸 福 伴 侶 意 如 碧 水 長 流
Ân ái phu thê tình tự thanh sơn bất lão
Hạnh phúc bạn lữ ý như bích thủy trường lưu
Ân ái vợ chồng, tình tựa non xanh trẻ mãi
Hạnh phúc đôi lứa, ý như nước biếc chảy hoài.

男 尊 女 女 尊 男 男 幫 女 助
夫 敬 妻 妻 敬 夫 夫 德 妻 賢
Nam tôn nữ nữ tôn nam nam bang nữ trợ
Phu kính thê thê kính phu phu đức thê hiền.
Nam trọng nữ nữ trọng nam nam giúp nữ đỡ
Chồng kính vợ, vợ kính chồng chồng đức vợ hiền.

惟 求 愛 永 恒 一 生 同 伴 侶
但 愿 人 長 九 千 里 共 嬋 娟
Duy cầu ái vĩnh hằng nhất sinh đồng bạn lữ
Đản nguyện nhân trường cửu thiên lý cộng thiền quyên.
Mong tình yêu vĩnh hằng, một đời cùng đôi lứa
Muốn người lâu hưởng thọ, ngàn dặm với thiền quyên.

鳥 語 花 香 仲 春 一 幅 天 然 畫
賓 歡 主 樂 嘉 客 滿 堂 錦 上 花
Điểu ngữ hoa hương xuân nhất bức thiên nhiên hoạ
Tân hoan chủ lạc gia khách mãn đường cẩm thượng hoa.
Chim hót, hoa hương, một bức thiên nhiên xuân vẽ
Khách vui, chủ sướng đầy nhà rực rỡ gấm hoa.

鴛 鴦 對 舞
鸞 鳳 和 鳴
Uyên ương đối vũ
Loan phượng hoà minh
Uyên ương múa đôi
Loan phượng hoà tiếng.

月 圓 花 好
鳳 舞 龍 飛
Nguyệt viên hoa hảo
Phượng vũ long phi
Trăng tròn hoa đẹp
Phượng múa rồng bay.

男 婚 女 嫁
夫 德 妻 賢
Nam hôn nữ giá
Phu đức thê hiền
Trai cưới gái gả
Chồng đức vợ hiền.

志 同 道 合
意 厚 情 長
Chí đồng đạo hợp
Ý hậu tình trường.
Chí cùng ý hợp
Ý sâu tình dài.

東 風 入 户
喜 氣 盈 門
Đông phong nhập hộ
Hỉ khí doanh môn
Gió đông vào nhà
Khí lành đầy cửa.

志 同 道 合
花 好 月 圓
Chí đồng đạo hợp
Hoa hảo nguyệt viên.
Chí cùng đạo hợp
Hoa đẹp trăng tròn.

椿 影 已 隨 雲 氣 散
鵑 聲 猶 帶 月 光 寒
Xuân ảnh dĩ tuỳ vân khí tán
Quyên thanh do đới nguyệt quang hàn.
Xuân ảnh đã theo cùng vân khí
Quyên thanh như lạnh quyện trăng quang.

花 落 萱 幃 春 去 早
光 寒 婺 宿 夜 來 沉
Hoa lạc huyên vi xuân khứ tảo
Quang hàn vụ tú dạ lai trầm.
Hoa rụng màn huyên xuân đi sớm
Quang hàn sao vụ tối đến chìm.

寶 婺 雲 迷 粧 閣 冷
萱 花 霜 萎 繡 幃 寒
Bảo Vụ vân mê trang các lãnh
Huyên hoa sương uỷ tú vi hàn.
Sao Vụ mây mờ trang các lạnh
Hoa huyên sương giá màn thêu hàn.

萱 謝 北 堂 寒 霧 鎖
婺 沉 西 海 暮 煙 封
Huyên tạ bắc đường hàn vụ toả
Vụ trầm tây hải mộ yên phong.
Huyên héo bắc đường sương lạnh khóa
Sao chìm tây hải khói chiều phong.

椿 樹 早 凋 悲 未 已
萱 花 纔 隕 痛 何 如
Xuân thụ tảo điêu bi vị dĩ
Huyên hoa tài vẫn thống hà như
Xuân thụ sớm khô đau chưa dứt
Huyên hoa lại rụng xót làm sao.

萱 草 香 凋 春 日 暮
婺 星 光 掩 夜 雲 陰
Huyên thảo hương điêu xuân nhật mộ
Vụ tinh quang yểm dạ vân âm.
Cỏ huyên hương nhạt ngày xuân muộn
Ánh sao Vụ mất mây tối đêm.

杳 杳 雙 親 無 復 見
哀 哀 兩 字 那 堪 聞
Liểu liểu song thân vô phúc kiến
Ai ai lưỡng tự ná kham văn.
Vắng lặng song thân không còn thấy
Thảm thương hai chữ há chịu nghe.

萱 花 既 隕 山 河 黯
椿 樹 旋 枯 日 月 昏
Huyên hoa ký vẫn sơn hà ảm
Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt hôn.
Huyên hoa đã rụng sơn hà ám
Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt đen.

夢 游 蝴 蝶 飛 雙 影
血 洒 杜 鵑 泣 四 親
Mộng du hồ điệp phi song ảnh
Huyết sái đỗ quyên khấp tứ thân.
Giấc mơ hồ điệp bay đôi bóng
Máu ứa đỗ quyên khóc mẹ cha.

臨 深 履 薄 言 猶 在
諭 志 承 歡 養 未 能
Lâm thâm lý bạc ngôn do tại
Dụ chí thừa hoan dưỡng vị năng.
"Vực sâu băng mỏng" câu còn đó[1]
Lời dạy thuận vui buổi dưỡng đâu.

雨 催 玉 樹 終 天 恨
雲 暗 竹 林 兩 地 悲
Vũ thôi ngọc thụ chung thiên hận
Vân ám trúc lâm lưỡng địa bi.
Mưa dồn ngọc thụ chung trời hận
Mây ám trúc lâm lưỡng đất bi.

愁 繫 竹 林 畔
淚 彈 荊 樹 邊

---

[1] Thiên *Thái Bá* sách *Luận ngữ* có câu: "... như lâm thâm uyên, như lý bạc băng". Nghĩa là: "... nguy hiểm như đến vực sâu, như đi trên băng mỏng". Ở đây ý nói lòng cung kính của con cái đối với cha mẹ.

Sầu hệ trúc lâm bạn
Lệ đàn kinh thụ biên
Sầu buộc bờ rừng trúc
Lệ đàn bên khóm gai.

不圖花萼終聯集
何忍雁行各自飛
Bất đồ hoa ngạc chung liên tập
Hà nhẫn nhạn hàng các tự phi.
Nào ngờ hoa cánh lìa khỏi khóm
Sao nỡ nhạn bầy lẻ tự bay.

祇道荊庭常聚首
寧知雁陣條離群
Chỉ đạo kinh đình thường tụ thủ
Ninh tri nhạn trận điều ly quần.
Chỉ nói sân gai thường tụ hội
Nào hay bầy nhạn lại ly đàn.

雁陣霜寒悲折翼
鴻原露冷痛孤飛
Nhạn trận sương hàn bi chiết dực
Hồng nguyên lộ lãnh thống cô phi.
Nhạn thế sương sa đau gẫy cánh
Hồng đàn mây lạnh xót lẻ bay.

原土春深鶺鴒音斷雲千里
林稍夜寂鴻雁聲哀月一輪
Nguyên thổ xuân thâm, tích linh âm đoạn vân thiên lý
Lâm sảo dạ tịch, hồng nhạn thanh ai nguyệt nhất luân.
Đất phẳng xuân sâu, tích linh[1] âm đứt, mây nghìn dặm;
Rừng thưa đêm vắng, hồng nhạn thanh buồn, nguyệt một vầng.

詩夢阻殘芳草野
壎聲吹落紫荊花
Thi mộng trở tàn phương thảo dã
Huyên thanh xuy lạc tử kinh hoa.
Giấc mộng thơ ngăn tàn cỏ nội
Tiếng huyên[2] thổi lại lạc hoa gai.

---

[1] *Tích linh*: Chim chìa vôi.
[2] *Huyên*: Một loại nhạc khí thời cổ.

薤 露 與 歌 刑 永 隔
鵜 鴒 抱 痛 淚 空 垂
Giới lộ hưng ca hình vĩnh cách
Tích linh bão thống lệ không thùy.
Giới lộ[1] nổi lên hình cách biệt
Tích linh[2] thống thiết lệ rơi hoài.

北 望 鴒 原 千 里 遠
南 來 雁 侶 半 行 孤
Bắc vọng linh nguyên thiên lý viễn
Nam lai nhạn lữ bán hàng cô.
Bắc ngóng cánh chim xa nghìn dặm
Nam về bầy nhạn lẻ nửa hàng.

藍 田 種 玉 緣 何 淺
青 鳥 傳 音 去 不 還
Lam điền chủng ngọc duyên hà thiển
Thanh điểu truyền âm khứ bất hoàn.
Lam Điền[3] trồng ngọc duyên sao mỏng;
Thanh điểu[4] truyền âm khuất chẳng về.

甘 苦 共 嘗 情 曷 極
幽 明 永 隔 痛 何 如
Cam khổ cộng thường tình hạt cực
U minh vĩnh cách thống hà như
Ngọt đắng sẻ chia, tình sao cực
U minh vĩnh cách, xót nhường bao.

獨 鶴 愁 悲 雙 鳳 管
孤 鸞 哀 斷 七 絃 琴
Độc hạc sầu bi song phượng quản
Cô loan ai đoạn thất huyền cầm.
Hạc lẻ sầu bi sáo song phượng
Loan cô thương xót đàn thất huyền.

---

(1) *Giới lộ*: Tên một bài hát lúc chôn người chết thời xưa.

(2) *Tích linh*: Xem chú thích trang trước

(3) *Lam Điền*: Tên núi ở Thiểm Tây (Trung Quốc). Vì có nhiều ngọc nên cũng gọi là Ngọc Sơn.

(4) *Thanh điểu*: Chim xanh. Chỉ điềm có người đến làm mối cho con trai con gái.

紅 墻 銀 漢 途 難 越
碧 海 青 天 怨 有 餘
Hồng tường Ngân Hán đồ nan việt
Bích hải thanh thiên oán hữu dư.
Tường hồng Ngân Hán đường khôn vượt
Bể biếc thanh thiên oán có thừa.

哭 爾 三 年 髮 白
愁 余 五 夜 燈 青
Khốc nhĩ tam niên phát bạch
Sầu dư ngũ dạ đăng thanh.
Khóc em ba năm tóc bạc
Sầu anh ngũ dạ[1] đèn xanh.

菱 鏡 影 孤 哉 慘 聽 秋 封 吹 落 葉
錦 機 聲 寂 矣 愁 看 夜 月 照 空 幃
Lăng kính ảnh cô tai, thảm thính thu phong xuy lạc diệp
Cẩm cơ thanh tịch hĩ, sầu khan dạ nguyệt chiếu không vi.
Gương kính bóng lẻ thay, thảm thấm gió thu bay lá rụng
Gấm khung thanh lặng vậy, oán nhìn trăng giãi chiếu màn không.

家 累 總 無 依 卿 從 此 去 擔 了 矣
世 情 多 不 測 我 自 今 來 喚 奈 何
Gia lụy tổng vô y, khanh tòng thử khử đảm liễu hĩ
Thế tình đa bất trắc, ngã tự kim lai hoán nại hà.
Gia hệ thẩy trông nhờ, nàng đi bỏ lại đây gánh nặng
Thế tình đa bất trắc, ta từ nay nào biết gọi ai.

南 極 輝 沉 空 太 息
東 床 望 斷 失 瞻 依
Nam cực huy trầm không thái tức
Đông sàng vọng đoạn thất chiêm y.
Nam cực[2] mờ chìm đành an nghỉ
Đông sàng[3] dứt đoạn mất trông nhờ.

丈 人 峰 屹 巉 如 昨
半 子 情 灰 帳 在 茲

---

[1] *Ngũ dạ*: Nên hiểu là ngũ canh, tức cả đêm.
[2] *Nam cực*: Tên một ngôi sao. Ở đây chỉ Nhạc Phủ.
[3] *Đông sàng*: Chỉ chàng rể.

Trượng nhân phong dĩ chiêm như tạc
Bán tử tình khôi trướng tại tư.
Đỉnh non nhạc phụ trông như tạc
Tình cảm rể con xót tự đây.

峰 頂 丈 人 嗟 已 矣
膝 前 半 子 痛 何 如

Phong đính trượng nhân ta dĩ hĩ
Tất tiền bán tử thống hà như.
Nhạc phụ đỉnh non ôi đã khuất
Rể con trước gối tủi nhường bao.

丁 年 痛 入 黃 泉 路
年 夜 驚 頹 太 嶽 峰

Đinh niên thống nhập hoàng tuyền lộ
Niên dạ kinh đồi thái nhạc phong.
Tráng niên khổ nỗi hoàng tuyền[1] đến
Bán dạ kinh hồn thái nhạc[2] suy.

圮 上 罔 聞 呼 小 子
雪 中 空 想 見 先 生

Bĩ thượng võng văn hô tiểu tử
Tuyết trung không tưởng kiến tiên sinh.
Chẳng còn nghe thầy gọi tiểu tử
Tưởng hoài trong tuyết thấy tiên sinh.

青 氈 席 冷 思 模 範
絳 帳 庭 空 憶 管 絃

Thanh chiên tịch lãnh tư mô phạm
Giáng trướng đình không ức quản huyền.
Chăn xanh chiếu lạnh suy khuôn mẫu
Trướng đỏ sân không nhớ sáo đàn.

面 命 只 今 無 一 語
心 喪 未 可 短 三 年

Diện mệnh chỉ kim vô nhất ngữ
Tâm tang vị khả đoản tam niên.
Trước mặt đến nay không một ngữ
Tang lòng chưa thể trọn ba năm.

---

[1] *Hoàng tuyền*: Nơi suối vàng, chỉ người đã chết.
[2] *Thái nhạc*: Núi lớn. Chỉ người bố vợ.

影 落 青 松 裏
神 留 絳 帳 中
Ảnh lạc thanh tùng lý
Thần lưu giáng trướng trung.
Hình ảnh lạc trong tùng xanh
Tinh thần lưu giữa trướng đỏ.

綠 水 青 山 長 送 月
碧 雲 紅 樹 不 勝 愁
Lục thủy thanh sơn trường tống nguyệt
Bích vân hồng thụ bất thăng sầu.
Nước biếc non xanh dài đưa nguyệt
Cây hồng mây thắm chẳng thiết sầu.

翠 色 和 雲 籠 夜 月
玉 容 帶 雨 泣 春 風
Thúy sắc hoà vân lung dạ nguyệt
Ngọc dung đới vũ khấp xuân phong.
Sắc biếc hoà vân lồng đêm nguyệt
Mặt hoa ngấn lệ khóc gió xuân.

春 風 十 載 交 情 舊
夜 雨 三 秋 別 恨 多
Xuân phong thập tải giao tình cựu
Dạ vũ tam thu biệt hận đa.
Gió xuân thập tải giao tình cũ
Mưa tối tam thu biệt hận nhiều.

雲 鎖 巫 山 人 不 見
月 明 仙 嶺 鶴 歸 來
Vân toả Vu Sơn nhân bất kiến
Nguyệt minh tiên lĩnh hạc qui lai.
Mây khoá Vu Sơn[1] người chẳng thấy;
Trăng soi Tiên Lĩnh[2] hạc bay về.

春 影 已 隨 殘 月 去
桂 香 猶 逐 好 風 來

---

[1] *Vu Sơn*: Nơi thần núi ở.
[2] *Tiên Lĩnh*: Nơi tiên ở.

Xuân ảnh dĩ tùy tàn nguyệt khứ
Quế hương do trục hảo phong lai.
Xuân ảnh đã theo trăng xế bóng
Quế hương còn đuổi gió lành đi.

推 殘 玉 樹 三 更 雨
促 隕 瓊 花 五 夜 風
Suy tàn ngọc thụ tam canh vũ
Xúc vẫn quỳnh hoa ngũ dạ phong.
Đẩy khô cây ngọc tam canh gió
Thúc tạ hoa quỳnh ngũ dạ mưa.

自 昔 文 章 誇 霧 隱
而 今 意 氣 仰 雲 模
Tự tích văn chương khoa vụ ẩn
Nhi kim ý khí ngưỡng vân mô.
Từ trước văn chương khoa vụ ẩn[1]
Mà nay ý khí ngưỡng vân mô[2]

三 月 雨 催 椿 樹 老
五 更 風 促 杜 鵑 啼
Tam nguyệt vũ thôi xuân thụ lão
Ngũ canh phong xúc đỗ quyên đề.
Mưa tháng ba giục cây xuân lão
Gió canh năm đòi tiếng quốc kêu.

月 臨 椿 樹 渾 無 影
風 送 杜 鵑 卻 有 聲
Nguyệt lâm xuân thụ hồn vô ảnh
Phong tống đỗ quyên khước hữu thanh.
Trăng soi xuân thụ mờ không ảnh,
Gió tiễn đỗ quyên lại có thanh.

何 知 一 夢 飛 蝴 蝶
竟 使 千 秋 泣 杜 鵑
Hà tri nhất mộng phi hồ điệp
Cánh sử thiên thu khấp đỗ quyên.

---

(1) *Khoa Vụ ẩn:* Khoa trương ở nơi mây mù ẩn khuất.
(2) *Ngưỡng vân mô:* Ngẩng nhìn mô phỏng lại ở trên mây.

Biết đâu một giấc bay hồ điệp
Để khiến nghìn thu khóc đỗ quyên.

倚 門 人 去 三 更 月
泣 丈 兒 悲 五 夜 寒
Ỷ môn nhân khứ tam canh nguyệt
Khấp trượng nhi bi ngũ dạ hàn.
Tựa cửa người đi tam canh nguyệt
Khóc cha trẻ tủi ngũ dạ hàn.

明 月 山 頭 思 古 道
清 風 江 上 想 芳 型
Minh nguyệt sơn đầu tư cổ đạo
Thanh phong giang thượng tưởng phương hình.
Trăng soi đỉnh núi mơ đạo cũ
Gió thổi trên sông tưởng mẫu hình.

大 雅 云 亡 綠 水 青 山 誰 作 主
老 成 凋 謝 落 花 啼 鳥 總 傷 神
Đại nhã vân vong, lục thủy thanh sơn, thùy tác chủ
Lão thành điêu tạ, lạc hoa đề điểu, tổng thương thần.
Bậc đại nhã[1] chẳng còn, núi biếc sông xanh ai làm chủ,
Người lão thành[2] khô héo, chim kêu hoa rụng thẩy đau lòng.

掛 劍 若 爲 情 黃 菊 花 開 人 去 後
思 君 在 何 處 白 楊 秋 淨 月 明 時
Quải kiếm nhược vi tình, hoàng cúc hoa khai nhân khứ hậu
Tư quân tại hà xứ, bạch dương thu tịnh nguyệt minh thời.
Treo kiếm thuận theo tình, cúc vàng hoa nở khi người khuất
Nhớ ông nơi đâu ngụ, dương trắng tiết thu buổi tròn trăng.

懿 德 傳 諸 鄉 里 口
賢 慈 報 在 子 孫 身
Ý đức truyền chư hương lý khẩu
Hiền từ báo tại tử tôn thân.
Đức hạnh truyền đi nhiều làng xã
Hiền tài báo đáp khắp cháu con.

---

(1) *Bậc đại nhã*: Người có đức tao nhã lớn.
(2) *Người lão thành*: Người nhà có lịch duyệt nhiều.

瓊 簫 響 寂 三 千 界
玉 鏡 粧 空 十 二 樓
Quỳnh tiêu hưởng tịch tam thiên giới
Ngọc kính trang không thập nhị lâu
Vắng lặng quỳnh tiêu tam thiên giới[1]
Quạnh hiu gương ngọc thập nhị lâu[2]

蕙 質 蘭 姿 歸 閬 苑
瓊 林 玉 樹 繞 庭 階
Huệ chất lan tư qui lãng uyển
Quỳnh lâm ngọc thụ nhiễu đình giai.
Huệ đẹp lan thơm về lãng uyển[3]
Rừng quỳnh cây ngọc quẩn sân thềm.

駕 鶴 九 霄 懷 素 履
乘 鸞 三 島 憶 芳 蹤
Giá hạc cửu tiêu hoài tố lý
Thừa loan tam đảo ức phương tung.
Cưỡi hạc bay chín tầng in hài cũ
Theo loan về ba đảo nhớ gót xưa.

長 留 壺 範 型 千 古
自 有 龍 章 報 九 泉
Trường lưu hồ phạm hình thiên cổ
Tự hữu long chương báo cửu tuyền.
Khuôn mẫu còn lưu hình thiên cổ
Long chương[4] tự có báo cửu tuyền.

貞 靜 擬 歌 黃 髮 頌
逍 遙 竟 去 白 雲 天
Trinh tĩnh nghĩ ca hoàng phát tụng
Tiêu dao cánh khứ bạch vân thiên.

---

(1) *Tam thiên giới*: Nhà Phật quan niệm thế giới ta ở hiện nay là tam thiên thế giới (ba nghìn thế giới).
(2) *Thập nhị lâu:* Tức thập nhị trùng lâu: ống thực quản của người ta có 12 đốt, ở đây chỉ dáng đẹp của người phụ nữ đã khuất.
(3) *Lãng uyển*: Nơi tiên ở.
(4) *Long chương*: Vẻ đẹp.

Trinh tiết đắn đo mừng hoàng phát[1]
Tiêu dao chung cục ngưỡng bạch vân[2]

懿 德 難 忘 流 淚 血
慈 恩 未 報 繞 愁 腸
Ý đức nan vong lưu lệ huyết
Từ ân vị báo nhiễu sầu trường.
Đức hạnh khó quên lưu huyết lệ
Ân từ chưa báo khổ tâm sầu.

子 息 祗 依 青 鬢 母
孫 枝 還 賴 白 頭 人
Tử tức chi y thanh mấn mẫu
Tôn chi hoàn lại bạch đầu nhân.
Con gốc nương nhờ xanh tóc mẹ[3]
Cháu cành trông cậy trắng đầu ông[4]

鶴 馭 瑤 臺 秋 月 冷
鵑 啼 玉 砌 隴 雲 飛
Hạc ngự giao đài thu nguyệt lãnh
Quyên đề ngọc thế lũng vân phi
Hạc ngự đài tiên trăng thu lạnh
Quyên kêu thềm ngọc áng mây bay.

靜 夜 鳥 鳴 悲 月 色
長 年 雞 警 付 花 塵
Tĩnh dạ điểu minh bi nguyệt sắc
Trường niên kê cảnh phó hoa trần
Đêm lặng chim kêu sầu sắc nguyệt
Năm dài gà gáy mặc bụi hoa.

女 宗 靡 依 痛 深 戚 里
母 範 何 恃 淚 滴 慈 幃
Nữ tông mị y thống thâm thích lý
Mẫu phạm hà thị lệ trích từ vi.

---

(1) ***Hoàng phát:*** Người già xưng là hoàng phát (tóc vàng).
(2) ***Bạch vân***: Chỉ nơi quê cha.
(3) Thanh **mấn mẫu**: Người mẹ tóc mai xanh. Chỉ người vợ kế của cha.
(4) ***Bạch đầu nhân***: Người đầu bạc. Chỉ ông bà nội, hoặc ông bà ngoại.

Dâu hiền thôi hết cậy, đau đớn thâm tình thích lý[1]
Mẹ thảo chẳng còn nhờ, lệ rơi lã chã từ vi[2]

青 鳥 信 來 王 母 歸 時 環 珮 冷
玉 簫 聲 斷 秦 娥 去 後 鳳 樓 空

Thanh điểu tín lai, Vương Mẫu qui thời hoàn bội lãnh
Ngọc tiêu thanh đoạn, Tần nga khứ hậu phượng lầu không.

Thanh điểu truyền tin, Vương Mẫu[3] về rồi, vòng ngọc lạnh
Ngọc tiêu đứt đoạn, Tần nga[4] ly biệt, phượng lầu không.

柏 操 千 磨 無 改 翠
松 齡 百 劫 有 餘 青

Bách tháo thiên ma vô cải thúy
Tùng linh bách kiếp hữu dư thanh.

Bách dẫu nghìn mài không đổi thắm
Tùng già trăm kiếp vẫn thừa xanh.

北 苑 花 飛 寒 總 帳
西 窗 月 落 冷 深 閨

Bắc uyển hoa phi hàn huệ trướng
Tây song nguyệt lạc lãnh thâm khuê.

Uyển bắc[5] hoa bay màn trướng lạnh
Song tây[6] nguyệt lặn chốn khuê mờ.

形 單 影 隻 經 三 世
志 潔 行 芳 越 百 年

Hình đơn ảnh chích kinh tam thế
Chí khiết hành phương việt bách niên.

Hình đơn bóng lẻ qua tam thế[7]
Chí sạch làm hay vượt bách niên.

靡 他 矢 志 扶 黃 口
惟 此 甘 心 到 白 頭

---

[1] ***Thích lý***: Bà con làng xóm bên ngoại.
[2] ***Từ vi***: Nơi màn trướng của mẹ hiền.
[3] Vương Mẫu: Một vị nữ thần, tức Tây Vương Mẫu. Con cháu cũng tôn xưng tổ đã mất là Vương Mẫu.
[4] ***Tần nga***: Chỉ người con gái đẹp.
[5] Uyển bắc: Vườn phía bắc.
[6] ***Song tây***: Cửa sổ phía tây.
[7] ***Tam thế***: Ba đời: ông, cha, con.

My tha thỉ chí phù hoàng khẩu
Duy thử cam tâm đáo bạch đầu.
Chí thề chẳng khác phù con trẻ
Lòng quyết không sai đến bạc đầu.

型 節 難 移 方 鐵 石
堅 操 不 改 耐 冰 霜
Hình tiết nan di phương thiết thạch
Kiên thao bất cải nại băng sương.
Vững chí khôn dời niềm sắt đá
Kiên tâm chẳng cải mặc băng sương.

鸞 分 十 載 雲 中 舞
鶴 別 三 更 月 下 鳴
Loan phân thập tải vân trung vũ
Hạc biệt tam canh nguyệt hạ minh.
Trong mây loan múa phân thập tải
Dưới nguyệt hạc kêu biệt tam canh.

獨 鶴 猶 經 深 夜 雪
孤 鸞 且 耐 永 霄 霜
Độc hạc do kinh thâm dạ tuyết
Cô loan thả nại vĩnh tiêu sương.
Lẻ hạc còn qua đêm sâu tuyết
Đơn loan lại chịu cảnh sương mây.

禪 房 冷 靜 三 更 月
文 室 虛 明 牛 夜 燈
Thiền phòng lãnh tĩnh tam canh nguyệt
Văn thất hư minh ngưu dạ đăng.
Thiền phòng lạnh vắng tam canh nguyệt[1]
Văn thất quang không ngưu dạ đăng[2]

流 水 行 雲 談 貝 葉
清 風 明 月 憶 曇 花
Lưu thủy hành vân đàm bối diệp
Thanh phong minh nguyệt ức đàm hoa.

---

[1] *Tam canh nguyệt*: Trăng lúc canh ba, tức nửa đêm.
[2] *Cả câu ý nói*: Phòng văn trống không, đèn chỉ là ánh sáng của sao Thiên Ngưu rọi vào.

Nước chẩy mây trôi đàm lá quý
Gió lành trăng sáng tưởng hoa mờ.

彈 指 不 聞 花 雨 落
轉 頭 猶 見 月 潭 清
Đàn chỉ bất văn hoa vũ lạc
Chuyển đầu do kiến nguyệt đàm thanh.
Đàn ngọt chẳng nghe mưa hoa rụng
Ngoảnh đầu còn thấy nguyệt đàm trong.

石 上 月 光 留 化 跡
瓶 中 蓮 影 散 餘 香
Thạch thượng nguyệt quang lưu hóa tích
Bình trung liên ảnh tản dư hương.
Trên đá trăng soi lưu dấu tích
Trong bình sen bóng tản hương thừa.

深 院 落 藤 花 石 不 點 頭 龍 不 語
殘 經 凋 貝 葉 香 無 飛 篆 磬 無 聲
Thâm viện lạc đằng hoa, thạch bất điểm đầu, long bất ngữ;
Tàn kinh điêu bối diệp, hương vô phi triện, khánh vô thanh.
Viện thẳm rụng hoa đằng, đá chẳng điểm đầu, rồng chẳng nói;
Kinh tàn mờ lá quí, hương không bay triện, khánh không thanh.

華 表 鶴 歸 留 素 影
玉 屏 仙 去 剩 丹 邱
Hoa biểu hạc qui lưu tố ảnh;
Ngọc bình tiên khứ thặng đan khưu.
Hoa biểu hạc về lưu bóng trắng;
Màn ngọc tiên đi để gò đan[1]

風 過 林 空 花 滿 地
丹 成 爐 在 火 無 煙
Phong quá lâm không hoa mãn địa;
Đan thành lô tại hỏa vô yên.
Gió qua rừng trống hoa mãn địa[2]
Đan thành lò tại hỏa vô yên[3]

---

[1] *Gò đan*: Gò luyện thuốc tiên.
[2] *Hoa mãn địa*: Hoa nở đầy đất.
[3] Cả câu ý nói: Lò luyện thuốc tiên còn đó, lửa khói không còn nữa.

夢 不 醒 來 野 鶴 空 悲 華 表 月
事 都 撇 去 桃 華 那 戀 武 陵 春
Mộng bất tỉnh lai, dã hạc không bi hoa biểu nguyệt;
Sự đô phách khứ, đào hoa na luyến Vũ lăng xuân.
Mộng chẳng tỉnh rồi, hạc nội luống buồn trăng hoa biểu;
Việc đều bỏ hết, hoa đào lưu luyến xuân Vũ lăng.

子 道 無 成 空 讀 禮
親 恩 罔 極 望 回 雲
Tử đạo vô thành không độc lễ;
Thân ân võng cực vọng hồi vân.
Đạo thầy chẳng thành luống đọc lễ;
Ơn cha vô tận ngóng hồi mây.

深 恩 未 報 慚 爲 子
飲 泣 難 銷 忝 作 人
Thâm ân vị báo tàm vi tử;
Ẩm khấp nan tiêu thiệm tác nhân.
Ơn sâu chưa báo làm con thẹn;
Nuốt tủi khôn tiêu cách sống hèn.

遇 亦 甚 難 哉 慷 慨 先 已 駙 馬 子
神 當 不 沒 矣 悽 愴 長 在 昇 龍 門
Ngộ diệc thậm nan tai! Khảng khái tiên dĩ Phò mã tử;
Thần đương bất một hĩ! Thê thương trường tại Thăng Long môn.
Cảnh ngộ thật khó thay, khảng khái trước hi sinh - con Phò mã;
Tinh thần không mất vậy, cảm thương người vời vợi đất Thăng Long.
(Viếng Nguyễn Tri Phương)

同 郡 疊 告 哀 君 之 逝 去 竹 堂 范 老 幾 何 日
八 年 兩 制 敵 今 之 役 視 癸 酉 往 事 勝 一 籌
Đồng quận điệp cáo ai, quân chi thệ khứ Trúc Đường Phạm lão kỷ hà nhật;
Bát niên lưỡng chế địch, kim chi dịch thị Quí Dậu vãng sự thắng nhất trù.
Đồng hương liên tiếp cáo tang, ông ra đi cách Phạm Trúc Đường là mấy?
Tám năm hai phen dẹp giặc, việc ngày nay so năm Quý Dậu hơn nhiều.
(Viếng Hoàng Diệu)

廿 年 使 許 身 報 國 何 以 家 爲 何 家 非 家 亦 何 家
是 家 家 國 夢 中 苦 最 苦 國 破 家 亡 仇 尚 在
一 片 心 殉 義 捐 生 欲 得 死 所 欲 死 不 死 未 欲 死
竟 死 死 生 度 外 悲 奚 悲 生 雄 死 烈 志 難 埋

Trấp niên sử hứa thân báo quốc, hà dĩ gia, vi hà gia phi gia, diệc hà gia thị gia, gia quốc mộng trung, khổ tối khổ,
quốc phá gia vong cừu thượng tại;
Nhất phiến tâm tuẫn nghĩa quyên sinh, dục đắc tử, sở dục tử bất tử, vị dục tử cánh tử, tử sinh độ ngoại, bi hề bi,
sinh hùng tử liệt chí nan mai.

Hai mươi năm đem thân báo nước, nào kể chi nhà, nhà nào là nhà, nhà nào không phải nhà, trong mộng nước nhà, khổ là khổ,
nước mất nhà tan, thù vẫn đó.
Một tấm lòng vì nghĩa quên mình, muốn tìm chỗ chết, muốn chết không chết, không muốn chết lại chết, ngoài vòng sống chết,
sống hùng chết liệt, chí khôn vùi.

(Viếng Tăng Bạt Hổ)

忠 孝 有 眞 傳 念 祖 國 念 同 胞 豈 忍 天 涯 遺 老 父
英 雄 無 印 板 亦 頑 民 亦 義 士 管 教 史 筆 屬 名 家

Trung hiếu hữu chân truyền, niệm Tổ quốc, niệm đồng bào,
khởi nhẫn thiên nhai di lão phụ;
Anh hùng vô ấn bản, diệc ngoan dân, diệc nghĩa sĩ,
quản giao sử bút thuộc danh gia.

Trung hiếu do truyền thống từ xưa, nghĩ Tổ quốc, nghĩ đồng bào, khởi nhẫn thiên nhai di lão phụ;
Anh hùng không bản in để lại, cũng ngoan dân, cũng nghĩa sĩ, rồi đây bút sử chép danh gia.

(Viếng Nguyễn Công Vân - Kiến Xương - Thái Bình)

霹 靂 一 聲 群 奸 膽 散
江 山 千 古 大 俠 魂 香

Tích lịch nhất thanh quần gian đảm tán
Giang sơn thiên cổ đại hiệp hồn hương.

Sấm sét một tiếng vang, bọn gian gan nát;
Non sông ngàn thuở mãi, hiệp sĩ hồn hương.

(Viếng Nguyễn Thế Trung, Bát Tràng)

讀四千年歷史刺客傳俠客傳乃君爲開卷
第一人固應日月星辰高懸姓字
語五千萬同胞吾民仇吾國仇矧汝亦亞黃
眞貴種好與江山城郭洗淨腥羶

Độc tứ thiên niên lịch sử, Thích khách truyện, Hiệp khách truyện nãi quân vi khai quyển đệ nhất nhân, cố ưng nhật nguyệt tinh thần, cao huyền tính tự;

Ngữ ngũ thiên vạn đồng bào, ngô dân cừu, ngô quốc cừu, thẩn nhữ diệc Á hoàng chân quí chủng, hảo dữ giang sơn thành quách, tẩy tịnh tinh chiên.

Đọc bốn nghìn năm lịch sử, truyện Thích khách, truyện Hiệp khách, với ông thật là người đầu tiên, vậy nên với mặt trời, trăng sao, nêu cao tên họ.

Nói năm ngàn vạn đồng bào, thù dân ta, thù nước ta, huống mày cũng da vàng châu Á, thề phải vì non sông thành quách, rửa sạch hôi tanh.

(Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Thế Trung)

不能死又不能生展轉病中魂國難家仇痛
史到君無底痛
與俱出誰與俱入蕭條亡後劫天涯海角悲
場任我自由悲

Bất năng tử hựu bất năng sinh, triển chuyển bệnh trung hồn, quốc nạn gia cừu, thống sử đáo quân vô để thống.

Dữ câu xuất thùy dữ câu nhập, tiêu điều vong hậu kiếp, thiên nhai hải giác, bi trường nhậm ngã tự do bi.

Chết không được, sống cũng lại không xong, bệnh hồn dằn vặt bấy lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi hồn xiết kể;

Ra với nhau, về biết cùng ai nhỉ? Thân thế tiêu điều lắm nỗi, chân trời góc bể, thương thầm tôi cũng biết sao đây?

(Viếng Đinh Doãn Tế; Hương Sơn, Hà Tĩnh)

造少年國先造少年人塡海補天蓋世奇功希汝翼
與同志出不與同志入悲風慘雨滿城方草爲誰萋

Tạo thiếu niên quốc, tiên tạo thiếu niên nhân, điền hải bổ thiên cái thế kỳ công hy nhữ dực;

Dữ đồng chí xuất, bất dữ đồng chí nhập, bi phong thảm vũ, mãn thành phương thảo vị thùy thê.

Tạo nước thiếu niên, trước tạo người thiếu niên, lấp bể vá trời, công việc hơn đời nhờ ở bác;
Cùng đồng chí đi, không cùng đồng chí lại, mưa sầu gió thảm, cỏ hoa đầy phố để cho ai?
(Viếng Phạm Tư Tề; Thư Trì, Thái Bình)

問汝漢姦即今奴隸舞臺開幕從究竟何如夢裏昏昏偏怪汝
哀君義種從古英雄歷史發軔初大都自此儻中佼佼最憐君

Vấn nhữ Hán gian, tức kim nô lệ vũ đài, bế mạc hậu cứu cánh hà như, mộng lý hôn hôn thiên quái nhữ;
Ai quân nghĩa chủng, tòng cổ anh hùng lịch sử, phát nhận sơ đại đô tự thử, dong trung giảo giảo tối liên quân.
Hỏi mày bọn Hán gian, hiện nay sân khấu tôi đòi, hạ màn rồi sau sẽ ra sao? trong lúc tối tăm mày thật quái;
Thương bác người nghĩa hiệp, tự cổ anh hùng lịch sử, đẩy xe trước toàn như thế cả, làm thuê sáng tỏ bác nên thương.
(Viếng Đỗ Huy Nam, Thượng Lâu, Hưng Yên)

會看戰馬南旋殄仇虜慰壯心寄語英靈有作九原應默護
愁見征鴻北上弔中原談舊事幾經艱苦無情二豎忍相欺

Hội khan chiến mã Nam toàn, điển cừu lỗ, ủy tráng tâm, ký ngữ anh linh, hữu tác cửu nguyên ưng mặc hộ;
Sầu kiến chinh hồng Bắc thượng, điếu Trung nguyên, đàm cựu sự, kỷ kinh gian khổ, vô tình nhị thụ nhẫn tương khi
Những mong chiến mã về Nam, giết giặc cướp, thỏa tấm lòng, nhắn gửi hồn thiêng, có biết suối vàng nên giúp đỡ.
Buồn thấy chinh hồng lên Bắc, thăm Trung Nguyên, bàn việc cũ, trải bao gian khổ, vô tình mà bệnh nỡ giày vò.
(Viếng Trịnh Khắc Công, Thanh Trì, Hà Nội)

見君之去不見君之還他年奏凱聲中鴻嶺魚峰草木爲君齊墜淚
與我同來寧與我國死幾度飲愁杯裏盤城島國風塵剩我最傷心

Kiến quân chi khứ bất kiến quân chi hoàn, tha niên tấu khải thanh trung, Hồng lĩnh, Ngư phong, thảo mộc vị quân tề trụy lệ;
Dữ ngã đồng lai ninh dữ ngã đồng tử, kỷ độ ẩm sầu bôi lý, Bàn thành, Đảo quốc, phong trần thặng ngã tối thương tâm.
Thấy anh đi, chẳng thấy anh về, ngày nào trong tiếng khải hoàn, núi Hồng, cồn Ngư, cây cỏ vì anh đều nhỏ lệ;
Cùng tôi ra, không cùng tôi chết, mấy bận cùng nâng chén rượu, thành Bàn, nước Đảo, phong trần để bạn phải thương tâm.
(Viếng Lê Cẩu Tinh, Nghi Lộc, Nghệ An)

心 不 能 爲 之 哀 一 夢 太 淒 涼 六 十 年 來 故
國 江 山 甘 我 棄

天 竟 何 從 而 問 同 胞 都 義 烈 三 千 里 外 他
邦 瘴 厲 忍 予 仇

Tâm bất năng vi chi ai, nhất mộng thái thê lương, lục thập niên lai, cố quốc giang sơn cam ngã khí;
Thiên cánh hà tòng nhi vấn, đồng bào đô nghĩa liệt, tam thiên lý ngoại, tha bang chướng lệ nhẫn du cừu.
Lòng thương biết làm sao? Một mộng quá buồn sầu, sáu chục năm nay, nước cũ non sông đành bỏ bạn;
Trời theo đâu mà hỏi? Đồng bào đều nghĩa liệt, ngoài ba ngàn dặm, quê người lam chướng nợ thù nhà.
(Viếng hai anh em Nguyễn Quốc Thụy, Nguyễn Quốc Trí, Quảng Nam)

壯 在 我 公 戰 壘 殘 魂 馳 驅 終 不 倦 上 留 東 數 閱
月 導 游 學 先 河 不 虛 憂 患 半 生 竟 隨 國 殉

嗟 乎 吾 國 新 潮 初 涌 進 步 未 有 窮 況 同 志 許 多
人 當 復 仇 後 勁 有 日 中 原 一 擾 願 告 公 知

Tráng tai ngã công, chiến lũy tàn hồn, trì khu chung bất quyện, thượng lưu Đông sổ duyệt nguyệt, đạo du học tiên hà, bất hư ưu hoạn bán sinh, cánh tùy quốc tuẫn;
Ta hồ ngô quốc, tân trào sơ dũng, tiến bộ vị hữu cùng, huống đồng chí hứa đa nhân, đương phục cừu hậu kính, hữu nhật trung nguyên nhất tiệp, nguyện cáo công tri.
Chí ông đáng khen thay! Chiến lũy đã tàn, mà ruổi rong không mỏi, còn lưu lại Đông Kinh vài tháng, khơi nguồn du học, không uổng nửa đời lo nghĩ, vì nước mà mất;

Vận nước đáng buồn lắm! Tân trào mới nổi, nên tiến bộ chưa cùng, đã có trong đồng chí bao người, gánh việc phục thù, có ngày đất nước thu hồi, xin cùng ông báo lại.

(Viếng Tăng Bạt Hổ)

君豈其虛生作戲於世耶提兵三稔去國廿
餘年一泣於英一泣於清忽忽焉大泣於東
誰齡思入秋風向我神京埋古劍
我亦不知死之爲何物也讀書五洲知交數
十輩或戰以舌或戰以筆端端的力戰以鐵
血俠血塗溫帶爲吾黃族豎紅旗

Quân khởi kỳ hư sinh tác hí ư thế da, đề binh tam nẫm, khứ quốc trấp dư niên, nhất khấp ư Anh, nhất khấp ư Thanh, hốt hốt yên đại đại khấp ư Đông, thùy linh tử nhập thu phong, hướng ngã thần kinh mai cổ kiếm.

Ngã diệc bất tri tử chi vi hà vật dã, độc thư ngũ châu, tri giao số thập bối, hoặc chiến dĩ thiệt, hoặc chiến dĩ bút, đoan đoan đích lực chiến dĩ thiết, trực sử huyết đồ ôn đới, vị ngô hoàng tộc thụ hồng kỳ.

Bác há phải sống mà chơi ở cõi đâu? Cầm quân ba bận, bỏ nước hai mươi năm, đã kêu ở Anh, đã kêu ở Thanh; lại còn thấy tiếng kêu ở Đông, vì đâu ngọn gió mùa thu, đến chốn thần kinh chôn kiếm cổ; Tôi không biết chết là vật gì nữa cả! Đọc sách năm châu, quen biết vài chục bạn, kẻ đánh bằng lưỡi, kẻ đánh bằng bút, có kẻ ra sức đánh bằng sắt để khiến máu rơi ôn đới, vì giống da vàng dựng cờ hồng.

(Nguyễn Thượng Hiền viếng Tăng Bạt Hổ)

崑崙鳥面積若幾偏容許多人奇絕奇造設
當初寧問有期與無期波中湧起孤峰高高
高留個英雄萬古宅
大越國血購得來所值只一死怨何怨流離
此日不以歌去以哭去夢裡驚呼同志戰戰
戰還我山河獨立天

Côn Lôn đảo diện tích nhược kỷ, thiên dung hứa đa nhân, kỳ tuyệt kỳ, tạo thiết đương sơ, ninh vấn hữu kỳ dữ vô kỳ, ba trung dũng khởi cô phong, cao cao cao, lưu cá anh hùng vạn cổ trạch.

Đại Việt quốc huyết cấu đắc lai, sở trị chỉ nhất tử, oán hà oán, lưu ly thử nhật, bất dĩ ca khứ dĩ khốc khứ, mộng lý kinh hô đồng chí, chiến chiến chiến, hoàn ngã sơn hà độc lập thiên.

Đảo Côn Lôn diện tích bấy nhiêu, dung được biết bao người lạ lạ sao! Xây dựng từ xưa, nào hỏi gì có hẹn hay không, giữa lòng nổi ngọn non côi, cao cao cao, nhà cửa anh hùng lưu tại đó;

Nước Đại Việt máu xương mua lại, giá đáng một cái chết, oán oán mãi! Lưu ly ngày ấy, bước ra lại không ca mà khóc, trong mộng hoảng kêu đồng chí, đánh đánh đánh, hãy trả trời độc lập cho ta !

(Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Hàm; Quảng Nam)

嗟 嗟 許 大 山 河 徵 王 不 作 趙 嫗 安 歸 翻 教 歷
史 數 千 年 多 渠 一 死

咄 咄 成 何 世 界 沱 海 漲 羞 屏 山 凝 臭 忍 看 鬚
眉 幾 百 輩 與 賊 俱 生

Ta ta hứa đại sơn hà, Trưng Vương bất tác, Triệu Ẩu an qui, phiên giáo lịch sử sổ thiên niên, đa cừ nhất tử;

Đốt đốt thành hà thế giới, Đà hải trường tu, Bình Sơn ngưng xú, nhẫn khán tu mi kỷ bách bối, dữ tặc câu sinh.

Nước non rộng rãi đáng than thay! Trưng Vương không dậy, Triệu ẩu về đâu? Khiến cho lịch sử vài nghìn năm, thiếu người chết nữa; Thế giới lung tung đáng sợ thật! Đà Hải thẹn đầy, Bình Sơn thối ứ, nỡ để râu mày mấy trăm kẻ, cùng giặc sống sao?

(Viếng nữ liệt Đinh phu nhân)

嗟 我 生 無 補 於 時 海 外 寄 殘 軀 風 雨 一 天 空 洒 淚
噫 君 死 已 得 其 所 簷 頭 留 碧 血 江 山 千 古 有 餘 香

Ta nghã sinh vô bổ ư thời, hải ngoại ký tàn khu, phong vũ nhất thiên không sái lệ;

Y quân tử dĩ đắc kỳ sở, thiềm đầu lưu bích huyết, giang sơn thiên cổ hữu dư hương.

Sống như ta không ích cho đời, đất khách gửi xương tàn, mưa gió một trời riêng nhỏ lệ.

Chết mà bạn đã tìm được chốn, mái nhà rơi máu đỏ, non sông muôn thuở có thừa hương.

(Viếng Đặng Thái Thân; Nghi Lộc, Nghệ An)

邦 傑 沒 兮 百 身 終 莫 贖 好 是 文 明 初 度 星 火 燎 原
誓 將 百 鍊 千 磨 鑄 時 鑄 世 鑄 江 山 光 前 燦 後

國 魂 在 否 一 慟 竟 無 聲 哀 哉 辛 苦 牧 場 仰 天 吞 膽
所 望 一 心 同 德 有 叔 有 弟 有 朋 友 雖 死 猶 生

Bang kiệt một hề, bách thân chung mạc thục, hảo thị văn minh sơ độ, tinh hỏa liệu nguyên, thệ tương bách luyện thiên ma, chú thời, chú thế, chú giang sơn, quang tiền thước hậu;

Quốc hồn tại phủ, nhất đồng cánh vô thanh, ai tai tân khổ mục trường, ngưỡng thiên thôn đạm, sở vọng nhất tâm đồng đức, hữu thúc, hữu đệ, hữu bằng hữu, tuy tử do sinh.

Hào kiệt mất rồi, trăm mình khôn chuộc lại, tiếc nỗi văn minh buổi mới, chút lửa cháy đồng, thề rằng trăm luyện ngàn tôi, đúc thời, đúc thế, đúc non sông, trước sau rạng rỡ;

Quốc hồn đâu tá, một tiếng thét không ra, thương thay trường mục đắng cay, nhìn trời nuốt mật, ước những đồng tâm, đồng đức, còn chú còn em, còn bạn hữu, sống chết như nhau.

年少憶同游問嘗拔劍擘天誓殲仇虜眞個略韜素蘊大有乃父風吾夫子席前言志時噲然心許

時危誰爲拯方欲揮戈挽日滾失英雄獨憐忠孝兩全留作吾儕鋭老將軍海外聞哀日莞爾顏開

Niên thiếu ức đồng du, gian thường bạt kiếm phách thiên, thệ tiêm cừu lỗ, chân cá lược thao tố vấn, đại hữu nãi phụ phong, ngô phu tử tịch tiền ngôn chí thời, khoái nhiên tâm hứa

Thời nguy thời vị chửng, phương dục huy qua vãn nhật, cự thất anh hùng độc liên trung hiếu lưỡng toàn, lưu tác ngô sài kính, lão tướng quân hải ngoại văn ai nhật, hoản nhĩ nhan khai.

Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi, đã từngmang giáo chỉ trời cao, thề trừ giặc cướp, thật là đã gồm tài thao lược, theo lối của người cha, thầy học ta khi nói chỉ học trò, lòng đà khâm phục;

Gặp lúc nguy nan ai cứu, những muốn múa gươm xong cuộc thế, đã mất anh hùng, chỉ tức rằng trọn đạo hiếu trung, làm gương cho bạn hữu, lão tướng quân lúc được nghe ai tin, mặt vẫn tươi cười.

(Hoàng Ngọc Long viếng Nguyễn Bá Tuyển, Hải Dương)

乾坤翻覆以來間豈無轟轟烈烈好場誰似君家三櫻虜刃再殉孤城幾回看寶劍掌中魂到九泉猶殺賊

身世浮沈至此日常抱鬱鬱孛孛奇氣欲揮吾手拔崑崙山平片徐海一聲語姪兒海外身先同志厲誅仇

Càn khôn phiên phúc dĩ lai, gian khởi vô oanh oanh liệt liệt hảo trường, thùy tự quân gia, tam anh lỗ nhận, tái tuẫn cô thành, kỷ hồi khan bảo kiếm chưởng trung, hồn đáo cửu tuyền do sát tặc.
Thân thế phù trầm chí thử, nhật thường bão uất uất bột bột kỳ khí, dục huy ngô thủ, bạt Côn Lôn sơn, bình Cần Giờ hải, nhất thanh ngữ diệt nhi hải ngoại, thân tiên đồng chí lệ tru cừu.

Trời nghiêng đất ngả đến nay, há không trường liệt liệt oanh oanh, ai như nhà ông, ba người đánh giặc chết, hai bận giữ thành cô, bao lần xem báu kiếm trong tay, hồn đến suối vàng còn giết giặc.
Bẩy nổi ba chìm là thế, ôm cái chí uất uất bột bột, muốn giơ tay ta, san phẳng núi Côn Lôn, lấp bằng bể Cần Hải, một tiếng gọi cháu trai ngoài cõi, hàng đầu đồng chí gắng phanh thù.

(Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Hữu Cương)

自 攜 手 離 東 忽 七 年 間 風 雨 重 洋 關 山 萬 里
每 於 艱 險 地 膽 爲 酒 薪 爲 床 時 對 心 言 生 斯
世 當 雄 之 飛 毋 雌 之 伏

豎 分 襟 而 西 已 一 載 半 鴈 音 竟 杳 鴻 爪 空 留
恍 於 夢 寐 中 聲 如 雷 目 如 炬 來 告 予 曰 眞 男
子 寧 玉 而 碎 毋 瓦 而 全

Tự huề thủ ly Đông, hốt thất niên gian, phong vũ trùng dương, quan sơn vạn lý, mỗi ư gian hiểm địa, đảm vi tửu tân vi sàng, thời đối tâm ngôn: sinh tư thế đương hùng chi phi, vô thư chi phục;
Ký phân khâm nhi Tây, dĩ nhất tải bán, nhạn âm cánh diểu, hồng trảo không lưu, hoảng ư mộng mị trung, thanh như lôi, mục như cự, lai cáo dư viết: chân nam tử ninh ngọc nhi toái, vô ngoã nhi toàn.

Từ dắt tay dời Đông, bỗng trong bẩy năm, mưa gió ngàn trùng, quan san muôn dặm, khi ở nơi gian hiểm, mật làm rượu, gai làm giường, bấm bụng nói thầm: "Sinh ở đời này, thà giống trống mà bay, không làm giống mái mà nấp".
Lần chia áo đi Tây, nay một năm rưỡi, tin nhà đã vắng, móng hồng không còn, bỗng trong giấc chiêm bao, tiếng như lôi, mắt như lửa, gọi tôi mà bảo: "Đã là nam tử, thà làm ngọc mà nát, không làm hòn ngói mà nguyên".

(Viếng Nguyễn Đức Công, Nghệ An)

浮 生 何 足 悲 可 憐 國 難 家 仇 壯 志 半 生 流 水 逝
同 黨 依 然 在 會 看 乾 旋 坤 轉 英 魂 萬 里 烈 風 來

Phù sinh hà túc bi, khả liên quốc nạn gia cừu,
tráng chí bán sinh lưu thủy thệ;
Đồng đảng y nhiên tại, hội khán kiền toàn khôn chuyển,
anh hồn vạn lý liệt phong lai.
Phù sinh có tiếc gì, đáng thương nạn nước thù nhà,
tráng chí nửa đời theo nước chảy;
Đồng đảng còn đây cả, sẽ thấy trời xoay đất chuyển,
hồn thiêng muôn dặm gió bay về.
(Viếng Phan Lại Lương, Hưng Nguyên, Nghệ An)

噫天遽喪予耶磊磊一生心方將吞四海
吸三江捲萬千怒浪愁濤惟吾驅策
使人儘如君者茫茫全亞陸奠至朝歐雲
暮美雨把四百神州赤縣任汝縱橫

Y thiên cự táng dư da, lỗi lỗi nhất sinh tâm, phương tương thôn tứ hải hấp tam giang, quyển vạn thiên nộ lãng sầu đào, duy ngô khu sách;
Sử nhân tận như quân giả, mang mang toàn Á lục, hề chí triêu Âu vân mộ Mỹ vũ, bả tứ bách thần châu xích huyện, nhậm nhữ tung hoành.
Trời làm hại ta chăng? Lỗi lạc một tấm lòng, những đang hòng nuốt bốn bể, hút tam giang, cuốn muôn ngàn ngọn sóng kinh đời,
để ta sai khiến;
Mọi người như ông cả, mênh mông toàn châu Á, sao đến nỗi sớm mây Âu, chiều gió Mỹ, đem bốn trăm huyện châu quí báu
cho chúng tung hoành.
(Viếng Nguyễn Đình Lâm; Hương Sơn, Hà Tĩnh)

一腔熱血竟付東流成敗局人奈天何千
秋淚洒珠江水
十歲雄圖欲翻西海感慨場今猶昨也萬
里魂馳故國山

Nhất xoang nhiệt huyết cánh phó Đông lưu, thành bại cục nhân nại thiên hà, thiên thu lệ sái Châu giang thủy.
Thập tuế hùng đồ dục phiên Tây hải, cảm khái trường kim do tạc dã, vạn lý hồn trì cố quốc sơn.
Một bầu nhiệt huyết, phó mặc Đông lưu, cuộc thành bại người biết [illegible] sao, nước Châu giang ngàn thu lệ rưới.
Mười năm hùng đồ, muốn lay Tây hải, trường cảm khái nay như xưa vậy, non cố quốc muôn dặm hồn về.
(Viếng Võ Quán; Bình Sơn; Quảng Ngãi)

方將聯一氣爲地球無所謂合並無所謂離
管教地下人間總依然燈前劍影枕畔雞聲
得意也都忘爾我
且欲導眾生於天國有爲之因必有爲之果
憑仗天靈佛力會須看塵裏歐雲毫端美雨
牧場那復計東西

Phương tương liên nhất khí vi địa cầu, vô sở vị hợp tịnh vô sở vị ly, quản giáo địa hạ nhân gian, tổng y nhiên đăng tiền kiếm ảnh, chẩm bạn kê thanh, đắc ý dã đô vong nhĩ ngã;

Thả dục đạo chúng sinh ư thiên quốc, hữu vi chi nhân, tất hữu vi chi quả, bằng trượng thiên linh Phật lực, hội tu khán trần lý Âu vân, hào đoan Mỹ vũ, mục trường na phục kế đông tây.

Cũng toan liều một mạch làm địa cầu, không gì là hợp, cũng không gì là ly, khiến cho dưới đất giữa người, đều y nhiên trước đèn bóng kiếm, bên gối tiếng gà, khi đắc ý lại quên mày tớ;

Lại muốn dẫn chúng sinh lên thiên quốc, đã làm ra nhân ắt sẽ làm ra quả, dựa ở oai trời sức Phật, tất phải thấy trong bụi mây Âu, đầu tia mưa Mỹ, trường chăn chi sá kể đông tây.

(Nguyễn Thượng Hiền viếng Hồ Bá Kiện)

玄黃未定如此世須才有其奮矣而更蹶有
其蹶矣而復能奮歟臥我於窮島荒山尸祝
萬人齊救國
淘汰無情祇疑天亦醉彼宜死者何以生彼
宜生者又何而死也憐君以空拳白面奔馳
十載不知家

Huyền hoàng vị định, như thử thế tu tài, hữu kỳ phấn hĩ nhi cánh quệ, hữu kì quệ nhi phục năng phấn dư, ngoạ ngã ư cùng đảo hoang sơn thi chúc vạn nhân tề cứu quốc;

Đào thải vô tình, chi nghi thiên diệc túy, bỉ nghi tử giả hà dĩ sinh bỉ nghi sinh giả hựu hà nhi tử dã, liên quân dĩ không quyền bạch diện, bôn trì thập tải bất tri gia.

Cao dày chưa định thế, đời còn cần kẻ có tài, có người đã dậy rồi, lại ngã, có người đã ngã rồi lại dậy chăng? Đầy ta ra đảo vắng rừng hoang, muôn kẻ ước mong đều cứu nước.

Lừa lọc khéo vô tình, trời hẳn như người say rượu, kia kẻ đáng chết sao lại sống, kẻ đáng sống sao lại phải chết thế? Thương anh chỉ tay không mặt trắng, mười năm chạy vạy biết chi nhà.

(Đặng Nguyên Cẩn viếtng Phạm Ngôn)

君 子 一 生 心 可 白
將 軍 雖 死 面 猶 紅
Quân tử nhất sinh tâm khả bạch
Tướng quân tuy tử diện do hồng[1]
Quân tử trọn đời lòng tỏ trắng
Tướng quân dầu chết mặt còn hồng.

怒 倒 山 河 三 尺 劍
功 成 夫 婦 一 家 兵
Nộ đảo sơn hà, tam xích kiếm
Công thành phu phụ, nhất gia binh[2]
Núi sông rạp đổ, gươm ba thước
Chồng vợ xông pha, lính một nhà.

少 爲 故 鄉 子 老 還 爲 故 鄉 翁 得 喪 始 終 俱 隱 夢
生 爲 南 國 人 死 猶 爲 南 國 鬼 是 非 千 古 有 公 評
Thiếu vi cố hương tử, lão hoàn vi cố hương ông,
đắc táng thủy chung câu ẩn mộng
Sinh vi Nam quốc nhân, tử do vi Nam quốc quỷ,
thị phi thiên cổ hữu công bình[3]
Trẻ là con quê hương, già về là lão quê hương,
được mất trước sau dường giấc mộng.
Sống làm người đất nước, chết vẫn làm ma đất nước,
đúng sai muôn thuở có lời bàn.

痛 心 時 事 異 常 士 君 子 有 國 之 仇 無 身 之 怨
回 頭 江 山 依 舊 大 丈 夫 雖 死 之 日 猶 生 之 年
Thống tâm thời sự dị thường, sĩ quân tử hữu quốc chi cừu, vô thân chi oán;
Hồi đầu giang sơn y cựu, đại trượng phu tuy tử chi nhật, do sinh chi niên[4].
Đau lòng thay thời thế khác thường, người quân tử không
nghĩ oán riêng, chỉ lo thù nước;
Quay đầu lại non sông như cũ, kẻ trượng phu tuy rằng
đã chết, cũng vẫn như còn.

---

[1] Câu đối của Phó bảng Nguyễn Đôn Tiết viếng liệt sĩ Phạm Bành, mất năm 1886. Bản chữ Hán và bản dịch, tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.
[2] Khuyết danh; Câu đối mừng vợ chồng nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.
[3] Khuyết danh; Câu đối viếng một thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.
[4] Câu đối khuyết danh viếng Nguyễn Quang Bích mất năm 1889. Văn bản chữ Hán và bản dịch tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

有 志 弗 成 英 雄 已 矣
未 捷 先 死 天 意 謂 何

Hữu chí phất thành, anh hùng dĩ hỉ
Vị tiệp tiên tử, thiên ý vị hà[1]

Có chí không thành, anh hùng đã khuất
Chưa thắng đã chết, ý trời ra sao!

雖 云 成 敗 由 天 唱 義 先 聲 存 藝 靜
堪 嘆 英 雄 無 地 扶 君 大 節 有 鴻 藍

Tuy vân thành bại do thiên, xướng nghĩa tiên thanh tồn Nghệ Tĩnh
Kham thán anh hùng vô địa, phù quân đại tiết hữu Hồng Lam.

Tuy rằng thành bại tại trời, xướng nghĩa đầu tiên truyền Nghệ Tĩnh
Than nhẽ anh hùng không đất, phò vua tiết lớn sánh Hồng Lam[2]

成 敗 英 雄 莫 論 此 孤 忠 此 大 義 誓 與 諸 君 子
始 終 硃 之 英 墨 之 靈 讀 書 每 念 綱 常 重 可 恨
者 垂 顛 大 廈 一 木 難 支 宮 冷 煙 消 誰 人 不 作
深 山 怨 況 當 日 龍 飛 雲 暗 共 嗟 人 事 無 常 可
憐 雒 越 江 山 百 年 文 獻 翻 兵 馬

古 今 天 地 無 窮 而 流 水 而 高 峰 同 此 大 丈 夫
宇 宙 藍 之 風 鴻 之 雪 沖 寒 無 奈 柏 松 凋 謂 何
哉 潰 決 頹 波 中 流 砥 柱 星 移 物 換 何 人 不 起
故 園 情 及 此 時 雁 散 風 吹 堪 嘆 天 心 莫 助 獨
此 松 梅 氣 節 一 死 精 神 貫 斗 牛[3]

Thành bại anh hùng mạc luận, thử cô trung, thử đại nghĩa, thề dữ chư quân tử thủy chung; Châu chi anh, Mặc chi linh, độc thư mỗi niệm cương thường trọng. Khả hận giả thùy điên đại hạ, nhất mộc nan chi; cung lãnh yên tiêu, thùy nhân bất tác thâm sơn oán! Huống đương nhật long phi vân ám, cộng ta nhân sự vô thường; khả liên Lạc Việt giang sơn, bách niên văn hiến phiên binh mã;
Cổ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thử đại trượng phu vũ trụ; Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô nại

---

[1] Câu đối của Phan Đình Phùng viếng Cao Thắng[2] và Lê Ninh[3]. Xuất xứ như trên.

[2] Đây là đôi câu đối các văn thân Nghệ Tĩnh viếng chí sĩ Phan Đình Phùng mất ngày 28 tháng 12 năm 1895. Phần chữ Hán và phần dịch, chúng tôi tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

[3] Đôi câu đối này có ý nghĩa hết sức sâu sắc về nội dung, còn về nghệ thuật cũng rất đặc sắc; chúng tôi dẫn để chúng ta cùng tham khảo, học tập.

bách tùng điêu. Vị hà tai hội quyết đổi ba, trung lưu để trụ, tinh di vật hoán, hà nhân bất khởi cố viên tình! Cập hử thời nhạn tán phong xuy, khâm thán thiên tâm mạc trợ; độc thử tùng mai khí tiết, nhất tử tinh thần quán đẩu ngưu!

Anh hùng thành bại kể chi, tấc dạ cô trung, tấm gương nghĩa cả, thề cùng các bạn chu tuyền; Son mực thánh thần, đọc sách lấy cương thường làm trọng. Giận vì lẽ nhà to sắp đổ, một cây chẳng chống được nào; cung lạnh khói tàn, cảnh non thẳm ai không xót nỗi. Gặp vận rồng bay mây tối, ngậm ngùi cuộc thế đổi thay, thương ôi Lạc Việt non sông, văn hiến trăm năm binh mã loạn;

Trời đất cổ kim còn mãi, một dòng nước chảy, muôn trượng núi xa, ấy chốn nam nhi ngang dọc; Lam Hồng gió tuyết, ngạo đông cho tùng bách cũng gầy. Tính sao đây sóng cả đang dâng, cột đá giữa dòng khó vững; sao dời vật đổi, tình cố hương ai chẳng chạnh lòng! Nguồn cơn nhạn lạc gió gầm, ngao ngán lòng trời cay nghiệt; thấy chửa tùng mai khí tiết, tinh thần một thác đẩu ngưu cao!

自 古 英 雄 鐵 石 肝 腸 難 盡 寫
到 頭 事 勢 川 河 血 淚 曷 能 流

Tự cổ anh hùng, thiết thạch can trường nan tận tả
Đáo đầu sự thế xuyên hà huyết lệ hạt năng lưu[1]

Từ trước anh hùng, dạ sắt gan vàng khôn xiết tả
Đến cùng sự thế, máu sông lệ suối chảy sao trôi.

錦 帳 動 金 風 王 母 稱 觴 聯 巹 酒
燭 花 輝 繡 閣 蘭 孫 引 鳳 舞 斑 衣

Cẩm thuế động kim phong Vương mẫu xưng thương liên cẩn tửu.
Chúc hoa huy tú các, lan tôn dẫn phượng vũ ban y.

Khăn gấm gió thu bay, Vương mẫu chén mời bên rượu cưới.
Đuốc hoa ngời gác đẹp, vườn lan đưa phượng múa áo hoa.

八 月 稱 觴 桂 苑 投 香 延 八 秩
千 聲 奏 樂 萱 花 迎 笑 祝 千 秋

Bát nguyệt xưng thương quế uyển đầu hương diên bát trật.
Thiên thanh tấu nhạc huyên hoa nghinh tiếu chúc thiên thu.

Tháng tám tiệc thọ, vườn quế đưa hương mừng tám chục.
Ngàn thanh nhạc tấu, hoa huyên vui đón chúc ngàn thu.

---

[1] Câu đối các thân sĩ Thanh Hóa viếng Tống Duy Tân mất ngày mồng 5 tháng 10 năm 1892. Xuất xứ như trên.

寶 婺 呈 輝 八 十 年 來 光 八 月
蟠 桃 獻 瑞 三 千 歲 後 待 三 禺

Bảo vụ trình huy bát thập niên lai quang bát nguyệt.
Bàn đào hiến thuỵ tam thiên tuế hậu đãi tam ngu.
Bảo vụ sáng sao, tám chục tuổi rồi soi tháng tám.
Bàn đào hiến thọ, ba ngàn năm tới đợi ba nơi.

錦 悅 動 金 鳳 壽 度 八 旬 逢 九 月
繡 花 輝 寶 婺 祥 鍾 一 室 慶 千 秋

Cẩm thuế động kim phượng thọ độ bát tuần phùng cửu nguyệt.
Tú hoa huy bảo vụ tường chung nhất thất khánh thiên thu.
Phượng vàng bay rực rỡ, tuổi thọ tám tuần vào tháng chín.
Bảo vụ ngời hoa đẹp, chuông lành một cửa chúc ngàn năm.

四 德 俱 全 逢 九 秩
三 多 咸 懽 祝 千 秋

Tứ đức câu toàn phùng cửu trật.
Tam đa hàm bị chúc thiên thu.
Tứ đức vẹn toàn lên chín chục.
Tam đa đầy đủ chúc ngàn năm.

堂 北 萱 花 榮 九 秩
天 南 寶 婺 耀 千 秋

Đường bắc huyên hoa vinh cửu trật.
Thiên nam bảo vụ diệu thiên thu.
Nhà bắc hoa huyên vinh chín chục.
Trời nam Bảo vụ sáng ngàn năm.

德 合 無 疆 年 逾 九 秩
壽 稱 難 老 慶 祝 三 多

Đức hợp vô cương niên du cửu trật.
Thọ xưng nan lão khánh chúc tam đa.
Đức đến vô cùng vượt qua chín chục.
Thọ nay hiếm kẻ cầu chúc tam đa.

寶 婺 星 輝 年 九 十
蟠 桃 果 熟 歲 三 千

Bảo vụ tinh huy niên cửu thập.
Bàn đào quả thục tuế tam thiên.
Bảo vụ sáng soi năm chín chục.
Bàn đào quả chín tuổi ba ngàn.

九旬鶴髮同金母
七秩斑衣學老萊
Cửu tuần hạc phát đồng Kim Mẫu.
Thất trật ban y học Lão Lai.
Chín mươi tóc hạc cùng kim mẫu.
Bảy chục áo hoa học Lão Lai.

錦帳動春風壽延九秩
萱花棣徑色慶衍千秋
Cẩm thuế động xuân phong thọ diên cửu trật.
Huyên hoa đống kính sắc khánh diễn thiên thu.
Khăn gấm động gió xuân, thọ mừng chín chục.
Hoa huyên đầy luống cỏ, cầu chúc ngàn năm.

華堂酒進香流菊
粧閣詩成氣挹蘭
Hoa đường tửu tiến hương lưu cúc.
Trang các thi thành khí ấp lan.
Nhà hoa rượu rót thơm hương cúc.
Gác đẹp câu thơ đượm khí lan.

霞譾桃觴浮玉液
德滋蘭蕊映金粧
Hà ái đào thương phù ngọc dịch.
Đức tư lan nhuỵ ánh kim trang.
Ngọc dịch chén đào mây hiện bóng.
Áo vàng lan nhuỵ đức thơm hương.

瑞啓瓊花逢七秩
榮聯錦膝繞雙佳
Thuỵ khải quỳnh hoa phùng thất trật.
Vinh liên cẩm tất nhiễu song giai.
Mừng thấy hoa quỳnh hoa vừa bảy chục.
Vinh thay dưới gối đẹp hai đôi.

椿室開筵添鶴算
墨池起浪上龍門
Xuân thất khai diên thiêm hạc toán.
Mặc trì khởi lãng thượng long môn.
Nhà xuân mở tiệc thêm tuổi hạc.
Ao mực sóng cồn vượt cửa rồng.

萬 里 九 霄 初 發 軔
一 堂 三 代 慶 齊 眉
Vạn lý cửu tiêu sơ phát nhẫn.
Nhất đường tam đại khánh tề my.
Chín tầng muôn dặm xe vừa đẩy.
Ba đời một cửa chúc ngang mày.

春 酒 香 浮 芹 酒 綠
文 星 彩 煥 極 星 輝
Xuân tửu hương phù cần tửu lục.
Văn tinh thái hoán cực tinh huy.
Rượu xuân hương nổi, rượu cần xanh.
Sao văn rực rỡ, sao cực sáng.

椿 榮 海 屋 連 芹 綠
幟 樹 宮 墻 映 悅 紅
Xuân vinh hải ốc liên cần lục.
Sí thụ cung tường ánh thuế hồng.
Xuân tươi nhà biển rượu cần đậm.
Cờ treo cung điện sắc thêm hồng.

寶 砌 風 和 湘 蘭 並 茂
重 帷 日 暖 鶴 髮 雙 輝
Bảo thế phong hoà tương lan tinh mậu.
Trùng duy nhật noãn hạc phát song huy.
Thềm đá phong quang tương lan đều tốt.
Màn đôi ấm áp tóc hạc cùng soi.

祖 晉 霞 觴 蟠 溪 逸 叟
孫 明 花 燭 月 殿 常 娥
Tổ tấn hà thương bàn khê dật tẩu.
Tôn minh hoa chúc nguyệt điện thường nga.
Chúc ông rượu thọ, già ẩn bàn khê.
Mừng cháu đẹp duyên, hằng nga nguyệt điện.

陞 區 與 添 籌 濟 美
遊 擁 共 合 巹 齊 輝
Thăng biển dữ thiêm trù tế mỹ.
Du ung cộng hợp cẩn tề huy.
Biển treo tuổi thọ càng thêm đẹp.
Thành đạt hoà duyên cảnh thật vui.

椿 樹 逢 春 長 不 老
梯 花 浥 露 滿 庭 芳
Xuân thụ phùng xuân trường bất lão.
Đệ hoa ấp lộ mãn đình phương.
Cây xuân gặp xuân càng trẻ mãi.
Hoa đệ đầm sương khắp chốn thơm.

一 幹 靈 椿 榮 畫 錦
兩 株 丹 桂 吐 天 香
Nhất cán linh xuân vinh trú cẩm.
Lưỡng thù đan quế thổ thiên hương.
Một gốc linh xuân tươi tựa gấm.
Đôi cành đan quế nhả hương trời.

喬 木 籌 添 盈 海 屋
桂 花 香 噴 捷 雍 宮
Kiều mộc trù thiêm doanh hải ốc.
Quế hoa hương phún tiệp ung cung.
Gỗ lớn muốn sửa nhà trên biển.
Quế hoa hương toả ngát trong nhà.

弧 懸 共 慶 長 春 酒
藝 苑 咸 稱 命 世 才
Hồ huyền cộng khánh trường xuân tửu.
Nghệ uyển hàm xưng mạnh thế tài.
Cung treo tiệc chúc rượu trường xuân.
Vườn đẹp tiếng khen người tài đức.

蓮 池 特 誦 長 生 葉
璧 水 連 徵 命 世 才
Liên trì đặc tụng trường sinh diệp.
Bích thuỷ liên trưng mạnh thế tài.
Ao sen ca tụng lá trường sinh.
Nước biếc ngợi khen người tài đức.

婺 宿 流 輝 光 璧 水
宮 衣 絢 彩 舞 園 橋
Vụ tú lưu huy quang bích thủy.
Cung y huyến thái vũ viên kiều.
Sao vụ sáng ngời soi nước biếc.
Cung y rực rỡ múa cầu ngân.

海 屋 籌 添 萱 草 秀
雍 宮 彩 徹 梓 花 香
Hải ốc trù thiêm huyên thảo tú.
Ung cung thái triệt tử hoa hương.
Nhà biển cỏ huyên còn rực rỡ.
Cung vui hoa tử vẫn đưa hương.

寶 婺 呈 祥 共 應 萱 花 榮 晝 錦
圍 橋 播 譽 咸 推 桂 子 噴 天 香
Bảo vụ trình tường cộng ứng huyên hoa vinh trú cẩm.
Viên kiều bá dự hàm suy quế tử phún thiên hương.
Bảo vụ điềm lành, cùng với hoa huyên tươi vẻ gấm.
Cầu ngân lộng lẫy, còn thêm cây quế toả hương trời.

萱 草 長 凝 芹 藻 綠
蟠 桃 遠 送 桂 花 香
Huyên thảo trường ngưng cần tảo lục.
Bàn đào viễn tống quế hoa hương.
Cỏ huyên đẫm nước cần xanh lục.
Bàn đào đưa tiễn quế hương hoa.

萱 草 常 滋 仙 掌 露
梓 花 新 浴 判 池 春
Huyên thảo thường tư tiên chưởng lộ.
Tử hoa tân dục phán trì xuân.
Cỏ huyên vẫn đậm sương tiên giới.
Hoa tử vừa hay tắm nước xuân.

堂 上 萱 花 榮 晝 錦
階 前 桂 子 舞 斑 衣
Đường thượng huyên hoa vinh trú cẩm.
Giai tiền quế tử vũ ban y.
Trên nhà hoa huyên tươi vẻ gấm.
Trước sân con quế múa làm vui.

稱 觴 大 啓 蟠 桃 宴
拜 爵 榮 開 仕 進 門
Xưng thương đại khải bàn đào yến.
Bái tước vinh khai sĩ tiến môn.
Chốn bàn đào tiệc lớn chúc mừng.
Cửa thăng tiến vinh quang bái tước.

筵 啓 瓊 瑤 開 壽 域
才 徵 黼 黻 贊 王 尊

Diên khải quỳnh dao khai thọ vực.
Tài trưng phủ phất tán vương tôn.
Tiệc mở quỳnh dao mừng tuổi thọ.
Tài cao mũ áo tạ ơn vua.

堂 燦 萱 花 榮 鶴 算
名 登 仕 籍 試 鴻 才

Đường sán huyên hoa vinh hạc toán.
Danh đăng sỹ tịch thí hồng tài.
Nhà rạng hoa huyên vinh thọ hạc.
Tên ghi sỹ tịch bậc tài hoa.

萱 榮 晝 錦 聯 桃 碧
燭 燦 蘭 房 映 悅 紅

Huyên vinh trú cẩm liên đào bích.
Chúc sán lan phòng ánh thuế hồng.
Huyên tươi vẻ gấm bên đào biếc.
Đuốc sáng phòng lan đẹp khăn hồng.

花 燭 光 聯 萱 壽 燭
霞 杯 香 繞 子 交 杯

Hoa chúc quang liên huyên thọ chúc.
Hà bôi hương nhiễu tử giao bôi.
Đuốc hoa sáng, nhà huyên đuốc thọ.
Chén mừng thơm, lẫn chén giao hoan.

北 海 開 宗 西 陵 獻 壽
東 有 才 子 南 國 家 人

Bắc hải khai tôn Tây lăng hiến thọ.
Đông hữu tài tử Nam quốc gia nhân.
Biển Bắc tiệc bày, Tây lăng hiến thọ.
Miền đông tài tử, Nam quốc nên nhà.

王 母 獻 金 觴 看 此 日 桃 宴 生 輝 共 慶 長 春 不 老
蘭 孫 調 錦 瑟 喜 今 霄 梅 花 葉 韻 預 兆 五 世 其 昌

Vương mẫu hiến kim thương, khán thử nhật đào yến sinh huy,
cộng khánh trường xuân bất lão.
Lan tôn điều cẩm sắt, hỷ kim tiêu mai hoa diệp vận,
dự triệu ngũ thế kỳ xương.

Vương mẫu dâng chén vàng, nhớ ngày ấy yến đào rạng rỡ, chúc cho trẻ mãi không già.

Lan tôn vui đàn gấm, mừng đêm nay hoa mai tươi tốt, điềm nêu thịnh vượng năm đời.

萱草長榮十分秀色槐堂麗
桂枝特茂一種天香璧水生
Huyên thảo trường vinh, thập phần tú sắc hoè đường lệ.
Quế chi đặc mậu, nhất chủng thiên hương bích thuỷ sinh.
Cỏ huyên tươi tốt, xuân sắc mười phần sân hoè đẹp.
Cành quế rậm rạp, hương trời một loại nước biếc sinh.

海屋添籌，金丹進南山之祝
瑤池舞彩，蘭孫揚芹泮之名
Hải ốc thiêm trù, kim đan tiến Nam sơn chi chúc.
Dao trì vũ thái, lan tôn dương cần phán chi danh.
Nhà biển thêm dài, đơn vàng đến núi nam chúc thọ.
Dao trì múa đẹp, cháu lan nêu danh tiếng hoa cần.

設悅榮邀金闕露
明經聲著玉堂春
Thiết thuế vinh yêu kim khuyết lộ.
Minh kinh thanh trước ngọc đường xuân.
Cờ treo muốn đượm sương kim khuyết.
Thông kinh nức tiếng xuân ngọc đường.

喜向園橋舒彩步
欣看膝下對新粧
Hỷ hướng viên kiều thư thái bộ.
Hân khan tất hạ đối tân trang.
Mừng hướng cầu ngân thư thái bước.
Vui nhìn bên gối thấy tân trang.

春淩仕藉聯金誥
桂映粧臺對玉人
Xuân lăng sỹ tịch liên kim cáo.
Quế ánh trang đài đối ngọc nhân.
Trên biển vàng, hương xuân sỹ tịch.
Trước người ngọc, ánh quế đài trang.

琪 花 彩 結 金 門 曉
桂 蕊 香 含 寶 鏡 輝
Kỳ hoa thái kết kim môn hiểu.
Quế nhụy hương hàm bảo kính huy.
Cửa vàng rực rỡ kết hoa lạ.
Gương quý còn vương nhuỵ quế hương.

既 仰 雍 池 騰 鳳 起
旋 看 膝 下 警 雞 鳴
Ký ngưỡng ung trì đằng phượng khởi.
Toàn khan tất hạ cảnh kê minh.
Cưỡi phượng bay tham quan ao đẹp.
Sợ gà gáy bên gối vẫn xem.

椿 樹 敷 榮 膺 國 典
梓 花 吐 瑞 引 文 鸞
Xuân thụ phu vinh ưng quốc điển.
Tử hoa thổ thuỵ dẫn văn loan.
Cây xuân tươi tốt nhờ ơn nước.
Hoa tươi điềm báo bởi văn loan.

伯 擅 英 才 騰 鳳 闕
仲 輝 彩 筆 畫 鸞 眉
Bá thiện anh tài đằng phượng khuyết.
Trọng huy thái bút hoạ loan my.
Cả có tài năng gần cửa phượng.
Hai vung bút tốt vẽ mày loan.

壎 奏 雍 池 歌 鳳 起
篪 吹 繡 幙 警 雞 鳴
Huân tấu ung trì ca phượng khởi.
Trì suy tú mạc cảnh kê minh.
Ao đẹp tấu huân ca cưỡi phượng.
Rèm thêu thổi sáo nhắc tiếng gà.

難 弟 難 兄 名 標 璧 沼
宜 家 宜 室 議 注 蘭 房
Nan đệ nan huynh danh tiêu bích chiểu.
Nghi gia nghi thất nghị chú lan phòng.
Tên nêu hồ ngọc khó anh khó em.
Bàn chuyện phòng lan nên nhà nên cửa.

伯擅奇才騰藝苑
仲輝彩筆注蘭房
Bá thiện kỳ tài đằng nghệ uyển.
Trọng huy thái bút chú lan phòng
Cả rõ tài đạo vườn nghệ thuật.
Hai vung bút đẹp tô điểm phòng lan.

伯儲攀桂風流欣從璧水橋中漸徵大志
仲擅探花手暇喜向溫柔鄉裏聊試奇才
Bá trừ phan quế phong lưu hân tòng bích thuỷ kiều trung tiệm trưng đại chí
Trọng thiện thám hoa thủ hạ hỷ hướng ôn nhu hương lý liêu thí kỳ tài.
Anh sẵn phong lưu vin quế, tạm khoe chí lớn,
men theo dòng biếc qua cầu,
Em từng vươn tay bẻ hoa, muốn thử tài năng,
mừng hướng thuận hoà hương lý.

壎奏橋門聲葉鹿鳴誇拔萃
篪和繡幙音諧梅韻笑摧粧
Huân tấu kiều môn thanh diệp lộc minh khoa bạt tuỵ.
Trì hoà tú mạc âm hài mai vận tiếu thôi trang.
Huân tấu cửa cao, lá reo hươu tộ khoe siêu việt.
Sáo thổi màn thêu, âm đẹp mai cười vui điểm trang.

壎跨鸞幃熙入夢
篪騰鳳閣筆生花
Huân khoá loan vi bi nhập mộng.
Trì đằng phượng các bút sinh hoa.
Huân phủ màn loan, bi đến mộng.
Trì vươn gác phượng, bút sinh hoa.

壎從繡幕歌鸞舞
篪向儒林譜鹿鳴
Huân tòng tú mạc ca loan vũ.
Trì hướng nho lâm phổ lộc minh.
Huân theo rèm đẹp ca loan múa.
Sáo hướng rừng nho hoạ tiếng hươu.

桂子登龍誇拔萃
蘭孫引鳳笑摧粧

Quế tử đăng long khoa bạt tuỵ.
Lan tôn dẫn phượng tiếu thôi trang.
Con quế cưỡi rồng khoe tài giỏi.
Cháu lan đưa phượng cười điểm trang.

桂 蕊 飄 香 盈 藝 苑
蘭 芽 競 繡 映 粧 臺
Quế nhuỵ phiêu hương doanh nghệ uyển.
Lan nha cạnh tú ánh trang đài.
Nhuỵ quế hương tràn vườn nghệ thuật.
Mầm lan tranh đẹp rạng đài trang.

桂 子 題 名 騰 鳳 閣
蘭 孫 合 巹 對 鸞 幃
Quế tử đề danh đẳng phượng cát.
Lan tôn hợp cẩn đối loan vi.
Con quế tên nêu leo gác phượng.
Cháu lan duyên đẹp trước màn loan.

青 雲 生 錦 步 泮 璧 騰 輝 燕 翼 徽 聲 游 碧 水
彩 筆 繪 新 眉 瑟 琴 葉 韻 詒 謀 令 緒 引 紅 絲
Thanh vân sinh cẩm bộ phán bích đằng huy yến dực huy thanh du bích thuỷ.
Thái bút hội tân my sắt cầm diệp vận di mưu lệnh tự dẫn hồng ty.
Thành đạt tạo dáng đi, bến ngọc cao bay cánh yến, tiếng kêu vọng nước xanh.
Bút tốt vẽ hàng mi, cầm sắt lá reo bày đặt, se chắp mối tơ hồng.

辟 雍 傳 燕 翼 璧 耀 奎 明 俱 慶 堂 中 鳴 瑞 鳳
繡 幙 詔 詒 謀 琴 和 瑟 合 齊 眉 案 上 舞 祥 鸞
Tích ung truyền yến dực bích diệu khuê minh câu khánh đường trung minh thuỵ phượng.
Tú mạc chiếu hỗ mưu cầm hoà sắt hợp tề my án thượng vũ tường loan.
Lệnh trên truyền cánh yến, bích sáng khuê minh đều tốt, phượng lành hót nhà trong.
Rèm đẹp giảng nghĩa xưa, cầm hoà sắt hợp ngang mày, loan vui múa trên án.

桂 子 題 名 早 凌 璧 水 振 辟 雍 望 重 圜 橋 誇 拔 萃
蘭 孫 得 意 先 詠 關 雎 歌 麟 趾 聲 來 繡 閣 笑 摧 粧

Quế tử đề danh tảo lăng bích thủy chấn tích ung vọng trọng viên kiều khoa bạt tuỵ.
Lan tôn đắc ý tiên vịnh quan thư ca lân chỉ thanh lai tú các tiếu thôi trang.
Con quế nêu tên, sớm vượt nước xanh, dựng ngôi cao vọng trọng, cầu ngân khoe lỗi lạc.
Cháu lan đắc ý, trước vịnh Quan thư, ca Lân chỉ vang dội, gác đẹp giục tân trang.

膝 下 名 婚 雙 濟 美
堂 中 龍 鳳 並 增 輝
Tất hạ danh hôn song tế mỹ.
Đường trung long phượng tịnh tăng huy.
Danh hôn dưới gối hai đều đẹp.
Long phượng trong nhà rạng cả đôi.

堂 前 彩 結 宜 男 草
月 裏 清 飄 桂 子 香
Đường tiền thái kết nghi nam thảo.
Nguyệt lý thanh phiêu quế tử hương.
Trước nhà cỏ đẹp kết nên trai.
Dưới nguyệt hương thanh vờn gốc quế.

入 貢 賢 芳 梡 並 值 蘭 階 欣 納 婦
明 經 推 俊 彥 初 週 甲 子 慶 添 籌
Nhập cống thụ phương ngôi tịnh trị lan giai hân nạp phụ.
Minh kinh suy tuấn ngạn sơ chu giáp tý khánh thiêm trù.
Đỗ đạt dựng cây cao, tính chuyện thềm lan vui nạp thái.
Thông kinh nên rạng vẻ, tuần đầu giáp tý chúc thêm lâu.

得 相 遊 雍 所 喜 箕 裘 丕 振
明 經 樹 幟 正 逢 甲 子 初 週
Đắc tương du ung sở hỷ cơ cừu phỉ chấn.
Minh kinh thụ xí chính phùng giáp tý sơ chu.
Được dự chốn cao sang, mừng thấy cơ cừu dựng nghiệp.
Thông kinh nêu cờ quạt, hội may giáp tý tuần đầu.

蛾 眉 好 試 生 花 筆
泮 沼 欣 逢 佐 讀 人
Nga my hảo thí sinh hoa bút.
Phán chiểu hân phùng tá độc nhân.

Mày ngài thi giỏi bút sinh hoa.
Hồ nước gặp may người giúp đọc.

試 把 蟾 宮 攀 桂 手
好 從 繡 閣 畫 蛾 眉

Thí bả thiềm cung phan quế thủ.
Hảo tòng tú các hoạ nga my.
Thử đến cung thiềm tay bẻ quế.
Mừng lên gác đẹp vẽ mày ngài.

袖 喏 桂 香 飄 月 頂
筆 翻 花 氣 上 雲 頭

Tụ nhã quế hương phiêu nguyệt đính.
Bút phiên hoa khí thượng vân đầu.
Áo đưa hương quế lên thăm nguyệt.
Bút dẫn khí hoa đến đỉnh mây.

金 屋 屏 開 欣 中 雀
泮 池 日 暖 羨 乘 龍

Kim ốc bình khai hân trung tước.
Phán trì nhật noãn tiễn thừa long.
Nhà vàng màn mở vui nhờ sẻ.
Hồ đẹp ấm trời thích cưỡi rồng.

燭 搖 紅 影 輝 金 屋
袖 帶 芹 香 馥 洞 房

Chúc dao hồng ảnh huy kim ốc.
Tụ đới cần hương phức động phòng.
Chập chờn ánh đuốc chiếu nhà vàng.
Thoang thoảng hương cần nơi hợp cẩn.

盛 世 名 才 儲 虎 觀
香 幃 雅 奏 葉 笙 鸞

Thịnh thế danh tài trừ hổ quán.
Hương vi nhã tấu diệp sinh loan.
Danh tài đời thịnh sẵn quan hổ.
Màn hương nhã nhạc nhịp sênh, loan.

連 理 枝 頭 騰 鳳 羽
合 歡 筵 上 酌 芹 杯

Liên lý chi đầu đằng phượng vũ.
Hợp hoan diên thượng chước cần bôi.

Gắn bó đầu cành tung cánh phượng.
Chung vui trên tiệc rót ly cần.

雀屏喜中穿楊手
虎榜旋登折桂才
Tước bình hỷ trúng xuyên dương thủ.
Hổ bảng toàn đăng chiết quế tài.
Bắn sẻ mừng tay xuyên lá liễu.
Bảng hổ khen tài quế bẻ cành.

泮沼風流推吉士
月宮消息問嫦娥
Phán chiểu phong lưu suy cát sỹ.
Nguyệt cung tiêu tức vấn thường nga.
Hồ đẹp phong lưu tôn kẻ sỹ.
Cung trăng tin tức hỏi hằng nga.

詠雪佳人歡占鳳
談經才子喜乘龍
Vịnh tuyết giai nhân loan chiếm phượng.
Đàm kinh tài tử hỷ thừa long.
Mừng chiếm phượng giai nhân vịnh tuyết.
Vui cưỡi rồng tài tử bàn kinh.

早知天下無雙士
獨占人間第一春
Tảo tri thiên hạ vô song sỹ.
Độc chiếm nhân gian đệ nhất xuân.
Sớm hay thiên hạ vô song sỹ.
Mình chiếm nhân gian đệ nhất xuân.

司馬三升榮國命
玉蕭雙徹繞秦樓
Tư mã tam thăng vinh quốc mạnh.
Ngọc tiêu song triệt nhiễu tần lâu.
Tư mã ba lần vinh mạnh nước.
Ngọc tiêu hai giỏi hoạ lầu Tần.

明經筆寫春山媚
博議才通學海深
Minh kinh bút tả xuân sơn my.
Bác nghị tài thông học hải thâm.

Thông kinh bút tả non xuân đẹp.
Bàn rộng tài hay biển học sâu.

解 語 花 前 思 獻 策
明 經 案 內 羨 吟 梅

Giải ngữ hoa tiền tư hiến sách.
Minh kinh án nội tiễn ngâm mai.

Trước hoa giải nghĩa lo dâng sách.
Bên án thông kinh chuộng vịnh mai.

明 經 喜 試 描 眉 筆
博 議 欣 賡 詠 絮 才

Minh kinh hỷ thí miêu mi bút.
Bác nghị hân canh vịnh nhự tài.

Thông kinh vui thử bút vẽ mày.
Bàn rộng mừng xem tài vịnh tuyết.

雲 閣 教 佳 人 燈 燭 交 輝 經 籍 明 時 栽 博 議
莊 臺 親 國 士 淑 才 雙 美 繡 奩 香 處 載 文 章

Vân các giáo giai nhân đăng chúc giao huy kinh tịch minh thời tài bác nghị.
Trang đài thân quốc sỹ thục tài song mỹ tú liêm hương xứ tải văn chương.

Gác sách tiếp giai nhân, đèn đuốc dáng trưng, kinh sách gặp thời nên biết rộng.
Đài trang thân quốc sỹ, đức tài trọn vẹn, rèm thêu hương ngát tập văn chương.

萃 吉 慶 於 德 門 大 登 科 小 登 科 喜 見 名 婚 同 濟 美
振 芳 徽 於 天 府 恩 進 士 歲 進 士 行 看 黼 黻 永 騰 輝

Tuỵ cát khánh ư đức môn đại đăng khoa tiểu đăng khoa hỷ kiến danh hôn đồng tế mỹ.
Chấn phương huy ư thiên phủ ân tiến sỹ tuế tiến sỹ hành khan phủ phất vĩnh đằng huy.

Họp chúc mừng nơi cửa đức, đại đăng khoa tiểu đăng khoa, mừng thấy cả hai đều tốt đẹp.
Rạng danh thơm chốn phủ đệ, ân tiến sỹ tuế tiến sỹ, thử xem mũ áo mãi huy hoàng.

八 歲 佳 人 歡 解 語
九 齡 才 子 試 明 經

Bát tuế giai nhân hoan giải ngữ.
Cửu linh tài tử thí minh kinh.
Tám tuổi giai nhân mừng giải ngữ.
Lên chín tài tử thử minh kinh.

巹 合 洞 房 方 妙 歲
明 經 藝 苑 正 髫 年

Cẩn hợp động phòng phương diệu tuế.
Minh kinh nghệ uyển chính điều niên.
Động phòng hợp cẩn khi vừa lớn.
Vườn nghệ thông kinh tuổi trái đào.

髫 年 喜 協 明 經 選
幼 歲 欣 瞻 詠 雪 才

Điều niên hỷ hiệp minh kinh tuyển.
Ấu tuế hân chiêm vịnh tuyết tài.
Từng dự minh kinh khi để chỏm.
Đã tài vịnh tuyết lúc còn thơ.

芳 名 此 日 登 天 府
花 燭 今 宵 映 洞 房

Phương danh thử nhật đăng thiên phủ.
Hoa chúc kim tiêu ánh động phòng.
Tiếng thơm ngày ấy nêu thiên phủ.
Hoa đuốc đêm nay sáng động phòng.

雍 宮 擅 藻 推 佳 士
繡 閣 摛 葩 貯 麗 人

Ung cung thiện tảo suy giai sỹ.
Tú các xi hoa trữ lệ nhân.
Cung đình mũ áo tôn tài sỹ.
Gác cao hoa lệ đợi giai nhân.

名 題 鳳 閣 芳 徽 遠
筆 畫 娥 眉 氣 象 新

Danh đề phượng các phương huy viễn.
Bút hoạ nga my khí tượng tân.
Tên nêu gác phượng, thơm còn mãi.
Bút vẽ mày ngài, vẻ mới thay.

辟 雍 池 煖 觀 龍 躍
繡 閣 香 浮 聽 鳳 鳴

Tịch ung trì noãn quan long dược.
Tú các hương phù thính phượng minh.
Chốn thanh, ao ấm, xem rồng nhảy.
Gác đẹp, hương bay, nghe phượng kêu.

位 列 雍 宮 南 北 試
當 聯 花 燭 室 家 宜
Vị liệt ung cung nam bắc thí.
Đường liên hoa chúc thất gia nghi.
Chỗ đứng cung đình xét nam bắc.
Nhà treo hoa đuốc đẹp cửa nhà.

璧 水 輕 飄 紅 葉 句
園 橋 垂 愛 綠 衣 郎
Bích thuỷ khinh phiêu hồng diệp cú.
Viên kiều thuỳ ái lục y lang.
Nước biếc nhẹ bay câu lá đỏ.
Cầu ngân lưu luyến chàng áo xanh.

園 橋 門 外 紅 葉 句
銀 燭 臺 前 白 雪 詩
Viên kiều môn ngoại hồng diệp cú.
Ngân chúc đài tiền bạch tuyết thi.
Trước cổng cầu ngân câu lá đỏ.
Trên lầu thơ tuyết dưới đuốc hoa.

雍 門 桃 李 恩 初 屋
繡 閣 笙 簧 調 始 諧
Ung môn đào lý ân sơ ốc.
Tú các sinh hoàng điệu thuỷ hài.
Cửa cung đào mận, ơn vừa thấm.
Gác đẹp sinh hoàng, điệu mới hoà.

佳 兒 桂 婦 聯 佳 氣
大 德 大 年 表 大 廷
Giai nhi giai phụ liên giai khí.
Đại đức đại niên biểu đại đình.
Con hay cha hay, lắm vẻ hay.
Đức lớn tuổi lớn, sân triều lớn.

當 夏 佳 兒 歡 合 巹
來 秋 乃 祖 樂 含 飴

Đương hạ giai nhi hoan hợp cẩn.
Lai thu nãi tổ lạc hàm di.
Hạ tới con trai vui hợp cẩn.
Thu sau lên nội ngậm đường nha.

此日加冠尊醮命
他年繩武有英人
Thử nhật gia quan tôn tiếu mạnh.
Tha niên thằng vũ hữu anh nhân.
Ngày nay đội mũ theo hôn lễ.
Năm sau nối nghiệp có anh tài.

肖子良緣眉試畫
阿翁喜色耳何聾
Tiêu tử lương duyên my thí hoạ.
A ông hỷ sắc nhĩ hà lung.
Con nhỏ vui duyên thử vẽ mày.
Ông già mừng rỡ điếc sao đang.

序列三偕孫娶媳
祥開四葉子爲翁
Tự liệt tam giai tôn thú tức.
Tường khai tứ diệp tử vi ông.
Tính đã ba đời cháu lấy vợ.
Mừng xem tứ đại con lên ông.

喜值三秋陳醮席
旋覩四代舞斑衣
Hỷ trị tam thu trần tiếu tịch.
Toàn chiêm tứ đại vũ ban y.
Mừng đã ba thu bày tiệc rượu.
Ngoái xem tứ đại múa áo hoa.

王父詒謀聯冠命
嫡孫衍慶顯弧門
Vương phụ di mưu liên quán mạnh.
Đích tôn diễn khánh hiển hồ môn.
Vương phụ lo toan làm kẻ cả.
Đích tôn mừng thọ rạng cung dâu.

鳳卜已酬王父願
熊祥早葉太人占

Phượng bốc dĩ thù vương phụ nguyện.
Hùng tường tảo diệp thái nhân chiêm.
Đoán phượng xem ra vừa ý bố.
Điềm hùng chừng đã sớm theo ông

華堂初詠雎麟句
繡閣新編博議書
Hoa đường sơ vịnh Thư Lân cú.
Tú các tân biên Bác nghị thư.
Nhà hoa vừa vịnh thơ Thư Lân.
Gác đẹp mới biên sách Bác nghị.

華開連理描新樣
酒飲交杯醉太平
Hoa khai liên ý miêu tân dạng.
Tửu ẩm giao bôi tuý thái bình.
Liền cành hoa nở vẻ thanh tân.
Trao chén rượu mời say khang thái.

笙吹夜月無雙韻
鳳占巫山第一峰
Sinh suy dạ nguyệt vô song vận.
Phượng chiếm Vu Sơn đệ nhất phong.
Tiêu thổi đêm trăng tiếng vô song.
Phượng đậu Vu Sơn đỉnh cao nhất.

留菊好裝金屋夜
望梅先占玉堂春
Lưu cúc hảo trang kim ốc dạ.
Vọng mai tiên chiếm ngọc đường xuân.
Nhà vàng mặc đẹp đêm hương cúc.
Đài ngọc đầu xuân sớm ngắm mai.

雲棲欲上攀丹桂
月殿先登晤素娥
Vân thê dục thượng phan đan quế.
Nguyệt điện tiên đăng ngộ Tố Nga.
Thang mây những muốn vin đan quế.
Điện nguyệt vừa lên gặp Tố Nga.

永 結 百 年 諧 靜 好
宏 開 五 世 慶 琪 昌

Vĩnh kết bách niên hài tĩnh hảo.
Hoằng khai ngũ thế khánh kỳ xương.

Trăm năm kết mối duyên hài đẹp.
Năm đời rộng mở chúc vinh xương.

鸞 鳳 和 鳴 琴 瑟 樂
熊 羆 葉 夢 子 孫 多

Loan phượng hoà minh cầm sắt lạc.
Hùng bi diệp mộng tử tôn đa.

Phượng loan cùng hót vui cầm sắt.
Hùng bi mộng lá đông cháu con.

花 堂 日 暖 朝 鳴 鳳
繡 閣 風 清 夜 夢 熊

Hoa đường nhật noãn triêu minh phượng.
Tú các phong thanh dạ mộng hùng.

Nhà hoa ngày ấm phượng sớm hót.
Gác xinh gió mát hùng đêm mơ.

吐 鳳 雄 才 成 博 議
畫 娥 彩 筆 點 新 詩

Thổ phượng hùng tài thành bác nghị.
Hoạ nga thái bút điểm tân thi.

Tài hùng nhả phượng thành bác nghị.
Bút hay vẽ đẹp điểm tân thi.

芙 蓉 帳 裡 香 風 度
翡 翠 簾 前 皓 月 來

Phù dung trướng lý hương phong độ.
Phỉ thuý liêm tiền hạo nguyệt lai.

Phù dung trong trướng thơm hương gió;
Ngọc biếc trước rèm sáng ánh trăng.

瑞 藹 華 堂 欣 鳳 舞
香 笙 繡 閣 樂 鸞 飛

Thụy ái hoa đường hân phượng vũ.
Hương sinh tú các lạc loan phi.

Mừng phượng múa nhà hoa mây phủ.
Vui loan bay gác đẹp sênh hương.

宜 男 草 發 連 科 綠
多 子 花 開 及 第 紅
Nghi nam thảo phát liên khoa lục.
Đa tử hoa khai cập đệ hồng.
Nên trai thịnh phát liền khoa bảng.
Lắm con hoa nở nối ngôi cao.

鴛 鴦 對 舞 輪 迴 月
鸞 鳳 偕 鳴 葉 納 春
Uyên ương đối vũ thâu hồi nguyệt.
Loan phượng giai minh diệp nạp xuân.
Uyên ương múa cặp thu vầng nguyệt.
Loan phượng cùng kêu đón gió xuân.

雙 玉 初 諧 琴 瑟 調
五 花 新 授 鳳 鸞 封
Song ngọc sơ hài cầm sắt điệu.
Ngũ hoa tân thụ phượng loan phong.
Điệu cầm, sắt hài hoà đôi ngọc.
Vây phượng loan trao mới năm hoa.

藍 橋 步 上 雲 程 月
紅 葉 詩 裁 繡 閣 春
Lam kiều bộ thượng vân trình nguyệt.
Hồng diệp thi tài tú các xuân.
Cầu lam bước nguyệt thẳng đường mây.
Lá đỏ gác xuân đề thơ đẹp.

已 看 春 雲 籠 彩 鬢
還 窺 月 夜 印 金 蓮
Dĩ khán xuân vân lung thái mấn.
Hoàn khuy nguyệt dạ ấn kim liêm.
Đã ngó mây xuân trùm tóc đẹp.
Lại nhòm trăng dọi dấu gót vàng.

心 事 如 白 日 青 天 磊 磊 落 落
神 氣 在 乾 涯 榜 嶺 愴 愴 悽 悽
Tâm sự như bạch nhật thanh thiên lỗi lỗi lạc lạc;
Thần khí tại càn nhai bảng lĩnh thương thương thê thê.

Tâm sự giữa trời xanh ngày rộng, quang minh chính đại;
Tinh thần nêu núi thẳm mây cùng, thương cảm thê lương.
(Phạm Thận Duật, Quan Thành văn tập; viếng Vũ Phạm Khải)

新 秀 士 三 我 上 村 又 在 其 上
舊 儒 門 八 今 君 族 始 發 於 君

Tân tú sĩ, tam ngã thượng thôn, hựu tại kỳ thượng;
Cựu nho môn, bát kim quân tộc, thủy phát ư quân.

Trò ưu tú mới, tôi là người thứ ba, thôn trên lại đứng hàng trên;
Cửa nhà nho cũ, nay đến vị thứ tám, họ ông mới phát ở ông.
(Mừng tú tài Mai Viết Hồ)

吾 祖 積 累 數 百 年 以 有 今 日
吾 侄 博 得 此 一 捷 少 慰 兄 心

Ngô tổ tích lũy số bách niên dĩ hữu kim nhật;
Ngô điệt bác đắc thử nhất tiệp thiểu úy huynh tâm.

Tổ ta tích lũy vài trăm năm để có ngày nay;
Cháu ta giành được phắt một cái, chẳng bận lòng anh.
(Mừng tú tài Phạm Khắc Cư)

白 日 青 天 先 生 心 也
泰 山 北 斗 小 子 仰 之

Bạch nhật thanh thiên tiên sinh tâm dã;
Thái Sơn Bắc Đẩu tiểu tử ngưỡng chi.

Tấm lòng của tiên sinh như thanh thiên bạch nhật;
Ngưỡng vọng của học trò tới Bắc Đẩu Thái Sơn.
(Nghĩ hộ bạn học viếng thầy Vũ Phạm Khải)

終 不 諠 兮 大 老 素 爲 州 里 重
死 無 憾 矣 舊 臣 上 有 聖 王 知

Chung bất huyên hề, đại lão tố vi châu lý trọng;
Tử vô hám hỹ, cựu thần thượng hữu thánh vương tri.

Khi mất chẳng rùm beng, bậc đại lão vốn được châu lý coi trọng;
Ra đi không ân hận, đấng cựu thần đã có thánh vương xét soi.
(Nghĩ hộ người làng viếng Đông Dương tiên sinh Vũ Phạm Khải)

十 室 邑 人 皆 似 昔
九 旬 憐 母 獨 安 歸

Thập thất ấp nhân giai tự tích;
Cửu tuần lân mẫu độc an qui.

Người trong ấp mười nhà đều khỏe mạnh;
Bà hàng xóm cửu tuần được qui tiên.
(Viếng bà lão họ Nguyễn)

嗟 哉 先 封 翁 絳 帳 多 年 師 望 重
懷 哉 我 年 友 墨 衣 此 日 子 心 忙

Ta tai! Tiên Phong ông giáng trướng đa niên sư vọng trọng;
Hoài tai! Ngã niên hữu mặc y thử nhật tử tâm mang.

Than ôi! Ông Phong thuở trước buông trướng đỏ nhiều năm làm thầy trọng vọng;
Nhớ thay! Bạn cũ của tôi mặc áo đen ngày nọ, lòng trẻ bồi hồi.
(Viếng ông Đặng Phong làng Hành Thiện)

噫 故 州 杖 屢 典 型 吾 文 執 無 復 存 者
噫 他 日 釜 鐘 悲 感 吾 窗 契 其 將 若 何

Y cố châu trượng lũ điển hình, ngô văn chấp vô phục tồn giả;
Y tha nhật phủ chung bi cảm, ngô song khế kỳ tương nhược hà.

Than ôi, châu xưa "trượng lũ điển hình" người giúp đỡ văn chương không còn nữa;
Sao đành ngày nọ "phủ chung bi cảm" bạn đồng sông thi phú thế nào đây.
(Viếng tú tài làng Trà Tu)

一 爲 奄 長 終 去 阮 秀 才 幾 辰 去 潘 團 長 幾 日
千 里 遙 相 感 爲 吾 故 鄉 而 惜 爲 此 芳 鄰 而 疑

Nhất vị yêm trường chung, khứ Nguyễn tú tài kỷ thời,
khứ Phan đoàn trưởng kỷ nhật;
Thiên lý giao tương cảm, vi ngộ cố hương nhi tích,
vi thử phương lân nhi nghi.

Một căn bệnh lâu dài mới mất, đi như Nguyễn tú tài chỉ mấy giờ như Phan đoàn trưởng thì mấy buổi;
Ngàn dặm xa xôi đầy thương cảm, làm cho tôi người cùng quê mà tiếc, cho xóm giềng như vẫn còn ngờ.
(Viếng ông tú tài Mai Đài cùng làng)

生 果 有 涯 耶 畢 世 功 名 終 于 團 長
死 亦 何 因 也 百 船 情 況 酷 似 枚 家

Sinh quả hữu nhai gia, tất thế công danh chung vu đoàn trưởng;
Tử diệc hà nhân dã, bách ban tình huống khốc tự Mai gia.

Sống quả có điểm cùng thay, công danh trọn đời làm ông đoàn trưởng;
Chết cũng do nguyên nhân vậy, khốc hại trăm bề tựa sách Thọ Mai.

(Viếng đoàn trưởng họ Phan trong làng)

昔君登庠吾子喜曰先祠香火有托矣
今君溘逝吾子嘆曰長侄年壽誰奪之

Tích quân đăng tường, ngô tử hỉ viết: tiên từ hương hỏa hữu thác hỹ;
Kim quân hạp thệ, ngô tử thán viết: trưởng điệt niên thọ thùy đoạt chi.

Năm xưa anh đi học, thầy ta khen rằng: từ đường hương hỏa tổ tiên đã có người ký thác;
Năm nay anh qua đời, thầy ta than rằng: tuổi thọ của cháu trưởng ta kìa ai cướp mất rồi.

(Viếng tú tài Nhuận ở Tam Đăng)

亡有亦豪別有軒昂磊落氣
吾人相感不在言語文字間

Vong hữu diệc hào, biệt hữu hiên ngang lỗi lạc khí;
Ngô nhân tương cảm, bất tại ngôn ngữ văn tự gian.

Vong hồn bạn cũng tự hào, riêng khí chất hiên ngang lỗi lạc;
Bọn chúng ta cùng thương cảm, chẳng phải bằng ngôn ngữ văn chương.

(Viếng ông tú tài họ Đinh, người họ hàng bên vợ)

熙鴻號於無窮鄉老國老
擬生平之還覽象山榜山

Hy Hồng hiệu ư vô cùng hương lão quốc lão;
Nghĩ sinh bình chi hoàn lãm Tượng sơn Bảng sơn.

Ông hiệu Hy Hồng, đẹp vô cùng, hưởng hương lão quốc lão;
Nghĩ khi còn sống, nay nhìn lại như Tượng sơn, Bảng sơn.

(Nghĩ hộ thôn nhà viếng ông Phong ở Phượng Trì)

卿之逝去吾先舅禫祥幾何日也
今而後奉吾祖祠香火誰其主之

Khanh chi thệ khứ, ngô tiên cậu đàm tường kỷ hà nhật dã;
Kim nhi hậu phụng, ngô tổ từ hương hỏa thùy kỳ chủ chi.

Bậc khanh sĩ khuất rồi, thuở trước cậu tôi biết bao ngày, chuyện thường đàm bổ ích;
Nay về sau thờ phụng, truy tư tiên tổ trông cậy ai người hương hỏa từ đường.

(Viếng tú tài Ôn)

白社會甲失一老
青黎閣下歸散官
Bạch xã hội giáp thất nhất lão;
Thanh lê các hạ qui tản quan.
Trong giáp hội tiêu dao ngâm vịnh, tổn thất một người trưởng lão;
Dưới các hàng quan lại lê dân, qui tiên một vị tản quan.
(Nghĩ hộ tổng nhà viếng ông Phong làng Phượng Trì)

行正文亦純借無所就
母老兒又幼傷如之何
Hành chính văn diệc thuần, tích vô sở tựu;
Mẫu lão nhi hựu ấu, thương như chi hà.
Việc làm thì trung chính, văn chương cũng thuần hậu,
tiếc chưa có gì thành tựu;
Mẫu thân thì già nua, con cái lại còn nhỏ,
thương tâm kể biết dường bao.
(Viếng Phạm Bá Tuyển)

昨夜有人來曰君逝矣
吾州故老在於今幾何
Tạc dạ hữu nhân lai viết quân thệ hỹ;
Ngô châu cố lão tại ư kim kỷ hà.
Đêm qua có người chạy đến nghẹn ngào, ông đi thật rồi ư?
Cố lão châu quận ta còn đến nay, phỏng trụ được mấy người?
(Viếng tú tài Ngoạn ở Côi Trì)

一病而陳情咫尺故園猶在夢
十年九制敵錯槃此地孰分憂
Nhất bệnh lưỡng trần tình, chỉ xích cố viên do tại mộng;
Thập niên cửu chế địch, thác bàn thử địa thục phân ưu.
Một bệnh, hai biểu trần tình, vườn cũ tấc gang vương vấn mộng;
Mười năm, chín lần chống giặc, khó khăn nơi ấy cậy trông ai?
(Viếng Bùi Tuấn, tổng đốc Bắc Ninh)

廿載兩解元先庚伯後庚侄
一家別機抒二甲父三甲翁
Trấp tải lưỡng giải nguyên, tiên canh bá, hậu canh điệt;
Nhất gia biệt cơ trữ, nhị giáp phụ, tam giáp ông.

Hai mươi năm hai giải nguyên, bác đỗ canh trước, cháu đỗ canh sau;
Một nhà riêng nếp văn chương, cha đệ nhị giáp, ông đệ tam giáp.

(Mừng Nguyễn Kham đỗ giải nguyên trường Hà Nội)

曷子史皆成古稱畫荻和風賢母眞無愧者
望子不忍去幾度加餐強藥皇天若有臨之

Trợ tử sử giai thành cổ xưng họa địch hòa phong, hiền mẫu chân vô quý giả;
Vọng tử bất nhẫn khứ kỷ độ gia xan cường dược, hoàng thiên nhược hữu lâm chi.

Nuôi con đều thành đạt, người xưa khen tần tảo sớm hôm, người mẹ hiền không hổ thẹn;
Trông con không nỡ đi, mấy phen cố ăn gắng uống thuốc, có hoàng thiên mãi biết cho.

(Viếng thân mẫu ông cử nhân ở Bằng Lâm)

秀士同榜中兄可惜弟可喜
人家最樂事母之壽子之成

Tú sĩ đồng bảng trung, huynh khả tích, đệ khả hỉ;
Nhân gia tối lạc sự, mẫu chi thọ, tử chi thành.

Trong bảng, đỗ cùng khoa, em đáng vui, anh đáng tiếc;
Sự nhà vui biết mấy, con thành đạt, mẹ thọ trường.

(Mừng ông tú tài họ Quách ở Bằng Lâm)

七中又七旬升於鄉杖於國
數來便數訪年吾長學吾師

Thất trúng hựu thất tuần, thăng ư hương, trượng ư quốc;
Sổ lai tiện sổ phỏng, niên ngô trưởng, học ngô sư.

Bảy mươi tuổi, bảy lần đỗ, bác tiến ở làng, thọ ở nước;
Mấy bận lại mấy lượt thăm, bác tuổi như anh, học như thầy.

(Mừng thọ ông tú tài làng Đa Mai 70 tuổi)

袍笏萃一門京堂交在省堂翁在
春秋連兩捷鄉榜解元廷榜亞元

Bào hốt tụy nhất môn, kinh đường phụ tại, tỉnh đường ông tại;
Xuân thu liên lưỡng tiệp, hương bảng giải nguyên, đình bảng á nguyên.

Trâm hốt đồn một nhà, quan ông ở kinh, quan bác ở tỉnh;
Xuân thu liền hai bảng, thi hương đỗ nhất, thi điện đỗ nhì.

(Mừng Trực học sĩ mới Nguyễn Kham)

輸 財 漢 賈 猶 能 相
順 則 堯 民 儘 可 封

Thâu tài Hán cổ do năng tướng;
Thuận tắc Nghiêu dân tận khả phong.

Xe của bán buôn như nước sông Hán, còn có năng lực đảm đang công việc;
Được thuận tình bầu nhu dân vua Nghiêu, hết thảy đều chức bá hộ được phong.

(Mừng cha con người xã Đại Tráng quyên góp tiền đều được thưởng bá hộ)

周 官 鄉 有 大 夫 公 私 奚 擇
唐 制 上 自 三 品 父 母 並 封

Chu quan hương hữu đại phu, công tư hề trạch;
Đường chế thượng tự tam phẩm, phụ mẫu tịnh phong.

Quan chức như thời Chu, làng có bậc đại phu, công tư đâu có chọn?
Chế độ như thời Đường, trên từ hàng tam phẩm, cha mẹ đều được phong.

(Mừng ông Bố chính Nguyễn Định Thường được phong tặng)

帝 雅 重 其 才 再 用 三 用
公 雖 屈 於 遇 形 全 神 全

Đế nhã trọng kỳ tài, tái dụng tam dụng;
Công tuy khuất ư ngộ, hình toàn thần toàn.

Vua có đức trọng người tài, đã tái dụng lại tam dụng;
Ông tuy khuất không gặp nữa, hình vẫn toàn thân vẫn toàn.

(Viếng ông Nguyễn Vĩ nguyên chức Hồng lô)

三 甲 子 爲 親 去 官 於 義 何 害
七 旬 豹 宜 封 而 贈 其 死 也 哀

Tam giáp tử vi thân khứ quan, ư nghĩa hà hại;
Thất tuần ông nghi phong nhi tặng, kỳ tử dã ai.

Con tam giáp vì cha phải bỏ quan, đối với nghĩa sao mà thêm hại;
Ông thất tuần đáng vinh phong mà tặng, việc từ trần nghĩ lại càng thương.

(Viếng thân phụ Thái phiên họ Vũ)

帝 謂 非 屈 匪 非 出 征 群 議 定 矣
子 素 有 奇 才 有 英 氣 造 物 妒 之

Đế vị phi khuất phỉ, phi xuất chinh, quần nghị định hĩ;
Tử tố hữu kỳ tài, hữu anh khí, tạo vật đố chi.

Vua bảo không phải khuất phục phỉ, không phải xuất chinh,
cũng đủ đánh giá được;
Thầy vốn là người có kỳ tài, vốn có anh khí,
nên tạo hóa ghét ghen.
(Viếng Đông Dương tiên sinh Vũ Phạm Khải)

生死偶然耶胡與東翁從而歸又從而去
感慨繫之矣適此秋潦日難爲挽遂難爲歌

Sinh tử ngẫu nhiên gia, hồ dữ Đông Niết ông, tòng nhi qui,
hựu tòng nhi khứ;
Cảm khái hệ chi hĩ, thích thử thu lạo nhật, nan vi vãn,
toại nan vi ca.

Việc sinh tử ngẫu nhiên thay, sao cùng ông Đông Niết theo về lại
theo từ biệt;
Sự cảm khái quan hệ vậy, đi lúc mưa thu lớn, khó khăn viếng,
khó khăn ca.
(Nghĩ hộ huyện hội Tư văn viếng quan lãnh kinh ở Côi Trì)

菊松彭澤餘三徑
風雅吳中少一評

Cúc tùng Bành Trạch dư tam kính;
Phong nhã Ngô Trung thiếu nhất bình.

Loài cúc tùng Bành Trạch, thừa ba luống biếc;
Nếp phong nhã Ngô Trung, thiếu một lời bình.
(Nghĩ hộ huyện hội Tư văn viếng quan án sát người làng Côi Trì)

舅子業甚勤今升庠矣
我母聞之喜如獲寶然

Cậu tử nghiệp thậm cần, kim thăng tường hĩ;
Ngã mẫu văn chi chỉ, như hoạch bảo nhiên.

Cậu tu nghiệp thật chuyên cần, ngày nay đỗ đạt;
Mẹ tôi nghe tin mừng rỡ, như được vàng mười.
(Mừng tân tú tài Ôn)

翁何病哉塵夢百年終化鶴
客有弔者酬醪千里但憑風

Ông hà bệnh tai, trần mộng bách niên chung hóa hạc;
Khách hữu điếu giả, thù lao thiên lý đãn bằng phong.

Bệnh tình ông làm sao, mộng trần thế trăm năm hóa hạc;
Lời điếu tôi than rằng: chén tiễn đưa nghìn dặm bằng phong.
(Viếng ông hậu nho)

秀 士 榜 中 妻 妾 幸 皆 有 弟
烏 衣 巷 裡 後 先 各 自 成 家
Tú sĩ bảng trung thê thiếp hạnh giai hữu đệ;
Ô y hạng lý hậu tiên các tự thành gia.
Bảng tú sĩ, thê thiếp của ông may mắn đều có em;
Ngõ Ô, Y, trước sau rồi sẽ thành những nhà nổi tiếng.
(Mừng ông tú tài Tiếp Chi)

科 舉 有 命 耶 何 吾 翁 得 之 難 而 吾 曹 乃 得 之 易
此 捷 可 喜 也 視 與 侄 若 少 遜 而 與 兄 則 若 少 強
Khoa cử hữu mệnh gia, hà ngô ông đắc chi nan nhi ngô tào nãi đắc chi dị;
Thử tiệp khả hĩ dã, thị dữ điệt nhược thiếu tốn nhi dữ huynh tắc nhược thiếu cường.
Khoa cử có mệnh chăng, sao cha tôi đạt thì chầy,
bọn ta đạt lại dễ;
Việc mau chóng mừng vậy, với cháu lúc trẻ lại kém,
với anh lúc trẻ lại hơn.
(Mừng tú tài Chiểu Ân)

吾 縣 兩 途 並 顯 池 武 溪 文
名 家 四 代 同 堂 祖 壽 孫 貴
Ngô huyện lưỡng đồ tịnh hiển, trì vũ khê văn;
Danh gia tứ đại đồng đường, tổ thọ tôn quí.
Hàng huyện vui, ao vũ suối văn hai đường đều hiển đạt;
Nếp nhà tổ, cha vinh con quí, bốn hệ hưởng đồng đường.
(Mừng ông cử Phạm Trung Lương)

吾 邑 近 聖 宇 道 化 觀 感 多 得 之
休 翁 有 古 風 子 侄 成 立 亦 宜 矣
Ngô ấp cận thánh vũ, đạo hóa quan cảm đa đắc chi;
Hưu ông hữu cổ phong, tử điệt thành lập diệc nghi hĩ.
Ông vốn phong cách xưa, con đạt cháu thành vui hợp lẽ;
Ấp ta gần cửa thánh, cảnh quan cảm hóa hưởng bội phần.
(Mừng ông cử nhân Triều Kha)

幹 止 未 寧 非 欲 舍 我 而 去 也
催 科 獨 拙 安 得 如 公 以 繼 之
Cán chỉ vị ninh, phi dục xả ngã nhi khứ dã;
Thôi khoa độc chuyết, an đắc như công dĩ kế chi.

Thân phận chú chưa yên, chẳng muốn bỏ tôi mà đi được:
Tiến thân tôi còn vụng, sao bằng được chú kế nghiệp cha.
(Nghĩ hộ ông họ Dương ở Võ Giàng mừng tiễn em trai thứ hai)

吾州幸無事人以和神亦以寧
皇福厚所生昔雙封今又雙贈

Ngô châu hạnh vô sự, nhân dĩ hòa, thần diệc dĩ ninh;
Hoàng phúc hậu sở sinh, tích song phong kim hựu song tặng.
Phúc dày vui lớn lại sinh, xưa song phong nay lại phong tặng;
May mắn châu ta vô sự, người được hòa, thần cũng được an.
(Mừng thọ phụ mẫu Đông Dương tiên sinh lại được gia tặng)

舅子初小成膝下怡愉歡日幾
舅計久已到軍中空總挽歌遲

Cậu tử sơ tiểu thành tất hạ, chi du hoan nhật kỷ;
Cậu phó cửu dĩ đáo quân trung, không tổng vãn ca trì.
Cậu còn nhỏ, giữ trọn niềm hiếu thảo, ngày thanh thản trong lòng được mấy;
Cậu từ trần, tin chậm đến quân trung, trách cao xanh để muộn tiễn đưa.
(Viếng người cậu họ)

從來拙者逸能者勞莫非命也
日下諒已平高已復蓋少待之

Tòng lai chuyết giả dật, năng giả lao mạc phi mệnh dã;
Nhật hạ lượng dĩ bình, cao dĩ phục cái thiểu đãi chi.
Xưa nay kẻ vụng về thì nhàn hạ, người vất vả chẳng ai không xúi quẩy;
Hàng ngày sống độ lượng sẽ bình yên, điều lôi thôi tất ít phải chờ lo.
(Viếng nguyên ngự sử họ Dương)

吾州出棄三茅拔彙征昔如此今乃如此
望邑歸官二菊園鄰北居與偕去亦與偕

Ngô châu xuất niết tam, mao bạt vựng chinh, tích như thử kim nãi như thử;
Vọng ấp qui quan nhị, cúc viên lân bắc, cư dữ giai, khứ diệc dữ giai.
Châu ta án sát có ba người, việc tiến cử trọng đức tài, xưa như thế nay đà như thế;
Hương ấp hưu quan có hai vị, cùng xóm giềng vui vườn cúc, sống vẻ vang, thác cũng vẻ vang.
(Viếng quan án sát họ Nguyễn người làng Côi Trì)

平 生 安 所 遇 不 怨 不 憂
族 党 惜 其 才 既 文 既 博
Bình sinh an sở ngộ, bất oán bất ưu;
Tộc đảng tích kỳ tài, ký văn ký bác.
Khi sống, ông là người không âu lo, không oán hận;
Khi mất, họ hàng tiếc người quảng bác, người văn chương.
(Viếng Phạm Đài ở Phượng Trì)

奇 哉 翁 一 臥 更 成 千 古 夢
今 何 日 片 情 追 感 隔 年 喪
Kỳ tai ông, nhất ngọa cánh thành thiên cổ mộng;
Kim hà nhật, phiến tình truy cảm cách niên tang.
Ông thật lạ thay, vừa nằm xuống đã thành người thiên cổ;
Nay ngày nào vậy, nhớ cảnh nhà tang tóc mới cách năm.
(Viếng ông người làng)

子 爲 親 遊 遠 地 得 歸 難 得 養
家 惟 母 在 至 情 相 似 故 相 憐
Tử vi thân du viễn địa, đắc qui nan đắc dưỡng;
Gia duy mẫu tại chí tình, tương tự cố tương lân.
Con sống xa cha ở nơi đất lạ, lúc lâm chung, tuy về được
mà sao nuôi được;
Nhà duy còn mẹ chăm sóc chí tình, giờ ly biệt, cảnh giống nhau,
nên mới thương nhau.
(Viếng tang thân phụ ông cấp sự Dương Khắc Niệm)

天 下 無 事 則 病 生 山 賊 平 病 而 歸 高 賊 平 病 而 去
人 世 不 朽 者 名 在 文 陣 捷 名 之 始 武 陣 捷 名 之 終
Thiên hạ vô sự tắc bệnh sinh, Sơn tặc bình bệnh nhi qui,
Cao tặc bình bệnh nhi khứ;
Nhân thế bất hủ giả danh tại, văn trận tiệp danh chi thủy,
vũ trận tiệp danh chi chung.
Khi thiên hạ còn vô sự là lúc bệnh sinh, Sơn Tây bình, bệnh về,
Cao Bằng bình, ông khuất,
Điều bất hủ của đời người là danh tồn tại, văn trận thắng, danh nổi,
vô trận thắng, danh tan.
(Viếng Tán ban Ngô Văn Khánh)

名 之 逝 去 范 相 公 幾 何 日
今 而 後 雖 賢 邑 宰 焉 取 斯

Danh chi thệ, khứ Phạm tướng công kỷ hà nhật;
Kim nhi hậu, tuy hiền ấp tể yên thủ tư.
Người nổi tiếng mất rồi, trước Phạm tướng công là mấy chốc;
Nay về sau đành vậy, bậc hiền ấp tể mấy lúc chọn riêng ông.
(khuyết lạc khoản)

居是邦不得事其大夫之賢可惜
生斯世無糧革於千里之外也宜
Cư thị bang, bất đắc sự kỳ đại phu chi hiền, khả tích;
Sinh tư thế, vô lương cách ư thiên lý chi ngoại, dã nghi.
Ở trong nước, không được giúp việc bậc hiền đại phu thì đáng tiếc;
Sống ở đời, không có binh lương ở ngoài ngàn dặm lại cũng nên.
(Viếng tổng đốc họ Phạm người Bình Phú)

第一名題丁卯榜
七千才讓桂陽人
Đệ nhất danh đề Đinh mão bảng;
Thất thiên tài nhượng Quế Dương nhân.
Tên đề đầu bảng khoa thi Đinh mão;
Sức thắng bảy nghìn quê gốc Quế Dương.
(Mừng Nguyễn Cao người làng Cách Bi)

茸內常自如當貴乎何加患難乎所損
文力訓其矣精詳似是於愉略似是工
Thư nội thường tự như phú quí hồ, hà gia hoạn nạn hồ sở tổn;
Văn lực huấn kỳ hĩ tinh tường tự, thị ư du lược tự thị công.
Cái gốc bên trong thường từ phú quí chăng, sao nói tổn hại là do hoạn nạn;
Văn lực vững do dạy bảo tinh tường vậy, đại để như người thợ khéo làm nên.
(Mừng ông tú tài Vũ Thế Huynh làng Phượng Trì)

家八世科名東岸進士子繼父
鄉三甲錦晝北寧督部翁兼師
Gia bát thế khoa danh, Đông Ngạn tiến sĩ tử kế phụ;
Hương tam giáp cẩm trú, Bắc Ninh đốc bộ ông kiêm sư.
Tám đời khoa bảng, con đỗ tiến sĩ kế nghiệp cha nức tiếng một nhà vùng Đông Ngạn;
Ba giáp danh đề, ông thăng tổng đốc kiêm sư phụ nổi tên cả ấp tỉnh Bắc Ninh.
(Mừng tiến sĩ Nguyễn Kham)

七品軍功小亦貴
百年人世老宜閒
Thất phẩm quân công tiểu diệc quí;
Bách niên nhân thế lão nghi nhàn.
Thất phẩm quân công, nhỏ cũng quí;
Trăm năm nhân thế, già nên nhàn.
(Mừng ông cai tổng ở Vân Hiệp)

世路迭升沈廿載青藜還似昔
人生忽聚散一朝白社半成空
Thế lộ điệt thăng trầm, trấp tải thanh lê hoàn tự tích;
Nhân sinh hốt tụ tán, nhất triêu bạch xã bán thành không.
Đường đời đắp đổi thăng trầm, ba mươi năm quan lại lê dân hoàn như cũ;
Cuộc thế bỗng nhiên tụ tán, một sáng nơi tiêu dao ngâm vịnh đã thành không.
(Nghĩ hộ hội Tư văn hàng tổng viếng Đông Dương tiên sinh)

村居翁豈孝爲莊耶鼓盆而歌又而哭
縣幫子亦酷似毛矣捧檄而喜又而空
Thôn cư ông khởi hiếu vi Trang gia, cổ bồn nhi ca hựu nhi khốc;
Huyện bang tử diệc khốc tự Mao hĩ, bổng hịch nhi hỉ hựu nhi không.
Thôn ông làm tang hiền thê như Trang tử gõ bồn để mà ca như để khóc;
Quan huyện than khóc thân mẫu tựa họ Mao bưng hịch sắc mặt vui, dạ lạnh lùng.
(Viếng tang thân mẫu ông lục phụng họ Vũ)

於戌若有緣我得庚君今得甲
此家不終屈弟在門賀已在閭
Ư tuất nhược hữu duyên ngã đắc canh quân kim đắc giáp;
Thử gia bất chung khuất đệ tại môn hạ dĩ tại lư.
Năm Canh tuất (1850) nếu tôi có duyên thì may mắn nay đứng hàng khoa giáp;
Chốn gia môn ông chẳng chịu khuất đã mừng vui toại nguyện với quê hương.
(Mừng cử nhân Đoàn Tiến ở Nam Định)

兩度偶相逢去冬爲憂今冬爲喜
百杯強飲客心忘其病恙忘其貧

Lưỡng độ ngẫu tương phùng, khứ đông vi ưu, kim đông vi hỉ;
Bách bôi cường ẩm khách, tâm vong kỳ bệnh, dạng vong kỳ bần.
Hai dịp tình cờ gặp nhau, đông trước còn lo, đông sau đã thỏa;
Trăm chén đông đảo khách uống, quên ngay cả bệnh, quên luôn cả nghèo.
(Mừng ông cai tổng Nham Nộn Khê)

百 年 壺 範 存 書 獲
千 古 鍾 情 謹 衾 裯
Bách niên hồ phạm tồn thư hoạch;
Thiên cổ chung tình cẩn thúc xu.
Trăm năm khuôn phép còn thu hoạch được trong sách vở;
Nghìn xưa tình nghĩa trong việc tang cung kính mặc áo xô.
(Viếng thân mẫu ông Linh Đường, tri huyện Văn Chấn)

木 丸 佳 邑 猶 前 度
左 武 耆 年 少 此 人
Mộc Hoàn giai ấp tồn tiền độ;
Tả Vũ kỳ niên thiểu thử nhân.
Thôn ấp cạnh núi Mộc Hoàn mãi mãi nhớ ông;
Bậc kỳ lão làng Tả Vũ ít người được vậy.
(Viếng bá hộ Nhàn ở Đại Tráng, tỉnh Bắc Ninh)

惜 哉 翁 去 方 亭 先 生 幾 多 日
今 而 後 有 邑 宰 君 子 焉 取 斯
Tích tai ông khứ Phương Đình tiên sinh kỷ đa nhật;
Kim nhi hậu hữu ấp tể quân tử yên thủ tư.
Tiếc thay, Phương Đình tiên sinh đi trước ông mới bấy nhiêu ngày;
Nay thì ấp tể quân tử, ai người giữ đạo thánh thay ông.
(Viếng đốc học Nam Định họ Dương người Hà Nội)

昔 仗 王 之 靈 樽 俎 笑 談 四 城 乃 復
今 逢 國 有 慶 璽 書 褒 異 三 代 並 封
Tích trượng vương chi linh, tôn trở tiếu đàm tứ thành nãi phục;
Kim phùng quốc hữu khánh, tể thư bao dị tam đại tịnh phong.
Xưa nhờ uy linh vua, yến tiệc nói cười, bốn thành khôi phục;
Nay gặp ngày quốc khánh, ban khen bằng cấp, tam đại vinh phong.
(Mừng Hiệp biện Đại học sĩ Thượng thư bộ Hộ ba đời được tặng phong)

帝 軫 臣 私 甫 得 歸 奈 不 久 得 養
天 奪 母 壽 經 此 變 即 亦 同 此 悲

Đế chẩn thần tư phủ đắc qui, nại bất cửu đắc dưỡng;
Thiên đoạt mẫu thọ kinh thử biến tức diệc đồng thử bi.
Vua cho con lạm bề tôi trở về, sao không ở lâu để được nuôi dưỡng;
Trời cướp mất tuổi thọ của mẹ, qua sự biến này liền đến sự bi.
(Viếng tang thân mẫu quan Ngự sử Dương Quản người làng Vân Đình)

遇 亦 甚 難 哉 慷 慨 先 己 駙 馬 子
神 當 不 沒 矣 悽 愴 長 在 升 龍 間

Ngộ diệc thậm nan tai, khẳng khái tiên dĩ Phò mã tử;
Thần đương bất một hĩ, thê thương trường tại Thăng Long gian.
Cảnh ngộ thật khó thay, khẳng khái trước hi sinh của con là Phò mã;
Tinh thần không mất vậy, cảm thường còn vời vợi tại đất cũ Thăng Long.
(Viếng Võ hiển điện Đại học sĩ Nguyễn Tri Phương)

一 哭 重 憂 母 未 禫 而 父 去
四 郊 多 壘 公 爲 重 則 死 輕

Nhất khốc trùng ưu, mẫu vị đàm nhi phụ khứ;
Tứ giao đa lũy, công vi trọng tắc tử khinh.
Một khóc hai nỗi buồn, tang mẹ chưa xong, tang cha đã đến;
Bốn cõi nhiều rối loạn, sự công làm trọng, sự chết coi thường.
(Viếng tang thân phụ ông Tiểu phủ Vũ Huy Thụy)

雙 慶 此 家 門 今 後 夕 晨 惟 母 在
三 子 皆 我 友 年 來 次 第 爲 親 還

Song khánh thử gia môn, kim hậu tịch thần duy mẫu tại;
Tam tử giai ngã hữu, niên lai thứ đệ vị thân hoàn.
Hai niềm vui chốn gia môn, từ nay về sau sớm chiều duy còn mẹ;
Ba người con đều là bạn, từ đây trở đi đến lượt chịu tang cha.
(Viếng tang thân phụ Nguyễn Hữu Lợi, nguyên làm Niết sứ Cao Bằng)

吾 境 小 而 安 擇 賜 花 筵 隨 處 有
北 邊 險 且 遠 輸 財 義 户 似 君 希

Ngô cảnh tiểu nhi an, trạch tứ hoa diên tùy xứ hữu;
Bắc biên hiểm thả viễn, thâu tài nghĩa hộ tự quân hi.
Bờ cõi của ta nhỏ bé yên hàn, chọn được người ngồi đúng chiếu hẳn tùy nơi mới có;
Biên giới phía Bắc xa xôi hiểm trở, gom tiền của làm việc nghĩa như ông cũng chẳng nhiều.
(Mừng ông bá hộ Đoàn Văn Chí làng Phù Sa)

人 有 賢 父 兄 樂 也
天 不 遺 耆 老 哀 哉

Nhân hữu hiền phụ huynh lạc dã;
Thiên bất di kỳ lão ai tai.

Người có cha anh hiền thì vui vậy;
Trời chẳng cho tuổi tác, thật buồn thay.

(Viếng tang thân phụ bạn cùng tuổi làng Ngô Đồng – câu 1)

遊 子 尚 多 揚 顯 日
壽 翁 蓋 得 太 平 年

Du tử thượng đa dương hiển nhật;
Thọ ông cái đãi thái bình niên.

Con đi xa còn mong ngày hiển đạt;
Già sống thọ sao chờ hưởng thanh bình.

(Viếng tang thân phụ bạn cùng tuổi làng Ngô Đồng – câu 2)

淑 人 暫 別 君 子 歸 豈 知 桑 梓 到 來 遽 成 永 訣
老 臣 身 當 天 下 事 可 奈 春 秋 閒 度 浪 作 鰥 夫

Thục nhân tạm biệt quân tử qui, khởi tri tang tử đáo lai cừ thành vĩnh quyết;
Lão thần thân đương thiên hạ sự, khả nại xuân thu nhàn độ lãng tác quan phu.

Vợ hiền tạm chia tay quân tử trở về,đâu biết nơi quê nhà phút giây thành vĩnh biệt;
Lão thần còn đang lo toan bao việc nước, có thể nào tuổi tác bỗng chốc hóa quan phu.

(Nghĩ hộ ông họ Nguyễn khóc vợ – câu 1)

令 妻 喪 寒 暑 載 離 奈 邊 事 在 身 未 敢 以 請
旅 病 翁 進 退 維 谷 噫 古 賢 處 此 亦 難 爲 情

Lệnh thê tang hàn thử tải ly, nại biên sự tại thân vị cảm dĩ thỉnh;
Lữ bệnh công tiến thoái duy cốc, y cổ hiền xử thử diệc nan vi tình.

Nóng lạnh chở biệt ly, tang vợ xui nên, thân mình nào phải biên cương dám đâu cầu nguyện;
Tiến lui đành một nẻo, bệnh ông chất chứa, người hiền xưa âu cũng thế, khó nói hết tình.

(Nghĩ hộ ông họ Nguyễn khóc vợ – câu 2)

芻 束 來 從 千 里 外
桃 筵 纔 隔 兩 秋 間

Xô thúc lai tòng thiên lý ngoại;
Đào diên tài cách lưỡng thu gian.
Mặc áo xô về từ ngoài ngàn dặm;
Ngồi chiếu đào mới cách khoảng hai thu.
(Viếng tang thân mẫu ông Cai tổng Thổ Tang)

才子曷于成北鐸翁詩禮門庭無愧矣
良守挽不得吾州閭大小人士咸惜之
Tài tử trợ vu thành bắc đạc ông thi lễ môn đình vô qúy hĩ;
Lương thủ vãn bất đắc ngô châu lư đại tiểu nhân sĩ hăm tích chi.
Người tài do cố gắng mà thành, ông vốn nhà dòng dõi nho gia, thật không hổ thẹn;
Đức tốt phải tiễn đưa ai muốn, khắp châu huyện thân hào nhân sĩ đều tiếc thương.
(Viếng tang ông họ Đoàn làm tri phủ An Khánh)

將強則兵強四征有大快舉
功懋斯賞懋五爵從此階升
Tướng cường tắc binh cường, tứ chinh hữu đại khoái cử;
Công mậu tư thưởng mậu, ngũ tước tòng thử giai thăng.
Tướng giỏi thì binh hùng, cất quân chinh phạt bốn phương có công lớn;
Công nhiều tất thưởng hậu, được thăng lên bậc ngũ tước xứng chí cao.
(Mừng đề đốc họ Nguyễn được thưởng tước nam)

草舍爲親成於斯聚乃於斯哭
晨昏惟母在同此地亦同此悲
Thảo xá vi thân thành, ư tư tụ nãi ư tư khốc;
Thần hôn duy mẫu tại, đồng thử địa diệc đồng thử bi.
Nhà cỏ làm tang cha, sống ở đây khóc lóc cũng ở đây;
Sớm chiều chỉ còn mẹ, sinh nơi này thương xót cũng nơi này.
(Viếng tang thân phụ ông cử nhân Phạm Chấn Lang ở Nộn Khê)

調變豈無方惟人壽蓋自有命有數
生平多可取其行義驗之一縣一鄉
Điều biến khởi vô phương duy nhân thọ, cái tự hữu mệnh hữu số;
Sinh bình đa khả thủ kỳ hành nghĩa nghiệm chi nhất huyện nhất hương.
Dời đổi tai biến há không phương kế, duy tuổi thọ có số có mệnh;
Đời người lấy việc hành nghĩa của mình, kiểm nghiệm lại một huyện một làng.
(Viếng ông Giám trương họ Nguyễn ở Côi Trì)

舊 轄 挽 不 能 有 代 者 來 便 別 去
新 御 追 以 勸 雖 死 之 日 如 生 年

Cựu hạt vãn bất năng, hữu đại giả lai tiện biệt khứ;
Tân ngự truy dĩ khuyến, tuy tử chi nhật như sinh niên.

Dân trị hạt cũ chẳng thể đi đưa, tôi làm khách đến đây tiễn biệt;
Nơi cai quản mới đem lòng tưởng nhớ, ngày từ trần cúng giống năm sinh.

(Viếng ông họ Đặng làm thập bộ tỉnh nhà)

咫 尺 有 天 臨 鬼 域 不 爲 君 子 累
江 山 以 人 重 馬 車 應 記 昔 年 題

Chỉ xích hữu thiên lâm quỉ vực, bất vị quân tử lụy;
Giang sơn dĩ nhân trọng mã xa, ứng ký tích niên đề.

Cách gang tấc trời cao soi vực quỉ, chẳng làm người quân tử lụy;
Giang sơn nhân thế xem trọng ngựa xe, lời bình còn nhớ năm xưa.

(Nghĩ hộ làng Kinh Để trong tỉnh mừng ông Vũ Ích Khiêm án sát tỉnh Hưng Yên. Mùa hạ năm Tân Tỵ (1881) niên hiệu Tự Đức)

闕 下 捧 金 龜 帝 眷 親 恩 感 懷 萬 緒
秋 初 聞 鶴 別 鰥 夫 徵 士 進 退 兩 難

Khuyến hạ bổng kim qui đế quyến, thân ân cảm hoài vạn tự;
Thu sơ văn hạc biệt quan phu, trưng sĩ tiến thoái lưỡng nan.

Dưới trướng dâng rùa vàng, vua quí, cha ơn, cảm hoài muôn mối;
Đầu thu nghe hạc lánh, chồng côi, danh sĩ, tiến thoái khó bề.

(Viếng tang vợ ông tú tài Đài ở Phượng Trì - mùa đông năm Tân Tỵ (1881), niên hiệu Tự Đức).

噫 居 母 喪 甫 終 繼 之 以 嫂
噫 居 兄 病 未 起 忽 然 而 鰥

Hi! Cư mẫu tang phủ chung kế chi dĩ tẩu;
Hi! Cư huynh bệnh vị khởi hốt nhiên nhi quan.

Ôi! Cư tang mẹ vừa xong, kế theo tang chị;
Ôi! Bệnh của anh chưa khỏi, bỗng hóa chồng côi.

(Viếng tang thân mẫu ông Đỗ Y làng Đa Hòa - mùa đông năm Tây Tỵ (1881), niên hiệu Tự Đức)

八 載 兩 成 鰥 兒 幼 提 攜 大 丈 夫 亦 難 處 此
朝 聞 暮 得 請 室 家 情 緒 聖 天 子 寔 深 體 之

Bát tải lưỡng thành quan, nhi ấu đề huề, đại trượng phu diệc nan xử thử;
Triêu văn mộ đắc thỉnh, thất gia tình tự, thánh thiên tử, thực thâm thể chi.

Tám năm hai lần góa, con nhỏ dắt tay, đại trượng phu cũng khó xử thế;
Sớm nghe chiều được phép, tình nhà vấn vít, thánh thiên tử thực thể tất cho.

(Đầu xuân năm Nhâm Ngọ (1882) niên hiệu Tự Đức, viếng tang bà vợ Biện lý bộ Binh Vũ Tuân)

帝軫臣私三子得歸二得養
天奪母壽兩家相似迭相憐

Đế chẩn thần tư, tam tử đắc qui nhị đắc dưỡng;
Thiên đoạt mẫu thọ, lưỡng gia tương tự điệt tương liên.

Vua thương nỗi riêng, ba con được về, hai được nuôi;
Trời cướp tuổi mẹ, hai nhà tương tự cảnh cùng thương.

(Viếng tang thân mẫu ông Hữu Hữu Lợi, người Hành Thiện, nguyên án sát tỉnh Cao Bằng)

胭屬九旬翁久已逝矣
宦遊千里客今乃聞之

Yên thuộc cửu tuần, ông cửu dĩ thệ hỹ;
Hoạn du thiên lý, khách kim nãi văn chi.

Ông đã chín mươi, mất từ lâu lắm;
Quan xa nghìn dặm, nay mới hay tin.

(Viếng ông phó già)

邑老壽而康暮歲成鰥無別憾
長郎病未愈一朝失恃最堪憐

Ấp lão thọ nhi khang, mộ tuế thành quan vô biệt hám;
Trưởng lang bệnh vị dũ, nhất triêu thất thị tối kham liên.

Già làng vẫn an khang, cuối đời góa bụa không hờn oán;
Anh cả bệnh chưa khỏi, một chiều nhắm mắt đáng thương sao.

(Viếng bà chánh già trong làng)

宋名臣有言作縣不易
曾大賢所樂逮親之存

Tống danh thần hữu ngôn tác huyện bất dịch;
Tăng đại hiền sở lạc đãi thân chi tồn.

Giống như danh thần đời Tống, từng có câu làm một huyện ổn định;
Được như đại hiền họ Tăng có niềm vui khi cha mẹ còn sống.

(Tặng phó bảng Nghệ An Nguyễn Thái Tuân mới được thăng tân Đồng tri phủ phân phủ Vĩnh Tường)

吁亦異哉嘗聞先封翁寥廓之遊曾此日
伊可懷矣今後太封母門閭之聖難爲情

Hu, diệc dị tai, thường văn tiên phong ông liêu quách chi du tằng thử nhật;

Y, khả hoài hỹ, kim hậu thái phong mẫu môn lư chi vọng nan vi tình.

Ôi sao mà lạ thế! Dẫu đã từng nghe cuộc nhà du thanh thản tiên ông ngày này dồn đến;

Thật đáng nhớ lắm thay! Từ nay về sau nơi môn hộ xa trông thái mẫu khó nói nỗi niềm.

(Viếng Tham tri Lê Đình Tuấn)

有命名也夫簪笏三朝系葩三代
其明德遠矣雪龍天北香屏天南

Hữu mệnh danh dã phù, trâm hốt tam triều, cổn ba tam đại;

Kỳ minh đức viễn hỹ, tuyết long thiên Bắc, Hương Bình thiên Nam.

Tiếng tốt được tôn vinh, trâm hốt ba triều, tiếng thơm tam đại;

Đức sáng còn xa mãi, tuyết rồng trời Bắc, Hương Ngự trời Nam.

(Mừng Văn Minh điện Đại học sĩ Trần Tiễn Thành được nhà vua tặng sắc phong ba đời)

五經兼通有此材宜有此遇
九重嘉悅詢其父又及其翁

Ngũ kinh kiêm thông, hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;

Cửu trùng gia duyệt, tuân kỳ phụ hựu cập kỳ ông.

Thông suốt năm kinh, có tài ấy thì đạt danh ấy;

Đẹp ý nhà vua, đã tin cha thì ắt tin ông.

(Mừng Nguyễn Sĩ Bình người Quảng Trị, đỗ giải nguyên khoa Giáp Ngọ (1882) là con rể Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Văn Tường)

人無百年耶九旬翁湖海逍遙忽乘鶴去
養難再得矣兩遊子朔南蒲伏咸戴星歸

Nhân vô bách niên gia, cửu tuần ông hồ hải tiêu dao, hốt thừa hạc khứ;

Dưỡng nan tái đắc hỹ, lưỡng du tử sóc nam bồ phục hàm đới tinh qui.

Mấy ai sống được trăm năm, ông cửu tuần hồ hải tiêu dao, bỗng vội lên tiên cưỡi hạc;

Dưỡng nuôi khó bề trở lại, con hai độ bắc nam tang phục, âu đành đưa tiễn đội sao.

(Viếng tang thân phụ ông bố chính Nghệ An Nguyễn Khắc Vĩ, người làng Bình Hồ)

一 舉 成 名 有 是 父 兄 宜 有 是 子 弟
九 重 好 士 取 其 道 行 兼 取 其 文 章

Nhất cử thành danh, hữu thị phụ huynh nghi hữu thị tử đệ;
Cửu trùng hiếu sĩ, thử kỳ đạo hạnh kiêm thủ kỳ văn chương.

Một lần thi đã thành danh, có cha anh ấy thì có con em ấy;
Nhà vua xem trọng kẻ sĩ, chọn người đạo đức chọn cả bậc văn chương.

(Mừng Vũ Trinh quê Quảng Bình đỗ cử nhân khoa Nhâm Ngọ(1882) con đốc học Vũ Trọng Bình)

考 廟 昔 加 封 大 慶 年 疊 荷 恩 榮 同 乎 仲 氏
使 旄 今 再 出 官 遊 子 克 事 制 書 告 于 前 人

Khảo miếu tích gia phong, đại khánh niên điệp hà, ân vinh đồng hồ trọng thị;
Sứ mao kim tái xuất, quan du tử khắc sự, chế thư cáo vu tiền nhân.

Cha mẹ trước được gia phong, niềm vui lớn bao lần ân sủng ấy vẻ vang cả họ;
Sứ thần nay lại tiếp bước, đứa con xa chịu lỗi, áng văn này tỏ với tiền nhân.

(Mừng cha mẹ quan Kinh lược phó sứ Bùi Văn Dị được vua gia tặng)

噫 異 哉 昨 胡 今 黎 冬 鄉 相 繼 去
可 慨 矣 仆 稀 子 幼 旅 殯 何 辰 歸

Y dị tai! Tạc hồ kim lê đông khanh tướng kế khứ;
Khả khái hĩ! Phó hi tử ấu lữ tấn hà thời qui.

Ôi lạ thay! Mới đó mà nay lê dân khanh tướng theo đi cả;
Thương biết mấy! Chợt nghe cáo phó, ấu thơ lữ tấn tự khi nào.

(Viếng Công bộ thượng thư Lê Hữu Tá người tỉnh Sơn Tây)

先 大 夫 通 德 門 高 鬱 鬱 征 看 槐 蔭 茂
賢 太 守 新 除 命 下 囪 囪 已 帶 白 雲 歸

Tiên đại phu thông đức môn cao, uất uất chinh khan hòe ấm mậu;
Hiền thái thú tân trừ mệnh hạ, thông thông dĩ đới bạch vân qui.

Bậc đại phu thuở trước, đức càng sáng, cửa thêm cao, cảnh xanh tươi nhìn quế hòe ấm bụi;
Quan Thái thú hiền tài, chức mới trao, mệnh đã xuống, trời thoáng không mây trắng kết vòng vây.

(Viếng tang thân phụ Đình nguyên Đỗ Huy Liệu ở La Ngạn)

皇 使 好 于 家 金 帛 昨 朝 恩 典 望
天 胡 奪 其 養 木 風 終 古 孝 情 忙

Hoàng sứ hiếu vu gia, kim bạch tạc triều ân điển vọng,
Thiên hồ đoạt kỳ dưỡng, mộc phong chung cổ hiếu tình mang.
Hoàng sứ mỡ vội về nhà, vàng lụa triều qua nặng lòng ân điển;
Trời sao cướp công nuôi dưỡng, gió cây trọn kiếp bề bộn hiếu tình.
(Viếng tang thân phụ Tham tri bộ Binh Hà Văn Quan)

一養字天何於人耶府檄來辰母已去
數年前我亦猶之君也權車行處路多難
Nhất dưỡng tự thiên hà ư nhân gia, phủ hịch lai thì mẫu dĩ khứ;
Sổ niên tiền ngã diệc do chi quân dã, quyền xa hành xứ lộ đa nan.
Một chữ "dưỡng" sao trời tiếc người ta thế, phủ nha loan báo mẹ từ đây xa mãi;
Vài năm trước, tôi cũng giống như ông vậy, xe sẽ về nơi đường sao lắm gian nan.
(Viếng tang thân mẫu Trần Khắc Quang, nguyên thông phán tỉnh nhà mới thăng đồng tri phủ)

以直道事人慷慨可徵嚴父訓
以親喪去位徘徊卻憶昔年心
Dĩ trực đạo sự nhân, khảng khái khả trưng nghiêm phụ huấn;
Dĩ thân tang khứ vị, bồi hồi khước ức tích niên tâm.
Lấy sự ngay thẳng làm việc với người, khảng khái kinh vâng lời cha dạy;
Vì tang phụ thân mà rời cương vị, bồi hồi lòng lại nhớ năm xưa.
(Viếng tang thân phụ Nguyễn Hữu Đạo, trì huyện huyện Đông Anh)

噫三兄今從夫子遊步趨間有異聞否
噫三兄未赴禮部試場屋事能忘懷耶
***Y Tam huynh!** Kim tòng phu tử du bộ xu gian hữu dị văn phủ;*
***Y Tam huynh!** Vị phó Lễ bộ thí trường ốc sự năng vong hoài gia.*
Ôi Tam huynh! Nay theo phu tử rong ruổi đi chơi xa,
nghe thế có lạ không!
Ôi Tam huynh! Chưa cáo phó với bộ Lễ, với trường thi
chẳng quên nỗi nhớ thương.
(Viếng cử nhân Đệ Tam Đài làng Tam Đăng)

公重私爲輕聞命不敢辭勞憔悴喪中夫杖往
餞高貌亦古引年何乃無術徘徊路半帶棺歸
Công trọng tư vi khinh, văn mệnh bất cảm từ lao tiều tụy,
tang trung phù trượng vãng;
Tiễn cao mạo diệc cổ, dẫn niên hà nãi vô thuật bồi hồi
lộ bán đới quan qui.

Việc công là trọng, xem nhẹ riêng tây, nói tính mệnh chẳng dám chối từ vất vả, đám tang ông đi theo chống gậy;
Đưa tiễn thanh cao, dáng hình như cũ, nghĩ tuổi đời sao không có thuật, bồi hồi một nửa cất gánh ra về.
(Viếng lão y họ Đỗ ở Đa Hòa)

九陛軫臣私移贈恩綸夕朝且至
幾回聞母訃隨身使節進退極難
Cửu bệ chẩn thần tư, di tặng ân luận tịch triêu thả chí;
Kỷ hồi văn mẫu phó, tùy thân sứ tiết tiến thoái cực nan.
Chín bậc thềm vua xuống chiếu tặng phong, ân huệ sớm chiều lại đến;
Mấy lần nghe tin mẹ đau yếu nặng, tiến lui cờ sứ băn khoăn.
(Viếng tang đích mẫu Giản sung ấn sứ Trần Khánh Du)

同舍兩告喪人爲其母今君又爲其祖
昨朝新有命賀在乎門而吊已在乎閭
Đồng xá lưỡng cáo tang, nhất vi kỳ mẫu, kim quân hựu vi kỳ tổ;
Tạc triêu tân hữu mệnh, hạ tại hồ môn, nhi điếu dĩ tại hồ lư.
Cùng nhà hai lần cáo tang, tang mẹ trước rồi, nay tang bà lại đến;
Sáng nọ nẩy liền tin mới, gia môn tin vui, tiếp gia quyến tin buồn.
(Viếng tang bà nội ông Biện lý Đỉnh người cùng bộ)

同郡疊告哀君之逝去竹堂范老幾何日
八年兩制敵今之役視癸酉往事勝一籌
Đồng quận điệp cáo ai, quân chi thệ khứ Trúc Đường Phạm lão kỷ hà nhật;
Bát niên lưỡng chế địch, kim chi dịch thị Quý Dậu vãng sự thắng nhất trù.
Đồng hương liên tiếp cáo tang, ông ra đi cách Phạm Trúc Đường là mấy;
Tám năm hai phen dẹp giặc, việc ngày nay so năm Quý Dậu hơn nhiều.
(Viếng Hoàng Diệu, Tổng đốc hai tỉnh Hà Nội – Ninh Bình)

幾度賦歸來鹿洞陶園自有眞樂
今朝乘化去胡笳羌笛蓋不忍聞
Kỷ độ phú qui, lai lộc động đào viên tự hữu chân lạc;
Kim hồ thừa hóa khứ hồ già khương địch cái bất nhẫn văn.
Mấy độ cấp lương cho trở lại, vườn đào động hươu về tự thấy vô cùng hoan lạc;
Sáng nay cưỡi chim hạc bay đi, tiếng sáo kèn đưa tiễn, quả tình chẳng nhẫn tâm nghe.
(Viếng ông họ Đoàn, nguyên đốc học Bắc Ninh về hưu, người làng Hữu Thanh Oai)

有母難辭歸一表朝成夕得赴
聞喪亟奔去前途此況我曾經

Hữu mẫu nan từ qui, nhất biểu triêu thành tịch đắc phó;
Văn tang cực bôn khứ, tiền đồ thử huống ngã tằng kinh.

Có mẹ không thể không về, sáng dâng biểu, chiều cáo phó;
Nghe tang mà hộc tốc chạy, cảnh này tôi cũng từng qua.

(Viếng tang thân mẫu Ngự sử Trần Văn Gia, đạo An Tĩnh)

有母不遑將戎役久勞千里外
所遭亦相似星奔曾歷數年前

Hữu mẫu bất hoàng tương, nhung dịch cửu lao thiên lý ngoại;
Sở tao diệc tương tự, tinh bôn tằng lịch sổ niên tiền.

Có mẹ mà không nhà, việc quân vất vả ngoài nghìn dặm;
Cách ta cũng giống thế, đêm hôm tất bật cách mấy năm.

(Viếng tang thân mẫu Ngự sử Trần Văn Gia, đạo An Tĩnh)

吾榜人多眞率自如推此老
古藤地勝耆英有會別成仙

Ngô bảng nhân đa, chân suất tự như suy thử lão;
Cổ Đằng địa thắng, kỳ anh hữu hội biệt thành tiên.

Bảng đề danh nhiều người đỗ đạt, trong vất vả đắng cay, có sức có công người lão trượng;
Châu Đằng cũ đất lắm nhân tài, hội người già lỗi lạc, mới riêng ông sớm hưởng tuổi tiên.

(Mừng Phạm Mẫn Triệu, nguyên đề học nghỉ hưu thọ 70 tuổi)

久病敢辭勞於下事繁況方國孝日
此間幾送別探花即去繼以緋衣翁

Cửu bệnh cảm từ lao ư hạ sự phồn, huống phương quốc hiếu nhật;
Thử gian kỷ tống biệt thám hoa tức khứ, kế dĩ phỉ y ông.

Bệnh lâu chẳng dám ngại ngần, vất vả bao việc lo toan, huống vừa trải qua ngày quốc hiếu;
Thời gian này mấy lần tiễn biệt, thám hoa vừa mới khuất, kế tiếp liền lại đến tang ông.

(Viếng Toản tu sử quán Bùi Ước)

蓋少留耶志草未成是吾東觀責
伊可懷矣私年既去繼以緋衣翁

Cái thiểu lưu gia, chí thảo vị thành, thị ngô đông quan trách;
Y khả hoài hĩ, tư niên ký khứ, kế dĩ phỉ y ông.

Có lẽ ít để lại chăng, chí hướng làm bản thảo chưa thành, đó là cách nhìn ra trách nhiệm;

Việc ấy đáng nhớ thương vậy, riêng năm có người hiền khuất núi, kế tiếp liền lại đến tang ông.

(Viếng Toản tu Bùi Ước – câu 2)

嗟 哉 吾 大 夫 先 生 之 門 十 年 間 事 受 頻 來 至 此 極
嗟 哉 吾 世 兄 後 喪 之 訃 萬 里 外 音 書 不 越 將 奈 何

Tai tai, ngô đại phu tiên sinh chi môn thập niên gian sự thụ tần lai chí thử cực;

Ta tai, ngô thế huynh hậu tang chi phó vạn lý ngoại âm thư bất việt tương nại hà.

Than ôi, trong khoảng mười năm, cửa tiên sinh đại phu của ta sự việc đến nhiều như thế này chăng;

Than ôi, ở ngoài vạn dặm, sau tin tang thế huynh của ta tiếng tăm chẳng vượt khỏi làm sao được.

(Viếng bà cung nhân ở Phượng Trì)

仙 翁 胡 不 百 年 壽
弔 客 新 從 萬 里 來

Tiên ông hồ bất bách niên thọ;
Điếu khách tân tòng vạn lý lai.

Cớ sao thế tiên ông, luống chẳng được trăm năm tuổi thọ;
Xin được làm điếu khách, đành theo đòi vạn dặm đến đây.

(Viếng tang thân phụ tú tài họ Bùi ở Nộn Khê)

吾 邑 第 一 等 壽 翁 逝 已 久 矣
海 國 千 萬 重 遊 客 人 始 聞 之

Ngô ấp đệ nhất đẳng thọ ông, thệ dĩ cửu hĩ;
Hải quốc thiên vạn trùng du, khách nhân thủy văn chi.

Vào hàng thọ nhất làng ta, ông đã ra đi rồi vậy;
Dạo chơi nghìn dặm quốc hải, khách vừa mới biết được tin.

(Viếng ông chánh Xuân trong làng)

孰 如 兄 之 遭 封 老 辛 勤 無 暇 預 日
人 傳 弟 已 死 歸 來 問 訊 若 夢 寐 中

Thục như huynh chi tao, phong lão tân cần vô hạ dự nhật;
Nhân truyền đệ dĩ tử, qui lai vấn tấn nhược mộng mị trung.

Có ai gặp cảnh ngộ như anh, già lão chịu đắng cay làm việc;
chẳng có ngày yên vui nhàn hạ;
Người ta truyền chú em đã mất, ra về cho tin tức hỏi han,
giống như chìm trong một giấc mơ.
(Khóc người anh họ)

君於世能忘懷耶當此多難遽遊方外
人傳我爲已死矣幾回相訪恍若夢中

Quân ư thế năng vong hoài gia! Đương thử đà nan cứ du phương ngoại;
Nhân truyền ngã vi dĩ tử hĩ, kỷ hồi tương phỏng hoảng nhược mộng trung.

Với đời, ông há lãng quên! Đương lúc gian nan vội vàng chín suối;
Còn tôi, người đồn đã chết! Mấy lần thăm hỏi hoảng hốt giấc mòng.
(Viếng Biện lý bộ Hình Đình Nho Điển)

雲百母何驟仙去耶往度塵埃不忍見
賢二郎能代兄卷否九原雲駕急相從

Vân bách mẫu hà sậu tiên khứ gia, vãng độ trần ai bất nhẫn kiến;
Hiền nhị lang năng đại huynh quyển phủ, cửu nguyên vân giá cấp tương tòng.

Vân bách mẫu sao vội qui tiên, ly biệt trần ai đầy thương cảm;
Hiền nhị lang lấy anh thay thế, xe mây chín suối vội theo đi.
(Viếng tang thân mẫu ông Dực Thiện họ Vũ ở Phượng Trì)

徽閣正需才再命出於三已後
松竹今克表雙封曾自十年前

Vi các chính nhu tài, tái mệnh xuất ư tam kỷ hậu;
Tùng trúc kim khắc biểu, song phong tằng tự thập niên tiền.

Cảnh trí đúng nho gia, tái xuất sau ba lần truyền hịch;
Trúc tùng nay biểu hiện, từng hai lần tặng trước mười năm.

篴笛幾回客夢暗傷星景外
笙歌何處秋風遙度馬梁間

Khương địch hỷ hồi, khách mộng ám thương tinh cảnh ngoại;
Sinh ca hà xứ, thu phong giao độ mã lương gian.

Kèn sáo mấy hồi vang, ngoại cảnh sao trời, đớn đau lòng mộng khách;
Sênh ca nơi nào vọng, đoạn đường đưa tiễn xa lạ gót phong thu.
(Viếng phu nhân lại tham Bùi Quan)

羌 笛 幾 回 方 難 世
盆 歌 何 處 又 驚 人
Khương địch kỷ hồi phương nan thế;
Bồn ca hà xứ hựu kinh nhân.
Kèn sáo mấy hồi, vừa mới thở than cùng trần thế;
Bồn ca đâu đến, lại thêm hốt hoảng với nhân gian.

煙 徑 雲 迷 風 淒 翠 柳
石 階 露 冷 雨 泣 黃 花
Yên kính vân mê phong thê thúy liễu;
Thạch giai lộ lãnh vũ khấp hoàng hoa.
Khói dày mây tỏa, gió buồn thúy liễu;
Thềm cao sương lạnh, mưa khóc hoàng hoa.

一 夜 頂 風 堆 白 雪
三 年 淚 水 滴 紅 冰
Nhất dạ đỉnh phong đôi bạch tuyết;
Tam niên lệ thủy trích hồng băng.
Một tối gió về đùn tuyết trắng;
Ba năm nước mắt dỏ băng hồng.

九 原 有 淚 流 知 己
萬 户 同 聲 哭 善 人
Cửu nguyên hữu lệ lưu tri kỷ;
Vạn hộ đồng thanh khốc thiện nhân.
Khắp nơi đều khóc vì tri kỷ;
Muôn hộ cùng buồn bởi bạn lành.

廟 堂 日 月 經 桑 海
弓 劍 霜 懷 掛 沛 山
Miếu đường nhật nguyệt kinh tang hải;
Cung kiếm tương hoài Quải Bái Sơn.
Miếu đường ngày tháng bao thay đổi;
Cung kiếm anh hùng Quải Bái Sơn.
(Đền Thống Chinh, Nam Đàn, Nghệ An)

之 德 之 才 之 事 業
此 時 此 世 此 功 名
Chi đức chi tài chi sự nghiệp;
Thử thời thử thế thử công danh.

Đức ấy, tài ấy, sự nghiệp ấy;
Thời này, thế này, công danh này.
(Sĩ phu Nam Đàn chửi Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Cảnh Cự, tay sai cho thực dân Pháp)

建 設 杏 壇 依 舊 址
昌 明 教 化 起 新 潮
Kiến thiết hạnh đàn y cựu chỉ
Xương minh giáo hóa khởi tân trào.
Xây dựng hạnh đàn nguyên móng cũ;
Chấn hưng giáo dục nổi phong trào.
(Câu đối để gác chuông văn từ phủ Kiến Xương cũ)

天 理 在 人 心 瞻 仰 自 然 起 敬
吾 道 如 元 氣 周 流 渭 水 不 存
Thiên lý tại nhân tâm, chiêm ngưỡng tự nhiên khởi kính;
Ngô đạo như nguyên khí, chu lưu vị thủy bất tồn.
Lẽ phải ở lòng người, chiêm ngưỡng tự nhiên kính trọng;
Đạo nho như nguyên khí, chu lưu mãi mãi vẫn còn.
(Câu đối để cổng văn từ phủ Kiến Xương cũ)

貉 雄 數 千 載 迄 今 吾 道 南 矣
洙 泗 億 萬 年 以 後 聖 澤 留 兮
Lạc Hùng sổ thiên tải hất kim, ngô đạo Nam hĩ;
Thù Tứ ức vạn niên dĩ hậu, thánh trạch lưu hề.
Giống Lạc Hồng mấy nghìn năm tới nay, đạo nho truyền bá;
Sông Thù Tứ ức vạn năm về sau, ơn thánh thấm nhuần.
(Câu đối ở Văn từ phủ Kiến Xương cũ)

帝 德 如 天 屏 嶺 雲 間 瞻 日 近
臣 心 似 水 濂 江 月 色 印 秋 聲
Đế đức như thiên, Bình Lĩnh vân gian chiêm nhật cận;
Thần tâm tự thủy, Liêm Giang nguyệt sắc ấn thu thanh.
Đức vua như trời, mây núi Ngự Bình trời soi sáng;
Lòng tôi như nước, trăng sông Liêm Thủy vẻ thu trong.
(Câu đối để ở công đường phủ Kiến Xương cũ)

正 氣 凜 如 生 桂 嶺 石 碑 標 義 烈
芳 名 誰 不 朽 魚 峰 詩 集 表 情 忠
Chính khí lẫm như sinh, Quế Lĩnh thạch bi tiêu nghĩa liệt;
Phương danh thùy bất hủ, Ngư Phong thi tập biểu tình trung.

Chính khí như còn sống, bia Quế Sơn kia nêu nghĩa liệt;
Danh thơm lưu bất hủ, tập Ngư Phong nọ tỏ lòng trung.
(Câu đối từ đường Nguyễn Quang Bích)

赫赫然佐孟英書清焰樹越旗不朽奇功光史册
飄飄乎現身下士始花煙終浪泊長留正氣鎮山河

Hách hách nhiên tá manh anh thư, thanh Hán diệm, thụ Việt kỳ, bất hủ kỳ công quang sử sách;
Phiêu phiêu hồ hiện thân hạ sĩ, thủy Hoa Yên, chung Lãng Bạc, trường lưu chính khí trấn sơn hà.

Rạng rỡ thay phò tá bậc anh thư, đuổi giặc Hán, dựng cờ Nam, bất hủ công to ngời sử sách;
Phơi phới vậy hiện thân là hạ sĩ, trước Hoa Yên, sau Lãng Bạc, còn lưu chính khí với non sông.
(Câu đối đình đá xã An Bồi, Kiến Xương, Thái Bình thờ nữ tướng Hai Bà Trưng)

殲仇志氣與徵朝相始終喝渚金田留異蹟
報國精神爲越民所崇拜故鄉石廟尚餘靈

Tiêm cừu chí khí dữ Trưng triều tương thủy chung, Hát Chử, Kim Điền lưu dị tích;
Báo quốc tinh thần vi Việt dân sở sùng bái, cố hương thạch miếu thượng dư linh.

Ý chí diệt thù, cùng Bà Trưng sóng hàng, Hát Chử Kim Điền còn dấu tích
Tinh thần cứu nước, được dân Việt sùng bái, quê hương đình đá hãy linh thiêng.
(Đình đá, An Bồi, Kiến Xương)

許女主以伏仇君臣父子一親長使金田留竹帛
睹南天者思德城郭人民千古不皆銅柱變桑蒼

Hứa nữ chủ dĩ phục cừu, quân thần phụ tử nhất thân, trường sử Kim Điền lưu trúc bạch;
Đổ Nam thiên giả tư đức, thành quách nhân dân thiên cổ, bất giai đồng trụ biến tang thương.

Giúp vua nữ để báo thù, vua tôi cha con một nhà, còn mãi Kim Điền lưu sách vở;
Thấy trời Nam còn nhớ đức, thành quách nhân dân muôn thuở, chẳng cùng đồng trụ biến tang thương.
(Đình đá, An Bồi, Kiến Xương)

蓬 蓽 之 漏 瓦 屋 警 遷 何 憂 雨 濕
興 城 雖 失 戰 區 廣 設 不 患 敗 忘

Bồng tất chi lậu, ngõa ốc cảnh thiên, hà ưu vũ thấp;
Hưng thành tuy thất, chiến khu quảng thiết, bất hoạn bại vong.

Mái rạ dột rồi, đình ngói dọn lên, lo gì mà ướt;
Thành Hưng dẫu mất, chiến khu mở rộng, chẳng sợ bại vong.

(Câu đối tại Đèo Ách. Vế 1 do Nguyễn Quang Bích đọc, vế 2 do Trần Ngọc Dư đối)

三 尺 身 存 國 辱 不 消 未 即
寸 心 常 在 師 酬 未 報 不 休

Tam xích thân tồn, quốc nhục bất tiêu vị tức;
Thốn tâm thường tại, sư thù vị báo bất hưu.

Ba thước thân còn, nhục nước chưa tan, chưa nghỉ;
Một trái tim đập, thù thầy chưa trả, chẳng thôi.

(Đốc Nhường gửi Lãnh Hoan trong phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX)

生 以 除 國 難 吾 決 謀 生
死 而 報 師 酬 我 無 畏 死

Sinh dĩ trừ quốc nạn, ngô quyết mưu sinh;
Tử nhi báo sư thù, ngã vô úy tử.

Sinh để trừ nạn cho nước, tôi quyết mưu sinh;
Tử mà trả thù cho thầy, ta không sợ tử.

(Lãnh Hoan gửi cho Đốc Nhường. Hai thủ lĩnh yêu nước chống Pháp nói trên)

九 邑 九 屯 梁 賊 破
四 男 四 將 李 神 尊

Cửu ấp cửu đồn Lương tặc phá;
Tứ nam tứ tướng Lý thần tôn.

Chín ấp chín đồn Lương tặc phá;
Bốn con bốn tướng Lý thần tôn.

(Đền Chàng xã Đông Thọ, Đông Hưng, Thái Bình thờ năm cha con ông Lê Ngọ là những tướng lĩnh chống quân Lương ở thế kỷ VI)

一 統 山 河 南 越 帝 都 南 越 甸
萬 春 廟 社 太 平 天 子 太 平 安

Nhất thống sơn hà, Nam Việt đế đô Nam Việt điện;
Vạn Xuân miếu xã, thái bình thiên tử thái bình an.

Thống nhất sơn hà, Nam Việt đế đô, Nam Việt vững;
Vạn Xuân đền miếu, Thái Bình thiên tử, thái bình yên.

(Đền Chàng xã Đông Thọ ca ngợi nhà Tiền Lý)

七 年 戎 劍 驚 天 北
萬 壽 宮 庭 屹 海 南
Nhất niên nhung kiếm kinh thiên Bắc;
Vạn thọ cung đình ngật hải Nam.
Bảy năm đao kiếm vang trời Bắc;
Vạn thọ cung đình ngất biển Nam.
(Đền Chàng xã Đông Thọ)

大 義 所 當 爲 殺 賊 丹 心 光 日 月
漆 髀 猶 未 雪 捐 生 浩 氣 壯 山 河
Đại nghĩa sở đương vi, sát tặc đan tâm quang nhật nguyệt;
Thâm thù do vị tuyết, quyên sinh hạo khí tráng sơn hà.
Nghĩa lớn đã đương làm, giết giặc lòng son ngời nhật nguyệt;
Thù sâu còn chưa trả, quên sinh chính khí rạng non sông.
(Ngô Quang Đoan viếng Nguyễn Thái Học)

壹 方 民 社 恩 留 溥
百 世 明 堂 俎 豆 香
Nhất phương dân xã ân lưu phổ;
Bách thế minh đường trở đậu hương.
Dân xã một vùng ơn lưu khắp;
Từ đường trăm thuở vật phẩm thơm.
(Từ đường thủy tổ họ Hồ, Huế)

帝 德 巍 峨 高 北 闕
神 靈 顯 赫 照 南 天
Đế đức nguy nga cao Bắc khuyết;
Thần linh hiển hách chiếu Nam thiên.
Đế đức nguy nga cao lầu Bắc;
Thần linh rực rỡ chiếu trời Nam.
(Từ đường thủy tổ họ Hồ)

九 陛 恩 波 桃 李 門 中 均 潤 澤
五 陵 春 色 杉 松 山 上 倍 光 輝
Cửu bệ ân ba, đào lý môn trung quân nhuận trạch;
Ngũ lăng xuân sắc, sam tùng sơn thượng bội quang huy.
Đào lý trong sân đều thấm nhuầm sóng ơn cửu bệ;
Sam tùng trên núi thẩy sáng ngời xuân sắc ngũ lăng.
(Đền Mỹ Hóa Công)

浦邑屬源初萬本祐降特命
銀河資灌溉一枝香色異群英
Phố ấp thuộc nguyên sơ, vạn bản hưu phường giáng đặc mệnh;
Ngân hà tư quán khái, nhất chi hương sắc dị quần anh.
Bến ấp thuộc đầu nguồn, muôn gốc tế thần trao mệnh lớn;
Sông Ngân nhờ tưới tắm, một cành hương sắc khác trăm hoa.
(Đền Mỹ Hóa Công)

沁水新開湯沐邑
玉鞭平興賣書人
Thấm thủy tân khai thang mộc ấp;
Ngọc tiên bình hứng mại thư nhân.
Thấm thủy mới khai vùng thang mộc;
Ngọc tiên bình hứng khách thi thư.
(Đền Mỹ Hóa Công)

雨露渥金枝楷嶺風雲連坦步
肅雍申帝命柳營蓂艸共芬輝
Vũ lộ ốc kim chi, cốc lĩnh phong vân liên thảm bộ;
Túc ung thân đế mệnh, liễu doanh hành thảo cộng phân huy.
Ân trạch thấm cành vàng, núi níu gió mây liền dạo bước;
Kính hòa vâng đế mệnh, doanh đồn cây cỏ cùng sáng thơm.
(Đền Mỹ Hóa Công)

神格思洋洋如在
德盛矣蕩蕩難名
Thần cách tư, dương dương như tại;
Đức thịnh hỹ, đãng đãng nan danh.
Thần đến với ta, mênh mông như ở cạnh;
Đức thịnh thay, bát ngát khó gọi tên.
(Đình xã Cựu Xuân Dương)

高明配天厚配地
至誠通聖藥通神
Cao minh phối thiên, hậu phối;
Chí thành thông thánh, dược thông thần.
Trí cao minh sánh với trời, lòng nhân hậu sánh với đất;
Nết chí thành thông tới thánh, tài thuốc thang thông với thần.
(Đền thờ đức thánh Trần)

捉 縛 瘟 煌 消 五 氣
驅 除 龍 犯 滅 千 精
Tróc phọc ôn hoàng tiêu ngũ khí;
Khu trừ long phạm diệt thiên tinh.
Trói bắt ôn hoàng tiêu ngũ khí;
Khu trừ bùa yểm, diệt ngàn binh.
(Đền thờ đức thánh Trần)

中 興 凜 烈 存 南 史
上 等 威 靈 貫 北 圻
Trung hưng lẫm liệt tồn Nam sử;
Thượng đẳng uy linh quán Bắc Kỳ.
Trung hưng lẫm liệt lưu Nam sử;
Thượng đẳng oai linh suốt Bắc Kỳ.
(Đền thờ đức thánh Trần)

柱 賴 以 尊 千 載 功 勳 偉 大
燈 高 遠 烙 億 年 廟 貌 輝 煌
Trụ lại dĩ tôn, thiên tải công huân vĩ đại;
Đăng cao viễn lạc, ức niên miếu mạo huy hoàng.
Cột vững tôn vinh, nghìn thuở công huân vĩ đại;
Đèn cao chói lọi, muôn năm miếu mạo huy hoàng.
(Đền thờ đức thánh Trần)

王 將 兼 全 討 賊 除 凶 名 垂 宇 宙
聖 神 永 顯 庇 民 護 國 威 振 山 河
Vương tướng kiêm toàn, thảo tặc trừ hung, danh thùy vũ trụ;
Thánh thần vĩnh hiển, tí dân hộ quốc, uy chấn sơn hà.
Vương tướng kiêm toàn, đánh giặc trừ hung, danh trùm vũ trụ;
Thánh thần mãi hiển, cứu dân giúp nước, oai chấn sơn hà.
(Đền thờ đức thánh Trần)

功 在 陳 朝 名 在 史
福 留 仙 錄 德 留 民
Công tại Trần triều, danh tại sử;
Phúc lưu tiên lục, đức lưu dân.
Công ở triều Trần, danh ở sử;
Phúc lưu tiên sách, đức lưu dân.
(Đền thờ đức thánh Trần)

聖王功蓋南邦劫泊千秋龍朝虎伏
神將威除北寇香江萬古浪靜波平

Thánh vương công cái Nam bang, Kiếp Bạc thiên thu long triều hổ phục;
Thần tướng uy trừ Bắc khấu, Hương Giang vạn cổ lãng tĩnh ba bình.

Thánh vương công phủ trời Nam, Kiếp Bạc nghìn thu rồng chầu hổ phục;
Thần tướng oai trừ giặc Bắc, Hương Giang vạn thuở sóng lặng bể yên.

(Đền thờ đức thánh Trần)

南天秀氣才無比
北地威靈哲莫當

Nam thiên tú khí tài vô tỉ;
Bắc địa uy linh triết mạc đương.

Tú khí trời Nam tài ai sánh?
Uy linh đất Bắc, trí nào đương?

(Đền thờ đức thánh Trần)

金銀挺出南邦巍峨顯聖
寶劍討除北寇赫赫精神

Kim ngân đĩnh xuất Nam bang, nguy nguy hiển thánh;
Bảo kiếm thảo trừ Bắc khấu, hách hách tinh thần.

Bạc vàng vượt trội trời Nam, cao vời hiển thánh;
Kiếm báu tiễu trừ giặc Bắc, lừng lẫy tinh thần.

(Đền thờ đức thánh Trần)

青册留芳四字琨璜蒙帝簡
白頭宇節一心金百對天知

Thanh sách lưu phương, tứ tự côn hoàng mông đế giản;
Bạch đầu vũ tiết, nhất tâm kim thạch đối thiên tri.

Thanh sử lưu hương, bốn chữ ngọc ngà ơn vua chép;
Bạch đầu khí tiết, một lòng vàng đá thấu trời cao.

(Đền thờ đức thánh Trần)

儼若思孝孫有慶
祭如在明德維馨

Nghiễm nhược tư, hiếu tôn hữu khánh;
Tế như tại, minh đức duy hinh.

Nghiêm như nghĩ, cháu hiền thì phúc;
Tế tựa còn, đức sáng sẽ thơm.

(Đền thờ đức thánh Trần)

春 風 得 意 花 千 里
秋 月 揚 輝 桂 一 枝
Xuân phong đắc ý hoa thiên lý;
Thu nguyệt dương huy, quế nhất chi.
Xuân phong được ý, hoa nghìn dặm;
Thu nguyệt sáng soi, quế một cành.
(Đền thờ đức thánh Trần)

死 如 生 亡 如 存 陰 陽 無 別 憾
春 以 祀 秋 以 嘗 魂 魄 有 所 歸
Tử như sinh, vong như tồn, âm dương vô biệt hám;
Xuân dĩ tự, thu dĩ thường, hồn phách hữu sở qui.
Chết như sống, mất như còn, âm dương không hề trách;
Xuân để tế, thu để thờ, hồn phách có chốn về.
(Đền thờ đức thánh Trần)

聖 域 胥 陶 賢 其 賢 親 其 親 樂 樂 利 利
佛 堂 歸 杖 老 乃 老 幼 乃 幼 喜 喜 歡 歡
Thánh vực tư đào, hiền kỳ hiền, thân kỳ thân, lạc lạc lợi lợi;
Phật đường qui trượng, lão nãi lão, ấu nãi ấu, hỷ hỷ hoan hoan.
Thánh vực luyện rèn, hiền với bậc hiền, thân với bậc thân,
lạc lạc lợi lợi;
Phật đường qui về tuổi, lão cùng hàng lão, trẻ cùng hàng trẻ,
hỉ hỉ hoan hoan.
(Đền thờ đức thánh Trần)

樹 色 泉 聲 南 宮 北 苑
墨 緣 書 味 東 壁 西 園
Thụ sắc truyền thanh, Nam cung Bắc uyển;
Mặc duyên thư vị, Đông bích Tây viên.
Vui sắc cây tiếng suối nơi Nam cung Bắc uyển;
Thú duyên mực mùi thư chốn Đông bích Tây viên.
(Đền thờ đức thánh Trần)

四 大 海 滄 清 九 品 咸 登 彼 岸
五 帶 山 宛 轉 十 方 惟 到 菩 提
Tứ đại hải thương thanh, cửu phẩm hàm đăng bỉ ngạn;
Ngũ đới sơn uyển chuyển, thập phương duy đáo bồ đề.
Bốn bể biển trong xanh, chín cấp đều lên bỉ ngạn;
Năm dãy non uyển chuyển, mười phương chỉ đến bồ đề.
(Đền thờ đức thánh Trần)

四 德 兼 優 好 作 銀 潢 中 女 烈
一 心 自 宇 榮 爵 閨 榜 上 皇 恩

Tứ đức kiêm ưu, hảo tác ngân hoàng trung nữ liệt;
Nhất tâm tự thủ, vinh tước khuê bảng thượng hoàng ân.

Bốn đức đều hay, khéo gây nghiệp nữ nơi ao báu;
Một lòng tự giữ, vẻ vang ơn đế chốn khuê môn.

(Đền thờ đức thánh Trần)

聖 澤 汪 涵 眾 生 一 切 吉 祥 也
佛 門 廣 大 但 願 十 方 良 善 哉.

Thánh trạch uông hàm, chúng sinh nhất thiết cát tường dã;
Phật môn quảng đại, đãn nguyện thập phương lương thiện tai.

Ơn thánh chứa sâu, tất cả chúng sinh điềm lành vậy;
Cửa thiền rộng lớn, mười phương chỉ nguyện việc tốt thay!

(Đền thờ đức thánh Trần)

扶 國 救 民 偉 跡 芳 名 垂 宇 宙
除 侵 去 賊 功 高 德 大 振 山 河

Phù quốc cứu dân, vĩ tích phương danh thùy vũ trụ;
Trừ xâm khử tặc, công lao đức đại chấn sơn hà.

Giúp nước cứu dân, dấu lớn tiếng thơm trùm vũ trụ;
Trừ xâm khử tặc, công cao đức lớn chấn sơn hà.

(Đền thờ đức thánh Trần)

細 草 長 松 同 露 法 雨
黃 花 翠 竹 共 蔭 慈 雲

Tế thảo, trường tùng đồng chiêm pháp vũ;
Hoàng hoa, thúy trúc cộng ấm từ vân.

Cỏ nhỏ, tùng cao thấm nhuần Phật pháp;
Hoa vàng, trúc biếc che rợp Thiền từ.

(Đền thờ đức thánh Trần)

得 天 地 枝 英 孝 忠 兩
稟 江 山 枝 秀 文 武 全

Đắc thiên địa chi anh, hiếu trung lưỡng;
Bẩm giang sơn chi tú, văn vũ toàn.

Trung hiếu cả hai, anh khí tỏa cùng trời đất;
Vũ văn toàn vẹn, tú linh hòa với núi sông.

(Đền thờ đức thánh Trần)

佛 法 相 因 翠 柳 拂 開 金 世 界
聖 功 參 贊 紅 蓮 湧 出 玉 樓 臺

Phật pháp tương nhân, thúy liễu phất khai kim thế giới;
Thánh công tham tán, hồng liên dũng xuất ngọc lâu đài.

Phật pháp vì nhau, liễu biếc mở ra vàng thế giới.
Thánh công tham dự, sen hồng nẩy vọt ngọc lâu đài.

(Đền thờ đức thánh Trần)

同 類 相 憐 死 也 如 歸 生 也 寄
惟 誠 是 格 求 枝 必 應 感 之 通

Đồng loại tương lân, tử dã như qui, sinh dã ký;
Duy thành thị cách, cầu chi tất ứng, cảm chi thông.

Đồng loại thương nhau, chết cũng như về, sống như gửi;
Lòng thành động thấu, cầu là hẳn ứng, cảm hẳn thông.

(Đền thờ đức thánh Trần)

赫 聲 濯 靈 在 其 上 在 其 左 右
陰 扶 默 相 保 我 民 保 我 子 孫

Hách thanh trạc linh, tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu;
Âm phù mặc tướng, bảo ngã dân, bảo ngã tử tôn.

Lừng tiếng linh thiêng, ở từ trên, ở từ phải trái;
Âm thầm giúp đỡ, gìn giữ dân, gìn giữ cháu con.

(Đền thờ đức thánh Trần)

得 天 地 之 精 英 洋 洋 乎 在 上
含 山 川 之 秀 麗 濯 濯 矣 厥 靈

Đắc thiên địa chi tinh anh, dương dương hồ tại thượng;
Hàm sơn xuyên chi tú lệ, trạc trạc hĩ quyết linh.

Tràn ngập khắp ở trên, bao khí tinh anh trời đất;
Sáng ngời nơi linh địa, chung bầu tú lệ núi sông.

(Đền thờ đức thánh Trần)

日 裏 樓 頭 詩 可 辯
夜 間 庭 際 字 能 評

Nhật lý lâu đầu thi khả biện;
Dạ gian đình tế tự năng bình.

Ngày mải lầu cao thơ tranh biện;
Đêm về sân họp chữ phẩm bình.

(Đền Thụy Thái Vương)

振 振 艷 說 麟 之 趾
挺 挺 榮 看 竹 有 筠

Chân chân diễm thuyết lân chi chỉ;
Đĩnh đĩnh vinh khan trúc hữu quân.

Vẻ nhân hậu nói chân con lân;
Dáng ngay thẳng nhìn tre lẫn trúc.

(Đền Thụy Thái Vương)

若 木 分 光 桐 葉 圭 猶 傳 帝 子
皇 枝 籍 慶 梅 花 粧 幸 前 天 孫

Nhược mộc phân quang, đồng diệp khuê do truyền đế tử;
Hoàng chi tạ khánh, mai hoa trang hạnh liệt thiên tôn.

Cây nhược chia nắng, lá ngô ngộc còn truyền đế tử;
Cành vua nhờ phúc, hoa mai may điểm hàng thiền tôn.

(Đền Thụy Thái Vương)

藩 印 祥 開 堂 隸 有 花 皆 昔 樹
仙 源 慶 衍 沁 圍 一 水 是 從 波

Phiên ấn tường khai, đường lệ hữu hoa giai tích thụ;
Tiên nguyên khánh diễn, Thấm viên nhất thủy thị tòng ba.

Ấn sách phúc khai, đường lệ trổ hoa, cây thuở trước;
Nguồn tiên mừng khắp, Thấm viên dòng nước, sóng dồn theo.

(Đền Thụy Thái Vương)

籠 樹 燈 升 瑞 盎 東 藩 桐 削 葉
重 根 式 固 芬 流 兌 野 隸 穠 花

Sủng thụ đăng thăng, thụy áng đông phiên đồng tước diệp;
Linh căn thức cố, phân lưu đoài dã lệ nùng hoa.

Cây mến trèo lên, chậu ngọc dậu Đông, ngô đồng bóc lá;
Gốc thiêng phép vững, dòng thơm đồng Tây, đường đệ nồng hoa.

(Đền Thụy Thái Vương)

福 罪 本 由 心 寂 寂 回 光 近 照
成 功 唯 向 佛 惺 惺 正 念 分 明

Phúc tội bản do tâm, tịch tịch hồi quang cận chiếu;
Thành công duy hướng Phật, tinh tinh chính niệm phân minh.

Phúc tội vốn do tâm, lặng lẽ hồi quang chiếu rọi;
Thành công chỉ theo Phật, tỏ tường chính niệm rõ ràng.

(Chùa Phúc Thành)

前向香江壹帶澄清來活水
後面峰山三台靉靆ㄚ祥雲

Tiền hướng Hương Giang nhất đới, trừng thanh lai hoạt thủy;
Hậu diện Phong Sơn tam đài, ái đại đổ tường vân.

Hướng trước Hương Giang một dải, trong xanh vòng nước chảy;
Mặt sau Phong Sơn ba đài, lãng đãng thấy mây lành.

(Đình Phú Cát)

表柱擎天水直江津英鍾文物地
城都接路山頭海岸鼓舞泰平天

Biểu trụ kình thiên, thủy trực giang tân anh chung văn vật địa;
Thành đô tiếp lộ, sơn đầu hải ngạn cổ vũ thái bình thiên.

Cột trụ chống trời, nước thẳng bến sông, đắp vun đất văn vật;
Thành đô tiếp lối, đầu non bờ biển, cổ vũ trời bình yên.

(Đình Phú Cát)

聖德匡扶億載當強人安物阜
神恩保裕千秋吉慶國泰家康

Thánh đức khuông phù, ức tải phú cường nhân an vật phụ;
Thần ân bảo dụ, thiên thu cát khánh quốc thái gia khang.

Thánh đức chở che, muôn thuở mạnh giàu dân an vật thịnh;
Ơn thần bù đậy, ngàn thu phúc tốt, nước thái nhà vui.

(Đình Phú Cát)

廟貌巍峨屏嶺拱朝物華天寶
神基鞏固香江環抱人傑地靈

Miếu mạo nguy nga, Bình Lĩnh củng triều vật hoa thiên bảo;
Thần cơ củng cố, Hương Giang hoàn bão nhân kiệt địa linh.

Miếu mạo nguy nga, núi Ngự chầu về vật hoa thiên bảo;
Đền đài củng cố, sông Hương vòng lại nhân kiệt linh.

(Đình Phú Cát)

大杖夫明明白白
三兄弟古古今今

Đại trượng phu minh minh bạch bạch;
Tam huynh đệ cổ cổ kim kim.

Bậc đại trượng phu phẩm hạnh rõ ràng trong sạch;
Ba người kết nghĩa gương soi thấu suốt xưa nay.

(Chùa Quan Thánh)

佛 前 恭 祝 三 香 篆
世 上 全 憑 一 點 心
Phật tiền cung chúc tam hương triện;
Thế thượng toàn bằng nhất điểm tâm.
Trước Phật cung chúc ba vòng hương khói;
Trên trần dựa trọn một tấm lòng trung.
(Chùa Long Phước)

威 福 門 來 聞 戒 虎
莊 嚴 殿 講 聽 經 龍
Uy phước môn, lai văn giới hổ;
Trang nghiêm điện, giảng thính kinh long.
Cửa uy phước, đến nghe răn hổ;
Điện trang nghiêm, dạy bảo trị rồng.
(Chùa Long Phước)

落 花 祉 憑 風 伯 掃
飛 塵 時 借 雨 師 清
Lạc hoa chỉ bằng phong bá tảo;
Phi trần thời tá vũ sư thanh.
Hoa rụng những nhờ bác gió quét;
Bụi bay thường mượn thầy mưa thau.
(Chùa Thuận Hóa)

忠 義 匡 君 正 氣 天 之 上 之 下
慈 悲 救 世 靈 聲 海 以 北 以 南
Trung nghĩa khuông quân, chính khí thiên chi thượng chi hạ;
Từ bi cứu thế, linh thanh hải dĩ Bắc dĩ Nam.
Trung nghĩa giúp vua, chính khí trời ban trùm thượng hạ;
Từ bi cứu thế, tiếng thiêng biển phát khắp Bắc Nam.
(Chùa Thuận Hóa)

直 將 忠 義 師 千 古
無 論 英 雄 蔽 萬 人
Trực tương trung nghĩa sư thiên cổ;
Vô luận anh hùng tế vạn nhân.
Nguyện đem trung nghĩa nêu thiên cổ.
Chẳng luận anh hùng khuất vạn nhân.
(Chùa Thuận Hóa)

價 重 同 門 使 府 星 輝 袍 帶 耀
恩 封 一 代 卿 階 月 炤 壤 泉 光

Giá trọng đồng môn, sứ phủ tinh huy bào đới diệu;
Ân phong nhất đại, khanh giai nguyệt chiếu nhưỡng tuyền quang.

Quý trọng đồng môn, phủ sứ sao soi áo đai lấp lánh;
Ơn phong một thuở, thềm khanh trăng chiếu bờ suối long lanh.

(Chùa Thuận Hóa)

黃 門 九 擅 文 章 價
馬 舅 常 陳 德 正 書
(龍 飛 癸 巳 春)

Hoàng môn cửu thiện văn chương giá;
Mã cữu thường trần đức chính thư.
(Long phi Quý Tỵ xuân)

Hoàng môn giữ mãi văn chương đẹp;
Mã cữu thường phô đức chính hay.

(Long phi, mùa xuân năm Quý Tỵ – 1893)
(Đền thờ Nghi Quốc Công)

先 相 公 順 慶 兼 撫 雙 城 常 爰 膏 車 存 偉 躅
今 賢 弟 禾 多 有 此 民 土 焰 山 滄 水 認 前 程
(成 泰 丑 夏)

Tiên tướng công Thuận Khánh kiêm phủ song thành, thường viên cao xa tồn vĩ trục;
Kim hiền đệ Hòa Đa hữu thử dân thổ, diệm sơn thương thủy nhận tiền trình.
(Thành Thái, Tân Sửu hạ)

Xưa tướng công Thuận Khánh trị nhậm hai thành, ân huệ khoan hòa lưu dấu lớn;
Nay hiền đệ Hòa Đa cai quản dân thổ, nước trong núi sáng trước mặt phô.

(Mùa hạ năm Tân Sửu niên hiệu Thành Thái, 1901) (Đền thờ Nghi Quốc Công)

持 其 志 無 暴 其 氣
敏 於 事 而 愼 於 言

Trì kỳ chí vô bộc kỳ khí;
Mẫn ư sự nhi thận ư ngôn.

Giữ chí ấy, không phô bày khí ấy;
Nhanh ở việc mà cẩn trọng ở lời.

(Đền thờ Nghi Quốc Công)

阮 福 功 名 盛
建 祥 當 貴 興
Nguyễn Phúc công danh thịnh;
Kiến Tường phú quý hưng.
Họ Nguyễn Phúc công danh thịnh đạt;
Phủ Kiến Tường phú quý chấn hưng.
(Công phủ Kiến Tường)

明 鏡 非 臺 炤 見 本 來 面 目
菩 提 無 樹 常 開 不 謝 心 花
Minh kính phi đài, chiếu kiến bản lai diện mục;
Bồ đề vô thụ, thường khai bất tạ tâm hoa.
Gương sáng chẳng kỳ đài, chiếu thấy nguyên lai tướng mạo;
Bồ đề không cổ thụ, thường khai chẳng héo hoa lòng.
(Chùa Phúc Tuệ)

郡 爵 紹 家 風 曰 貴 曰 壽
正 卿 榮 帝 命 完 福 完 名
Quận tước thiệu gia phong, viết quý, viết thọ;
Chính khạnh vinh đế mệnh, hoàn phúc, hoàn danh.
Tước Quận công nối tiếp gia phong, thế là quí, thế là thọ;
Hàng khanh tướng hiển vinh đế mệnh, thật đủ phúc, thật đủ danh.
(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

近 者 悅 遠 者 來
入 則 孝 出 則 悌
Cận giả duyệt, viễn giả lai;
Nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ.
Người gần thì vui, người xa thì lại;
Ở nhà thì hiếu, ra ngoài thì đễ.
(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

本 其 仁 心 行 其 仁 術
不 爲 良 相 則 爲 良 醫
Bản kỳ nhân tâm, hành kỳ nhân thuật;
Bất vi lương tướng, tắc vi lương y.
Gốc ở nhân tâm, làm ở nhân thuật;
Chẳng thành lương tướng, thì thành lương y.
(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

地 遺 來 左 對 屏 山 鍾 秀 氣
天 作 合 前 迎 香 水 演 文 瀾

Địa di lai, tả đối Bình sơn chung tú khí;
Thiên tác hợp, tiền nghênh Hương thủy diễn văn lan.

Đất để lại, phía trái núi Ngự đúc thành khí tốt;
Trời làm nên, mặt tiền sông Hương dăng rộng sóng văn.

(Đền Chu Môn)

樂 地 祠 堂 今 再 廠
尚 書 世 裔 昔 由 傳

Lạc địa từ đường kim tái xưởng;
Thượng thư thế duệ tích do truyền.

Phú Lạc từ đường nay mở rộng;
Thượng thư dòng dõi cũ vẫn truyền.

(Từ đường thờ Nguyễn Bảo ở xã Phú Xuân, Thái Bình)

文 名 宦 業 黎 朝 史
善 址 仁 基 阮 氏 祠

Văn danh hoạn nghiệp Lê triều sử;
Thiện chỉ nhân cơ Nguyễn thị từ.

Văn chương sự nghiệp vang Lê sử;
Đức thiện nền nhân tiếng Nguyễn đường.

(Từ đường thờ Nguyễn Bảo ở xã Phú Xuân, Thái Bình)

進 士 祖 黃 甲 孫 入 格 文 章 家 四 世
渭 川 前 安 堵 後 朝 庭 詩 禮 國 三 元

Tiến sĩ tổ, hoàng giáp tôn, nhập cách văn chương gia tứ thế;
Vị Xuyên tiền, Yên Đổ hậu, triều đình thi lễ quốc tam nguyên.

Nhà, tứ thế văn chương nổi tiếng, tiến sĩ ông, hoàng giáp cháu;
Nước, tam nguyên thi lễ lừng danh, Vị Xuyên trước, Yên Đổ sau.

(Tam nguyên Vị Xuyên Trần Bích San mừng Tam nguyên Yên Đổ vinh quy bái tổ)

長 長 長 長 長 長 長
長 長 長 長 長 長 長

Trưởng trưởng trường trường trường trưởng trưởng;
Trường trường trưởng trưởng trưởng trường trường.

Lớn lớn dài dài dài lớn lớn;
Dài dài lớn lớn lớn dài dài.

(Nguyễn Khuyến làm câu đối cho một anh nông dân dán chuồng lợn)

兄 南 弟 北 威 名 振
子 孝 臣 忠 節 義 高
Huynh Nam đệ Bắc uy danh chấn;
Tử hiếu, thần trung tiết nghĩa cao.
Anh trấn trong Nam, em trấn ngoài Bắc, uy danh lừng lẫy;
Con tròn đạo hiếu, tôi vẹn lòng trung, tiết nghĩa nêu cao.
(Anh em Lê Văn Duyệt, Lê Văn Phong thờ ở từ đường họ Lê, làng Bồ Đề tỉnh Quảng Ngãi)

拒 莫 扶 黎 功 在 皇 家 名 在 史
光 前 裕 後 生 爲 良 將 死 爲 神
Cự Mạc phò Lê, công tại hoàng gia danh tại sử;
Quang tiền dụ hậu, sinh vi lương tướng tử vi thần.
Chống Mạc phò Lê, công tại triều đình, tên tại sử;
Phúc sau sáng trước, sống làm tướng giỏi, chết làm thần.
(Phủ thờ họ Đặng ở Lương Xá, Hà Tây)

槐 門 舊 蔭 豐 根 本
芝 誥 新 恩 貴 壤 泉
Hòe môn cựu ấm phong căn bản;
Chi cáo tân ân quý nhưỡng tuyền.
Cửa hòe tươi tốt nhờ gốc cũ;
Ân mới vua phong rạng cửu tuyền.
(Từ đường thờ cử nhân Vũ Đường, thôn Thượng Hòa, xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, Thái Bình)

君 臣 論 列 一 篇 嘉 模 意 範
聲 績 秉 彪 千 古 牝 直 孤 忠
Thiên thần luận liệt nhất thiên, gia mô ý phạm;
Thanh tích bỉnh bưu thiên cổ, tẫn trực cô trung.
Quân thần luận một thiên, khuôn mẫu đẹp phép tắc;
Tiếng thơm vang muôn thuở, lòng chính trực trung thành.
(Từ đường thờ Nguyễn Hy Quang, làng Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

四 海 名 人 題 古 寺
一 山 風 物 媚 禪 深
Tứ hải danh nhân đề cổ tự;
Nhất sơn phong vật mị thiền thâm.
Bốn bể danh nhân đề thơ chùa cổ;
Một vùng cảnh vật đẹp chốn cửa thiền.
(Cổng chùa Từ Hiếu ở cố đô Huế)

慈孝表徽稱人心世道有關梵宇鐘聲宣大覺
楊春多美景古刹名藍所在如來慧日照中天

Từ Hiếu biểu huy xưng, nhân tâm thế đạo, hữu quan Phạn Vũ chung thanh tuyên đại giác;
Dương Xuân đa mỹ cảnh, cổ sái danh lam, sở tại Như Lai tuệ nhật chiếu trung thiên.

Từ Hiếu nổi danh thơm, lòng người đạo đời đều hợp, tiếng chuông ngân làm giấc mơ chợt tỉnh;
Dương Xuân nhiều cảnh đẹp, tạo chùa cổ chốn danh lam, trí tuệ Như Lai bừng sáng khắp nơi.

(Chùa Từ Hiếu, cố đô Huế)

日照月臨招景象
乾開坤闔妙玄機

Nhật chiếu nguyệt lâm chiêu cảnh tượng;
Kiền khai khôn hạp diệu huyền cơ.

Nhật chiếu nguyệt soi cảnh tượng rực rỡ;
Càn khôn đóng mở, máy thật diệu huyền.

(Đền Bách Linh, Dự Xá Thượng, Hà Tây)

人保當爲天下惜
官情能動九重憐

Nhân bảo đương vi thiên hạ tích;
Hoạn tình năng động cửu trùng liên.

Người mất đi thiên hạ đều tiếc nuối;
Làm quan thanh bạch trời cũng xót thương.

(Bảng nhãn Phạm Thanh viếng Bảng nhãn Vũ Duy Thanh)

勝地栽培連福果
德門自暗發櫻桃

Thắng địa tài bồi liên phúc quả;
Đức môn tự ám phát anh đào.

Đất đẹp vun trồng nên quả phúc;
Đức cao tự lắng nẩy anh đào.

(Đình Danh Thượng, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

慈風浩浩祥雲繞
法雨飛飛瑞氣濃

Từ phong hạo hạo tường vân nhiễu;
Pháp vũ phi phi thụy khí nồng.

Gió từ mênh mang mây lành quấn quýt;
Mưa pháp ngào ngạt khí đẹp bao quanh.
(Chùa Danh Thượng, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

德道救民昭靈顯列揚安義
功多讓國歷朝封曾表精忠
Đức đạo cứu dân, chiêu linh hiển liệt dương an nghĩa;
Công đa hộ quốc, lịch triều phong tặng biểu tinh trung.
Đạo đức cứu dân, rờ rỡ linh thiêng nêu gương an nghĩa;
Công nhiều giữ nước, các triều phong tặng tỏ rõ tính trung.
(Đình thôn Thống Nhất, Trung Phú, Bắc Giang)

一水前開明善地
象山還抱翠珠基
Nhất thủy tiền khai minh thiện địa;
Chúng sơn hoàn bão thúy châu cơ.
Một dòng mở trước đền, rõ ràng đất thiện;
Cả dãy núi vây bọc, xanh biếc nền châu.
(Đền thờ Trần Hưng Đạo, thôn Đồng Tiến, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

千載上是加非誰能辨之龜爪弩機傳外史
五倫定夫與父果孰親也蚌蠔井水獨深情
Thiên tải thượng, thị da phi, thùy năng biện chi?
Qui trảo nỗ cơ truyền ngoại sử;
Ngũ luân định, phu dữ phụ, quả thục thân dã?
Bạng trai tỉnh thủy độc thâm tình.
Ngàn năm trải, đúng và sai, người nào dám chắc? Móng rùa,
nỏ thần ghi ngoại sử;
Ngũ luân định, cha với chồng, ai thân hơn ai? Ngọc trai
giếng nước thấy tình thâm.
(Đền thờ Mỵ Châu ở Cổ Loa, Hà Nội)

刻石立天臺萬代仰瞻不朽
焚香求帝闕億家壽演無疆
Khắc thạch lập thiên đài, vạn đại ngưỡng chiêm bất hủ;
Phần hương cầu đế khuyết, ức gia thọ diễn vô cương.
Tạc đá dựng đài hương, muôn thuở phụng thờ không mất;
Dâng hương cầu đế miếu, vạn nhà trường thọ vô cương.
(Cột hương đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa, Hà Nội)

感必應求必通香篆不離三尺地
福以來災以去心誠願格九重天

Cảm tất ứng, cầu tất thông, hương triện bất ly tam xích địa;
Phúc dĩ lai, tai dĩ khứ, tâm thành nguyện cách cửu trùng thiên.
Cảm tất ứng, cầu tất thông, hương thơm chẳng rời ba thước đất;
Phúc đã đến, tai đã qua, lòng thành quả thấy chín tầng trời.
(Cột hương đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa, Hà Nội)

護國出家八代天皇光李葉
眞身報佛千秋地脈養蓮花

Hộ quốc xuất gia, bát đại thiên hoàng quang lý diệp;
Chân thân báo Phật, thiên thu địa mạch dưỡng liên hoa.
Giúp nước dời nhà đi tu, tám đời vua, vẫn vẻ vang họ Lý;
Chân tu viên mãn đắc đạo, ngàn năm mạch đất tô thắm đài sen.
(Chùa làng Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

國叔國師新教傳開十八子李
佛王佛祖靈聲永奠莊暇青威

Quốc thúc, quốc sư, tân giáo truyền khai thập bát tử Lý;
Phật vương, Phật tổ, linh thanh vĩnh điện trang hạ Thanh Oai.
Chú của vua, sư của nước, mở nền Phật giáo, công lao triều Lý;
Vương thành Phật, Phật thành tổ, tiếng anh linh vững ở trang hạ Thanh Oai.
(Chùa làng Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

由皇親爲僧爲聖爲菩薩凜凜英聲莫狀
自李朝而陳而胡而本紀巍巍字典如新

Do hoàng thân, vi tăng, vi thánh, vi Bồ tát, lẫm lẫm anh thanh mạc trạng;
Tự Lý triều, nhi Trần, nhi Hồ, nhi bản kỷ, nguy nguy tự điển như tân.
Vốn dòng dõi vua, là sư, là thánh, là Bồ tát có tiếng linh thiêng chẳng đổi thay lẫm liệt;
Từ triều Lý đến triều Trần, triều Hồ, đến triều ta, diễn tích chữ nghĩa vẫn như mới ngời ngời.
(Nơi thờ một vị Bồ tát, nguyên là hoàng thân quốc thích đời Trần Minh Tông tại chùa Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

帝后爲他山勢高峰標宇宙
神威佛德度人福量等河沙

Đế hậu vị tha, sơn thế cao phong tiêu vũ trụ;
Thần uy Phật đức, độ nhân phúc lượng đẳng Hà sa.

Thái hậu thương người như núi cao gió lộng trong trời đất;
Phật thần cứu giúp, phúc nhiều tựa cát bãi sông Hằng.
(Miếu thờ Minh Từ hoàng thái hậu tại Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

陳朝母儀光大會弘天也帝
福林禪定靈通幻化佛而仙
Trần triều mẫu nghi, quang đại hội hoằng thiên dã đế;
Phúc lâm thiền định, linh thông ảo hóa Phật nhi tiên.
Bậc quốc mẫu thời Trần, gương sáng bao la, thánh bà là đế;
Phật phúc như cây rừng, phép mầu như hóa, Phật mà lại tiên.
(Miếu thờ Minh Từ hoàng thái hậu, ở Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Hà Tây)

淨土梵宮佛日增輝于四代
磨空寶塔法輪常轉遍三千
Tịnh thổ phạn cung, Phật nhật tăng huy vu tứ đại;
Ma không bảo tháp, Pháp luân thường chuyển biến tam thiên.
Cõi Tịnh thổ, cung trời phạm, Phật pháp ngày càng thêm rạng rỡ;
Niệm ma không linh bảo tháp, Phật pháp truyền khắp ba ngàn.
(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, cố đô Huế)

八功之水常清一設眾生吉祥也
五典之車不敝大願十方良善哉
***Bát** công chi thủy thường thanh, nhất thiết chúng sinh cát tường dã;*
Ngũ điển chi xa bất tệ, đại nguyện thập phương lương thiện tai.
Nước tám công rửa sạch bụi trần, giúp chúng sinh đến nơi cực lạc;
Xe ngũ điển không ngơi phát đại, nguyện thập phương đến cõi thiện tai.
(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, cố đô Huế)

開發菩提心而化統萬類
弘施方便力以覺悟群生
Khai phát bồ đề tâm, nhi hóa thống vạn loại;
Hoằng thi phương tiện lực, dĩ giác ngộ quần sinh.
Mở tâm bồ đề để hóa thông vạn vật;
Bày muôn ngàn phép để giác ngộ chúng sinh.
(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, cố đô Huế)

法雨弘施萬木昆蟲沾利益
身雲遍滿虛空世界放光明
Pháp vũ hoằng thi, vạn mộc côn trùng triêm lợi ích;
Thân vân biến mãn, hư không thế giới phóng quang minh.

Mưa phép thấm đều, vạn mộc côn trùng đều hưởng lợi;
Phật thân biến hóa, hư không thế giới sáng muôn màu.
(Tháp Phước Duyên, chùa Thiên Mụ, Huế)

心 即 佛 濟 人 歸 萬 善
色 即 空 闡 教 定 一 心

Tâm tức Phật, tế nhân qui vạn thiện;
Sắc tức không, xiển giáo định nhất tâm.
Tâm tức Phật, cứu người quay về muôn điều thiện;
Sắc tức không, xiển dương Phật giáo chỉ một lòng.
(Tháp Phước Duyên, chùa Thiên Mụ, Huế)

萬 化 搖 源 普 四 代 而 咸 歸 善 念
七 層 寶 塔 對 兩 間 而 敷 積 福 緣

Vạn hóa dao nguyên, phổ tứ đại nhi hàm qui thiện niệm;
Thất tầng bảo tháp, đối lưỡng gian nhi phu tích phúc duyên.
Nguồn thiền tỏa rộng để quay về với cõi thiện duyên;
Tháp báu bẩy tầng, như bày ra phép lành duyên phước.
(Trước cửa chùa Thiên Mụ, Huế)

永 留 勝 跡 睹 碑 文 而 金 碧 增 輝
圓 滿 善 緣 釋 鐘 響 而 寶 珠 覺 悟

Vĩnh lưu thắng tích, đổ bi văn nhi kim bích tăng huy;
Viên mãn thiện duyên, thích chung hưởng nhi bảo châu giác ngộ.
Thắng tích lưu ngàn đời, nhìn văn bia kim bích càng thêm sáng;
Thiện duyên tròn vành cạnh, nghe chuông ngân châu báu cũng tỏ bày.
(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, Huế)

閱 字 碑 仰 先 王 雜 福 之 人 水 月 常 圓 光 滿
三 代 千 世 界
讀 國 史 記 老 果 現 身 之 語 嶽 河 水 固 靈 終
億 萬 敘 基 圖

Duyệt tự bi, ngưỡng tiên vương tạp phúc chi nhân, thủy nguyệt thường viên, quang mãn tam đại thiên thế giới;
Độc quốc sử, ký lão quả hiện thân chi ngữ, nhạc hà thủy cố, linh chung ức vạn tự cơ đồ.
Xem bia chùa, biết người xưa tạo phúc, trăng tỏ nước đầy chiếu sáng tới tam thiên thế giới;
Đọc sử thấy lời lão bà là sấm, núi cao sông hiểm, khí thiêng lưu ức vạn cơ đồ.
(Trước cửa chùa Thiên Mụ, Huế)

入 不 退 金 城 衣 鉢 優 游 隨 機 說 法
登 無 逢 寶 塔 春 秋 自 在 任 意 參 禪

Nhập bất thoái kim thành, y bát ưu du tùy cơ thuyết pháp;
Đăng vô phùng bảo tháp, xuân thu tự tại nhiệm ý tham thiền.

Trong tường vàng, y bát thong dong, tùy cơ thuyết pháp;
Lên tháp báu, xuân thu tự tại, theo ý tham thiền.

(Trụ tháp chùa Thiên Mụ, Huế)

西 天 掛 跡 靈 媒 懸 瓶 何 處 去 歸 懲 元 宗 者
舍 利 飛 香 浮 圖 藏 色 此 成 安 住 敦 厚 高 僧

Tây thiên quải tích, Linh Mụ huyền bình, hà xứ khứ qui
Trừng Nguyên tôn giả;
Xá lị phi hương, phù đồ tàng sắc, thử thành an trú
Đôn Hậu cao tăng.

Tây thiên cầm tích, Linh Mụ mang bình, chẳng biết đi đâu về đâu
hỡi ngài Trừng Nguyên tôn giả;
Xá lị tỏa hương, tháp báu tàng nhục, chỗ này là chỗ yên nghỉ
của ngài Đôn Hậu cao tăng.

(Tháp Đôn Hậu, chùa Thiên Mụ, Huế)

累 世 東 阿 傳 舊 德
名 存 南 史 邑 青 香

Lũy thế Đông A truyền cựu đức;
Danh tồn Nam sử ấp thanh hương.

Gốc gác họ Trần truyền cựu đức;
Danh lưu Nam sử tỏa hương thơm.

(Đền thờ làng La Cả, nay thuộc xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

故 家 事 業 存 編 錄
儒 宦 風 聲 有 古 今

Cố gia sự nghiệp tồn biên lục;
Nho hoạn phong thnah hữu cổ kim.

Sự nghiệp nhà xưa còn ghi trong sử sách;
Nho phong hoạn lộ có công luận xưa nay.

(Từ đường thờ Nguyễn Tú, xã Phượng Để, huyện Trực Ninh, Nam Định)

閥 閱 家 聲 陳 朝 莫 狀 元 之 後
源 流 世 譜 東 海 清 河 郡 以 來

Phiệt duyệt gia thanh, Trần kiều Mạc trạng nguyên chi hậu;
Nguyên lưu thế phổ, Đông Hải Thanh Hà quận dĩ lai.

Dòng dõi gia phong, trạng Mạc triều Trần sau nối tiếp;
Ngọn nguồn thế phả, Thanh Hà Đông Hải lại từ đây.
(Từ đường họ Vũ Tiến, làng Trực Nội, huyện Đông Hưng, Thái Bình)

四 百 年 前 終 復 始
十 三 世 後 異 而 同
Tứ bách niên tiền chung, phục thủy;
Thập tam thế hậu dị nhi đồng.
Bốn trăm năm trước, cuối cùng lại như ban đầu;
Mười ba đời sau, khác nhau mà vẫn cùng một.
(Từ đường họ Lều ở Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Tây)

調 鼎 鼐 攝 陰 陽 朝 廷 柱 石
還 規 模 定 號 令 國 家 棟 樑
Điều đỉnh nại, nhiếp âm dương, triều đình trụ thạch;
Hoàn qui mô, định hiệu lệnh, quốc gia đống lương.
Nếm canh đỉnh vạc, điều khí âm dương, ở triều đình làm trụ;
Hoàn thành qui mô, định ra hiệu lệnh, là rường cột nước nhà.
(Từ đường thờ Phạm Công Trứ ở Liêu Xuyên, xã Nghĩa Hiệp, huyện Mỹ Văn, Hưng Yên)

嗟 哉 冠 古 才 名 難 弟 亦 難 兄 不 世 偶 生 還 偶 死
已 矣 到 頭 事 勢 此 人 而 此 景 混 塵 留 臭 即 留 香
Ta tai! Quán cổ tài danh, nan đệ diệc nan huynh, bất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử;
Dĩ hỉ! Đáo đầu sự thế, thử nhân nhi thử cảnh, hỗn trần lưu xú tức lưu hương.
Than ôi! Tài danh tuyệt thế, khó có người anh em như thế, sinh chẳng gặp thời, cùng sinh và cùng mất;
Thôi rồi! Sự thế đáo đầu, người như thế mà cảnh như thế, đời này hỗn độn, tiếng xấu tức tiếng thơm.
(Câu đối viếng Cao Bá Quát – khuyết danh)

俯 敭 歷 朝 經 文 緯 武 光 前 後
卿 相 兩 國 義 腑 忠 肝 振 朔 南
Phủ phất lịch triều, kinh văn vĩ vũ, quang tiền hậu;
Khanh tướng lưỡng quốc, nghĩa phủ trung can, chấn sóc Nam.
Áo lễ một triều, văn vũ dọc ngang, sáng lòa sau trước;
Tiếng vang hai nước, lòng gan trung nghĩa, vang dậy Bắc Nam.
(Từ đường thờ Tiến sĩ Phạm Công Dung, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)

廟 貌 顧 瞻 一 邑 聚 歌 童 叟 共
簡 毛 之 進 億 年 饗 祀 地 天 長

Miếu mạo cố chiêm, nhất ấp tụ ca đồng tẩu cộng;
Giản mao chi tiến, ức niên hưởng tự địa thiên trường.

Trông lại miếu đình, già trẻ một lòng cùng ca ngợi;
Tiến dâng lễ mọn, đất trời muôn thuở mãi phụng thờ.

(Miếu thờ Phạm Thọ Lý, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)

跡 稠 洞 庭 威 鎮 漢
芳 留 青 史 力 扶 徵

Tích trù Động Đình uy trấn Hán;
Phương lưu thanh sử lực phù Trưng.

Hiển hách còn lưu Động Đình phương Bắc;
Danh thơm truyền sử phù giúp vua Trưng.

(Đền thờ Phật Nguyệt, xã Phương Lĩnh, huyện Thanh Ba, Phú Thọ)

同 世 同 朝 三 進 士
一 家 一 日 兩 榮 歸

Đồng thế đồng triều tam tiến sĩ;
Nhất gia nhất nhật lưỡng vinh qui.

Làm quan cùng triều, ba tiến sĩ;
Vinh qui một buổi, cả hai người.

(Nhà thờ họ Nguyễn, xã Tứ Trưng, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

百 世 稱 神 歷 年 與 國
八 村 居 守 猶 族 而 鄉

Bách thế xưng thần lịch niên dự quốc;
Bát thôn cư thủ do tộc nhi hương.

Làm quan trăm đời nhiều năm giúp nước;
Giữ đất tám thôn nhờ họ nên làng.

(Nhà thờ họ Đặng xã Tứ Trưng, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

靈 應 累 封 文 九 仰 神 權 惟 社 會
洪 恩 談 太 乙 重 新 廟 貌 鎮 江 山

Linh ứng lũy phong văn, cửu ngưỡng thần quyền duy xã hội;
Hồng ân đàn thái ất, trùng tân miếu mạo trấn giang sơn.

Linh thiêng ứng nghiệm dày, nhiều đời được tặng sắc văn,
tín ngưỡng thần quyền duy trì xã hội;
Công lao ân đức lớn, ông cha được phong thái ấp,
trùng tu đền miếu, giữ vững núi sông.

(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)

河 潤 神 高 靈 況 永 延 今 廟 社
地 連 太 壤 恩 波 同 木 舊 江 山

Hà nhuận thần cao, linh huống vĩnh diên kim miếu xã;
Địa liên thái nhưỡng, ân ba đồng mộc cựu giang sơn.

Sông nước nhuần hòa, có thần linh hun đúc, thiêng liêng còn mãi đến nay vẫn uy nghi miếu xã;
Đất đai liền giải, nhờ thái ất sẻ chia, ân đức hưởng chung vẫn còn nguyên thuở trước giang sơn.

(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)

六 載 稱 王 傳 內 史
千 秋 實 邑 顯 餘 靈

Lục tải xưng vương truyền nội sử;
Thiên thu thực ấp hiển dư linh.

Sáu năm ngự ngai vàng còn truyền nội sử;
Nghìn thu ở thực ấp vẫn rạng uy linh.

(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)

還 繞 好 江 山 虎 伏 龍 蟠 眞 譜 作
軒 昂 新 棟 宇 輝 飛 鴻 翼 壯 觀 瞻

Hoàn nhiễu hảo giang san, hổ phục long bàn chân phổ tác;
Hiên ngang tân đống vũ, huy phi hồng dực tráng quan chiêm.

Núi sông tươi đẹp uốn quanh, rồng chầu hổ phục chân cảnh tượng;
Miếu vũ nguy nga tạo dựng, tráng lệ chim bằng sải cánh bay.

(Miếu thần trên núi Đền làng Yên Phụ, huyện Yên Phong, Bắc Ninh)

母 儀 終 古 瞻 如 在
祖 國 千 秋 有 所 依

Mẫu nghi chung cổ chiêm như tại;
Tổ quốc thiên thu hữu sở y.

Mẹ nước ngàn xưa trông như còn đó;
Non sông muôn thuở có chỗ cậy nhờ.

(Miếu Bạch Kê trên đồi Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

終 古 三 靈 憑 眷 侑
千 秋 七 妙 仰 熏 高

Chung cổ Tam Linh bằng quyến hựu;
Thiên thu Thất Diệu ngưỡng huân cao.

Tam Linh vạn thuở, nơi nương tựa;
Thất Diệu ngàn năm, mộ khói hương.

(Đền thờ Thánh Tam Giang làng Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

正 氣 曰 浩 然 上 則 日 星 下 則 河 嶽
爲 德 其 盛 矣 明 詩 禮 樂 幽 而 鬼 神

Chính khí viết hạo nhiên, thượng tắc nhật tinh, hạ tắc hà nhạc;
Vi đức kỳ thịnh hỹ, minh thi lễ nhạc, u nhi quỉ thần.

Chính khí là khí hạo nhiên, trên là mặt trời, dưới là sông núi;
Đức của thần thịnh vậy, sáng là lễ nhạc, tối là quỉ thần.

(Đền thờ Thánh Tam Giang, làng Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

父 先 功 子 先 功 父 子 繼 先 功 之 業
祖 積 德 孫 積 德 祖 先 培 積 德 之 基

Phụ tiên công, tử tiên công, phụ tử kế tiên công chi nghiệp;
Tổ tích đức, tôn tích đức, tổ tiên bồi tích đức chi cơ.

Cha có công, con có công, cha con kế tiếp nhau công nghiệp;
Ông lưu đức, cháu lưu đức, ông cháu cùng bồi đức truyền lưu.

(Hai cha con Nguyễn Tòng, Nguyễn Cầu thờ ở đình làng Trinh Cát và Đức Cơ, huyện Tiền Hải, Thái Bình)

虎 榜 爭 魁 時 巨 擘
離 廷 合 德 國 良 能

Hổ bảng tranh khôi thì cự phách;
Ly đình hợp đức quốc lương năng.

Bảng hổ ngôi đầu trang cự phách;
Sân rồng hợp đức bậc tôi hiền.

(Gia phả họ Phạm, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)

座 上 巍 峨 來 妙 相
案 前 祈 禱 表 眞 心

Tọa thượng nguy nga lai diệu tướng;
Án tiền kỳ đảo biểu chân tâm.

Trên tòa nguy nga ngôi diệu tướng;
Trước án lễ bái tỏ lòng thành.

(Chùa Long Vân, tỉnh Hà Tây)

山 水 有 情 英 靈 殿
龍 雲 合 意 最 靈 臺

Sơn thủy hữu tình anh linh điện;
Long Vân hợp ý tối linh đài.

Linh điện hữu tình nhờ non nước;
Đài thiêng hợp ý bởi rồng mây.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

色聚龍雲三寶花登傳佛法
景光香積十方善信向心靈

Sắc tụ Long Vân, tam bảo hao đăng truyền Phật pháp;
Cảnh quang Hương Tích, thập phương thiện tín hướng tâm linh.

Sắc tụ Long Vân, tam bảo đèn hoa truyền Phật pháp;
Cảnh quang Hương Tích, mười phương thiện tín hướng tâm linh.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

法界光輝廣運慈心開覺岸
龍雲寶座弘施惠力度迷津

Pháp giới quang huy, quảng vận từ tâm khai giác ngạn;
Long Vân bảo tọa, hoằng thi huệ lực độ mê tân.

Pháp giới sáng ngời, vận dụng từ tâm mở bờ giác;
Long Vân tòa báu, thi hành huệ lực thoát bến mê.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

月印江溪龍竹影
花留石洞峙山雲

Nguyệt ấn giang khê long trúc ảnh;
Hoa lưu thạch động trĩ sơn vân.

Sông suối bóng trăng, in ánh lung linh hoa trúc;
Cỏ hoa động đá, mây lưu phủ núi một vùng.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

同世同朝三進士
一家一日兩榮歸

Đồng thế đồng triều tam tiến sĩ;
Nhất gia nhất nhật lưỡng vinh qui.

Một đời, một triều ba người đỗ tiến sĩ;
Một nhà, một ngày hai người được vinh qui.

(Ba cha con Nguyễn Kim, Nguyễn Chuyên Mỹ, Nguyễn Đốc Tín làng Thạch Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng)

匡黎偉績存山海
平宋英聲貫古今

Khuông Lê vĩ tích tồn sơn hải;
Bình Tống anh thanh quán cổ kim.

Phò Lê công lớn vang sông núi;
Dẹp Tống tiếng lừng dội xưa nay.

(Đền thờ Phạm Cự Lượng, xã Đan Nê, huyện An Định, Thanh Hóa)

跡顯東封鳳照歷朝隆字典
泥留春爪鴻圓隨處仰芳輝

Tích hiển đông phong, phượng chiếu lịch triều long tự điển;
Nê lưu xuân trảo, hồng viên tùy xứ ngưỡng phương huy.

Dấu cũ sắc vua ban, còn mãi sáng ngời trong lịch sử;
Vết xưa chim hồng đậu, vẫn lưu rạng rỡ với danh thơm.

(Đình Nam làng Thư Điền, xã Tây Giang, Tiền Hải, Thái Bình)

一簇樓臺增壯麗
億年居里木恩波

Nhất thốc lâu đài tăng tráng lệ;
Ức niên cư lý mộc ân ba.

Một cụm lâu đài thêm tráng lệ;
Vạn năm thôn xóm đội ơn sâu.

(Miếu thờ Vinh Quốc công Lê Sao, thôn Phạm Xá, xã Đinh Xá, Bình Lục, Hà Nam)

問渠那得清洮水之源泗水
登高視益小竹山之上東山

Vấn vừ ná đắc thanh, Thao Thủy chi nguyên Tứ Thủy;
Đăng cao thị ích tiểu, Trúc Sơn chi thướng Đông Sơn.

Làm sao có được dòng trong, nước Thao Giang nguồn từ Tứ Thủy;
Lên cao nhìn càng thấy nhỏ, ngọn Trúc Sơn hướng thẳng Đông Sơn.

(Theo Sắc văn thi trường đối liên – sách chép tay)

忘邑訪文科費公後阮公前將輝佛籙
名區鍾旺氣茂之森柳之長同面德根

Vọng ấp phỏng văn khoa, Phí Công hậu, Nguyễn Công tiền tương huy Phật lục;
Danh khu chung vượng khí, mậu chi sâm, liễu chi trường đồng diện đức căn.

Tìm văn khoa ở Vọng ấp, thời sau ông Phí, thời trước ông Nguyễn cùng rạng danh trong Đăng Khoa Lục;
Chung vượng khí nơi xóm làng cành liễu dài, cành mậu tốt, đều làm cho cội đức vững bền.

(Từ đường họ Phí làng Mậu Hòa, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

借花洞以開基一統山河皆毅力
遊茂林而訪古五洲風會此崇祠

Tá Hoa động dĩ khai cơ, nhất thống sơn hà giai nghị lực;
Du Mậu lâm nhi phỏng cổ, ngũ châu phong hội thử sùng từ.
Phò chúa động Hoa Lư gây dựng cơ đồ, thống nhất non sông đều nhờ nghị lực;
Thăm rừng quê làng Mậu kiếm tìm dấu cũ, năm châu vận hội lưu tại đền thiêng
(Từ đường họ Đỗ làng Mậu Hòa, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

乾 御 奠 中 區 肅 穆 位 成 朝 左 右
旅 庭 趨 下 駿 濟 蹌 序 列 作 西 東

Kiền ngự điện trung khu, túc mục vị thành triều tả hữu;
Lữ đình xu hạ tuấn, tế thương tự liệt tác tây đông.
Ngai chúa ngự trung khu, cung kính đứng hai bên tả hữu;
Sân chầu bày phía dưới, xếp thành hàng thứ tự tây đông.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

當 宇 穆 晨 旒 豈 弟 爲 綱 徽 壽 考
正 朝 恢 治 体 時 幾 懋 勉 挽 凝 熙

Đương vũ mục thần lưu, khởi đễ vi cương trưng thọ khảo;
Chính triều khôi trị thể, thời cơ mậu miễn vãn ngưng hi.
Gánh trọng trách cung đình, ngự phục trang nghiêm, vui vẻ mối dường, điềm thọ khảo;
Sửa sang nơi triều chính, rộng nền thịnh trị, cơ trời sẽ đến, hưởng phúc lành.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

離 照 四 方 瞻 虎 步 龍 行 昭 瑞 彩
春 和 千 古 見 鳳 儀 麟 舞 荐 嘉 祥

Ly chiếu tứ phương chiêm, hổ bộ long hành chiêu thụy thái;
Thái hòa thiên cổ kiến, phụng nghi lân vũ tiến gia tường.
Soi sáng bốn phương xem, hổ bước rồng bay điềm hay tỏ;
Thái hòa nghìn thuở thấy, phượng chầu lân múa phúc lành dâng.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

百 姓 總 吾 胞 遍 照 無 私 光 是 燭
八 方 皆 我 闔 併 包 罔 外 豁 如 心

Bách tính tổng ngô bào, biến chiếu vô tư, quang thị chúc;
Bát phương giai ngã đát, tinh bao võng ngoại, hoát như tâm.
Trăm họ thảy đồng bào, soi khắp vô tư trưng đuốc sáng;
Tám phương đều cửa ngõ, chẳng ngoài bao bọc, rộng như tâm.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

才 難 得 亦 難 知 較 若 驪 黃 歸 藻 鑑
民 可 近 不 可 下 儼 然 軒 陛 見 茅 茨

Tài nan đắc, diệc nan tri, hiệu nhược ly hoàng qui tảo giám;
Dân khả cận, bất khả hạ, nghiễm nhiên hiên bệ kiến mao từ.

Tài khó được, cũng khó hay, ví ngựa đen tuyền dùng gương soi chiếu;
Dân nên gần, không hạ thấp, ở nơi hiên bệ thấy chốn nhà tranh.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

四 序 昭 融 清 晏 會
重 門 軒 豁 照 臨 中

Tứ tự chiêu dung thanh yến hội;
Trùng môn hiên hoát chiếu lâm trung.

Bốn vách sáng trong, gặp hội thanh bình sông yên bể lặng;
Cửa đôi hiên rộng, không gian rạng rỡ, nhật chiếu, nguyệt soi.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

卷 阿 伴 渙 時 遊 豫
天 保 升 恒 會 泰 亨

Quyển A bạn hoán thời du dự;
Thiên Bảo thăng hằng hội thái hanh.

Ngâm khúc *Quyển A* đủng đỉnh thư nhàn rõ trang du khách;
Đọc thơ *Thiên Bảo*, trời lên trăng sáng tỏ hội thái hòa.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

鐘 鼓 樂 同 魚 躍 沼
簫 韶 和 奏 鳳 儀 庭

Chung cổ lạc đồng ngư dược chiểu;
Tiêu thiều hòa tấu phụng nghi đình.

Chuông trống vui chung, ao cá nhảy;
Tiêu thiều hòa tấu phượng sân chầu.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

五 絃 聲 繞 臨 風 院
八 闋 歌 喧 得 月 樓

Ngũ huyền thanh nhiễu lâm phong viện;
Bát khuyết ca huyên đắc nguyệt lâu.

Đàn năm dây quanh nhà hóng gió;
Ca tám khúc cạnh gác đón trăng.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

兌 澤 一 泓 妝 寶 鏡
坤 儀 億 載 鞏 璇 庭

Đoài trạch nhất hoằng trang bảo kính;
Khôn nghi ức tải củng tuyền đình.

Một khoảnh đầm đoài tô gương báu;
Muôn năm nghĩa mẹ vững sân rồng.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

玉 燭 宣 輝 光 四 表
全 波 闡 瑞 慶 千 秋

Ngọc chúc tuyên huy quang tứ biểu;
Kim ba xiển thụy khánh thiên thu.

Đuốc ngọc dọi soi trưng bốn cõi;
Sóng vàng mở dấu phúc nghìn thu.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

仙 杖 偃 成 裝 岸 柳
天 香 飛 入 滿 湖 蓮

Tiên trượng trang thành liên ngạn liễu;
Thiên hương phi nhập mãn hồ liên.

Nghi vệ tiên trang bên bờ liễu;
Hương trời hòa nhập ngát hồ sen.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

雍 睦 燦 堯 名 晝 省 夕 修 兼 懋 勉
瞻 依 環 禹 服 南 成 北 始 慶 清 夷

Ung mục xán Nghiêu danh, trú tỉnh tịch tu kiêm mậu miễn;
Chiêm y hoàn Vũ phục, Nam thành Bắc thủy khánh thanh di.

Hòa mục tiếng vua Nghiêu, đêm tu ngày tỉnh thêm gắng gỏi;
Trông nhờ quanh vua Vũ, mở Bắc thành Nam dẹp cõi bờ.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

萬 里 隔 隕 長 地 廠 日 南 增 式 廓
九 畿 基 本 壯 天 高 辰 北 屹 綱 維

Vạn lý cách vẫn trường, địa xưởng Nhật Nam tăng thức quách;
Cửu kỳ cơ bản tráng, thiên cao Thần Bắc ngật cương duy.

Muôn dặm cách trở xa, mở cõi Nhật Nam thêm thang thể thức;
Chín châu nền gốc vững, vươn cao Thần Bắc sừng sững mối dường.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

萬 里 奉 明 威 蕃 閫 瘴 瞻 華 萼 遍
四 時 宣 雅 化 絲 綸 遙 仰 彩 雲 來

Vạn lý phụng minh uy, phiên khổn cận chiêm hoa ngạc nhĩ;
Tứ thì tuyên nhã hóa, ti luân dao ngưỡng thái vân lai.

Muôn dặm sáng quyền uy, chốn phiên ổn ngắm xem hoa ngạc;
Bốn mùa ngời giáo hóa, chiếu vua ban xe đón mây lành.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

邦 國 樹 藩 翰 遵 奉 典 常 勤 述 職
聖 賢 留 範 軌 講 明 學 問 要 存 心

Bang quốc thụ phiên hàm, tuân phụng điển thường cần thuật chức;
Thánh hiền lưu phạm quĩ, giảng minh học vấn yếu tồn tâm.

Dựng phên dậu nước nhà, noi phép tắc gắng theo chức nghiệp;
Lưu khuôn mẫu thánh hiền, chăm vấn bài, cốt yếu để tâm.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

學 焉 新 又 新 君 子 及 時 修 德 業
政 者 正 不 正 王 臣 居 作 守 彝 章

Học yên tân hựu tân, quân tử cập thì tu đức nghiệp;
Chính giả chính bất chính, vương thần cư tác thủ di chương.

Học mới lại càng mới, quân tử kịp thời rèn đức nghiệp;
Chỉnh ngay điều chẳng ngay, vương thần cư xử giữ luân thường.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

夙 夜 殫 厥 心 忠 愛 恪 敦 臣 子 職
終 始 典 于 學 言 行 敬 佩 聖 賢 書

Túc dạ đàn quyết tâm, trung ái khác đôn thần tử chức;
Chung thủy điển vu học, ngôn hành kính bội thánh hiền thư.

Sớm tối dốc hết lòng, trung nước, yêu dân, tròn danh thần tử;
Trước sau chăm chỉ học, việc làm, lời nói, theo sách thánh hiền.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

大 化 奉 宣 揚 溫 室 德 音 常 在 耳
小 心 存 洞 屬 閽 門 威 令 不 違 顏

Đại hóa phụng tuyên dương, ôn thất đức âm thường tại nhĩ;
Tiểu tâm tồn động thuộc, xương môn uy lệnh bất vi nhan.

Đức hóa kính tuyên dương, lời hay triều chính còn vang mãi;
Cẩn thận lưu trong dạ, uy lệnh nhà vàng chẳng giám sai.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

能 力 堅 強 埠 堤 御 水 懇 荒 揚 名 今 古
奇 功 偉 人 桑 海 成 田 更 作 建 業 子 孫

Năng lực kiên cường, phụ đê ngự thủy khẩn hoang, dương danh kim cổ;
Kỳ công vĩ đại, tang hải thành điền canh tác, kiến nghiệp tử tôn.

Năng lực kiên cường, ngăn nước đắp đê, mở đất khai hoang nổi danh kim cổ;
Kỳ công vĩ đại, thay chua rửa mặn, cấy trồng canh tác khởi nghiệp cháu con.

(Nhà thờ dòng họ Tiên Công, huyện Yên Hương, tỉnh Quảng Ninh)

築 海 成 田 神 弟 一
箕 裘 克 紹 止 戈 祠

Trúc hải thành điền thần đệ nhất;
Cơ cầu khắc thiệu chỉ qua từ.

Ngăn biển thành đồng, thần là bậc nhất;
Noi theo tổ trước, tổ chiếm công đầu.

(Nhà thờ họ Vũ thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hương, Quảng Ninh)

開 耕 廟 烈 三 公 祖
翌 保 朝 封 四 社 神

Khai canh miếu liệt tam công tổ;
Dực bảo triều phong tứ xã thần.

Công sức khai canh thờ ba vị tổ;
Trung hưng dực bảo phong bốn xã thần.

(Nhà thờ họ Nguyễn thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hương, Quảng Ninh)

開 耕 功 神 留 後 世
祠 堂 陶 族 創 前 人

Khai canh công thần lưu hậu thế;
Từ đường Đào tộc sáng tiền nhân.

Mở đất khai hoang, công thần lưu hậu thế;
Dựng xây sáng lập, Đào tộc sánh tiền nhân.

(Nhà thờ họ Đào xã Lưu Khê, Yên Hương, Quảng Ninh)

龍 城 夢 應 光 先 世
蝸 井 聲 聞 啓 後 人

Long Thành mộng ứng quang tiên thế;
Oa tỉnh thanh văn khải hậu nhân.

Long Thành ứng mộng danh tiên tổ;
Giếng Ếch âm vang nghiệp cháu con.
(Nhà thờ họ Nguyễn thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hưng, Quảng Ninh)

龍 城 舊 址 三 兄 弟
東 海 開 耕 二 萼 花
Long Thành cựu chỉ tam huynh đệ;
Đông Hải khai canh nhị ngạc hoa.
Thăng Long quê cũ tam huynh đệ;
Đông Hải khai canh chú với anh.
(Nhà thờ họ Vũ thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hưng, Quảng Ninh)

福 生 禮 義 家 堂 盛
祿 進 榮 花 富 貴 春
Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh;
Lộc tiến vinh hoa phú quí xuân.
Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh;
Lộc nẩy vinh hoa phú quí xuân.
(Gia đình cụ Nguyễn Đăng Thám, thành phố Thái Bình)

九 陛 敕 封 光 苡 水
億 年 廟 宇 對 桐 江
Cửu bệ sắc phong quang dĩ thủy;
Ức niên miếu vũ đối Đồng Giang.
Chín bậc sắc phong rạng ngời họ Phạm;
Ngàn năm từ miếu vọng hướng sông Đồng.
(Từ đường họ Phạm, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình)

一 堂 花 聚 精 神 爽
百 世 本 枝 嗣 續 長
Nhất đường hoa tụ tinh thần sảng;
Bách thế bản chi tự tục trường.
Một nhà hoa tụ tinh thần sáng;
Trăm thế bản chi nối tiếp dài.
(Từ đường họ Phạm, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình)

佛 道 光 明 濟 度 群 生 登 覺 岸
雲 庵 屹 立 輝 煌 寶 座 向 桐 江
Phật đạo quang minh, tế độ quần sinh đăng giác ngạn;
Vân am ngật lập, huy hoàng bảo tọa hướng Đồng Giang.

Đạo Phật sáng ngời, cứu giúp chúng sinh lên bờ giác;
Am mây cao ngất, huy hoàng bảo tháp, hướng sông Đồng.
(Chùa thôn Lãng Đông, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, Thái Bình)

億 年 規 矩 存 碑 記
一 世 瓶 陶 入 範 圍

Ức niên qui củ tồn bi ký;
Nhất thế bình đào nhập phạm vi.
Nghìn năm mực thước ghi bia đá;
Nhất thế hình thù nhập mẫu khuôn.
(Am thờ vị tổ nghề kim hoàn ở Đồng Xuân, Kiến Xương, Thái Bình)

先 祖 仁 風 留 永 濟
後 昆 義 道 繼 長 光

Tiên tổ nhân phong lưu vĩnh tế;
Hậu côn nghĩa đạo kế trường quang.
Tiên tổ dựng nền nhân giúp đỡ bao người lưu tiếng tốt;
Cháu con chăm đạo nghĩa sáng ngời đức hạnh tiếp ơn xưa.
(Từ đường thờ tiên tổ Tế Quang y sư, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình)

山 水 清 高 春 不 盡
神 仙 樂 趣 景 長 生

Sơn thủy thanh cao xuân bất tận;
Thần tiên lạc thú cảnh trường sinh.
Sông núi thanh cao xuân mãi mãi;
Thần tiên vui thú cảnh đời đời.
(Ngôi miếu huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ)

東 土 關 鳩 鳴 得 偶
南 城 英 鳥 樂 同 聲

Đông Thổ quan cưu minh đắc ngẫu;
Nam Thành anh điểu lạc đồng thanh.
Oanh gọi lứa đôi nơi Đông Thổ;
Điểu hòa thanh ứng chốn Nam Thành.
(Cụ Nguyễn Đăng Súy, quê Kiến Xương, Thái Bình mừng đám cưới một gia đình ở Hà Nội)

明 月 清 風 百 類 魚 禽 皆 國 色
金 枝 玉 葉 四 時 花 草 有 天 香

Minh nguyệt thanh phong, bách loại ngư cầm giai quốc sắc;
Kim chi ngọc diệp, tứ thời hoa thảo hữu thiên hương.

Gió mát trăng thanh, chim cá muôn loài khoe sắc nước;
Cành vàng lá ngọc, cỏ cây bốn tiết ngát hương trời.
(Câu đối ở chợ xuân tỉnh Thái Bình năm 1996)

范族卜居安邑今成安業
愛州衍派望山同此望恩
Phạm tộc bốc cư An ấp kim thành an nghiệp;
Ái châu diễn phái Vọng Sơn đồng thử vọng ân.
Phạm tộc chuyển cư, An ấp nay thành an nghiệp;
Ái châu dời đến Vọng Sơn như thể vọng ân.
(Từ đường thờ Phạm Thận Duật ở Yên Mô, Ninh Bình)

行義不相離討賊君恩心不死
敗成非所論孤臣殺敵志猶生
Hành nghĩa bất tương ly, thảo tặc quân an tâm bất tử;
Bại thành phi sở luận, cô thần sát địch chí do sinh.
Làm việc nghĩa chẳng xa nhau, trừ tặc, báo ơn vua,
lòng không khuất;
Dẫu bại thành, không luận xét, diệt thù, trung thần chết,
chí mãi còn.
(Câu đối của lãnh binh Phạm Hữu Bí quê ở Bồ Xuyên, Thái Bình dặn em trai là Phạm Hữu Kiển)

讎戎不共戴天萬古芳名留象郡
護駕別心靜地千年殘骨寄龍州
Thù nhung bất cộng đới thiên, vạn cổ phương danh lưu Tượng Quận;
Hộ giá biệt tâm tĩnh địa, thiên niên tàn cốt ký Long Châu.
Thù Tây không đợi trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng Quận;
Hộ giá riêng tìm cõi khác, ngàn năm xương bọc gửi Long Châu.
(Câu đối trên mộ chí Tôn Thất Thuyết ở Long Châu, Trung Quốc – theo Việt Nam vong quốc sử, (1906) của Phan Bội Châu)

蓋世如愚眞君子
爲人能忍是英雄
Cái thế như ngu chân quân tử;
Vi nhân năng nhẫn thị anh hùng.
Khí khái tựa ngu, trang quân tử;
Làm người biết nhẫn, thật anh hùng.
(Câu đối khắc lòng máng thân cau, treo ở nhà cụ Vũ Văn Khang, thôn Tả Phụ xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình, thế kỷ trước)

池 邊 水 積 呼 軍 淚
樹 上 風 吹 罵 賊 聲
Trì biên thủy tích hô quân lệ;
Thụ thượng phong xuy mạ tặc thanh.
Bên ao vẫn còn những giọt nước mắt gọi quân;
Trên cây gió thổi nghe như tiếng chửi giặc.
(Dương Công San ca ngợi tinh thần chống Pháp của Vương Thúc Mậu ở Nam Đàn)

心 可 懸 於 偏 日 月
身 曾 可 以 越 山 川
Tâm khả huyền ư thiên nhật nguyệt;
Thân tằng khả dĩ việt sơn xuyên.
Lòng ấy treo cao cùng nhật nguyệt;
Thân này đã gắn với non sông.
(Miếu thờ Hoe Báu ở núi Vân Sơn Nam Đàn)

十 年 不 讀 父 親 所 孝 子 防 諸 葛 傳
一 舉 巧 酬 母 志 恨 非 壬 午 甲 申 前
Thập niên bất độc phụ thân, sở hiếu Tử Phòng Gia Cát truyện;
Nhất cử xảo thù mẫu chí, hận phi Nhâm Ngọ Giáp Thân tiền.
Mười năm không đọc sách cha, bởi ham truyện Trương Lương cùng Gia Cát;
Một khoa chưa đền chí mẹ, tiếc chẳng vin Nhâm Ngọ trước Giáp Thân.
(Vương Thúc Quý cảm tác)

書 燈 足 料 三 生 氣
湖 海 應 遑 萬 里 心
Thư đăng túc liệu tam sinh khí;
Hồ hải ưng hoàng vạn lý tâm.
Đèn sách cũng đủ chí ba sinh;
Hải hồ nên theo lòng muôn dặm.
(Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Bác Hồ mừng bạn đỗ tú tài)

抗 戰 必 勝
建 國 必 成
Kháng chiến tất thắng;
Kiến quốc tất thành.
(Đinh Hợi Nguyên đán)

Kháng chiến nhất định thắng lợi;
Kiến quốc nhất định thành công[1].
(Tết Nguyên đán năm Đinh Hợi – 1947)

請爾須臾忘世事
松林雪絡似梅花
Thỉnh nhĩ tu du vong thế sự;
Tùng lâm tuyết lạc tự mai hoa.
Xin bạn giây lát quên việc đời;
Rừng thông tuyết bám như hoa mai.
(Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện tặng một người bạn Trung Quốc năm 1943)

忠義固家風而桂子而蘭孫壽更雙懸娛白髮
文明新運會是倉松是翠竹春花孟發滿芳園
Trung nghĩa cố gia phong, nhi quế tử nhi lan tôn,
thọ cánh song huyền ngu bạch phát;
Văn minh tân vận hội, thị thương tùng thị thúy trúc,
xuân hoa mạnh phát mãn phương viên.
Trung nghĩa vốn đạo nhà, đây con quế, đây cháu lan, song thọ nêu cao vui tóc bạc;
Văn minh đương hội mới, nào tùng xanh, nào trúc biếc, hoa xuân đua nở kín vườn xuân.
(Câu đối ông Vũ Đình Ngạn mừng ông Bùi Văn Bảo ở Thái Bình cuối thế kỷ trước)

衛道有丹心天下最隆惟道義
行文堅夙志世間無價是文章
Vệ đạo hữu đan tâm, thiên hạ tới long duy đạo nghĩa;
Hành văn kiên túc chí, thế gian vô giá thị văn chương.
Giữ đạo tấm lòng son, thiên hạ đẹp cao là đạo nghĩa;
Hành văn bền ý chí, thế gian vô giá, đó văn chương.
(Ông Lan Đình tặng ông Đồng Giang ở Thái Bình thế kỷ trước)

行善豈應爲惡報
太平何事惹兵刀
Hành Thiện khởi ưng vi ác báo;
Thái Bình hà sự nhạ binh đao.

---

[1] Bác Hồ viết lối chữ lệ cổ trên giấy hồng điều, theo lời thỉnh cầu của sư cụ chùa Trầm, huyện Chương Mỹ, Hà Đông. Câu đối được dán trước cửa chùa, nhưng không đề tên tác giả - theo Vũ Kiên trong bài *Bác Hồ với thú làm câu đối*, báo *Sức khỏe & Đời sống* số Xuân Ất Dậu – 200).

Hành Thiện há nên gây ác báo;
Thái Bình sao để dấy binh đao.
(Điếu Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn, 1913)

豪 傑 千 秋 歸 造 化
神 仙 一 見 可 忘 憂
Hào kiệt thiên thu quy tạo hóa;
Thần tiên nhất kiến khả vong ưu.
Hào kiệt nghìn thu về với đất;
Thần tiên vừa thấy đã quên buồn.

三 寸 枝 棺 五 寸 之 槨
十 年 樹 木 百 年 樹 人
Tam thốn chi quan, ngũ thốn chi quách;
Thập niên thụ mộc, bách niên thụ nhân.
Ba tấc là quan, năm tấc là quách;
Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người.

此 是 生 平 到 頭 事 業
無 非 沒 世 結 局 文 章
Thử thị sinh bình, đáo đầu sự nghiệp;
Vô phi một thế, kết cục văn chương.
Đây chính sự nghiệp đến chót cuộc sống;
Chẳng phải văn chương kết thúc hết đời.

南 朝 遠 播 聲 名 靜 邊 塞 擎 天 一 柱
北 鎮 長 留 義 氣 耀 精 靈 護 國 千 秋
Nam triều viễn bá thanh danh, tĩnh biên tái kình thiên nhất trụ;
Bắc trấn trường lưu nghĩa khí, diệu tinh linh hộ quốc thiên thu.
Thanh danh vang khắp triều nam, một cột chống trời yên bờ cõi;
Nghĩa khí lưu truyền trấn bắc, nghìn thu giúp nước dấy tinh linh.
(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)

故 國 江 山 巍 然 存 古 廟
將 軍 事 業 卓 爾 肆 功 神
Cố quốc giang sơn, nguy nhiên tồn cổ miếu;
Tướng quân sự nghiệp, trác nhĩ dị công thần.
Nước cũ non sông, sừng sững còn miếu cổ;
Tướng quân sự nghiệp, trác việt sáng thần công.
(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)

一 氣 冠 山 河 雄 國 龍 城 留 异 跡
雙 桑 懸 日 月 東 橋 魚 鋪 記 遺 蹤

Nhất khí quán sơn hà, Hùng quốc Long thành lưu dị tích;
Song Tang huyền nhật nguyệt, Đông kiều Ngư phố ký di tung.

Khí mạnh trùm núi sông; nước vua Hùng, thành Thăng Long còn lưu vết lạ;
Mặt trời, mặt trăng treo trên hai đất Tang; Cầu Đông, Bến Cá vẫn giữ dấu xưa[1].

爲 名 將 爲 元 臣 許 多 政 績 戎 功 赫 赫 然 在 人 耳 目
此 墓 碑 此 祠 廟 歷 几 歐 風 亞 雨 巍 巍 乎 吾 土 江 山

Vi danh tướng, vi nguyên thần, hứa đa chính tích nhung công,
hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục;
Thử mộ bi, thử từ miếu, lịch kỷ Âu phong Á vũ,
nguy nguy hồ ngô thổ giang sơn.

Là danh tướng, là công thần, rất nhiều thành tích chiến công, dưới tai mắt người oai vệ lắm;
Đây mộ bia, đây đền miếu, trải bao gió Âu mưa Á, cùng non sông ta lớn lao thay.

(Danh nhân Hà Nội)

佐 中 興 附 鳳 攀 龍 與 國 百 年 昭 偉 績
制 外 困 安 民 息 盜 令 人 千 載 佩 威 風

Tá trung hưng, phụ phượng phan long, dữ quốc bách niên chiêu vĩ tích;
Chế ngoại khốn, an dân tức đạo, lệnh nhân thiên tải bội uy phong.

Giúp trung hưng, đỡ chúa phò vua, công lao lớn trăm năm với nước;
Chống giặc đến, yên dân dẹp trộm, uy phong nhiều ngàn thuở cùng người.

(Danh nhân Hà Nội)

君 聖 臣 忠 施 耐 封 功 推 第 一
地 靈 人 傑 瀝 岑 發 跡 定 無 雙

Quân thánh thần trung, Thi Nại phong công suy đệ nhất;
Địa linh nhân kiệt, Rạch Gầm phát tích định vô song.

Vua thánh tôi trung, Thi Nại đánh xong phong hạng nhất;
Đất thiêng người giỏi, Rạch Gầm dấu cũ thật không hai.

(Danh nhân Hà Nội)

---

[1] Theo Vũ Tuân Sán; Lý Tiến, ông Hiển, ông Dực, ông Minh...; *Danh nhân Hà Nội*, Hà Nội, 1973, tr. 10.

護 國 庇 民 萬 古 勳 名 垂 宇 宙
越 南 振 北 千 秋 聲 勢 壯 山 河

Hộ quốc tý dân, vạn cổ huân danh thùy vũ trụ;
Việt Nam chấn bắc, thiên thu thanh thế tráng sơn hà.

Giữ nước giúp dân, vạn thuở công lao lưu trời đất;
Vượt nam chặn bắc, ngàn thu danh tiếng dậy non sông.

(Danh nhân Hà Nội)

六 千 春 色 在 眉 頭 記 當 年 翠 暖 珠 香 曾 遊 贍 部
五 萬 鶯 花 如 夢 裡 念 此 日 丁 歌 甲 舞 重 睡 崑 崙

Lục thiên xuân sắc tại my đầu, ký đương niên thúy noãn châu hương, tằng du Thiệm Bộ;
Ngũ vạn oanh hoa như mộng lý, niệm thử nhật đinh ca giáp vũ, trùng thụy Côn Lôn.

Sắc xuân sáu ngàn năm chỉ chớp mắt, nhớ bấy giờ mơn mởn ngọc ngà, từng chơi Thiệm Bộ.
Hoa xuân năm vạn tuổi như trong mộng, nghĩ ngày ấy nay ca mai nhẩy, ngủ lại Côn Lôn.

(Danh nhân Hà Nội)

潘 郎 佐 國 前 良 將
嘉 定 勤 王 後 顯 神

Phan Lang tá quốc, tiền lương tướng;
Gia Định cần vương, hậu hiển thần.

Giúp nước ở Phan Rang, trước tướng giỏi;
Cần vương nơi Gia Định, sau thần linh.

(Danh nhân Hà Nội)

嘉 鎮 漠 鴻 人 民 思 汗 馬 朝 廷 崇 拜 別 天 南
橫 山 伏 虎 物 色 會 雲 龍 節 鉞 指 揮 爲 帝 佐

Gia trấn mạc hồng, nhân dân tư hãn mã, triều đình sùng bái biệt thiên nam;
Hoành sơn phục hổ, vật sắc hội vân long, tiết việt chỉ huy vi đế tá[1].

Đại bàng Gia Định, nhân dân nhớ công trạng, triều đình sùng bái ở trời nam;
Hổ nấp Hoành Sơn, gắng sức lúc thời cơ, cờ búa chỉ huy vì đế tá.

(Danh nhân Hà Nội)

---

[1] Theo chúng tôi, đôi câu đối này có thể đảo vế.

良 將 才 能 千 古 流 芳 懸 北 闕
英 雄 氣 節 百 年 著 績 壯 南 疆

Lương tướng tài năng, thiên cổ lưu phương huyền Bắc khuyết;
Anh hùng khí tiết, bách niên trứ tích tráng Nam thiên.

Tài năng tướng giỏi, ngàn thuở tiếng thơm lưu cửa Bắc;
Khí tiết anh hùng, trăm năm công sáng rõ trời Nam.

(Danh nhân Hà Nội)

文 章 有 命 相 終 始
聲 器 同 悲 自 古 今

Văn chương hữu mệnh tương chung thủy;
Thanh khí đồng bi tự cổ kim.

Văn chương có mệnh liền sau trước;
Tri kỷ cùng buồn vẫn xưa nay.

(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)

嗟 哉 貫 古 才 名 難 弟 難 兄 一 世 偶 生 還 偶 死
已 矣 到 頭 事 勢 可 憐 可 惡 渾 塵 留 臭 亦 留 芳

Ta tai! Quán cổ tài danh, nan huynh nan đệ, nhất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử;
Dĩ hĩ! Đáo đầu sự thế, khả lân khả ố, hỗn trần lưu xú diệc lưu phương!

Thương thay! Vượt cổ tài danh, em đấy mà anh, một cặp lúc sinh chết cũng vậy;
Ôi thôi! Việc đã đến thế, đáng thương đáng ghét, một đời lưu xấu cũng lưu thơm!

(Nguyễn Văn Siêu điếu Cao Bá Nhạ và Cao Bá Quát, 1854)

征 施 耐 封 功 第 一
收 歸 仁 偉 績 無 雙

Chinh Thi Nại, phong công đệ nhất;
Thu Quy Nhơn, vĩ tích vô song.

Đánh Thi Nại, công phong hạng nhất;
Lấy Quy Nhơn, việc lớn không hai.

(Lăng Ông Bà Chiểu[1])

五 木 尚 家 風 屈 子 騷 魂 天 欲 同
一 生 惟 國 患 杜 陵 詩 思 地 難 埋

[1] Theo Lý Việt Dũng: *Văn bia và câu đối tại lăng Ông Bà Chiểu; Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn;* Huế; 2002, tr. 649.

Ngũ mộc thượng gia phong, Khuất Tử tao hồn thiên dục vấn;
Nhất sinh duy quốc hoạn, Đỗ Lăng thi tứ địa nan mai.
Năm gốc chuông lề nhà, hồn phú Khuất Nguyên trời muốn hỏi;
Một đời vì nạn nước, ý thơ Đỗ Phủ đất khôn vùi.
(Phan Bội Châu viếng Lâm Mậu – 1933[1])

聰 明 我 是 黃 家 子
正 直 君 爲 黑 帝 神
Thông minh, ngã thị Hoàng gia tử;
Chính trực, quân vi Hắc đế thần.
Thông minh, ta là con nhà họ Hoàng;
Chính trực, ông là thần nhà họ Mai.
(Đầu xứ Thái để ở đền vua Mai)

閱 寺 碑 仰 先 王 造 福 之 因 水 月 常 圓 光 滿 三 千 大 世 界
讀 國 史 記 老 媼 現 身 之 語 岳 河 水 固 靈 鐘 億 萬 祀 基 圖
Duyệt tự bi ngưỡng tiên vương tạo phúc chi nhân,
thủy nguyệt thường viên quang mãn tam thiên đại thế giới.
Độc quốc sử, ký lão ẩu hiện thân chi ngữ,
nhạc hà thủy cố linh chung ức vạn tự cơ đồ.
Xem bia chùa ngưỡng mộ nguyên do của tiên vương tạo phúc. Trăng tỏ nước tràn chiếu sáng tới tam thiên đại thế giới.
Đọc quốc sử thấy ghi lão bà hiện thân xuống nói. Núi thiêng sông hiểm đúc linh khí ngàn năm vững cơ đồ.
(Câu đối chùa Linh Mụ)

西 天 掛 錫 靈 姥 懸 瓶 何 處 去 歸 澄 源 尊 者
舍 利 飛 香 浮 屠 藏 色 此 城 安 住 敦 厚 高 僧
Tây thiên quải tích, Linh Mụ huyền bình, hà xứ khứ quy
Trừng Nguyên tôn giả
Xá lợi phi hương, phù đồ tàng sắc, thử thành an trú
Đôn Hậu cao tăng.
Tây Thiên cầm tích, Linh Mụ đeo bình, không biết đi đâu về đâu hỡi ngài Trừng Nguyên Tôn Giả;

---

[1] Theo Lê Nguyễn Lưu; *Chùa Phổ Quang và bài văn bia của Lâm Mậu; Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn;* Huế; 2002, tr. 405.

Xá lợi tỏa hương, tháp báu tàng nhục, thành này là nơi ở yên hỡi ngài Đôn Hậu Cao Tăng.

(Câu đối ở tháp Đôn Hậu chùa Thiên Mụ)

四 海 名 人 題 古 寺
一 山 風 物 眉 禪 深

Tứ hải danh nhân đề cổ tự;
Nhất sơn phong vận my thiền thâm.

Bốn biển danh nhân đề cổ tự;
Núi mây cảnh đẹp chốn thiền môn.

(Câu đối chùa Từ Hiếu)

幾 度 功 勳 長 皓 月
一 生 奇 氣 慫 高 峰

Kỷ độ công huân trường hạo nguyệt;
Nhất sinh kỳ khí túng cao phong.

Mấy lần dồn sức vầng trăng sáng;
Chí khí một đời động núi cao.

(Câu đối tháp thầy Thiện Minh chùa Thiền Tông)

石 碑 只 在 春 山 上
今 錫 授 飛 樂 國 中

Thạch bi chỉ tại Xuân sơn thượng;
Kim tích thụ phi lạc quốc trung.

Dương xuân trên núi dựng bia đá;
Trong nước truyền bay tích trượng vàng.

(Câu đối ở tháp ngài Nhất Định chùa Từ Hiếu)

同 苦 同 甘 兄 弟 族
一 心 一 志 子 孫 家

Đồng khổ đồng cam huynh đệ tộc;
Nhất tâm nhất chí tử tôn gia.

Đồng cam cộn khổ là anh em trong họ;
Một lòng một chí là con cháu trong nhà.

惠 施 天 地 番 生 盛
福 蔭 乾 坤 養 育 多

Huệ thi thiên địa phiên sinh thịnh;
Phúc ấm càn khôn dưỡng dục đa.

Ơn ban trời đất sinh vật thịnh;
Phúc rợp càn khôn nuôi nấng nhiều.

氣 英 雄 至 忠 大 義
厚 廣 大 以 德 爲 仁
Khí anh hùng chí trung đại nghĩa;
Hậu quảng đại dĩ đức vi nhân.
Khí phách anh hùng chí trung đại nghĩa;
Đầy đặn quảng đại lấy đức làm nhân.

載 筆 已 存 村 之 史
傳 言 還 自 里 之 民
Tải bút dĩ tồn thôn chi sử;
Truyền ngôn hoàn tự lý chi dân.
Nét bút vẫn còn trong sử xóm;
Lời truyền là bởi ở dân thôn

一 天 春 意 催 花 發
萬 里 財 源 擁 户 來
Nhất thiên xuân ý thôi hoa phát;
Vạn lý tài nguyên ủng hộ lai.
Một trời xuân ý giục hoa nở;
Muôn dặm tài nguyên ủng hộ thêm.

上 馬 提 鞍 三 尺 劍 戰功 顯 赫
保 民 護 國 萬 古 留 青史威 光
Thượng mã đề an, tam xích kiếm chiến công hiển hách;
Bảo dân hộ quốc vạn cổ lưu thanh sử uy quang.
Lên ngựa vỗ yên, ba thước kiếm lập chiến công hiển hách;
Giúp dân giữ nước, sáng uy danh lưu trong sử muôn đời.

雨 洒 天 流 淚
風 號 地 放 悲
Vũ sái thiên lưu địa;
Phong hào địa phóng bi.
Mưa rơi trời rơi lệ;
Gió khóc đất sầu thương.

靈 地 長 存 國 泰 民 安 同 日 月
丘 豪 氣 雄 威 戰 跡 配 乾 坤
Linh địa trường tồn quốc thái dân an đồng nhật nguyệt;
Khâu sơn hào khí hùng uy chiến tích phối càn khôn.
Đất thiêng mãi còn, quốc thái dân an ngang nhật nguyệt;
Núi non hào khí anh hùng chiến tích sánh càn khôn.

壽脈培基長濟世
延禧厚澤廣民安
Thọ mạch bồi cơ trường tế thế;
Diên hi hậu trạch quảng dân an.
Mạch thọ đắp thêm nền, cứu đời mãi mãi;
Dài phúc dày ơn huệ, mở rộng dân yên.

打東撲北威風兩國
慰民治諾和合義情
thiếu câu
dịch nghĩa
Đánh đông dẹp bắc uy phong lưỡng quốc;
Yêu dân trị nước hòa hợp nghĩa tình.

德水澄清玉帶繞環鍾秀氣
福山雄俊精神聚會肇光基
Đức thủy trừng thanh, ngọc đới nhiễu hoàn chung tú khí;
Phúc sơn hùng tuấn, tinh thần tụ hội triệu quang cơ.
Sông Đức trong dòng, như đai ngọc quấn quanh, đọng khí tốt;
Núi Phúc cao vọi, tựa tinh anh hội tụ mở nền to.

一點忠心昭日月
千秋義氣壯乾坤
Nhất điểm trung tâm chiêu nhật nguyệt;
Thiên thu nghĩa khí tráng càn khôn.
Một chút lòng trung, soi vầng nhật nguyệt;
Nghìn thu nghĩa khí hùng tráng càn khôn.

四面山河歸社稷
百年來歷薦將來
Tứ diện sơn hà quy xã tắc;
Bách niên lai lịch tiến tương lai.
Bốn mặt sơn hà quy về xã tắc;
Trăm năm lai lịch tiến bước tương lai.

派衍本支承世德
慶流苗裔引書香
Phái diễn bản chi thừa thế đức;
Khánh lưu miêu duệ dẫn thư hương.
Dòng rộng bản chi thừa hưởng đức;
Phúc lưu con cháu để thư hương.

地 存 靈 地 成 美 俗
人 有 傑 人 起 淳 風
Địa tồn linh địa thành mỹ tục;
Nhân hữu kiệt nhân khởi thuần phong.
Đất còn địa linh, trở nên mỹ tục;
Người có nhân kiệt, khởi dựng thuần phong.

捨 衮 冕 服 田 衣 接 悟 渡 迷 開 正 眼
避 王 身 騰 梵 教 示 權 指 寔 透 禪 心
Sả cổn miện phục điền y, tiếp ngộ độ mê khai chính nhãn;
Tỵ vương thân đằng phạn giáo, thị quyền chỉ thực thấu thiền tâm.
Bỏ áo cổn mũ miện, mặc áo nâu sồng, tiếp giác ngộ cứu si mê là con mắt sáng;
Tránh nghiệp vua theo Phật giáo, đem quyền thực hiện hết thiền tâm.

全 心 開 百 福
一 水 衍 千 祥
Toàn tâm khai bách phúc;
Nhất thủy diễn thiên tường.
Ngài toàn tâm mở ra trăm phúc;
Như dòng sông tuôn vạn điều lành.

覃 恩 浩 蕩 長 流 海
厚 德 巍 峨 配 天
Đàm ân hạo đãng trường lưu hải;
Hậu đức nguy nga độc phối thiên.
Ơn rộng mênh mang trải dài sông biển;
Đức cao sừng sững chỉ sánh với trời.

功 德 永 傳 先 世 譜
淳 龐 不 改 我 家 風
Công đức vĩnh truyền tiên thế phả;
Thuần bàng bất cải ngã gia phong.
Công đức truyền lâu từ phổ hệ trước;
Thói thuần hậu không đổi nếp nhà ta.

餘 百 年 來 鐘 秀 氣
萬 千 載 下 著 英 靈
Dư bách niên lai chung tú khí;
Vạn thiên tải hạ trứ anh linh.

Hơn trăm năm qua chung đúc tú khí;
Muôn vạn năm sau nổi tiếng linh thiêng.

才 明 高 舉 世
功 德 冠 全 民
Tài minh cao cử thế;
Công đức quán toàn dân.
Tài chí cao hơn đời;
Công đức trùm toàn dân.

功 高 護 國 萬 古 支 勳 名 不 死
德 大 康 民 千 秋 之 義 氣 於 生
Công cao hộ quốc vạn cổ chi huân danh bất tử;
Đức đại khang dân thiên thu chi nghĩa khí ư sinh.
Công cao hộ quốc nghìn thuở huân danh bất tử;
Đức lớn yên dân muôn năm nghĩa khí vẫn còn.

美 俗 淳 風 文 扶 地
春 堂 壽 域 太 和 天
Mỹ tục thuần phong văn phù địa;
Xuân đường thọ vực thái hòa thiên.
Mỹ tục thuần phong văn minh phò giúp;
Đài xuân cõi thọ đời sống thanh bình.

庭 獻 自 家 修 禮 云 同 敬
民 和 而 福 降 詩 詠 來 成
Đình hiến tự gia tu lễ vân đồng kính;
Dân hòa nhi phúc giáng thi vịnh lai thành.
Phép nhà do gia giáo lễ khởi do thành kính;
Dân hòa thì phúc giáng thơ ca sẽ nảy sinh.

福 載 無 私 德 合 二 儀 參 化 育
太 平 有 象 民 同 三 甲 集 衣 冠
本 社 香 子 同 拜 進
Phúc tái vô tư đức hợp nhị nghi tham hóa dục;
Thái bình hữu tượng dân đồng tam giáp tập y quan.
Phúc giáng chẳng riêng ai, đức hợp đất trời, tham gia giáo hóa;
Thái bình có biểu tượng, dân cùng tam giáp, tụ tập áo xiêm.
(Bản xã hương tử đồng bái tiến (Con hương bản xã cùng bái tiến))

志 氣 精 神 家 是 國
歷 朝 世 代 古 而 今

Chí khí tinh thần gia thị quốc;
Lịch triều thế đại cổ nhi kim.
Chí khí tinh thần, nhà là nước;
Đời trải các triều, cổ và kim.

萬古綱常明日月
百年福慶衍雲仍
Vạn cổ cương thường minh nhật nguyệt;
Bách niên phúc khánh diễn vân nhưng.
Vạn cổ cương thường sáng như nhật nguyệt;
Trăm năm phúc khánh dài tựa mây trời.

忠孝百年傳世寶
仁慈萬代裕家恩
Trung hiếu bách niên truyền thế bảo;
Nhân từ vạn đại dụ gia ân.
Trung hiếu là của báu trăm năm;
Nhân từ là đức lớn của gia tộc muôn đời.

五倫雖有親疏異
一孝推來內外同
Ngũ luân tuy hữu thân sơ dị;
Nhất hiếu suy lai nội ngoại đồng.
Đạo ngũ luân dẫu có thân sơ khác biệt;
Nhưng chữ hiếu suy ra, nội ngoại như nhau.

重會同壹成果福
尊老增餘有歲長
Trọng hội đồng nhất thành quả phúc;
Tôn lão tăng dư hữu tuế trường.
Đồng lòng coi trọng hội, thành quả phúc;
Thêm nhiều tôn lão có tuổi thọ cao.

開道圓通才無量
往來信仰福有餘
Khai đạo viên thông tài vô lượng;
Vãng lai tín ngưỡng phúc hữu dư.
Mở đạo viên thông tài cao vọi;
Vãng lai tín ngưỡng phúc càng dư.

碧闕遺跡九陛女中開色相
坤元植德三華神化別人間

Bích lãng di tích cửu bệ nữ trung khai sắc tướng;
Khôn nguyên thực đức tam hoa thần hóa biệt nhân gian.
Cửu biếc cao, dấu lưu nơi cửu bệ, mở ra sắc tướng trong giới nữ;
Đấng Khôn nguyên (mẹ) đức trồng chốn tam hoa,
riêng lập nhân gian, hóa làm thần.

科甲高標前起後輝家列祖
仕途踐履內參外讀國名臣
Khoa giáp cao tiêu tiền khởi hậu huy gia liệt tổ;
Sĩ đồ tiễn lý nội tham ngoại tán quốc danh thần.
Các vị tổ trong nhà ta nêu cao khoa giáp, người trước mở đường,
người sau kế bước;
Bầy tôi nổi danh trong nước, nối gót làm quan, trong làm Tham tán,
ngoài được ban khen.

中孝一門月印江心明大義
山河滿古詩吟天上協靈聲
Trung hiếu nhất môn nguyệt ấn giang tâm minh đại nghĩa;
Sơn hà mãn cổ thi ngâm thiên thượng hiệp linh thanh.
Trung hiếu một nhà, trăng in đáy nước gương đại nghĩa;
Sơn hà vạn cổ, trời cao thơ vọng tỏ danh thiêng.

萬古靈聲保民村康吉
二期禮拜以福德亦留
Vạn cổ linh thanh bảo dân thôn khang cát;
Nhị kỳ lễ bái dĩ phúc đức diệc lưu.
Vạn cổ linh thiêng gìn giữ dân thôn yên ổn;
Hai kỳ lễ bái để phúc đức được lưu truyền.

精忠貫日
浩氣凌雲
Tinh trung quán nhật;
Hạo khí lăng vân.
Đức tinh trung bao trùm vầng nhật;
Khí hạo nhiên vượt khỏi tầng mây.

科甲千秋家父子
聲名萬古國君臣
Khoa giáp thiên thu gia phụ tử;
Thanh danh vạn cổ quốc quân thần.

Cha con một nhà, nghìn thu khoa giáp;
Quân thần trong nước, vạn thuở tiếng tăm.

先 祖 扶 民 義 情 滿
子 孫 衛 國 孝 忠 全
Tiên tổ phù dân tình nghĩa mãn;
Tử tôn vệ quốc hiếu trung toàn.
Tiên tổ giúp dân nghĩa tình đầy đủ;
Cháu con giữ nước trung hiếu vẹn toàn.

大 豪 傑 大 英 雄 力 贊 徵 王 古 劍 寒 凝 昌 水 月
爲 君 萬 爲 悽 愴 魂 消 漢 賊 金 環 香 引 玉 林 花
Đại hào kiệt, đại anh hùng, lực tán Trưng vương, cổ kiếm hàn ngưng Xương thủy nguyệt;
Vi huân cao, vi thê thảng, hồn tiêu Hán tặc, kim hoàn hương dẫn Ngọc Lâm hoa.
Thực hào kiệt, thực anh hùng, những khi giúp đỡ vua Trưng, mặt nước sông Thương, gươm báu giăng lồng còn lấp lánh;
Còn bâng khuâng, còn phảng phất, sau lúc đuổi tan giặc Hán, cành hoa bến Ngọc, vòng tay thơm nức hãy đâu đây.

南 嶺 倦 蹤 頭 陀 安 子 上
東 阿 出 現 聖 祖 竹 林 山
Nam lĩnh Tiên tung, Đầu Đà Yên Tử thượng;
Đông A xuất hiện, Thánh tổ Trúc Lâm sơn.
Dấu Tiên ở núi Nam là vị Đầu Đà trên Yên Tử;
Xuất hiện trong họ Trần làm vị Thánh tổ phái Trúc Lâm.
(Đệ tứ Thắng cung tiến)

和 平 福 壽 榮 昌 世
忠 厚 儉 勤 盛 達 家
Hòa bình phúc thọ vinh xương thế;
Trung hậu kiệm cần thịnh đạt gia.
Đời hưng thịnh bởi hòa bình phúc thọ;
Nhà thịnh đạt do trung hậu kiệm cần.

一 片 忠 肝 懸 日 月
天 秋 義 氣 表 江 山
Nhất phiến trung can huyền nhật nguyệt;
Thiên thu nghĩa khí biểu giang sơn.

Một tấm lòng trung treo nhật nguyệt;
Nghìn năm nghĩa khí ngất non sông.

建立江山古敬流傳萬世
庶富鄉豪繼承昔樹今旌

Kiến lập giang sơn cổ kính lưu truyền vạn thế;
Thứ phú hương hào kế thừa tích thụ kim mao.
Kiến lập giang sơn cổ kính lưu truyền vạn thế;
Giàu sang đông đúc, cháu con thừa kế lâu dài.

族姓貴尊萬代長存名繼盛
祖堂靈拜千年恒在德流光

Tộc tính quý tôn vạn đại trường tồn danh kế thịnh;
Tổ đường linh bái thiên niên hằng tại đức lưu quang.
Tộc tính quý ở chỗ tôn sùng, gìn giữ muôn đời danh giá nối nhau thịnh;
Tổ đường thiêng nhờ sự chiêm bái, muôn năm tồn tại đức sáng truyền.

(Đinh Sửu niên thu tạo gia đình cộng cung tiến (Tạo mùa thu năm Đinh Sửu, gia đình cung tiến))

聖德神功靈跡配天垂日月
國恩民事廟庭隋地至君萬

Thánh đức thần công linh tích phối thiên thùy nhật nguyệt;
Quốc ân dân sự miếu đình tùy địa chí huân cao.
Thánh đức thần công, linh tích ngang trời dài năm tháng;
Nước nhớ dân thờ, miếu đình đâu cũng khói hương dâng.

愛民如子眞神德
勸善爲師實聖恩

Ái dân như tử chân thần đức;
Khuyến thiện vi sư thực thánh ân.
Yêu dân như con, đúng như thần đức;
Khuyến thiện làm gương, quả thực thánh ân.

國泰民安歌正氣
純風美俗樂人間

Quốc thái dân an ca chính khí;
Thuần phong mỹ tục lạc nhân gian.
Quốc thái dân an ngợi ca chính khí;
Thuần phong mỹ tục vui vẻ nhân gian.

樂 作 紅 娘 忙 處 處
喜 觀 佳 偶 結 雙 雙
Lạc tác hồng nương mang xứ xứ;
Hỷ quan giai ngẫu kết song song.
Vui làm bà mối bận tíu tít;
Mừng xem hai trẻ thật xứng đôi.

尋 尋 覓 覓 韶 華 轉 眼 即 逝
猶 猶 豫 豫 知 音 再 度 難 逢
Tầm tầm mịch mịch, thiều hoa chuyển nhãn tức thệ;
Do do dự dự, tri âm tái độ nan phùng.
Tìm tìm kiếm kiếm, tuổi xanh chớp mắt đã qua;
Do do dự dự, vừa ý bỏ rồi khó gặp.

破 腐 俗 何 必 追 求 門 當 户 對
建 新 風 更 應 廢 氣 輕 女 重 南
Phá hủ tục, hà tất truy cầu môn đăng hộ đối;
Kiến tân phong, cánh ưng phế khí khinh nữ trọng nam.
Bỏ tục xấu, hà tất phải chọn môn đăng hộ đối;
Xây nếp hay, phải nên phế bỏ khinh nữ trọng nam.

雨 中 翠 竹 如 含 淚
雪 裏 蒼 松 亦 貫 情
Vũ trung thúy trúc như hàm lệ;
Tuyết lý thương tùng diệc quán tình.
Trong mưa trúc biếc như rơi lệ;
Dưới tuyết tùng xanh cũng thấu tình.

虛 窗 月 冷 空 庭 寂
霜 落 天 高 曠 野 幽
Hư song nguyệt lãnh không đình tịch;
Sương lạc thiên cao khoáng dã u.
Song thưa trăng lạnh, sân hiu quạnh;
Sương xuống trời cao, nội thâm u.

三 春 乘 鶴 雲 如 彩
午 夜 啼 鵑 雪 作 衣
Tam xuân thừa hạc vân như thái;
Ngọ dạ đề quyên tuyết tác y.

Ba xuân hạc cưỡi mây như vẽ;
Nửa đêm quyên gọi tuyết làm chăn.

一 夢 黃 粱 歸 覺 路
千 班 愁 思 起 哀 情
Nhất mộng hoàng lương quy giác lộ;
Thiên ban sầu tứ khởi ai tình.
Giấc mộng kê vàng về bến giác;
Ngàn mối sầu tư gợi nỗi đau.

鐘 聲 寂 寂 蓮 臺 靜
竹 影 蕭 蕭 蘭 院 幽
Chung thanh tịch tịch liên đài tĩnh;
Trúc ảnh tiêu tiêu lan viện u.
Đài sen tĩnh, tiếng chuông tịch mịch;
Viện lan u, vẻ trúc đìu hiu.

惠 帳 消 紅 留 母 德
松 門 掩 黛 寄 坤 儀
Huệ trướng tiêu hồng lưu mẫu đức;
Tùng môn yểm đại ký khôn nghi.
Trướng huệ giảm hồng lưu đức mẹ;
Cửa tùng bớt vẻ nhớ nghi khôn.

佛 榻 月 明 金 鼓 寂
禪 堂 風 冷 本 魚 閒
Phật tháp nguyệt minh kim cổ tịch;
Thiền đường phong lãnh mộc ngư gian.
Trống đồng lặng, trăng soi giường Phật;
Mõ gỗ im, gió lạnh nhà Thiền.

梅 吐 玉 容 含 孝 德
柳 拖 金 色 動 哀 情
Mai thổ ngọc dung hàm hiếu đức;
Liễu đà kim sắc động ai tình.
Mai phô vẻ ngọc chứa đức hiếu;
Liễu rủ màu kim động nỗi đau.

家 出 良 駒 徵 富 貴
門 翔 彩 鳳 耀 光 輝

Gia xuất lương câu trưng phú quý;
Môn tường thái phượng diệu quang huy.
Nhà có ngựa hay, phô phú quý;
Cửa cao phượng lượn, rực hào quang.

海 上 蟠 桃 多 結 子
月 中 仙 桂 復 生 枝
Hải thượng bàn đào đa kết tử;
Nguyệt trung tiên quế phục sinh chi.
Bàn đào trên biển kết nhiều quả;
Tiên quế trong trăng lại nẩy cành.

桂 子 呈 祥 徵 福 厚
蘭 孫 毓 秀 兆 佳 祥
Quế tử trình tường trưng phú hậu;
Lan tôn dục tú triệu giai tường.
Con quế báo điềm khoe phúc hậu;
Cháu lan vẻ đẹp gợi niềm vui.

積 德 累 仁 先 世 栽 培 惟 福 喜
玉 麟 丹 鳳 後 昆 光 耀 顯 門 楣
Tích đức lũy nhân tiên thế tài bồi duy phúc hỉ;
Ngọc lân đan phượng hậu côn quang diệu hiển môn my.
Tích đức góp nhân, đời trước vun trồng mừng có phúc;
Ngọc lân, hồng phượng, lớp sau tỏ rõ mặt con nhà.

靈 結 珠 胎 初 羨 瑩 輝 之 入 掌
祥 符 熊 夢 方 誇 秀 色 已 臨 門
Linh kết châu thai sơ tiện oanh huy chi nhập chưởng;
Tường phù hùng mộng phương khoa tú sắc dĩ lâm môn.
Mừng kết thai châu, những mong ngọc quý trong tay nắm;
Điềm lành mộng gấu, mới khoe vẻ đẹp đã vào nhà.

泮 水 芹 香 三 級 浪
蟾 宮 桂 折 九 秋 枝
Phán thủy cần hương tam cấp lãng;
Thiềm cung quế chiết cửu thu chi.
Bờ nước hương cần ba bậc sóng;
Cung thiền bẻ quế chín cành thu.

五 經 貫 通 有 此 材 宜 有 此 遇
九 重 嘉 悅 詢 其 父 必 詢 其 君

Ngũ kinh quán thông hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;
Cửu trùng gia duyệt tuần kỳ phụ tất tuần kỳ quân.

Năm kinh thông thuộc, có tài này hẳn có gặp gỡ;
Chín trùng mãn ý, kính trọng cha ắt kính trọng vua.

一 舉 成 名 有 是 父 兄 宜 有 此 子 弟
九 重 孝 士 取 其 道 行 兼 取 其 文 章

Nhất cử thành danh, hữu thị phụ huynh, nghi hữu thử tử đệ;
Cửu trùng hiếu sĩ, thủ kỳ đạo hành, kiêm thủ kỳ văn chương.

Một lần thi đỗ, có cha anh ấy, nên có con em ấy;
Chín trùng quý sĩ, chọn theo đạo đức, kiêm chọn theo văn chương.

儒 常 尊 易 禮 詩 書 學 能 則 士
世 所 謂 英 雄 豪 傑 志 有 必 成

Nho thường tôn dịch, lễ, thi, thư, học năng tắc sĩ,
Thế sở vị anh hùng hào kiệt, chí hữu tất thành.

Nho thường tôn Dịch, Lễ, Thi, Thư, học hay ắt đỗ;
Thế vẫn gọi anh hùng hào kiệt, có chí thì nên.

男 兒 當 自 強 詎 肯 甘 爲 愚 子 弟
先 型 明 我 道 須 知 幸 有 賢 父 兄

Nam nhi đương tự cường, cự khẳng cam vi ngu tử đệ;
Tiên hình minh ngã đạo, tu tri hạnh hữu hiền phụ huynh.

Làm trai phải tự cường, há lại chịu làm con em dốt;
Gương trước sáng ta đạo, nên hay may mắn cha anh hiền.

書 田 菽 粟 皆 眞 味
心 地 芝 蘭 有 異 香

Thư điền thúc túc giai chân vị;
Tâm địa chi lan hữu dị hương.

Ruộng, sách, đậu, thóc đều vị tốt;
Đất, tâm, chi lan có hương riêng.

立 志 宜 思 眞 品 格
讀 書 須 盡 苦 功 夫

Lập chí nghi tư chân phẩm cách;
Độc thư tu tận khổ công phu.

Lập chí nên giữ đúng phẩm cách;
Đọc sách cần đem hết công phu.

桃 李 門 前 新 雨 露
詩 書 帳 下 舊 栽 培
Đào lý môn tiền tân vũ lộ;
Thi thư trướng hạ cựu tài bồi.
Đào lý trước nhà mưa móc mới;
Thi thư dưới trướng đắp vun xưa.

朝 吟 暮 詠 文 章 古
口 誦 心 惟 學 業 新
Triêu ngâm mộ vịnh văn chương cổ;
Khẩu tụng tâm duy học nghiệp tân.
Sáng ngâm, chiều vịnh, văn chương cổ;
Miệng tụng, lòng theo học nghiệp nay.

文 無 山 水 非 奇 氣
人 不 風 霜 未 老 才
Văn vô sơn thủy phi kỳ khí;
Nhân bất phong sương vị lão tài.
Văn không non nước đâu khí lạ;
Người chẳng phong sương chẳng lão tài.

掃 地 流 香 靜 裏 塵 緣 飛 不 到
彈 琴 讀 易 個 中 滋 味 有 誰 知
Tảo địa lưu hương, tĩnh lý trần duyên phi bất đáo;
Đàn cầm độc dịch, cá trung tư vị hữu thùy tri.
Quét đất còn hương, nơi tĩnh trần duyên bay chẳng tới;
Gảy đàn đọc Dịch, trong chốn thơm tho mấy kẻ hay.

春 滿 管 城 書 成 焦 葉 文 猶 綠
聲 流 竹 簡 吟 到 梅 花 句 亦 香
Xuân mãn quản thành, thư thành tiêu diệp văn do lục;
Thanh lưu trúc giản, ngâm đáo mai hoa cú diệc hương.
Xuân khắp nẻo thành, sách từ lá chuối, văn xanh mãi;
Tiếng lưu thẻ trúc, ngâm đến hoa mai trắng cũng thơm.

冬 後 有 春 歲 律 安 排 眞 不 改
否 終 復 泰 玄 機 往 返 亦 無 常
Đông hậu hữu xuân, tuế luật an bài chân bất cải;
Bĩ chung phục thái, huyền cơ vãng phản diệc vô thường.
Đông qua xuân đến, quy luật hàng năm đâu có đổi;
Bĩ đi thái lại, huyền cơ xuôi ngược cũng vô thường.

家有藏書十萬卷
世承先業百餘年
Gia hữu tàng thư thập vạn quyển;
Thế thừa tiên nghiệp bách dư niên.
Chứa sách trong nhà mười vạn quyển;
Nối nghiệp người xưa trăm năm dư.

有客遊觀時何必俱俱風水議
同鄉歆慕處所謂存存道義門
Hữu khách du quan thời, hà tất câu câu phong thủy nghị;
Đồng hương hâm mộ xứ, sở vị tồn tồn đạo nghĩa môn.
Có khách đến tham quan, hà tất xoay quanh chuyện phong thủy;
Đồng hương mà tưởng nhớ, đáng cho còn có đạo nghĩa chung.

書成蕉葉文猶綠
題向丹楓字亦紅
Thư thành tiêu diệp văn do lục;
Đề hướng đan phong tự diệc hồng.
Sách từ lá chuối văn còn biếc;
Đề hướng cây phong chữ cũng hồng.

治國齊家經傳十章昭大學
存心養性聖賢一貫在中庸
Trị quốc tề gia, kinh truyện thập chương chiêu Đại học;
Tồn tâm dưỡng tính, thánh hiền nhất quán tại Trung dung.
Trị quốc tề gia, kinh nghiệm mười chương, nơi đại học;
Tồn tâm dưỡng tính, thánh hiền một ý, ở trung dung.

瀟灑謝紅塵滿架圖書朝試筆
光明生玉葉一窗風月夜鳴琴
Tiêu sái tạ hồng trần mãn giá đồ thư triêu thí bút;
Quang minh sinh ngọc diệp, nhất song phong nguyệt dạ minh cầm.
Thoải mái trước bụi trần, đầy giá sách tranh sớm thử bút;
Rõ ràng sinh lá ngọc, một song trăng gió tối chơi đàn.

苦志時黃卷青燈聽夜雨
得意處玉堂金馬醉春風
Khổ chí thời, hoàng quyển, thanh đăng thính dạ vũ;
Đắc chí xứ, ngọc đường kim mã túy xuân phong.
Lúc gian chuân, sách cũ, đèn xanh, nghe mưa tối;
Khi đắc ý, nhà cao, ngựa đẹp, say gió xuân.

風 送 花 香 研 筆 硯
月 移 竹 影 拂 欄 杆
Phong tống hoa hương nghiên bút nghiễn,
Nguyệt di trúc ảnh, phất lan can.
Gió tiễn hương hoa mài nghiên bút;
Trăng dời ảnh trúc đến lan can.

開 東 閣 要 招 賢 士
依 北 斗 以 望 京 華
Khai đông các yêu chiêu hiền sĩ;
Y Bắc đẩu dĩ vọng kinh hoa.
Mở đông các phải vời người giỏi;
Tựa Bắc đẩu để ngóng đô thành.

夫 子 晚 年 閒 讀 易
門 子 暇 日 愛 評 詩
Phu tử vãn niên nhàn độc Dịch;
Môn sinh hạ nhật ái bình Thi.
Nhà thầy cuối đời nhàn đọc Dịch;
Học trò lúc rỗi thích bình Thi.

南 海 不 揚 波 祈 天 授 命
北 山 仍 樹 木 隨 地 開 花
Nam hải bất dương ba, kỳ thiên thụ mạnh;
Bắc sơn nhưng thụ mộc, tùy địa khai hoa.
Biển Nam không nổi sóng, cầu trời trao mệnh;
Núi Bắc có trồng cây, tùy đất nở hoa.

青 眼 客 相 逢 明 月 亭 邊 詩 起 興
白 頭 吟 可 和 名 歌 琴 譜 曲 稱 高
Thanh nhãn khách tương phùng, minh nguyệt đình biên thi khởi hứng;
Bạch đầu ngâm khả họa, danh ca cầm phổ khúc xưng cao.
Gặp khách mắt xanh, trăng sáng bên đình thơ nổi hứng;
Ngâm khúc bạc đầu, hát hay đàn ngọt, giọng khen cao.

有 子 能 賢 十 里 長 亭 生 草 木
惟 君 雅 愛 六 旬 壽 酒 醉 乾 坤
Hữu tử năng hiền, thập lý trường đình sinh thảo mộc;
Duy quân nhã ái, lục tuần thọ tửu túy càn khôn.
Có con tài giỏi, mười dặm trường đình cây cỏ mọc;
Riêng ông yêu mến, sáu tuần chúc thọ, khướt càn khôn.

閥閱家聲春酒香濃長引壽
顯揚令子紗袍彩弄每延年

Phiệt duyệt gia thanh, xuân tửu hương nùng trường dẫn thọ;
Hiển dương lệnh tử, sa bào thái lộng mỗi diên niên.

Tiếng nhờ dòng dõi, thơm ngát rượu xuân còn mãi thọ;
Nên danh con giỏi, áo sa đẹp vẻ lại thêm năm.

與聞詩禮趨庭訓
願以瓊瑰作壽環

Dữ văn thi lễ xu đình huấn;
Nguyện dĩ quỳnh khôi tác thọ hoàn.

Dạy thi lễ lúc qua sân, thường nghe thấy;
Lấy ngọc tốt làm vòng thọ, vẫn hằng mong.

復國贊戎功嶺表不磨名節
碧江留將口奸雄過此思量

Phục quốc tán nhung công, lĩnh biểu bất ma danh tiết;
Bích giang lưu tướng khẩu, gian hùng quá thử tư lường.

Phục quốc chiến công xưa, bởi cõi không mờ danh tiết;
Giang sơn lưu cửa tướng, quân thù qua đó sởn lòng.

(Miếu Năm thôn xã Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ, Thái Bình thờ Hùng Quang Cảo, tướng của Hai Bà Trưng)

事君高飄節氣爲將實稱先鋒百世無雙鹽田壯士
對敵不避威風攝民常思後樂千秋不朽虎隊英雄

Sự quân cao phiêu tiết khí, vi tướng thực xứng tiên phong, bách thế vô song Diêm Điền tráng sĩ;
Đối địch bất tốn uy phong, nhiếp dân thường tư hậu lạc, thiên thu bất hủ Hổ Đội anh hùng.

Thờ vua giương cao khí tiết, làm tướng thực xứng tiên phong, muôn thuở không ngờ Diêm Điền tráng sĩ;
Đối địchkhông kém oai phong, giúp dân chẳng màng hưởng trước, ngàn thu đâu thẹn Hổ Đội anh hùng.

(Nguyễn Nhất Năng viếng tiền quân Nguyễn Khải, dũng tướng của Đề đốc Tạ Hiện, thế kỷ 19)

承先祖救國繼伯叔勤王奇布攻標百世芳名留都美

接父兄殲仇同姑勇抗法神溪血洒千秋氣節壯農奇

Thừa tiên tổ cứu quốc, kế bá thúc cần vương, Kỳ Bố công tiêu, bách thế phương danh lưu Đô Mỹ;

Tiếp phụ huynh tiêm cừu, đồng cô cữu kháng Pháp, Thần Khê huyết sái, thiên thu khí tiết tráng Nông Kỳ.

Theo tiên tổ chống Pháp, nối chú bác cần vương, Kỳ Bố công nêu muôn thuở, danh thơm làng Đô Mỹ;

Tiếp cha anh diệt thù, cùng cô cậu chống pháp, Thần Khê rưới máu ngàn thu, khí tiết đất Nông Kỳ.

(Nguyễn Nhất Năng viếng thiếu niên anh dũng Nguyễn Nhưng)

攘敵守城渭壘當年潘俸英雄名不朽

獻身事國美壕今日定安將士淚皆垂

Nhưỡng địch thủ thành, Vị lũy đương niên, Phan Bổng anh hùng danh bất hủ;

Hiến thân sự quốc, Mỹ Hào kim nhật, Định An tướng sĩ lệ giai thùy.

Đánh giặc giữ thành, đắp lũy Vị Hoàng,

người anh hùng đất Phan Bổng danh còn mãi;

Hiến thân vì nước, vùi thân chợ Mỹ,

bao tướng sĩ vùng Yên Định thảy đều thương.

(Viếng dòng họ Nguyễn Thành, ba đời cha con ông cháu cùng chiến hào chống Pháp)

帶疾又高年攻記爐州不愧英雄尸膀革

負傷常勝任名標憲舖痛哉壯士革爲棺

Đới tật hựu cao niên, công ký Lô Châu, bất quí anh hùng thi khỏa cách;

Phụ thương thường thắng nhiệm, danh tiêu Hiến Phố, thống tai tráng sĩ thảo vi quan.

Đeo bệnh lại tuổi cao, công ghi Bãi Sậy, không hổ anh hùng bọc thây da ngựa;

Bị thương vẫn giỏi việc, tên nêu Phố Hiến, thương thay tráng sĩ liệm xác chiếu manh.

(Viếng dòng họ Nguyễn Thành)

昔日陸江法匪驚魂都美英雄督領民封皆不朽
今朝爐棟僞奸葬膽農奇壯士饒男帝贈共長榮

Tích nhật Lục Giang, Pháp phỉ kinh hồn, Đô Mỹ anh hùng,
đốc lãnh dân phong giai bất hủ;
Kim triêu Lô Đống, ngụy gian táng đảm, Nông Kỳ tráng sĩ,
nhiêu nam đế tặng cộng trường vinh.

Ngày trước Sông Luộc, giặc Pháp kinh hồn, đất Đô Mỹ anh hùng,
đốc lãnh dân phong đều chẳng nát;
Giờ đây Đống Lau, Việt gian vỡ mật, vùng Nông Kỳ tráng sĩ,
nhiêu nam vua tặng mãi thơm danh.

(Viếng dòng họ Nguyễn Thành)

占白蓮科仁聖二宗推上父
引黃江派竹林三祖認前師

Chiếm Bạch Liên khoa, Nhân, Thánh nhị tông suy thượng phụ;
Dẫn Hoàng Giang phái, Trúc Lâm tam tổ nhận tiền sư.

Chiếm khoa Bạch Liên, Nhân Thánh hai vua phong Thượng phụ;
Dẫn phái Hoàng giang, Trúc Lâm ba tổ nhận Tiên sư.

(Đền thờ quốc sư Đỗ Đô, xã Song Lãng, Vũ Thư, Thái Bình)

生不虛生而報國而排侵能使降西眞辱死
自由爲死是綱常是氣節凜然大范可長生

Sinh bất hư sinh, nhi báo quốc, nhi bài xâm, năng sử hàng Tây chân nhục tử;
Tự do vi tử, thị cương thường, thị khí tiết, lẫm nhiên đại Phạm khả trường sinh.

Sống chẳng sống thừa, đền nợ nước, diệt xâm lăng, khiến bọn hàng
Tây xấu hổ chết;
Chết như chưa chết, trọng cương thường, nêu khí tiết, hiên ngang
ông Phạm vẫn trường sinh.

(Tiến sĩ Doãn Khuê viếng Phạm Thế Hiển, thế kỷ 19)

義憤合當爲但把丹心天日照
粉碎且不懼寧知此地雪霜多

Nghĩa phẫn hợp đương vi, đãn bả đan tâm thiên nhật chiếu;
Phấn toái thả bất cụ, ninh tri thử địa tuyết sương đa.

Trọng vì nghĩa ra tay, chắc hẳn lòng son trời chiếu thấu;
Nát như tro nào sợ, sá chi sương tuyết đất này nhiều.

(Nguyễn Quang Bích viếng Tán tương Nguyễn Khê Ông)

聞 道 遠 來 書 遺 囑 葱 芒 仇 帶 客
濟 此 多 難 日 致 身 應 畏 敵 還 心

Văn đạo viễn lai thư, di chúc thông mang cừu đới khách;
Tế thử đa gian nhật, trí thân ưng úy địch hoàn tâm.
Tang mẹ đường xa, dặn hãy khoan đưa người lữ khách;
Nước nhà nạn lớn, sao cho thỏa nguyện đấng từ thân.
(Nguyễn Quang Bích viếng ông Tán lý họ Nguyễn)

籌 筆 心 勞 擬 把 捐 哀 酬 雨 露
征 衣 線 在 那 堪 寸 草 係 春 輝

Trù bút tâm lao, nghĩ bả quyên ai thù vũ lộ;
Chinh y tuyến tại, na kham thốn thảo hệ xuân huy.
Trù bút lòng tôi, muốn được mảy may đền nợ nước;
Chỉ kim tay mẹ, khôn đem tấc cỏ báo đền ơn.
(Nguyễn Quang Bích viếng mẹ ông tham tán quân thứ)

生 不 與 俱 生 完 此 科 名 完 大 節
死 能 寒 未 死 可 能 白 刃 可 中 庸

Sinh bất dữ câu sinh, hoàn thử khoa danh, hoàn đại tiết;
Tử năng hàn vị tử, khả năng bạch nhận, khả trung dung.
Sống với giặc chẳng chung sống, đã trọn vẹn khoa danh,
đã chu toàn đại nghĩa;
Chết hàn tâm người chưa chết, vừa hy sinh gian khổ,
vừa trọn đạo trung dung.
(Nguyễn Quang Bích viếng Vũ Hữu Lợi)

廷 對 文 章 优 甲 第
家 修 學 行 在 昇 聞

Đình đối văn chương ưu giáp đệ;
Gia tu học hạnh tại thăng văn.
Mài dũa văn chương đứng đầu bảng;
Luyện rèn đức hạnh đến tai vua.
(Án sát Hà Nội Vũ Công mừng Nguyễn Quang Bích đỗ Hoàng giáp)

貳 甲 風 聲 今 作 古
壹 門 科 宦 弟 難 兄

Nhị giáp phong thanh kim tác cổ;
Nhất môn khoa hoạn đệ nan huynh.
Lẫy lừng nhị giáp vinh kim cổ;
Đỗ đạt một nhà rạng anh em.
(Đồng tiến sĩ khoa Quý Mão là Mai Hiên mừng Nguyễn Quang Bích)

聖 勢 龍 雲 千 載 遇
師 門 桃 李 入 天 交

Thánh thế long vân thiên tải ngộ;
Sư môn đào lý nhập thiên giao.

Triều thánh rồng mây duyên gặp gỡ;
Cửa thầy đào lý bạn tâm tình.

(Bạn học họ Dương làng An Xá, huyện Duyên Hà mừng Nguyễn Quang Bích)

才 优 同 輩 如 今 日
名 振 明 廷 自 昔 年

Tài ưu đồng bối như kim nhật;
Danh chấn minh đình tự tích niên.

Bè bạn đua tài vừa buổi mới;
Nhà vua nghe tiếng tự năm xưa.

(Trần Kiến Tuấn cử nhân làng Vân Đình mừng Nguyễn Quang Bích)

學 行 不 負 先 生 舉
科 名 果 稱 大 兄 心

Học hạnh bất phụ tiên sinh cử;
Khoa danh quả xứng đại huynh tâm.

Học hạnh chẳng quên lời thầy cử;
Khoa danh quả xứng bậc huynh mong.

(Cử nhân Trần Đương Tiết mừng Nguyễn Quang Bích)

昔 年 務 隱 南 山 豹
今 日 雲 搴 北 海 鵬

Tích niên vụ ẩn Nam Sơn báo;
Kim nhật vân khiên Bắc Hải bằng.

Núi Nam năm trước nương thân báo;
Bể Bắc ngày nay cất cánh bằng.

(Nguyễn Huyền, huyện Vũ Tiên mừng Nguyễn Quang Bích)

一 日 聲 名 遍 天 下
百 年 風 運 起 吾 州

Nhất nhật thanh danh biến thiên hạ;
Bách niên phong vận khởi ngô châu.

Tiếng thơm một buổi lừng thiên hạ;
Phong vận trăm năm nức huyện nhà.

(Câu đối Cơ Hữu Cường mừng Nguyễn Quang Bích)

鄉黨中人常謂志之堅學之確
大廷首選不負師所居友所期

Hương đảng trung nhân, thường vị chí chi kiên, học chi xác;
Đại đình thủ tuyển, bất phụ sư sở cư, hữu sở kỳ.

Người trong hương đảng luận bàn: thường nói chí kiên cường, học vững chắc;
Thi ở đại đình đỗ nhất: chẳng phụ thầy đề cử, bạn chờ mong.

(Bạn đồng khoa Nguyễn Mậu mừng Nguyễn Quang Bích)

天子臨軒索生命政教擢第一
先生入近疏學問持取以名聞

Thiên tử lâm hiên, sách tính, mệnh, chính, giáo, trạc đệ nhất;
Tiên sinh nhập cận, sớ học vấn, trì thủ dĩ danh văn.

Vua ngự tới hiên, hỏi về tính mệnh, chính trị, giáo dục, lấy đỗ đầu;
Thầy học vào chầu, tâu về học vấn, chí rèn luyện giữ gìn có tiếng.

(Bạn học Trần Duy Tân, làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc và Nguyễn Hoạt làng Xuân Canh, huyện Đông Ngàn mừng Nguyễn Quang Bích)

允先生鑄金待廿載標占廷元
張進士登甲來百年始開縣譜

Doãn tiên sinh chú kim, đãi trấp tải tiêu chiếm đình nguyên;
Trương tiến sĩ đăng giáp, lai bách niên thủy khai huyện phổ.

Doãn tiên sinh đúc vàng, hai mươi năm đình nguyên mới xuất;
Trương tiến sĩ thi đỗ, một thế kỷ huyện phổ mới khai.

(Bạn học Nguyễn Đức Dụ làng Đông Xuân cùng huyện mừng Nguyễn Quang Bích)

文章未必相懸鳥準高翔須欽格
科第豈眞定品黃葩青節看秋深

Văn chương vị tất tương huyền, điểu chuẩn cao tường tu liễm cách;
Khoa đệ khởi chân định phẩm, hoàng ba thanh tiết khán thu thâm.

Văn chương chưa hẳn đã xa xôi, chim sắp bay cao nên khép cánh;
Khoa giáp phải đâu là phẩm định, hoa vàng thanh lịch đợi thu sang.

(Đặng Văn Phủ làng Hành Thiện, Xuân Trường mừng Nguyễn Quang Bích)

兄有良太守弟有賢秀才家蔭百年徵始大
師如允政卿友如楊副榜廷元一第信非奢

Huynh hữu lương thái thú, đệ hữu hiền tú tài, gia ấm bách niên trưng thủy đại;
Sư như Doãn chính khanh, hữu như Dương phó bảng, đình nguyên nhất đệ tín phi xa.

Anh là tri huyện giỏi, em lại đỗ tú tài,
phúc gia đình trăm năm thấy rõ;
Thầy như Doãn chính khanh, bạn như Dương phó bảng,
thật là xứng bậc đỗ đình nguyên.
(Giáo thụ huyện Ứng Hòa, Hà Đông là Vũ Đức Bình mừng Nguyễn Quang Bích)

南岳降神親國有
山民遺愛邵堂閎
Nam nhạc giáng thần thân quốc hữu;
Sơn dân di ái Thiệu đường lưu.
Nhờ đức thân công, Nam nhạc giáng thần từ thuở trước;
Yêu nhà Thiệu Bá, lòng dân quí mến mãi về sau.
(Ông Như Phong, Ty Án sát Sơn Tây mừng Nguyễn Quang Bích)

欽恤只一心自以不冤民見德
兵刑非兩事方之決自帝歸功
Khâm tuất chỉ nhất tâm, tự dĩ bất oan dân kiến đức;
Binh hình phi lưỡng sự, phương chi quyết tự đế qui công.
Vẹn tròn yêu nước yêu dân, chẳng có nỗi oan, dân mến đức;
Kiêm cả việc hình việc võ, đã nhiều việc tốt, đế khen công.
(Nhân viên Ty Án sát Sơn Tây tặng Nguyễn Quang Bích)

風過肺石清如水
雨洒行楊潤若蘇
Phong qua phế thạch thanh như thủy;
Vũ sái hàng dương nhuận nhược tô.
Gió qua đá phế trong như nước;
Mưa tới hàng dương sáng tựa gương.
(Tam tuyên đề đốc Lưu Vĩnh Phúc kính tặng Nguyễn Quang Bích)

文章德業有餘胸藏范老
成敗利鈍不計躬比武候
Văn chương đức nghiệp hữu dư, hung tàng Phạm Lão;
Thành bại lợi độn bất kế, cung tỉ Vũ Hầu.
Văn chương đức nghiệp có thừa, bụng như Phạm Lão,
Thành bại hơn thua không kể, thân sánh Vũ Hầu.
(Văn thân điếu Nguyễn Quang Bích)

不朽者名在天下在後世
何奪之速此國祚此人心

Bất hủ giả danh, tại thiên hạ, tại hậu thế;
Hà đoạt chi tốc, thử quốc tộ, thử nhân tâm.
Tên ông bất hủ, thiên hạ biết mãi, đời sau biết mãi;
Trời sao vội cướp, lòng người thế này, vận nước thế này.
(Văn thân điếu Nguyễn Quang Bích)

痛心時事異常士君子有國之仇無身之怨
回首江山依舊大丈夫雖死之日猶生之年
Thống tâm thời sự dị thường, sĩ quân tử hữu quốc chi cừu vô thân chi oán;
Hồi thủ giang sơn y cựu, đại trượng phu tuy tử chi nhật do sinh chi niên.
Đau lòng thay, thời sự bất thường, kẻ sĩ quân tử, thù nước làm trọng, thân mình không tiếc;
Quay đầu lại, non sông như cũ, bậc đại trượng phu, cái chết xem khinh, sự sống vẫn còn.
(Văn thân điếu Nguyễn Quang Bích)

淚欲成冰回首桂山頭遙望白雲扶正氣
恨由未絕痛心茶海口途聞洪浪叫英風
Lệ dục thành băng, hồi thủ Quế Sơn đầu, dao vọng bạch vân phù chính khí;
Hận do vị tuyệt, thống tâm Trà Hải khẩu, đồ văn hồng lãng khiếu anh phong.
Nước mắt muốn thành băng, ngó lại Quế Sơn, chỉ thấy mây trắng phau, bát ngát chân trời bầu chính khí;
Hận thù chưa tan khối, trông vời Trà Hải, những nghe sóng đào cuồn cuộn, vật vờ mặt biển trận anh phong.
(Văn thân điếu Nguyễn Quang Bích)

手用從心造物足除無盡藏
昨耕實力人間別占自由權
Thủ dụng tòng tâm, tạo vật túc trừ vô tận tạng;
Tạc canh thực lực, nhân gian biệt chiếm tự do quyền.
Mặc sức chi dùng, tạo vật giành cho kho vô tận;
Tự tay cầy cấy, bầu trời riêng biệt chốn tự do.
(Con trai cả Nguyễn Quang Bích là Quang Đoan khi lập cơ sở ở núi Bàn Long, Tam Đảo, Vĩnh Phúc)

海角嬾聞重浪叫
林巢樂借一枝棲

Hải giác lãn văn trùng lãng khiếu;
Lâm sào lạc tá nhất chi thê.
Góc biển lười nghe làn sóng vỗ;
Bìa rừng vui mượn một cành riêng.
(Ngô Quang Đoan khi ở Đại Hoàng)

大義所當爲報國丹心光日月
深讎猶未絕鐵仇皓氣壯山河
Đại nghĩa sở đương vi, báo quốc đan tâm quang nhật nguyệt;
Thâm thù do vị tuyệt, tiêm cừu hạo khí tráng sơn hà.
Nghĩa lớn nên làm, giết giặc lòng son ngời nhật nguyệt;
Thù sâu chưa trả, hy sinh khí mạnh rạng non sông.
(Ngô Quang Đoan khóc Nguyễn Thái Học)

魁元聲價雲霜上
不朽精靈宇宙中
Khôi nguyên thanh giá vân tiêu thượng;
Bất hủ tinh linh vũ trụ trung.
Đình nguyên tiếng dọng trên mây biếc;
Trung nghĩa hồn thiêng lắng núi sông.
(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

砥柱千秋標越國
名門百世表程江
Chỉ trụ thiên thu tiêu Việt quốc;
Danh môn bách thế biểu Trình giang.
Cột trụ ngàn năm nêu nước Việt;
Danh thơm muôn thuở tỏa sông Trình.
(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

萬里春山淒雨泣
百年冬望感風寒
Vạn lý xuân sơn thê vũ khấp;
Bách niên đông vọng cảm phong hàn.
Muôn dặm xuân sơn mưa thấm khóc;
Trăm năm đông vọng gió lạnh tràn.
(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

風自南來經解慍
月猶雙照可忘懷

Phong tự Nam lai kinh giải uất;
Nguyệt do song chiếu khả vong hoài.
Gió phương Nam thổi, giải cơn buồn bực;
Trăng cửa sổ soi, giữ nỗi u hoài.
(Câu đôi dán cửa sổ gia đình Ngô Quang Đoan)

其人如俊嶺寒梅蕊吐殘冬香益遠
此地有秋園黃菊色鋪老圃節彌高

Kỳ nhân như tuấn lĩnh hàn mai, nhị thổ tàn đông hương ích viễn;
Thử địa hữu thu viên hoàng cúc, sắc phô lão phố tiết di cao.
Đất kia cúc nẩy vườn thu, xóm cũ hoa vàng cao khí tiết;
Người ấy mai vàng đỉnh núi, đông tàn nhụy tỏa ngát sơn khê.
(Ông Ấm Trưng quê Quần Anh, Xuân Trường, Nam Định tặng Ngô Quang Đoan)

有是哉山溪瘴海波濤幾度艱危能不死
無負也世簪纓家忠孝千秋名節凜如生

Hữu thị tai, sơn khê chướng, hải ba đào, kỷ độ gian nguy năng bất tử;
Vô phụ dã, thế trâm anh, gia trung hiếu, thiên thu danh tiết lẫm như sinh.
Từng ở nơi, núi lam chướng, bể ba đào, mấy độ gian nan mà chẳng chết;
Không phụ nòi, giống trâm anh, nhà trung hiếu, ngàn thu danh tiết vẫn như còn
(Cụ Vũ Mạnh Phương ở Thanh Nê, Kiến Xương viếng cụ Ngô Quang Đoan)

天里在人心瞻仰自然起敬
吾道如元氣周流未必不存

Thiên lý tại nhân tâm, chiêm ngưỡng tự nhiên khởi kính;
Ngô đạo như nguyên khí, chu lưu vị tất bất tồn.
Lẽ phải ở lòng người, chiêm ngưỡng tự nhiên kính trọng;
Đạo nho như nguyên khí, chu lưu mãi mãi vẫn còn.
(Trần Ngọc Dư đề cổng văn từ huyện Kiến Xương, Thái Bình)

犬逢猛虎平原上
蝦遇眞龍淺水中

Khuyển phùng mãnh hổ bình nguyên thượng;
Hà ngộ chân long thiển thủy trung.

Chó đùa hổ dữ trên đồng phẳng;
Tôm bỡn rồng thiêng chỗ nước nông.
(Đối đáp của cụ cử Mỹ Lộc (Nam Định) và cụ cử An Bồi (Thái Bình))

館舍未逢青眼客
路途堪嘆白頭翁
Quán xá vị phùng thanh nhãn khách;
Lộ đồ kham thán bạch đầu ông.
Trong quán khách mắt xanh chưa gặp;
Giữa đường ông đầu bạc những buồn.
(Đối đáp của cụ cử Mỹ Lộc và cụ cử An Bồi)

瀆江一陣交攻銳氣沖天無敗北
對嶺百年長在甘心誓地不降西
Độc giang nhất trận giao công, nhuệ khí xung thiên vô bại Bắc;
Đối lĩnh bách niên trường tại, cam tâm thệ địa bất hàng Tây.
Sông Độc một trận giao phong, khí bốc ngút trời không bại Bắc;
Núi đồn trăm năm còn mãi, quyết thề với đất chẳng hàng Tây.
(Phạm Thế Hiển viết trước khi mất, tháng 7 năm Tân Dậu (1861) tại Phú Yên)

雨飄翠竹垂紅淚
雲壓青松帶素冠
Vũ phiêu thúy trúc thùy hồng lệ;
Vân áp thanh tùng đái tố quan.
Mưa bay trúc biếc rơi hàng lệ;
Mây tỏa thông xanh trắng khăn tang.

天不自閒且向忙中尋曉暇
事都如戲何修假處笑非眞
Thiên bất tự nhàn, thả hướng mang trung tầm hiểu hạ;
Sự đô như hí, hà tu giả xứ tiếu phi chân.
Trời chẳng cho thong dong, tìm chút thư nhàn trong bận rộn;
Cuộc đời giống tuồng hát, sống trong kiếp giả chẳng chê hư.
(Câu đối của Đào Tấn treo ở rạp diễn Thị Như Quan, kinh đô Huế)

明同日月妙南天鳳趾麟場嘉錦繡
香滿乾坤靈越地龍蟠虎踞盛文章
Minh đồng nhật nguyệt diệu nam thiên, phụng chỉ lân trường gia cẩm tú;
Hương mãn càn khôn linh việt địa, long bàn hổ cứ thịnh văn chương.

Ánh sáng không thua nhật nguyệt, soi khắp trời Nam, như phượng múa lân chầu, càng tăng thêm gấm vóc;
Mùi hương tràn khắp càn khôn, làm thơm cõi Việt, tựa hổ ngồi rồng cuộn, đẹp những đấng tài hoa.
(Trịnh Hoài Đức đề ở đình Gia Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh)

朝有勳名半屬河汾舊學
斗南風教齊欽岳麓餘輝

Triều hữu huân danh, bán thuộc Hà Phần cựu học;
Đẩu Nam phong giáo, tề khâm Nhạc Lộc dư huy.
Triều chính huân danh, chia nửa thuộc đất Hà Phần chân cựu học;
Trời Nam phong giáo, hoàn toàn nhờ danh Nhạc Lộc tiếng lừng vang.
(Nguyễn Vương, sau này là Gia Long ban cho Vũ Trường Toản ở làng Hòa Hưng, huyện Bình Dương, Gia Định, năm 1792)

生前教訓得人無子而有子
沒後聲名在世雖亡也不亡

Sinh tiền giáo huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử;
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong dã bất vong.
Khi sống, dạy trò nên người, không con mà như có;
Lúc về, tiếng thơm để lại, dẫu mất vẫn như còn.
(Học trò Võ Trường Toản khóc thầy)

陸旬我已休官去
三甲君初得第回

Lục tuần ngã dĩ hưu quan khứ;
Tam giáp quân sơ đắc đệ hồi.
Sáu chục tuổi, tôi hưu quan đấy;
Tam giáp khoa, anh đỗ rồi về.
(Đào Tấn mừng Hồ Sĩ Tạo, làng Hòa Cư, An Nhơn, Bình Định, đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904))

聖德瑰瑰職掌人間之主宰
臣工赫赫命承天帝之權行

Thánh đức khôi khôi, chức chưởng nhân gian chi chủ tể;
Thần công hách hách, mệnh thừa thiên đế chi quyền hành.
Thánh đức mênh mang, giữ ngôi chủ tể trong thiên hạ;
Thần công hiển hách, thừa lệnh quyền hành chốn chính cung.
(Đình làng Đôn Thư, Gia Lộc, Hải Dương thờ võ tướng Trần Công Hiến, (? - 1817))

安相只爲樂天廿年春香水風輕屏山雲淡
定徵祥於吉地四月夏堯書龜應晉調龍飛

An tương chỉ vi lạc thiên, trấp niên xuân, Hương thủy phong khinh, Bình sơn vân đạm;
Định trưng tường ư cát địa, tứ nguyệt hạ, Nghiêu thư qui ứng, Tấn điệu long phi.
An ở chỗ vui mệnh trời, hai chục năm xuân, gió nhẹ sông Hương, mây mờ đỉnh Ngự;
Định cho điềm về đất tốt, tháng tư mùa hạ, rồng bay điệu Tấn, rùa biển sách Nghiêu.
(Cổng cung An Định, kinh đô Huế)

豈 敢 以 民 力 爲 臺 爲 沼
尚 其 遺 孫 謀 惟 園 惟 翰
Khởi cảm dĩ dân lực vi đài vi chiểu;
Thượng kỳ di tôn mưu duy viên duy hàn.
Đâu dám lấy sức dân đào ao dựng gác;
Chỉ trao cho đời cháu cây bút mảnh vườn.
(Mặt trong cổng cung An Định, kinh đô Huế)

五 木 尚 家 風 屈 子 騷 魂 天 欲 問
一 生 惟 國 患 杜 陵 詩 思 地 難 埋
Ngũ mộc thượng gia phong, Khuất Tử tao hồn thiên giục vấn;
Nhất sinh duy quốc hoạn, Đỗ Lăng thi tứ địa nan mai.
Năm gốc giữ lề nhà, hồn nhạc Khuất Nguyên trời muốn hỏi;
Một đời lo nạn nước, ý thơ Đỗ Phủ đất khôn vùi.
(Phan Bội Châu viếng Lâm Mâu, làng Minh Hương, Hương Trà, Thừa Thiên Huế, năm 1933)

一 柱 名 藍 創 見 猶 留 舊 跡
十 方 善 念 重 修 凌 唱 新 規
Nhất trụ danh lam, sáng kiến do lưu cựu tích;
Thập phương thiện niệm, trùng tu lăng xướng tân qui.
Chùa Một Cột danh lam, sáng kiến dựng xây lưu dấu cũ;
Lòng thập phương mộ đạo, càng tăng vẻ đẹp mới trùng tu.
(Đặng Văn Hòa, làng Thanh Lương, Hương Trà, Thừa Thiên Huế cung tiến vào chùa Một Cột, Hà Nội, năm 1838)

石 柱 湖 中 除 法 雨
金 蓮 座 上 吐 慈 雲
Thạch trụ hồ trung trừ pháp vũ;
Kim Liên tòa thượng thổ từ vân.

Trụ đá trong hồ ban mưu phép;
Sen vàng trên bệ tỏa mây từ.
(Đặng Văn Hòa, Thừa Thiên Huế cung tiến vào chùa Một Cột, Hà Nội năm 1839)

恣 火 量 籌 欽 聖 允
爲 民 之 繼 動 神 知
Tứ hỏa lượng trù khâm thánh doãn;
Vị dân chi kế động thần tri.
Trừ hỏa tính xa, vâng thánh ý;
Vì dân tận lực, động thần tâm.
(Đặng Văn Hòa, Thừa Thiên Huế, cúng vào miếu Yên Hội, huyện Thọ Xương, Hà Nội, 1838)

遍 覽 名 山 無 如 鄉 景 好
盡 嘗 美 味 爲 若 菜 根 香
Biến lãm danh sơn, vô như hương cảnh hảo;
Tận thường mỹ vị, vị nhược thái căn hương.
Xem khắp danh lam, không bằng cảnh làng quê đẹp;
Nếm hết mĩ vị, khó sánh hương vị rau thơm.
(Đặng Văn Hòa, làng Thanh Lương, Hương Trà, Thừa Thiên Huế)

夙 興 夜 寐 無 忝 所 生
言 念 耳 愫 聿 修 厥 德
Túc hưng dạ mị, vô thiểm sở sinh;
Ngôn niệm nhĩ tố, duật tu quyết đức.
Dậy sớm thức khuya, đừng hổ danh cha mẹ;
Nhớ lời thực nhĩ, noi theo đức người xưa.
(Đặng Văn Hòa di huấn cho con cháu)

征 施 耐 封 功 弟 一
收 歸 仁 偉 績 無 雙
Chinh Thi Nại, phong công đệ nhất;
Thu Qui Nhơn, vĩ tích vô song.
Đánh cửa Thi Nại, công ông đệ nhất;
Chiếm thành Qui Nhơn, chiến tích vô song.
(Mặt trước lăng Ông Bà Chiểu (Lê Văn Duyệt) ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

潘 鄍 佐 國 前 良 將
嘉 定 勤 王 後 顯 神
Phan Rang tá quốc tiền lương tướng;
Gia Định cần vương hậu hiển thần.

Giúp nước ở Phan Rang, thuở trước nên trang tướng giỏi;
Phò vua tại Gia Định, về sau thành bậc thần linh.
(Mặt trước lăng Ông Bà Chiểu (Lê Văn Duyệt) ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

嘉鎮漢鴻人民思汗馬朝廷崇拜別天南
橫山伏虎物色會雲龍節鉞指揮爲帝佐

Gia trấn mạc hồng, nhân dân tư hãn mã, triều đình sùng bái biệt thiên Nam;
Hoành Sơn phục hổ, vật sắc hội vân long, tiết việt chỉ huy vi đế tá.

Tại Gia Định như cánh hồng bay vút, nhân dân tưởng nhớ công ơn, riêng cõi trời Nam triều đình sùng bái;
Nơi Hoành Sơn tựa mãnh hổ nép mình, cơ hội rồng mây gặp gỡ, hiên ngang tiết việt phò chúa chỉ huy.
(Bên trong điện tiền lăng Ông Bà Chiểu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

良將才能千古留芳懸北闕
英雄氣節百年著績壯南疆

Lương tướng tài năng, thiên cổ lưu phương huyền Bắc khuyết;
Anh hùng khí tiết, bách niên trước tích tráng Nam cương.
Tài năng tướng giỏi, thơm ngát ngàn thu nên Bắc khuyết;
Khí tiết anh hùng, công lưu muôn thuở nức Nam cương.
(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiểu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

君聖臣忠施耐封功推第一
地靈人傑瀝嗲發蹟定無雙

Quân thánh thần trung, Thi Nại phong công suy đệ nhất;
Địa linh nhân kiệt, Rạch Gầm phát tích định vô song.
Chúa thánh tôi trung, trận Thi Nại phong công có một;
Đất linh người giỏi, vùng Rạch Gầm phát tích không hai.
(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiểu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

護國庇民萬古勳名垂宇宙
越南振北千秋聲勢壯山河

Hộ quốc tý dân, vạn cổ huân danh thùy vũ trụ;
Việt Nam chấn Bắc, thiên thu thanh thế tráng sơn hà.
Giữ nước, che dân, muôn thuở tiếng thơm trùm trời đất;
Vượt Nam, ngăn Bắc, ngàn đời thanh thế tráng non sông.
(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiểu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

大天春色在眉頭記當年翠暖珠香曾游贍部
五萬鶯花如夢裏念此日丁歌甲舞重睡崑崙

Đại thiên xuân sắc tại mi đầu, ký đương niên thúy noãn châu hương, tằng du Thiệm Bộ;
Ngũ vạn oanh hoa như mộng lý, niệm thử nhật đinh ca giáp vũ, trùng thụy Côn Lôn.

Xuân sắc mấy ngàn nước mắt, nhớ năm xưa thúy châu thơm ấm, bóng cũ từng tới lui Thiệm Bộ;
Oanh hoa năm vạn trong mơ, tưởng ngày nọ đinh giáp múa ca, hình xưa lại ghi dấu Côn Lôn.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

爲良將爲元臣許多政蹟戎功赫赫然在人耳目
此墓碑此祠廟歷幾歐風亞雨巍巍乎吾土山江

Vi lương tướng, vi nguyên thần, hứa đa chính tích nhung công, hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục;
Thử mộ bi, thử từ miếu, lịch kỷ Âu phong á vũ, nguy nguy hồ ngô thổ sơn giang.

Trang danh tướng, bậc lương thần, bao chiến tích nhung công, rỡ ràng trước nhân dân tai mắt;
Nọ mộ bia, kìa đền miếu, trải gió Âu mưa á, sừng sững cùng đất nước non sông.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

佐中興附鳳攀龍與國百年昭偉績
制外闖安民息盜令人千載佩威風

Tá trung hưng phụ phượng, phan long, dữ quốc bách niên chiêu vĩ tích;
Chế ngoại khổn an dân, tức đạo, lệnh nhân thiên tải bội uy phong.

Giúp trung hưng, phò vua đỡ chúa, trăm năm cùng nước non nêu công tích;
Ngăn cõi bờ an dân diệt giặc, ngàn đời khiến dân chúng phục uy phong.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

南朝遠播聲名靖遍塞擎天一柱
北鎮長留義氣耀精靈護國千秋

Nam triều viễn bá thanh danh, tịnh biên tái kình thiên nhất trụ;
Bắc trấn trường lưu nghĩa khí, diệu tinh linh hộ quốc thiên thu.

Tiếng thơm truyền mãi mãi Nam, yên bờ cõi chống trời một cột;
Nghĩa khí vang dài đất Bắc, vững oai linh giúp nước ngàn thu.
(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

故國江山巍然存古廟
將軍事業卓爾肆功臣
Cố quốc giang sơn, nguy nhiên tồn cổ miếu;
Tướng quân sự nghiệp, trác nhĩ dị công thần.
Cổ miếu còn kia, sừng sững với non sông đất nước;
Công thần hiển hiện, rỡ ràng cùng sự nghiệp tướng quân.
(Chính điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

居之無倦行之以忠敏則有功寬則得眾
永言配命自求多福慎乃儉德惟懷永圖
Cư chi vô quyện, hành chi dĩ trung, mẫn tắc hữu công, khoan tắc đắc chúng;
Vĩnh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc, thận nãi kiệm đức, duy hoài vĩnh đồ.
Cư quan không mệt mỏi, hành sự chỉ biết trung, chăm chỉ tất thành công, bao dung tất được mến;
Hòa hợp phối mệnh, tự cầu nhiều phúc, thận trọng kiệm đức, mong giữ lâu dài.
(Vua Tự Đức để ở điện Cần Chánh, kinh đô Huế)

不剛不柔敷政優優無偏無黨王道蕩蕩
有正其心先誠其意有之於諸己后求諸人
Bất cương bất nhu, phu chính ưu ưu, vô thiên vô đảng, vương đạo đãng đãng.
Hữu chính kỳ tâm, tiên thành kỳ ý, hữu chi ư chư kỉ hậu cầu chư nhân;
Chẳng nhu chẳng cương, chính sự giỏi giang, không thiên không lệch, vương đạo bát ngát.
Muốn chính tâm mình, trước hết phải thành ý, có ở mình sau mới cầu ở người;
(Vua Tự Đức để ở Viện Đông Các, kinh thành Huế)

名播光榮前爵祿
情孚匆慕後人民
Danh bá quang vinh tiền tước lộc;
Tình phu thông mộ hậu nhân dân.

Tên nổi vinh quang, trước là tước lộc;
Thỏa lòng ngưỡng mộ, sau là nhân dân.

公門出入皆君子
正路往來客善人

Công môn xuất nhập giai quân tử;
Chính lộ vãng lai khách thiện nhân.

Ra vào cửa công đều là quân tử;
Lại qua đường thẳng là khách thiện nhân.

大樹成材榮祖業
高堂福壽顯家居

Đại thụ thành tài vinh tổnghiệp;
Cao đường phúc thọ hiển gia cư.

Đại thụ um tùm vinh tổ nghiệp;
Cao đường phúc thọ hiển gia cư.

靜業重修功果
慈門普渡福緣

Tĩnh nghiệp trùng tu công quả;
Từ môn phổ độ phúc duyên.

Tĩnh nghiệp trùng tu công với quả;
Từ tâm phổ độ phúc và duyên.

老去又逢新歲月
春來更有好花枝

Lão khứ hựu phùng tân tuế nguyệt;
Xuân lai cánh hữu hảo hoa chi.

Tuổi lão qua rồi, lại thêm năm tháng mới;
Ngày xuân đến tiếp, lại mừng nhánh hoa tươi.

人之初莫不本乎祖
後有繼思以光於前

Nhân chi sơ mạc bất bản hồ tổ;
Hậu hữu kế tư dĩ quang ư tiền.

Người ta ra đời ai cũng bắt gốc ở tổ tiên;
Đời sau đều nghĩ phát sáng công đức đời trước.

向來已事多爲史
細認如圖欲命詩

Hướng lai dĩ sự đa vi sử;
Tế nhận như đồ dục mệnh thi.
Xưa nay việc cũ thường trong sử;
Xem kỹ bản đồ vẽ nên thơ.

不 盡 波 潘 培 德 樹
有 餘 慶 衍 發 芳 枝

Bất tận ba phiên bồi đức thụ;
Hữu dư khánh diễn phát phương chi.
Trồng cây đức dẫu ba đào chẳng ngại;
Nảy cành xanh nên phúc khánh có thừa.

香 山 旺 氣 鐘 五 枝 百 葉
芑 木 清 源 遠 萬 派 千 流

Hương sơn vượng khí chung ngũ chi bách diệp;
Dĩ mộc thanh nguyên viễn vạn phái thiên lưu.
Non Hương có vượng khí chung đúc nên năm cành trăm lá;
Cội dĩ được tưới bởi nguồn trong xa vạn phái muôn dòng.
(Bảo Đại Quý Mùi (Năm Bảo Đại, Quý Mùi))

福 果 圓 完 佳 境 樹
善 根 秀 發 滿 成 花

Phúc quả viên hoàn giai cảnh thụ;
Thiện căn tú phát mãn thành hoa.
Phúc quả vẹn tròn cây giai cảnh;
Thiện căn nảy lộc phát thành hoa.

開 道 圓 通 才 無 量
往 來 信 仰 福 有 餘

Khai đạo viên thông tài vô lượng;
Vãng lai tín ngưỡng phúc hữu dư.
Khai đạo được vẹn tròn, tài cao không lường hết;
Vãng lai mà tín ngưỡng, quả phúc có dư.

福 址 厚 培 于 古 遠
人 基 高 築 萬 年 存

Phúc chỉ hậu bồi vu cổ viễn;
Nhân cơ cao trúc vạn niên tồn.
Nền phúc bồi đầy xa xưa từ cổ;
Lầu nhân xây cao vạn thuở còn đây.

德 澤 長 流 千 里 潤
恩 光 普 照 萬 家 春
Đức trạch trường lưu thiên lý nhuận;
Ân quang phổ chiếu vạn gia xuân.
Đức trạch chảy dài muôn dặm nhuận;
Ân quang chiếu khắp vạn nhà xuân.

道 户 顯 揚 傳 閥 閱
人 基 培 肇 衍 雲 仍
Đạo hộ hiển dương truyền phiệt duyệt;
Nhân cơ bồi triệu diễn vân nhưng.
Gia đạo vẻ vang truyền thế phiệt;
Nền nhân bồi đắp mãi cháu con.

萬 法 皆 開 聲 第 一
貳 塵 不 染 智 無 雙
Vạn pháp giai văn thanh đệ nhất;
Nhị trần bất nhiễm trí vô song.
Muôn pháp đều nghe danh đệ nhất;
Hồng trần chẳng nhiễm, trí không hai.

大 衍 追 完 香 願
古 希 增 佑 僊 齡
Đại diễn truy hoàn hương nguyện;
Cổ hy tăng hựu tiên linh.
Năm mươi tìm về hương nguyện;
Bảy mươi thêm được tuổi tiên.

TẢN MẠN VỚI NHỮNG GIAI THOẠI VỀ CÂU ĐỐI

NGÔ VƯƠNG ANH

Câu đối *quen thuộc với người Việt Nam lắm. Kể cả những người chưa được học chữ Hán, chữ Nôm, không thuộc luật bằng - trắc, khi nhìn qua hai hàng chữ đặt song song với nhau ở những nơi tôn nghiêm cũng có thể đoán rằng đó là* **Câu đối**...

Không chỉ được treo tại những nơi trang trọng, câu đối còn có một cuộc sống sinh động trong đời sống xã hội, trong dân gian. Và những thứ không được ghi chép không phải cái nào cũng dễ mất vì nó đã được lưu trong tâm trí của con người - *Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*... Câu đối là tiếng nói của tư tưởng, tâm hồn, tình cảm được thể hiện dưới một hình thức độc đáo, đậm chất trí tuệ. Giai thoại hay về câu đối, trong dân gian có đến hàng ngàn, hàng vạn...

... Câu đối là câu trả lời của khí phách dân tộc bất khuất đối lại với thái độ sô-vanh, hợm hĩnh của nước lớn "thiên triều"... Nguyễn Tuấn khi đi sứ Tàu đã đối lại sự ngạo mạn: *Đồng cổ chí kim đài dĩ lục* - ý nói tới cột đồng Mã Viện dựng ngày xưa khi xâm lược nước ta - bằng *Đằng giang tự cổ huyết do hồng* - nhắc lại chiến thắng lẫy lừng trên sông Bạch Đằng của người Đại Việt...

... Người ta mang câu đối tặng nhau một cách trọng thị như một món quà biểu hiện tình cảm quý mến, tôn trọng giữa những người đã thân thiết... Tôn Thất Thuyết viếng Hoàng Diệu sau khi ông tuẫn tiết sau khi thành Hà Nội thất thủ (1882) bằng đôi câu:

- *Nhất tử thành danh tự cổ anh hùng phi sở nguyện*
- *Bình sinh trung nghĩa đương niên đại cục khả vô tâm.*

Tạm dịch:

- Tử mà thành danh, chí anh hùng từ xưa thường không toại

- Sinh trọn trung nghĩa, nhìn đại cục có thể chẳng thẹn tâm.

... Nhưng cũng có những câu đối mà kẻ nhận được phải bầm gan tím ruột khi người làm câu đối đọc đúng tim đen, điểm đúng "huyệt hiểm" của hắn... Một đám hát bội diễn cho Nguyễn Thân - tay sai đắc lực của Pháp đánh dẹp nghĩa quân Cần vương:

- *Đội mũ mang râu làm mặt lạ* (nạ)

- *Vác siêu khuân giáo đánh người quen.*

... Nhân dân Thái Bình "khen" sinh phần của một nghị viên họ Lại thời Tây:

- *Rực rỡ mé đường Tây, kẻ lại người qua, ca tụng sinh phần quan lớn Lại*

- *Vang lừng trong thôn Bắc, trên kính dưới rái, một lòng tôn trọng cụ trong dân.*

Mấy chữ cuối ở hai câu này phải đọc theo kiểu nói lái mới thấy dân gian tuy rằng "nôm na mách quế" nhưng cũng chẳng phải không thâm thuý, sâu cay...

... Câu đối cũng có thể là vũ khí tinh thần của kẻ yếu - nhưng không yếu về trí tuệ - chống lại cường quyền của kẻ mạnh hơn mình - về lực lượng vật chất. Câu đối là câu trả lời thông minh của tinh thần khảng khái, ý chí kiên cường và một tấm lòng trong sáng yêu sự công bằng,... đối lại với sự ức hiếp, đè nén, bất công... dù lớn dù nhỏ.

... Nguyễn Hoè tuổi nhỏ khi đi thi bị quan chủ khảo bắt bẻ vì trùng tên với quan chủ khảo:

- *Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, danh tương như, thực bất tương như*

Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, hai người cùng tên nhưng công danh sự nghiệp khác nhau.

Nguyễn Hoè đối lại:

- *Nguỵ Vô Kỵ, Trưởng Tôn Vô Kỵ, bỉ vô kỵ, ngã diệc vô kỵ.*

- Nguỵ Vô Kỵ, Trưởng Tôn Vô Kỵ, ông tên vô kỵ, tôi cũng tên vô kỵ.

Để ý mới thấy rằng *vô kỵ* còn có nghĩa là *không sợ*. Nhân đây cũng xin nói thêm: Theo niêm luật bằng - trắc của câu đối thì lẽ ra câu của quan chủ khảo phải đặt sau, ở vị trí *đối*, câu của Nguyễn Hòe phải đặt trước, ở vị trí của câu *xướng*. Cả ông quan chủ khảo đó và Nguyễn Hòe đều là những người am hiểu Nho học chẳng lẽ lại chưa thuộc luật đối? ... Tôi cũng đã có suy nghĩ thắc mắc như vậy và ôm mối thắc mắc đó cũng khá lâu. Sau này trong một buổi tình cờ trà dư tửu hậu, được một vị túc Nho giải thích cho rằng: Đó là cách "chơi khó" của người ra vế *ứng*, buộc người *đối* phải "phá" luật, phải thuận theo mình... Thỉnh thoảng vẫn gặp những câu đối như vậy, nhất là những câu đối của những người đang ở những vị trí đối kháng... Có thể nhớ lại đôi câu nổi tiếng mà dân gian vẫn cho là của Đặng Trần Thường và Ngô Thì Nhậm - mà các nhà nghiên cứu cũng đã phải tốn nhiều giấy mực để bảo rằng khó có khả năng hai người đối với nhau sau trận đánh đòn trả thù những tiến sĩ triều Lê theo Tây Sơn ở Văn Miếu (1802)[1]:

- *Ai công hầu ai khanh tướng loạn trần ai ai dễ biết ai*
- *Thế Chiến quốc thế Xuân thu gặp thời thế thế nào cũng thế.*

... Lại nói tiếp chuyện Nguyễn Hòe, viên quan thấy vế đối xước liền ra tiếp một vế:

- *Xỉ tính cương, thiệt tính nhu, cương tính bất như nhu tính cửu*

Nghĩa là: Răng tính cứng, lưỡi tính mềm, tính cứng không bền lâu như tính mềm - ý nói chớ nên ngông nghênh bướng bỉnh nữa.

Nguyễn Hoè lại đối:

- *My sinh tiên, tu sinh hậu, tiên sinh bất nhược hậu sinh trường*

Nghĩa là: My sinh trước, râu mọc sau, sinh trước không thể dài bằng mọc sau. Viên quan đành chịu.

... Ông Lê Công Hành - người được tôn là tổ nghề thêu ở Quất Động (Chương Mỹ, Hà Tây) lúc chưa đỗ đạt phải đi làm phu xây cống. Quan huyện ra vế đối:

---

[1] Có thể xem thêm: Đặng Đức Kiên: *Vài đính chính về mối quan hệ giữa Đặng Trần Thường và Ngô Thì Nhậm - Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* - Số 340 (9.2000)- tr. 71-73.

- *Ngói đỏ lợp nghè, lớp trên đè lớp dưới.*

Lê Công Hành đối lại:

- *Đá xanh xây cống, hòn dưới nống hòn trên.*

Vế đối thật hoàn hảo, đối thanh, đối ý chan chát, cả về mặt âm điệu cũng hiện rõ cái tinh thần khảng khái, ý chí phản kháng, không chịu bị *lớp trên đè* mà *hòn dưới* còn *nống hòn trên*...

Trong đời sống xã hội, trên bình diện rộng hơn, câu đối là một thú chơi tao nhã, có khi tinh nghịch dí dỏm trong câu chữ, có khi thâm trầm sâu sắc trong triết lý... Câu đối cũng mang nặng hồn người... Bởi vì câu đối kết tinh cả tâm hồn và trí tuệ, thể hiện một thế giới quan, một nhân sinh quan, thể hiện những sắc thái rung động tâm hồn và tình cảm, cả những nét tính cách độc đáo của người đã làm ra nó, đối cảnh sinh tình.... Người ta hiểu nhau qua câu đối, có thể thân nhau, phục nhau nhờ câu đối. Những người xuất chúng trong xã hội cũng thường là những người rất giỏi ứng đối. Những giai thoại về tài ứng đối nhanh trí của những nhân vật lịch sử và cả của những nhân vật trong văn học dân gian như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Hiền, Lương Thế Vinh, Cao Bá Quat, rồi Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, rồi Nguyễn Khuyến, Tú Xương..., rồi trạng Quỳnh, trạng Lợn, Xiển Bột, Ba Giai Tú Xuất... tập hợp lại cũng đã nhiều quyển...

... Chẳng phải ai trượt chân bị ngã cũng thốt lên được như Hồ Xuân Hương:

- *Giang tay với thử trời cao thấp*
- *Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài...*

Xem ra cái khẩu khí thò tay "*với trời*" và xoạc cẳng "*đo đất*" chẳng phải là ngôn ngữ thường ngày của nữ nhi chân yếu tay mềm. Cái khẩu khí đó chắc chỉ có ở bà chúa thơ nôm Xuân Hương - người đã dám viết *Đang cơn nắng cực chửa mưa tè* - mà về sau một nhà phê bình nổi tiếng bình rằng bà bỡn cợt với cả trời, coi trời như con trẻ để mắng rằng (nó) *chửa mưa tè*... Cũng có lẽ bởi cái khẩu khí ngang tàng khí khái đó mà đường hạnh phúc riêng của bà khá lận đận, để sau này Chiêu Hổ viết cho bà:

- *Người Cổ lại còn đeo thói* ***Nguyệt***

- *Buồng* ***Xuân*** *sao để lạnh mùi* ***Hương.***

Chữ *Cổ*, chữ *Nguyệt* ghép lại thành chữ *Hồ*, chữ *Xuân*, chữ *Hương* ở câu sau thì ghép thành tên của nữ sĩ. Chiêu Hổ dùng chữ cũng tài tình lắm thay... Cũng cô Xuân Hương ấy đang giặt áo dưới cầu, thấy võng quan đi qua liền ứng khẩu:

- *Võng đào quan lớn đi trên ấy*

- *Váy rách bà con giặt dưới này.* (!)...

Giai thoại cũng kể về những trò tinh nghịch lúc còn nhỏ của ông đầu xứ Thái (Hoàng Phan Thái, người Nghệ An). Nhà ông gần chùa, nhà sư ở đây lại thích thơ phú. Một lần sư chùa ra một câu tức cảnh: ***Dầu vương ra đế*** khi rót dầu lỡ tay rớt ra đế đèn. Cậu học trò Thái nhìn quanh, đối lại: ***Ỉa vãi vào sư*** rồi ù té chạy... Câu đối rất xược nhưng về mặt câu chữ quả là không chê vào đâu được. Một lần khác sư lại ra một vế:

- ***Cái là tượng, tượng là voi, voi chầu cửa cái.***

Câu này khá lắt léo. Nguyên chữ Hán *cái* là *tượng* - là dáng vẻ, *tượng* cũng là *con voi*, chữ *cái* cuối cùng là chữ nôm - cái là to. Cậu Thái xin phép ra đứng ở tam quan rồi mới đọc:

- ***Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thày tu.***

Đọc xong lại ù té chạy. Vế đối của cậu Thái cũng lắt léo tài tình không kém.. Trong Hán tự, *tu* nghĩa là *xấu hổ*, *hổ* cũng là *con cọp*...

... Ông Chiêu Phu (không rõ tiểu sử) viết cho một bà goá lấy chồng người Trung Quốc:

- *Bí phát kết ngô duyên di hi kim chiêu hồng bắc khứ*

- *Bình đầu lưu khách địa ta tai hà nhật nhạn nam quy*

Tạm dịch nghĩa:

- Kết tóc đuôi sam, (theo kiểu người Trung Quốc) lấy chồng nước khác, con chim hồng đã bay về phương bắc.

- Quay đầu về đất khách, thương ôi đến ngày nào con chim nhạn về nam.

Bà goá này đi giữa đường gặp một người chê "*Dở lắm, đem trả lại, lấy tiền về đây*". Ông Chiêu Phu biết người chê mình là Cao Bá Quát

liền mời họ Cao đến chơi và hỏi câu đối nọ của mình dở thế nào. Cao Bá Quat thủng thỉnh đáp: "*Dở ở chỗ ý hai vế giống nhau*". Ông Chiêu Phu mời Cao Bá Quát làm lại câu đối ấy. Sau khi nghĩ ngợi một lát, Cao Bá Quát đọc:

- *Xoắn đuôi chuột, trở về với mẹ*

- *Khép mu sò, dừng lại nuôi con.*

Câu đối rất hợp với tình cảnh người đàn bà goá nọ nhưng cái chất bỡn cợt, tinh nghịch *rất Cao Bá Quát* vẫn hiện lên rất rõ...

Cao Bá Quát khởi nghĩa không thành, bị bắt, bị giam, bị cùm chân, chờ đem ra xử tội. Ngồi trong ngục tối, ông vẫn ngâm:

- *Một chiếc cùm lim chân có **đế***

- *Ba vòng xích sắt bước thì **vương**...*

Đúng là khí phách của kẻ anh hùng lâm nạn, đầu sắp lìa khỏi cổ mà giọng văn vẫn sắc sảo, vẫn trào lộng..., vẫn khiến người ta kính nể.

... Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến là bậc thầy dùng chữ nôm trong câu đối đến mức tuyệt diệu. Trong câu đối của ông, âm nôm kết hợp với chữ Hán một cách nhuần nhuyễn, tinh vi khiến người đọc nhiều khi phải giật mình ngạc nhiên thú vị. Hãy nghe ông tự trào bằng câu đối, thật nôm na nhưng vô cùng thâm thuý:

- *Người nước Nam hỏi tiếng Tây chẳng biết tiếng Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng biết tiếng Tàu, cho nên phải "**minh tiên vương chi đạo di đạo**"*

- *Nhà hướng Bắc, người chưa rét thì mình đã rét, người chưa bức thì mình đã bức, nên gọi là "**tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu**".*

Minh tiên vương chi đạo di đạo là câu của Mạnh Tử có ý là đem đạo của các vua trước như Nghiêu, Thuấn, Vũ ra làm cho sáng tỏ. *Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu* là câu của Phạm Trọng Yêm đời Tống có nghĩa là trước khi thiên hạ lo thì mình đã lo rồi. Nguyễn Khuyến gặp thời loạn lạc, cáo quan về quê, chẳng theo Tây, cũng chẳng theo Tàu (!) nhưng cái ***đạo*** của ông, cái ***ưu*** của ông làm nhiều người cảm kích... Ông là người sâu sắc thâm thúy nhưng cũng rất dí dỏm, tinh nghịch, hay trêu đùa người khác bằng câu chữ.

Ông tức cảnh khi anh hàng thịt mang biếu bát tiết canh và đôi bầu dục vào một ngày cuối năm rồi nài xin cụ cho câu đối Tết

- *Tứ thời **bát tiết canh** chung thuỷ*

- *Ngạn liễu **đôi bồ dục** điểm trang.*

Một lần ông đi qua chùa Đọi (Hà Nam). Chùa này có một chú tiểu nói ngọng và một sư cụ móm nói phều phào. Tam nguyên Yên Đổ làm đôi câu đối:

- *Phất phất phóng phong phan pháp phái phi phù phan phụng phật*

- *Căn căn canh cổ kệ cao ca kì cứu cứu cùng kinh.*

Tạm dịch xuôi:

- Phất phơ cờ phướn bay trước gió, đạo pháp và cờ phướn bay để thờ phật

- Tất cả cùng đọc kinh cổ, đọc to lên để khảo cứu kinh phật cho đến cùng.

Về ý, không ai dám chê câu đối ca tụng phật pháp không hay nhưng về âm, khi đọc lên không ai không bật cười vì *cái phều phào, cái ngọng ngịu, cái líu lô* cứ ẩn, cứ hiện... Thật là tài tình ...

Hãy nghe Nguyễn Khuyến làm câu đối khóc vợ, về sau rất nhiều người đã thuộc lòng câu đối nổi tiếng này.:

- *Nhà chỉn cũng nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, sắn váy quai cồng, le te chân trước chân sau, vì tớ đỡ đần mọi việc.*

- *Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành buông quần lá toạ, gật gù tay đũa tay chén, lấy ai kể lể chuyện trăm năm.*

Về già, mắt Nguyễn Khuyến kém, ông cảm nhận không khí Tết một cách rất đặc biệt:

- *Tối ba mươi, nghe pháo nổ đùng, ờ ờ Tết*

- *Sáng mùng một, chạm nêu đánh cộc, à à Xuân*

... Cũng trào lộng và sắc sảo không kém, Tú Xương làm câu đối cho một người cháu khóc ông:

- *Ông đi đâu đi đâu, đến sáng mai, ngày tết ngày tung, buồn rỉ buồn rầu không yếm đỏ*

- *Cha khóc lăn khóc lóc, qua bữa nọ, mất cướp, mất bóc, khổ sao khổ vậy, thực hồi đen.*

... Cũng có khi một câu đối là một cuộc đối thoại đầy chất trí tuệ giữa người ứng với người đối. Đây là cuộc so tài có thể coi rằng không có kẻ thắng người thua, tuy người ta vẫn thừa nhận *xuất đối dị, đối đối nan*...Kẻ đối được là người thông minh, tài trí nhưng người ra vế đối cũng không thể là người nông cạn. Dân gian còn ghi lại rất nhiều giai thoại về những cuộc đấu trí kỳ thú đó...

Mạc Đĩnh Chi đi sứ qua một nơi có câu chuyện về một anh học trò vì không đối được vế thách đối của cô gái mình đang theo đuổi mà nhảy xuống giếng tự vẫn. Nghe người dân ở đó nói lại vế đối của cô gái: *Ngân bình kiên thượng tỵ* (Bình bạc mũi trên vai - chỉ cái vòi ở trên vai ấm), Mạc Đĩnh Chi làm vế đối giải oan cho anh học trò kia: *Kim toả phúc trung tu.* (Khoá vàng râu trong bụng - chỉ cái tua khoá ở trong ruột khoá). Một chuyện kỳ quặc *mũi trên vai* được đối lại với một chuyện kỳ quặc khác *râu trong bụng* rất tương xứng. Người đối phải là người có trí thông minh và óc quan sát tuyệt vời trong vốn thực tế phong phú mới có thể đối được chỉnh như vậy...

... Dân gian vẫn truyền nhau câu đối (khuyết danh) của một cô dâu thử tài chú rể trong đêm tân hôn:

- *Hang Thiên Thai then khoá động đào, đóng chặt lại kẻo chàng Lưu quen lối cũ* (Cô dâu dùng điển Lưu Thần nhập Thiên Thai).

Chú rể cũng chẳng phải tay vừa:

- *Cửa Hàm Cốc lỏng khuôn tạo hoá, mở toang ra cho ông Bái dẫn quân vào.* (Chú rể dùng điển Bái Công - Lưu Bang dẫn quân qua cửa Hàm Cốc để đối lại.). Cô dâu chịu và tất nhiên là... mở cửa...

... Vương Toán (không rõ tiểu sử) thông minh, học giỏi nhưng nhà nghèo, lại thích con gái nhà quan họ Bạch. Quan ra vế đối:

- *Trai họ **Vương** đầu đội nón **trúc**, tuổi **hai mươi**, hà **túc toán** dã.*

Câu này chắp chữ *vương*, chữ *trúc* và chữ *trấp* (là hai mươi) thành chữ *Vương Toán*, nhưng có ý coi thường vì *hà túc toán dã*, trích từ sách *Luận ngữ*, nghĩa là *có gì đáng kể.*

Vương Toán đối:

- *Gái họ **Bạch** lưng thắt dây **tơ**, tuổi **mười tám**, bất diệc lạc hồ.*

Câu này ghép chữ *bạch*, chữ *ty* (tơ) và chữ *thập bát* (là mười tám) thành chữ *Bạch Lạc* là tên cô gái, lại có ý cự lại câu trên vì *Bất diệc lạc hồ*, cũng trích từ sách *Luận ngữ*, nghĩa là *sao lại không vui*...

... Người ta còn dạy nhau bằng những chuyện tưởng như chuyện cười xung quanh câu đối. Chẳng biết những ai thường quen thói nhìn cục bộ, từng chi tiết, từng bộ phận như kiểu *thày bói mù xem voi*, có giật mình khi nghe chuyện có người đối lại vế *Thần Nông giáo dân nghệ ngũ cốc* bằng cách tách từng chữ để đối cho chỉnh, cuối cùng được vế đối nghe cũng khá hay (!), bằng - trắc cũng chỉnh... nhưng vô nghĩa...: *Thánh sâu gươm nước gừng tam cò.* (!)...

... Nhiều câu đối đến nay vẫn còn đang chờ được hoàn chỉnh... Nổi tiếng trong dân gian là những vế đối khó của cô Điểm thách Trạng Quỳnh - một ông trạng đậm màu giai thoại:

- *Lên phố **Mía**, gặp cô hàng **mật**, cầm tay **kẹo** lại hỏi thăm **đường**.*

- *Trời mưa **đất thịt** trơn như **mỡ**, **giò*** (dò) *đến hàng **nem**, **chả** muốn ăn.*

- *Bà đồ **Nứa**, đi võng **tre**, đến khóm **trúc** thở dài hí **hóp**... v.v...*

Tương truyền cô Điểm còn ra cho trạng một vế khác chỉ có năm chữ nhưng chẳng những đã làm ông trạng "bí", đành chịu không đối được mà còn làm đau đầu biết bao sĩ tử sau này: *Da trắng vỗ bì bạch;* Cái oái oăm nhất của vế đối chính là *bì bạch* vừa có nghĩa Hán - Việt là *da trắng* vừa là một từ tượng thanh, như tiếng vỗ nước, rất nôm na, bình dị, rất Việt. Nghe nói, cũng đã có người đối: *Giấy đỏ viết chỉ chu* nhưng rõ ràng so với *Da trắng vỗ bì bạch* thì vế này vẫn chưa thể coi là chỉnh... Lại có người đối rằng *Rừng sâu mưa lâm thâm*. Về mặt chữ nghĩa và ý thì có thể tạm coi là được, về bằng - trắc cũng có thể châm chước nhưng về âm thì rõ ràng là kém cô Điểm nhiều lắm...

Còn một vế đối năm chữ khác, cũng hóc búa không kém, tương truyền là do bà vợ ba của vị thủ lĩnh nghĩa quân Cai Vàng thách đối: ***Cô Miên ngủ một mình...*** Chẳng biết Cai Vàng có cách nào vượt qua vế đối này để được cô ưng thuận...

Câu đối khó trong dân gian khá nhiều, thật tiếc chưa thể sưu tầm đầy đủ:

- ***Bò lang** chạy vào **làng Bo**.*

- ***Cha con** thày thuốc **về quê**, gánh một gánh **hồi hương phụ tử**.*

- ***Song song** là hai **cửa sổ**, hai người ngồi trong **cửa sổ song song**.*

- *Thằng **Quỳnh** ngồi trên cây **cậy** dái đỏ hồng hồng* - Dân gian cũng gán câu này cho cô Điểm...

- *Gái tơ **chỉ kén ngài** quân tử*

- *Trong **quần anh** có em học khá.*

v.v... và v.v...

Từ khi chữ quốc ngữ chiếm ưu thế tuyệt đối trên văn đàn, câu đối cũng không còn được treo và làm một cách rộng rãi như trước nữa nhưng vẫn có những câu đối len lỏi trong dòng văn học dân gian, đôi lúc hiện lên như những chấm phá khá bất ngờ thú vị. Thời hiện đại, cái thú chơi câu đối không mất đi mà đã mang màu sắc mới, với những chất liệu mới lấy từ cuộc sống hiện đại...:

- *Cán bộ to đi xe nhỏ*

- *Nhân viên thấp ở nhà cao.*

Trong học đường, những tay học sinh hay tếu táo thường đọc cho nhau

- *Con bò cạp cạp con bò cạp, cạp rồi lại bò, bò rồi lại cạp*

- *Thày sinh vật vật cô sinh vật, vật rồi lại sinh, sinh rồi lại vật*

... v.v ...

*

* *

Nếu nói một cách hình tượng, có người đã cho rằng mỗi câu đối có thể so sánh với một bài thơ, một bản nhạc, một bức tranh, một bức chạm... với hình ảnh, ngôn ngữ, với âm thanh, nhịp điệu..., với ý tứ nội dung sâu sắc trong sự cô đọng đến mức kết tinh của ngôn từ...v.v... Nhưng thực ra, câu đối không thể so sánh với một thể loại nào của một ngành văn hoá nghệ thuật nào khác - vì nó chỉ là nó, với tất cả những đặc trưng riêng của mình...

Người Trung Quốc và người Việt Nam định cư trong khu vực ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa, thời tiết hay thay đổi, nhiều thiên tai mưa lụt... nên rất quan tâm đến việc sống hoà đồng với thiên nhiên -

bởi thế những kết quả của sự tìm tòi về thời sinh học của người Trung Quốc có từ rất sớm trong nền văn minh Trung Hoa: lịch tiết khí; lịch giông tố, lịch con nước; các phép xem thời tiết ứng với không gian thiên văn và thời gian bốn mùa trong năm, trong vòng luân chuyển thập thiên can, thập nhị địa chi v.v... theo quy luật âm dương - ngũ hành...; lịch thời châm trong phép châm cứu; thuật dưỡng sinh theo mùa...; và rất nhiều thứ thuật khác cũng dựa trên những quy luật của trời đất... Khác với người phương Tây, người phương Đông chú trọng đến thích nghi với tự nhiên nhiều hơn là chinh phục tự nhiên. Người phương Đông chú ý đến *đối phó* hơn *cải tạo*. Câu đối là một loại hình sản phẩm trí tuệ khá đặc biệt nhưng cũng không nằm ngoài cái "*xu thế đối phó*" đó..., là ảnh xạ xa xôi của cái *tâm thức đối phó* kia chăng?...

*

* *

Câu đối là sản phẩm** văn hoá, kết tinh trí tuệ và tình cảm của **nhân dân. Nó đã được kiểm chứng giá trị qua chiều dài thời gian của lịch sử, bằng chỗ đứng đã được khẳng định trong tâm thức của nhân dân.

Di sản câu đối là một phần của kho tàng văn hóa dân tộc, mang đậm bản sắc... cần được bảo tồn và phát huy.

Hà Nội Xuân Ất Dậu

N.V.A

MỘT SỐ THUẬT NGỮ

1. Phật 佛 : Người tự giác ngộ mình và giác ngộ người theo chính đạo.

2. Phạn 梵 : Thanh tịnh. Phạn văn: Văn tự dùng trong các kinh văn cổ của đạo Phật.

3. Nam vô 南 無 : Đọc theo tiếng Phạn là nó mó, có nghĩa là một lời cầu khẩn thành kính tin theo.

4. A Di Đà Phật 阿 彌 陀 佛 : Đức giáo chủ của thế giới cực lạc Tây phương, còn có nghĩa là vô lượng thọ Phật.

5. Bồ Tát 菩 薩: Người giác ngộ cho chúng sinh ở mức gần Phật.

6. Ma Ha Tát 摩 訶 薩 : Đại chúng sinh

7. Bát nhã 般 若 : Trí tuệ

8. Bồ đề 菩 提 : Cây bồ đề, tượng trưng cho sự giác ngộ.

9. Cam lộ 甘 露 : Nước sương ngọt. Phật rẩy nước cam lộ vào chúng sinh để rửa bớt phiền não.

10. Cát địa 吉 地 : Đất tốt, đem lại điều tốt lành.

11. Châu thành 州 成 : Bãi cát bồi đã canh tác thuần thục.

12. Diệu lý 妙 理 : Chân lý sâu sắc.

13. Danh lam 名 藍 : Chùa nổi tiếng; Thắng tích: 勝 跡 Di tích nổi tiếng.

14. Dương liễu chi đầu 楊 柳 枝 頭 : Đầu cành dương liễu. Phật nhúng đầu cành dương liễu vào bình cam lộ rẩy cho chúng sinh.

15. Chân thân 眞 身 : Thực tướng của mình.

16. Đồng môn bất nhị 同 門 不 二 : Chỉ sự nhất trí trong tinh thần ngộ đạo.

17. Kim thân 金 身 : Mình vàng, chỉ tượng Phật.

18. Liên hoa tòa thượng 蓮 花 座 上 : Tòa sen, nơi Phật ngự.

19. Lục thức 六 識 : Nhãn thức; nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, các cơ quan cảm giác dẫn đến nhận thức.

20. Minh kính 明 鏡 : Gương sáng, rút từ bài kệ của Thần Tú 神 秀 đứng đầu phái Bắc Tông, nói lên nhận thức về vũ trụ. Bài kệ như sau:

身 是 菩 提 樹

Thân thị bồ đề thụ

Thân là cây bồ đề

心 如 明 鏡 臺

Tâm như minh kính đài

Tâm như đài gương sáng

時 時 勤 拂 拭

Thời thời cần phất thức

Hàng ngày chăm lau quét

莫 使 惹 塵 埃

Mạc sử nhạ trần ai

Đừng để bụi bám vào

Ông (Thần Tú) công nhận tồn tại, đó là thân và tâm của con người, vì thế phải luôn tu dưỡng để giữ cho trong sáng. Một triết thuyết dung hòa giữa Nho và Phật, hợp với ý Trung dung" (Nhân tâm duy nguy. Đạo tâm duy vi: Nhân tâm hay nguy. Đạo tâm hay mờ) của Nho giáo.

Trái với ông, Huệ Năng 慧 能 người đứng đầu Nam Tông chủ trương mọi vật đều không, không vật gì đeo bám được. Kệ:

菩 提 本 非 樹

Bồ đề bản phi thụ

Bồ đề vốn không cây

明 鏡 亦 非 臺

Minh kính diệc phi đài

Gương sáng cũng không đài

本 來 無 一 物

Bản lai vô nhất vật

Vốn không vật gì cả

何 處 惹 塵 埃

Hà xứ nhạ trần ai

Bụi bám vào chỗ nào.

21. Nhân quả 因 果 : Nguyên nhân và kết quả.

22. Nhật tụng kim kinh 日 訟 金 經 : Hàng ngày tụng Kinh vàng (Kinh Phật).

23. Mê tân 迷 津 : Bến mê. Bến của dục vọng.

24. Phạn vũ 梵 宇 : Mái hiên Phật. Không gian thế giới của Phật.

25. Pháp vũ 法 宇 : Mưa pháp.

26. Phổ chiếu 譜 照 : Chiếu khắp nơi.

27. Pháp lực 法 力 : Quyền lực của đạo pháp

28. Phật đạo vô tư 佛 道 無 私 : Đạo Phật không riêng cho ai.

29. Pháp tính 法 性 : Bản tính của Phật pháp.

30. Sắc tướng 色 相 : Những vật chất có hình tượng có thể trông thấy được.

31. Sắc không 色 空 : Hai phạm trù trong đạo Phật: có và không, vật chất và hư không.

32. Tam giới 三 界 : Ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

33. Tam sinh 三 牲: Ba loài sinh vật dùng để cúng tế: bò, lợn, dê.

Ba kiếp: dĩ vãng, hiện tại, tương lai.

34. Tam thiên thế giới三 千 世 界 : Ba ngàn thế giới.

35. Bách vạn nhân thiên 百 萬 人 天 : Trăm vạn con người.

36. Tam đồ khổ 三 途 苦 : Ba đường khổ sau khi chết: địa ngục, quỷ đói, súc vật.

37. Tuệ 慧 : Minh mẫn, sáng láng.

38. Tuệ nhãn 慧 眼 : Cặp mắt sáng suốt thấy rõ thực tướng.

39. Tuệ nhật 慧 日 : Mặt trời sáng tỏ, ví sự sáng láng của đạo giáo như mặt trời.

40. Tam thừa 三 乘 : Ba cỗ xe. Chỉ ba nhánh tu đạo Phật: Đại thừa, trung thừa, tiểu thừa.

41. Thập ác duyên 十 惡 緣 : Mười điều ác trong đạo Phật: Sát sinh, trộm cắp, dâm tà, lừa dối, chia lìa người, ác khẩu, nói hoa mỹ, nói trợn trạo, gian tà.

42. Trần ai 塵 埃 : Bụi trần. Mọi dục vọng, khổ đau của đời người.

43. Thời tuyên bảo kệ 時 宣 寶 偈 : Đúng thời đọc bài kệ quý.

44. Tịnh giới 淨 界 : Thế giới của sự vắng lặng. Thế giới của vô niệm.

45. Kỳ viên 祈 圓 : Tiếng phạn là Jêtavana. Khu vườn mà trưởng giả cấp cô độc đã mua của hoàng thân Jêta để tặng Đức Phật làm tịnh xá. Tương truyền ông đã phải rải vàng khắp mặt vườn để mua được khu vườn này và trồng ở đây một cây bồ đề đã sống lâu nhất, gọi là cây bồ đề Ananda.

46. Từ tâm 慈 心 : Lòng thành, bản tính của Phật là từ thiện.

47. Niết bàn 涅 槃 : Tiếng Phạn là Nirvana (Ni là hình thức phủ định: không có; Vana: sắc dục). Có nghĩa là sự tách rời khỏi ái dục. Một trạng thái tinh thần thoát khỏi ái dục và vọng niệm về bản ngã.

48. Giới 戒 : Điều răn, phép tắc. Kẻ tu hành phải giữ đủ bốn giới luật.

- Giới luật căn bản.
- Giới luật về nhận thức (qua lục căn)
- Giới luật về thanh tịnh trong đời sống.
- Giới luật về quan hệ với chúng sinh.

49. Định 定 : Ổn định tâm thần, kiểm soát để trau dồi tâm đi trên con đường trong sạch.

50. Tuệ 慧 : Sự minh mẫn, kết quả của giới và định. Đây là giai đoạn cuối cùng để bước vào niết bàn. Khi đã giữ được giới luật, định

được tâm, thì trí tuệ bừng sáng và lúc đó người tu hành chứng quả Niết bàn.

51. Cửu như 九 如 : Chín lời chúc trong *Kinh thi*: Như núi, như gò, như băng (gò nhỏ), như sông ngòi chảy khắp, như bờ cõi, như vừng trăng sáng, sống lâu như Nam Sơn, xanh tốt như tùng bách.

52. Hải ốc thiêm trù 海 屋 添 籌: Nhà biển thêm thẻ tre.

Rút trong truyện về ba cụ già, trong đó một cụ kể tuổi của mình như sau: "Mỗi lần biển biến thành nương dâu, ta bỏ ra một thẻ tre, khi gặp ông thì số thẻ đó đầy mười gian nhà rồi".

53. Ca Diếp 迦 葉 : Một môn đệ của Thích Ca, đã thấu triệt được giáo lý chính đạo. Ông đắc quả ALaHán – một trình độ nhận thức gần Thích Ca.

54. Ẩm quang 飲 光 : Phát hào quang khi ăn uống. Tên thường gọi của Ca Diếp là Ma ha ca diếp ba. Ma ha là to lớn. Ca diếp ba là ẩm quang.

55. Như lai 如 來 : Theo như thực đạo mà thành chính quả (Có nhiều cách giải thích từ này):

1) Pháp hiệu của đức Thích ca mâu ni.

2) Không từ đâu đến, không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.

3) Vốn tự giác là như. Bắt đầu sự giác ngộ là lai

4) Đem cái bản tính chân như sẵn có để giác ngộ chúng sinh.

56. Tam tạng 三 藏 : Ba chỗ chứa gồm Kinh, Luật, Luận.

57. Tam đa 三 多: Ba nhiều: nhiều phú, nhiều thọ, nhiều con trai.

58. Tam tôn 三 尊 : Ba ngôi vị tôn quý trong chế độ phong kiến: vua, thầy, cha.

59. Tam muội 三 昧 : Còn gọi là Tam ma đề hay Tam ma đế có nghĩa là chính định – yên định thẳng thắn, bài trừ mọi tạp niệm để tâm thần bình tĩnh.

60. Tam giới 三 戒: Ba điều răn. Trong sách *Luận ngữ* có nói: Người quân tử có ba điều răn. Lúc trẻ, khí huyết chưa định, nên răn mình về

sắc dục, lúc trai tráng khí huyết phương cương, nên răn mình võ đấu (đánh nhau); Khi về già, khí huyết đã suy, nên răn ở tự đắc.

61. Khai hạp gian 開 闔 間 : Khoảng thời gian đóng mở. Theo thuyết âm dương, trời mở vào giờ Tý, Đất khép vào giờ Sửu.

62. Dực, Chẩn 翼 軫 : Thời Trung Quốc cổ đại, khoa Thiên văn chia bầu trời làm chín khu vực theo phép cửu trù hồng phạm, nước Việt Nam thuộc khu vực có các sao Dực, Chẩn.

63. Lục khí 六 氣 : Sáu khí. Có nhiều định nghĩa khác nhau: Trời, đất, xuân, hạ, thu, đông. Y học cho lục khí là: Giá, nóng, rét, thấp, lửa, táo.

64. Khí hạo nhiên 浩 然 氣 : Khí tự nhiên bao la.

65. Lan đình 蘭 亭 : Một kiểu chữ của nhà thư pháp cổ Trung Quốc Vương Hy Chi.

66. Tấn thiếp 晉 帖 : Lá Thiếp đời Tấn.

67. Đào thi 陶 詩 : Thơ Đào Tiềm, một nhà thơ ẩn dật đời Tấn.

68. Tam cổ 三 古 : Ba vị thánh hiền thời Trung Quốc cổ đại: Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử.

69. Nhất gia ngôn 一 家 言 : Tên một tác phẩm cổ đại Trung Quốc, tập hợp các giá trị văn hóa.

70. Tam đô 三 都 : Ba kinh đô thời Trung Quốc cổ đại.

71. Ngũ nhạc 五 岳 : Năm ngọn núi lớn của Trung Quốc.

72. Bảo vụ tinh 寶 婺 星 : Chòm sao Bảo vụ.

73. Bàn đào 蟠 桃 : Một giống đào nơi tiên giới.

74. Xuân huyên 春 萱 : Tượng trưng cho cha và mẹ.

75. Tam cúc kính 三 菊 徑 : Ba luống cúc. Nơi ông Đào Tiềm cáo quan về hưu, vườn nhà trồng ba luống cúc.

76. Giáng huyện 降 縣 : Tên một huyện ở Trung Quốc.

77. Long môn 龍 門 : Cửa rồng. ý nói thi đỗ cao.

78. Bàn khê 蟠 溪 : Nơi Khương Tử Nha, tức Lã Vọng ngồi câu cá trước khi gặp Văn Vương nhà Chu.

79. Vũ ban y 舞 班 衣 : áo mũ rực rỡ. ý nói về ông Lão Lai tuổi già, nhưng mặc áo hoa múa vui cho cha mẹ xem.

80. Dao trì 瑤 池 : Ao xây bằng ngọc dao, nơi ở của Tây Vương Mẫu.

81. Minh kinh 明 經 : Giỏi kinh điển. Các triều đại phong kiến Trung Quốc thường hay mở khoa thi giỏi kinh điển để chọn người tài.

82. Vu sơn 于 山 : Rút trong tích vua nước Sở gặp thần nữ ở Vu Sơn.

83. Nhị nam 二 南 : Hai thiên *Chu Nam* 周 南 và *Thiệu Nam* 召 南 trong *Kinh Thi*.

84. Chu, Thiệu 周 召 : Chu Công Đán và Thiệu Công Thích, con cháu nhà Chu được phân phong ở Thiểm Tây.

85. Vương Tạ 王 謝 : Hai họ danh giá ở Trung Quốc xưa.

86. Quốc phong 國 風 : Thơ Quốc phong *Kinh thi;* nói về phong tục cổ đại Trung Quốc, trong đó có thiên *Quan thư* 關 雎 nói về tình yêu đôi lứa.

87. Bạch tuyết dương xuân 白 雪 陽 春 : Bạch tuyết là khúc hát dân gian. Dương xuân: một điệu hát hay được sáng tác vào thời cổ đại Trung Quốc.

88. Kình ba 黥 波 : Sóng kình, sóng dữ, sóng lớn.

89. Phủ trạch 府 宅 : Phủ nha, cơ quan, nhà quan.

90. Dân an 民 安 : Dân được yên, dân được vui vẻ.

91. Vật phụ 物 阜: Vật chất nhiều, cuộc sống phong phú, vật nhiều, vật thịnh.

92. Quốc thái 國 泰: Nước yên hòa, thái bình.

93. Giang sơn 江 山: Sông, núi, non sông – chỉ đất nước, tổ quốc.

94. Sơn hà 山 河: Núi, sông, non sông – cũng chỉ đất nước, tổ quốc.

95. Sơn thủy 山 水: Núi, sông; non, nước – Sơn thanh thủy tú: non xanh nước biếc. Sơn cao thủy thâm: Núi cao sông sâu.

96. Thiên khung 天 穹: bầu trời.

97. Thanh thiên 青 天: Trời xanh, trời.

98. Tích thụ kim hoa 昔 樹 今 花: Cây xưa hoa nay, thường chỉ tổ tiên gây dựng, con cháu phát triển.

99. Phụ canh tử hoạch 阜 耕 子 穫: Cha trồng trọt con được hưởng.

100. Tư Mã Huấn 司 馬 訓: Sách Gia Huấn của Tu Mã Dung, đời Tống, Trung Quốc.

101. Sở thư楚 書: Sách vở nước Sở.

102. Sĩ quân tử 士 君 子: Người thuộc giới thượng lưu.

103. Đại trượng phu 大 丈 夫: Người đàn ông có tài đức nổi trội hơn nhiều người1032khác.

104. Gia trạch 家 宅: Nhà ở, nhà cửa.

105. Chính lộ 正 路: Đường thẳng, hành vi chính đáng.

106. Thánh kinh 聖 經: Sách của thánh nhân.

107. Hiền truyền 賢 傳: Sách chép sự tích các bậc hiền nhân để lại đời sau.

108. Chính đại cao minh 正 大 高 明: Làm việc ngay thẳng sáng suốt.

109. Cương thường 綱 常: Tam cương ngũ thường của nhà nho. Tam cương: Quân thần, phụ tử, phu phụ. Ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

110. Thần công 神 功: Công của thần. Sức của thần.

111. Thánh trạch 聖 澤: Ơn trạch của thánh.

112. Tổ công tông đức 祖 功 宗 德: Công đức của tổ tông.

113. Tử hiếu tôn hiền 子 孝 孫 賢: Con hiếu cháu hiền.

114. Liên đăng tục diệm 連 燈 續 焰: Đèn liền, tiếp nối tỏa sáng.

115. Quang tiền dụ hậu 光 前 裕 後: Làm sáng đời trước, để phúc cho đời sau. Có khi còn viết là Quang tiền dũ hậu 光 前 愈 後 hoặc Quang tiền thùy hậu 光 前 垂 後。

SÁCH DẪN

Để giúp bạn đọc tìm được hoành phi, câu đối theo yêu cầu riêng một cách nhanh chóng trong bộ *5000 hoành phi câu đối Hán Nôm* này, chúng tôi soạn thêm phần *Sách dẫn.*

Khi sử dụng bảng *Sách dẫn* này, xin lưu ý:

Trước, qua *Tổng mục lục,* tìm phần chính theo yêu cầu, tức các phần: I. **Hoành phi**; II. **Câu đối chữ Nôm**; III. **Câu đối chữ Hán.**

Sau, qua phần chính, tìm Hoành phi, Câu đối cần tìm:

Phần I: **Hoành phi:**

Tìm theo thứ tự A - B - C phần dịch nghĩa; xong đối chiếu số trang

Ví dụ: *Ánh sáng lành chiếu xa* thuộc vần A trang: 50

Đạo này đứng đầu xưa nay thuộc vần Đ trang: 46

Phần II: **Câu đối chữ Nôm**

Trong bảng *Sách dẫn* này, về câu đối chữ Nôm, tùy theo ý câu mà dẫn 3, 4 hoặc 5, 6... chữ đầu ở vế trên. Ví dụ:

1. *Đón Xuân sang*

2. *Nghe tiếng chuông vàng*

3. *Giầu có thiếu chi tiền*

4. *Thi hương lá cờ đuôi nheo*

v.v...

Tìm theo thứ tự A - B - C chữ đầu vế trên; xong đối chiếu số trang.

Ví dụ như mấy câu dẫn trên thì tìm:

Câu 1. Vần Đ, trang 85;

Câu 2. Vần N, trang 105;

Câu 3. Vần G, trang 98;

Câu 4. Vần T, trang 110; v.v...

Phần III: **Câu đối chữ Hán**

Về Câu đối chữ Hán, trước qua *Tổng mục lục*, tìm chủ đề; đó là:

I. *Câu đối Tết*;

II. *Câu đối về phong cảnh*;

III. *Câu đối về học tập và tu dưỡng*;

IV. *Câu đối mừng và viếng*,

sau tìm Câu đối xếp theo thứ tự A - B - C chữ đầu ở vế trên phần dịch nghĩa trong chủ đề ấy.

Ví dụ: **I. Câu đối Tết**

Tra *Sách dẫn* thấy chép: *Mấy đoá hoa đào hay tết đến* thuộc vần M, trang 152

Theo chỉ dẫn ấy, đến trang 152 sẽ tìm được cả phần chữ Hán, phần phiên âm và phần dịch nghĩa hoàn chỉnh.

Với Câu đối về phong cảnh (II), Câu đối về học tập và tu dưỡng (III) và Câu đối mừng và viếng (IV) cũng tìm theo cách như vậy.

Bảng *Sách dẫn* này mong giúp bạn đọc có cái nhìn tổng thể về *5000 hoành phi câu đối Hán Nôm* thông dụng có trong tay các bạn; ngoài ra, giúp các bạn tìm được một cách nhanh chóng hoành phi, câu đối thông dụng ấy mà các bạn muốn có cả nguyên văn cùng dịch chú.

HOÀNH PHI

A

An cư lạc nghiệp..... 45
Anh hùng đời đời đều có..... 62
Anh khí chính đại còn mãi 65
Anh khí để mãi..... 65
Anh linh muôn thuở..... 59
Anh linh muôn thuở.....55
Ánh sáng lành chiếu xa..... 50
Ánh sáng từ phổ độ..... 51
Ân quang ca tụng mãi..... 77

B

Báo đáp ân đức của Phật 67
Bậc Nho tôn nước Nam..... 72
Bậc thầy của người..... 62
Bậc thầy tôn kính nước Nam 72
Bè từ chở khắp..... 77
Bố thí ngũ phúc..... 49
Bốn ân đều báo..... 52

C

Cá nhẩy diều lên..... 61
Cần kiệm giữ nhà..... 60
Cầu đảo tất hanh thông..... 59
Cầu Vân bộ..... 64
Cây cỏ mãi xuân..... 45
Cây xưa hoa nay..... 43
Chân thực như lẽ phải 68
Chết như còn sống..... 43
Chí giáo chân như..... 53
Chim hót hoa thơm..... 46
Chính đại trong sáng hòa nhã 71
Chính khí..... 69
Chính khí của trời đất 69
Cho nối phúc..... 47
Chùa Hồng phúc..... 50
Chùa Long Phúc 68
Chùa Phúc Thành 66
Chùa Phúc Tuệ 70
Chùa Thanh Liên..... 56
Chùa Thuận Hóa 68
Chứa ba cực..... 52
Coi như còn đó..... 50
Con cháu giữ lấy 59
Công đức nghiêm trang..... 68
Công không dưới vua Vũ..... 57
Công lao thành quả viên mãn 67
Công lao trùm nước Nam 65
Cung khuyết châu ngọc..... 73
Cùng nhận được phúc..... 55
Cùng non biển..... 48
Cửa đền Mỹ Hóa Công 64
Cửa đền Thụy Thái vương 66
Cửa mây thông 57
Cửa phương tiện..... 54
Cửa vào cõi huyền diệu..... 75
Cưỡi gió lướt sóng 60

D

Da hổ rực vằn..... 49
Dày đức sáng dài..... 57
Di huấn bên tai..... 43
Di tích đức vua đầu tiên 58

Đ

Đại bằng tung cánh 61
Đại sư ở tế tự..... 50
Đại sư tam giới. 50
Đại từ đại bi. 55
Đạo lý của Khổng Tử vĩnh hằng .. 47
Đào mận mong xuân..... 44
Đạo này đứng đầu xưa nay. 47
Đạp mây cưỡi mưa..... 54
Đau mất tri âm. 56
Đau nhớ ông nhạc. 44
Đất rộng tựa gấm..... 61
Đầy nhà lành vui..... 56
Đem đức phổ biến, ... 50
Đề ở đền Quan Công 69
Đền Chu Môn 70
Đền đức thánh Trần 64
Đền thiêng Thân Phẩm..... 65
Đền thờ Chu Công..... 72
Đền thờ công thần Trung hưng.... 71
Đền thờ Nghi Quốc Công 69
Đền thờ Quận công Tuy Lý..... 70
Đền tôn nghiêm giữ phép. 53
Đến từ xa..... 49
Đền vua Triệu Việt Vương..... 56
Điện Diên Hồng 65
Điện Lưu Quang 72
Đình mát câu cá 71
Đình Phú Cát 67
Đình xã Cựu Xuân Dương 64
Đổi nếp đổi tục..... 60
Đời đời dòng dõi trâm anh 71
Đúng ngôi thiêng. 48
Đúng quẩn tối linh. 48
Đức ấy thịnh. 51
Đức chỉ thơm. 49
Đức hạnh thiên cổ..... 77
Đức hợp Khôn sinh..... 51
Đức lớn giáo hóa..... 77
Đức lớn như quan A Hành..... 72
Đức mẹ cao vời..... 77
Đức mới phát..... 49
Đức này sáng cùng trời đất..... 47
Đức Phật giác ngộ 67
Đức quẻ Khôn rủ mãi..... 73
Đức sáng muôn vàn 73
Đức sáng xa..... 48
Đức thánh khó gọi tên 75
Đức thánh vô bờ..... 57
Đức tốt nếp còn. 55
Đức tới quê cũ..... 43
Đứng đầu là lắng nghe 74
Đứng vững làm thế đạo 73
Đường Thông trời..... 64

G

Gan kiếm lòng đàn 56
Gánh nặng đường xa 61
Giản ngọc tuôn thơm..... 73
Giang sơn có chủ. 48
Giáo lý của Phật như 68
Giàu mạnh muôn lộc 77
Gió lành vạn thuở..... 76
Gió mây oai nghiêm. 51
Gió xuân say ta 61
Giúp nước cứu dân 65
Giữ đúng trang nghiêm..... 48
Giữ sách dạy con cháu 56
Gọi gió gọi mưa 60
Gốc từ cụ tổ 76

H

Hiên đón hương 70
Hiên gửi xuân 70

Hiển hiện sự linh thiêng của 69
Hiên nghe mưa..... 57
Hiển thánh triều Trần..... 52
Hiển tích Tây Hồ..... 74
Hoà lại bình..... 47
Hoa nở Ngũ lĩnh..... 49
Học tổ Nam Giao..... 56
Hưng vượng phát đạt..... 46
Hưởng thọ như cây tùng 75

K

Kế thừa xưa, mở ra tương lai 60
Khách đến như về nhà..... 60
Khéo công trí thánh..... 55
Khí cao ngân hán..... 53
Khí lành đầy cửa..... 46
Khí lành tụ lại..... 73
Không khóc thần thương..... 43
Không sao lường được..... 75
Kính già yêu trẻ..... 46

L

Là ba cùng trời đất..... 59
Lá bối hương truyền..... 47
Là tổ Bách Việt..... 52
Làm ăn thịnh vượng..... 61
Làm sáng người trước,..... 43
Làm tốt đẹp nền tư văn..... 47
Lặng lẽ vận hành máy thần..... 74
Lăng vua Hùng..... 58
Lầu con gái..... 57
Lầu Thái bình..... 71
Lấy dân sinh ra đầu tiên..... 59
Lên cao ngắm cảnh đẹp..... 63
Lên đỉnh cao ngắm thắng cảnh..... 61
Linh thiêng chói lọi..... 53
Linh thiêng lừng lẫy..... 55
Long đức ngay thẳng..... 52
Lòng lành thì rất vui..... 76
Lòng người muốn giầu..... 45
Lòng thành tất cảm ứng 72
Long thiên hộ pháp..... 55
Lòng trung nghĩa sáng rực..... 77
Lòng từ thiện..... 55
Lời dạy ghi lòng..... 56
Lớn thay khôn đóng..... 48
Luôn vui vẻ thì lòng ta 46

M

Mai nở gió thơm..... 63
Mặt trăng tỏa sáng..... 74
Mặt trời mặt trăng nhờ theo 67
Mặt trời mặt trăng xưa nay..... 47
Mẫu nghi muôn thuở..... 44
Mây lành che khắp..... 48
Mây tốt ngưng che..... 52
Mây từ đẹp vẻ..... 73
Mây từ khắp chốn..... 72
Mây xanh vọng trọng..... 57
Mênh mông ở trên..... 52
Miếu tổ Hùng Vương 59
Minh châu hộ vệ..... 51
Minh mẫn chiếu sáng..... 53
Một đời thanh bạch..... 44
Một khắc nghìn vàng 78
Một niềm tin tức Như lai..... 53
Mở nguồn, tiết kiệm nước chảy 62
Mở rộng dạy và học..... 75
Mũ miện 63
Muôn dân cùng vui..... 45
Muôn người một lòng..... 62
Muôn người như một 62
Muôn thuở còn xanh..... 43
Muôn tía ngàn hồng 62
Muôn vật đều xuân..... 74

Muôn vẻ đổi mới..... 46
Mừng đón tiết xuân..... 46

N

Năm tháng chẳng già..... 45
Nếp nhà nối đời theo đạo Phật.... 71
Nêu đức lập uy vũ..... 52
Ngày tháng vô lo..... 68
Nghĩ theo phong cách thần..... 54
Nghiêm trang suy nghĩ..... 64
Ngọc chúc thái bình..... 53
Ngọc dội tiếng vàng..... 56
Ngóng đấy như mây..... 54
Nguồn xa dòng không cạn..... 77
Nguyên khí thái cực..... 54
Người đến là bạn ở xa..... 63
Người đến thiện chí..... 63
Người thọ lâu năm..... 45
Ngưỡng mộ như ở trước mặt..... 65
Nhà diễn xuất..... 58
Nhà đón xuân..... 70
Nhà lan sinh hương..... 78
Nhà mát Trùng quang..... 71
Nhà niệm Phật như dòng..... 68
Nhà thảnh thơi..... 70
Nhà thờ quan Bình chương..... 62
Nhân là quý..... 49
Nhân từ quảng đại..... 53
Nhân từ trinh khiết..... 54
Nhiều lần gia phong Thượng đẳng 53
Như gặp khách quý..... 60
Như trên cõi tiên..... 50
Nhớ mãi không quên..... 75
Nhớ mãi người xưa..... 74
Non sông muôn thuở..... 54
Non sông tráng lệ..... 46
Nổi tiếng Bắc Nam..... 71
Núi cao bằng trời..... 59
Núi cao đạo lớn..... 58
Núi sông đều thọ..... 67
Núi sông muôn đời bền vững.....
Núi sông ngoài mây..... 57
Núi Trích thúy..... 70
Nước giầu dân mạnh..... 46
Nước thái dân yên..... 46

O

Oai linh núi Dược..... 66
Ở nơi đất rộng rãi..... 69
Ơn trạch lớn sánh với trời..... 76

P

Phẩm cao đức dày..... 44
Phật hóa có duyên..... 50
Phật Pháp Tăng Bảo..... 48
Phật sống của muôn nhà..... 57
Phép tắc chính thường..... 66
Phép tắc của lòng trung nghĩa..... 69
Phong tục, đạo đức tốt được..... 72
Phượng múa..... 64
Phổ từ sáng chiếu..... 50
Phối sánh với trời cao..... 78
Phủ Kiến Tường Công..... 69
Phúc như biển Đông..... 45
Phúc như biển, thọ như núi..... 45
Phúc thọ khôn lường..... 44
Phụng dưỡng trước nghĩ hiếu..... 54

Q

Quả phúc..... 57
Quang minh lỗi lạc..... 44
Quất lâm trồng đức..... 52

R

Ra vào thông thoáng..... 63
Rễ sâu cành tốt..... 78
Rồng bay..... 64
Rồng hiến điềm lành..... 51
Rộng lòng cứu giúp dân sinh 66
Rủ đến sau..... 51

S

Sáng ở trước..... 51
Sâu rễ tốt lá..... 48
Siêu sinh tịnh độ..... 53
Song thọ vô biên..... 44
Sóng xanh gió lặng 57
Sương nặng được mùa..... 48
Sông chính thống..... 55
Sông có nguồn..... 59
Sống là tinh anh 58
Sông núi cùng tồn tại mãi mãi 72

T

Tế lễ chay tịnh..... 64
Tế tư tam hữu..... 51
Tên lưu thiên cổ..... 44
Thái sơn giáng tinh anh 58
Thánh miếu Chúa xứ..... 58
Thánh như ở trên..... 85
Thành phố quê hương giúp nhau . 61
Thánh Tổ trời Nam..... 58
Thấm đậm sự thanh khiết..... 76
Thần công khôn lường..... 55
Thần của thần..... 54
Thầy hay khuôn mẫu..... 43
Thầy là bậc tập đại thành..... 47
Thầy ra đời đánh dấu sự thay 47
Thi ơn rộng rãi, cứu độ muôn loài 78
Thiên thánh giáng trần..... 49
Thọ cùng tùng bách..... 45
Thọ như tùng hạc..... 45
Thượng thư hai nước 62
Thường vui vì ta trong sạch..... 74
Thuận theo cảnh ngộ an vui 67
Thuyền bơi trong biển học..... 62
Thuyền từ cứu giúp..... 56
Thực hiện đạo một cách thẳng 63
Thơm lâu sáng mãi..... 47
Tía đẹp hồng tươi..... 62
Tích thiện, phúc lộc có thừa..... 76
Tiếng dậy biển sóng..... 54
Tiếng đẹp như còn 66
Tiếng nhân tám hướng..... 71
Tiếng thiêng lừng lẫy..... 56
Tiếng thơm trăm đời..... 44
Tiếng xa đức cao..... 43
Tiết nghĩa thành đôi..... 75
Tiêu biểu cho đạo làm thầy 46
Tỏ rõ ánh sáng..... 52
Toà sen sinh hương..... 54
Tòa sen vàng quý..... 51
Tướng công huân họ Phùng..... 49
Tượng vạn chủ..... 47
Tổ ngọc thần vàng..... 65
Tổ tiên gây dựng, con cháu 43
Trang trọng nghiêm túc..... 68
Trăng chiếu diệu huyền..... 74
Trí huệ sáng chiếu xa..... 55
Trí tuệ 66
Triều Trần hiển thánh..... 65
Trong khoảng danh thế..... 49
Trong sạch..... 68
Trời đất hợp đức 77
Trời đất hợp đức..... 50
Trời đẹp gió hoà..... 46
Trời giáng an khang..... 76
Trời giữ cửu Như..... 50
Trời thuận người hòa 78
Trời, Phật tăng sáng..... 53
Trung hiếu gia truyền..... 75
Trung nghĩa uy nghiêm thiêng..... 66

Trung thành, danh tiếng, ... 73
Trung thần tiết liệt sông Bạch..... 66
Tuổi thọ ngàn năm. 45
Tuỳ duyên..... 64
Từ bi..... 66
Từ bi vui cho 68

U

Uống nước nhớ nguồn..... 43
Uy hàng giặc Nguyên 65

V

Vạn cảnh đổi mới 78
Vạn đức sáng đầy..... 51
Vạn đức vẹn tròn rực rỡ..... 73
Vạn phúc cùng tới..... 6
Vàng ngọc núi sông.....59
Vào tới vạn nhà 75
Vẻ sáng sinh ra 73
Việc thiện cùng quy về đây 76
Vị Tổ đầu tiên nước Nam Việt.....58
Vườn nuôi dưỡng chính khí.....67
Vương phủ Gia Hưng.....67
Vua trong nữ giới 60
Vui chúc được mùa 60

X

Xa nguồn sâu rễ.....76
Xe hạc về trời. 44
Xuân dục đào mận nở.....61
Xuân khắp trong dân 59

CÂU ĐỐI NÔM

A

Ai cống hầu, ai khanh tướng..... 108
Ai lên thú Lạng cùng anh, ... 116
Anh em hòa thuận, ... 87
Anh em ruột thịt một hùng tâm, 144
Anh em ơi! ngoảnh mặt mà 125
Anh mừng xuân: cá nước chim 92
Áo đỏ lấm phân trâu: 133
Áo đỏ quét cứt trâu; 141
Ấp Thái có thiên duyên nhẹ 126

B

Ba mươi năm an giấc Ba Đình, ... 90
Ba quan ngồi uống rượu;..... 140
Ba vạn anh hùng đè xuống dưới; 134
Bà vui lên cõi Phật cõi tiên cô .. 108
Bán hàng chiều khách, ... 98
Bán trầu bán rượu không bán 107
Bảo vệ biên cương, ...117
Bể khổ bến mê thuyền tế độ.....106
Bể khổ bến mê thuyền tế độ.....106
Bền vững gia phong, ...117
Bon chen không đủ sức;.....144
Bốn nghìn loài cây cỏ đất bờ 143
Bốn nghìn năm nước cũ, ... 94
Bốn trụ bốn nghê cười, ...110
Bút cùn mặc kệ, hồn nước 114
Bước ra sân, khanh tướng 142

C

Cả nước mừng xuân, ...88
Cái cò lặn lội bờ sông, ...102
Cái là tượng, tượng là voi, ...136
Cán bộ giữ chữ chính liêm, ...85
Càng vững càng thương càng 104

Cành biếc thiếp trông lên, ... 131
Cảnh giác phòng gian, ... 117
Cây cỏ sông Tô mừng cảnh mới; 125
Cây đức trước trồng nương cửa .. 124
Cây đức vườn nhân, chốn chốn ... 92
Cây nhân nghĩa vun xới đều, ... 87
Cháu chắt còn, tổ tông hãy còn, 118
Chén giận tung lên, ... 137
Chén ngọc nhờ tay nâng, ... 126
Chết thế anh hùng vinh quang... 145
Chí thiết tu đạo muôn đời phúc.. 103
Chiều ba mươi nợ hỏi tít mù, ... 119
Chim có tổ, người có tông, ... 88
Chín chữ cù lao chăm báo hiếu;. 125
Chị em ơi! Ba mươi sáu tuổi rồi, 102
Chị ơi chị! Một tiếng đùng đoàng. 110
Chốn am thiền rộng mở cửa từ. 127
Chung sức trẻ già xây bền vững.... 88
Chuồng gà kê áp chuồng vịt..... 112
Chuông sương kêu gọi hồn kim . 106
Chư Phật vốn từ bi hồng kiếp xót 125
Chữ đại là cả, bỏ một nét ngang, 112
Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết. 102
Có là bao, ba vạn sáu ngàn ngày 105
Có mây không gió, lơ lửng giữa . 115
Có tàn có tán, có hương án thờ ..131
Có tật giật mình, cứu bệnh như.. 101
Có tổ có tiên, có cha có mẹ 105
Có tổ có tông, tông tổ tổ tông, . 121
Con cháu nâng niu đôi quả phúc; 130
Con cháu nhiều bề tiến bộ, ... 141
Con cháu thảo hiền, ... 85
Con chim đa mà đỗ cành đa, ... 112
Con chó đứng cạnh thằng Tây, . 110
Con cóc leo cây vọng cách. 115
Con gái cầu Cậy má đỏ hồng ... 115
Con giai Văn Cốc, lên dốc bắn . 111
Con mất cha như chim lìa tổ 107
Con rể nết na xem tử tế 111
Con ơi con! Những mong con.... 131
Cô lô cô lốc, ốc..... 98
Cô Sen mặc yếm hoa sen, ... 121
Công đức ngàn năm ghi bia đá..... 84
Công ơn Đảng nghìn thu vẫn nhớ; 96
Cuộc doanh hoàn đương cơi quế 125
Cuộc sống ngày mỗi ... bước ra 86
Cửa không trăm ánh kinh trăm lá; 107
Cửa phật mở mang bia đá ghi ... 104
Cửa phật từ bi làm phúc được 106
Cửa rộng thênh thang người 103
Cửa trai thiền nương tựa chửa 98
Cửa từ bi rộng mở thênh thang, . 126
Cưỡi ngựa dong, thẳng tấn. 123
Cứu nòi giống lầm than. 127

D

Dám nghĩ, dám làm, chống xói 93
Danh gia nối đời, từ thuở nhà Lê; 122
Dân là gốc, gốc có tốt lá cành..... 93
Dân tộc anh hùng, hợp sức thắng, 91
Dân tộc di truyền bia khắc công 142
Dân tộc đi lên, cả nước tưng bừng. 84
Dẫu phong ba vật đổi sao dời, ... 87
Dây dẫn chúng sinh vào, ... 124
Duyên nợ mãi sao đây, ... 116
Dựa vào quyền chức để xoay ăn, 117

Đ

Đã chót nhúng tay, xấu đều hơn... 98
Đá xanh xây cống hòn dưới nống 107
Đạo nghĩa rọi gương trong có 89
Đâm mấy thằng gian, ... 93
Đập cổ kính ra tìm lấy bóng. 100
Đất ải trắng đồng, ... 91
Đất chẳng phải chồng, ...97

Đất dân chùa làng phong cảnh ...102
Đất e biển cạn bù thêm nước..... 99
Đất kẻ Mọc văn hay võ giỏi;..... 124
Đất nước bình yên mừng đức 105
Đất nước chùa làng phong 104
Đất nước mái nhà chung, ... 85
Đất nước mừng xuân, xuân trẻ mãi;93
Đất nước vào xuân, rộng cửa 89
Đất Việt người chí anh hùng, ... 94
Đất vua Hùng trọng nghĩa oai 89
Đất vui rộng đường xuân già 85
Đầu voi miệng cọp, vì nước 120
Đèn treo rọi sáng bốn phương ...138
Đi đất thịt, đường trơn như mỡ .. 115
Đình Cự Chính, miếu Hai Cô, .. 123
Đít thớt đầu chày Thiệu Hóa 140
Đo cho người thế hằng như thực; 121
Đỏ đào Nhật Tân, đỏ sóng 109
Đọc ba trăm sáu mươi quyển 100
Đón tết, lung linh điện sáng, ... 92
Đón Tết, tận dụng thời cơ, ... 84
Đón xuân đất nước nở hoa, ... 92
Đón xuân sang, quét sạch gian 85
Đỗ Ngoại Lãng gieo đầu đều 109
Đội nón lông gà, ra đi phục quốc, 120
Đức mẹ cao dày thắm thiết thơ . 107
Đức vua khởi thiên thanh tịnh.... 118
Được giá tôi bán luôn, của để 129
Được thì vơ, thua thì chạy, ... 101
Đứng giữa làng Trung Lập;..... 139
Đứng thử trông đất lành chim 124
Đường giác ngộ đề huề tiến hóa. 104

G

Gái có chồng [illegible]ng có vậy, . 116
Gạn đục khơi trong, ... 86
Gạo trắng không giã, thành ô mễ;128
Gạo trắng nước trong, ... 132
Gây dựng trời Nam, ... 118
Gặm như sâu, khoét như mọt, ... 140
Gì mạnh bằng nhân dân, vá trời .. 88
Gia đình năm tốt, phụ nữ ba đảm . 88
Già ưa người ta chiều, rét chiều .. 113
Già trẻ gần xa nương bóng phật . 103
Giáo dưỡng nhân tài, ... 83
Giàu làm kép hẹp làm đơn, ... 136
Giày vải đạp nghiêng ba đế quốc; . 93
Giã từ thế kỷ hai mươi, thắng địch 87
Giang sơn tóm lại đôi sân khấu..... 99
Giầu có thiếu chi tiền, đem một.... 98
Giếng đá cổ, hoa văn còn sắc nét;123
Gió pháp mưa từ, ... 104
Gió quyến ngọn cây, cây quyến . 100
Gió thông đưa kệ tan niềm tục; .. 144
Gió tựa tường ngang lưng gió 99
Giơ tay với thử trời cao thấp;..... 100
Giữ gìn nết đẹp ngày xưa, ... 87
Giữ truyền thống văn minh, ... 86

H

Hai nhăm triệu đồng bào, ... 96
Hai vị nữ anh hùng, ... 128
Hàm trậu lấy đâu đẽo ra nhiều ...109
Hang Thiên Thai then khóa 133
Hành tàng giống Khổng Mạnh; .. 138
Hạnh phúc gia đình: con thảo, ... 92
Hạnh phúc tự do lưu muôn thuở... 84
Hát hay chính khép Quy Nhơn... 142
Hay thật là hay đáo để! 130
Học cái mới, nhớ điều xưa, ... 83
Học trò là học trò con, ;..... 134
Học trò làng Gang, ... 128
Học trò Phú Khê ăn cơm cháy ... 111
Hồi chuông cảm động chín mười 106
Hiên ngang phất gió rẽ mây, ... 143
Hoa quả lòng thành dâng cúng... 102

Hơn bẩy chục xuân qua, ... 89
Huyện Tam Dương có ba con dê, 108
Hương lửa thêm nồng chùa 125

I

In như thảo mộc trời Nam lại,.... 101

K

Kê là gà, gà ăn kê..... 112
Kéo tóc khôn đền mưa móc mới; 118
Khách khứa kể chi ông núc bếp; 134
Khi ông sống, ông để anh để chị 137
Khi khép tối om om, ... 114
Không dưng xuân đến chi nhà tớ 102
Khúc hát Tầm dương gặp gỡ 116
Khúc thánh ca ngâm, ... 126
Khuyến thiện trừng dâm, ... 135
Kiên trì đổi mới tư duy, ... 117
Kiếm một cơi giầu thưa với cụ.... 103
Kiến đậu cành Mơ bò cuống quýt 116
Kính thành hai chữ lễ 103
Kịch trần duyên một giấc vàng... 106
Kỷ nguyên xuân, mọi tinh hoa ... 90

L

Lác đác mưa rơi làng Lộ Vũ;..... 109
Lão chửa già đầu, ... 108
Lăng mộ nguy nga, ... 104
Lăng tẩm tự năm nào, ... 97
Lấy mẫu đơn cho mẹ đỏ; 139
Lễ thọ năm mươi mừng mẹ nước;137
Lênh đênh mặt nước buổi dừa.... 142
Liếp đan mắt cáo mèo chui lọt;.. 139
Lộc là hươu, hươu đi lộc cộc..... 112
Lỗi kia đã nặng bằng ba thạch ... 133
Lộng lẫy bức tranh xuân, ... 83
Lợn cấn ăn cám tốn; 133
Lúa tám, gặt chín tháng tư..... 97
Lúa trải mầu xanh, ... 91
Lửa hồng Nhật Tảo rừng trời đất;120

M

Mang nghĩa lớn ở đời cuộc 83
Mải chơi biếng học quên lời bố;.. 109
Máy nổ vang đồng, vui tết xóm ... 90
Mắt trắng dã, môi thâm sì, ... 140
Mặc áo giáp, giải cài chữ đinh, . 111
Mấy mươi năm góc bể bên trời, ... 95
Mẹ đất nước xuân về, ... 113
Mệnh mẹ muôn năm cửa tướng;. 134
Minh Giám quê hương ghi bia đá;122
Miệng ông huyện Duyên Hà... ... 129
Miệng kẻ sang có gang có thép; . 133
Mồng một tết, mồng hai tết, ... 105
Một bầu máu nóng tưới khắp ... 140
Một chiếc cùm lim chân có đế.... 101
Một dạ theo Tây, ... 138
Một thằng ba chỏm tóc; 139
Một trận Sông Đằng, ... 143
Một và tuần chén trắng lấy làm 99
Mơ màng giấc mộng tủi non sông, 95
Mở cửa, thế giới đồng tình, ... 89
Mở khép càn khôn có ra tay mới 99
Mở ra, toác toạc toàng toang, ... 131
Mùa thu tháng chín lên chơi núi;. 137
Mười lăm năm trước thấy cụ ở 95
Mười mấy khoa còn gì, ... 97
Mười rằm trăng náu, ... 132
Mừng Đảng sáu mươi năm, ... 117
Mừng cháu xe duyên, ... 118
Mừng thầm chú cũng như cha ... 108
Mừng xuân đẩy mạnh thâm canh, 92

N

Năm kia xuân, năm ngoái xuân, 141
Nâng cao trình độ nền công đức; . 89
Nên phật nên thần, ... 105
Nên thợ nên thầy vì có học; 144
Ngán nỗi bút nghiên mà kiếm mã;121
Ngán nỗi trời đất chẳng thương ... 94
Ngán những kẻ tham bề hóa lợi, 119
Ngàn năm ghi nhớ công ơn Đảng 84
Ngàn năm văn hiến Á Đông, ... 139
Ngồi trên nước khôn toan việc... 138
Ngẫm câu tục ngữ "sang vì vợ"; . 138
Nghìn năm còn mãi tiếng thơm . 124
Nghe tiếng chuông vàng, ... 105
Nghển cổ cò, trông bảng không 101
Nghĩ rằng rết khỏe nhờ chân, ... 119
Nghĩa Đảng tình dân, ... 136
Ngũ phẩm sắc phong hàm cụ lớn;132
Người nước Nam hỏi tiếng Tây, 132
Những tưởng mãi cùng nhau, ... 111
Nhà chỉn cũng nghèo thay, ... 130
Nhà cửa để lầm than, ... 132
Nhà dột đôi ba gian, ... 142
Nhe răng sấu đá ngàm cái cạp... 120
Nhất cận thị, nhị cận giang, ... 130
Nhất sĩ nhì nông, hết gạo hạy ... 116
Nhiều làm phúc, ít làm duyên, .. 124
Nền nhân nay đắp, những cầu ...124
Nếp giầu quen thói kinh cơi, ... 101
Non sông tan tác bông rơi nước. 118
Non sông thống nhất, ... 89
Núi rộng, sông dài, ... 83
Nực cười thay, nêu không 143
Nước độc lập dân tự do 96
Nước biếc một mầu in cảnh phật 105
Nước trong leo lẻo cá đớp cá..... 100

O

Ông đi đầu, đi đầu bánh ngon ... 107
Ông lão chẳng biết chi, ... 99
Ông Nghị được thưởng mề đay, . 110
Ông ra Bắc là may, chức 119
Ông Thông đến gốc cây Đề, ... 112
Ơn nước đi lên, ... 94

P

Phẩm quả cúng giàng nghênh ... 103
Phật có ứng linh do thành tâm .. 106
Phên đan mắt cáo mèo chui lọt .. 117
Phố vào cảnh Tết tưng bừng, ... 84
Phù Lưu là giầu không, ... 128
Phù sinh như mộng vậy, ... 128
Phúc đức tổ tiên gieo trồng từ ... 135
Phu là chồng, phụ là vợ, ... 111

Q

Quả phúc dựng nên chùa một ...123
Quách thây chúng nó, ... 114
Quan huyện Thạch qua bến đò... 141
Quan thị đắp đường Kim Bồng, ..142
Quanh năm chăm sản xuất, ... 83
Quân tử cố cùng, quân tử cùng, . 112
Quân tử ố kỳ văn chi quan lớn;... 134
Quân tử nâu mình rung nhịp gót; 129
Quí liêm chính, trọng tài năng, .. 109
Quyền Tể tướng đương quan, ... 121

R

Ra tay cầm cán sôi trong nước, .. 101
Rộn rã xuân về, ... 83
Rượu cộng hòa, hoa bình đẳng, . 123
Roi thất phân đánh đít mẹ học ...141
Rút ruột Vương, tam phân thiên .118
Ruộng khoán sản lúa xanh, ... 92

S

Sách *Luận ngữ* hai mươi thiên, . 140
Sáng ra núi Sáng thấy hoa vàng 108
Sắt trong lò, than trong lò, ... 119
Sấm sét khéo vô tình, ... 94
Sống có đạo, có tình, ... 85
Sớm dâng hoa niệm phật Di - đà 105
Sinh thời ngưỡng mộ từ bi, ... 104
Suốt một đời không được điều gì, 122
Sự học chẳng phải chơi, ... 130
Sưu thuế nặng còng lưng, ... 110

T

Ta nay quan Thị, đi đốc Đường ..111
Tâm hương thấu đến mười 127
Tết đến kia kìa, ... 132
Tết đến: phim mới, chèo hay, ... 92
Tết nhớ mẹ già đầu đã bạc;..... 109
Tháng đôi lần làm lễ niệm kinh, 106
Thánh tổ bảo Thánh tôn ra mở . 115
Thánh thần dao động..... 95
Thánh tích sùng sơn, ... 127
Thằng quỉ mang cái đấu 122
Thắng tích danh lam, ... 84
Thắp đèn lên, dầu vương ra đế;.. 123
Thất trảm sớ còn thơm, ... 144
Thầy dạy giỏi, trò học chăm, ... 93
Thấy xe thiên cổ xịch đưa ra, ... 135
Thế giới chuộng hòa bình, ... 91
Thi hương lá cờ đuôi nheo, ... 110
Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo;.. 143
Thiên Thủy dòng phân, ... 122
Thiện lược để phúc xa, ... 128
Thiếp vì lòng trắng không thay 99
Thị thành há phải quên đồng..... 144
Thị vào hầu, thị đứng thị trông, . 111
Thôi còn nói chi con, ... 137
Thơ hoạ Tây hồ thần nữ vang ...133
Thơm nức thế gian chỉ có hoa mai129
Thuộc ba trăm sáu chục quyển ... 119
Thuý Kiều đi qua cầu nhác 107
Thượng Hạ Gôi Trôi Nằm Trị Phổ135
Thương chúng sinh điên đảo 126
Tích trí, tích nhân, thày dạy chữ, . 88
Tiên sinh tọa tịch thượng, ... 135
Tiên tổ có công trồng cây đức;... 141
Tinh thần chết đặng hay không, .. 96
Tĩnh Thanh phát tích tổ tiên 122
Tổ quốc mấy ngàn Xuân, ... 85
Tổ quốc tưng bừng hội mới, ... 90
Tổ tiên muôn thuở hiển linh, ... 141
Tối ba mươi, khép cánh càn 97
Trăng thu năm canh thê thảm; ..144
Trăng tròn còn có hôm mười sáu;137
Trà Lũ ba thôn nhai vào giữa; 138
Trải bao phen gió Á mưa Âu, ... 127
Trải nghìn năm văn hiến, ... 108
Trai Cổ Am học trường Cổ Am;. 135
Trai gái một niềm non với nước;. 141
Trai làng Nứa vai gánh đòn tre, . 108
Trai Thọ Sơn đứng núi Thọ Sơn, 120
Trạng nguyên tám tuổi thơm 100
Trẻ lại với xuân, ... 113
Trên cây có hoa, dưới cây có 98
Trói chân kỳ kỳ tra vào rọ..... 102
Trên quan dưới dân, ... 97
Trọng đức quý tài, ... 83
Trồng cây vun gốc, ... 123
Trời đất cũng đa tình, ... 116
Trời sinh ông Tú Cát;..... 133
Trời xuống giúp muôn dân; 143
Trong tổ quốc ngoài năm châu .. 124
Trung là ai, nghĩa là ai, ... 142
Trung nghĩa nếp nhà, ... 129
Trung với Đảng, hiếu với dân, ... 88

Trung với nước, giành độc lập 84
Truyền kiến thức, dẫn văn chương, 93
Trước báo ân, sau báo đức, ... 124
Trước cũng tưởng Tần Tấn một .. 97
Trường cao rộng, trạm khang 87
Trường Sơn núi cao, ... 91
Tuổi cao chí càng cao, ... 86

V

Vạn dặm phù sa bồi lịch sử..... 86
Vang tai xe ngựa qua đường tục; 126
Văn hóa cao, học thuật hóa cao, . 85
Vận nước đang lên, đa phương ... 86
Vẩy giọt nước dương chi, ... 126
Vẽ bức tranh xuân; 91
Vị chính mười phương thường .. 104
Vốn dòng thi lễ đôi tám xuân thu 107
Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả 115
Vũ cậy mạnh, vũ ra vũ múa, ... 111
Vũ lược luyện hùng binh, ... 127
Vũ lược luyện hùng binh, ... 96
Vui tết độc lập tự do, ... 93
Vui tết thanh bình, ... 90
Vui tết, quyết không để mạ già..... 92
Vui vẻ thay! Sợi chỉ vướng chân, 131
Vừa mới ra việc làng, ... 131

X

Xa lại lấy chi mong giả được; 121
Xâu tràng hạt chuỗi kim cương, . 114
Xin chứng minh cho Nam vô a... 134
Xưa hiên ngang chân sắt vai đồng, 87
Xuân cũng chiều người, ... 116
Xuân đến nhắn cùng hoa cỏ biết; 115
Xưa áo vải cờ đào, ... 90

Y

Yêu nhau như bâu, ... 113

CÂU ĐỐI TẾT

A

Anh linh còn nguyên muôn thuở 227
Ánh dương đầy khắp chốn; 170
Ánh xuân chiếu khắp;..... 167

B

Ba xuân sáng sớm đón khách quý;192
Bác hãy cạn chén này, ... 191
Bách nghiệp phồn vinh vui mừng 164
Bạn tốt như mây, cùng ca ơn 153
Bầu trời man mác tình vô hạn;... 230
Bia nghĩa tùng trăng chiếu;..... 206
Bóng nhỏ bên song, mai trăng .. 214
Bộ phả anh hùng tha hồ viết;..... 157
Bốn biển phong quan đâu cũng.. 196
Bốn mùa hoa tựa gấm;..... 174
Bốn phía núi non đều như vẽ;.... 181
Bổng lộc cũng mùi ngon, ... 208
Bỗng nhiên mưa gió e hoa rụng; 210
Bờ liễu đượm mưa nghìn cây biếc;158

C

Cả phòng choáng lộn như kho .. 186
Các thức vùng cao, sắc hương ... 193
Cành gốc trăm đời lưu phúc cũ;.. 216
Cảnh sắc tùy xóm khác; 193

Cày hay giàu có, đọc hay sáng;.. 211
Cày nguyệt, trồng lan, đức ngọc. 204
Cần lao chăm được cây tài lộc; .. 158
Cất nên rượu thu đông xuân hạ;. 190
Cầu Ngân Hán giúp Ngưu Nữ gặp;177
Câu thơ tùy hứng theo xuân thảo;191
Cây bút có hoa, vui hưởng thỏa . 222
Cây chung nghìn nhánh sinh từ.. 223
Cây cỏ gặp xuân cành lá tốt; 215
Cây cối rợp nhà sân, ... 186
Cây xuân có tình đón khách đến; 181
Chăm cày ruộng, sớm nộp lương, 225
Chăm làm nên giàu có;..... 174
Chất chứa nghĩa nhân nghìn 223
Chí quyết vì dân làm công bộc;.. 156
Chiếu quý được màu muôn thuở 186
Chim chóc hoà ca cùng khúc 154
Chính sách anh minh chốn chốn 163
Chính sách anh minh sông cười. 163
Chính thông đời tốt nghìn nhà... 157
Choáng mắt cơ đồ, thơ trong họa;180
Chổi vàng, chổi biếc, xuân vừa .. 188
Chớ để xuân thu ngày đẹp vuột; 184
Chơi đào cứ phải khi xuân đến;.. 188
Chuôi Đẩu quay đông mùa khí .. 197
Chuôi Đẩu trỏ một là năm 196
Chuột chạy trâu về nghe hổ thét; 156
Cỏ biếc non xanh, ... 177
Cỏ lạ hoa kỳ, ... 176
Có phúc bình yên do trời giúp; .. 222
Cỏ thơm có tình, ... 185
Cột mái nguy nga, ... 214
Cờ hồng ánh nhật;..... 169
Cơm nóng thức thơm, ... 192
Của cải nhiều lên dân hạnh phúc;154
Cuộc cờ thua được như thế sự;... 230
Cửa bình an cát tinh chiếu rọi;... 195
Cửa chào bách phúc,..... 166
Cửa hướng ánh dương, xuân vô.. 216
Cửa hướng mặt trời xuân đến 216
Cửa trước non xanh nghìn dặm . 158
Cứu quốc có lòng son, ... 153

D

Danh lợi là ảo mộng; 230
Dãy Tản núi cao, đầm sâu, ... 205
Dân chúng hưởng an ninh. 171
Dấy nghiệp phải từ cần mẫn được;155
Dời núi chẳng quên Ngu công chí;159
Dời phong đổi tục;..... 166
Dùi mài năm tháng ngàn pho 204
Dung muôn vật, gió xuân thật nhã162
Dựng xây cốt cách gia phong mới;232
Dưới bút thơ văn đều cái thế; 183
Dưới sân rộng xum xuê quế huệ; 218
Dương cao bó đuốc Trường Sơn 165

Đ

Đáng nơi chè chén nên chè chén;229
Đào đón khách say, khách say ... 193
Đạo đức sáng lòa tươi vẻ ngọc;... 204
Đào hồng nghìn đóa nở; 193
Đào mận nở hoa, ... 193
Đào mận xum xuê hoa tựa gấm;. 219
Đào non hoa hồng điểm;..... 171
Đất ấm hoa đua nở;..... 173
Đất nghìn hồng vạn tía;..... 187
Đất nước vào xuân, núi sông tươi 189
Đất thanh tịnh không bụi;..... 206
Đầu bạc nhưng lòng còn tráng ... 222
Đâu cứ tiên hiền là khuôn phép;. 209
Đầu mày xuân sắc thập phân 185
Đầy lối gió lùa trúc ken đặc;..... 183
Đầy sân hải đường, hồng lan xóm181
Đầy vò hương thoảng nồi lá trúc; 203

Đèn hoa lồng bóng đầu đường rọi;156
Đẹp đẽ mùa xuân, muôn cảnh ghi188
Đêm trước gió lành về ngập hộ;. 212
Điềm tốt khắp nhà;..... 166
Đỉnh núi xanh ngời đầy xuân ý;... 178
Đón xuân trải rộng chiếu Nga ... 191
Đưa mắt ngắm đất trời, ... 209
Độ lượng đầy trời cao biển rộng; 213
Độc lập tự do quý thật quý; 152
Đông hết non xanh nước biếc;... 175
Đông hết xuân về nghìn 164
Đông khách tham quan, ... 231
Đồng ruộng xuân tươi vui thực;.. 151
Đời thịnh cùng ca ca đời thịnh; .. 155
Đời vốn không kinh nghiệm có . 212
Đức thánh vô biên, cứu nạn trừ . 215
Đức tổ dài lâu ngàn năm thịnh;.. 215
Đứng trước non xanh bàn thế sự; 209
Đưa tin vui, muôn làng như gang 188
Được đất tốt ở yên thu phúc hậu; 225
Được mùa thơ, được mùa họa; .. 180
Được thời thịnh đạt gồm thọ phúc;217

G

Gà gáy muôn nhà sáng;..... 173
Gà gáy vịt kêu xuân đến sớm;.... 179
Gấm vóc hoa đua, xuân phú quý;199
Gấm vóc non sông mạnh;..... 172
Ghế sạch phòng sang, ... 192.
Giá bút, ao nghiên, biển chữ;..... 213
Già trẻ đoàn viên theo tuổi tác;.. 159
Giải buồn đâu ngại hồ Lục Vũ;... 200
Giang hồ cười bác khôn lừa bác; 219
Giếng ngọc năm mới, ... 191
Gió cuốn một rèm mời khách đến;203
Gió hoà mưa thuận;..... 170
Gió đưa xuôi hoa mùa;..... 171
Gió mát trăng thanh, ... 153
Gió thổi cờ hồng tựa vẽ;..... 175
Gió xuân cuốn nhẹ hoa lan trắng;191
Gió xuân đến trên biển;..... 187
Gió xuân đưa ấm cho dương liễu;153
Gió xuân đưa ấm nghìn dây biếc; 180
Gió xuân làm thơ;..... 166
Gió xuân mưa xuân ánh xuân tốt;156
Gió xuân nghìn ngày ấm; 173
Gió xuân thêm ý hoạ; 170
Gió xuân thổi biếc cây nghìn núi; 177
Gió xuân thổi sập truyền thi hứng;183
Giờ tốt hàng năm ngàn xưa tết;.. 155
Gõ gậy lại cao ca anh hùng 166

H

Hai hiên gấm vóc gồm bách hóa;179
Hạnh phúc đầy nhà vui khôn xiết;154
Hắc diện tướng quân, ... 213
Họ hàng tôn quý, chẳng phai mờ 228
Hoa chào điềm tốt;..... 167
Hoa che mưa ướt, xuân còn đẹp; 180
Hoa đào nở, thơm lừng ngàn đóa;194
Hoa đón ráng chiều nghìn nụ nở;180
Hoa lạ phần nhiều là của quý;.... 193
Hoa nở cho xuân đẹp; 172
Hoa tắm mưa xuân nở; 171
Hoà bình đời thịnh vui khúc hát;. 152
Hoà thuận một nhà thêm trăm .. 151
Họa không đủ no, không kể danh190
Học vấn dạy người sau, nước trị, 205
Hòe tỏa rợp sân chiêu hiền sĩ;.... 216
Họp bạn lên lầu, người thọ 192
Hôm nay gió đến xuân đầy khắp;189
Hồng Lĩnh muôn năm ghi nghiệp152
Hủ tục cũ phải bỏ;..... 173
Hướng chốn núi rừng xa thế sự; . 204
Hưởng thú nhàn rau dưa thanh... 220

Hương đầy nhà bình hoa mai nở;199
Hương hoa làm say bướm; 172

K

Khách bạn đầy nhà nồng khí 219
Khách quý đến, núi xanh đổi sắc;214
Khí ấm đầy nhà mừng khí tốt;.... 195
Không đức, chẳng còn, biết đã... 208
Khúc nhạc chào xuân hợp tấu .. 165
Kinh, sử, ruộng cày, khen Đỗ, .. 205

L

Làm người phải giữ lòng hồn hậu;204
Làm quan như kịch lại như mê, . 184
Làm quan phải biết nỗi dân khổ; 211
Làn điệu cũ, lan hòa trúc gẩy;.... 218
Lấp biển dời non tinh thần còn.. 163
Lễ nhạc uy nghi, kính tựa 227
Lên non ngó biển mây trời rộng; 157
Liễu nhú đào hồng ngày đổi khác;197
Lò lửa đun lên thêm thú nhã;..... 200
Lòng dạ quang minh ngàn 151
Lòng người năm tháng cần sửa.. 198
Lòng vui trống gióng nhờ gió mát;161
Lời mẹ dạy, trăm năm, tốt đẹp;.. 207
Lời xưa là phép, oai nghiêm là... 205
Luôn lấy thanh liêm làm bức hoạ;160

M

Mai liễu đón xuân vạn dặm 164
Mai trúc vui xuân đều mãn ý;..... 158
Mai, tuyết, trên đàn bay phấp ... 214
Mầu mè thêm sắc đẹp, ... 179
Mấy chữ thư đưa, chắc tin bạn; .. 190
Mây đưa cây suối che màn sách; 209
Mấy đoá hoa đào hay tết đến;.... 152
Mây hồng hoa tụ câu xuân đẹp; . 180
Mây lành xuân ấm, vui nghìn hộ; 187
Mây một thuyền kết bạn;..... 174
Men bờ ôm đá xưng tri kỷ;..... 230
Mong muốn giữ gìn cho con cháu;228
Mồ hôi nhuận giọng hát lên 165
Một chén giải phiền muộn;..... 201
Một chữ "cần", thiên hạ không... 224
Một giải sông thu tràn thanh khí; 194
Một hồ nước biếc hòa đèn đẹp;.. 194
Một khối văn chương đều mượn 199
Một khúc dương xuân, gọi dậy ... 185
Một làn khói sáng, dương liễu..... 176
Một mảng ráng màu chào ngày . 182
Một năm xuân là nhất; 169
Một nhà bổng lộc tươi đẹp vẻ;.... 206
Một vùng hoà khí; 167
Mùa xuân cây cỏ xanh ngút mắt; 178
Muôn dặm non sông vừa đổi mới;152
Muôn hộ sáo đàn ca thịnh thế;... 160
Muôn nhà vui cười nói;..... 170
Muôn nước nghìn non, mời 187
Muôn ống ngọc tiêu ca thịnh thế;160
Muôn sắc hoà sông núi; 169
Muôn thuở công thành danh 223
Muôn thuở đất trời bừng đổi mới; 223
Muốn trừ phiền não phải vô ngã; 211
Muôn vật núi cao khoe xuân khắp;195
Mưa thuận đổi đầy quả;..... 172
Mưa về gió ấm non non biếc;..... 157
Mưa xuân gió xuân cảnh xuân, .. 164
Mười năm trồng cây, nghìn năm. 176
Mười phần xuân sắc theo trời đất;199
Mừng thấy phúc trời soi sáng mãi;231

N

Nam bắc đông tây toàn thể 214
Năm cũ diệt trừ tệ nạn cũ; 212
Năm cũ tệ cũ quét hết; 174

Năm lại năm vun trồng phúc hậu;216
Năm lần thi đỗ sách thơm tỏa;... 207
Năm mới đẹp trời phố phường .. 200
Năm mới khí mới;..... 167
Năm mới ngợt mưa tổ quốc 166
Năm sắc mây lành viền điện 227
Năm vui người thêm thọ; 170
Nền nếp cũ trong nhà rèn cặp;.. 206
Nên nhà chớ bảo dựng nhà dễ;.. 211
Nền thọ đức ông cha đã dựng;... 229
Ngà say rồi rượu ngon mới uống;210
Ngàn năm nước biếc chứa gươm 212
Ngàn năm tổ quốc vượng nguyên 207
Ngày đẹp hòa vui, ... 200
Ngày tháng ánh hồng chiếu;..... 173
Ngày tháng sinh nhai đều tốt đẹp;194
Nghìn bài thơ viết mừng nước.... 159
Nghìn bài thơ xuân vui vẻ đọc;... 190
Nghìn dặm gió xuân phiền sứ ... 188
Nghìn dặm ngựa truyền tin vui .. 156
Nghìn đỉnh phong lưu nay cảnh . 194
Nghìn năm thịnh, tổ tiên xưa tích 229
Nghìn non trăng sáng;..... 169
Nghìn thôn cười nói nghìn thôn 154
Nghìn thu năm tháng nghìn thu 160
Ngó nam mây lành, cột hoa cửa 185
Ngọc trong nhả sắc, ánh xuân .. 178
Ngồi mình vẫn lấy sách làm bạn; 203
Ngôi ngôi lầu mới đưa điềm tốt; . 187
Ngước mắt nhìn hoa hoa đầy mắt;162
Người dẫu lão mà tâm chưa lão;. 220
Người tài việc non sông gánh vác;229
Người vui ngựa hý, cảnh thái bình;178
Nhà cao hai cội xuân huyên khỏe;216
Nhà cửa yên lành là phú quý;..... 195
Nhà đầm ấm, gió xuân phơi phới;216
Nhà hát lầu cao nghe nhạc nhẹ;. 184
Nhà vui đời nối vô biên phúc;.... 196
Nhân kiệt địa linh bách nghiệp ... 162
Nhân từ thì có con nhân từ; 226
Nhật nguyệt sáng soi tươi đuốc... 207
Nhất phiến thái hà nghênh húc .. 182
Nhìn đám cỏ hoa, hay trời đẹp;.. 178
Nhìn xa nên hay gió bão nhỏ;.... 212
Nhớ ghi muôn thuở nước nguồn, 227
Nhớ người mộng đến nơi trăng... 206
Nhụy sen nổi bình biếc;..... 201
Nói lúc giận, phát ngôn vội vã, .. 226
Non sông bền vững;..... 168
Non sông bức vẽ tinh thần mới... 154
Non sông như vẽ;..... 168
Non sông thời thịnh xuân về 154
Non sông vận tốt anh hùng mạnh;161
Non sông vững bước nhân dân... 159
Non xanh nước biếc, cảnh sắc.... 179
Núi sông cảnh tượng nom như vẽ;199
Núi xanh chẳng ngán ngàn 203
Núi xanh không già, cảnh càng .. 176
Núi xanh thêm sắc tú; 172
Núi xuân không vẽ mà là bức 193
Nước biếc non xanh xuân đượm; 175
Nước biếc non xanh, đường xuân 200
Nước biếc non xanh, người say .. 190
Nước biếc tự nhiên nên khe lũng; 182
Nước biếc xuân về cây hớn hở;... 160
Nước khéo xuống thấp nên thành210
Nước khơi vẫn mới non khơi biếc;161
Nước nhà đường lối tốt;..... 171
Nước non như khách, tình 221

O

Ở đời đâu phải thành chau mặt; . 231
Ơn nghĩa quân thân mãi cùng 226
Ơn nuôi dạy biển Đông khôn 228

P

Phật ở lòng, lòng thành là Phật, 226
Phòng khách xuân sang đầy vẻ . 219
Phong văn nước cũ truyền người 221
Phúc nhà, đức cũ lưu truyền lại;.. 205
Phúc theo trời đất tuần hoàn tới; 218
Phục vụ nhân dân một tấm lòng. 164
Phượng hoàng đến chầu, ... 192

Q

Quần chúng một lòng chung hiến160
Quốc sự thường lo như gia sự;.... 226

R

Rét đến đưa than nhà nhà ấm;... 186
Rễ sâu chẳng sợ cành lay động; . 222
Rợp giường thiền tán cây trước .. 208
Ruộng vườn cần mẫn mùa thu ... 232
Rửa bụng nâng ly, gân cốt mạnh;202
Rừng biếc trời xanh, ... 177
Rừng trúc rậm tươi, ... 176
Rượu ba chín ngâm nga khi hứng;232
Rượu biết kiềm chế ít nói loạn;... 210
Rượu thường bớt chén lời ít quá; 184
Rượu tốt nghìn ly cùng hưởng ... 165
Rượu trong thôn Hồng Hạnh;.... 201

S

Sách chứa vạn quyển hay dạy ... 197
Sáng ra mới nắng, ... 198
Sang trọng nhờ siêng năng mới 224
Sáng trưng thu muộn sương 180
Sau mưa xuân, khói lam muôn .. 182
Say túy lúy đất trời cười vẫn nhỏ; 202
Sắc thái cội cành hoa lá hiện;.... 223
Sắc thái non sông bao tráng lệ;.. 161
Sắc xuân đầy khắp;..... 168
Sân nhà xuân ấm sinh mầu sắc: . 161
Sân trồng trúc phượng đậu; 231
Soi kính tô mày, ... 208
Soi số phận quyền sang, ... 185
Sông trong biển lặng;..... 169
Sương đọng trên hoa hương 201

T

Ta say bởi gió xuân hương tỏa;... 187
Tài cung kiếm bốn phương, ... 222
Tết đến nhiều nhà thêm trăm 163
Thái bình là phú quý;..... 171
Tháng chạp phúc mới đến;..... 168
Tháng năm vời vợi, ... 177
Thanh buổi thanh nhà mừng 231
Thành danh nếm trải thời gian .. 221
Thành ý đãi người rồi ắt được;.... 210
Thánh thần vùng Nam Hải 221
Thân cường cốt mạnh người 162
Thân danh lừng lẫy ghi công mãi;205
Thần tỏa sáng bốn bên, ... 215
Thích nhất uống trà họp bạn, ... 189
Thiên hạ đều tham châu ngọc quí;224
Thiên tướng thần tiên, ... 213
Thông cực Bắc xa thư tám cõi;... 227
Thông tươi tốt qua thu mới biết; . 219
Thơ khi lòng tĩnh, sông xuân ghé;182
Thơ xuân tranh xuân, mặt xuân.. 191
Thời chuyển tam dương nhiều.... 196
Thu đến đầy non nhiều sắc..... 217
Thuở nhỏ thích thơ, ... 209
Thuyền đem rượu đến, ... 202
Tích thiện, mãi lưu truyền phúc .. 224
Tiệc bày trên nhà, ... 202
Tiên tổ vun trồng, ... 213
Tiếng gà sớm đọc sách;..... 174
Tiết xuân trăm hoa tụ hội 232
Tinh thần sảng khoái vui thời thế;152

Tính tình hòa nhã, ... 217
Tính xem thế sự vàng như múa;.. 230
Toàn gia hưởng phúc; 167
Toàn quốc thái hoà;..... 168
Tổ quốc vinh quang nhờ gió mới;155
Tối đọc trà kinh đỡ cơn khát;..... 214
Tốt đến năm năm non vui người 165
Trà cũng say người, ... 202
Trà vào loại tuyệt hảo;..... 201
Trăm chước chẳng bằng nhân.... 228
Trăm hoa đua nở hơi xuân ấm;.. 151
Trăm loại chim ca chào sáng sớm;175
Trăm năm kế hoạch, ... 186
Trăm năm nho học rộng mở cửa;206
Trăm năm trời đất hồi nguyên khí;198
Trăng canh ba đầy sân hoa chiếu;196
Trăng chuyển qua rèm soi lọt 217
Trăng sáng ly đầu, ... 183
Trăng sáng một vầng soi trời đất;158
Trăng sáng mơ màng đêm chẳng 209
Trăng sáng tròn đầy, ... 203
Trâu cầy đồng rậm nghìn kho.... 156
Trên chẳng phụ phúc đức tổ tiên 228
Trên chiếu khách không ngớt; ... 220
Trên có mẹ cha vui cao tuổi; 195
Trên tiệc những mong người mắt 202
Trong hoa hơi rượu theo xuân .. 179
Trong ly lá trúc đầy xuân sắc; 192
Trong tiếng mưa xuân oanh cao. 182
Trời ban cho cả nhà thịnh vượng;212
Trời ban cho một nhà tốt đẹp;... 198
Trời cao nhật nguyệt cho vận mới;196
Trời đất anh hùng khí;..... 174
Trời đẹp gió hòa, ... 183
Trời mở cảnh thịnh;..... 167
Trời mở thánh minh, Lê tiền Lý. 221
Trời muốn hồi xuân, muôn vật .. 197
Trời nắng chiếu rừng trồng, ... 176
Trời phú tuổi cao, năm tháng 225
Trời rạng nghìn non đẹp; 168
Trời thêm năm tháng người thêm 151
Trung hậu một đời hiềm thiện ít; 157
Trung trinh chí giữ dù công lớn;.. 159
Trước án chuyện trò xuân nổi sắc;220
Trước án nói cười xuân nổi sắc;.. 218
Trước cửa mừng vui luồng gió ấm;225
Trước cửa mừng xem hoa lộng... 217
Tuấn mã thêm roi quần chúng ... 165
Tuế nguyệt bình yên cả;..... 173
Tùng trúc mai rét đồng ba bạn; .. 200
Tuổi mới năm mới cảnh mới;..... 175
Tuổi xanh có hạn chí vô hạn;..... 161
Tuyệt trần: lúa gạo thu từ 232
Từ một nhà nhìn ra bốn biển; 208
Từ trời giáng xuống, ... 220
Tự do ca hát vang hàng xóm;..... 153

U

Uống vào mùi vị chia ba loại; 203

V

Vài chén, tinh thần tăng gấp bội; 201
Vạn cảnh canh tân nhờ quần 159
Vạn cảnh xuân về mưa móc mới; 198
Vạn cây mừng xuân theo nước ... 178
Vạn lũng thông reo, ... 175
Vạn quyển thơ văn, ... 204
Vạn ruộng trĩu bông đầy khí tốt;. 155
Vào đời sáng tỏ tâm trong trắng; 190
Vẫn thường rộng lượng, nên tăng207
Vẹt hay tập nói khoe giòng..... 208
Vẹt trước mặt hãy nên ít nói;..... 213
Vì độc lập tự do đã nguyện 153
Việc đang lúc thịnh, ... 211
Việc lớn sớm làm càng sớm đạt; . 225

Việc nước yên bình cả nhà đoàn 164
Viết sách há lại màng danh lợi; .. 210
Vườn rậm sông đầy, ... 194
Vịt bơi ao xuân, ... 179
Võ sự là tiên, cần chi mưu thuật; 224
Võ tình chưa hẳn tay hào kiệt; ... 211
Vui báo ráng mây, ... 187
Vui thấy mầm mai chào tháng .. 195
Vừa vào xuân sớm, ... 181

X

Xa nhà xuân đến nhớ làng trúc; . 181
Xã hội phồn vinh vui thịnh vượng;158
Xây nhà chung, mở phòng bệnh, 189
Xem khắp hoa tươi xuân chán .. 183
Xén trúc trước sân, ... 218
Xinh đẹp đổi khe khi đông hết; .. 163
Xuân ấm muôn hương toả;..... 171
Xuân đẹp bên hoa dứt trần lụy; .. 207
Xuân đến bản làng nơi nơi tốt; ... 162
Xuân đến bên đê, ... 181
Xuân đến khắp nơi đều thêm sắc;177
Xuân đến nhà nông thêm khởi .. 155
Xuân đến quanh trời tràn khí ấm;215
Xuân mới đón mừng thời đại mới;163
Xuân nhập trời xuân xuân bất lão;162
Xuân từ đâu đến đây, ... 197
Xuân về đào mận hoa đua nở; ... 188
Xuân về đắc ý nghìn nhà phú; 157
Xuân về một khí chuyển, ... 197
Xuân về muôn nhà phúc; 169
Xuân về nhỉ cá rồng biến hoá; 151

Y

Ý vị trong nhàn đạm như thu thủy;184
Yến hót nghìn nhà sáng; 170
Yêu nước đừng quên tiên tổ 229

PHONG CẢNH

A

A Di khiến tắt tam đồ khổ; 295
Ai hay vạn cổ trùng hưng nghiệp;241
Án cá, sẻ bình, ... 354
Ánh châu rung trăng sáng 446
Anh hoà em kính, ... 390
Anh hùng cái thế xưa nay hiếm, . 355
Anh linh hơn đất Bắc; 331
Anh linh như dòng sông 454
Ánh sáng thiêng soi bến nước; ... 483
Ánh trăng như nước, ... 476
Ánh văn xông Bắc đẩu; 239
Ánh xuân chiếu khắp nơi, ... 344
Ao trước cây xưa truyền sự 358
Âm dương chung đúc 470
Âm phù đất Việt, ... 259
Ân đức sau, đâu kể năm tháng, . 374
Ẩn, nhỏ ở rừng, lớn ở chợ; 360

B

Ba cây hoè trồng, ... 382
Ba chén rượu ngàn năm tơ tưởng;338
Ba đời Phật, sắc tướng huy hoàng;279

Ba khoảnh đầm sâu, nước bẩy ... 349
Ba mươi tám năm, ... 318
Ba ngàn thế giới, ... 280
Ba thân đầy đủ, ... 336
Ba thước nước hoa sen ngàn đoá;439
Ba xuân khí tốt đầy nhà cửa; 396
Bản đồ Hồng Lạc nguồn rất 458
Bạn hiền xa đến, ... 435
Ban ngày rợp bóng cây cao, ... 471
Ban phúc khôn cùng, ... 271
Bảng hổ cửa rồng theo duyên.... 239
Báo đối vằn đốm, ... 452
Bát Nhã hiểu chân không, ... 465
Bẩy mươi bẩy tuổi trời, ... 403
Bắt yêu hổ ở trong thuyền, ... 416
Bậc cao quý nhất là tôi trung con 499
Bậc có công sánh kim mộc thủy 334
Bể phúc vô biên, ... 474
Bể quế sóng yên, thừa kiếm khí; 363
Bên hồ liễu rũ, ... 423
Bên song cây cối liền non vắng;. 443
Bên thềm rực rỡ cỏ hoa, ... 423
Biển động, sinh khí 291
Biển học rộng không bờ, ... 342
Biển Nam phong thần, ... 260
Biển Quạ đáng khen thầy cứu.... 360
Biển rộng bao la, ... 478
Biển rộng nhớ ơn thần; 267
Biết đủ vui lòng, ... 388
Biết học trò không ai bằng thầy, 380
Biết là không thể bèn về, ... 414
Biết mệnh biết sai nên thuận 425
Bình đẳng quy y, ... 271
Bình thêm nước suối đầy trăng .. 457
Bói tốt quẻ lành, ... 291
Bóng Cầu đầm sen, chân người 484
Bóng núi xa nhìn mây phủ kín; .. 346
Bóng tháp trong sâu rừng thấp . 437
Bồ đề đại thụ nghìn năm bóng; .. 274
Bồ đề kết mãi ngàn năm quả; 283
Bồ Tát đến đây đều xuất hiện;.... 278
Bồ thụ kết mây lành, ... 309
Bồi đắp mạch nhân, ... 375
Bốn bể phong quang nhiều chỗ.. 396
Bốn biển danh nhân đề chùa cổ; 318
Bốn chữ danh thơm thi hành hiệu316
Bốn mặt bình phong màu núi đẹp;476
Bốn mặt núi sâu đầy chùa cổ; 436
Bốn mùa hoà khí xuân thường .. 397
Bốn nghìn năm non nước Lạc ... 459
Bốn phía đều là kỳ quan, ... 466
Bốn phía rạng ngời, ... 465
Bỗng chốc hoá vô thường, ... 402
Bởi thương chúng khổ, ... 279
Bùa rồng cửa Huy thêm tiến 456
Bụng có đầy hơi nên nhẫn nhục; 343
Bụng là suối trong, ... 449
Buôn bán như gặp xuân cỏ mọc; 430
Buôn bán như xuân ý;..... 430
Buôn bán sinh sôi thông bốn biển;429
Buồn vui rất để tâm, ... 342
Bút văn minh chấn hưng lộng lẫy;350
Bướm luyến hoa hương, ... 478

C

Cá chép tự đến lạy ở Long thuỷ;. 457
Cá đùa đầm biếc trong trăng lộng;441
Ca hát ở đây, ... 294
Cá luyến nước, nước rộng chỗ cá 482
Các đời ngợi khen sáng miếu cổ; 255
Các thánh được suy tôn, ... 311
Các Thánh thấy suy tôn, ... 277
Các triều phong tặng Tây quan . 366
Cái đức của quỷ thần, ... 292
Cảm ắt thông, dương giúp..... 281
Cảnh ấy thần tiên, ... 287

Cảnh đẹp phô bày truyền từ trước;472
Cảnh là ba nhánh xưa sông Hát, 455
Cành nẩy phô tươi bồi gốc hậu, . 304
Cảnh Phật nguy nga treo nhật ... 310
Cảnh phúc nay giàu thọ vẫn còn;270
Cảnh sắc huy hoàng cầu đức Phật;268
Cảnh tĩnh lầu thanh muôn vẻ đẹp;484
Cảnh vật còn đây ơn đức nhớ; ... 404
Cao dựng đền đài, ... 308
Cao rộng thần công, ... 293
Cay đắng văn chương, ... 359
Cần kiệm dạy nhà, ... 399
Cất bước gian nguy, ... 341
Cất bước lên lầu cao, ... 479
Cầu bắc cầu vồng qua bến đảo;.. 339
Câu chuyện cũ Nam mai..... 405
Cầu dẫn cầu vồng đậu bờ đảo;... 238
Cầu tất linh, xin tất ứng; 288
Cầu trời đất, gió hoà mưa thuận; 266
Cây biếc hoa hồng cùng che đỡ; 444
Cây biếc, hoa hồng, ch..... 300
Cây cao nuốt ánh chiều đỉnh núi;438
Cây cổ gặp xuân hoa tựa gấm; .. 474
Cây có gốc, nước có nguồn, ... 369
Cây cỏ một phương không giúp 367
Cây đào mận trồng cửa quân tử; 394
Cây đức hương thơm hoa sắc 315
Cây gốc nước nguồn nhờ phúc . 419
Cây khe chiếu bóng lên phòng .. 443
Cây trượng lập chín tầng trời, ... 336
Cha mẹ tuổi già, ... 389
Chào mừng dạo cảnh, gần xa đến;286
Chăm sóc chúng dân, ... 400
Chẳng làm tướng làm thầy lang, 362
Chẳng nhớ năm nào rợp mây ... 417
Chẳng sắc chẳng không đúng ... 413
Chẳng thẹn người xưa khen liệt . 253
Chẳng thua Bá Thượng phong... 347
Chất ngọc xuống hoàng cung, ... 277
Châu báu biển vàng..... 288
Châu ngọc phát mầu, ... 447
Châu ngọc trưng mầu 451
Che chở ngàn năm, ... 368
Chém giao long anh dũng hơn ... 447
Chém giao long ở sông dài, ... 446
Chém giao, phô sức mạnh tuyệt 417
Chỉ có cô trung, ... 254
Chí lớn khôn bày, ... 408
Chiếu báu ơn ban, ... 296
Chiều buông mái quế tìm thi sĩ; .. 448
Chiều gõ chuông kình, ... 296
Chiều trống sáng chuông, ... 313
Chim lượn đầu tường, ... 370
Chín bệ ngựa ứng, ... 272
Chính trực thông minh, ... 342
Chư khách chơi xem hà tất 474
Chưa thắng giặc đã hy sinh, ... 408
Chọn đến làng nhân, hoà vốn 360
Chọn ở gần đức, ... 424
Chỗ khó người xưa, có làm lúc .. 363
Chốn này Ngọc Hoàng ngự; 322
Chống trời với văn minh độc lập; 455
Chớ bàn thế sự trước non xanh .. 298
Chợt thấy đài thiêng, hồn mộng . 416
Chủ khách giao lưu cần có nghĩa;431
Chùa cổ giữa núi mây, ... 490
Chùa cổ huy hoàng nghiêm vẻ ... 486
Chùa cổ không đèn, ... 384
Chùa cổ rất thanh kỳ, ... 273
Chùa cổ sư nhàn mây làm bạn; .. 434
Chùa Diệu Đế để chúng sinh 469
Chùa Khánh Nguyên 273
Chùa Long Kiểu trời ứng đất linh;269
Chùa ngàn năm, ... 284
Chùa Trang Nghiêm, ... 272
Chùa Vân linh thiêng, ... 272

Chúc thánh đức, tụng vua hiền, . 328
Chúc thánh thọ, ngợi hoàng ân, 415
Chúc thánh thọ, ngợi sơn hà, ... 289
Chúc thọ huy hoàng, ... 290
Chung đúc năm nào, ... 255
Chuông khánh tẩy lòng trần, ... 472
Chuông lớn tan giấc mộng; 248
Chuông réo ba kỳ, ... 278
Chuông sớm trống chiều 243
Chuông sớm trống chiều, ... 385
Chữa lành cho cháu, ... 372
Có cảnh có tình, ông đừng ngại, 480
Có chất lượng không mầu mè, .. 450
Có chí thì nên, ... 376
Có công được thờ, ... 379
Có hẹn như tình cờ; 460
Có thời bình, công trong 367
Cỏ thu nuôi ngựa béo; 433
Cõi thế lắm phiền hà, ... 346
Con cháu đông vui nhà phúc lớn;419
Con cười, trẻ hát, ... 370
Con quế, cháu lan, ... 371
Còn tiếng còn thiêng, ... 366
Cỗ tế thường bầy, ... 294
Cố Tổ về kia rồng Tây Bắc; 457
Cổ tự lô vân sơn, ... 462
Cội nguồn dẫn mạch, ... 264
Công danh nẩy nở đều do đất; ... 373
Công đức lưu truyền muôn dân . 306
Công đức tổ tiên ngàn thuở phúc;418
Công lao rộng, sự nghiệp cao, .. 286
Công ngang trời đất từ bi Phật; .. 249
Công phổ hoá núi cao 245
Công ơn mẹ nặng sánh tày non 403
Công với nước, trước sau rộng ... 256
Cột khói như rừng, ... 445
Cột mái nguy nga, ... 487
Cột vẽ tựa trời mây 347
Cơ đồ rực rỡ từ đây mở; 332
Cơ nghiệp mới quy mô 468
Cởi bỏ mọi món nợ truyền kiếp; .. 278
Của báu truyền gia. 358
Của trời- vật quý, ... 387
Cúi nhìn thời cuộc đổi thay, ... 386
Cùng chung hưởng phúc cao..... 487
Cùng dựng ngàn năm đền miếu. . 266
Cùng xướng hoạ, đàn cầm..... 377
Cửa chùa rộng lớn vui thường tại;314
Cửa không cất bước tạm coi..... 273
Cửa nguyệt mỉm cười mừng 448
Cửa thiền mở thế giới; 242
Cửa thiền rộng mở vô cùng lạc; .. 247
Cửa trên tiêu sáo vang âm nhã; .. 372
Cửa trước mở to,..... 421
Cửa trước thênh thang sông 470
Cười voi vung kiếm nên công, ... 327
Cương thường rường cột trong ... 319
Cứu giúp sinh linh qua biển khổ; . 410
Cứu nước giúp dân soi tích thánh 304

D

Dáng miếu, mặt non cùng thấp .. 238
Danh lam từ cổ, ... 307
Danh nhân bốn biển ghi chùa cổ 490
Danh sơn không tại cao, ... 240
Danh tướng triều Hùng chung ... 256
Dạy nghĩa truyền thơm quế Yên 363
Dãy Sài tiếng truyền xưa nay một489
Dân chúng cùng, nên hay vui vậy;380
Dân Thái Thủy nghìn năm nay ... 456
Dấu cổ đất thiêng 273
Dấu lân xưa trộm bàn phủ tướng; 359
Dấu thánh hóa thân, ... 332
Dấu tiên năm nào hương phảng . 352
Dấu tổ trùng quang, ... 285
Dấy mới bỏ cũ, ... 450

Dẹp giặc lừng danh, ... 261
Diệu pháp không lời, ... 333
Diệu pháp tam thừa, ... 486
Doanh lợi tăng cao, ... 430
Dòng chính trời Nam chia vũ trụ; 261
Dòng họ tôn vinh, ... 251
Dục tú ấy, chung anh này, ... 487
Dùng cách thức tam cung để biểu467
Dựng am An Dưỡng làm nơi ở, . 462
Dừng bước không đi 283
Dưới hoa Tử Kinh. 425
Dưới mộ linh thiêng lưu hiển tích;261
Dưới ngòi ngự vài bông sen nở... 467
Dưới nguyệt lướt qua tiên hay 238
Dương Châu riêng có phong 291
Dương liễu điểm lành từ bi trọng; 311
Dương xuân đã đến núi cao ngất; 361
Duyên lành đầy đủ nghe 490
Duyên pháp thiện nhân cửa rồng 332

Đ

Đã gặp lắm hiểm nguy, ... 420
Đã hẹn bạch vân cùng qua bến; . 440
Đá Hoa Lư rồng lên ghi dấu tích; 393
Đa tình trăng rọi mời người đến; 435
Đãi người rộng ba phần là phúc; 399
Đại nhân và mặt trời 467
Đài sen Tây Trúc ngàn thu từ bi , 304
Đại trung để làm việc đại dũng; .. 240
Đại từ đại bi, ... 270
Đại từ đại bi, ... 270
Đan quế có gốc, ... 432
Đàn, cờ, thơ, rượu, ... 376
Đánh giặc năm nào, ... 394
Đạo anh em phải hay cư xử;..... 368
Đạo chỗ tựa nương, tường Phú . 364
Đạo có chủ trương, ... 239
Đạo lớn chẳng riêng ai, ... 342
Đạo lý làm thầy..... 317
Đào mận cửa sang nhiều bóng .. 310
Đào mận Hoàng môn nhiều vị .. 361
Đạo như đường ấy được cửa thì . 247
Đạo Phật từ bi kẻ kẻ qui đường... 314
Đạo Phật xuyên thông vũ trụ;..... 314
Đào thắm, mơ hồng, càn khôn .. 399
Đào Tiềm hay say rượu, ... 316
Đạo tựa sông ngòi, ... 383
Đạo vốn tiên thiên, ... 431
Đáy nước năm nào, ... 259
Đắp tượng vẽ hình..... 271
Đầm mở sông hoà, ... 288
Đất ấy núi sông lưu thắng tích; ... 367
Đất danh thắng một hồ sáng láng;395
Đất đẹp nàng đến thăm, hạc nội, 343
Đất đúc anh tài, núi Nùng, Tản; . 364
Đất giữ bình an, tăng thêm trăm. 483
Đất hẹn nay truyền ba kỳ bảng;.. 392
Đất kết danh lam thoáng đãng .. 471
Đất kết văn phong, ... 291
Đất lành sinh người kiệt, ... 418
Đất lưu lại tuyết trăng mây gió;... 282
Đất lớn vua Hùng, ... 253
Đất này, dân này, ... 294
Đất này, nhân dân này, ... 293
Đất nhà Lê chung đúc, ... 416
Đất nhờ đó mà tôn nghiêm..... 475
Đất nước triều Thục tôn cột trời;. 253
Đất phúc làng Cao, ... 281
Đất rộng đúc khí thiêng, ... 308
Đất thánh đều vui khí đẹp thanh; 454
Đất Thiên Bản tái sinh kỳ diệu, .. 244
Đất tín đẹp thay, ... 337
Đất trời hoà hợp, ... 369
Đất trời Nam Việt vua Lý ở..... 486
Đất tụ khí thiêng, non sông còn . 321

Đất xưng văn hiến, từ xa đến;.... 364
Đất yên kết mây lành, ... 469
Đầu nhành dương liễu 472
Đây đất thành nhà, ... 328
Đầy tay ánh nước khô mà lạnh; . 440
Đây thành quách, đầy giang sơn, 309
Đế thống trời nam kỷ thứ nhất;.. 351
Đêm nghĩ bốn lần, ... 376
Đêm tĩnh tiếng chuông càng rõ;. 345
Đến bờ giác đốt hương, ... 412
Đến chốn ấy, bày ra đủ cầm kỳ . 349
Đền cổ dựng nguy nga nơi Hồng 455
Đến cửa có đường đều sông bọc; 434
Đến đây chẳng phải tầm thường, 473
Đến đây lo nghĩ tiêu tan, ... 480
Đến trước văn miếu nho y đều... 431
Đến từ Tây, Đông, Nam, Bắc 248
Đi gió về mây ngời đức thánh; ... 315
Điện lớn huy hoàng, ... 244
Điện Phật nguy nga, ... 289
Đỉnh báu linh thông, ... 285
Đỉnh cao Yên Tử đỏ 470
Đình đối tranh đầu, ... 359
Đỉnh núi dấu thiêng..... 418
Đỉnh quý thơm hương khói toả . 400
Đỉnh Tản non Hùng thông quốc 266
Địa giới là trời khi đất rộng;..... 439
Đọc hay sáng ý, cày hay có..... 297
Đọc sách người trước..... 432
Đổi mới hàng hoá, ... 450
Đông A sử chép đều các hệ;..... 293
Đồng đức, đồng tâm, ... 481
Đông hải di cư,..... 286
Đứng quê sát cửa thông phòng .. 383
Đông Tây Nam [illegible] ao đầy tới;.. 319
Đông Tây Nam Bắc Trung 315
Đông Thổ sen xanh khai trí tuệ;. 268
Đời người trăm năm một hẹn, ... 404
Đời nối thi thư, nhà ấm mãi;..... 362
Đời thánh chăn dân, ... 381
Đời thịnh mở lòng, ... 438
Đời thức tỉnh đôi dòng trong đục;388
Đủ võ đủ văn từng trải 259
Đúng lúc khói mây giăng hạ giới; 340
Đuổi giặc có công thần, ... 259
Đưa mắt ngắm đất trời, ... 301
Đưa mắt ngắm hồ núi, ... 391
Đức độ của thánh phối với trời, .454
Đức hợp đất sinh nghìn xưa đẹp . 237
Đức hợp khôn trinh, ... 411
Đức lớn yên dân..... 252
Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;326
Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;262
Đức lớn yên dân, ... 329
Đức mẫu rộng ân, ... 317
Đức mới thịnh sao, ... 366
Đức nước mênh mông, ... 267
Đức phải tích trăm năm, ... 389
Đức Phật vốn linh thiêng, ... 312
Đức rộng thánh văn trừng múa... 263
Đức sánh với trời, ... 367
Đức thánh anh linh..... 257
Đức thánh anh linh trùm vũ trụ;.. 325
Đức thánh lộng cao Bắc đẩu; 325
Đức thánh oai linh trừ giặc Bắc;.. 316
Đức Thánh rất linh, ... 456
Đức tín theo mây đến, ... 405
Đức tổ quang vinh, ... 288
Đức tốt cao nêu, ... 371
Đức trạch giúp dân, ... 296
Đức với dân này, công với nước;. 365
Đứng vững, không kinh thần mưa282
Đường cao thấp ven sông 476
Đường giác mở to qua biển khổ;. 314

Ở

Ở nhà yên, đi đường chính 389
Ở trên đầu, bởi cao vòi vọi; 379
Ở trên đầu, ở bên tả hữu; 379

G

Gác vắng thanh u, ... 391
Gặp cảnh thăng trầm coi tựa 405
Gặp nước nhìn non, ... 386
Gấm vóc càn khôn, ... 276
Gần Đông Đô thừa hưởng vượng 364
Gần gụi nhiều năm khi trà sen .. 407
Gần quý xa về, theo Phật đạo; ... 290
Gây dựng cơ ngơi, ... 369
Gia đình thanh bạch 370
Gia phả phải phân chia, ... 418
Gia thế ba trường từng đã trải; ... 393
Giai tiết đúng trung thu, rượu rót 344
Giang tả phong lưu, ... 359
Giàu có nở hoa, hương vạn dặm; 482
Giặc đến Loa Thành tìm diệt sạch; 447
Giặc Tống lui quân, ... 264
Giếng ngọc nước trong xanh, ... 335
Giếng quất cũ truyền thuốc tiên . 361
Gió mát quét bụi vương thềm 341
Gió mát trăng thanh trời riêng .. 469
Gió thổi vườn đào, ... 469
Giúp đời thế đạo tiêu ma, ... 337
Giúp nước giúp dân, ... 435
Giúp nước, đỡ dân, ... 258
Giữ gìn từng bước, ... 480
Giữ lặng ở núi, gửi tình ở nước... 298
Giữ nước trấn oai thần, ... 417
Giữ nước diệt xâm lăng, ... 328
Giữ nước giúp dân ngời thánh ... 259
Giữ Việt non sông, ... 264
Giữa làng ơn ban, ... 426
Giữa trời đất thi thư quý nhất; 397
Gõ mạn thuyền ngày ấy cam 356
Gốc nhân, nền nghĩa, ... 370
Gối sóng cưỡi gió 448
Gồm vũ gồm văn, ... 255
Gợi nhớ u tình thời trước, ... 479
Guồng phép tựa đông tây chuyển 313
Gừng cay đến già càng rõ tính; ... 433
Gương báu treo nhà vắng, ... 417

H

Hạc đến, tiên ông vào cuộc rượu; 444
Hai cột dựng cao, ... 330
Hai kẻ biết lòng ngoài cửa, ... 349
Hại mạng người, chiếm của 348
Hang gấm vóc, cây xanh hoa đỏ 301
Hàng vạn chiếc lò gang, ... 453
Hay giữ tâm thánh thiện, ... 393
Hay mời khách đến uống văn tự; 385
Hé mở giậu - muôn trùng núi 385
Hiên song mừng thấy không thơ 300
Hiển ứng giúp ngầm bền thế 254
Hiếu trung tiết liệt còn kim cổ; ... 257
Hình đức thánh đi mây về vũ; 327
Họ Đậu, họ Vương, quốc gia trụ 320
Hoa bên khách rượu, ... 478
Hoà bình cho dân đến, ... 411
Hoa, chim thú đa tình, ... 348
Hoa đá linh thiêng, ... 261
Hoa đẹp trăng tròn, ... 480
Hoa khai đỉnh núi nêu thắng 243
Hoa khô Thứu Lĩnh truyền mật .. 243
Hoa lăng sớm chiếu lên rèm cửa; 424
Hoa mai ngàn gốc, nửa vầng 303
Hoa nội, chim kêu mê mẩn 416
Hoa nơi thanh tịnh, ... 481
Hoa phù dung gió xuân ấm mát; 411
Hoa trôi mặt nước, ... 423
Hoà khí đầy nhà đón khí lành; ... 396
Hoà mục sách trời, ... 412

Hoà phong trời mở còn lưu dấu; 296
Hòa vàng rậm rà hết thảy 491
Hoá như sinh chính khí 245
Hoàng kim sắc tướng trang 311
Hoặc múa, hoặc ca, ... 388
Học đạo ắt tinh thông trên dưới; 374
Học đạo trời tây, ... 488
Học thức trường thầy vào bậc ... 381
Hỏi ra việc cũ nên là sử;..... 457
Hồ hải giao du theo đạo nghĩa;.. 431
Hộ pháp biểu dương mạnh thần 411
Hồ phẳng in nhật nguyệt; 239
Hội chủ hưng công, ... 329
Hội kết tập chúng tăng lần hai, . 277
Hôm sớm tuỳ thời chăm rưới 421
Hồng kêu trời cao nhiều ơn đến; 422
Hồng xanh chén mời, ... 387
Hùng tâm khích lệ, dạ băng tuyết;366
Hùng tráng thay! Kiếm báu 338
Hơn bốn nghìn năm đất nước ... 459
Hứng non nhập toạ vời thanh khí;343
Hưng vương, mưu lược lưu thiên. 354
Hương Giang phía Bắc, ... 464
Hương lạnh thấu hoa, ... 387
Hương sơn một lối còn muôn 418

K

Kẻ này qua có người đến tiếp; ... 378
Kẻ ngước thấy cao, ... 266
Kệ đá đưa thơm vào đền sáng;... 420
Kế tổ truyền tông, ... 287
Kết cây bồ đề, ... 405
Kết tóc hay ghi lời băng tuyết; ... 378
Khá khen một cửa hai kỳ nữ;..... 415
Khách đến cửa chùa, ... 333
Khách đến há chuyện suông, ... 398
Khách thăm vừa ý..... 390
Khách theo tuổi tác say trong tiệc;426
Khách vô duyên cửa Thiền chẳng281
Khánh thụy một cung cao, ...309
Khăn áo có tình, ...438
Khắp chốn mở mang bầy thi 441
Khắp dưới gầm trời 245
Khen pháp lực vô biên, ...410
Khéo khiến máy thần, ...452
Khí đẹp, gió hoà tràn trên mái; ..399
Khí hạo nhiên đầy rãy càn khôn, 341
Khí lành đậm sân trước; 378
Khí lành sinh sôi nhờ hiếu đễ; 400
Khí sáng phía tây về, ...383
Khi thầy còn mà anh còn 402
Khí tiết rồi khi chưa lên khỏi đất; 466
Khoa giáp đến nay danh chẳng ..320
Khoa hoạn nêu cao còn đứng.....406
Khoa hoạn vẫn truyền, ...356
Khói mây lãng đãng trên không..436
Khói mỏng ngoài rèm tranh 384
Khói toả khắp nơi là mực vẽ; 444
Không để nắng to nhằm đầu 448
Không trung mây tản non đẩy ...447
Khuôn mẫu trang nghiêm 323
Kiếm báu dấy uy hùng, ...287
Kiệm cần ngăn nắp dành con 380
Kiếm có dấu linh quang tựa nước;239
Kiếp xưa, làm minh quân, ...330
Kim Cổ danh lam, ...321
Kinh doanh thử ra tay sắp đặt; ...430
Kinh khuyết gặp nhau, ...402
Kinh sử vững bền nguồn tổ dựng, 317
Kính, thẳng, nghĩa, thoáng, ...456

L

Là phật, là tiên, ...237
Là sắc, là không, ...392
Là tiên là phật là quốc vương, ...242

Là tôi Lê cũ bôn đào, ... 421
Lạc thú vô cùng, ... 390
Làm hiếu làm trung, ... 341
Làm người, chớ bảo nên người .. 428
Làm rể Thục, cứu nguy Thục, ... 254
Làm tướng làm thần, ... 256
Lành chứa thừa vui, ... 371
Lặng đọc kinh vàng, ... 289
Lắng nghe đọc sách biết đạo cũ; 373
Lăng tẩm Triều Hùng đô vua cũ; 461
Lẫm liệt uy linh, ... 288
Lâm Tế mở lòng, ... 290
Lấp lánh sóng vàng đầy chén 485
Lập nhân hãy mở đường nhân... 247
Lập thân lấy hiếu đễ làm gốc;.... 422
Lầu cao còn thấy cánh chim qua 302
Lầu cao đứng xem cá, ... 477
Lâu đài nhấp nhô trong vàng 443
Lầu đàn vắng vẻ trăng cô chiếu;. 405
Lầu hạc một lần bay,..... 322
Lấy lừng danh tiếng, người thân. 394
Lấy nước mùa thu rửa mắt mờ... 298
Lễ để giữ hành, nhạc để hoà đức;398
Lễ nhạc oai nghiêm, ... 409
Lễ nhạc uy nghi, kính như thần.. 283
Lễ nơi doanh thất, ... 338
Lên ba phá giặc e còn muộn; 413
Lên cao nghĩ thực xa, ... 461
Lên cửa trông xa Long Đỗ 336
Lên đầy tưởng đã nhìn nghìn 438
Lên núi này cúi ngắm đồi gò, ... 460
Liễu mờ hoa sáng, ... 444
Liễu rủ, hoa tươi, ... 300
Linh hiển trăm đời phò xã tắc;... 328
Linh sơn muôn thuở danh am, .. 268
Linh thiêng trấn giữ non sông.... 259
Loan mở tịnh xá trên đầu 474
Long Biên thành ngoại, ... 335
Lòng hùng, sự nghiệp 482
Lòng lưu luyến vườn xưa, ... 408
Lòng này trước trời cao bày tỏ;... 393
Lòng như trúc rỗng không, ... 347
Lòng sông ghềnh nổi lưu 302
Lòng sông gương sáng trăng 303
Lòng thành đạt được ngàn năm.. 243
Lòng tĩnh chốn rừng thiền, ... 349
Lòng trung tựa trời sáng;..... 255
Lương đấu hãy còn vui tóc bạc;.. 315
Lối cúc người về buồn tháng hạ;. 402
Lợi như ngày nắng cưới mây dậy;429
Lời răn rừng phúc, ... 404
Lợn gà trâu dê lục súc vượng;..... 434
Lớn lớn đời đời, ... 460
Lụa trắng tự trời buông, ... 436
Lúc tĩnh biển xanh không khí tục;346
Lũy đặt đã dựng, trụ trời đã tôn, 250
Luỹ giặc chưa san, cam muốn nát;356
Lữ hành mang theo người đều.... 449
Lừng lẫy tây thành, ... 265
Lừng lẫy tiếng tăm nhuần 262

M

Mạch đạo trường lưu, ... 286
Mạch đất linh thiêng truyền..... 353
Mạch núi thành đất nên danh 483
Mái chùa sửa sang..... 274
Mái điện huy hoàng, ... 401
Mái điện huy hoàng, ... 400
Mai nở cành nam làm thuốc tốt;. 361
Mái phạn chống trời cao ngất cột;269
Mang rượu mỗi khi mời trăng đẹp;447
Mặt đen tâm đỏ, ... 449
Mắt tuệ thật sáng tròn, ... 312
Mầu xanh chẳng đổi tùng sân đó,444

Mây biếc, cỏ thơm, ... 428
Mây cảnh mở ra ngày hanh thái; 482
Mây che đỉnh núi còn là núi;..... 438
Mây cuốn cờ lau, ... 265
Mây cuộn nghìn ngọn núi;..... 442
Mây dời cây suối che màn sách .. 301
Mây lành đài sen ngưỡng vọng;.. 332
Mây lành phủ toà sen, ... 340
Mây lành rực rỡ, ... 266
Mây lành, mưa ngọt trời giáng .. 351
Mây lưu vách đá nhờ khí núi;..... 438
Mây nổi một đường lưu tiên cảnh;331
Mây ở đầu non. 384
Mây quá ngọn cây lôi biếc chạy;. 348
Mây ráng năm mầu, ... 451
Mây Tây Mẫu theo xe thượng giới;317
Mấy thước tường cao, ... 320
Mây trắng đưa chân đà ước hẹn . 303
Mây trắng non xanh hơn 441
Mây trắng non xanh trên vạn dặm302
Mây trôi, núi như động; 345
Mây trùm dặm tử, thông tươi sắc;362
Mây vấn vô tâm theo duyên phúc;310
Mẹ con, thần thánh, trời sinh đức;366
Men nước lần non, ... 247
Mến khách thật lòng xuân khắp . 350
Miếu nam khéo thu nước sinh.... 284
Miếu vũ nên công, trên dưới, ... 255
Miếu vũ ngàn năm sáng nghi lễ;. 258
Miếu vũ nguy nga còn vạn thuở;. 353
Mõ gỗ âm vang xua khách mộng;309
Mong có non tiên khắp thiên hạ; 362
Mong phật từ ân thấm đất ấy;.... 413
Mối lái tự duyên trời, ... 393
Mộng lớn ai giác trước, ... 385
Một bọc khí thiêng lưu sử Việt;... 262
Một cần thiên hạ không việc khó;427
Một cây hoa mai là một cây ngọc;471
Một cột nêu cao, ... 263
Một cửa cha ông, ... 370
Một dèm bóng nước 475
Một dòng nước phía trước, ... 485
Một đầm nguyệt ảnh lay hoa ảnh;388
Một đức hiện trời, thành tự hoá; . 251
Một đức truyền gia, mong phúc .. 360
Một giòng sông biếc nên tiên 437
Một giọt cam lộ rơi chốn từ bi, .. 341
Một hoa lành hiện quanh sa giới; 271
Một hồ bóng hoa xen bóng..... 436
Một hồ lá sen, mặc không thiếu;. 342
Một khoảng hồ thu lắm khí trong;397
Một lòng thành kính tâm hương . 433
Một lòng thanh tịnh vốn vô song, 295
Một lòng tu đạo siêu tịnh giới;.... 280
Một lòng từ ái, người hâm mộ; ... 352
Một nhà anh hùng ngang biển ... 305
Một nhà khoa bảng kể lừng danh, 414
Một nhà lễ nhạc, ... 375
Một nhánh dòng chảy dài xa 371
Một nhánh lau từ tây, ... 412
Một phương an thái ơn thần giúp;400
Một tấm lòng ngay muôn năm ... 240
Một tấm lòng thành trăm việc 285
Một tháp giữa hồ nhô trên nước, 306
Một trận mây đen, ... 264
Mở hậu bày khuôn, ... 291
Mở lối ắt đứng trước, ... 383
Mở lối xây nền, ... 460
Mở lồng thả chim qua sông hết; . 437
Mở mang đi trước, ... 250
Mở mang, ắt trước vun đời đức; .. 376
Mở nước Nam ta, ... 252
Mở nước Phật hương hoa tràn đất;464
Mở tâm bồ đề, ... 463
Mới học chữ, nên chưa học bắn;. 364
Múa mấy diệu vũ Nghê thường, . 446

Muốn biết người xưa vui chi vậy; 350
Muôn cảnh hồi xuân, ... 432
Muôn cây họp ngất trời, ... 340
Muôn dặm mây lành phô thảo... 331
Muôn dặm sóng long lanh 478
Muôn dặm xa, mơ về cố quốc;... 449
Muôn hoa xuân nở vui mừng thọ;426
Muôn lần phong vị nơi hòm quý; 450
Muốn leo đỉnh cao, ... 480
Muôn thuở cầu chở che, ... 275
Muôn thuở công thành, ... 260
Muôn thuở hào hùng, ... 252
Muôn thuở khói hương nhờ tiết . 410
Muôn thuở lòng son thề nhật..... 401
Muôn thuở mở đêm dài;..... 250
Muôn thuở vẻ lưu, ... 489
Mưa Á gió Âu nền cột mới; 260
Mưa đến đỉnh non nghe tiếng 414
Mưa hoa không tiếng, ... 476
Mưa hoa, gió tùng, ... 387
Mưa lành thấm đượm, ... 275
Mưa móc hương xuân nồng vườn 361
Mưa móc mới mận đào tươi tốt; . 428
Mưa móc ơn to, ... 354
Mưa phép thấm đều 313
Mưa phép thấm đều, ... 463
Mưa phép tưới Nam châu, ... 291
Mưa qua núi Cấm sáng; 442
Mưa qua, đàn, núi nhuận 380
Mưa tạnh mây tan, ... 347
Mưa tạnh rừng sâu hơi đá sạch;.. 435
Mưa thơm hoa nở, ... 289
Mừng được mùa màng, ... 376
Mừng được sáng mắt chơi bạn tốt;445
Mừng năm mới thêm người 377
Mừng thấy mai hồng đậu lắm 425
Mừng trông trăng sáng, ... 344
Mừng vận người cùng vận trời.... 430
Mười dặm tiếng vang, ... 372
Mười tám nhân thần công 246

N

Nam Bắc bốn phương tôn chính . 246
Nam Đồng đất thiêng châu ngọc, 334
Nam nhạc tụ hương, danh thế.... 357
Năm có bốn mùa, ... 374
Năm đức nơi chí tôn; 468
Nắm giữ đồ thư khai thái vận; 240
Năm phúc đến lớn lao, ... 288
Năm sau hội lệ hơn năm trước; .. 473
Năm sắc mây lành vờn điện 400
Năm sắc mây lành vờn thánh 409
Năm trăm năm đúng thịnh kỳ, ... 292
Nâng tráp trao nhau lời vàng đá; 378
Ngàn dòng dẫn trước, ... 368
Ngàn năm chói lọi; 265
Ngàn năm rực rỡ lưu danh tướng;255
Ngàn thu hương khói vời nhật.... 297
Ngàn thu khí lớn khôn làm vẻ; ... 365
Ngàn thuở anh hùng lưu đức hậu;427
Ngàn thuở đội ơn thần 401
Ngàn thuở hồn thiêng về Tượng . 403
Ngàn thuở thi thư ngàn thuở hẹn;427
Ngàn thuở thi thư, ... 368
Ngao du biển biếc ba bài sáo;..... 350
Ngày nay biển mở chưa tỏ, ... 406
Ngày tháng ân chiếu sáng;..... 270
Ngày tháng gió hòa mây tán tụ,.. 303
Ngày trước keo sơn tình hữu nghị;392
Ngày tụng kinh vàng cầu quốc.... 412
Ngày tụng kinh vàng, ... 275
Ngày vẫn hương hoa ngào ngạt .. 299
Ngấn đá non Sài để lại, ... 487
Ngẫu nhiên mưa gió e hoa rụng . 297
Nghe tiếng huyền ca, kẻ gần ưa, 345

Nghỉ chút có sao đâu, ... 477
Nghi ngút khói hương nhớ đức tổ;419
Nghĩa khí ôm sông dài, ... 367
Nghĩa tổ cao siêu trời đất rõ; 250
Nghìn năm ngày tháng, ... 483
Nghịch Thủy đến chầu, ... 354
Ngó trắng lê vàng, ... 434
Ngoài hiên gợn sóng cá giỡn 477
Ngoài sân gà ăn, dưới cây bò nghỉ;434
Ngoài song cây biếc thăm giường300
Ngoài trời là mây sóng 443
Ngọn cây cao hơn trăng xế; 387
Ngọn gió lành cách xa, ... 483
Ngọn núi có tinh lưu khách trọ;.. 345
Ngón tay giơ hoa, ... 270
Người hay vui vẻ, xuân không ... 373
Người nguyện chân thành, ... 354
Người nhà quê ra, chuyện cày cấy;348
Người phúc đất phúc nên đầy đặn;420
Người xưa đã mất, ... 246
Ngưỡng vọng đền ngoài, ... 285
Ngộ chữ không, ... 403
Ngồi trên ấy, ngồi trái phải ấy; .. 365
Ngũ bách năm dư thần đã hoá; .. 245
Ngủ nhờ ở cửa không, ... 485
Nguồn đẹp vạn loài khắp bốn 493
Ngửa thấy càng cao, ra vào còn . 252
Nhà chài sớm khói lam, ... 338
Nhà cũ tương truyền ba vị thánh; 353
Nhà cửa ấm xuân thêm vẻ sáng; 397
Nhà cửa cũ bày ra một loạt;..... 378
Nhà dựng trăm năm, ... 369
Nhà gần phố xá, ... 421
Nhà nọi trung hậu, ... 399
Nhà phúc nối đời mừng vô hạn;. 396
Nhà quân tử người hiền lui tới;... 248
Nhà quân tử nở hoa đào mận; ... 377
Nhà rộng mừng thấy không khí . 423
Nhà thông tươi tốt, sương trời ... 363
Nhà Trần, Phạm tộc, ... 354
Nhà trên nắng sớm xuân huyên . 396
Nhà từ chứa sách đến giờ, ... 381
Nhan sắc tuyệt trần, ... 326
Nhắm mắt quên đi ngàn thuở hận;407
Nhân hậu gia truyền, ... 371
Nhân từ bác ái dạy dân thiện..... 304
Nhân vật phong lưu 373
Nhật nguyệt cùng sông núi ngàn. 280
Nhật nguyệt sáng soi..... 284
Nhìn chẳng thấy, nghe chẳng 285
Nhìn xa sẽ thấy gió bão nhỏ 297
Nhị đế trước ngày ngời sử sách;.. 249
Như ở trên cao, như bên tả, hữu; 379
Nhị thập ngũ triệu dân 459
Như thực như hư, ... 296
Như xưa gối nước thuyền trôi 449
Nền cũ Hồng Lạc còn, ... 458
Nền cơ đất nghĩa, ... 374
Nền nhà làm mới 266
Nền trời trăng mọc người lui tới;. 238
Niệm Phật một lời, tiêu vạn tội;.. 281
Nói sĩ phu báo đáp là sao, ... 320
Non đẹp nước Tô, ... 412
Non nước hợp âm trong, ... 446
Non Sài thánh hóa, tiền thân nói 488
Non sông đến nỗi này, ... 404
Non thu người ngỡ đi trông hoạ; 340
Non vắng nước trôi vui cảnh đẹp;437
Non xanh chẳng nói, hoa cười ... 359
Non xanh có hẹn thường vây bọc;343
Non xanh cười tớ đầu đã bạc;..... 442
Non xanh nước biếc phong quang482
Non xanh nước biếc thành tranh. 436
Nóng qua lạnh đến, ... 452
Nổi đảo xanh lâu đài trong nước; 443
Nối nghiệp cha ông, ... 432

Nối nhà muôn việc đều nên nhẫn;422
Nối tiếp bốn mùa, ... 261
Nông trang khí đẹp lưu danh 263
Nơi đây đất yên tĩnh, ... 339
Nơi đóng mở càn khôn trọng yếu, 256
Nơi tự tránh nhơ đều vịnh được;. 444
Núi Bắc giáng thần, ngưng chính 321
Núi biếc cười ta đầu đã bạc..... 303
Núi cao giáng thần thiêng, ... 418
Núi cao tiến đứng như cùng lối;.. 434
Núi chung chữ Vương hình trên . 306
Núi có sắc màu, vòi vọi đức trạch;471
Núi dãy một tầng cao, ... 357
Núi Hùng ngàn năm nêu chính . 254
Núi Kiếp, sông Lô nêu chính khí;261
Núi lưu trấp quý truyện tiên thánh;353
Núi non bên giường ngủ;..... 440
Núi non ngoài song đủ..... 299
Núi sâu chùa cổ người không tục;484
Núi sông đến đó gió mây bọc;.... 361
Núi sông Tây Thục ghi kỳ tích; .. 365
Núi Voi trời khai ngời chính khí. 305
Núi xanh chẳng lấp nghìn thu họa490
Núi xanh chẳng vì cao, ... 339
Nước ấm, hoa ôm, ... 237
Nước biếc gợn lăn tăn, ... 340
Nước biếc non xanh sinh vượng . 311
Nước biếc non xanh, ... 345
Nước cành dương tẩy uế tiêu tai; 275
Nước chẩy vẫn như thường, ... 334
Nước Cổ Việt ngang Tống Khai. 350
Nước hay thanh đạm, coi là bạn. 301
Nước lượn hoa vòng, ... 308
Nước lớn giáo dục chẳng thay, .. 319
Nước ngọc sạch trong, ... 475
Nước nhà mạnh giầu, ... 481
Nước như ngọc bích, non như vẽ 303
Nước quý, nhà sang, ... 382
Nước sáng hoa vòng nên thắng .. 304
Nước soi gác vẽ, cá giỡn sóng; ... 479
Nước soi, núi chầu, ... 468
Nước thu lẫn mây trời 474
Nước thu một vũng thừa hơi mát;476
Nước to, sóng lạnh, ... 405
Nước vít trời cao thừa thắng địa;. 310
Nước xa nổi bãi cát..... 347
Nước xa sông dài sinh khí tốt; 395

Ô

Ông Tiến sỹ, cháu Hoàng giáp, . 364
Ơn sâu sông biển lưu muôn thuở. 304

P

Phá tượng đốt kinh, ... 316
Pháp vương giữ trọn nhẫn giới, . 277
Phật cứu chúng sinh, ... 243
Phật đạo mở mang, ... 286
Phật đức mở mang, ... 287
Phật hóa thân thành ra muôn vạn, 472
Phật pháp lại ngời đất tam bảo;.. 280
Phật pháp tăng, tứ quả phúc lộc. 335
Phật sống Tây phương..... 488
Phật trong tiên, thần thông 289
Phật từ bi, công thêm quảng đại; 279
Phật từ quảng đại khắp thế giới; . 277
Phật tức tâm, tâm tức phật;..... 280
Phép diệu sáng ngời, ngời quận . 352
Phép nhà, ruộng vỡ, ... 369
Phép phật trường minh, ... 295
Phong cách đổi chưa tròn, ... 386
Phong cảnh có tình, ... 268
Phòng chật thì thư, ... 374
Phong hóa Chu nam, ... 382
Phong lưu nhân vật Đông Tây ...373
Phòng mẹ thơm hương 253

Phong tư lắm vẻ, non như hoạ;.. 352
Phúc ấm nhớ về, ... 293
Phúc cửa thiền, sáng lưu thần tổ; 278
Phúc dân đáng bái tước tam công;262
Phúc lớn mai rùa nên cửa tướng; 382
Phúc phải đi tìm, ... 295
Phúc tổ như non, ... 273
Phúc tuệ trang nghiêm, ... 313
Phúc tựa bể sông, ... 315
Phúc tựa cát sông Hằng, ... 242
Phụng thờ muôn thuở ngang trời 458

Q

Quả bậc nữ thầntiên, ... 323
Quả ngàn năm dao trì mừng hiến426
Quả nhân duyên, ... 286
Quan đến bạc đầu, ... 294
Quan lại trải các triều 490
Quán tranh tre Thế Tôn dựng ... 351
Quang nâng gió mát, ... 388
Quanh co theo nước, mây về biển302
Quanh hiên bụng nghĩ thầm, ... 477
Quận cũ đất thiêng, ... 380
Quế năm cành thơm, ... 409
Quí dậu hoàn thành do lợi đất,... 305
Quốc gia bền mãi non sông vững,274
Quốc gia còn mãi non sông vững;243
Quốc gia đào tạo nhân tài, ... 394
Quốc giới quý tôn trọng, ... 281
Quốc hiệu Vạn Xuân, ... 355
Quốc phái Hoàng Lê, ... 353
Quốc tổ giáng sinh khai nước Lạc;249
Quý Dậu xây xong nhờ địa lợi;.. 283
Quét về lá trúc đun trà lá;..... 435
Quyền quí mãi đời sau sinh 419

R

Ra vào tu đạo đều ngay thẳng; ... 274
Rượu ngon nên uống lúc ngà say 297
Rộng dòng chính khí giữ gìn 250
Rồng hổ gặp mừng, ... 308
Rồng tiên giòng giõi nơi nhà chúa;461
Rỡ ràng cửa lớp mình ta có;..... 370
Rửa tai nghe đủ lời khen, ... 375
Rực rỡ cửa thiền, ... 314
Rực rỡ đào hoa 377
Rừng rậm chim về, ... 406

S

Sách chửa nhìn qua đều đọc được;350
Sách đàn ý ngàn thuở; 390
Sách lạ đáng yêu như trăng mới;. 428
Sách thảo nghĩ sâu, ... 453
Sách vàng phong tặng lưu ngàn.. 421
Sáng đẹp đất trời, ... 377
Sáng lập cảnh đẹp chùa am, ... 271
Sáng muốn làm mai, ... 428
Sáng sủa mặt hồ, ... 429
Sáng xuân viết đối hoa, ... 407
Sao trời bày rồng cuốn;..... 466
Sáu giới thần thông cầu bát nhã; 413
Sau rượu cưới chí thanh vân chớ. 481
Sau, trước quanh co, non nước... 355
Sắc cây ánh suối nên thanh tịnh; 441
Sắc cây liền núi qua song cửa..... 301
Sắc là không, không là sắc, ... 467
Sắc núi, sắc đá, ... 348
Sắc phong còn mãi nhà nổi tiếng;368
Sắc tướng thật cao siêu, ... 312
Sắc tức là không..... 465
Sắc tức là không, không tức là sắc;338
Sắt cầm hoà tấu, ngày rạng gấm;424
Sân con có trúc, ... 300
Sân huyên lo ấm, dần cao tuổi; .. 372
Sân nhỏ có trúc, xuân vẫn đến; .. 445

Sen vàng trên điện Di Đà Phật;.. 268
Sen xanh hoa nở chứa công đức; 269
Siêu - loại chuông thiêng..... 416
Siêu nhờ kinh sám hối, ... 384
Sinh hóa năm nào tiến ấy đế..... 489
Sinh hoá phong tư non như vẽ;.. 244
Sinh làm tướng, tử làm thần, ... 249
Sóc vọng đèn hương, ... 283
Sóng biếc ánh trời xanh. 481
Sóng gió đừng gieo trên cõi thế; 376
Sóng gió một năm, ... 260
Sóng hồ nghiêng hắt lăn tăn 446
Sóng lặng bóng lay..... 448
Sóng lặng, trăng sớm hiện 302
Sóng nước toả lan như dây đàn . 464
Sóng triều Âu, mạnh giàu đã sẵn;284
Sướng vui bởi sông nào 470
Sương tiên giáng mây từ riêng ... 411
Sương xuống sân hoè thơm lan.. 363
Sông biển ơn sâu, ... 265
Sông Hát réo vươn cao, ... 263
Sống làm Lạc tướng, ... 409
Sống làm lương tướng, ... 259
Sống làm quốc trụ thác làm thần;249
Sông lượn đeo mây xuôi theo ... 442
Sông lượn, tướng già bàn binh địa;355
Sông Nam cuồn cuộn xuôi bất tận237
Sông núi chầu vào, ... 307
Sông núi có tình người biết khí;.. 311
Sông núi mãi còn đây, ... 246
Sông nuôi nước luyện, ... 246
Sông phía trước dẫn nước 470
Sông rộng nguồn dài, ... 473
Sông thu vào thu bằng tựa kính;. 441
Sống từng thờ Lý, ... 394
Sớ thất trảm lòng thành vẫn đỏ;. 358
Sớm bồi hương trời, sinh con quế;424
Sớm tan sương lạnh, ... 358
Sơn kín thuyền nhẹ, ... 450
Sủng ái chín trời đưa phượng đẹp;365
Sùng Sơn hiển thánh, giúp nước. 324
Suối rừng nhân tạo mà u nhã;.... 443
Suối vàng gặp mặt nên thăm hỏi;409
Sư đến Phật qua..... 333
Sự anh linh từ trên trời truyền ... 484
Sự nghiệp ngàn năm ghi ở sử;.... 485
Sử sách sáng ngời..... 327

T

Tả hữu nổi kỳ quan, ... 333
Tài kiêm văn võ tướng trung hưng;257
Tai nghe đã thuận còn lo học;.... 425
Tại Trần mạt, nho quan tài sĩ, ... 335
Tam bảo trang nghiêm, ... 462
Tám cánh cơ đồ không kiếp nạn 489
Tam dương khai thái, ... 372
Tám đời xưa, Đồng Cổ truyền ... 334
Tam miễu vốn không hư, ... 488
Tam quang lồng lộng trời sinh ... 455
Tam tôn trang trọng 273
Tám tuổi đỗ Trạng nguyên, ... 414
Tản, Nhĩ cao trong, ... 257
Tạo hóa nỡ lòng nào, ... 401
Tấc đuốc chín tầng cùng nhật 269
Tâm an, nước cây đẹp..... 298
Tâm đạo vững như đá, ... 462
Tấm lòng tìm hiểu về giòng họ;.. 251
Tâm như ruộng tốt, ... 431
Tẩm thanh cứu khổ, ... 464
Tâm vốn như nước, mọi người biết302
Tây thông với trời, ... 459
Tây Trúc có kinh đúng thấy phật.282
Tây Trúc có kinh truyền đạo Phật;272
Tế lễ xóm thôn người vẫn trọng; 381
Tha hương trọng cương thường, 356
Thái ấp công lao truyền tự cổ;.... 294
Tháng mười mà như xuân ấm áp;439

Tháng Năm giữa trời, ... 468
Tháng tám cùng chơi xa trần thế;475
Thánh cao minh. Lý triều phong. 307
Thanh địa mở mang truyền đạo . 244
Thánh đức chủ trời Nam, ... 254
Thánh đức oai linh phù nước 305
Thánh đức thật linh thông, ... 244
Thánh đức thi ân, ... 267
Thánh đức vô tư, ... 293
Thành kính một niềm ơn phúc... 237
Thành quách còn đây, ... 386
Thánh ta bất tri, ... 240
Thánh Tản Viên trợ phù hưng .. 325
Thành tâm quy đạo Trung..... 274
Thao giang nguồn rộng, ... 257
Tháp dựng lèn cao trời chạm 440
Thắng cảnh danh lam, ... 306
Thắng cảnh dựng Tiên hương, .. 355
Thắng địa tự Tây qua, ... 342
Thấm khắp chúng dân, ... 276
Thần ban phúc dân ta, ... 323
Thân chứng kiến hoa sen sinh .. 277
Thần công khôn lường sâu; 267
Thần nữ cung trăng sinh hiển ... 317
Thân ở lầu cao nên thả mắt;..... 387
Thần Phật, Á đông hai đất quý; . 279
Thần quang chiếu khắp, ... 279
Thân tâm chẳng phải Bồ đề, ... 279
Thận trọng khuê nghi, ... 256
Thần uy dấu cũ, ... 324
Thân vàng ba thế, ... 244
Thân vàng biểu hiện mờ mà sáng;321
Thần vũ toả bốn phương, ... 351
Thật vậy sao, ẩn khách, ... 427
Thầy cả nước, ... 432
Thét lên trời đất chuyển;..... 331
Thề giữ vững non sông đất nước; 475
Thế hệ này lại lên, ... 439
Thể lớn vô biên, ... 313
Thích ở lầu cao nhìn vui mắt;.....445
Thiện ác phân minh, trời có mắt;269
Thiên Bản giáng sinh bậc 245
Thiên bản, đất thiêng lưu dấu.....352
Thiên hạ không cùng, ...373
Thiên hạ thường ngày giáo hóa, 318
Thiền tâm lặng sáng, ...463
Thiên thánh độ hết mọi chúng ..274
Thiên thư định phận, ...252
Thiết lập bốn mươi bảy thôn dân, 415
Thỏ quạ theo nhau đến;.....238
Thọ sánh tày non, ...426
Thọ với núi sông anh linh bất tử; 352
Thoa nhẹ trát nhiều, ...451
Thơ rượu gợi hào tình, ...401
Thời chim thiêng đến, ...454
Thời đến mùa xuân, ...375
Thời lục Tam dương nhiều khí tốt;396
Thu báo đã xong mùa, rót rượu, 344
Thú mây nước, vốn ngoài đồng..387
Thú nhàn là tiên, ...486
Thuốc còn chưa nghiệm, ...403
Thuốc thông với trước thần, ...431
Thuở trước mở ra 333
Thuyền chài hát trên sông, ...480
Thuyền đi, ảnh lầu cao nhoà xoá;477
Thuyền nhỏ sương mờ, ...491
Thuyền từ luôn tế độ;.....410
Thực giàu sang, một nhà hoà 397
Thương ông tài trí hơn người, ...407
Thượng đẳng anh linh lưu dấu cổ;267
Thượng đế ủy thần quyền, ...325
Thượng giới thần mà tiên, ...324
Thưởng tố nga, đón ráng chiều ..392
Tích đức bước đầu cần rộng lớn;.422
Tiên hiền lầu ngọc cùng chung ..278
Tiên Phật thánh thần 351
Tiền thân Bồ Tát thành tiên, ...246
Tiên thiên dẫn tới hậu thiên, ...343

Tiếng ca hát lầu đài non nỉ;..... 349
Tiếng thiêng cao vọi gương non 485
Tiếng to như sấm ai giác ngộ,.... 306
Tiếp Lạc, khai Đinh áo mũ 326
Tiếp nối cháu con ngời sáng mãi;258
Tiết nghĩa khuông phù bền phúc 258
Tiết việt quyền cao triều tướng... 417
Tiêu trúc bện ao trong,..... 388
Tín ngưỡng tại nhân tâm, ... 296
Tín ngưỡng tự do nhờ tam bảo;.. 283
Tin tưởng chân ngôn, ... 270
Tính toán không sai mới có lợi;.. 429
Tình trấn không cùng, ... 367
To nhỏ tung hoành, ... 451
Toà ngự hoạ sen, ... 410
Toàn cầu ánh dương sáng; 466
Tổ công tông đức, ... 251
Tổ được phong, áo khăn truyền . 293
Tổ đường trăm thuở, hương hoa 251
Tô Giang khí dũng, ... 453
Tổ quốc giầu thêm, ... 452
Tổ tông công đức nhà là miếu;... 420
Tới nước lên non, ... 339
Trải ba lần thăng giáng chốn 334
Trải bao thế kỷ vua Hùng, ... 256
Trải mấy linh thiêng trùm vũ trụ, 258
Trải qua bao sương tuyết;..... 466
Tráng khí An Nam sông núi đó;. 247
Trăm bộ đàn ca hoà nhạc lớn; ... 356
Trăm hoa khéo bón nhờ mưa 385
Trăm lạy cung thiêng Tam Thế . 268
Trăm lẻ tám tiếng chuông 465
Trăm năm chống gậy trời sửa tám;402
Trăm trận lập kỳ công, ... 263
Trăm vạn quần sinh, ... 289
Trăng chuyển bóng mai 483
Trăng đầm châu lưu ly toả sáng;. 362
Trăng đèn bạc, rạng soi ngàn ngõ;398
Trăng đẹp trên lầu gần bến nước;391
Trăng đến nửa vành, ... 398
Trăng gió mơ màng, ... 479
Trăng nước gương lồng ảnh 474
Trăng rời mai ảnh, ... 390
Trăng sáng bên cầu neo thuyền . 440
Trăng sáng canh ba ngời nước ... 345
Trăng sáng chẳng cần gương 394
Trăng sáng chiếu lầu mây, ... 395
Trăng sáng đầy lòng, tâm khó 298
Trăng sáng không tới..... 452
Trăng sáng một vầng trời xanh đẹp491
Trăng soi cung quế, ... 455
Trăng thanh gió mát, ... 432
Trăng trong gió mát luôn giao tiếp299
Trăng trước đến lầu đài gần nước;423
Trăng tuôn sáng đất, rõ gậy dép; 362
Trăng xế nửa song mài giấu bóng;423
Trăng xế nửa song, ... 390
Trấn Bắc cổ danh lam, ... 307
Trấn Bắc vốn danh lam, ... 241
Trận cọc còn vang, ... 264
Trần luỵ vô cùng đời vốn ngán; .. 406
Trấn Quốc đẹp truyền..... 241
Trẻ trung đôi chân vững, ... 391
Trên đã kính già tất dân đều tốt;. 453
Trên điện nguy nga, ... 276
Trên trời quả có thơ ngâm, ... 471
Trí tuệ tựa ánh mặt trời, ... 329
Triều Lý quốc sư, ... 306
Triều triều rạng rỡ ngàn năm sử; 254
Triều trước, từng là nơi dạo mát;. 415
Trò chăm đọc sách, ... 377
Trong hoa cất bước, ... 439
Trong hồ nhàn nhật nguyệt; 358
Trong lò mới nóng năm phần ... 283
Trong lò sen nở,..... 469
Trong như băng tuyết, ... 382
Trồng cây gây rừng, ... 433
Trống chiều lúc lặng, ... 345

Trồng phúc cho con cháu; 379
Trời cao đất dựng cương thường. 484
Trời che lọng báu mây lành chiếu;413
Trời che mãi mãi, nhà hay học; . 371
Trời chiếu sáng ngời điện gác 269
Trời chiếu sáng soi điện gác 275
Trời chiếu trăng soi, ... 395
Trời chiếu, trăng soi, ... 332
Trời dưỡng anh tài văn với võ 305
Trời đất cõi Nam đây 457
Trời đất nhân gian cùng thăng... 241
Trời đất núi sông, hun đúc tinh . 331
Trời đất vẫn như trời đất cũ; 242
Trời đất vô tư, ... 429
Trời Đông A danh lừng ghi chữ . 393
Trời giúp hanh thông sinh vua... 242
Trời hướng Tây thiên, ... 308
Trời lấy Ngũ hành 468
Trời mệnh thánh sinh, ... 292
Trời mở núi Voi nêu chính khí; .. 260
Trời mở vui dồn, ... 287
Trời Nam mười tám đời truyền... 251
Trời nói gì đâu! 241
Trời nói gì đâu, ... 318
Trời phù hộ hân hoan như có.... 397
Trời quang mây biếc trôi từng ... 346
Trời sáng sao dầy nghiên bút 240
Trời sinh tướng giỏi, ... 265
Trời tăng năm tháng người tăng. 284
Trời tuệ sáng soi. 276
Trời vũ trụ thái hoà. 467
Trời xanh bóng mây ấm;..... 346
Trụ đá nêu cao sáng nhật nguyệt;263
Trúc biếc hoa vàng..... 491
Trúc biếc hoa vàng đều tính phật;435
Trúc biếc, cúc vàng, cảnh yên ... 415
Trúc kín khôn ngăn dòng nước .. 310
Trúc nguyệt in tâm thiền, ... 462
Trúc trổ đầy sân khoe sắc biếc;.. 391
Trúc vân ngọc quý, ... 425
Trùm đời danh tiếng lưu sử nước; 411
Trung hậu còn truyền, ... 418
Trung hậu một đời hiềm thiện ít; 339
Trung hiếu còn truyền, ... 419
Trung hiếu một lòng trời đất tỏ;.. 258
Trung hiếu một lòng, trời đất rõ; 373
Trung lập bày hàng đình tả hữu; . 282
Truyền nhà muôn việc đều nên .. 399
Truyền răn năm điều, ... 486
Trừ giặc Bắc - oai linh đức thánh;327
Trừ giặc ngoại xâm - võ công..... 320
Trước cảnh phật, ... 276
Trước cảnh Phật. phù thiện phạt 304
Trước chỗ ở, sau đền thiêng; 262
Trước cửa huyên thơm mừng 426
Trước đền không đèn, ... 441
Trước đình rậm cỏ thơm xanh.... 422
Trước mắt đèn đóm đàn ca, ... 445
Trước mắt khói lam – cho mực vẽ299
Trước mở nước, chính khoa,..... 382
Trước muốn cửa công đào mận . 392
Trước ngàn năm, phải trái 357
Trước sáng, để tiếng nhà còn mãi;422
Trước sau dòng giõi công với 292
Trước sau giúp chúa, ... 264
Trước sân mừng quá gió lành đến;433
Trước sân sương đọng trên trúc .. 330
Trước trước chẳng bắt đầu, ... 463
Tu nhà tu chợ tu Thiền Phật; 456
Tùng bách Chiêu lăng đâu chốn . 357
Tụng Phật từ bi 271
Tụng phật từ bi nên tích thiện; ... 276
Tùng trước sân sắc xanh chẳng .. 299
Tùng xanh quây tận cửa; 442
Tuổi hiếm kém bảy, ... 408
Tuổi tác ngoại tám mươi, ... 407
Từ bi chẳng sót, trời nhiều mắt;.. 272
Từ bi quảng đại, trời người hợp; . 282

Tự cổ Trần Danh truyền di tích; 457
Tự cổ ơn truyền, ... 295
Từ đường đỉnh vạc cúng tiên tổ;. 419
Từ nay nhà chồng mãi chung 481
Từ niệm cứu người, ... 472
Từ phủ tiếng thiêng, ... 323
Từ xưa danh tiếng truyền ba dải; 365
Từng qua biển lớn e làn nước;.... 338
Tươi tốt quanh năm, nhờ chăm . 381
Tưới tắm trăm hoa, chỉ sương.... 479
Tượng Phật trang nghiêm ngời . 312
Tướng quí trên cao, ... 312

U

Uy nghiêm Hậu lĩnh 454
Ưu ái nhiều năm dày ơn đức;..... 404
Ưu bát nở hoa, ... 280
Ứng hiện chẳng hai lần, ... 323

V

Vài cánh mai hoa đón nhuận khí;397
Vạn ác nhân gian cười tủm tỉm; . 343
Vạn dặm đường mây vừa chuyển 375
Vạn đợt núi mây vào bức vẽ;..... 437
Vạn khoảnh khói sóng, ... 478
Vạn Kiếp núi non đều khí kiếm;. 247
Vành trăng mấy bận tròn, ... 406
Vào chùa cầu niệm Di Đà Phật; . 285
Vào chùa nên khởi niệm từ bi;... 307
Vào cửa bát nhã, ... 412
Vào thẳng chốn vô vi thanh tú;.. 485
Vào xuân chẳng thiếu người nhàn448
Văn dũng truyền đời nêu thánh.. 325
Văn để dài lâu, ... 453
Văn đua, bút trận, ba đình đối;... 360
Văn hay, võ giỏi, ... 428
Văn lấy đạo, tiếp lấy lễ, ... 429
Văn phái họ Ngô, ... 420
Văn quý Cửu hoa 446
Vân cát lạ kỳ, ... 486
Vẫn coi như con, ... 408
Vẫn đó núi Nùng sông Nhị 326
Vận hội chính mới lên, ... 357
Vân tiêu vời vợi tươi sơn hải;..... 322
Vật thịnh dân yên ngang trời phúc324
Vẻ đẹp đầy rồi, ... 453
Vẻ hồng đuốc sáng tươi kim 395
Vì nước, vì nhân dân, ... 329
Vì nước, vì nhân dân, ... 241
Việc có cái bỏ đi, ... 294
Việc hay biết đủ lòng thanh thản 297
Viện tĩnh đình nhàn, ... 477
Vó ngựa bụi xe, ... 386
Vó ngựa gió bay mờ bóng nguyệt;473
Vọng đất tốt Bồ đề, ... 290
Vốn cổ danh lam, ... 290
Vốn đại bi thương, ... 337
Vời cao công đức 326
Với tinh thần Tổ quốc, ... 460
Vũ trụ chẳng phong trần, ... 329
Vua đầu viêm bang, ... 253
Vua Hùng mở nghề dạy cày cấy; 249
Vua phong thanh bang, ... 461
Vui bất tuyệt trong chốn 465
Vui tiễn bạn bè, ... 451
Vui vô hạn, trong nhà tích thiện; 425
Vườn chùa có tự đời Trần đế..... 248
Vườn đào diễm lệ ngàn năm sắc; 242
Vườn đẹp sông tơ chùa 488
Vườn thần sách chép không hai, 489
Vườn thượng uyển mai 424
Vườn tiên một cành hoa, ... 359
Vượt khỏi trần hoàn đường có ...322

X

Xa ngoại mười phương cùng quần328
Xa xưa đức độ dường biển cả; 267
Xanh xanh rậm rậm, ... 459

Xe mây đâu chốn Trang Vương: 414
Xe ngựa cờ quạt, ... 380
Xe sách chung đường trong thiên 319
Xuân cúng, thu cầu, ... 384
Xuân hạ thu đông của tiền đưa tới:475
Xuân hoa đua nở, thu cho trái: .. 398
Xuân phong chẳng giận, ... 248
Xuân tươi mát, ... 299
Xuân về cảnh đẹp, ... 380
Xuân về viện thẩm, mai đua nở:. 391
Xuân ý vị đậm đà, ... 389

HỌC TẬP TU DƯỠNG

A

Ái quốc một lòng 673
An bình thần liệu nền gia thất ... 500
An cư gia trạch, làm theo chính 588
Án nguyệt nhờ đuốc lê thắp sáng.605
Anh hùng nước Việt Trần Hưng. 563
Anh linh tinh diệu nghìn năm ... 619
Ánh nguyệt toả lan nước biếc 598
Ánh trăng lắm vẻ soi nghiên mực:528
Ánh trăng lờ mờ bóng cá quẫy:.. 630
Áo manh vẫn đượm hơi mây khói;528
Áo mũ trăm đời bền mỹ cảnh; ... 506
Áo nghiên sinh gió xô sóng mực; 594
Ăn không cầu no, ... 647
Âm đức thần cho lưu đệ trạch 499
Âm nhạc bầy cùng lúc, ... 667
Ẩn cư để tỏ đức; 675
Ẩn náu trên lầu dung thế biến;... 572
Ẩn ở giàu sang thanh trần tục;... 558
Âu, Á khắp nơi truyền bốn sự lạ. 624
Xuất nhập Bồng Lai, ... 322
Xử thế gì bằng tích đức;..... 389
Xưa đi, nay đến, ... 374
Xưa Lê triều Quang Thuận 330
Xưa nay lưu hiển tích; 321
Xưa tạo dựng, nay trùng tu 484

Y

Ý thơ đâu khác vì kim cổ;..... 440
Yên ổn nhân dân 473

B

Ba cây che sân, ... 672
Ba lần nghĩ mới bước;..... 544
Ba mươi sáu động đình, ... 622
Ba năm nhà vắng đọc xưa nay;... 553
Bách thế hiếu tư hằng ngưỡng ...500
Bạn cầu thả, tuyệt giao;..... 547
Bàn luận việc giữ lòng trung hậu, 578
Bàn luận xưa nay,..... 653
Bạn như tranh vẽ nên giản dị; 535
Bản vẽ rối ren thì ý thoáng; 533
Bảo kiếm nhờ mài nên mới sắc; . 537
Bào mã Lam Sơn còn truyền tích;670
Bảo tướng vời vợi, ... 632
Báo thiện, báo ác, ... 497
Bảo Thịnh có duyên giữ được cốt;654
Bậc chí thánh, lòng thành 627
Bậc danh sư Ni Sơn 615
Bậc nho Nam Việt, ... 650
Bần cư giữa chợ không người hỏi;603
Bất nhân quả báo rồi làm thiện; . 537
Bể học ngàn buồm tranh gió;..... 525
Bên ao nước giọt hồ quân lệnh;.. 668
Bên khe trúc biếc là thi liệu;..... 664

Bến mê dưới đất mở đường giác..630
Bền nuôi khí hạo nhiên; 524
Bên trời tiếng hạc thanh vang nội;599
Bệnh lâu mới biết nhầm thuốc....537
Biếc xanh vẫn như cũ;.....578
Biển học không bờ thuyền nên ..530
Biển học rộng ngàn dặm 634
Biển nhận trăm sông, ...636
Biết đủ thường vui.....610
Bình an trúc lớn nghìn năm biếc; 581
Bình sinh chỉ lấy văn vui thú;.....538
Bình sinh tiếp thụ ngàn năm khí; 530
Bình tâm nếm thế vị;.....548
Bỏ phồn đến giản tam thu mộc; .566
Bóng mảnh bên song mai sánh...568
Bóng nước trong xanh 600
Bóng tùng in suối chẩy soi 598
Bổ nhiệm hiền năng hưng quốc..566
Bốn bể phong quang nơi nơi tốt; 579
Bốn mùa thục khí ngời huyên.....589
Bốn mùa trò chuyện cùng hoa....597
Bốn mươi bốn năm ra sức, ...670
Bốn phương thông đạo lớn; 498
Bốn vách đồ thư thường đối ẩm;.600
Bốn vị trời Nam, ...621
Bởi chăm đọc sách.....540
Bụi trần không một hạt; 579
Bụng có chí lớn. 613
Bút còn hơi vàng đá; 516
Bút giá nghiên ao lời tựa bể;.....569
Bút già thơ mới e sinh chuyện; ...538
Bút hoạt như phượng múa; 518
Bút mực kinh trời đất;.....518
Bút mực tăng hứng thú; 522
Bút sợn khó tả linh đài thực;.....675
Bút thắm mâm hoa mở mang.....677
Bức vách có tai lời cẩn trọng; 616
Bức vẽ dở không gây khó chịu;...533

C

Cá vượt cửa rồng ba lần sóng;.... 515
Các hệ phồn vinh nhờ phúc ấm; 564
Các vẳng thanh u nhịn 597
Cảm đức tổ làm thơ sen viết quạt;564
Cam lộ vẩy đầu cành thường liễu. 614
Can đảm chiếu người như sắc 527
Cảnh do tâm tạo. 612
Cánh mềm chẳng thể 638
Cao khiết, ai kẻ sĩ thiên hạ; 644
Cao lớn môn lư đẹp tươi hoán cải;511
Cày trăng trồng hoa lạ, ...665
Cắt thừa xén gọn cây ba năm; ... 605
Cần kiệm nếu cao gương sáng ... 576
Cần kiệm trị gia là sách tốt; 585
Cần với học ấm lạnh không đổi;. 554
Cầu hiền gấp tựa khát muốn 539
Cầu học cần cho thực dụng; 524
Cây cổ như vờn long hổ khí;..... 538
Cây cối tạo rừng. 656
Cây gốc nước nguồn bao phúc .. 569
Cây gốc nước nguồn ơn tổ đức;.. 501
Cây lớn non xanh chặt được khó;640
Cây lớn nhiều âm hay, ...615
Cây ngọc hoa vàng hương làm .. 510
Cây ngọc hương lan thừa trở đậu 508
Cây phúc rộng tâm nên quả đẹp. 614
Cây tổ trồng sâu hoa tiếp nở;..... 563
Cha mẹ dưỡng sinh, ...673
Cha mẹ tuổi cao, ...589
Chăm chỉ là bờ biển tri thức;..... 634
Chăm hay bù vụng 509
Chăm hay bù vụng tài hay nhậy; 538
Chăm hay sửa vụng.....612
Chăm học được giàu;.....667
Chẳng có thuyền Tây đến. 560
Chẳng chán trăng trên hồ 578

Chẳng động tướng chân như; 559
Chẳng nghĩ đường đời không có .617
Chân tay không động, ...610
Chén nổi nhụy mai. 608
Chép nghe thấy núi non dễ kiếm;564
Chí muốn công đầu tranh mạo ...661
Chiếc ghế vắng người, ...604
Chim muốn bay cao trước vỗ 526
Chim sẻ đầu tường bàn *Luận* 646
Chín phẩm hoa sen luôn nối tiếp;559
Chín tầng thiều nhạc đưa trăng ..505
Chín vạn dặm chim bằng nơi 591
Chính trị lấy đức thành người 568
Chịu học chịu nghĩ nắm được.....540
Chó già rụng lông, ...644
Chọn được vài câu sách dùng 543
Chọn rộng tài người, ...554
Chớ đem bất tài, ...656
Chớ để lòng tà, cực ác đại gian, .642
Chớ nhạo chạm rồng, ...655
Chớ với non xanh bàn thế sự;.....641
Chơi với người tốt, ...542
Chú ý đắp bồi, ...595
Chuyện ngàn đời văn chương; 522
Chữ an bỏ chữ nữ, ...647
Chưa mong trăm việc đều như ý; 529
Chưa nói ý trước lập;.....520
Chưa rõ cần hỏi cổ; 523
Chưa thật từ hiếu hữu cung, ...583
Chưa thể một ngày ít lỗi; 524
Có ân tình thì báo đáp, ai ai cũng677
Có chí giàu can đảm; 545
Có chí sẽ thành công, ...594
Có đức dân đều kính 674
Có gốc sâu 564
Có lòng làm dâng hiến; 548
Có sách chất đầy án;.....518
Cỏ thơm có tình khiến ngựa đứng;568
Cổ nhân nói cái đáng truyền..... 650
Công đức lưu truyền nghìn năm . 630
Công đức tổ tông nghìn năm 616
Công khéo được đời thích;..... 657
Công tại triều xưa danh tại sử;.... 604
Công tinh, bút khoẻ, tác phẩm ...530
Cốt yếu lập nhân khai đường tắt; 577
Cùng đạo Khôn khoan độ, ... 625
Cùng kẻ can trường mà cộng sự; 571
Cung kính đẹp tươi thay, ... 608
Cũng quý đấy, việc gì 544
Cúng tế xuân thu, ... 606
Cuộc đời vinh nhục ông đừng ... 574
Cuối Trần ấy thời gì, ... 652
Cứ một nhân thân này, ... 506
Cửa giấy nhà tre, ... 655
Cửa hưng chẳng phải hoa phong 499
Cửa nhà xuân ấm sinh vẻ đẹp;... 580
Cửa thiền tự có trường sinh phép;602
Cười nói không ngoài, ... 666
Cứu chết phò thương, ... 657
Cửu phẩm đài sen 562
Cửu thiên nhật nguyệt khai vận...579

D

Dạ Trạch giúp phù, ... 669
Dám làm việc khó lớn thiên hạ;.. 538
Dáng điệu dịu dàng xứng mẹ của 619
Danh giá trong triều, ... 653
Danh lợi nhạt như nước;..... 546
Danh tướng làm phúc thần, ... 629
Dẫu rằng trí tuệ do trời giúp;..... 539
Dấu thiêng rủ chiếu nghìn thuở . 623
Dẫy mỏng ngắn dài, ... 656
Diễu giả khen chân, ... 643
Diệu tướng tựa như sống 618
Dưới bậc chi lan nghênh nắng.... 582

Dương liễu chẳng theo xuân già..570
Dưỡng tâm gì hơn ít dục; 526

Đ

Đã chăm xây dựng lại khéo tô vẽ;677
Đã đến núi rừng tránh thế sự; 663
Đại độ lượng như trời cao biển....574
Đại hiếu đại trung, ...632
Đãi người rộng ba phần là làm ...674
Đãi người rộng ba phần là phúc;.586
Đại trượng phu gắng đại trượng ..644
Đàn hay bay tuyết trắng;.....568
Đàn kiếm rong ca ngũ nhạc 557
Đạo cương thường muôn thuở ...626
Đạo đức kinh (Lão tử) 658
Đạo đức sáng tươi ôn nhuận ngọc;600
Đạo đức văn chương 627
Đạo gồm một lẽ; 678
Đạo học tiếng thơm truyền năm .650
Đạo học xưa nay không lối tắt;...654
Đạo người ngũ thường là ngũ 673
Đạo Phật thân với khách 674
Đạo tâm bình tĩnh trước dòng 574
Đạo tựa lối đi, ...633
Đạo thông trời đất hữu hình 574
Đấng quý tôn muôn đời 618
Đất Bắc đón thờ kể từ vua Hán;..561
Đất Bồ đề được ơn đầy khắp; 559
Đất đó, núi này, ...603
Đất lành hằng của lắm;.....499
Đâu dễ làm vừa ý người; 557
Đầy giá đồ thư đều là 587
Đầy thất chi lan tươi mưa móc;...593
Đầy viện hoa thơm tình bút mực; 593
Đèn bạc sáng bừng nghìn lối 584
Đèn nến huy hoàng phô sắc quý;502
Đèn sáng ánh mầu điểm khói nhã;501
Để đất cho người bằng nhân hậu;663
Để trống đại từ bi, ... 665
Đêm tĩnh mài tàn nguyệt;..... 522
Đêm vắng đèn chong sách vẫn... 528
Đền thờ nghiệp lớn còn nghìn.... 561
Đi không hề nghỉ. 637
Đi thuyền thích nhất nơi gió lớn; 641
Đi vào lò lửa cách mạng. 660
Địa hưng hoà làm quý;..... 499
Địa linh nhân kiệt thần để phúc;.. 628
Địa mạch kết tinh khai nghiệp lớn;510
Điểm điểm nước soi, ... 596
Điển tích ý sâu xa;..... 522
Đỉnh quý khói hương bay khí tía; 502
Đọc đến trời cao biết sự học; 553
Đọc sách có ích, ... 542
Đọc sách lòng gửi chí xa; 525
Đọc sách mạnh người, ... 539
Đọc sách nắm thiết yếu;..... 516
Đọc sách người xưa, ... 543
Đọc sách thánh hiền, ... 555
Đọc sách thường răn tự xem..... 526
Đọc sách vạn quyển, ... 542
Đóng cửa khách rỗi ít; 517
Đóng cửa tự học, đọc sách có ích;556
Đội ơn tiền tài tấn phát;..... 498
Đông A đã cổ non sông đổi;..... 670
Động bút kinh trăng lạnh;..... 515
Động Đệ nhất ở Nam Bang, ... 632
Đồng rộng lo ruổi ngựa;..... 550
Đông Thổ duyên kỳ ngộ, ... 621
Đông Thổ giáng sinh chơi tiên .. 625
Đông Thổ muôn đời 631
Đời người là sân khấu lớn, ... 643
Đục gặp dòng trong nên gột rửa. 675
Đúng thực sự nghiệp xuân hoa .. 654
Đưa mắt khắp trời đất;..... 523
Đưa mây gió vào bút mực;..... 525

Đức kệ truyền thông cõi tam giới;631
Đức rồng toả khắp, ...626
Đức rồng toả khắp, ...631
Đức sáng hương thơm trưng cách 501
Đức thánh cao sâu, ...650
Đường dài hay sức ngựa;.....547
Đường lợi nhân gian công khai ...498
Đường mây có chí tròn danh 600
Đường tẩm hoằng khai ngời tổ ..508
Đường thẳng thanh vân lưu tâm .591
Đường thất lớn lao dài thế đức;...510
Đường thôn vòng núi thông che..596

G

Gác phượng thênh thang lùa gió 648
Gánh nhân không nhượng. 611
Gạo hết tiền không khôn tác 643
Gắng học phải biết dùng đầu óc;.641
Gặp việc chớ nóng.....613
Góp nhặt kim hoa trời tích đức. ..615
Gửi ý ngoài thi thư; 550
Gương sáng nơi lầu cao đầu lấm .562
Già chẳng trắng đầu vì thủy thổ; .635
Gia thế tươi thêm nguồn chẩy cũ;508
Gia truyền hiếu thảo tình thân ...601
Giang sơn tụ khí về tân trạch;.....509
Giao du cẩn thận chăm cày đọc; .556
Giáo hoá dựa lòng từ, ...560
Giáo hữu vào ra tùng thệ nguyện;562
Giầu thắm cầm thư thành ngũ sắc509
Gió dữ biết cỏ cứng;.....546
Gió đi trời thêm cao;.....548
Gió lạnh qua vườn đông mực viết;534
Gió mây nghìn dặm bồi cây ngọc;580
Gió qua cỏ rậm: sinh tiêu sáo; 590
Gió sinh khe biếc cá rồng nhảy;..595
Gió tuyết tùng mai sạch kỷ chiếu;598
Gió thoảng trăng trong, ...588
Gió thổi long môn làn xuân ấm; . 582
Giúp đỡ là nhân đức; 558
Giúp nước kiên trinh chân 669
Giữ cho cực vụng mới là khéo. ... 614
Giữ lòng chất phác. 610
Giữa đất trời, cần kiệm quý nhất; 503
Giương mắt cố theo cùng sa mạc;538

H

Hạ ốc đổi dời oanh khởi tổ; 515
Hải nhật đầu tiên khai pháp giới; 602
Hạnh hồng đào biếc càn khôn .. 585
Hạnh phúc có bởi chuộng nông; 498
Hát lâu dồn hạo khí; 556
Hay chăm nghiệp đức chỉ bạn ... 526
Hãy vui lòng người thường hiếu ..634
Hậu duệ phúc mây trùm yến dực 514
Hiền giả chẳng sống thừa trong . 554
Hiển hách chiến công, ... 558
Hiên hậu đỉnh thành mà 623
Hiển hoá diệu ky, ... 624
Hiên miếu chăm tu sửa, ... 619
Hít thở vào song thoáng hương. . 606
Hoa gang tỏa mây đẹp, ... 660
Hoa hương chỉ quý con ong mật; 529
Hoa rơi nhẹ trên đất; 564
Hoa thơm nước lượn cõi Bồng ... 632
Hoa vây hạnh đỏ mê xuân sắc; .. 598
Hoà khí đầy nhà mừng thuỵ khí;. 579
Hoài bão nước non mừng được .. 527
Hoan hô ca vũ, ... 648
Hoặc khóc hoặc cười rõ ràng diện506
Hoằng Đạo giảng đường mở lý... 671
Học bể vô bờ cần là bến;..... 592
Học biết chưa đủ..... 608
Học biết chưa đủ..... 609
Học cũ xem ra đều sâu kín; 530
Học được thì sách ở 677

Học gồm mình, bạn nên phòng..601
Học như chèo thuyền nước 541
Học phân rõ trời người;.....516
Học quý thường xuyên, ...542
Học rộng nghĩ sâu tăng trí tuệ;...531
Học rộng tài cao, đạt cả bốn kỳ..644
Học sự quyết tâm, ...662
Học vấn cửa nhà thầy uyên bác; .678
Học vấn không cùng, ...555
Học vấn thường do lo lắng được; 531
Hộ chiến trận Bạch Đằng, ...672
Hồ núi đô xưa lưu vượng khí;.....577
Hôm nay là kẻ hàn sĩ Hải Dương;644
Huyện quan Thanh Miện, ...648
Huynh đệ đồng tâm như sư hữu; .586
Huynh hữu đệ cung ấy là 591
Hưng bang cứu đời đều nhờ 676
Hương hoa khắp chốn, ...605
Hương ngát cẩm đường ngưng ...500
Hương phô đỉnh quý thời chiêu...502
Hương sách giường nằm thơ 552

I

Ích trí có châu, ...555

K

Kẻ nhận việc phải giàu thực học; 531
Kế Long quân, họ Đinh, ...621
Kiên quyết chối từ Bắc Kinh biểu;671
Kiến tạo bồi đắp quy mô mới; 674
Kim Bản giẫu lên nhờ thánh giúp;563
Kinh bối diệp thành làm cho 631
Kinh Lễ không chép việc đi dạy, 645
Kinh thành phá vách ca trời ...535
Khách đến há chuyện suông, ...583
Khách thăm đắc ý vui không chán;591
Khai bách thế hồng đồ 511
Khảm ngọc dát vàng, ... 659
Khẳng khái chí trượng phu; 545
Khánh Thuỵ một ngọn cao..... 577
Khảo cổ lựa kim, ... 554
Khắc ý làm văn, ... 537
Khí bình làm việc lâu; 544
Khi cưỡi gió trời đua loan phượng;503
Khí giới nhuốm thù Ân, ... 559
Khi làm việc lớn lòng bình tĩnh;.. 642
Khí nhã Lan Đình điểm thần..... 628
Khi nhàn nhã thơ văn là bạn;..... 663
Khi sống dạy dỗ nên người, ... 655
Khí tía rọi về trời gang tấc; 578
Khí tiết lẫm liệt như trời chói..... 651
Khí tốt sinh ra duy hiếu đễ;..... 586
Khí tốt với khói hương hoà nhã;.. 500
Khoa giáp cách tân dung tứ mã;. 509
Khoa giáp trúng rồi, tên không . 577
Khoan dung đại lượng..... 612
Khoan dung đức sẽ lớn;..... 544
Khói hương cao quyện điểm 501
Khói hương không quên đức 616
Khổ đọc sử ngàn năm;..... 520
Không dám làm xằng, ít hẹn việc;574
Không đâu không tốt, ... 559
Không kiêu uy càng lớn;..... 548
Không mất không sinh..... 626
Không riêng không sợ 570
Không trọng thi thư sao thoát tục;601
Kỷ là dĩ và mộc, ... 646

L

Lại đem việc cũ làm tân diễn..... 50
Làm được câu hay cười hết cỡ;... 639
Làm giỏi dụng cụ tốt;..... 657
Làm ruộng nghe chim biết thời vụ;664
Làm thiện đọc sách sẽ được..... 540

Lan quế thềm dao thư hương tiếp;510
Lan quế thơm hoa, ...583
Lay ngọc tiếng vàng 601
Lặng nghe cá độc nguyệt;.....505
Lặng suy rõ sự việc; 550
Lặng xem thế giới, ...639
Lập chí biết suy là tuấn kiệt;.....540
Lập chí nên hay tam cổ thịnh;....535
Lập đức đều xưa nay; 519
Lập đức lập công danh bất hủ;....629
Lập thân chỉ thấy càn khôn nhỏ; 567
Lập ý cần sâu sắc; 547
Lầu say biển học tìm sâu rộng; ...553
Lầu cao xa tiễn nghìn núi thẳm;..596
Lầu cao, trăng ngắm trước; 556
Lấy điều dạy người dạy mình; 524
Lấy đọc sách làm vui; 550
Lấy hòa mục lâu dài làm lớn, ...672
Lấy tĩnh ở non, ...638
Lẽ việc thông suốt. 612
Lễ có việc hiến sinh, ...674
Lễ để chế hành, ...583
Lễ nhạc trăm năm tôn điển miếu 619
Lễ nhượng ba lần.....658
Lễ vật y quan, ...508
Lên lầu Hoàng Hạc đọc phú 541
Lên nhà tổ, ta suy tư về thế 666
Liễu thắm đào hồng, ...588
Linh Hồ, Nhược thuỷ theo duyên 578
Lò vàng lưu mãi ngàn năm tạc;...502
Lòng cung kính trăm đời không..676
Lòng gặp cơ may thân bút mực; .534
Lòng khoan quên hẹp đất; 547
Lòng không suy nghĩ tinh thần ...575
Lòng mang chí ngàn dặm; 549
Long môn lệ cũ văn chương quý; 515
Lòng người tựa lộ thẳng là tốt;....503
Lòng nhã sâu tìm trồng hoa thú; .636
Lòng nhàn nhấm nháp hồn câu .640
Lòng rỗng như tiết trúc; 546
Lòng từ ban rộng mười 561
Lòng tựa trúc kia bên sông lượn; 565
Lòng trong trùm trăng sáng; 545
Lời hùng khởi bút cứng như đúc; 529
Lời nhã thi thư giữ lễ; 525
Lúc gió xuân về họp cùng bạn tốt;571
Lúc sống Gia Định, ... 654
Lúc trẻ không để tâm học tập.... 617
Lung linh đêm nguyệt đèn liền thị;584
Luyện thành sắt nhọn nhờ chân . 604
Lư vàng hương ngát thêm hương 500
Lựa chọn người tài giúp thiên hạ;657
Lược xem sách vài lần; 520
Lưu tâm việc muôn thuở; 550
Lý học chơi ngon Quan 662
Lý, mỵ, vọng, lượng; 646

M

Mạch thơm tuôn bất tận; 673
Mạch văn như nguồn suối tuôn .. 534
Mai hoa hương ngát đàn tâm cổ; 565
Mải nghĩ tam lão ý; 551
Mạn Trù, Dạ Trạch nay còn đó .. 633
Mặc ba điệp khúc ấy, ... 506
Mắt cười đón khách quý; 551
Mặt mũi vẫn phi thực..... 639
Mắt tuệ dạo biển sách; 519
Mắt trắng nhìn thiên hạ; 547
Mặt trời là lửa, ... 647
Mặt trời chiếu khắp vườn thiền...625
Mấy chấm hoa mai nghênh khí ..581
Mấy chuyến giang hồ sách một . 527
Mây núi có nhiều cho bút tả; 534
Mây trắng về cửa động; 505
Miệng hô trời đất chuyển..... 614

Miếu mạo nguy nga nơi đồng 625
Miếu mạo trang nghiêm 620
Miếu rợp năm vua, ...633
Mong biết tình dân.....613
Mong được vui cùng trăng;.....545
Mô phỏng người xưa theo thú ...533
Mỗi khi đại sự có tĩnh khí;.....567
Một bạn tâm giao, đời thế đủ;.....640
Một bức bóng hoa mây rủ đất;....591
Một câu xướng tận sông thu 506
Một chốn lâu đài xuân sắc đẹp....633
Một đêm sấm chớp, ...621
Một hiên trăng gió dầu yên tĩnh. .593
Một hoa hiện tốt vòng sa giới; 558
Một hồ thu thuỷ thừa thanh khí;..580
Một khóm hoa mai một khóm 592
Một mình lấy sách vui bầu bạn;...662
Một nếp ngọc đường ngời cảnh..514
Một người làm phúc 614
Một nhà nhiều người đỗ cao, ...649
Một sân hoa nở thành tri kỷ; 592
Một sớ về hưu 652
Một vạt hoà khí. 610
Mở đường trong cỏ kinh loài rắn; 567
Mở quyển mọi lời nhã;.....523
Mở sách gặp người ngàn năm.....606
Mở văn phòng tạo dựng nghiệp..668
Múa khỏe lòng xuân mạnh;.....549
Muốn bồi phúc địa phải canh tâm582
Muốn hiểu biết, ...667
Muôn người truyền dạy giáo dục .667
Muôn thuở anh linh dương đức ...620
Muôn thuở hồng bay lưu dấu lớn.625
Muôn thuở tư văn lưu chính 507
Muôn trượng ánh sao soi ngoài...592
Muôn trượng mây xanh 584
Muôn vật lặng nhìn đều thích cả; 572
Muôn việc truyền gia cần lấy 585
Muốn xây nền tảng không gì 555
Mưa gió trải nhiều người bất lão; 572
Mưa không có khóa mà lưu khách;645
Mưa ráng tuỳ lòng mà dậy sóng;. 570
Mưa tạnh sách đàn nhuần; 522
Mưa trúc, gió tùng, điệu đàn; 525
Mực rớt rắn tranh múa;..... 516
Mượn dặm bóng tùng trăm nẻo... 579
Mười năm đèn sách khảo điển cố;594

N

Năm canh ngoài cửa gió mưa 528
Năm sắc trong mây khai ngày.... 579
Năm tháng vô cùng, ... 535
Nắng ánh trước thềm rừng cây... 514
Nắng mai cửa mở phong quang.. 581
Nền cũ gia tân tràn đạo lý; 512
Nền nước vững mạnh 678
Nên nhà chớ nghĩ trông nhà dễ.. 604
Nên tĩnh mà nghĩ xa;..... 545
Nếp nhà từ hiếu lưu muôn thuở.. 620
Nếu danh cũng nhạt như nước lã;642
Ngàn cây hoa lạ nhiều vườn 636
Ngàn năm hàn mặc văn tỏa sáng;608
Ngàn năm không đổi, ... 649
Ngàn năm sách vở trong sắc núi; 595
Ngàn thuở tổ công cần gìn giữ; .. 559
Ngao du biển mực tình gửi bến... 554
Ngày ấm nhà hoa về yến quý..... 581
Ngày nay nhớ tiên liệt;..... 549
Ngày rằm trời quang đãng; 551
Ngày vui nhà mở oanh vàng 509
Ngắm bông hoa đẹp xuân tươi... 532
Ngắm kiếm sinh can đảm;..... 517
Ngắm nhìn trăng sáng;..... 544
Ngâm câu tuyệt diệu hoa đều..... 527
Ngâm nga nảy ý mới; 518

Ngâm thơ trúc ngậm biếc;.....522
Ngẫu nhiên mưa gió kinh hoa.....503
Nghe đàn biết sự việc; 595
Nghe lỗi thời mừng. 611
Nghèo hèn khi rời.....612
Nghề buôn bất tín người ta kỵ;....658
Nghề không sang hèn. 611
Nghề nông có sách, ...596
Nghề tinh ở chăm, ...556
Nghĩ cao thấy lý vật; 544
Nghị luận chẳng theo dòng 570
Nghĩ văn mỗi miệt hai mai bạc; ...553
Nghĩa khí giữ cương thường, ...608
Nghĩa vững trung thiên 497
Nghiêm cẩn truy tư cháu hiền.....507
Nghiên mực nổi mây lành, ...651
Nghiệp cũ còn đây ba luống cỏ;..529
Ngõ trúc, tiếng ngâm, từ viện 530
Ngoài cửa non xanh như gấm dệt;594
Ngọn bút thông tạo hoá;.....518
Ngọt hãy nhớ đắng. 613
Ngô xanh trúc thẳm, ...597
Ngồi đọc chỉ mong trời đối mặt; .557
Ngồi vắng nên nghĩ lỗi mình; 596
Nguy nga điện vũ ngàn ngàn sĩ...622
Ngựa tốt khôn truy công tiên tổ; .503
Ngực có hạt châu chung nhật 566
Ngước mắt nhớ tổ tông công đức;501
Người dân đến nay vẫn trọng đức 620
Người giữ ngay đạo Tam Cương, 627
Người ham đọc sách thế gian ít...615
Người núi ngồi một ghế, ...672
Người quân tử kết thân 614
Người thọ đời vui.....658
Người thọ nhờ thuốc, ...659
Người xưa học hỏi không còn sức;536
Nhà có chi lạn khí vị lạ; 567
Nhà giúp thành thư mưu chí 585
Nhà ít lầu cao không đất dựng.... 605
Nhà khó hiềm chi ở xóm nghèo; 536
Nhà lan định vững thư hương nhã;510
Nhà ngọc gió hoà lân in dấu; 580
Nhà ngọc tiếng tăm suy hiền triết;599
Nhà ở có thừa hương thơm, ... 589
Nhà sách dựa mây quang cựu 514
Nhà tổ trăm đời hương khói 618
Nhà, nước biết lo sách thường ...567
Nhàn mượn bút nghiên thư mắt.. 552
Nhàn tản thú cầm kỳ, ... 588
Nhãn tiền sắc tướng đều thành ảo;505
Nhãn tiền sắc tướng đều thành ảo;602
Nhạn tháp vẫn như xưa sương gió;505
Nhân cách như ngô xanh trúc ... 592
Nhật nguyệt bừng tươi soi cột vẽ; 510
Nhật nguyệt chín tầng khai vận.. 579
Nhật nguyệt đôi vầng thiên địa... 593
Nhật nguyệt sáng soi hoa thêm ..618
Nhất thời khát rượu toan nuốt ... 637
Nhiều như cỏ thu cắt không hết. 604
Nhìn trúc mai để dưỡng tính; 565
Nhìn xã mới biết phong lãng nhỏ;629
Nhọc lòng tìm câu hay;..... 523
Nhớ lại khi xưa, ... 497
Nhớ tiền nhân lập thân giáo gia, 589
Nhớ tiên tổ lập thân, ... 607
Như vàng đang nung, ... 659
Nhường người ta không yếu;..... 545
Nói lí luận suông, ... 590
Non cao tự có người leo tới;..... 568
Non mây gợi bút mực; 521
Non nước triều tông y ngày trước;513
Non nước u thâm lòng vương..... 541
Non xanh không mực nghìn thu . 570
Non xanh nước biếc, ... 616
Nổi tiếng trăm năm còn công..... 566
Nơi sông Lạc rùa thần đưa điềm. 645

Núi quang tầm mắt rộng;.....519
Núi sách có đường, ...513
Núi sách có đường, ...568
Nuôi dưỡng nhân sinh thoả tình..571
Nửa đời sự nghiệp đèn xanh thấp;601
Nửa giường đầy sách bên thông..663
Nửa song trăng lặn mai không....595
Nửa song trăng xế hoa mai bóng;597
Nước chẩy cũng như vậy, ...633
Nước lớn nguyên giáo hoá 576
Nước luôn tính đạm làm bạn hữu;566
Nước tính thanh đạm là bằng hữu;635
Nước thu là tinh thần.....662
Nước trong cá đọc nguyệt; 573

O

Oanh dời nhà đẹp yên làng tốt; ..514
Ôm tiết trắng mười năm chịu khổ;668
Ông Trạng nguyên, cháu Bảng...669
Ở cùng quân tử, tình sinh cao.....661
Ở gần biết xa, làm nay hiểu xưa;.555
Ở với vẹt chớ nên nói bậy;.....607
On thần phô phúc đức;.....498

P

Phá giặc Thục, công lao 630
Phá ngàn trùng quan, ...541
Pha trà mời khách quý;.....551
Pha trà rũ chiếu chờ khách quý;..640
Phá vách bẩy rồng múa; 517
Pháp chọn lan đình còn khí vận;.532
Pháp giới lại đăng hoa tuổi tác;...602
Phẩm hạnh giống mai hoa 573
Phật vốn từ bi, ...675
Phong độ mây núi 612
Phong thái ba thu trăng sáng;.....525
Phong thái sách đèn nối đời bền .675
Phú quý nở hoa nâng chén biếc; 502
Phúc chiếu nhân gian, ... 497
Phúc đức đầy nhà gia thanh còn. 507
Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh 632
Phượng không phải chim phàm; 667
Phượng liệng vương khai vẻ vang 573

Q

Qua cố quốc, ngắm Lô, Thao, .. 603
Qua chơi hoá phép, ... 624
Quang mượn thanh phong 586
Quanh năm hoà khí xuân còn 581
Quân tử không rỗi..... 610
Quét giặc vạn binh, ... 622
Quên đi năm tháng sách nghìn... 663
Quốc gia vững chãi, ... 631
Quý sách đọc sách, ... 635

R

Ra đường, vào chợ tôn Vương.... 628
Ra sức đến thế, ... 655
Rành xưa nay cảnh đẹp;..... 667
Rắn trắng cản đường, ... 653
Rễ đằng mềm mại đưa lên giá;... 531
Rõ rồi đấy, đáng tin đấy, ... 676
Rỗi đem thiếp ra viết; 524
Rồng cuộn hổ ngồi 511
Rộng rãi giao du cần đạo nghĩa;. 635
Rồng vàng trên gác vươn sắc tía; 509
Rửa mực sóng xuân vương thiếp. 532
Rực rỡ phú tam đô trong bụng. .. 606
Rường cột duy tân gia thanh hưng 514
Rượu đấu, đọc chơi hai mốt sử... 604
Rượu không Nguyên Lãng 653
Rượu nên uống ít. 613
Rượu ngon uống sau lúc đã..... 575

Rượu quý lưu khách trú;.....574
Rượu thôn dã say ca;.....521

S

Sa mạc lớn làm trơ cột khói đứng;575
Sách có biết ngờ rồi sẽ hiểu; 512
Sách có thể ta chưa từng đọc;.....589
Sách đến lúc dùng hiếm ít đọc; ...512
Sách đến tuyệt tinh là lộng hiểm; 527
Sách hay không chán xem và đọc;540
Sách hay phẩm quý nhiều mùi vị;554
Sách tựa non xanh chồng chất ...537
Sách vàng giục ta mau sớm dậy; .526
Sách viết chẳng theo thời uốn 529
Sáng chiếu nhật nguyệt. 610
Sảng khoái một lầu Đống vũ mới 623
Sáng nay mừng gặp 511
Sáng qua mưa gió, ...647
Sánh thanh cao của người quân ..664
Sao Dực sao Chẩn, ...628
Sao hiện, mây mừng mở đất 628
Sao khuê, trời sáng, ...576
Sao phải hỏi việc lành, ...497
Sao thưa mê luyện kiếm; 518
Sáu lễ chưa xong, ...643
Say mộng thơ ca lâu chẳng dậy; .553
Sắc cỏ sân xuân hoà hơi ấm;.....528
Sắc nắng ngang song ngày xuân .594
Sắc núi đầy song sách đầy giá;....595
Sắc nước nghiêng thành thiên hạ 622
Sắc ngọc giáng cung vua, ...562
Sắt xịn gang thuần mặc rèn luyện;661
Sấm gió đêm xưa, dấu thần tỏ rõ 623
Sấm sét truyền vang, ...632
Sân hòe bóng cũ nhờ gốc vững;..517
Sẽ đến ngày thành công mài sắt; 660
Sen sống trong hồ suốt.....678
Sĩ phu báo đáp những gì thay! ..576
Sĩ tử chuyên cần, ...594
Sĩ thiên hạ giao lưu nơi biển Bắc;590
Sinh khói trong hương mây lành 501
Soi tối chỉ mê mặt trời đó;..... 562
Song bên dòng nước thơ đàn đậm;533
Song mai án tĩnh yên bình vậy;.. 570
Song ngậm sắc xuân sinh hoa.... 569
Song sớm đọng sương 600
Song thư đêm lặng ngời sao đẩu; 527
Sông biếc bao quanh như rồng... 584
Sống chẳng sống thừa, ... 669
Sông dài ca rộng lớn;..... 550
Sông hạc một trận, ... 629
Sông khắp thế gian đều về biển;. 571
Sống là tướng, chết thành thần, 560
Sống làm người hào kiệt;..... 548
Sông nhường dưới thiện nên 642
Sông thu tinh thần, ... 654
Sở đoản người chớ chê. 611
Suối rừng nơi ẩn bậc thầy nho, . 652
Suối vàng tràn sen vàng, ... 661
Suy tư tu đạo lên chân cảnh;..... 557
Suy tư việc cũ không toàn đúng;. 641
Sự học nhân gian chẳng quyền . 578
Sử nước chép tên, ... 561
Sự nghiệp bắt đầu từ gắng học;.. 513
Sự nghiệp tướng công huân, ... 560
Sự thế đục như tuồng du hý;..... 506
Sửa chữa sáng thêm nơi tích phúc;513
Sửa thơ dại là cốt; 524
Sức thánh ban nghiêm, ... 648

T

Tài hoa năm sắc quang minh gấm;600
Tài như sông biển văn chương lớn;531
Tái tạo một chùm Đống vũ đổi... 624
Tam Bảo toả ánh ngọc sáng 626

Tạo hoá cũng chẳng quyền hành, 622
Tâm gương sáng treo cao; 549
Tâm luôn quy củ làm không loạn;639
Tâm như lò lửa, ...660
Tầm rộng vũ trụ, ...634
Tâm sáng sợ gì quỷ; 549
Tân hỏa khói chia tan khí tốt; 560
Tầng không mắt Phật không 560
Tập hợp nhân tài cùng giúp nước;635
Tế ngộ lạ công danh Sư phó; 668
Tên lừng triều trước công phò ...650
Thà là ngọc nát. 611
Tháng ngày qua lại bàn Phật 630
Tháng ngày vui tươi trời bừng 627
Tháng tốt ở lầu vui gần nước; 597
Thánh che thần giúp, ...629
Thắng địa chọn tân cư, ...515
Thẳng thắn vui cùng ba lối nguyệt;536
Thắp đèn gắng đọc. 609
Thần thánh mở Viêm Bang, ...602
Thân vào núi báu, tên cao Bắc ..659
Thập toàn quần chúng thong thả 619
Thầy bạn những mong hầu dưới .512
Thầy giỏi thuốc hay, ...657
Theo đạo lòng rỗng. 609
Theo đòi bút mực chừng thoát tục;553
Theo đòi học vấn, ...654
Theo đường mà đi, ...636
Thế gia mấy trăm năm, ...541
Thế gian phẩm hạnh lan tột bậc; 572
Thế sự đổi thay tâm sự vững; 503
Thêm thọ thêm già, ...657
Thị phát thấy có uy đáng sợ 620
Thi thư đầy sảnh phong vân khí ; 582
Thiện ác vốn có báo, ...643
Thiên nhiên văn đượm mây xuân 512
Thiền thất xưa nay vân ngoại 504
Thoáng thì được hòa, ... 638
Thói quen thay đổi, chí không rời;535
Thông nghìn cửa khó, ... 636
Thơ hay dành để tri âm thưởng; . 640
Thơ không dùng câu tục; 520
Thờ tiên tổ như kính tại thượng; . 499
Thơ từ gan ruột ra; 519
Thời cơ sinh diệu lý; 547
Thời gian chớ để trôi hờ hững; ... 540
Thời thế yên bình, ... 618
Thu uống rượu hoàng hoa; 665
Thuốc tốt, mở lối mù nghìn dặm; 659
Thuỷ mặc vẽ cảnh lạ; 521
Thuý trúc trồng nhiều lay bóng .. 565
Thư gấm huy hoàng, ... 511
Thử hỏi ai là người không uống.. 673
Thư pháp chẳng nên toàn nệ cổ; 526
Thư viện Huỳnh Cung, ... 651
Thước cong làm nên đồ tròn 656
Thường cư danh sơn gặp viễn chí;572
Thường đem cái vô cùng trả trời. 673
Thưởng thức thanh âm sơn thủy, 599
Tỉa hoa cẩn thận là thi khách; 596
Tích đức ngưỡng tiền nhân, ... 587
Tích đức thắng kim ngân, ... 588
Tích linh để lại, nghìn năm còn .. 623
Tích ngọc tích vàng chẳng bằng 542
Tiền tài như bùn đất; 603
Tiên tổ danh thơm ghi sử nước; .. 597
Tiếng cầm trong giống nước; 569
Tiếng thơ kinh trăng sớm; 523
Tiếng thơm còn mãi lưu thanh ... 620
Tiếp đãi mọi người bằng đức..... 676
Tiếp khách qua lại ngày đêm, ... 618
Tiết cứng làm nên, ... 655
Tiết cứng như quân tử; 661
Tìm khắp thiên hạ. 609
Tin lành bao giờ mới đến, ... 662

Tinh anh trên trời, ...669
Tĩnh để dưỡng tính, ...638
Tĩnh để tu thân, ...586
Tính hiện ở văn chương, ...541
Tĩnh nghe cá đọc trăng;.....517
Tính tĩnh chẳng hiềm nhà tranh..595
Tính tĩnh chẳng hiềm nhà tranh..665
Tính tình thể hiện ở văn chương. 605
Tinh thần đến độ, ...539
Tinh thần phải tĩnh, ...638
Tính trời ưa hoạt bát; 546
Tình ý chi đây hùng lại kiệt. 605
Tỏa sáng sen vàng, ...634
Tóc xanh chẳng biết chăm học...513
Tổ có đức, tông có công.....607
Tổ công tông đức còn thơm dấu; 572
Tổ lớn thay, sự nghiệp 558
Tổ trăng nhận làm ngàn 678
Tối ngủ sau người tĩnh;.....521
Tôn kính tổ tông là ý nghĩa 677
Tông tổ gieo trồng nền điển phúc;502
Tông tổ nghìn thu dài tự điển 507
Tới cửa quan chậm, ...648
Trai gái anh hùng xông vạn hiểm;658
Trái ý đừng nản.....611
Trang sách đọc xong hay biết cạn;532
Trao bao hộp quý, ...659
Trăm đạo suối trong bay cõi thực;602
Trăm đời từ hiếu cao ngưỡng 507
Trăng gió đêm xuân, ...671
Trăng gió một sân là bạn tốt; 532
Trăng gió một trời thơ rượu sẵn; .534
Trăng sáng đeo chơi kiếm ba.....552
Trăng sáng vào lòng.....662
Trần vương hiển các triều sắc 561
Trâu khỏe trong đất sinh ngọc....634
Trên điện tổ công thần, ...649
Trên giấy bày dòng chung cục 573
Trên nhà cha mẹ vui rạng rỡ;..... 580
Trên trời là mưa ngọt;..... 670
Triều thịnh điểm tô văn trị thịnh; 576
Triệu Việt Vương, ... 624
Trinh như trúc biếc mình về tuyết;569
Trọn đời giành từng phút;..... 520
Trong bụng chứa vũ trụ;..... 521
Trong cửa thổ vượng, ... 498
Trong lòng còn sự nghiệp;..... 567
Trong lòng đầy nhật nguyệt;..... 552
Trong mắt sóng biển nhỏ;..... 575
Trong quyển có thơ là gấm vóc.. 599
Trong rừng quét sỏi bầy cờ tướng;663
Trong sạch tự tu, ... 638
Trong sân tĩnh lặng xem hạc..... 584
Trồng vài khóm trúc hay thoát... 640
Trời đã cho rồi, ... 563
Trời đất Đông A nay còn đó; 651
Trời đất vào tim thành ngôn 563
Trời Nam lý học non cao giữ;..... 651
Trời phú thanh cao, biệt trần tục;571
Trời phú thông minh giúp 668
Trời quang mây tạnh thời Tam ...627
Trời sáng lòng từ bi nắm giữ..... 626
Trời thu xanh cao rộng; 551
Trời xanh quang đãng không 631
Trúc báo bình an toàn gia thịnh; 584
Trúc nhờ rỗng có ích; 546
Trúc sửa, một sân tôn sắc thắm;. 598
Trung hậu nhà truyền mãi; 519
Trung hậu truyền gia an lại tốt; .. 585
Trung hiếu vẹn toàn năng rằn ... 616
Trước có nước biếc non xanh 617
Trước lầu tươi đẹp rồng bay lượn 621
Trước sân có mía, ... 647
Trước thần linh ứng, ... 649
Trượng phu chí khí dài lâu, ... 645
Trượng phu trong chỗ chết tìm . 542

Tu nghiệp chăm là quý; 516
Tục hay đổi mới, ...676
Tuổi xuân như lửa.....660
Tuỳ thời chép hết việc xưa nay; ..536
Tự biết khó tính khó hòa tục; 637
Từ cổ thành danh nhờ đường 672
Tự đem nước thu rửa sáng mắt; ..639
Từ đường thâm nghiêm thì đạo ..616
Từ hiếu hữu cung, ...587
Tự sao trời giáng trần, ...561
Tứ sinh, mười loại đều chiêm 626
Tứ thơ thường về tối;.....520
Tứ thơ vô hạn bên song cỏ;.....533
Tự xem mình giúp trừ phiền não;607
Từ xưa lạp ấn xuất hiện vật 624
Từ xưa thánh hiền ra sức, ...664
Từng trải biết vị sách;.....548
Tước phong Mai quận công.....670
Tượng đá vòng chia bên sườn núi;564

U

Uy thần lẫm liệt Tam thần miếu;.649
Uy trấn giữ ở sông Hạc, ...628
Uy vũ tổ tông truyền lễ nhạc; 508

V

Vài từ thanh nhã nên câu đối;.....552
Vạn dặm gió mây vung bút trận; .593
Vạn quyển tàng thư là tử đệ;.....599
Vạn quyển xưa nay ngày mải đọc;512
Vàng đá là tâm, ...587
Vào cửa thì thư bao nhiêu việc;...569
Vào nhà phảng phất hương.....617
Vào tự nhiên, tìm kiếm kho tàng.660
Vào thiền miệng niệm Di đà phật;630
Văn bút viết thanh thiên 592
Văn chương sông Tứ ngời vạn cổ;615
Văn chương tĩnh lý tìm Khổng .. 590
Văn nước mùa thu không vẩn bụi.606
Văn như Siêu, Quát không Tiền . 653
Văn tâm hoa khêu gợi..... 609
Văn tự quý như châu ngọc;..... 676
Văn thay xương cốt không thừa.. 537
Vân hạc bay về điểm hẳn lạ;..... 573
Vần thơ rơi xuống gió mây nổi;.. 535
Vật gì nhắc mình, ... 543
Vật thờ hoàn thành, ... 656
Về biển học biết bao sóng gió;... 529
Vị sách rất dài nên sáng tỏ; 536
Việc cần nghiên cứu, ... 539
Việc chẳng quyết làm thành ảo cả;607
Việc chính của đọc sách 637
Việc đời biến đổi việc ta định; 642
Việc đời đâu thường, ... 642
Việc đời nghĩ lại khi nhàn hạ;..... 558
Việc học như đào giếng, ... 666
Việc huấn việc hành, ... 587
Việc luôn biết đủ tâm thường 573
Việc nên thông thạo, ... 637
Viết sách sợ ngày ngắn; 516
Vịn núi khích lệ chí;..... 546
Vĩnh Thọ được truyền, ... 666
Vó tuấn mã đường đời chẳng nệ; 562
Vua hay dùng tâm đức đối 675
Vui giữ gió trong trừ khí bẩn; 639
Vui thú vô cùng, ... 665
Vụng làm, ruột rỗng, ... 532
Vuốt Rồng trao lại phù 633
Vừa vui người trước truyền 508
Vững nền cây tiếp vừa sinh 563
Vườn mực dẫn hồn đua vần lạ;... 552

X

Xa thư một mối thiên hạ tại;..... 577

Xây dựng yêu cầu, ...656
Xe loan xuất hiện 619
Xem đủ kỳ quan thiên hạ, ...543
Xem nhiều việc xưa nay;.....521
Xem rộng Lục kinh, ...666
Xô ngựa ta cười. 646
Xuân cũ hoa không rụng;.....575
Xuân cũng đa tình, ...543
Xuân huyên ngày tháng 580
Xuân nhật đẹp hoa đường, ...583
Xuân phát về hoa, ...587
Xuân phát về vẻ, ...582
Xuân phong đại nhã bao dung vật;566
Xuân sang đào lý tô vẽ thêm 617
Xuân sắc đẹp hoa cư, ...583
Xuân về đất văn vật thêm nổi.....627
Xuân về đấy, cá rồng biến hoá ...582
Xuân về song cửa thêm tươi mực;528
Xuân về viện thẳm mai hoa nở;.. 598
Xuống bút động núi cao;..... 519
Xử thế chẳng gì bằng tích đức;... 586
Xử thế không kỳ, ... 637
Xưa nay năm tháng khiến 664
Xưa năm Đinh Mão sao Khuê ... 622
Xương sắt anh hùng vui 641

Y

Ý tình không theo nước chảy 636
Ý thú nảy sinh thành đối khéo; .. 530
Ý tranh tình thơ cảnh vô tận;..... 575
Yến đẹp nếp nhà, ... 511
Yên nghèo quên năm tháng;..... 517
Yến tía gữa sân vang tiếng hót; .. 590
Yêu gốc mai già như tú sỹ; 533

CHÚC MỪNG VIẾNG THĂM

A

An ở chỗ vui mệnh trời.....1007
An toàn trên hết, ...686
Án tuyết đêm khuya vui bạn tốt. .819
Ánh đuốc rèm thêu rạng vẻ bút...827
Ánh đuốc rèm thêu, kim phượng.827
Anh hùng thành bại kể chi, ...888
Anh là tri huyện giỏi, ...1001
Anh linh sáng nhật nguyệt. 805
Ánh sáng không thua nhật 1006
Anh sẵn phong lưu vin quế, ...897
Ánh trăng rèm ngập khiến hoa ..759
Anh trấn trong Nam, ...951
Ảnh trúc vẫn là thân ảnh đấy..... 849
Ao biếc súng sen chung rễ nở. ... 824
Ao đẹp tấu huân ca cười phượng.896
Áo đưa hương quế lên thăm..... 900
Áo lễ một triều, ... 958
Áo mới mai chớm nở..... 812
Ao mực khói trùm sương đọng .. 769
Áo rét là xong gió xuân ấm. 707
Ao sen ca tụng lá trường sinh..... 892
Áo thơm hương gác 818
Âm buồn khó giữ mây trôi lại..... 796
Âm dung lẫn quất trên linh giá. .. 798
Ấm lạnh tuỳ ý người. 706

Ân ái vợ chồng, ...859.
Ân trạch thấm cành vàng, ...939

B

Ba chục xuân gót hạc núi cô, ...803
Ba gian nhà, dăm hàng trúc biếc. 757
Ba hàng tùng rét ngậm sương 798
Ba năm chỉ thấy mưa tầm tã.....808
Ba ngàn khe dòng Tương luôn ...840
Ba ngàn Khúc lễ hơn Mạc nhạn..839
Ba ngàn năm tháng xuân 834
Ba ngàn năm tháng, ...846
Ba nghìn giày đỏ theo Nam cực; .734
Ba sao sáng tiếng tiêu gác 787
Ba tấc là quan, năm tấc là quách; 974
Ba tấc lưỡi bàn xưa 694
Ba thu yến tận hôn rượu cúc. 784
Ba thước sạp hàng truyền ý tốt...699
Ba thước thân còn, ...937
Ba trăm sáu mươi ngày lo quản lý.729
Ba xuân hạc cưỡi mây như vẽ;....989
Bác há phải sống mà chơi ở 880
Bác nghị sách hay văn tựa gấm...817
Bạc vàng vượt trội trời Nam, ...941
Bách biếc, tùng xanh ngợi ca.....831
Bách dẫu nghìn mài không đổi ...872
Bách hoá thương hiệu, ...704
Bạn đàn sắt, bạn đàn cầm, ...813
Bàn đào ngày hội, ba ngàn năm. 832
Bàn đào trên biển kết nhiều quả; 990
Bàn suông nói cạn lẽ.....761
Bạn ta sách ngàn cuốn. 775
Bạn tốt đến nhà như trước 757
Bản thảo Thần Nông hương 738
Bảng để danh nhiều người đỗ đạt, 931
Bảng hổ ngôi đầu trang cự phách;961
Bảng tú sĩ, thê thiếp 916
Bảo hiểm gặp hung hay hoá cát. 740
Báo nước chẳng buồn khi tóc bạc.831
Bao nhiêu người thương tiếc 847
Bảo vụ điềm lành, ... 893
Bảo vụ mờ sao nữ. 803
Bảo vụ sáng sao, ... 889
Bảo vụ sáng soi năm chín chục. . 889
Bảy năm đao kiếm vang trời Bắc;988
Bắc hải chén nghiêng thời sơ độ. 733
Bắc ngóng cánh chim 864
Bắn sẻ mừng tay xuyên lá liễu.... 901
Bậc đại nhã chẳng còn, ... 869
Bậc đại phu thuở trước, ... 928
Bậc đại trượng phu phẩm 946
Bậc khanh sĩ khuất rồi, ... 911
Bậc quốc mẫu thời Trần, ... 955
Bậc thềm cặp cặp mời loan múa. 794
Bẩy mươi tuổi, bẩy lần đỗ, ... 913
Bè bạn đua tài vừa buổi mới;..... 999
Bèo nước gặp nhau, như bạn cũ. 722
Bên ao vẫn còn những 972
Bến ấp thuộc đầu nguồn 939
Bên bạn tốt mưa mai mây cuốn.. 825
Bên cầu rơi xuống đành đợi nhặt.711
Bên gối vẳng tiếng suối. 778
Bên giòng sông Vị thả câu chơi.. 835
Bển non biển uyên ương gác đẹp 839
Bến Tây xum họp gặp thái vận. . 820
Bệnh cũ suối vàng đưa dẫn lối.... 810
Bệnh lâu chẳng dám ngại ngần, 931
Bệnh tình ông làm sao, ... 915
Biển Bắc tiệc bày, ... 894
Biển biếc mây trùm Rồng múa... 855
Biển Nam không nổi sóng, ... 994
Biển treo tuổi thọ càng thêm đẹp.891
Biển văn vượt thuyền, ... 742
Biết đâu một giấc bay hồ điệp.... 869
Biết mệnh biết phi thành thuận.. 733
Bình an vô sự, nước nên lo..... 684

Bình gốm lắng trong ngời ánh ...741
Bình gốm nước sôi mời khách ...741
Bình hoa phú gợi thung mai nở. .791
Bình pha lê chứa rượu hoàng kim.712
Bình sinh tình nghĩa 802
Bỏ áo cổn mũ miện, ...982
Bỏ ít tiền mua trước, ...685
Bỏ khăn vô ý sợ hở đầu.....710
Bỏ tục xấu, hà tất phải 988
Bỏ tục xưa, cưới xin đơn giản 857
Bóng cây xuyên cửa biết trăng lên.750
Bóng thiềm sáng tỏ. 814
Bóng trúc qua song, ...760
Bộ ba (tùng, trúc, mai) ... .753
Bốn bề biển trong xanh. 942
Bốn bể danh nhân đề thơ chùa cổ;951
Bốn biển danh nhân đề cổ tự;.....979
Bốn đời áo đỏ mừng thêm thọ....837
Bốn đức đều hay. 943
Bốn mặt sơn hà quy về xã tắc;....981
Bốn mùa cảnh đẹp.....777
Bốn mùa hoa đẹp.....759
Bốn mùa hoa đều nở.....854
Bốn quý qua rồi nên yến thích....792
Bốn trăm năm trước, ...958
Bốn vách quạnh hiu. 802
Bốn vách rực rỡ, hàng hàng la liệt.704
Bốn vách sáng trong. 965
Bông tuyết vẻ mới sáng. 712
Bờ cõi của ta nhỏ bé yên hàn, ...912
Bờ nước hương cần ba bậc sóng; 990
Bởi yêu chim hót cây trồng lắm. .755
Bụng rỗng vẫn thừa hơi căng gió.689
Buôn bán hưng vượng 688
Buôn bán trọng tín nghĩa. 697
Bút cao như núi còn không tiếc. .763
Bút cứng vẽ non xuân.....812
Bút giỏi đề thơ trên lá thắm.....841
Bút hay nhàn tả đêm trăng lạnh. 817
Bút hay thêm mới tả trăng sáng. 814
Bút luôn mạnh..... 774
Bút mực say sưa..... 774
Bút nhờ gió ấm tô mày đẹp. 825
Bút say thơ ý hậu. 762
Bức vẽ đẹp như bài thơ hay. 763
Bức vẽ thiên nhiên. 690
Bước ra thoải mái quên trời tuyết.711
Bước vào đầu đen học việc. 716
Bướm lượn ong vây rày..... 712

C

Ca buồn dậy đất 794
Cả có tài năng gần cửa phượng.. 896
Cả rõ tài dạo vườn nghệ thuật.... 897
Ca tụng ngưng tuyết trắng. 691
Các vị tổ trong nhà ta 985
Cách gang tấc trời cao soi vực quỉ,925
Cái gốc bên trong thường 919
Cảm tất ứng, cầu tất thông, ... 954
Cành ngô mới lớn phượng 782
Cảnh ngộ thật khó thay, ... 875
Cảnh ngộ thật khó thay, ... 922
Cảnh trí đúng nho gia, ... 933
Cao dày chưa định thế, ... 885
Cắt lục may hồng tô vẻ đẹp. 710
Cắt may ngàn tấm vải..... 708
Cầm chuôi dao năm tấc, ... 739
Cận kề hào khí không duyên gặp.781
Cần kiệm dựng nhà nhờ nội trợ.. 832
Cần kiệm nghìn nhà lắm giầu có. 683
Cầu biển học tri thức, ... 742
Cậu còn nhỏ, giữ trọn niềm 917
Cầu chính xác ở nơi tinh tế..... 714
Câu chuyện đau lòng, ... 803
Câu hay chẳng phiền khách 819

Cầu lam bước nguyệt thẳng 908
Cầu ô khéo vượt hai sao hội.....827
Cầu ô vừa bắc, hai sao vượt.....827
Cậu tu nghiệp thật chuyên cần. .915
Cầu thước ngời trăng người 827
Cây cối khoe tươi. 738
Cây hoa vẻ ngọc tươi như gấm. ..752
Cây mến trèo lên. 945
Cây nhược chia nắng.....945
Cây quế hương thu vui làm lễ 782
Cây xuân gặp xuân càng trẻ mãi. 892
Cây xuân tươi tốt nhờ ơn nước. ..896
Cây xuân thắm mượt thiên thu lộ:732
Cha có công, con có công. 961
Cha con một nhà. 986
Cha mẹ trước được gia phong. ...928
Chào mừng quý khách môn. 723
Chăn xanh chiếu lạnh suy 866
Chẳng ai không nói hay khen đẹp.724
Chẳng còn nghe thấy gọi tiểu tử .866
Chẳng cợt, chẳng lười, ...722
Chẳng lo nắng chiều tắt.....689
Chẳng nên người tốt, ...798
Chẳng nhu chẳng cương.....1011
Chẳng tiếc keo loan ngàn dặm ..814
Chân chân giả giả cũng tình lý....693
Chân trời rực rỡ một vành nguyệt.836
Chập chờn ánh đuốc chiếu nhà ..900
Châu ta án sát có ba người. 917
Chén mời nước ngọc bay anh vũ.844
Chén thắm sương hoa lưu khách. 763
Chết không được. 877
Chết như sống, mất như còn. 942
Chỉ buộc kim cài mặt hàng vặt. ..703
Chí cùng đạo hợp.....860
Chí cùng ý hợp.....860
Chí khí tinh thần, ...984
Chi lan ngàn thuở tốt. 812
Chỉ màu chứa nửa sông mười 702
Chỉ muốn mọi người khoẻ... 694
Chỉ nói sân gai thường tụ hội 863
Chí người trước chớ quên khi ... 798
Chí ông đáng khen thay! 879
Chí thề chẳng khác phủ con trẻ . 873
Chỉ trà thô cơm đạm. 740
Chiếm khoa Bạch Liên. 997
Chiêu tập khí tượng mới.....748
Chim bầy đồng ca. 833
Chim ca, trúc ngàn khóm.....755
Chim hót, hoa hương. 859
Chim hướng dầu cành gục 769
Chim núi có tình tôn kẻ 504
Chim thấy đất lành bay đến đậu. 684
Chín ấp chín đồn Lương tặc phá. 937
Chín bậc sắc phong rạng ngời.... 969
Chín bậc thềm vua xuống 930
Chín chục hãy còn ngàn tuổi thọ.835
Chín chục mùa xuân. 835
Chín chục, khách mừng. 738
Chín mươi chúc thọ ngàn năm ..846
Chín mươi tóc hạc cùng kim mẫu.890
Chín tầng muôn dặm xe vừa đẩy. 891
Chính khí cao vời đồng trụ Bắc.. 845
Chính khí là khí hạo nhiên, ...961
Chính khí lưu muôn thuở. 805
Chính khí như còn sống 936
Chó đùa hổ dữ trên đồng phẳng:1005
Chòm bảo vụ hát mừng bốn chục.832
Chòm Bảo vụ mới sao thượng giới.804
Chòm Vụ sáng người, trăm tròn 833
Chọn chỗ nhân làm tốt. 746
Chọn ở chỗ nhân hoà mới quý... 750
Chỗ đứng cung đình xét nam bắc 904
Chỗ mới xây xong vui mọi nỗi 749
Chốn bàn đào tiệc lớn chúc mừng.893
Chốn Dao trì tám mươi hiền thuỵ.835
Chốn doanh liễu gần kề thục nữ. 847

Chốn lam điền tiên dung gieo 839
Chốn thanh, ao ấm, xem rồng ...904
Chống Mạc phò Lê, ...951
Chớ gieo tóc trắng lên đầu lão....716
Chớ nên ngày nắng dãi phơi đầu.687
Chớm nở vườn mai thơm gác đẹp.786
Chú của vua, sư của nước, ...954
Chu, Thiệu từ Quốc phong dạy dỗ839
Chùa Một Cột danh lam, ...1007
Chúa thánh tôi trung, ...1009
Chúc ông rượu thọ, ...891
Chúc tụng tuổi cao xuân vừa tròn733
Chúc tuổi thọ ba nghìn năm 734
Chúm chiếm hoa chào khách. 776
Chuốc rượu bên hoa mời trăng...766
Chuông chùa, khói toả, ...721
Chuông điểm giờ lâu.....729
Chuông gió triều âm vương.....504
Chuông trống vui chung, ...965
Chụp thành bức ảnh đôi.....853
Chữa bệnh nổi danh thầy cả nước.695
Chữa chạy có lòng nhân, ...720
Chứa học thuật quý giá kim cổ, ..730
Chứa học thuật xưa nay.....743
Chứa sách trong nhà mười vạn ...993
Chưa xong chí lớn thân đến nợ...806
Có ai gặp cảnh ngộ như anh, ...933
Có con tài giỏi, ...994
Có chí không thành, ...887
Có đức công bằng.....745
Có huyện dẫm nước cần xanh lục.893
Có huyện đất bắc năm chừng 836
Có huyện hương nhạt ngày xuân 861
Có huyện năm tháng thêm 838
Có huyện tươi tốt, ...895
Có huyện tứ hải, tiệc thọ tám...838
Có huyện thơm ngát ngàn năm .846
Có huyện vẫn đậm sương tiên ...893
Có khách đến tham quan, ...993
Có khăn khí tượng đẹp, ...710
Có lẽ ít để lại chăng, ...932
Có mẹ không thể không về, ...931
Có mẹ mà không nhà, ...931
Cỏ nhỏ, tùng cao 943
Cò trắng có tình được 760
Cõi Tịnh Thổ, cung trời phạm, .955
Con đi xa còn mong ngày hiển .923
Con gốc nương nhờ xanh tóc mẹ,871
Con hay cha hay, lắm vẻ hay.....904
Con nhỏ vui duyên thử vẽ mày...905
Con quế báo điềm khoe phúc hậu;990
Con quế cưới rồng khoe tài giỏi..898
Con quế nêu tên, ...899
Con quế tên nêu leo gác phượng.898
Con sống xa cha ở nơi đất lạ, ...918
Con tam giáp vì cha phải bỏ 914
Cổ miếu còn kia, sừng sững với 1011
Cổ nhân đều tìm kiến thức trong.730
Công cao hộ quốc nghìn thuở ...983
Cổng chợ vui đón khách xa gần. 699
Công đức truyền lâu từ phổ hệ...982
Cổng mới dựng, mây lành. 750
Công ở triều Trần, danh ở sử;....940
Công sức khai canh thờ ba vị tổ; 968
Cốt sắt từng nan đỡ khổ mưa.....688
Cột trụ chống trời, ...946
Cột trụ ngàn năm nêu nước Việt;1003
Cột vững tôn vinh, ...940
Cớ sao thế tiên ông.....932
Cờ treo muốn đượm sương.....895
Cơm nóng rau thơm xuân 723
Của đẹp giá hời, ...703
Cúc dậu hoa vàng tôn vẻ đẹp....783
Cúc thu trồng ba luống. 761
Cúc vàng mừng trình gác nhà ...783
Cùng chở có không cần mậu dịch.699
Cùng dạy cả trường thương hạn 811

Cung đình mũ áo tôn tài sỹ. 903
Cung kiệm ôn hoà nên nhà.....846
Cùng khách nói cười 693
Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.....781
Cùng kính, cùng giúp, ...856
Cung treo tiệc chúc rượu trường..892
Cùng lòng, cùng đức, ...859
Cùng nhà hai lần cáo tang. 930
Cũng toan liều một mạch làm.....885
Cuộc sống tinh thần vào bia đá...796
Cư quan không mệt mỏi.....1011
Cửa có tin vui trời đất vững. 751
Cửa cung đào mận, ơn vừa thấm.904
Cửa chào ngày sớm tài nguyên ..698
Cửa chợ không thiếu hàng hợp...700
Cửa đón phúc, thu đông xuân hạ.750
Cửa hòe tươi tốt nhờ gốc cũ:.....951
Cửa nhà lắm phúc. 778
Cửa trước núi cao nên cắm trước.759
Cửa uy phước, đến nghe răn hổ:..947
Cửa vàng rực rỡ kết hoa lạ. 896
Cười hạc bay chín tầng in hài cũ .870
Cười nói nhẹ nhàng, ...702
Cười phượng bay tham quan ao..896
Cười phượng vốn là khách vin quế817
Cửu biếc cao, dấu lưu nơi cửu bệ.985

D

Da thịt mịn màng thơm 713
Dáng hiền khuất nẻo.....803
Danh bia tiếng ngập nước ba sông ... 698
Danh hôn dưới gối hai đều đẹp...899
Danh nêu trang đồng sử. 804
Danh tài đời thịnh sẵn quan hổ...900
Dạo đàn một khúc đôi làn giọng. 782
Dao trì đào chín, ba nghìn tuổi; ..738
Dao trì hiến điểm lành tám chục. 838
Dạy dỗ ơn sâu, trọn đời tưởng nhớ850
Dạy thi lễ lúc qua sân, ...995
Dặm thẳng đường xa bàn 711
Dân trị hạt cũ chẳng thể đi dưa ..925
Dân xã một vùng ơn lưu khắp:....938
Dấu cũ sắc vua ban. 963
Dâu hiền thôi hết cậy.....872
Dấu Tiên ở núi Nam 986
Dậy sớm thức khuya. 1008
Dịch nói: càn khôn định vậy 845
Diễn đạt ý tình nhiều văn vẻ. 767
Dinh dưỡng phải đâu chỉ là trứng.739
Doãn tiên sinh đúc vàng. 1000
Dòng dõi gia phong. 958
Dòng rộng bản chi thừa hưởng.. 981
Dồi dào sinh hoạt văn hoá.....689
Dời đổi tai biến há không phương924
Dung mạo như còn. 801
Dung mạo, tâm hồn. 858
Duyên kết năm trăm năm. 793
Duyên nhờ nguyệt lão. 828
Dựng cột mây lành vờn bắc đẩu. 746
Dựng cột ngàn năm.....779
Dựng phên dậu nước nhà. 967
Dựng sự nghiệp đè đầu nhân thế.717
Dưới nguyệt, nguyệt nga thơm. .. 786
Dưới thềm hoa nở hoa ngời đuốc.822
Dưới trướng dâng rùa vàng. 925
Dương xuân trên núi dựng bia đá:979

Đ

Đã bảo ngồi vào ghế.....715
Đã bày ao phượng bên vườn lạnh.818
Đã khéo cung thiềm tay vịn quế. 781
Đã ngó mây xuân trùm tóc đẹp.. 908
Đã nhàm câu nói: xưa nay hiếm. 836
Đã thấy áo hoa cùng liễu ướt. 822
Đã thọ năm tuần lại thêm hoa ... 834
Đã thừa công trạng ghi trong sử. 797
Đại bàng Gia Định, ... 976

Đài sen tĩnh. tiếng chuông tịch ...989
Đại thụ um tùm vinh tổ nghiệp: 1012
Đàm tiếu trong mi không cố cựu: 737
Đàn năm dãy quanh nhà hóng ...965
Đàn ngọt chẳng nghe mưa hoa ..874
Đàn nhã bay tuyết trắng. 772
Đan quế hương bay kim ốc đẹp. .829
Đàn sắt tiếng trong loan đổi giọng844
Đánh cửa Thi Nại 1008
Đánh đông dẹp bắc uy phong 981
Đánh giặc giữ thành. 996
Đánh Thi Nại công phong hạng.977
Dảo Côn Lôn diện tích bấy nhiêu. 881
Đào chín ba nghìn chén mừng. ...737
Đạo đức cứu dân. 953
Đào hoa đã nở tam thiên lãng ..732
Đào lý trong sân đều 938
Đào lý trước nhà mưa móc mới;..992
Đào mận tiếc thầy hay, ...811
Đạo ngũ luân dẫu có thân sơ.....984
Đạo Phật sáng ngời. 970
Đạo thầy chẳng thành luống 875
Đau lòng thay thời thế khác 886
Đau lòng thay. thời sự bất 1002
Đau lòng thương kẻ khuất.....795
Đất còn địa linh, ...982
Đất đẹp vun trồng nên quả phúc;982
Đất để lại. phía trái núi 950
Đất kia cúc nấy vườn thu, ...1004
Đất không nhà khó xuân lui tới...752
Đất phẳng xuân sâu, ...863
Đất tốt mây lành.....778
Đất thiêng mãi còn, ...980
Dầu bạc cùng già.....852
Dâu chỉ cung hàn tay vịn quế.....781
Dâu chỉ dương xuân ưa bạch 693
Dâu chỉ sớm hôm xem giờ giấc...728
Dâu dám lấy sức dân đào ao.....1007
Dây chinh sự nghiệp 974
Dẫy đồng lúa mạ thương mưa. ...780
Dẫy khô cây ngọc tam canh gió . 868
Đem chuyện bịa rạch ròi 691
Đèn một ngọn chung nhau.....721
Đèn sách cũng đủ chí ba sinh;....972
Đèn soi gác đẹp uyên ương.....845
Đèn soi tóc búi vẻ tế nhị.....820
Đeo bệnh lại tuổi cao, ...996
Đeo như nhật nguyệt nhỏ.....729
Đẹp trời ấm chỗ mới. 779
Đẹp vẻ. đẹp thay, ...850
Đế cứng chân mềm sức 711
Để dành có lợi, lợi nước. 714
Đế đức nguy nga cao lầu Bắc;....938
Đề thơ lá thắm giải đồng tâm.....865
Đêm lặng chim kêu sầu sắc nguyệt871
Đêm qua có người chạy 912
Đêm tối đuốc hoa thành đêm sáng848
Đêm trước cầu ô đoán điềm tốt. . 828
Đêm xuân đâu mãi cùng mộng .. 721
Đến đây hãy nghỉ chân. 720
Đến tôi tươi xuân sắc. 715
Đến thăm nhị dậu tìm nơi có. 730
Đến xem họa tuyệt đẹp. 771
Đi dép vào triều nghi dung cổ; ... 735
Điềm lành hoa đuốc xuân không.787
Diệu cầm, sắt hài hoà đôi ngọc. . 908
Đỉnh non nhạc phụ trông như tạc866
Đình nguyên tiếng đọng trên ... 1003
Định sự nghiệp ngàn thu.....780
Đoán phượng xem ra vừa ý bố. .. 906
Đọc bốn nghìn năm lịch sử, ... 877
Đọc sách dưới hoa ngồi lúc rỗi. .. 768
Đọc sách thực vui bụng. 771
Đọc sử những mong thông xử thế.695
Đón người đều tươi mặt.....716
Đỗ đạt dựng cây cao, ...899

Độ hoa sớm đúng giờ hoa đuốc. .821
Đồ thư tụ chỗ tốt. 773
Đôi đẹp trăm năm hòa hợp.....854
Đôi lứa trăm năm kì bẻ quế; 819
Đôn hậu nêu gương, ...800
Động biếc trăng soi ngời cặp 844
Đồng cam cộng khổ là anh em ..979
Đông đẹp như xuân, ...755
Đồng hương liên tiếp cáo tang, ..875
Đồng hương liên tiếp cáo tang, ..930
Đông không tây có thông không.699
Đồng loại thương nhau, ...944
Đồng lòng coi trọng hội, ...984
Động phòng gương sáng khoe....839
Động phòng hợp cẩn khi vừa lớn.903
Đông qua xuân đến, ...992
Đồng tâm làm ăn tốt.....853
Đốt pháo hoa vang vang khắp....747
Đời hưng thịnh bởi hòa bình.....986
Đợi tô mày liễu qua ý bút. 817
Đời thịnh cây xanh mãi.....829
Đủ ăn, đủ mặc già xuân chán. 830
Đùa đem Giang bút làm Trương..816
Đun sôi nước tam giang.....727
Đúng lúc giao hoà tỏ tường lòng .820
Đuốc hoa lòng kết nên rèn chí....857
Đuốc hoa rực rỡ gác phù dung....842
Đuốc hoa sáng, ...894
Đuốc hoa sinh vẻ sáng.....813
Đuốc ngọc dọi soi trưng bốn cõi; 966
Đuốc rực sáng, mờ trăng đầu.....820
Đức ấy, tài ấy, sự nghiệp ấy;.....935
Đức đến vô cùng vượt qua chín...889
Đức hạnh khó quên lưu huyết lệ..871
Đức hạnh truyền đi nhiều làng xã 869
Đức hóa kính tuyên dương, ...967
Đức lớn phát huy, ...735
Đức nặng như sơn, ...735
Đức tinh trung bao trùm vầng 985
Đức tốt khó quên tuôn lệ xót..... 805
Đức tốt siêng năng, ... 860
Đức tốt xứng bậc tiên bối mô..... 800
Đức trạch chảy dài muôn dặm.. 1014
Đức vọng tôn sáng, ... 810
Đức vua như trời, ... 935
Đừng nói mình ở gửi..... 720
Đừng ngại đường khách ba..... 834
Được dự chốn cao sang, ... 899
Đường đời đắp lối thăng trầm, .. 920
Đường thẳng đến nay còn đó..... 795
Đường, lệ nở hoa ngàn thuở đẹp. 831

G

Gà chưa kịp gáy, hãy dun nước. . 727
Gác đẹp lan đêm hùng gửi mộng. 786
Gác đẹp tháng mười mai chớm . 788
Gác phượng màn loan đều rực rỡ, 851
Gác sách tiếp giai nhân, ... 902
Gác tía đèn treo ngời ánh bút..... 787
Gái đảm thành vợ hiền..... 811
Gái giỏi trai tài nơm thật đối..... 856
Gánh trọng trách cung đình, ... 964
Gắn bó dầu cành tung cánh..... 901
Gặp khách mắt xanh, ... 994
Gặp lại mẹ, trước nhà không lối. 808
Gặp mặt biết vô sự. 778
Gặp mưa tầm tã trên đường lớn.. 688
Gặp người xem câu tuyệt..... 775
Gặp nhau như bèo nước..... 720
Gấm vóc lời văn, ... 731
Gấm vóc nhân gian quây nhà 840
Gần án hồng may gặp dương..... 788
Gầy béo ngắn dài đều có mức. ... 710
Ghế liệu xoay người dáng 718
Ghế tĩnh mây trong nghiên..... 772

Gò rãnh đủ yên hà, ...737
Góc biển lười nghe làn sóng vỗ; 1003
Gom hành hoá tám phương. 696
Góp ít thành nhiều, ...731
Gỗ lớn muốn sửa nhà trên biển...892
Gốc gác họ Trần truyền cựu đức; 975
Gốc ở nhân tâm, ...949
Gửi để không lo chìn châu ổn.....686
Gửi tiền yêu nước, ...732
Gương kính bóng lẻ thay, ...865
Gương sáng chẳng kỳ đài, ...949
Gương thuỷ tinh thấy ảnh hoa ...824
Già cả thấy quạnh hiu.....848
Già còn mạnh sức, ...830
Gia đạo vẻ vang truyền thế phiệt;1014
Gia hệ thẩy trông nhờ, ...865
Già làng vẫn an khang, ...926
Gia tài dẫu vạn quan, ...739
Giải vàng đồng tâm.....813
Giang sơn góp đẹp cho nơi mới..749
Giao lấy đạo tiếp lấy lễ 744
Giáp tý vừa qua, qua giáp tý.....833
Giấc mộng kê vàng về bến giác;..989
Giấc mộng thơ ngăn tàn cỏ nội ..863
Giấc mơ hồ điệp bay đôi bóng....862
Giấc ngủ dài, non thương nước...796
Gió đông vào nhà.....860
Gió mát dẫn đường chim báo hỷ. 740
Gió mát mộng dương liễu.....776
Gió mát nắm uy quyền. 687
Gió mát trăng thanh vần điệu đẹp.757
Gió mát trăng thanh, ...971
Gió mây kiếm ba thước.....775
Gió nhả dây tơ thành ngũ sắc.....705
Gió phương Nam thổi, ...1004
Gió qua đá phế trong như nước;1001
Gió qua rừng trống hoa mãn địa .874
Gió tiễn hương hoa mài nghiên .. 994
Gió tùng trà pha. 773
Gió từ mênh mang mây lành 953
Gió thổi hương cần đến vườn đẹp849
Gió trời thổi ống sáo..... 693
Gió trúc lưu bạn rượu..... 755
Gió xuân bông liễu bay đôi yến .. 843
Gió xuân cợt liễu reo trên nóc.... 752
Gió xuân đến nhà vàng rèm biếc 841
Gió xuân liễu biếc đón anh vũ 843
Gió xuân mưa bụi tươi đào mận.. 749
Gió xuân thập tải giao tình cũ.... 867
Gió xuân vốn phóng khoáng..... 762
Giòng thu chảy cạnh tiếng đàn .. 818
Giống Lạc Hồng mấy nghìn 935
Giống như danh thần 926
Giờ lúc giao hoà vui hợp cẩn..... 820
Giới lộ nổi lên hình cách biệt 864
Giúp nước cứu dân, ... 943
Giúp nước dời nhà đi tu, ... 954
Giúp nước ở Phan Rang, ... 976
Giúp nước ở Phan Rang, ... 1009
Giúp trung hưng, đỡ chúa phò .. 975
Giúp trung hưng, phò vua đỡ .. 1010
Giúp vua nữ để báo thù, ... 936
Giữ chí ấy, không phô bày khí ấy;948
Giữ đạo tấm lòng son, ... 973
Giữ nước giúp dân, ... 976
Giữ nước, che dân..... 1009
Giữ thân giữ vật giữ tài sản 683
Giương lên có thể trừ cơn nắng.. 688

H

Hạ tới con trai vui hợp cẩn. 905
Hạc lẻ sầu bi sáo song phượng... 864
Hạc ngự đài tiên trăng thu lạnh .. 871
Hai chái đẹp, hàng bày trăm thứ. 745

Hai dịp tình cờ gặp nhau, ...921
Hai họ thông gia thành lễ lớn.....855
Hai mươi bốn giờ theo tớ báo.....713
Hai mươi năm đem thân báo nước876
Hai mươi năm hai giải nguyên, ..913
Hai niềm vui chốn gia môn, ...922
Hàng đẹp dễ tiêu thụ.....697
Hàng hóa qua chọn lựa. 697
Hàng hoá tốt đều, ...700
Hàng huyện vui, ao vũ 916
Hằng nam bắc phục vụ nhân dân, 704
Hàng năm lời dạy thường nghe, .800
Hàng phải kịp thời trù 703
Hàng rực rỡ ngợp mắt.....697
Hàng tốt cửa như chợ.....698
Hàng tốt nghìn nhà khen, ...704
Hang vàng khắp vườn bầy gấm...690
Hành Thiện há nên gây ác báo;..974
Hào kiệt mất rồi.....882
Hào kiệt nghìn thu về với đất;.....974
Hay khiến ông mừng, ...692
Hằng nga cung quảng 783
Hiền giả đi đâu, ...801
Hiển hách còn lưu.....959
Hiên ngọc lắng trong ngời. 828
Hiên song thoáng mát 760
Hiểu sâu phép ứng dụng vua tôi..719
Hiếu kinh thấu lẽn tông tổ. 504
Hình ảnh lạc trong tùng xanh.....867
Hình đơn bóng lẻ qua tam thế....872
Họ Nguyễn Phúc công danh.....949
Hoa biểu hạc về lưu bóng trắng; .874
Hoa bút dần hướng hoa đèn rạng.816
Hoá bướm lượn lờ 802
Hoa đào kết quả tam thiên tuế;...736
Hoa đào nước cuốn trôi đi mãi. ..796
Hoa đẹp đuốc cao ngời tú cao. ...787
Hoa đuốc kề bên hoa lựu đẹp. 825
Hoa giáp vòng đầu, ...833
Hoa giáp mừng xuân 734
Hoa lá thơm hương, sân viện biếc.764
Hoa mai đáng tôn là lĩnh xướng. 786
Hoa mai đầu núi báo tin vui..... 852
Hòa mục tiếng vua Nghiêu 966
Hoa nặng sương đêm áo đẫm ... 821
Hoa nở giầu sang người nở tài. .. 748
Hoa nhờ tay ngọc thêm xuân sắc.707
Hoạ phổ có lời vẽ nhân vật..... 692
Hoa quế trăng rằm hương bảy ... 834
Hoa quế trăng soi mừng bảy chục.836
Hoa rụng màn huyên xuân đi sớm861
Hoa rụng những nhờ bác gió quét;947
Hoa sen chung rễ hợp rèm thêu. 826
Hoa sớm sắc xuân rạng đuốc hoa.821
Hoa sương đọng toả hương. 726
Hoa tươi sinh khí đẹp. 777
Hoa thơm mắt ngó xuân đầy 765
Hoan nghênh khách thu đông.... 722
Hoàng môn giữ mãi văn chương. 948
Hoàng sứ mở vội về nhà, ... 929
Học đến biết không là đến..... 733
Học hạnh chẳng quên lời thầy cử;999
Học mới lại càng mới, ... 967
Họp chúc mừng nơi cửa đức, ... 902
Họp chuyện cũ ở một nhà, ... 851
Hồ đẹp phong lưu tôn kẻ sỹ..... 901
Hồ hải ước mong trời rộng lớn... 815
Hội hoạ văn thơ vui chí hướng. .. 690
Hôm nay đúng gặp ngày sinh mẹ852
Hồn lại chín tầng trăng tối thẳm. 804
Hôn nhân tự do, ... 857
Hồn thiêng đã xứng khách non. . 806
Hồn về thượng giới gió mây thẳm.797
Hồng nhạn bay xa, ... 723
Hơn trăm năm qua chung đúc.... 983
Hợp thiên thời mây lành như bức.754
Huân phủ màn loan, bi đến mộng.897

Huân tấu cửa cao, ...897
Huân theo rèm đẹp ca loan múa. 897
Huệ đẹp lan thơm về lãng uyển, .870
Hùng khí lẫy lừng, ...806
Huyên héo bắc đường sương lạnh861
Huyên hoa đã rụng sơn hà ám....862
Huyên tươi vẻ gấm bên đào biếc. 894
Hương bay giục con quế, ...846
Hương cần mới tỏ động đào.....849
Hướng dương nhà cửa 749
Hương hoa theo gió xuân vào cửa.750
Hương mai vào mộng.....777
Hương quế lọt nhà thanh. 775
Hương thanh, mai ánh nguyệt. ...776
Hương thầm quyến rũ, ...718
Hướng trước Hương Giang một ..946
Hương xuân quyện gió khiến.....712
Hương yên chi tỏa trướng phù ...843
Hướng tới bên ngoài cầu thuốc ..719
Hướng tới quảng cung lượm rau..849

I

In sách phúc khai, ...945

K

Kẻ lớn ra đi xà gỗ gãy. 810
Kẽ tóc chân tơ dung nhan tăng...718
Kèn sáo mấy hồi vang, ...933
Kèn sáo mấy hồi, ...934
Kế hoạch mở ra nhà cửa lớn. 750
Kể từ nay xem như bất hoặc 845
Kết mối đồng tâm non biển chặt.842
Kích cỡ chọn tùy người, ...711
Kiến lập giang sơn cổ 987
Kiểu nội nức khen tay thợ khéo. .709
Kim bạc đã dành nhiều công sức.708
Kim vàng để giúp đời. 706
Kim vàng phượng múa. 707
Kinh doanh có đạo, ... 704
Kinh doanh có thuật..... 703
Kinh doanh linh hoạt, ... 701
Kinh doanh tín nghĩa cũng như . 701
Kinh doanh văn minh buôn bán 699
Kinh doanh văn minh, ... 703
Kính hiến chén mừng nhìn 733
Kính lăng hoa tử loan múa cặp... 838
Khách chuộng đoan trang mới... 717
Khách đông tây nam bắc..... 720
Khách kêu chúc cất xà. 779
Khách long môn đến thẳng cầu ô.815
Khách quý thường đông đảo..... 776
Khách thân đến viếng, ... 807
Khách thường đến ngồi đầy..... 725
Khách về cuống lưỡi dư trà ngọt. 770
Khai đạo được vẹn tròn, ... 1013
Kháng chiến nhất định thắng lợi; 973
Khăn gấm động gió xuân, ... 890
Khăn gấm gió thu bay, ... 888
Khắp chốn đường thông, ... 741
Khắp nơi đều khóc vì tri kỷ;..... 934
Khấn cầu không cớ, ... 683
Khe suối cùng thưởng ngoạn. 762
Khéo giúp khi vắng gió. 687
Khéo may kiểu hồi văn. 705
Khéo thay đức tốt ngàn năm ở... 798
Khi còn, khí tiết tựa 800
Khí khái tựa ngu, trang quân tử; . 971
Khí lành, gió mát quang nhà cửa.753
Khí mạnh trùm núi sông; 975
Khi mất chẳng rùm beng, ... 909
Khí phách anh hùng chí trung.... 980
Khi sống, dạy trò nên người, ... 1006
Khi sống, ông là người không ... 918
Khi thiên hạ còn vô sự là lúc..... 918
Khoa cử có mệnh chăng, ... 916

Khóc em ba năm tóc bạc 865
Khóc linh lòng muốn vỡ.....795
Khói dày mây tỏa 934
Khổ tâm cầu thuật giỏi. 695
Khối lớn văn chương, ...731
Không theo Lưu, Nguyễn 719
Không thể sát vực mới dừng ngựa684
Khơi thông mương máng. 695
Khuôn mẫu còn lưu hình thiên cổ870
Khuyến khích gửi tiền.....714

L

Lá biếc, khói lan, băng bát biếc...728
Là danh tướng, là công thần, ...955
Lả đỏ theo dòng gửi câu đẹp.....844
Lá đỏ trôi theo nước thu trong....781
Lá hồng rồi lượm ghi câu đẹp.....771
Lá thắm để thơ truyền ý kín 856
Lá thắm mới sinh, ...827
Là vũ, là văn, là thọ. 829
Lãi ít bán nhiều, ...701
Lái thuyền cẩn thận, ...685
Lam điền từng trồng ngọc.....853
Lam Điền trồng ngọc duyên 864
Làm khuôn phép một đời 797
Làm quan cùng triều, ...959
Làm quan trăm đời nhiều năm....959
Làm sao có được dòng trong, ...963
Làm trai phải tự cường, ...991
Làm việc nghĩa chẳng xa nhau....971
Làm vợ nên hay cần kiệm giỏi....858
Làng rể ngày thăm đưa đón hậu..810
Lạnh lẽo ánh trăng trong, ...809
Lao động chân tay.....857
Lẫn kính, lẫn yêu, ...859
Lập chí nên giữ đúng phẩm cách;991
Lấp lánh cười với trời. 689
Lầu hoa tảo bày hai tiệc rượu..... 793
Lầu hồng bước sen giục bước mây819
Lầu ngọc lưng trời đàn sáo rộn... 691
Lầu quỳnh trăng sáng người như 842
Lấy cho dân, dùng cho dân, ... 686
Lấy lừng nhị giáp vinh kim cổ; ... 998
Lấy sự ngay thẳng làm việc với .. 929
Lấy thiên hạ làm việc 701
Lẻ hạc còn qua đêm sâu tuyết.... 873
Lẽ phải ở lòng người, ... 935
Lẽ phải ở lòng người, ... 1004
Lệ già đâu nhiều khóc tri kỷ..... 802
Lễ nghi đúng mực chẳng kể 701
Lên cao nên có vu quy cú..... 784
Lên núi hoa xuân hái ủ rượu..... 726
Lên ngựa vỗ yên, ... 980
Lệnh trên truyền cánh yến, ... 898
Liễu mộ chưa hay bằng Tử Cống. 811
Liền cành hoa nở vẻ thanh tân... 906
Liễu rậm hoa tươi, xuân mới nửa 857
Liễu xanh rợp bóng trướng xuân 823
Linh điện hữu tình nhờ non nước;961
Linh thiêng ứng nghiệm dày, ... 959
Loài cúc tùng Bành Trạch, ... 915
Loan phượng hót chung mừng... 841
Loan tía vây quanh, quế ba năm. 783
Lòng ấy treo cao cùng nhật..... 972
Lòng son rạng nhật nguyệt..... 795
Long Thành ứng mộng danh 969
Lòng thấy cha đi, ... 807
Lòng thương biết làm sao? 879
Lòng trong treo vầng nguyệt..... 794
Lối hoa chưa kén duyên người. .. 761
Lối đá bụi vương, gió tự quét..... 504
Lột được đúng thần người..... 691
Lời nói đều phương thuốc. 718
Lời tựa gió xuân, ... 702
Lớn lớn dài dài dài lớn lớn;..... 950
Lụa biếc dưới trăng người tựa 816

Lúc gian chuân, ...993
Lúc mạnh chí còn trên mây gió...799
Lúc vào đều thấy khách phủi mũ.716
Lửa lê gà gáy đêm đâu quản.....816
Lừng tiếng linh thiêng, ...944
Lưỡi kéo én bay dám khoe tay....744
Lượm chuyện cũ việc nay.....694
Lưu Linh ướm hỏi rượu đâu tốt. ..725

M

Mạch thọ đắp thêm nền, ...981
Mai biếc điểm trang khoe tháng..792
Mài dũa văn chương đứng đầu 998
Mai điểm trang đài, ...815
Mai gọi xuân về, lan khiến hạ.....756
Mài giữa đã xong công phu thành717
Mai núi phượng vàng nay kết bạn.787
Mai phô vẻ ngọc chứa đức hiếu;..989
Mai quan mới nở vẻ tươi xinh. 788
Mai quan mới nở, thanh loan múa.780
Mái rạ dột rồi, ...937
Màn uyên đang uống 784
Màn xuân ấm ngàn lần bói 844
Mảnh đất trước nhà trồng cây 760
Mảnh sân không rộng, ...692
Mảnh tờ hay thấy ý thiên hạ.....763
May được giường đồng, ...810
Mày ngài thi giỏi bút sinh hoa.....900
Mặc áo xô về từ ngoài ngàn dặm;924
Mặc sức chi dùng.....1002
Mắng giận khóc cười, ...692
Mắt nhìn sáu ngả, ...702
Mắt tuệ soi qua, ...743
Mấy ai sống được trăm năm, ...927
Mây che lối trúc, ...797
Mấy độ cấp lương cho trở lại, ...930
Mây gấm một vành trăng lấp ló. .709
Mây gấm tiên trời dệt. 705
Mây khoá Vu Sơn người chẳng... 867
Mây khói đầu non u tịch lắm..... 728
Mây lành đến đất phúc..... 779
Mây lành nổi trên gác tía..... 504
Mây lành phủ đất lành. 778
Mây lành vờn gác tía..... 779
Mấy lần dồn sức vầng trăng sáng;979
Mây ngưng gác đẹp phượng vàng841
Mây rực đài cao mộng lan diệp... 839
Mây tía che ngày nắng..... 688
Mây từ u ám trùm quê ngoại..... 810
Mây trùm Dương xuân anh vũ bay.822
Mẹ nước ngàn xưa trông như còn960
Miếu đường ngày tháng bao thay 934
Miếu mạo nguy nga, ... 946
Mình ngồi sách vở quen làm bạn. 758
Mình thợ tìm tòi, ... 708
Mọi sách đọc qua, ... 774
Mong mẹ hiền ngàn năm vẫn trẻ 852
Mong tình yêu vĩnh hằng, ... 859
Mộc mạc dễ ưa nhà cửa mới..... 754
Mộng bút con theo thêm một bạn848
Mộng chẳng tỉnh rồi, ... 875
Mộng đẹp khó tìm, ... 850
Một áng mây mai chào rạng sáng.749
Một bầu nhiệt huyết, ... 884
Một bệnh, hai biểu trần tình, ... 912
Một biển hương mây, ... 761
Một bụng thân nhau, ... 847
Một căn bệnh lâu dài mới mất, .. 910
Một cụm lâu đài thêm tráng lệ;... 963
Một cửa đón mừng ba xuân ấm .. 854
Một chút lòng trung, ... 981
Một chữ "dưỡng" sao trời 929
Một dòng mở trước đền, ... 953
Một điểm công tâm ổn như nước. 700
Một đời chuyên cần lao động..... 796
Một đời làm việc tốt..... 794

Một đời trồng đức tốt. 795
Một đời, một triều ba người đỗ ...962
Một gốc linh xuân tươi tựa gấm...892
Một khoảnh đầm đoài tô gương..966
Một khóc hai nỗi buồn, ...922
Một khúc dương xuân ca gác đẹp840
Một lần thi đã thành danh, ...928
Một lần thi đỗ, có cha anh ấy, ...991
Một lầu trăng gió mềm môi uống.725
Một năm xuân hạ thu đông, ...723
Một nhà hoa tụ tinh thần sáng;...969
Một nhà vui vẻ chúc trường thọ. .833
Một sắc hạnh hoa hương chục ...842
Một sân hoa nở chờ tri kỷ. 758
Một sớm mừng kết bạn ngàn năm854
Một tấc vải một tấc tơ vật nào 707
Một tấm lòng trung treo nhật 987
Một tối gió về đùn tuyết trắng;....934
Một trời xuân ý giục hoa nở; 980
Một vành trăng trong. 771
Mở đạo viên thông tài cao vọi;....984
Mở đất khai hoang, ...968
Mở đông các phải vời người giỏi; 994
Mở song xem nhật nguyệt.....762
Mở tâm bồ đề để hóa thông vạn .955
Mời ông uống cạn một ly rượu....725
Mới tháng tư cầm sắt hài hoà. 824
Mới viện mới phòng mới cảnh 753
Mới vịnh tuyết bay đà tháng một. 790
Muốn biết chuyện trời đất. 762
Muốn biết trên đời may mặc đẹp.706
Muôn dặm cách trở xa, ...966
Muôn dặm sáng quyền uy, ...967
Muôn dặm xuân sơn mưa thấm. 1003
Muốn đem màu sắc mây thiên ...709
Muôn pháp đều nghe danh 1014
Muôn sợi ngàn kim, ...707
Mưa bay trúc biếc rơi hàng lệ;...1005
Mưa dồn ngọc thụ chung trời hận862
Mưa gió buồn thay, ... 800
Mưa hương, mây nhạc, ... 766
Mưa khóc cúc vàng nên có hận. . 803
Mưa nhỏ thấm dần trang giấy viết.770
Mưa nhợt xóm hoa uyên phải ẩn.823
Mưa phép thấm đều, ... 956
Mưa rơi trời rơi lệ; 980
Mưa tối đèn xanh tươi cảnh vật .. 840
Mưa tháng ba giục cây xuân lão.. 868
Mực mài sương nguyệt trong..... 775
Mực say hương hoa động. 762
Mừng có gió mát tới. 774
Mừng chiếm phượng giai nhân .. 901
Mừng đã ba đời còn rượu chúc ... 848
Mừng đã ba thu bày tiệc rượu. 905
Mừng đón khách đông tây nam. . 701
Mừng hướng cầu ngân thư 895
Mừng kết thai châu, ... 990
Mừng nên người lớn được ban.... 848
Mừng phượng múa nhà hoa 907
Mừng sự nghiệp vẻ vang cho..... 729
Mừng tớ văn chương không vẻ tục767
Mừng thấy cả đời không thuốc. .. 719
Mừng thấy hiên song không 756
Mừng thấy hoa quỳnh hoa vừa. .. 890
Mừng thấy mai hồng nở..... 853
Mừng thế giới thái bình, ... 741
Mười năm không đọc sách cha, . 972
Mỹ giúp đỡ đói, ... 724
Mỹ tục thuần phong văn minh ... 983

N

Nam cực cung tên treo cửu nhất. 736
Nam cực mờ chìm đành an nghỉ . 865
Nam nữ định hôn nhân..... 813
Nam thêm trang trọng nữ thời ... 708

Nam trọng nữ nữ trọng 859
Nào ngờ hoa cánh lìa khỏi khóm 863
Năm chục tuổi tiệc 832
Năm dần đổi mới, ...831
Nắm được phong vị quê hương...741
Năm gốc chuộng lề nhà, ...978
Năm gốc giữ lề nhà, ...1007
Năm hết song gà thêm một bạn..792
Năm hết vẻ hoa, ...793
Năm kinh thông thuộc, ...991
Nắm kỹ thuật tinh vi, ...746
Năm mươi tìm về hương nguyện1014
Năm năm phòng, tháng tháng....740
Năm năm tháng tháng, ...715
Năm tới nhất dương, ...791
Năm tháng thuận hoà 820
Năm vị nấu xào hương vạn dặm..724
Nắm xưa anh đi học, ...911
Nắm xương dù nát, ...807
Nắm giữ ngàn tơ, ...706
Nắng gắt tiêu vàng, nhà vàng 826
Năng lực kiên cường, ...968
Nắng soi nhà mới thêm vui mắt..751
Nâng chén mời trăng uống.....725
Nâng tay bút giúp tô mày đẹp.....785
Nấu bữa ăn, món ăn ngon 724
Nấu xưa, nấu nay, ...724
Nét bút vẫn còn trong sử xóm;....980
Nếm canh đỉnh vạc, ...958
Nền phúc bồi đầy xa xưa từ cổ;.1013
Nên trai thịnh phát liền khoa 908
Nếp nhà học có nguồn, ...851
Nếu đeo vào, đều thấy sáng rõ. ..729
Nói nhẹ lời mềm tình ở lại.....805
Nói xưa bàn nay thần trí tiêu tan. 693
Non Hương có vượng khí 1013
Non xuân tạm trổ bút tài cao.....840
Nóng lạnh chở biệt ly, ... 923
Nổi tiếng quán, quán nổi tiếng, . 724
Nỡ bỏ cháu con ở lại, ... 808
Nở hoa lúc mài mực. 761
Núi đẹp ngồi thiền lòng rửa sạch. 756
Núi Nam năm trước nương thân . 999
Núi quanh nước cuộn..... 780
Núi sách tìm ngọc. 771
Núi sông rạp đổ, ... 886
Núi sông tươi đẹp uốn quanh, ... 960
Nuôi con đều thành đạt, ... 913
Nửa con (con rể) 809
Nửa đêm lan thơm toả mộng đẹp.784
Nửa thế kỷ xuân thêm nhà biển.. 833
Nước biếc non xanh dài đưa..... 867
Nước biếc nhẹ bay câu lá đỏ. 904
Nước cũ non sông, ... 974
Nước chảy nắng chiều 802
Nước chảy non xanh còn mãi, ... 806
Nước chẩy mây trôi đàm lá quý .. 874
Nước mắt muốn thành băng, .. 1002
Nước non rộng rãi đáng than thay881
Nước non vây bọc phong quang. 753
Nước như ngọc bích, ... 754
Nước như ngọc bích, núi như vẽ. 726
Nước tám công rửa sạch bụi trần, 955
Nước tăng giàu có quán tăng 699
Ngải ba năm lo trữ..... 718
Ngai chúa ngự trung khu, ... 964
Ngài toàn tâm mở ra trăm phúc; 982
Ngàn ánh trăng ôm cửa sổ cao... 774
Ngàn dặm nhân duyên 815
Ngàn dặm viếng ông duy có lệ. .. 799
Ngàn năm nghiệp lớn ngàn năm. 714
Ngàn năm trải, đúng và sai, ... 953
Ngàn nhà bảo hiểm ngàn nhà.... 683
Ngàn quán văn chương đua sắc.. 767
Ngan vạn sao trong lòng bắc đẩu.714

Ngày ấm uyên ương xuôi nước....823
Ngày ấy cúc vàng đang đẹp vẻ....784
Ngày ấy nhà huyên nên bảy chục.834
Ngày ấy rượu cẩn thơm mùi cúc..785
Ngày ấy thù du tranh xán lạn.....783
Ngày đông song gà mừng kết bạn.792
Ngày mải lầu cao thơ tranh biện; 944
Ngày nay đội mũ theo hôn lễ.....905
Ngày sáng sủa mừng được hòa ...791
Ngày tốt dọn nhà muôn việc đẹp .770
Ngày tốt lành dọn nhà.....746
Ngày tốt, giờ tốt, tốt đôi 854
Ngày trước Sông Luộc, ...997
Ngày xưa thong thả, ...788
Ngắm trước cửa núi xanh như vẽ.753
Ngăn biểu thành đồng, ...968
Ngâm khúc Quyền A 965
Ngâm lên mới biết hoa đồng nói.765
Ngâm liễu biếc khúc phượng đón.823
Ngâm tuyết đẹp nhà phô vẻ ngọc.816
Nghe hát chơi đàn, tuần ngày 690
Nghi vệ tiên trang bên bờ liễu;....966
Nghĩa lớn nên làm, ...1003
Nghĩa lớn đã đương làm, ...938
Nghiệm điện não quang 744
Nghiêm như nghĩ, cháu hiền thì .941
Nghiền ngẫm đường sinh lợi.....696
Nghiêng bầu đãi khách sau hoa. .756
Nghìn năm mực thước ghi bia đá;970
Ngó thấy ngòi khô, ngắm yến bay.769
Ngoài hiên mai hồng đua nở.....854
Ngoài hồng trong trắng, ...744
Ngọc dịch chén đào mây hiện.....890
Ngọc mai rạng chiếu thanh loan. 789
Ngọc rải lam điền hùng vào mộng.785
Ngọc rắc lam điền vui 782
Ngọc vụn ngưng thành 686
Ngọt đắng sẻ chia, tình sao cực ..864
Ngô đồng gặp xuân dẫn đôi 793
Ngũ phúc chính ngay khai cõi ... 736
Nguồn thiền tỏa rộng để 956
Nguyện đem trung nghĩa 947
Người có cha anh hiền thì vui..... 923
Người đẹp dưới trăng vui với 842
Người đời rét mướt đầu mình 709
Người gần thì vui, ... 949
Người khỏe cùng nhờ ăn ít thịt.. 727
Người lớn đỉnh non 809
Người mất đi thiên hạ đều tiếc.... 952
Người nay khúc soạn vì người xưa.690
Người nằm trên ngọn tùng trăm . 769
Người nổi tiếng mất rồi, ... 919
Người ngọc tìm trong sách mà . . 817
Người ta ra đời ai 1012
Người tài do cố gắng mà thành, 924
Người trong ấp mười nhà đều ... 910
Người trong hương đảng luận .. 1000
Nhà ba sao chiếu, ... 813
Nhà bắc hoa huyên tươi vẻ gấm . 852
Nhà bắc hoa huyên vinh chín 889
Nhà biển cỏ huyên còn rực rỡ.... 893
Nhà biển thêm dài, ... 895
Nhà có chứa sách hương mực bay759
Nhà cỏ làm tang cha, ... 924
Nhà có ngựa hay, ... 990
Nhà đẹp mây trùm non nước 770
Nhà đẹp mừng hai sao tụ hội..... 841
Nhà đẹp sáu thân đều góp sức. .. 754
Nhà đọng hơi lành mây giữn 752
Nhà hoa lụa tết xem loan múa ... 844
Nhà hoa mừng ngắm non sông . 751
Nhà hoa ngày ấm phượng sớm . 907
Nhà hoa rượu rót thơm hương . . 890
Nhà hoa vừa vịnh thơ Thư Lân.. 906
Nhà kề bên nước biếc non xanh. 751
Nhà lan hương sách nên bạn tốt. 786

Nhà mới xây xong tăng vẻ đẹp. ..748
Nhà ngọc ngời sắc sớm. 748
Nhà nhã cần gì lớn.....775
Nhà nhỏ vũ trụ to. 778
Nhà phủ mây lành yến đến mừng850
Nhà phủ mây xuân đàn sách. 765
Nhà rạng hoa huyên vinh thọ hạc.894
Nhà rạng tuổi cao lên thượng thọ851
Nhà thầy cuối đời nhàn đọc Dịch;994
Nhà vàng màn mở vui nhờ sẻ. 900
Nhà vàng mặc đẹp đêm hương . .906
Nhà vàng nhân gian thơ hay đối. 828
Nhà vắng bụi trần vần điệu nhã. .759
Nhà xây chỗ trời mây quang đãng.751
Nhà xuân mở tiệc thêm tuổi hạc. 890
Nhà, tứ thế văn chương nổi tiếng, 950
Nhạc phụ đỉnh non ôi đã khuất...866
Nhạc phủ đúng xưa nay. 691
Nhạc tấu hàm chung hòa phượng826
Nhạc tấu hoàng chung vui phượng824
Nhạc tấu vân ngao, ...846
Nhàn mang thiếp cũ bên ao viết. 768
Nhạn thế sương sa đau gẫy cánh. 863
Nhàn thu lá rụng, chép thơ 766
Nhạt nồng tuỳ người chọn.....712
Nhật chiếu nguyệt soi 952
Nho thường tôn Dịch, ...991
Nhớ đức thân công, ...1001
Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi, ...882
Nhớ người tháng tận tình không 807
Nhuỵ quế hương tràn vườn nghệ. 898
Như hoa mai đẹp trội. 829
Như phượng múa kéo vàng khéo.707
Những mong chiến mã về Nam, 878
Những muốn thế gian người.....719

O

Oang oang cười nói, ... 770
Oanh gọi lứa đôi nơi Đông Thổ;. 970
Oanh hang vàng rời sớm. 747
Oanh qua cửa lớp còn lưu tiếng.. 750
Oanh xuân chuyển giọng học. ... 772
Ôi lạ thay! Mới đó mà 928
Ôi sao mà lạ thế! 927
Ôi Tam huynh! Nay theo 928
Ôi! Cư tang mẹ vừa xong 925
Ông đã chín mươi, ... 926
Ông hiệu Hy Hồng, đẹp vô cùng, 911
Ông thật lạ thay, ... 918
Ông vốn phong cách xưa, ... 916
Ở lấy yên, nước non tươi đẹp..... 747
Ở trong nước, không được 919
Ơn ban trời đất sinh vật thịnh; ... 979
Ơn rộng mênh mang trải dài sông982
Ơn sâu chưa báo làm con thẹn;.. 875
Ơn sâu chưa báo thẹn làm con... 807
Ơn thánh chứa sâu, ... 943

P

Phải thời đại họa chưa từng khổ. 683
Phạm tộc chuyển cư, ... 971
Pháp giới sáng ngời, ... 962
Phấn bướm mê hương mơ 713
Phấn điểm son tô làn da tươi mát.713
Phấn hương bướm mờ trắng. 712
Phật pháp vì nhau, ... 944
Phe phẩy nửa vành trăng. 687
Phép nhà do gia giáo lễ 983
Phò chúa động Hoa Lư gây dựng 964
Phò Lê công lớn vang sông núi; . 962
Phòng vắng giường riêng 722
Phù dung mới nở khinh hoa chúc.822
Phù dung trong trướng thơm 907
Phú Lạc từ đường nay mở rộng; . 950
Phú nên gia thất gió xuân sớm... 843

Phú Quan thư tựa gấm hồi văn. ..815
Phù sinh có tiếc gì, ...884
Phúc dày vui lớn lại sinh, ...917
Phúc giáng chẳng riêng ai, ...983
Phúc quả vẹn tròn cây giai cảnh;1013
Phục quốc chiến công xưa, ...995
Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh;969
Phúc tội vốn do tâm, ...945
Phúc tựa biển đông, ...830
Phục vụ nhân dân cung ứng lắm. 700
Phượng hoàng đang bay 814
Phượng hoàng kêu đời thịnh 853
Phượng loan cùng hót vui cầm sắt.907
Phượng vàng bay rực rỡ, ...889

Q

Quan chức như thời Chu, ...914
Quán tốt nghìn nhà khen.....725
Quanh nhà mây phủ đều tươi vẻ. 722
Quân tử thanh đạm, ...687
Quân tử trọn đời lòng tỏ trắng....886
Quân thần luận một thiên, ...951
Quét đất còn hương, ...992
Quét giường tung bụi, ...804
Quế đỏ hương bay vào gác đẹp...782
Quê nhà cách trở mây ngàn dặm.814
Quế vàng rực rỡ già thêm mạnh..834
Quốc thái dân an ngợi ca chính ..987
Quý khách thấy lòng xuân mọi. ..757
Quy luật tránh đâu, ...801
Quý trọng đồng môn, ...948

R

Ra vào cửa công đều là quân tử 1012
Ráng mây chia năm sắc.....705
Rạng rỡ thay phò tá 936
Rèm đẹp đã truyền tin mai sớm. .787
Rèm nặng giữ hương nên 767
Rèm thêu hương đậm 819
Rõ khéo bàn tay gây sóng lượn. . 716
Rộng thông tiền của, ... 742
Rộng thông trên dưới..... 774
Ruộng, sách, đậu, thóc đều vị tốt;991
Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng... 781
Rực rỡ năm màu nhà liền tứ đại.. 837
Rực rỡ nhà vàng đầy năm vẻ..... 850
Rừng hạnh nở hoa tươi khí huyết.720
Rừng sách đi dạo..... 773
Rượu cẩn lưu hương thơm rượu.. 783
Rượu cẩn má hồng mừng tháng . 791
Rượu cúc xông hương tràn cửu... 737
Rượu mời ngày ấm, chén anh vũ.826
Rượu mua khách đến làm say gió.726
Rượu mực cầu ngân say viết chữ. 818
Rượu ngon đầy chén say lòng ... 753
Rượu ngon một hũ, hương say. .. 726
Rượu ngon trước mặt, trăng ngời 726
Rượu ngon uống ít vài chén, ... 739
Rượu ngọt bày ra mừng bảy chục.837
Rượu nho cùng rượu cẩn thơm... 826
Rượu nho thơm giúp hương 826
Rượu xuân hương nổi, ... 891

S

Sách bền khí vàng đá..... 772
Sách đàn nhiều ý cổ. 773
Sách đến tột vời thường hiểu khó.763
Sách hay đầy giá không khi rỗi... 755
Sách lạ mới hay, ... 760
Sách mang cổ đến ngoài song ... 825
Sạch sẽ thoải mái, ... 741
Sách từ lá chuối văn còn biếc;.... 993
Sách xưa đọc kỹ còn nhiều vị..... 760
Sáng láng chín tầng trăng cũng . 689
Sáng mắt thi thư hoạ. 773
Sáng ngâm, chiều vịnh, ... 992
Sáng sớm cưỡi mây, ... 703
Sáng tựa gương trong lòng thẳng 757

Sao hôm sắp mọc, nên tìm trọ. ..722
Sáo ngọc véo von chào khách . ..789
Sao tốt chiếu cao.....780
Sao tốt vui ở điếm.....697
Sao vụ đêm thu ngời vẻ sáng.....838
Sao Vụ mây mờ trang các lạnh...861
Sao vụ sáng ngời đẹp vẻ thu.....837
Sao vụ sáng ngời soi nước biếc. ..892
Sao vụ sông ngân sáng bảy chục.836
Sạp hàng đầy xuân năm màu 702
Sáu cạnh kết liên, đôi ngọc hợp..789
Sáu chục tuổi, tôi hưu quan đấy;1006
Sáu mươi thọ, nhìn sao xem.....733
Sáu năm ngự ngai vàng 960
Sắc biếc hoà vân lồng đêm nguyệt867
Sắc cỏ bên song vào chiếu đọc...758
Sắc cỏ sân xuân lần khỏi ấm. 765
Sắc liễu tươi mày soi kính đẹp. ...823
Sắc màu trên giấy cảnh đầy xuân.770
Sắc tụ Long Vân, tam bảo 962
Sắc xuân sáu ngàn năm chỉ 976
Sấm sét một tiếng vang, ...876
Sân thi lễ lời ca yểu điệu.....841
Sân trước khí lành hoa gấm dệt. .756
Sầu buộc bờ rừng trúc 863
Sen biếc trên ao thêm hứng bút. .824
Sen nhuỵ toả hương, ...836
Siêng năng con cháu, ...683
Sinh để trừ nạn cho nước.....937
Soi gương chải tóc mong làm. 710
Soi sáng bốn phương xem, ...964
Song đầy trăng vạn dặm. 776
Sóng mực chừng theo ấm sóng...849
Song thưa trăng lạnh, sân hiu 988
Sống chẳng sống thừa, ...997
Sông Độc một trận giao phong, 1005
Sông Đức trong dòng, ...981
Sống mũi nếu treo vầng nhật 743
Sông núi thanh cao xuân mãi 970
Sông nước nhuần hòa, ...960
Sông ngòi lai láng xương ai giữ... 805
Sống như ta không ích cho đời, . 881
Sống quả có điểm cùng thay, ... 911
Sông suối bóng trăng, ... 962
Sống với giặc chẳng chung 998
Sơ phục bạn song gà, ... 790
Sơ phục gặp duyên ngâm bạch . 789
Sớm hay thiên hạ vô song sỹ. 901
Sớm hoa ngày ấm loan xanh 821
Sớm tối dốc hết lòng, ... 967
Sơn hào hải vị, món ăn tuyệt..... 741
Suốt ba thu tiếng gà dục dậy..... 785
Sự nghiệp đã ghi trong sử sách... 796
Sự nghiệp kỳ, hoàng..... 744
Sự nghiệp nhà xưa còn ghi 975
Sự nghiệp tuỳ lòng đấy đà 734
Sương đọng ngọc lan, ngưng gác 784
Sương trúc gió tùng mưa tàu 768

T

Ta lấy lúc nhàn thăm bệnh tật.... 695
Tạc đá dựng đài hương, ... 953
Tài cao phú Anh vũ..... 853
Tài chí cao hơn đời;..... 983
Tại Gia Định như cánh hồng.... 1009
Tài giỏi xứng bác sĩ..... 744
Tài hùng nhả phượng thành bác. 907
Tài khó được, cũng khó hay, ... 965
Tài năng tướng giỏi 1009
Tài năng tướng giỏi, ... 977
Tài nguyên như biển..... 745
Tam Linh vạn thuở..... 960
Tam dương trời chiếu nhà yên ... 749
Tám chục chưa già xuân vẫn..... 835
Tám chục tiệc hoa mừng múa ... 838
Tám chục vui đời thịnh..... 829
Tám đời khoa bảng, ... 919
Tám năm hai lần góa, ... 926
Tám nghìn năm làm xuân..... 735

Tám phương khách muốn trọ.....721
Tám tiên trong hoạ tăng Nam 736
Tám tuổi giai nhân mừng giải 903
Tang mẹ đường xa, ...998
Tạo nước thiếu niên 878
Tay kim giỏi khâu hay may đẹp. .708
Tâm địa quang minh tăng tuổi ...830
Tâm sự giữa trời xanh ngày rộng, 909
Tâm tuỳ đã nối Ni Sơn mạch;.....734
Tâm tức Phật, cứu người 956
Tấm lòng của tiên sinh 909
Tây bán đông mua, ...700
Tây thiên cầm tích, ...957
Tây Thiên cầm tích, ...978
Tên đề đầu bảng khoa thi Đình...919
Tên nêu gác phượng, thơm còn..903
Tên nêu hổ ngọc khó anh khó....896
Tên nổi vinh quang, ...1012
Tên ông bất hủ, ...1002
Thà lấy ngàn vàng gửi bảo hiểm. 684
Thái hậu thương người 955
Thái nhạc (bố vợ) 809
Than ôi! Ông Phong thuở 910
Than ôi! Tài danh tuyệt thế, ...958
Than ôi, châu xưa 910
Than ôi, trong khoảng mười năm, 932
Tháng chạp thung mai xuân đến 792
Thang mây những muốn vin đan 906
Tháng tám tiệc thọ, ...888
Thanh danh vang khắp triều 974
Thành đạt tạo dáng đi, ...898
Thanh điểu truyền tin, ...872
Thánh đức chở che, ...946
Thánh đức mênh mang, ...1006
Thánh đức thần công, ...987
Thanh sử lưu hương, ...941
Thanh tân ý vị khí thi thư.....786
Thánh thót tàu tiêu tỉnh mộng ...764
Thánh vực luyện rèn, ... 942
Thánh vương công phủ trời Nam 941
Thăm hoa may gặp thời sơ hạ.... 825
Thăng Long quê cũ tam huynh... 969
Thắng tích lưu ngàn đời, ... 956
Thăng tiến mừng, trời cùng mừng.755
Thấm hương nhuận Lục kinh..... 743
Thấm thủy mới khai vùng 939
Thần đến với ta, ... 939
Thân phận chú chưa yên, ... 917
Thân tựa lan thơm không trở lại. 805
Thần thái bút văn mây với núi.... 765
Thất phẩm quân công, ... 920
Thấy anh đi, chẳng thấy anh về, 879
Theo cảnh phòng tai, ... 684
Theo giờ mà chuyển..... 713
Theo tiên tổ chống Pháp, ... 996
Thế gian vốn thiếu thuật trường . 719
Thềm đá phong quang tương lan .891
Thêu cắt rồng mây, ... 708
Thi thư ngàn thuở việc kinh luân. 768
Thiên hà dẫn nước cho cung phấn849
Thiền phòng lạnh vắng 873
Thiên tử quí theo gồm đức tốt;... 737
Thịnh đức vẫn còn truyền hậu thế.799
Thọ chúc tám mươi khăn rực rỡ. 837
Thọ đức đều hay tám trật 736
Thọ hết đức ở lại..... 795
Thọ lâu cùng núi bọc..... 829
Thoải mái trước bụi trần, ... 993
Thổi tiêu hay dẫn phượng..... 812
Thôn ấp cạnh núi Mộc Hoàn 921
Thôn ông làm tang hiền thê 920
Thông kinh bút tả non xuân đẹp. 902
Thông kinh vui thử bút vẽ mày... 902
Thông minh, ta là con nhà họ.... 978
Thống nhất sơn hà, ... 937
Thông suốt năm kinh, ... 738
Thông suốt năm kinh, ... 927

Thông tin tức tám phương.....696
Thơ hoa mai dưới nguyệt.....771
Thơ văn vẫn sẵn lời tao nhã.....769
Thơ viết liền câu ngôn ngữ đẹp...818
Thơ vịnh bãi sông cưu đến họp...858
Thờ vua giương cao khí tiết, ...995
Thời thịnh mở viễn cảnh.....697
Thời trang hãy để tôi tinh chế.....709
Thu muộn hoa vàng tươi xán lạn.785
Thu muộn mừng làm khách cung782
Thu muộn mừng làm khách vin...828
Thu sách vở tinh hoa, để lại đời..731
Thù Tây không đội trời chung, ..971
Thú trường sinh điệu cổ song đàn.767
Thuận nước, thuận nhà, ...857
Thuận nhẽ mới hay, ...718
Thung dung cắt thuốc.....694
Thuốc hay, trăm bạc, ...695
Thuốc mẹ khôn tìm trên cõi thế..808
Thử đến cung thiềm tay bẻ quế...900
Thư hoạ nhã mà vui.....773
Thư hoạ tăng thọ.....772
Thư hoạ thi ca mừng đại trị.....690
Thực hào kiệt, thực anh hùng, ...986
Thức ngon thiếu thịt - được. 727
Thước đo khéo léo.....706
Thương thay! Vượt cổ tài danh, .977
Tía trắng hồng vàng đều đẹp mắt.705
Tích đức góp nhân, ...990
Tích góp hàng ngày hay tụ quý. .731
Tích tắc giục người nên sớm tỉnh.728
Tiệc chàng tân hôn, ra anh, ra ...794
Tiệc mở quỳnh dao mừng tuổi thọ.894
Tiếc thay, Phương Đình 921
Tiền do lao động mà ra, ...714
Tiện lợi muôn nhà. 745
Tiền như ngày đẹp cười mây bay.698
Tiên tổ dựng nền nhân 970
Tiên tổ giúp dân nghĩa tình đầy ..986
Tiếng nhờ dòng dõi, ... 995
Tiếng sách có tiếng đàn làm bạn 855
Tiếng tăm lừng lẫy, ... 746
Tiếng tiêu thủ thỉ canh ba vận.... 821
Tiếng tốt được tôn vinh, ... 927
Tiếng thơm một buổi lừng thiên . 999
Tiếng thơm ngày ấy nêu thiên ... 903
Tiếng thơm truyền mãi mãi Nam1011
Tiếng thước trong sân trình ngọc 843
Tiếp đón lữ khách tám phương... 721
Tiết đoan ngọ con trai dựng vợ .. 848
Tiêu thổi đêm trăng tiếng vô song.906
Tiêu thổi trên đài mai đổi vẻ. 789
Tìm khí như tìm bệnh. 694
Tìm tìm kiếm kiếm, ... 988
Tìm văn khoa ở Vọng ấp, ... 963
Tín dụng vô tư vì kiến thiết. 731
Tính đã ba đời cháu lấy vợ.....,. 905
Tình nghiệp trùng tu công với . 1012
Tình thông tin tức năm châu, ... 701
Tình thơ ý hoạ đầy người tốt..... 758
Tình thơ ý hoạ..... 772
Tình xảo giống nhau, ... 704
Tóc bạc da mồi, ... 831
Tóc mai gọn ghẽ trông càng đẹp.716
Tổ kiến vỡ đê, ... 685
Tổ ta tích lũy vài trăm năm 909
Tộc tính quý ở chỗ tôn sùng, ... 987
Tổng duyệt sách mới cũ, ... 742
Tốt bụng chẳng mong ai đấy lão. 717
Trà cũng say người, đâu cứ rượu. 727
Trai cưới gái gả..... 860
Tràn ngập khắp ở trên, ... 944
Trang danh tướng, bậc lương . 1010
Tráng niên khổ nỗi hoàng tuyền. 866
Trăm họ thảy đồng bào, ... 964
Trăm hỏi chẳng phiền, ... 702
Trăm năm ân ái, hai lòng buộc... 858
Trăm năm duyên hài hoà phượng.823

Trăm năm kết mối duyên hài đẹp.907
Trăm năm khuôn phép 921
Trăm năm vui cầm sắt.....812
Trăm năm vui việc 856
Trăm tuổi duyên lành hoà tháng. 788
Trăm thước lụa tơ vui uỷ thác.....841
Trăm thước treo cao tựa ánh 689
Trăng bước, dẫm mây - đi.....711
Trăng gió có tình nên vốn biết....764
Trăng hoa vẻ mới nên tìm liễu. ...821
Trăng khe thấp thoáng hoa sườn.757
Trăng sáng chẳng tròn lâu, ...801
Trăng sáng chiếu sàn diễn.....691
Trăng sáng đem ra tặng.....687
Trăng sáng một vành đầy.....779
Trăng sáng rèm châu vui hợp 843
Trăng soi đỉnh núi mơ đạo cũ.....869
Trăng soi hoa sớm, rực rỡ đuốc. .822
Trăng soi xuân thụ mờ không.....868
Trăng treo vẻ đẹp ngời sông núi. 764
Trăng tròn hoa đẹp.....860
Trâm hoa cập đệ mũ tư mã.....792
Trâm hốt đồn một nhà, ...913
Trần gian chưa thoả chí thanh ...799
Trẻ chết, già còn, ...847
Trẻ là con quê hương, ...886
Treo kiếm thuận theo tình, ...869
Trên biển côn bằng ba vạn.....732
Trên biển vàng, hương xuân sỹ ..895
Trên cành hoa gấm phượng.....832
Trên đá trăng soi lưu dấu tích 874
Trên nhà hoa huyên tươi vẻ gấm.893
Trên tòa nguy nga ngôi diệu ;.....961
Trí cao minh sánh với trời, ...939
Trị quốc tể gia, ...993
Triều chính huân danh, ...1006
Triều thánh rồng mây duyên 999
Trinh tiết đấn đo mừng hoàng 871
Tro bay sáo đỏ thanh hoà.....788
Trò ưu tú mới, ... 909
Trói bắt ôn hoàng tiêu ngũ khí; .. 940
Trọn đời dành lệ khóc người 808
Trọn đời xót, tình sâu cha mẹ. ... 799
Trong bảng, đỗ cùng khoa, ... 913
Trong bụng chỉ ngất ngây về 727
Trong câu hảo hợp còn hảo hữu. 785
Trong cười khóc giả, ... 692
Trong giáp hội tiêu dao ngâm ... 912
Trong hội giao lưu hoa tựa gấm.. 700
Trong lòng nhiều mưu chước. 729
Trong mây loan múa phẩn thập . 873
Trong mưa trúc biếc như rơi lệ; .. 988
Trong nhà sớm ủ rượu ngàn năm.836
Trong phòng nên sẵn nhạc đồng.756
Trong quán đều sắc xuân 715
Trong quán khách mắt xanh ... 1005
Trong quán, người đến từ 740
Trong tay phô kỹ xảo 715
Trong tường vàng, ... 957
Trọng vì nghĩa ra tay, ... 997
Trong vườn mai nhuỵ phô 791
Trông lại miếu đình, ... 959
Trồng cây đức dẫu ba đào 1013
Trống đồng lăng, ... 989
Trời chẳng cho thong dong, ... 1005
Trời chẳng lưu kẻ cũ. 801
Trời cho tuổi thọ, xuân huyên.... 832
Trời đã xế chiều xin giữ khách.... 722
Trời đẹp nhà cao đan quế nở. 752
Trời định giai kỳ, ... 828
Trời hồng rải sáng trên đất tốt. .. 748
Trời không lưu một cụ. 802
Trời làm hại ta chăng? 884
Trời nam se duyên đẹp 813
Trời nếu có tình, ... 801
Trời nghiêng đất ngả đến nay, .. 883
Trời sáng ánh dương vào cửa lớn.752
Trời tuyết lạnh hàng ngàn ngọc . 688

Trù bút lòng tôi, ...998
Trụ đá trong hồ ban mưu phép; 1008
Trúc dày nơi khách lưu. 776
Trùng dương xây chỗ mới. 748
Trung hiếu cả hai, ...943
Trung hiếu do truyền thống từ ..876
Trung hiếu là của báu trăm năm;..984
Trung hiếu một nhà, ...985
Trung hưng lẫm liệt lưu Nam sử: .940
Trung nghĩa giúp vua, ... .947
Trung nghĩa vốn đạo nhà, ...973
Trừ hỏa tinh xa, vâng thánh ý:...1008
Trưa nằm nghe trẻ..... 759
Trước cổng cầu ngân câu lá đỏ ..904
Trước cửa san hô trời đất lớn.....845
Trước hoa giải nghĩa lo dâng. 902
Trước hướng động phòng 817
Trước mặt đến nay không một ...866
Trước nhà cỏ đẹp kết nên trai.....899
Trước nhà tấu sáo đón tân khách 856
Trước Phật cung chúc ba 947
Trước rèm vịnh tuyết sánh người. 790
Trước sân ánh trăng trong hồ 751
Trước sân thi lễ lời xưa dạy.....815
Trước song ánh trăng lặng. 777
Trướng ấm gió xuân tiếng oanh. .824
Trướng huệ giảm hồng lưu đức ...989
Tú khí trời Nam tài ai sánh? 941
Tục nhân ấm trời xuân. 747
Tùng reo, tuyết chảy, tỉnh hồn....728
Tùng xanh tăng thọ, ...831
Tuổi cao mừng ngắm hoa ngàn ..830
Tuổi hiếm xưa nay rượu 837
Tuổi lão qua rồi, ...1012
Tuổi ngoại bảy tuần khen cụ 837
Tuổi thọ thêm cao 735
Tuổi thọ vượt niên kỳ 738
Tuổi thọ, phương hay, ...739
Tuổi trẻ văn phong giàu hạo khí. 767
Tuổi tròn hoa giáp thơm danh .. 851
Tuỳ lại, tuỳ chén, như nước chảy.723
Tuy rằng thành bại tại trời, ... 887
Tuyết án hân hoan hồng đậu án. 790
Tuyết ánh gương soi ngời vẻ..... 789
Tuyết đẹp Hà châu ngâm thơ 819
Tuyết lớn ánh rèm soi án tuyết... 790
Tuyết mới đón xuân về dưới mái. 754
Tuyết phủ màn uyên thêm Bác . 791
Tuyết soi người ngọc bạn tốt lại.. 793
Tự cổ chẳng tiên tri, ... 685
Từ dắt tay dời Đông, ... 883
Tứ đại mừng yến xuân đài. 735
Tứ đức vẹn toàn lên chín chục.... 889
Từ Hiếu nổi danh thơm, ... 952
Từ huệ vẫn còn lưu cửa miệng.... 798
Tư mã ba lần vinh mạnh nước.... 901
Từ trước anh hùng, ... 888
Từ trước văn chương khoa 868
Tựa cửa người đi tam canh 869
Tựa lan ngâm trăng tối..... 777
Từng dự minh kinh khi để chỏm. 903
Từng ở nơi, núi lam chướng..... 1004
Tước Quận công nối tiếp gia 949
Tươi hoa lượn sóng,..... 717
Tướng giỏi thì binh hùng, ... 924
Tường hồng Ngân Hán đường ... 865
Tương thân, tương ái, ... 856
Tưởng thấy âm dung mà ứa lệ.... 797

U

Ủ được nồi men tươi tỉnh mặt. ... 758
Ung dung khép mở mây lành phủ.688
Uốn tóc gội đầu thay vẻ cũ. 717
Uyển bắc hoa bay màn trướng ... 872
Uyên ương liền cánh..... 852
Uyên ương múa cặp thu 908
Uyên ương múa đôi..... 860

V

Vách đá dây leo truyền ý chữ.....766
Vai sắt gánh đạo nghĩa.....860
Vạn cổ cương thường 984
Vạn cổ linh thiêng gìn giữ 985
Vạn dặm mây trời tranh sát cánh 855
Vạn quyển thi thư như bạn tốt. ...766
Vàng ngọc y trang. 847
Vàng phai xanh nhạt đều khoe. ..709
Vào cửa đều là khách. 721
Vào hàng thọ nhất làng ta, ...932
Vào nhà hàng, người người xứng .702
Vạt áo nửa phần sương khói 764
Văn chương có mệnh liền sau.....977
Văn chương chưa hẳn đã xa xôi. 1000
Văn chương đức nghiệp có thừa.1001
Văn chương ghi chép, ...730
Văn chương phong phú 706
Văn chương sự nghiệp vang 950
Văn ghi trên lá xanh còn được...765
Văn không non nước đâu khí lạ: .922
Văn tài nổi tiếng hay dài mộng. ..766
Vắng lặng quỳnh tiêu tam thiên ..870
Vắng lặng song thân không còn .862
Vắng người nương cửa 807
Vân bách mẫu sao vội qui tiên, ..933
Vần đối khéo tìm mang quốc tuý.768
Vân mê cổ động về đan thất.....732
Vận nước đang lên, ...685
Vật liệu gia công tuỳ thời cắt đặt. 710
Vẻ đẹp điểm lành, ...794
Vẻ đẹp lời hòa gấm Hà châu. 818
Vẻ đẹp như tranh vẫn cần 713
Vẻ nghiêm muốn thấy tìm đâu....780
Vẻ ngọc mai phô hàm ý hiếu.....804
Vẻ nhân hậu nói chân con lân; ...945
Vẽ mày chẳng phải cạn phong. ..793
Vẽ mày thấy chuộng phẩm 814
Vẹn tròn yêu nước yêu dân, ...1001
Vì chuộng hương thanh hay 728
Vì khách hàng bốn phương..... 696
Vì nước sớm quên thân. 806
Vị ngọn ngọt khách ngoài 723
Vị ngọt hơn quỳnh tương 739
Vị nhân dân phục vụ..... 696
Việc công là trọng, ... 930
Việc cho người tiện người khen .. 698
Việc đời muốn biết xem sân khấu.692
Việc làm thì trung chính. 912
Việc sinh tử ngẫu nhiên thay, ... 915
Viện thẩm rụng hoa đăng. 874
Vong hồn bạn cũng tự hào. 911
Vòng trời đi khoẻ, ... 830
Vỗ án ghê thay dẫn hồn phách. . 693
Vốn dòng dõi vua, là sư, ... 954
Vốn là khách vin quế. 812
Vợ hiền tạm chia tay quân tử 923
Với đời, ông há lãng quên! 933
Với hoa sớm như vừa tác hợp. ... 822
Với khách lễ phép. 745
Vụ tinh bỗng rụng, trời u ám..... 809
Vụ tinh tây rụng ơn còn để. 780
Vua bảo không phải khuất phục. 915
Vua có đức trọng người tài, ... 914
Vua cho con làm bề tôi trở về, .. 922
Vua ngự tới hiên, ... 1000
Vua thánh tôi trung, ... 975
Vua thương nỗi riêng, ... 926
Vui đón khách thiên hạ. 696
Vui hợp cẩn hai lần đuốc sáng ... 842
Vui làm bà mối bận tíu tít; 988
Vui sắc cây tiếng suối 942
Vun đắp mận đào bao tận tuỵ. ... 811
Vực sâu băng mỏng 862
Vững chí khôn dời niềm sắt đá... 873
Vườn nhỏ gió thơ trùm mực biếc.769
Vườn trồng giống cỏ lành..... 747
Vương mẫu dâng chén vàng, ... 895
Vương phụ lo toan làm kẻ cả. 905

Vương tướng kiêm toàn. 940
Vượt mây khí lạ biết tay tài. 816

X

Xa cần bản trong nước lưu giữ. .. 730
Xã hội giao lưu nhờ phép tắc..... 742
Xà không, trăng lạnh. 797
Xa trông Bắc đẩu trên Nam nhạc.763
Xà vàng xán lạn chói vầng nhật. 747
Xây cầu Vân hán mừng Ngưu.... 855
Xây dựng hạnh đàn nguyên..... 935
Xe của bán buôn như nước 914
Xe hạc khôn về. 803
Xe tây tri đã theo Vương mẫu.... 804
Xem bia chùa ngưỡng mộ 978
Xem bia chùa, biết người xưa 956
Xem khắp danh lam. 1008
Xét rõ tơ hào như có dước..... 743
Xin bạn giày lát quên việc đời: ... 973
Xin sớm khen ai đừng tiếc của. .. 684
Xuân ảnh đã theo cùng vân khí.. 861
Xuân ảnh đã theo trăng xế bóng. 868
Xuân đến người vui hoa nở sớm. 808
Xuân khắp nẻo thành, ... 992
Xuân phong được ý. 942
Xuân sắc chiếu dao đài. 825
Xuân sắc mấy ngàn nước mắt. . 1010
Xuân tiếu tuyết rạng ngọc 786
Xuân tươi nhà biển rượu cần đậm.891
Xuân thụ sớm khô đau chưa dứt . 861
Xuân trong đáy mắt..... 777
Xưa nay kẻ vụng về thì nhàn hạ. 917
Xưa nay việc cũ thường trong sử:1013
Xưa nhờ uy linh vua. 921
Xưa tướng công Thuận Khánh .. 948
Xương trắng chưa về ba thước đất.799

Y

Ý bay ngoài sự vật. 761
Ý chí diệt thù. 936
Yêu dân như con. 987
Yêu vẻ, yêu tài. 858

Tổng mục lục

- Bẩy đôi câu đối của các thành viên Hội đồng biên soạn 5
- Lời tựa 15

Phần I : ***Hoành phi*** 39

Phần II: ***Câu đối chữ Nôm*** 79

Phần III: ***Câu đối chữ Hán*** 147

1. Câu đốt Tết 147

2. Phong cảnh 233

3. Học tập; tu dưỡng 493

4. Chúc mừng; thăm viếng 679

- Tản mạn giai thoại về câu đối 1015
- Một số thuật ngữ 1026
- Sách dẫn 1035

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

43 Lò Đúc - Hà Nội

5000 HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM

****

Chịu trách nhiệm xuất bản	BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung	PHẠM NGỌC LUẬT
Biên tập	NGUYỄN TẤT HÓA
Vẽ bìa	LƯU CHÍ CƯƠNG
Sửa bản in	**Biên tập và tác giả**

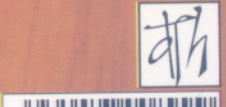
TỔNG PHÁT HÀNH

MIỀN BẮC: **NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY**
62 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội
ĐT Fax: (04) 7733041

MIỀN NAM: **NHÀ SÁCH CỬU ĐỨC**
240 Nguyễn Chí Thanh - P3 - Q5 - TPHCM
ĐT: (08) 8551566

In 1000 cuốn khổ 16x24cm
tại Xưởng in Công ty Khảo sát và xây dựng
Theo giấy phép xuất bản số: 154-2007/CXB/09-16/VHTT
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2008

5000 HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM



8 935077 008999
Giá: 150.000VNĐ
Phát hành: Nhà sách Đông Tây - 62 Nguyễn Chí Thanh - Website: www.nhasachdongtay.com.vn